

TỈNH ỦY
NINH BÌNH

BỘ BIÊN TẬP
TẠP CHÍ CỘNG SẢN

BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG
HỘI NGƯỜI CAO TUỔI VIỆT NAM



GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM
THỰC TRẠNG, XU HƯỚNG
VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH
KỸ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC

NINH BÌNH, THÁNG 4 NĂM 2024

TỈNH ỦY
NINH BÌNH

BỘ BIÊN TẬP
TẠP CHÍ CÔNG SẢN

BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG
HỘI NGƯỜI CAO TUỔI VIỆT NAM

KỶ YẾU

HỘI THẢO KHOA HỌC
GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM - THỰC TRẠNG, XU HƯỚNG
VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH



NINH BÌNH, NGÀY 10 THÁNG 4 NĂM 2023

MỤC LỤC

STT	TÁC GIẢ	THAM LUẬN	TRANG
PHẦN THỨ NHẤT MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÀ HÓA DÂN SỐ			
1	ĐỖ VĂN CHIẾN Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Phát huy vai trò của người cao tuổi trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo động lực góp phần hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước	15
2	HẦU A LÊNH Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc	Phát huy vai trò người cao tuổi là người có uy tín ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	24
3	HÀ THỊ NGÀ Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Kiến nghị chính sách ưu đãi nguồn nhân lực nữ chất lượng cao	32
4	NGUYỄN THANH BÌNH Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương, Phó Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi Việt Nam, Chủ tịch Hội Người cao tuổi Việt Nam	Phát huy hào khí “Diên Hồng”, người cao tuổi Việt Nam tiếp tục cống hiến vì khát vọng dân tộc hùng cường	44
5	THS. NGUYỄN HOÀNG VIỆT Tạp chí Cộng sản	Hành động của Việt Nam về người cao tuổi từ khi tiến hành đổi mới	52
6	TS. ĐOÀN HỮU BẢY Chánh Văn phòng Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam	Việc làm, khởi nghiệp đối với người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số nhanh ở Việt Nam	60
7	GS, TS. PHÙNG HỮU PHÚ Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng lý luận Trung ương	Phát huy vai trò người cao tuổi trong hoạt động khoa học, chủ động thích ứng với già hóa dân số	68

8	GS, TS. NGUYỄN ĐÌNH CỬ Nguyên Viện trưởng Viện Dân số và các vấn đề xã hội, Đại học Kinh tế quốc dân	Xu thế già hóa dân số, đặc điểm người cao tuổi ở Việt Nam và khuyến nghị chính sách	75
9	MATT JACKSON Trưởng Đại diện Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) tại Việt Nam	Thực trạng, cơ hội, thách thức và giải pháp chính sách về già hóa dân số tại Việt Nam	85
10	PGS, TS. VŨ TRỌNG LÂM Giám đốc, Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật	Già hóa dân số ở các quốc gia trên thế giới và Việt Nam - Thực trạng và giải pháp thích ứng	96
11	TS. VŨ THANH MAI Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương	Phát huy vai trò gương mẫu của người cao tuổi trong đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới	108
12	NGỌ DUY HIẾU Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	Chính sách ưu đãi đối với người lao động sau khi nghỉ hưu - Thực trạng và kiến nghị chính sách	115
13	TS. PHAN VĂN HÙNG Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi Việt Nam	Vấn đề già hóa dân số của một số nước trên thế giới và khuyến cáo với Việt Nam	126
14	PGS, TS. TƯỜNG DUY KIÊN Viện trưởng Viện Quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Bảo đảm quyền của người cao tuổi ở Việt Nam trong bối cảnh già hóa dân số	137
15	GS, TS. PHẠM HỒNG TUNG Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học quốc gia Hà Nội	Vai trò của người cao tuổi trong đối thoại văn hóa liên thế hệ: Từ truyền thống đến hiện đại	147
16	GS, TS. HOÀNG BÁ THỊNH Trưởng Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	Một số vấn đề về chiều cạnh giới trong xã hội già hóa dân số	160
17	PGS, TS. ĐẶNG THỊ HOA TS. VŨ QUỲNH CHÂU Viện Tâm lý học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	Chăm sóc người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số - Thực trạng và một số vấn đề đặt ra	170

18	TS. PHẠM NGỌC HÙNG Tập chí Cộng sản	Già hóa dân số toàn cầu - cần được tận dụng thành một động lực phát triển trong tương lai	182
19	THS. TRẦN THỊ THU TRANG Tập chí Cộng sản	Mối quan hệ và sự tác động giữa già hóa dân số và tăng trưởng kinh tế: Một số gợi ý cho Việt Nam	193
20	TS. ĐÀM KHẮC CỬ Trường Đại học Công đoàn	Tác động của già hóa dân số đến đời sống xã hội hiện nay	204
PHẦN THỨ HAI THỰC TRẠNG GIÀ HÓA DÂN SỐ NHANH Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP			
21	LÊ THANH DŨNG Cục trưởng Cục Dân số	Già hóa dân số ở Việt Nam - Thực trạng, xu hướng và khuyến nghị chính sách	217
22	TS. ĐINH THỊ MAI Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền, Ban Tuyên giáo Trung ương	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ, chăm sóc, phát huy vai trò của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số	235
23	TS. TRẦN TUYẾT ÁNH Vụ trưởng Vụ Gia đình, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Vai trò người cao tuổi trong kế thừa truyền thống văn hoá gia đình phát triển văn hoá dân tộc	240
24	TS. TRƯƠNG XUÂN CỪ Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi Việt Nam	Phát huy và trọng dụng trí thức cao tuổi trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước	248
25	TS. PHẠM XUÂN HOÀNG Phó Giám đốc Học viện Dân tộc	Phát huy vai trò của người cao tuổi trong cộng đồng các dân tộc thiểu số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương ở Việt Nam hiện nay	260
26	PGS, TS. TRẦN THỊ MINH THI THS. LỖ VIỆT PHƯƠNG Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	Phát huy vai trò người cao tuổi trong giáo dục hệ giá trị gia đình và giáo dục lối sống cho thế hệ trẻ	269
27	NGUYỄN VĂN CHÍNH Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Phát huy vai trò người cao tuổi, Hội Người cao tuổi Việt Nam	Phát huy vai trò người cao tuổi trong giai đoạn hiện nay	281

28	TS. CHU THÁI THÀNH Nguyên Tổng Biên tập Tạp chí Tài nguyên và Môi trường	Phát huy thế mạnh của người cao tuổi trong giáo dục văn hóa, đạo đức truyền thống tốt đẹp của gia đình	293
29	THS. ĐỖ MINH HÙNG THS. ĐỖ THỊ THỤY VŨ Tạp chí Cộng sản	Về phát huy vai trò của người cao tuổi Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	299
30	TS. BÙI TÔN HIẾN Viện trưởng Viện Khoa học Lao động và Xã hội	Bảo đảm an ninh thu nhập cho người cao tuổi - Cơ sở bền vững để phát huy vai trò của người cao tuổi	307
31	THS. VŨ THÙY LINH Tạp chí Cộng sản	Bảo đảm an sinh xã hội cho người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số hiện nay	320
32	THS. NGUYỄN THỊ THU THANH Tạp chí Cộng sản	Vấn đề già hóa dân số ở Việt Nam: Thách thức và giải pháp	330
33	PGS, TS. LÊ THỊ THANH HÀ Phó Viện trưởng Viện Xã hội học và Phát triển, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Già hóa dân số Việt Nam - Thực trạng, xu hướng và khuyến nghị chính sách	340
34	THS. NGUYỄN XUÂN LẬP Trưởng Ban Chăm sóc người cao tuổi, Hội Người cao tuổi Việt Nam	Bảo vệ người cao tuổi	349
35	TS. PHẠM VIỆT DŨNG Vụ trưởng, Trưởng Ban Kinh tế, Tạp chí Cộng sản	Tạo việc làm cho người cao tuổi - Hướng đi cho vấn đề già hóa dân số ở Việt Nam	360
36	THS. ĐÀO TRỌNG ĐỘ Vụ trưởng Vụ Đào tạo thường xuyên, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Đào tạo nghề, tạo việc làm cho người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số	367
37	THS. NGUYỄN ĐỨC KHA Nguyên Phó Ban Kinh tế, Tạp chí Cộng sản	Tiếp cận chính sách chủ động và linh hoạt để thích ứng với xu thế già hóa dân số nhanh hiện nay	374
38	THS. ĐINH THỊ HƯƠNG GIANG Tạp chí Cộng sản	Nâng cao cơ hội tiếp cận việc làm phù hợp cho người cao tuổi để thích ứng với bối cảnh già hóa dân số	381

GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM - THỰC TRẠNG, XU HƯỚNG VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

39	THS. HÀ ĐỖ QUYÊN Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Nâng cao chất lượng cuộc sống người cao tuổi Việt Nam - Tiếp cận từ góc độ hoạt động giải trí	389
40	THS. PHẠM THỊ HẠNH Tạp chí Cộng sản	Già hóa dân số và vấn đề chăm sóc người cao tuổi ở cộng đồng tại Việt Nam hiện nay	402
41	TS. MAI VIỆT BÁCH Tạp chí Cộng sản	Thực trạng già hóa dân số ở Việt Nam hiện nay - Một số nhiệm vụ và giải pháp	409
42	ĐẠI TÁ ĐỖ PHÚ THỌ Chuyên gia Ban Chỉ đạo 35 Quân ủy Trung ương	Cảnh giác trước những chiêu trò xuyên tạc về chính sách ứng phó với thời kỳ già hóa dân số nhanh của Việt Nam	417
43	NGUYỄN THẾ TOÀN Trưởng Ban Đại diện Hội Người cao tuổi thành phố Hà Nội	Một số kinh nghiệm phát huy vai trò của người cao tuổi trong phát triển kinh tế - xã hội ở Hà Nội	422
44	HỘI NGƯỜI CAO TUỔI TỈNH BẮC GIANG	Đẩy mạnh phong trào bóng chuyền hơi, góp phần rèn luyện thể dục, thể thao ở người cao tuổi tỉnh Bắc Giang	428
45	BÙI TUẤN HẢI Chủ tịch Hội Người cao tuổi tỉnh Hòa Bình	Vai trò, hiệu quả của Quỹ chăm sóc người cao tuổi trong công tác người cao tuổi ở tỉnh Hòa Bình	434
46	HỘI NGƯỜI CAO TUỔI TỈNH THANH HÓA	Kinh nghiệm phát huy vai trò người cao tuổi trong phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Thanh Hóa	439
47	ĐINH NGỌC HÀ Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam, Trưởng ban Đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh Ninh Bình	Chăm lo đời sống tinh thần (văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng) đối với người cao tuổi ở Ninh Bình	449
48	NGUYỄN THỊ KIM THANH Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần quốc tế Nhân ái - Hà Nội	Mô hình xã hội hóa trong xây dựng cơ sở dưỡng lão, góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc người già thích ứng với già hóa dân số nhanh	456
49	NGÔ XUÂN THỊNH Giám đốc Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Quốc tế Việt - Mỹ	Mô hình xã hội hóa trong sản xuất, cung ứng sản phẩm phù hợp, góp phần chăm sóc người cao tuổi	465
50	GIANG GIANG	"Tuổi cao - gương sáng" làm kinh tế giỏi	477

PHẦN THỨ BA VẤN ĐỀ GIÀ HÓA DÂN SỐ VÀ KINH NGHIỆM ỨNG PHÓ CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI			
51	PGS, TS. TRẦN THỌ QUANG Vụ trưởng, Trưởng Cơ quan Thường trực tại miền Trung - Tây Nguyên, Tạp chí Cộng sản TS. TRẦN TĂNG KHÔI Nguyên Trưởng khoa Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị khu vực III	Giá hóa dân số trên thế giới hiện nay - Một số gợi mở, hàm ý chính sách cho Việt Nam	485
52	THS. NGUYỄN THỊ TƯ Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam	Tăng cường hợp tác và học hỏi kinh nghiệm quốc tế ứng phó với xu hướng già hóa dân số	495
53	THS. NGUYỄN THỊ HOA Quyền Vụ trưởng, Tạp chí Cộng sản	Chính sách đối với người cao tuổi của một số nước trên thế giới và hàm ý chính sách đối với Việt Nam	505
54	TRƯƠNG ĐÌNH Học viện Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc TS. TRẦN VĂN KIÊN Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Chính sách xã hội cho người cao tuổi ở Trung Quốc trong bối cảnh già hóa dân số và một số tham chiếu với Việt Nam	512
55	PGS, TS. ĐẶNG THỊ ÁNH TUYẾT Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Phát huy vai trò của cộng đồng trong chăm sóc người cao tuổi: Kinh nghiệm của một số quốc gia và bài học tham chiếu cho Việt Nam	525
56	TRẦN THỊ NGỌC QUYÊN, NGÔ HÀ PHƯƠNG, PHẠM VĂN NHI Viện Nghiên cứu sáng tạo, Trường Đại học Ngoại thương	Chính sách phát triển nền kinh tế bạc tại một số quốc gia châu Á: Bài học cho Việt Nam	533
57	TS. NGUYỄN THU PHƯƠNG Phó trưởng Ban Quốc tế, Tạp chí Cộng sản	“Tuổi già khỏe mạnh và năng động” mô hình chăm sóc người cao tuổi ở Thụy Điển	545

58	TS. NGUYỄN THỊ NHƯ Phó trưởng Ban Chuyên đề và Chuyên san, Tạp chí Cộng sản THS. PHẠM NGỌC SƠN Ban Chuyên đề và Chuyên san, Tạp chí Cộng sản	Giải quyết những thách thức trong già hóa dân số: Kinh nghiệm Singapore và những gợi mở cho Việt Nam	555
59	THS. NGHIÊM THỊ THANH THÚY Tạp chí Cộng sản	Vấn đề già hóa, sụt giảm dân số ở Nhật Bản và hàm ý tham chiếu đối với Việt Nam	566
60	TS. VŨ PHƯƠNG DUNG Tạp chí Cộng sản	Già hóa dân số tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc và một số vấn đề đặt ra	576
61	LƯU XUÂN TIẾN NGUYỄN VĂN HỮU Tạp chí Cộng sản	Phát triển nền kinh tế bạc trên thế giới và một số gợi ý đối với Việt Nam	584
PHẦN THỨ TƯ DỰ BÁO XU HƯỚNG VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH THÍCH ỨNG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ NHANH Ở VIỆT NAM			
62	TS. NGUYỄN THẾ HUỆ Viện trưởng Viện Nghiên cứu người cao tuổi Việt Nam	Nghiên cứu dự báo ứng phó với già hóa dân số ở Việt Nam	593
63	PGS, TS. NGUYỄN CHÍ HIẾU Vụ trưởng, Trưởng Ban Xây dựng Đảng, Tạp chí Cộng sản	Xu hướng đẩy mạnh phát triển “nền kinh tế bạc” ở Trung Quốc, Singapore hiện nay và những gợi mở, hàm ý chính sách cho Việt Nam	601
64	THS. ĐOÀN HIỀN Tạp chí Cộng sản	Xu hướng già hóa dân số nhanh ở Việt Nam hiện nay: Cơ hội và thách thức	609
65	VIỆN KHOA HỌC BẢO HIỂM XÃ HỘI	Cơ hội phát triển mô hình bảo hiểm hưu trí đa tầng bảo đảm mức sống tối thiểu cho người hết tuổi lao động	616
66	PHẠM ĐẠI ĐỒNG Trưởng phòng Người cao tuổi, Cục Bảo trợ xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Những thách thức trong công tác tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người cao tuổi hiện nay	624

67	TS. NGUYỄN VĂN TẠO Học viện Hành chính Quốc gia	Già hóa dân số ở Việt Nam và khuyến nghị chính sách	637
68	TS. NGUYỄN THỊ MAI ANH Vụ trưởng, Tạp chí Cộng sản	Xu hướng già hóa dân số và trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và cộng đồng, xã hội đối với người cao tuổi	646
69	PGS, TS. NGUYỄN ĐỨC CHIÊN Tổng Biên tập Tạp chí Xã hội học TRỊNH PHƯƠNG THẢO Đại học Sư phạm Hà Nội VŨ THỊ MINH THU Bệnh viện Việt - Tiệp Hải Phòng	Kiến tạo mô hình quản lý nhà nước trong phát triển cơ sở chăm sóc người cao tuổi để thích ứng với xu hướng già hóa dân số nhanh ở Việt Nam	653
70	TS. PHẠM VĂN PHONG Tạp chí Cộng sản	Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh già hóa dân số ở Việt Nam	662
71	THS. HÀ THỊ MINH TÂM Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức - Kiểm tra, Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam	Xây dựng tổ chức Hội, đổi mới công tác kiểm tra, thi đua, khen thưởng trong hoạt động Hội Người cao tuổi trước xu thế già hóa dân số nhanh	671
72	GS, TS. ĐINH XUÂN DŨNG Nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận phê bình văn học nghệ thuật Trung ương	Văn học, nghệ thuật trong đời sống của người cao tuổi	678
73	THS. MAI THỊ HƯƠNG GIANG Tạp chí Cộng sản	Quản lý phát triển xã hội hướng tới người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số ở Việt Nam hiện nay	682
74	TS. PHÙNG NGỌC BẢO Vụ trưởng, Tạp chí Cộng sản	Cần có những chính sách để ứng phó kịp thời với già hóa dân số ở Việt Nam	694
75	TS. NGUYỄN NHƯ QUỲNH Viện trưởng Viện Chiến lược và Chính sách tài chính, Bộ Tài chính	Xu hướng già hóa dân số và những vấn đề đặt ra đối với chính sách tài chính	702
76	TS. BÙI SỸ LỢI Nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Xã hội của Quốc hội	Chính sách an sinh xã hội ứng phó với già hóa dân số ở Việt Nam	713

77	PGS, TS. NGUYỄN PHÚ LỢI Viện Tôn giáo và tín ngưỡng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Phát huy vai trò của tôn giáo trong thực hiện chính sách đối với người cao tuổi ở Việt Nam	721
78	GS, TS. NGUYỄN TRỌNG CHUẨN Phó Chủ tịch Hội Triết học Việt Nam	Trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao ở người cao tuổi	732
79	HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM	Giải pháp nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người cao tuổi ở nông thôn trong bối cảnh già hóa dân số ở Việt Nam	740
80	PHẠM NGỌC HUỆ Tạp chí Cộng sản THS. TRẦN LÊ HÀ Tạp chí Cộng sản	Khởi nghiệp, dạy nghề, tạo việc làm cho người cao tuổi: Thực trạng và một số khuyến nghị	750
81	PGS, TS. PHẠM DUY ĐỨC Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Định hướng chính sách nâng cao đời sống tinh thần cho người cao tuổi ở nước ta hiện nay	758
82	PGS, TS. TRẦN VIỆT LƯU Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam	Một số vấn đề cần giáo dục cho thế hệ trẻ về người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số	765

PHẦN THỨ NHẤT

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÀ HÓA DÂN SỐ

**PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI
TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT
TOÀN DÂN TỘC, TẠO ĐỘNG LỰC GÓP PHẦN
HIỆN THỰC HÓA KHÁT VỌNG
PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC**

ĐỖ VĂN CHIẾN

*Bí thư Trung ương Đảng,
Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*

NGUỒI cao tuổi có vai trò quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đóng góp to lớn vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng, cần nâng cao nhận thức, nhìn nhận đúng vai trò và đóng góp của người cao tuổi - một chủ thể tham gia tích cực vào sự phát triển xã hội, tham gia vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước trong giai đoạn mới.

Quan tâm, thực hiện tốt chính sách đối với người cao tuổi, phát huy vai trò của người cao tuổi trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc chính là góp phần hiện thực hóa mục tiêu xây dựng xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đại đoàn kết toàn dân tộc là di sản vô giá, truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc Việt Nam được hun đúc qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Tình thân yêu nước, trọng nghĩa, khoan dung, đoàn kết, đùm bọc yêu thương nhau đã thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn mỗi người dân, trở thành lẽ sống, chất kết dính gắn bó các thành viên trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc giữ vị trí đặc biệt quan trọng, nhất quán và xuyên suốt trong đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta. Đảng ta luôn xác định “đại đoàn kết

toàn dân tộc” là đường lối chiến lược, là cội nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu của cách mạng Việt Nam, có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi của cách mạng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm và luôn đề cao vai trò, sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết toàn dân tộc là một nội dung cốt lõi, làm nên dấu ấn quan trọng của Người trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến thành công. Lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công” đã trở thành phương châm hành động của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, và thực sự, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc đã được phát huy cao nhất để dân tộc ta đi đến thắng lợi trong các thời kỳ lịch sử.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định vị trí, vai trò của người cao tuổi đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung, với gia đình, quê hương nói riêng. Từ rất sớm, Người đã nhận thấy vị trí, vai trò, tiềm năng, sức mạnh cùng những giá trị cả về vật chất và tinh thần của người cao tuổi đối với sự nghiệp cách mạng, trong thời chiến cũng như trong thời bình. Năm 1941, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng, diễn ra từ ngày 10 đến ngày 19-5, tại Khuổi Nậm, Pắc Bó, Cao Bằng. Theo đề nghị của Người, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) để đoàn kết rộng rãi toàn dân tộc đấu tranh cho độc lập, tự do. Một trong những lực lượng đầu tiên Người nghĩ tới là các phụ lão, trong vai trò đầu tàu, dẫn dắt con cháu trong sự nghiệp cứu nước, xây dựng đất nước hưng thịnh. Người luôn coi người cao tuổi là lực lượng quan trọng góp phần tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong “*Lời hiệu triệu đoàn kết tất cả các bậc phụ lão*” (tháng 6-1941), Người viết: “Dẫu rằng tóc đã bạc, mắt đã hoa, tay run, chân mỏi; nhưng một lời nói của phụ lão có ảnh hưởng đến hưng bang, một hành động của phụ lão có ảnh hưởng đến việc giết giặc... Đối với gia đình, đối với Tổ quốc, phụ lão có trọng trách là bậc tôn trưởng. Đối với làng xóm, đối với bà con, phụ lão có sự tín nhiệm lớn lao. Phụ lão hô, nhân dân hưởng ứng. Phụ lão làm, nhân dân làm theo. Hô điều nên hô, làm việc nên làm. Người có của xuất của, người có sức dốc sức, góp gió thành bão, tụ hơi thành mây, đồng bào cả nước ta đang ngẩng cao đầu mà trông chờ các bậc phụ lão”⁽¹⁾.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 3, tr. 233

Để khai thác tiềm năng, phát huy vai trò của người cao tuổi, Người cho rằng, việc đầu tiên là phải đưa người cao tuổi vào sinh hoạt trong một tổ chức nhất định - lúc đó là “*Phụ lão cứu quốc Hội*”. Phụ lão cứu quốc Hội đã được tổ chức ở các địa phương trong cả nước góp phần tích cực cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiến hành thắng lợi kháng chiến chống thực dân xâm lược và hoàn thành nhiệm vụ cứu quốc. Phát huy tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta luôn coi trọng công tác chăm sóc, phát huy vai trò của người cao tuổi, coi đây là một chính sách quan trọng. Quyết định số 772/QĐ-TTg, ngày 26-5-2006, của Thủ tướng Chính phủ lấy ngày 6-6 hàng năm là “Ngày truyền thống người cao tuổi Việt Nam”.

Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên nhắc đến thuật ngữ “người cao tuổi” tại khoản 2, Điều 59 và khoản 3, Điều 3 khi đề cập một cách đầy đủ và khẳng định mục tiêu phát triển hệ thống an sinh xã hội, bảo đảm bình đẳng, công bằng cho mọi thành viên trong xã hội. Khoản 3, Điều 37 của Hiến pháp năm 2013 quy định rõ: Người cao tuổi được Nhà nước, gia đình và xã hội tôn trọng, chăm sóc và phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ cơ sở pháp lý cao nhất này, chính sách đối với người cao tuổi đã được đề cập và cụ thể hóa trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, tạo ra khuôn khổ pháp lý đối với người cao tuổi ở Việt Nam, góp phần hoàn thiện chế độ, chính sách đối với công tác chăm sóc và ưu đãi người cao tuổi Việt Nam.

Hội Người cao tuổi Việt Nam là thành viên của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hội đã không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, tập hợp và phát triển hội viên; tham gia, đề xuất xây dựng và hoàn thiện thể chế phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, nhất là ở cơ sở; tích cực hưởng ứng Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc. Việc triển khai phong trào thi đua yêu nước “Tuổi cao - Gương sáng” đã động viên hàng vạn người cao tuổi ở cơ sở tham gia công tác đảng, chính quyền, các đoàn thể xã hội, góp phần quan trọng xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh. Trong đó, người cao tuổi luôn chủ động tham gia đóng góp ý kiến tâm huyết, trung thực, thẳng thắn với tinh thần trách nhiệm cao trong xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại cơ sở.

Người cao tuổi nước ta là vốn quý của dân tộc, là lực lượng quan trọng của đất nước, là rường cột của gia đình và xã hội Việt Nam. Người cao tuổi của 54 dân tộc anh em trên khắp đất nước Việt Nam không chỉ là những người lao

động cần cù, sáng tạo, góp phần xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam, mà còn là những nhân chứng của lịch sử và rất nhiều người đã trực tiếp góp phần làm nên lịch sử của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, xứng đáng với 18 chữ vàng mà Trung ương Đảng tặng cho người cao tuổi Việt Nam: “Tuổi cao chí càng cao, nêu gương sáng vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Từ “Truyền thống Diên Hồng” đến các phong trào, mô hình tiêu biểu “Người cao tuổi mẫu mực”, “Tuổi cao - Gương sáng”, “Người cao tuổi tham gia xây dựng nông thôn mới”, “Người cao tuổi tham gia xây dựng dòng họ không có người vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội”, “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền”, “Người cao tuổi tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, “Người cao tuổi làm kinh tế giỏi” hiện nay đã ngày càng khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của người cao tuổi trong các hoạt động tập hợp lực lượng, góp phần lan tỏa chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sức mạnh tổng hợp, góp phần xây dựng và phát triển đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh⁽²⁾.

Từ ngày thành lập đến nay, Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam đã lãnh đạo, chỉ đạo hội người cao tuổi các cấp phát triển ngày càng vững mạnh, tập hợp đông đảo người cao tuổi tham gia; phát huy tốt vai trò là tổ chức xã hội, đại diện cho nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp của người cao tuổi, là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là chỗ dựa tin cậy của Đảng, Nhà nước ta. Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam đã thực hiện tốt công tác xây dựng tổ chức Hội vững mạnh; làm tốt công tác chăm sóc, phát huy vai trò của người cao tuổi; tham mưu đóng góp ý kiến, xây dựng chính sách, pháp luật; thực hiện

(2) Qua 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12-3-2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX “Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, hiện nay cả nước có trên 12,5 triệu người cao tuổi, hơn 6,5 triệu người cao tuổi đang trực tiếp tham gia lao động, sản xuất, trong đó 400.000 người cao tuổi đạt danh hiệu làm kinh tế giỏi; người cao tuổi đóng góp hơn 11 triệu ngày công, gần 3.500 tỷ đồng, hiến 25 triệu m² đất để xây dựng đường giao thông, kênh mương, nhà văn hóa, trường học, cơ sở y tế,... góp phần xây dựng nông thôn mới; 64% hội viên khuyến học là người cao tuổi; 660.000 người cao tuổi tham gia công tác đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, tổ hòa giải ở cơ sở; trên 300.000 người cao tuổi tham gia các tổ an ninh nhân dân, phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự ở cơ sở, cung cấp cho lực lượng công an 200.000 nguồn tin có giá trị, giúp đỡ 90.000 người tái hòa nhập cộng đồng. Người cao tuổi phối hợp giải quyết hiệu quả hàng chục nghìn vụ mâu thuẫn, khiếu kiện trong nội bộ nhân dân. Cả nước có trên 77.000 câu lạc bộ của người cao tuổi ở cơ sở với nhiều loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, thu hút trên 2,5 triệu người cao tuổi tham gia. Đặc biệt, Hội Người cao tuổi đã thành lập 5.500 câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau, thu hút trên 275.000 người cao tuổi tham gia. Mô hình câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau được các tổ chức, cộng đồng trong nước, ngoài nước đánh giá cao và đã đoạt giải Nhất “Sáng kiến vì một châu Á già hóa khỏe mạnh”

tốt công tác đối ngoại, nghiên cứu khoa học và tổng kết, biểu dương điển hình tiên tiến. Nhiều hoạt động thiết thực, hiệu quả của hội người cao tuổi các cấp đã được nhân rộng, đẩy mạnh, đặc biệt là công tác chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi trong phát triển kinh tế - xã hội với nhiều chương trình cụ thể, thiết thực; đặc biệt, Trung ương Hội và các cấp hội đã phát huy vai trò tiên phong gương mẫu, chủ động cùng với các cơ quan của Chính phủ, chính quyền các cấp tham gia tích cực, hiệu quả vào công tác phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian qua⁽³⁾.

Hiện nay, nước ta có gần 17 triệu người cao tuổi, chiếm gần 17% dân số cả nước, trong đó có 2.612.260 người hơn 80 tuổi. Trong bối cảnh dân số nước ta đang già hóa nhanh, tỷ lệ người cao tuổi sẽ còn tiếp tục tăng nhanh về số lượng và tỷ trọng. Theo Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi Việt Nam: Đến năm 2030, tỷ lệ dân số trên 60 tuổi sẽ tăng lên 20% và đến năm 2050 là trên 30%. Tỷ lệ người cao tuổi trên 80 tuổi cũng sẽ tăng và đến năm 2050 chiếm trên 6% dân số. Điều này đặt ra thách thức lớn về an sinh xã hội, chăm sóc, bảo vệ và phát huy vai trò của người cao tuổi. Bên cạnh kết quả đạt được, công tác người cao tuổi ở một số cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ sở chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, vị trí của người cao tuổi, trách nhiệm trong thực hiện quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với người cao tuổi. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, giải pháp thực hiện những nội dung của Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12-3-2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX “Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” ở một số đơn vị còn hạn chế. Nhận thức của người cao tuổi về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc còn chưa đồng đều, có lúc, có nơi chưa nhất quán. Có trường hợp người cao tuổi chưa thực sự nêu gương, một số cán bộ Hội Người cao tuổi chưa sâu sát quần chúng nhân dân, chưa phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân; vì vậy, chưa xây dựng được niềm tin, uy tín trong nhân

(3) Hội Người cao tuổi các cấp đã vận động tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tài trợ hàng vạn suất quà, xây mới hàng nghìn ngôi nhà đại đoàn kết, nhà tình thương, chăm sóc người có công với nước. Hằng năm, thông qua Tháng hành động vì Người cao tuổi Việt Nam, Hội đã vận động được các nguồn lực xã hội chung tay chăm sóc người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người cao tuổi là đồng bào dân tộc thiểu số, ở vùng khó khăn, góp phần giảm chênh lệch giàu - nghèo, bất bình đẳng xã hội, tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, từ nhiều năm nay, người cao tuổi được chăm sóc ngày càng tốt hơn; hằng năm, có hơn 1,1 triệu người cao tuổi được chúc thọ, mừng thọ; trên 3 triệu người cao tuổi được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, 4 triệu người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ; trên 95% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế (nhiều địa phương đã hỗ trợ 100% người cao tuổi)

dân. Một số chính sách, chế độ đối với người cao tuổi còn dàn trải, cào bằng, chưa theo kịp thực tiễn; đời sống một bộ phận người cao tuổi còn khó khăn cả về vật chất và tinh thần, thậm chí có trường hợp người cao tuổi còn bị bạo hành, ngược đãi, nên chưa phát huy đầy đủ tiềm năng, nguồn lực người cao tuổi theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Bên cạnh đó, khó khăn, thách thức đối với hoạt động của các cấp hội, như mô hình tổ chức còn chưa đồng bộ; chính sách chăm sóc người cao tuổi còn dàn trải, còn nhiều người cao tuổi có hoàn cảnh rất khó khăn, không có thu nhập; nhận thức về vai trò của người cao tuổi trong một bộ phận gia đình, cộng đồng và một số cấp ủy, chính quyền chưa thật sự đầy đủ; việc ban hành, triển khai một số chính sách đối với người cao tuổi còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, nhất là chưa đón đầu xu hướng già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng trong thời gian tới. Trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước không thể không chú trọng đến người cao tuổi và việc thích ứng với xã hội dân số già. Những điều chỉnh về chính sách, luật pháp, điều kiện vật chất, kỹ thuật, mà trước tiên là nâng cao nhận thức, nhìn nhận đúng vai trò và đóng góp của người cao tuổi - chủ thể tham gia tích cực vào sự phát triển xã hội, bảo vệ và xây dựng đất nước trong giai đoạn hiện nay là cần thiết và quan trọng.

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là chủ trương lớn của Đảng ta. Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12-3-2003, của Hội nghị Trung ương 7 khóa IX, “Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” đã chỉ rõ định hướng chính sách đối với người cao tuổi: “... xây dựng chính sách chăm sóc sức khỏe, quan tâm hơn đến người cao tuổi về y tế, hưởng thụ văn hóa, nhu cầu được thông tin, phát huy khả năng tham gia đời sống chính trị của đất nước và các hoạt động xã hội, nêu gương tốt, giáo dục lý tưởng và truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công với nước. Xây dựng Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi. Phát huy vai trò Hội Người cao tuổi Việt Nam”.

Thời gian tới, để phát huy tối đa vai trò của người cao tuổi trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo động lực tinh thần hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước cần quan tâm một số vấn đề sau:

Một là, đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, các tầng lớp nhân dân đối với vai trò của

Hội Người cao tuổi và người cao tuổi trong giai đoạn hiện nay. Quán triệt, phổ biến tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về người cao tuổi; cổ vũ, phát huy truyền thống tốt đẹp, sức mạnh to lớn của các thế hệ người cao tuổi Việt Nam; tuyên truyền, giáo dục ý thức kính trọng, biết ơn công lao, đóng góp của người cao tuổi đối với đất nước, nhất là trong triển khai thực hiện các cuộc vận động thiết thực, hiệu quả, như toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, người cao tuổi tham gia bảo vệ môi trường, công tác khuyến học, khuyến tài; trao truyền tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm và giáo dục đạo đức cho các thế hệ kế tiếp,... và trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đất nước.

Nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và toàn xã hội về bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người cao tuổi. Tiếp tục thực hiện tốt tinh thần của Hiến pháp năm 2013, cụ thể trong khoản 3, Điều 37 quy định: “Người cao tuổi được Nhà nước, gia đình và xã hội tôn trọng, chăm sóc và phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phát huy trí tuệ, kinh nghiệm quý và phẩm chất tốt đẹp của người cao tuổi.

Hai là, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Hội Người cao tuổi Việt Nam và người cao tuổi Việt Nam. Có chính sách phù hợp nhằm tạo điều kiện cho người cao tuổi phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, đóng góp cho gia đình, cộng đồng, xã hội, phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tạo cơ hội việc làm và phát triển kỹ năng cho người cao tuổi, bảo đảm an toàn thu nhập bên cạnh các chính sách trợ cấp xã hội và lương hưu, phúc lợi tổng thể cho người cao tuổi. Các chính sách liên quan đến người cao tuổi gắn chặt với xóa nghèo đa chiều. Xóa “khoảng trống” người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo chưa có bảo hiểm y tế. Giảm dần hỗ trợ trực tiếp, chuyển sang hỗ trợ người cao tuổi có điều kiện phát triển sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế, đồng thời từng bước kết hợp giữa hỗ trợ trực tiếp và hỗ trợ thông qua chính sách bảo hiểm cho người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn. Chú trọng các chính sách y tế, nâng cao chất lượng và hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, hỗ trợ để người cao tuổi có cuộc sống khỏe mạnh, tích cực. Các chính sách về già hóa dân số có lồng ghép với các vấn đề về giới, tính đến các nhu cầu cụ thể của phụ nữ và nam giới cao tuổi. Bên cạnh đó, thiết lập hệ thống trợ giúp xã hội thông qua hoạt động công tác xã hội, huy động sự tham gia của gia đình, cộng đồng, các tổ chức xã hội. Đồng thời, tạo điều kiện cho người cao tuổi tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao.

Ba là, các cấp hội chủ động xây dựng chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng: “Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội, cộng đồng và gia đình... Kính trọng, bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi”⁽⁴⁾; trên cơ sở đó, phát huy vai trò của người cao tuổi một cách phù hợp; khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Các cấp hội bám sát các nhiệm vụ trọng tâm, chương trình công tác của Trung ương Hội, đẩy mạnh thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ địa phương, Nghị quyết Đại hội VI Hội Người cao tuổi Việt Nam. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, góp phần nâng cao nhận thức về công tác người cao tuổi, hoạt động của Hội Người cao tuổi Việt Nam. Nắm bắt kịp thời tư tưởng, đời sống, nguyện vọng của người cao tuổi, đặc biệt là người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn; phối hợp phòng ngừa, ngăn chặn, không để xảy ra các vụ, việc ngược đãi, bạo hành người cao tuổi.

Bốn là, các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quán triệt sâu sắc, triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận số 58-KL/TW, ngày 23-6-2023, của Ban Bí thư “Về tổ chức và hoạt động của Hội Người cao tuổi Việt Nam”. Các cấp hội nâng cao chất lượng công tác tổ chức, cán bộ và phát triển hội viên. Chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương trong kiện toàn tổ chức và đội ngũ cán bộ hội; nghiên cứu, đề xuất chính sách, chế độ đối với cán bộ hội ở các cấp. củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức hội cơ sở; đổi mới nội dung sinh hoạt đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của hội viên và người cao tuổi; thu hút ngày càng đông người cao tuổi tham gia tổ chức hội và các phong trào do hội tổ chức, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Năm là, phát huy mạnh mẽ vai trò của người cao tuổi trong tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả chương trình phối hợp giữa Hội Người cao tuổi Việt Nam với các bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, các địa phương, góp phần phát huy trí tuệ, kinh nghiệm của người cao tuổi tham gia xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Sáu là, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, đa dạng nội dung, phương thức, loại hình chăm sóc người cao tuổi; phát huy vai trò nòng cốt của Hội trong phong

(4) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 170

trào “Toàn dân chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi”, phấn đấu để người cao tuổi được sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc trong gia đình và xã hội, củng cố niềm tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ, góp phần tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Trong bối cảnh già hóa dân số nhanh ở Việt Nam hiện nay cần quan tâm một số nội dung sau:

Thứ nhất, Trung ương sớm tổng kết Chỉ thị số 59/CT-TW, ngày 27-9-1995, của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII, “Về chăm sóc người cao tuổi”, và ban hành chỉ thị mới về bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi trong tình hình mới.

Thứ hai, Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Người cao tuổi; Chính phủ sớm ban hành Chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Thứ ba, các cơ quan truyền thông đẩy mạnh tuyên truyền về vai trò của người cao tuổi và Hội Người cao tuổi Việt Nam; các cấp ủy, chính quyền địa phương cần nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và sự đóng góp của người cao tuổi và tổ chức hội người cao tuổi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.□

PHÁT HUY VAI TRÒ NGƯỜI CAO TUỔI LÀ NGƯỜI CÓ UY TÍN Ở VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THiểu SỐ TRONG XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

HÀU A LÊ NH

*Ủy viên Trung ương Đảng,
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc*

CHĂM lo xây dựng và phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số là yêu cầu khách quan trong thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước hiện nay, nhất là phát huy vai trò của người có uy tín cao tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Việt Nam là quốc gia thống nhất có 54 dân tộc anh em, trong đó có 53 dân tộc thiểu số với trên 14 triệu người, chiếm tỷ lệ khoảng 14,7% dân số cả nước. Đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống thành cộng đồng, cư trú xen kẽ nhau, tập trung chủ yếu ở khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung và Tây Nam Bộ, nơi có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái. Trong các dân tộc thiểu số ở nước ta có một lớp người giữ vai trò dẫn dắt cộng đồng trên cơ sở sự tín nhiệm, tin tưởng và tôn vinh đó là những già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ, các chức sắc tôn giáo, nhân sĩ, trí thức, nhà giáo, thầy thuốc ưu tú người dân tộc thiểu số... là người tiêu biểu, có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số. Với khả năng “nói dân tin, làm dân theo”, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được Đảng và Nhà nước xem là lực lượng quần chúng đặc biệt, đóng vai trò quan trọng làm cầu nối để đưa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đến đồng bào dân tộc thiểu số, cũng như thực hiện có

hiệu quả chính sách dân tộc; đồng thời, thông qua người có uy tín để nắm bắt tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của đồng bào gửi tới Đảng, Nhà nước.

Trong sự nghiệp đổi mới do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo, có thể nói, người có uy tín nói chung và người cao tuổi có uy tín nói riêng, luôn là lực lượng nòng cốt, là cầu nối quan trọng giữa cấp ủy, chính quyền với nhân dân, có vai trò rất quan trọng giúp chuyển tải chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến người dân và phản ánh tâm tư, nguyện vọng chính đáng của đồng bào đến với Đảng, Nhà nước. Người cao tuổi có uy tín luôn là những hạt nhân gương mẫu cùng với gia đình, dòng họ mình thực hiện, tích cực vận động con cháu, đồng bào dân tộc mình đoàn kết, đồng tâm hiệp lực đẩy mạnh phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, ổn định cuộc sống, cùng nhau thực hiện tốt những quy định về bảo vệ an ninh Tổ quốc; hăng hái tham gia xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; đóng góp kinh nghiệm trong việc xây dựng chính quyền cơ sở và giữ gìn cuộc sống bình yên cho nhân dân. Người có uy tín cao tuổi không chỉ được xem như là một trong những nhân tố tích cực tham gia công tác xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình, mà còn có nhiều đóng góp thiết thực trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách pháp luật, chính sách dân tộc và đại đoàn kết các dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

Theo báo cáo tổng hợp của các địa phương, năm 2023 cả nước có khoảng 28.538 người có uy tín trong cộng đồng, đó là những người gắn bó mật thiết với nhân dân, được các thôn bản, buôn làng, phum sóc bình chọn theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg, ngày 06-3-2018, của Thủ tướng Chính phủ, trong đó người có uy tín cao tuổi (trên 60 tuổi) là 17.691 người, chiếm khoảng 62% người có uy tín cả nước. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và sự vào cuộc của toàn hệ thống chính trị, trong những năm qua đã xuất hiện nhiều tấm gương tiêu biểu người cao tuổi là già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Với vai trò tiên phong, gương mẫu, người có uy tín cao tuổi luôn đi đầu tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc thiểu số noi theo, làm theo, chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương; tích cực tham gia lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái... góp phần quan trọng trong việc tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, giữ vững an ninh chính

trị, trật tự, an toàn xã hội và xây dựng đời sống văn hóa nông thôn mới ở vùng dân tộc thiểu số.

Trong phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ vững chủ quyền, an ninh trật tự vùng dân tộc, miền núi và khu vực biên giới, người có uy tín cao tuổi luôn giữ vai trò trung tâm đoàn kết trong cộng đồng dân cư. Ở vùng biên giới, người có uy tín cao tuổi là nòng cốt cùng bộ đội biên phòng vận động quần chúng thực hiện các phong trào: “Toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”; “Quần chúng tham gia tự quản đường biên, cột mốc, giữ gìn an ninh trật tự thôn, bản khu vực biên giới”... Sự đóng góp của những người có uy tín cao tuổi trong công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tập hợp quần chúng, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thể hiện thông qua các hoạt động như: tuyên truyền, giải thích, vận động đồng bào nâng cao cảnh giác, không nghe lời kẻ xấu xúi giục; tích cực tham gia giải quyết những vụ việc phức tạp phát sinh từ cơ sở, hòa giải mâu thuẫn trong nhân dân; tham gia và vận động quần chúng thực hiện các phong trào: “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; “Giữ gìn an ninh trật tự ở khu dân cư”; “Quần chúng tham gia tự bảo quản đường biên, cột mốc quốc gia và an ninh trật tự khu vực biên giới”; “Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân vững chắc”. Cùng với lực lượng biên phòng và cấp ủy, chính quyền, đoàn thể địa phương, người có uy tín cao tuổi ở các xã biên giới đã tham gia có hiệu quả trong công tác phân giới cắm mốc, tham gia giải quyết việc xâm cư, xâm canh; tích cực tham gia tố giác, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, vận động đồng bào tuân tra biên giới, tham gia bảo vệ đường biên và mốc giới, kịp thời nắm bắt tình hình, phát hiện, cung cấp nhiều thông tin có giá trị giúp các ngành chức năng và chính quyền địa phương đấu tranh, ngăn chặn nhiều hoạt động trái pháp luật, góp phần quan trọng trong việc giữ gìn an ninh trật tự ở khu dân cư và vùng dân tộc thiểu số.

Tiêu biểu trong phong trào này có già làng Rơ Châm Chích, người có uy tín cao tuổi làng Beng, xã Ia Chia, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai sinh sống ở khu vực biên giới gần Đồn Biên phòng Ia Chia, ông thường xuyên phối hợp cùng với bộ đội biên phòng tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước tới đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là những vấn đề liên quan đến biên giới như Luật Biên giới quốc gia, Luật Biên phòng Việt Nam, Nghị định 34/2014/NĐ-CP của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới đất liền, Chỉ thị số 01/CT-TTg, ngày 09-01-2015, của Thủ tướng Chính phủ,

về “Tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”... Với uy tín của mình, già làng Rơ Châm Chích luôn đi sâu, đi sát, vận động đồng bào tham gia các phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bên cạnh đó, ông đã chủ động hiến tặng 375m² đất ở của gia đình để xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Beng. Những cống hiến không ngừng nghỉ ấy đã giúp ông trở thành trung tâm của sức mạnh đoàn kết khi phát động bà con nhân dân tham gia các phong trào, chương trình trọng điểm quốc gia về y tế, văn hóa, giáo dục và quốc phòng an ninh. Năm 2023 cùng với chính quyền, ông đã tham gia vận động được 100% hộ gia đình làng Beng ký cam kết thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”. Hiện nay, già làng Rơ Châm Chính vẫn luôn năng nổ trong các hoạt động của buôn làng, chung sức đồng lòng cùng với bộ đội biên phòng xây dựng, quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới quốc gia. Hay như ông Pừ Dàn Xinh, người có uy tín cao tuổi ở xã Xín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên luôn đi đầu trong xây dựng các phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” và “Toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia”... Ông và những người có uy tín cao tuổi khác trên địa bàn biên giới tỉnh Điện Biên đã tham gia cùng chính quyền và bộ đội biên phòng tuyên truyền, vận động được 81 tập thể, 3.398 hộ và 4.412 cá nhân đăng ký tự quản 408,616/455,573km đường biên giới, 146 mốc; 302 tổ với 1.682 thành viên tự quản an ninh trật tự thôn, bản. Với tinh thần trách nhiệm cao, ông cùng với những người có uy tín cao tuổi trong đồng bào dân tộc thiểu số đã phối hợp với cán bộ biên phòng trong việc tuyên truyền, vận động để đồng bào các dân tộc thiểu số thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, giữ gìn khối đại đoàn kết toàn dân, nhờ đó, nhận thức của nhân dân về biên giới quốc gia, ý thức quốc giới và chủ quyền lãnh thổ không ngừng được nâng cao. Đồng bào các dân tộc đề cao tinh thần cảnh giác, nêu cao trách nhiệm trong tham gia bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới. Bên cạnh đó, người có uy tín cao tuổi trên địa bàn biên giới đã tích cực tham gia vận động quần chúng nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, không mơ hồ, chủ quan; nâng cao tinh thần cảnh giác, vận động nhân dân thực hiện tốt các cam kết không tái trồng cây thuốc phiện, không tàng trữ, sử dụng, buôn bán các chất ma túy, không di dịch cư tự do... Người có uy tín cùng với nhân dân đã cung cấp hàng trăm tin quan trọng giúp bộ đội biên phòng kịp thời phát hiện và ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, ngăn

chặn nhiều hoạt động vi phạm pháp luật và vi phạm chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia. Chỉ tính riêng trong năm 2023, bộ đội biên phòng tỉnh Điện Biên đã chủ trì, phối hợp với các lực lượng phát hiện bắt giữ trên 115 vụ, với 130 đối tượng buôn bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép các chất ma túy.

Trong xu thế hội nhập và phát triển, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ và thông tin hiện nay đem lại nhiều cơ hội cho vùng dân tộc thiểu số nói chung và những người có uy tín nói riêng trong hoạt động giao lưu kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... giữa các vùng, miền trong nước, khu vực và thế giới, nhất là các mối quan hệ đồng tộc mang tính quốc tế sẽ xích lại gần nhau hơn. Đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức, tác động chi phối đến tư tưởng, tình cảm, tâm lý dân tộc, các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... ảnh hưởng đến sự ổn định, phát triển của vùng dân tộc thiểu số nói chung, những người có uy tín nói riêng. Mặt khác, các thế lực thù địch đã và đang tìm mọi thủ đoạn để lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo nhằm can thiệp, thực hiện âm mưu chia rẽ dân tộc, nhất là chia rẽ các dân tộc thiểu số với người Kinh, chia rẽ nhân dân các dân tộc với Đảng, Nhà nước và chế độ; phá vỡ sự ổn định chính trị - xã hội và khối đại đoàn kết dân tộc. Trong đó, người có uy tín là đối tượng mà các thế lực thù địch tập trung tác động móc nối, lôi kéo, nhất là những người có uy tín cao tuổi có tiếng nói, có địa vị ở các khu vực tập trung đông đồng bào dân tộc thiểu số, như ở Tây Bắc, Tây Nam bộ và khu vực Tây Nguyên để chống phá cách mạng Việt Nam.

Trong tình hình hiện nay, để phát huy vai trò, ảnh hưởng của đội ngũ người có uy tín, nhất là những người có uy tín cao tuổi - những người thực sự tiêu biểu, gương mẫu, là điểm tựa cho mọi điểm tựa khác trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị cần quan tâm xây dựng, thực hiện đồng bộ và quyết liệt một số giải pháp sau:

Một là, tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg, ngày 01-02-2008, của Thủ tướng Chính phủ, về phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của người có uy tín và công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín phục vụ phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh trật tự vùng dân tộc thiểu số.

Để phát huy vai trò của người có uy tín, các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội từ Trung ương đến địa phương cần

quán triệt sâu sắc, toàn diện quan điểm của Đảng về vị trí, vai trò và công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, tạo sự đồng thuận trong nhận thức của cả hệ thống chính trị về vị trí, vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trên cơ sở thống nhất nhận thức để phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín tham gia thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn ở địa phương.

Hai là, công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của cấp ủy, chính quyền các cấp, có sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành chức năng, trong đó cơ quan công an, dân tộc, dân vận, mặt trận làm nòng cốt.

Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số thuộc nhiều thành phần xã hội khác nhau, có người là già làng, trưởng bản, có người là cán bộ, trí thức; nhiều người có chức sắc trong lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng. Mỗi người có ảnh hưởng chi phối quần chúng trong phạm vi rộng hẹp khác nhau, ở từng lĩnh vực khác nhau; tri thức, đặc điểm tâm lý, điều kiện, hoàn cảnh và môi trường hoạt động khác nhau..., do đó, mỗi người có thế mạnh, điểm yếu, hạn chế riêng. Mỗi người có uy tín có thế mạnh riêng trong vận động quần chúng dân tộc; trong phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo; có người lại có thế mạnh cảm hóa, giáo dục phần tử xấu, tiêu cực, chậm tiến trong xã hội... Do vậy, mỗi vùng, mỗi dân tộc và tùy theo yêu cầu cụ thể, các cấp, các ngành cần sử dụng linh hoạt các hình thức vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trên các lĩnh vực của đời sống xã hội gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng của địa phương.

Thực tiễn cho thấy, nơi nào cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể quan tâm chỉ đạo, chăm lo thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người có uy tín thì nơi đó phát huy tốt vai trò tích cực của người có uy tín tham gia các hoạt động, góp phần đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đi vào cuộc sống một cách thiết thực, hiệu quả. Do vậy, để phát huy vai trò của người có uy tín, các cấp ủy, chính quyền các cấp cần tăng cường lãnh đạo, quản lý của chính quyền, huy động sự tham gia của mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể các cấp trong thực hiện chính sách và công tác vận động, phát huy vai trò người có uy tín. Nâng cao hiệu quả phối hợp hoạt động của các

cơ quan chức năng liên quan trong quản lý và tổ chức thực hiện chính sách và công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín. Thường xuyên đổi mới nội dung, đa dạng, linh hoạt hình thức vận động cho phù hợp với đặc điểm tâm lý, môi trường hoạt động, điều kiện, hoàn cảnh khác nhau của người có uy tín để huy động tốt nhất sự tham gia của người có uy tín trong các lĩnh vực của đời sống xã hội ở địa phương.

Ba là, thường xuyên quan tâm và thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có uy tín (như: cung cấp thông tin, tập huấn, bồi dưỡng trang bị kiến thức; thăm hỏi, gặp gỡ, tiếp đón, tặng quà nhân các ngày lễ, tết; hỗ trợ vật chất khi ốm đau, gặp khó khăn, hoạn nạn; tham quan học tập kinh nghiệm; biểu dương, khen thưởng người có uy tín tiêu biểu...) bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, kịp thời, đúng người, đúng chế độ nhằm động viên người có uy tín tham gia hoạt động, phát huy vai trò trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và xử lý các trường hợp vi phạm trong tổ chức thực hiện chính sách đối với người có uy tín.

Bốn là, chú trọng và thực hiện tốt công tác bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nâng cao năng lực thông qua việc thường xuyên tổ chức cho người có uy tín tham gia các lớp học tập, bồi dưỡng kiến thức về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; cập nhật tình hình và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tập huấn trang bị kiến thức pháp luật, quốc phòng, an ninh; tham quan học tập kinh nghiệm các địa phương khác...; quan tâm chăm lo đến lợi ích vật chất, tinh thần và tạo điều kiện và cơ hội tốt nhất cho người có uy tín. Làm tốt công tác này sẽ góp phần động viên, khuyến khích những người có uy tín phấn khởi, tin tưởng, tích cực tham gia và hoàn thành tốt nhiệm vụ được cấp ủy, chính quyền giao.

Năm là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách vận động, phát huy vai trò người có uy tín. Trên cơ sở quan điểm của Đảng về phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, Nhà nước đã ban hành nhiều quyết định, chỉ thị về tiêu chí xác định, đối tượng lựa chọn, phạm vi ảnh hưởng, nguyên tắc lựa chọn; nhiệm vụ, quyền hạn của người có uy tín, chính sách đối với người có uy tín... Vì vậy, bên cạnh việc tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chế độ, chính sách hiện hành đối với người có uy tín, cần khắc phục những tồn tại, bất cập trong chế độ, chính sách đó đối với người có uy tín căn cứ vào cơ sở thực tiễn để đạt hiệu quả tối đa trong công tác vận động, phát huy vai trò người có uy tín.

Sáu là, chăm lo xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số nói chung, đội ngũ cán bộ làm công tác vận động người có uy tín nói riêng. Đội ngũ cán bộ làm công tác vận động người có uy tín có vai trò, vị trí hết sức cần thiết, có ảnh hưởng quan trọng tới hiệu quả công tác này. Muốn vậy, cán bộ phải được bố trí chuyên sâu, thực sự có năng lực, có trình độ nắm bắt được đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có kiến thức, am hiểu dân tộc, phong tục tập quán, có kiến thức xã hội, có kinh nghiệm và có tinh thần chịu đựng gian khổ, gần gũi với đồng bào dân tộc, được dân tin, là những điều kiện rất quan trọng có tính quyết định trong công tác đối với người có uy tín.

Từ thực tiễn kết quả thực hiện chính sách và công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số những năm qua cho thấy công tác chăm lo, thực hiện tốt các chế độ, chính sách và công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín có ý nghĩa thiết thực, không chỉ tạo điều kiện để phát huy khả năng mà còn là sự động viên, ghi nhận sự đóng góp của người có uy tín đối với cộng đồng và xã hội trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, đồng thời đây cũng chính là một trong những giải pháp quan trọng để phát huy vai trò của người có uy tín trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là phát huy vai trò của những người có uy tín cao tuổi trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.□

KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH ỦU ĐÃI NGUỒN NHÂN LỰC NỮ CHẤT LƯỢNG CAO

HÀ THỊ NGÀ

*Ủy viên Trung ương Đảng,
Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam*

NHÂN lực được coi là nguồn vốn xã hội và là yếu tố quan trọng nhất đối với sự phát triển của mỗi đất nước; trong đó, nguồn nhân lực chất lượng cao là lực lượng tinh túy, quan trọng, cấu thành nguồn nhân lực của mỗi quốc gia. Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, phát triển nguồn nhân lực nói chung, nguồn nhân lực chất lượng cao nói riêng càng trở nên quan trọng và cấp thiết. Vấn đề này được *Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm và xác định là một trong 3 khâu đột phá của chiến lược phát triển đất nước trong thời kỳ mới.*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra ngày càng sâu rộng, các liên kết kinh tế xuất hiện và ngày càng có nhiều ảnh hưởng, thúc đẩy sự phân công lao động sâu sắc và hình thành các chuỗi giá trị toàn cầu; trong đó, nguồn lực con người, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành lợi thế cạnh tranh mạnh mẽ, năng động, là nhân tố làm chuyển dịch lợi thế so sánh giữa các quốc gia. Để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, cần phải đồng thời thực hiện toàn diện trên các lĩnh vực, xác định hệ thống giải pháp đồng bộ, lâu dài với những lộ trình, bước đi cụ thể và bám sát tình hình thực tiễn của địa phương, đất nước. Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó có nguồn nhân lực nữ là một trong những giải pháp quan trọng và cần có chiến lược lâu dài. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn kết chặt chẽ với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ được coi là yếu tố quyết định để cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và lợi thế cạnh tranh, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Thực hiện tốt khâu đột phá này sẽ làm tăng tiềm

lực và sức mạnh của quốc gia, tạo ra sức mạnh tổng hợp, quyết định đến thành công của việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu, đề xuất bổ sung, hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó có nhân lực nữ là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài và là yêu cầu khách quan nhằm góp phần thực hiện thành công mục tiêu đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững trong thời gian tới.

1. Chủ trương, chính sách phát triển nguồn nhân lực, trong đó có nguồn nhân lực nữ của Việt Nam

Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là vấn đề được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, thể hiện qua các chủ trương, đường lối của Đảng và được cụ thể hóa thành các chính sách và quy định của pháp luật. Đảng đã sớm có chủ trương đúng đắn về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là từ Đại hội XI (năm 2011) đến nay. Đến Đại hội XIII (năm 2021), quan điểm về phát triển nguồn nhân lực tiếp tục được kế thừa với tư duy sáng tạo, đột phá; văn kiện Đại hội xác định: *“Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài...”*⁽¹⁾. Quan điểm này đã thể hiện tư duy, tầm nhìn mới của Đảng ta không chỉ trong việc phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, mà còn chú trọng tới việc thu hút, trọng dụng nhân tài, ưu đãi nguồn nhân lực chất lượng cao.

Chủ trương, đường lối của Đảng nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó có nhân lực nữ, đã được cụ thể hóa qua nhiều văn bản luật pháp, chính sách như: Luật Bình đẳng giới năm 2006 (có hiệu lực từ ngày 01-7-2007) là văn bản pháp lý có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm bình đẳng giới ở hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực lao động và lĩnh vực chính trị; Quyết định số 579/QĐ-TTg, ngày 19-4-2011, của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020; Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28-4-2011, của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021, t. 1, tr. 203 - 204.

2011 - 2030; Nghị định số 140/2017/NĐ-CP, ngày 05-12-2017, của Chính phủ, về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; Quyết định số 899/QĐ-TTg, ngày 31-7-2023 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050...

Đối với công tác phát triển đội ngũ cán bộ nữ tham gia hệ thống chính trị, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản, trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu về cán bộ nữ, như:

- Nghị quyết số 11/NQ-TW, ngày 27-4-2007, của Bộ Chính trị, về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xác định nguyên tắc và đề ra chỉ tiêu: Thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ về độ tuổi trong quy hoạch, đào tạo, đề bạt và bổ nhiệm cán bộ; phấn đấu đến năm 2020, cán bộ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp đạt từ 25% trở lên, nữ đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp từ 35% đến 40%. Các cơ quan, đơn vị có tỷ lệ nữ từ 30% trở lên, nhất thiết có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ. Cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ có tỷ lệ nữ phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới.

- Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19-5-2018, của Bộ Chính trị khóa XII, về *tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*, xác định chỉ tiêu: Đến năm 2030 phải có cán bộ nữ trong cơ cấu ban thường vụ cấp ủy và tổ chức đảng các cấp. Tỷ lệ nữ cấp ủy viên các cấp đạt từ 20% - 25%; tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp đạt trên 35%.

- Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30-5-2019, của Bộ Chính trị, về *đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng* xác định chỉ tiêu: Phấn đấu đạt tỷ lệ cấp ủy viên nữ từ 15% trở lên và có cán bộ nữ trong ban thường vụ.

- Quy định số 50-QĐ/TW, ngày 27-12-2021, của Ban Chấp hành Trung ương, về *công tác quy hoạch cán bộ* quy định: Phấn đấu cơ cấu, tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng cán bộ nữ từ 25% trở lên.

- Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: Bảo đảm có ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp là phụ nữ.

- Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14, ngày 11-01-2021, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bố số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2025 xác định: Phấn đấu tỷ lệ phụ nữ trúng cử khoảng 30% tổng số đại biểu HĐND.

- Quyết định số 2282/QĐ-TTg, ngày 31-12-2020, *phê duyệt Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021 - 2030”*, đề ra một số chỉ tiêu: Đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75%, các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ. Tỷ lệ cán bộ nữ trong diện quy hoạch các chức danh quản lý, lãnh đạo các cấp đạt ít nhất 40% vào năm 2025 và đạt 50% vào năm 2030. Tỷ lệ cán bộ nữ trong diện quy hoạch các chức danh quản lý, lãnh đạo các cấp được đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực đạt 75% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

- Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030⁽²⁾ nhắc lại chỉ tiêu: Đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ.

Các văn bản trên là cơ sở chính trị, pháp lý quan trọng để đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó có nguồn nhân lực nữ ở Việt Nam hiện nay.

2. Thực trạng nguồn nhân lực nước ta

Trong những năm qua, nguồn nhân lực nói chung của nước ta đã và đang dần tăng lên cả về quy mô và chất lượng; trong đó, phụ nữ là nguồn nhân lực quan trọng, đã và đang tham gia ngày càng nhiều vào tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, có nhiều đóng góp đặc biệt trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Theo số liệu công bố mới nhất của Tổng cục Thống kê, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước năm 2023 đạt 52,4 triệu người, cao hơn 666,5 nghìn người so với năm 2022, trong đó lực lượng lao động nữ chiếm 46,7%; tỷ lệ lao động nói chung qua đào tạo có bằng, chứng chỉ chiếm 27%, tăng 0,6% so với năm 2022. Theo nhận định của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi lao động tham gia vào lực lượng lao động của nước ta luôn ở mức cao hơn so với

(2) Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-CP, ngày 3-3-2021, của Chính phủ

trung bình thế giới, đạt trên 70% (năm 2022, do ảnh hưởng, tác động của dịch COVID-19, tỷ lệ này giảm xuống còn 61,6%). Cùng với sự tăng lên về số lượng, nhân lực chất lượng cao của nước ta cũng tăng đáng kể, trong đó có một số ngành đạt trình độ khu vực và quốc tế, như: y tế, cơ khí, công nghệ, xây dựng...

Lực lượng nữ trí thức ngày càng đông đảo, chiếm 42% tổng số trí thức của cả nước và có nhiều đóng góp quan trọng trong mọi mặt của đời sống xã hội, nhiều người trong số họ có học hàm, học vị cao. Theo danh sách được công nhận chức danh giáo sư, phó giáo sư của Hội đồng Giáo sư Nhà nước, giai đoạn 2019 - 2023, trong tổng số 2.059 vị, có 534 giáo sư và phó giáo sư là nữ, chiếm tỷ lệ 26%. Trong nghiên cứu khoa học, nhiều nữ trí thức đã làm chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước hoặc các nhiệm vụ thuộc các chương trình trọng điểm cấp quốc gia với kết quả đầu ra có tính khoa học và ứng dụng cao, được xã hội ghi nhận.

Trong hệ thống chính trị, nguồn nhân lực chất lượng cao là lực lượng tham mưu cho Đảng, Nhà nước hoạch định chiến lược, kế hoạch, giải pháp xây dựng, phát triển đất nước và là lực lượng lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các chiến lược, kế hoạch, giải pháp đó. Đây là đội ngũ đại diện cho lực lượng lao động nữ trong cả nước, đã và đang đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo quan trọng và có những đóng góp tích cực trong sự nghiệp xây dựng và phát triển địa phương, đất nước, cụ thể:

Trong khối cơ quan Đảng: Đầu nhiệm kỳ 2020 - 2025, tỷ lệ nữ tham gia Bộ Chính trị là 5,6%, nữ trong Ban Bí thư là 18,2%, nữ trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII chiếm 9,5%. Tỷ lệ nữ cấp ủy ở 3 cấp địa phương đều tăng so với nhiệm kỳ trước, đạt và vượt chỉ tiêu 15%⁽³⁾. Nữ bí thư, phó bí thư ở cả 3 cấp cũng tăng với 14,3% bí thư tỉnh ủy là nữ, 11,4% phó bí thư tỉnh/thành ủy là nữ; nữ chủ chốt cấp ủy cấp huyện chiếm khoảng 10% và cấp xã là hơn 10%⁽⁴⁾. Trình độ chuyên môn và lý luận chính trị cũng cao hơn so với nhiệm kỳ trước với 100% nữ cấp ủy cấp tỉnh có trình độ chuyên môn đại học trở lên và có trình độ lý luận chính trị cao cấp, cử nhân; ở cấp huyện, tỷ lệ này là 99,7% và 90,2%; cấp cơ sở là 85,9% và 91,2%.

Trong khối cơ quan dân cử và chính quyền các cấp:

Tỷ lệ nữ tham gia đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 đều cao hơn nhiệm kỳ trước, trong đó, tỷ lệ

(3) Cấp tỉnh đạt 15,7% (tăng 2,4%), cấp huyện 17% (tăng 2,7%), cấp cơ sở 20,8% (tăng 1,1%)

(4) Nữ bí thư cấp xã là 11,4% và nữ phó bí thư là 14,8%

nữ đại biểu Quốc hội đạt và vượt chỉ tiêu 30% - cao nhất kể từ Quốc hội khóa VI trở lại đây và là lần thứ hai trong 15 khóa Quốc hội đạt trên 30%. Trong số 151 nữ đại biểu khóa XV, có 120 nữ đại biểu có trình độ chuyên môn trên đại học (chiếm 79,5%) và 137 nữ đại biểu có trình độ lý luận chính trị cao cấp và cử nhân (chiếm 90,73%), cao hơn so với nhiệm kỳ trước. Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 đều đạt 29%⁽⁵⁾ và gần chạm đến chỉ tiêu 30%⁽⁶⁾. Về trình độ: nữ đại biểu hội đồng nhân dân cả 3 cấp đều có trình độ chuyên môn và lý luận chính trị cao hơn so với nhiệm kỳ trước; trong đó, gần 100% nữ đại biểu hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện có trình độ chuyên môn đại học trở lên, đối với cấp xã, tỷ lệ này là 61,92%; 95,44% nữ đại biểu cấp tỉnh và 96,95% nữ đại biểu cấp huyện có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên; ở cấp xã tỷ lệ này là 71,24%.

Đối với nữ lãnh đạo chủ chốt các bộ, ngành Trung ương và địa phương, theo Báo cáo của Bộ Nội vụ⁽⁷⁾, trong tổng số 30 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, có 04 nữ bộ trưởng, chiếm 13,34%, 12/108 nữ thứ trưởng và tương đương chiếm 11,12% (tăng 8 người so với năm 2022); 02/15 tổng cục trưởng là nữ, chiếm 13,33% và 07/48 phó tổng cục trưởng là nữ, chiếm 14,6%. Có 77/765 cục, vụ trưởng và tương đương là nữ, đạt 10,06% (tăng so với năm 2022 là 72 người); 437 trong tổng số 1.874 phó cục trưởng, phó vụ trưởng và tương đương là nữ, đạt 23,3% (tăng 364 người so với năm 2022). Đối với các cấp địa phương: có 4.279/30.686 chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp là nữ, đạt 13,9% (tăng so với năm 2022 là 4.243 người); 780/5.025 giám đốc, phó giám đốc sở và tương đương là nữ, đạt 15,5% (giảm so với năm 2022 là 795 người); 12.864 nữ/44.821 trưởng phòng, phó trưởng các phòng chuyên môn và tương đương, đạt 28,7% (tăng so với năm 2022 là 8.028 người). Nữ lãnh đạo, quản lý các cấp nói chung ngày càng trẻ hóa, có trình độ chuyên môn, lý luận cao hơn, cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ công tác và khẳng định vị thế của mình trong công cuộc xây dựng, phát triển địa phương, đất nước.

Tuy nhiên, nguồn nhân lực nói chung, nhân lực nữ nói riêng, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ta còn hạn chế, trong nhiều trường hợp, lĩnh vực chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, mặc dù nguồn lao động nữ dồi dào và tỷ lệ nữ tham gia lực lượng lao động cao, nhưng

(5) Cụ thể: nữ đại biểu hội đồng nhân dân cấp tỉnh đạt 29% (cao hơn 2,44% so với nhiệm kỳ trước), cấp huyện đạt 29,08%, (cao hơn 1,58%); cấp xã đạt 28,98% (cao hơn 2,39%)

(6) Theo Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14, ngày 11/01/2021, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

(7) Báo cáo số 952/BC-BNV, ngày 26/2/2024, về việc thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2023

tỷ lệ nữ qua đào tạo chỉ chiếm hơn 20%. Tình hình phụ nữ tham chính cơ bản đã có sự chuyển biến tích cực, song ở nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, nhiều địa phương vẫn vắng bóng các nhà lãnh đạo nữ. Tỷ lệ thành viên nữ lãnh đạo trong Chính phủ, Quốc hội vẫn còn thấp, vẫn còn địa phương không có nữ đại biểu Quốc hội⁽⁸⁾, còn cơ sở không có cấp ủy viên là nữ, tỷ lệ nữ đại biểu hội đồng nhân dân một số tỉnh, thành chưa đạt 20%⁽⁹⁾, nữ chủ yếu đảm nhận vị trí cấp phó, giúp việc cho cấp trưởng là nam giới. Nữ trí thức chưa được bố trí, sử dụng hợp lý, chế độ đãi ngộ chưa tương xứng với đóng góp của họ. Khung chính sách, luật pháp về vai trò, vị thế của nữ trí thức trong sự phát triển bền vững chưa được thể hiện rõ nét. Hoạt động đào tạo nguồn nhân lực nữ chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chưa tạo được môi trường thuận lợi để phát huy sức sáng tạo, thu hút nhân tài... Bên cạnh đó, phụ nữ vẫn phải đối mặt nhiều thách thức từ tư tưởng định kiến giới, do đó, giải quyết hài hòa giữa sự nghiệp và gia đình luôn là bài toán khó đối với phụ nữ.

3. Những hạn chế, bất cập về chính sách xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Với hệ thống quy định, chính sách, luật pháp ngày càng đầy đủ và hoàn thiện, chất lượng nguồn nhân lực của nước ta đã từng bước được cải thiện; lực lượng lao động nữ với quy mô tương đối lớn, cơ cấu đa dạng, có mặt ở hầu hết các ngành, nghề, lĩnh vực trong nền kinh tế, một số ngành lao động nữ chiếm số đông, đội ngũ cán bộ nữ có bước trưởng thành. Tuy nhiên, việc xây dựng, phát triển và thực hiện chính sách đối với nguồn nhân lực nữ chất lượng cao hiện nay vẫn còn những hạn chế:

- Chính sách phát triển nguồn nhân lực nữ của nhiều ngành, địa phương mới chỉ đề cập theo vùng, miền, ngành, nghề, lĩnh vực mà chưa có quy định đặc thù cho phụ nữ, làm hạn chế cơ hội việc làm, thậm chí khiến phụ nữ dễ mất việc làm, thu nhập thấp hơn thu nhập bình quân chung của xã hội và chịu nhiều thiệt thòi trong việc thụ hưởng các chính sách xã hội. Bên cạnh đó, các chính sách này chưa được thực hiện một cách đồng bộ, còn tùy thuộc vào khả năng, điều kiện và sự quan tâm của người đứng đầu từng bộ, ngành, địa phương.

- Các quy định về thu hút, trọng dụng nhân tài còn mang tính nguyên tắc, quy định riêng lẻ trong văn bản của các bộ, ngành, địa phương; nội dung các quy định chủ yếu mới chỉ đề cập đến những ưu tiên, ưu đãi ở khâu đầu vào,

(8) Thành phố Hải Phòng, tỉnh Cà Mau

(9) Tỉnh Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa, Long An và An Giang

như: thực hiện xét tuyển đối với sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc và cán bộ khoa học trẻ, chế độ phụ cấp đối với đối tượng này mà chưa quy định cụ thể các nội dung quan trọng khác, như: cách thức sử dụng, phát huy trí tuệ, sở trường của người tài, tạo môi trường làm việc phù hợp để giữ chân họ... dẫn đến tình trạng người tài sau khi được thu hút, tuyển dụng có tâm lý muốn nghỉ việc, chuyển việc.

- Công tác quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, nhất là quy hoạch nhân lực nữ của ngành, địa phương còn hạn chế, thiếu biện pháp cụ thể để triển khai hiệu quả. Việc thực hiện các chỉ tiêu về cán bộ nữ cũng như khai thác tối đa tiềm năng của nguồn lao động nữ chất lượng cao ở nhiều địa phương chưa được quan tâm đúng mức.

- Chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nói chung, trong đó có nhân lực nữ nói riêng chưa toàn diện, chưa theo kịp xu thế và yêu cầu thực tiễn. Tỷ lệ nữ tham gia đào tạo, bồi dưỡng nhìn chung còn thấp nhưng các cơ quan chức năng chưa có giải pháp kịp thời, hiệu quả; chưa phát huy được hết thế mạnh của lực lượng phụ nữ thuộc nhóm “dẫn dắt”, như: nữ quản lý, lãnh đạo, nữ doanh nhân, nữ trí thức...

4- Một số kiến nghị chính sách ưu đãi nguồn nhân lực nữ chất lượng cao

Một là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật nhằm khuyến khích, động viên, tạo điều kiện hỗ trợ nguồn nhân lực nữ chất lượng cao phát huy tiềm năng, thế mạnh của mình đóng góp cho địa phương, đất nước

Đảng, Nhà nước tiếp tục quan tâm xây dựng, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao, chú trọng nâng cao cả về thể lực lẫn trí lực cho nguồn lao động nữ; nghiên cứu chính sách cải cách tiền lương, chế độ đãi ngộ hợp lý, bảo đảm tái tạo sức lao động và nâng cao mức sống của lao động nữ; đặc biệt chỉ đạo thực hiện tốt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó có nguồn nhân lực nữ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

Các bộ ngành, địa phương quan tâm xây dựng, tạo môi trường làm việc có tính đến các đặc thù của phụ nữ để tạo điều kiện cho họ phát huy hết tài năng, trí tuệ, cống hiến cho sự phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương, đất nước. Quan tâm đào tạo, bố trí và sử dụng nhân tài phù hợp với năng lực, sở trường

của họ để tạo động lực thúc đẩy họ không ngừng lao động sáng tạo, cống hiến cho địa phương, cơ quan, đơn vị. Nghiên cứu cơ chế áp dụng đối với nhân tài về đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, bầu cử không phụ thuộc vào thâm niên, thời gian công tác, độ tuổi, vùng, miền.

Quan tâm chính sách đối với cán bộ nữ tham gia các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tạo điều kiện cho các nhà khoa học nữ tham gia thông qua việc quy định một tỷ lệ nữ nhất định trong số những người đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn để giao nhiệm vụ. Ngoài ra, khi vinh danh, khen thưởng những người làm khoa học thì nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn có tính đến yếu tố giới, hoặc tăng cơ cấu giải thưởng dành cho cán bộ khoa học nữ vì để đạt được cùng một thành tích, phụ nữ cần nỗ lực phấn đấu và hy sinh nhiều hơn so với nam giới.

Các cấp, các ngành, địa phương quan tâm ban hành chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài hợp lý, tránh tình trạng “chảy máu chất xám”. Ngoài ra, chú trọng đến chính sách phân bổ nguồn lực chất lượng cao cho các vùng, miền, địa phương có điều kiện khó khăn nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền. Đổi mới chương trình, nội dung và cách thức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho nguồn nhân lực nữ; xây dựng các chương trình, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng đặc thù cho lao động nữ đạt chuẩn quốc gia, khu vực, quốc tế ở các trình độ; chú trọng việc cập nhật kiến thức, kỹ thuật, công nghệ mới; phát triển các chương trình đào tạo, hình thức tổ chức đào tạo linh hoạt theo yêu cầu của người học: đào tạo trực tuyến, đào tạo tại chỗ, tăng cường hướng dẫn, kèm cặp, vừa làm vừa học...; chú trọng phát triển các chương trình và hình thức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp cho các nhóm phụ nữ đặc thù.

Hai là, tiếp tục thực hiện các chính sách, giải pháp nhằm thúc đẩy phụ nữ tham gia ngày càng nhiều hơn vào lĩnh vực chính trị

Một trong những vấn đề mấu chốt dẫn đến những bất bình đẳng về cơ hội tham gia chính trị của phụ nữ so với nam giới là sự chênh lệch về tuổi nghỉ hưu. Hiện khoảng cách tuổi nghỉ hưu của nam và nữ đã dần được thu hẹp nhưng đến năm 2035 vẫn chênh nhau hai năm, trong khi tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ nam và nữ hiện nay vẫn như nhau. Vì thế, với quy định hiện hành, nữ giới sẽ bị hạn chế cơ hội hơn so với nam giới do nghỉ hưu trước. Điều này dẫn đến lãng phí nguồn lực do cán bộ nữ phải nghỉ chế độ khi đang trong độ tuổi chín về kiến thức, kỹ năng và dày dặn về kinh nghiệm công tác. Với quy định về tuổi nghỉ hưu của nam và nữ như hiện nay, cần nghiên cứu điều chỉnh

các điều kiện, tiêu chuẩn quy hoạch, bổ nhiệm đối với cán bộ nữ phải tính đến đặc thù về tuổi nghỉ hưu của nam và nữ để cán bộ nữ không bị thiệt thòi và không bị lãng phí nguồn nhân lực. Đồng thời, có cơ chế hỗ trợ cán bộ nữ trong tham gia đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển công tác để tạo nguồn cán bộ nữ cho Đảng và hệ thống chính trị (thực tiễn cho thấy, hiện có rất ít bộ, ngành, địa phương có chính sách riêng để hỗ trợ, khuyến khích nữ cán bộ công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng hay luân chuyển).

Các cấp ủy đảng, nhất là người đứng đầu quan tâm, bảo đảm tỷ lệ nữ trong đào tạo, quy hoạch đặc biệt là cán bộ nữ trẻ, cán bộ nữ người dân tộc thiểu số; có chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho cán bộ nữ rèn luyện gắn với quy hoạch để tạo nguồn nhân sự nữ chất lượng, chuẩn bị cho đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 và bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Quan tâm kiện toàn, bổ sung cấp ủy kịp thời, đặc biệt ở những địa phương, đơn vị chưa đạt chỉ tiêu cán bộ nữ cấp ủy và chưa có nữ trong ban thường vụ; chú trọng bố trí, sắp xếp, luân chuyển cán bộ nữ đủ tiêu chuẩn vào các vị trí lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là các vị trí chủ chốt còn khuyết. Chú trọng tạo nguồn ngay từ lúc tuyển dụng, có chính sách thu hút đối với những nữ sinh viên xuất sắc để tạo nguồn cán bộ nữ. Quan tâm phát triển đảng viên nữ ở các vùng có đạo, vùng đông đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo; đồng thời củng cố, nâng cao chất lượng cũng như phát huy vai trò của đội ngũ đảng viên nữ tại địa bàn.

Ba là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đối với nguồn nhân lực nữ chất lượng cao

Các cấp, các ngành, các địa phương, nhất là người đứng đầu, cần nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của nguồn nhân lực nữ chất lượng cao đối với sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới và có biện pháp, giải pháp cụ thể để xây dựng và phát triển nguồn nhân lực nữ bởi các văn bản hiện hành của Đảng, Nhà nước chỉ quy định về phát triển nguồn nhân lực nói chung, chưa có quy định riêng cho phát triển nguồn nhân lực nữ. Thực tế cho thấy, ở nơi nào người đứng đầu quan tâm, có trách nhiệm cao thì ở đó cán bộ nữ sẽ được hỗ trợ, tạo điều kiện nhiều hơn khi được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng; được quan tâm đề bạt, bổ nhiệm, kiện toàn vào các vị trí lãnh đạo, quản lý còn khuyết... qua đó, sẽ xây dựng và phát triển được nguồn nhân lực nữ chất lượng cao và cán bộ nữ được tạo điều kiện để phát huy tiềm năng, thế mạnh của mình, đóng góp xây

dựng địa phương, đất nước. Ngược lại, nếu người đứng đầu, cấp ủy không quan tâm thì sẽ rất khó trong việc xây dựng nguồn nhân lực nữ chất lượng cao của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Bên cạnh đó, cần tiếp tục nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về vai trò, vị trí, khả năng đóng góp của phụ nữ bởi định kiến xã hội luôn là rào cản lớn đối với sự phấn đấu, phát triển của phụ nữ. Những quan điểm, nhìn nhận chưa đúng mức về khả năng của nữ giới là một trong những nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ, sự tham gia và ảnh hưởng của nữ lãnh đạo quản lý từ cấp Trung ương đến địa phương còn hạn chế. Gánh nặng công việc gia đình cũng như thiếu sự hỗ trợ và thấu hiểu từ người thân cũng gây trở ngại đối với phụ nữ trong quá trình thăng tiến và phát triển sự nghiệp. Sự thiếu niềm tin đối với phụ nữ trong hoạt động nghiên cứu khoa học cũng góp phần tạo ra khoảng cách giới trong hoạt động trí tuệ, sáng tạo giữa trí thức nữ và trí thức nam, tác động trực tiếp đến sự phát triển đội ngũ trí thức nữ. Bên cạnh đó, nhiều phụ nữ cũng chưa vượt qua được chính mình, chưa tự tin để phấn đấu, phát triển sự nghiệp. Vì vậy, tuyên truyền để nâng cao vị thế cho người phụ nữ cũng như giúp họ vượt qua được những rào cản là việc cần thiết.

Bốn là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách đối với nguồn nhân lực chất lượng cao

Để đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được hiện thực hóa một cách hiệu quả trong đời sống thì công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi rất quan trọng. Trên cơ sở đó sẽ phát hiện những bất cập, những điểm chưa phù hợp, chưa làm tốt, những khoảng trống giữa quy định và hiện thực để có biện pháp điều chỉnh kịp thời. Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường kiểm tra cấp dưới và lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, bảo đảm thực hiện tốt quy định của pháp luật về xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao và các chỉ tiêu về cán bộ nữ. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát cũng cần có cơ chế thưởng - phạt rõ ràng. Thực tế cho thấy, đến nay, chưa có cơ quan, tổ chức nào chịu trách nhiệm khi không thực hiện đủ các chỉ tiêu về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động hay lĩnh vực chính trị. Việc thiếu công cụ giám sát và xử lý khi không bảo đảm yêu cầu đã tạo nên khoảng cách giữa nghị quyết, chỉ thị của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước với thực thi trong thực tiễn.

Có thể nói, phát triển bền vững là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới, trong đó, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố quyết định, bảo đảm cho sự phát triển

nhanh, hiệu quả và bền vững của mỗi quốc gia. Điều này đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải có quan điểm, chính sách phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của từng giai đoạn cụ thể. Để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thành công, cần có các chính sách phù hợp, Nhà nước cần chú trọng xây dựng và phát triển nguồn nhân lực một cách tổng thể, mang tính chiến lược lâu dài, nhằm xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao có cơ cấu, chất lượng hợp lý, bảo đảm cả về tâm lực, trí lực và thể lực, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.□

PHÁT HUY HÀO KHÍ “DIÊN HỒNG”, NGƯỜI CAO TUỔI VIỆT NAM TIẾP TỤC CÔNG HIỆN VÌ KHÁT VỌNG DÂN TỘC HÙNG CƯỜNG

NGUYỄN THANH BÌNH

*Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng,
nguyên Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương,
Phó Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi Việt Nam,
Chủ tịch Hội Người cao tuổi Việt Nam*

NGUỜI cao tuổi Việt Nam được Đảng ta xác định là nguồn lực quan trọng, quý báu, là nhân lõi cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc, là chỗ dựa tinh thần cho đất nước phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, góp phần hiện thực hóa khát vọng dân tộc hùng cường.

Hào khí “Diên Hồng” từ trong lịch sử dân tộc

Hào khí “Diên Hồng” là truyền thống bất diệt, thể hiện chí khí xả thân vì nước của người cao tuổi Việt Nam trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, được hun đúc qua biết bao thế hệ, trở thành vốn quý nghìn năm trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Đó là biểu tượng của ý chí tự chủ, tự lực, tự cường được nêu cao bởi các vị phụ lão nước ta.

Ngay từ buổi đầu dựng nước, các bậc phụ lão có vị trí lịch sử đặc biệt, giàu kinh nghiệm sống, nên họ là lực lượng hướng đạo trong cố kết cộng đồng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sức mạnh chế ngự, cải tạo thiên nhiên, lao động, sản xuất, làm ra của cải vật chất cho xã hội, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

Trong các cuộc chiến tranh giữ nước, trước họa xâm lăng, các bậc phụ lão không chỉ đóng vai trò là một lực lượng mưu trí, dũng cảm tham gia đánh giặc,

làm chỗ dựa hậu phương, mà đặc biệt còn là điểm tựa tinh thần bất khuất, kiên trung vì những tấm gương sáng dám xả thân vì xã tắc, tô thắm các trang sử vàng dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về sứ mệnh lịch sử của người cao tuổi trong tiến trình cách mạng

Các giá trị tinh thần dân tộc được tiếp nối và thăng hoa trong thời đại Hồ Chí Minh, tạo nên sức mạnh nội sinh, tiêu biểu cho khí phách Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, xây dựng chế độ mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các bậc tiền bối cách mạng, lãnh đạo Đảng qua các thời kỳ luôn tỏ rõ khí phách anh hùng, sẵn sàng hy sinh vì lý tưởng cách mạng, tiếp tục dõi theo, cống hiến cho Tổ quốc, cho nhân dân. Tấm gương của các bậc tiền bối được lưu truyền, phát huy trong mọi thời kỳ lịch sử. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, người cao tuổi cũng một lòng, một dạ theo Đảng, Bác Hồ làm cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Người cao tuổi luôn hưởng ứng nhiệt huyết các phong trào thi đua ái quốc, sản xuất giỏi, chiến đấu kiên cường, động viên con cháu xả thân vì nước. Qua gần 40 năm đổi mới, người cao tuổi là một trong những lực lượng đi đầu và luôn ủng hộ đường lối đổi mới của Đảng, kiên định mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, góp phần đưa sự nghiệp đổi mới đất nước đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, xây dựng cơ đồ dân tộc ngày càng “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”.

Với tâm tư duy sâu rộng, sự nhạy cảm chính trị, sự am tường lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã để lại cho hậu thế nhiều giá trị cốt lõi về sứ mệnh lịch sử của người cao tuổi, gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng, với cách mạng Việt Nam. Quá trình bôn ba tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã có thêm sự tích lũy về sức mạnh đại đoàn kết lực lượng cách mạng quốc tế và trong nước. Ngay sau khi trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng, nhân danh người đứng đầu Mặt trận Việt Minh - mái nhà chung của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có Thư gửi các Phụ lão toàn quốc (ngày 6-6-1941), trong đó khẳng định: “Đất nước hưng thịnh do phụ lão gây dựng. Đất nước tồn tại do phụ lão góp sức. Nước bị mất, phụ lão cứu. Nước suy sụp, phụ lão phù trì. Nước nhà hưng suy, tồn vong, phụ lão đều gánh vác, trách nhiệm rất nặng nề...”⁽¹⁾. Lời hiệu triệu của Người là dấu mốc mở đầu truyền thống người cao tuổi Việt Nam, tiếp nối truyền thống “Diên Hồng”. Quốc dân Đại

(1) Hồ Chí Minh: *Tàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 3, tr. 232

hội Tân Trào, với sự tham gia của nhiều thân sĩ, trí thức, trong đó người cao tuổi là một thành phần quan trọng, thực sự là “Hội nghị Diên Hồng” trước thêm bước ngoặt lịch sử Việt Nam thời hiện đại, nhờ đó đã khích lệ được chí khí người cao tuổi, làm rường cột tập hợp, giác ngộ đông đảo quần chúng đi theo Đảng, tạo nên sức mạnh long trời lở đất tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân tháng Tám năm 1945. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời nhiều bậc trí thức cao niên tham gia vào chính phủ cách mạng, khích lệ phụ lão phát huy tinh thần yêu nước, hăng hái tham gia kháng chiến vệ quốc và kiến thiết nước nhà, giúp nước nhà vượt qua tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, cổ vũ con cháu tham gia kháng chiến và xây dựng chế độ mới.

Không chỉ là người hướng đạo tập hợp, tổ chức lực lượng cách mạng với nòng cốt là người cao tuổi, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là tấm gương sáng về tài năng, đức độ cách mạng. Từ thời trai trẻ đến tuổi “xưa nay hiếm”, dù ở cương vị nào, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Người luôn hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Trong mỗi quan tâm chung tới mọi giai tầng xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành mỗi quan tâm, ân cần đặc biệt tới người cao tuổi. Người tặng quà, nói chuyện động viên, căn dặn người cao tuổi phải làm chỗ dựa tinh thần cho con cháu, gửi thư khích lệ tinh thần “tuổi cao chí càng cao” của người cao tuổi trong chiến đấu và sản xuất. Trong *Di chúc* thiêng liêng, Người dành muôn vàn tình yêu thương cho trẻ thơ và phụ lão. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, người cao tuổi là một biểu tượng cao đẹp tô đậm truyền thống yêu nước thương nòi, góp phần quan trọng làm nên sức mạnh dân tộc thời hiện đại, là vốn quý đưa nước nhà tới giàu đẹp, phồn vinh, hạnh phúc.

Quan điểm của Đảng về người cao tuổi Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng

Phát huy truyền thống “Diên Hồng”, vai trò người cao tuổi trong tiến trình lịch sử dân tộc trong 94 năm qua, Đảng, Nhà nước luôn có chủ trương, chính sách đúng đắn, nhất quán, nhằm tôn vinh người cao tuổi, bảo vệ, chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngay trong các văn kiện đầu tiên, Đảng luôn đặt người cao tuổi vào vị trí quan trọng, là một bộ phận đặc biệt trong tập hợp lực lượng cách mạng đi theo Đảng.

Sau khi nước nhà được độc lập, đồng bào được tự do, Đảng, Nhà nước đã quan tâm từng bước cải thiện đời sống, bảo đảm an sinh xã hội cho người cao tuổi. Trong 2 cuộc kháng chiến vệ quốc kéo dài 30 năm, tiếp đến là 2 cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tổ quốc, người cao tuổi được Đảng, Nhà nước xác định

là một lực lượng tiêu biểu cho tinh thần “tuổi cao chí càng cao”, được huy động tối đa vào sự nghiệp chống ngoại xâm, kiến thiết chế độ mới. Phụ lão được tôn vinh trên các lĩnh vực, cùng con cháu cầm súng đánh giặc, làm giao liên, nuôi giấu cán bộ kháng chiến trong vùng địch hậu...

Bước vào thời kỳ đổi mới, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 59-CT/TW, ngày 27-9-1995, “Về chăm sóc người cao tuổi”. Ngày 23-11-2009, Quốc hội khóa XII thông qua Luật Người cao tuổi với 6 chương, 31 điều. Luật quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của người cao tuổi, chính sách của Nhà nước đối với người cao tuổi, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân đối với người cao tuổi, quỹ chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi, quy định rõ hành vi bị cấm thực hiện đối với người cao tuổi. Ngày 24-9-1994, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 523/QĐ-TTg “Về việc cho phép thành lập Hội Người cao tuổi Việt Nam”. Ngày 25-4-2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 544/QĐ-TTg, “Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam”. Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25-10-2017, của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, “Về công tác dân số trong tình hình mới” đưa ra mục tiêu: “Bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội; xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của người sử dụng lao động và người lao động cao tuổi. Tích cực, chủ động xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi”⁽²⁾. Ngày 23-6-2023, Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 58-KL/TW “Về công tác người cao tuổi và hội người cao tuổi trong tình hình mới”, trong đó nhấn mạnh cần tăng cường sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự phối hợp của các tổ chức, đoàn thể và sự chia sẻ của toàn xã hội đối với người cao tuổi.

Ngày nay, trước bối cảnh mới, yêu cầu mới của cách mạng, rất cần khơi dậy ý chí tự lực, tự cường của toàn dân; muốn làm được điều ý nghĩa đó, không thể không tính đến vị trí, vai trò người cao tuổi. Để cơ đồ dân tộc Việt Nam ngày càng “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”, người cao tuổi Việt Nam cần tự tôn vinh và lan tỏa truyền thống “Diên Hồng” vào cuộc sống đương đại, tiếp tục là điểm tựa tinh thần dân tộc, rường cột quốc gia, đem vốn kinh nghiệm và nhiệt huyết của mình truyền lại cho thế hệ sau, cổ vũ, động viên con cháu và toàn xã hội quyết chí, đồng lòng đưa dân tộc ta từng bước sánh vai với các cường quốc năm châu.

Công tác người cao tuổi là hoạt động xã hội có tính đặc thù, được Đảng, Nhà nước quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; do người cao tuổi đảm trách, trong đó nòng

(2) Xem: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xii/nghi-quyet-so-21-nqtw-ngay-25102017-hoi-nghi-lan-thu-sau-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-ve-cong-tac-dan-so-trong-571>

cốt là tổ chức hội người cao tuổi các cấp nhằm chăm sóc, bảo vệ người cao tuổi trước mọi biến động khách quan, chủ quan, giúp cho người cao tuổi Việt Nam sống thật khỏe, thật vui, thật hạnh phúc, đồng thời phát huy tối đa vai trò người cao tuổi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quan tâm, bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của người cao tuổi vừa tiếp nối truyền thống văn hóa dân tộc, đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, trọng trí, trọng đức đối với phụ lão, vừa góp phần bồi đắp và định hướng giá trị nhân bản, nhân văn cho văn hóa và con người Việt Nam thời hiện đại.

Bối cảnh tình hình thế giới hiện nay đang có những diễn biến phức tạp, mau lẹ, khó lường, tác động sâu rộng tới hòa bình, ổn định chung; cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; các yếu tố an ninh truyền thống và phi truyền thống; biến đổi khí hậu theo xu hướng tiêu cực đang đặt ra nhiều vấn đề bức thiết đối với an ninh toàn cầu và từng quốc gia, đòi hỏi con người luôn thích ứng để tồn tại và phát triển, do đó cần có sự chuẩn bị tâm lý và bổ sung kiến thức, hướng dẫn kỹ năng sống cho người cao tuổi.

Bên cạnh đó, tác động của già hóa dân số trên phạm vi thế giới và ở Việt Nam đã và đang đòi hỏi các cấp có thẩm quyền dự báo sát xu hướng làm cơ sở điều chỉnh chính sách phù hợp với tình hình cụ thể của đất nước, địa phương. Có như vậy mới bảo vệ lợi ích chính đáng của người cao tuổi, chăm sóc tốt hơn người cao tuổi, phát huy tối ưu vai trò người cao tuổi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sau gần 40 năm đổi mới, đất nước ta có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay là nhờ một phần công lao to lớn của người cao tuổi qua các thế hệ; đây là niềm vinh dự, tự hào để người cao tuổi nước ta tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò rường cột quốc gia. Trên lộ trình đi tới tương lai, đất nước ta cần vượt qua những thách thức lớn: Đổi mới, không bảo thủ, trì trệ, nhưng phải giữ vững nguyên tắc; giải quyết hài hòa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại; giữ được các giá trị văn hóa truyền thống và chất lọc được tinh hoa văn hóa nhân loại. Trong bối cảnh đó, đối với công tác người cao tuổi, một số vấn đề cần lưu ý như sau:

Một là, nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác người cao tuổi chưa cao, trong lãnh đạo, chỉ đạo chưa thực sự sâu sắc, chưa quan tâm tạo điều kiện hỗ trợ cho hoạt động của Hội; vì thế, hoạt động người cao tuổi ở một số địa phương gặp khó khăn, nhất là về nguồn lực, chưa thể phát

huy tối ưu vai trò người cao tuổi đối với quê hương, đất nước, chưa bảo vệ đầy đủ lợi ích chính đáng của người cao tuổi, chưa chăm sóc sức khỏe tốt cho người cao tuổi.

Hai là, chính sách an sinh xã hội đối với người cao tuổi chưa bảo đảm điều kiện tối thiểu cho cuộc sống tuổi già, trong khi phần nhiều người cao tuổi ở nước ta chưa chuẩn bị một số điều kiện cần thiết cho bản thân để lúc về già ít bị lệ thuộc con cháu, nên đời sống còn bấp bênh.

Ba là, người cao tuổi đang đứng trước áp lực cả về vật chất và tinh thần; trong xã hội, còn một bộ phận có biểu hiện coi người cao tuổi là gánh nặng của gia đình và xã hội; một bộ phận người cao tuổi sống thọ, nhưng chưa khỏe, chưa vui, chưa hạnh phúc.

Bốn là, một số biểu hiện chưa đúng với thuần phong, mỹ tục, thậm chí lệch lạc, đứt gãy từ trong gia đình, cộng đồng, trong đó có sự ứng xử phi văn hóa, phi đạo đức với người cao tuổi, tạo tâm lý không tốt cho người cao tuổi, gây nhức nhối trong dư luận xã hội.

Vì vậy, mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cần coi người cao tuổi là lực lượng quan trọng, là nguồn lực phát triển, là nhóm ưu tiên của công tác an sinh xã hội. Trong nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp và trong toàn xã hội cần thể hiện rõ hơn nữa tư duy giàu tính nhân văn, đậm tính văn hóa, thay vì coi người cao tuổi là gánh nặng xã hội, cần đề cao, trân trọng, coi là “hồng phúc dân tộc”.

Cán bộ, hội viên người cao tuổi tự giác, gương mẫu học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, cống hiến vì nghĩa lớn, không ngừng đổi mới, sáng tạo, kết nối sức mạnh tổng hợp với các lực lượng trong hệ thống chính trị và xã hội, mở rộng giao lưu quốc tế, khái quát lý luận, đúc kết kinh nghiệm thực tiễn, xây dựng Hội Người cao tuổi trở thành nòng cốt các phong trào thi đua yêu nước, gương mẫu trong học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tô đậm truyền thống vẻ vang của Hội.

Già hóa dân số là xu hướng toàn cầu và đang diễn ra với tốc độ rất nhanh ở Việt Nam, có sự đan xen thời cơ và thách thức đối với công tác chăm sóc, bảo vệ và phát huy vai trò người cao tuổi. Nâng cao chất lượng sống, phát huy tối đa vai trò người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số nhanh cần được đặt trong tầm nhìn chiến lược phát triển bền vững đất nước, trong đó, Hội Người cao tuổi có vai trò quan trọng, nòng cốt. Công tác người cao tuổi, hoạt động của

Hội Người cao tuổi vừa tự chủ, sáng tạo, nỗ lực vượt khó phấn đấu cho quyền lợi chính đáng của mình, vừa kết nối lực lượng xã hội tham gia tích cực vào giải quyết những vấn đề căn cốt của công tác người cao tuổi, đổi mới hoạt động của Hội, nâng cao vị thế, uy tín người cao tuổi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, trong thời gian tới, Hội tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Thứ nhất, tạo chuyển biến mới về nhận thức và hành động trong toàn xã hội đối với việc bảo đảm an sinh xã hội đối với người cao tuổi. Theo đó, Hội Người cao tuổi chủ động phối hợp tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp cụ thể hóa quan điểm của Đảng về bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người cao tuổi; tổ chức các hoạt động thiết thực, hiệu quả thực hiện toàn diện, đồng bộ các nội dung cốt lõi trong ba trụ cột bảo vệ người cao tuổi, hạn chế tối đa tác động, ảnh hưởng tiêu cực từ già hóa dân số, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, xung đột sắc tộc...

Thứ hai, nâng cao chất lượng sống cho người cao tuổi, giúp người cao tuổi được sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc. Theo đó, Hội Người cao tuổi Việt Nam tích cực, chủ động phối hợp tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp cụ thể hóa quan điểm của Đảng về chăm sóc người cao tuổi cả về thể chất và tinh thần; tổ chức các hoạt động thiết thực, hiệu quả thành lập các trung tâm chăm sóc người cao tuổi, thực hiện chính sách chăm sóc y tế cho người cao tuổi, bảo đảm mức trợ cấp tương xứng với mức sống tối thiểu cho người cao tuổi.

Thứ ba, phát huy vai trò người cao tuổi trong đời sống chính trị của đất nước. Đây là nhiệm vụ, giải pháp đột phá trong công tác Hội Người cao tuổi trong bối cảnh mới, góp phần làm tăng nội lực đưa đất nước vượt qua khó khăn, biến thách thức thành thời cơ, khẳng định vai trò, vị thế, chí khí “Diên Hồng” của người cao tuổi nước nhà trong mọi hoàn cảnh. Theo đó, hội người cao tuổi các cấp tích cực tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp cụ thể hóa quan điểm của Đảng về phát huy vai trò người cao tuổi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tổ chức các hoạt động phối hợp giữa hội người cao tuổi các cấp với cơ quan, tổ chức liên quan, phát huy vai trò người cao tuổi trước hết từ cơ sở tham gia tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc...

Thứ tư, tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy Hội Người cao tuổi Việt Nam. Theo đó, Hội Người cao tuổi Việt Nam chủ động tham mưu với cấp ủy,

chính quyền các cấp triển khai thực hiện việc kiện toàn, củng cố hệ thống tổ chức Hội ở 4 cấp theo đúng chỉ đạo của Ban Bí thư tại Kết luận số 58-KL/TW, ngày 23-6-2023, về tổ chức và hoạt động của Hội Người cao tuổi Việt Nam; chú trọng bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác Hội. Phối hợp tham mưu đề xuất ban hành chỉ thị mới về chiến lược người cao tuổi trong tình hình mới.

Thứ năm, coi trọng công tác tư tưởng đối với người cao tuổi, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, làm cho Hội Người cao tuổi Việt Nam thực sự là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước, nhân dân nói chung và người cao tuổi nói riêng. Làm tốt điều này, người cao tuổi thực sự là rường cột bảo vệ Đảng, Nhà nước, tiếp nối được truyền thống yêu nước thương nòi từ ngàn xưa, gắn liền với yêu chế độ xã hội chủ nghĩa trong đời sống chính trị hiện nay. Theo đó, Hội Người cao tuổi Việt Nam chủ động đẩy mạnh đổi mới nội dung, phương thức công tác tư tưởng trong tình hình mới, gắn với đặc thù công tác người cao tuổi, như mở rộng phạm vi tuyên truyền, nâng cao vai trò, uy tín người cao tuổi, lan tỏa truyền thống “tuổi cao chí càng cao” của người cao tuổi trong đời sống xã hội. Quan tâm nắm bắt, phản ánh kịp thời với cấp có thẩm quyền về tâm tư, nguyện vọng chính đáng của người cao tuổi; phản ánh trung thực về tình hình đất nước đến người cao tuổi, góp phần củng cố lòng tin của người cao tuổi đối với sự nghiệp đổi mới đất nước; tạo ra các điều kiện để người cao tuổi được tiếp tục cống hiến, phát huy kiến thức và kinh nghiệm, đặc biệt là trong đấu tranh, phản bác các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, trực tiếp tham gia vào công tác xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh ngay từ cơ sở...

Thứ sáu, kết nối với các tổ chức quốc tế, phối hợp tham mưu công tác đối ngoại nhân dân; đổi mới tư duy hội nhập quốc tế, mở rộng giao lưu, học hỏi kinh nghiệm quốc tế, tham khảo, vận dụng phù hợp vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, nhất là áp dụng một số mô hình tốt thể hiện tính nhân văn trong chăm sóc người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số ở một số quốc gia..

Thứ bảy, chủ động, tích cực tham gia thực hiện một số nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao, như góp ý, phản biện xã hội, tư vấn đối với cấp có thẩm quyền về việc ban hành chủ trương, chính sách, pháp luật; đặc biệt, tham mưu với cấp ủy từ cơ sở tới Trung ương về công tác chuẩn bị tổng kết 40 năm đổi mới, chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, tiến tới Đại hội XIV của Đảng.□

HÀNH ĐỘNG CỦA VIỆT NAM VỀ NGƯỜI CAO TUỔI TỪ KHI TIẾN HÀNH ĐỔI MỚI

NGUYỄN HOÀNG VIỆT

Tạp chí Cộng sản

Chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về người cao tuổi

Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn luôn đánh giá cao vai trò, vị trí của người cao tuổi, Hội Người cao tuổi Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong Văn kiện Đại hội VI của Đảng - Đại hội của đổi mới - có nhắc đến vai trò quan trọng của người cao tuổi, những người có trình độ và kinh nghiệm sống trong xã hội, trong việc *tham gia công tác giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ*. Sau khi Đại hội đồng Liên hợp quốc đã bỏ phiếu tán thành và thông qua Nghị quyết số 45/106, ngày 14-12-1990, lấy ngày 1 tháng 10 hàng năm làm ngày quốc tế người cao tuổi, và thông báo cho các quốc gia thành viên, ngày 1-10-1991, đồng chí Võ Chí Công - Chủ tịch Hội đồng Nhà nước (nay là Chủ tịch nước) nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - đã ra lời kêu gọi đồng bào cả nước nhiệt liệt hưởng ứng nghị quyết của Đại hội đồng Liên hợp quốc và khẳng định: *Chăm sóc người cao tuổi là một chính sách rất quan trọng của Đảng, Nhà nước Việt Nam*.

Quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước được ban hành và thực hiện thời gian qua đã minh chứng rõ ràng quyết tâm của Việt Nam trước toàn dân và với toàn thế giới về các chính sách và công tác chăm sóc người cao tuổi.

Ngày 17-9-1992, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ), ra Chỉ thị số 332-CT, "Về việc tổ chức Ngày Quốc tế Người có tuổi 1 tháng 10 hàng năm". Chỉ thị đã chỉ ra những việc các ngành, các cấp, các cơ quan đoàn thể phải làm trong dịp Ngày Quốc tế Người cao tuổi; đồng thời khẳng định: Ngày Quốc tế Người cao tuổi cần được tổ chức tốt, có sự chỉ đạo cụ thể của các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng.

Ngày 24-9-1994, Phó Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 523-TTg, cho phép thành lập Hội Người cao tuổi Việt Nam. Ngày 10-5-1995, tại Thủ đô Hà Nội, Đại hội lần thứ nhất Hội Người cao tuổi Việt Nam quyết định thành lập Hội Người cao tuổi Việt Nam.

Ngày 27-9-1995, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII ban hành Chỉ thị số 59-CT/TW về “Chăm sóc người cao tuổi”. Chỉ thị chỉ rõ: “Người cao tuổi có công sinh thành, nuôi dạy con cháu giữ gìn và phát triển giống nòi, giáo dục các thế hệ thanh niên Việt Nam về nhân cách, phẩm chất và lòng yêu nước. Một bộ phận đông đảo người cao tuổi Việt Nam đã có những đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Song, hiện nay cuộc sống của người cao tuổi chủ yếu vẫn do bản thân và gia đình con cháu bảo đảm, nhiều người, nhất là những người cô đơn, bất hạnh còn gặp rất nhiều khó khăn⁽¹⁾. Chỉ thị khẳng định: “Việc chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của người cao tuổi là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội... chăm sóc, bồi dưỡng, phát huy người cao tuổi phục vụ công cuộc đổi mới... Nhà nước cần dành ngân sách để giải quyết các vấn đề xã hội, trong đó có vấn đề chăm sóc người cao tuổi⁽²⁾”.

Ngày 27-2-1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 117-TTg, “Về chăm sóc người cao tuổi và hỗ trợ hoạt động cho Hội Người cao tuổi Việt Nam”. Chỉ thị chỉ rõ: *Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo các cơ quan chức năng, đơn vị thuộc quyền thường xuyên quan tâm làm tốt công tác chăm sóc người cao tuổi. Công tác này cần được thể hiện trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ngắn hạn và dài hạn của địa phương, trong chỉ tiêu xây dựng gia đình văn hóa, xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư; chỉ đạo các cơ quan văn hóa, thông tin, giáo dục và đào tạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhân dân, nhất là thế hệ trẻ về ý thức, thái độ và nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ, kính trọng người cao tuổi.*

Các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý nhà nước trong khi hoạch định các kế hoạch, phát triển kinh tế, xã hội và các chương trình quốc gia, cần chú ý bồi dưỡng và phát huy nguồn lực người cao tuổi. Hàng năm cần dành một tỷ lệ thích đáng ngân sách để giải quyết các vấn đề xã hội, chăm sóc, bồi dưỡng, phát huy vai trò người cao tuổi và hỗ trợ Hội người cao tuổi.

Ngày 21-10-2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 121/2003/NĐ-CP, quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn, trong

(1) Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t. 54, tr. 378

(2) Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t. 54, tr. 379

đó có Chủ tịch Hội Người cao tuổi xã, phường, thị trấn là cán bộ không chuyên trách được hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng. Ngày 5-8-2004, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 141/2004/QĐ-TTg, thành lập Ủy ban Quốc gia về Người cao tuổi Việt Nam và Quyết định số 301/2005/QĐ-TTg, ngày 21-5-2005, của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt “Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2005 - 2010”.

Đại hội X của Đảng (tháng 4-2006) đã xác định 2 nội dung chăm sóc và phát huy người cao tuổi cũng như cơ sở nền tảng của người cao tuổi - gia đình nhiều thế hệ - là: “Đối với người cao tuổi, chăm sóc sức khỏe, tạo điều kiện để hưởng thụ văn hóa, được thông tin, sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc. Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, chiến đấu của người cao tuổi trong xã hội và gia đình. Xây dựng gia đình “ông bà, cha mẹ mẫu mực, cháu con hiếu thảo”⁽³⁾.

Ngày 23-11-2009, Quốc hội đã thông qua Luật Người cao tuổi, quy định về quyền và nghĩa vụ của người cao tuổi; trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc phụng dưỡng, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; Hội Người cao tuổi Việt Nam.

Ngày 3-2-2010, Ban Bí thư ban hành Thông báo số 305-TB/TW, kết luận “Về kết quả thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW, ngày 27-9-1995 của Ban Bí thư (khóa VII) về chăm sóc người cao tuổi”.

Đại hội XI của Đảng (tháng 1-2011) tiếp tục xác định: “Quan tâm chăm sóc sức khỏe, tạo điều kiện để người cao tuổi hưởng thụ văn hóa, được tiếp cận thông tin, sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc. Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội và gia đình. Tiếp tục xây dựng gia đình “ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo”⁽⁴⁾.

Ngày 1-6-2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg, quy định mức phụ cấp của Chủ tịch Hội Người cao tuổi xã, phường, thị trấn không quá 1,5 lần so với mức lương tối thiểu chung. Ngày 22-11-2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1781/2012/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2012 - 2020”. Ngày 25-4-2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 544/QĐ-TTg,

(3) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 121

(4) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 245

“Tháng hành động vì người cao tuổi”, lấy tháng 10 hàng năm là Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam.

Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội, cộng đồng và gia đình. Tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau”. Kính trọng, bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi. Bảo trợ, giúp đỡ người cao tuổi gặp khó khăn, cô đơn không nơi nương tựa”⁽⁵⁾.

Mới đây nhất, ngày 23-6-2023, Ban Bí thư đã có Kết luận số 58-KL/TW, “Về tổ chức và hoạt động của Hội Người cao tuổi Việt Nam”. Kết luận đã đánh giá về hoạt động của tổ chức hội người cao tuổi, đề ra những yêu cầu để các cấp, các ngành, tổ chức hội tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi; xây dựng Hội Người cao tuổi Việt Nam đáp ứng yêu cầu tình hình mới.

Kết quả thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về người cao tuổi và hoạt động của tổ chức hội người cao tuổi

Trong Thông báo số 305-TB/TW, ngày 3-2-2010, kết luận “Về kết quả thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW, ngày 27-9-1995 của Ban Bí thư (khóa VII) về chăm sóc người cao tuổi”, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X nêu rõ: “Sau hơn 14 năm thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW, ngày 27-9-1995 của Ban Bí thư Trung ương (khóa VII) về chăm sóc người cao tuổi và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác chăm sóc người cao tuổi, nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã có sự chuyển biến tích cực. Tổ chức Hội Người cao tuổi Việt Nam ngày càng phát triển, tập hợp đông đảo người cao tuổi trong cả nước vào sinh hoạt, đóng góp thiết thực vào việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở cơ sở, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, được các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân tin cậy, đánh giá cao”⁽⁶⁾.

Tuy nhiên, việc thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW vẫn còn một số hạn chế, đã được Thông báo số 305-TB/TW chỉ rõ: “công tác chăm sóc và phát huy người cao tuổi chưa đồng đều và rộng khắp. Hoạt động của Hội còn hạn chế về nội dung, hình thức và hiệu quả. Một số nơi, hội người cao tuổi ở cơ sở mới chỉ tập

(5) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. I, tr. 170

(6) Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, t. 69, tr. 41 - 42

trung chủ yếu vào hoạt động tình nghĩa, chăm sóc sức khỏe hội viên. Công tác xã hội hóa chăm sóc, phát huy người cao tuổi tuy đã được quan tâm, động viên, tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội tham gia thực hiện nhưng chưa đạt được kết quả như mong muốn”⁽⁷⁾.

Thông báo số 305-TB/TW chỉ rõ, nguyên nhân chủ yếu của hạn chế, yếu kém là do nhận thức và trách nhiệm của một số cấp ủy đảng, chính quyền và các ngành về người cao tuổi và tổ chức hội người cao tuổi còn chưa đầy đủ.

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém nêu trên, Thông báo số 305-TB/TW chỉ rõ những nhiệm vụ mà các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương cần tập trung thực hiện. Bên cạnh đó, Hội Người cao tuổi Việt Nam cần nâng cao chất lượng hoạt động, xây dựng Hội đủ sức làm nòng cốt trong phong trào toàn dân chăm sóc, phụng dưỡng, phát huy vai trò người cao tuổi; phong trào “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo”; có kế hoạch tuyên truyền phổ biến những kinh nghiệm hay, những điển hình tiên tiến để nhân rộng và nâng cao chất lượng phong trào thi đua; vận động người cao tuổi Việt Nam ở nước ngoài tham gia các hoạt động góp phần xây dựng quê hương, đất nước⁽⁸⁾.

Kết luận số 58-KL/TW, ngày 23-6-2023, của Ban Bí thư, “Về tổ chức và hoạt động của Hội Người cao tuổi Việt Nam” đánh giá: Công tác lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với việc bảo vệ, chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi được tăng cường. Nhận thức của cán bộ, đảng viên và xã hội về vị trí của hội người cao tuổi được nâng cao. Tổ chức bộ máy, cán bộ hội được củng cố, kiện toàn, thực hiện tốt hơn vai trò đại diện cho quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của người cao tuổi; động viên người cao tuổi chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, tăng cường đồng thuận xã hội, góp phần giữ gìn, phát huy giá trị tốt đẹp của văn hóa gia đình, cộng đồng, dân tộc⁽⁹⁾.

Về sự phát triển của tổ chức hội người cao tuổi, cả nước hiện có trên 77.000 câu lạc bộ ở cơ sở với nhiều loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, thu hút trên 2,5 triệu người cao tuổi tham gia. Đặc biệt, Hội đã thành lập 5.500 câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau, thu hút trên 275.000 người cao tuổi tham gia. Mô hình câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau được các tổ chức, cộng

(7) Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, t. 69, tr. 42

(8) Xem: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, t. 69, tr. 43

(9) Xem: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ket-luan-so-58-kltw-ngay-2362023-cua-ban-bi-thu-ve-to-chuc-va-hoat-dong-cua-hoi-nguoi-cao-tuoi-viet-nam-9596>

đồng trong nước, ngoài nước đánh giá cao, đã đoạt giải Nhất “Sáng kiến vì một châu Á già hóa khỏe mạnh”⁽¹⁰⁾.

Về sự đóng góp của người cao tuổi với phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động của hệ thống chính trị, số liệu của Trung ương Hội người cao tuổi cho thấy: hơn 6,5 triệu người cao tuổi đang trực tiếp tham gia lao động sản xuất, trong đó có 400.000 người cao tuổi đạt danh hiệu làm kinh tế giỏi; người cao tuổi đóng góp hơn 11 triệu ngày công, gần 3.500 tỉ đồng, hiến 25 triệu m² đất để xây dựng đường giao thông, kênh mương, nhà văn hóa, trường học, cơ sở y tế... góp phần xây dựng nông thôn mới. 64% số hội viên khuyến học là người cao tuổi; 660.000 người cao tuổi tham gia công tác đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, tổ hòa giải cơ sở; trên 300.000 người cao tuổi tham gia các tổ an ninh nhân dân, phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự cơ sở, cung cấp cho lực lượng công an 200.000 nguồn tin có giá trị, giúp đỡ 90.000 người tái hòa nhập cộng đồng. Người cao tuổi phối hợp giải quyết có hiệu quả hàng chục nghìn vụ mâu thuẫn, khiếu kiện trong nội bộ nhân dân... Hội Người cao tuổi Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hội đã không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, tập hợp và phát triển hội viên; tham gia, đề xuất xây dựng và hoàn thiện thể chế phòng, chống tham nhũng tiêu cực, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, nhất là ở cơ sở⁽¹¹⁾.

Với phong trào thi đua yêu nước, việc triển khai phong trào thi đua yêu nước “Tuổi cao - Gương sáng” đã động viên hàng vạn người cao tuổi ở cơ sở tham gia công tác đảng, chính quyền, các đoàn thể xã hội, góp phần quan trọng xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh. Trong đó, người cao tuổi luôn chủ động tham gia đóng góp ý kiến tâm huyết, trung thực, thẳng thắn với tinh thần trách nhiệm cao trong xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội tại cơ sở⁽¹²⁾.

Việc chăm sóc người cao tuổi ở các địa phương được Hội người cao tuổi các cấp thực hiện thông qua vận động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tài trợ hàng

(10) Xem: Nguyễn Thanh Bình: “Người cao tuổi - Lực lượng quan trọng góp phần phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, *Tạp chí Cộng sản* số 1.010 (tháng 3-2023), tr. 29

(11) Xem: Nguyễn Thanh Bình: “Người cao tuổi - Lực lượng quan trọng góp phần phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, *Tạp chí Cộng sản* số 1.010 (tháng 3-2023), tr. 28 - 29

(12) Xem: Nguyễn Thanh Bình: “Người cao tuổi - Lực lượng quan trọng góp phần phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, *Tạp chí Cộng sản* số 1.010 (tháng 3-2023), tr. 29

vận suất quà, xây mới hàng nghìn ngôi nhà đại đoàn kết, nhà tình thương, chăm sóc người có công với nước. Hằng năm, thông qua Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam, Hội đã vận động được các nguồn lực xã hội chung tay chăm sóc người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người cao tuổi là đồng bào dân tộc thiểu số, ở vùng khó khăn, góp phần giảm chênh lệch giàu nghèo, bất bình đẳng xã hội, tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng⁽¹³⁾.

Đôi điều rút ra từ việc thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về người cao tuổi và hoạt động của tổ chức hội người cao tuổi

Thứ nhất, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm chăm sóc người cao tuổi.

Điều này thể hiện bản chất tiến bộ, nhân văn của chế độ chính trị Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Kết luận số 58-KL/TW, ngày 23-6-2023 của Ban Bí thư khẳng định: “Công tác lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với việc bảo vệ, chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi được tăng cường. Nhận thức của cán bộ, đảng viên và xã hội về vị trí của hội người cao tuổi được nâng cao”⁽¹⁴⁾. Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, từ nhiều năm nay, người cao tuổi được chăm sóc ngày càng tốt hơn; hằng năm có hơn 1,1 triệu người cao tuổi được chúc thọ, mừng thọ; trên 3 triệu người cao tuổi được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, 4 triệu người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ; trên 95% (nhiều địa phương đã hỗ trợ 100% số người cao tuổi) số người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế⁽¹⁵⁾.

Thứ hai, tổ chức hội người cao tuổi thể hiện rõ vai trò của mình trong hệ thống chính trị.

Với chức năng, nhiệm vụ của mình, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tổ chức hội người cao tuổi ngày càng phát huy vai trò quan trọng trong xây dựng và phát triển đất nước. Kết luận số 58-KL/TW, ngày 23-6-2023 của Ban Bí thư đánh giá: “Tổ chức bộ máy, cán bộ hội được củng cố, kiện toàn, thực hiện tốt hơn vai trò đại diện cho quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của người cao tuổi; động

(13) Xem: Nguyễn Thanh Bình: “Người cao tuổi - Lực lượng quan trọng góp phần phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, *Tạp chí Cộng sản* số 1.010 (tháng 3-2023), tr. 29

(14) <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ket-luan-so-58-kltw-ngay-2362023-cua-ban-bi-thu-ve-to-chuc-va-hoat-dong-cua-hoi-nguoi-cao-tuoi-viet-nam-9596>

(15) Xem: Nguyễn Thanh Bình: “Người cao tuổi - Lực lượng quan trọng góp phần phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, *Tạp chí Cộng sản* số 1.010 (tháng 3-2023), tr. 29

viên người cao tuổi chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, tăng cường đồng thuận xã hội, góp phần giữ gìn, phát huy giá trị tốt đẹp của văn hóa gia đình, cộng đồng, dân tộc”⁽¹⁶⁾.

Thứ ba, người cao tuổi Việt Nam luôn đóng góp tích cực trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những đóng góp thiết thực, đa dạng trên mọi lĩnh vực, người cao tuổi Việt Nam luôn xứng đáng với lời chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh với người cao tuổi Việt Nam: “Tuổi tác càng cao, lòng yêu nước càng lớn”. Phát biểu tại Hội nghị toàn quốc biểu dương người cao tuổi tiêu biểu làm kinh tế giỏi lần thứ IV, giai đoạn 2018 - 2023, tổ chức ngày 16-11-2023, Thủ tướng Phạm Minh Chính đánh giá cao và biểu dương tinh thần mạnh mẽ, nghị lực, ý chí nỗ lực vươn lên của người cao tuổi Việt Nam, mà các đại biểu có mặt tại hội nghị là những đại diện tiêu biểu. Đây thực sự là những tấm gương sáng, lay động lòng người, động viên, khích lệ, truyền cảm hứng, tạo động lực, lan tỏa tinh thần tích cực cho thế hệ mai sau. Giai đoạn phát triển mới mang lại cho nước ta những thời cơ, vận hội nhưng cũng tạo ra không ít khó khăn, thách thức. Trong đó, quá trình già hóa dân số diễn ra với tốc độ nhanh so với nhiều nước trong khu vực và thế giới. Thủ tướng yêu cầu: cần tiếp tục bảo vệ, chăm sóc ngày càng tốt hơn, đồng thời, phát huy vị trí, vai trò, trí tuệ, kinh nghiệm, bản lĩnh của người cao tuổi trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh phong trào thi đua “Người cao tuổi làm kinh tế giỏi”⁽¹⁷⁾.

Người cao tuổi của 54 dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam không những là những người lao động cần cù, sáng tạo, góp phần xây dựng hệ giá trị quốc gia, văn hóa, gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam, mà còn là những nhân chứng của lịch sử và rất nhiều người đã trực tiếp góp phần làm nên lịch sử của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, xứng đáng với 18 chữ vàng mà Trung ương Đảng tặng cho người cao tuổi Việt Nam: “Tuổi cao chí càng cao, nêu gương sáng vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁽¹⁸⁾. □

(16) <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ket-luan-so-58-kltw-ngay-2362023-cua-ban-bi-thu-ve-to-chuc-va-hoat-dong-cua-hoi-nguoi-cao-tuoi-viet-nam-9596>

(17) Lê Thành: “Hội Người cao tuổi Việt Nam: Biểu dương 273 người cao tuổi tiêu biểu làm kinh tế giỏi lần thứ IV, giai đoạn 2018-2023”, Trang tin điện tử Hội Người cao tuổi Việt Nam, <https://hoinguoicaotui.vn/phat-huy-vai-tro-nct-2/hoi-nct-viet-nam-bieu-duong-273-nct-tieu-bieu-lam-kinh-te-gioi-lan-6473.html>

(18) Xem: Nguyễn Thanh Bình: “Người cao tuổi - Lực lượng quan trọng góp phần phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, *Tạp chí Cộng sản* số 1.010 (tháng 3-2023), tr. 30

VIỆC LÀM, KHỞI NGHIỆP ĐỐI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI TRONG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ NHANH Ở VIỆT NAM

TS. ĐOÀN HỮU BẢY

Chánh Văn phòng Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam

Già hóa dân số nhanh ở Việt Nam

Già hóa dân số đang là một trong những vấn đề trọng tâm của nhiều quốc gia trên thế giới. Nâng cao chất lượng cuộc sống và gia tăng tuổi thọ trung bình là đánh dấu thành tựu của quá trình phát triển. Tuy nhiên, đồng thời với gia tăng tuổi thọ trong bối cảnh mức sinh thay thế không được duy trì bền vững thì xu thế già hóa dân số nhanh là một tất yếu.

Theo UNFPA (Quỹ dân số Liên hợp quốc), một nước sẽ bước vào giai đoạn “bắt đầu già” khi dân số cao tuổi chiếm 10% tổng dân số và giai đoạn “già” khi dân số cao tuổi chiếm 20% tổng dân số. Nhật Bản là quốc gia “siêu già”, có trên 30% dân số từ 60 tuổi trở lên. Đến 2050, có 64 quốc gia siêu già. Trung bình mỗi năm có 58 triệu người tròn 60 tuổi, mỗi giây có 2 người đến 60 tuổi.

Già hóa dân số là thành tựu của quá trình phát triển, vừa tạo ra cơ hội mới nhưng cũng đặt ra thách thức về kinh tế, xã hội, văn hóa cho mỗi cá nhân, gia đình, xã hội. *Về cơ hội*, tạo ra thị trường mới đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi, như bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, dược phẩm, dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe, dưỡng lão... *Về thách thức*, già hóa dân số gây ra tình trạng thiếu hụt lao động, an sinh xã hội, lương hưu, chi tiêu công, y tế và chăm sóc sức khỏe, nhà ở, giao thông; thay đổi cấu trúc gia đình (khuyết thế hệ)... Những thách thức do xu thế già hóa dân số nhanh sẽ làm tăng gánh nặng kinh tế - xã hội và áp lực cho thực hiện hệ thống an sinh xã hội.

Các ưu tiên để tận dụng cơ hội của già hóa dân số: Nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực cấp quốc gia và địa phương; điều chỉnh chính sách kinh tế - xã hội cần thiết để thích ứng với già hóa. Bảo đảm người cao tuổi được tôn trọng và an sinh, tiếp cận các dịch vụ thiết yếu, có thu nhập tối thiểu thông qua an sinh xã hội quốc gia; cần có tầm nhìn dài hạn, cam kết chính trị mạnh mẽ và nguồn ngân sách đảm bảo. Hỗ trợ cộng đồng và gia đình xây dựng mạng lưới hỗ trợ để người cao tuổi già yếu được chăm sóc lâu dài. Đầu tư cho giới trẻ hiện tại - người cao tuổi trong tương lai qua việc thúc đẩy thói quen có lợi về sức khỏe, cơ hội giáo dục, việc làm, tham gia hệ thống an sinh. Hỗ trợ các nghiên cứu so sánh về già hóa trong nước và quốc tế cung cấp cho việc xây dựng chính sách. Lồng ghép vấn đề già hóa trong các nghiên cứu về giới và ngược lại. Bảo đảm vấn đề già hóa và nhu cầu của người cao tuổi được tính đến trong các chính sách phát triển cấp quốc gia. Bảo đảm vấn đề già hóa và người cao tuổi được tính đến trong các chương trình ứng phó biến đổi khí hậu, thiên tai. Xây dựng các mục tiêu, chỉ số cụ thể về già hóa. Xây dựng văn hóa về tuổi già, người cao tuổi là thành viên tích cực của cộng đồng; ngăn chặn, xử lý các hành vi phân biệt đối xử với người cao tuổi.

Việt Nam bắt đầu bước vào thời kỳ già hóa dân số từ năm 2011, là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Điều đáng lưu ý là quá trình quá độ từ già hóa dân số đến dân số già của Việt Nam chỉ trong vòng 20 năm, trong khi các quốc gia phát triển nói trên kéo dài hàng trăm năm. Theo số liệu của cơ sở dữ liệu dân cư của Bộ Công an, năm 2023, Việt Nam có gần 17 triệu người cao tuổi, trong đó 2/3 người cao tuổi trong độ tuổi sơ lão (từ 60 tuổi - 69 tuổi). Trong độ tuổi sơ lão, người cao tuổi của nước ta vẫn còn sức khỏe, tích lũy được nhiều kiến thức và kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh. Nhiều người cao tuổi nước ta vẫn đang tiếp tục tham gia lao động, sản xuất ra của cải vật chất. Hàng năm có trên 1,1 triệu người cao tuổi được chúc thọ, mừng thọ; trên 3 triệu người cao tuổi được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khoảng 4 triệu người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ; trên 95% người cao tuổi có thẻ BHYT; cả nước có trên 77.000 câu lạc bộ của người cao tuổi ở cơ sở (2,5 triệu người cao tuổi tham gia); Hội Người cao tuổi đã thành lập hơn 6.500 câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau, thu hút trên 200.000 người tham gia. Mô hình này được quốc tế đánh giá cao, đạt giải nhất “Sáng kiến vì một châu Á già hóa khỏe mạnh”.

Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 đạt thành tựu đáng kể, liên tục tăng qua các năm: từ mức 0,682 điểm (năm 2016) lên 0,706 (năm 2020). Vượt qua mức 0,7, Việt Nam từ nhóm các nước HDI

trung bình lên nhóm HDI cao, có sự đóng góp quan trọng của tuổi thọ trung bình (ở vị trí 117/180 quốc gia trên thế giới, 7/11 Đông Nam Á. Việt Nam tăng 12 bậc trong báo cáo hạnh phúc thế giới năm 2023 (từ 77 vào năm 2022 lên vị trí 65), các tiêu chí đánh giá có hỗ trợ xã hội, tuổi thọ trung bình.

Già hóa dân số nhanh đòi hỏi thay đổi chính sách

Một là, già hóa dân số nhanh dẫn đến tình trạng thiếu lao động trong tương lai cũng như nhu cầu an sinh xã hội ngày càng tăng ở người cao tuổi, đặc biệt là phụ nữ lớn tuổi. Khi tỷ lệ người cao tuổi tăng thì nhu cầu về các dịch vụ xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu của họ cũng tăng theo. Việt Nam có hệ thống bảo trợ xã hội tương đối phát triển, tuy nhiên, cần tăng cường hơn nữa khả năng tiếp cận hệ thống bảo trợ xã hội của người cao tuổi, mở rộng phạm vi áp dụng của hệ thống bảo trợ xã hội quốc gia và chương trình trợ giúp xã hội. Đồng thời, cần phải nhìn nhận rằng nhiều người cao tuổi có khả năng và mong muốn làm việc sau độ tuổi nghỉ hưu, đồng thời cần trao cơ hội hoạt động kinh tế cho người cao tuổi.

Hai là, già hóa dân số nhanh sẽ khiến cấu trúc, quy mô gia đình thay đổi. Khi tuổi thọ gia tăng và con người sống lâu hơn, sinh ít con hơn và cũng ít quyền được lựa chọn chăm sóc hơn. So với các nước phát triển thì dịch vụ chăm sóc sức khỏe, tinh thần cho người cao tuổi ở nước ta còn nhiều hạn chế, chưa đa dạng về mô hình và ở cấp độ cá nhân thì phần lớn người cao tuổi thiếu hụt nguồn lực tài chính, hiện nay ở khu vực nông thôn thì đa số người cao tuổi vẫn sống dựa vào sự chăm sóc, hỗ trợ của con cháu là chủ yếu.

Ba là, các nghiên cứu về người cao tuổi cũng đã chỉ ra trong tương lai với tốc độ già hóa vào nhóm nhanh nhất thế giới thì trong vài thập niên tới, người cao tuổi Việt Nam cùng lúc đối mặt với khó khăn về nhà ở, chăm sóc y tế và an sinh xã hội. Hơn nữa khi tuổi thọ tăng lên thì đối với nhóm hưởng lương hưu cũng kéo dài hơn tạo áp lực đối với hệ thống y tế và quỹ lương hưu.

Đứng trước những thách thức trên nhưng Việt Nam còn thiếu sự chuẩn bị cho già hóa dân số ở tương lai gần. Khoảng 10 năm nữa, Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn dân số già nhưng người Việt vẫn chưa sẵn sàng cho cuộc sống hưu trí.

UNFPA đã hỗ trợ Chính phủ Việt Nam xây dựng các chính sách và chương trình ứng phó với vấn đề già hóa dân số, với trọng tâm là áp dụng cách tiếp cận theo vòng đời vào vấn đề già hóa dân số và coi người cao tuổi là nguồn lực, trên

cơ sở tôn trọng quyền chứ không phải là gánh nặng trong quá trình phát triển bền vững. Cụ thể:

Xây dựng khung pháp lý và chính sách áp dụng cách tiếp cận theo vòng đời mang tính chuyển đổi về giới để bảo vệ quyền của các cá nhân khi về già, trao quyền và giúp người cao tuổi hòa nhập xã hội trong các môi trường phát triển, các tình huống có khủng hoảng nhân đạo, đặc biệt liên quan đến khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực gia đình, cơ hội việc làm và bảo đảm tài chính.

Phát triển hệ thống chăm sóc toàn diện, bao gồm cả chăm sóc tập trung và chăm sóc cộng đồng, chú trọng đến các nhóm dễ bị tổn thương như dân tộc thiểu số, người khuyết tật và nạn nhân của bạo lực gia đình.

Hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng về vấn đề già hóa và chăm sóc người cao tuổi cũng như truyền thông cho công chúng về vấn đề già hóa thông qua cách tiếp cận theo vòng đời mang tính chuyển đổi về giới.

Tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực tư nhân đầu tư cung cấp dịch vụ chăm sóc cũng như ứng dụng công nghệ số trong chăm sóc người cao tuổi.

Kinh nghiệm quốc tế

Nhật Bản

Năm 2020, Nhật Bản có trên 36 triệu người từ 65 tuổi trở lên, chiếm 28,7% tổng dân số (khoảng 16 triệu cụ ông, 20 triệu cụ bà), cao nhất thế giới, được gọi là dân số “siêu già”; dự báo tăng lên 30,3% vào năm 2025, 35,3% vào năm 2040. Ngân sách phúc lợi xã hội của Nhật Bản từ năm 1990 đến 2012 tăng từ 1,1% lên 4,3% GDP. Dự báo giai đoạn 2012 - 2025, tỷ lệ người cao tuổi tăng từ 24,2% lên 30,3% nhưng chi phí chăm sóc người cao tuổi chỉ có thể tăng từ 1,8% lên 3,2% GDP.

Giải pháp của Nhật Bản:

+ Đầu tư phát triển mạng lưới an sinh xã hội và hệ thống cơ sở chăm sóc người già trên toàn quốc. Năm 2000, bắt đầu triển khai hệ thống bảo hiểm chăm sóc dài hạn để mọi người cao tuổi trên 65 đều nhận được sự chăm sóc tuổi già.

+ Năm 2021, nâng tuổi nghỉ hưu, cho phép người lao động làm việc đến 70 tuổi; 25% người cao tuổi tiếp tục làm việc (bình quân 4 người cao tuổi có 1 người đi làm).

+ Đẩy mạnh thu hút lao động nước ngoài ở những ngành nghề cần nhiều sức khỏe mà người cao tuổi không đáp ứng được.

+ Thúc đẩy tăng tỷ lệ sinh thông qua chương trình trợ cấp khuyến khích kết hôn và sinh con; miễn học phí đối với giáo dục mầm non; phát triển hệ thống y tế, dịch vụ chăm sóc trẻ em và giảm gánh nặng kinh tế đối với giới trẻ, giảm áp lực công việc gia đình đối với phụ nữ để thúc đẩy tăng tỷ lệ sinh.

+ Phát triển mạnh các ngành nghề, lĩnh vực phục vụ nhu cầu của người cao tuổi, như dược phẩm; đồ nội thất, thiết bị thông minh dành cho người cao tuổi...

Trung Quốc

Năm 2000, dân số Trung Quốc đạt mốc 1,4 tỷ người, là nước đang phát triển có tốc độ già hóa nhanh nhất với 264 triệu người từ 60 tuổi trở lên, (18,7% dân số); 190 triệu người từ 65 tuổi trở lên (3,5% dân số). Năm 2022, tỷ lệ người cao tuổi từ 65 trở lên chiếm trên 14% dân số (tăng nhanh nhất trên thế giới); dự báo tốc độ già hóa sẽ vượt Nhật Bản vào năm 2025. Đến 2040, dự báo dân số từ 65 tuổi trở lên hơn 20% dân số; năm 2050, chiếm 30% dân số. Trung Quốc phải đối mặt với một số thách thức lớn, như phần lớn người già tập trung ở vùng nông thôn, nơi điều kiện kinh tế hạn chế và dịch vụ chăm sóc y tế có hạn; hệ thống dưỡng lão và an sinh xã hội chưa hoàn thiện.

Giải pháp của Trung Quốc:

+ Nới lỏng chính sách kế hoạch hóa gia đình (năm 2016 cho phép sinh hai con; 2021 cho phép sinh con thứ ba); khuyến khích sinh con với các khoản hỗ trợ kinh phí sinh hoạt (trợ cấp nuôi con đến 3 tuổi; bỏ các khoản thu phí chăm sóc trẻ em; tăng thời gian nghỉ phép của cha mẹ, tạo điều kiện các gia đình trẻ tiếp cận giáo dục, nhà ở và các nguồn lực khác).

+ Chính sách kéo dài thời gian làm việc đến 65 tuổi, hỗ trợ tìm kiếm việc làm phù hợp cho người cao tuổi.

+ Thúc đẩy hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

+ Đẩy nhanh các dịch vụ cộng đồng cho người cao tuổi; xây dựng môi trường sống thân thiện với người cao tuổi; đa dạng nguồn lực đáp ứng nhu cầu già hóa dân số.

+ Phát triển “kinh tế bạc” (sản xuất, phân phối hàng hóa, cung cấp dịch vụ đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi) để ứng phó với tình trạng già hóa dân số lâu dài. Năm 2020, nền “kinh tế bạc” của Trung Quốc đạt 5.400 tỷ nhân dân tệ (NDT); năm 2021, tăng lên 5.900 tỷ NDT, trở thành thị trường lớn nhất dành cho người già.

Thụy Điển

Năm 2022, dân số Thụy Điển khoảng 10,2 triệu người trên 65 tuổi, chiếm 20% dân số và dự kiến sẽ tăng lên 23% vào năm 2040). Tuổi thọ thuộc nhóm cao nhất thế giới (nam: 80,6 tuổi; nữ: 84,29 tuổi).

Giải pháp của Thụy Điển:

+ Đẩy mạnh tư nhân hóa các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi theo hướng hỗ trợ để người cao tuổi có thể tự lo cho bản thân càng lâu càng tốt.

+ Xây dựng nhà ở và các khu dân cư đáp ứng nhu cầu của người từ 55 tuổi trở lên, có những khu vực riêng giành cho người trên 70 tuổi.

+ Phát triển hệ thống y tế công cộng với mục tiêu khuyến khích người dân giữ sức khỏe tốt cả cuộc đời.

Chủ trương, chính sách việc làm, khởi nghiệp đối với người cao tuổi

Quan tâm đến người cao tuổi là một trong những chủ trương, chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước ta. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ cần phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội, cộng đồng và gia đình. *Dưới sự lãnh đạo của Đảng*, người cao tuổi đã và đang có nhiều đóng góp quan trọng, đúng như lời Bác Hồ đã nói: Người cao tuổi nước ta thực sự là vốn quý của dân tộc, là lực lượng quan trọng của đất nước, là rường cột của gia đình và xã hội Việt Nam.

Kế thừa truyền thống lịch sử của dân tộc, tư tưởng Hồ Chí Minh về người cao tuổi, những năm qua, Đảng, Nhà nước ta đã ban hành một số chính sách khởi nghiệp, dạy nghề, giải quyết việc làm cho người cao tuổi như: Hiến pháp 2013 quy định, Điều 37: Người cao tuổi được Nhà nước, gia đình và xã hội tôn trọng, chăm sóc và phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Luật Người cao tuổi năm 2009 quy định 5 nhóm chính sách đối với người cao tuổi bao gồm: 1- Chăm sóc sức khỏe; 2- Trong hoạt động văn hóa, giáo dục, thể

dục, thể thao, giải trí, du lịch, giao thông công cộng; 3- Bảo trợ xã hội; 4- Chúc thọ, mừng thọ và tổ chức tang lễ; 5- Phát huy vai trò người cao tuổi. Khoản 5, Điều 23, Luật Người cao tuổi quy định: Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để người cao tuổi phát huy trí tuệ, kinh nghiệm quý và phẩm chất tốt đẹp trong phát triển kinh tế, giảm nghèo, làm giàu hợp pháp. Khoản 1, Điều 24, Luật Người cao tuổi quy định: Nhà nước có trách nhiệm thực hiện các biện pháp, để người cao tuổi phát huy vai trò phù hợp với khả năng của mình: Ưu đãi về vốn tín dụng đối với người cao tuổi trực tiếp sản xuất, kinh doanh tăng thu nhập, giảm nghèo.

Các chiến lược, chương trình hành động đã được đề ra là: Chiến lược Dân số Việt Nam đến 2030 có mục tiêu thứ tám về thích ứng với già hóa dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Chương trình hành động quốc gia vì người cao tuổi giai đoạn 2021 - 2030 gồm 13 mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn và các nhiệm vụ, giải pháp, như nghiên cứu, hoàn thiện chính sách về việc làm, dạy nghề, đào tạo chuyển đổi nghề phù hợp với người cao tuổi; thực hiện giới thiệu việc làm, hướng nghiệp cho người cao tuổi, ưu tiên hỗ trợ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn; hỗ trợ thí điểm mô hình khởi nghiệp phù hợp với người cao tuổi; hỗ trợ các cơ sở của người cao tuổi phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ phù hợp quy mô, trình độ quản lý; hỗ trợ thí điểm mô hình sinh kế đối với gia đình có người cao tuổi; ưu tiên được vay vốn với lãi suất ưu đãi để tạo việc làm, tăng thu nhập.

Những năm qua, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách về khởi nghiệp, việc làm cho người cao tuổi. Nhờ đó, người cao tuổi đã và đang từng bước phát huy khả năng, thế mạnh, tích cực lao động, sản xuất, tạo ra của cải vật chất, cải thiện đời sống gia đình và tham gia đóng góp cho quê hương, đất nước. Tuy nhiên, một số chính sách chưa cụ thể hóa để đi vào cuộc sống. Chính sách khuyến khích người cao tuổi có khả năng và có nhu cầu tiếp tục làm việc mới được thực hiện ở một số đối tượng (chủ yếu là cán bộ, viên chức có trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ trong các cơ sở giáo dục đại học). Các chính sách lao động việc làm chưa bao quát, thiếu chính sách cho nhóm lao động cao tuổi tham gia vào thị trường lao động; chưa có chính sách đào tạo, đào tạo lại cho lao động trung niên, lao động cao tuổi để chuyển đổi nghề nghiệp hay đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động; đặc biệt chưa có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp sử dụng lao động là người cao tuổi.

Kiến nghị chính sách việc làm, khởi nghiệp đối với người cao tuổi

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế về người cao tuổi trong xu thế già hóa dân số và các tác động, ảnh hưởng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng như diễn biến phức tạp về môi trường, biến đổi khí hậu...

Thứ hai, tăng cường công tác tuyên truyền thay đổi nhận thức của gia đình về việc người cao tuổi tham gia lao động, để tạo điều kiện cho người cao tuổi tham gia thị trường lao động vừa đem lại niềm vui, sức khỏe và đóng góp vào cho xã hội. Hỗ trợ lao động cao tuổi phát triển kinh tế hộ gia đình, khởi nghiệp sản xuất, kinh doanh tự tạo việc làm cho bản thân và những người cao tuổi khác. Có cơ chế thẩm định và cho vay với lãi suất ưu đãi (tín chấp) đối với các dự án có khả năng tạo việc làm cho người cao tuổi.

Thứ ba, một trong những mối quan tâm hàng đầu của người cao tuổi là bảo đảm thu nhập. Vì vậy, để giúp người cao tuổi tăng thu nhập từ việc làm thì việc tăng cường hơn nữa khả năng tham gia thị trường lao động của người cao tuổi, thích ứng với bối cảnh già hóa dân số và suy giảm nguồn cung lao động thì ở cấp độ quốc gia, gia đình và cá nhân cần có những giải pháp và lộ trình phù hợp hướng đến tạo việc làm phù hợp và xây dựng các mô hình khởi nghiệp cho người cao tuổi.

Thứ tư, trong xu hướng nữ hóa người cao tuổi, thì việc quan tâm đến chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần cho nhóm nữ cần tính đến những yếu tố đặc thù theo giới. Chính sách cần bảo đảm sự bao trùm và tính đến sự đa dạng về các chiều, như giới tính, độ tuổi, dân tộc, giáo dục, thu nhập và sức khỏe. Sàn an sinh xã hội cần phải được thực hiện bảo đảm cho nhóm nữ được tiếp cận các dịch vụ xã hội và y tế thiết yếu cho người cao tuổi trong đó chú ý tính đặc thù của giới tính nữ. Đặc biệt, đối với nhóm người cao tuổi dễ tổn thương nhất, như nhóm già nhất, không biết chữ, sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cần có những chương trình và mô hình can thiệp dành riêng cho nhóm này. Đồng thời, cần xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt đề án về hỗ trợ việc làm cho người cao tuổi, hỗ trợ người cao tuổi khởi nghiệp trong bối cảnh già hóa dân số nhanh ở Việt Nam hiện nay. □

PHÁT HUY VAI TRÒ NGƯỜI CAO TUỔI TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG VỚI GIÀ HÓA DÂN SỐ

GS, TS. PHÙNG HỮU PHÚ

*Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng,
nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng lý luận Trung ương*

1. Việt Nam đang ở thời điểm cuối của giai đoạn dân số vàng, đồng thời đã bắt đầu bước vào quá trình già hóa dân số. Một đặc điểm nổi bật là, già hóa dân số ở Việt Nam diễn ra với tốc độ rất nhanh; số lượng người cao tuổi (NCT) tăng nhanh hơn nhiều so với nhịp độ tăng dân số. Theo thống kê, hiện nay số lượng NCT ở nước ta có khoảng gần 12 triệu người, chiếm gần 12% trong tổng số dân⁽¹⁾. Theo Trưởng đại diện UNFPI (Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam), Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất trong khu vực và trên thế giới⁽²⁾.

Già hóa dân số đang và sẽ ngày càng tác động nhiều mặt đến đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội ở nước ta, đặt ra nhiều khó khăn, thách thức phải giải quyết: i) Già hóa dân số tác động tiêu cực tới lực lượng lao động, thị trường lao động và năng suất lao động; ii) Làm suy giảm động lực tăng trưởng kinh tế, tác động đến quá trình phát triển đất nước nhanh, bền vững; iii) Làm gia tăng chi tiêu công, quỹ lương hưu, gây nguy cơ “vỡ” quỹ hưu trí, tạo áp lực đối với hệ thống y tế, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội; iv) Già hóa dân số nhanh diễn ra với sự bất cân bằng theo giới tính và theo địa bàn, khu vực sẽ làm cho xã hội phát triển thiếu cân đối, hài hòa; v) Già hóa dân số trong bối cảnh thu nhập chưa tương xứng dẫn đến tình trạng “chưa giàu đã già”; vi) Già hóa dân số làm nảy sinh

(1) Theo Tổng cục Thống kê năm 2021

(2) <https://nhandan.vn>, 19/1/2024

những vấn đề phức tạp về văn hóa, tâm lý xã hội, đời sống gia đình và tác động cả đến lĩnh vực an ninh tư tưởng⁽³⁾...

Để thực hiện thành công mục tiêu xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, trở thành nước phát triển có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào năm 2045 như định hướng chiến lược mà Đại hội XIII của Đảng xác định, phải khơi dậy và phát huy mạnh mẽ vai trò, sức mạnh, khát vọng sáng tạo, cống hiến của con người Việt Nam, trong đó lực lượng NCT có vai trò, vị trí rất quan trọng. Phải chủ động chuyển hóa những thách thức già hóa dân số thành cơ hội để phát triển.

2. Dân tộc Việt Nam có đạo lý “kính già, yêu trẻ”. Các thế hệ cao niên Việt Nam đã thể hiện sáng ngời ý chí, khí phách, trí tuệ, có nhiều đóng góp tích cực, quan trọng trong cuộc trường chinh dựng nước, giữ nước của dân tộc.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vai trò, vị trí, trách nhiệm trọng đại và cống hiến quan trọng của các bậc phụ lão. Người nhấn mạnh, phụ lão chính là một chủ thể đóng vai trò trọng yếu trong suốt tiến trình xây dựng, phát triển đất nước: “Nước nhà hưng, suy, tồn, vong phụ lão đều gánh trách nhiệm rất nặng nề”⁽⁴⁾. Người luôn căn dặn Đảng, Nhà nước phải quan tâm chăm lo và phát huy vai trò, tiềm năng to lớn của NCT.

Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán tư tưởng: NCT Việt Nam thật sự là vốn quý của dân tộc, là lực lượng quan trọng của đất nước, là rường cột của gia đình, xã hội. Năm 2009, Quốc hội Việt Nam đã ban hành Luật Người cao tuổi⁽⁵⁾, thể chế hóa đường lối, quan điểm của Đảng, đồng thời khẳng định vị trí, vai trò của Hội Người cao tuổi trong việc góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Luật có 6 chương, bao gồm 31 điều, trong đó Chương III quy định những nội dung phát huy vai trò NCT. Điều 23 của Chương này quy định 9 khoản về phát huy vai trò của NCT, đặc biệt là trong lĩnh vực hoạt động khoa học.

Trong 9 khoản của Điều 23, Luật xác định 3 khoản liên quan đến phát huy vai trò NCT trong lĩnh vực hoạt động khoa học:

(3) Hội đồng Khoa học các cơ quan Đảng Trung ương, GS, TS. Phùng Hữu Phú (Chủ biên): *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2024, tr. 25 - 32

(4) Hồ Chí Minh: *Tàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 3, tr. 232

(5) Luật số 39/2009/QH12 của Quốc hội: Luật Người cao tuổi

- Truyền thụ kỹ năng, kinh nghiệm, kiến thức kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ và nghề truyền thống cho thế hệ trẻ.

- Nghiên cứu, giáo dục, đào tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ, tư vấn chuyên môn, kỹ thuật.

- Đóng góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật và tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật.

Trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, Đảng ta ngày càng chú trọng đến việc phát huy vai trò của NCT. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh yêu cầu: “Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội, cộng đồng và gia đình”⁽⁶⁾.

Cụ thể hóa tư tưởng của Đảng, tiếp tục thực hiện Luật Người cao tuổi, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021-2030; Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 và đang chỉ đạo khẩn trương xây dựng Chiến lược Người cao tuổi...

Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thể hiện sự quan tâm đặc biệt, nhận thức đúng đắn, tầm nhìn xa rộng, hành động tích cực, chủ động đối với NCT nói chung, trong đó có lực lượng NCT hoạt động trên lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Những quyết sách đúng đắn đó đã đáp ứng trúng yêu cầu, nguyện vọng chính đáng và phát huy bước đầu tiềm năng, lợi thế của NCT, nhất là những người hoạt động nghiên cứu khoa học.

Trên lĩnh vực nghiên cứu khoa học, NCT không phải là lực lượng đã hết năng lực sáng tạo, khả năng cống hiến do những hạn chế của tuổi tác, của sức khỏe. Cùng với sự tăng lên của tuổi thọ, của sức khỏe, phần đông NCT hoạt động khoa học còn tiềm năng rất lớn và có những lợi thế vượt trội.

Trước hết, phần lớn NCT Việt Nam hoạt động trên lĩnh vực khoa học đều xuất thân từ gia đình công nhân, nông dân, trí thức cách mạng; nhiều người đã kinh qua thực tiễn lao động sản xuất, chiến đấu, qua lãnh đạo, quản lý trong điều kiện đất nước có chiến tranh và trải qua nhiều khó khăn, gian khổ, có bản lĩnh, lập trường, quan điểm vững vàng, thật sự là chỗ dựa tin cậy của Đảng, hệ thống chính trị và của chế độ; là lực lượng bảo đảm tính cách mạng của nền khoa học nước nhà, nhất là trên lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn, khoa học

(6) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t. 1, tr. 170

lý luận chính trị; là lực lượng sắc bén bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối, chủ trương của Đảng.

Thứ hai, NCT Việt Nam tham gia hoạt động khoa học đa số được đào tạo hệ thống, bài bản và đã trải nghiệm, đúc kết qua thực tiễn đời sống nên có trí thức phong phú, toàn diện, vững chắc, thật sự là một kho tàng trí tuệ, một nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Thứ ba, tư duy của NCT sắc bén, sâu sắc, có tầm khái quát, phân tích, tổng hợp cao. Nhiều người tuy tuổi cao nhưng vẫn minh mẫn, sáng suốt, tiếp cận cái mới nhanh không thua kém, thậm chí hơn người ít hơn hàng chục tuổi⁽⁷⁾. Lợi thế này rất thích hợp với công việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tư vấn hoạch định đường lối, chính sách.

Thứ tư, đa phần NCT hoạt động trên lĩnh vực khoa học đã kinh qua công tác giảng dạy tại các trường đại học (cấp bộ môn, khoa, trường), ở các viện nghiên cứu (ban, trung tâm, viện, học viện), đã trực tiếp tham gia đào tạo các cấp học (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ), chủ trì nhiều chương trình, đề tài, đề án khoa học, công nghệ cấp bộ, cấp Nhà nước, tham gia các hoạt động khoa học quốc tế... nên có nhiều kinh nghiệm trong thiết kế, vận hành tổ chức bộ máy; đào tạo, quản trị đội ngũ cán bộ chuyên sâu trong giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ. Đây là một lợi thế cần được phát huy trong điều kiện nước ta đang thiếu nghiêm trọng đội ngũ chuyên gia đầu ngành và đội ngũ cán bộ kế cận.

Do đó, Nhà nước cần có cơ chế, chính sách đủ mạnh để phát huy tiềm năng, lợi thế của NCT trong hoạt động khoa học chính là chủ động chuyển hóa thách thức thành cơ hội phát triển - một vấn đề có ý nghĩa chiến lược quốc gia trong giai đoạn mới.

3. Trong những năm đổi mới, nhất là những năm gần đây, việc phát huy vai trò NCT trong hoạt động khoa học đã có những chuyển biến tích cực. Trong số hơn 7 triệu NCT hiện đang tham gia thị trường lao động, có hàng chục nghìn người hoạt động trên lĩnh vực khoa học (chưa có thống kê cụ thể và chính thức) làm việc chủ yếu ở các trường đại học dân lập, các hội xã hội - nghề nghiệp,

(7) Theo nghiên cứu của một số nhà y học học trường Feinberg, Đại học Northwestern, Chicago, IL, trong những người cao tuổi có nhóm người SuperAgers trên 80 tuổi nhưng trí nhớ minh mẫn hơn những người khỏe mạnh trẻ hơn hàng chục năm tuổi. Nguồn <https://benhviennnguyentriphuong.com.vn>

các viện nghiên cứu trực thuộc Liên hiệp các hội khoa học, kỹ thuật Việt Nam, các doanh nghiệp khoa học, công nghệ,... Hoạt động khoa học của những NCT đã góp phần trực tiếp, thiết thực vào việc đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực trẻ có chất lượng; nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; góp phần phản biện, xây dựng một số cơ chế, chính sách... Những hoạt động tích cực đó đã giúp một bộ phận NCT sống vui, sống khỏe, sống có ích; gắn bó với công việc, với Đảng, với chế độ; giúp đỡ và làm rường cột trong gia đình, cộng đồng; góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tuy nhiên, tỷ lệ NCT tham gia hoạt động khoa học còn thấp. Nguy cơ thiếu hụt các chuyên gia đầu ngành ở một số lĩnh vực quan trọng rất lớn. Do quy định tuổi nghỉ hưu của các giảng viên đại học và các nhà nghiên cứu có học hàm giáo sư, phó giáo sư tối đa là 65 tuổi (được kéo dài 5 năm so với người không có học hàm), nên hiện nay ở các trường đại học, viện nghiên cứu, số cán bộ khoa học đầu ngành, đầu đàn rất ít. Một số trường đại học danh tiếng ở Hà Nội, có những khoa trước đây hội tụ đội ngũ giáo sư, phó giáo sư uyên bác, nổi tiếng trong nước, có người có uy tín lớn ở khu vực, quốc tế, nay không có giáo sư, chỉ có rất ít phó giáo sư. Tại Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, các nhà khoa học có học hàm giáo sư đã nghỉ hưu gần hết. Ở các Ban Đảng Trung ương - các cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng, hầu như vắng bóng các chuyên gia lý luận, các nhà quản lý có tầm cỡ quốc gia. Thực trạng này dẫn đến sự lãng phí chất xám rất lớn; làm suy giảm năng lực nghiên cứu, đào tạo, tham mưu của các trung tâm khoa học, giáo dục, các cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng, Nhà nước. Một bộ phận các nhà khoa học, các chuyên gia sau khi rời khỏi các cơ sở đào tạo, nghiên cứu của Nhà nước được các trường đại học dân lập mời tham gia giảng dạy với tư cách giảng viên phi cơ hữu hoặc tham gia hoạt động tại các viện, trung tâm nghiên cứu của Liên hiệp các hội khoa học, kỹ thuật, các hội xã hội - nghề nghiệp, song ở đó điều kiện nghiên cứu, sáng tạo, cống hiến về khoa học còn rất hạn chế.

Thực tế trên cho thấy, mặc dù đã có những chuyển biến tích cực trong việc phát huy vai trò NCT trên lĩnh vực khoa học, nhưng chuyển biến đó còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng khoa học còn rất lớn của NCT, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển ngày càng cao của đất nước. Một nguồn lực vô hình nhưng quý giá chưa được khai thác, phát huy đúng mức, đúng tầm, phần lớn đang trôi nổi, dễ bị tổn thương, dễ bị lợi dụng nếu không kịp thời được tổ chức lại và có những quyết sách kịp thời.

4. Những năm sắp tới, tốc độ già hóa dân số ở nước ta sẽ diễn ra rất nhanh, dẫn theo những thách thức không nhỏ trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc. Đã đến lúc phải triển khai thống nhất, đồng bộ thể chế (thể chế về chính trị, về kinh tế, văn hóa, xã hội...) về NCT với một tư duy mới, cách làm mới, với sự vào cuộc thật sự mạnh mẽ, hiệu quả của cả hệ thống chính trị, của các ngành, các cấp, trọng tâm là thể chế phát huy vai trò, tiềm năng, sự cống hiến của NCT trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực khoa học, công nghệ - động lực then chốt của phát triển nhanh, bền vững.

Trong nhiệm kỳ Đại hội VII, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 59-CT/TW, ngày 27-9-1995 về “Chăm sóc người cao tuổi”; đã chỉ đạo triển khai và tổ chức tổng kết thực hiện Chỉ thị số 59 (năm 2010), ban hành Kết luận tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW. Gần 30 năm qua, tình hình NCT ở nước ta đã có nhiều thay đổi rất cơ bản, vấn đề già hóa dân số đang đặt ra nhiều vấn đề cấp thiết, Bộ Chính trị cần ban hành nghị quyết về vấn đề NCT, xác định rõ những nhận thức mới, những định hướng mới, tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội và sự chuyển biến mạnh mẽ trong hành động của cả hệ thống chính trị, của các ngành, các cấp. Cần chuyển trọng tâm công tác NCT từ chăm sóc, bảo vệ sang kết hợp hài hòa giữa chăm sóc, bảo vệ với phát huy vai trò, tiềm năng của NCT, đặt trọng tâm vào việc phát huy vai trò của đối tượng này trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là lĩnh vực khoa học, công nghệ gắn với phát triển kinh tế, quản lý phát triển xã hội, văn hóa, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tăng cường đối ngoại. Cần xác định NCT là nguồn lực quý giá của đất nước; gắn kết và phát huy đồng bộ, tương tác, bổ sung cho nhau giữa nguồn lực NCT với nguồn lực của thế hệ trung niên, thế hệ trẻ, tạo thành nguồn lực con người tổng hợp, nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Cần xác định công tác chăm sóc, bảo vệ, phát huy vai trò, tiềm năng to lớn của NCT là vấn đề chiến lược phát triển; là chủ động thích ứng tích cực với quá trình già hóa dân số; là vấn đề có tác động toàn diện đến sự nghiệp phát triển nhanh, bền vững của đất nước...

Hội Người cao tuổi làm đầu mối phối hợp với các bộ, ban, ngành liên quan tiến hành khảo sát, đánh giá khách quan, chính xác tình hình, tiềm năng NCT hoạt động trên lĩnh vực khoa học, làm cơ sở vững chắc cho việc xây dựng Chiến lược Người cao tuổi; cung cấp căn cứ cho việc xây dựng, thực hiện phù hợp, hiệu quả các đề án, kế hoạch phát huy vai trò, trí tuệ, kinh nghiệm, tâm huyết của NCT trong hoạt động khoa học.

Chính phủ tiếp tục chỉ đạo rà soát, lồng ghép nội dung phát huy vai trò NCT trong hoạt động khoa học vào Chiến lược phát triển nguồn nhân lực quốc gia, Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo, Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ...

Nghiên cứu ban hành, thực hiện một số cơ chế, chính sách cụ thể hóa chủ trương của Đảng, của Luật Người cao tuổi nhằm thu hút rộng rãi, phát huy hiệu quả, động viên, tôn vinh xứng đáng NCT tham gia hoạt động khoa học, cụ thể:

- Cơ chế nới rộng tuổi nghỉ hưu, cơ chế tiếp tục sử dụng NCT có tình độ cao, nhiều kinh nghiệm, còn sức khỏe và tự nguyện tiếp tục làm việc ở các trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học quan trọng; giao quyền cho lãnh đạo các cơ quan khoa học, đào tạo, bố trí, sử dụng lực lượng NCT vào các công việc phù hợp, thiết thực, với chức danh, chế độ, điều kiện làm việc tương xứng.

- Thực hiện chế độ chuyên gia để thu hút những NCT có bản lĩnh, có trình độ lý luận, năng lực tổng kết thực tiễn, có tầm nhìn xa và tư duy chiến lược về công tác tại các cơ quan tham mưu, tư vấn hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, nâng tầm và chất lượng, hiệu quả của công tác tham mưu, tư vấn, góp phần bồi dưỡng lớp cán bộ tham mưu kế cận phục vụ lâu dài.

- Có cơ chế đầu tư hợp lý để cải thiện điều kiện nghiên cứu của các đơn vị khoa học thuộc các hội xã hội - nghề nghiệp, các viện, trung tâm nghiên cứu thuộc Liên hiệp các hội khoa học, kỹ thuật; thực hiện cơ chế đặt hàng, giao việc, thu hút NCT hoạt động ở khu vực này tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, giám sát và phản biện các chủ trương, chính sách lớn, các chương trình, dự án quan trọng của đất nước...

Phát huy vai trò, trí tuệ, kinh nghiệm, bản lĩnh, cống hiến của NCT trong mọi mặt của đời sống nói chung, trong hoạt động khoa học nói riêng, không phải là vấn đề đạo lý, không phải một khẩu hiệu, mà thật sự là một quốc sách. Nhận thức đúng, giải quyết hiệu quả sẽ thật sự tạo nguồn lực, động lực để Việt Nam vững vàng, chủ động chuyển thách thức già hóa dân số thành cơ hội phát triển, thực hiện thành công khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.□

XU THẾ GIÀ HÓA DÂN SỐ, ĐẶC ĐIỂM NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

GS, TS. NGUYỄN ĐÌNH CỬ

*Nguyên Viện trưởng Viện Dân số và các vấn đề xã hội
Đại học Kinh tế quốc dân*

VIỆT NAM là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Năm 2019, những người từ 60 tuổi trở lên chiếm 11,9%, đến năm 2050, con số này sẽ tăng lên 25%. Dự kiến, năm 2036, Việt Nam sẽ bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội “già hóa” sang xã hội “già”. Xu thế này đang tác động không nhỏ tới sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta, trong đó có những tác động bất lợi. Bài viết này từ góc độ nhìn nhận khoa học về xu thế già hóa và đặc điểm người cao tuổi ở Việt Nam, sẽ đưa ra một số khuyến nghị chính sách trong thời gian tới.

Khái niệm “Người cao tuổi”

Các khái niệm “Người cao tuổi” (NCT) hay “Già hóa”, “Dân số già”, “Dân số siêu già” chỉ mang tính tương đối, chứ không có tính “chính xác toán học”. Chẳng hạn, Liên hợp quốc và nhiều nước phát triển thường lấy tiêu chuẩn là từ 65 tuổi trở lên⁽¹⁾ còn Luật Người cao tuổi Việt Nam (năm 2009) quy định những người từ đủ 60 tuổi trở lên là NCT, (bài viết sử dụng tiêu chuẩn này).

Tỷ lệ NCT ở các nước rất khác nhau: Năm 2021, ở Niger là 4% nhưng ở Nhật Bản là 35,6%. Ở nước ta năm 2019, tỷ lệ NCT của tỉnh Bình Dương: 5,4%; Lai Châu: 6,6%; Hải Phòng: 14,9% và Thái Bình: 18,7%. Căn cứ vào tỷ lệ NCT, tổng thể dân số của các quốc gia, (hoặc các vùng lãnh thổ nào đó) được chia thành các nhóm (Bảng 1).

(1) UN. World Social Report 2023: Leaving No One Behind In An Ageing World. <https://desapublications.un.org/publications/world-social-report-2023-leaving-no-one-behind-ageing-world>

Bảng 1: Các nhóm dân số theo tỷ lệ người cao tuổi⁽²⁾

Tỷ lệ người cao tuổi	Nhóm dân số
Dưới 10%	Dân số chưa bước vào quá trình già hóa
Từ 10% đến dưới 20%	Già hóa
Từ 20% đến dưới 30%	Già
Từ 30% đến dưới 35%	Rất già
Từ 35% trở lên	Siêu già

Chú ý rằng, các “ngưỡng” về tỷ lệ NCT để phân nhóm mức độ già của dân số cũng chưa thống nhất, nghĩa là mang tính tương đối, chủ quan.

Người cao tuổi có đặc trưng chung với tổng thể dân số nhưng cũng có nhiều nét đặc thù. Khảo sát, nghiên cứu phát hiện đầy đủ đặc trưng kinh tế, sức khỏe, tâm lý, xã hội... của bộ phận dân cư cao tuổi là công việc phức tạp, khó khăn nhưng cần thiết để có chính sách phù hợp, hiệu quả thích ứng với xã hội có dân số già.

Người cao tuổi trên thế giới: Quy mô lớn và “siêu bùng nổ” trong thế kỷ XXI

Do dân số ngày càng tăng, tuổi thọ ngày càng cao, tỷ lệ sinh đẻ ngày càng giảm nên NCT tăng nhanh cả về số lượng và tỷ lệ. Số liệu Bảng 2 cho thấy, sau 50 năm (1950 - 2000), dân số tăng khoảng 2,44 lần, số NCT tăng 3,03 lần.

Bảng 2: Số lượng và tỷ lệ người cao tuổi trên thế giới

Chỉ tiêu	1950	2000	2050
Số dân (triệu)	2.499	6.108	9.708
Số người cao tuổi (triệu)	199,9	604,7	2.100
Tỷ lệ người cao tuổi (%)	8,0	9,9	21,6

Nguồn: UN. World Population Prospects. The 2011 Revision 2022; <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/ageing-and-health>

(2) Ủy ban Xã hội của Quốc hội. Dự án VNM8P06. Vấn đề dân số và phát triển: Thực trạng và thách thức đối với Việt Nam, Hà Nội, tháng 8-2016

Đặc biệt, trong nửa đầu thế kỷ XXI, quá trình già hóa dân số diễn ra mạnh mẽ hơn. Theo số liệu từ Bảng 2 cho thấy, giai đoạn 2000 - 2050, dự báo dân số chỉ tăng 1,59 lần, còn NCT sẽ tăng tới 3,47 lần. Nếu 50 năm cuối của thế kỷ XX (1950 - 2000), NCT tăng thêm 404,5 triệu và tỷ lệ NCT chỉ tăng thêm 1,9% (từ 8,0% lên 9,9%) thì 50 năm đầu thế kỷ XXI, các con số tương ứng là 1.495,3 triệu và 11,7% (từ 9,9% lên 21,6%). Gần giữa thế kỷ XXI, thế giới sẽ có dân số già.

Như vậy, nếu nửa cuối thế kỷ XX, đã nói tới “bùng nổ người cao tuổi” thì nửa đầu thế kỷ XXI có thể gọi là thời kỳ “siêu bùng nổ người cao tuổi”. Đây là đặc trưng xã hội nổi bật của thế giới hiện nay. Các nhà khoa học thế giới cho biết tình trạng dân số già và biến đổi khí hậu là hai trong số những vấn đề cấp bách nhất trong chính sách của nhiều quốc gia hiện nay⁽³⁾.

Số lượng và tỷ lệ người cao tuổi tăng mạnh, Việt Nam thuộc nhóm quốc gia có dân số già hóa nhanh nhất thế giới

Cùng với xu hướng chung của thế giới, NCT Việt Nam không ngừng tăng nhanh cả về số lượng và tỷ lệ (Bảng 3).

Bảng 3: Người cao tuổi của Việt Nam: Số lượng và tỷ lệ

Năm	Số dân (Triệu người)	Số NCT (Triệu người)	Tỷ lệ NCT (%)
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) : (2)
1979	53,74	3,71	6,90
1989	64,41	4,64	7,20
1999	76,32	6,19	8,11
2009	85,85	7,45	8,70
2019	96,21	11,41	11,86
2029	104,52	17,28	16,53
2039	110,84	22,80	20,57
2049	114,99	29,22	25,41
2059	116,63	31,50	27,01

Nguồn: Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương. Dân số Việt Nam 1-10-1979, Hà Nội, 1983.

+ Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương. Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, Hà Nội, 2010.

(3) UNFPA Hà Nội. Tài liệu tham khảo về dân số và phát triển. Tóm tắt họp nhóm chuyên gia về già hóa dân số và mức sinh thấp. Bangkok, Thái Lan, 2023

+ *Central census steering committee. 1999 population and housing census: Sample results. The gioi publishers. Hanoi, 2000.*

+ *Tổng cục Thống kê. Tổng điều tra dân số Việt Nam - 1989. Phân tích kết quả điều tra mẫu, Hà Nội, 1991.*

+ *TCTK và UNFPA. Dự báo dân số Việt Nam, giai đoạn 2019-2069, Hà Nội, 11- 2020.*

Số liệu Bảng 3 cho thấy, số lượng và tỷ lệ NCT ở nước ta tăng nhanh hơn nhiều so với tốc độ tăng dân số. Trong 80 năm, từ năm 1979 đến năm 2059, dân số nước ta tăng 2,17 lần thì NCT tăng 8,5 lần, riêng dân số 80 tuổi trở lên tăng 24 lần. Theo Tổng cục Thống kê, tỷ lệ NCT của nước ta năm 2011 đạt 10%, nghĩa là bắt đầu bước vào quá trình già hóa và trở thành nước có dân số già vào năm 2038, khi có 22,284 triệu NCT, chiếm 20% tổng số dân. Như vậy, thời gian cần thiết để tăng gấp đôi tỷ lệ NCT ở Việt Nam chỉ mất 27 năm (2011-2038). Do đó, nước ta thuộc nhóm quốc gia già hóa nhanh nhất thế giới (Chi Lê: 27 năm; Trung Quốc: 26 năm; Thái Lan: 22 năm; Bra-xin: 21 năm... so với Pháp: 115 năm (1865-1980), Thụy Điển: 85 năm (1890-1975), Ô-xtrây-li-a: 73 năm (1938-2011))⁽⁴⁾ ... Điều này cho thấy, thời gian chuẩn bị cơ sở vật chất, tâm lý xã hội cho dân số già của nước ta ngắn hơn rất nhiều so với các nước đã phát triển.

Từ thực trạng nêu trên, cần đẩy mạnh nghiên cứu, truyền thông về xu thế già hóa dân số nhanh của nước ta để toàn xã hội nhận thức đầy đủ về thời cơ, thách thức của thời kỳ này, Đảng và Nhà nước sớm có chính sách phù hợp, hữu hiệu thích ứng với quá trình già hóa dân số, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của toàn dân nói chung và chất lượng cuộc sống của hàng chục triệu dân cao tuổi nói riêng.

Một số đặc điểm người cao tuổi Việt Nam

Một là, người cao tuổi ở nước ta số đông là nữ giới và nữ đơn thân

Năm 2019, trong tổng số 11.408.685 NCT, có tới 6.631.691 cụ bà (chiếm 58%), còn lại là 4.776.994 cụ ông (chiếm 42%), tức cứ 100 cụ ông thì có tới 139 cụ bà. Trên thực tế, tuổi càng cao thì số cụ bà càng nhiều hơn số cụ ông (Bảng 4).

(4) Nguyễn Thị Minh Hòa: *Thách thức đối với lực lượng lao động Việt Nam trong bối cảnh già hóa dân số*, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Kỷ yếu Hội thảo khoa học thường niên về nghiên cứu con người, Hà Nội, 2023

Có thể thấy, đến tuổi 85 trở lên, số cụ bà cao gấp hơn 2 lần số cụ ông. Năm 2019, tỷ lệ nam giới cao tuổi đang có vợ là 88%, nhưng đối với nữ cao tuổi đang kết hôn chỉ có 53,3%. Đặc biệt, cả nước có 474.761 cụ ông góa vợ thì có tới 2.718.321 cụ bà góa chồng, nhiều gấp 5,7 lần so với cụ ông⁽⁵⁾.

Bảng 4: Số cụ bà tương ứng với 100 cụ ông

Nhóm tuổi	Số cụ bà tương ứng với 100 cụ ông		
	1999	2009	2019
60-64	122	125	120
65-69	125	138	130
70-74	141	149	139
75-79	167	150	158
80-84	192	174	177
85 ₊	232	239	206
Chung	140	147	138

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu:

+ Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương. *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009*. Hà Nội, 2010.

+ Central census steering committee. *1999 population and housing census: Sample results*. The gioi publishers. Hanoi, 2000.

+ Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương. *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Hà Nội, 2019.

Rõ ràng, nữ giới khi về già thường thiệt thòi hơn nam giới. Họ thường sống đơn côi và phải có trách nhiệm với cha mẹ già và những đứa con chưa trưởng thành. Trong khi đó, vấn đề tái giá của người già nhìn chung không được ủng hộ: 58,6% số người được hỏi có ý kiến là không nên, 18,3% không quan tâm, 5% không có chính kiến, chỉ có 18% tán thành, tức là cứ 5 người mới có 1 người chấp nhận việc tái giá đối với NCT⁽⁶⁾. *Do đó, Nhà nước cần có chính sách an sinh*

(5) Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương. *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019*. Nxb. Thống kê, Hà Nội, 12-2019

(6) Vụ các vấn đề xã hội, Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội. *Một số vấn đề hôn nhân và gia đình Việt Nam trong thời kỳ chuyển đổi*. Đề tài nghiên cứu 1999

xã hội hỗ trợ đối với NCT, các hoạt động của Hội NCT cần chú ý nhóm nữ, nhất là nhóm phụ nữ đơn thân.

Hai là, người cao tuổi ở nước ta chủ yếu sống ở nông thôn, đa số không có thu nhập thường xuyên, ổn định

Tổng điều tra Dân số năm 2019 cho thấy: 67,2% số NCT sống ở nông thôn. Tổng cục Thống kê dự báo, đến giữa thế kỷ XXI, tỷ lệ này vẫn chiếm khoảng 56%. Do đặc thù cư trú ở nông thôn, nên nhiều thế hệ người cao tuổi ngày nay phần lớn làm nông nghiệp, là nông dân, hầu hết không có lương hưu. Trong khi đó, ở nông thôn ruộng đất ít, năng suất, thu nhập thấp, ít có tiết kiệm. Vì vậy, năm 2021, tỷ lệ NCT có thu nhập chính từ hỗ trợ con cháu hoặc người thân là cao nhất, chiếm 38,5%. Thu nhập từ lao động của chính họ có vị trí thứ hai, chiếm 32,4%. Chỉ có 23% số NCT hưởng lương hưu hoặc trợ cấp từ nguồn Quỹ Bảo hiểm xã hội. Tỷ lệ NCT có nguồn thu khác không cao (9,8% NCT được hưởng trợ cấp người có công; 10,4% NCT có tiết kiệm; 13% nhận trợ cấp xã hội hàng tháng)⁽⁷⁾ ... nhưng mức hưởng thấp. Thí dụ, mức trợ cấp xã hội cho những người 80 tuổi trở lên, không có lương hưu hoặc bất kỳ khoản trợ cấp xã hội nào là 360.000 đồng/tháng. Hơn nữa, quy định trợ cấp xã hội đối với NCT hiện hành có hai điểm đáng xem xét.

- Theo Ngân hàng Thế giới (WB), năm 1967, GDP bình quân đầu người của thế giới chỉ có 664USD nhưng ngay từ năm đó, Công ước quốc tế “về trợ cấp tàn tật, tuổi già và tiên tuất” đã đề nghị trợ cấp cho những người từ 65 tuổi trở lên. Trong khi đó, năm 2022, GDP bình quân đầu người của Việt Nam là 4163USD nhưng Luật NCT vẫn quy định phải đủ 80 tuổi trở lên được hưởng chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng.

- Tuổi thọ theo giới, theo vùng của dân số Việt Nam chênh lệch rất lớn.

Năm 2019, tuổi thọ của nữ giới tại Thành phố Hồ Chí Minh là 79,3 tuổi; tuổi thọ của nam giới tại tỉnh Lai Châu chỉ có 62,9 tuổi, song hai nhóm dân cư này đều có chuẩn chung để được hưởng trợ cấp xã hội là 80 tuổi. Đối với nhiều nhóm dân số có tuổi thọ thấp, trợ cấp cao tuổi chỉ là chế độ “treo”. Tỷ lệ NCT thuộc diện hộ nghèo là 3,6% và hộ cận nghèo là 11,6%. Các tỷ lệ tương ứng của cả nước là 2,93% và 2,78%.⁽⁸⁾

(7) Trịnh Thu Nga: *Già hóa dân số và các vấn đề an sinh xã hội ở Việt Nam*. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Kỷ yếu Hội thảo khoa học thường niên về nghiên cứu con người, Hà Nội, 2023

(8) <https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/thoi-su-phap-luat/chinh-sach-moi/45891/ty-le-ho-ngheo-ho-can-ngheo-63-tinh-thanh-pho-tieu-chuan-cong-nhan-ho-ngheo>

Theo dự báo, đến năm 2060, nước ta có khoảng 10 triệu người hưởng hưu⁽⁹⁾, chiếm 31,8% số NCT. Như vậy, an ninh thu nhập của NCT không chỉ là thách thức lớn hiện nay mà còn cả trong tương lai xa.

Do đó, cần tiếp tục thực hiện các giải pháp để đa dạng hóa nguồn thu nhập của NCT, đặc biệt là tăng tỷ lệ NCT có lương hưu, tăng tỷ lệ NCT có việc làm (nếu có khả năng và có nhu cầu), tăng tỷ lệ NCT được hưởng trợ cấp xã hội. Giảm độ tuổi tối thiểu được hưởng trợ cấp xã hội xuống 70 tuổi và phân biệt “chuẩn về tuổi hưởng trợ cấp xã hội” theo nhóm tính căn cứ vào tuổi thọ trung bình. Hội NCT cần có giải pháp thiết thực, cụ thể, nhân rộng các mô hình hỗ trợ hội viên và khuyến khích hội viên giúp nhau làm kinh tế.

Ba là, sức khỏe người cao tuổi nước ta không ngừng được cải thiện

Cùng với sự phát triển nhanh của nền kinh tế và sự tiến bộ xã hội, tuổi thọ trung bình của người dân Việt Nam năm 2021 đã đạt 73,6 năm, cao hơn so với thế giới (71 năm). Sức khỏe NCT ngày càng được cải thiện rõ rệt. Tuổi thọ tăng thêm của những người đạt 65 tuổi trung bình là 16,4 năm (thế giới 16,2 năm). Tình trạng sức khỏe do NCT tự đánh giá cũng tiến triển tốt dần lên (Bảng 5).

Mặc dù so với thế giới, tuổi thọ trung bình của dân số Việt Nam cao hơn nhưng tuổi thọ khỏe mạnh lại thấp hơn. Năm 2019, nam giới 60 tuổi của Việt Nam bình quân sống thêm được 12,9 năm khỏe mạnh, nữ giới là 16,4 năm. Các con số tương ứng của thế giới là 14,8 và 16,6 năm⁽¹⁰⁾.

Bảng 5: Sức khỏe do người cao tuổi tự đánh giá

Sức khỏe	1979	1989	2018
Khá	0,75	3,7	25,6
Trung bình	36,52	66,1	47,7
Yếu	62,70	30,1	26,7

Nguồn: + Diễn đàn các đại biểu dân cử về Dân số và Phát triển. Vấn đề dân số hôm nay. Số 1, Quý 1/1999.

+ Vũ C.N, Trần T.M, Đặng T.L, Chei C-L, và Saito Y (eds.) (2020), Người cao tuổi và sức khỏe tại Việt Nam. Jakarta: ERIA and Hà Nội: PHAD.

(9) Nguyễn Vinh Quang: *Bảo hiểm xã hội và vấn đề già hóa dân số ở Việt Nam*. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Kỷ yếu Hội thảo khoa học thường niên về nghiên cứu con người, Hà Nội, 2023

(10) Tổ chức Y tế thế giới (WHO). <https://apps.who.int/gho/data/view.main.HALEXv?lang=en>

Ghi chú: Năm 2018, tình trạng sức khỏe NCT được phân loại chi tiết như sau: Rất khỏe: 1,8%; Khỏe hơn bình thường: 23,8% (được xếp vào nhóm “sức khỏe khá” trong Bảng 5); Trung bình: 47,7%; các nhóm “Không khỏe lắm”: 23%; “Rất không khỏe”: 3,6% (được xếp vào nhóm: “sức khỏe yếu”); Tỷ lệ “Không chắc”: 0,1% quá nhỏ nên bỏ qua.

Tình trạng NCT mắc bệnh khá phổ biến, như 48,5% NCT bị viêm khớp, đau dây thần kinh hoặc thấp khớp; 40,9% bị tăng huyết áp; 37,5% bị đau nhức cơ thể (thường xuyên); 30,3% bị đau lưng mạn tính; 18,8% bị bệnh về tiêu hóa⁽¹¹⁾... Bên cạnh đó, một số NCT là nam giới thường có hành vi có hại cho sức khỏe, như uống rượu và hút thuốc lá, thuốc lào,...

Chính vì thế, việc đa dạng hóa các mô hình chăm sóc sức khỏe NCT tại cộng đồng, như lập sổ theo dõi sức khỏe NCT; khám sức khỏe định kỳ tại các trạm y tế xã/phường; phát triển hệ thống cơ sở chăm sóc dài hạn, cơ sở y tế khám, chữa bệnh cho NCT; phát triển và đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về lão khoa, phục hồi chức năng cho nhân viên, tình nguyện viên chăm sóc sức khỏe NCT là việc làm quan trọng, cần thiết.

Hội NCT cần lồng ghép nội dung chăm sóc sức khỏe vào hoạt động của các câu lạc bộ NCT; hướng dẫn các thành viên giữ gìn, bảo vệ và tăng cường sức khỏe, tổ chức các hoạt động rèn luyện nâng cao sức khỏe, hạn chế hút thuốc và uống bia, rượu.

Bốn là, cứ 100 người cao tuổi thì có 38 người tham gia lực lượng lao động.

Tuổi thọ, tuổi thọ khỏe mạnh ngày càng cao, tỷ lệ có thu nhập thường xuyên và mức hưởng thấp nên nhiều NCT có khả năng lao động và có nhu cầu làm việc. Theo Tổng điều tra Dân số năm 2019, khoảng 4,41 triệu NCT tham gia lực lượng lao động (LLLĐ), chiếm 7,9% LLLĐ của cả nước và bằng 38% số NCT. Khu vực nông thôn, LLLĐ cao tuổi chiếm 9,2% LLLĐ của khu vực, còn ở đô thị, tỷ lệ này là 5,2%. Năm 2020, số NCT có việc làm chiếm 8,7% tổng số lao động có việc làm của cả nước, với số tuyệt đối là 4,7 triệu người.⁽¹²⁾

Hàng triệu NCT đang hoạt động kinh tế vừa phản ánh khả năng, vừa phản ánh nhu cầu có việc làm của NCT, đồng thời là đóng góp lớn cho nền kinh tế quốc

(11) Vũ C.N, Trần T.M, Đặng T.L, Chei C-L, và Saito Y (eds.) (2020), *Người cao tuổi và sức khỏe tại Việt Nam*. Jakarta: ERIA and Hà Nội: PHAD.

(12) Tổng cục Thống kê: *Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2020*. Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2021

dân. Tuy nhiên, phần lớn NCT tham gia LLLĐ khó khăn trong tiếp cận việc làm (81,8% đối với nam giới và 69% đối với nữ giới⁽¹³⁾).

Việc làm cho NCT chẳng những có ý nghĩa kinh tế, an ninh thu nhập, sức khỏe, nhân văn đối với NCT, giảm bớt khó khăn cho gia đình có NCT mà còn đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế quốc gia.

Chính vì vậy, Nhà nước cần đa dạng các chính sách thu hút, khuyến khích, hỗ trợ NCT và doanh nghiệp sử dụng lao động cao tuổi. Gia đình và xã hội ủng hộ NCT tiếp tục làm việc phù hợp khả năng sức khỏe, chuyên môn. Chú trọng đào tạo nghề và đào tạo chuyển đổi nghề cho NCT.

Năm là, phần lớn người cao tuổi sống với con, cháu nhưng tỷ lệ này đang giảm nhanh

Mối liên hệ giữa các thế hệ trong văn hóa truyền thống Việt Nam là “Trẻ cậy cha, già cậy con”, gia đình thường có “tam, tứ đại đồng đường”. Yếu tố văn hóa và yếu tố kinh tế đã trình bày ở trên vẫn thể hiện rõ trong sắp xếp cuộc sống của NCT. Khảo sát năm 2018 cho thấy, 61,3% NCT đang sống cùng ít nhất một người con. Tuy nhiên, quy mô gia đình Việt Nam không ngừng giảm: Từ 5,22 khẩu/hộ (năm 1979) chỉ còn 3,6 khẩu/hộ (năm 2019), thậm chí, một số tỉnh có tỷ lệ dân nông thôn lớn nhưng quy mô gia đình rất nhỏ, như tỉnh Thái Bình, Nam Định có 3,1 khẩu/hộ; Hà Nam; Hải Dương, Bến Tre có 3,2 khẩu/hộ,... Năm 2009, tỷ lệ NCT ở riêng (không sống cùng con, cháu) là 18,37%, tăng lên 27,83% năm 2019⁽¹⁴⁾. Xu hướng này đồng nghĩa với việc NCT sống cùng con, cháu giảm nhanh. Một đặc điểm của thời đại ngày nay là phụ nữ tham gia LLLĐ gần ngang bằng với nam giới. Năm 2019, tỷ lệ nữ trong LLLĐ của cả nước là 47,3%⁽¹⁵⁾. Như vậy, việc tự chăm sóc NCT sẽ ngày càng khó khăn do thiếu nhân lực gia đình.

Do đó, cần khuyến khích đa dạng hóa nơi ở của NCT và đa dạng hóa các hình thức chăm sóc NCT. Bên cạnh hình thức “tự cung, tự cấp chăm sóc NCT”, nên hình thành và phát triển các “dịch vụ chăm sóc NCT”. Nhà nước cần có chính

(13) Trịnh Thu Nga, Đỗ Thị Kim Huế: *Già hóa dân số và các vấn đề an sinh xã hội ở Việt Nam*. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Kỷ yếu Hội thảo khoa học thường niên về nghiên cứu con người, Hà Nội, 2023

(14) Nguyễn Thị Ngọc Hà: *Mô hình sắp xếp cuộc sống của NCT trong bối cảnh già hóa dân số*. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Kỷ yếu Hội thảo khoa học thường niên về nghiên cứu con người, Hà Nội, 2023

(15) Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương. *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019*. Nxb. Thống kê, Hà Nội, 12-2019.

sách khuyến khích, hỗ trợ việc xây dựng, phát triển và đa dạng hóa các trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc NCT (có chính sách ưu đãi về đất đai, vốn vay, đào tạo nguồn nhân lực...).

Sáu là, sự khác biệt, mâu thuẫn và xung đột thế hệ

Thế hệ tuổi trẻ (sinh sau năm 1986) và thế hệ những người sinh trước năm 1964 ở Việt Nam lớn lên có sự khác biệt (Bảng 6).

Bảng 6: Bối cảnh sinh ra và lớn lên của các thế hệ Việt Nam

Bối cảnh	Thế hệ cao tuổi	Thế hệ trẻ tuổi
Chính trị	Chiến tranh	Hòa bình
Kinh tế	Kế hoạch hóa, tập trung, bao cấp; nghèo đói	Thị trường định hướng XHCN; khá giả
Xã hội	Đóng cửa	Mở cửa, hội nhập
Kỹ thuật	Thủ công	In-tơ-nét

Sự khác biệt nói trên được phản ánh trong từng gia đình, cộng đồng và xã hội. Nếu không vượt qua được sự khác biệt giữa hai thế hệ, không có sự chia sẻ, thấu hiểu những đặc điểm của NCT như đã trình bày ở trên sẽ dẫn đến mâu thuẫn giữa thế hệ trẻ và thế hệ già. Nếu không giải quyết được mâu thuẫn, “xung đột” giữa hai thế hệ là điều khó tránh khỏi. Người cao tuổi yếu thế về nhiều mặt sẽ luôn là “nạn nhân” của “xung đột”. “Trong giai đoạn 2009 - 2017, tổng số vụ bạo lực gia đình các địa phương đã phát hiện, tổng hợp báo cáo là 292.268 vụ, tính trung bình mỗi năm tổng hợp được 36.534 vụ bạo lực, nạn nhân là phụ nữ chiếm hơn 70%, trẻ em là 15% và người già khoảng 10%”⁽¹⁶⁾.

Vì vậy, Nhà nước và Hội NCT cần tăng cường giáo dục, truyền thông cho cả hai thế hệ để các thế hệ lắng nghe, thấu hiểu và chia sẻ cùng nhau. Đồng thời, Luật NCT khi sửa đổi cần có mục “Bảo vệ người cao tuổi” (bảo vệ thân thể, tinh thần, nhân phẩm, tài sản,... của NCT) để thực hiện tốt hơn việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của NCT.□

(16) Bộ VH, TT và DL. Trang thông tin Vụ Gia đình. Nghiên cứu ở trong nước về phòng, chống bạo lực gia đình. Ngày 25-02-2024. <http://giadinh.bvhttdl.gov.vn/nghien-cuu-o-trong-nuoc-ve-phong-chong-bao-luc-gia-dinh/>

THỰC TRẠNG, CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP CHÍNH SÁCH VỀ GIÀ HÓA DÂN SỐ TẠI VIỆT NAM

MATT JACKSON

Trưởng Đại diện Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) tại Việt Nam

1. Thực trạng dân số già hóa tại Việt Nam

Thứ nhất, Việt Nam là nước có dân số đông: Việt Nam đứng thứ 14/15 nước có dân số lớn nhất thế giới; đông thứ ba ở Đông Nam Á (sau Indonesia và Philippine). Với tỷ lệ sinh và tử giảm, tuổi thọ trung bình tăng, Việt Nam bắt đầu quá trình già hóa dân số kể từ năm 2011, với 7,2% người từ 65 tuổi trở lên (theo định nghĩa của Liên hợp quốc) hoặc 10,1% người từ 60 trở lên (theo định nghĩa của Tổ chức Y tế thế giới (WHO)). Dự kiến, Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn dân số già (với trên 14% là 65+ hoặc 20% là 60+) vào năm 2036, chuyển từ xã hội “già hóa” sang xã hội “già”. Đến năm 2049, tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên sẽ chiếm 25% hoặc 65+ trên 20% tổng dân số, Việt Nam trở thành xã hội siêu già (GSO-UNFPA, 2021).

Thứ hai, Việt Nam là quốc gia có lợi thế về nhân khẩu học: Theo báo cáo của WB-JICA (2021), Việt Nam hiện đang tận hưởng “cơ hội nhân khẩu học” hay còn gọi là lợi thế về nhân khẩu học, với dân số trẻ ở độ tuổi trung bình là 26 tuổi. Người ta dự đoán rằng cơ hội này vẫn mở cho đến năm 2039. Tuy nhiên, cơ hội này đã bắt đầu đóng lại do quá trình già hóa dân số nhanh chóng. Kết quả là tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động sẽ giảm xuống, trong khi quá trình già hóa sẽ tăng nhanh trong những thập kỷ tới (WB-JICA, 2021).

Thứ ba, tổng tỷ suất sinh giảm: Tính trung bình, tuổi thọ trung bình là 73,6 tuổi (71 tuổi đối với nam và 76,3 tuổi đối với nữ), tổng tỷ suất sinh (TFR) đã giảm gần một nửa từ 3,8 năm 1989 xuống còn 2,09 vào năm 2019 (Tổng cục Thống kê, PHC, 2019). Giảm tổng tỷ suất sinh được coi là thành tựu khoa học.

Thứ tư, già trước khi giàu: Dựa trên số liệu do Tổng cục Thống kê công bố năm 2019, trung bình mỗi người cao tuổi có 12 năm sống chung với bệnh tật. Việt Nam được dự đoán sẽ trở thành quốc gia có thu nhập cao (GDP bình quân đầu người xấp xỉ 12.642 USD, tính theo giá năm 2017) trong khi được dự báo sẽ có dân số già vào năm 2039. Điều đó có nghĩa là người dân Việt Nam sẽ già trước khi trở nên giàu có. Mặc dù một bộ phận lớn người cao tuổi vẫn có sức khỏe tốt nhưng nhiều người cao tuổi, đặc biệt là những người ở độ tuổi cao hơn đang phải đối mặt với những vấn đề sức khỏe và khó khăn cần được hỗ trợ. “Năm 2021, 11,7% người cao tuổi (1,47 triệu) bị ít nhất 1 khuyết tật chức năng. 6,32% người cao tuổi (hoặc khoảng 796.000 người cao tuổi) cảm thấy rất khó thực hiện hoặc không thể thực hiện ít nhất một trong các hoạt động sinh hoạt hàng ngày (hoạt động thường nhật (Activities of daily life - ADL), như ăn, tắm, mặc quần áo, di chuyển, đi vệ sinh, đi bộ)”, (GSO-UNFPA, 2021).

Thứ năm, các quốc gia có tốc độ già hóa nhanh nhất trên thế giới: Mặc dù tổng tỷ suất sinh cao hơn một chút (ở mức 2,09 năm 2019 so với 2,03 năm 2009) khiến dân số trẻ em từ 0 - 14 tuổi tăng lên, từ 20,99 triệu năm 2009 lên 23,37 triệu năm 2019 (GSO-UNFPA, 2021), Việt Nam có 7 người trong độ tuổi lao động phải hỗ trợ 1 người cao tuổi vào năm 2019 và con số này được dự đoán là 3 vào năm 2034 và 2 vào năm 2049. Và do đó, Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất các nước già hóa trên thế giới. Việt Nam chỉ mất 16 đến 20 năm để chuyển từ xã hội già hóa dân số sang xã hội dân số già, trong khi Pháp phải mất 115 năm, Thụy Điển 89 năm, Mỹ 69 năm, Nhật Bản và Trung Quốc 26 năm... Tốc độ già hóa dân số nhanh như vậy của Việt Nam đòi hỏi Chính phủ Việt Nam phải có những chính sách kịp thời và phù hợp để giải quyết vấn đề già hóa dân số. Già hóa dân số nhanh chóng và số lượng người cao tuổi ngày càng tăng đang tạo ra cả cơ hội và thách thức cho Việt Nam (GSO-UNFPA, 2021).

2. Cơ hội

Một là, con người được coi là giải pháp chứ không phải vấn đề. Một đất nước có dân số đông như Việt Nam có nhiều lợi thế và thường giữ vị trí kinh tế, chính trị quan trọng trên trường quốc tế. “Con người được coi là giải pháp chứ không phải vấn đề”. Người cao tuổi có kiến thức, kinh nghiệm, trí tuệ và kỹ năng phong phú cần được coi là nguồn lực để phát triển chứ không phải là gánh nặng cho xã hội. Con người không chỉ đóng vai trò là người sản xuất hàng hóa, sản xuất dịch vụ mà còn là người tiêu dùng hàng hóa, sử dụng dịch vụ, thu hút đầu tư nước ngoài và là phương tiện để phát triển.

Hai là, người cao tuổi nên được coi là tài sản chứ không phải gánh nặng: Già hóa dân số đòi hỏi xã hội phải tận dụng nguồn nhân lực chưa được sử dụng. Người cao tuổi đã tích lũy được chuyên môn, kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng, trí tuệ và giá trị. Và do đó, những tài sản quý giá này cần được liên tục nuôi dưỡng và sử dụng để mang lại lợi ích không chỉ cho bản thân người cao tuổi mà còn cho con cái/người thân của họ. Ví dụ, nếu một người cao tuổi có đủ điều kiện để làm việc liên tục, độc lập về tài chính hoặc ít nhất là tự chăm sóc được bản thân, người đó sẽ không chỉ tiếp tục đóng góp đáng kể vào sự phát triển của xã hội mà còn giảm chi phí chăm sóc và gánh nặng tài chính cho các thành viên gia đình của họ, những người thường là lao động chính trong gia đình, tham gia thị trường lao động.

Ba là, một ngành chăm sóc mới được thành lập để đáp ứng nhu cầu mới: Dân số già hóa có xu hướng làm cho tất cả các hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc trở nên hiệu quả hơn và phù hợp hơn với nhu cầu của người cao tuổi. Các loại hình công nghiệp và dịch vụ chăm sóc mới, chẳng hạn như chăm sóc nuôi dưỡng, dịch vụ chăm sóc dựa vào cộng đồng dành cho người lớn tuổi và thậm chí cả các chương trình phòng ngừa cho người trẻ để chuẩn bị cho thời kỳ già hóa (phía cung), có thể được bắt đầu để đáp ứng nhu cầu của dân số già và duy trì sự phát triển của đất nước (phía cầu). Nhu cầu ngày càng tăng về các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi có thể thúc đẩy các cơ hội kinh doanh mới và hợp tác công tư trong việc cung cấp dịch vụ cho người cao tuổi.

Bốn là, với chuyên môn, kiến thức và kinh nghiệm tích lũy lâu năm, người cao tuổi là những “người trợ giúp đắc lực” trong việc chăm sóc, dạy dỗ con cái, làm việc nhà và đặc biệt là những người được gia đình và cộng đồng tin cậy.

3. Thách thức

Dân số già sẽ gây ra những thách thức cả về kinh tế và xã hội. Người cao tuổi có thể rơi vào 10 vấn đề sau: 1- An ninh tài chính; 2- Sức khỏe và khuyết tật; 3- Dịch vụ trợ giúp xã hội và chăm sóc xã hội; 4- Sắp xếp cuộc sống phù hợp; 5- Môi trường thuận lợi; 6- Sự cô đơn và cô lập khi về già; 7- Lạm dụng và bạo lực người cao tuổi; 8- Chú ý đến người cao tuổi trong các tình huống khẩn cấp; 9- Quan hệ giữa các thế hệ và 10- Chuẩn bị cho dân số trẻ hơn trước tuổi già” (VNCA-UNFPA, 2019). Bài viết này sẽ tập trung làm nổi bật một số vấn đề chính sau:

Thứ nhất, mức độ khuyết tật cao: Số liệu từ PHC 2019 cho thấy “tỷ lệ người cao tuổi gặp ít nhất một khó khăn khi thực hiện một chức năng là 35,73% trong

khi tỷ lệ trẻ em từ 6 - 15 tuổi là 2,24% và người lớn từ 16 - 59 tuổi là 4,39%” (GSO-UNFPA, 2021). Bằng chứng tính toán về chi phí cao của già hóa dân số cũng cho thấy: 15% người cao tuổi ở Hàn Quốc đã sử dụng tới 50% quỹ bảo hiểm y tế và 40% số tiền thuốc men. Chi tiêu bình quân của người lớn tuổi cao gấp 8 lần chi tiêu của trẻ em.

Thứ hai, mức chi phí sinh hoạt cao: Ở cấp độ gia đình, một gia đình Việt Nam sẽ phải đối mặt với gánh nặng tài chính kép về kinh tế (tức là kiếm ít hơn - chi tiêu nhiều hơn) do già hóa dân số. Già hóa dân số không chỉ làm thay đổi tình trạng suy thoái kinh tế của một gia đình do giảm số thành viên trong độ tuổi lao động, dẫn đến giảm thu nhập và tiết kiệm (kiếm được ít hơn) mà còn làm tăng chi tiêu cho các dịch vụ bảo trợ xã hội, đặc biệt là dịch vụ chăm sóc xã hội và y tế (chi tiêu nhiều hơn). Đặc biệt, theo báo cáo của Bộ Y tế Việt Nam, năm 2017, có trên 60% người cao tuổi mắc bệnh mãn tính cần điều trị lâu dài, điều này gây gánh nặng rất lớn cho người thân cũng như xã hội.

Thứ ba, tỷ lệ bao phủ và hỗ trợ trợ giúp xã hội thấp. Phạm vi và mức hưởng của chính sách trợ giúp xã hội (theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, ngày 15-3-2021, của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội) rất thấp. Chỉ có 0,95% người cao tuổi từ 60 - 79 tuổi và 16% người từ 80 tuổi trở lên được hưởng trợ cấp xã hội hằng ngày. Mặc dù khoản trợ cấp này tương đương 38% chuẩn nghèo nông thôn và 30% chuẩn nghèo thành thị nhưng người nhận vẫn coi đó là thu nhập khá” (VNCA-UNFPA, 2019). Báo cáo Bảo trợ xã hội thế giới (2017 - 2019) cho thấy, trong số hơn 11 triệu người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên) ở Việt Nam, có 14,7% người từ 80 tuổi trở lên, 2,3% người từ 60 tuổi trở lên được hưởng trợ cấp xã hội và 83% người cao tuổi chưa được hưởng trợ cấp xã hội (Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) 2017, tr. 351).

Thứ tư, dịch vụ chăm sóc xã hội nghèo nàn và manh mún. Báo cáo bản đồ chính sách cho thấy, Việt Nam hiện chưa có chính sách bảo vệ người già khi họ bị ảnh hưởng bởi di cư. Có một mối liên hệ giữa việc di cư từ một vùng, những đứa trẻ bị bỏ lại phía sau và những người già trở thành người chăm sóc chính cho chúng. Ngoài ra, chưa có chính sách giải quyết vấn đề ứng phó khẩn cấp và giảm thiểu rủi ro thiên tai cho người cao tuổi. Ngoài ra còn có một lỗ hổng trong các chính sách ứng phó khẩn cấp là chưa xem xét các nhu cầu và đặc điểm cụ thể theo độ tuổi. Vì vậy, những người lớn tuổi trở nên dễ bị tổn thương hơn trong một số tình huống. Chưa có chính sách hoặc chương trình nào hướng tới nhu cầu của người cao tuổi trong các tình huống ứng phó khẩn cấp. Hơn nữa, nhu

cầu chăm sóc xã hội cho người cao tuổi ngày càng tăng cả về kết cấu hạ tầng và nguồn nhân lực (nhân viên xã hội, nhân viên chăm sóc và người chăm sóc). Tuy nhiên, chính sách phát triển các cơ sở chăm sóc (cả công và tư), cũng như phát triển con người, đặc biệt là ở cấp cộng đồng còn rất kém và manh mún.

Thứ năm, giảm lực lượng lao động và năng suất: Ở cấp quốc gia, “tuổi cao đi kèm với khả năng làm việc giảm sút và do đó, già hóa dân số có xu hướng làm giảm cả tỷ lệ tham gia lực lượng lao động và tỷ lệ tiết kiệm, dẫn đến tăng trưởng kinh tế chậm lại” (VNCA-UNFPA, 2019). Ngoài những thách thức chung khác như bẫy thu nhập trung bình thấp, biến đổi khí hậu, thu nhập bình quân đầu người trì trệ và tăng trưởng dựa vào đầu vào, năng suất thấp và khả năng cạnh tranh thấp trong thế giới VUCA⁽¹⁾ với 6 xu hướng lớn, dân số già đi nhanh chóng đồng nghĩa với việc có ít người làm việc hơn. Con người già đi trong nền kinh tế, khiến đất nước rơi vào tình trạng khủng hoảng nguồn nhân lực cho thị trường lao động; tỷ lệ dân số phụ thuộc tăng nhanh, áp lực lên hệ thống y tế, lương hưu, bảo trợ xã hội trong việc chăm sóc người già đối với các đối tượng trợ giúp xã hội.

Thứ sáu, những thách thức khác nhau giữa các nhóm tuổi, giới tính, dân tộc và vùng miền: Tính toán số liệu từ hai cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở cho thấy những khác biệt đầy thách thức là “...mức độ khó có sự khác biệt đáng kể về nhóm tuổi (độ tuổi cao hơn, tỷ lệ khó khăn cao hơn), giới tính (phụ nữ có tỷ lệ khó khăn cao hơn nam giới), dân tộc (người cao tuổi dân tộc thiểu số có tỷ lệ khó khăn cao hơn so với người Kinh) và khu dân cư (người cao tuổi ở nông thôn có tỷ lệ khó khăn cao hơn so với thành thị)” (GSO-UNFPA, 2021).

Cuối cùng, một số kết quả nghiên cứu cũng cho thấy một số thách thức điển hình của già hóa dân số ở Việt Nam, đó là: 1- Người dân thường già trước khi đủ giàu; 2- Trên 60% người cao tuổi mắc các bệnh mãn tính và cần được điều trị y tế lâu dài, cụ thể nam giới lớn tuổi là 8 năm, nữ lớn tuổi là 11 năm (Bộ Y tế, 2017); 3- Người dân chưa có nhận thức về việc chuẩn bị cho giai đoạn già đi của cha mẹ và thậm chí của chính mình (xếp hạng 5,32/10 điểm đối với người cao tuổi và 28,4% người trong độ tuổi lao động có kế hoạch cho tuổi già, là rất thấp (GSO-UNFPA, 2021).

(1) VUCA là viết tắt của bốn đặc tính trong thế giới hiện đại: Volatility (Biến động) - Uncertainty (Không chắc chắn) - Complexity (Phức tạp) - Ambiguity (Mơ hồ). Thuật ngữ VUCA được sử dụng để chỉ một thế giới khó nắm bắt và khó đối phó vì có quá nhiều thay đổi trong khoảng thời gian ngắn

Mặc dù Việt Nam có tỷ lệ thanh niên cao nhất trong lịch sử đất nước, tạo ra tiềm năng về lợi tức dân số cho đến năm 2039 và quá trình già hóa có thể dự đoán được và diễn ra từ từ, nhưng nó cũng cho phép thích ứng dần dần và thường ít tốn kém hơn nhiều so với các hành động khẩn cấp được thực hiện như một phương sách cuối cùng. Để giải quyết kịp thời và hiệu quả những thách thức trên, một số giải pháp chính sách “*bây giờ hoặc không bao giờ*” sau đây được khuyến nghị trong những năm tới cho đến năm 2030.

4. Một số khuyến nghị chính sách (thông qua hệ thống an sinh xã hội 4P)

Để bảo đảm cải thiện liên tục chất lượng cuộc sống của con người, đặc biệt là người cao tuổi, hướng tới quá trình lão hóa thành công, bài viết này đề xuất các mục tiêu kép: 1- “Bảo đảm sự hòa nhập xã hội của người cao tuổi bằng cách tạo cho họ cơ hội có một cuộc sống xứng đáng, khỏe mạnh, năng động và độc lập” với sự bảo đảm thoát khỏi nghèo đói và lạm dụng; 2- “Chuẩn bị cho những người trẻ tuổi bước vào tuổi già với sự tự tin và thái độ tích cực về sức khỏe tốt và tình hình tài chính lành mạnh” (VNCA-UNFPA, 2019, tr. 10). Để đạt được mục tiêu này, *cách tiếp cận bảo trợ xã hội theo vòng đời* được khuyến khích mạnh mẽ để giải quyết 10 vấn đề loại trừ xã hội của Việt Nam do già hóa dân số đã đề cập trước đó, trong bối cảnh thế giới đầy biến động, không chắc chắn, phức tạp và mơ hồ (VUCA) và 6 xu hướng lớn. Trong bài viết này, *cách tiếp cận an sinh xã hội theo vòng đời* được trình bày thông qua các chức năng “4P” của hệ thống bảo trợ xã hội (SPS) bao gồm: 1- Thúc đẩy, 2- Phòng ngừa, 3- Cung cấp và 4- Bảo vệ, như để đáp ứng một cách có hệ thống và toàn diện các nhu cầu cụ thể của một cá nhân ở từng giai đoạn của cuộc đời.

P1- “Thúc đẩy” người dân tham gia lao động và kiếm sống. Theo đó:

Một là, khuyến khích người trong độ tuổi lao động và người lớn tuổi ở lại thị trường lao động càng nhiều và lâu càng tốt. Khuyến khích càng nhiều người càng tốt tiếp tục làm việc ngay cả khi họ già đi nhằm tăng thu nhập và tiết kiệm cho thời gian nghỉ hưu thực sự và điều đó cũng có thể giúp bù đắp cho lực lượng lao động đang bị thu hẹp và tích lũy thu nhập/tiết kiệm của người cao tuổi.

Hai là, thúc đẩy các chương trình đào tạo lại và học tập suốt đời cho người cao tuổi để thích ứng với yêu cầu công việc mới: Xây dựng và thử nghiệm các chương trình mới về học tập suốt đời, đào tạo lại và cung cấp các khoản vay, trợ

cấp hoặc trợ cấp để đào tạo và đào tạo lại người lao động lớn tuổi để tiếp thu kỹ năng mới và nâng cao năng suất của họ; nghiên cứu, thiết kế các chương trình “khởi nghiệp” cho người cao tuổi để sử dụng phù hợp kiến thức, chuyên môn, kỹ năng, trí tuệ và giá trị của người cao tuổi.

Ba là, thúc đẩy cải cách chính sách tuyển dụng và môi trường làm việc để kéo dài thời gian làm việc hiệu quả. Tăng tuổi nghỉ hưu và bình đẳng giữa nam và nữ; bảo đảm thực thi các quy định pháp luật về ngăn ngừa phân biệt đối xử với người lao động lớn tuổi; thực hiện các chiến dịch nâng cao nhận thức nhằm giải quyết những thái độ tiêu cực về năng lực của người lao động lớn tuổi; Khuyến khích người sử dụng lao động thúc đẩy việc sắp xếp công việc linh hoạt và đưa ra những điều chỉnh tại nơi làm việc để phù hợp hơn với năng lực thể chất của người lớn tuổi.

Bốn là, thúc đẩy tỷ lệ sinh trong giới trẻ. rà soát, hoàn thiện chính sách kế hoạch hóa gia đình trong đó khuyến khích thanh niên kết hôn và sinh nhiều con để tăng mức sinh; vận động Chính phủ Việt Nam thực hiện đầy đủ các nguyên tắc của Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển (ICPD), trong đó cá nhân và các cặp vợ chồng có thể quyết định một cách tự do và có trách nhiệm về số lượng, thời gian và khoảng cách sinh con.

Năm là, khuyến khích đầu tư vào những năm đầu đời để có cuộc sống lành mạnh và tiết kiệm chi phí nhất. Bảo đảm cung cấp đầy đủ và liên tục dinh dưỡng, thực phẩm lành mạnh cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em ở nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số; tăng cường chính sách, quy định về kiểm soát thực phẩm, đồ uống không tốt cho sức khỏe, đặc biệt là đồ uống có cồn; thực hiện các chương trình truyền thông hiệu quả nhằm nâng cao nhận thức của giới trẻ về thực hành lối sống lành mạnh (dành thời gian thường xuyên và đầy đủ cho việc tập luyện, thể thao); được giáo dục tốt, có việc làm ổn định, duy trì lối sống lành mạnh và thay đổi thói quen sinh hoạt phù hợp với độ tuổi; xóa bỏ quan niệm phụ thuộc vào cha mẹ và con cái (độc lập đưa đến tự do và tự do đưa đến hạnh phúc, tức là độc lập - tự do - hạnh phúc).

P2- “Phòng ngừa” thông qua hệ thống lương hưu và bảo hiểm xã hội. Theo đó:

Thứ nhất, già hóa dân số chạm đến mọi mặt của đời sống người dân và sẽ có những tác động đáng kể tới mọi lĩnh vực mà giới trẻ cần nhận thức và chuẩn bị sớm. “Phòng bệnh hơn chữa bệnh”, từ đó giúp những người trẻ tuổi chuẩn bị tốt cho tuổi già của cha mẹ và bản thân họ ngay từ bây giờ (chính sách bây

giờ hoặc không bao giờ), bằng cách tăng cường các biện pháp truyền thông để giới trẻ suy nghĩ và bắt đầu các biện pháp/chuẩn bị phòng ngừa ngay hôm nay. ngày mai của họ; làm cho người trong độ tuổi lao động nhận thức được tầm quan trọng của việc tham gia các chế độ lương hưu, tiết kiệm để bảo đảm thu nhập thường xuyên khi về già; cung cấp các biện pháp can thiệp và hỗ trợ phù hợp để ngăn chặn người trong độ tuổi lao động rời khỏi thị trường lao động do tai nạn, ốm đau và thất nghiệp.

Thứ hai, cải cách và tăng cường hệ thống bảo hiểm xã hội đóng chính thức. Từng bước mở rộng phạm vi bao phủ của các chế độ bảo hiểm xã hội theo hướng tăng tuổi nghỉ hưu chính thức và thu hẹp khoảng cách tuổi nghỉ hưu giữa nam và nữ; giảm các ưu đãi tài chính cho việc nghỉ hưu sớm và rút bảo hiểm xã hội một lần bằng cách áp dụng mức giảm hợp lý theo mô hình thống kê; bình đẳng hóa phúc lợi giữa người lao động khu vực công và tư nhân để mở rộng phạm vi bao phủ của hệ thống bảo hiểm xã hội đóng.

Thứ ba, thúc đẩy chính thức hóa nền kinh tế phi chính thức: Tăng tỷ lệ lao động chính thức (ví dụ: người lao động trong các hình thức việc làm mới), đặc biệt đối với người lao động nhập cư bằng cách cung cấp các ưu đãi tài chính (ví dụ: trợ cấp) cho người lao động phi chính thức có năng lực đóng góp hạn chế và áp dụng các cơ chế đóng góp phù hợp như một gói lợi ích ngắn hạn để tăng khả năng tiếp cận và khả năng chi trả của họ.

Thứ tư, cải cách cơ chế đóng góp phù hợp hiện có để phù hợp hơn với nhu cầu của người lao động phi chính thức. Tạo cơ chế để người lao động phi chính thức tương tác với hệ thống một cách thuận tiện; thúc đẩy mở rộng diện bao phủ lương hưu cho người cao tuổi, cả cơ chế đóng góp và không đóng góp thông qua hệ thống bảo trợ xã hội đa tầng hướng tới chương trình hưu trí xã hội phổ cập cho tất cả người cao tuổi, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau.

P3 - “Cung cấp” (trợ giúp xã hội cho những người không được bao phủ bởi các chính sách/chương trình P1 và 2). Theo đó:

Một là, tiếp tục mở rộng diện bao phủ và mức hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên cho các đối tượng trợ giúp xã hội, trong đó có người cao tuổi để đạt mức sống tối thiểu. Bằng chứng cho thấy mức độ hưởng lợi càng cao thì tác động tích cực đến giảm nghèo càng cao, đặc biệt đối với các nhóm dễ bị tổn thương hơn như người già, người dân tộc thiểu số, người nghèo và người sống ở khu vực nông thôn. Do đó, việc mở rộng dần dần các phúc lợi theo chiều ngang

cho người cao tuổi (tức là giảm độ tuổi được hưởng) và theo chiều dọc (mức trợ cấp) sẽ rất quan trọng để thích ứng với xã hội già hóa dân số ở Việt Nam (GSO-UNFPA, 2021). “Việt Nam có thể và nên tài trợ cho một chương trình hỗ trợ tiền mặt - kích thích tài chính lớn hơn mà không sợ lạm phát” (UNDP Việt Nam, 2021).

Hai là, tiếp tục cải cách trợ giúp xã hội theo hướng tiếp cận phổ cập, dựa trên nhân quyền, bao trùm toàn bộ vòng đời. Nhắm mục tiêu là công kênh và không chính xác. Nhiều nghiên cứu khác nhau đã chứng minh rằng việc nhắm mục tiêu dẫn đến những sai sót lớn về loại trừ và đưa vào, trong khi việc nhắm mục tiêu theo phân loại phổ quát sẽ hiệu quả hơn và công bằng hơn trong các chương trình trợ giúp xã hội. Nó cũng phản ứng nhanh hơn với những cú sốc bất ngờ như COVID-19 và các cú sốc kinh tế, thiên tai khác mà người cao tuổi thường rơi vào nhóm dễ bị ảnh hưởng nhất. Sử dụng các tiêu chí đơn giản như độ tuổi để mở rộng phạm vi bao phủ theo chiều ngang sẽ là cách hiệu quả nhất để tiếp cận những đối tượng dự kiến hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên cũng như trong các tình huống khẩn cấp. Các chương trình trợ giúp xã hội theo vòng đời cho phép mọi người đầu tư vào các giai đoạn trẻ hơn, cung cấp cho thanh niên những kỹ năng, kiến thức và hiểu biết về lập kế hoạch suốt đời và hiểu biết về tài chính để có thể bảo đảm tương lai thành công của chính họ cũng như tuổi già thành công.

Ba là, tăng cường hợp tác đa ngành trong việc thiết kế, thực hiện và giám sát các chính sách, chương trình bảo trợ xã hội ở các cấp nhằm bảo đảm hệ thống an sinh xã hội (SPS) toàn diện, thích ứng với các cú sốc và tích hợp cho người cao tuổi. Các thành phần khác nhau của SPS cần bổ sung cho nhau, liên kết tốt giữa bốn chức năng (4P) của SPS vì lợi ích của người cao tuổi và các đối tượng trợ giúp xã hội khác.

P4 - “Bảo vệ” (thông qua hệ thống dịch vụ chăm sóc xã hội cho người cao tuổi). Theo đó:

Thứ nhất, thúc đẩy các dịch vụ chăm sóc dài hạn (LTC) cho người cao tuổi, bao gồm chăm sóc y tế, chăm sóc xã hội và chăm sóc sức khỏe tâm thần nhằm bảo đảm hòa nhập xã hội, cải thiện sức khỏe và hỗ trợ người cao tuổi trong cuộc sống hàng ngày. Những dịch vụ này phải dễ tiếp cận, giá cả phải chăng và đầy đủ (3A). Do 90% - 92% người cao tuổi vẫn được chăm sóc tại nhà (GSO-UNFPA, 2021), cần thúc đẩy phát triển các dịch vụ LTC tại nhà cho người cao tuổi. Những dịch vụ này bao gồm các khóa đào tạo miễn phí về kỹ năng chăm

sóc người già cơ bản dành cho người chăm sóc tại nhà; cung cấp dịch vụ chăm sóc thay thế; chăm sóc y tế (tức là bác sĩ gia đình, nhân viên xã hội) để bảo đảm rằng tất cả người cao tuổi đều có thể tiếp cận kịp thời và có khả năng chi trả cho các dịch vụ chăm sóc y tế (3A), chăm sóc xã hội và chăm sóc sức khỏe tâm thần đầy đủ.

Thứ hai, tạo ra ngành dịch vụ chăm sóc xã hội mới cho người cao tuổi. Tận dụng lợi thế của công nghệ mới và chuyển đổi số, thúc đẩy thử nghiệm nhanh các giải pháp đổi mới sáng tạo và hình thành ngành dịch vụ chăm sóc xã hội (tham khảo bài học kinh nghiệm từ Nhật Bản và Singapore) để chuẩn bị tốt và đón nhận đúng đắn vấn đề già hóa dân số.

Thứ ba, cung cấp một thị trường hoạt động tốt cho các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi nhằm đáp ứng nhu cầu cá nhân. Mô hình dịch vụ “một kích thước phù hợp cho tất cả” dành cho người cao tuổi không còn phù hợp nữa, đặc biệt là trong bối cảnh thế giới VUCA đang thay đổi nhanh chóng. Sự sẵn có, khả năng tiếp cận và sự phù hợp của hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc đa dạng, tích hợp và mạch lạc áp dụng phương pháp tiếp cận chuyển đổi giới tính và vòng đời để đáp ứng nhu cầu cá nhân của người cao tuổi là rất quan trọng.

Thứ ba, thúc đẩy hợp tác công - tư (PPP) trong cung cấp dịch vụ chăm sóc xã hội cho người cao tuổi. PPP trong SPS ở Việt Nam rất yếu. Các cơ quan Chính phủ đang làm quá nhiều việc, từ thiết kế, thực thi chính sách, M&E và báo cáo (vừa làm trọng tài, vừa làm cầu thủ). Với cơ chế PPP, Chính phủ có trách nhiệm ban hành và quản lý chính sách, danh mục dịch vụ, tiêu chuẩn dịch vụ, ký kết hợp đồng và chi trả cho các tổ chức/nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cung cấp dịch vụ chăm sóc cho các đối tượng trợ giúp xã hội đủ điều kiện, còn những đối tượng không đủ điều kiện phải ký hợp đồng với các nhà cung cấp dịch vụ đã chọn của họ và tự trả tiền. Cơ chế PPP là yếu tố then chốt góp phần xây dựng thị trường dịch vụ chăm sóc người cao tuổi hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu cá nhân.

Thứ tư, tận dụng tối đa công nghệ kỹ thuật số trong việc thiết kế và cung cấp hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc đa dạng, tích hợp và mạch lạc, áp dụng phương pháp tiếp cận chuyển đổi vòng đời và giới tính để đáp ứng nhu cầu cá nhân của người cao tuổi. Bằng chứng cho thấy công nghệ kỹ thuật số đã tăng cường (i) tính minh bạch, thời gian thực/kịp thời và giúp giảm đáng kể chi phí hành chính và giao dịch liên quan đến việc xác minh đủ điều kiện và chuyển trợ cấp tiền mặt cho người nhận trợ giúp xã hội, đặc biệt là ở vùng nông thôn, miền núi vùng sâu vùng xa và (ii) xây dựng một cơ sở dữ liệu tích hợp và có hệ

thống cho SPS. Do đó, chúng tôi đặc biệt khuyến nghị Việt Nam tận dụng tốt nhất các công nghệ kỹ thuật số, chẳng hạn như S-Health cho chăm sóc người cao tuổi (UNFPA) và E-Health Book (GoV/UNDP).

Cuối cùng, các biện pháp nhạy cảm về giới cần được tính đến trong tất cả các giải pháp để tránh lựa chọn sai lệch về giới tính. Cần đặc biệt chú ý đến phụ nữ và trẻ em gái, có tính đến khả năng dễ bị tổn thương của họ do mất an ninh tài chính, thiếu các chương trình bảo hiểm và bảo trợ xã hội.□

REFERENCES:

Andrews và Philips (2005), *Già hóa và vị trí, quan điểm, chính sách, thực tiễn*, ở Routledge, London và New York.

GSO-UNFPA (2021), *Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019: Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam*, Hà Nội.

GSO-JICA-UNFPA (2021), *Người cao tuổi ở Việt Nam: Phân tích điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình năm 2021*, Hà Nội.

ILO (2019), *Báo cáo An sinh xã hội thế giới (2017 - 2019)*, Geneva.

Bộ Y tế (2017), *Tạp chí Y tế thường niên 2016*, Hà Nội.

Bộ LĐTBXH/DSA-UNFPA (2021), *Báo cáo đánh giá 10 năm thực hiện Luật Người cao tuổi*, Hà Nội.

OECD (2019), *Hướng tới dịch vụ công lấy người dân làm trung tâm*, <https://www.oecd-ilibrary.org>

UNDP (2021), *Việt Nam có thể và nên đầu tư cho một chương trình hỗ trợ tiền mặt lớn hơn - kích thích tài khóa mà không sợ lạm phát*, Hà Nội.

VNCA-UNFPA (2019), *Hướng tới chính sách quốc gia toàn diện vì một Việt Nam già hóa*, Hà Nội.

Báo cáo của WB-JICA về Việt Nam (2021): *Thích ứng với xã hội già hóa*, Hà Nội.

GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP THÍCH ỨNG

PGS, TS. VŨ TRỌNG LÂM

Giám đốc, Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

1. Già hóa dân số - Xu thế không thể đảo ngược của các quốc gia trên thế giới trong thế kỷ XXI

Già hóa dân số là một quá trình mà tỷ lệ người trưởng thành và người cao tuổi tăng lên trong cơ cấu dân số, trong khi tỷ lệ trẻ em và vị thành niên giảm đi. Theo Quỹ dân số Liên hợp quốc (UNFPA), già hóa dân số hay còn gọi là giai đoạn “dân số đang già” khi tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 7% đến dưới 14% tổng dân số hoặc tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên chiếm từ 10% đến dưới 20% tổng dân số. Già hóa dân số là kết quả của quá độ nhân khẩu học, trong đó mức chết và mức sinh đều giảm, cùng với tổng tỷ suất sinh giảm dần xuống mức sinh thay thế, tuổi thọ bình quân tăng lên làm tăng số lượng người cao tuổi nói chung và lao động cao tuổi nói riêng, nghĩa là tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi giảm, tỷ lệ người cao tuổi tăng⁽¹⁾.

Già hóa dân số là hệ quả tất yếu của quá trình phát triển kinh tế - xã hội của loài người, là sản phẩm của sự gia tăng năng suất lao động và phát triển kinh tế - xã hội. Già hóa dân số đang trở thành một xu hướng, một vấn đề quan trọng đối với các nước đang phát triển - nơi mà dân số sẽ bị già hóa nhanh chóng trong nửa đầu của thế kỷ XXI. Trên thế giới, cứ 1 giây, có 2 người tổ chức sinh nhật tròn 60 tuổi; trung bình một năm có gần 58 triệu người tròn 60 tuổi; cứ 9 người thì có 1 người từ 60 tuổi trở lên và con số này dự tính đến năm 2050 sẽ tăng lên, với mức là cứ 5 người thì sẽ có 1 người từ 60 tuổi trở lên⁽²⁾.

(1) UNFPA: *Già hóa trong thế kỷ 21: Thành tựu và thách thức*, 2012 (bản tiếng Việt), tr. 3

(2) UNFPA: *Già hoá trong thế kỷ 21: Thành tựu và thách thức*, 2012 (bản tiếng Việt), tr.3

Vấn đề này có ý nghĩa quan trọng và ảnh hưởng lớn đến tất cả các khía cạnh của xã hội vì mức độ già hóa dân số có sự liên quan chặt chẽ với trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao tuổi thọ là một trong những thành tựu vĩ đại nhất của loài người. Con người sống lâu hơn nhờ các điều kiện tốt hơn về chế độ dinh dưỡng, tiến bộ y học, chăm sóc y tế, giáo dục và đời sống kinh tế. Tuy nhiên, vấn đề này cũng đang gây ra những thách thức gay gắt cho nền kinh tế, tài chính, ngân sách và mô hình quản trị xã hội hiện đại; thậm chí có thể trở thành lực cản đối với sự tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia nếu không có chính sách phù hợp. Làm thế nào để ứng phó với thách thức này và đạt được mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa? Đây vẫn đang một bài toán hóc búa đang đặt ra đối với Việt Nam cũng như nhiều quốc gia trên thế giới.

Các nước đang phát triển sẽ là nơi có tỷ lệ người cao tuổi tăng cao nhất và nhanh nhất. Theo dự báo, số người cao tuổi ở các nước này sẽ tăng gấp 4 lần trong vòng 50 năm tới, tỷ lệ người cao tuổi sẽ tăng từ 8% (năm 2009) lên 19% vào năm 2025; trong khi đó tỷ lệ trẻ em sẽ giảm từ 33% xuống 22%. Hơn một nửa dân số tuổi 80 trở lên ở những nước đang phát triển, dự báo sẽ tăng lên 71% vào năm 2050. Tốc độ già hóa tại các nước đang phát triển ngày càng nhanh hơn tại các nước phát triển (ví dụ như, Pháp mất khoảng 75 năm, còn ở Singapore chỉ mất 19 năm), dẫn đến nguy cơ “già trước khi giàu” chứ không phải “giàu trước khi già”⁽³⁾.

Mặc dù già hóa dân số tượng trưng cho thành công về các thành tựu kinh tế, xã hội, y tế và kiểm soát bệnh tật nhưng nó cũng đồng thời cho thấy những thách thức lớn đối với thị trường lao động và hệ thống an sinh xã hội. Già hóa dân số tạo sức ép lên hệ thống lương hưu và bảo hiểm cũng như thách thức các mô hình trợ giúp xã hội. Nó tác động trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế, thương mại, việc làm, di cư, các dạng bệnh tật và gây ra nhiều sức ép khác.

Trước hết, thách thức đối với cơ cấu của lực lượng lao động: Trong giai đoạn đầu của quá trình già hóa dân số, quy mô lao động nói chung và lao động cao tuổi nói riêng vẫn tiếp tục tăng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo thêm nhiều việc làm mới. Tuy nhiên, quá trình già hóa đến một ngưỡng nhất định sẽ làm suy giảm lực lượng lao động và lực lượng lao động sẽ bị già hóa cùng với tình trạng giảm đầu tư xã hội do tỷ lệ người ở độ tuổi cao (45 tuổi - 65 tuổi) sẽ tăng lên và tỷ lệ gia nhập thị trường lao động sẽ có xu hướng giảm đi. Hệ quả là,

(3) Phạm Thắng và Đỗ Thị Khánh Hy: *Báo cáo tổng quan về chính sách chăm sóc người già thích ứng với thay đổi cơ cấu tuổi tại Việt Nam*, Tổng cục Dân số và kế hoạch hóa gia đình, Quỹ Dân số Liên hợp quốc, 2009

để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho nền kinh tế, các nước phải sử dụng lao động già hơn; điều này đồng nghĩa với việc tăng tuổi nghỉ hưu để có thêm nhân lực cho nền kinh tế.

Thứ hai, thách thức đối với tăng trưởng kinh tế: Già hóa dân số và dân số già có ảnh hưởng kép đến nền kinh tế. Một mặt, năng suất lao động của nhóm tuổi cao sẽ kém hơn so với các nhóm tuổi trẻ hơn trong lực lượng lao động, dẫn đến thu nhập của nền kinh tế nói chung và của từng gia đình nói riêng bị ảnh hưởng. Điều này dẫn đến hệ lụy là những người trẻ tuổi phải làm việc nhiều hơn để bù đắp thiếu hụt thu nhập của gia đình. Mặt khác, chi phí chăm sóc y tế và các phúc lợi khác cho người cao tuổi tăng lên, ảnh hưởng tiêu cực đến đầu tư cho phát triển. Tăng trưởng kinh tế thấp hay tăng trưởng âm đồng nghĩa với năng suất lao động thấp và sẽ không tạo ra nhiều việc làm, thậm chí sẽ làm giảm cầu lao động trong phần lớn các khu vực kinh tế.

Thứ ba, thách thức về mặt xã hội: Trong một xã hội dân số già, các vấn đề xã hội sẽ phát sinh như quan hệ giữa các thế hệ, sự chăm sóc cho người già của từng gia đình và xã hội... sẽ là những nội dung mà các quốc gia phải quan tâm. Tổng Thư ký Liên hợp quốc đã cảnh báo: “Ảnh hưởng về kinh tế và xã hội của hiện tượng già hóa dân số có ý nghĩa vô cùng sâu rộng, không chỉ tác động tới cá nhân người cao tuổi và gia đình họ mà còn tác động lan tỏa tới toàn xã hội và cộng đồng toàn cầu theo những cách thức chưa từng có”⁽⁴⁾.

Có thể nói, già hóa dân số là một vấn đề toàn cầu đang được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm. Xu hướng già hóa dân số mang tính lâu dài và không thể đảo ngược. Thực tế cho thấy, già hóa dân số đang diễn ra mạnh mẽ, kéo theo nhiều vấn đề kinh tế - xã hội cần phải giải quyết. Già hóa dân số không phải là một gánh nặng nhưng nó sẽ làm cho gánh nặng kinh tế - xã hội trở nên trầm trọng hơn nếu không có những bước chuẩn bị và thực hiện các chiến lược, chính sách thích ứng.

2. Xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam

Tại Việt Nam, theo quy định của Luật Người cao tuổi năm 2009, người cao tuổi là người từ đủ 60 tuổi trở lên. Do đó, việc đo lường mức độ già hóa của nước ta chủ yếu dựa theo tiêu chí thống kê về tỷ lệ người cao tuổi trong cơ cấu dân số. Theo đó, Việt Nam đang trong giai đoạn già hóa dân số khi tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên chiếm 12,84% tổng dân số (năm 2021). Việt Nam đang bước vào

(4) UNFPA: *Già hóa trong thế kỷ 21: Thành tựu và thách thức*, 2012 (bản tiếng Việt), tr. 4

giai đoạn già hóa dân số và trở thành nước có dân số già trong khoảng hơn 10 năm tới⁽⁵⁾.

Thứ nhất, về đặc điểm già hóa ở Việt Nam

Theo đánh giá của Quỹ Dân số Liên hợp quốc, Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Những người từ 60 tuổi trở lên chiếm 11,9% tổng dân số vào năm 2019; dự báo đến năm 2050, có thể sẽ tăng lên hơn 25%. Đến khoảng những năm 2036 - 2039, Việt Nam sẽ bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ “dân số già hóa” sang “dân số già”. Sự thay đổi nhân khẩu học này xảy ra ở Việt Nam không chỉ do giảm tỷ lệ tử vong và tăng tuổi thọ, mà phần lớn là do giảm mạnh tỷ lệ sinh. Tỷ lệ sinh giảm trong những thập niên vừa qua đã tác động rất lớn tới cơ cấu dân số của Việt Nam, làm đẩy nhanh tốc độ già hóa dân số⁽⁶⁾.

Cơ cấu tuổi của dân số Việt Nam biến đổi theo xu hướng giảm tỷ trọng của trẻ em dưới 15 tuổi và tăng nhanh tỷ trọng của dân số từ 60 tuổi trở lên; điều này đã làm cho chỉ số già hóa có xu hướng tăng lên nhanh chóng trong hai thập niên vừa qua. Xét theo chỉ số già hóa, năm 2019, chỉ số già hóa của Việt Nam là 48,8%, tăng hơn 2 lần trong vòng 20 năm. Theo số liệu điều tra lao động và việc làm của Tổng cục Thống kê năm 2012, cả nước có 11,2% dân số từ 60 tuổi trở lên, tức là cứ gần 9 người thì có 1 người từ 60 tuổi trở lên; đến năm 2022, tỷ lệ này là 14,6%.

Thứ hai, về cơ cấu dân số theo độ tuổi

Trong giai đoạn 2012 - 2022, cơ cấu tuổi và giới tính của dân số Việt Nam có ba đặc điểm đáng chú ý dẫn đến sự thay đổi cơ cấu tuổi dân số Việt Nam, đó là:

- Tỷ lệ dân số trẻ em 0 - 14 tuổi trong tổng dân số tăng nhẹ từ 23,18% (năm 2012) lên 23,75% vào năm 2022.

- Tỷ lệ dân số trong độ tuổi 15 - 59 giảm từ 65,66% (năm 2012) xuống 61,69% (năm 2022). Nếu tính theo độ tuổi 15 - 64 để so sánh quốc tế thì tỷ lệ này giảm từ 69,04% xuống khoảng 66,62%.

(5) Có thể tham khảo số liệu về thực trạng già hóa dân số Việt Nam trong Đề tài khoa học cấp Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: *Nhận diện một số vấn đề xã hội mới, vấn đề cần ưu tiên trong chính sách xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* do Viện Khoa học lao động và xã hội thực hiện, 2023

(6) UNFPA Việt Nam: “Già hóa dân số”, <https://vietnam.unfpa.org>

- Số lượng và tỷ lệ dân số cao tuổi trong tổng dân số đều tăng lên rõ rệt và có sự chênh lệch ngày càng lớn giữa phụ nữ cao tuổi và nam giới cao tuổi khi tuổi tăng lên. Trong vòng 10 năm từ 2012 đến 2022, nhóm sơ lão (60 - 69 tuổi) tăng thêm khoảng 3,52 triệu người, nhóm trung lão (70 - 79 tuổi) tăng thêm 692,4 nghìn người và nhóm đại lão (từ 80 tuổi trở lên) tăng thêm khoảng 351,2 nghìn người. Tốc độ tăng cao ở nhóm sơ lão (5,6%/năm), trong đó cao nhất là nhóm 64 - 69 tuổi với tốc độ khoảng 6,4%/năm, sau đó giảm dần ở nhóm trung lão và nhóm đại lão.

Thứ ba, về cơ cấu giới tính của người cao tuổi

Hầu hết, các quốc gia trên thế giới bao gồm Việt Nam, tuổi thọ trung bình của phụ nữ luôn cao hơn nam giới; điều này dẫn đến tình trạng nữ hóa trong dân số cao tuổi. Chỉ số này liên quan đến các vấn đề như sắp xếp cuộc sống của người cao tuổi, tỷ lệ góa chồng/vợ và chăm sóc y tế cho họ...

Thứ tư, về phân bố dân số cao tuổi theo khu vực

Nhờ quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, tỷ lệ người cao tuổi sinh sống ở khu vực nông thôn đã giảm nhưng vẫn chiếm đa số. Trong giai đoạn 2012 - 2022, tỷ lệ người cao tuổi sống ở nông thôn giảm từ 67,45% xuống 62,12%, đồng nghĩa với tỷ lệ người cao tuổi sống ở thành thị tăng từ 32,55% lên 37,88%. Tuổi càng cao thì tỷ lệ sống ở nông thôn càng tăng lên. Đây là tiêu chí quan trọng cần được quan tâm khi xây dựng, quy hoạch các chính sách, dịch vụ dành cho người cao tuổi, đặc biệt là nhóm đại lão.

Thứ năm, về dự báo xu hướng già hóa dân số trong thời gian tới

Xu hướng già hóa của dân số Việt Nam trong thời gian qua, một phần là do tuổi thọ tăng cao song nguyên nhân cơ bản vẫn là do mức sinh giảm mạnh, xuống dưới mức sinh thay thế. Do đó, để kéo dài lợi tức của dân số vàng và làm chậm quá trình già hóa, cần quan tâm để việc bảo đảm mức sinh thay thế.

Giai đoạn chuyển từ dân số già hóa sang giai đoạn dân số già của Việt Nam rất ngắn, đặt ra thách thức “già trước khi giàu”. Theo dự báo, thời gian quá độ từ già hóa dân số sang dân số già của Việt Nam khoảng 25 năm (từ năm 2013 đến khoảng năm 2036 - 2039). Đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã trải qua hơn 10 năm và do đó, chỉ còn khoảng hơn 15 năm trước khi bước vào giai đoạn dân số già. Đặc điểm này diễn ra trong bối cảnh của một quốc gia có thu nhập trung bình thấp, tiết kiệm thấp, các hạn chế về nguồn lực gây ra những áp lực

cho quốc gia hướng đến xã hội già hóa chủ động. Do đó, Việt Nam sẽ chính thức bước vào giai đoạn dân số già (khi tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 14% tổng dân số) vào khoảng năm 2036 với tỷ lệ người cao tuổi đạt 14,17% tổng dân số (với gần 15,46 triệu người). Mặt khác, xét về lợi tức dân số lần thứ nhất, dự báo dân số của Tổng cục Thống kê cho thấy “cơ cấu dân số vàng”⁽⁷⁾ ở Việt Nam sẽ kết thúc vào năm 2039.

Bảng 1: Dự báo quy mô dân số cao tuổi giai đoạn 2029 - 2069

Tuổi	Năm 2029		Năm 2039		Năm 2049		Năm 2069	
	Quy mô (triệu người)	Tỷ lệ (%)	Quy mô (triệu người)	Tỷ lệ (%)	Quy mô (triệu người)	Tỷ lệ (%)	Quy mô (triệu người)	Tỷ lệ (%)
60+	17,28	16,53	22,29	20,21	28,61	24,88	31,69	27,11
65+	12,03	11,51	15,46	14,17	21,09	18,34	25,16	21,52

Nguồn: Tổng cục Thống kê: Dự báo quy mô dân số giai đoạn 2029 - 2069.

3. Những tác động của già hóa dân số đối với các vấn đề kinh tế - xã hội ở Việt Nam

Với xu hướng đang diễn ra, tình trạng già hóa dân số Việt Nam đang tác động mạnh mẽ và đặt ra một số vấn đề xã hội cấp thiết đối với nền kinh tế - xã hội đất nước, đặc biệt là đối với hệ thống chính sách an sinh và phúc lợi xã hội. Cụ thể là:

Thứ nhất, già hóa đang tạo ra sức ép đối với việc xây dựng và phát triển lực lượng lao động ở Việt Nam

Lực lượng lao động là yếu tố sản xuất không thể thiếu để phát triển kinh tế - xã hội bền vững và chịu ảnh hưởng sâu sắc của tình trạng già hóa dân số. Trước hết, xu hướng tăng trưởng dân số trong độ tuổi lao động đã đảo ngược. Trong bối cảnh già hóa dân số, quy mô lực lượng lao động tiếp tục gia tăng nhưng tốc độ đã chậm lại. Điều này được thể hiện bằng các chỉ số sau:

(7) Theo định nghĩa của Liên hợp quốc (2004), các nước bước vào giai đoạn “cơ cấu dân số vàng” khi tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi chiếm dưới 30% tổng dân số và tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên chiếm dưới 15% tổng dân số

- Lực lượng lao động gia tăng từ 52,35 triệu người (năm 2012) lên 54,84 triệu người (năm 2020) và đạt 51,7 triệu người năm 2022⁽⁸⁾.

- Giai đoạn 2012 - 2015, tốc độ tăng bình quân hằng năm của lực lượng lao động là 1,06%; giai đoạn 2016 - 2020 giảm còn 0,8%.

- Mức tăng bình quân hằng năm của lực lượng lao động là gần 615.000 người trong giai đoạn 2012 - 2016 và chỉ còn khoảng 450.000 người trong giai đoạn 2016 - 2020 và có xu hướng giảm tiếp trong thời gian tới.

Hiện trạng này cảnh báo nguy cơ suy giảm và thiếu hụt lao động cho phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai.

Ngoài ra, việc chuyển đổi nhân khẩu học theo hướng già hóa dân số nhanh cũng dẫn đến tình trạng lực lượng lao động bị già hóa. Lực lượng lao động cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên) tăng nhanh: 3,93 triệu người (năm 2012), tăng lên gần 6 triệu người (năm 2019); 4,77 triệu người (năm 2020)⁽⁹⁾; 4,65 triệu người (năm 2021); gần 4,74 triệu người (năm 2022)⁽¹⁰⁾.

Nhìn chung, cả giai đoạn 2012 - 2020, tỷ lệ tăng bình quân như sau:

- Lực lượng lao động cao tuổi: 3,23%/năm (tương ứng tăng 137.000 người/năm);
- Lực lượng lao động trung niên tăng chậm hơn với tốc độ bình quân 1,32%/năm (tương ứng tăng 505.000 người/năm)
- Lực lượng lao động độ tuổi thanh niên (15 - 29 tuổi) đang giảm với tốc độ bình quân 1,31%/năm (tương ứng giảm 203.000 người/năm).

Quá trình biến đổi cơ cấu dân số dẫn đến xu hướng tuổi bình quân của lực lượng lao động tăng từ 40,86 tuổi (năm 2012) lên 41 tuổi (năm 2020) và 41,13 (năm 2022). Tuổi trung vị của lực lượng lao động cũng tăng từ 39 tuổi (năm

(8) Số liệu của năm 2021 và 2022 tính theo tiêu chuẩn thống kê lao động quốc tế ICLS19 (bỏ nhóm dân số hoạt động tự cung, tự cấp trong nông nghiệp ra khỏi lực lượng lao động); số liệu của các năm 2011 - 2020 tính theo tiêu chuẩn cũ ICLS13

(9) Giai đoạn 2012 - 2020, số liệu về thị trường lao động của Tổng cục Thống kê đã công bố được tính toán theo tiêu chuẩn ICLS 13. Do đó, khi xem xét xu hướng tăng, giảm trong 10 năm qua, chỉ có thể tính toán trong giai đoạn 2012 - 2020 để bảo đảm sự đồng nhất về tiêu chuẩn thống kê (phương pháp tính toán)

(10) Từ năm 2021 trở đi, Tổng cục Thống kê chính thức tính toán và công bố các chỉ số thị trường lao động theo tiêu chuẩn mới (ICLS 19). Do đó, lực lượng lao động của cả nước giảm hơn 4 triệu người và lực lượng lao động theo các nhóm tuổi cũng giảm do loại nhóm lao động hoạt động tự cung, tự cấp trong nông nghiệp ra khỏi lực lượng lao động (theo cách tính mới)

2012) lên 40 tuổi (năm 2020) và 40,21 (năm 2022). Điều này cảnh báo nguy cơ suy giảm năng suất lao động trong tương lai do lực lượng lao động bị suy giảm năng lực, không đáp ứng yêu cầu của công việc nói chung và yêu cầu chuyển giao công nghệ mới.

Thứ hai, già hóa dân số đang tạo thách thức đối với hệ thống lương hưu, bảo hiểm, các mô hình trợ giúp xã hội và hệ thống chăm sóc xã hội

Đến nay, số lao động tham gia bảo hiểm xã hội đã gia tăng nhanh chóng. Cụ thể là: Giai đoạn 2011 - 2016 tốc độ tăng bình quân là 5,4%/năm từ 10,5 triệu người (năm 2011) lên 13,05 triệu người (2016). Giai đoạn 2017 - 2021, tốc độ tăng bình quân là 6,48%/năm, từ 16,2 triệu (năm 2020) và 16,6 triệu người (năm 2021), chiếm 36% lực lượng lao động trong độ tuổi. Đặc biệt, từ năm 2019, do Nhà nước có chính sách hỗ trợ và đổi mới phương thức tổ chức thực hiện, chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện đã tạo bước đột phá về mở rộng đối tượng tham gia. Tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đến năm 2021 đạt 1,5 triệu người.

Tuy nhiên, ở Việt Nam, một bộ phận lớn người không có lương hưu và trợ cấp xã hội. Năm 2021, cả nước có khoảng 14,35 triệu người cao tuổi⁽¹¹⁾, trong đó có khoảng 6,57 triệu người được hưởng chính sách xã hội gồm chế độ hưu trí và trợ cấp xã hội⁽¹²⁾, chiếm 45,78%. Tức là vẫn còn hơn 50% người cao tuổi hiện chưa được hưởng chính sách xã hội; họ phải sống dựa vào nguồn tiết kiệm hoặc dựa vào con cái, người thân, hoặc tiếp tục làm việc để kiếm sống với mức thu nhập thấp.

Quy mô dân số cao tuổi tăng nhanh, tạo áp lực lên hệ thống lương hưu. Giai đoạn 2012 - 2022, quy mô dân số cao tuổi từ 60 tuổi trở lên tăng từ 9,26 triệu người (năm 2012) lên 14,64 triệu người (năm 2022), tăng bình quân 3,09%/năm, gần bằng 3 lần tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm trong cùng giai đoạn (1,12%/năm). Theo đó, tỷ lệ người cao tuổi tăng từ 10,43% (năm 2012) lên 14,86% (năm 2022).

Có thể nói, sự già đi của dân số sẽ đặt tính bền vững của hệ thống bảo hiểm xã hội vào thử thách lớn hơn và sẽ tiếp tục như vậy trong một thời gian dài. Trong những năm gần đây, chi phí bảo hiểm hưu trí cho người lao động ở nước ta đã

(11) Tính toán từ cơ sở dữ liệu điều tra lao động, việc làm năm 2021 của Tổng cục Thống kê

(12) Ủy ban Quốc gia về Người cao tuổi: Báo cáo Kết quả công tác người cao tuổi năm 2021, mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022, Hà Nội, 2021

tăng dần theo tỷ lệ người già phụ thuộc ngày càng tăng và lương hưu ở nhiều nơi không thể trang trải chi phí cho họ. Tỷ lệ người cao tuổi phụ thuộc tăng dần đã làm gia tăng áp lực lên cán cân thanh toán bảo hiểm hưu trí cơ bản.

Thứ ba, xu hướng già hóa dân số nhanh gây áp lực lớn đối với hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe, trợ giúp xã hội

Tính đến năm 2019, cả nước chỉ có 49/63 tỉnh có khoa lão tại các bệnh viện đa khoa tỉnh hoặc bệnh viện lão khoa; đội ngũ giường bệnh, đội ngũ y bác sĩ và cán bộ y tế dành cho lão khoa còn mỏng. Bảo hiểm y tế cũng bị ảnh hưởng sâu sắc bởi sự già hóa dân số, khi tuổi tác tăng lên, người cao tuổi có nhu cầu quản lý bệnh mãn tính và chăm sóc phục hồi chức năng ngày càng cao, làm cho chi phí y tế tăng cao. Nếu duy trì cơ chế hiện tại, quỹ bảo hiểm y tế sẽ gặp rủi ro thanh toán. Ngoài ra, một số địa phương hiện vẫn chưa bố trí kinh phí thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi như khám sức khỏe định kỳ do điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị để thành lập khoa lão còn thiếu...

Sự già hóa dân số còn gây áp lực lớn đối việc chăm sóc gia đình. Tỷ lệ sinh thấp do tỷ lệ sinh giảm đã dẫn đến những thay đổi lớn trong mô hình gia đình của Việt Nam hiện nay, với các hình thức gia đình như gia đình không đầy đủ và gia đình độc thân già nua ngày càng trở nên phổ biến. Việc thu nhỏ cấu trúc gia đình đã làm suy yếu đáng kể chức năng chăm sóc người cao tuổi của gia đình truyền thống và mang lại sự bấp bênh lớn hơn cho cuộc sống của người cao tuổi trong những năm cuối đời.

Thứ tư, già hóa dân số sẽ ảnh hưởng đến mức độ tiêu dùng và tiết kiệm xã hội - đây là nền tảng quan trọng cho hoạt động kinh tế

Tiêu dùng là mục tiêu cuối cùng của lưu thông hàng hóa và cá nhân cuối cùng sẽ thỏa mãn nhu cầu của mình thông qua tiêu dùng; việc nâng cao năng lực tiêu dùng và giải phóng tiềm năng tiêu dùng cũng góp phần thúc đẩy nguồn cung hiệu quả và là lực đẩy cho hoạt động kinh tế ổn định. Còn tiết kiệm là nguồn vốn quan trọng để đầu tư và tích lũy vốn, tỷ lệ tiết kiệm tăng sẽ có lợi cho đầu tư ổn định và tăng trưởng kinh tế ổn định. Cả hai yếu tố này đều bị ảnh hưởng trực tiếp bởi tình trạng già hóa dân số.

Ở khía cạnh tiêu dùng, già hóa dân số sẽ dẫn đến tổng tiêu dùng giảm và thay đổi cơ cấu tiêu dùng. Nhìn chung, quan niệm tiêu dùng của người cao tuổi ở Việt Nam còn tương đối bảo thủ, mức độ sẵn sàng chi tiêu còn thấp, thu nhập

không cao hoặc không ổn định, thậm chí thiếu thốn cũng đã hạn chế khả năng tiêu dùng của họ. Về mặt tiết kiệm, sự gia tăng số lượng người cao tuổi sẽ làm giảm tỷ lệ tiết kiệm chung của xã hội và tạo ra những hạn chế về đầu tư, không có lợi cho tăng trưởng kinh tế ổn định.

Thứ năm, về mặt xã hội, già hóa dân số làm tăng gánh nặng chăm sóc gia đình và ảnh hưởng tới hạnh phúc chung của gia đình, làm gia tăng bất bình đẳng giới

Tuổi thọ tăng đồng nghĩa với việc một số lượng đáng kể người cao tuổi sẽ bị “yếu thể” trong thời gian dài. Hoặc vì chi phí cao, hoặc vì chất lượng không được bảo đảm, mức độ xã hội hóa việc chăm sóc người già hằng ngày ở nước ta còn thấp và trách nhiệm chăm sóc chủ yếu vẫn do các thành viên trong gia đình đảm nhận. Mặt khác, già hóa dân số làm gia tăng bất bình đẳng giới ở nhiều nơi, nhất là ở nông thôn, bởi sự phân công lao động truyền thống theo giới tính, người chăm sóc chủ yếu là phụ nữ trung niên; họ không thể hoặc bị hạn chế tham gia thị trường lao động vì phải gánh vác công việc nội trợ gia đình nặng nhọc. Điều này một mặt sẽ làm giảm sự tham gia lao động xã hội của phụ nữ, mặt khác cũng sẽ làm tăng thêm những tác động tiêu cực đến tình trạng sức khỏe của phụ nữ (đặc biệt là phụ nữ trung niên và người cao tuổi). Từ góc độ vòng đời, họ thiếu sự bảo đảm tài chính đầy đủ trong những năm cuối đời vì không tham gia thị trường lao động hoặc nghỉ hưu sớm để chăm sóc người cao tuổi trong gia đình. Sự già đi của dân số gắn liền với các quan niệm giới truyền thống lạc hậu, tạo ra những hình thức bất bình đẳng mới.

Như vậy, có thể thấy, làn sóng già hóa dân số ngày càng gia tăng và không thể đảo ngược đã đặt ra những thách thức nặng nề cho xã hội. Hiện tại, hệ thống phúc lợi xã hội của Việt Nam vẫn đang hoạt động ở mức độ thấp, cải cách hệ thống y tế và bảo hiểm xã hội hiện có nhiều tiến bộ nhưng chưa được thiết lập đầy đủ; việc chăm sóc người già chưa được tổ chức thực hiện hiệu quả. Trong trường hợp này, việc số lượng người cao tuổi tăng nhanh chắc chắn sẽ mang lại nhiều hệ lụy.

4. Một số giải pháp nhằm thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam trong thời gian tới

Già hóa dân số là xu hướng không thể đảo ngược. Để đạt được mục tiêu này, Chính phủ cần xây dựng và thực hiện “Chiến lược quốc gia chủ động thích ứng với già hóa dân số” nhằm đánh giá tổng thể tình hình và đề ra các quan điểm

chỉ đạo, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm nhằm thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam trong thời gian tới. Đẩy mạnh đổi mới phương thức sản xuất, không ngừng nâng cao năng suất lao động của dân số trong độ tuổi lao động, hình thành mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững, thích ứng với xu hướng già hóa dân số. Đây là một nội dung rất quan trọng để duy trì tiến bộ xã hội trong một xã hội đang già hóa.

Đối với nhiều nước phát triển, quá trình chuyển đổi nhân khẩu học là diễn ra tự nhiên và không cần can thiệp chính sách, nên già hóa dân số cũng là một quá trình diễn ra từ từ và chậm rãi. Trong trường hợp này, dựa trên những thay đổi về giá tương đối của vốn và lao động và dựa vào điều chỉnh tự phát của cơ chế thị trường, có thể hình thành một mô hình tăng trưởng kinh tế phù hợp với một xã hội già hóa. Tuy nhiên, quá trình già hóa dân số nhanh chóng ở nước ta đã làm giảm đáng kể “thời kỳ vàng” của lợi tức nhân khẩu học, dễ dàng tác động đến phát triển kinh tế từ cả phía cung và phía cầu, cũng khó đạt được những thay đổi cơ cấu thông qua các cơ chế tự phát; và cần phải được bổ sung bằng sự can thiệp và áp dụng các chính sách phát triển kinh tế. Cụ thể là:

Thứ nhất, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ tiết kiệm lao động

Tác động trực tiếp của xã hội già hóa đến phát triển kinh tế là thị trường lao động liên tục bị thu hẹp, do đó, việc khuyến khích áp dụng các kết quả về khoa học và công nghệ nhằm tiết kiệm lao động có vai trò quan trọng trong các chính sách phát triển kinh tế. Cần lưu ý rằng, việc áp dụng các công nghệ tiết kiệm lao động phải được bổ sung bằng hệ thống tái phân phối phù hợp với xã hội già hóa; có như thế mới thực sự đạt được mục đích nâng cao năng suất lao động và phục vụ sự phát triển bền vững, hài hòa của xã hội. Nếu không, sẽ có những tình huống bất lợi, như: khoảng cách thu nhập ngày càng lớn và tình trạng nghèo đói gia tăng liên quan đến già hóa dân số.

Thứ hai, hình thành hệ thống thị trường lao động tương thích với một xã hội đang già hóa

Khi dân số trong độ tuổi lao động giảm dần, việc thúc đẩy thị trường lao động linh hoạt hơn và việc làm đa dạng hơn sẽ đóng vai trò tích cực trong việc giảm thiểu tác động của già hóa dân số. Điều này đã được khẳng định qua kinh nghiệm của nhiều quốc gia bước vào xã hội già hóa từ rất sớm. Đồng thời, để ứng phó với tình trạng tỷ lệ tham gia lực lượng lao động nữ ngày càng giảm, cần nỗ lực khuyến khích sự tham gia của lực lượng lao động nữ thông qua các

biện pháp, như: chống phân biệt đối xử trong việc làm, trợ cấp sinh con và tăng cường các dịch vụ chăm sóc trẻ em công cộng.

Thứ ba, cải thiện hệ thống hưu trí và hệ thống bảo hiểm hưu trí càng sớm càng tốt

Việc kéo dài tuổi nghỉ hưu không chỉ có thể làm tăng tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của người cao tuổi mà còn giảm bớt áp lực trả lương hưu. Khi tuổi thọ trung bình tiếp tục tăng, việc thiết lập một hệ thống lương hưu linh hoạt, tức là nhận lương hưu cấp thấp sớm và lương hưu cấp cao muộn hơn, không chỉ có thể đáp ứng nhu cầu cá nhân của những người lao động khác nhau mà còn phát triển đầy đủ hơn những người cao tuổi sẵn sàng làm việc. Từ góc độ cải cách hệ thống an ninh lương hưu, cần thực hiện sự phối hợp quốc gia về hệ thống bảo hiểm hưu trí càng sớm càng tốt và nâng cao tính công bằng, bền vững của các phúc lợi hưu trí cơ bản. Có thể cân nhắc việc tích hợp hệ thống hiện tại vào hệ thống bảo đảm thu nhập cho người già với nhiều tầng, như lương hưu liên quan đến đóng góp cá nhân, lương hưu bổ sung tại nơi làm việc và tiết kiệm lương hưu cá nhân. Đồng thời, bằng cách cải thiện mức độ phối hợp trong bảo hiểm hưu trí, tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực lương hưu và nâng cao tính bền vững của hệ thống, nhằm chủ động ứng phó tốt hơn với tình trạng già hóa dân số.□

PHÁT HUY VAI TRÒ GƯƠNG MẪU CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TRONG ĐẤU TRANH PHẢN BÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, GÓP PHẦN BẢO VỆ VỮNG CHẮC NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI

TS. VŨ THANH MAI

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương

1. Vai trò của người cao tuổi đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Với truyền thống “Kính già yêu trẻ” của người Việt Nam, người cao tuổi luôn được đề cao và tôn trọng. Đây là tài sản quý báu, là nguồn lực vô giá với nhiều kinh nghiệm sống và nguồn tri thức phong phú để truyền đạt cho thế hệ sau. Trong suốt chiều dài của lịch sử dân tộc, người cao tuổi đã có nhiều đóng góp to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, gắn với những sự kiện trọng đại liên quan đến vận mệnh dân tộc. Hội nghị Diên Hồng là một minh chứng, biểu tượng thể hiện tinh thần đồng lòng, quyết tâm bảo vệ đất nước của các bậc phụ lão.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - một tấm gương mẫu mực về tình cảm, sự tôn trọng, tin tưởng, phát huy và đề cao vai trò của người cao tuổi đối với sự nghiệp cách mạng. Với tầm nhìn chiến lược, khoa học, sâu sắc và toàn diện về sự kính trọng, đề cao tinh thần, ý chí và tin tưởng ở lớp người cao tuổi, Người đã nhận thấy rõ vị thế, vai trò, tiềm năng, sức mạnh, sự đoàn kết, những giá trị của người cao tuổi đối với sự nghiệp cách mạng, gia đình và quê hương, đất nước. Người nói: “*Một lời nói của phụ lão có ảnh hưởng đến hưng bang,... Đối với gia đình, đối với Tổ quốc, phụ lão đã có trọng trách là bậc tôn trưởng. Đối với làng xóm, đối với bà con, phụ lão có sự tín nhiệm lớn lao. Phụ lão hô, nhân dân*

hưởng ứng. Phụ lão làm, nhân dân làm theo⁽¹⁾. Thấy rõ vị thế, vai trò, trách nhiệm của người cao tuổi và tổ chức hội người cao tuổi đối với sự nghiệp cách mạng, Người đã sáng lập, chỉ đạo và truyền truyền việc thành lập Phụ lão cứu quốc Hội ngay tại các thôn, bản, vùng căn cứ địa cách mạng.

Nhất quán với tư tưởng đề cao vai trò quan trọng của người cao tuổi, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác chăm sóc và phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập người cao tuổi trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đặc biệt trong đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

Trong tiến trình cách mạng của Đảng ta, người cao tuổi luôn có vai trò quan trọng trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đóng góp to lớn vào sự nghiệp cách mạng, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Là cầu nối mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với người cao tuổi, Hội Người cao tuổi đã tổ chức có hiệu quả các hoạt động nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người cao tuổi trong xây dựng Đảng, chính quyền; chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền và phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để người cao tuổi phát huy bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm và phẩm chất tốt đẹp của thế hệ đi trước, trao truyền lại cho thế hệ sau, nêu cao tinh thần “Tuổi cao - Gương sáng”. Cùng với các phong trào thi đua tiêu biểu, như “Người cao tuổi làm kinh tế giỏi”, “Người cao tuổi tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, “Người cao tuổi tham gia xây dựng nông thôn mới”,... một lần nữa khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của người cao tuổi trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Đặc biệt, trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22-10-2018, của Bộ Chính trị khóa XII “Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”, người cao tuổi đã thể hiện vai trò nêu gương, tham gia tích cực để đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống, góp phần làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị; đấu tranh với các phần tử có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, giúp Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh.

2. Một số vấn đề đặt ra đối với người cao tuổi trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 3, trang. 233

Hiện nay, tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Mặc dù, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song các cuộc chiến tranh, xung đột cục bộ, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra dưới nhiều hình thức phức tạp và quyết liệt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh. Ở trong nước, với những thành tựu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại đã khẳng định vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Tuy nhiên, chúng ta cũng gặp phải không ít những khó khăn, thách thức, nhất là tác động của suy thoái về kinh tế, những tiêu cực và tệ nạn xã hội làm ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội và đời sống của các tầng lớp Nhân dân, trong đó có người cao tuổi.

Bên cạnh những thuận lợi, mặt trái của nền kinh tế thị trường đã tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến nhân cách, phẩm giá, ý thức của một bộ phận đội ngũ cán bộ, đảng viên, người dân, trong đó có bộ phận nhỏ người cao tuổi. Việc đề cao, coi trọng các giá trị vật chất, lợi ích kinh tế, đặt lợi ích làm thước đo, là bàn cân trong các mối quan hệ xã hội; sự phân hóa giàu - nghèo, sự khác biệt về lối sống,... đã làm biến dạng các giá trị xã hội chủ nghĩa; làm suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong xã hội; làm mất đi các giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; dễ nảy sinh tham nhũng, tiêu cực, kích thích chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa cá nhân. Trong khi đó, một bộ phận người cao tuổi chưa bắt kịp với sự thay đổi của thời đại, có tâm lý kinh nghiệm, ngại thay đổi. Đứng trước những thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế thị trường, một số vấn đề tiêu cực nảy sinh đã ảnh hưởng xấu đến tư tưởng, chính trị, nhận thức, tình cảm, niềm tin của người cao tuổi đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

Nước ta đang bắt đầu bước vào quá trình “già hóa dân số” và tương lai sẽ là nước có “dân số già”⁽²⁾. Theo dự báo của Tổng cục Thống kê, tỷ lệ người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên) ở Việt Nam sẽ tăng từ 11,9% năm 2019 lên 25% vào năm 2050. Tiến trình già hóa dân số là quy luật tất yếu của sự phát triển kinh tế - xã hội, được nhìn nhận vừa là thành tựu, đồng thời là thách thức trong điều kiện Việt Nam vẫn là nước có thu nhập trung bình thấp, là rào cản cho thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Cùng với những cơ hội của quá trình già hóa dân số mang lại như tăng kinh nghiệm, kiến thức; tăng tiêu dùng và sự gắn kết xã hội, tốc độ già hóa nhanh⁽³⁾, trong khi tuổi thọ trình bình của người Việt Nam

(2) Theo Luật Người cao tuổi năm 2009 và Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA)

(3) “Tốc độ tăng trưởng bình quân là 3,1%/năm trong giai đoạn 2019 - 2050”, theo Tổng cục Thống kê, Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019: Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam, Hà Nội, 2021

tăng, tỷ lệ sinh đang giảm xuống⁽⁴⁾, tạo ra nhiều thách thức lớn. Theo đó nguy cơ thiếu hụt lao động, suy giảm động lực tăng trưởng kinh tế, gây nguy cơ vỡ quỹ hưu trí, tác động đến tăng trưởng nhanh và bền vững; có nguy cơ dẫn đến sự bất đối xứng và thu nhập, chưa giàu đã già, xã hội phát triển thiếu hài hòa; gây ra các tác động tiêu cực tới lực lượng lao động, thị trường lao động và năng suất lao động; tạo ra những rào cản trong việc tiếp cận kinh tế số, chuyển đổi số, phát triển xã hội số; làm gia tăng chi tiêu công, tạo áp lực đối với hệ thống y tế và phúc lợi; có thể làm phát sinh những vấn đề xã hội, tạo xung đột xã hội và bất ổn xã hội.

Ngoài ra, một số chính sách, chế độ đối với người cao tuổi còn thiếu tính đồng bộ, chưa phù hợp với tình hình thực tiễn. Nhiều người cao tuổi còn có hoàn cảnh khó khăn, đang sống trong điều kiện thiếu thốn về vật chất và tinh thần. Mức trợ cấp xã hội đối với người cao tuổi thấp, (chỉ bằng 24% chuẩn nghèo nông thôn giai đoạn 2021 - 2025); dịch vụ trợ giúp xã hội, chăm sóc y tế, văn hóa, rèn luyện thể chất, chăm sóc xã hội đối với người cao tuổi chưa đáp ứng được nhu cầu; nguồn lực thực hiện công tác chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi tại một số địa phương còn khó khăn⁽⁵⁾.

Cùng với những hạn chế, khó khăn thách thức đối với người cao tuổi, các thế lực thù địch vẫn luôn có âm mưu, thủ đoạn, lợi dụng người cao tuổi để tác động, chuyển hóa nhận thức, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ, nhất là lợi dụng tâm lý bảo thủ, tự mãn, công thân, cố hữu, cả tin của một bộ phận người cao tuổi để thực hiện hoạt động chống phá. Chúng luôn tìm mọi cách liên kết trong - ngoài, lôi kéo người cao tuổi, nhất là nhóm cán bộ, đảng viên về hưu, đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức, cựu chiến binh để tập hợp lực lượng, tạo ngọn cờ chống đối. Thông qua các tổ chức tôn giáo bất hợp pháp, các vấn đề dân tộc, các hoạt động văn hóa không lành mạnh, nhân danh chống tiêu cực, tham nhũng, bảo vệ chủ quyền, biển đảo, góp ý phản biện chính sách,... lôi kéo, kích động một bộ phận người cao tuổi để phát tán thông tin xuyên tạc, bịa đặt, bóp méo thông tin, gây hoang mang dư luận, xúc phạm danh dự, uy tín lãnh đạo cao cấp, làm giảm uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng bằng những thủ đoạn tinh vi hơn, nhanh hơn, sâu rộng hơn thông qua internet, mạng xã hội...

(4) “Từ 2,1% con/phụ nữ vào năm 2019 xuống còn 1,7 con/phụ nữ vào năm 2050”, theo Tổng cục Thống kê, Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019: Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam, Hà Nội, 2021

(5) Báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7-2023

3. Nhiệm vụ và giải pháp phát huy vai trò người cao tuổi trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Quán triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng và thấm nhuần sâu sắc chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng “Cần tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đi đầu và kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch”, trong thời gian tới, đứng trước những thời cơ mới và thách thức mới, để phát huy hơn nữa vai trò của người cao tuổi và Hội Người cao tuổi trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt sâu sắc, đầy đủ các chủ trương, đường lối, của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về người cao tuổi, nhất là các quan điểm được nêu trong Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25-10-2017, của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (khóa XII) “Về công tác dân số trong tình hình mới” và Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22-10-2018, của Bộ Chính trị “Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”. Đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy trong các cấp ủy đảng, chính quyền, xác định già hóa dân số là xu hướng tất yếu, toàn cầu, người cao tuổi là lực lượng chính trị quan trọng, là nguồn lực và động lực để phát triển đất nước. Số lượng người cao tuổi ngày càng tăng, tuổi thọ của người dân ngày càng được nâng lên, đó chính là thành tựu của quá trình phát triển, là giá trị cốt lõi mà bao thế hệ luôn theo đuổi. Xác lập ứng xử và quan niệm tiến bộ, người cao tuổi không phải là gánh nặng của xã hội mà là thành viên có những đóng góp tích cực, quan trọng trong gia đình, cộng đồng, xã hội. Đồng thời, người cao tuổi còn là điểm tựa, là chỗ dựa, là tấm gương cho thế hệ trẻ noi theo, là cầu nối trao truyền tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm, giáo dục đạo đức cho thế hệ kế tiếp, góp phần xây dựng sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ hai, rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chính sách, pháp luật đối với người cao tuổi theo hướng thích ứng với già hóa dân số phù hợp theo từng giai đoạn. Phát huy vai trò người cao tuổi trong xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam gắn với giữ gìn xây dựng phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới; thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án cụ thể, phù hợp với thực tiễn để chăm sóc, phát huy tối đa những đóng góp của người cao tuổi trên mọi lĩnh vực. Hoàn thiện hệ thống an

sinh xã hội nhằm giải quyết tốt vấn đề già hóa dân số, trong đó chú trọng việc cải cách hệ thống bảo trợ xã hội, mở rộng diện bao phủ chế độ hưu trí, hưu trí tự nguyện, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế đối với người cao tuổi. Tạo điều kiện, khuyến khích người cao tuổi tiếp tục làm việc theo nhu cầu để đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm thu nhập cho bản thân; xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, phấn đấu để người cao tuổi được sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc trong gia đình và xã hội, góp phần thực hiện thành công mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, đập tan các luận điệu xuyên tạc, chống phá chủ trương của Đảng và chính sách, luật pháp của Nhà nước đối với công tác người cao tuổi.

Thứ ba, thực hiện sáng tạo chủ trương xã hội hóa, huy động tối đa các nguồn lực đầu tư, đáp ứng nhu cầu của quá trình già hóa dân số; đa dạng hóa nội dung, phương thức, loại hình, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, đặc biệt là dịch vụ chăm sóc tại nhà. Khuyến khích, tạo điều kiện cho khu vực kinh tế tư nhân tham gia phát triển hệ thống cơ sở bảo trợ xã hội, y tế, văn hóa,... nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội bền vững cho người cao tuổi, xây dựng vững chắc thế trận lòng dân.

Thứ tư, Hội Người cao tuổi Việt Nam tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, xây dựng Hội vững mạnh, thực hiện tốt vai trò đại diện quyền, lợi ích chính đáng của hội viên; thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi trong xây dựng Đảng, chính quyền, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tích cực tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về người cao tuổi, thành tựu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội và hội nhập quốc tế; những định hướng quan trọng, đột phá có tầm chiến lược trong xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc, giúp người cao tuổi có đầy đủ thông tin, tham gia giám sát và phản biện xã hội. Theo dõi, nắm chắc tình hình thời sự chính trị - xã hội trong và ngoài nước, nhất là những vấn đề nhạy cảm liên quan trực tiếp đến người cao tuổi, những thông tin xấu, độc, bôi nhọ, nói xấu Đảng, Nhà nước để kịp thời định hướng tư tưởng, dư luận. Tăng cường giám sát, phản biện xã hội, kịp thời lắng nghe nhu cầu, nguyện vọng của người cao tuổi, phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước nhằm giữ vững trận địa tư tưởng của Nhân dân với hạt nhân nêu gương là người cao tuổi. Phát hiện, biểu dương, nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay, gương điển hình, gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nâng cao chất lượng phong trào thi đua “Toàn dân

bảo vệ an ninh Tổ quốc” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Thứ năm, quan tâm động viên, khuyến khích đội ngũ trí thức, văn nghệ, đặc biệt đội ngũ cao tuổi tham gia biên soạn, viết bài đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch chống phá Đảng, Nhà nước; những giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, quan điểm, quyết sách đúng đắn, sáng tạo của Đảng và Nhà nước trong quá trình xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Vận động hội viên Hội Người cao tuổi nghiêm chỉnh chấp hành những quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kỷ luật phát ngôn, không chạy theo “tâm lý đám đông”. Không truy cập vào các trang thông tin xấu, độc, chống phá trên không gian mạng; tích cực chia sẻ những thông tin tích cực, lành mạnh theo phương châm “lấy cái đẹp, dẹp cái xấu”. Tích cực vận động gia đình, con cháu, dòng họ,... tham gia phong trào thi đua yêu nước, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; sống vui, sống khỏe, sống có ích; tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tập trung nâng cao chất lượng hoạt động các trang thông tin của Hội, đẩy mạnh truyền thông trên internet, mạng xã hội. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, báo chí tăng cường mở các chuyên trang, chuyên mục đăng tải các tin, bài tuyên truyền về các hoạt động của người cao tuổi và hội người cao tuổi các cấp.□

CHÍNH SÁCH ỦU ĐÃI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG SAU KHI NGHỈ HƯU - THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

NGO DUY HIẾU

Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê năm 2021⁽¹⁾, cả nước có 11,41 triệu người cao tuổi, chiếm khoảng 12% dân số, trong đó có 1.918.987 người từ 80 tuổi trở lên (chiếm 17% tổng số người cao tuổi), khoảng 3,1 triệu người cao tuổi hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội (BHXH) hàng tháng (chiếm 27,1% tổng số người cao tuổi). Gần 1,7 triệu người cao tuổi được nhận trợ cấp xã hội hàng tháng (chiếm 14,8% tổng số người cao tuổi). Già hóa dân số đặt ra những cơ hội và thách thức về mặt kinh tế - xã hội, đồng thời đòi hỏi quốc gia thực hiện những thay đổi trong nền kinh tế. Tốc độ già hóa dân số diễn ra nhanh chóng dẫn đến tình trạng thiếu lao động trong tương lai cũng như nhu cầu an sinh xã hội (ASXH) ngày càng tăng ở đối tượng này.

Khi tỷ lệ người lao động (NLĐ) sau khi nghỉ hưu tăng thì nhu cầu về các dịch vụ xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu của họ cũng tăng theo. Việt Nam có hệ thống ASXH tương đối phát triển, tuy nhiên cần tăng cường hơn nữa khả năng tiếp cận hệ thống ASXH của NLĐ sau nghỉ hưu, mở rộng phạm vi áp dụng của hệ thống ASXH quốc gia và chương trình trợ giúp xã hội.

(1) Tổng Cục Thống kê (2021): Nghiên cứu “Già hóa dân số vào người cao tuổi ở Việt Nam” theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, Tổng cục Thống kê, xuất bản năm 2021

Với tuổi nghỉ hưu của NLD như hiện nay theo Điều 169, Bộ Luật Lao động năm 2019⁽²⁾, cùng với chất lượng cuộc sống ngày càng nâng lên, rất nhiều NLD sau nghỉ hưu vẫn còn sức khỏe và khả năng để làm những công việc phù hợp mang lại thu nhập cho bản thân, gia đình. Họ mong muốn được tiếp tục đi làm, có thêm thu nhập cải thiện cuộc sống. Mặt khác, một bộ phận không nhỏ NLD sau nghỉ hưu không có lương hưu nên có nhu cầu bức thiết phải đi làm để có tiền trang trải cuộc sống. Nhu cầu tiếp tục được lao động và làm việc đối với họ là hoàn toàn chính đáng, vừa giúp cho nhóm đối tượng này có thêm thu nhập, vừa giải quyết tình trạng già hóa dân số, giảm gánh nặng cho xã hội.

Với quan điểm phát huy vai trò của NLD sau nghỉ hưu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, Nhà nước luôn khuyến khích và có những chính sách hỗ trợ lao động sau nghỉ hưu tiếp tục làm việc sau khi hết tuổi lao động và có nhiều chính sách khác liên quan đến hỗ trợ NLD sau nghỉ hưu được thể hiện thông qua Bộ Luật Lao động năm 2019, Luật Người cao tuổi, Luật Bảo hiểm xã hội,... các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ họ được tham gia làm việc phù hợp với sức khỏe, nghề nghiệp và các điều kiện khác để phát huy vai trò của mình. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay, để NLD sau nghỉ hưu tìm được công việc phù hợp không phải là dễ dàng, trong khi các quy định về lao động cao tuổi hay sau khi nghỉ hưu ở nước ta vẫn nhiều hạn chế và thị trường lao động dành riêng cho đối tượng này chưa được hình thành. Chính vì vậy, việc quan tâm thực hiện các chính sách, chế độ đối với NLD sau nghỉ hưu có vai trò quan trọng, đặc biệt là trong bối cảnh khi Việt Nam bước vào giai đoạn già hóa dân số như hiện nay, vừa bảo đảm quyền làm việc, đóng góp cho xã hội, vừa tận dụng được kinh nghiệm và chất xám của lực lượng lao động đặc biệt này, góp phần bảo đảm mục tiêu ASXH của đất nước.

2. Số lượng, đặc điểm của người lao động sau khi nghỉ hưu

2.1. Về số lượng người lao động sau khi nghỉ hưu

- Tính đến cuối năm 2023⁽³⁾, cả nước có khoảng 2,7 triệu người cao tuổi hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng, chiếm hơn 20% dân số là người cao tuổi. Trong đó, chỉ có 60% NLD trong độ tuổi 60 - 69 đang tiếp tục làm việc.

- Khoảng 40 - 45% người cao tuổi (NCT) (trong đó có NLD sau nghỉ hưu) tham gia hoạt động kinh tế, có khoảng 3 - 4% là chủ các doanh nghiệp, các

(2) Điều 169, Bộ Luật Lao động năm 2019

(3) Theo thống kê của Bảo hiểm xã hội năm 2023

trang trại trồng trọt, chăn nuôi, đã và đang tạo ra hàng triệu chỗ làm việc cho người lao động ở khắp vùng miền trong cả nước. Bên cạnh đó, còn hàng vạn NCT (trong đó có NLD sau nghỉ hưu) tham gia hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, giảng dạy, hoạt động văn hóa, nghệ thuật.

Đặc điểm của người lao động sau khi nghỉ hưu *Thứ nhất*, NLD sau nghỉ hưu là một nguồn lực quan trọng của xã hội. Họ là những người có kiến thức, kinh nghiệm. Trong số những NLD sau nghỉ hưu, hầu hết nhiều người là những chuyên gia, người lao động trình độ cao của các ngành, lĩnh vực; có sức khỏe, có nguyện vọng tiếp tục cống hiến cho gia đình và xã hội. Họ không muốn nghỉ ngơi thụ động, phụ thuộc vào con cái mà muốn có cuộc sống chủ động, tích cực, tham gia công việc gia đình, xã hội.

Thứ hai, NLD sau nghỉ hưu họ là người truyền thụ kỹ năng, kinh nghiệm, kiến thức kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ và nghề truyền thống cho thế hệ trẻ; nghiên cứu, giáo dục, đào tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ; tư vấn chuyên môn, kỹ thuật; phát triển kinh tế, giảm nghèo, làm giàu hợp pháp. Vì họ đã tích lũy được tri thức, kinh nghiệm sản xuất, đạo đức, lối sống để truyền dạy cho các thế hệ sau, những vốn quý về văn hóa, truyền thống dân tộc đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước bằng vốn kiến thức đã tích lũy, những trải nghiệm cuộc sống...

Thứ ba, khi NLD sau nghỉ hưu tham gia vào thị trường lao động sẽ làm giảm áp lực về lao động, nhất là trong bối cảnh nhiều nước trên thế giới đang đối mặt với thách thức già hóa dân số. Chính sách tạo việc làm cho NLD sau nghỉ hưu là rất cần thiết hiện nay, không chỉ bảo đảm ổn định chính trị xã hội, mà còn trực tiếp góp phần củng cố và nâng cao sức mạnh kinh tế của đất nước. Tham gia vào thị trường lao động, những lao động sau nghỉ hưu không chỉ tạo ra một vị thế mới mà còn bảo đảm được chất lượng cuộc sống từ nguồn thu nhập do làm việc.

Thứ tư, NLD sau nghỉ hưu góp phần vào các hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu quốc gia về chính trị, kinh tế, xã hội của quốc gia. Khi họ tham gia vào thị trường lao động, nắm một vị trí hết sức đặc biệt bởi họ có kinh nghiệm, có kỹ năng, có năng lực tích lũy qua thời gian làm việc lâu dài. Bên cạnh đó, ý thức kỷ luật, ý thức chấp hành và sự am hiểu về pháp luật của họ rất tốt, tiếp nữa họ làm việc chậm rãi, tỉ mỉ và cũng ít bị tai nạn lao động hơn. Mặt khác, việc thỏa thuận sử dụng lao động với nhóm NLD sau nghỉ hưu cũng dễ dàng hơn các nhóm lao động khác. Do đó, NLD sau nghỉ hưu vẫn có khả năng làm

việc vì sự eo hẹp của ngân sách nhà nước, nguồn hỗ trợ của Nhà nước sẽ khó có thể bảo đảm mức hỗ trợ tốt cho họ, đặc biệt là với những người không có lương hưu. Trên thực tế có rất nhiều lao động sau nghỉ hưu còn sức khỏe, nhất là từ 60 tuổi đến 70 tuổi. Họ vẫn muốn tiếp tục cống hiến, vẫn muốn được tạo điều kiện nhưng chưa được đáp ứng. Đây không chỉ là vấn đề cần giải quyết mà còn là cơ hội, nguồn lực cho sự phát triển. Nhà nước cần quan tâm tạo cơ chế, chính sách để thu hút, khai thác nguồn lực một cách hiệu quả.

Bên cạnh những ưu điểm của NLĐ sau nghỉ hưu mang lại cho thị trường lao động, thì bản thân họ cũng bị trở ngại khi muốn tiếp tục tham gia lao động:

Thứ nhất, họ thường bị hạn chế về sức khỏe do tuổi cao⁽⁴⁾. Sau một thời gian lao động, cùng với qui luật sinh học tự nhiên của con người, họ xuất hiện những biểu hiện của sự suy giảm các chức năng tâm sinh lý và chức năng làm việc, các phản xạ chậm hơn và có phần kém đi, họ cần được nghỉ ngơi.

Về phía người sử dụng lao động (NSDLĐ), dĩ nhiên phải có nhu cầu mới sử dụng họ, như cần người lao động cao tuổi cố vấn về chuyên môn, truyền đạt kinh nghiệm cho thế hệ trẻ, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật cho những người mới bước vào nghề. Chính vì lý do này, lao động sau nghỉ hưu cần cân nhắc lựa chọn việc giao kết hợp đồng lao động với nghề nghiệp và điều kiện lao động phù hợp với tình trạng sức khỏe của mình.

Thứ hai, NLĐ sau nghỉ hưu còn hạn chế về trí lực, yếu tố này thể hiện ở khả năng ghi nhớ, sự kém tập trung, do đó bị hạn chế trong tiếp cận những kiến thức và qui trình hiện đại.

Thứ ba, NLĐ sau nghỉ hưu thích ứng với các loại công việc đòi hỏi kinh nghiệm, trình độ quản lý,... không phù hợp với các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

Thứ tư, khá nhiều ngành, nghề không thích hợp với NLĐ sau nghỉ hưu do yêu cầu cao về sức khỏe, cường độ lao động, sự nhanh tay nhạy mắt, tiếp cận khoa học, công nghệ mới,...; trong khi lực lượng NLĐ trẻ cũng khá dồi dào, đáp ứng yêu cầu NSDLĐ đưa ra.

Do vậy, cần có sự tận dụng hợp lý giá trị sức lao động của đối tượng này. Việc quan tâm của xã hội đến những người lao động sau nghỉ hưu không chỉ bằng

(4) Theo Tổng cục Thống kê năm 2023: Tuổi thọ trung bình của dân số cả nước năm 2023 là 73.7 tuổi (năm 2022 là 73,6 tuổi), trong đó nam là 71,1 tuổi và nữ là 76,5 tuổi. Tuy nhiên, tuổi thọ khỏe mạnh chỉ là 63,2 tuổi ở nam và 70,0 tuổi ở nữ. Bình quân mỗi người cao tuổi có 3 bệnh

những khoản trợ cấp xã hội, mà quan trọng hơn là giúp họ tự lực cải thiện đời sống, tạo điều kiện cho họ thể hiện mình vẫn là người có ích cho xã hội.

3. Về thực trạng thực hiện chính sách hiện nay với người lao động sau nghỉ hưu

Ở Việt Nam, độ tuổi nghỉ hưu của NLD theo Điều 169, của Bộ Luật Lao động năm 2019 (có hiệu lực từ 01-01-2021) sẽ không cố định như trước đây là 55 tuổi đối với nữ và 60 tuổi đối với nam. Thay vào đó, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện bình thường sẽ được tăng dần theo lộ trình là đủ 60 tuổi đối với nữ vào năm 2035 và đủ 62 tuổi đối với nam vào năm 2028. Như vậy, độ tuổi nghỉ hưu theo quy định hiện hành đã tăng lên so với quy định tại Bộ Luật Lao động năm 2012, nhằm giải quyết vấn đề già hóa dân số, song đối với một số ngành, lĩnh vực, sự đồng thuận của NLD đối với vấn đề tăng tuổi nghỉ hưu không cao. Quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn đồng nghĩa với việc quy định về tuổi của NLD sau nghỉ hưu cũng tăng lên, để tiếp tục cống hiến, tham gia vào những công việc phù hợp với sức khỏe và năng lực. Tuy nhiên, Luật cũng quy định trong một số trường hợp, người lao động được nghỉ hưu trước tuổi. Cụ thể, tại Điều 54, Điều 55, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, được sửa đổi bởi Điều 219, Bộ Luật Lao động năm 2019, người lao động có thể nghỉ hưu sớm hơn so với độ tuổi nghỉ hưu của người lao động làm việc trong điều kiện bình thường. Như vậy, quy định về độ tuổi nghỉ hưu cũng khá linh hoạt trong một số trường hợp đặc biệt để tạo điều kiện cho NLD có thể nghỉ sớm hơn tùy thuộc vào sức khỏe và khả năng đóng góp trước đó của họ hoặc trong những môi trường làm việc có yếu tố độc hại. Đây là những quy định mang tính chất nhân văn và tiệm cận với quy định của các nước tiên tiến trên thế giới.

Xét về chính sách chung: NLD sau nghỉ hưu được hưởng lương hưu theo quy định. Tuy nhiên, có thể thấy một số vấn đề đáng quan tâm về chế độ lương hưu ở nước ta như sau:

Một bộ phận NLD sau nghỉ hưu hưởng lương hưu rất thấp. Trong đó, người hưởng lương hưu từ quỹ bảo hiểm xã hội có mức hưởng bình quân là 5,6 triệu đồng/người/tháng, người hưởng lương hưu từ nguồn ngân sách nhà nước là 4,7 triệu đồng/người/tháng. Người có lương hưu thấp nhất là 1,8 triệu đồng/tháng và cao nhất khoảng 140 triệu đồng/tháng. Điều này, đồng nghĩa sau khi NLD nghỉ hưu một bộ phận NLD có nguy cơ bị nghèo hóa. Mặt khác, một bộ phận NLD hưởng lương hưu khá cao; một bộ phận NLD trong khu vực lực lượng vũ trang được hưởng chế độ về hưu sớm nhưng hưởng mức lương hưu cao. Như

vậy, xét ở một khía cạnh nào đó, chế độ hưởng lương hưu ở nước ta có sự chênh lệch khá lớn giữa các nhóm đối tượng khác nhau, trong đó, nhóm đối tượng có mức lương hưu thấp chiếm tỷ lệ còn lớn.

Một bộ phận NLD sau nghỉ hưu, có thời gian hưởng lương hưu rất ngắn vì qua đời do bệnh nan y hoặc gặp trở ngại liên quan đến các vấn đề về sức khỏe. Ngoài ra, nhiều NLD phải nghỉ việc khi chưa đến tuổi về hưu và khi đến tuổi nghỉ hưu nhưng không được hưởng chế độ lương hưu do không đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội. Bên cạnh đó, còn một số nhóm NLD tham gia đóng BHXH, nhưng lại rút bảo hiểm xã hội một lần, sau đó họ tiếp tục đi làm đến tuổi nghỉ hưu nhưng không tiếp tục đóng BHXH, kết quả sau nghỉ hưu họ không có lương hưu, không tham gia BHXH tự nguyện,... điều này sẽ tạo lên một gánh nặng rất lớn về ASXH của nước ta.

Hầu hết các chính sách của Đảng, Nhà nước hiện nay khi tăng lương cho cán bộ, công chức, viên chức nói chung đều tăng lương hưu cho đối tượng về hưu. Theo Bảo hiểm xã hội Việt Nam, ngày 10-11-2023, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 104/2023/QH15 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024. Theo đó, từ ngày 01-7-2024, thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 21-5-2018, của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. Đồng thời, thực hiện điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công và một số chính sách ASXH đang gắn với lương cơ sở. Điều này đánh dấu sự khởi đầu của việc cải cách toàn diện chính sách tiền lương ở nước ta, không chỉ mang lại hơi thở mới cho hệ thống lương hưu mà còn cả tới các loại trợ cấp BHXH và các chính sách ASXH khác, tất cả đều được điều chỉnh tăng lên từ ngày 01-7-2024.

Đối với lao động sau khi nghỉ hưu vẫn muốn tiếp tục tham gia lao động hiện nay về cơ bản họ đang được hưởng các chính sách chung đối với NLD cao tuổi đang được quy định tại Điều 149 về sử dụng người lao động cao tuổi, Bộ Luật Lao động năm 2019:

“1. Khi sử dụng người lao động cao tuổi, hai bên có thể thỏa thuận giao kết nhiều lần hợp đồng lao động xác định thời hạn.

2. Khi người lao động cao tuổi đang hưởng lương hưu theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội mà làm việc theo hợp đồng lao động mới thì ngoài quyền lợi đang hưởng theo chế độ hưu trí, người lao động cao tuổi được hưởng tiền lương và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật, hợp đồng lao động.

3. Không được sử dụng người lao động cao tuổi làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm có ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người lao động cao tuổi, trừ trường hợp bảo đảm các điều kiện làm việc an toàn.

4. Người sử dụng lao động có trách nhiệm quan tâm chăm sóc sức khỏe của người lao động cao tuổi tại nơi làm việc”.

Như vậy, khi tham gia vào thị trường lao động, NLD sau nghỉ hưu phải được bảo đảm các quyền lợi của NLD như quyền được hưởng chế độ hưu trí, quyền không bị phân biệt đối xử, quyền về ASXH, quyền có việc làm, quyền được phát huy vai trò trong xã hội (quyền được tôn trọng), quyền được nghỉ ngơi khi làm việc...

Ngoài chính sách chung của Bộ Luật Lao động năm 2019 đã quy định thì hiện nay, nước ta có rất ít chính sách riêng quy định cụ thể đối với NLD sau nghỉ hưu. Trong đó, một số NLD sau nghỉ hưu khi muốn tham gia lao động, được hưởng một số chính sách riêng sau khi nghỉ hưu như sau:

Một là, chính sách mở trong việc quy định về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Đặc biệt, để giải quyết vướng mắc về nhân lực, đặc biệt đối trong lĩnh vực sự nghiệp y tế và sự nghiệp giáo dục, trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học,... được phép ký hợp đồng với những người về hưu làm công tác chuyên môn.

Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, ngày 30-12-2022, của Chính phủ quy định về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Nghị định đã gỡ những vướng về nhân lực cho ngành y tế và ngành giáo dục. Trong đó, Nghị định đã đưa ra 03 loại hình công việc và chế độ ký kết hợp đồng để NLD có thể được hưởng tiền lương và các chế độ khác theo thỏa thuận trong hợp đồng, tiền lương theo thỏa thuận và phù hợp với quy định của pháp luật lao động hoặc áp dụng theo bảng lương của công chức, viên chức phù hợp với khả năng ngân sách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đồng thời được hưởng các chế độ nâng bậc lương và các chế độ, chính sách khác có liên quan đến tiền lương thực hiện như công chức, viên chức.

Hai là, chính sách tạo điều kiện cho NLD sau nghỉ hưu tiếp tục được cống hiến cho xã hội.

Điều 24, Luật Người cao tuổi quy định về trách nhiệm phát huy vai trò NCT, trong đó khẳng định Nhà nước có trách nhiệm tạo điều kiện để NCT là nhà

khoa học, nghệ nhân và những NCT khác có kỹ năng, kinh nghiệm đặc biệt, có nguyện vọng được tiếp tục cống hiến. Đồng thời, Nhà nước ưu đãi về vay vốn tín dụng đối với NCT trực tiếp sản xuất, kinh doanh tăng thu nhập, giảm nghèo. Như vậy, NLD sau nghỉ hưu được khuyến khích tham gia làm việc, Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhóm đối tượng này nói riêng và NLD cao tuổi nói chung.

Ba là, chính sách kéo dài thêm thời gian công tác đối với NLD khi đến tuổi nghỉ hưu.

Một số đối tượng được xem xét kéo dài thêm thời gian công tác được quy định tại Điều 1, Nghị định số 71/2000/NĐ-CP bao gồm các đối tượng sau: người trực tiếp làm công tác nghiên cứu ở các cơ quan của Đảng, Nhà nước, người có học hàm, học vị từ tiến sĩ trở lên đang trực tiếp nghiên cứu, giảng dạy các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hóa, nghệ thuật.

Gần đây, Nghị định số 50/2022/NĐ-CP, ngày 02-8-2022 quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập, theo đó những người sau đây có thể nghỉ hưu ở tuổi cao hơn, gồm: (i) Viên chức có học hàm giáo sư, phó giáo sư; (ii) Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo là tiến sĩ hoặc chuyên khoa II; (iii) Giám định viên pháp y, giám định viên pháp y tâm thần; (iv) Viên chức có chuyên môn, kỹ thuật cao trong một số lĩnh vực sự nghiệp đặc thù theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Bên cạnh việc kéo dài tuổi nghỉ hưu đối với viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập, ngày 18-10-2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 83/2022/NĐ-CP quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được kéo dài tuổi nghỉ hưu nhưng phải bảo đảm tuổi nghỉ hưu không vượt quá 65 tuổi đối với nam và 60 tuổi đối với nữ. Như vậy, theo Nghị định này, tuổi nghỉ hưu của nam có thể kéo dài thêm 3 năm so với quy định tại Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18-11-2020, của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu (62 tuổi), còn đối với nữ thì mặc dù được kéo dài nhưng vẫn quy định không quá 60 tuổi.

Như vậy, về cơ bản, các chính sách, quy định của Đảng, Nhà nước hiện nay NLD sau nghỉ hưu đã bảo đảm các quyền lợi của họ như quyền được hưởng lương hưu, không bị phân biệt đối xử, quyền về ASXH, quyền có việc làm, quyền được phát huy vai trò trong xã hội (quyền được tôn trọng), quyền được

nghỉ ngơi khi làm việc... Với chủ thể quản lý xã hội, Nhà nước thông qua hệ thống các cơ quan của mình ban hành và tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về việc làm, mức lương, BHXH, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi,... liên quan đến NLĐ sau nghỉ hưu nhằm thực hiện hiệu quả các quy định đó. Mục đích cuối cùng mà các quy định pháp luật đưa ra nhằm điều chỉnh những vấn đề liên quan đến nhóm đối tượng này vẫn là làm sao để họ được bảo vệ, được đối xử công bằng và được tạo điều kiện phát huy hết khả năng trong điều kiện sức khỏe của mình. Nếu vẫn còn khỏe mạnh, NLĐ sau khi nghỉ hưu hoàn toàn vẫn được lựa chọn việc làm phù hợp vừa nhằm tạo thêm thu nhập cho bản thân và gia đình vừa nhằm đóng góp cho sự phát triển của tổ chức nơi họ công tác và đóng góp chung cho đất nước.

Mặc dù, quan điểm của Nhà nước luôn khuyến khích và có những chính sách hỗ trợ NLĐ sau nghỉ hưu tiếp tục làm việc sau khi hết tuổi lao động và có nhiều chính sách khác liên quan đến hỗ trợ LĐ sau nghỉ hưu. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay, để NLĐ sau nghỉ hưu tìm được công việc phù hợp không phải là dễ dàng, trong khi các quy định về lao động lớn tuổi ở nước ta vẫn nhiều hạn chế và thị trường lao động dành riêng cho đối tượng này chưa được hình thành. Một số đơn vị sử dụng lao động hạn chế, e ngại về việc tuyển lao động sau nghỉ hưu nói riêng và người cao tuổi nói chung lý do là lực lượng trẻ đang rất nhiều. Một bộ phận NLĐ sau nghỉ hưu có nguy cơ bị nghèo hóa khi gặp khó khăn về hưởng lương hưu, trợ cấp, ASXH. Việt Nam có nguồn nhân lực lớn, cung lao động lớn hơn cầu lao động. Chính vì một số đơn vị chưa thực sự có nhu cầu cao về lao động nghỉ hưu nói riêng và người cao tuổi nói chung. Hiện nay, người lao động trong nhóm từ 55 tuổi trở lên có rất ít lựa chọn việc làm, còn nhóm từ 60 tuổi trở lên hầu như không có việc làm cần đến họ qua các kênh tuyển dụng chính thức. Xét mặt bằng chung, công việc họ tìm được chủ yếu tập trung vào các việc như: bảo vệ, giúp việc gia đình, chăm sóc người già... Tuy nhiên, hiện nay ở Việt Nam các quy định pháp luật cũng như chính sách hỗ trợ của Nhà nước là chưa đầy đủ và còn nhiều bất cập: chưa có những quy định, chính sách riêng về việc làm, điều kiện làm việc, chế độ bảo hiểm và hợp đồng lao động... cho nhóm đối tượng này; nhận thức về vai trò của lao động sau nghỉ hưu cũng còn chưa thỏa đáng, từ đó dẫn đến thiếu các chương trình thiết thực hỗ trợ về lao động và việc làm cho lao động sau nghỉ hưu, hoặc chính sách được ban hành song chưa thực sự đi vào thực tiễn.

4. Một số giải pháp, kiến nghị nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách ưu đãi đối với người lao động sau khi nghỉ hưu trong thời gian tới

Từ thực trạng chính sách đối với NLD sau nghỉ hưu hiện nay, nhằm đáp ứng ứng tốt hơn nhu cầu, nguyện vọng cống hiến của NLD sau khi nghỉ hưu, nhằm tiếp tục phát huy trí tuệ, kinh nghiệm quý báu của NLD sau khi nghỉ hưu trong môi trường phù hợp... nhằm phát huy tổng hợp sức mạnh phát triển kinh tế - xã hội, khai thác mọi nguồn lực phát triển đất nước, cần có những giải pháp như sau:

Thứ nhất, sớm thực hiện nâng lương cho cán bộ công chức, viên chức để tăng mức lương, đồng nghĩa với việc tăng mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH, tạo cơ hội cho NLD sau khi về hưu được hưởng mức lương hưu cao, hạn chế nguy cơ nghèo hóa cho nhóm đối tượng này.

Thứ hai, Nhà nước cần hỗ trợ cho NLD đóng BHXH tự nguyện, đặc biệt NLD trong khu vực phi chính thức để bảo đảm tất cả NLD đến tuổi nghỉ hưu đều có chế độ lương hưu, tránh tình trạng nghèo hóa bộ phận NLD trong xã hội, tạo sức ép lên vấn đề ASXH, hướng tới bảo đảm cuộc sống và chăm sóc sức khỏe cho họ khi hết tuổi lao động.

Thứ ba, tuyên truyền, vận động NLD không nên rút bảo hiểm xã hội 1 lần để NLD nhận thức được những thiệt thòi khi nhận BHXH một lần, đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng, hệ thống truyền thanh cơ sở, tư vấn trực tiếp cho NLD khi đến cơ quan BHXH để làm thủ tục nhận BHXH một lần. Đồng thời, phối hợp trung tâm dịch vụ việc làm thành lập nhóm truyền thông trực tiếp tại trung tâm, phát tờ rơi để tuyên truyền, vận động NLD không vội vàng hưởng BHXH một lần, nên bảo lưu hoặc tiếp tục tham gia BHXH tự nguyện, nhằm cộng nối thời gian tham gia BHXH để hưởng các chế độ an sinh sau khi nghỉ hưu.

Thứ tư, Đảng, Nhà nước và các bên liên quan cần tiếp tục nghiên cứu để phân hóa các đối tượng lao động để đề xuất từng nhóm đối tượng có mức tuổi nghỉ hưu khác nhau. Đặc biệt, không cào bằng tuổi nghỉ hưu của tất cả người lao động ở các lĩnh vực, mà cần có sự tính toán để quy định khác nhau giữa những người lao động làm việc trong những điều kiện lao động khác nhau, giữa người lao động bình thường và người lao động bị suy giảm khả năng lao động đến mức cần được nghỉ ngơi sớm hơn.

Thứ năm, hoàn thiện và chỉnh sửa Luật Bảo hiểm xã hội bảo đảm phổ rộng, bao quát đến toàn bộ các đối tượng trong xã hội. Xây dựng hệ thống BHXH đa tầng, linh hoạt; mở rộng diện bao phủ người tham gia và thụ hưởng BHXH gồm lương hưu, BHXH hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; bổ sung nội dung quy định quản lý thu, đóng bảo hiểm; đa dạng hóa danh mục, cơ cấu đầu tư quỹ BHXH theo nguyên tắc an toàn, bền vững, hiệu quả. Hạn chế để NLD rút

bảo hiểm xã hội một lần, đề xuất phương án rút bảo hiểm linh hoạt nhưng vẫn bảo đảm quyền lợi cho NLĐ, đặc biệt liên quan đến các chế độ, chính sách được hưởng sau khi về già.

Thứ sáu, giảm dần độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, tiệm cận tuổi nghỉ hưu, bảo đảm cho người lao động ở các độ tuổi là cao tuổi và không có lương hưu, không có bảo hiểm xã hội hằng tháng và để có chính sách huy động nguồn lực xã hội bổ sung cho các đối tượng này có mức lương hưu cao hơn.□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Luật Lao động năm 2012
2. Bộ Luật Lao động năm 2019
3. Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014
4. Nghị định số 28/2020/NĐ-CP ngày 01-3-2020 về quy định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
5. Tổng Cục Thống kê (2021): Nghiên cứu “Già hóa dân số vào người cao tuổi ở Việt Nam” theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Tổng cục Thống kê, xuất bản năm 2021
6. Thế Phong, Thanh Lương (2023): Cần chính sách thiết thực với người cao tuổi, Báo Nhân Dân
7. Tổng Cục Thống kê (2023): Thông cáo báo chí về tình hình dân số, lao động việc làm quý IV và năm 2023
8. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và UNDP (2015), *Báo cáo hỗ trợ kỹ thuật cho Đề án đổi mới hệ thống trợ giúp xã hội*, Dự án Đổi mới hệ thống trợ giúp xã hội (SAP)
9. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2020): *Báo cáo chính sách quốc gia toàn diện thích ứng với già hóa dân số và kết quả tham vấn năm 2020* của Cục Bảo trợ xã hội
10. Phạm hữu Thanh (2023): Nghỉ hưu từ ngày 01-7-2023: Lương hưu thấp nhất là 1,8 triệu/tháng
11. Trần Quý (2024), Mức lương hưu bình quân đạt khoảng 5,6 triệu đồng/tháng

VẤN ĐỀ GIÀ HÓA DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ KHUYẾN CÁO VỚI VIỆT NAM

TS. PHAN VĂN HÙNG

Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi Việt Nam

CHÚNG ta đang sống trong thế giới biến động nhanh chóng, phức tạp và khó lường với nhiều thách thức, trong đó có già hóa dân số. Đây không chỉ là vấn đề của người cao tuổi, mà còn là vấn đề của cả cộng đồng và các quốc gia, tác động đến tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội, lĩnh vực chính trị, an ninh quốc gia.

Già hóa dân số là một trong những vấn đề lớn trong thế kỷ XXI

Dân số thế giới đã vượt mốc 8 tỷ người và được dự báo sẽ đạt 9 tỷ người trong vòng 15 năm tới. Cùng với đó, số người già trên thế giới sẽ tăng với tốc độ nhanh chưa từng thấy. Trong một báo cáo công bố vào đầu năm 2023, Ủy ban các vấn đề kinh tế và xã hội của Liên hợp quốc xác định già hóa dân số là một xu hướng mang tính toàn cầu. Con người sống lâu hơn nhờ những bước tiến vượt bậc về y tế, điều trị y khoa, tiếp cận giáo dục và giảm tỷ lệ sinh. Ước tính thế giới hiện có trên 761 triệu người từ 65 tuổi trở lên, con số này dự kiến tăng lên 1,6 tỷ người vào năm 2050. Số người từ 80 tuổi trở lên trên thế giới cũng tăng nhanh chóng.

Tỷ lệ sinh toàn cầu đã giảm hơn một nửa từ thập niên 1950 đến nay, còn 2,3 con/phụ nữ. Tỷ lệ tử cũng giảm, dẫn tới số người từ 65 tuổi trở lên được dự báo sẽ tăng từ mức 783 triệu người vào năm 2022 lên mức 1 tỷ người vào năm 2030 và 1,4 tỷ người vào năm 2043 (theo Liên hợp quốc). Chỉ mất 20 năm từ năm 2022 đến năm 2043 để dân số từ 65 tuổi trở lên của thế giới tăng thêm 623 triệu người. Tổng số dân toàn cầu được dự báo sẽ đạt đỉnh 10,4 tỷ người vào

thập niên 2080. Số người dưới 15 tuổi được dự báo đã đạt đỉnh vào năm ngoài ở mức 2 tỷ người. Tỷ lệ người từ 15 tuổi - 64 tuổi, vốn được coi là độ tuổi lao động, đang giảm xuống.

Từ năm 1950 đến nay, tuổi trung bình toàn cầu đã tăng khoảng 8 tuổi lên mức 30 tuổi. Theo dự báo, đến năm 2050, tuổi trung bình toàn cầu sẽ tăng lên 36 tuổi. Ở khu vực Đông Á và Nam Âu, con số này thậm chí vượt 50 tuổi. Đông Á và Đông Nam Á được dự báo sẽ có số người từ 65 tuổi trở lên tăng nhiều nhất thế giới trong thời gian từ nay đến năm 2050.

Thách thức của quá trình già hóa dân số

Cũng như biến đổi khí hậu, thay đổi nhân khẩu học trên thế giới hiện nay là chưa từng có và đang tác động đến cách chúng ta sống, học tập, làm việc và tất cả các khía cạnh của cuộc sống con người. Những thành tựu trong y học và cải thiện đời sống đã và đang kéo dài tuổi thọ của mọi người dân; đồng thời tỷ lệ sinh nhiều quốc gia suy giảm, khiến cho dân số của thế giới của chúng ta đang già đi, số người trên 60 tuổi ngày càng nhiều hơn số người dưới 5 tuổi. Một số quốc gia đã có tỷ lệ người trên 60 tuổi chiếm trên 40% dân số. Giảm tỷ lệ sinh, ít con, gia đình nhỏ, di cư đang làm trầm trọng thêm quá trình già hóa dân số của một số quốc gia, vùng lãnh thổ. Theo số liệu thống kê, người cao tuổi châu Á chiếm 60% tổng số người cao tuổi trên toàn thế giới.

Từ năm 1986 đến năm 2014, tỷ lệ người cao tuổi sống với người trẻ giảm từ 77% xuống còn 55%. Tỷ lệ người cao tuổi sống một mình tăng, xuất hiện nhiều hơn các cụm từ: “người cao tuổi cô đơn”, “người cao tuổi mồ côi”. Ngày càng có nhiều người cao tuổi không có người thân, họ hàng ruột thịt, cần hỗ trợ cả về tài chính và chăm sóc sức khỏe dài hạn. Dân số toàn cầu già đi đồng nghĩa nhu cầu an sinh xã hội với người cao tuổi ngày càng tăng. Trong khi, thực tế chi tiêu công ở hầu hết các quốc gia không đủ để đáp ứng nhu cầu chăm sóc ngày càng tăng ở nhóm người cao tuổi.

Nếu không có thêm hành động chính sách, từ hỗ trợ chăm sóc trẻ nhỏ cho tới hỗ trợ y tế, sự suy giảm của tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động tại các nền kinh tế phát triển “được dự báo sẽ kéo tụt tăng trưởng và mức sống. Dân số già nhanh đồng nghĩa với việc có ít người trong độ tuổi lao động hơn trong nền kinh tế. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu hụt nguồn cung lao động, khiến các doanh nghiệp gặp khó khăn hơn về nguồn nhân lực.

Do ảnh hưởng của già hóa dân số, câu chuyện thần kỳ của Nhật Bản từ năm 1960 đến năm 1995 đã chấm dứt. Từ năm 1996 đến năm 2022, GDP bình quân đầu người đã giảm từ 44.200 USD xuống còn 32.800 USD, bằng 74% năm 1995, thu ngân sách của quốc gia đã liên tục giảm. Đang có một xu thế đảo ngược ở Hàn Quốc, đó là số lượng cơ sở chăm sóc trẻ em ở nước này giảm còn cơ sở dành cho người cao tuổi lại tăng. Theo thống kê của Bộ Y tế và Phúc lợi Hàn Quốc, trong năm 2017, có hơn 40.000 cơ sở chăm sóc trẻ em nhưng tính đến cuối năm ngoái, con số đó đã giảm xuống còn khoảng 30.900 cơ sở. Trong khi đó, trong bối cảnh dân số già đi nhanh chóng, số lượng cơ sở chăm sóc người cao tuổi đã tăng vọt từ 76.000 vào năm 2017 lên 89.643 vào năm 2022. Số liệu từ Bộ Giáo dục Hàn Quốc cho thấy, nhiều trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông trên cả nước phải đóng cửa do thiếu trẻ em trong độ tuổi đến trường.

Người cao tuổi ở nhiều nơi trên thế giới còn bị kỳ thị, phân biệt đối xử và bạo lực gia đình. Một số cộng đồng, xã hội, thậm chí cả chính quyền một số địa phương cho rằng người cao tuổi già yếu, lạc hậu, không có khả năng học tập, lao động, gánh nặng và rủi ro,... Bên cạnh đó, có một thực tế đáng buồn khác là người cao tuổi, nhất là phụ nữ lớn tuổi, có nguy cơ trở thành nạn nhân của bạo lực gia đình. Sự gia tăng nhanh chóng của dân số cao tuổi đặt gánh nặng chăm sóc lên vai các thành viên trẻ tuổi trong gia đình, gây ra trạng thái căng thẳng và mức độ căng thẳng có thể biểu hiện ở hành vi ngược đãi người cao tuổi.

Kinh nghiệm ứng phó với vấn đề già hóa dân số của một số quốc gia

Nhật Bản

Nhật Bản là quốc gia có tỷ lệ người cao tuổi cao nhất thế giới, tỷ lệ người dân trong độ tuổi trên 65 chiếm tới gần 30% dân số với 36,23 triệu người. Tỷ lệ này ở châu Âu là 20%, cao gấp đôi mức bình quân toàn cầu và cao nhất trong số các châu lục. Số liệu công bố mới nhất của Bộ Nội vụ Nhật Bản cho thấy, số người trong độ tuổi trên 75 ở nước này lần đầu tiên vượt mốc trên 20 triệu người. Số người từ 80 tuổi trở lên ở xứ sở mặt trời mọc có khoảng 12,59 triệu người. Đây là lần đầu tiên tỷ lệ người trên 80 tuổi ở nước này vượt ngưỡng 10% dân số. Trong khi đó, tỷ lệ sinh ở Nhật Bản tiếp tục giảm trong nhiều năm qua. Tại một ngôi làng ở miền Trung Nhật Bản, thậm chí chỉ có một em bé được sinh ra trong vòng 25 năm. Đây được coi là một “phép màu” đối với những người cao tuổi ở trong làng.

Gần đây, các nhà khoa học Nhật Bản và thế giới đã nghiên cứu, đưa ra dự báo về nguy cơ tự tiêu vong của người Nhật Bản. Các nghiên cứu đã dự báo rằng: Dân số Nhật Bản sẽ giảm từ 120 triệu người còn 10 triệu người sau 200 năm, và còn 1 triệu người sau 300 năm. Nguyên nhân do tổng tỷ suất sinh của Nhật Bản thấp dưới mức tỷ suất sinh thay thế kéo dài trong thời gian qua và dự báo sẽ tiếp tục thấp trong thời gian tới. Để ứng phó với vấn đề già hóa dân số, Chính phủ Nhật Bản đã đưa ra các sáng kiến, như trợ cấp tiền cho nuôi trẻ từ lúc sinh đến lúc học hết trung học cơ sở từ 100 USD đến 150 USD/tháng. Chính phủ cho xây dựng thêm các nhà trẻ và khuyến khích các doanh nghiệp có môi trường làm việc thân thiện với gia đình; thực hiện chế độ nghỉ nuôi con và được trả 50% mức lương trước khi nghỉ. Để hỗ trợ nam, nữ cân bằng giữa công việc ở công sở và việc gia đình, Nhật Bản áp dụng chế độ nghỉ chăm sóc con nhỏ dành cho cả nam và nữ, trong đó, nữ có thể nghỉ trước khi sinh 8 tuần, cả nam và nữ đều có thể nghỉ phép sau sinh 1 năm, được hưởng 67% lương. Nhật Bản đặt mục tiêu phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ nam giới nghỉ phép để nuôi con nhỏ sẽ đạt 30%. Ngoài ra, Nhật Bản còn thực hiện các chương trình hỗ trợ chăm sóc trẻ nhỏ, hỗ trợ về kinh tế cho các gia đình có nhiều con...

Tuy nhiên, các nghiên cứu thời gian qua cho thấy các chính sách này chưa thay đổi được tình hình. Để đáp ứng nhu cầu chăm sóc người cao tuổi, thời gian vừa qua, Nhật Bản xây dựng rất nhiều cơ sở dưỡng lão, trợ giúp xã hội tập trung dần tới tình trạng là hiện nay, các cơ sở dưỡng lão, trợ giúp người cao tuổi ở Nhật Bản đang gặp nhiều khó khăn, nhất là thiếu nhân viên làm việc, cần phải tuyển dụng lao động nước ngoài. Tình trạng già hóa dân số, thiếu lao động đã và đang ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Lực lượng lao động giảm cũng khiến thị trường nội địa bị thu hẹp, sức hấp dẫn đầu tư giảm. Tiềm năng tăng trưởng trong nhiều lĩnh vực kinh tế cũng giảm sút theo. Điều đó đã và đang đặt ra bài toán về “tăng trưởng kinh tế” của Nhật Bản trong những năm tiếp theo.

Đối với vấn đề phúc lợi xã hội, một báo cáo của Chính phủ Nhật Bản công bố vào tháng 6-2019 đã thừa nhận, hệ thống lương hưu công cộng của nước này sẽ quá tải và không thể bảo đảm mức sống ổn định cho người dân nếu số người già tiếp tục gia tăng. Chi phí an sinh xã hội, trong đó phần lớn dành cho người cao tuổi, chiếm tới 1/3 ngân sách đã chi của Chính phủ Nhật Bản trong năm tài khóa 2018.

Để thực hiện chính sách an sinh xã hội và bảo đảm nguồn lao động trong bối cảnh dân số giảm, Chính phủ Nhật Bản đang nỗ lực bảo đảm cơ hội việc làm cho những người cao tuổi có nguyện vọng tiếp tục làm việc. Vừa qua, Chính

phủ Nhật Bản đã thông qua dự luật kêu gọi các doanh nghiệp cho phép người lao động làm việc đến 70 tuổi (dự luật này có hiệu lực từ tháng 4-2021). Trên thực tế, số người cao tuổi có việc làm tại Nhật Bản đã kéo dài từ năm 2004. Tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên ở Nhật Bản có việc làm đạt 25,1%, cao thứ 2 trong số các nền kinh tế lớn.

Hàn Quốc

Hàn Quốc trở thành nước dân số già từ năm 2017 khi tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên vượt 14% dân số. Quốc gia này được dự đoán sẽ trở nên “siêu già” vào năm 2025 khi tỷ lệ người cao tuổi chiếm 20%. Tuổi thọ trung bình của người Hàn Quốc là 86 tuổi trong năm 2021, cao hơn so với 72 tuổi năm 1991.

Hàn Quốc - nền kinh tế lớn thứ tư châu Á cũng đang lâm vào cuộc khủng hoảng nhân khẩu học ngày càng sâu sắc sau khi dữ liệu mới cho thấy số trẻ sinh ra trong năm 2022 ở mức thấp kỷ lục. Theo số liệu mà Cơ quan Thống kê Hàn Quốc công bố ngày 22-2-2023, chỉ có 249.000 trẻ được sinh ra vào năm 2022, giảm 4,4% so với năm 2021 và là năm thứ ba liên tiếp số ca tử vong vượt quá số ca sinh.

Vào tháng 9-2022, Chính phủ nước này đã chi hơn 200 tỷ USD để cố gắng tăng dân số trong 16 năm qua. Nhưng cho đến nay tỷ lệ sinh ở nước này vẫn chưa được cải thiện và những tác động từ tình trạng già hóa dân số ngày càng rõ rệt trong kết cấu xã hội và cuộc sống hằng ngày. Lần đầu tiên trong lịch sử Hàn Quốc ghi nhận số lao động trên 60 tuổi đông hơn nhóm trong độ tuổi 20. Theo đó, tính đến hết quý 4 năm 2022, Hàn Quốc có 3,38 triệu người trên 60 tuổi có việc làm (tăng 284.000) trong khi chỉ có 3,2 triệu người trong độ tuổi 20 được tuyển dụng (giảm 36.000), đưa tỷ lệ người lao động trên 60 tuổi lên 16,5%, so với 15,8% ở những người trong độ tuổi 20. Nguyên nhân chính là ngày nay, số người cao tuổi đông hơn người trẻ. Người cao tuổi chiếm khoảng 25% dân số Hàn Quốc, còn người trong độ tuổi 20 chiếm khoảng 13%.

Theo báo cáo công bố ngày 4-6 của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), cứ 10 người cao tuổi Hàn Quốc, có hơn 3 người nhận các công việc lương thấp sau khi nghỉ hưu để giúp trang trải chi phí. Lương tháng trung bình của người trên 68 tuổi là 1,8 triệu won (hơn 32 triệu đồng) vào năm 2022, thấp hơn so với 3,11 triệu won (gần 56 triệu đồng) của người 58 tuổi. Báo cáo của OECD chỉ ra khoảng 25% người ở độ tuổi 70 vẫn đi làm. Trung bình họ kiếm được khoảng 1,39 triệu won (25 triệu đồng) mỗi tháng.

Trung Quốc

Tại Trung Quốc, lần đầu tiên sau hơn 60 năm, quốc gia với hơn 1,4 tỷ người chứng kiến sự sụt giảm dân số trong năm 2022, mở màn giai đoạn khủng hoảng dân số cho quốc gia vốn dựa vào nguồn nhân lực đông đảo cho phát triển kinh tế. Nhằm cải thiện tình trạng dân số già, vào năm 2016, Trung Quốc đã bỏ chính sách một con và cho phép mỗi gia đình có 2 con, do lo ngại tình trạng già hóa dân số và thiếu hụt lực lượng lao động. Đến tháng 5-2021, Trung Quốc cho phép mỗi gia đình có tối đa 3 con và 2 tháng sau đó dỡ bỏ mọi giới hạn. Tuy nhiên, cơ cấu dân số vẫn chưa thay đổi khiến chính quyền nhiều địa phương tìm cách để thúc đẩy tỷ lệ sinh.

Mới đây, Trung Quốc đã ban hành hướng dẫn yêu cầu tất cả các tỉnh thực hiện theo danh sách các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi cơ bản, dựa trên các yếu tố như mức độ phát triển kinh tế - xã hội và tình hình tài chính. Các dịch vụ bao gồm hỗ trợ vật chất, điều dưỡng và chăm sóc. Các tỉnh phải cung cấp dịch vụ thăm nom, chăm sóc người già neo đơn và các gia đình gặp khó khăn về tài chính. Thực tế cho thấy, các nhà dưỡng lão đắt đỏ nằm ngoài tầm của nhiều người già, trong khi các cơ sở chăm sóc công cộng thường không phù hợp với điều kiện sống, để lại một khoảng trống trên thị trường về nơi ở dành cho người về hưu chất lượng với giá cả phải chăng. Do đó, các cơ sở chăm sóc người cao tuổi mới được xây dựng sẽ được thực hiện theo tiêu chuẩn của chính phủ, trong khi các cơ sở cũ sẽ được cải tạo để mang lại môi trường an toàn, thuận tiện và thoải mái.

Thái Lan

Thái Lan đã bước vào giai đoạn dân số già vào năm 2022, khi 14,15% dân số là người từ 65 tuổi trở lên. Chính sách của Chính phủ Thái Lan là thúc đẩy già hóa tích cực và mang lại lợi ích nhằm giúp người cao tuổi có chất lượng cuộc sống tốt cả về thể chất và tinh thần. Một trong những giải pháp nhằm đạt mục đích đó là tạo việc làm cho người cao tuổi, giữ người cao tuổi trong lực lượng lao động càng lâu càng tốt. Tạo các nghề cho người cao tuổi và tuyển dụng người cao tuổi làm việc là một cơ chế quan trọng của chính sách này. Việc có thêm thu nhập từ việc làm giúp người cao tuổi có đủ thu nhập sau tuổi nghỉ hưu và về lâu dài là giúp giảm gánh nặng ngân sách của chính phủ về phúc lợi tuổi già. Và quan trọng nhất là, việc làm cho người cao tuổi sẽ giúp giải quyết vấn đề thiếu hụt lao động ở một số ngành nghề. Có việc làm và thu nhập cũng giúp người cao tuổi không bị phụ thuộc và tăng tính tự trọng của họ. Hiện nay, có

thể thấy ở Thái Lan có rất nhiều người cao tuổi đang làm việc theo lựa chọn của mình ở các ngành, nghề trong lĩnh vực thương mại, lao động được trả công và nông nghiệp.

Một khảo sát trên 9.408 người cao tuổi năm 2022 cho thấy 76% người cao tuổi Thái Lan muốn có việc tự làm, 15% muốn công việc chuyên trách, và 9% làm việc gì cũng được (với cả 2 phương án trên). Do vậy, Bộ Lao động Thái Lan đã tạo ra các công việc dành cho người cao tuổi như một nỗ lực nhằm giảm bất bình đẳng xã hội và giải quyết vấn đề già hóa dân số ở đất nước. Vụ Việc làm đã được giao nhiệm vụ tìm kiếm việc làm cho người sau tuổi về hưu. Cho đến nay, đã có 5 nghề chính dành cho người cao tuổi trong đó phần lớn là các nghề, như công nhân sản xuất, nhân viên buồng phòng, nhân viên bảo vệ, cán bộ hướng dẫn, và lái xe. Năm 2019, Bộ Lao động Thái Lan đã ký một Biên bản ghi nhớ (MOU) về thúc đẩy việc làm cho người cao tuổi với 12 công ty tư nhân, với 23 cơ quan việc làm, nhằm đưa người cao tuổi đáp ứng yêu cầu vào hệ thống lao động chính thức. Thái Lan cũng áp dụng chính sách thuế nhằm khích lệ việc tuyển dụng người cao tuổi. Các đơn vị tuyển dụng người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên) được quyền giảm con số chi phí lên đến 2 lần so với số họ đã thực trả cho việc thuê người cao tuổi. Quỹ vốn vay giải quyết việc làm cho người cao tuổi đã cung cấp vốn vay cho người cao tuổi có nhu cầu vay, trực tiếp cho cá nhân, hoặc qua nhóm.

Để thúc đẩy học tập suốt đời cho người dân, trong đó có người cao tuổi, Thái Lan đã phát triển các Trung tâm học tập cộng đồng. Vào năm 2021, toàn quốc có 8.577 trung tâm. Bên cạnh đó, Bộ Giáo dục đã hợp tác với Hội Công dân cao tuổi mở các trường học cho người cao tuổi và trong năm 2018 đã có hơn 1.000 trường học được mở, trong đó có các khóa học về nghề nghiệp cho người cao tuổi. Hội Công dân cao tuổi Thái Lan đóng vai trò quan trọng trong giúp người cao tuổi tiếp cận với các hoạt động tăng thu nhập thông qua cung cấp vốn vay, hỗ trợ việc làm, dạy nghề... thông qua hơn 30.000 các câu lạc bộ người cao tuổi (vào thời điểm năm 2020).

Singapore

Singapore đã trở thành nước có dân số già từ năm 2017. Theo báo cáo Tóm tắt về dân số do Cơ quan Nhân tài và Dân số quốc gia Singapore (NPTD) công bố ngày 29-9-2023, tính đến tháng 6-2023, những người từ 65 tuổi trở lên tại nước này chiếm 19,1% dân số, cao hơn so với tỷ lệ 11,7% vào năm 2013. Đây là mức già hóa dân số cao nhất trong lịch sử của Singapore. Báo cáo cho thấy số

dân từ 65 tuổi trở lên đang tăng với tốc độ nhanh hơn so với thập niên trước. Dự kiến Singapore trở thành nước có dân số siêu già vào năm 2026.

Tỷ lệ sinh thấp cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến già hóa dân số ở Singapore. Theo báo cáo, Singapore ghi nhận 30.429 trẻ sơ sinh vào năm 2022, giảm 4% so với con số 31.713 trẻ vào năm 2021. Tổng tỷ suất sinh ở mức thấp nhất trong lịch sử là 1,04 vào năm 2022. Để đối phó với những thách thức này, Chính phủ Singapore đã triển khai nhiều chính sách, bao gồm khuyến khích sinh đẻ, thu hút lao động nước ngoài và cải thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe. Bên cạnh đó, Chính phủ Singapore cũng đã tăng các khoản hỗ trợ cho gia đình và phụ nữ mang thai. Chính phủ cũng đã triển khai các chương trình giáo dục giới tính và hôn nhân nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc sinh con.

Già hóa dân số ảnh hưởng sự bền vững của hệ thống phúc lợi xã hội, tạo áp lực lên hệ thống y tế, dẫn đến thiếu hụt lao động. Nhằm thích ứng tình trạng già hóa dân số, Chính phủ Singapore đã sớm hoạch định các chính sách về cải cách hệ thống chăm sóc sức khỏe, tăng dần tuổi nghỉ hưu, quy hoạch đô thị, phát triển kinh tế. Sau khi đã nâng độ tuổi nghỉ hưu từ 60 lên 63, Singapore tiếp tục lộ trình nâng độ tuổi nghỉ hưu lên 65 vào năm 2030. Singapore cũng sẽ nâng độ tuổi lao động của người cao tuổi có đủ điều kiện và mong muốn tiếp tục làm việc từ 68 hiện nay lên 70 vào năm 2030. Các chính sách này sẽ góp phần cải thiện tình trạng thiếu hụt lao động, đồng thời tạo cơ hội để người cao tuổi tiếp tục đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Singapore. Để thu hút lao động nước ngoài, Singapore đã nới lỏng các quy định về nhập cư. Chính phủ cũng đã triển khai các chính sách đào tạo và phát triển lao động nước ngoài nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Chương trình trợ cấp mua nhà để các thế hệ trong một gia đình được sống cùng hoặc gần nhau cũng là một trong những sáng kiến được áp dụng. Singapore hiện đang tăng cường các biện pháp nhằm chuẩn bị cho một xã hội siêu già. Với mục tiêu tiếp cận hơn nửa triệu người từ 50 tuổi trở lên, chương trình Live Well, Age Well đang được triển khai nhằm hỗ trợ người dân tự chăm sóc sức khỏe, tiếp tục đóng góp cho xã hội và duy trì kết nối với gia đình, cộng đồng.

Trước đây, Chính phủ Singapore tập trung xây dựng hệ thống các bệnh viện hiện đại, chưa quan tâm nhiều đến chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi tại cộng đồng, dẫn đến tình trạng quá tải của các bệnh viện. Thời gian gần đây, Chính phủ và các tổ chức đã nghiên cứu, đầu tư, phát triển các dịch vụ chăm sóc sức khỏe

người cao tuổi tại cộng đồng. Nhờ đó, góp phần giảm tải các bệnh viện và người cao tuổi được chăm sóc, điều trị bệnh, tư vấn tâm lý tốt hơn ngay tại cộng đồng bởi các nhân viên y tế và các tình nguyện viên.

Có thể nói đến nay, chưa có chính phủ nào trên thế giới ứng phó hoàn hảo với vấn đề già hóa dân số và chăm sóc, phát huy vai trò của người cao tuổi. Một số nước đã đạt kết quả tốt trên lĩnh vực này nhưng lại chưa tốt trên một số lĩnh vực khác. Kinh nghiệm thành công, chưa thành công của các quốc gia đi trước là những bài học quý cho Việt Nam.

Khuyến nghị lộ trình già hóa khỏe mạnh đến năm 2050

Tại hội thảo “Lộ trình già hóa khỏe mạnh toàn cầu đến năm 2050”, tại Singapore năm 2022, các nhà khoa học trên thế giới trao đổi, thống nhất khuyến nghị các quốc gia cần có mục tiêu, tầm nhìn đến năm 2050: Mọi người sẽ có xu hướng sống thọ hơn; các nhu cầu liên quan đến người cao tuổi ngày càng được đáp ứng tốt hơn; người cao tuổi cần có nhiều cơ hội tham gia vào các hoạt động có ý nghĩa, hiệu quả, đóng góp cho xã hội; sống lâu và khỏe mạnh sẽ là tài sản của quốc gia, xã hội, cộng đồng; người cao tuổi ngày càng được chú ý hơn, được nhìn nhận và được đánh giá cao hơn; vấn đề người cao tuổi sẽ tác động, ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và các vấn đề xã hội, thậm chí cả chính trị và an ninh, quốc gia.

Để ứng phó với vấn đề già hóa dân số, các nhà khoa học kiến nghị cần thay đổi nhận thức về người cao tuổi: Già hóa là một quá trình sinh trưởng, phát triển bình thường, tất yếu của con người và là thành tựu của nhân loại. Lão hóa diễn ra ngay từ khi mọi người còn trẻ. Vì vậy, cần chuẩn bị già hóa thành công cho mọi lứa tuổi; khi còn trẻ cần phải tạo ra nhiều công việc làm tốt, thu nhập cao, ổn định, có tích lũy kinh tế, bảo hiểm, để chuẩn bị cho tuổi già khỏe mạnh.

Trước tiên cần thay đổi nhận thức rằng, người cao tuổi không phải là gánh nặng, mà là nguồn lực, nguồn vốn xã hội, có vai trò quan trọng. Nếu biết khai thác vốn xã hội của người cao tuổi, sẽ góp phần tăng trưởng kinh tế và phát triển cộng đồng.

Người dân đang sống cuộc sống khỏe mạnh hơn và lâu hơn trên khắp thế giới, theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO). Những người lớn tuổi hơn vẫn còn làm việc chiếm tỷ lệ ngày càng lớn (dù tỷ lệ có việc làm ở hầu hết các quốc gia vẫn giảm mạnh theo độ tuổi từ những người 60 tuổi trở ra). Các chuyên gia trên thế

giới cho rằng hầu hết những người ngoài 60 tuổi có học vấn đều có thể đóng góp cho nền kinh tế hiện đại.

Các nhà khoa học cho rằng già hóa thành công là: Người cao tuổi có cuộc sống “tích cực, độc lập, khỏe mạnh và có ý nghĩa”. Để thực hiện được lộ trình già hóa khỏe mạnh, đòi hỏi có sự tham gia của chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, khu vực tư nhân, các nhà khoa học, cộng đồng, gia đình và mỗi cá nhân người cao tuổi.

Một số bài học và khuyến nghị chính sách ứng phó với tình trạng già hóa dân số ở Việt Nam

Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Quá trình già hóa dân số ở nước ta bắt đầu từ năm 2011, với 8,65 triệu người trên 60 tuổi, chiếm tỷ lệ 9,9% dân số. Dự báo nước ta sẽ chính thức bước vào thời kỳ dân số già vào năm 2036, với 21,25 triệu người cao tuổi, chiếm tỷ lệ 19,48% dân số.

Từ bài học kinh nghiệm của các nước đi trước, Việt Nam cần quan tâm, tiến hành những nghiên cứu, dự báo và đề xuất giải pháp ứng phó với tình trạng già hóa dân số nhanh. Trong đó, cần chú trọng các nghiên cứu, dự báo đề xuất các giải pháp cấp bách tăng tỷ suất sinh thay thế ở một số địa phương, chủ động, tích cực đề xuất các giải pháp khuyến khích kết hôn đúng độ tuổi; trợ giúp tài chính cho các gia đình trẻ nuôi con; miễn học phí cho các cấp học phổ thông, tạo môi trường thuận lợi hơn cho trẻ em được đến trường,...

Tiếp tục đổi mới công tác an sinh xã hội, công chăm sóc người cao tuổi, như tăng độ phủ bảo hiểm xã hội, hạ độ tuổi trợ cấp, nâng mức trợ cấp xã hội, thực hiện toàn dân có bảo hiểm y tế, bảo đảm người cao tuổi được tiếp cận các dịch vụ y tế, coi trọng công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dài hạn tại cộng đồng...

Cần khẩn trương có các chính sách cụ thể giải quyết việc làm cho người cao tuổi, nghiên cứu, bố trí một số ngành, nghề cho người cao tuổi; thực hiện công tác dạy nghề, giúp người cao tuổi chuyển đổi nghề, khởi nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng lao động là người cao tuổi, tạo môi trường làm việc thân thiện với người cao tuổi...

Từ bối cảnh trong nước, quốc tế như trên, sau gần 30 năm thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW, ngày 27-9-199,5 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII), “Về chăm sóc người cao tuổi”, nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy, chính

quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã có sự chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, công tác bảo vệ, chăm sóc người cao tuổi có lúc, có nơi còn chưa được coi trọng, chưa đạt yêu cầu. Công tác phát huy người cao tuổi tuy đã được quan tâm, động viên, tạo điều kiện nhưng chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Để công tác bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi đạt kết quả cao hơn nữa trong thời gian tới, cần sớm tổng kết Chỉ thị 59-CT/TW, qua đó đánh giá khách quan đầy đủ thực trạng tình hình, dự báo xu thế già hóa và các nhân tố tác động, từ đó đề nghị Ban Bí thư ban hành chỉ thị mới, với những chủ trương, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, để chỉ đạo hệ thống chính trị ứng phó với tình trạng già hóa dân số trong bối cảnh, tình hình hiện nay.

Đề nghị Quốc hội có kế hoạch sửa đổi, bổ sung Luật Người cao tuổi Việt Nam năm 2009; cần phải nghiên cứu, đổi mới, cập nhật phù hợp với bối cảnh tình hình mới như: Quy định độ tuổi của người cao tuổi, độ tuổi lao động, quyền của người cao tuổi, vấn đề an sinh xã hội, chế độ trợ cấp xã hội, khám chữa bệnh, đời sống tinh thần, việc làm, thu nhập của người cao tuổi...

Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội khẩn trương nghiên cứu, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chiến lược về bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, làm cơ sở xây dựng các quy hoạch, kế hoạch dài hạn, hàng năm kịp thời ứng phó với quá trình già hóa rất nhanh ở nước ta. □

BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ

PGS, TS. TƯỜNG DUY KIÊN

*Viện trưởng Viện Quyền con người,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

NHỜ thành quả của phát triển kinh tế, xã hội, sự tiến bộ của khoa học và công nghệ, chất lượng cuộc sống của con người được cải thiện, tuổi thọ của con người ngày càng tăng lên, dẫn tới quá trình già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng không chỉ ở các nước phát triển mà Việt Nam cũng nằm trong số đó. Quá trình già hóa dân số, có cả cơ hội và thách thức cho quản trị hiệu quả ở mỗi quốc gia, nhưng người cao tuổi đang phải đối mặt với nhiều khó khăn trong thụ hưởng quyền con người của chính mình. Bài viết đi sâu phân tích một số vấn đề lý luận về quyền của người cao tuổi; chuẩn mực quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền của người cao tuổi; đề xuất một số giải pháp bảo đảm quyền của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số ở Việt Nam hiện nay.

1. Một số vấn đề lý luận về quyền của người cao tuổi

1.1 Khái niệm người cao tuổi, quyền của người cao tuổi

- Về khái niệm người cao tuổi, có nhiều thuật ngữ khác nhau được sử dụng trong sách, báo, pháp luật quốc tế, pháp luật của một số nước để mô tả người cao tuổi. Chẳng hạn trong một số văn kiện quốc tế và pháp luật của một số quốc gia, sử dụng thuật ngữ (older hay elderly persons - người cao tuổi), “người già” (the aged), “người lao động cao tuổi” (elderly workers), “người cao niên” (seniors)...

Về mặt độ tuổi, tùy thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, mức sống, tuổi thọ ở mỗi nước mà xác định độ tuổi nào thì được gọi là già/cao tuổi. Trong Bình luận chung số 6 năm 1995 của Ủy ban về các quyền kinh tế, xã

hội và văn hóa, xác định người cao tuổi là người từ 60 tuổi⁽¹⁾. Tuy nhiên, ở châu Âu, hầu hết các nước châu Âu xem người cao tuổi là những người từ 65 tuổi trở lên, theo cơ quan Thống kê của Liên minh châu Âu (Eurostat) coi “người cao tuổi” là những người từ 65 tuổi trở lên⁽²⁾, trong khi ở một số nước châu Phi, độ tuổi được xem là người cao tuổi chỉ vào khoảng 50 đến 55⁽³⁾.

Trong Công ước số 128 năm 1967 về Trợ cấp Khuyết tật, Trợ cấp Tuổi già và Trợ cấp Người sống sót (Convention C128 - Invalidity, Old-Age and Survivors' Benefits Convention, 1967) của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) cũng xác định tuổi già là 65⁽⁴⁾. Tuy nhiên, hiện nay theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO) xác định người cao tuổi là người 70 tuổi trở lên⁽⁵⁾.

Ở Việt Nam, xuất phát từ điều kiện cụ thể về kinh tế, văn hóa, xã hội và tuổi thọ trung bình, Luật Người cao tuổi năm 2009 quy định: “Người cao tuổi là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ 60 tuổi trở lên”⁽⁶⁾.

- Về khái niệm quyền của người cao tuổi, cũng giống như con người nói chung, người cao tuổi cũng được hưởng đầy đủ các quyền con người được quy định, bảo đảm bằng các chuẩn mực quốc tế về quyền con người và trong hiến pháp, pháp luật của mỗi quốc gia. Các quyền con người của người cao tuổi được hiểu là những đặc quyền tự nhiên, xuất phát từ phẩm giá vốn có, từ nhu cầu và lợi ích khách quan, tự nhiên của con người mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào dựa trên cơ sở chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, dòng dõi, địa vị xã hội; người cao tuổi có quyền con người, vì đơn giản họ là con người.

1.2 Tại sao cần bàn đến quyền của người cao tuổi và bảo vệ quyền của người cao tuổi

Như trên đã lý giải, người cao tuổi được hưởng đầy đủ các quyền và tự do cơ bản của con người đã được quy định, bảo đảm bằng pháp luật quốc tế, cơ chế

(1) CESCR, General Comment No. 6 (1995), The economic, social and cultural rights of older persons, đoạn 9, tại trang [<https://www.refworld.org/pdfid/4538838f11.pdf>]. Truy cập ngày 12-10-2023

(2) CESCR, General Comment No. 6 (1995), tài liệu đã dẫn, đoạn 9

(3) PGS. TS Vũ Công Giao, “Một số vấn đề lý luận, pháp lý, thực tiễn về quyền của người cao tuổi”

(4) ILO, Convention C128 - Invalidity, Old-Age and Survivors' Benefits Convention, 1967 (No. 128), Điều 15, tại http://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:55:0::NO::P55_TYPE,P55_LANG,P55_DOCUMENT,P55_NODE:CON,en,C128,/Document. (truy cập: 10-3-2018)

(5) Xem khái niệm người cao tuổi. tại trang [Khái niệm người cao tuổi theo WHO [Cập nhật 2023] - EU-Vietnam Business Network (EVBN)]. Truy cập ngày 20-10-2023

(6) Luật người cao tuổi năm 2009. Tại trang Luật Người cao tuổi năm 2009 số 39/2009/QH12 mới nhất (thuvienphapluat.vn). Truy cập ngày 20-10-2023

và pháp luật ở mỗi quốc gia. Vậy tại sao đã có hệ thống chuẩn mực chung về quyền con người rồi, lại cần bàn đến quyền của người cao tuổi và bàn cơ chế, biện pháp, cách thức để bảo vệ các quyền của họ?

Vấn đề chính được đặt ra là, họ có quyền (quyền con người), nhưng hệ thống các chuẩn mực chung về quyền con người hiện nay chưa đủ để bảo vệ người cao tuổi, điều này xuất phát từ tính dễ bị tổn thương của người cao tuổi. Trong bối cảnh già hóa dân số ngày càng tăng, trong vô số các vấn đề quyền con người mà người cao tuổi đang phải đối mặt trong gia đình, cộng đồng, xã hội, quốc gia và quốc tế, đó chính là chủ nghĩa tuổi tác (Ageism) hay chính xác hơn là phân biệt dựa trên tuổi tác mà theo định nghĩa của Tổ chức Y tế thế giới, đó là những định kiến, thành kiến và phân biệt đối xử đối với người khác hoặc chính mình dựa trên tuổi tác⁽⁷⁾. Khía cạnh quyền con người của người cao tuổi phải đối mặt đó là định kiến, kỳ thị và dễ bị gạt ra ngoài lề là phổ biến và dựa trên các giả định về sự thiếu khả năng, yếu đuối và cần được bảo vệ khi các cá nhân già đi. Chính thái độ tuổi tác như vậy dẫn đến phân biệt đối xử, loại trừ và hạn chế năng lực pháp lý đối với người cao tuổi.

Các rào cản và thách thức đối với người cao tuổi phổ biến hiện nay đó là cơ hội tiếp tục làm việc, cơ hội học tập và tiếp cận các dịch vụ và nguồn lực sẵn có của quốc gia. Nhưng vì chủ nghĩa tuổi tác, hệ thống luật pháp và chính sách phân biệt đối xử, thiếu các nguồn lực về kinh phí, khả năng tiếp cận và khả năng chi trả, đã cản trở việc thực hiện các quyền con người, trong đó một loạt các quyền bị ảnh hưởng tiêu cực bao gồm quyền có mức sống đầy đủ, đặc biệt là khi các hệ thống bảo trợ xã hội đầy đủ và công bằng không được áp dụng; các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, trợ cấp xã hội; tôn trọng phẩm giá vốn có và bảo đảm tất cả các quyền con người và tự do cơ bản khác là chìa khóa bảo đảm hạnh phúc của người cao tuổi và cho việc thụ hưởng quyền về sức khỏe, bao gồm cả về chăm sóc định kỳ và lâu dài không thực hiện được.

Chính những thách thức và rào cản như trên khiến người cao tuổi có nguy cơ cao bị bạo lực, bị lạm dụng và bị bỏ rơi được cho là phổ biến và có thể diễn ra trong các môi trường (cả trong gia đình, ngoài xã hội), cả cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế, diễn ra dưới các hình thức khác nhau, trong khi các cơ chế phòng ngừa, bảo vệ, trách nhiệm giải trình và khắc phục hậu quả chưa được phát triển đầy đủ và dễ tiếp cận ở mỗi quốc gia, là những lý do bàn đến quyền của người cao tuổi và cơ chế bảo đảm quyền của người cao tuổi.

(7) Tại trang [Ageing: Ageism (www-who-int.translate.goog)], truy cập ngày 20-10-2023

2. Chuẩn mực quốc tế, pháp luật và thực tiễn bảo đảm quyền của người cao tuổi ở Việt Nam

2.1 Chuẩn mực quốc tế: Kể từ khi thành lập năm 1945, đến nay Liên hợp quốc đã ban hành hàng trăm văn kiện về quyền con người, trong đó có 3 văn kiện quan trọng nhất⁽⁸⁾ làm nền tảng để xây dựng hệ thống các chuẩn mực trên từng lĩnh vực cụ thể, trong đó có bảo vệ quyền của người cao tuổi, tuy nhiên, vì nhiều lý do mà chưa có được một văn kiện có giá trị ràng buộc các quốc gia thành viên, tức là chưa có một công ước quốc tế chuyên biệt về quyền của người cao tuổi.

Bảo vệ quyền của người cao tuổi, dựa trên các văn kiện quốc tế hiện hành về quyền con người, đó là hệ thống các công ước quốc tế về quyền con người do Liên hợp quốc ban hành. Chẳng hạn, nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử, được áp dụng chung cho tất cả mọi người, trong đó không có sự phân biệt dựa trên tuổi tác, được bảo đảm trong Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người năm 1948 (Điều 1, Điều 2); hay Khoản 2, Điều 2 và Điều 3 của Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa; Khoản 1, Điều 2 và Điều 3 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị. Hay trong Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của người lao động di cư và thành viên gia đình họ, cũng đã đề cập trực tiếp đến việc chống lại sự phân biệt đối xử dựa trên “lứa tuổi” (age) (Khoản 1, Điều 1).

Bảo đảm các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội, quyền dân sự, chính trị của người cao tuổi được áp dụng chung trong Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người và cả hai công ước quốc tế về quyền con người năm 1966. Để phát triển ý tưởng/quan điểm bảo đảm quyền của người cao tuổi dựa trên các công ước quốc tế về quyền con người, đến nay các ủy ban được thành lập dựa trên công ước đã ban hành các bình luận chung/khuyến nghị chung về quyền của người cao tuổi⁽⁹⁾.

(8) Bộ luật quốc tế về quyền con người, gồm 3 văn kiện: Tuyên ngôn Phổ quát về quyền con người năm 1948, 2 Công ước quốc tế năm 1966 và các nghị định thư bổ sung công ước

(9) Bình luận chung số 6 (năm 1995) của Ủy ban các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (CESCR), tập trung vào quyền bình đẳng và các quyền kinh tế, xã hội của người cao tuổi. Theo Điều 9 của Bình luận chung đề cập đến “quyền của mọi người được hưởng an sinh xã hội, bao gồm cả bảo hiểm xã hội” nhằm ghi nhận các lợi ích của người cao tuổi; - Bình luận chung số 19 về Quyền được hưởng an sinh xã hội (Điều 9); - Khuyến nghị chung số 27 (năm 2010) của Ủy ban về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW về phụ nữ cao tuổi và các quyền con người của họ. Khuyến nghị chung này phân tích mối quan hệ giữa các điều khoản của Công ước CEDAW và tuổi già, sự lão hóa. Nó xác định nhiều hình thức phân biệt đối xử mà phụ nữ phải đối mặt khi họ già đi (đặc biệt là một số nhóm như phụ nữ nông thôn, phụ nữ nghèo đô thị, người thuộc các nhóm thiểu số...), đồng thời làm rõ nội dung các nghĩa vụ của quốc gia thành viên liên quan đến phụ nữ cao tuổi, phản ánh những mối quan tâm của phụ nữ cao tuổi vào chiến lược quốc gia, các sáng kiến phát triển và hành động tích cực để họ có thể tham gia đầy đủ vào xã hội mà không bị phân biệt đối xử và trên cơ sở bình đẳng với nam giới

Cùng với Liên hợp quốc, các cơ quan của Liên hợp quốc, Tổ chức Lao động thế giới (ILO) cũng thông qua một công ước về các chế độ hưởng do tàn tật, tuổi già và tiên tuất (số 128, năm 1967); Công ước về An sinh xã hội (các tiêu chuẩn tối thiểu) (số 102) và ban hành các bình luận/khuyến nghị chung⁽¹⁰⁾.

Ngoài tuyên ngôn, công ước, Đại hội đồng Liên hợp quốc còn ban hành nhiều nghị quyết về người cao tuổi, bảo vệ quyền của người cao tuổi⁽¹¹⁾ và đến nay đã tổ chức thành công hai hội nghị thế giới về người cao tuổi vào các năm 1983 (Hội nghị thế giới lần thứ nhất về Người cao tuổi đã thông qua Kế hoạch Hành động Vienna về Người cao tuổi (Vienna International Plan of Action on Ageing) (1983)) và năm Hội nghị thế giới lần thứ hai năm 2002 đã thông qua Kế hoạch Hành động Madrid về Người cao tuổi (The Madrid International Plan of Action on Ageing).

Trong các văn kiện quốc tế dưới dạng tuyên ngôn, tuyên bố, nghị quyết, văn kiện đáng chú ý rất phải kể đến, đó là Nghị quyết số 46/91, ngày 16-12-1991, về Những Nguyên tắc của Liên hợp quốc về người cao tuổi (United Nations Principles for Older Persons). Đây là văn kiện chuyên biệt, quan trọng nhất được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua, đã xác định 8 nguyên tắc liên quan đến quyền của người cao tuổi, bao gồm: Nguyên tắc bảo đảm sự độc lập (Nguyên tắc số 1 đến 6); Nguyên tắc tham gia (Nguyên tắc số 7, 8 và 9); Nguyên tắc chăm sóc (Nguyên tắc số 10 đến 14); Nguyên tắc tự chủ (Nguyên tắc số 15 và 16); Nguyên tắc về phẩm giá của người cao tuổi (Nguyên tắc số 17 và 18).

2.2 Pháp luật và thực tiễn bảo đảm quyền của người cao tuổi ở Việt Nam

Cũng giống như mọi công dân khác, người cao tuổi được hưởng và bảo đảm các quyền con người trong hiến pháp và hệ thống pháp luật nói chung, tuy nhiên do tính chất đặc biệt dễ bị tổn thương, Việt Nam cũng đã ban hành đạo luật riêng bảo vệ người cao tuổi, đó là Luật Người cao tuổi 2009.

(10) Khuyến nghị số 162 về Người Lao động cao tuổi; số 131 về các Chế độ hưởng do tàn tật, tuổi già và tiên tuất.

(11) Bao gồm các Nghị quyết: số 36 (20) về vấn đề người cao tuổi và tuổi già (1981); số 37(51) về vấn đề tuổi già (1982); số 45 (106) về thực thi Kế hoạch hành động về người cao tuổi (1990); số 46 (91) về thực thi Kế hoạch hành động về người cao tuổi (1991); số 47 (86) về thực thi Kế hoạch hành động về người cao tuổi: lồng ghép người cao tuổi vào phát triển (1992); số 48 (98) về thực thi Kế hoạch hành động về người cao tuổi (1993); số 49 (162) lồng ghép phụ nữ cao tuổi vào phát triển (1994); số 50 (141) về Năm Quốc tế về Người cao tuổi tiến đến một xã hội cho mọi lứa tuổi (1995); số 60/135...

Tại Điều 3 của Luật quy định 8 quyền và 3 nghĩa vụ của người cao tuổi⁽¹²⁾, bao gồm:

- Quyền được bảo đảm các nhu cầu cơ bản về ăn, mặc, ở, đi lại, chăm sóc sức khỏe;
- Quyền quyết định sống chung với con, cháu hoặc sống riêng theo ý muốn;
- Quyền được ưu tiên khi sử dụng các dịch vụ theo quy định của pháp luật;
- Quyền được tạo điều kiện tham gia hoạt động văn hóa, giáo dục, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch và nghỉ ngơi;
- Quyền được tạo điều kiện làm việc phù hợp với sức khỏe, nghề nghiệp và các điều kiện khác để phát huy vai trò người cao tuổi;
- Quyền được miễn các khoản đóng góp cho các hoạt động xã hội, trừ trường hợp tự nguyện đóng góp;
- Quyền được ưu tiên nhận tiền, hiện vật cứu trợ, chăm sóc sức khỏe và chỗ ở nhằm khắc phục khó khăn ban đầu khi gặp khó khăn do hậu quả do thiên tai hoặc rủi ro bất khả kháng khác;
- Quyền được tham gia Hội Người cao tuổi Việt Nam

Các quy định pháp luật hiện hành như trên đã tạo hành lang pháp lý quan trọng bảo đảm, bảo vệ quyền của người cao tuổi; tuy nhiên trên thực tế cho thấy còn khá nhiều quy định vẫn bộc lộ những hạn chế, bất cập ở các phương diện khác nhau, như: quy định về quyền chưa tương thích với chuẩn mực quốc tế; chưa có sự thống nhất trong cách xác định, định nghĩa người lao động cao tuổi; quy định về các điều kiện bảo đảm quyền làm việc, nhất là về hợp đồng lao động đối với lao động là người cao tuổi chưa hợp lý; quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người lao động cao tuổi tại nơi làm việc; công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của bảo đảm quyền của người cao tuổi còn nhiều bất cập... Chính vì vậy, cần nghiên cứu rà soát, sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền

(12) Người cao tuổi có các nghĩa vụ sau đây: a) Nêu gương sáng về phẩm chất đạo đức, lối sống mẫu mực; giáo dục thế hệ trẻ giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc; gương mẫu chấp hành và vận động gia đình, cộng đồng chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; b) Truyền đạt kinh nghiệm quý cho thế hệ sau; c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

của người cao tuổi và bảo đảm thực thi hiệu quả pháp luật về quyền của người lao động cao tuổi ở Việt Nam trong bối cảnh già hóa dân số là đòi hỏi cấp thiết hiện nay.

3. Một số giải pháp bảo đảm quyền của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số ở Việt Nam

3.1 Rà soát hệ thống pháp luật hiện hành, áp dụng phương pháp tiếp cận quyền con người theo chuẩn mực quốc tế trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi

Việt Nam đã tham gia 7/9 công ước cơ bản của Liên hợp quốc, 25 công ước của Tổ chức Lao động quốc tế, trong đó 7/8 công ước cơ bản. Do vậy, một trong những yêu cầu đặt ra là bảo đảm các quy định của pháp luật về quyền của người cao tuổi phải hài hòa với các chuẩn mực quốc tế.

Các chuẩn mực quốc tế, do các cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc tiếp cận dựa trên chức năng, nhiệm vụ của họ, chẳng hạn, Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) quan tâm tới người cao tuổi, họ đưa ra cách hiểu chủ yếu dưới góc độ bảo vệ việc làm - thu nhập. Các quốc gia thành viên cần hiện thực hóa các quyền lao động cho người cao tuổi, từ bảo vệ ở mức độ cơ bản nhất cho đến bảo vệ toàn diện, đặc biệt nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử về tuổi tác trong lao động và việc làm, thu nhập của người cao tuổi.

Tổ chức Y tế thế giới lại nhìn nhận chủ yếu dưới góc độ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, còn các công ước của Liên hợp quốc về quyền con người tiếp cận dựa trên các quyền con người về dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của người cao tuổi; trong đó bảo đảm khả năng tiếp cận và được hưởng lợi ích về kinh tế mà không bị phân biệt đối xử khi mất đi thu nhập, không có khả năng chi trả chăm sóc y tế, không có sự hỗ trợ của gia đình đối với trẻ em và người phụ thuộc.

Trước mắt, cần nghiên cứu sửa Luật Người cao tuổi theo hướng tiếp cận quyền con người, dựa trên nền tảng các chuẩn mực quốc tế và điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở Việt Nam hiện nay theo định hướng mục tiêu Việt Nam trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045. Vì vậy, 8 quyền trong luật hiện hành cần phải được sửa đổi toàn diện.

3.2 Thống nhất trong các xác định người cao tuổi trong các đạo luật chuyên ngành, tiến tới nâng độ tuổi người cao tuổi từ 60 tuổi lên 65 tuổi

Hiện nay, cả quốc tế cũng như Việt Nam đều chưa có sự thống nhất trong cách xác định, định nghĩa người lao động cao tuổi. Ở Việt Nam hiện nay, Luật Người Cao tuổi quy định người cao tuổi là người từ đủ 60 tuổi trở lên. Tuy nhiên, các luật chuyên ngành xác định tuổi trong quan hệ lao động, chẳng hạn khoản 1, Điều 148, Bộ Luật Lao động năm 2019, thì người lao động cao tuổi là người tiếp tục lao động sau độ tuổi nghỉ hưu. Vậy độ tuổi nghỉ hưu là độ tuổi nào, trong khi tuổi nghỉ hưu hiện nay áp dụng khác nhau trong các đối tượng cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức.

Theo Điều 169, Bộ luật Lao động năm 2019, thì tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035. Kể từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam và 04 tháng đối với lao động nữ. Rồi đối với cán bộ lãnh đạo cấp cao có thể đến 65 tuổi và hơn; viên chức có trình độ chuyên môn cao tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư có thể đến 65...

Trong trường hợp người lao động bị suy giảm khả năng lao động; làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có thể nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn nhưng không quá 05 tuổi so với quy định về tuổi nghỉ hưu tại thời điểm nghỉ hưu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao và một số trường hợp đặc biệt có thể nghỉ hưu ở tuổi cao hơn nhưng không quá 05 tuổi so với quy định về tuổi nghỉ hưu tại thời điểm nghỉ hưu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Một số văn bản pháp luật khác của Việt Nam cũng sử dụng thuật ngữ “người già”, theo đó, người già là người từ 70 tuổi trở lên, còn người quá già yếu là người từ 70 tuổi trở lên hoặc là người từ 60 tuổi trở lên nhưng thường xuyên đau ốm. Như vậy, độ tuổi nghỉ hưu là một thuật ngữ xác định một khoảng tuổi mà người lao động nghỉ hưu, tùy từng trường hợp cụ thể mà người lao động được xác định là người lao động cao tuổi. Với cách hiểu như vậy thì nhóm người lao động được kéo dài thời gian làm việc hay nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn có được xem là lao động là người cao tuổi hay không, nên rất cần phải được nghiên cứu để sửa đổi cho phù hợp.

Trong bối cảnh già hóa dân số, cùng với chất lượng cuộc sống của người dân Việt Nam được nâng cao, tuổi nghỉ hưu của người lao động đã có sự điều chỉnh, do vậy, nghiên cứu có thể sửa đổi Luật Người cao tuổi, nâng độ tuổi người cao tuổi từ đủ 60 tuổi lên 65 tuổi.

3.3 Bảo đảm quyền làm việc của người cao tuổi

Chuẩn mực quốc tế bảo đảm quyền của người cao tuổi, xác định người cao tuổi cần có cơ hội được làm việc và được tiếp cận các cơ hội tạo thu nhập khác. Luật Người cao tuổi cũng quy định quyền được tạo điều kiện làm việc phù hợp với sức khỏe, nghề nghiệp và các điều kiện khác để phát huy vai trò người cao tuổi. Chính vì vậy, cần nghiên cứu tiếp tục sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật hiện hành, kể cả Bộ luật Lao động năm 2019, bảo đảm nguyên tắc cấm phân biệt đối xử dựa trên tuổi tác đối với người lao động cao tuổi, bao gồm tuyển dụng, sa thải, tiền lương, giao việc, thăng chức, đình chỉ, đào tạo, quyền lợi, và bất kỳ điều khoản hay điều kiện làm việc nào khác.

Nghiên cứu sửa đổi quy định tại khoản 1, Điều 149, Bộ Luật Lao động năm 2019 quy định “khi sử dụng người lao động cao tuổi, hai bên có thể thỏa thuận giao kết nhiều lần hợp đồng lao động xác định thời hạn”. Quy định này là chưa hợp lý, bởi vì các quy định pháp luật về hợp đồng lao động đối với lao động là người lao động cao tuổi phải bảo đảm về (i) thời giờ làm việc, đó là: Người lao động cao tuổi được rút ngắn thời giờ làm việc hàng ngày (ít nhất 01 giờ) hoặc được áp dụng chế độ làm việc không trọn thời gian mà vẫn hưởng nguyên lương; (ii) về việc làm: Không được sử dụng người lao động cao tuổi làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm có ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người lao động cao tuổi, trừ trường hợp đặc biệt theo quy định của Chính phủ; quy định về việc sử dụng người lao động cao tuổi làm việc ban đêm, làm thêm giờ (tăng ca)... Với các quy định hiện hành, là khó khả thi trong thực tiễn cuộc sống, khi nhu cầu lao động tăng thêm của người cao tuổi.

3.4 Bảo đảm quyền được chăm sóc sức khỏe

Chuẩn mực quốc tế bảo đảm quyền của người cao tuổi, xác định người cao tuổi cần được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe từ gia đình và cộng đồng, phù hợp với hệ giá trị văn hóa của từng xã hội. Trong bối cảnh già hóa dân số, cần tiếp tục rà soát các quy định pháp luật hiện hành, bảo đảm hiện thực hóa vấn đề chăm sóc sức khỏe từ khâu khám bệnh, chữa bệnh phù hợp theo nguyên tắc dễ tiếp cận, chi phí phù hợp với khả năng thanh toán và nhu cầu.

Đối với người lao động cao tuổi, cần có quy định cụ thể hơn về bảo vệ quyền được chăm sóc sức khỏe người lao động cao tuổi tại nơi làm việc. Theo khoản 4, Điều 167, Bộ Luật Lao động năm 2012 và khoản 4, Điều 149, Bộ Luật Lao động năm 2019, thì người sử dụng lao động có trách nhiệm quan tâm chăm sóc sức khỏe của người lao động cao tuổi tại nơi làm việc. Quy định này thể hiện sự bảo vệ sức khỏe đặc biệt đối với người lao động cao tuổi so với các lao động bình thường khác, thể hiện tính nhân văn của pháp luật. Tuy nhiên, quy định này trong thực tiễn cho thấy không có tính định lượng rõ ràng nên rất khó thực hiện cũng như khó có khả năng kiểm tra và giám sát thực tế, vì thiếu cơ chế giám sát.

Nghiên cứu mô hình, kinh nghiệm tốt của các nước trong khu vực và thế giới về mô hình viện dưỡng lão, hệ thống bệnh viện các tuyến cơ sở bảo đảm có khoa khám bệnh lão khoa; hệ thống nhân viên chăm sóc xã hội đối với người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng.

3.5 Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức xã hội về bảo đảm quyền của người cao tuổi

Tuyên truyền nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của bảo đảm thực hiện quyền của người cao tuổi, trước hết là hiểu được ý nghĩa về bảo vệ quyền của họ, bao gồm các lĩnh vực như chăm sóc sức khỏe, bảo trợ xã hội, việc làm và tham gia vào quá trình ra quyết định; chống các hình thức phân biệt dựa trên tuổi tác, nhất là tại gia đình, cộng đồng xã hội và cơ sở lao động có sử dụng lao động cao tuổi; bảo đảm có cái nhìn thiện cảm, một xã hội hoà nhập và thân thiện với mọi lứa tuổi.

Nội dung công tác thông tin, tuyên truyền và truyền thông về các chuẩn mực quốc tế, hiến pháp, pháp luật quốc gia về quyền của người cao tuổi; các hình thức xâm hại, và hình thức phân biệt dựa trên tuổi tác; sự bỏ mặc...

Thiết lập hệ thống thông tin và đường dây nóng, trả lời các khiếu nại, vướng mắc mà người cao tuổi thường gặp phải, hệ thống này song song như hệ thống đường dây nóng dành cho trẻ em. Từng bước góp phần tạo sự thay đổi về thái độ và hành vi ứng xử xã hội, thúc đẩy nền tảng văn hóa, tôn giáo và chăm sóc, bảo vệ người cao tuổi. □

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TRONG ĐỐI THOẠI VĂN HÓA LIÊN THẾ HỆ: TỪ TRUYỀN THỐNG ĐẾN HIỆN ĐẠI

GS, TS. PHẠM HỒNG TUNG

Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQGHN

VỚI bài viết này, chúng tôi tự giới hạn ở những tìm tòi, phân tích và diễn giải những nguy cơ, thách thức, khó khăn và những cơ hội thuận lợi của các mối tương tác xã hội và đối thoại văn hóa liên thế hệ giữa thế hệ người cao tuổi với các thế hệ trẻ hơn ở Việt Nam - từ truyền thống đến hiện đại. Trên cơ sở những khó khăn, thách thức và những cơ hội, những lợi thế được phân tích, hy vọng rằng giới chuyên môn và các nhà lãnh đạo, quản lý, quản trị văn hóa sẽ tiếp tục quan tâm nghiên cứu để đề xuất và triển khai những giải pháp hiệu quả, khả thi để tiếp sức cho người cao tuổi nói riêng và toàn thể dân tộc Việt Nam nói chung trong các đối thoại liên văn hóa, liên thế hệ được thuận lợi và thành công, nhờ đó mà góp phần xây dựng xã hội phồn vinh, gia đình hạnh phúc, đất nước phát triển bền vững.

Trong thế giới loài người ngày nay, tuy mỗi xã hội có những đặc điểm riêng, và có thể ở những trình độ phát triển khác nhau, nhưng đều đang bị chi phối bởi một số xu hướng sau đây: xu hướng trở thành xã hội già hóa (*aging society*); xu hướng hội nhập, toàn cầu hóa; xu hướng cá nhân hóa; xu hướng phân tầng, phân nhóm; xu hướng đa lựa chọn (*multi-choice society*); xu hướng trở thành xã hội thông tin (*informed society*); xu hướng thông minh hóa (*smart society*) và xu hướng số hóa (*digitalized society*) v.v.

Sự xuất hiện và ngày càng trở nên thịnh hành của những xu hướng nói trên (có một số người gọi là những xu hướng của xã hội “hậu hiện đại” - cách gọi luôn luôn tỏ ra lỗi thời bởi chính sự biến đổi của xã hội), khiến cho nhiều người

bị sa vào tình thế lúng túng, thất vọng, hoài nghi, thậm chí hoang mang, trong khi không ít người lại lạc quan, tìm thấy ở đó không chỉ nhiều cơ hội mới mà cả những phương thức mới để bộc lộ và khẳng định bản thân, tương tác với xã hội. Dù sao người ta vẫn phải thừa nhận sự thật, rằng những xu hướng đó là không thể đảo ngược, là các xu hướng tất yếu trong sự vận động không ngừng của xã hội loài người. Nhưng mặt khác, người ta lại lo ngại trước những viễn cảnh của xã hội tương lai: con người sẽ ở đâu trong xã hội loài người và tính nhân bản của xã hội loài người sẽ ở đâu trong những xã hội ngày càng bị thông minh hóa, số hóa, ảo hóa và toàn cầu hóa (phẳng hóa)? Liệu con người có ngày càng bị tước bỏ bớt các đặc tính nhân bản? Có bị cô đơn, bị đày đọa trong chính thế giới ngập tràn những công nghệ và máy móc do chính con người tạo ra?

Trong bối cảnh xã hội với những xu hướng ngày càng được gia cường như trên, không ai khác, nhóm dân cư cao tuổi chính là nhóm người luôn luôn có nguy cơ bị gạt ra bên lề (*being marginalized*) và trở thành nạn nhân (*being victimized*) nhiều hơn các nhóm khác (trung niên, thanh niên và vị thành niên). Đây dường như là một điều tất yếu trong tất cả các xã hội, ở tất cả mọi thời đại, bởi quy luật tự nhiên sinh - lão - bệnh - tử (hay sinh - trụ - di - diệt). Chỉ có điều trong các xã hội hiện đại thì các quá trình trên diễn ra nhanh hơn, gấp gáp hơn trong các xã hội truyền thống mà thôi.

1. Đối thoại văn hóa liên thế hệ trong xã hội Việt Nam truyền thống - một yếu tố nền tảng tinh thần bền vững của gia đình - cộng đồng - xã tắc

Ở trong các xã hội truyền thống, nơi đời sống xã hội dựa chủ yếu trên nền tảng văn minh nông nghiệp, thì tốc độ biến đổi xã hội nói chung là chậm hơn, thậm chí có người cho rằng xã hội không hề biến đổi, thì các quá trình nói trên diễn ra chậm chạp hơn rất nhiều, thậm chí người ta không cảm thấy có tác động đáng kể của nó⁽¹⁾.

Khi xã hội loài người vận hành chủ yếu còn dựa trên kinh nghiệm thì người cao tuổi thường có uy tín và vị thế xã hội - chính trị và vị thế văn hóa rất cao trong cộng đồng, bởi vì họ chính là người đúc kết, tích lũy được nhiều kinh

(1) Hoài Thanh và Hoài Chân từng nhận định như sau về xã hội Việt Nam truyền thống: “Một xã hội suốt mấy ngàn năm kéo dài một cuộc sống gần như không thay đổi. Triều đại tuy bao lần hưng vong, giang sơn tuy bao lần đổi chủ, song mọi biến cố về chính trị ít khi ba động đến sự sống nhân dân. Từ đời này sang đời khác, đại khái chỉ có bấy nhiêu tập tục, bấy nhiêu ý nghĩ, bấy nhiêu tin tưởng, cho đến nỗi yêu, ghét, buồn, vui cơ hồ cũng nằm yên trong những khuôn khổ nhất định. Thời gian ở đây đã ngừng lại và người ta chỉ sống trong không gian”, Hoài Thanh - Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam 1932-1941*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2016, tr. 10.

nghiệm nhất. Trọng trách của họ không chỉ là trao truyền kinh nghiệm, tri thức bản địa và truyền thống của cộng đồng cho lớp người trẻ hơn, mà nhiều khi họ còn kiêm giữ cả vai trò của vị quan tòa uy nghiêm và công bằng trong gia đình cũng như trong cộng đồng, hòa giải các xung đột, thu xếp các mối quan hệ, thưởng những người có công, phạt những người có tội. Họ cũng thường kiêm giữ cả vai trò của người trung gian giữa thân và người, giữa tổ tiên với con cháu.

Và trong các xã hội truyền thống thì con người sống gần gũi nhau hơn, thường quây quần trong gia đình, họ tộc, thôn làng, mừng bản. Các dạng thức di động xã hội, di dân khiến cho cộng đồng “tan đàn xẻ nghé” thường chỉ hiếm khi xảy ra trong những tình trạng khủng hoảng (chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, nạn đói bùng phát...). Mô hình gia đình từng tồn tại phổ biến trong xã hội Việt Nam là mô hình đa thế hệ (*extended family*), “tam đại đồng đường”, “tứ đại đồng đường”, không chỉ ông bà, cha mẹ, con cái, mà đôi khi cả cụ kị, chắt chít cùng chung sống dưới một mái ấm gia đình. Không hiếm khi dưới cùng một mái nhà hay cùng một khuôn viên có nhiều gia đình có liên hệ huyết thống cùng chung sống. Các cộng đồng địa phương cũng tồn tại tương đối bền vững hơn, có những ngôi làng hàng trăm, hàng nghìn tuổi. Và đó không chỉ là các “cộng đồng láng giềng”, mà còn là cộng đồng huyết thống, cộng đồng kinh tế, cộng đồng xã hội và cộng đồng văn hóa gắn bó với nhau bền vững bởi nhiều mối quan hệ đan cài chằng chịt, nương tựa lẫn nhau⁽²⁾.

Trong bối cảnh lịch sử như vậy, các tương tác xã hội và đối thoại văn hóa liên thế hệ giữa những người cao tuổi với các thế hệ người ít tuổi hơn trong xã hội truyền thống đã diễn ra thuận lợi, liên tục, dưới nhiều hình thức phong phú và với cường độ cao. Nguyên nhân trước hết là bởi trong đời sống sản xuất, đời sống xã hội, đời sống văn hóa và tâm linh người ta cần người già hơn: cần ở họ những tri thức kinh nghiệm hữu ích, cần kinh nghiệm và kỹ năng xử lý tình huống, cần họ ở vai trò trung tâm quy tụ, kết nối xã hội, kết nối với thân linh, hòa giải, phân xử, hướng dẫn và truyền cảm hứng, niềm tin cho các lớp người trẻ vững vàng vượt qua những thách thức có thể nảy sinh trong cuộc sống.

Về phía người già, họ cũng cần nương tựa vào con cháu, vào lớp người trẻ hơn, và vào cộng đồng để đảm bảo cuộc sống khi họ không còn khả năng lao động, tự kiếm sống. Và quan trọng hơn, họ cần đảm bảo cho sự “tái sinh” của

(2) Xem: Phạm Hồng Tung, “Cộng đồng: những vấn đề chung về khái niệm và cách tiếp cận”, in trong: Phạm Hồng Tung, *Văn hóa chính trị và lịch sử dưới góc nhìn văn hóa chính trị*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 2021, tr. 166-192.

cộng đồng về mặt bản thể văn hóa, duy trì truyền thống của gia đình, dòng tộc và cộng đồng thông qua việc trao truyền kinh nghiệm, niềm tin, truyền cảm hứng để trao truyền lại những giá trị tinh túy, vốn là những yếu tố tạo dựng nên bản thể, bản sắc của gia đình, dòng tộc và cộng đồng. Đó chính là quá trình có tính quy luật, là cốt lõi của những tương tác, đối thoại văn hóa liên thế hệ trong xã hội truyền thống, gọi là “*enculturation*” - ở đây tôi tạm dịch là: “trao-nhận văn hóa”⁽³⁾.

Vì đây là quá trình rất quan trọng nên các cộng đồng địa phương/cộng đồng tộc người ở xã hội Việt Nam truyền thống đã đúc kết nên những phương thức chính thức, bán chính thức và phi chính thức vô cùng phong phú để tạo nên những “kênh dẫn”, những không gian và những hoạt động để đảm bảo cho các đối thoại văn hóa liên thế hệ mà bản chất là quá trình “trao - nhận văn hóa”.

Trong gia đình, hầu như tất cả các lễ tiết, các nghi lễ vòng đời, nghi lễ mùa vụ, như việc hiếu, việc hỉ, ngày giỗ họ, giỗ tổ tiên, Tết Nguyên đán, Tiết Thanh Minh, Tiết Vu lan, Tiết Nguyên tiêu hay tiết Đoan Ngọ, lễ cúng cơm mới, lễ xuống đồng, lễ thượng điền... đều là những dịp thuận lợi cho các đối thoại văn hóa liên thế hệ, những hình thức của “trao - nhận văn hóa” diễn ra thuận lợi và hiệu quả. Hơn nữa, cha mẹ và con cái, ông bà và cháu chắt cùng chung sống, lao động, luôn luôn gần gũi, gắn bó: từ lời ru của mẹ, câu chuyện của bà, lời nghiêm huấn của cha, sự ân cần, mẫu mực của ông vv và về phía thế hệ sau: sự vâng lời, hiếu kính, tấm lòng thơm thảo của con cháu, và cả những vụng dại, hư hỏng, lỗi lầm của lớp trẻ cũng chính là những cơ hội cho đối thoại văn hóa liên thế hệ diễn ra và phát huy tác động tích cực.

Và để duy trì nền nếp cho quá trình này nhiều gia đình đã đặt ra những phép tắc, “gia phong”, “gia quy” rất nghiêm khắc. Bảo trợ cho sự duy trì nền nếp, gia phong và tình thương yêu, đoàn kết trong gia đình họ tộc chính là tín ngưỡng và phong tục thờ cúng tổ tiên rất phổ biến trong tất cả các tộc người của dân tộc Việt Nam. Về sau, sự du nhập của Phật giáo, Nho giáo và sự phát triển của Đạo Mẫu càng củng cố thêm tín ngưỡng này. Có thể nói nền tảng tâm linh đó chính là bệ đỡ vững chắc cho đối thoại văn hóa liên thế hệ trong xã hội Việt Nam truyền thống.

(3) Thuật ngữ “*enculturation*” trong Anh ngữ học thuật được giải thích như sau: “To enculturate is to learn and take on your own native culture and it is a process over time like learning a habit or trait while growing up”: (động từ “*enculturate*” là học hỏi và tiếp nhận văn hóa bản địa của bạn, và đó là một quá trình lâu dài như học một thói quen hay một đặc tính trong quá trình bạn lớn lên”. Grusec, Joan E.; Hastings, Paul D., *Handbook of Socialization: Theory and Research*, Guilford Press, 2007, tr. 456-457.

Trong xã hội, chủ yếu là ngay tại các cộng đồng địa phương, người ta cũng có nhiều quy ước, tiêu chuẩn ứng xử cộng đồng để đảm bảo cho những đối thoại văn hóa liên thế hệ diễn ra thuận lợi và hiệu quả, tạo nên “đất lành, quê thói”, “thuần phong mỹ tục”. Trong hệ thống ngôi thứ của làng xã Việt truyền thống, dù là làng được cho là chuộng nguyên tắc nào (trọng xỉ, trọng tước hay trọng học) thì các vị trí danh dự và quyền uy cũng luôn được dành cho những cụ ông (rất tiếc là không bao gồm cả các cụ bà!) cao tuổi và có phẩm hạnh tốt. “Kính già, yêu trẻ”, “trên kính, dưới nhường” luôn luôn là quy tắc ứng xử được chấp nhận rộng rãi. Người ta dạy nhau: “khôn đâu có trẻ, khỏe đâu có già” - ý nói mỗi thế hệ có thế mạnh, ưu điểm riêng, nhược điểm riêng, cần nương tựa và bù đắp cho nhau; và dân gian cũng nói “tre già măng mọc”, “con hơn cha, nhà có phúc” v.v, ý nói rõ ràng tính truyền thừa và hướng tới tương lai của toàn cộng đồng. Đó chính là tôn chỉ, là phương thức đối thoại văn hóa liên thế hệ trong xã hội Việt Nam truyền thống. Hương ước của làng xã người Kinh và luật tục của nhiều tộc người thiểu số và đặc biệt là luật pháp của triều đình đều cùng hướng tới việc củng cố thêm những tôn chỉ và phương thức này, vì đó chính là nền tảng của cương thường đạo lý, của sự hài hòa, bình yên trong xã hội và sự vững bền của xã tắc.

Như vậy, có thể thấy trong xã hội Việt Nam truyền thống đối thoại văn hóa liên thế hệ đã diễn ra thường xuyên, liên tục, với cường độ và hiệu quả cao từ trong gia đình đến ngoài cộng đồng, xã hội. Trong quá trình đó, lớp người cao tuổi đóng vai trò đặc biệt quan trọng - vai trò trung tâm. Và tất cả những điều này được bảo trợ bằng cả phong tục, quy ước của cộng đồng cũng như pháp luật của nhà nước, lại được nâng đỡ bởi tảng nền kinh tế, xã hội và văn hóa, tâm linh. Đây chính là điều mà nhân loại nói chung và dân tộc Việt Nam nói riêng, trong quá trình phát triển ở các thời kỳ cận đại và hiện đại đã, vì nhiều lý do, để cho bị xói mòn, bị thất truyền - và đó chính là sự thiếu hụt khó bù đắp nhất của xã hội hiện đại ngày nay.

2. Đối thoại văn hóa liên thế hệ trong xã hội hiện đại: Thách thức và cơ hội

Theo một báo cáo của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) công bố vào tháng 1 - 2022 thì trên thế giới, năm 2020, có trên một tỉ người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên). Dự báo, đến năm 2030 thì nhóm dân số cao tuổi này sẽ tăng lên trên 1,4 tỉ, chiếm khoảng một phần sáu dân số toàn cầu. Một thông tin dự báo khác cho biết: từ năm 2015 đến năm 2050, nhóm dân cư cao tuổi sẽ tăng từ khoảng 15% lên

khoảng 22% dân số toàn cầu, vượt xa tỉ trọng của nhóm dân số vị thành niên trong cấu trúc dân cư toàn cầu. Đáng chú ý là có tới khoảng 80% số người cao tuổi đang và sẽ sinh sống ở các nước có mức thu nhập bình quân thấp và tương đối thấp⁽⁴⁾.

Ở Việt Nam, một số báo cáo chính thức gần đây cho biết hiện nay cả nước có khoảng 17 triệu người cao tuổi⁽⁵⁾, tức là từ 60 tuổi trở lên, chiếm tới gần 17% dân số⁽⁶⁾. Ông Matt Jackson, Trưởng đại diện UNFPA (Quỹ Dân số Liên hợp quốc) tại Việt Nam nhận định, rằng “Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất trong khu vực và trên thế giới”⁽⁷⁾.

Như vậy, Việt Nam sẽ sớm bước qua thời kỳ “dân số trẻ”, hay ở góc nhìn khác là “dân số vàng”, và gia nhập vào nhóm các xã hội có dân cư già hóa (aging societies) trên thế giới. Đó chính là một trong những thách thức lớn nhất đối quá trình phát triển bền vững của đất nước nói chung và đối với chiến lược phát triển nguồn nhân lực (một trong ba khâu đột phá chiến lược - theo quan điểm của Đảng) và đối với chiến lược phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong những thập niên tới. Đây cũng là thách thức rất lớn đối với mỗi gia đình, mỗi phường xã, dòng họ, khi số người cao tuổi ngày một tăng lên, trong khi số người trẻ tuổi ngày càng giảm bớt.

Trên thế giới cũng như ở Việt Nam, các vấn đề của xã hội già hóa nói chung và đặc biệt là những khó khăn, thách thức đối với nhóm dân cư cao tuổi (senior groups) đã và đang được quan tâm, nghiên cứu rất nhiều. Phần lớn các nghiên cứu đều tiếp cận các vấn đề từ góc độ y tế - sức khỏe, kinh tế - an sinh xã hội hoặc từ góc độ xã hội học - dân cư. Nhờ đó mà nhiều hệ, nhóm vấn đề quan trọng có liên quan đến đời sống của người cao tuổi nói riêng và sự hài hòa, đảm bảo an sinh của các xã hội và sự phát triển bền vững của các quốc gia đã được khám phá, phân tích sâu sắc. Trên cơ sở đó, nhiều giải pháp và chính sách đã được đề xuất và triển khai, thiết thực giúp người cao tuổi cải thiện sức khỏe và đời sống của họ. Tuy nhiên, lại chỉ có khá ít các công trình nghiên cứu tiếp cận nhóm dân

(4) <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/ageing-and-health>. Truy cập ngày 25-3-2024.

(5) <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/nguoi-cao-tuoi-la-nguon-luc-vo-gia-ruong-cot-cua-gia-dinh-va-xa-hoi-139627.html>. Truy cập ngày 25-3-2024.

(6) Một báo cáo khác cho biết: “Người từ 60 tuổi trở lên đang chiếm 11,9% cơ cấu dân số Việt Nam và dự tính sẽ tăng lên hơn 25% vào năm 2050.” <https://nhandan.vn/tan-dung-phat-huy-nguon-luc-nguoi-cao-tuoi-post792733.html>. Truy cập ngày 25-3-2024.

(7) Dẫn theo: <https://nhandan.vn/tan-dung-phat-huy-nguon-luc-nguoi-cao-tuoi-post792733.html>. Truy cập ngày 25-3-2024.

cư cao tuổi từ phương diện văn hóa, nhất là những tương tác, đối thoại văn hóa liên thế hệ. Vì vậy, ở đây chúng tôi sẽ chỉ cố gắng tham góp một vài kiến giải từ phương diện này trong khung cảnh của xã hội Việt Nam hiện đại.

Trong các nhóm xã hội - dân cư theo lứa tuổi hiện nay ở Việt Nam cũng như ở nước ngoài, nhóm người lớn tuổi chắc chắn là nhóm gặp nhiều khó khăn nhất, dễ bị tổn thương nhất trong các tương tác, đối thoại văn hóa liên thế hệ. Và khi những người cao tuổi bị thất bại trong các tương tác này thì họ thường bị rơi vào trạng thái có cảm giác bị lãng quên, bị gạt ra bên lề, bị cô đơn và phải cố gắng chịu những tâm tư chông chất, không thể chia sẻ. Đây chính là nguyên nhân tâm - sinh lý khiến cho hệ miễn dịch của người cao tuổi vốn đã bị suy giảm ngày càng bị tổn thương và suy yếu trầm trọng hơn. Nhiều người bị mắc phải hội chứng trầm cảm lo âu của người già, càng ngày càng nghiêm trọng, không có lối thoát⁽⁸⁾.

Vậy, những nguyên nhân nào khiến cho đối thoại liên văn hóa giữa nhóm người cao tuổi với các nhóm người trẻ hơn ngày càng trở nên khó khăn hơn, thậm chí là đứt gãy, thất bại hoàn toàn trong các xã hội hiện đại, bao gồm cả xã hội Việt Nam hiện nay. Có nhiều nguyên nhân, nhưng theo tìm hiểu của chúng tôi thì trước hết chính là do những yếu tố vốn đã tạo nên vị thế cao của người già và thành công của đối thoại văn hóa liên thế hệ của các xã hội truyền thống, nhưng nay, trong xã hội hiện đại thì những yếu tố này bị mất đi hoặc bị suy giảm, triệt tiêu hiệu quả tác động.

Thứ nhất là kinh nghiệm và những tri thức bản địa vốn là một yếu tố làm nên uy tín và xác lập địa vị không thể thay thế của người già cả trong đời sống cộng đồng truyền thống. Nhưng giờ đây, quá trình hiện đại hóa ngày càng xâm nhập và chi phối mọi ngóc ngách và địa hạt của đời sống xã hội. Đó là khi vốn tri thức kinh nghiệm giản đơn không còn đủ sức giúp cho con người giải quyết các vấn đề của xã hội đương đại; là khi tri thức khoa học và các phương tiện hiện đại đã thay thế cho kinh nghiệm và các phương tiện truyền thống, thì cũng là khi vị thế của người cao tuổi trong đời sống cộng đồng bị xói mòn ngày càng nghiêm trọng hơn. Thậm chí không hiếm khi những kinh nghiệm gắn liền với nền tảng tri thức không khoa học, giờ đây bị coi là lỗi thời, là hủ tục bị cấm đoán và bị loại bỏ, gắn liền với đó là vị thế của những lớp người cao tuổi cũng bị suy giảm mạnh.

(8) <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/ageing-and-health>; <https://eera-ecer.de/ecer-programmes/conference/28/contribution/55750>. Truy cập ngày 25-3-2024.

Thứ hai là yếu tố xã hội. Karl Marx đã nói rất đúng, rằng: “Trong tính thực tiễn của nó (*in seiner Wirklichkeit*), [con người] là tổng hòa của các quan hệ xã hội”⁽⁹⁾. Vì vậy, khi “tính thực tiễn” xã hội của con người thay đổi thì toàn bộ các quan hệ xã hội và vai trò, vị thế của con người cũng thay đổi. Trước kia tuyệt đại đa số người dân Việt Nam sống ở nông thôn, trong những không gian xã hội gần gũi, thân mật. Đó thường là các gia đình đa thế hệ, quây quần với nhau trong những làng xóm, bản, buôn - tức là những cộng đồng địa phương nhỏ bé, gần gũi. Ở đó mọi người đều “thuộc tính nết” của nhau, các tương tác xã hội đều thường xuyên, liên tục, phong phú, và nhờ đó các đối thoại văn hóa liên thế hệ có điều kiện thuận lợi để diễn ra và phát huy tác động trong đời sống cá nhân và cộng đồng. Nhưng ngày nay không gian sinh sống của người Việt Nam đã thay đổi. Nhiều người đã rời bỏ gia đình, làng xóm tham gia vào các cuộc di dân tạm thời hoặc lâu dài. Có thể họ sẽ không quay lại nơi cũ, nhưng kể cả khi họ có trở về thì họ cũng mang theo về biết bao nhiêu những kinh nghiệm, những gì họ đã thấm nhận trong quá trình tương tác ở bên ngoài. Còn phổ biến hơn là việc mô hình gia đình hạt nhân đang ngày càng thay thế dần dần gia đình đa thế hệ. Đây là xu hướng chung của tất cả các xã hội đang hiện đại hóa, và là một trong những yếu tố trực tiếp nhất, quan trọng nhất tạo nên những đứt gãy trong các tương tác xã hội và đối thoại văn hóa liên thế hệ.

Điều đáng nói là ngay cả khi cha mẹ và con cái, ông bà và con cháu cùng chung sống dưới một mái nhà thì do bị chịu tác động của nhiều yếu tố của xã hội hiện đại mà họ có ngày càng ít thời gian dành cho các tương tác xã hội và văn hóa như trong xã hội truyền thống. Rõ nhất là sự hiện diện của tivi, điện thoại thông minh và các phương tiện giải trí “văn minh” khác. Bên cạnh đó là sự quá tải thường xuyên của công việc và sự học hành, khiến cho hiếm khi con cháu có đủ thời gian và sự kiên nhẫn nghe ông bà nói hoặc hỏi chuyện ông bà.

Trong các không gian xã hội lớn hơn cũng như vậy. Hầu hết các môi trường tương tác xã hội và đối thoại văn hóa liên thế hệ truyền thống giờ đây đã không còn. Các cuộc họp làng ở sân đình kiểu truyền thống, các chiếu chèo, tuồng và các loại hình sân khấu dân gian gần như đã vắng bóng từ lâu. Nếu những sinh hoạt cộng đồng có được tổ chức thì phần lớn cũng theo “lối mới”, kể cả lễ hội, lễ chùa, sinh hoạt cộng đồng ở khu dân cư, nhà văn hóa v.v. Ngày nay người cao

(9) Luận đề số 6 về Feuerbach. Xem: https://www.academia.edu/41087543/Karl_Marx_Thesen_%C3%BCber_Feuerbach_Thesen_on_Feuerbach_German_Text_with_a_Facing_Page_English_Translation_By_Carlos_Benda%C3%B1a_Pedroza. Truy cập ngày 25 -3 - 2024.

tuổi ra khỏi nhà thì chủ yếu chỉ có thể tham gia các hoạt động xã hội, văn hóa, thể thao, nghệ thuật với những người cùng thế hệ. Rất hiếm khi xuất hiện các hoạt động cộng đồng liên thế hệ ở các không gian công cộng, chỉ trừ đám tang, đám cưới. Trong khi đó, các nhóm cư dân thuộc các độ tuổi khác nhau đều có xu hướng tìm đến những người cùng trang lứa. Các tương tác xã hội và đối thoại văn hóa liên thế hệ vì thế cũng bị đứt gãy, hoặc ít sức sống, kém hiệu quả.

Mặt khác, xã hội ngày nay đang trở thành xã hội đa lựa chọn, cung cấp cho con người ngày càng nhiều hơn các lựa chọn rất phong phú dành cho các hoạt động hết sức đa dạng. Ngoài các sinh hoạt của các hội đoàn và tổ chức, như Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Công đoàn, Đảng Cộng sản Việt Nam... còn có rất nhiều các hội nhóm khác, từ hội nhóm đồng môn, đồng tuế, các nhóm sở thích... Do vậy, con người bị hút đi những ngả khác nhau, chỉ còn sót lại rất ít cho những sinh hoạt cộng đồng liên thế hệ.

Loại yếu tố thứ ba chính là các yếu tố văn hóa. Tạm chưa bàn đến sự khác biệt quan trọng nhất về hệ giá trị văn hóa giữa các thế hệ người cao tuổi với chính các lớp con cháu họ, thì khác biệt rõ nhất, dễ nhận thấy nhất là khác biệt trong các lựa chọn văn hóa - lựa chọn các sản phẩm và hình thức sinh hoạt và biểu đạt văn hóa. Mỗi thế hệ thường gắn với những bộ phim, những bài hát, những dạng thức vui chơi giải trí, những “thần tượng” và biểu tượng văn hóa của riêng mình, và tất cả những thứ đó đều có tính thời đại, mang hơi thở của thời đại đó. Chỉ có rất ít các sản phẩm văn hóa có thể trường tồn, có thể khẳng định được giá trị hàng xuyên và vị thế của chúng trong nhiều thời gian lịch sử và không gian địa - văn hóa khác nhau. Khi các thế hệ có lựa chọn văn hóa khác nhau thì rất dễ họ sẽ xung khắc với nhau, và ngay cả khi họ thấm nhuần nguyên tắc “tôn trọng sự khác biệt” thì cũng có nghĩa là họ né tránh, từ chối các hình thức đối thoại văn hóa liên thế hệ⁽¹⁰⁾.

Hiện tượng dễ thấy nhất trong các gia đình và xã hội Việt Nam là: trong khi các bạn trẻ thì say mê nhạc K-pop thì cha mẹ và ông bà họ không thể hiểu được tại sao họ lại đam mê một thứ nhạc không ăn nhập gì với truyền thống dân tộc, và nhất là họ không cần hiểu lời các bài hát, mà vẫn say sưa. Trong khi đó lớp trẻ phân đông cũng không thể hiểu tại sao ông bà, cha mẹ họ lại yêu thích

(10) Một sự kiện có thể nói là tiêu biểu cho sự khác biệt trong lựa chọn văn hóa dẫn đến xung đột văn hóa - xã hội đã diễn ra hồi tháng 10 - 2022 ở khu đô thị Linh Đàm (Hà Nội) giữa nhóm người cao tuổi và nhóm người trẻ hơn. Xem: <https://tienphong.vn/ha-noi-dai-chien-karaoke-va-nhac-dam-ma-o-chung-cu-hh-linh-dam-post1478899.tpo>. Truy cập ngày 26-3-2024.

tuồng, ca trù, xẩm, bolero... và không những họ say mê lại còn ra sức thôi thúc, thậm chí là ép buộc họ cũng phải đam mê!

Đó là chưa kể đến việc trong thế giới toàn cầu hóa này, nhiều bậc cha mẹ, ông bà sẽ tỏ ra rất lo lắng khi thấy con cháu họ càng ngày càng chẳng ra dáng “giỏi nhà ai, quai nhà nấy”. Từ những thứ phục trang ngắn trước, hở sau, rách bươm, cho tới đầu tóc vàng, xanh, tím đỏ, khuyên tai, khuyên mũi... cho tới lời ăn tiếng nói pha trộn vô số những từ ngoại lai, hoặc kiểu như “sát thủ đầu mừng mủ”.

Thực ra những hiện tượng “mất gốc”, “hoa chanh” mà chẳng chịu “nở giữa vườn chanh” đã luôn luôn xuất hiện, lặp đi lặp lại trong xã hội Việt Nam từ thời cận đại đến nay, như những chàng Xuân tóc đỏ, Ông Tây An Nam cho tới các thế hệ “công dân toàn cầu”, gen Y, gen Z ngày nay. Nhìn một cách xuyên suốt, đó chính là những sự biến đổi và tiếp biến văn hóa - những thử thách cam go cho các đối thoại văn hóa liên thế hệ.

Nhưng xã hội hiện đại không chỉ đem tới cho các thế hệ người Việt Nam những thách thức nan giải mà còn đem lại cho họ nhiều cơ hội chưa từng có xưa nay, để tạo nên nền tảng mới, sắc thái mới cho các tương tác xã hội và đối thoại văn hóa liên thế hệ.

Thứ nhất, đó chính là quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Không chỉ ở Việt Nam mà ở nhiều nước khác người ta luôn canh cánh một nỗi lo lắng, ám ảnh, rằng hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa sẽ làm cho nhiều dân tộc bị hòa tan, bị xói mòn và mất bản sắc văn hóa của mình. Nhưng trên thực tế, đó mới chỉ là một mặt tác động của quá trình nói trên mà thôi. Rất nhanh chóng, các bạn trẻ ở mọi vùng miền trên thế giới đều sớm nhận ra rằng: dù họ có hăm mộ và cố gắng bao nhiêu để làm cho mình giống như người Mỹ, người Đức hay người Hàn Quốc thì trước sau họ cũng chỉ là những sản phẩm “nhân bản vô tính” vô giá trị của bản gốc, hoặc cùng lắm chỉ giống như những sản phẩm cosplay mà thôi; rằng trong thế giới hội nhập và phẳng, họ chỉ có thể là chính mình thì mới có chỗ đứng xứng đáng và có thể tiến hành đối thoại liên văn hóa một cách bình đẳng và hiệu quả với bạn bè khắp thế giới. Không phải ngẫu nhiên mà Báo cáo Thanh niên của Liên hiệp quốc năm 2016 đã xác định 5 phẩm chất cốt lõi của công dân toàn cầu là: Competence (tài năng), Confidence (tự tin); Character (cá tính), Connection (kết nối) và Caring (yêu thương).⁽¹¹⁾ Đó

(11) https://www.un.org/development/desa/youth/wp-content/uploads/sites/21/2018/12/un_world_youth_report_youth_civic_engagement.pdf. Truy cập ngày 25-3-2024.

chính là cái quy luật biện chứng của tiếp biến văn hóa trong thế giới toàn cầu hóa: càng hội nhập, càng hiện đại bao nhiêu thì thế hệ trẻ Việt Nam càng có nhu cầu tìm về cội nguồn, càng biết yêu quý những tinh hoa và giá trị văn hóa của dân tộc. Họ càng thấm đẫm những phẩm chất dân tộc bao nhiêu, họ càng hội nhập thành công bấy nhiêu và càng có cơ hội tiếp thu tốt hơn những tinh hoa văn hóa của nhân loại. Họ phải là những “công dân Việt Nam toàn cầu” thì mới được coi là hội nhập thành công trong thế giới hiện đại.

Vậy, vấn đề là ai sẽ giúp cho các lớp người Việt Nam trẻ tuổi tìm về cội nguồn thành công và chuẩn bị tốt nhất hành trang văn hóa cho hội nhập quốc tế, để giúp họ vững vàng tham gia vào cuộc đối thoại liên văn hóa toàn cầu, hội nhập thành công và tỏa sáng? Không ai khác chính là các môi trường giáo dục ở Việt Nam, mà trước hết là cha mẹ và ông bà họ.

Thứ hai, đó là sự quan tâm ngày càng sâu sắc của Đảng và Nhà nước đối với sự nghiệp xây dựng con người và phát triển văn hóa Việt Nam, trong đó có sự phát huy vai trò quan trọng của người cao tuổi. Trong bài phát biểu ngày 13-1-2022, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: “Người cao tuổi nước ta thực sự là vốn quý của dân tộc, là lực lượng quan trọng của đất nước, là rường cột của gia đình và xã hội Việt Nam”.⁽¹²⁾ Ngày 16-11-2023, Thủ tướng Chính phủ cũng khẳng định: “Người cao tuổi không chỉ có công sinh thành, dưỡng dục con cháu về nhân cách, giữ vai trò quan trọng trong gia đình và xã hội, mà còn là nguồn lực vô giá với nhiều kinh nghiệm sống và nguồn tri thức vô tận có thể truyền đạt cho thế hệ trẻ về sau”⁽¹³⁾.

Sự quan tâm mạnh mẽ và nhất quán của Đảng và Nhà nước, chắc chắn là một trong những yếu tố thuận lợi đặc biệt mà không phải quốc gia nào cũng có được. Điều này vừa phù hợp với đạo lý truyền thống của dân tộc, là sự vận dụng, phát huy tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong điều kiện mới, phù hợp với đòi hỏi khách quan của sự phát triển bền vững của đất nước, trong đó có việc chăm sóc, phát huy vai trò quan trọng của người cao tuổi trong các tương tác xã hội và đối thoại văn hóa liên thế hệ.

Thứ ba là sự phát triển của đất nước, xã hội, con người và văn hóa Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh đã tạo nên những cơ sở, những điều kiện ưu việt

(12) <https://dangcongsan.vn/tieu-diem/nguoi-cao-tuoi-la-von-quy-cua-dan-toc-la-ruong-cot-cua-gia-dinh-va-xa-hoi-602023.html>. Truy cập ngày 25-3-2024.

(13) <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/nguoi-cao-tuoi-la-nguon-luc-vo-gia-ruong-cot-cua-gia-dinh-va-xa-hoi-139627.html>. Truy cập ngày 25-3-2024.

cho việc tổ chức, phát triển thành công những hình thức đối thoại văn hóa liên thế hệ. Những lớp người cao tuổi ở Việt Nam hôm nay (từ khoảng 60 tuổi trở lên) là những người đã kinh qua những cuộc chiến tranh tàn khốc và trải qua thời kỳ đất nước cực kỳ khó khăn. Cho nên, họ là những người đủ năng lực và kinh nghiệm nhận chân những gì là tốt đẹp, những gì là xấu xa, những gì là tích cực, tiên tiến, và những gì là hủ bại, lạc hậu. Họ là những lớp người đủ bản lĩnh và rất quý trọng danh dự, trách nhiệm và tình cảm nhân ái. Vì vậy, dù họ có thể gặp những khó khăn nhất định trong buổi đầu thời kỳ hội nhập và toàn cầu hóa, hoặc bối ngỡ trước những những thành tựu công nghệ hiện đại, nhưng họ đủ sức để tự mình vượt qua hạn chế của thế hệ và sẵn sàng đóng vai trò chủ động, tích cực, cảm thông, mềm dẻo linh hoạt trong các tương tác xã hội và đối thoại liên văn hóa với giới trẻ.

Về phía các lớp người trẻ tuổi Việt Nam hôm nay, tuy họ có những hạn chế khó tránh khỏi của thế hệ và thiếu trải nghiệm, nhưng họ là những lớp người có những phẩm chất, năng lực cả thể chất và tinh thần ưu việt hơn các thế hệ đi trước. Họ lại chính là sản phẩm của xã hội hiện đại, khai phóng, duy lý và biết tôn trọng sự khác biệt, kết nối ở quy mô toàn cầu⁽¹⁴⁾. Do đó, họ là những lớp người luôn rộng mở, sẵn sàng tham gia các đối thoại liên văn hóa với con người của các nền văn hóa khác, tự mình thức tỉnh nhu cầu tìm về cội nguồn và sẽ biết cách tham gia đối thoại văn hóa liên thế hệ với cha mẹ, ông bà của mình.

Thứ tư là truyền thống dân tộc thấm sâu trong nhân cách mọi thế hệ, mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam. Nhìn lại lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam, ai cũng phải thừa nhận rằng dân tộc ta có sức sống rất kiên cường mạnh mẽ. Nhờ đó, dân tộc Việt Nam không những chỉ vượt qua được những làn sóng đồng hóa văn hóa lâu dài và khốc liệt của ngoại bang trong các thời kỳ Bắc thuộc và Pháp thuộc. Không những vậy, dân tộc Việt Nam còn đủ bản lĩnh để chủ động tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa từ bên ngoài (của nền văn minh Ấn Độ, văn minh Trung Quốc và văn minh Phương Tây, văn minh Đông Nam Á...) để vun bồi, làm giàu có thêm nền văn hóa dân tộc của mình. Có được bản lĩnh và sức sống nội sinh phi thường đó trước hết chính là nhờ nền văn hóa Việt Nam được dựa chắc trên cơ tầng văn hóa bản địa và luôn có thể ứng xử khoan hòa, linh hoạt⁽¹⁵⁾. Bản lĩnh và sức sống nội sinh đó chắc chắn sẽ tiếp tục

(14) Xem: Phạm Hồng Tung, *Thanh niên và lối sống của thanh niên Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

(15) Xem: Phạm Hồng Tung, “An ninh văn hóa trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc - tiếp cận từ phương diện lịch sử - văn hóa”, in trong: *Tạp chí Công an nhân dân*, số 9-2023 - kỳ 2, tr. 21-27.

giúp cho cộng đồng dân tộc Việt Nam vượt qua những thách thức nan giải của thời kỳ hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa. Đó cũng chính là chỗ dựa vững chắc cho các đối thoại văn hóa liên thế hệ của lớp lớp người Việt Nam trong quá khứ cũng như hiện nay. Trong số các yếu tố truyền thống thì chắc chắn đóng vai trò cốt yếu nhất chính là gia đình, tình yêu thương, nhân ái và đạo hiếu kính tổ tiên. Ở tầm cao hơn đó chính là tình yêu quê hương, đất nước. Mặc cho mọi biến thiên của lịch sử, hai yếu tố đó luôn trường tồn và luôn tìm được cách tự thích ứng, tự “làm mới mình” để gia tăng sức sống, nâng đỡ nhân cách con người và dân tộc Việt Nam trên các dặm dài từ quá khứ đến tương lai, từ truyền thống đến hiện đại. □

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHIỀU CẠNH GIỚI TRONG XÃ HỘI GIÀ HÓA DÂN SỐ

GS, TS. HOÀNG BÁ THỊNH

*Trưởng Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội*

Già hóa dân số đang là xu hướng toàn cầu. Mức sống tốt, tuổi thọ tăng, mức sinh giảm,... là các tác nhân thúc đẩy sự gia tăng của quá trình già hóa dân số. Điều này đặt ra nhiều thách thức đối với người cao tuổi, đặc biệt là phụ nữ cao tuổi. Bài viết này, trên cơ sở phân tích tài liệu và tổng luận, đề cập đến một số chiều cạnh giới của người cao tuổi trong xã hội già hóa dân số.

Già hóa dân số và xã hội già hóa

Từ những năm 1970, chất lượng và khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế và sức khỏe sinh sản được nâng cao ở các nước đang phát triển đã dẫn tới giảm đáng kể về mức sinh và cải thiện tuổi thọ. Nhờ đó, cơ cấu dân số ở hầu hết các quốc gia bắt đầu chuyển dần sang giai đoạn tỷ lệ các nhóm dân số cao tuổi tăng, dần hình thành một xu hướng được gọi là “già hóa dân số”. Già hóa dân số được định nghĩa là tăng tỷ lệ người cao tuổi (người từ 60 tuổi trở lên) trong dân số.

Thuật ngữ già hóa dân số được hiểu là sự gia tăng độ tuổi trung vị của dân số một vùng do tỷ suất sinh giảm đi và/hoặc tuổi thọ trung bình tăng lên. Giai đoạn “dân số già” còn gọi là giai đoạn “dân số đã già” khi tỷ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 14% tổng dân số trở lên. “Dân số siêu già” là tình trạng dân số có tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 21% dân số trở lên. Xã hội già hóa được hiểu là một quốc gia có tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên nằm trong khoảng từ 7% đến 14% trên tổng dân số, còn “xã hội già” nếu tỷ lệ này nằm trong khoảng từ 15% đến 20% và được coi là “xã hội siêu già” nếu tỷ lệ này từ 21% trở lên.

Ở cấp độ sinh học, già hóa là kết quả của sự tích tụ nhiều loại tổn thương tế bào và phân tử theo thời gian. Điều này dẫn đến sự suy giảm dần năng lực thể chất và tinh thần, nguy cơ mắc bệnh ngày càng tăng và cuối cùng là tử vong. Nhưng những thay đổi này không phải là tuyến tính cũng như không nhất quán và chúng có sự liên hệ một cách lỏng lẻo với tuổi của một người tính theo năm. Ngoài những thay đổi sinh học, già hóa thường gắn liền với những chuyển đổi khác trong cuộc sống, như nghỉ hưu, chuyển đến nơi ở phù hợp hơn và sự mất đi của bạn bè, người thân...

Thực trạng già hóa dân số trên thế giới và Việt Nam

Sơ lược về già hóa dân số trên thế giới

Trên phạm vi toàn thế giới, già hóa dân số diễn ra trước hết ở các quốc gia phát triển, và tiếp theo là các nước đang phát triển. Theo dự báo, đến năm 2030, cứ 6 người trên thế giới sẽ có 1 người từ 60 tuổi trở lên. Tỷ lệ dân số từ 60 tuổi trở lên sẽ tăng từ 1 tỷ vào năm 2020 lên 1,4 tỷ. Đến năm 2050, dân số thế giới từ 60 tuổi trở lên sẽ tăng gấp đôi (2,1 tỷ người). Số người từ 80 tuổi trở lên dự kiến sẽ tăng gấp ba lần từ năm 2020 đến năm 2050, đạt 426 triệu người. Trong khi sự thay đổi trong phân bố dân số của một quốc gia theo hướng già hơn, bắt đầu ở các nước có thu nhập cao (ví dụ ở Nhật Bản 30% dân số đã trên 60 tuổi), hiện nay nó diễn ra ở các nước có mức thu nhập trung bình và thấp và đang trải qua sự thay đổi rõ nét. Đến năm 2050, khoảng 2/3 dân số thế giới trên 60 tuổi sẽ sống ở các nước có thu nhập thấp và trung bình.

Vài nét về già hóa dân số ở Việt Nam

Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), tốc độ già hóa đặc biệt nhanh ở Brunei và Việt Nam, nơi tỷ lệ dân số trên 65 tuổi dự kiến sẽ tăng gần gấp 3 và 4 lần trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2050. Tổng dân số Việt Nam tại thời điểm 1-4-2009 là 85,85 triệu người, trong khi tổng dân số tại thời điểm 1-4-2019 là 96,21 triệu người. Trong đó, số lượng người cao tuổi năm 2009 và 2019 tương ứng là 7,45 triệu (chiếm 8,68% tổng dân số) và 11,41 triệu (chiếm 11,86% tổng dân số). Tính trung bình trong giai đoạn 2009 - 2019, tổng dân số tăng 1,14%/năm thì dân số cao tuổi tăng tới 4,35%/năm. Trong vòng 10 năm từ 2009 đến 2019, nhóm 60 tuổi - 69 tuổi ở Việt Nam tăng thêm khoảng 3,1 triệu người, nhóm 70 tuổi - 79 tuổi tăng thêm 200 nghìn và nhóm từ 80 tuổi trở lên tăng thêm khoảng 570 ngàn người. Tốc độ tăng bình quân năm trong

giai đoạn 2009 - 2019 theo từng nhóm tuổi của dân số cao tuổi ở Việt Nam là: Tốc độ tăng cao nhất là nhóm 60 tuổi - 64 tuổi với tốc độ khoảng 7,5%/năm, sau đó giảm dần ở nhóm 75 tuổi - 79 tuổi giảm xuống rồi lại tăng trở lại ở nhóm từ 80 tuổi trở lên với tốc độ bình quân là gần 3,6%/năm. Nghiên cứu cho thấy, xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam diễn ra khá nhanh, dự báo đến năm 2029 dân số từ 60 tuổi trở lên đạt khoảng 21%.

Theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Bộ Công an cung cấp, đến ngày 9-2-2023, cả nước có 16.179.824 công dân từ 60 tuổi trở lên, chiếm gần 17% số dân. Trong đó, số người cao tuổi từ 60 tuổi đến dưới 70 tuổi là 9.417.924 người, từ 70 đến dưới 80 tuổi là 4.189.640 người, từ 80 tuổi đến dưới 90 tuổi là 1.907.991 người, từ 90 tuổi đến dưới 100 tuổi là 623.221 người, từ 100 tuổi trở lên là 41.048 người.

Chiều cạnh giới trong xã hội già hóa dân số

Nữ giới chiếm số đông trong cơ cấu dân số cao tuổi

Xu hướng già hóa dân số trên thế giới cũng gắn liền với nữ hóa người cao tuổi. Sự nữ hóa người cao tuổi là hiện tượng trong đó một sự tỷ lệ phụ nữ nhiều hơn nam giới trong nhóm dân số cao tuổi. Do tuổi thọ trung bình của phụ nữ cao hơn nam giới, trong đó phụ nữ tuổi thọ trung bình nhiều hơn nam giới 5 năm. Điều này dẫn đến số lượng/tỷ lệ phụ nữ cao tuổi cũng nhiều hơn nam giới cao tuổi. Vào năm 2019, trên phạm vi toàn cầu, cứ 100 phụ nữ từ 65 tuổi trở lên mới có 81 nam giới, nhưng chỉ có 63 nam trên 100 nữ từ 80 tuổi trở lên. Với sự khác biệt về giới tính, tuổi thọ dự kiến sẽ giảm trong những năm tới, vào năm 2050 dự kiến sẽ có 85 nam trên 100 nữ từ 65 tuổi trở lên và 71 nam trên 100 nữ ở độ tuổi 80 trở lên. Theo dự báo của Liên hợp quốc, đến năm 2050, phụ nữ cao tuổi dự kiến sẽ chiếm 54% dân số toàn cầu.

Tại các quốc gia thuộc EU, năm 2019, trung bình có 1,33 phụ nữ từ 65 tuổi trở lên ở EU so với mỗi nam giới cùng độ tuổi. Sự mất cân bằng giới tính lớn nhất được ghi nhận ở các quốc gia thành viên vùng Baltic. Ví dụ, ở Latvia có hơn 2 phụ nữ từ 65 tuổi trở lên mới có 1 nam giới cùng độ tuổi. Khoảng cách giới tính này dự kiến sẽ thu hẹp phần nào trong những năm tới với tỷ lệ nam giới cao tuổi ngày càng tăng. Trong khi có 1,33 phụ nữ từ 65 tuổi trở lên có 1 nam giới cùng độ tuổi vào năm 2019, tỷ lệ này được dự đoán sẽ giảm xuống còn 1,24 phụ nữ từ 65 tuổi trở lên so với 1 nam giới cùng độ tuổi vào năm 2050. Có sự khác biệt về tỷ lệ giới tính người cao tuổi ở một vài quốc gia, trong khi nam giới

cao tuổi được dự đoán là 1,49:1 ở Latvia vào năm 2050 - tỷ lệ cao nhất trong số các quốc gia thành viên EU - thì những dự báo mới nhất cho thấy ở Malta sẽ có nhiều nam giới cao tuổi hơn phụ nữ vào năm 2050. Sự mất cân bằng giới tính ở người cao tuổi thể hiện rõ nhất ở những người siêu lão (từ 85 tuổi trở lên). Năm 2019, số lượng phụ nữ siêu lão ở EU nhiều hơn gấp đôi so với những người nam giới siêu lão, tỷ lệ 2,09:1. Khoảng cách lớn nhất giữa hai giới trong nhóm tuổi này cũng được ghi nhận ở các quốc gia thành viên Baltic, như phụ nữ siêu lão đông hơn nam giới với tỷ lệ hơn 3:1.

Tại Việt Nam, năm 2009 nữ giới chiếm 59,6 % trong tổng số hơn 7,45 triệu người cao tuổi; đến năm 2019 tỷ lệ này là 58,4% trong tổng số 11,36 triệu người cao tuổi. Theo kết quả điều tra biến động dân số - kế hoạch hóa gia đình Việt Nam năm 2021, trong số 12,58 triệu người cao tuổi, có 4,62 triệu người cao tuổi sống ở khu vực thành thị (chiếm 36,72%) và 7,96 triệu người cao tuổi sống ở khu vực nông thôn (chiếm 63,28%). Theo giới tính, có 5,30 triệu nam giới (chiếm 42,18%) và 7,28 triệu phụ nữ (chiếm 57,82%). Theo dân tộc, có 11,29 triệu người dân tộc Kinh (chiếm 89,75%) và 1,29 triệu người dân tộc khác (chiếm 10,25%). Xét theo giới tính, ở tất cả các nhóm tuổi (60-64, 65-69..., từ 80 trở lên), ở độ tuổi càng cao, mức độ nữ hóa càng rõ. Càng cao tuổi, người cao tuổi càng có xu hướng sống ở nông thôn nhiều hơn. Theo vùng kinh tế - xã hội, có tới 50% dân số cao tuổi Việt Nam sống ở vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

Khác biệt giới trong một số chiều cạnh xã hội của già hóa dân số

Về điều kiện kinh tế: Trên phạm vi toàn thế giới, phụ nữ nghèo chiếm tỷ lệ cao hơn nam giới. Những dự báo mới về nghèo đói toàn cầu ước tính rằng, trên toàn cầu, 388 triệu phụ nữ và trẻ em gái sẽ sống trong tình trạng nghèo cùng cực vào năm 2022 (so với 372 triệu nam giới và trẻ em trai). Nhưng viễn cảnh có thể còn tồi tệ hơn nhiều. Trong kịch bản “thiệt hại cao”, con số này có thể tăng vọt lên 446 triệu (427 triệu đối với nam giới và trẻ em trai).

Mức độ nghèo ở độ tuổi lớn hơn thường cao hơn ở phụ nữ. Do mức độ tham gia vào thị trường lao động chính thức thấp hơn, thời gian làm việc ngắn hơn và mức lương thấp hơn so với nam giới khiến nhiều phụ nữ phải vật lộn với tình trạng bất ổn kinh tế lớn hơn sau này trong cuộc sống. Bên cạnh đó, phụ nữ có tuổi thọ cao hơn, phụ nữ lớn tuổi có nhiều khả năng trở thành góa phụ hơn nam giới lớn tuổi, ít tái hôn hơn và có nhiều khả năng sống một mình hơn - ba đặc điểm có thể làm trầm trọng thêm tình trạng bất ổn kinh tế.

Phụ nữ cũng phải gánh chịu những thiếu sót trong việc chăm sóc. Sự phân bổ không đồng đều trong công việc chăm sóc và nội trợ trong các gia đình đã hạn chế cuộc sống lao động của phụ nữ và hạn chế thu nhập từ lương hưu. Trong thị trường lao động, phụ nữ chiếm hầu hết những người chăm sóc, làm việc trong cả khu vực chính thức và không chính thức của nền kinh tế chăm sóc được quản lý kém, nơi người lao động thường có mức lương và thu nhập thấp.

Khi còn trong độ tuổi lao động, phụ nữ ở các quốc gia trên thế giới thường có khoảng cách về thu nhập so với nam giới. Theo khảo sát, tháng 10-2022, phụ nữ Mỹ thu nhập bằng khoảng 80% nam giới. Khi được hỏi về các yếu tố có thể đóng vai trò trong khoảng cách tiền lương giữa các giới, một nửa số người trưởng thành ở Hoa Kỳ cho rằng phụ nữ bị người sử dụng lao động đối xử khác biệt là lý do chính và làm những công việc được trả lương thấp hơn 34%. Ở các nước OECD, trung bình, khoảng cách lương theo giới chưa được điều chỉnh là 11,9%, nghĩa là phụ nữ làm việc toàn thời gian trung bình kiếm được khoảng 88 xu trên mỗi đô la Mỹ hoặc euro mà một người đàn ông làm việc toàn thời gian trung bình kiếm được. Khoảng cách này rất khác nhau giữa các quốc gia, dao động từ 1,2% ở Bỉ đến 31,1% ở Hàn Quốc. Khoảng cách giới trong thu nhập dẫn đến hệ quả về khoảng cách giới khi nhận lương hưu giữa nam giới và phụ nữ. Do vậy, điều kiện kinh tế của phụ nữ cao tuổi nhìn chung khó khăn hơn nam giới cao tuổi. Tính trung bình, những người từ 65 tuổi trở lên sống trong các hộ gia đình tương đối nghèo thường xuyên hơn so với dân số trong độ tuổi lao động, cũng như trẻ em và thanh niên. Phụ nữ phải chịu mức nghèo tương đối cao hơn nam giới ở mọi lứa tuổi, nhưng khoảng cách ước tính lớn nhất ở những người lớn tuổi. Ở các nước phát triển, tỷ lệ nghèo ở người già cao hơn so với độ tuổi lao động hoàn toàn là do tỷ lệ nghèo cao ở phụ nữ lớn tuổi. Tại 20 quốc gia đang phát triển có dữ liệu, tỷ lệ nghèo tương đối ở phụ nữ lớn tuổi cao hơn bất kỳ nhóm nào khác.

Về sức khỏe, bệnh tật: Theo quy luật tự nhiên, tuổi cao thì sức khỏe giảm, bệnh tật tăng. Các bệnh thường gặp ở người cao tuổi bao gồm mất thính giác, đục thủy tinh thể và tật khúc xạ, đau lưng, đau cổ và viêm xương khớp, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, tiểu đường, trầm cảm và sa sút trí tuệ. Khi mọi người cao tuổi, họ có nhiều khả năng gặp phải một số tình trạng cùng một lúc. Tuổi cao còn được đặc trưng bởi sự xuất hiện của một số tình trạng sức khỏe phức tạp thường được gọi là hội chứng lão khoa. Có sự khác biệt giới trong sức khỏe, bệnh tật của người cao tuổi. Mặc dù phụ nữ có tuổi thọ trung bình cao hơn nam giới khoảng 5 năm, nhưng phụ nữ cao tuổi lại có nhiều bệnh hơn nam giới cao

tuổi. Phụ nữ thường phải đối mặt với nhiều tình trạng mãn tính ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày của họ, chẳng hạn như tiểu đường, tăng huyết áp hoặc viêm khớp. Các tình trạng sức khỏe phổ biến ở phụ nữ cao tuổi bao gồm bệnh tim, loãng xương, ung thư, đột quỵ, bệnh tiểu đường, bệnh Alzheimer, trầm cảm, viêm khớp, béo phì...

Nghiên cứu về sức khỏe người cao tuổi ở Việt Nam cho thấy, có gần 38% người cao tuổi tự đánh giá có sức khỏe “tốt” hoặc “rất tốt”; 16% tự đánh giá sức khỏe ở mức “kém” hoặc “rất kém”; và 46% tự đánh giá sức khỏe ở mức “bình thường”. Những kết quả này cho thấy có sự khác biệt đáng kể với các kết quả từ Khảo sát về người cao tuổi và bảo hiểm y tế năm 2019 của Bộ Y tế và các tổ chức khác với các tỷ lệ tương ứng là 10%, 52% và 38%. Có sự khác biệt rõ rệt theo nhóm tuổi (nhóm càng cao tuổi thì có tỷ lệ tự đánh giá sức khỏe “rất tốt/tốt” càng thấp); giới tính (phụ nữ có tỷ lệ tự đánh giá sức khỏe “rất tốt/tốt” thấp hơn nam giới). Trong cả hai nhóm người cao tuổi phân theo khả năng đọc và viết thì nam giới có tỷ lệ đánh giá sức khỏe “rất tốt/tốt” cao hơn. Vì thế, già hóa dân số không chỉ đòi hỏi hành động tập trung vào công bằng, đáp ứng giới và dựa trên nhân quyền trong ngành y tế mà còn đòi hỏi sự hợp tác giữa các ngành để giải quyết các yếu tố cơ bản quyết định sức khỏe của người cao tuổi, bao gồm nhà ở, giao thông và môi trường xây dựng.

Sự tham gia xã hội: Sự tham gia xã hội là một quá trình có tổ chức trong đó các cá nhân được đặc trưng bởi các hành động cụ thể, có ý thức và tự nguyện, cuối cùng dẫn đến việc tự thực hiện và đạt được các mục tiêu. Nhiều nghiên cứu khác nhau cho thấy, việc phát triển và duy trì sự tham gia xã hội là nhu cầu thiết yếu đối với mọi lứa tuổi, kể cả người cao tuổi. Sự tham gia xã hội là một khái niệm rất có giá trị ở tuổi già vì nó được coi là một trong những thành phần quan trọng nhất của sức khỏe người cao tuổi; một số nghiên cứu chỉ ra rằng bệnh tật, tỷ lệ tử vong và chất lượng cuộc sống của người cao tuổi có liên quan đến sự tham gia xã hội của họ nhiều hay ít.

Sự tham gia xã hội của người cao tuổi được coi là một trong những lĩnh vực chính của các thành phố thân thiện với người cao tuổi, thành phần trung tâm của quá trình già hóa thành công là thành phần của vốn xã hội, và là một trong những thành phần quan trọng ảnh hưởng đến sức khỏe của người cao tuổi. Vì vậy, việc chú ý đến khái niệm tham gia xã hội ở người cao tuổi có tầm quan trọng đặc biệt và việc thúc đẩy khái niệm này là một trong những khuyến nghị chính của Tổ chức Y tế thế giới nhằm giải quyết những lo ngại về dân số già.

Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của cải cách xã hội nhằm khuyến khích sự tham gia xã hội của người cao tuổi. Người lớn tuổi đóng góp cho xã hội theo nhiều cách khác nhau, bao gồm thông qua công việc được trả lương và không được trả lương, chăm sóc các thành viên trong gia đình, truyền lại kiến thức và truyền thống cho thế hệ trẻ.

Ở nước ta, hội người cao tuổi tại các địa phương đã phát huy kinh nghiệm và uy tín của mình tiếp tục đem trí tuệ, tri thức đóng góp tích cực vào các lĩnh vực đời sống xã hội, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị tại địa phương. Thời gian qua, công tác xây dựng tổ chức Hội Người cao tuổi được chú trọng. Hội đã thu hút được đông đảo người cao tuổi tham gia. Tổng số hội viên hiện có là 9,7 triệu người, sinh hoạt tại 10.367 Hội Người cao tuổi cơ sở. Nhiều hội viên người cao tuổi tham gia công tác Đảng, chính quyền, đoàn thể ở khu dân cư như chi bộ, hội người cao tuổi, ban Mặt trận, an ninh, hòa giải, liên gia tự quản... Dù ở cương vị nào, người cao tuổi đều thể hiện tinh thần, trách nhiệm, nỗ lực vì công việc chung. Người cao tuổi tích cực tham gia vào các phong trào thi đua, sản xuất, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và đã phát huy được vai trò “đầu tàu” gương mẫu trong các đời sống xã hội.

Chính sách xã hội đối với người cao tuổi

Một số chính sách xã hội với người cao tuổi trên thế giới

Chính phủ các quốc gia trên thế giới rất quan tâm đến chính sách về người cao tuổi. Tỷ lệ các Chính phủ coi già hóa dân số là mối quan tâm lớn trong 20 đến 30 năm tới cao nhất ở châu Âu và Bắc Mỹ (94%), tiếp theo là Đông và Đông Nam Á (88%), Trung và Nam châu Á (85%), Mỹ Latinh và Caribe (60%), châu Phi cận Sahara (50%), Australia và New Zealand (50%), Bắc Phi và Tây Á (46%). Trong số các quốc gia coi già hóa dân số là mối quan tâm lớn trong 20 đến 30 năm tới, 3/4 (38 trên 50) đã ban hành chính sách quốc gia về già hóa dân số.

Trong số 14 biện pháp chính sách về già hóa dân số được liệt kê trong Cuộc điều tra thứ 12 của Liên hợp quốc về dân số và phát triển, được thực hiện trong giai đoạn 2018 - 2019, ba biện pháp được các chính phủ áp dụng phổ biến nhất trong 5 năm qua là thúc đẩy quá trình già hóa năng động và khỏe mạnh (76%), mở rộng học tập suốt đời (66%) và khuyến khích tiết kiệm tư nhân (65%). Ở các quốc gia châu Âu và Bắc Mỹ cũng như Australia và New Zealand, việc thúc đẩy học tập suốt đời và mở rộng các cộng đồng hỗ trợ cuộc sống và thân thiện với

người già luôn nằm trong số các phản ứng chính sách được Chính phủ thông qua. Ở Trung và Nam Á, việc ngăn chặn lạm dụng và bạo lực đối với người cao tuổi thường được liệt kê trong số các chính sách ứng phó với vấn đề già hóa dân số. Ở các nước Đông và Đông Nam Á, giải quyết vấn đề phân biệt đối xử với người lớn tuổi tại nơi làm việc là chính sách được áp dụng rộng rãi nhất. Các chính phủ ở Mỹ Latinh và Caribe ưu tiên các chương trình dành cho người cao tuổi đáp ứng nhu cầu của cả phụ nữ và nam giới. Ở Bắc Phi và Tây Á, việc xây dựng các chương trình chăm sóc dài hạn và chăm sóc tại cơ sở là phản ứng chính sách chung đối với tình trạng già hóa dân số.

Các chính phủ cũng đã xây dựng các chương trình chăm sóc dài hạn và chăm sóc tại cơ sở cho người cao tuổi, đồng thời khuyến khích và hỗ trợ các gia đình chăm sóc người cao tuổi tại nhà. Khi cuộc sống độc lập ở độ tuổi lớn hơn trở nên phổ biến hơn, các quốc gia ngoài châu Âu, Bắc Mỹ đang ngày càng áp dụng các biện pháp chính sách để giải quyết tình trạng già hóa dân số các chương trình chăm sóc dài hạn và chăm sóc tại cơ sở, các cộng đồng hỗ trợ cuộc sống và thân thiện với người già...

Chính sách xã hội với người cao tuổi ở Việt Nam

Đảng và Chính phủ rất quan tâm đến người cao tuổi, và đã ban hành nhiều chính sách, pháp luật về nhóm người cao tuổi trong các lĩnh vực, kinh tế, y tế, an sinh xã hội...

Về kinh tế: Người cao tuổi không có lương hưu, được hưởng trợ cấp theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, có hiệu lực từ ngày 1-7-2021, quy định 8 nhóm đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 1-7-2021 là 360.000 đồng/tháng. Theo đó, tùy đối tượng chính sách, có với 4 mức khác nhau: 360.000 đồng/tháng, 540.000 đồng/tháng, 720.000 đồng/tháng và 1.080.000 đồng/tháng. Việc tổ chức thực hiện chế độ, chính sách đối với người cao tuổi bảo đảm đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. Có 13 tỉnh/thành phố nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội, trợ giúp xã hội cao hơn mức chuẩn quy định; 20 tỉnh/thành phố mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội, trong đó phần lớn là người cao tuổi. Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 7-8-2023 của Chính phủ về ưu tiên xóa nhà dột nát, nhà tạm cho hộ gia đình nghèo, cận nghèo có người cao tuổi; nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội, hưu trí xã hội; bao phủ bảo hiểm y tế. Đời sống vật chất, tinh thần của người cao tuổi ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, hiện chỉ có khoảng 30% người cao tuổi

tham gia bảo hiểm xã hội như vậy hơn 60% người lao động khi bước vào tuổi cao không có nguồn thu ổn định, trong khi đó, trợ cấp xã hội dù đã tăng cũng rất thấp.

Về chăm sóc sức khỏe: Đảng và Nhà nước ta luôn đặc biệt quan tâm, ban hành và triển khai hiệu quả nhiều cơ chế, chính sách để người cao tuổi được chăm sóc ngày càng tốt hơn. Việt Nam có hệ thống pháp luật, chính sách xã hội về người cao tuổi, như Luật Người cao tuổi năm 2009; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có quy định về các quyền được chăm sóc, được phụng dưỡng và phát huy các vai trò của người cao tuổi, nhấn mạnh về quyền bình đẳng trước pháp luật của người cao tuổi trong các lĩnh vực. Các bộ, ngành cũng đã ban hành các nội dung liên quan với các nội dung cụ thể và phù hợp với thực tiễn. Những quy định này đã thể hiện tính nhân văn của Nhà nước Việt Nam đối với người cao tuổi, đặc biệt, khẳng định vai trò quan trọng của gia đình trong chăm sóc và phụng dưỡng người cao tuổi, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay của Việt Nam.

Theo khoản 2, Điều 17 và khoản 1, Điều 18, Luật Người cao tuổi, những người từ 80 tuổi trở lên mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng thì được mua thẻ bảo hiểm y tế từ ngân sách nhà nước. Số lượng người cao tuổi được Bảo hiểm xã hội Việt Nam cấp thẻ bảo hiểm y tế đã tăng từ 8,8 triệu người năm 2016 lên đến 12,1 triệu người năm 2020. Đến cuối năm 2023, có 95% người cao tuổi có bảo hiểm y tế. Cùng với mức độ bao phủ rộng là mức độ sử dụng bảo hiểm y tế trong khám, chữa bệnh cho người cao tuổi liên tục tăng. Theo số liệu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, năm 2017, có 52,8 triệu lượt khám, chữa bệnh của người cao tuổi (chiếm tỷ lệ 31,4% số lượt khám chữa bệnh trên toàn quốc), chi phí 35.500 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 40,2% tổng chi toàn quốc). Năm 2018, ước tính có khoảng 57 triệu lượt khám, chữa bệnh cho người cao tuổi (chiếm tỷ lệ khoảng 34% số lượt khám, chữa bệnh trên toàn quốc).

Theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế, người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng được quỹ bảo hiểm y tế chi trả 80% chi phí khi đi khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Còn đối với người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng thì được quỹ bảo hiểm y tế chi trả 100% chi phí khám chữa bệnh. Luật người cao tuổi về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi quy định người 80 tuổi trở lên được ưu tiên khám trước trên bệnh viện

toàn quốc, được hưởng những ưu đãi phù hợp với người cao tuổi. Cụ thể người từ đủ 80 tuổi trở lên được ưu tiên khám trước người bệnh khác trừ bệnh nhân cấp cứu, trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng; được bố trí giường nằm phù hợp khi điều trị nội trú. Tuy nhiên, theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hiện còn hơn 500.000 người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo chưa có bảo hiểm y tế. Với tốc độ già hóa dân số ngày càng tăng, việc xây dựng các chính sách nhằm đảm bảo sự ổn định chính sách tài chính và kinh tế vĩ mô là vô cùng quan trọng. Chính phủ cần phải tăng chi tiêu cho lương hưu, chăm sóc sức khỏe và các chương trình phúc lợi xã hội người cao tuổi và điều chỉnh chi tiêu công từ đầu tư cho giáo dục và cơ sở hạ tầng sang các chương trình tài chính tạo phúc lợi cho người cao tuổi. Đồng thời, nhà ở, giao thông và nhu cầu xã hội cũng thay đổi theo xu hướng già hóa. Phát triển kết cấu hạ tầng cần phải tính đến những nhu cầu thay đổi này để bảo đảm người cao tuổi có môi trường thuận lợi cho phép họ có được cuộc sống đầy đủ, an toàn.

Kết luận

Già hóa dân số là xu hướng toàn cầu không thể đảo ngược. Sự già hóa dân số là chỉ báo về sự thành công phi thường trong việc cải thiện điều kiện sống cho hàng tỷ người trên thế giới. Trong nhiều thập niên, cả số lượng và tỷ lệ dân số người cao tuổi đã tăng lên trên toàn cầu, trong khi số lượng và tỷ lệ trẻ em và thanh thiếu niên đã bắt đầu giảm xuống. Trong bối cảnh đó, có những vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội đang đặt ra không chỉ đối với người cao tuổi mà cả với các quốc gia đang già hóa dân số. Vì thế, rất cần có những chính sách xã hội đối với người cao tuổi phù hợp với từng giai đoạn của già hóa dân số, từng nhóm người cao tuổi. Hiện nay, Việt Nam là một trong hai quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới, từ bài học kinh nghiệm về già hóa dân số của các nước phát triển, Việt Nam có thể tham khảo để xây dựng chính sách về người cao tuổi phù hợp với quá trình già hóa dân số đang diễn ra. Từ góc độ nghiên cứu giới, có những chiều cạnh xã hội cho thấy phụ nữ cao tuổi chịu nhiều khó khăn hơn nam giới cao tuổi. Do vậy, các biện pháp chính sách nhằm giải quyết tình trạng già hóa dân số, trong đó chú ý tới vấn đề phụ nữ và trẻ em gái là rất quan trọng để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. □

CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI TRONG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ - THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

PGS, TS. ĐẶNG THỊ HOA

TS. VŨ QUỲNH CHÂU

Viện Tâm lý học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

VẤN đề chăm sóc người cao tuổi (NCT) đang đặt ra khá cấp bách trong bối cảnh già hóa dân số và kinh tế - xã hội Việt Nam đang có nhiều thay đổi. Tại Việt Nam, tỷ lệ NCT đang tăng nhanh cả về số lượng và tỷ trọng. Theo số liệu thống kê năm 2011, Việt Nam có 8,76 triệu người ở tuổi 60+, chiếm 11% dân số. Năm 2019, tỷ lệ già hóa tăng lên 11,9% dân số. Theo cơ sở dữ liệu dân cư do Bộ Công an cung cấp, đến ngày 9-2-2023 cả nước có 16.179.824 công dân từ 60 tuổi trở lên, chiếm gần 17% số dân, trong đó từ 60 đến dưới 70 tuổi là 9.417.924 người, từ 70 đến dưới 80 tuổi là 4.189.640 người, từ 80 đến dưới 90 tuổi là 1.907.991 người, từ 90 đến dưới 100 tuổi là 623.221 người, từ 100 tuổi trở lên là 41.048 người. Dự báo đến năm 2050, con số này sẽ tăng lên hơn 25%.

Già hóa dân số đang đặt ra những thách thức và yêu cầu cấp thiết với việc chăm sóc NCT ở Việt Nam, bên cạnh việc chăm sóc toàn diện cho NCT, một trong những vấn đề đặt ra là tình trạng lạm dụng và bạo lực gia đình đối với NCT. Bạo lực và lạm dụng NCT là một vấn đề xã hội xảy ra ở nhiều quốc gia. Trong bối cảnh hiện nay, cần nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ngăn chặn các hành vi bạo lực với NCT, lạm dụng và sao nhãng trong chăm sóc NCT ở tất cả các quốc gia, cộng đồng trên toàn thế giới là vấn đề cần thiết. Người cao tuổi ở tất cả các quốc gia, trong đó có Việt Nam có quyền được chăm sóc, bảo vệ khỏi tất cả các hình thức bạo lực và lạm dụng cũng như các hình thức kỳ thị khác nhằm giúp cho họ có quyền được hưởng sự tôn trọng, không bị ngược

đãi và có cuộc sống ổn định khi tuổi cao sức yếu, nhất là đối với NCT có hoàn cảnh nghèo, ở vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc thiểu số, sống cô đơn,... Bên cạnh những chi phí về y tế, chăm sóc sức khỏe, những vấn đề xã hội trong chăm sóc NCT, phòng, chống lạm dụng, sao nhãng và bạo lực gia đình đối với NCT cũng đang đặt ra những vấn đề cần quan tâm.

Lạm dụng NCT là sự ngược đãi về thể chất hoặc tinh thần, bỏ bê hoặc bóc lột tài chính của NCT. Bài viết đề cập đến góc độ chăm sóc NCT trong gia đình bao gồm cả vấn đề NCT tự chăm sóc bản thân, phải chăm sóc người khác và thậm chí bị bạo lực gia đình. Các khái niệm về bỏ bê không chăm sóc NCT được xác định là NCT không nhận được sự trợ giúp, chăm sóc từ người khác về điều kiện vật chất, kinh tế và tinh thần. Các hình thức lạm dụng bao gồm cả hình thức hiếu thảo tương hỗ - cha mẹ phải giúp đỡ con cái làm việc nhà trong văn hóa Việt Nam đến các hình thức lạm dụng tâm lý, như dọa nạt, cố ý lạm dụng bằng ngôn ngữ, hành vi, đối xử lạnh nhạt hay các hình thức lạm dụng về tài chính.

Thực trạng đời sống của người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay

Ở Việt Nam hiện nay có khoảng 21% số NCT không có thu nhập, phải sống dựa vào con cái. Có 48.4% NCT trước đây sống dựa vào sản xuất nông nghiệp và 22% số NCT hiện vẫn phải đi làm tự kiếm sống và chủ yếu là làm nông nghiệp. Phân tích từ góc độ văn hoá và xã hội cho thấy, truyền thống đạo hiếu luôn được coi trọng và khuôn mẫu xã hội truyền thống thường lên án các hành động bỏ bê, không chăm sóc cha mẹ hay có hành vi bạo lực với cha mẹ. Tuy nhiên, những khuôn mẫu văn hoá ấy đang bị thay đổi do nhiều yếu tố tác động, đặc biệt là trong bối cảnh đô thị hoá và hiện đại hoá hiện nay. Các hình thức bạo lực chủ yếu là bạo lực về tinh thần và sự sao nhãng, không quan tâm, chăm sóc NCT. Bạo lực về thể xác vẫn xảy ra ở nhiều hình thức và cấp độ khác nhau. Những hành vi con cháu sao nhãng không chăm sóc NCT trong gia đình, thậm chí gây ra bạo lực với NCT xuất hiện nhiều hơn, đặt ra những thách thức và yêu cầu mới trong xây dựng chính sách chăm sóc NCT tại gia đình ở Việt Nam hiện nay.

Sự cô đơn của người cao tuổi

Để tìm hiểu NCT cảm thấy cô đơn trong những tình huống hay hoàn cảnh nào mà họ nhớ nhất trong cuộc sống, nghiên cứu sử dụng câu hỏi “Tình huống nào trong cuộc sống khiến ông/bà cảm thấy cô đơn mà ông/bà nhớ nhất?”.

Bảng 1: Tình huống cô đơn nhớ nhất

Phương án trả lời	Tần suất	Tỉ lệ %
1. Người thân mất	17	23,6
2. Người thân đi làm xa (vợ/ chồng/ con); Bản thân đi làm xa; Bản thân đi xa nhà; Ở một mình	26	36,1
3. Vợ/ chồng/ con hắt hủi	1	1,4
4. Ốm đau tự lo, anh em không hỏi thăm nhau; Con cái không quan tâm; Con cái không về thăm; con cái hắt hủi	5	6,9
5. Gia đình thiếu sự chia sẻ; Gia đình không hòa thuận; Các con không hạnh phúc; Các con cãi vã nhau	14	19,4
6. Hàng xóm nói xấu nhau	1	1,4
7. Nghĩ về những ngày còn trẻ, khỏe; nhớ về quê hương, bố mẹ; Nghĩ đến những chuyện xấu trong quãng đời còn lại	7	9,7
8. Kinh tế thiếu thốn	1	1,4
Tổng số	72	100,0

Câu trả lời của NCT được xếp vào 8 tình huống hiển thị ở bảng trên cho thấy, hoàn cảnh phải ở một mình hay người thân đi làm xa (vợ/chồng/con) hay bản thân đi xa nhà/đi làm xa nhà chiếm tỉ lệ cao nhất (36,1%) trong số 8 tình huống mà nghiên cứu thu thập được trong mẫu nghiên cứu này. Tình huống cao thứ hai là có người thân mất (vợ/chồng/con) chiếm tỉ lệ 23,6% trong số những người trả lời. Bên cạnh đó, NCT cũng cảm thấy cô đơn khi rơi vào hoàn cảnh ốm đau phải tự lo, con cái không về thăm, anh em không quan tâm hỏi thăm nhau (6,9%). Như vậy, việc không ở cùng người thân hay bị mất người thân, hay khi ốm đau không có người ở bên hoặc hỏi thăm là những tình huống có số lượng người trả lời chiếm gần 2/3 (66,6%) tổng số các câu trả lời khiến NCT nhớ nhất. Đây chính là những tình huống tạo nên cảm giác cô đơn xã hội của NCT.

Ngoài ra, các tình huống khác, như gia đình thiếu sự chia sẻ, gia đình không hòa thuận, các con không hạnh phúc, các con cãi vã nhau (chiếm 19,4%); nghĩ về những ngày còn trẻ, khỏe, nhớ về quê hương, bố mẹ, nghĩ đến những chuyện xấu trong quãng đời còn lại (chiếm 9,7%) cũng là những tình huống

được NCT nhắc đến nhưng không nhiều. Cảm giác cô đơn khi bị vợ /chồng/con hắt hủi (chiếm 1,4%) hay bị hàng xóm nói xấu (chiếm 1,4%) lại là những tình huống có số NCT nhớ ít nhất. Thực trạng này phải chăng chịu ảnh hưởng phần nào từ tâm lý cộng đồng hay văn hóa cộng đồng của người Việt Nam.

Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng tìm hiểu cảm giác cô đơn thường kéo dài bao lâu? Câu trả lời được hiển thị ở bảng sau:

Bảng 2: Thời gian kéo dài cảm giác cô đơn của người cao tuổi

Phương án trả lời	Tần suất	Tỉ lệ %
1. Cả ngày	23	32,4
2. Vài ngày sau đó	13	18,3
3. Kéo dài lâu không nhớ chấm dứt lúc nào	14	19,7
4. Đến giờ, tỉnh thoảng vẫn còn cảm giác đó	21	29,6
Tổng số	71	100,0

Kết quả thu được cho thấy, cảm giác cô đơn kéo dài cả ngày chiếm tỷ lệ cao nhất (32,4%) trong số những người trả lời. Xếp thứ hai là cảm giác cô đơn không bị mất đi mà tỉnh thoảng vẫn xuất hiện ở NCT cho đến thời điểm hiện tại (chiếm 29,6%). Có thể thấy, đây là hai mốc thuộc cực đầu và cực cuối của thời gian, hoặc hết cảm giác cô đơn ngay, hoặc kéo dài mãi, điều này lại phụ thuộc vào tình huống gây nên cô đơn có ý nghĩa như thế nào đối với NCT.

Nếu xét theo thời gian kéo dài cảm giác cô đơn thì cảm giác cô đơn ở NCT mất đi trong vòng 1 ngày hay vài ngày sau đó, chiếm 50,7% trong số những người trả lời. Số còn lại là 49,3% người trả lời có cảm giác cô đơn còn kéo dài mãi hoặc tỉnh thoảng vẫn còn cảm giác đó. Nghiên cứu cũng tìm hiểu mức độ cô đơn mà NCT cảm nhận lúc đó như thế nào, tính trên thang điểm 10 (1 điểm = cô đơn chút xíu đến 10 điểm = rất cô đơn) thì mức độ cô đơn của NCT dưới mức trung bình ($\bar{DTB} = 4,01$; $\bar{DLC} = 2,57$).

Cảm giác cô đơn xã hội là cảm giác cô đơn mà NCT nhớ nhất và chiếm ưu thế trong mẫu nghiên cứu. Những cảm giác cô đơn đó có thể hết rất nhanh, nhưng cũng có thể kéo dài mãi trong cuộc sống của NCT. Nhưng quan trọng là cảm giác cô đơn đó chỉ ở mức thấp, không làm ảnh hưởng quá lớn đến sức khỏe tinh thần của NCT.

Bên cạnh đó, mức độ thực hiện các hành vi trong sinh hoạt của NCT trong mẫu nghiên cứu đạt mức khá (ĐTB = 2,95; DLC = 0,57). Xét theo từng tiểu thang đo, các hành vi chăm sóc sức khỏe được NCT thực hiện nhiều nhất với điểm trung bình đạt mức cao nhất trong 3 tiểu thang đo (ĐTB = 3,50; DLC = 0,58); xếp thứ hai là các hành vi thực hiện trong gia đình (ĐTB = 2,83; DLC = 0,76); cuối cùng thấp nhất trong ba tiểu thang đo là các hành vi thực hiện ngoài cộng đồng/nhóm lớn (ĐTB = 2,67; DLC = 0,66). Kết quả này khá phù hợp với NCT, bởi đối với họ sức khỏe là quan trọng nhất, do đó các hành vi chăm sóc sức khỏe được họ quan tâm, chú trọng và thực hiện thường xuyên. Trong đó, NCT thực hiện thường xuyên hơn cả là quan tâm đến chế độ dinh dưỡng phù hợp và ăn uống điều độ, đúng bữa với tỷ lệ thực hiện thường xuyên lần lượt là 71,2% và 69,5%.

Với tiểu thang đo các hành vi thực hiện trong gia đình, như nấu cơm, dọn nhà, trông cháu, đưa đón cháu đi học... được NCT thực hiện nhiều hơn so với những việc khác (ĐTB = 3,54; DLC = 0,82). Đây là công việc khá phổ biến trong các gia đình ở Hà Nội bởi NCT còn sức khỏe vẫn luôn tự lo cho bản thân hoặc hỗ trợ con cháu trong các công việc nhà. Với nhiều người, đó là niềm vui được hoạt động, là việc làm có ý nghĩa đồng thời cũng khẳng định được vai trò của mình trong gia đình. Đó cũng là cách kết nối về mặt tình cảm giữa NCT và con cháu. Việc theo dõi các chương trình truyền hình cũng là một lựa chọn được NCT thực hiện thường xuyên với mức điểm khá cao (ĐTB = 3,39; DLC = 0,97). Việc ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng mạngin-tơ-nét, mạng xã hội để tìm hiểu tin tức cũng được nhiều NCT thực hiện (ĐTB = 2,87; DLC = 1,29).

Tiểu thang đo các hành vi thực hiện ngoài cộng đồng/nhóm lớn có điểm trung bình thấp nhất và đạt mức trung bình khá (ĐTB = 2,67; DLC = 0,66). Tuy nhiên, trong tiểu thang đo này, việc tham gia các hoạt động xã hội, đóng góp lợi ích cho cộng đồng được nhiều NCT thực hiện thường xuyên nhất (ĐTB = 3,18; DLC = 0,95). Tiếp theo là việc tham gia các buổi sinh nhật/mừng thọ của gia đình/bạn bè cũng được nhiều NCT thực hiện (ĐTB = 2,80; DLC = 0,94).

Tác động của thói quen sinh hoạt đến sự cô đơn của người cao tuổi

Để tìm hiểu thói quen sinh hoạt có tác động gì đến trải nghiệm cô đơn của NCT, trước hết, nghiên cứu xem xét mối liên quan giữa trải nghiệm cô đơn và mức độ thực hiện các hành vi trong sinh hoạt của NCT. Nghiên cứu sử dụng

phân tích thống kê hệ số tương quan Pearson, kết quả cho thấy, hệ số tương quan của trải nghiệm cô đơn với mức độ thực hiện các hành vi trong sinh hoạt theo chiều nghịch và có độ lớn dao động là 0,173 nhưng lại không có ý nghĩa thống kê ($r = -0,173$; $p > 0,05$).

Nhưng khi xem xét mối liên quan giữa trải nghiệm cô đơn và mức độ thực hiện các hành vi trong sinh hoạt của NCT theo từng tiểu thang đo, kết quả cho thấy, hệ số tương quan của trải nghiệm cô đơn với mức độ thực hiện các hành vi trong gia đình theo chiều nghịch, có độ lớn dao động là 0,203 và có ý nghĩa thống kê ($r = -0,203$; $p < 0,05$). Như vậy, đây là mối tương quan nghịch và có ý nghĩa thống kê với mức tương quan tương đối yếu. Điều này có nghĩa, càng nhiều NCT thực hiện thường xuyên các hành vi trong gia đình thì dấu hiệu cô đơn càng giảm và ngược lại, NCT càng ít thực hiện thường xuyên các hành vi trong gia đình thì dấu hiệu cô đơn càng tăng.

Đối với hai tiểu thang đo thực hiện hành vi sức khỏe và tham gia cộng đồng/nhóm lớn, nghiên cứu đều không tìm thấy mối tương quan có ý nghĩa thống kê của chúng với trải nghiệm cô đơn ở NCT trong mẫu nghiên cứu này.

Kết quả phân tích hồi quy đơn biến cho thấy, mức độ thực hiện các hành vi trong gia đình có khả năng dự báo 4,1% dấu hiệu cô đơn của NCT ($R^2 = 0,041$; $B = -0,111$; $p = 0,027$).

Như vậy, trong thói quen sinh hoạt của NCT, các hành vi thực hiện chăm sóc sức khỏe được NCT quan tâm và thực hiện nhiều nhất. Các hành vi thực hiện ngoài cộng đồng/nhóm lớn được NCT thực hiện ít hơn cả. Cả hai loại hành vi này đều không có tương quan có ý nghĩa thống kê với sự cô đơn của NCT. Nhưng mức độ thực hiện các hành vi trong gia đình lại có tương quan nghịch và có ý nghĩa thống kê với trải nghiệm cô đơn của NCT.

Lạm dụng và bạo lực gia đình đối với người cao tuổi Theo kết quả điều tra của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch năm 2012, có tới 41% NCT xác nhận có hiện tượng bạo lực (bất kỳ một hành vi bạo lực nào) đối với bố mẹ già ở địa phương trong 12 tháng tính đến thời điểm điều tra. Nếu tính trong mẫu khảo sát, có 11,6% NCT đã từng chịu một hành vi bạo lực từ con cái; 7,9% NCT đã từng chịu một hành vi bạo lực từ con cái trong 12 tháng trước cuộc khảo sát (Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, 2012).

Bảng 3: Thực trạng bạo lực đối với người cao tuổi

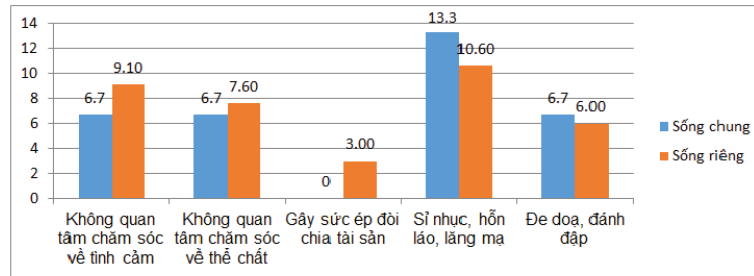
	Người trả lời bị ít nhất 1 hình thức bạo lực (n=461)	Vợ chồng người trả lời bị bất kỳ hình thức bạo lực (n=300)
Sống chung với con cháu (n=240)	10,4	-
Sống riêng (n=221)	10,9	-
Mức sống***		
Khá giả (n=13)	0	-
Trung bình (n=289)	8,5	-
Nghèo (n=101)	19,8	-
Việc làm		
Nội trợ/ già yếu/ Không làm việc (n=199)	13,1	8,1
Nghỉ hưu, cán bộ (n=104)	7,7	5,6
Làm nông nghiệp (n=106)	9,4	6,0
Kinh doanh dịch vụ (n=52)	9,6	13,6
Nhóm tuổi*		
Dưới 65 tuổi (n=123)	10,3	9,8
Từ 66 đến 79 tuổi (n= 164)	11,2	7,1
Từ 80 tuổi trở lên (n=36)	9,6	5,6

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 5 tỉnh, 2017

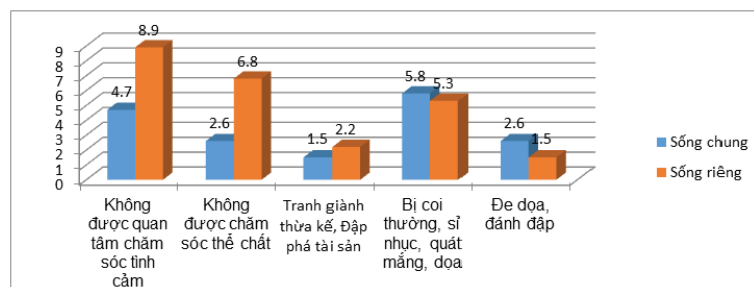
So sánh kết quả khảo sát tại 5 tỉnh với các kết quả điều tra trước đó cho thấy, tình trạng NCT bị ít nhất 1 hình thức bạo lực trong gia đình giảm đi không nhiều. Mức độ NCT bị bạo lực khoảng 10,6% (so với năm 2012 là 11,6%) với mức độ giảm không đáng kể. Đặc biệt, NCT nghèo, già yếu, bệnh tật và sống phụ thuộc bị bạo lực nhiều hơn so với nhóm gia đình khá giả và NCT có lương, có thu nhập.

Hình thức bạo lực xảy ra nhiều nhất là thái độ hờn lảo, lăng mạ, sỉ nhục NCT. Trong mẫu khảo sát, tỷ lệ NCT sống cùng con cháu bị sỉ nhục, lăng mạ cao hơn so với NCT sống riêng (Xem Biểu đồ 1 và 2).

Biểu đồ 1: Các hình thức bạo lực và lạm dụng người cao tuổi khảo sát năm 2012 (n=461)



Biểu đồ 2: Các hình thức bạo lực lạm dụng với người cao tuổi khảo sát năm 2017 (n=461)



Kết quả khảo sát trên cho thấy, người gây ra bạo lực thường là con đẻ, con dâu và con rể. Trong đó, con đẻ chiếm tỷ lệ cao nhất (chiếm 88,3%). Một số ít trường hợp, người gây ra bạo lực đối với NCT là con dâu/ rể hoặc các cháu.

Bảng 4: Mức độ bạo lực chia theo nhóm tuổi

Hành vi bạo lực (n=461)	60 tuổi (n=35)	Từ 61 - 69 (n=157)	Từ 70 - 79 (n=189)	80 tuổi trở lên (n=80)
Không được quan tâm về tình cảm*	13.3	6.0	6.1	10.2
Không được quan tâm chăm sóc ăn uống, thuốc men*	6.7	3.0	4.5	8.5
Bị ép buộc lao động*	0	0	0.6	1.7
Bị tranh giành thừa kế tài sản	0	0	0.6	1.7
Đập phá tài sản, tịch thu tiền	0	0.8	0.6	1.7
Bị coi thường, sỉ nhục*	0	3.0	3.9	3.4
Bị quát mắng, dọa nạt	0	2.3	1.7	3.4
Đã từng bị tát, đánh, đấm, đá**	0	0	1.1	3.4

Ghi chú: *Mức ý nghĩa thống kê: * $p < 0,1$; ** $p < 0,01$*

Nguồn: Khảo sát tại 5 tỉnh Ninh Bình, Lào Cai, Thừa Thiên Huế, Đắk Lắk và An Giang năm 2017

Hành vi gây ra bạo lực mang tính chất nghiêm trọng đối với NCT xảy ra nhiều hơn ở nhóm tuổi từ 80 trở lên. Điều này cũng phù hợp với cách lý giải khi cho rằng, với NCT từ 80 tuổi trở lên, con cháu phải chăm sóc nhiều hơn và dường như các mâu thuẫn gia đình nảy sinh trong quá trình chăm sóc đã dẫn tới các hành vi bạo lực.

Kết quả khảo sát tại 5 tỉnh (Ninh Bình, Lào Cai, Thừa Thiên Huế, Đắk Lắk và An Giang) với 461 NCT tham gia và thông tin về tình trạng bạo lực của vợ/chồng (khi tạo biến gộp nam = người trả lời là nam cao tuổi và những người chồng của người trả lời là nữ cao tuổi và nữ = người trả lời là nữ cao tuổi và vợ của người trả lời là nam cao tuổi từ 60 tuổi trở lên) cho thấy: Trong tổng số 922 NCT được thu thập thông tin (bao gồm người trả lời và vợ/chồng người trả lời), có 75 người từng bị bạo lực, chiếm 8,1%. Chia ra các dạng bạo lực, kết quả là: Bạo lực tinh thần: 6,8%; bạo lực kinh tế chiếm: 0,5% và bạo lực thể chất chiếm 0,8%. Nữ cao tuổi có 482 người và 40 người từng bị bạo lực chiếm 8,3%; nam cao tuổi có 440 người và tỷ lệ từng bị bạo lực chiếm 7,9%.

Trong số 75 trường hợp NCT đã từng bị bạo lực, nam 35 người và nữ 40 người, trong đó, 63 trường hợp đã từng bị bạo lực tinh thần (84,0%) bao gồm các dạng như: không được quan tâm hỏi han về tình cảm; ngăn cấm tham gia các hoạt động cộng đồng/tôn giáo; coi thường, hỗn láo; hạn chế giao tiếp...).

Để phân tích kỹ hơn tình trạng bạo lực tinh thần của NCT, cần phân tích thêm dạng bạo lực này diễn ra như thế nào trong khoảng thời gian gần nhất (12 tháng trước cuộc khảo sát) và hành vi bạo lực xảy ra gần đây nhất (có thể trong hoặc trước 12 tháng qua) - biến số mới cũng được tính như trường hợp đã từng xảy ra, nghĩa là tính chung trong số cả vợ chồng người trả lời từ 60 tuổi trở lên là 922 người. Ở cả hai khía cạnh, bạo lực tinh thần vẫn là dạng phổ biến hơn với NCT. Trong tổng số 922 NCT được hỏi, có 53 người là nạn nhân bạo hành tinh thần trong 12 tháng trước cuộc khảo sát, chiếm 5,7%. Nam cao tuổi trong trường hợp này chiếm 5,5%, nữ cao tuổi bị bạo lực tinh thần trong khoảng thời gian này là 6,0%.

Trong số 75 trường hợp NCT từng bị bạo hành, có 9,3% số NCT bị bạo lực thể chất. Tương đồng với kết quả của các nghiên cứu khác, tỷ lệ nữ bị bạo lực thể chất cao hơn nam giới (12,5% so với 5,7%), nhóm tuổi cao nhất có tỷ lệ bị bạo hành thể chất cao hơn các nhóm tuổi thấp. Những người sống chung với con cháu có tỷ lệ bị bạo hành cao hơn. Nhưng những người đang làm việc có thu nhập lại có tỷ lệ cao hơn nhóm không làm việc và hưu trí do những NCT đang làm việc, sống chung hay xảy ra mâu thuẫn với con cháu hơn những nhóm cao tuổi khác.

Nếu tính trong 12 tháng trước cuộc khảo sát, có 53/922 NCT của các gia đình trong mẫu báo cáo có bị các hành vi bạo lực (chiếm 5,7%); trong đó nữ có 29/482 người (chiếm 6,0%) và nam 24/440 người (chiếm 5,5%). Trong số 53 người này, có 5 trường hợp bị bạo lực thể chất (chiếm 9,4 %) chỉ chiếm khoảng 11,3% so với bạo lực tinh thần (44 người). Nữ cao tuổi, nhóm tuổi trung bình, sống chung với con cháu, đang làm việc cũng là những người báo cáo bị bạo lực trong thời gian này cao hơn.

Phân tích hành vi bạo lực lần xảy ra gần đây nhất, có 70/922 NCT (chiếm 7,6%); trong đó nam cao tuổi có 35/440 người (7,9%) và nữ có 35/482 người (chiếm 7,3%). Bạo hành thể chất hay xảy ra với nhóm cao tuổi nữ, nhóm lớn tuổi nhất, nhưng tập trung cao hơn ở nhóm không làm việc, sống chung và phụ thuộc con cháu.

Như vậy có thể thấy, với các hành vi bạo lực về thể chất hoặc tinh thần, những NCT sống chung, phụ thuộc vào con cháu có tỷ lệ bị bạo hành nhiều hơn. Hành vi bạo hành tinh thần lặp lại và chiếm tỷ lệ lớn nhất. Có lẽ đây là những minh chứng cụ thể, rõ ràng kiểm chứng cho các lý thuyết về chu kỳ bạo lực, lý thuyết về sự phụ thuộc cũng như về xung đột thế hệ, nhất là xuất phát từ những khác biệt trong nhận thức và ứng xử với các tình huống trong cuộc sống ở những bối cảnh xã hội khác nhau

Những vấn đề đặt ra

Trong bối cảnh hiện nay, những tác động của toàn cầu hóa, hiện đại hóa đến đời sống của NCT là tất yếu. Vấn đề già hóa dân số cùng với những vấn đề chăm sóc NCT ở Việt Nam đang đặt ra cấp bách. Với điều kiện của các cơ sở chăm sóc NCT còn rất hạn chế, chủ yếu dựa vào gia đình thì những vấn đề liên quan đến tình trạng người già cô đơn, sự lạm dụng và bạo lực gia đình đối với NCT là một vấn đề cần được quan tâm hiện nay. Về cơ bản, gia đình vẫn

là chỗ dựa trong chăm sóc và bảo vệ NCT, song vẫn có một bộ phận NCT đang bị ngược đãi, rơi vào hoàn cảnh cô đơn không có người chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong khi đó, đội ngũ chăm sóc tại cộng đồng chưa được đào tạo, chưa kết nối thành hệ thống dẫn tới các cơ sở chăm sóc tư nhân thiếu sự quản lý chặt chẽ. Vấn đề NCT vẫn đang là gánh nặng đối với gia đình hiện nay.

Một trong những vấn đề đặt ra hiện nay là bảo hiểm đối với NCT. Ngoài một bộ phận nhỏ NCT có lương hưu, trợ cấp xã hội thì phần lớn NCT vẫn phải sống dựa vào con cháu. Đây là nguyên nhân chính dẫn tới NCT bị lạm dụng và bạo hành.

Giải pháp đặt ra hiện nay là, bên cạnh các chính sách chăm sóc NCT, cần chú trọng hơn đến các hoạt động chăm sóc NCT trong gia đình. Cần quan tâm xây dựng gia đình, chú trọng đến các biện pháp giáo dục người trẻ về đạo đức, trách nhiệm đối với ông bà, cha mẹ ngay từ khi còn nhỏ. Lịch sử phát triển đất nước cho thấy, truyền thống tốt đẹp nhất của gia đình Việt Nam chính là nhiều gia đình thế hệ sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, lối sống về vật chất đã làm mai một dần truyền thống tốt đẹp đó. Hiện nay, chúng ta chỉ quan tâm đến phát triển kinh tế mà chưa chú tâm đến phát triển xã hội. Cần phải giáo dục giới trẻ về nhân cách sống, bởi lòng nhân ái là gốc rễ của mọi sự phát triển.

Các chiến lược, mô hình nhằm ngăn chặn tình trạng lạm dụng, ngược đãi NCT đã được nhân rộng ở nhiều địa phương. Tuy nhiên, các chiến dịch nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng, đặc biệt là củng cố, nâng cao nhận thức của các thế hệ con cháu trong chăm sóc NCT chưa được chú trọng. Người cao tuổi dường như đang bị coi như một gánh nặng của thế hệ trẻ. Mối quan hệ trong gia đình trở nên xấu đi và tồn tại nhiều mâu thuẫn. Do vậy, Trung ương Hội người cao tuổi và các cơ quan có liên quan cần có chiến lược, chính sách vận động, truyền thông mạnh mẽ hơn nữa về việc giữ gìn, phát huy các giá trị tốt đẹp trong gia đình. Cần có thêm các chính sách, chương trình hỗ trợ các câu lạc bộ, cơ sở chăm sóc cho NCT để giảm gánh nặng của gia đình, đồng thời bảo đảm sự an toàn và khỏe mạnh cho NCT.□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thị Hoa, Phạm Thị Kim Oanh, 2008, *Vấn đề bạo lực gia đình ở vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc Việt Nam*, Tạp chí Dân tộc học, số 4.
2. Đặng Thị Hoa, 2016, *Tính liên tục và sự thay đổi giá trị giữa các thế hệ trong gia đình*, chương sách in chung trong sách: *Hệ giá trị gia đình Việt Nam từ hướng tiếp cận xã hội học*, Nxb KHXH, H.

3. Đặng Thị Hoa (chủ biên), 2020. *Bạo lực gia đình ở Việt Nam, Thực trạng và các yếu tố tác động*, Nxb Khoa học xã hội.
4. Nguyễn Thế Huệ, 2007, *Bạo lực trong gia đình người Mông tại vùng núi phía Bắc Việt Nam*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
5. Mt Sinai J Med. 1996 , Violence against elderly people. <http://www.helpage.org/newsroom/press-room/press-releases/violence-against-older-people-is-a-global-phenomenon-says-helpage-international-as-activists-call-for-a-un-convention-on-the-rights-of-older-people/>
6. Neglect, abuse and violence against Older Women, United Nation, New York, 2013.
7. Vụ Gia đình, Bộ Văn hóa thể thao và du lịch, 2012, *Điều tra thực trạng bạo lực gia đình, đề xuất giải pháp có tính đột phá nhằm giảm thiểu bạo lực gia đình trong năm 2012 và giai đoạn 2012-2016*.

GIÀ HÓA DÂN SỐ TOÀN CẦU - CẦN ĐƯỢC TẬN DỤNG THÀNH MỘT ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

TS. PHẠM NGỌC HÙNG

Tạp chí Cộng sản

QUÁ trình già hóa dân số toàn cầu đã, đang và sẽ có tác động rất lớn đến mọi lĩnh vực đời sống xã hội trong thế kỷ XXI, điển hình như tăng trưởng kinh tế chậm lại, khủng hoảng lương hưu, vấn đề chăm sóc người khuyết tật, ốm đau ngày càng tăng, bảo toàn tiền tiết kiệm và tài chính của người già, vấn đề phân biệt tuổi tác và tính dễ bị tổn thương của người già trong các cuộc khủng hoảng và đại dịch. Dự báo 2/3 số người trên 65 tuổi sẽ sống ở các nước có thu nhập trung bình và thấp. Hơn nữa, tình trạng già hóa dân số sẽ ảnh hưởng đến ngay cả những quốc gia nghèo nhất, có dân số trẻ ở châu Phi cận Sahara. Những vấn đề an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi ngày càng trở nên cấp thiết và cần có những giải pháp chủ động, hiệu quả. Già hóa dân số là một vấn đề quan trọng, nếu không quan tâm đúng mức sẽ dẫn đến những căng thẳng xã hội, khủng hoảng và xung đột giữa các thế hệ, bất ổn chính trị và xã hội. Tuy nhiên, bài viết cung cấp một cách nhìn mới, *coi quá trình già hóa dân số với sự xuất hiện của những cơ hội mới gắn liền với những tiềm năng tài nguyên của người cao tuổi, như tri thức, kinh nghiệm, trải nghiệm...* Vấn đề đặt ra là, cần thực hiện các biện pháp cụ thể, đồng bộ trong nhiều lĩnh vực, các chiến lược dài hạn để nâng cao chất lượng cuộc sống gắn liền với sức khỏe của người già, tăng tuổi thọ tích cực, chống lại các định kiến với người cao tuổi. Ngoài ra, vai trò của công nghệ cũng cần phải tính đến, được kích thích bởi quá trình lão hóa dân số toàn cầu và nhu cầu tăng tuổi thọ. Trong bối cảnh làn sóng công nghệ mới đang đến gần (tạm gọi là cuộc cách mạng điều khiển học), già hóa dân số toàn cầu có thể tạo ra nhu cầu cấp thiết về công nghệ tiết kiệm lao động, cũng như tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của y học. Tiến bộ trong lĩnh vực này sẽ giúp kéo dài tuổi lao động và cải thiện chất lượng cuộc sống liên quan đến sức khỏe.

1. Đặt vấn đề

Già hóa dân số là một vấn đề đặc biệt quan trọng, ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực và đến sự phát triển toàn cầu trong tương lai. Tuy nhiên, đến nay không có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này, đặc biệt là về những ảnh hưởng, tác động rộng rãi của già hóa dân số đối với mọi lĩnh vực của xã hội. Việc nghiên cứu về quá trình này có vai trò rất quan trọng đối với xã hội học; bởi lẽ, người cao tuổi là một nhóm dân số đặc biệt, nếu bỏ qua những đặc điểm của nhóm dân số này có thể dẫn đến những xung đột nghiêm trọng giữa các thế hệ.

Bài viết sử dụng định nghĩa về già hóa được quy định trong “Tuyên bố về vấn đề già hóa dân số” của Đại hội đồng Liên hợp quốc năm 1992. Theo tuyên bố, già hóa có thể được coi không chỉ là một yếu tố nhân khẩu học, mà còn là một hiện tượng xã hội, kinh tế và văn hóa. Mục tiêu của nghiên cứu là nhằm giải quyết vấn đề khoa học: Tác động của già hóa dân số toàn cầu đến cơ cấu xã hội tương lai. Nhiệm vụ là phân tích một cách có hệ thống các rủi ro và nguy cơ có thể xảy ra đối với xã hội liên quan đến vấn đề già hóa dân số và đưa ra các đề xuất dựa trên cơ sở khoa học để giảm thiểu những rủi ro này. Điểm mới của bài viết là đóng góp về mặt lý luận vào việc phát triển phân tích về già hóa dân số toàn cầu; đặc biệt, ý tưởng về nhu cầu xã hội thích ứng với sự già hóa dân số ngày càng gia tăng. Có thể khẳng định, già hóa dân số sẽ là yếu tố quan trọng nhất trong thế kỷ XXI.

Liên hợp quốc và các tổ chức liên quan, đặc biệt là Tổ chức Y tế thế giới (WHO), dành khá nhiều sự quan tâm đến quá trình già hóa dân số toàn cầu diễn ra với tốc độ khác nhau ở các quốc gia. Việc nghiên cứu về vấn đề này được thực hiện tích cực từ cuối những năm 1970. Nhiều chương trình, quyết định, tuyên bố,... đã được thông qua. Nhìn chung, nhiều vấn đề đã được xác định, nhiều nhiệm vụ đã được đặt ra nhằm thúc đẩy sự hòa nhập tích cực và nhân văn hơn của nhóm người cao tuổi vào các quá trình xã hội, giúp bảo đảm rằng tuổi già không phải là gánh nặng ngày càng tăng đối với xã hội, mà còn là cơ hội để tổ chức cơ cấu, sự phát triển của xã hội theo một hướng nhất định, sử dụng tiềm năng tài nguyên quý giá của người già (kinh nghiệm, trí tuệ). Các phương pháp tiếp cận theo hướng bảo vệ quyền con người cũng được thúc đẩy, bao gồm việc không bắt nạt, ngược đãi người cao tuổi, cũng như giúp nhiều người trong số họ thoát khỏi cảm giác cam chịu, tự ti cho rằng mình là gánh nặng cho mọi người. Đã có nhiều công việc được thực hiện để tổ chức số liệu thống kê quốc gia về già hóa dân số, điều chỉnh các tài liệu quốc tế đã được thông qua ở cấp

quốc gia,... Tuy nhiên, cần phải thừa nhận thực tế rằng, các cách tiếp cận chính của các tổ chức quốc tế chứa đựng một số rủi ro liên quan đến việc thay đổi thứ bậc mục tiêu và chuyển dịch trọng tâm vào việc giải quyết số lượng ngày càng gia tăng các nhiệm vụ hiện tại và của địa phương gây bất lợi cho các nhiệm vụ chiến lược. Tất nhiên, các tổ chức quốc tế không thể giải quyết tất cả các vấn đề liên quan đến tình trạng già hóa dân số toàn cầu, càng không thể phát triển một chiến lược chung, vì cần phải có sự đồng thuận về quan điểm của tất cả các quốc gia.

Ngoài ra, ngay cả các tổ chức quốc tế, trong đó có châu Âu, cũng khó có thể quan tâm đến mọi khía cạnh của vấn đề này. Việc phân tích tác động của quá trình lão hóa dân số toàn cầu đến nay chủ yếu đánh giá các khía cạnh: lương hưu, ngân sách, pháp lý, giới tính và y tế từ góc độ các bệnh liên quan đến lão hóa. Tuy nhiên, lão hóa dân số có nhiều khía cạnh quan trọng không kém. Nói cách khác, khối lượng nghiên cứu về vấn đề tác động, ảnh hưởng ngày càng tăng của vấn đề già hóa dân số lên mọi mặt của đời sống xã hội trong hiện tại và tương lai rõ ràng là chưa tương xứng với tầm quan trọng của vấn đề này. Vào năm 1999, nhà nghiên cứu Peter Peterson đã lập luận rằng, sự lão hóa dân số sẽ làm thay đổi tương lai chung của thế giới hơn bất cứ điều gì khác.

Hiện nay, sự phát triển của khoa học - công nghệ được xác định bởi cuộc cách mạng công nghiệp điều khiển và tự động hóa. Nó thể hiện sự chuyển đổi cơ bản từ nguyên tắc sản xuất công nghiệp sang sản xuất dịch vụ và hàng hóa dựa trên việc áp dụng rộng rãi các hệ thống tự động, nghĩa là các hệ thống không chỉ có khả năng hoạt động khi không có (hoặc có sự tham gia tối thiểu) của con người, mà còn độc lập đưa ra được những quyết định phức tạp để giải quyết vấn đề.

Vai trò của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) và trí tuệ nhân tạo (AI) trong xã hội đặc biệt quan trọng, mang lại cả lợi ích lẫn rủi ro tiềm ẩn. Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu dự đoán rằng, từ những năm 2030, một giai đoạn mới - cuối cùng của cuộc cách mạng công nghiệp điều khiển, tự động hóa sẽ bắt đầu. Những đột phá lớn về công nghệ sẽ dẫn đến sự hình thành và triển khai rộng rãi các hệ thống tự quản, đồng thời các công nghệ mới sẽ đi đầu. Theo dự báo này, đây sẽ là tập hợp các lĩnh vực công nghệ, được gọi là tổ hợp/hội tụ MANBRIC. Hiện nay, tổ hợp này đã cơ bản hình thành và trong giai đoạn cuối của cuộc cách mạng công nghệ điều khiển, tự động hóa (giai đoạn năm 2030 - 2070), nó sẽ phát triển mạnh mẽ. MANBRIC là từ viết tắt được hình thành

từ các chữ cái đầu của 7 lĩnh vực hàng đầu: y học, in 3D, công nghệ nano, sinh học, robot, thông tin, công nghệ nhận thức. Hiện tại, các lĩnh vực công nghệ này tương tác chặt chẽ và bổ sung cho nhau, và quá trình này sẽ tăng tốc trong tương lai. Do một số đặc điểm, y học sẽ trở thành một phần không thể thiếu trong tổ hợp MANBRIC. Điều này cũng sẽ được tạo điều kiện thuận lợi bởi quá trình già hóa dân số ngày càng gia tăng của xã hội.

Giới học giả cho rằng, ở giai đoạn cuối của cuộc cách mạng điều khiển, tự động hóa, nhiệm vụ quan trọng nhất sẽ là sự thích ứng của xã hội với quá trình già hóa dân số toàn cầu. Đồng thời, mỗi xã hội ở mọi cấp độ phát triển phải tích cực lồng ghép vấn đề này vào cuộc sống hằng ngày để đẩy nhanh quá trình thích ứng với tình trạng già hóa dân số và thể chế hóa tỷ lệ tuổi tác đã thay đổi trong xã hội. Với xu hướng như hiện nay, quá trình già hóa dân số toàn cầu sẽ còn diễn ra phức tạp hơn trong tương lai, và sẽ là quá trình, yếu tố quan trọng nhất của thế kỷ XXI.

Câu hỏi đặt ra là làm thế nào và tại sao vấn đề già hóa dân số toàn cầu sẽ ảnh hưởng đến hầu như tất cả các lĩnh vực của xã hội trong tương lai? Tỷ lệ người già trong cơ cấu nhân khẩu học của xã hội sẽ như thế nào? Vấn đề già hóa dân số sẽ tác động thế nào đến từng lĩnh vực: 1- Kinh tế (thuê lao động, tiêu dùng và cơ cấu tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng, đầu tư,...); 2- Chính trị (liệu dân số trong độ tuổi cao có phải là tầng lớp bầu cử hàng đầu hay không, ví dụ, phần ngân sách nào sẽ tập trung vào tầng lớp đó); 3- Xã hội (các chương trình xã hội, cơ cấu nghề nghiệp và khoa học xã hội sẽ tập trung vào độ tuổi dân số ở mức độ nào); 4- Hệ thống y tế.

Ngoài ra, cần chú ý đến các khía cạnh quan trọng sau: 1- Bảo quản tiền tiết kiệm và tài sản của người cao tuổi; 2- Những bước phát triển của xã hội có thể bị cản trở bởi xu hướng phân biệt tuổi tác trong xã hội. Chủ nghĩa bảo thủ vốn cố hữu trong nhóm người cao tuổi cũng cần được đề cập vì đặc tính này sẽ ảnh hưởng đến nhiều vấn đề. Bên cạnh đó, cả phương tiện truyền thông và định hướng tư tưởng đều có thể thay đổi đáng kể.

Ngày nay, sự phát triển của công nghệ được cho là một yếu tố quan trọng có thể kéo dài tuổi thọ, nhưng về mặt chính trị, tài chính, kinh tế, vẫn chưa rõ một xã hội hiện đại sẵn sàng giải quyết các vấn đề liên quan đến nó như thế nào? Ví dụ, ở mức độ nào, xã hội sẵn sàng bảo toàn tiền tiết kiệm và tài sản của người lớn tuổi? Trong bối cảnh nợ công tăng cao và nguy cơ khủng hoảng ngân hàng một cách có hệ thống ngày càng gia tăng, liệu tiền tiết kiệm và tài sản của

người cao tuổi có an toàn? Liệu họ có bị ảnh hưởng trong các cuộc khủng hoảng tài chính hay trong các thao túng với sự trợ giúp của công nghệ, cũng như lạm phát khiến tiền hưu trí mất giá? Vấn đề này không nằm trong xu hướng nghiên cứu chính thống nhưng cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến cách thức mà xã hội cần giải quyết để bảo đảm cho những người cao tuổi.

Trước nguy cơ xảy ra các cuộc đại dịch trong tương lai, với sự ảnh hưởng ngày càng lớn của truyền thông và nhiều yếu tố khác, cuộc sống của người cao tuổi sẽ ra sao? Liệu xã hội có bảo đảm được sự gia tăng thật sự của tuổi thọ và nâng cao chất lượng sinh học của cuộc sống? Hay thế giới sẽ phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng xã hội nghiêm trọng, một cuộc suy thoái (trong đại dịch COVID-19, người già là đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất). Chỉ khắc phục được những tác động tiêu cực, thì việc tăng tuổi thọ và nâng cao chất lượng cuộc sống mới có thể tiến triển.

2. Già hóa dân số toàn cầu: Thực trạng hiện nay và dự báo xu hướng thời gian tới

Hiện nay, tỷ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên là trên 20%, theo thống kê ở 22 quốc gia và vùng lãnh thổ, chủ yếu ở Nam và Đông Âu, trong đó Nhật Bản đứng đầu với 28,4%.

Bảng 1: Các quốc gia và vùng lãnh thổ có tỷ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm trên 20% năm 2020⁽¹⁾

Quốc gia	Nhật Bản	Ý	Bồ Đào Nha	Phần Lan	Hy Lạp	Đức	Bulgaria	Pháp	Slovenia
Tỷ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên (%)	28,4	23,3	22,77	22,55	22,28	21,69	21,47	20,75	20,74

Ở một số quốc gia, tỷ lệ dân số từ 80 tuổi trở lên đã vượt quá 6%, trong đó Nhật Bản tiếp tục dẫn đầu với 10,2%.

(1) Tổng hợp dữ liệu của Ban Dân số Liên hợp quốc, <http://www.un.org/esa/population>

Bảng 2: Các quốc gia và vùng lãnh thổ có tỷ lệ dân số từ 80 tuổi trở lên vượt quá 6% năm 2021⁽²⁾

Quốc gia	Nhật Bản	Ý	Đức	Hy Lạp	Bồ Đào Nha	Latvia	Martinique	Pháp	Litva
Tỷ lệ dân số từ 80 tuổi trở lên	10,2	7,64	7,37	6,85	6,64	6,41	6,28	6,28	6,19

Dân số từ 60 tuổi trở lên đã vượt quá số trẻ em dưới 5 tuổi⁽³⁾. Có nhiều yếu tố làm nên tình trạng già hóa dân số và giới chuyên gia dự báo sẽ còn nhiều yếu tố mới phát sinh, và vấn đề già hóa dân số sẽ trở nên nghiêm trọng, ít nhất là trong 20 - 30 năm tới.

Những dự báo về tình trạng già hóa dân số đều cho thấy tính chất nghiêm trọng của vấn đề. Tốc độ tăng tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên cao hơn nhiều so với tốc độ tăng dân số chung của thế giới. Vào đầu những năm 1980, trên thế giới chưa có “quốc gia già” nào, tức là các quốc gia có tỷ lệ người già vượt quá tỷ lệ người trẻ. Năm 2010 đã có 23 “quốc gia già” và dự báo đến năm 2040 sẽ có khoảng 899 quốc gia. Theo dự báo mới nhất của Liên hợp quốc, đến năm 2100, 2,47 tỷ người, tương đương dân số thế giới, sẽ trên 65 tuổi và chỉ có 2,3 tỷ người dưới 20 tuổi⁽⁴⁾. Số người trên 80 tuổi sẽ tăng gấp 6 lần, từ khoảng 140 triệu người năm 2017 lên hơn 960 triệu người vào cuối thế kỷ XXI⁽⁵⁾.

Theo đó, tỷ lệ toàn cầu giữa số người trên 80 tuổi so với số người từ 15 tuổi trở xuống được dự đoán sẽ tăng từ 0,16 năm 2017 lên 1,5 vào năm 2100. Nhìn chung, tất cả các dự báo nhân khẩu học đều nhất trí dự đoán dân số thế giới sẽ già đi đáng kể trong những thập kỷ tới. Nếu chỉ dự báo trong giai đoạn 2020 - 2030, tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên trong dân số toàn cầu sẽ tăng 34%⁽⁶⁾. Đặc

(2) Tổng hợp dữ liệu của Ban Dân số Liên hợp quốc, <https://population.un.org/wpp/>, ngày 15-01-2023

(3) “Người cao tuổi và sức khỏe”, <https://www.who.int/ru/newsroom/fact-sheets/detail/ageing-and-health>, ngày 17-01-2023

(4) Theo số liệu của Ban Dân số Liên hợp quốc, https://www.un.org/development/desa/pd/sites/www.un.org.development.desa.pd/files/wpp2022_summary_of_results.pdf, ngày 30-5-2023

(5) Theo dự báo của Ban Dân số Liên hợp quốc, <https://population.un.org/wpp/>, ngày 15-1-2023

(6) “Người cao tuổi và sức khỏe”, <https://www.who.int/ru/newsroom/fact-sheets/detail/ageing-and-health>, ngày 17-01-2023

biệt, tốc độ gia tăng đột biến tình trạng già hóa dân số toàn cầu và của các quốc gia sẽ xảy ra vào năm 2050. Theo đó, dân số từ 90 tuổi trở lên sẽ tăng 3,6 lần vào năm 2050, lên 82,9 triệu người so với 22,8 triệu người vào năm 2021.

Trong giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2050, tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên sẽ tăng gấp đôi, từ khoảng 9,9% lên 22%. Theo dự báo, số người từ 60 tuổi trở lên sẽ tăng từ 1,1 tỷ người vào năm 2021 lên 1,4 tỷ người vào năm 2030 và 2,1 tỷ vào năm 2050 và có thể đạt 3,1 tỷ người vào năm 2100. Từ năm 2021 đến năm 2050, số người từ 80 tuổi trở lên dự kiến sẽ tăng gấp ba lần, lên 458 triệu người.

Đến năm 2050, châu Âu sẽ có khoảng 34% dân số từ 60 tuổi trở lên, châu Mỹ Latinh, vùng Caribe và châu Á khoảng 25%. Mặc dù châu Phi có dân số trẻ lớn nhất so với các khu vực khác trên thế giới, nhưng khu vực này cũng được dự đoán sẽ trải qua giai đoạn già hóa dân số nhanh chóng, với tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên tăng từ 5% hiện nay lên 9% vào năm 2050. Một điều cần lưu ý là, người cao tuổi sẽ ngày càng tập trung ở những khu vực kém phát triển về mặt kinh tế, mặc dù tỷ lệ dân số của các nước này vẫn cao hơn ở các nước phát triển nhất. Đến năm 2050, 2/3 dân số thế giới từ 60 tuổi trở lên sẽ sống ở các nước có thu nhập thấp và trung bình.

Bên cạnh đó, vấn đề lương hưu và an sinh xã hội đối với người cao tuổi cũng có thể trở nên cực kỳ phức tạp. Như đã đề cập ở trên, dân số từ 60 tuổi trở lên (1.109 triệu người) đã gần gấp đôi số trẻ em dưới 5 tuổi (663 triệu người). Điều cực kỳ đáng báo động là đến năm 2050, số người từ 60 tuổi trở lên (2.132 triệu) sẽ gần gấp đôi số thanh thiếu niên trong độ tuổi 15 - 24 tuổi⁽⁷⁾.

Nhưng ngay cả đến năm 2030, sự dịch chuyển cơ cấu dân số vẫn có thể xảy ra. Vào năm 2030, tỷ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm trên 20% ở 59 quốc gia/vùng lãnh thổ trên thế giới và 1/6 dân số thế giới (16,6%). Những dự báo trên có thể khiến các quốc gia, các nhà lãnh đạo phải thay đổi nhận thức và hoạch định chính sách. Vấn đề cấp thiết đặt ra hiện nay là phải đưa ra những quyết định và biện pháp để đảo ngược xu hướng già hóa dân số. Thực tế cho thấy, quá trình già hóa dân số toàn cầu và sự gia tăng tuổi thọ có thể dẫn đến những thay đổi rất nghiêm trọng trong đời sống chính trị - xã hội. Tuy nhiên, xã hội hiện nay có vẻ chưa chuẩn bị cho những thay đổi và thích ứng nên sự phát triển của những xu hướng già hóa dân số có thể gây ra những căng thẳng và xung đột nghiêm trọng. Do đó, sự phát triển của xu hướng già hóa dân số trong xã hội chắc chắn

(7) Triển vọng dân số thế giới, https://www.un.org/development/desa/pd/sites/www.un.org/development/desa/pd/files/wpp2022_summary_of_results.pdf, ngày 30-5-2023

sẽ đòi hỏi những thay đổi căn bản và cần phải được thể chế hóa thành những chính sách, chiến lược.

3. Tác động của già hóa dân số toàn cầu đến phát triển kinh tế - xã hội: Những thách thức và giải pháp

Tác động của già hóa dân số toàn cầu đến phát triển kinh tế - xã hội mang tính đa chiều vì có ý nghĩa quan trọng về mặt kinh tế vĩ mô. Mặc dù thực tế cho thấy rằng, tác động của lực lượng lao động già đi có thể tích cực theo một khía cạnh nào đó (có thêm kinh nghiệm và làm quen với công việc), nhưng nhìn chung nó *làm chậm quá trình đổi mới sáng tạo và đào tạo lại người lao động lớn tuổi và khả năng tăng năng suất lao động, đồng thời cũng làm giảm khả năng dịch chuyển lao động*. Tác động tiêu cực của lão hóa dân số cũng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhiều vấn đề xã hội phát sinh (ví dụ như số giờ làm việc giảm đáng kể). Tất nhiên, tác động đáng kể nhất có liên quan đến việc giảm mạnh nguồn cung lao động. Tóm lại, hiện tại và trong tương lai gần, thách thức chính mà các nền kinh tế sẽ phải đối mặt là do già hóa dân số.

Bên cạnh đó, chủ đề về *cuộc khủng hoảng lương hưu* sắp tới là thách thức chính đối với các quốc gia, nhưng đến nay vẫn không được thảo luận, nghiên cứu một cách thấu đáo. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng này đang đến gần, và ở một số quốc gia, điều này đã xảy ra. Cuộc khủng hoảng lương hưu sẽ biểu hiện rõ rệt nhất trong trường hợp xảy ra sự sụp đổ của thị trường chứng khoán, nơi các quỹ hưu trí được đầu tư, cũng như khả năng nhà nước vỡ nợ. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế yếu và cuộc khủng hoảng nợ có khả năng nghiêm trọng hơn, hệ thống lương hưu như “quả bom hẹn giờ” cho các nền kinh tế.

Một vấn đề nghiêm trọng khác là *việc chăm sóc người già, người bệnh trong các gia đình và các thành phần kinh tế trong gia đình*. Phần lớn mọi người chăm sóc người già trong gia đình, điều này áp dụng cho tất cả các nước, kể cả những nước phát triển. Ví dụ, ở các nước OECD, khoảng 10% người trưởng thành chăm sóc người già tại nhà. Tại Mỹ (dữ liệu năm 2009), ít nhất 43,5 triệu người từ 18 tuổi trở lên (19% người trưởng thành) chăm sóc người cao tuổi là thành viên gia đình hoặc bạn bè. Phần lớn người chăm sóc là phụ nữ (67%), với độ tuổi trung bình là 50 và dành gần 20 giờ mỗi tuần để chăm sóc. Tại Nhật Bản vào năm 2012, phụ nữ từ 50 đến 65 tuổi là nhóm phải rời bỏ hoặc thay đổi công việc lớn nhất để chăm sóc cha mẹ.

Như vậy, gánh nặng chăm sóc con cái trước đây đặt lên vai người phụ nữ nay đã được thay thế một phần bằng gánh nặng chăm sóc người già, người bệnh. Việc chăm sóc trẻ em chủ yếu được thực hiện bởi phụ nữ ở độ tuổi trẻ, còn việc chăm sóc người già, người bệnh bởi phụ nữ trưởng thành, thậm chí lớn tuổi. Điều này không chỉ dẫn đến tình trạng thiếu hụt số lượng lớn lực lượng lao động nữ, mà còn có những bất bình đẳng đáng kể xét về khía cạnh xã hội, chính trị, kinh tế mà phụ nữ ở các quốc gia này phải trải qua và cần phải giải quyết.

Ngoài ra còn có một số vấn đề khác, đặc biệt là vấn đề phân biệt tuổi tác, tức là sự phân biệt đối xử dựa trên tuổi tác ở nhiều khía cạnh khác nhau. Đại dịch COVID-19 xảy ra và việc người già bị đẩy vào các viện dưỡng lão là minh chứng cho nhận định trên. Có nguy cơ đối đầu giữa các quốc gia “trẻ” và “già” trong tương lai, có thể làm nổ tung trật tự hệ thống thế giới. Nhìn chung, vấn đề già hóa cần có sự nghiên cứu đặc biệt. Những tiên đề chính trong dự báo về tác động của già hóa dân số đối với xã hội hiện đại và tương lai được thể hiện trong hai luận điểm là: 1- Quá trình già hóa dân số toàn cầu của xã hội càng sâu sắc nhờ tuổi thọ ngày càng tăng thì quá trình này càng phụ thuộc vào sự phát triển của y tế, công nghệ sinh học và các xu hướng công nghệ khác; 2- Tuy nhiên, quá trình già hóa toàn cầu trong tương lai sẽ không thể xảy ra nếu không có sự phát triển của các hệ thống tự quản và các công nghệ đổi mới khác, mà còn nếu không có những thay đổi sâu sắc trong xã hội. Trong một thời gian nhất định, quá trình này có thể diễn ra mạnh mẽ ở các nước đang phát triển do sự phổ biến của các công nghệ hiện có ở các nước phát triển, nhưng trong tương lai gần, nó sẽ bắt đầu chậm lại nếu không có những đổi mới mang tính đột phá.

4. Có thể tận dụng quá trình già hóa dân số toàn cầu như một động lực phát triển hay không?

Nhiều chuyên gia cho rằng, có thể tận dụng quá trình già hóa dân số toàn cầu như một động lực phát triển. Ví dụ, theo các tài liệu chính thức của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và một số tổ chức khác, già hóa dân số có nhiều mặt tích cực. Thứ nhất, đó là cơ hội để tận dụng những tiềm năng tài nguyên của người cao tuổi, như kiến thức, kinh nghiệm, trải nghiệm. Hội nghị thế giới về người cao tuổi lần thứ hai thông qua Kế hoạch hành động quốc tế Madrid năm 2002, có thể được coi là một cột mốc quan trọng trong việc thay đổi quan điểm về người cao tuổi. Kế hoạch đã trở thành nền tảng cho các chiến lược đổi mới đối với người cao tuổi. Cần nhắc thực tế rằng sức khỏe là nền tảng cho tiềm năng nguồn lực của con người, WHO đã đề xuất khái niệm về tuổi thọ tích cực, “sự

lão hóa khỏe mạnh”⁽⁸⁾. Trong bối cảnh dân số suy giảm, việc thu hút nhóm dân số già tham gia tích cực hơn vào quá trình hiện đại hóa, phát triển đất nước nhằm ứng phó hiệu quả với những thách thức mang tính hệ thống đang trở thành chiến lược mà nhiều quốc gia hướng đến. Thứ hai, trong việc định hướng các giá trị, già hóa dân số toàn cầu có thể có một số tác động tích cực bằng cách tăng cường hỗ trợ các giá trị xã hội ở cấp độ toàn cầu. Thứ ba, chúng ta mong đợi vào sự tự tổ chức của nhóm dân số già, với những người khỏe mạnh và tràn đầy năng lượng, sẽ giúp đỡ những người khác trong cộng đồng của họ. Thứ tư, với sự phát triển của y học, người cao tuổi có thể làm việc lâu dài hơn, từ đó mang lại lợi ích kinh tế cho xã hội, mà không trở thành gánh nặng cho xã hội. Thứ năm, người cao tuổi có thể đóng một vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận thực tế rằng, vai trò của quá trình già hóa dân số toàn cầu với tư cách là động lực phát triển đến nay vẫn chưa được đánh giá một cách toàn diện.

Nhiều chuyên gia, nhà khoa học tin rằng, già hóa dân số toàn cầu có thể trở thành động lực phát triển công nghệ. Cần lưu ý rằng, đến nay tác động của lão hóa dân số toàn cầu đối với tốc độ phát triển của khoa học và công nghệ chưa được nghiên cứu đầy đủ, tường minh, và nó ảnh hưởng đến các lĩnh vực công nghệ, kinh tế, chính trị, xã hội và nhiều lĩnh vực khác theo những cách khác nhau. Nhiều nhà khoa học dự báo, trong cuộc cách mạng công nghệ giai đoạn 2030 - 2060, sự lão hóa dân số sẽ thúc đẩy tiến bộ công nghệ; bởi lẽ, sẽ cần đến công nghệ tiết kiệm lao động do thiếu nguồn nhân lực lao động và sự phát triển đột phá về công nghệ trong y học nhằm tăng độ tuổi lao động và chất lượng đời sống sinh học của người cao tuổi. Thế giới sẽ không thể thích ứng với sự lão hóa dân số toàn cầu nếu không có sự phát triển mạnh mẽ của các công nghệ, ngoài việc điều trị được những căn bệnh nguy hiểm nhất; bởi vì: 1- Giúp cho cuộc sống của người già và người khuyết tật trở nên dễ dàng hơn (ở đây những tiến bộ trong nhiều lĩnh vực rất quan trọng, như y học, công nghệ sinh học và dược phẩm, trí tuệ nhân tạo, công nghệ nhận thức,...); 2- Giảm chi phí chăm sóc người bệnh và người già với sự trợ giúp của robot, trí tuệ nhân tạo...; 3- Tạo điều kiện thuận lợi cho người cao tuổi tham gia vào quá trình lao động với sự trợ giúp của các công nghệ mới nhất. Tất cả điều này sẽ dẫn đến một bước đột phá to lớn, một làn sóng công nghệ mới, mà một trong những yếu tố thúc đẩy là sự lão hóa dân số toàn cầu. Nhưng đồng thời,

(8) Xem: “Thập kỷ già hóa dân số 2020 - 2030”, https://cdn.who.int/media/docs/defaultsource/decade-of-healthy-ageing/final-decade-proposal/decade-proposal-final-apr2020-ru.pdf?sfvrsn=64fd27ba_6, ngày 01-2-2022

lão hóa dân số toàn cầu cũng đặt ra những vấn đề rất nghiêm trọng và mới cho xã hội.

Điều quan trọng cần lưu ý là để có bước đột phá về công nghệ thì cần tích lũy các nguồn lực tài chính, cụ thể là: tiền lương hưu mà số lượng sẽ tăng nhanh chóng; đóng góp của chính phủ cho nhu cầu y tế và xã hội; tăng chi tiêu của dân số già cho các hỗ trợ y tế. Tất cả điều này đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu rất lớn và các dự án, chiến lược dài hạn để tạo ra các sản phẩm đổi mới, bước đột phá công nghệ mạnh mẽ. Ngày nay, cần phải thực hiện các biện pháp cụ thể trong nhiều lĩnh vực, các chương trình dài hạn để nâng cao chất lượng cuộc sống liên quan đến sức khỏe (Health Related Quality of Life) cho thế hệ lớn tuổi, tăng tuổi thọ khỏe mạnh và cũng là để chống lại những định kiến phổ biến về tuổi già.

Do sự phát triển mang tính cộng sinh, *một mặt*, là của quá trình lão hóa dân số toàn cầu và sự thích ứng của xã hội với nó; *mặt khác*, là của sự phát triển mang tính đột phá của các hệ thống công nghệ tự quản, một kiểu xã hội mới sẽ xuất hiện - điều khiển học. “Xã hội điều khiển học” là xã hội được hình thành sau khi hoàn thành cuộc cách mạng điều khiển học. Đó sẽ là: 1- Xã hội với những siêu công nghệ; 2- Xã hội được điều tiết về mặt công nghệ - xã hội ở mọi cấp độ; 3- Cũng như một xã hội mà ở đó do quá trình lão hóa dân số, sự phân chia thành các nhóm tuổi sẽ trở nên sâu sắc hơn (nghĩa là tuổi tác trở thành một dấu hiệu nhận biết xã hội quan trọng). Vấn đề đặt ra hiện nay là nguồn lực nào có thể được sử dụng để hỗ trợ quá trình lão hóa dân số lành mạnh ở các nước đang phát triển. Cần phải lưu ý rằng, vào cuối thế kỷ XXI, trình độ ở các nước đang phát triển sẽ được nâng lên đáng kể, và nhờ làm việc từ xa, một phần đáng kể dân số ở châu Phi và các châu lục khác sẽ được đưa vào lao động trong nền kinh tế của các nước phát triển. Nhìn chung, cuộc cách mạng công nghệ thế hệ mới mà năng suất lao động sẽ tăng lên đáng kể, cũng như góp phần nâng cao trình độ phát triển của các nước nghèo và đang phát triển.

Tuy nhiên, sự phát triển của công nghệ, không chỉ làm cho cuộc sống dễ dàng hơn, mà còn tạo ra những mối đe dọa đối với quyền tự do, nhân quyền và quyền riêng tư cá nhân. Điều này đặc biệt đúng với người lớn tuổi, vì họ đặc biệt dễ bị tổn thương về mặt tâm lý. Vì vậy, việc thích ứng với tình trạng già hóa dân số cũng đòi hỏi những đổi mới công nghệ phải thích ứng với các nguyên tắc của một xã hội mới. Và điều này hiện đang trở nên rất nghiêm trọng, nhiều nước đã cảm nhận rất sâu sắc những phản đối, phản kháng trong xã hội. □

MỐI QUAN HỆ VÀ SỰ TÁC ĐỘNG GIỮA GIÀ HÓA DÂN SỐ VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ: MỘT SỐ GỢI Ý CHO VIỆT NAM

TRẦN THỊ THU TRANG

Tạp chí Cộng sản

Mối quan hệ và sự tác động giữa già hóa dân số và tăng trưởng kinh tế

Giữa dân số và kinh tế có mối quan hệ biện chứng và gắn bó hữu cơ. Đây là quá trình tác động qua lại và là hai mặt của một chỉnh thể thống nhất. Khi nói đến phát triển kinh tế là nói tới tiền đề và điều kiện phát triển chất lượng dân số. Trong đó, động lực của sự phát triển kinh tế chính là con người. Ngược lại, dân số mà cụ thể là người lao động lại là yếu tố quyết định tới sự tăng trưởng của kinh tế, lực lượng vật chất quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội. Ở phạm vi quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội chính là sự bảo đảm cho sự phát triển dân số đúng hướng cả về quy mô, cơ cấu và chất lượng.

Già hóa dân số là một trong những vấn đề thuộc về cơ cấu dân số theo độ tuổi. Già hóa dân số và kinh tế là mối quan hệ có tính qua lại, hay nói cách khác đó là sự tác động mang tính hai chiều.

Ở chiều thuận (già hóa dân số tác động tới kinh tế) cho thấy, khi dân số trong thời kỳ “cơ cấu vàng” thì lực lượng lao động chiếm tỷ trọng cao trong tổng dân số sẽ có tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế và các nước thu được “dư lợi dân số”; ngược lại, khi dân số trở nên già hóa thì lực lượng lao động sẽ giảm, từ đó có thể tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Các nhà nghiên cứu cũng cố lượng hóa tác động của biến đổi cơ cấu dân số đến một số chỉ số kinh tế vĩ mô quan trọng, như GDP/dân số trưởng thành, GDP/dân số có việc làm và tỷ lệ có việc làm. Kết quả phân tích mô hình hồi quy tăng trưởng với hai biến là tốc độ

tăng dân số và tốc độ tăng lao động cho thấy, cơ cấu dân số vàng đã góp phần làm tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đáng kể cho các nước và khi cơ cấu dân số này chuyển sang giai đoạn già hóa thì GDP cũng giảm dần⁽¹⁾. Thậm chí, có nhiều nghiên cứu còn đưa ra được con số cụ thể về những tác động của già hóa dân số tới kinh tế, trong đó phải kể đến nghiên cứu của Nguyễn Đình Cử và Hà Tuấn Anh (2010). Hai nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng, trong giai đoạn 1999 - 2009, thay đổi cơ cấu tuổi dân số đóng góp tới 2,29% vào tốc độ tăng trưởng kinh tế 6% (tương đương với khoảng 38%)⁽²⁾. Tuy nhiên, tiếp tục mô phỏng tác động cho giai đoạn tiếp theo tới năm 2059, nghiên cứu này cho thấy tác động tích cực sẽ nhỏ dần và thậm chí tác động tiêu cực sẽ xuất hiện khi dân số bước vào thời kỳ già. Song có một điều đáng nói ở đây là các nghiên cứu tác động của biến đổi cơ cấu dân số tới kinh tế dù trong hay ngoài nước đều có một điểm chung là mới xem tác động của dân số thay đổi về mặt tỷ trọng các nhóm tuổi chứ chưa tính tới sự khác biệt của các nhóm tuổi về thu nhập, tiêu dùng và năng suất lao động. Ngoài ra, chỉ số được các nhà nghiên cứu sử dụng để đánh giá mức độ tác động của già hóa dân số tới kinh tế là GDP, nhưng GDP là chỉ số đo lường kinh tế truyền thống, không thể phân tích được dân số mà cụ thể ở đây là con người tác động và bị tác động như thế nào trong từng giai đoạn của vòng đời bởi tăng trưởng kinh tế ngoài yếu tố biến đổi cơ cấu dân số còn phụ thuộc nhiều vào chính sách, các yếu tố thiên tai, dịch bệnh...

Trong nghiên cứu của nhóm tác giả, Giang Thanh Long, Phạm Ngọc Toàn, Phạm Lê Phương đã khắc phục tình trạng trên bằng cách sử dụng phương pháp tài khoản chuyển nhượng quốc gia (NTA) để phân tích vai trò của biến đổi cơ cấu dân số theo từng độ tuổi, nhóm tuổi đối với nền kinh tế thông qua thu nhập và chi tiêu của họ. Kết quả cho thấy, dù tiếp cận từ vĩ mô hay vi mô thì biến đổi cơ cấu dân số đều có tác động đến tăng trưởng kinh tế, khi dân số bước vào thời kỳ vàng, hay số lượng dân số trong độ tuổi lao động tăng nhanh, nguồn nhân lực dồi dào sẽ có tác động tích cực tới tăng trưởng, và khi bước qua giai đoạn này, nếu không có biện pháp nâng cao hiệu quả của lao động thì sẽ có tác động làm giảm tăng trưởng. Kết quả nghiên cứu trên cho thấy, cần phải có chiến lược phát triển nguồn nhân lực phù hợp với mô hình tăng trưởng cho các thời kỳ. Nếu mô hình kinh tế phát triển theo chiều sâu, thì cần đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động. Nếu mô hình tăng trưởng

(1) David E. Bloom and Jeffrey G. Williamson: *Demographic transitions and economic miracles in emerging asia*, The world bank economic review, 1998, pp 419 - 455

(2) Nguyễn Đình Cử, Hà Tuấn Anh: *Tận dụng cơ cấu dân số vàng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo khoa học "Mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam: Thực trạng và lựa chọn cho giai đoạn 2011 - 2020, Nxb Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2010

theo chiều rộng nghĩa là sẽ phụ thuộc vào số lượng nguồn nhân lực, khi đó việc giảm số lượng dân số trong độ tuổi sẽ làm giảm tăng trưởng.

Nhìn chung, các nghiên cứu vẫn chủ yếu cho rằng, mối quan hệ giữa già hóa dân số và kinh tế đem đến nhiều tác động tiêu cực hơn là tích cực nếu không có sự can thiệp của các chính sách thích hợp với từng giai đoạn. Có thể hiểu theo phạm vi rộng là khi một phần dân số của một quốc gia, vùng lãnh thổ không làm việc nữa, những người còn lại phải lao động nhiều và hiệu quả hơn để bảo đảm giữ mức sống của mọi người; còn nếu hiểu theo phạm vi hẹp, lấy gia đình làm một đơn vị kinh tế thì khi số người không làm việc trong gia đình tăng lên thì những người còn lại sẽ phải làm việc nhiều và hiệu quả hơn để bảo đảm mức sống của các thành viên trong gia đình. Điều này vô hình trung trở thành nguyên nhân làm chậm tốc độ phát triển của kinh tế cả ở vĩ mô và vi mô. Tuy nhiên, năm 2017, các nhà kinh tế Daron Acemoglu, Suresh Naidu, Pascual Restrepo, James A. Robinson đã nghiên cứu tốc độ tăng GDP bình quân đầu người trong giai đoạn từ năm 1995 đến năm 2015 ở nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ từ đó so sánh với sự thay đổi tỷ lệ người già với số người trong độ tuổi lao động trong cùng thời kỳ đó. Trái ngược với các nghiên cứu phổ biến nêu trên, về cơ bản nghiên cứu này không tìm thấy mối quan hệ nào cho thấy dân số càng già thì càng tác động tiêu cực đến sự phát triển của nền kinh tế⁽³⁾. Nhóm các nhà nghiên cứu đã lấy ví dụ về già hóa thường được viện dẫn là Nhật Bản - nơi thực sự chứng kiến tỷ lệ sinh giảm mạnh, tỷ lệ người già tăng cao và tình trạng trì trệ rõ rệt trong nền kinh tế. Qua so sánh tỷ lệ già hóa dân số của Nhật Bản với tốc độ tăng GDP bình quân đầu người với nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ, các nhà nghiên cứu chỉ ra rằng, không thấy có mối quan hệ và sự tác động rõ rệt nào giữa già hóa dân số với tăng trưởng kinh tế. Điều này có thể được lý giải như sau:

Thứ nhất, xét ở góc độ nào cũng không thể xem người già là một phần gánh nặng xã hội, bởi những nền tảng vật chất người già cống hiến trong thời kỳ trước cũng như những giá trị tinh thần mà họ mang lại cho gia đình và xã hội là không thể phủ nhận.

Thứ hai, vai trò đóng góp của người già không chỉ lệ thuộc vào bản thân họ mà còn phụ thuộc vào nỗ lực và chi phí của người sử dụng lao động để giúp lao động thích nghi với độ tuổi. Đặc biệt, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công

(3) Daron Acemoglu, Suresh Naidu, Pascual Restrepo, James A. Robinson: *Democracy Does Cause Growth*, <https://www.journals.uchicago.edu/doi/abs/10.1086/700936?mobileUi=0&>

nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, đây được coi là một cuộc cách mạng quan trọng về lao động việc làm. Việc ra đời trí tuệ nhân tạo, công nghệ in 3D... sẽ thay thế hàng loạt các công việc nhân công giá rẻ, thay vào đó, đòi hỏi cần có đội ngũ lao động chất lượng cao, giàu kinh nghiệm và đây chính là lợi thế của người già. Chính vì vậy, không ít quốc gia có nhiều người già đã đặt nhiều nỗ lực và nguồn lực vào việc cải thiện năng suất kinh tế trong bối cảnh tự động hóa và công nghệ mới. Nói cách khác, các quốc gia đã có sự điều chỉnh phù hợp và thích ứng giữa quá trình lão hóa và áp dụng tiến bộ công nghệ.

Thứ ba, lý thuyết cho rằng nhiều người già hơn có nghĩa là tiết kiệm nhiều hơn so với các cơ hội đầu tư và điều này tạo ra một lực hãm đối với tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, một nền kinh tế quá nhiều tiết kiệm do nhiều người già và hệ lụy là nền kinh tế ở vào trạng thái trì trệ do lãi suất thấp kéo dài, điều đó không hẳn là do có quá nhiều người già, mà theo lý thuyết kinh tế học của Keynes, có thể là do kích thích trong nền kinh tế là chưa đủ⁽⁴⁾.

Thứ tư, dân số già hóa vẫn có thể tạo ra các nhu cầu, như dinh dưỡng, dịch vụ nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí, dưỡng lão, chăm sóc sức khỏe... Đây có thể xem là một thị trường tiềm năng khi dân số đang ngày càng già hóa với tốc độ nhanh. Tổng cầu bao gồm cả từ người già và trẻ em, ngay cả khi họ không làm việc nữa thì vẫn tham gia tiêu dùng. Già hóa dân số không có nghĩa hoàn toàn là gánh nặng mà đây còn là cơ hội lớn cho các ngành kinh tế dịch vụ cho người cao tuổi, nhiều cơ hội kinh doanh phục vụ nhóm người cao tuổi xuất hiện.

Già hóa dân số là vấn đề đã, đang và sẽ diễn ra ở nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới. Sự tác động của già hóa dân số tới kinh tế là điều có thể xảy ra nếu không có sự chuẩn bị kỹ lưỡng. Vấn đề đặt ra ở đây là việc chính phủ các nước ứng phó và xử lý như thế nào khi tiếp cận với vấn đề này nhằm khai thác, tận dụng những cơ hội vàng từ quá trình biến đổi cơ cấu dân số theo tuổi đáp ứng tăng trưởng kinh tế cũng như thu hẹp khoảng cách chênh lệch về phát triển kinh tế theo giới tính, thành thị và nông thôn.

Ở chiều ngược lại (kinh tế tác động tới già hóa dân số). Trong quá trình phát triển kinh tế, nhiều nước trên thế giới đã trải qua giai đoạn bùng nổ dân số với tỷ suất sinh ở mức cao. Trong bối cảnh đó, chính phủ các nước đã có những

(4) John Maynard Keynes trong cuốn “Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ” cho rằng, lượng cung hàng hóa là do lượng cầu quyết định. Do đó, vào những thời kỳ suy thoái kinh tế, nếu tăng lượng cầu đầu tư hàng hóa công cộng (tăng chi tiêu công cộng), thì sản xuất và việc làm sẽ tăng theo, nhờ đó giúp cho nền kinh tế ra khỏi thời kỳ suy thoái

chính sách nhằm giảm mức sinh và hạn chế tốc độ tăng dân số. Kết quả của việc thực thi các chính sách này trong một thời gian dài là những thay đổi về cơ cấu dân số theo độ tuổi. Một nền kinh tế phát triển sẽ khiến nhu cầu của con người cũng được nâng cao về chất lượng sống, như nhà ở, phương tiện đi lại, chăm sóc sức khỏe, du lịch, giải trí... Các nguồn lực kể cả thời gian dành cho việc sinh con và chăm sóc con cái cũng sẽ phải “cạnh tranh” với các nhu cầu này, khi đó sinh ít như một giải pháp để giải quyết các mâu thuẫn giữa các nhu cầu trên. Điều này dẫn đến tỷ lệ sinh giảm. Trong khi đó, do đời sống kinh tế được nâng cao, y học ngày càng phát triển, con người ngày càng được chăm sóc tốt hơn khiến cho tuổi thọ cũng ngày càng được kéo dài, vì vậy số người cao tuổi cũng vì thế mà ngày càng tăng lên.

Tóm lại, già hóa dân số có tác động tới tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế, dù ở chiều nào thì dân số mà cụ thể ở đây là già hóa dân số và kinh tế đều có những mối quan hệ có tính tương tác hai chiều. Mặc dù nói đến già hóa là nói đến người cao tuổi nhưng sự tác động của vấn đề già hóa dân số lại có ảnh hưởng đến tất cả các nhóm dân số khác. Chính vì vậy, khi nghiên cứu sự tác động của già hóa dân số tới kinh tế cần quan tâm tới cả các nhóm tuổi, giới tính và khu vực (thành thị và nông thôn) để đưa ra những nhận định mang tính bao quát nhất.

Một số gợi ý cho Việt Nam

Dân số Việt Nam đang trong giai đoạn cuối của “quá độ dân số” với các đặc trưng rõ nét, như dân số trẻ em (0-14 tuổi) giảm, dân số trong độ tuổi lao động (15-64 tuổi) tăng nhanh và dân số cao tuổi (65 tuổi trở lên) bắt đầu tăng. Tuy nhiên, chúng ta vẫn còn biên độ và cơ hội để có thể tận dụng tốt cơ hội dân số nhằm phát triển kinh tế - xã hội dựa vào các yếu tố sau đây:

Tận dụng dân số vàng để phát triển kinh tế

Mọi biến động về dân số đều tác động đến tăng trưởng kinh tế, trong đó, cơ cấu tuổi dân số là một yếu tố quan trọng vì nó xác định lượng cung lao động trong nền kinh tế đáp ứng được nhu cầu tăng trưởng kinh tế hay không. Nếu cơ cấu dân số trẻ sẽ tạo ra nguồn lao động dồi dào để tăng trưởng kinh tế, ngược lại dân số già sẽ làm cho số người trong độ tuổi lao động giảm sẽ tác động đến nguồn cung lao động. Cơ cấu “dân số vàng” chỉ xuất hiện cơ hội duy nhất trong lịch sử nhân khẩu học và theo nhiều nghiên cứu, nếu muốn quay lại thời kỳ này phải mất tới vài trăm năm.

Thời kỳ dân số vàng của Việt Nam bắt đầu từ năm 2006. Hiện nay, Việt Nam có 68% dân số trong độ tuổi từ 15 đến 64 tuổi (độ tuổi lao động). Đến giai đoạn 2034 - 2039, con số này sẽ lên đến cực đại, với khoảng 72 triệu người. Đây là dư lợi lớn của dân số vàng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nó cũng đồng nghĩa với việc Việt Nam vẫn còn dư địa để tận dụng tốt cơ hội dân số vàng nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Để tận dụng tối ưu lợi thế dân số vàng cần xây dựng được đội ngũ lao động chất lượng cao, đặc biệt trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư thì điều này càng trở nên cấp thiết. Việt Nam hiện nay có nguồn lao động dồi dào, tuy nhiên số lao động lành nghề và đội ngũ lao động chất lượng cao lại thấp, chủ yếu vẫn là lao động phổ thông và tận dụng lợi thế nhân công giá rẻ, chính vì vậy, để có được đội ngũ lao động chất lượng cao cần tập trung vào những vấn đề sau:

Thứ nhất, về mặt nhận thức, cơ hội dân số vàng cần được đặt vào đúng vị trí trong chiến lược kinh tế - xã hội. Thừa nhận đúng mức tầm quan trọng của hiện tượng dân số này, từ đó nhìn nhận các yếu tố có liên quan theo một cách mới và có tính khoa học. Xét theo thực tế tại Việt Nam, lượng lao động đông nhưng chất lượng còn hạn chế dẫn tới giá trị gia tăng chưa cao, đồng nghĩa với việc chúng ta sẽ không tận dụng tối đa được lợi thế dân số vàng. Vì vậy, cần một lượng lao động vừa đủ với chất lượng ngày càng nâng cao sẽ giúp nâng cao giá trị gia tăng.

Thứ hai, nâng cao chất lượng giáo dục đồng nghĩa với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Vai trò của giáo dục với việc thực hiện các chính sách, chiến lược kinh tế - xã hội là không thể phủ nhận. Ngoài giáo dục mầm non, tiểu học, trung học, phổ thông và cả bậc đại học cũng cần chú trọng tới đào tạo nghề, nâng cao ý thức và khả năng tự học của người lao động. Do dư địa cho việc tận dụng lợi thế dân số vàng không còn nhiều nên việc nâng cao chất lượng lao động cần thực hiện trong cả ngắn và dài hạn. Ngắn hạn tập trung đào tạo nghề tại chỗ nhằm nâng cao tay nghề lao động, dân số trong độ tuổi lao động tăng lên cùng với quá trình tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng công nghiệp và dịch vụ sẽ tạo ra nhu cầu lớn về đào tạo nghề cho các ngành này, vì vậy cần tập trung có trọng tâm, trọng điểm, tránh đào tạo tràn lan, “chỗ cần không có, chỗ có lại không cần”; tận dụng nguồn lao động người cao tuổi nhưng có nhiều kinh nghiệm, kỹ năng tiếp tục cống hiến, hoặc tham gia đào tạo thế hệ trẻ nhằm tạo hiệu ứng tích cực cả về mặt kinh tế và xã hội, đặc biệt trong các ngành mà ‘học qua thực hành’ là chủ yếu thì đây sẽ là hình thức đào tạo tiết kiệm và có hiệu quả. Về dài hạn, cần xây dựng và hình thành văn hóa

“học, học nữa, học mãi”, nâng cao khả năng tự học, tự đọc, tự nghiên cứu của người dân để có thể theo kịp với sự phát triển nhanh chóng của thế giới. Việt Nam đang chuyển từ mô hình phát triển kinh tế theo chiều rộng sang phát triển kinh tế theo chiều sâu, chính vì vậy, việc đầu tư cho giáo dục, nâng cao chất lượng lực lượng lao động hướng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là đòi hỏi mang tính bắt buộc và đây cũng là yếu tố then chốt bảo đảm cho sự phát triển bền vững.

Thứ ba, nâng cao năng suất lao động. Dân số trong độ tuổi lao động tăng lên sẽ tạo nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế nếu một quốc gia có khả năng tạo nhiều cơ hội việc làm và cải thiện năng suất lao động. Ngược lại, dân số trong độ tuổi lao động tăng lên cũng có thể trở thành gánh nặng khi một quốc gia không thể tạo cơ hội việc làm và đối mặt với nạn thất nghiệp và năng suất lao động thấp. Chính vì vậy, để tận dụng tối đa lực lượng lao động hiện có cần có chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, như tạo cơ hội việc làm thu nhập cao, xây dựng chế độ phúc lợi công ty... Song song với đó, cần xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực dựa trên việc xác định lợi thế cạnh tranh.

Thứ tư, cần xây dựng chính sách kinh tế vĩ mô đồng bộ, tổng thể, tối đa hóa nội lực song hành với chính sách tiết kiệm, tập trung đầu tư vào những ngành được xác định là lợi thế và mũi nhọn. Từ đó, phân bổ nguồn lực lao động hợp lý và tránh dàn trải.

Kéo dài và làm chậm quá trình già hóa dân số

Hiện tại, Việt Nam vẫn chưa thoát khỏi thu nhập trung bình và đang trong giai đoạn phát triển kinh tế nên khó có thể xây dựng hệ thống an sinh xã hội, chăm sóc người cao tuổi tốt, phù hợp với tình hình dân số như dự báo. Vì vậy, việc cần thực hiện ngay là làm chậm lại quá trình già hóa dân số, muốn vậy cần tập trung vào các giải pháp về dân số bao gồm:

Đầu tiên, bảo đảm mức sinh thay thế, trong đó, chính sách kế hoạch hóa gia đình cần phải được kết hợp một cách phù hợp với điều kiện đặc thù của từng vùng. Với các vùng có tỷ suất sinh cao và đời sống còn kém thì việc ưu tiên hàng đầu cho việc thực hiện chính sách dân số dài hạn là phải tăng cường đầu tư có hiệu quả hơn nữa cho phát triển kinh tế, giáo dục và y tế. Ngược lại, với những vùng phát triển hoặc có khả năng phát triển mạnh thì với nguồn nhân lực, vật lực và tài lực tốt hơn, chính sách dân số có thể ưu tiên thực hiện được

ngay. Để làm được việc này, cần phân cấp, phân quyền xuống từng vùng (tỉnh, địa phương) đẩy mạnh tuyên truyền các chương trình kế hoạch hóa gia đình, thúc đẩy nuôi dạy con cái có chất lượng để giảm thiểu chi phí cơ hội từ việc chăm sóc nhiều con cũng như tăng cơ hội cho phụ nữ tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.

Tiếp đó, tập trung đầu tư chăm sóc nâng cao sức khỏe cho bà mẹ và trẻ sơ sinh nhằm giảm tỷ suất tử vong mẹ và tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em, đặc biệt ở các vùng khó khăn. Kinh nghiệm các nước cho thấy, suy dinh dưỡng trẻ em có tác động tiêu cực, dài hạn đến tỷ lệ thương tật và tỷ lệ chết của dân số trưởng thành sau này và vì thế mà tác động tiêu cực đến năng suất lao động và chất lượng cuộc sống. Cần xây dựng đề án chăm sóc và nâng cao sức khỏe toàn dân trong dài hạn. Để có tuổi già khỏe mạnh thì nhất thiết phải có nền tảng sức khỏe tốt ngay từ khi còn trong bụng mẹ, chính vì vậy việc chăm sóc sức khỏe thai phụ cần được chuẩn hóa. Một đứa trẻ được sinh ra khỏe mạnh, có nền tảng sức khỏe và thể chất tốt sẽ có thời gian cống hiến và năng suất lao động cao hơn khi tham gia vào lực lượng lao động.

Cuối cùng, một vấn đề cũng quan trọng không kém là việc cung cấp các dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình cho các nhóm dân số yếu thế, ở các vùng khó khăn, xa xôi. Nghèo đi liền với bệnh tật được coi là vòng luẩn quẩn của nghèo đói và sức khỏe kém.

Xây dựng chính sách tận dụng lao động cao tuổi

Thực tế cho thấy, kỹ năng và kinh nghiệm của lao động cao tuổi rất quý giá. Việc nhận người lao động vào làm việc tại nhiều nước trên thế giới được coi là trách nhiệm xã hội và cấm mọi sự phân biệt, định kiến với người lớn tuổi về khả năng lao động của họ. Hiện nay phần lớn người lao động nghỉ hưu ở nước ta chủ yếu là nghỉ ngơi và sống dựa vào lương hưu trong khi sức khỏe và khả năng vẫn cho phép họ cống hiến tiếp. Chỉ có một số ít người tự tìm đến công việc như một niềm vui trong cuộc sống, nhưng lại rất thiếu thông tin về thị trường lao động. Để khắc phục tình trạng này, cần làm tốt các việc sau:

Thứ nhất, cần có nhận thức đúng đắn về người cao tuổi tham gia lao động. Hiện nay vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau về việc người cao tuổi tham gia lao động, thậm chí có những ý kiến còn cho rằng, nếu người cao tuổi tham gia lao động sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường việc làm của lực lượng trong độ tuổi

lao động. Chính vì vậy, cần nâng cao nhận thức của các nhà quản lý, hoạch định chính sách cũng như của toàn bộ cộng đồng về những thách thức của già hóa dân số và đời sống của người cao tuổi. Bên cạnh đó, việc tạo cơ hội việc làm cho người cao tuổi cũng không thể tác động tiêu cực tới thị trường việc làm nếu được phân nhóm người cao tuổi theo đúng trình độ, giới tính, ngành nghề. Với những ngành nghề đòi hỏi chất xám nhiều thì lực lượng lao động người cao tuổi lại là nguồn lực quý báu, vừa bảo đảm góp vào sự phát triển chung, vừa có khả năng truyền đạt kinh nghiệm cho các lao động trẻ. Với những ngành nghề lao động phổ thông thì việc người cao tuổi nếu tiếp tục tham gia có thể giảm bớt khối lượng hoặc chuyển sang các công việc phù hợp khác, trong đó đặc biệt ưu tiên lao động nữ.

Thứ hai, kéo dài tuổi nghỉ hưu. Một thực tế là, rất nhiều người đến tuổi nghỉ hưu nhưng vẫn có khả năng đóng góp và lao động, đặc biệt là những lao động tham gia trong các ngành, nghề đòi hỏi kỹ năng, kinh nghiệm, trình độ học vấn cao... Điều này cho phép có thể kéo dài tuổi nghỉ hưu với một số ngành nghề đặc thù (như giáo viên, bác sĩ, kỹ thuật cao, các nhà nghiên cứu...) nhằm tận dụng chất xám, kinh nghiệm quý báu từ đội ngũ lao động này.

Thứ ba, hỗ trợ người cao tuổi tham gia vào thị trường lao động, trong đó chú trọng ưu tiên đối tượng người cao tuổi là nữ giới. Thành lập các trung tâm việc làm ở các đơn vị hành chính cấp quận, huyện, tạo điều kiện cho người cao tuổi tìm kiếm việc làm phù hợp theo hình thức miễn phí hoặc thu phí dịch vụ rất ít khi đăng ký tìm việc. Hoặc có thể thành lập các sàn giao dịch việc làm dành cho người cao tuổi để tiết kiệm thời gian tìm kiếm cũng như người cao tuổi có thể dễ dàng tiếp cận với việc làm phù hợp.

Thứ tư, cần có chính sách khuyến khích dành cho các công ty tận dụng lực lượng lao động là người cao tuổi bằng cách hỗ trợ về thuế, phí... Một mặt, vừa khích lệ các công ty tận dụng kinh nghiệm làm việc từ người cao tuổi, mặt khác cũng tạo nguồn việc làm giúp người cao tuổi có thể tiếp tục tham gia cống hiến và lao động.

Thứ năm, cần có số liệu thống kê bảo đảm tính chính xác về số lượng người cao tuổi, trong đó có phân loại thống kê theo trình độ, giới tính, ngành (kinh tế), vùng... Từ đó mới có cái nhìn trực quan để định hướng công việc phù hợp cho từng nhóm đối tượng người cao tuổi. Tránh tình trạng chỗ cần thì không có mà chỗ có thì không cần.

Bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội cho người cao tuổi

Ở Việt Nam, thách thức lớn nhất hiện nay là, mặc dù đã chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số từ năm 2011, nhưng nước ta vẫn là một nước có mức thu nhập trung bình thấp. Tích lũy chưa đủ nhiều trong khi dân số già hóa quá nhanh dẫn tới tình trạng người lao động chịu nhiều áp lực kinh tế, người phụ thuộc thì không được hưởng chăm sóc đầy đủ kéo theo hệ lụy đói nghèo nối tiếp đói nghèo như một vòng luẩn quẩn không dứt. Chính vì vậy, việc sớm xây dựng các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội bảo đảm đời sống của mọi nhóm đối tượng là điều cần thiết. Dựa trên kinh nghiệm các nước và xét theo điều kiện của Việt Nam, có thể thấy, chúng ta cần tập trung làm tốt các vấn đề sau:

Thứ nhất, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Hiện nay, nếu chỉ dựa vào bệnh viện, nhà dưỡng lão thì chi phí sẽ cao và tốn kém, tạo sức ép lên kinh tế gia đình cũng như hệ thống bảo hiểm y tế. Trong khi, người cao tuổi Việt Nam hiện nay do trải qua chiến tranh, đói nghèo nên thể trạng sức khỏe được đánh giá là thấp. Tuy nhiên, người Việt Nam lại có văn hóa gia đình, các thế hệ cùng chung sống dưới một mái nhà, chúng ta có thể tận dụng điểm mạnh này để tiến hành công tác chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi tại gia đình, cộng đồng. Bản thân người cao tuổi khi được gia đình chăm sóc sức khỏe cũng tạo nên tâm lý an tâm hơn. Nhưng về lâu dài, khi thực trạng các gia đình Việt Nam đang có sự chuyển nhanh từ gia đình truyền thống nhiều thế hệ sang gia đình hạt nhân, trong đó tỷ lệ hộ gia đình có vợ chồng người cao tuổi chung sống với nhau ngày càng tăng, dẫn tới tình trạng người già tự chăm sóc người già thì vẫn cần khuyến khích hình thức chăm sóc người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng, vì đây là cách đem lại lợi ích kép về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại chỗ và giải quyết vấn đề tâm lý sợ cô đơn và lãng quên của người cao tuổi. Song song với đó, cần nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, phát triển hệ thống bác sĩ gia đình, xây dựng tuyến y tế cơ sở bảo đảm đáp ứng những nhu cầu khám, chữa bệnh tối thiểu cho người cao tuổi, tránh việc dồn lên các bệnh viện tuyến trung ương, gây quá tải hoặc khả năng lây nhiễm chéo cao do sức đề kháng của người cao tuổi kém.

Thứ hai, chế độ lương hưu cho người cao tuổi. Nguồn thu nhập ổn định nhất của người cao tuổi chính là tiền lương hưu được hưởng từ việc họ đã đóng góp trong suốt thời gian làm việc. Tuy nhiên, có một thực tế là, tỷ lệ người tham gia hệ thống hưu trí ở Việt Nam còn rất thấp, mới chỉ chiếm 20% lực lượng lao động và khoảng 80% số người thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội. Lực lượng

tham gia chủ yếu đến từ khu vực nhà nước, số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện không cao. Do đó, cần cải cách hệ thống hưu trí theo một lộ trình nhất định nhằm bảo đảm sự công bằng, ổn định, phát triển quỹ và phù hợp với tình hình phát triển thị trường tài chính. Ngoài việc bảo đảm mối quan hệ đóng - hưởng sát thực hơn thì việc chuyển đổi cơ chế hoạt động của hệ thống hưu trí sẽ góp phần cải thiện cân bằng quỹ hưu trí một cách đáng kể, đặc biệt việc đầu tư quỹ hưu trí được chú trọng và có hiệu quả hơn. Các loại hình bảo hiểm cũng cần được đa dạng nhằm tăng cường khả năng tiếp cận của các nhóm dân số, đặc biệt chú trọng đến mở rộng hệ thống bảo hiểm tự nguyện với thiết kế linh hoạt, phù hợp với khả năng đóng góp và chi trả của đối tượng và có khả năng liên thông với các loại hình bảo hiểm khác.

Thứ ba, xã hội hóa các công trình hạ tầng cơ sở phục vụ người cao tuổi tại chỗ như các công trình công viên cây xanh, dịch vụ y tế công cộng, các khu sinh hoạt văn hóa cho người cao tuổi... Xã hội ngày càng phát triển, áp lực công việc càng lớn khiến khoảng cách giữa bố mẹ và con cái, ông bà và cháu... ngày càng trở nên giãn cách. Chính vì vậy, việc tạo ra các không gian sinh hoạt chung để người cao tuổi có cơ hội gặp gỡ, giao lưu, chia sẻ sẽ giúp giảm bớt áp lực tâm lý cũng như sự cô đơn của tuổi già. Qua đó, con cháu cũng yên tâm học tập và làm việc, cống hiến tốt hơn.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với những yêu cầu và đòi hỏi cao về chất lượng nguồn nhân lực sẽ khiến cho nguồn lao động dồi dào và nhân công giá rẻ không còn là lợi thế cạnh tranh cho Việt Nam. Xử lý hài hòa mối quan hệ giữa già hóa dân số và kinh tế cũng chính là cơ hội để chúng ta điều chỉnh lại sự phân bố nguồn lao động, nâng cao chất lượng lao động, nâng cao năng suất lao động nhằm đáp ứng xu thế phát triển chung của khu vực và thế giới.□

TÁC ĐỘNG CỦA GIÀ HÓA DÂN SỐ ĐẾN ĐỜI SỐNG XÃ HỘI HIỆN NAY

TS. ĐÀM KHẮC CỬ

Trường Đại học Công đoàn

G IÀ hóa dân số là hiện tượng ngày càng phổ biến trên toàn thế giới, trong đó Việt Nam cũng không ngoại lệ. Tỷ lệ người cao tuổi gia tăng nhanh chóng đang đặt ra nhiều thách thức cho xã hội trên nhiều phương diện, bao gồm kinh tế, văn hóa, y tế, và an sinh xã hội. Nghiên cứu về tác động của già hóa dân số đến xã hội là một trong những chủ đề nổi bật trong giai đoạn hiện nay. Với sự gia tăng đáng kể của tỷ lệ người cao tuổi trong cơ cấu dân số, các nhà nghiên cứu quan tâm đến những thay đổi và ảnh hưởng mà già hóa dân số mang lại cho xã hội. Việc nắm bắt và hiểu rõ về tác động của già hóa dân số có vai trò quan trọng trong việc xác định chính sách công cộng, quản lý tài chính, y tế, giáo dục và các lĩnh vực khác để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng ngày càng già hóa.

Mở đầu

Già hóa dân số đề cập đến một sự chuyển dịch cơ cấu dân số theo hướng người cao tuổi ngày càng tăng cả về số lượng tuyệt đối lẫn phần trăm tỷ lệ. Theo định nghĩa chính thức của Liên hợp quốc (UN), một quốc gia được xếp vào “đang già hóa” khi tỷ lệ người dân từ 65 tuổi trở lên của quốc gia đó vượt quá 7% tổng dân số. Khi con số này lần lượt vượt quá mức 14% và 20%, dân số sẽ được coi là “đã già hóa” và “siêu già hóa”. Năm 2011, Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) sử dụng mốc 60 tuổi thay vì 65 tuổi với các tỷ lệ 10%, 20% và 30% lần lượt là các mốc cho tình trạng “đang già hóa”, “già hóa”, và “siêu già hóa”.

Nhìn chung, dân số trên toàn thế giới đang dần già đi. Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới - World Bank (2019), nhóm dân số 65 tuổi trở lên trên

thế giới đã có sự gia tăng đáng kể từ năm 1960, từ khoảng 5% tổng dân số thế giới (tương đương 151 triệu người) lên đến 8,5% vào năm 2016 (gần 630 triệu người). Điều này hàm ý rằng, dân số trên thế giới đã chính thức tiến vào giai đoạn “đang già hóa”. Prskawetz và cộng sự (2008) nhận định, “trong khi thế kỷ hai mươi là thời đại tăng trưởng dân số bền vững, thế kỷ hai mươi mốt này sẽ là kỷ nguyên của dân số già hóa”. Dự báo của UN (2019) cũng chỉ ra rằng, số lượng người từ 65 tuổi trở lên trên thế giới sẽ đạt hơn 1,4 tỉ người vào năm 2050, tương đương 15,6% tổng dân số dự báo. Như vậy, đến năm 2050, dân số thế giới được dự báo sẽ tiếp tục tiến thêm vào giai đoạn “già hóa”.

Nghiên cứu về tác động của già hóa dân số đối với xã hội là một vấn đề cấp thiết và ngày càng quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hóa. Tỷ lệ người cao tuổi gia tăng không chỉ tác động đến lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe mà còn đặt ra những thách thức mới cho hệ thống an sinh xã hội, kinh tế và văn hóa. Già hóa dân số tác động mạnh mẽ đến hệ thống y tế, cụ thể là tạo ra áp lực lớn về nhu cầu chăm sóc sức khỏe. So với người trẻ tuổi, người cao tuổi thường có nhu cầu chăm sóc y tế cao hơn và gặp phải nhiều vấn đề sức khỏe phức tạp hơn. Do đó, hệ thống y tế cần được chuẩn bị và cải thiện để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nhóm dân số này.

Già hóa dân số còn tác động mạnh mẽ đến hệ thống an sinh xã hội và kinh tế. Nhu cầu chăm sóc, hỗ trợ và bảo hiểm xã hội gia tăng theo số lượng người cao tuổi ngày càng nhiều. Điều này đặt ra thách thức về tài chính và quản lý nguồn lực cho các chính phủ và tổ chức xã hội. Già hóa dân số cũng ảnh hưởng đến mô hình lao động và sản xuất: lực lượng lao động trẻ sụt giảm, đồng thời cần tạo điều kiện cho người cao tuổi tiếp tục tham gia vào hoạt động kinh tế một cách hiệu quả.

Bên cạnh ảnh hưởng đến các lĩnh vực kinh tế, y tế, già hóa dân số còn tác động mạnh mẽ đến văn hóa và xã hội. Sự gia tăng số lượng người cao tuổi có thể dẫn đến thay đổi trong cấu trúc gia đình, vai trò của người cao tuổi và các vấn đề về cảm xúc, tâm lý, phúc lợi xã hội của họ.

1. Thực trạng già hóa dân số ở Việt Nam

Thời kỳ dân số vàng là thời kỳ tỷ lệ nhóm dân số “trong độ tuổi lao động” chiếm ít nhất 66%, nghĩa là chiếm 2/3 tổng dân số trở lên thì được coi là quốc gia có “cơ cấu dân số vàng” hay đơn giản là “dân số vàng”. Theo định nghĩa của UNFPA (2010), thì “dân số vàng được hiểu là có ít nhất hai người trong độ

tuổi lao động (từ 15 tuổi đến 60 tuổi) có một người phụ thuộc (dưới 15 tuổi và trên 60 tuổi)”. Với định nghĩa trên, nước ta ở thời kỳ cơ cấu dân số vàng bắt đầu từ năm 2007 (tỷ lệ người trong độ tuổi lao động chiếm 67,31%).

Bảng 1: Cơ cấu dân số Việt Nam theo nhóm tuổi, giai đoạn (1979 - 2019)

(Đơn vị tính: %)

NHÓM TUỔI	1979	1989	1999	2009	2019
0-4	14.62	14	9.52	8.19	23,6
5-9	14.58	13.3	12	7.82	
10-14	13.35	11.7	11.96	8.44	
15-19	11.4	10.5	10.77	10.44	
20-24	9.26	9.5	8.86	9.82	68,7
25-29	7.05	8.8	8.48	9.07	
30-34	4.72	7.3	7.86	8	
35-39	4.04	5.1	7.27	7.61	
40-44	3.8	3.4	5.91	6.95	
45-49	4	3.1	4.07	6.35	
50-54	3.27	2.9	2.8	5.14	
55-59	2.95	3	2.36	3.48	
60-64	2.28	2.4	2.31	2.26	7,7
65-69	1.9	1.9	2.2	1.81	
70-74	1.34	1.4	1.58	1.65	
75-79	0.9	0.91	1.09	1.4	
80-84	0.38	0.45	0.55	0.85	
85+	0.16	0.34	0.41	0.72	
Tổng	100	100	100	100	

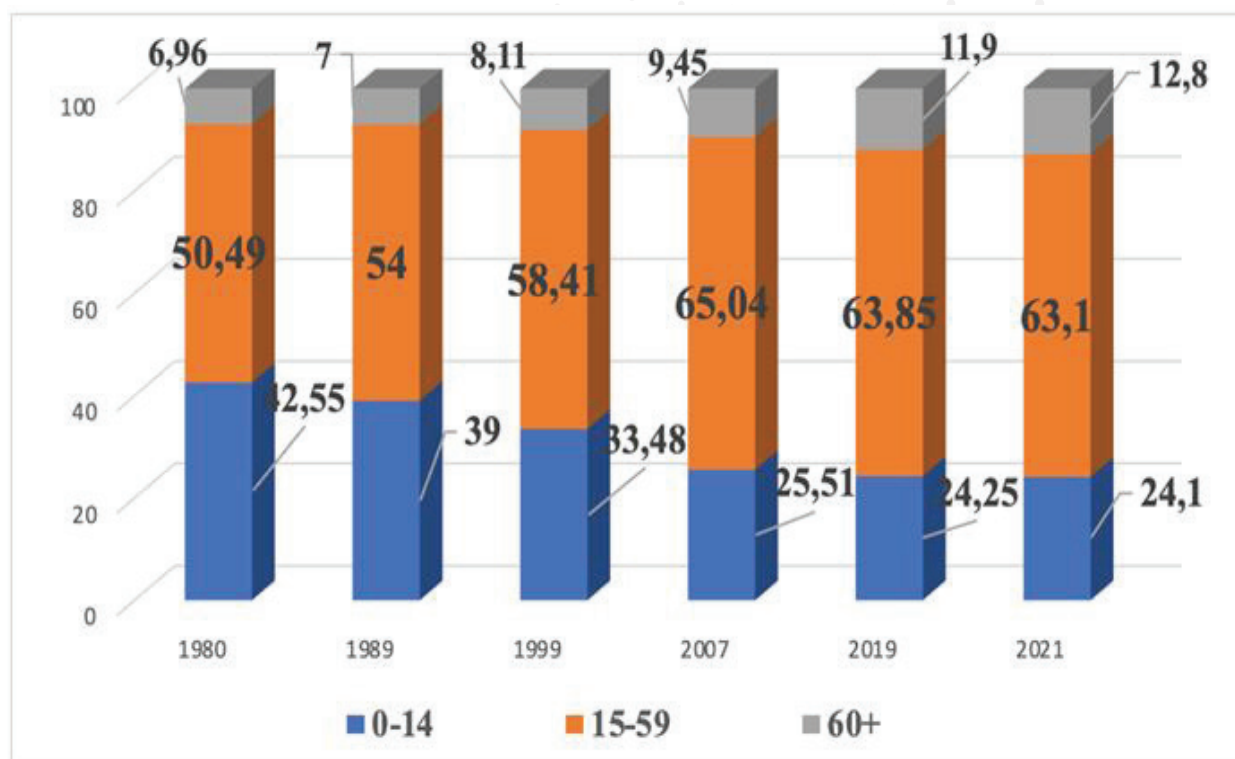
Nguồn: UNFPA, năm 2010 và Tổng cục Thống kê, năm 2019

Thông qua bảng số liệu của Tổng cục Thống kê và UNFPA cho thấy, đến năm 2009, cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Việt Nam đã thay đổi theo hướng tỷ lệ trẻ em (0-14 tuổi) ngày càng giảm, trong khi tỷ lệ dân số trong độ tuổi 15-64 và tỷ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên tăng nhanh. Năm 2019, tỷ lệ này lần lượt là 23,6% ở lứa tuổi (0-14), 68,7% ở lứa tuổi 15-64 và 7,7% ở tuổi 65 trở lên.

Bước qua thời kỳ cơ cấu dân số vàng thường sẽ là thời kỳ già hóa dân số, theo định nghĩa của UNFPA (2010): “Dân số một nước sẽ bước vào giai đoạn “bắt đầu già” khi dân số cao tuổi chiếm 10% tổng số dân và giai đoạn “già” khi người cao tuổi chiếm 20% tổng số dân”. Theo Luật Người cao tuổi năm 2009 của nước ta: “Người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên”, với

khái niệm đó, ở nước ta dân số cao tuổi được hiểu là dân số từ 60 tuổi trở lên. Dân số cao tuổi là một bộ phận cấu thành quan trọng không thể thiếu trong tổng thể dân số. Dân số cao tuổi cùng với bộ phận dân số trẻ (0-14 tuổi) và bộ phận dân số trong độ tuổi lao động (15-59 tuổi) cấu thành nên tổng thể dân số của nước ta. Theo Thống kê tại Biểu 1 có thể thấy:

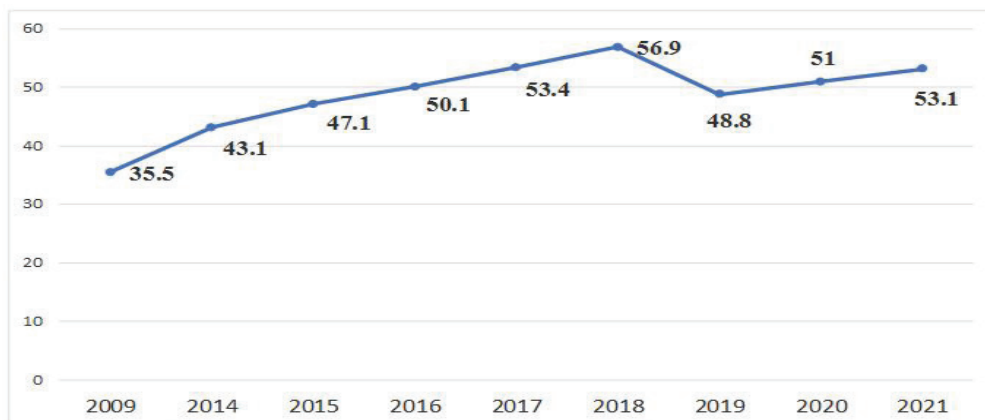
Biểu 1: Cơ cấu dân số Việt Nam theo 3 nhóm tuổi, từ năm 1980 đến năm 2021



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hiện nay, tỷ lệ nhóm tuổi 0-14 tuổi ở Việt Nam có xu hướng giảm dần, theo đó tỷ lệ nhóm tuổi này chiếm 42,55% vào năm 1980 và xuống giảm còn 24,1% vào đến năm 2021. Điều này phản ánh tỷ lệ sinh ngày càng giảm, đồng thời tỷ lệ gia nhập lực lượng lao động (từ 15 đến 59) có xu hướng tăng (từ mức 50,49%) lên mức 63,1% (năm 2021). Cùng với đó tỷ lệ nhóm tuổi 60 trở lên ngày càng tăng, năm 1980 tỷ lệ người cao tuổi chiếm 6,96% và tăng lên 11,9% vào năm 2019, đến năm 2021 tỷ lệ người cao tuổi chiếm đến 12,8%. Với những kết quả phân tích từ số liệu cho thấy Việt Nam đã chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số.

Biểu 2: Chỉ số già hóa dân số của Việt Nam



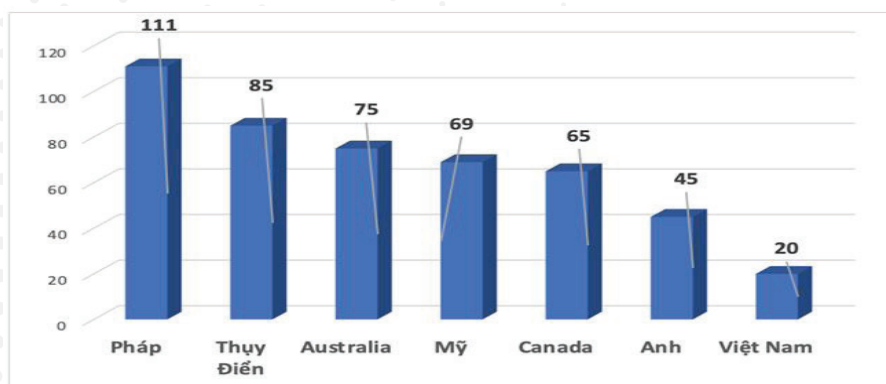
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Thông qua số liệu của Tổng cục Thống kê, cho thấy, tại năm 2009, cứ 100 trẻ em dưới 15 tuổi thì có khoảng 35 người từ 60 tuổi trở lên; cho đến năm 2014 số người 60 tuổi tăng lên là 43 người; cho đến năm 2021 tăng đến 53.1 người (tăng so với năm 2009 là 17,6%), có nghĩa, cứ 100 trẻ dưới 15 tuổi thì năm 2021 có tới 53 người độ tuổi từ 60 trở lên, có thể thấy tốc độ già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng.

Việt Nam, dự báo đến năm 2050, với tốc độ già hóa dân số như trên, con số này sẽ tăng lên hơn 50%. Đến năm 2036, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội “già hóa” sang xã hội “già”. So với một số quốc gia trên thế giới thì Việt Nam là quốc gia có tốc độ già hóa dân số thuộc hàng nhanh nhất thế giới.

Biểu 3: So sánh thời gian chuyển từ giai đoạn già hóa dân số sang dân số già giữa Việt Nam với một số quốc gia

(Đơn vị tính: năm)



Nguồn: Bộ Y tế, 2020

Có thể thấy, các quốc gia phát triển mất một thế kỷ hoặc hàng thập kỷ để chuyển từ giai đoạn dân số già (7%) sang dân số già (14%), như: Pháp (115 năm); Thụy Điển (85 năm); Australia (73 năm); Mỹ (69 năm); Canada (65 năm); Anh (45 năm)... trong khi đó Việt Nam chỉ mất 20 năm.

2. Tác động của già hóa dân số đến xã hội

Tăng chi phí chăm sóc sức khỏe và phúc lợi xã hội

Tác động của già hóa dân số đến xã hội là một vấn đề đầy thách thức, đặc biệt là trong việc tăng chi phí chăm sóc sức khỏe và phúc lợi xã hội. Việc dân số già hóa đồng nghĩa với việc người dân sống thọ hơn, tuy nhiên cũng đi kèm với nhiều vấn đề về sức khỏe và tài chính.

Trước hết, già hóa dân số tạo ra áp lực lớn đối với hệ thống chăm sóc sức khỏe. Người cao tuổi thường gặp nhiều vấn đề sức khỏe hơn, đòi hỏi cần có các dịch vụ y tế và chăm sóc đặc biệt. Điều này tạo ra áp lực tài chính lớn cho ngân sách chăm sóc sức khỏe của quốc gia, đặc biệt là khi tỷ lệ người già so với người lao động ngày càng tăng lên.

Tăng chi phí cho an sinh xã hội: Nhà nước phải chi trả nhiều hơn cho các chế độ hưu trí, bảo hiểm y tế, trợ cấp xã hội cho người cao tuổi. Quỹ hưu trí đang giảm do số người hưởng lương hưu ngày càng tăng, trong khi số người đóng góp còn thấp.

Ngoài ra, già hóa dân số cũng ảnh hưởng đến ngành bảo hiểm xã hội và phúc lợi xã hội. Với số lượng người cao tuổi tăng lên, nguồn lực cho các chương trình bảo hiểm xã hội và phúc lợi xã hội cũng phải tăng theo. Điều này đặt ra thách thức lớn trong việc duy trì sự cân đối tài chính cho các chương trình này, đồng thời bảo đảm rằng người cao tuổi được hưởng các quyền lợi xã hội một cách bền vững.

Hậu quả gây ra gánh nặng tài chính cho ngân sách nhà nước: Gây áp lực lên ngân sách nhà nước, ảnh hưởng đến khả năng đầu tư cho các lĩnh vực khác. Làm thiếu hụt nguồn nhân lực: Lực lượng lao động giảm sút, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của đất nước. Tăng áp lực lên hệ thống y tế và an sinh xã hội: Hệ thống y tế và an sinh xã hội có thể quá tải do nhu cầu chăm sóc nhiều hơn đối với nhóm dân số già.

Trong bối cảnh già hóa dân số ngày càng trở nên nghiêm trọng, việc tăng chi phí chăm sóc sức khỏe và phúc lợi xã hội không chỉ là một vấn đề của từng quốc

gia mà còn là một thách thức toàn cầu. Giải quyết vấn đề này đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia, các tổ chức quốc tế và các doanh nghiệp, cùng nhau tìm ra các giải pháp sáng tạo và hiệu quả nhằm bảo đảm sự bền vững của hệ thống chăm sóc sức khỏe và phúc lợi xã hội trên toàn cầu.

Thay đổi cơ cấu dân số và lao động

Già hóa dân số là một xu hướng toàn cầu, thể hiện qua tỷ lệ người cao tuổi (trên 65 tuổi) ngày càng tăng. Việt Nam cũng không ngoại lệ, với tốc độ già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng. Hiện tượng này có nhiều tác động đến xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực cơ cấu dân số và lao động. Tác động của già hóa dân số đến xã hội và thay đổi cơ cấu dân số và lao động là một vấn đề quan trọng đối với nhiều quốc gia trên thế giới, bao gồm cả Việt Nam. Khi dân số già hóa, tỷ lệ người cao tuổi tăng lên, đồng nghĩa với việc tăng chi phí chăm sóc sức khỏe và chăm sóc xã hội. Điều này có thể tạo áp lực lớn cho hệ thống y tế và xã hội, đặc biệt là trong bối cảnh kinh tế đối diện với nhiều thách thức.

Ngoài ra, già hóa dân số cũng ảnh hưởng đến cơ cấu dân số và lao động. Khi tỷ lệ người cao tuổi tăng lên, tỷ lệ người lao động giảm đi. Điều này có thể dẫn đến tình trạng thiếu hụt lao động trong một số ngành nghề, gây ra sự chậm trễ trong phát triển kinh tế và cạnh tranh quốc tế. Ngoài ra, cơ cấu dân số cũng thay đổi theo hướng tăng tỷ lệ người cao tuổi, điều này có thể ảnh hưởng đến cơ cấu lao động và nhu cầu về các dịch vụ xã hội.

Tỷ lệ sinh thấp khiến tỷ lệ trẻ em trong dân số giảm. Điều này dẫn đến sự mất cân bằng trong cơ cấu dân số, với số người già ngày càng nhiều và số trẻ em ngày càng ít. Do tỷ lệ người cao tuổi và trẻ em tăng, tỷ lệ người trong độ tuổi lao động (15 - 64 tuổi) sẽ giảm. Đây là nguồn lao động chính cho nền kinh tế, nên sự sụt giảm này sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Già hóa dân số làm ảnh hưởng đến thiếu hụt lao động: Già hóa dân số dẫn đến thiếu hụt lao động, đặc biệt là lao động trẻ và lao động có trình độ chuyên môn cao. Tăng gánh nặng lao động: Số người lao động trong độ tuổi lao động phải gánh vác trách nhiệm chu cấp cho nhiều người cao tuổi hơn. Nhu cầu về lao động có kỹ năng cao: Nền kinh tế chuyển đổi sang mô hình phát triển mới đòi hỏi lao động có kỹ năng cao và khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi.

Ảnh hưởng đến hệ thống giáo dục và nguồn lực nhân lực

Già hóa dân số là một xu hướng tất yếu của xã hội hiện đại, dẫn đến nhiều thay đổi trong cấu trúc dân số và tác động đến nhiều lĩnh vực, bao gồm hệ thống

giáo dục và nguồn lực nhân lực. Tác động của già hóa dân số đến hệ thống giáo dục và nguồn nhân lực là vấn đề đang ngày càng trở nên quan trọng trong xã hội hiện đại.

Về hệ thống giáo dục: Nhu cầu học tập của người cao tuổi ngày càng tăng, đòi hỏi hệ thống giáo dục phải thích ứng và phát triển các chương trình phù hợp với lứa tuổi và nhu cầu của họ. Giáo dục cho người cao tuổi cần chú trọng vào việc nâng cao kiến thức, kỹ năng sống, sức khỏe tinh thần và thể chất, giúp họ hòa nhập và đóng góp cho cộng đồng. Việc phát triển giáo dục cho người cao tuổi cũng góp phần giải quyết vấn đề thiếu hụt nguồn nhân lực trong một số lĩnh vực.

Khi dân số già hóa, hệ thống giáo dục phải đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế và xã hội. Đồng thời, nguồn lực nhân lực cũng gặp phải áp lực từ sự già hóa dân số khi phải chăm sóc người cao tuổi và bảo đảm an sinh xã hội cho họ. Trong hệ thống giáo dục, già hóa dân số ảnh hưởng đến cả hai mặt của quá trình giáo dục, bao gồm cung ứng nguồn nhân lực giáo viên và cung cấp kiến thức cho người cao tuổi. Việc có đủ giáo viên chất lượng để giảng dạy và chăm sóc học sinh trên toàn quốc trở nên khó khăn khi nguồn nhân lực giáo viên cũng đang già hóa và không đáp ứng được nhu cầu. Đồng thời, việc cung cấp kiến thức và kỹ năng cho người cao tuổi cũng đang trở thành một thách thức đối với hệ thống giáo dục.

Về nguồn lực nhân lực: Già hóa dân số dẫn đến sự sụt giảm số lượng lao động trong độ tuổi lao động, ảnh hưởng đến nguồn cung lao động cho nền kinh tế. Ngoài ra, già hóa dân số cũng ảnh hưởng đến nguồn nhân lực khi tạo ra áp lực tài chính và tâm lý đối với người lao động. Việc chăm sóc người cao tuổi và bảo đảm an sinh xã hội cho họ đòi hỏi chi phí không nhỏ từ phía nhà nước và xã hội. Đồng thời, người lao động trẻ cũng phải đối mặt với áp lực từ việc phải chăm sóc người già trong gia đình, ảnh hưởng đến hiệu suất lao động và sự phát triển kinh tế.

Gây áp lực lên hệ thống an sinh xã hội và bảo hiểm xã hội

Gia tăng dân số già đang tạo ra áp lực lớn đối với hệ thống an sinh xã hội và bảo hiểm xã hội ở Việt Nam. Sự gia tăng này đặt ra nhiều thách thức đối với việc cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ tài chính và chăm sóc dài ngày cho người cao tuổi. Hệ thống an sinh xã hội và bảo hiểm xã hội phải đối mặt với việc

cung cấp các dịch vụ phù hợp và bảo đảm tính bền vững trong bối cảnh dân số già ngày càng tăng.

Trước sự gia tăng nhanh chóng của dân số già, hệ thống an sinh xã hội và bảo hiểm xã hội phải thích nghi và điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người cao tuổi. Điều này đòi hỏi sự đầu tư lớn vào kết cấu hạ tầng y tế, cũng như sự chuẩn bị cho các chính sách và quy định phù hợp với tình hình mới. Ngoài ra, cần có sự tập trung vào việc phát triển các chương trình và dự án nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người cao tuổi, từ việc cung cấp dịch vụ y tế đến các hoạt động giáo dục và giải trí.

Bên cạnh đó, áp lực từ dân số già cũng đặt ra vấn đề về tài chính cho hệ thống an sinh xã hội và bảo hiểm xã hội. Sự gia tăng đột biến của dân số già đòi hỏi nguồn lực tài chính lớn để duy trì các chương trình an sinh xã hội và bảo hiểm xã hội. Điều này có thể gây ra áp lực lớn đối với ngân sách quốc gia và yêu cầu sự quản lý tài chính thông minh và hiệu quả từ phía chính phủ.

Trong bối cảnh này, việc nghiên cứu và áp dụng các giải pháp sáng tạo để tăng cường hiệu quả của hệ thống an sinh xã hội và bảo hiểm xã hội trở nên cực kỳ quan trọng. Các biện pháp như tăng cường quản lý chi phí, thuế và bảo hiểm, đồng thời khuyến khích sự tham gia của các tổ chức và doanh nghiệp trong việc hỗ trợ cho người cao tuổi có thể giúp giảm bớt áp lực tài chính cho hệ thống.

Thay đổi trong cấu trúc gia đình và vai trò của người cao tuổi

Tác động của già hóa dân số đối với thay đổi trong cấu trúc gia đình và vai trò của người cao tuổi là không thể phủ nhận trong xã hội hiện đại. Việc tăng tỷ lệ người cao tuổi trong dân số đem lại những thách thức và cơ hội đối với cấu trúc gia đình và vai trò của người cao tuổi trong xã hội.

Trước hết, già hóa dân số đã tác động đến cấu trúc gia đình bằng việc làm thay đổi mô hình gia đình truyền thống. Trong quá khứ, gia đình thường có nhiều thế hệ sống chung với nhau, tạo ra một môi trường ổn định và hỗ trợ cho người cao tuổi. Tuy nhiên, với sự già hóa dân số, mô hình gia đình đã thay đổi theo hướng các gia đình trẻ chỉ có một hoặc không có người già, dẫn đến sự cô đơn và thiếu hỗ trợ cho người cao tuổi. Điều này tạo ra áp lực lớn đối với người cao tuổi, cần có sự quan tâm từ phía xã hội và chính phủ để tạo ra các chính sách hỗ trợ cho người cao tuổi trong môi trường gia đình mới.

Ngoài ra, già hóa dân số cũng tác động đến vai trò của người cao tuổi trong xã hội. Người cao tuổi thường mang theo kinh nghiệm và tri thức lớn từ quá khứ, tuy nhiên với sự già hóa dân số, họ gặp phải nhiều khó khăn trong việc thích nghi với sự thay đổi của xã hội hiện đại. Vai trò của người cao tuổi trong việc giáo dục và truyền bá tri thức cũng gặp nhiều khó khăn khi môi trường xã hội và công nghệ thay đổi nhanh chóng. Do đó, cần có sự quan tâm và hỗ trợ từ cộng đồng để tạo điều kiện cho người cao tuổi có vai trò tích cực trong xã hội.

Tóm lại, già hóa dân số đã tác động mạnh mẽ đến cấu trúc gia đình và vai trò của người cao tuổi trong xã hội. Để giải quyết các vấn đề này, cần có sự chú trọng từ phía chính phủ và xã hội để tạo ra các chính sách và môi trường thuận lợi cho người cao tuổi, từ đó giúp họ có vai trò tích cực và tận dụng tối đa kinh nghiệm và tri thức của mình trong xã hội hiện đại.

3. Kết luận

Trên thực tế, tác động của già hóa dân số đến xã hội hiện nay không thể phủ nhận. Việc tăng lên về tỷ lệ người cao tuổi so với tỷ lệ người trẻ có thể gây ra nhiều thách thức đối với hệ thống chăm sóc sức khỏe, kinh tế và xã hội. Điều này đòi hỏi chúng ta phải tìm ra những giải pháp phù hợp để đối phó với tình trạng già hóa dân số. Từ góc độ xã hội, già hóa dân số cũng có thể ảnh hưởng đến cấu trúc gia đình và vai trò của người cao tuổi trong xã hội. Việc gia tăng tỷ lệ người cao tuổi có thể dẫn đến sự thay đổi trong cách mà gia đình và xã hội quan tâm và chăm sóc cho người cao tuổi. Ngoài ra, già hóa dân số cũng có thể tạo ra áp lực lớn đối với các dịch vụ chăm sóc và kết cấu hạ tầng xã hội, từ các trung tâm y tế đến các khu vui chơi giải trí dành cho người cao tuổi.

Để đối phó với tác động của già hóa dân số, chúng ta cần phải xem xét các chính sách và chiến lược phù hợp để bảo đảm sự ổn định và bền vững cho xã hội trong tương lai. Điều này bao gồm việc nâng cao chất lượng cuộc sống cho người cao tuổi, tạo điều kiện cho họ tham gia vào các hoạt động xã hội và lao động, cùng việc phát triển các ngành công nghiệp liên quan đến chăm sóc sức khỏe và dịch vụ cho người cao tuổi. Chúng ta cũng cần phải thúc đẩy sự phát triển của các chương trình giáo dục và huấn luyện nghề nghiệp để chuẩn bị cho tương lai khi già hóa dân số trở thành một thách thức toàn cầu.

4. Một số khuyến nghị

Hiện nay, tác động già hóa dân số đến xã hội Việt Nam đang trở thành một vấn đề nghiêm trọng. Để giải quyết tình trạng này, chúng ta cần đề xuất

những khuyến nghị cụ thể nhằm bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững của xã hội.

Thứ nhất, cần tăng cường các chính sách hỗ trợ người cao tuổi, bảo đảm họ có điều kiện sống tốt và được chăm sóc sức khỏe đầy đủ. Ngoài ra, việc thúc đẩy phong trào vận động thể dục cho người cao tuổi cũng cần được quan tâm và đầu tư.

Thứ hai, cần xây dựng các chương trình giáo dục và tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của việc chuẩn bị cho tuổi già từ khi còn trẻ.□

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII
2. Quốc hội (2009): Luật Người cao tuổi
3. Tổng cục Thống kê (2007 đến 2021): Niên giám thống kê
4. UNFPA (2010): Tận dụng cơ hội dân số “vàng” ở Việt Nam: Cơ hội, thách thức và các gợi ý chính sách. Hà Nội, tháng 12-2010
5. UNFPA (2012): Báo cáo tóm tắt “Già hóa dân số trong Thế kỷ 21: Thành tựu và thách thức”
6. Thông tấn xã Việt Nam (2022): Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại buổi gặp mặt các đại biểu về dự Đại hội VI Hội Người cao tuổi Việt Nam. Truy cập tại: <https://baotintuc.vn/thoi-su/phan-bieu-cua-tong-bi-thu-tai-buoi-gap-mat-cac-dai-bieu-ve-du-dai-hoi-vi-hoi-nguoi-cao-tuoi-viet-nam-20220113183441572.htm>

PHẦN THỨ HAI

**THỰC TRẠNG GIÀ HÓA DÂN SỐ NHANH
Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH,
GIẢI PHÁP**

GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM - THỰC TRẠNG, XU HƯỚNG VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

LÊ THANH DŨNG

Cục trưởng Cục Dân số

1. Thực trạng già hóa dân số ở Việt Nam từ năm 2010 đến nay

a. Số lượng, tỉ lệ NCT sẽ tăng nhanh trong thời gian tới, nước ta là một trong số những quốc gia có tốc độ già hóa nhanh nhất thế giới

Thế kỷ XXI được gọi là thế kỷ già hóa dân số⁽¹⁾. Trên thế giới, từ năm 2000 đến năm 2050, tỷ lệ dân số trên 60 tuổi sẽ tăng gấp đôi từ 11% đến 22%. Số lượng người từ 60 tuổi trở lên (tuổi 60+) được dự báo sẽ tăng lên 1.400 triệu vào năm 2030 và 2.100 triệu vào năm 2050⁽²⁾. Tại các nước ASEAN có gần 60 triệu NCT chiếm 9,3% tổng dân số; năm 2050 sẽ tăng lên 24% tổng dân số⁽³⁾ và trở thành khu vực dân số già⁽⁴⁾.

Năm 2011, nước ta chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số⁽⁵⁾; năm 2019, tỷ lệ NCT chiếm 11,86% dân số⁽⁶⁾. Theo dự báo tỷ lệ NCT sẽ tăng lên 16,66% vào năm 2029 và lên 26,10% vào năm 2049⁽⁷⁾. Nước ta là một trong số những quốc gia có tốc độ già hóa nhanh nhất thế giới. Trong khi các nước phát triển mất nhiều thập kỷ, có nước hàng thế kỷ mới chuyển đổi từ giai đoạn già hóa dân số

(1) UN, tỷ lệ NCT 65+ chiếm 7% trở lên là dân số bước vào giai đoạn già hóa, chiếm từ 14% trở lên là dân số già, từ 21% trở lên là dân số siêu già, tương đương với nhóm tuổi 60+ là 10%, 20%, 30%

(2) WHO, Chiến lược và kế hoạch hành động toàn cầu đối với vấn đề lão hóa và sức khỏe, 2016

(3) UN, World population Ageing 2015; UNFPA, State of World Population, 2015

(4) Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra biến động DS-KHHGD năm 2011, tỉ lệ NCT 65+ là 7%

(5) Tổng cục Thống kê, Kết quả Tổng điều tra 2019

(6) Tổng cục Thống kê, Kết quả Tổng điều tra 2019

(7) Tổng cục Thống kê, Dự báo dân số Việt Nam, 2009 - 2049

sang giai đoạn dân số già, như Pháp: 115 năm; Australia: 73 năm, nhưng ở Việt Nam chỉ khoảng 26 năm.

Chỉ số già hóa - một trong những chỉ báo quan trọng biểu thị xu hướng “già hóa dân số” đã tăng từ 18,2% năm 1989 lên 38% năm 2010, cao hơn mức trung bình của khu vực Đông Nam Á (30%). Chỉ số già hóa năm 2019 là 48,8%, tăng 13,3 điểm phần trăm so với năm 2009 và tăng hơn hai lần so với năm 1999. Chỉ số già hóa có xu hướng tiếp tục tăng lên trong những năm sắp tới. Như vậy, nếu như năm 2009, cứ khoảng 3 trẻ em dưới 15 tuổi mới có 1 người từ 60 tuổi trở lên thì đến năm 2019 cứ khoảng 2 trẻ em dưới 15 tuổi đã có 1 người 60 tuổi trở lên. Đến năm 2039 chỉ số già hóa là 113⁽⁸⁾, lần đầu tiên trong lịch sử ở nước ta số NCT sẽ cao hơn số trẻ em. Số lượng NCT tăng đồng nghĩa với tổng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho NCT tăng.

Tuổi thọ tăng là một trong những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội nói chung và chăm sóc sức khỏe nói riêng. Tuy nhiên, già hóa dân số diễn ra với tốc độ nhanh đặt ra những thách thức rất lớn về sự cần thiết phải thay đổi hệ thống ASXH, lao động việc làm, giao thông, vui chơi giải trí,... đặc biệt là hệ thống chăm sóc sức khỏe NCT ở nước ta.

b. Nhu cầu chăm sóc sức khỏe NCT ngày càng tăng

Năm 2022, cả nước có khoảng 12,58 triệu NCT (chiếm khoảng 12% dân số)⁽⁹⁾. Theo dự báo đến năm 2030, NCT ở nước ta khoảng 18 triệu chiếm 17,5% dân số, tức là cứ 6 người dân thì có hơn 1 NCT.

Theo quy luật tự nhiên, khi tuổi càng cao sức khỏe và năng lực nội tại⁽¹⁰⁾ càng suy giảm. Năm 2011, hơn 60% NCT cho biết tình trạng sức khỏe là yếu và rất yếu cần được chăm sóc sức khỏe; hơn 46% NCT mắc bệnh tăng huyết áp; 34% mắc bệnh viêm khớp; khoảng 20% mắc các bệnh khác như tim mạch, răng miệng, viêm phế quản và bệnh phổi mạn tính⁽¹¹⁾.

Mức độ suy giảm năng lực nội tại ở nhóm cao tuổi nhất (từ 80+) càng nghiêm trọng hơn. Kết quả nghiên cứu dọc về NCT và sức khỏe Việt Nam năm 2018,

(8) Tổng cục Thống kê, Dự báo dân số 2009; Chỉ số già hóa là tỉ số giữa NCT từ 60 tuổi trở lên so với 100 trẻ em dưới 15 tuổi

(9) UNFPA, phân tích điều tra biến động dân số năm 2021

(10) WHO, Tài liệu ICOPE, 2020, Năng lực nội tại là sự kết hợp giữa năng lực thể chất và tinh thần của một cá nhân, bao gồm cả năng lực tâm lý. Khả năng hoạt động là sự kết hợp và tương tác của năng lực nội tại với môi trường mà người đó sinh sống

(11) Bộ Y tế, Báo cáo tổng quan ngành y tế, năm 2016

ở nhóm NCT nhất (80+) có gần 74,6% mắc tăng huyết áp; 54,3% mắc bệnh viêm khớp⁽¹²⁾.

Mô hình bệnh tật ở nước ta nói chung và ở NCT nói riêng đang thay đổi nhanh chóng, chuyển từ mô hình chủ yếu là bệnh lây nhiễm sang mô hình chủ yếu là những bệnh không lây nhiễm. NCT nước ta thường mắc nhiều bệnh cùng một lúc, trung bình mỗi người mắc 3 bệnh phải điều trị suốt đời. Tình trạng bệnh tật đã ảnh hưởng lớn đến đời sống tâm lý, các hoạt động sinh hoạt hằng ngày và sự hòa nhập cộng đồng của NCT.

Nguyên nhân gánh nặng bệnh tật ở NCT chủ yếu gây ra bởi các bệnh không lây nhiễm, số năm sống được điều chỉnh theo mức độ bệnh tật và tử vong (DALY) chiếm từ 87% - 89% số DALY giảm đi và 86% - 88% số trường hợp tử vong tùy theo từng nhóm tuổi. Độ tuổi càng cao, mức độ tổn thương do bệnh tật càng lớn và số tử vong càng nhiều. Nhóm tuổi 60 - 69 có dân số cao hơn gấp đôi so với nhóm 70 - 79 tuổi nhưng số DALY chỉ cao hơn gấp 1,35 lần.

Quá trình lão hóa gắn liền với các chức năng suy giảm ở NCT. Nhiều người bị mất dần các chức năng cơ bản như nghe, nhìn, vận động, tập trung và ghi nhớ. Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 cho thấy, khoảng 46% nam và nữ NCT biết họ có khó khăn ít nhất 1 trong 4 chức năng, trong đó 24% nam và 31% nữ có khó khăn từ 2 chức năng trở lên. Khi suy giảm những chức năng cơ bản, NCT rất cần sự chăm sóc của gia đình và xã hội.

Mặc dù phần lớn NCT ở nước ta sống chung với gia đình được người thân chăm sóc, nhưng trong xu hướng chuyển đổi mạnh từ gia đình truyền thống sang gia đình hạt nhân, vai trò gia đình với NCT giảm dần, con cái sống xa cách và bận rộn hơn, đặc biệt là tốc độ tăng nhanh của nhóm dân số cao tuổi nhất (≥ 80 tuổi) và số lượng các cụ thọ từ 100 tuổi trở lên, đã đặt ra nhu cầu chăm sóc dài hạn cho NCT ngày càng lớn.

Theo một nghiên cứu của Bệnh viện Lão khoa Trung ương năm 2015 trong số 610 NCT từ 80 tuổi trở lên được phỏng vấn có 28% cần sự trợ giúp về hoạt động sống cơ bản hằng ngày (vệ sinh, đánh răng,...), và 90% cần sự trợ giúp trong các hoạt động cần thiết (mua bán, nấu ăn, dọn dẹp nhà cửa, giặt giũ quần áo,..)⁽¹³⁾.

(12) Vũ Công Nguyên, Nghiên cứu dọc về NCT và sức khỏe ở Việt Nam năm 2018

(13) UNFPA, Hướng tới chính sách quốc gia toàn diện thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam, 2019

2. Đánh giá việc triển khai thực hiện các quan điểm, cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước về ứng phó với già hóa dân số ở Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020

a. Các loại hình chăm sóc sức khỏe NCT tại cộng đồng chưa đáp ứng nhu cầu

Năm 2023, có 58,5% NCT được khám sức khỏe định kỳ và gần 4,7 triệu NCT được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe⁽¹⁴⁾. Một số trang thiết bị, dụng cụ cơ bản trong đánh giá sức khỏe NCT trong lão khoa (như lực kế bóp tay, đồng hồ bấm giây để đánh giá thời gian đứng dậy, đi...) dụng cụ để phục hồi chức năng, hoạt động trị liệu còn thiếu hoặc không có.

Đa số nhân viên y tế ở tuyến huyện, xã, y tế thôn bản, cộng tác viên dân số, nhân viên công tác xã hội, trợ giúp xã hội, tình nguyện viên chưa được đào tạo tập huấn kiến thức về lão khoa, phục hồi chức năng. Số tình nguyện viên chăm sóc sức khỏe NCT là 28.532 người chủ yếu là cộng tác viên dân số, hầu hết chưa được đào tạo về chăm sóc sức khỏe NCT; theo điều tra dọc về NCT và sức khỏe năm 2018, tỉ lệ người chăm sóc được đào tạo là 1,46%.

Đã có nhiều loại hình câu lạc bộ của NCT được hình thành tại cộng đồng, tuy nhiên nội dung chăm sóc sức khỏe được lồng ghép trong sinh hoạt của câu lạc bộ còn ít, chưa đầy đủ. Năm 2023, cả nước có 12.339 câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe NCT; gần 3.000 câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau được thành lập và duy trì hoạt động⁽¹⁵⁾ (chỉ tiêu của Chương trình hành động quốc gia về NCT giai đoạn 2012 - 2020: Ít nhất 50% số xã, phường, thị trấn có câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau hoặc các mô hình khác)⁽¹⁶⁾.

b. Chăm sóc sức khỏe NCT trong các cơ sở chăm sóc dài hạn chưa phát triển, sự kết nối với các hình thức chăm sóc tại cộng đồng chưa bảo đảm già hóa tại chỗ⁽¹⁷⁾

Hệ thống cơ sở dịch vụ chăm sóc dài hạn ở Việt Nam chủ yếu mới là các cơ sở bảo trợ xã hội, trung tâm/đơn vị công tác xã hội, trung tâm chăm sóc NCT tư nhân và một số mô hình chăm sóc tại cộng đồng.

(14) Báo cáo số liệu chuyên ngành năm 2023

(15) Trung ương Hội NCT, Công văn số 375/HNCT-CS, ngày 07-8-2020

(16) Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 1781/QĐ-TTg, ngày 22-11-2012

(17) WHO, Decade of Healthy Ageing 2020 - 2030, 2019: Già hóa tại chỗ là khả năng sống tại nhà và tại cộng đồng của mình một cách an toàn, độc lập và thoải mái, bất kể tuổi tác, thu nhập hay mức độ khả năng

Các cơ sở bảo trợ xã hội chỉ cung cấp dịch vụ chăm sóc và điều dưỡng cho khoảng 10.000 NCT là đối tượng nghèo, cô đơn nghèo không nơi nương tựa. Năm 2019, có khoảng 20 cơ sở dưỡng lão tư nhân, chủ yếu ở các thành phố lớn và chỉ chăm sóc cho số lượng rất ít NCT với chi phí cao (khoảng 9 đến 23 triệu đồng/tháng/người). Hầu hết các cơ sở này chưa cung cấp đầy đủ dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho NCT.

Như vậy, phần lớn NCT có nhu cầu chăm sóc dài hạn đang sinh sống tại cộng đồng, nơi các dịch vụ chăm sóc xã hội chưa phát triển. Theo tính toán năm 2019, số NCT cần hỗ trợ hằng ngày là gần 4 triệu NCT và năm 2049 số NCT này cần chăm sóc sẽ lên gần 10 triệu (trong số khoảng 33,5 triệu NCT). Nhu cầu chăm sóc dài hạn với sự hỗ trợ của cộng đồng cũng sẽ tăng do số người bình quân 1 hộ gia đình giảm từ 3,8 người/hộ năm 2009 xuống còn 3,6 người/hộ năm 2019, vai trò của gia đình trong chăm sóc NCT cũng giảm tương ứng.

Nhiều quốc gia trên thế giới đã xử lý thành công vấn đề này bằng việc phát triển loại hình dịch vụ chăm sóc sức khỏe NCT với sự tham gia của cộng đồng, xã hội và kết nối giữa các cơ sở chăm sóc và cộng đồng. Loại hình đa chức năng này là nơi tổ chức các hoạt động phục hồi chức năng, rèn luyện sức khỏe, thể thao, vui chơi, giải trí; cung cấp dịch vụ tư vấn cho NCT về tự chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại gia đình đối với NCT không có khả năng đến cơ sở và dịch vụ sinh hoạt trong ngày (ăn, nghỉ...).

Ở nước ta, trong thời gian tới cùng với việc củng cố phát triển các trung tâm bảo trợ xã hội, các cơ sở dưỡng lão tư nhân cần phát triển thêm các mô hình/trung tâm chăm sóc sức khỏe NCT có sự kết nối, tích hợp dịch vụ giữa các cơ sở chăm sóc ở cộng đồng để bảo đảm đáp ứng nhu cầu chăm sóc dài hạn, chăm sóc sức khỏe cho NCT ngày càng tăng. Đặc biệt là bảo đảm thực hiện già hóa tại chỗ với chi phí thấp, diện bao phủ cao, phù hợp với đặc điểm 68% NCT ở nông thôn như ở nước ta hiện nay.

Trung tâm chăm sóc sức khỏe NCT ban ngày: sẽ sử dụng mạng lưới tình nguyện viên là cán bộ, cộng tác viên dân số, y tế thôn bản là lực lượng nòng cốt. Địa bàn triển khai ở huyện và xã, đầu tư nhân lực, cơ sở vật chất đồng thời bổ sung chức năng để Trung tâm y tế huyện, Trạm y tế xã là cơ sở triển khai, không tăng thêm đầu mối và biên chế.

c. Cơ sở khám, chữa bệnh cho NCT tại cơ sở y tế còn nhiều bất cập

Năm 2023, cả nước có 110 bệnh viện cấp trung ương và cấp tỉnh có khoa Lão khoa; gần 1.000 khoa khám bệnh có buồng khám riêng hoặc bố trí bàn khám riêng dành cho NCT; 10.183 giường điều trị nội trú ưu tiên cho NCT⁽¹⁸⁾. Bệnh viện Lão khoa Trung ương là đơn vị chỉ đạo tuyến kỹ thuật nhưng cũng chưa đủ cơ sở vật chất và labo cần thiết.

Các cơ sở y tế chủ yếu tập trung vào khám, chữa bệnh cho NCT, chưa phát triển theo nguyên tắc kết hợp dự phòng, nâng cao sức khỏe, điều trị, phục hồi chức năng và chăm sóc giảm nhẹ.

Hiện tại bộ môn lão khoa đã được thành lập ở một số trường đại học y dược trong cả nước, chương trình đào tạo sinh viên đa khoa và sau đại học về lão khoa đã được đưa vào áp dụng hai năm nay. Tuy nhiên, chưa có chương trình khung hoặc giáo trình chuẩn để đào tạo về lão khoa trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa, bác sĩ gia đình hoặc bác sĩ nội khoa, chương trình đào tạo liên tục và chương trình đào tạo chuyên khoa lão. Chưa có quy định về đào tạo liên tục để nâng cao kiến thức về chăm sóc sức khỏe NCT cho cán bộ y tế.

d. Môi trường xã hội thân thiện với NCT chưa được quan tâm xây dựng và phát triển theo định hướng già hóa khỏe mạnh

Môi trường xã hội sống có tác động mạnh mẽ tới sức khỏe con người nói chung và của NCT nói riêng. Theo Tổ chức Y tế thế giới, môi trường sống thân thiện với NCT giúp cho sự già hóa khỏe mạnh thông qua việc hỗ trợ và duy trì phát triển năng lực nội tại suốt vòng đời mỗi người và phát huy khả năng hoạt động để mỗi người, với năng lực nội tại khác nhau đều có thể đạt được những giá trị riêng của mình. Môi trường già hóa khỏe mạnh đòi hỏi 5 thành tố cơ bản: đáp ứng nhu cầu cơ bản của NCT bao gồm ăn, mặc, nhà ở, chăm sóc y tế và chăm sóc dài hạn; học tập nâng cao trình độ và ra quyết định; hỗ trợ NCT di chuyển đi lại; giúp phát triển, duy trì các mối quan hệ; được tôn trọng và đóng góp cho xã hội.

Ở Việt Nam, Đảng và nhà nước luôn quan tâm đến các nội dung liên quan đến môi trường xã hội thân thiện với NCT. Điều 10, Luật NCT năm 2009 nêu rõ: Phụng dưỡng NCT là chăm sóc đời sống tinh thần, vật chất nhằm đáp ứng nhu

(18) Văn phòng Chính phủ, Thông báo số 445/TB-VPCP ngày 26-12-2019 về công tác năm 2019, nhiệm vụ trọng tâm năm 2020 của Ủy ban Quốc gia

cầu cơ bản về ăn, mặc, ở, đi lại, chăm sóc sức khỏe và các nhu cầu về vui chơi, giải trí, thông tin, giao tiếp, học tập của NCT. Để các nội dung của điều luật này đi vào cuộc sống rất cần phải xây dựng bộ tiêu chí cộng đồng thân thiện với NCT. Đồng thời, phải lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, về giảm nghèo bền vững và các chương trình khác.

d. Khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe của một bộ phận NCT còn khó khăn

Thế hệ NCT Việt Nam hiện nay sinh trưởng trong thời kỳ chiến tranh nên có tới 70% NCT hiện nay không có tích lũy vật chất, 18% NCT sống trong hộ nghèo, 10% NCT sống trong nhà tạm⁽¹⁹⁾, chưa có điều kiện chăm sóc sức khỏe.

Hệ thống văn bản pháp luật nhằm tạo điều kiện phát huy và nâng cao chất lượng chăm sóc NCT đã được ban hành. Tuy nhiên, việc phối hợp, tổ chức thực hiện giữa các cơ quan, tổ chức liên quan còn chưa đồng bộ, chưa đạt hiệu quả cao.

Nhận thức của người dân về vai trò của NCT, việc phát huy, chăm sóc NCT chưa đáp ứng yêu cầu đề ra, đặc biệt trong bối cảnh số lượng và tỷ lệ NCT ở nước ta đang tăng nhanh. NCT chưa có thói quen khám sức khỏe định kỳ, kiến thức và kỹ năng phòng bệnh và nâng cao sức khỏe còn hạn chế.

Một số nơi công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền chưa đầy đủ. Cơ chế tài chính, đặc biệt là trong việc đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc NCT có những bất cập ảnh hưởng đến việc chăm sóc sức khỏe NCT nhất là tại cơ sở. Theo quy định, nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu tại nơi cư trú cho NCT được ngân sách địa phương bảo đảm⁽²⁰⁾, nhưng thực tế việc bố trí kinh phí ở một số địa phương gặp nhiều khó khăn do nguồn thu ngân sách địa phương còn hạn chế. Có địa phương chưa bố trí kinh phí thực hiện khám, chữa bệnh ban đầu tại cơ sở đối với NCT theo quy định⁽²¹⁾.

Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế của NCT là 95%, cao hơn tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế. Như vậy, còn khoảng 5% NCT không có bảo hiểm y tế sẽ phải tự chi trả chi phí khám, chữa bệnh trong khi chi phí khám, chữa bệnh ngày càng gia tăng. Mặt khác, một số nội dung chăm sóc sức khỏe NCT chưa được đưa vào thanh toán bảo hiểm y tế như khám sức khỏe định

(19) Viện Nghiên cứu Y - Xã hội, Điều tra Quốc gia về NCT VN, 2012

(20) Bộ Tài chính, Thông tư số 96/TT-BTC, ngày 18-10-2018

(21) Viện Nghiên cứu Y - Xã hội, Điều tra quốc gia về NCT, 2012

kỳ, dịch vụ chăm sóc khám bệnh, chữa bệnh tại nhà; dự phòng; tư vấn; dinh dưỡng; quản lý, phát hiện, sàng lọc, chẩn đoán sớm các bệnh và phục hồi chức năng của NCT tại cộng đồng.

3. Những thách thức đặt ra của già hóa dân số và tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030

a. Nhận thức, hành vi của người dân chưa thích ứng với giai đoạn “già hóa dân số”

Đề có tuổi thọ cao là mơ ước của toàn nhân loại, là sự phấn đấu không ngừng của mỗi cá nhân, cộng đồng và xã hội. Tuy vậy, theo các nhà nhân khẩu học, tốc độ “già hóa dân số” nhanh sẽ tác động tới nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội như hệ thống dịch vụ chăm sóc sức khỏe; quan hệ gia đình, tâm lý, lối sống; hệ thống ASXH. Vì thế, để thích ứng với một xã hội già hóa đòi hỏi mỗi cá nhân, cộng đồng và xã hội phải có cách ứng xử phù hợp.

Ở nước ta, sớm nhận thức rõ tầm quan trọng của NCT và vấn đề “già hóa dân số”, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến NCT. Chỉ thị số 59-CT/TW, của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 27-9-1995 chỉ rõ: “NCT có công sinh thành, nuôi dạy con cháu, giữ gìn và phát triển giống nòi, giáo dục các thế hệ thanh niên Việt Nam về nhân cách, phẩm chất và lòng yêu nước... Việc chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của NCT là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội... Chăm sóc và phát huy tốt NCT là thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ ta và đạo đức của người Việt Nam”. Năm 2009, Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật NCT quy định về quyền và nghĩa vụ của NCT; trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc phụng dưỡng, chăm sóc và phát huy NCT; ngày 21-12-2021 Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 2156/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về NCT.

Như vậy, có thể thấy hệ thống văn bản pháp luật về NCT ở nước ta đã tạo điều kiện để phát huy và nâng cao chất lượng chăm sóc NCT. Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện để chính sách của Đảng và Nhà nước đi vào cuộc sống còn hạn chế, việc chăm sóc đời sống tinh thần và phát huy vai trò NCT hiện vẫn do Hội NCT đảm nhiệm là chủ yếu. Vì vậy, nhận thức của người dân về vai trò của NCT, việc phát huy, chăm sóc NCT chưa đáp ứng yêu cầu đề ra, đặc biệt trong bối cảnh NCT ở nước ta bước vào giai đoạn tăng nhanh cả về số lượng và tỷ lệ.

b. Hệ thống ASXH còn nhiều bất cập, chưa thích ứng với giai đoạn “già hóa dân số”

Với các nước phát triển, quá trình “già hóa dân số” diễn ra từ từ cũng đã vấp phải những thách thức nảy sinh từ mối quan hệ giữa quy mô dân số cao tuổi ngày càng tăng, dân số trong độ tuổi lao động giảm với việc cân đối nguồn lực, tiết kiệm bảo hiểm tuổi già thông qua hệ thống ASXH. Với nước ta, thách thức này càng lớn do số lượng và tỷ trọng NCT tăng nhanh; nhiều NCT hiện nay được sinh ra và trưởng thành trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, ít có điều kiện bảo vệ sức khỏe và tích lũy vật chất cho tuổi già. Mặt khác, nước ta còn nghèo nhưng lại phải giải quyết cùng lúc nhiều vấn đề liên quan đến tận dụng cơ hội giai đoạn “cơ cấu dân số vàng” và thích ứng với “già hóa dân số”, trong đó có hệ thống ASXH.

Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chính sách về ASXH dành cho NCT như: chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và trợ cấp xã hội... Tuy vậy, hệ thống chính sách ASXH ở nước ta mới hỗ trợ nâng cao đời sống cho một bộ phận NCT.

c. Hệ thống chăm sóc sức khỏe chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của NCT

Khi tuổi càng cao thì sức khỏe ngày càng yếu. Mô hình bệnh tật ở nước ta nói chung và ở NCT nói riêng đang thay đổi nhanh chóng, chuyển từ mô hình chủ yếu là bệnh lây nhiễm sang mô hình chủ yếu là những bệnh không lây nhiễm. Mặt khác, NCT còn phải đối diện với nguy cơ tàn phế do quá trình lão hóa và tác động của các căn bệnh mãn tính, đe dọa đến khả năng sống độc lập làm cho nhu cầu chăm sóc sức khỏe của NCT ngày càng tăng.

Hệ thống y tế - lão khoa chưa đầy đủ và trang bị chưa đáp ứng nhu cầu để giải quyết các bệnh mãn tính - bệnh đặc trưng của NCT. Thêm vào đó là sự khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế và xã hội của đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng còn nhiều khó khăn. Hiện tại, NCT nghèo và NCT sống ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa ít có khả năng tiếp cận được tới dịch vụ chăm sóc cần thiết. NCT nước ta phần đông là nữ, tỷ lệ góa chồng cao trong khi phải đối mặt với nhiều rủi ro hơn so với nam giới cao tuổi xét về thu nhập, tình trạng khuyết tật, khả năng tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế. Vì vậy, cũng tạo thách thức lớn trong chăm sóc sức khỏe NCT.

d. Thách thức trong công tác lập kế hoạch, hoạch định chính sách

Mỗi nhóm tuổi của dân số có những hành vi khác nhau, với những hệ quả kinh tế rõ ràng: Nhóm dân số trẻ đòi hỏi đầu tư chiều sâu cho y tế và giáo dục; nhóm dân số mới bước vào tuổi lao động cung ứng nguồn lao động và tăng tích lũy và nhóm NCT đòi hỏi chăm sóc sức khỏe và thu nhập từ lương hưu. Khi qui mô của mỗi nhóm dân số thay đổi tương ứng với những biến động dân số, thì những đòi hỏi của những hành vi kinh tế của những nhóm này cũng thay đổi theo. Chính vì vậy, khi hoạch định chính sách cần xem xét những tác động của thay đổi cơ cấu tuổi hay nói một cách khác, cần đưa các yếu tố dân số như là những biến số quan trọng trong việc xây dựng các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển của mỗi ngành, địa phương, đơn vị.

Ở nước ta, chăm sóc đời sống NCT để bảo đảm về mặt vật chất và tinh thần luôn là những định hướng chính sách mà Đảng và Chính phủ Việt Nam thực hiện trong mọi giai đoạn phát triển đất nước. Tuy nhiên, do tốc độ “già hóa dân số” tăng nhanh, với số lượng và tỷ lệ NCT tăng cao sẽ làm tăng gánh nặng kinh tế, xã hội để duy trì ổn định cuộc sống khỏe mạnh của nhóm NCT. Ngay cả khi tỷ lệ phụ thuộc trẻ em giảm cũng không thể bù đắp những chi phí xã hội tăng lên, do chi phí đối với NCT lớn hơn nhiều so với chi phí cho trẻ em. Các nhà khoa học đã chứng minh, chi phí cho việc chăm sóc sức khỏe một NCT gấp 8 lần so với một trẻ em. Để thích ứng với “già hóa dân số”, việc chuẩn bị các điều kiện cần và đủ để đáp ứng nhu cầu của “dân số già” trong 1 - 2 thập niên tới sẽ là một thách thức rất lớn đối với các nhà lập kế hoạch và hoạch định chính sách ở nước ta.

4. Những giải pháp nhằm ứng phó với già hóa dân số để phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030*a. Nhóm giải pháp về truyền thông, giáo dục và vận động thay đổi hành vi phù hợp với xu hướng “già hóa dân số” ở nước ta*

Tăng cường truyền thông vận động nâng cao nhận thức của lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp; các nhà hoạch định chính sách; các chức sắc tôn giáo; những người có uy tín trong cộng đồng,... về thách thức của quá trình “già hóa dân số” đối với việc chăm sóc, phát huy NCT nói riêng, sự phát triển bền vững về kinh tế - xã hội của đất nước nói chung nhằm xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các chính sách thích ứng với xã hội “dân số già hóa” và “dân số già”.

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân, cơ quan, tổ chức và gia đình về trách nhiệm kính trọng, giúp đỡ, chăm sóc và phát huy vai trò NCT; nghĩa vụ, trách nhiệm phụng dưỡng NCT của gia đình có NCT; trách nhiệm thực hiện tốt và tích cực tham gia giám sát việc thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước đối với NCT; ý thức và trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc chủ động tự lo cho tuổi già khi còn trẻ.

b. Nhóm giải pháp về bảo đảm ASXH

Xu hướng “già hóa dân số” ở nước ta đang diễn ra với tốc độ nhanh trong khi thu nhập bình quân đầu người của nước ta còn ở mức thấp vì thế xây dựng, hoàn thiện và triển khai đồng bộ các chính sách phát triển kinh tế, bảo đảm ASXH; gắn mục tiêu phát triển kinh tế với các mục tiêu xã hội phải được coi là chiến lược quan trọng hàng đầu.

Cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình quốc gia về dân số, kế hoạch hóa gia đình, duy trì mức sinh thấp hợp lý để có cơ cấu dân số hợp lý nhằm bảo đảm nguồn lao động phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hạn chế được tốc độ “già hóa dân số” quá nhanh; đồng thời bảo đảm quy mô dân số phù hợp với mục tiêu chính sách dân số của Đảng và Nhà nước.

Xây dựng, hoàn thiện các chính sách nhằm tận dụng tốt giai đoạn “cơ cấu dân số vàng”, tạo cơ hội để nước ta chủ động bước vào giai đoạn “dân số già” có thu nhập cao và sức khỏe tốt trong tương lai.

Cải cách hệ thống hưu trí; đa dạng hóa các loại hình bảo hiểm, đặc biệt chú trọng đến các loại hình bảo hiểm tự nguyện, phù hợp với khả năng đóng góp và chi trả của người tham gia, có khả năng liên thông với các loại hình bảo hiểm khác.

Xây dựng chính sách, cơ chế khuyến khích hỗ trợ NCT tham gia hoạt động kinh tế, đặc biệt là những NCT có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao.

Mở rộng hệ thống trợ cấp xã hội, chú trọng đến nhóm NCT thuộc các gia đình nghèo và cận nghèo.

c. Nhóm giải pháp về nâng cao năng lực và vai trò của các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp trong việc chăm sóc và phát huy NCT

Chăm sóc NCT và phát huy vai trò NCT luôn gắn bó chặt chẽ với nhau, có chăm sóc tốt mới phát huy được và phát huy chính là chăm sóc tích cực đối với

NCT. Cuộc sống hằng ngày của NCT diễn ra chủ yếu tại cộng đồng, gắn bó với các tổ chức, đoàn thể xã hội, vì vậy nâng cao năng lực và vai trò của các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp trong việc chăm sóc và phát huy NCT vừa là đòi hỏi khách quan, vừa có hiệu quả thiết thực.

Cần khuyến khích các tổ chức chính trị, xã hội, lồng ghép tuyên truyền vận động về chăm sóc và phát huy NCT trong nội dung sinh hoạt của tổ chức mình; hỗ trợ nguồn lực và tích cực tham gia cùng Hội NCT đẩy mạnh triển khai thực hiện các mô hình/phong trào chăm sóc NCT.

Đẩy mạnh phối hợp liên ngành trong tổ chức và triển khai thực hiện các hoạt động chăm sóc và phát huy NCT ở địa phương và cơ sở giữa Ủy ban Quốc gia về NCT, Hội NCT Việt Nam với các đoàn thể, tổ chức có hội viên là NCT, như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh... Trong đó Ủy ban Quốc gia về NCT và Hội NCT giữ vai trò nòng cốt.

d. Nhóm giải pháp về xây dựng cơ sở dữ liệu và thực hiện các nghiên cứu toàn diện về dân số cao tuổi

Không có những thông tin chính xác, cập nhật về “già hóa dân số” và NCT thì không thể có những đánh giá đúng đắn về các vấn đề kinh tế, xã hội và sức khỏe của NCT. Đây sẽ là những đầu vào quan trọng cho việc đề xuất các chính sách, chương trình can thiệp thiết thực, có trọng tâm và hiệu quả. Cho đến nay, số lượng nghiên cứu về dân số cao tuổi vẫn còn rất nhỏ so với nhu cầu cần nghiên cứu để phục vụ cho mục đích phân tích và hoạch định chính sách. Chúng ta chưa có được một điều tra có tính đại diện quốc gia về NCT đang gây khó khăn không nhỏ cho việc khai thác, nghiên cứu chuyên sâu về NCT.

e. Nhóm giải pháp về chăm sóc sức khỏe NCT

Theo dự báo, trong 10 năm tới, số lượng và tỉ lệ NCT của nước ta sẽ tăng nhanh. Năm 2019 cứ khoảng 2 trẻ em dưới 15 tuổi đã có 1 người 60 tuổi trở lên, đến năm 2039 chỉ số già hóa là 113⁽²²⁾. Lần đầu tiên trong lịch sử ở nước ta số NCT sẽ cao hơn số trẻ em. Số lượng NCT tăng đồng nghĩa với tổng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho NCT tăng.

Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam tăng nhanh, cao hơn nhiều nước có cùng mức thu nhập bình quân đầu người. Tuy nhiên, tuổi thọ khỏe mạnh

(22) Tổng cục Thống kê, Dự báo dân số 2009; Chỉ số già hóa là tỉ số giữa NCT từ 60 tuổi trở lên so với 100 trẻ em dưới 15 tuổi

(HALE) thấp, theo ước tính của WHO ở nam giới là 63,2 năm (nghĩa là nam giới có 8 năm phải sống với bệnh tật) và ở nữ là 70 năm (nghĩa là nữ giới có 11 năm sống chung với bệnh)⁽²³⁾.

NCT Việt Nam sống chủ yếu ở nông thôn, sống cùng con cháu; đời sống vật chất còn gặp nhiều khó khăn. NCT đối diện với gánh nặng “bệnh tật kép” và thường mắc các bệnh mạn tính, bình quân mỗi NCT có 3 bệnh, đối diện với nguy cơ tàn phế do quá trình lão hóa, chi phí điều trị lớn. Trong khi đó, hệ thống chăm sóc sức khỏe nói chung, chăm sóc sức khỏe ban đầu nói riêng chưa thích ứng già hóa dân số nhanh; việc xây dựng môi trường thân thiện với NCT và triển khai các loại hình chăm sóc sức khỏe dài hạn tại cộng đồng chưa được quan tâm đúng mức.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, nhiều chương trình, hoạt động đã được triển khai để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe NCT. Tuy nhiên các biện pháp can thiệp để nâng cao hiệu quả chăm sóc nói chung và chăm sóc sức khỏe NCT nói riêng chưa đủ mạnh, thiếu đồng bộ nên kết quả còn hạn chế.

Ngày 13-10-2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1579/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe NCT đến năm 2030. Trong đó:

Mục tiêu chung: Chăm sóc, nâng cao sức khỏe NCT (người từ đủ 60 tuổi trở lên) bảo đảm thích ứng với già hóa dân số, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

Mục tiêu cụ thể:

a) 100% cấp ủy đảng, chính quyền các cấp ban hành nghị quyết, kế hoạch, đầu tư ngân sách cho chăm sóc sức khỏe NCT vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

b) NCT hoặc người thân trực tiếp chăm sóc NCT biết thông tin về già hóa dân số, quyền được chăm sóc sức khỏe của NCT đạt 70% năm 2025; 85% năm 2030

c) NCT được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm đạt 70%, được lập hồ sơ theo dõi quản lý sức khỏe đạt 95% năm 2025; 100% năm 2030.

(23) ⁽²³⁾ Báo cáo tổng quan ngành y tế năm 2016

d) NCT được phát hiện, điều trị, quản lý các bệnh không lây nhiễm (ung thư, tim mạch, tăng huyết áp, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, sa sút trí tuệ...) đạt 70% năm 2025; 90% năm 2030.

đ) NCT có khả năng tự chăm sóc được cung cấp kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe đạt 50% năm 2025; 90% năm 2030.

e) 100% NCT không có khả năng tự chăm sóc, được chăm sóc sức khỏe bởi gia đình và cộng đồng vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

f) Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau và các loại hình câu lạc bộ khác của NCT có nội dung chăm sóc sức khỏe đạt 80% năm 2025; 100% năm 2030.

g) Số xã, phường, thị trấn có ít nhất 01 câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe NCT, có ít nhất 01 đội tình nguyện viên tham gia chăm sóc sức khỏe NCT đạt 50% năm 2025; 90% năm 2030.

h) Số quận, huyện thí điểm, phát triển mô hình Trung tâm chăm sóc sức khỏe ban ngày cho NCT đạt 20% năm 2025; 50% năm 2030.

i) Số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có mô hình Trung tâm dưỡng lão theo hình thức xã hội hóa thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe NCT đạt 25% năm 2025; 100% năm 2030.

k) 100% NCT khi bị bệnh được khám và điều trị vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

l) NCT cô đơn, bị bệnh nặng không thể đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được khám và điều trị tại nơi ở đạt 70% năm 2025; 100% năm 2030.

m) Bệnh viện, trừ bệnh viện chuyên khoa nhi có khoa lão khoa và bệnh viện tuyến quận, huyện dành một số giường để điều trị người bệnh là NCT đạt 70% năm 2025; 100% năm 2030.

n) Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí môi trường thân thiện với NCT đạt ít nhất 20% năm 2025; 50% năm 2030.

Nhiệm vụ, giải pháp:

(1) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền về

công tác chăm sóc sức khỏe NCT; đẩy mạnh tuyên truyền vận động thay đổi hành vi tạo môi trường xã hội ủng hộ và tham gia chăm sóc sức khỏe NCT

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa những thách thức của già hóa dân số với phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt đối với chăm sóc sức khỏe NCT.

b) Cấp ủy, chính quyền các cấp ban hành nghị quyết, kế hoạch, đầu tư kinh phí; huy động mọi nguồn lực phù hợp với điều kiện của địa phương để tổ chức thực hiện và giám sát, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình.

c) Đẩy mạnh truyền thông giáo dục thay đổi hành vi của người dân về quyền, nghĩa vụ, lợi ích của chăm sóc sức khỏe NCT và tham gia thực hiện các mục tiêu của Chương trình.

(2) củng cố, phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống bệnh không lây nhiễm, khám, chữa bệnh cho NCT; từng bước xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe dài hạn cho NCT.

a) Nâng cao năng lực cho các bệnh viện (trừ bệnh viện chuyên khoa nhi) thực hiện khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng và hỗ trợ kỹ thuật chăm sóc sức khỏe NCT cho tuyến dưới.

b) Nâng cao năng lực cho trạm y tế cấp xã trong thực hiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống các bệnh không lây nhiễm cho NCT tại gia đình và cộng đồng.

c) Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc một số bệnh thường gặp ở NCT, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho NCT ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo.

d) Xây dựng các câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe NCT; lồng ghép nội dung chăm sóc sức khỏe NCT vào Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau và các loại hình câu lạc bộ khác của NCT.

đ) Xây dựng, phát triển mạng lưới tình nguyện viên tham gia các hoạt động: theo dõi, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe, quản lý các bệnh mạn tính, bệnh không lây nhiễm tại gia đình cho NCT.

e) Xây dựng, triển khai các mô hình: Trung tâm chăm sóc sức khỏe ban ngày; xã, phường, thị trấn thân thiện với NCT; Trung tâm dưỡng lão theo hình thức

phù hợp, tiến tới xã hội hóa thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe NCT; ứng dụng công nghệ thông tin vào dịch vụ chăm sóc sức khỏe NCT (mạng xã hội, internet...).

(3) Đào tạo, tập huấn chuyên môn cho người làm công tác chăm sóc sức khỏe NCT

a) Đào tạo, tập huấn chuyên môn cho người làm công tác chăm sóc sức khỏe NCT ở các tuyến: Bệnh viện Lão khoa Trung ương, các bệnh viện trừu bệnh viện chuyên khoa nhi, Trung tâm y tế tuyến huyện, trạm y tế cấp xã; cơ sở chăm sóc sức khỏe; cán bộ dân số và tình nguyện viên ở cơ sở.

b) Đưa nội dung lão khoa vào chương trình đào tạo cho sinh viên đại học và sau đại học trong hệ thống các trường y trên cả nước.

(4) Hoàn thiện chính sách pháp luật liên quan đến chăm sóc sức khỏe NCT

a) Xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật; hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe NCT.

b) Xây dựng hệ thống: chỉ báo thống kê, giám sát; thông tin, cơ sở dữ liệu điện tử quản lý công tác chăm sóc sức khỏe NCT.

(5) Nghiên cứu, hợp tác quốc tế

a) Triển khai nghiên cứu khoa học cung cấp bằng chứng phục vụ hoạch định chính sách, biện pháp thực hiện các mục tiêu chăm sóc sức khỏe NCT; tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học, chuyển giao công nghệ y - sinh học tiên tiến về phục hồi chức năng và chăm sóc sức khỏe NCT.

b) Hợp tác quốc tế nhằm chia sẻ kinh nghiệm về những vấn đề ưu tiên; chuyên môn, kỹ thuật, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; tăng cường liên doanh, liên kết; huy động các nguồn vốn, tài trợ quốc tế để thực hiện nhanh, hiệu quả các mục tiêu của Chương trình.

Chương trình triển khai trên phạm vi cả nước, tập trung tại các tỉnh, thành phố và địa bàn có tỷ lệ NCT từ 60 tuổi trở lên cao hơn bình quân chung của cả nước; vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi và hải đảo, với các chỉ tiêu cụ thể, các giải pháp đồng bộ và toàn diện. Nhóm đối tượng chính của Chương trình là: NCT, gia đình có NCT, người thân trực tiếp chăm sóc NCT; người quản lý, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe NCT; ưu tiên người

có công với cách mạng, NCT tại hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng yếu thế trong xã hội.

Chương trình được xây dựng và triển khai sẽ tiếp tục thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, quy định của Hiến pháp, pháp luật về chăm sóc sức khỏe cho NCT. Với các mục tiêu, giải pháp đồng bộ, trong đó là tập trung chăm sóc sức khỏe NCT ở cộng đồng bảo đảm cho mọi NCT được thụ hưởng dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng ngày càng cao.

5. Kết luận

1. Già hóa dân số là xu hướng tất yếu trên thế giới và ở Việt Nam.

2. Mỗi cá nhân, gia đình, cộng đồng và toàn xã hội cần tích cực, chủ động chuẩn bị một cách đầy đủ của thích ứng với già hóa dân số bảo đảm già hóa khỏe mạnh và già hóa tại chỗ.

3. Để thích ứng kịp thời với một xã hội đang già hóa nhanh phải nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực quốc gia và địa phương; tăng cường phát triển kinh tế và xã hội.

6. Một số khuyến nghị, đề xuất

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25-10-2017, của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, “Về công tác dân số trong tình hình mới”, trong đó cần phải chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các yếu tố kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo đảm phát triển nhanh, bền vững tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số.

Hai là, sớm xem xét và thông qua Luật Dân số và các luật đã được nêu trong Nghị quyết số 137/NQ-CP, ngày 31-12-2017, của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

Ba là, xây dựng, ban hành Chiến lược, Kế hoạch của bộ, ngành, địa phương trên cơ sở cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

Bốn là, xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành tổ chức triển khai Chương trình chăm sóc sức khỏe NCT đến năm 2030 và các chương trình khác đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Năm là, bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện các mục tiêu về dân số đã đặt ra, đặc biệt đưa các nội dung nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc sức khỏe NCT vào trong các dự án đầu tư công trung hạn và dài hạn.□

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ BẢO VỆ, CHĂM SÓC, PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TRONG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ

TS. ĐINH THỊ MAI

Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền, Ban Tuyên giáo Trung ương

1- Người cao tuổi chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu dân số nước ta, là một trong những nhóm người dễ tổn thương trong xã hội, cần được bảo vệ và chăm sóc toàn diện. Nếu như các nước trên thế giới phải trải qua nhiều thập niên, thậm chí hàng thế kỷ mới chuyển sang giai đoạn già hóa dân số (như Pháp: 115 năm, Thụy Điển: 85 năm, Hoa Kỳ: 70 năm...), thì Việt Nam lại bước vào giai đoạn già hóa dân số với tốc độ rất nhanh.

Vấn đề này đã tạo ra những thách thức to lớn đối với Việt Nam về nhiều mặt:

Thứ nhất, già hóa dân số dẫn đến cấu trúc gia đình truyền thống thay đổi mạnh. Phần lớn người cao tuổi ở Việt Nam vẫn sống nương tựa vào con cháu trong khi tuổi thọ ngày càng cao, sinh ít con hơn và cũng ít quyền được lựa chọn sự chăm sóc và chỗ ở.

Thứ hai, già hóa dân số tạo ra những thách thức trong phát triển kinh tế, cơ cấu dân số trong độ tuổi lao động giảm đi, cơ cấu nghề nghiệp thay đổi, gánh nặng kinh tế cho người lao động trẻ cũng cao hơn. Già hóa dân số đặt ra yêu cầu thay đổi trong chính sách về tuổi nghỉ hưu, chính sách dành cho lao động cao tuổi... để thu hút sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động này đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ ba, già hóa dân số khiến thời gian sống sau nghỉ hưu tăng lên, làm gia tăng áp lực lên hệ thống an sinh xã hội, nhất là về y tế và hệ thống trợ cấp

lương hưu. Mô hình bệnh tật ở người cao tuổi thay đổi nhanh chóng, từ bệnh lây nhiễm sang bệnh không lây nhiễm với tính chất của một xã hội hiện đại. Dân số già đến sớm trong khi nền kinh tế của đất nước đang trong thời kỳ thoát nghèo, người cao tuổi phải chịu nhiều gánh nặng bệnh tật, với chi phí y tế lớn và gây ra áp lực lớn đối với hệ thống y tế. Do đó, các chế độ, chính sách nhằm bảo đảm cho người cao tuổi sống vui, sống khỏe, sống có ích, được chăm sóc chu đáo còn có khoảng cách khá lớn so với nhu cầu. Tình trạng bệnh tật đã ảnh hưởng lớn đến đời sống tâm sinh lý, các hoạt động sinh hoạt hằng ngày và sự hòa nhập cộng đồng của người cao tuổi. Đa số người cao tuổi nước ta chưa có thói quen khám bệnh định kỳ, vì vậy khi phát hiện bệnh thường ở giai đoạn muộn khiến việc chữa trị rất khó khăn.

2- Trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam, người cao tuổi có nhiều đóng góp to lớn cả trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Hội nghị Diên Hồng là một biểu tượng của ý chí sắt đá, tinh thần quyết tâm, đồng lòng bảo vệ đất nước của các bậc phụ lão. Truyền thống vô cùng quý báu của người cao tuổi Việt Nam tiếp tục được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh phát huy. Năm 1941, ngay sau khi về nước, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã viết Lời hiệu triệu đoàn kết tất cả các bậc phụ lão, trong đó, khẳng định: “Đất nước hưng thịnh là do phụ lão gây dựng. Đất nước tồn tại là do phụ lão giúp sức. Đất nước bị mất thì phụ lão cứu. Đất nước suy sụp thì phụ lão phù trì. Nước nhà hưng, suy, tồn, vong, phụ lão đều gánh trách nhiệm rất nặng nề... Đối với gia đình, đối với Tổ quốc, phụ lão có trọng trách là bậc tôn trưởng. Đối với làng xóm, đối với bà con, phụ lão có sự tín nhiệm lớn lao”⁽¹⁾. Thực tế lịch sử dân tộc chứng minh, người cao tuổi đã góp phần quan trọng trong các cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của dân tộc. Trong công cuộc xây dựng, phát triển và hội nhập ngày nay, người cao tuổi đã và đang có nhiều đóng góp thực sự quan trọng.

Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến người cao tuổi với nhiều chủ trương và chính sách liên tục qua các thời kỳ nhằm chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi. Ngay sau cuộc Cách mạng tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có Thư gửi các vị phụ lão ngày 21-9-1945, trong đó, Bác đã thăm hỏi, chúc sức khỏe và nhắn nhủ những người cao tuổi tiếp tục nêu gương sáng và truyền dạy kinh nghiệm quý báu cho con cháu. Sau khi Hội Người cao tuổi Việt Nam được thành lập (năm 1995), Ban Bí thư Trung ương đã ban hành Chỉ thị số 59/CT-TW, ngày 27-9-1995, “Về chăm sóc người cao tuổi”,

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 3, tr. 232

trong đó quy định việc chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của người cao tuổi là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội. Luật Người cao tuổi năm 2009 đã dành toàn bộ chương II để quy định về phụng dưỡng, chăm sóc người cao tuổi.

Trong bối cảnh già hóa dân số đang diễn ra hiện nay, công tác chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi đang ngày càng được Đảng và Nhà nước quan tâm. Ngày 22-11-2012, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 1781/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2012 - 2020 với mục tiêu tổng quát là phát huy vai trò của người cao tuổi, nâng cao chất lượng chăm sóc người cao tuổi, đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi phù hợp với tiềm năng và trình độ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Từ năm 2015, tháng 10 hàng năm được lấy là “Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam”.

Hoạt động bảo vệ, chăm sóc người cao tuổi được lồng ghép trong nhiều chương trình, nhiệm vụ của bộ, ngành, địa phương. Người cao tuổi được tạo điều kiện để tích cực tham gia các phong trào xây dựng nông thôn mới, bảo vệ an ninh Tổ quốc, trật tự an toàn xã hội, văn hóa, thể dục, thể thao... tại địa bàn, khu dân cư... Tuy nhiên, việc bảo vệ, chăm sóc, phát huy vai trò của người cao tuổi vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, vướng mắc. Nhiều người cao tuổi còn có hoàn cảnh khó khăn (5% người cao tuổi chưa có bảo hiểm y tế theo quy định; nhiều người cao tuổi còn đang sống trong nhà tạm, dột nát...); mức trợ cấp xã hội đối với người cao tuổi thấp, chỉ bằng 24% chuẩn nghèo nông thôn giai đoạn 2021 - 2025; dịch vụ trợ giúp xã hội, chăm sóc y tế, văn hóa, rèn luyện thể chất, chăm sóc xã hội chưa đáp ứng được nhu cầu của người cao tuổi, đặc biệt tại các thành phố lớn, nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa; nguồn lực thực hiện công tác chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi tại một số địa phương còn khó khăn.

3- Cách thức nhìn nhận về vấn đề già hóa dân số ảnh hưởng rất lớn đến vai trò, vị thế và quyền của người cao tuổi cũng như nguồn lực đóng góp cho sự phát triển bền vững của đất nước. Việc phát huy vai trò của người cao tuổi là sự thay đổi cách nhìn nhận quan trọng trong định hướng chính sách về người cao tuổi, có tác động đến việc thụ hưởng các quyền và sự đóng góp nhiều hơn của họ vào sự phát triển của đất nước. Trong công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ, chăm sóc, phát huy vai trò của người cao tuổi cần chú trọng các vấn đề sau:

Đối với các cấp ủy, chính quyền và toàn xã hội:

Một là, tuyên truyền khẳng định già hóa là một thành tựu của quá trình phát triển. Trong giáo dục và tuyên truyền, cần thay đổi các khuôn mẫu tiêu cực về người cao tuổi, tránh “gắn nhãn” họ với các khuôn mẫu, hình ảnh như “run rẩy”, “yếu đuối”, “cô đơn”..., thay vào đó là hình ảnh tích cực của người cao tuổi trong gia đình và trong các hoạt động xã hội. Tuyên truyền thay đổi quan niệm nhận thức “người cao tuổi là gánh nặng” sang thành “tài sản” của gia đình và xã hội, trong đó chú ý tuyên truyền, khẳng định các quyền, vai trò và trách nhiệm của người cao tuổi đối với xã hội. Chỉ khi người cao tuổi thực sự được tôn trọng, được nhìn nhận khách quan, đúng với thế mạnh, tiềm năng của mình thì họ mới có điều kiện phát triển bản thân, phát huy đầy đủ năng lực, đóng góp cho gia đình và xã hội. Thay đổi các khuôn mẫu tiêu cực về người cao tuổi là điều kiện cần thiết tạo sự chuyển biến trong thay đổi thái độ và hành vi của xã hội. Đi đôi với các biện pháp giáo dục, truyền thông, cần có chế tài xử lý nghiêm, có tính răn đe các hành vi vi phạm pháp luật đối với người cao tuổi, xâm phạm quyền của người cao tuổi và phổ biến thông tin rộng rãi, mang tính giáo dục để thay đổi quan niệm và hành vi tiêu cực đối với người cao tuổi.

Hai là, tuyên truyền, hướng dẫn thực thi Luật Người cao tuổi, điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi một số bất cập, trong đó có hướng dẫn các quy định về phát huy vai trò của người cao tuổi trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ đó mở rộng các quyền lợi được thụ hưởng cũng như sự đóng góp nhiều hơn của người cao tuổi vào sự phát triển chung của đất nước. Tuyên truyền khẳng định công tác bảo vệ, chăm sóc, phát huy vai trò của người cao tuổi là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, là nghĩa vụ của từng gia đình, từng cá nhân công dân.

Ba là, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các địa phương, cơ quan, đơn vị trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ, chăm sóc, phát huy vai trò của người cao tuổi; đưa công tác người cao tuổi vào chương trình làm việc thường xuyên trong công tác vận động quần chúng, góp phần tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị; trong đó đặc biệt chú trọng nâng cao trách nhiệm của gia đình, cộng đồng, xã hội, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong phối hợp và thống nhất hành động, hoạt động giám sát, phản biện xã hội; kịp thời lắng nghe, phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước nhu cầu, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của người cao tuổi. Phát hiện, biểu dương, nhân rộng mô

hình hay, cách làm tốt, các tấm gương điển hình người cao tuổi và hội người cao tuổi các cấp.

Bốn là, tuyên truyền mạnh mẽ hơn nữa để người dân chủ động hơn trong việc chuẩn bị cho tuổi già ngay từ khi còn trẻ. Đẩy mạnh phong trào toàn dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, xây dựng lối sống lành mạnh, dinh dưỡng hợp lý. Tuyên truyền giới trẻ thói quen rèn luyện sức khỏe lành mạnh, bảo đảm các cơ hội về giáo dục và việc làm, tiếp cận các dịch vụ y tế và bao phủ an sinh xã hội cho tất cả những người lao động sẽ là nguồn đầu tư tốt nhất nhằm cải thiện cuộc sống của các thế hệ người cao tuổi trong tương lai.

Đối với bản thân người cao tuổi:

Một là, tuyên truyền nhằm giúp người cao tuổi nhận thức những quyền lợi được hưởng về mặt thể chất và tinh thần; quyền được tiếp cận thông tin và dịch vụ chăm sóc y tế, bao gồm dịch vụ chăm sóc phòng ngừa và điều trị lâu dài.

Hai là, tuyên truyền, vận động, phối hợp để người cao tuổi tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, bảo đảm ổn định an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; phát huy tối đa kinh nghiệm và trí tuệ của người cao tuổi.

Ba là, xây dựng, phát triển mô hình Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau, phát huy khả năng của người cao tuổi trong việc tự vận động, tự chăm sóc bản thân; tiếp tục thực hiện có hiệu quả phong trào “Tuổi cao - Gương sáng”. Thúc đẩy văn hóa “người cao tuổi giúp người cao tuổi”. Theo đó, người cao tuổi có thể giúp đỡ nhau tích cực hơn khi tham gia vào các hoạt động của hội, câu lạc bộ như hỗ trợ đi lại; thiết lập một cơ chế liên lạc giữa các hội, câu lạc bộ với cơ quan chính phủ có liên quan để người cao tuổi nhận ra tầm quan trọng của việc tham gia các hoạt động.

Tận dụng và phát huy nguồn lực người cao tuổi không phải vấn đề đặt ra đối với riêng Việt Nam mà còn ở nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ, chăm sóc, phát huy vai trò của người cao tuổi trong bối cảnh hiện nay không chỉ góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, mà còn là hành động thiết thực để người cao tuổi nước ta thực sự là “vốn quý của dân tộc, là lực lượng quan trọng của đất nước, là rường cột của gia đình và xã hội Việt Nam” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định.□

VAI TRÒ NGƯỜI CAO TUỔI TRONG KẾ THỪA TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA GIA ĐÌNH PHÁT TRIỂN VĂN HÓA DÂN TỘC

TS. TRẦN TUYẾT ANH

*Vụ trưởng Vụ Gia đình,
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*

NGUỜI cao tuổi (NCT) có vai trò và vị trí đặc biệt quan trọng trong việc kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa Gia đình, phát triển, bảo tồn, lưu giữ các giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam. Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng công tác chăm sóc, phát huy vai trò, vị trí người cao tuổi trong Gia đình, đóng góp cho sự phát triển toàn xã hội. Theo Báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 2023 của Tổng cục Thống kê, dân số nước ta, dân số trung bình năm 2023 ước tính 100,3 triệu người. Tuổi thọ trung bình của dân số cả nước năm 2023 là 73,7 tuổi (năm 2022 là 73,6 tuổi). Cơ cấu dân số của Việt Nam đang dịch chuyển theo hướng tăng tỷ lệ người cao tuổi và giảm tỷ lệ dân số trẻ. Việt Nam hiện đang trong thời kỳ cơ cấu “dân số vàng” và cũng đồng thời trong quá trình già hóa dân số. Theo dự báo, nước ta là một trong số những quốc gia có tốc độ già hóa nhanh nhất thế giới, tỷ lệ người cao tuổi sẽ tăng lên 20,21% vào năm 2038. Điều này không chỉ đặt ra yêu cầu cần có những chính sách mới về an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe, đời sống tinh thần cho NCT mà còn phải phát huy được vai trò của NCT trong mọi lĩnh vực phù hợp với năng lực, sức khỏe, nguyện vọng. Vì thế, việc tạo điều kiện để NCT có thể phát huy vai trò của mình trong việc gìn giữ những giá trị văn hóa Gia đình, phát triển văn hóa dân tộc, là trách nhiệm của các cấp, các ngành có liên quan và của toàn xã hội.

Vai trò của người cao tuổi trong việc kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc

Năm 1943, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu quan điểm cho rằng “vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”. Đây là một định nghĩa khá hoàn chỉnh và sát hợp với thực tế, đồng thời bao quát được cả những quan điểm hiện đại về văn hóa.

Theo UNESCO, “Văn hóa là tập hợp các đặc trưng tiêu biểu về tinh thần, vật chất, tri thức và xúc cảm của xã hội hoặc một nhóm người trong xã hội; văn hóa không chỉ bao gồm văn học và nghệ thuật, mà còn cả phong cách sống, phương thức chung sống, các hệ giá trị, truyền thống và niềm tin”. Truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam có thể hiểu đơn giản là hệ thống những giá trị văn hóa tốt đẹp được hun đúc, lưu truyền qua nhiều thế hệ. Trong đó, “Văn hóa gia đình là hệ thống những giá trị, chuẩn mực điều tiết mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và mối quan hệ giữa gia đình với xã hội, phản ánh bản chất của các hình thái gia đình đặc trưng cho các cộng đồng, các tộc người, các dân tộc và các khu vực khác nhau được hình thành và phát triển qua lịch sử lâu dài của đời sống gia đình, gắn liền với những điều kiện phát triển kinh tế, môi trường tự nhiên và xã hội”. Như vậy, có thể thấy văn hóa gia đình là sự tổng hòa của những giá trị truyền thống được vun đắp, trao truyền qua nhiều thế hệ của gia đình Việt Nam nhưng gắn liền với điều kiện sống bao gồm cả kinh tế, tự nhiên và xã hội... Văn hóa gia đình phản ánh trung thực nhất bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Trong tiến trình hội nhập quốc tế, việc lưu giữ, tiếp nhận những giá trị văn hóa mới và truyền thụ cho thế hệ mai sau những giá trị văn hoá truyền thống là yếu tố cấp thiết, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá của người Việt, có sự đóng góp to lớn của NCT.

Văn hóa gia đình là do con người cùng nhau tạo nên được hun đúc, gìn giữ và phát triển qua hàng nghìn thế hệ nối tiếp nhau. Với mỗi gia đình, từng thành viên chính là người sáng tạo, hình thành nên văn hóa chung của dân tộc, trong đó NCT có vai trò là khởi nguồn, là trụ cột, tác động thường xuyên và có tính quyết định trong việc hình thành, lưu giữ và truyền thụ các giá trị văn hoá cho các thế hệ mai sau.

Trong bất kỳ một lĩnh vực nào, NCT cũng là tấm gương cho thế hệ trẻ. Người cao tuổi luôn là điểm tựa, là kho kinh nghiệm dân gian văn hóa, là trí tuệ quý báu, điều này đã được ông cha ta đúc kết trong những câu nói “đi xa hỏi già, về nhà hỏi trẻ”, “gừng càng già càng cay”... Những nghệ nhân lớn tuổi có thể được coi là kho tàng sống về bộ môn nghệ thuật của mình. Thông qua hoạt động văn hoá xã hội, lao động sản xuất, NCT vừa sáng tạo, vừa truyền tải cho các thế hệ những làn điệu dân ca, lời ru, nhịp điệu của nhạc cụ... Những giá trị văn hoá ấy luôn mang theo tâm hồn, khát vọng, tình cảm của các thế hệ. Rộng ra ở các làng, xã, NCT là những nghệ nhân truyền lại cho con cháu các nghề truyền thống. Trước thực trạng bản sắc văn hóa dân tộc có nguy cơ bị mai một do lối sống hiện đại, những NCT tâm huyết với văn hoá dân tộc ở các địa phương đã tập hợp thành lập các đội văn nghệ, câu lạc bộ nhằm giữ gìn bản sắc văn hoá, góp phần khôi phục, duy trì tiếng hát, điệu múa, tiếng nói, trang phục... truyền thống của dân tộc. Người cao tuổi đã, đang và sẽ ngày ngày góp phần khơi gợi tình yêu, bồi dưỡng hun đắp tài năng của giới trẻ trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

Trong gia đình, NCT có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giáo dục, đạo đức, lối sống, truyền thụ văn hoá cho các thế hệ con cháu. Nhờ những kinh nghiệm và tri thức sống, họ trở thành trụ cột hướng dẫn, uốn nắn cho các thành viên trong gia đình hành động theo nền nếp đã được hình thành. Ông bà, cha mẹ dạy bảo con cháu từ những việc nhỏ nhất, như dáng đi, dáng đứng, dáng ngồi ngay ngắn, đàng hoàng “học ăn, học nói, học gói, học mở”, ăn nói từ tốn, lễ phép, kính trên nhường dưới... và truyền đạt kinh nghiệm ứng xử phù hợp với chuẩn mực xã hội. Chính những điều đó hình thành nên lối sống của gia đình, hình thành nên “gia phong”, thành nét đẹp, thành văn hoá.

Một số vấn đề đặt ra hiện nay đối với việc phát huy vai trò người cao tuổi trong việc kế thừa, phát huy văn hóa gia đình, phát triển văn hóa dân tộc

Gia đình Việt Nam đang trong bước chuyển đổi từ truyền thống sang hiện đại trên nhiều xu hướng và phương diện khác nhau. Đó là sự chuyển đổi hết sức phức tạp khi trong xã hội còn tồn tại những quan niệm khác nhau về giá trị, chuẩn mực, đạo đức trong các mối quan hệ gia đình, đồng thời văn hóa gia đình Việt Nam có sự thay đổi nhất định.

Trong từng giai đoạn lịch sử, trong nhiều thập niên qua, bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội của Việt Nam và thế giới với tốc độ chuyển đổi nhanh khiến gia

đình Việt Nam đang đứng trước những thách thức và thay đổi chưa từng có. Xã hội ngày càng phát triển thì mô hình gia đình có hai thế hệ đang có xu hướng gia tăng là một điều tất yếu. Mô hình gia đình truyền thống “tam, tứ đại đồng đường”, ông bà, cha mẹ, con cháu sống quây quần trong một mái nhà đang có xu hướng giảm dần. Theo tổng hợp Báo cáo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố, năm 2022 cả nước có 26.945.329 hộ gia đình, thì có đến gần 60% hộ gia đình hạt nhân (gồm 1 hoặc 2 thế hệ); hộ gia đình 3 thế hệ trở lên là 6.128.139, chiếm gần 22.7%. Thực tế trên cho thấy, xu hướng độc lập của các hộ gia đình trẻ đang ngày một gia tăng, điều đó cũng đồng nghĩa với xu hướng độc lập của cá nhân con cái với gia đình và bố mẹ. Con cháu muốn sống độc lập, ít muốn sống cùng với ông bà và ngược lại, NCT cũng có nguyện vọng sống riêng. Điều đó dẫn tới sự tiếp xúc, gần gũi thường xuyên giữa NCT và con cháu ít đi cũng đồng nghĩa với nhiều ảnh hưởng trong sự giáo dục, truyền thụ kinh nghiệm sống và những giá trị văn hóa truyền thống đối với các thế hệ con cháu.

Bên cạnh đó, xã hội càng phát triển, những chuẩn mực giá trị càng có sự thay đổi nhanh chóng. Một số quan niệm, ứng xử trước đây được cho là chuẩn mực thì nay sẽ bị coi là lỗi thời cũng như một số kiến thức, kinh nghiệm của NCT đã trở nên không phù hợp. Những ứng xử, quan niệm trong cuộc sống của giới trẻ cũng mang tính độc lập, cá nhân mà ít chịu ảnh hưởng từ phía bố mẹ, ông bà. Thế hệ trẻ hiện nay ngày càng ít còn “mặn mà” với loại hình nghệ thuật truyền thống của dân tộc. Có nhiều loại hình nghệ thuật mới hơn, hiện đại hơn để giới trẻ lựa chọn. Vậy nên, nhiều tri thức, kinh nghiệm quý báu của NCT đôi khi bị lãng quên và có xu hướng nhạt dần, thậm chí bị coi là lạc hậu.

Trước thực trạng và thách thức trên, việc xây dựng ứng xử văn hóa trong gia đình hiện nay là một yêu cầu cấp bách, đồng thời nâng cao vai trò của NCT trong việc gìn giữ, phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc. Những năm qua, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tích cực triển khai các hoạt động, nhiệm vụ xây dựng văn hoá gia đình bắt đầu từ giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, trong đó chú trọng phát huy vai trò của NCT. Đồng thời, Bộ đã tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản nhằm thể chế hóa đường lối lãnh đạo của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác gia đình trong tình hình mới, bảo đảm tính thống nhất trong việc thực hiện công tác gia đình, xây dựng môi trường văn hóa gia đình trên toàn quốc, như tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 2074/QĐ-TTg, ngày 10-12-2021 về Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị

số 06-CT/TW, ngày 24-6-2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới (giai đoạn 2021 - 2030); Quyết định số 96/QĐ-TTg, ngày 19-01-2022 phê duyệt Chương trình giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình đến năm 2030; Chỉ thị số 11/CT-TTg, ngày 29-3-2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình; Quyết định số 3391/QĐ-BVHTTDL, ngày 01-10-2009 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt “Đề án Tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020”; Xây dựng Bộ Tiêu chí ứng xử trong gia đình...

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục đời sống gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình, Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình. Xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm của công tác gia đình và là nền tảng để xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về phẩm chất đạo đức, lối sống, nhân cách, gìn giữ và phát triển văn hóa gia đình Việt Nam. Chủ đề công tác Gia đình “Xây dựng nhân cách người Việt Nam bắt đầu từ giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình” đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn các địa phương đưa vào thực hiện từ đầu năm 2014.

Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, đề cao vai trò của NCT trong việc hình thành, giáo dục nhân cách con người Việt Nam. Đặc biệt, trong các đợt truyền thông trọng điểm nhân dịp hưởng ứng Ngày Quốc tế hạnh phúc 20/3 hàng năm với chủ đề “Yêu thương và chia sẻ”, “Hạnh phúc cho mọi người”, Ngày Gia đình Việt Nam 28/6 và Tháng hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực Gia đình với chủ đề “Gia đình kết nối yêu thương”, “Gia đình bình an, xã hội hạnh phúc”, “Gia đình hạnh phúc, quốc gia thịnh vượng”,... các hoạt động, sự kiện được tổ chức thành chuỗi sự kiện truyền thông, có tác động mạnh đến nhận thức của các cấp, các ngành và nhân dân về vai trò, vị trí của gia đình, hệ giá trị gia đình cũng như trách nhiệm của mỗi cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc, ấm no.

Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình được thí điểm 2 năm (2019-2020), đến nay đã được triển khai trên toàn quốc. Bộ tiêu chí gồm tiêu chí ứng xử chung cho tất cả thành viên gia đình “Tôn trọng, bình đẳng, yêu thương, chia sẻ” và cho từng mối quan hệ trong gia đình⁽¹⁾.

(1) Tiêu chí ứng xử của vợ, chồng: Chung thủy, nghĩa tình; Tiêu chí ứng xử của cha mẹ với con, ông bà với cháu: gương mẫu, yêu thương; Tiêu chí ứng xử của con với cha mẹ, cháu với ông bà: Hiếu thảo, lễ phép; Tiêu chí ứng xử của anh, chị, em: Hòa thuận, chia sẻ

Tích cực thực hiện các hoạt động tuyên truyền về giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình và giáo dục đời sống gia đình trên các phương tiện truyền thông đại chúng với nội dung, hình thức phong phú, đáp ứng được yêu cầu của đông đảo đối tượng tiếp nhận thông tin.

Ký kết nhiều chương trình với các bộ, ban, ngành các chương trình phối hợp, nhằm tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục đời sống gia đình trên diện rộng, phủ khắp các nhóm đối tượng trong xã hội. Trong đó, ký kết Chương trình phối hợp số 2448/CT-BVHTTDL-HNCT, ngày 8-7-2022 giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với Hội Người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2022 - 2026.

Xây dựng bộ tài liệu giáo dục đời sống gia đình nhằm cung cấp những kiến thức, kỹ năng xây dựng, tổ chức đời sống gia đình, phát huy các mối quan hệ tốt đẹp trong gia đình; chăm sóc NCT; nuôi dưỡng, giáo dục, bảo vệ trẻ em ... Giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình chính là cơ sở đầu tiên, quan trọng tác động đến sự hình thành nhân cách, đạo đức và sự phát triển toàn diện của người Việt Nam cũng như giáo dục, định hướng mỗi người có trách nhiệm trong việc gìn giữ các giá trị gia đình.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam và các đề án thành phần của Chiến lược. Bộ đang thực hiện nghiên cứu, đề xuất thử nghiệm dịch vụ công về giáo dục kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình hạnh phúc trước khi kết hôn; nghiên cứu, xây dựng thí điểm bộ chỉ số gia đình hạnh phúc.

Để vận dụng, phát huy được những kinh nghiệm quý báu của NCT trong gìn giữ văn hóa dân tộc, Bộ đã tổ chức nhiều hoạt động mang tính trao truyền, tiếp nối giữa các thế hệ, như tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy về bảo tồn, phát huy các loại hình văn hóa phi vật thể, gồm tiếng nói, chữ viết; ngữ văn dân gian; nghệ thuật trình diễn dân gian (bao gồm: âm nhạc, múa, hát, sân khấu và các hình thức trình diễn dân gian khác); tập quán xã hội (bao gồm: luật tục, hương ước, chuẩn mực đạo đức, nghi lễ và các phong tục khác); lễ hội truyền thống; nghề thủ công truyền thống; tri thức dân gian (bao gồm: tri thức về thiên nhiên, đời sống con người, lao động sản xuất, ẩm thực, trang phục và các tri thức dân gian khác)... trong đó nghệ nhân dân gian được mời đến giảng dạy cho người trẻ là những người kế cận, tiếp nối truyền thống văn hóa.

Một số giải pháp phát huy vai trò người cao tuổi trong việc kế thừa, phát huy văn hóa gia đình, văn hóa dân tộc

Người cao tuổi có vai trò, vị trí quan trọng đối với gia đình và xã hội nói riêng, đã và đang có những đóng góp to lớn đối với xã hội nói chung. Đặc biệt là họ có vai trò khởi nguồn, là trụ cột tác động thường xuyên và có tính quyết định trong việc hình thành, lưu giữ và truyền thụ các giá trị văn hoá cho các thế hệ tương lai. Để phát huy hơn nữa vai trò của NCT, trong thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp cụ thể:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, sự quản lý Nhà nước đối với văn hóa, gia đình. Nâng cao vai trò lãnh đạo cấp ủy, chính quyền với xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Tạo điều kiện để bộ máy quản lý nhà nước về gia đình thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được phân công. Coi việc đầu tư cho phát triển văn hóa gia đình là đầu tư cho sự phát triển bền vững.

Hai là, tập trung tham mưu xây dựng các chính sách và giải pháp nhằm củng cố, xây dựng các chuẩn mực mới cho gia đình, phát triển các quan hệ gia đình như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. *Hạt nhân của xã hội là gia đình*”. Thường xuyên rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về gia đình và điều chỉnh kịp thời nhằm đáp ứng với sự thay đổi nhanh chóng của xã hội.

Ba là, xây dựng hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người và hệ giá trị gia đình trong thời kỳ mới.

Bốn là, tạo điều kiện để mọi thành viên trong gia đình được hưởng thụ các dịch vụ về văn hoá, giáo dục; tham gia các hoạt động sáng tạo và cảm thụ văn hoá. Tăng cường giáo dục về đạo đức, lối sống lành mạnh cho mọi gia đình, đồng thời tiếp tục xoá bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu; giữ gìn, phát huy giá trị tốt đẹp của các mối quan hệ gia đình.

Năm là, nhân rộng mô hình Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, Câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình, Câu lạc bộ tiền hôn nhân và Câu lạc bộ gia đình trẻ nhằm cung cấp các kỹ năng sống tới từng hộ gia đình, như kỹ năng làm cha, mẹ, kỹ năng ứng xử giữa các thành viên trong gia đình, vận động mọi gia đình tự giác, tích cực thực hiện nếp sống văn minh, giữ gìn và phát huy văn

hóa gia đình và truyền thống dòng họ. Kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình gia đình nhiều thế hệ hạnh phúc, gương mẫu trong chăm sóc NCT, bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Triển khai Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình trên phạm vi toàn quốc.

Sáu là, đẩy mạnh việc thực hiện chức năng giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, coi đó không chỉ là một khâu quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân mà còn là một giải pháp không thể thiếu trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc để xây dựng cộng đồng hạnh phúc, quốc gia hạnh phúc. Chú trọng hơn tới việc hình thành những chuẩn mực mới về gia phong, gia giáo, gia lễ, gia quy... trên cơ sở kế thừa những giá trị tốt đẹp của văn hoá gia đình truyền thống, tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa tiên tiến để xây dựng văn hóa gia đình phù hợp với nhu cầu và điều kiện phát triển đất nước.□

PHÁT HUY VÀ TRỌNG DỤNG TRÍ THỨC CAO TUỔI TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

TS. TRƯƠNG XUÂN CŨ

Đại biểu Quốc hội khóa XV

Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi Việt Nam

NHÌN lại lịch sử nước nhà, dù trong thời đại nào, người cao tuổi vẫn luôn là rường cột gia đình, dòng tộc, xã hội, noi gương sáng trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Ngày nay, trong công cuộc đổi mới đất nước trước xu hướng già hóa dân số nhanh, người trí thức cao tuổi thực sự là nguồn lực quan trọng, vốn quý của xã hội, góp phần đáng kể vào phát triển bền vững đất nước, hiện thực hóa khát vọng dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Việc đổi mới tư duy chiến lược đối với trí thức cao tuổi, ban hành chính sách hữu hiệu nhằm phát huy tối đa trí tuệ, tâm huyết, tinh thần đổi mới sáng tạo, tiên phong trong khoa học là một yêu cầu tất yếu.

I. Khái quát về vị trí, vai trò trí thức cao tuổi trong đội ngũ trí thức Việt Nam

1. Trí thức cao tuổi chiếm một tỷ lệ đáng kể trong tương quan đội ngũ trí thức nước nhà:

So với 15 năm trước, trí thức Việt Nam đã tăng nhanh về số lượng, chất lượng được nâng lên; số trí thức có trình độ cao, có năng lực ngang tầm với trình độ của trí thức các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới nhiều hơn; trí thức năng động, sáng tạo, hoạt động trong nhiều ngành, lĩnh vực, ở nhiều khu vực, tổ chức; giữ gìn, phát huy, sáng tạo các giá trị văn hóa, văn học nghệ thuật chất lượng cao; tích cực tham gia phát triển, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam. Trong giai đoạn thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, số người có trình độ từ đại

học trở lên tham gia thị trường lao động đã tăng nhanh so với giai đoạn trước: năm 2009 có khoảng 2,7 triệu người (5,5%); năm 2013 có khoảng 3,7 triệu người (7,0%); năm 2018 có khoảng 5,26 triệu người (hơn 9,5%); năm 2021 có khoảng 6,2 triệu người, tỷ lệ trên thị trường lao động (11,7%). Đội ngũ trí thức của các ngành, lĩnh vực đã tăng lên nhanh chóng, trình độ, năng lực đã được nâng lên.

Theo nhóm tuổi: Có sự thay đổi trong phân bố trí thức theo các nhóm tuổi từ năm 2009 đến năm 2019. Năm 2009, trí thức có trình độ đại học chính qui có 1,98 triệu người chiếm 51% trí thức có trình độ đại học, trong đó nhóm tuổi từ 30-49 có khoảng 1,37 triệu trí thức chiếm 35%, nhóm 50 tuổi trở lên chỉ chiếm 13,6%. Đến năm 2019, trí thức có trình độ đại học chính qui vào nhóm tuổi trung niên 30-49 với 3,3 triệu người và chiếm 52% trí thức có trình độ đại học. Đối với trình độ thạc sĩ, năm 2009 trí thức tập trung ở độ tuổi 30-49 với khoảng 76,2 nghìn người chiếm 55%, đến năm 2019 trí thức trong độ tuổi này cũng tăng lên khoảng 280 nghìn người và chiếm 72,5% trí thức có trình độ thạc sĩ. Đối với nhóm trí thức là tiến sĩ đã có sự trẻ hóa về độ tuổi, năm 2009 nhóm trí thức tập trung ở độ tuổi trên 50 với 14,8 nghìn tiến sĩ (chiếm 50%), đến năm 2019 nhóm tuổi 30-49 đã chiếm ưu thế hơn với 23,6 nghìn tiến sĩ chiếm khoảng 53,3% tổng trí thức có trình độ tiến sĩ (xem chú thích 1).

2. Trí thức cao tuổi đại diện cho tinh hoa trí tuệ dân tộc, đặt nền tảng cho khoa học Việt Nam thời hiện đại:

Những trí thức có học vị là tiến sĩ chiếm một tỷ lệ lớn, một bộ phận trong số họ có thể đảm nhận công việc quản lý, lãnh đạo trong hệ thống chính trị, song về cơ bản, họ là lực lượng nghiên cứu, đào tạo trên các lĩnh vực khoa học. Khi hết tuổi quản lý, họ còn dành nhiều hơn thời gian cho khoa học, như vậy, đây là nguồn vào cho lớp trí thức tinh hoa, dần đi vào tầng lớp những trí thức cao tuổi (60 - 80 tuổi); nếu tính tuổi hưu trí thì trí thức cao tuổi còn 15- 20 năm có thể tiếp tục cống hiến cho khoa học nước nhà. Khi nói về số lượng trí thức tinh hoa gắn với độ tuổi, thì cũng cần phải nói đến chất lượng đội ngũ trí thức tinh hoa dân tộc. Nhìn lại tất cả các cuộc vinh danh, tôn vinh trí thức, các nhà khoa học trong gần 40 năm đổi mới, đều cho thấy: những trí thức, khoa học, văn nghệ sĩ được vinh danh, tôn vinh, nhận các danh hiệu cao quý của Nhà nước, của các tổ chức quốc tế hầu như đều ở lứa tuổi từ 60-80.

Có thể kể đến những điển hình của trí thức Việt Nam thuộc thế hệ người cao tuổi đã có nhiều cống hiến cho khoa học nước nhà trong suốt chiều dài cách mạng có Đảng lãnh đạo, như:

- Trong lĩnh vực khoa học cơ bản, có những người đặt nền móng cho Toán học Việt Nam hiện đại, như: Giáo sư Hoàng Xuân Hãn, Giáo sư Lê Văn Thiêm, Giáo sư Hoàng Tụy, Giáo sư Bùi Trọng Liễu, Giáo sư Dương Hồng Phong, Giáo sư Đặng Đình Áng, Giáo sư Hà Huy Khoái, Giáo sư Ngô Việt Trung, Giáo sư Đào Trọng Thi...

Viện Toán học Việt Nam được xem là sơ sở nghiên cứu và đào tạo tài năng toán học có nhiều thành tựu ở bậc sau đại học của nước ta. Đây là một viện hàng đầu của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, được Viện Hàn lâm Khoa học Thế giới thứ ba công nhận là một trong 10 trung tâm xuất sắc của các nước đang phát triển. Hiếm có cơ sở nghiên cứu khoa học nào ở nước ta có đội ngũ các nhà khoa học trình độ cao, phần lớn là những người tốt nghiệp xuất sắc ở các trường đại học lớn tại châu Âu và Mỹ. Trong lĩnh vực Vật Lý, phải kể đến Giáo sư Trần Thanh Vân, một Việt kiều tại Pháp đã tận tâm, tận lực vì khoa học nước nhà, ông đã dành thời gian, công sức, tiền của cống hiến cho khoa học tự nhiên. Một “phát minh” mang lại sự hội tụ trí tuệ và lan tỏa xã hội chính là sự ra đời của tổ chức *Gặp gỡ Việt Nam (Rencontres du Vietnam)* do GS. Trần Thanh Vân làm chủ tịch. Kể từ khi được biết đến lần đầu tiên năm 1993 cho tới nay, tổ chức Gặp gỡ Việt Nam đã có những đóng góp vô cùng quan trọng trên cả hai địa hạt là khoa học và giáo dục cho đất nước. Trong hai thập kỷ qua, GS. Trần Thanh Vân đã tổ chức thành công 12 lần Gặp gỡ Việt Nam tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Quy Nhơn, thu hút hàng trăm nhà vật lý nổi tiếng đến thông báo và tranh luận về những kết quả mới nhất trong vật lý hạt và vật lý thiên văn, trong đó có nhiều Giáo sư đoạt Giải thưởng Nobel về vật lý. Những cuộc gặp gỡ này đã gây được tiếng vang lớn trong cộng đồng vật lý quốc tế và tạo ra những điều kiện hết sức thuận lợi để các nhà khoa học Việt Nam tiếp cận được những thành tựu nghiên cứu đỉnh cao và những xu hướng nghiên cứu mới đang được quan tâm của chuyên ngành. Bên cạnh đó, từ năm 2001 tới nay, tổ chức Gặp gỡ Việt Nam còn trao các suất Học bổng Vallet với mục đích khuyến học, khuyến tài cho hàng chục nghìn học sinh, sinh viên và nhà nghiên cứu trẻ xuất sắc trên cả nước với số học bổng lên tới hơn 120 tỉ đồng. Học bổng Vallet hiện là quỹ học bổng tư nhân lớn nhất tại Việt Nam. Cùng với các nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài, ở trong nước, một số nhà khoa học đầu đàn ưu tú nhất trên cả hai địa hạt khoa học tự nhiên và xã hội cũng đã có được những công trình nghiên cứu giá trị, không những gây ảnh hưởng lớn trong giới chuyên môn, mà còn có khả năng tạo ra những nhánh mới của chuyên ngành. Có thể kể tới những tên tuổi sáng giá như GS. Hoàng Tụy trong lĩnh vực toán học, GS. Nguyễn Văn Đạo trong lĩnh vực cơ học, GS.

Nguyễn Tài Cẩn trong lĩnh vực ngôn ngữ học hay GS. Hà Văn Tấn trong lĩnh vực sử học.

- Trong lĩnh vực Y học: Ngay từ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, có nhiều thầy thuốc ưu tú đạt trình độ quốc tế như các Giáo sư: Hồ Đắc Di, Tôn Thất Tùng, Đỗ Xuân Hợp, Đặng Văn Ngữ, Phạm Ngọc Thạch, Trần Hữu Tước..., họ không chỉ là những nhà khoa học đơn thuần cống hiến vì Y học, mà quan trọng hơn họ đã đem hết trí tuệ và tâm huyết để góp phần làm rạng danh con người và dân tộc Việt Nam, một lòng theo Đảng, theo Bác Hồ, phụng sự Tổ quốc, Nhân dân. Chính họ đã đặt nền móng cho việc đào tạo các bác sĩ giỏi sau này cho đất nước. Lớp học trò của họ với nhiều tên tuổi xuất sắc như các Giáo sư: Nguyễn Huy Phan, Nguyễn Dương Quang, Tôn Thất Bách, Đặng Hanh Đệ, Nguyễn Văn Vân, Nguyễn Lâm Việt... vẫn tiếp bước các tiền bối của mình, tiếp tục bồi dưỡng, đào tạo các nhà Y học trẻ; góp phần đáng kể hình thành nên một đội ngũ thầy thuốc giỏi và nhà Y học ưu tú cho ngành Y tế Việt Nam.

- Lĩnh vực văn học, nghệ thuật: Nhờ tài năng và tâm huyết của các nhà hoạt động âm nhạc Việt Nam đương đại như Nguyễn Vĩnh Bảo, Trần Văn Khê, Nguyễn Thuyết Phong..., nhiều loại hình âm nhạc truyền thống không chỉ được “đánh thức” và nuôi dưỡng, mà còn tìm lại được vị thế xứng đáng của mình trong nền văn hóa dân tộc và thế giới. Trong lĩnh vực nghiên cứu văn hóa, các nhà văn hóa lớn như Nguyễn Khắc Viện, Hữu Ngọc... đã đảm đương tốt vai trò là người lưu giữ những di sản quý báu của các danh nhân cũng như những giá trị tinh thần và đạo đức của dân tộc và là cầu nối để giới thiệu vẻ đẹp của nền văn hóa Việt Nam ra thế giới. Họ chính là những người đi đầu trong hoạt động ngoại giao văn hóa, làm cho bạn bè quốc tế thêm hiểu và thêm yêu những sắc thái văn hóa tinh thần độc đáo của dân tộc Việt Nam. Đạo diễn Trần Văn Thủy, Đặng Nhật Minh, nhà soạn kịch Lưu Quang Vũ và các nhà văn: Ma Văn Kháng, Lê Lựu, Nguyễn Khắc Trường... là những tác giả đã cống hiến nhiều tác phẩm quan trọng, có ý nghĩa như những hồi chuông cảnh tỉnh để định hướng cho xã hội, thể hiện sự nâng niu, trân trọng con người và niềm hy vọng vào tương lai, vào những điều nhân bản và tốt đẹp. Từ đó, làm hình thành nên khuynh hướng nhận thức lại hiện thực trong đời sống văn học - nghệ thuật thời kỳ đổi mới, có tác dụng thúc đẩy nhanh quá trình dân chủ hóa xã hội ở Việt Nam.

Nguồn trí thức ấy cần có cơ chế, chính sách phù hợp để phát huy được tối đa nguồn lực chất xám của trí thức người cao tuổi Việt Nam trong thời kỳ mới.

Điều này hoàn toàn đúng với tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về sự lựa chọn đột phá: Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

II. Phát huy vai trò nguồn lực quan trọng, quý báu của trí thức cao tuổi trong thời đại số, phát triển xanh, phát triển đất nước bền vững và hội nhập quốc tế thành công

1. Vai trò của trí thức cao tuổi trong lĩnh vực kinh tế:

Đương thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, HN, 2011, tập 4, tr 64). Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, độc lập, tự do, hạnh phúc là những giá trị phổ quát mà cách mạng Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng phải đạt được, đó mới thực sự là sự giải phóng con người triệt để. Độc lập về lãnh thổ, độc lập về chính trị, độc lập về kinh tế, độc lập về văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, như thế là một nước có tự chủ. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, nếu quốc gia nào lệ thuộc về kinh tế bởi nước ngoài, thì ắt sẽ lệ thuộc về chính trị. Cho nên, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, tất yếu phải xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, nhưng phải có độ mở cao để thích ứng và hội nhập kinh tế thế giới. Sự phát triển kinh tế tự chủ của Việt Nam trong gần 40 năm đổi mới đã đưa Việt Nam từ một nước thiếu lương thực, thiếu dự trữ quốc gia, lạm phát tới hơn 700%, trở thành một nước tự cân đối lương thực, xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, giữ được cân đối vĩ mô kinh tế, được nhiều tổ chức quốc tế cho rằng Việt Nam là một nền kinh tế năng động, điểm sáng tăng trưởng trong bối cảnh đứt gãy, sụt giảm kinh tế bởi tác động của đại dịch Covid-19. Đây là điểm tựa nâng cao vị thế đất nước, tôn tạo tiền đề dân tộc, tạo tiền đề quan trọng cho việc giữ quyền tự chủ đổi mới chính trị và nâng cao tiềm lực quốc phòng, an ninh, nâng cao vị thế, uy tín Việt Nam trên trường quốc tế. Đóng góp vào thành tựu chung qua gần 40 năm đổi mới đất nước, không thể không nhắc tới công sức, tâm huyết của đội ngũ trí thức Việt Nam với khoảng 6,2 triệu người (tính đến năm 2021). Đội ngũ trí thức Việt Nam với những người trí thức cao tuổi đều là gạo cội, chủ chốt, đầu ngành trên các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, phục vụ đắc lực cho quá trình chuyển đổi, tái cơ cấu nền kinh tế.

Tại Hội nghị biểu dương các điển hình tiêu biểu người cao tuổi làm kinh tế giỏi toàn quốc lần thứ IV, giai đoạn 2018-2023, cả nước hiện có khoảng 7 triệu người cao tuổi đang trực tiếp sản xuất, kinh doanh trên các lĩnh vực kinh tế của đất nước. Họ thuộc lớp người trải qua thời kỳ kinh tế bao cấp và trực tiếp

chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với vốn kinh nghiệm cũ, rào cản cơ chế cũ để mạnh dạn đổi mới, táo bạo, quyết đoán và chấp nhận cả rủi ro khi chuyển đổi sang kinh tế thị trường. Ý chí, nghị lực, khát vọng vươn lên làm giàu cho quê hương, đất nước là những vốn quý xã hội có ở người cao tuổi. Những doanh nhân là người cao tuổi tiêu biểu trên mặt trận kinh tế của đất nước không trực tiếp nghiên cứu khoa học, nhưng họ lại là cầu nối giữa cơ sở nghiên cứu (nơi sáng tạo ý tưởng khoa học) với ứng dụng thành công thành tựu khoa học, công nghệ mới (nơi kiểm định chân lý khoa học).

Nước ta đang trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong bối cảnh đó người cao tuổi đang trực tiếp làm kinh tế hoặc đang nghiên cứu về kinh tế cần tiếp tục phát huy vai trò tiên phong góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đồng thời đúc kết thực tiễn ở tầm khái quát lý luận, học hỏi kinh nghiệm phát triển kinh tế của các nước tiên tiến, tham khảo, vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tiễn của Việt Nam. Các nghiên cứu và ứng dụng của giới trí thức nói chung, của trí thức cao tuổi nói riêng, cần tập trung vào việc phục vụ đưa kinh tế Việt Nam theo hướng công nghiệp, hiện đại, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn. Do Việt Nam là nước nông nghiệp, nên trong nghiên cứu khoa học và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ cần có sự ưu tiên cho kinh tế nông nghiệp, coi kinh tế nông nghiệp là trụ đỡ vững chắc, bảo đảm an ninh kinh tế, an sinh xã hội cho Việt Nam.

2. Vai trò của trí thức cao tuổi trên lĩnh vực chính trị:

Chính trị là lĩnh vực nhạy cảm, liên quan tới sự tồn vong chế độ, trước hết là giữ được vai trò cầm quyền của Đảng, vai trò làm chủ của Nhân dân, mối quan hệ máu thịt giữa Nhân dân với Đảng. Do vậy, công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh luôn được đặt lên hàng đầu. Với tầm nhìn xa trông rộng, ngay từ những năm tháng đang diễn ra chiến tranh vệ quốc, Đảng, Bác Hồ đã cử hàng vạn cán bộ, sinh viên ưu tú ra các nước xã hội chủ nghĩa đào tạo khoa học, công nghệ tiên tiến, khi trở về đất nước, họ trở thành hạt nhân cho sự ra đời những chuyên ngành khoa học mới ở Việt Nam, chính họ là sự kết nối với đội ngũ nhà khoa học hàng đầu thế giới, giúp Việt Nam phát triển đất nước và định danh một số chuyên ngành khoa học, công nghệ trẻ, giàu tiềm năng trên thế giới. Nhiều trí thức từ lĩnh

vực nghiên cứu khoa học, công nghệ đã được qui hoạch, bổ nhiệm giữ những chức vụ quan trọng trong hệ thống chính trị của Việt Nam, họ tiếp tục phát huy năng lực sáng tạo vào thực thi chức trách, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước giao phó, Nhân dân kỳ vọng. Thực tế cho thấy, trí thức là người cao tuổi luôn là những người giữ vững bản lĩnh chính trị, vì ở họ đã được kế thừa những tố chất và truyền thống của lớp trí thức cách mạng, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân. Phần lớn họ được giáo dục, đào tạo dưới mái trường xã hội chủ nghĩa, trưởng thành trong sự nghiệp đổi mới đất nước, nên những trí thức là người cao tuổi trên lĩnh vực chính trị vừa là lực lượng kiên định thể chế chính trị và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, lại vừa là lực lượng tiên tiến, nêu cao tính chủ động, sáng tạo trong sự nghiệp đổi mới về chính trị-đổi mới nhưng không đổi màu. Đặc biệt, có một bộ phận tinh hoa trí thức cao tuổi đương chức, nắm giữ trọng trách lớn của Đảng, Nhà nước, họ là những người đứng mũi chịu sào, cầm lái sự nghiệp đổi mới đất nước tới mục tiêu chiến lược “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Để hoàn thành được vai trò quan trọng nêu trên, cần phát huy trí thức là người cao tuổi ở các hoạt động sau:

- Quán triệt sâu sắc chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”. Trên cơ sở đó, thể hiện sự cống hiến của trí thức cao tuổi trong nghiên cứu lý luận, đúc kết thực tiễn 40 năm đổi mới, học hỏi kinh nghiệm quốc tế, đưa ra những luận điểm có tính thuyết phục về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, tư vấn với Bộ Chính trị, Ban Bí thư một số vấn đề mới, có tính cấp bách cần đưa vào dự thảo văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng.

- Tích cực tham gia vào các diễn đàn khoa học trong nước và quốc tế, công bố những công trình nghiên cứu, ứng dụng vào lĩnh vực xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ mới, đặc biệt là việc hiện thực hóa khát vọng dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Làm chủ nhiệm hoặc làm thành viên chính trong nghiên cứu các chương trình trọng điểm, các đề tài, đề án cấp Nhà nước liên quan tới công tác xây dựng Đảng đồng bộ, toàn diện về tư tưởng, chính trị, cán bộ, tổ chức. Tham gia có trách nhiệm cao, có chất lượng tốt vào các hoạt động nghiên cứu, cung cấp luận cứ khoa học giúp Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, về cải cách tư pháp, về cải cách hành chính.

- Tham gia tích cực vào nghiên cứu làm sâu sắc thêm nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống diễn biến hòa bình, cung cấp các luận cứ khoa học làm sáng tỏ tính đúng đắn của Đảng khi kiên định Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, coi đó là chìa khóa bảo đảm thành công mục tiêu chiến lược “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Có những bài viết chính luận trên diễn đàn đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, dẫn dắt dư luận xã hội, phản bác quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phần tử cơ hội chính trị. Mặt khác, cũng cần phát huy vai trò cầu nối của trí thức là người cao tuổi trong ngoại giao Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Nhân dân, vừa trao đổi thông tin hai chiều, vừa dịch thuật những công trình nghiên cứu nước ngoài, làm phong phú thêm lý luận và thực tiễn đời sống chính trị trong nước, giúp cho các trí thức nước ngoài hiểu biết rõ hơn về lý tưởng cao cả, mục tiêu tốt đẹp mà Đảng Cộng sản Việt Nam đặt làm tôn chỉ, mục đích hành động, được đông đảo Nhân dân đồng tình, hưởng ứng, qua đó mở rộng sự đồng tình, ủng hộ của bạn bè quốc tế với công cuộc đổi mới của Việt Nam.

3. Vai trò của trí thức cao tuổi trên lĩnh vực khoa học, công nghệ:

Trong thời đại cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ngày càng tác động mạnh mẽ, sâu rộng tới đời sống xã hội trên phạm vi toàn cầu và từng quốc gia, thì đội ngũ trí thức nước ta, nhất là với vai trò nòng cốt của trí thức cao tuổi, chắc chắn họ đóng vai trò là lực lượng chủ công trong nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ, làm đòn bẩy đưa đất nước phát triển hiện đại, bền vững, hội nhập quốc tế thành công. Trong các đợt xét tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư và giáo sư hàng năm, thấy một số lĩnh vực chuyên ngành khoa học tự nhiên thì tỷ lệ trẻ hóa ngày một tăng lên, tuy nhiên mặt bằng chung thì bình quân độ tuổi các nhà khoa học được công nhận chuẩn học vị phó giáo sư và giáo sư ở mức từ 44-55 tuổi, trong đó các ứng viên đạt chuẩn giáo sư hầu như ở mức từ 59 tuổi trở lên. Như vậy, trí thức cao tuổi vẫn ở độ “chín” về trình độ và độ “chín” về tuổi đời, cùng với cống hiến cho khoa học, công nghệ bằng những công trình nghiên cứu đưa ra kết quả quan trọng được ứng dụng vào các lĩnh vực phát triển đất nước, những trí thức đầu đàn là người cao tuổi còn có công đào tạo lớp trí thức trẻ nối nghiệp mình. Để phát huy tài năng, trí tuệ, nhiệt huyết của trí thức người cao tuổi, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, tạo môi trường nghiên cứu khoa học, công nghệ có sức hấp dẫn, không thuần túy là tiền lương, tiền thù lao mà quan trọng là có cơ chế gắn kết giữa nhà khoa học với nhà nước, nhà sản xuất, kinh doanh trên từng lĩnh vực. Đối với một số lĩnh vực đặc thù, thuộc về nghiên cứu cơ bản, về nghiên cứu đi trước

mở đường, đặt tiền đề đón đầu khoa học, công nghệ cho tương lai, cần có đầu tư thỏa đáng, theo cơ chế đặt hàng, chấp nhận rủi ro về phía nhà nước. Cần ưu tiên cho nghiên cứu khoa học, công nghệ phục vụ chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, tham gia chuỗi giá trị công nghệ toàn cầu. Đầu tư tương xứng vào các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, công nghệ gắn với thế mạnh của Việt Nam, như kinh tế biển, kinh tế nông, lâm nghiệp theo hướng hiện đại. Coi trọng các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, công nghệ gắn phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh.

4. Vai trò của trí thức cao tuổi trên lĩnh vực văn hóa, xã hội:

Trên lĩnh vực văn hóa, xã hội, người cao tuổi có ưu thế về sự trải nghiệm cuộc sống, nhất là lớp người đã ở độ tuổi thất thập, bát thập, từng trải qua 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, 2 cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới ở hai đầu đất nước; còn có một bộ phận trí thức được Đảng, Nhà nước gửi đào tạo ở nước ngoài, vì thế họ là lực lượng trụ cột trong sáng tạo các giá trị văn hóa, nghệ thuật, định hướng giá trị sống, nhân cách con người Việt Nam. Trí thức trên lĩnh vực văn hóa, xã hội còn là lực lượng từng kinh qua các chức vụ quản lý, điều hành, tham mưu về xây dựng, phát triển văn hóa, kiến tạo xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong đời sống đương đại, họ thuộc lớp người “muôn năm cũ”, nhưng không có nghĩa là những sáng tạo văn hóa, nghệ thuật, ý tưởng quản lý xã hội mà họ có được bị lạc hậu, ngược lại những ý tưởng mới của họ được dựa trên tiền đề sự trải nghiệm cuộc sống thường có độ tin cậy cao. Chưa kể, người cao tuổi còn là tấm gương mẫu mực về gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống (truyền nghề truyền thống, truyền dạy dân ca dân vũ, hướng đạo gìn giữ nề nếp gia phong trong gia đình, dòng họ, làng xã...). Những hoạt động xã hội mang dấu ấn truyền thống đạo lý “uống nước nhớ nguồn” cũng dựa nhiều vào sự gương mẫu của người cao tuổi. Nhiều gương sáng về người cao tuổi làm thiện nguyện đã chạm đến trái tim nhân hậu của con người Việt Nam. Chẳng hạn, nhận những đứa trẻ đơn côi làm con nuôi, lo cho chúng có cuộc sống an lành, điển hình nhất là trong phong trào phòng, chống dịch bệnh Covid-19, người cao tuổi đã hăng hái góp công, góp của, góp quỹ, cổ vũ tinh thần con cháu, cộng đồng xã hội chung sức, đồng lòng đưa đất nước vượt qua đại dịch.

5. Vai trò của trí thức cao tuổi trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại:

Đây là những lĩnh vực có tính đặc thù, người cao tuổi có đóng góp quan trọng ở các góc độ khác nhau. Đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đội ngũ trí thức

đa phần là tướng lĩnh, có trình độ lý luận và kinh nghiệm thực tiễn, từng kinh qua trận mạc, đảm nhận các chức vụ lãnh đạo trong quân đội, công an, nên rất có bản lĩnh chính trị, gương mẫu trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nhiều cựu chiến binh, cựu công an tham gia vào cấp ủy cơ sở, tham gia vào công tác đoàn thể, các hoạt động hòa giải ở cơ sở, giữ gìn trật tự, phân luồng giao thông giờ cao điểm. Thực tế cho thấy, những trí thức là người cao tuổi có học hàm, học vị trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh vẫn được Đảng, Nhà nước tin dùng vào việc tư vấn chủ trương, chính sách quốc phòng, an ninh quốc gia.

Trên lĩnh vực đối ngoại, trí thức cao tuổi có trình độ cao, được đào tạo bài bản về ngoại giao, từng đảm nhiệm công tác đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đại diện Việt Nam tại các nước, các tổ chức quốc tế. Đây chính là lực lượng cần được phát huy vai trò “cây cao bóng cả”, tham vấn xây dựng đường lối đối ngoại của Đảng, chính sách ngoại giao của Nhà nước, nòng cốt đối ngoại Nhân dân. Bên cạnh đó, còn phải kể đến những trí thức là Việt kiều đang làm việc trong các viện nghiên cứu hàng đầu, giảng dạy trong các đại học danh tiếng ở các nước tiên tiến, họ không chỉ đóng vai trò tiêu biểu cho trí thức Việt Nam, mà còn là lực lượng tham gia tích cực vào hoạt động đối ngoại Nhân dân, làm cầu nối cho đối ngoại Nhà nước.

III. Giải pháp phát huy vai trò trí thức cao tuổi trong thời gian tới

1. *Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước:*

Trí thức là người cao tuổi hiện là lực lượng nòng cốt trong các Liên hiệp hội khoa học - kỹ thuật ở các cấp, nhất là trong các viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo, vì thế cần phát huy tính chủ động, sáng tạo nghiên cứu khoa học, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ vào các lĩnh vực cần thiết cho việc nâng tầm trí tuệ đất nước thời hội nhập. Hội Người cao tuổi cần phối hợp chặt chẽ với Liên hiệp các Hội khoa học, kỹ thuật để tổ chức các hình thức khuyến khích, tôn vinh, quảng bá sáng kiến mới, phổ biến kinh nghiệm hay, lan tỏa mô hình tốt trong nghiên cứu khoa học, góp phần tham gia tích cực vào chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

Với truyền thống yêu nước, thương nòi vốn có từ lịch sử dựng nước gắn liền với dựng nước, các bậc cao niên đại lão nước nhà luôn là chỗ dựa tinh thần cho non sông, xã tắc trường tồn. Kể từ khi Bác Hồ ra lời kêu gọi phụ lão ái quốc đến

nay, người cao tuổi Việt Nam là biểu tượng cho tinh thần “tuổi cao, chí càng cao”. Ngày nay, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội XIII, phong trào thi đua yêu nước cần phải khơi dậy cao độ ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển đất nước giàu đẹp, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, người thi đua là người yêu nước nhất, trong đó người trí thức cao tuổi nước nhà tích cực, tiên phong trong các phong trào thi đua yêu nước. Trước hết là thi đua trong đổi mới, sáng tạo, cống hiến cho đất nước những ý tưởng cách mạng, làm ra những sản phẩm giàu chất xám, góp phần nêu cao trí tuệ, tâm huyết người Việt Nam trong thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đóng vai trò quan trọng, tham gia tích cực vào hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, góp phần vào chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn.

2. Tổ chức các hội nghị biểu dương trí thức cao tuổi:

Kể từ đầu nhiệm kỳ Đại hội Người cao tuổi Việt Nam lần thứ VI đến nay, việc tổ chức các hội nghị biểu dương người cao tuổi trên các lĩnh vực đời sống chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế, quốc phòng, an ninh có tác dụng như một chất xúc tác, khích lệ tinh thần, trí tuệ của người cao tuổi. Do vậy, trong thời gian tới, cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tổ chức các hội nghị biểu dương trí thức người cao tuổi ở cấp tỉnh và cấp trung ương. Các hội nghị gắn với chủ đề liên quan tới sự cống hiến của trí thức người cao tuổi, là hình thức tuyên truyền, tạo sự lan tỏa xã hội về vị trí, vai trò quan trọng của trí thức người cao tuổi trong tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Ngoài việc tổ chức hội nghị tuyên dương trí thức cao tuổi, cũng cần có các hình thức khác như tổ chức gặp mặt trí thức nhân ngày kỷ niệm truyền thống của ngành, tổ chức hội thảo, tọa đàm chuyên đề, chủ đề chuyên sâu liên quan.

3. Tôn vinh tại dòng tộc, làng/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố:

Dân tộc Việt Nam vốn giàu truyền thống tôn sư, trọng đạo, người cao tuổi chính là gương sáng cho việc gìn giữ nét đẹp ấy trong từng gia đình, dòng họ, lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng, xã hội. Trong địa chí của mỗi địa phương, trong gia phả dòng tộc, trong hương ước làng xã trên khắp lãnh thổ Việt Nam đều có nội dung phản ánh truyền thống hiếu học, khoa bảng. Ngày nay, Hội Khuyến học Việt Nam đóng vai trò nòng cốt trong việc tổ chức các hoạt động khuyến học, khuyến tài trong cả nước. Những người hiện đang tham gia vào khuyến học, khuyến tài đều là trí thức cao tuổi từng hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và hoạt động xã hội. Mặc dù không còn giữ các chức vụ trong hệ thống chính trị, song cán bộ, hội viên Hội Khuyến học các cấp đã và đang hoạt động

rất nhiệt huyết, mang lại hiệu quả khuyến học, khuyến tài, góp phần xây dựng xã hội học tập suốt đời.

Cấp ủy, chính quyền các cấp, các tổ chức, đoàn thể cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện hoàn thành tiêu chí khuyến học, khuyến tài vào các chương trình phát triển văn hóa, xã hội của địa phương. Trong đó chú trọng tiêu chí để xem xét, công nhận, vinh danh gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học, địa phương hiếu học. Trong các tiêu chí đó, trí thức cao tuổi không chỉ là đối tượng được tôn vinh mà còn phải đóng vai trò gương mẫu cho phương châm “học tập suốt đời”.

4. Suy tôn, lưu danh sử sách trí thức cao tuổi:

Suy tôn khắc ghi tên tuổi, công trạng các bậc hiền tài vào bia đá, lưu danh sử sách là một nét đẹp truyền thống dân tộc từ xa xưa. Điều đó không chỉ thể hiện sự ứng xử trọng tài, trọng đức đối với lớp người là nguyên khí quốc gia, mà quan trọng hơn là nuôi dưỡng động lực phấn đấu cho thế hệ trẻ. Vào những dịp Tết cổ truyền, tại Văn Miếu Quốc Tử Giám và văn miếu ở nhiều địa phương (ngoài Văn Miếu Quốc Tử Giám, nước ta còn có 10 văn miếu ở: Vĩnh Long, Đồng Tháp, Đồng Nai, Huế, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh), du khách đến thăm quan, tự hào danh nhân của quê hương, đất nước. Nét đẹp ấy cần được lan tỏa, không chỉ tại văn miếu, mà còn đưa vào sinh hoạt dòng tộc, cộng đồng, gắn với đời sống hiện đại của mỗi nơi.

Giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn xã hội, tôn vinh trí thức người cao tuổi chắc chắn sẽ đạt mục tiêu kép. Trước hết là phát huy trí tuệ, nhiệt huyết, vốn kinh nghiệm của người trí thức cao niên, đại lão, thực thụ làm chuyên gia trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật. Mặt khác, còn mang tính khích lệ cho trí thức trẻ noi gương, phấn đấu, vì họ thấu hiểu được giá trị của mình luôn được Đảng, Nhà nước, Nhân dân tin dùng, trọng thị. Do vậy, các cấp, các ngành, các địa phương cần tiếp tục quan tâm về cơ chế, chính sách, đóng góp công của vào việc phát huy truyền thống hiếu học, khuyến khích và ươm mầm tài năng tương lai đất nước, có các giải thưởng tôn vinh trí thức người cao tuổi.□

(1) Dẫn theo các số liệu trong Báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 6/8/2008, của Ban Chấp hành Trung ương khóa X “về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, do Ban Tuyên giáo Trung ương thực hiện.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TRONG CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. PHẠM XUÂN HOÀNG

Phó Giám đốc Học viện Dân tộc

1. Người cao tuổi dân tộc thiểu số và vai trò của người cao tuổi trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay

Người cao tuổi dân tộc thiểu số, vai trò của người cao tuổi

Luật Người cao tuổi, định nghĩa người cao tuổi (NCT) là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên⁽¹⁾. Khái niệm NCT trong bài viết này theo xác định của Luật Người Cao tuổi; theo đó, NCT được hiểu là những người có tuổi từ 60 trở lên. Vậy, NCT trong các dân tộc thiểu số (DTTS) ở Việt Nam, được hiểu là những công dân Việt Nam là người DTTS có độ tuổi sau sáu mươi sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam. Trên thực tế, trong các cộng đồng DTTS còn có lẫn NCT người Kinh, do cư trú đan xen, tuy nhiên, bài viết chỉ đề cập tới NCT là người thuộc các DTTS.

Theo số liệu thống kê gần nhất, năm 2021, cả nước có hơn 12,58 triệu NCT. Tính theo thành phần dân tộc, có 11,29 triệu người dân tộc Kinh (chiếm 89,75%) và 1,29 triệu người dân tộc khác (chiếm 10,25%)⁽²⁾. Như vậy, so với tổng số NCT 54 thành phần dân tộc quốc gia, NCT các DTTS chỉ chiếm hơn 10%.

(1) Quốc hội khóa XII, *Luật Người cao tuổi*, Luật số 39/2009/QH12, ngày 23-11-2009

(2) Tổng cục Thống kê, *From the people of Japan, Quỹ Dân số Liên hợp quốc (2021), Người cao tuổi Việt Nam: Phân tích từ Điều tra Biến động dân số và Kế hoạch hóa gia đình năm 2021*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội

Để chỉ NCT, trong dân gian, còn dùng các từ khác nhau, như người già, người cao niên, người có tuổi thọ cao... Càng ở độ tuổi cao, số lượng NCT có xu hướng giảm dần; với mức độ già hóa dân số diễn ra khá nhanh, Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất ở châu Á và đã chính thức bước vào thời kỳ già hóa từ năm 2011. Người cao tuổi ở nước ta cũng có xu hướng tăng lên, dự báo đến năm 2030, tỷ trọng NCT Việt Nam chiếm 17% và năm 2050 là 25%, tình hình đó đặt ra nhiều vấn đề về phương diện kinh tế - xã hội, đòi hỏi phải tiếp tục có những sự thay đổi trong nhận thức, điều chỉnh về chính sách đối với NCT nói chung, NCT các DTTS nói riêng.

Quan niệm và chính sách về NCT có sự khác nhau và sự khác biệt giữa các quốc gia. Ngay ở nước ta, nhận thức về NCT cũng có sự thay đổi theo bối cảnh thời đại. Trong quan niệm truyền thống, NCT là tầng lớp dễ bị tổn thương, sống phụ thuộc vào con cái và nguồn lực mà họ tích lũy được thời trẻ; nhìn nhận NCT là lớp người thụ động nhiều hơn là thành phần tích cực, chủ động. Quan niệm hiện đại nhìn nhận NCT là vốn quý, là nguồn lực của xã hội, đặc biệt là về tri thức, kỹ năng sống,... khả năng vận động gia đình, xã hội tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước... với những kinh nghiệm sống phong phú, NCT có thể vẫn tiếp tục đóng góp to lớn cho sự phát triển của đất nước.

Điểm xuyên suốt từ xưa đến nay của cộng đồng các dân tộc Việt Nam chính là truyền thống trọng lão/hiếu kính người già. Kính trọng NCT, coi NCT là vốn quý, chính vì thế, trong thời đại ngày nay, cần phải quan tâm, chăm sóc, bảo vệ NCT, không những thế, còn phát huy vai trò của NCT, đặt NCT trong nhịp sống vận động thời đại, tiếp tục có những đóng góp vào sự phát triển của đất nước đang trên đà đổi mới.

Vai trò người cao tuổi trong cộng đồng các dân tộc thiểu số nói riêng - một số khía cạnh cần quan tâm

Vai trò của người cao tuổi và người cao tuổi trong cộng đồng các dân tộc thiểu số:

Xét về mặt tâm sinh lý, NCT ngày càng giảm sút về thể lực và sức lao động, tuy nhiên, không có nghĩa là hoàn toàn nghỉ lao động và chỉ thụ hưởng, trái lại, với kinh nghiệm sống và làm việc, NCT vẫn tiếp tục có những đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, như:

- Người cao tuổi vẫn tham gia các hoạt động kinh tế, tăng gia thu nhập cho gia đình và bản thân.

Số liệu mới nhất cho thấy, có hơn 6,5 triệu NCT đang trực tiếp tham gia lao động, sản xuất, trong đó có 400.000 NCT đạt danh hiệu làm kinh tế giỏi; NCT đóng góp hơn 11 triệu ngày công, gần 3.500 tỷ đồng, hiến và vận động con cháu hiến 25 triệu m² đất để xây dựng đường giao thông, kênh mương, nhà văn hóa, trường học, cơ sở y tế... góp phần xây dựng nông thôn mới. Thực tế đó cho thấy sự đóng góp về công sức của NCT là khá lớn.

Sức lực NCT giảm sút, nhất là ở vùng còn nhiều khó khăn, tuy nhiên, do chính khó khăn của điều kiện cuộc sống ấy, nhiều NCT các DTTS vẫn tự lao động, trang trải cuộc sống cho bản thân và gia đình.

- Người cao tuổi tham gia các hoạt động cộng đồng, hỗ trợ các đoàn thể chính trị - xã hội và địa phương góp phần giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Số liệu của Trung ương Hội Người cao tuổi cho thấy, 64% số hội viên khuyến học là NCT; 660.000 NCT tham gia công tác đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, tổ hòa giải ở cơ sở; trên 300.000 NCT tham gia các tổ an ninh nhân dân, phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự ở cơ sở, cung cấp cho lực lượng công an 200.000 nguồn tin có giá trị, giúp đỡ 90.000 người tái hòa nhập cộng đồng. Người cao tuổi phối hợp giải quyết có hiệu quả hàng chục nghìn vụ mâu thuẫn, khiếu kiện trong nội bộ nhân dân. Kết quả đó cho thấy, vai trò, đóng góp của NCT về phương diện chính trị - xã hội là rất lớn.

Người cao tuổi trong cộng đồng các DTTS, trong số đó có nhiều người là già làng, trưởng bản, người có uy tín, có sức ảnh hưởng với cộng đồng dân tộc của mình. Do vậy, NCT đóng vai trò là nhân tố đoàn kết, hỗ trợ hệ thống chính trị cơ sở góp phần bảo đảm giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội vùng DTTS.

Một số khía cạnh cần quan tâm để người cao tuổi nói chung và người cao tuổi trong cộng đồng các dân tộc thiểu số nói riêng phát huy vai trò trong tham gia phát triển kinh tế - xã hội

Thế hệ NCT có hai mặt, bên cạnh mặt tích cực, có những hạn chế do bản thân chịu sự lão hóa theo thời gian, do vậy, nếu không có sự quan tâm cũng như các chính sách hợp lý từ phía gia đình và xã hội, NCT cũng sẽ tạo ra những thách thức về xã hội, kinh tế và văn hóa, cụ thể:

Thứ nhất, về đời sống kinh tế NCT: Sự gia tăng số lượng NCT sẽ tác động đến tăng trưởng kinh tế, nhu cầu tiêu dùng, thị trường lao động, trợ cấp hưu trí,...

Đối với NCT tuổi ở vùng DTTS, thường là vùng kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, họ vẫn phải tham gia lao động, tăng gia sản xuất ngay cả khi sức khỏe đã yếu để nuôi sống bản thân và gia đình. Đời sống kinh tế vùng DTTS chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp và phụ thuộc thiên nhiên, sự phát triển kinh tế vẫn còn nhiều hạn chế,.. Một bộ phận NCT còn khó khăn, nhất là người sinh sống ở vùng sâu, vùng xa; tỉ lệ NCT tại các khu vực này thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo còn cao so với tỷ lệ chung của cả nước.

Bên cạnh đó, chính sách trợ giúp xã hội đối với NCT còn hạn chế, mức trợ cấp xã hội thấp. Khoảng 5% số NCT từ 60-80 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo không có lương hưu và trợ cấp xã hội, chưa được cấp thẻ bảo hiểm y tế... Dịch vụ chăm sóc sức khỏe NCT, việc tổ chức các hoạt động văn hóa, rèn luyện thân thể tại cộng đồng, cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập còn nhiều điểm đáng quan tâm và khắc phục...

Thứ hai, về trách nhiệm chăm sóc NCT: Trách nhiệm chăm sóc NCT hầu hết thuộc về trách nhiệm của mỗi gia đình, tuy nhiên, ngày nay, trách nhiệm đó do nhiều nguyên nhân khác nhau, đã vượt ra khỏi khuôn khổ, năng lực của từng gia đình, cần sự hỗ trợ của xã hội. Bởi thế, ngày càng xuất hiện nhiều các mô hình dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng NCT... Đối với NCT trong các cộng đồng DTTS, do điều kiện sinh sống và khả năng kinh tế, vẫn chủ yếu là dựa vào bản thân và gia đình, sự quan tâm của chính quyền, do đó chưa có khả năng và điều kiện thụ hưởng các dịch vụ xã hội như NCT sống ở vùng đồng bằng hay ở thành thị.

Nhận thức của cơ quan, tổ chức, cộng đồng xã hội cũng như nhận thức của chính NCT về vấn đề chăm sóc NCT tuy đã có nhiều thay đổi tích cực, song chưa tương xứng với đòi hỏi của tình hình thực tiễn, nhất là ở vùng DTTS, nơi thông tin và trình độ dân trí còn hạn chế, việc nhận thức về NCT còn chưa đầy đủ.

Thứ ba, về chăm sóc y tế NCT: Sự gia tăng số NCT kéo theo nhu cầu được chăm sóc về y tế và các loại hình chăm sóc khác tăng cao. Nhu cầu chăm sóc NCT về sức khỏe và tinh thần ngày càng lớn trong khi sự phát triển của các dịch vụ chăm sóc và cơ sở hạ tầng lại không tương xứng, đặc biệt vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn về giao thông, về hạ tầng vật chất. Chính sách bảo hiểm tuy có nhưng việc tiếp cận khám, chữa bệnh của NCT còn hạn chế. Các chương trình khám, chữa bệnh cho đồng bào DTTS ở khu vực vùng sâu, vùng xa tuy đã đạt được nhiều kết quả quan trọng nhưng vẫn còn không ít khó khăn. Một bộ phận NCT ở vùng DTTS nhất là các tỉnh

miền núi phía Bắc, việc chăm sóc sức khỏe dựa vào tri thức kinh nghiệm dân gian, các vị thảo mộc, ít có điều kiện thăm khám, chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở y tế, nhất là các dịch vụ y tế có chất lượng cao.

Thứ tư, việc triển khai các quy định của pháp luật về NCT trên thực tiễn còn thiếu cơ chế linh hoạt hoặc gặp nhiều rào cản, đặc biệt ở vùng các DTTS vốn còn thiếu thốn về nhiều mặt; các địa phương khác nhau có sự vận dụng tích cực nhưng việc phát huy hiệu quả chưa đồng đều; thiết chế Hội Người cao tuổi đã phát huy sức mạnh ở vùng trung tâm, vùng có điều kiện kinh tế khá. Tuy nhiên, ở vùng DTTS, vùng sâu, vùng xa, việc triển khai thực hiện các thiết chế Hội Người cao tuổi còn hạn chế, nhiều NCT các vùng DTTS chưa phải là hội viên Hội Người cao tuổi.

2. Quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về người cao tuổi và vận dụng vào phát huy vai trò của người cao tuổi trong cộng đồng các dân tộc thiểu số

Quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về người cao tuổi và phát huy vai trò của người cao tuổi

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi NCT là lực lượng quan trọng góp phần tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong “*Lời hiệu triệu đoàn kết tất cả các bậc phụ lão*” năm 1941, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Trách nhiệm của các cụ phụ lão chúng ta đối với nhiệm vụ đất nước thật là trọng đại. Đất nước hưng thịnh do phụ lão gây dựng. Đất nước tồn tại do phụ lão giúp sức. Đất nước bị mất phụ lão cứu. Đất nước suy sụp phụ lão phủ trì”⁽³⁾.

Khẳng định vị trí, vai trò của NCT trước những sự kiện liên quan đến vận mệnh của dân tộc, trong bài viết “*Tuổi tác càng cao, lòng yêu nước càng lớn*” đăng trên báo Nhân Dân số ra ngày 1-10-1960, Người chỉ rõ: “Truyền thống “Điện Diên Hồng” là truyền thống yêu nước vẻ vang chung của dân tộc ta và riêng của các cụ phụ lão ta.

Mỗi khi có việc quan hệ lớn đến nước nhà nòi giống, thì các cụ không quản tuổi cao sức yếu, liền hăng hái đứng ra gánh vác phần mình và đôn đốc con em làm tròn nhiệm vụ”⁽⁴⁾.

(3) Hồ Chí Minh: *Tàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t. 3, tr. 232

(4) Hồ Chí Minh: *Tàn tập*, *Sđd*, t. 12, tr. 691

Luật Người cao tuổi năm 2009 quy định nghĩa vụ của NCT là: “Nêu gương sáng về phẩm chất đạo đức, lối sống mẫu mực; giáo dục thế hệ trẻ giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc”; “gương mẫu chấp hành và vận động gia đình, cộng đồng chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước”; “truyền đạt kinh nghiệm quý cho thế hệ sau” và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Quan điểm chăm sóc, bảo vệ NCT của nước ta có từ rất sớm, được thể hiện rõ từ Hiến pháp đầu tiên năm 1946 cho đến Hiến pháp 2013. Khoản 3, Điều 37, Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Người cao tuổi được Nhà nước, gia đình và xã hội tôn trọng, chăm sóc và phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”.

Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12-3-2003, của Hội nghị Trung ương 7, khóa IX, “Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, đã chỉ rõ định hướng chính sách đối với NCT: “... xây dựng chính sách chăm sóc sức khỏe, quan tâm hơn đến người cao tuổi về y tế, hưởng thụ văn hóa, nhu cầu được thông tin, phát huy khả năng tham gia đời sống chính trị của đất nước và các hoạt động xã hội, nêu gương tốt, giáo dục lý tưởng và truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công với nước. Xây dựng Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi. Phát huy vai trò Hội Người cao tuổi Việt Nam”⁽⁵⁾.

Năm 2012, Chính phủ ban hành Quyết định số 1781/QĐ-TTg, phê duyệt “*Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2012-2020*”. Chương trình này đã xác định mục tiêu là “*Phát huy vai trò của người cao tuổi; nâng cao chất lượng chăm sóc người cao tuổi; đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi phù hợp với tiềm năng và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước...*”, đồng thời đề ra các hoạt động cụ thể, toàn diện hướng vào NCT.

Năm 2015, tại Quyết định số 544/QĐ-TTg, ngày 25-4-2015 của Thủ tướng Chính phủ *Quyết định Thắt hành động vì người cao tuổi Việt Nam*, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định “lấy tháng 10 hàng năm là *Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam*”, nhằm mục đích: “Phát huy truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, lòng hiếu thảo của con cháu đối với bố mẹ, ông bà và tinh thần

(5) <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-ix/nghi-quyet-so-23-nqtw-ngay-1232003-hoi-nghi-lan-thu-bay-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-ix-ve-phat-huy-suc-manh-dai-656>

kính lão, trọng thọ”; “thu hút sự quan tâm của tổ chức, cá nhân và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia, chăm sóc, phụng dưỡng và phát huy vai trò của người cao tuổi”.

Nghị định số 146/2018/NĐ-CP, ngày 17-10-2018 của Chính phủ *Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế*, đã quy định về đối tượng NCT được hưởng chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, ngày 15-3-2021 của Chính phủ *quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội*, tại Điều 5 của Nghị định này, quy định về đối tượng NCT được hưởng chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế.

Dự án 7 “Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em” của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14-10-2021, đã hướng tới mục tiêu cải thiện sức khỏe của người DTTS về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ. Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào DTTS được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại. Tiếp tục không chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội Người cao tuổi, ngày 23-6-2023, Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 58-KL/TW “*Về tổ chức và hoạt động của Hội Người cao tuổi Việt Nam*”. Kết luận số 58-KL/TW đã đưa ra nhiều giải pháp nhằm tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc, phát huy vai trò NCT, xây dựng Hội Người cao tuổi Việt Nam đáp ứng yêu cầu tình hình mới.

3. Vận dụng quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước để phát huy vai trò của người cao tuổi trong các cộng đồng dân tộc thiểu số hiện nay

Những chủ trương, chính sách nói trên được phủ rộng đối với toàn thể lớp NCT nói chung, trong đó có NCT các DTTS nói riêng, tuy nhiên với các vấn đề đặt ra trên đây, cần quan tâm đến một số khía cạnh sau để phát huy hơn nữa vai trò NCT cộng đồng các DTTS.

Một là, tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về NCT. Coi chăm sóc, bảo vệ, phát huy những mặt tích cực của NCT

là trách nhiệm của hệ thống chính trị và của toàn xã hội; cả hệ thống chính trị, toàn xã hội tham gia bảo vệ, chăm sóc NCT, đặc biệt là nâng cao nhận thức của người trẻ về NCT, về sự gắn kết thế hệ, tránh sự tổn thương tâm lý ở NCT. Trong đó có nhận thức về các quyền của NCT, vốn đã được luật định trong nhiều bộ luật hiện hành, như quyền về an sinh xã hội, quyền được phụng dưỡng, chăm sóc sức khỏe, quyền được phát huy vai trò trong xã hội (quyền được tôn trọng). Cần lấy quyền của NCT là đối tượng để điều chỉnh pháp luật. Tiếp tục nâng cao ý thức, hiểu biết của các nhà quản lý, hoạch định chính sách cũng như của toàn bộ cộng đồng về quyền của NCT nói chung và các DTTS nói riêng.

Hai là, tiếp tục có xây dựng các chính sách phát huy tính tích cực, chủ động của NCT đối với gia đình và xã hội. Tạo được nguồn lực hỗ trợ NCT đóng góp, cống hiến trong những lĩnh vực, công việc phù hợp, như giáo dục cộng đồng, y tế cơ sở, giáo dục truyền thống...; phát huy vai trò của các cộng đồng địa phương trong việc chăm sóc, bảo vệ NCT. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện, thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội đối với NCT trong cộng đồng các DTTS thuộc diện hộ nghèo, khó khăn được bảo đảm cuộc sống, được chăm sóc y tế và thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản.

Ba là, xây dựng, đội ngũ cán bộ thực hiện công tác NCT ở cơ sở đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác NCT có sức khỏe, có hiểu biết, nhiệt tình với công tác Hội; phát triển các chi hội NCT trong tổ chức tôn giáo, vùng đồng bào DTTS để phát huy vai trò chức sắc tôn giáo, người có uy tín... Hội Người cao tuổi cần có cơ chế phối hợp với các ngành, các cấp để hướng dẫn, tạo điều kiện hỗ trợ cho NCT các vùng DTTS tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với sức khỏe và đặc điểm nơi cư trú, sản xuất để nâng cao khả năng tự chủ về tài chính.

Bốn là, đẩy mạnh các hoạt động chăm sóc, bảo vệ NCT được lồng ghép vào các chương trình nhiệm vụ, mục tiêu quốc gia, như xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi. Do vậy, cần tích cực thúc đẩy các chương trình quốc gia về NCT đã được Chính phủ thông qua hướng tới các mục tiêu của chương trình, trong đó cần đặc biệt quan tâm đến hệ thống y tế chăm sóc sức khỏe NCT ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các DTTS, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc NCT nhằm giảm bớt gánh nặng của Nhà nước. Đẩy mạnh các hoạt động chăm sóc sức khỏe về thể chất và tinh thần của NCT các DTTS có sự chung tay của cộng đồng.

Năm là, tiếp tục có các điều tra, khảo sát về NCT ở vùng DTTS và miền núi để có đánh giá toàn diện, sâu sắc, trên cơ sở đó đề xuất các chính sách kịp thời, phù hợp với NCT ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS. Đồng thời, triển khai tổng kết, đánh giá kỹ hơn hiệu quả hoạt động của nhiều mô hình sinh hoạt dành cho NCT về văn hoá, thể dục, thể thao, các câu lạc bộ..., từ đó động viên, khen thưởng kịp thời, nhân rộng các mô hình hay, các điển hình tiên tiến. Chú ý nghiên cứu xây dựng và nhân rộng mô hình mẫu về chăm sóc và phát huy vai trò NCT dựa vào cộng đồng trong chính các cộng đồng DTTS.

Sáu là, các địa phương có đồng bào DTTS sinh sống, nhất là nơi có các DTTS ít người, rất ít người, cần đặc biệt quan tâm đến điều kiện sống, sức khỏe của đồng bào nói chung, của lớp NCT nói riêng, góp phần tạo ra hiệu ứng tích cực đối với việc nâng cao số lượng dân cư và chất lượng dân số trong thời gian tới.□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thanh Bình (2023), “Người cao tuổi - Lực lượng quan trọng góp phần phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/827245/nguoi-cao-tuoi---luc-luong-quan-trong-gop-phan-phan-huy-suc-manh-dai-doan-ket-toan-dan-toc-trong-su-nghiep-xay-dung-va-bao-ve-to-quooc.aspx>, truy cập ngày 25/3/2024.

2. Vũ Dương Châu (2022), “Phát huy vai trò người cao tuổi tham gia xây Đảng, chính quyền ở cơ sở”, <https://tapchimattran.vn/thuc-tien/phan-huy-vai-tro-nguoi-cao-tuoi-tham-gia-xay-dang-chinh-quyen-o-co-so-48952.html>, truy cập ngày 25/3/2024.

3. Nguyễn Phương Nhung (2020), “Thực hiện pháp luật về quyền của người cao tuổi”, Tạp chí *Lý luận Chính trị*, số 10.

4. Tổng cục Thống kê, From the people of Japan, Quỹ Dân số Liên Hiệp Quốc (2021), *Người cao tuổi Việt Nam: Phân tích từ Điều tra Biến động dân số và Kế hoạch hóa gia đình năm 2021*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

5. <https://baolamdong.vn/xahoi/201709/cham-soc-phan-huy-vai-tro-cua-nguoi-cao-tuoi-hien-nay-2848012/>, truy cập ngày 28/3/2024.

6. <http://tuyengiaolangson.vn/vi/node/42416>, truy cập ngày 28/3/2024.

PHÁT HUY VAI TRÒ NGƯỜI CAO TUỔI TRONG GIÁO DỤC HỆ GIÁ TRỊ GIA ĐÌNH VÀ GIÁO DỤC LỐI SỐNG CHO THẾ HỆ TRẺ

PGS, TS. TRẦN THỊ MINH THỊ
THS. LỖ VIỆT PHƯƠNG

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

BÀI viết này nhằm tìm hiểu vai trò của người cao tuổi (NCT) trong giáo dục hệ giá trị gia đình, giáo dục lối sống cho thế hệ trẻ trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, qua đó đề xuất xây dựng các giải pháp chính sách huy động và phát huy vai trò của người cao tuổi thích ứng với quá trình già hóa dân số và các đặc điểm kinh tế, xã hội văn hóa của Việt Nam. Bài viết sử dụng số liệu từ đề tài Vai trò người cao tuổi trong xã hội Việt Nam đang già hóa, thực hiện năm 2022, do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới chủ trì. Phương pháp khảo sát định lượng bằng bảng hỏi trực tiếp 307 người cao tuổi tại một xã nông thôn (Khánh Mậu) và một phường đô thị (Vân Giang), tỉnh Ninh Bình.

Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm chế độ, chính sách đối với NCT như xây dựng các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, giúp NCT hòa nhập cuộc sống, có được nơi nương tựa của tuổi già; cũng như phát huy khả năng, vai trò của NCT trong các mục tiêu phát triển đất nước. Với tư cách là người đi trước, NCT có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, tiếng nói có uy tín trong cộng đồng, tích cực tham gia phản biện, tổ chức các hoạt động tự quản trong dân cư. Cùng với đó, các cấp, các ngành, tổ chức, mỗi địa phương, cá nhân cần tiếp tục đồng hành, ủng hộ, động viên và phát huy vai trò, vị thế của NCT trong gia đình cũng như cộng đồng, xã hội. Từ trung ương đến địa phương, nhiều hình thức hoạt động đa dạng, phong phú được tổ chức để NCT đóng góp tích cực, hiệu quả hơn trong tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần xây dựng hệ thống chính trị

cơ sở, cũng như bảo vệ an ninh chính trị trên địa bàn. Có thể thấy rằng, tiềm năng, sự đóng góp của NCT trong gia đình, cộng đồng dân cư và trên phương diện xã hội cần coi trọng và phát huy.

Mặt khác, gia đình Việt Nam đã và đang phải đối mặt với nhiều vấn đề xã hội như tình trạng bạo lực gia đình, tình trạng trẻ em hư, có hành vi trái pháp luật, tình trạng các lễ nghi truyền thống gia đình đang dần bị mai một,... Do đó, việc phát huy vai trò người cao tuổi trong giáo dục đạo đức, lối sống cho con cháu, trong hòa giải mâu thuẫn gia đình, bạo lực gia đình (giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái, giữa các anh chị em), trong việc giáo dục nghi lễ văn hóa cho thanh thiếu niên là rất cần thiết. Hơn nữa, NCT cũng là người giữ gìn và truyền bá các giá trị truyền thống, tham gia các hoạt động tại cộng đồng. Thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thực hành các nghi lễ truyền thống và góp phần giúp thế hệ trẻ nhận thức, hiểu biết về lịch sử, văn hóa, khuôn mẫu ứng xử theo chuẩn mực.

1. Vai trò người cao tuổi trong xây dựng truyền thống đoàn kết

Tinh thần phát huy vai trò NCT trong gia đình được thể hiện chung qua nội dung giáo dục thế hệ trẻ giữ gìn, phát huy truyền thống của dân tộc (Điều 7, Pháp lệnh Người cao tuổi) và tinh thần này đã được thể hiện rõ nét hơn tại Điều 3, Khoản 2a (Luật Người cao tuổi 2009). Theo đó, NCT có quyền và nghĩa vụ nêu gương sáng về phẩm chất đạo đức, lối sống mẫu mực; giáo dục thế hệ trẻ giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc; gương mẫu chấp hành và vận động gia đình, cộng đồng chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, Điều 23 quy định Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để người cao tuổi phát huy trí tuệ, kinh nghiệm quý và phẩm chất tốt đẹp theo 9 nhóm vai trò. Việc phát huy vai trò NCT trong gia đình, cộng đồng và xã hội đã được Nhà nước quan tâm với nhiều chính sách khuyến khích, tạo điều kiện để NCT phát huy tài năng, trí tuệ và phẩm chất tốt đẹp, đóng góp kinh nghiệm và hiểu biết của mình vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Người cao tuổi có nhiều hoạt động hỗ trợ con cháu cả về đời sống vật chất và tinh thần. Nam giới và nữ giới cao tuổi đều có sự chăm sóc trở lại đối với các thế hệ con cháu, nhất là việc dạy dỗ con cháu về đạo đức cũng như ứng xử trong cuộc sống hàng ngày, giúp các công việc nội trợ gia đình và chăm sóc cháu nhỏ.

2. Vai trò của người cao tuổi trong việc giáo dục dạy con cháu trong gia đình về đạo đức, các chuẩn mực ứng xử

Người cao tuổi có vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng trong việc giáo dục gìn giữ và truyền thụ những giá trị đạo đức, hình ảnh nhân cách cho các thành viên gia đình. Thông qua hoạt động sinh hoạt, lao động, sản xuất trong môi trường gia đình người cao tuổi truyền thụ những kinh nghiệm, kỹ năng, kiến thức về kinh tế, xã hội, khoa học, bí quyết ngành nghề truyền thống cho con cháu, cho thế hệ trẻ, cũng như giáo dục đạo đức, lối sống.

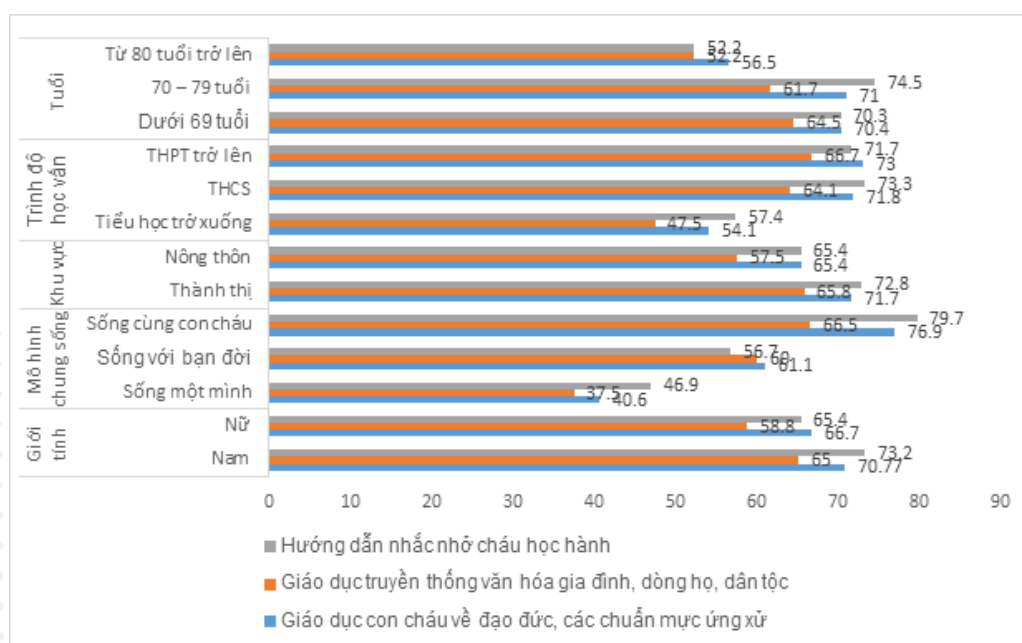
Người cao tuổi rất chú trọng đến việc dạy bảo con cháu về chuẩn mực ứng xử cũng như giáo dục truyền thống văn hóa của gia đình, dòng họ và dân tộc. Ở mức độ thường xuyên, có tới 68,5% người cao tuổi thường dạy bảo con cháu về chuẩn mực đạo đức và 61,6% thường dạy bảo con cháu về truyền thống văn hóa.

Cho dù vẫn chú trọng dạy bảo con cháu về đạo đức và lối sống nhưng có những khác biệt về cách thức hoặc phương pháp do sự thay đổi trong quan niệm về giáo dục con cái. Hơn nữa, phương pháp giáo dục con cháu hiện nay cũng không còn theo phương châm “thương cho roi cho vọt” như thời trước. Tuy nhiên, có khoảng 10% trong tổng số 305 người cao tuổi cho biết họ hiếm khi hoặc không tham gia dạy bảo con cháu về chuẩn mực ứng xử cũng như giáo dục truyền thống văn hóa. Một trong những lý do NCT không dạy bảo con cháu là sống ở đô thị. Không chỉ NCT mà ngay cả những người trung niên đều khẳng định vai trò quan trọng của NCT trong đời sống gia đình nói chung cũng như trong việc định hướng cho con cháu kỹ năng sống, kiến thức xã hội bởi các cụ là những người có nhiều kinh nghiệm sống và không ngừng trau dồi thông tin qua việc xem tin tức qua các phương tiện thông tin đại chúng.

Trong những gia đình sống cùng với con cháu, NCT thường xuyên và sát sao việc dạy bảo con cháu, ngay cả khi cháu có mắc lỗi, NCT chuyện trò tâm sự với cháu để cháu đồng cảm với những lo lắng của mình về lối sống của cháu. Trong khi đó, theo các yếu tố hiện đại hóa, người cao tuổi sống ở khu vực thành thị có xu hướng dạy bảo, giáo dục con cháu thường xuyên ở mức độ nhiều hơn so với người cao tuổi sống ở khu vực nông thôn trong hầu hết các khía cạnh của cuộc sống. Cuộc sống ở đô thị với nhiều cám dỗ với thế hệ trẻ, với thanh thiếu niên, vì vậy NCT cho rằng họ vẫn cần tiếp tục có trách nhiệm để “*hỗ trợ cho con cái trong việc dạy bảo các cháu.*”

Bên cạnh đó, kết quả số liệu còn cho thấy, người cao tuổi có trình độ học vấn cao hơn tham gia thường xuyên hơn vào các hoạt động giáo dục con cháu từ nề nếp gia đình, đạo đức lối sống, chia sẻ kiến thức, kỹ năng... Càng cao tuổi, sự tham gia vào việc dạy bảo giáo dục con cháu của NCT càng hạn chế hơn. Cụ thể, ở nhóm tuổi từ 80 trở lên, tỷ lệ NCT cho biết họ dạy bảo con cháu về đạo đức, các chuẩn mực ứng xử, giáo dục truyền thống văn hóa gia đình, dòng họ, chia sẻ kỹ năng, kiến thức xã hội... không cao bằng tỷ lệ này của NCT ở hai nhóm tuổi thấp hơn.

Biểu đồ 1. Người cao tuổi thường xuyên tham gia hoạt động giáo dục con cháu trong gia đình theo các đặc điểm (%)



Cùng với quá trình toàn cầu hóa, sự phát triển xã hội đã mang đến những biến đổi mạnh mẽ về đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như các phong tục truyền thống của người Việt. Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng triển khai nhiều chương trình, dự án nhằm đẩy mạnh giáo dục đạo đức lối sống, xây dựng gia đình Việt Nam với những giá trị truyền thống nhân văn tốt đẹp. Kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình truyền thống trong bối cảnh xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam hiện đại là một việc làm cần thiết và có ý nghĩa, góp phần vào mục tiêu chung là xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Người cao tuổi thuộc các nhóm đặc điểm nhân khẩu khác nhau có mức độ thường xuyên giáo dục truyền thống văn hóa, gia đình, dòng họ, dân tộc cho con cháu. Theo tình trạng hôn nhân, NCT hiện đang có vợ chồng chú trọng đến các hoạt động giáo dục cho con cháu những giá trị truyền thống văn hóa của gia đình, dòng họ và dân tộc. Những NCT có điều kiện kinh tế hoàn toàn đủ, không cần con trợ giúp cũng thực hiện thường xuyên giáo dục các giá trị truyền thống cho con cháu trong gia đình. Mô hình chung sống cũng tạo nên những khác biệt, NCT sống cùng con cháu sẽ thuận lợi hơn và giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống cho con cháu thường xuyên hơn. Các yếu tố thuộc nhóm đặc điểm hiện đại hóa như trình độ học vấn và khu vực cư trú cho thấy NCT có trình độ học vấn cao, sống ở đô thị chú trọng đến giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống hơn.

3. Vai trò của người cao tuổi trong chia sẻ, giáo dục cách ứng xử tại cộng đồng

Không chỉ nhận thức được vai trò và trách nhiệm với việc giáo dục con cháu trong gia đình, NCT còn có những chia sẻ, giáo dục cách ứng xử, đặc biệt đối với thế hệ trẻ tại địa phương (40,5%), chủ yếu dưới hình thức tham gia ý kiến trực tiếp với các bạn trẻ, với các bậc phụ huynh hoặc thông qua các cuộc họp tại địa phương. Kết quả nghiên cứu này còn cho thấy, không có sự khác biệt đáng kể theo các nhóm yếu tố (đặc điểm nhân khẩu, đặc điểm văn hóa truyền thống và đặc điểm hiện đại hóa) của NCT trong việc có các ý kiến chia sẻ giáo dục cách ứng xử cho thế hệ trẻ.

Người cao tuổi vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc tham gia gìn giữ các hoạt động văn hóa truyền thống ở địa phương mình. Trong số những NCT tham gia gìn giữ các hoạt động văn hóa truyền thống, NCT sống ở khu vực nông thôn chú trọng đến hoạt động này hơn so với NCT sống ở khu vực thành thị. Bên cạnh đó, NCT nam có xu hướng tham gia nhiều hơn so với NCT nữ; NCT sống một mình có xu hướng ít tham gia hơn so với NCT sống cùng bạn đời và sống cùng con cháu.

Sự tham gia của NCT vào các hoạt động văn hóa truyền thống ở cộng đồng được phân tích trên các khía cạnh khác nhau: đóng góp tiền, hiện vật; đóng góp ý kiến; đi xem, đi dự; tham gia biểu diễn; tham gia tổ chức. NCT chủ yếu đi xem, đi dự các hoạt động văn hóa truyền thống được tổ chức tại địa phương, trong khi đó, đối với việc tham gia biểu diễn và quyết định các hoạt động này ở NCT thấp (khoảng 10%).

Mức sống của NCT có ảnh hưởng đến sự chủ động tham gia vào các hoạt động văn hóa truyền thống của NCT, NCT trong các gia đình có mức sống trung bình trở lên ít chủ động tham gia vào các hoạt động văn hóa truyền thống được tổ chức tại địa phương hơn.

Nam giới cao tuổi thường tham gia nhiều hơn so với nữ giới trong các hoạt động cộng đồng, tuy nhiên, nam giới cao tuổi ít chủ động hơn tham gia vào các hoạt động văn hóa truyền thống ở địa phương. NCT sống một mình có sự chủ động trong việc tham gia các hoạt động văn hóa truyền thống hơn so với NCT sống cùng bạn đời và con cháu. Hơn nữa, kết quả số liệu còn cho thấy NCT sống một mình chủ yếu là phụ nữ. Điều này là do nữ giới cao tuổi khi sống cùng bạn đời hoặc con cháu thường dành nhiều thời gian vào việc chăm sóc con cái và gia đình. Do đó, NCT sống một mình, mà phần lớn là nữ giới sẽ có khả năng chủ động cao hơn so với NCT sống với bạn đời hoặc sống cùng con cháu.

Người cao tuổi hiện đang có việc làm ít chủ động tham gia vào các hoạt động văn hóa truyền thống ở địa phương. Bên cạnh đó, yếu tố hiện đại hóa khác như trình độ học vấn cho thấy NCT có trình độ học vấn tiểu học trở xuống có khả năng chủ động tham gia nhiều hơn các hoạt động văn hóa truyền thống của NCT. Từ kết quả mô hình này cho thấy trình độ học vấn không phải là yếu tố đơn thuần với quan hệ thuận chiều. Một mặt, yếu tố học vấn cũng chịu sự tác động bởi yếu tố nguồn lực khác như thu nhập, việc làm, mạng lưới xã hội. Mặt khác, NCT có trình độ học vấn cao hơn có nhiều cơ hội tham gia vào các hoạt động khác ở địa phương cũng như là có những hoạt động trải nghiệm cá nhân nhiều hơn như có việc làm được trả công, các nhóm hội nghề nghiệp, hoặc tham gia các câu lạc bộ văn hóa nghệ thuật, đi du lịch,... nên sẽ ít chủ động tham gia các hoạt động văn hóa truyền thống.

4. Tham gia câu lạc bộ văn nghệ, thể thao và các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao

Sự ra đời của các câu lạc bộ văn nghệ, thể thao tại các xã/ phường trong những năm qua đã thu hút được một bộ phận tầng lớp nhân dân tham gia và đã góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân trên địa bàn. Ninh Bình - vùng đất của các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, nơi có các mô hình câu lạc bộ văn hóa văn nghệ thể thao lâu năm như Câu lạc bộ Thúy Sơn, Câu lạc bộ nghệ thuật truyền thống không chuyên, Câu lạc bộ Thể dục thể thao NCT... Hiện nay, xã Khánh Mậu, huyện Yên Khánh vẫn gìn giữ các CLB chèo mà lực lượng nòng cốt là trung niên và NCT. Hiện có 03 CLB chèo duy trì hoạt

động trên địa bàn xã Khánh Mậu, một mặt nhằm duy trì bộ môn nghệ thuật truyền thống và cũng là nơi thỏa mãn niềm yêu thích, giúp cho người dân quên đi những lo toan và lặt vặt về cuộc sống.

Bên cạnh đó, trong những năm qua, phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” đã phát triển mạnh cả bề rộng và chiều sâu ở các địa phương trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Các CLB thể thao với nhiều hoạt động đa dạng, phong phú như bóng chuyền hơi, đi bộ, cầu lông, thể dục dưỡng sinh đã góp phần rèn luyện sức khỏe, nâng cao thể lực và tạo sự gắn kết trong quần chúng nhân dân ở mọi lứa tuổi.

Về sự tham gia các CLB văn nghệ thể thao trên địa bàn, 16,9% NCT trong tổng số 302 NCT được hỏi cho biết họ có tham gia là thành viên các CLB. Trong đó, NCT chủ yếu tham gia với vai trò là thành viên các CLB 45/51 người, tham gia xây dựng và phát triển CLB 31/51 người, tham gia quyết định các hoạt động của CLB 19/51 người.

Phong trào văn hóa, văn nghệ và thể thao là các phong trào không thể thiếu ở các địa phương, đặc biệt là trong dịp tổ chức các hoạt động trong các ngày lễ, ngày kỷ niệm hàng năm. Kết quả khảo sát tại Ninh Bình cho thấy, 59,3% NCT tham gia các hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao trên địa bàn. Trong đó, NCT chủ yếu tham gia đóng góp ý kiến (75,1%); đóng góp tiền và hiện vật (73,5%).

Tình trạng sức khỏe và điều kiện kinh tế của NCT tạo nên những khác biệt trong việc tham gia đóng góp bằng tiền hoặc hiện vật cho các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao ở địa phương. Những NCT trong điều kiện kinh tế thiếu thốn, dựa vào con cháu nhưng lại có khả năng đóng góp tiền, hiện vật cao hơn so với những NCT có điều kiện kinh tế hoàn toàn đủ. Cùng với nhóm yếu tố hiện đại hóa, trình độ học vấn thấp hơn và sống ở khu vực nông thôn tham gia đóng góp tiền và hiện vật nhiều hơn cho các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao của NCT. NCT có trình độ học vấn tiểu học sống ở khu vực nông thôn cao hơn nhiều so với ở khu vực thành thị.

5. Người cao tuổi tham gia phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư

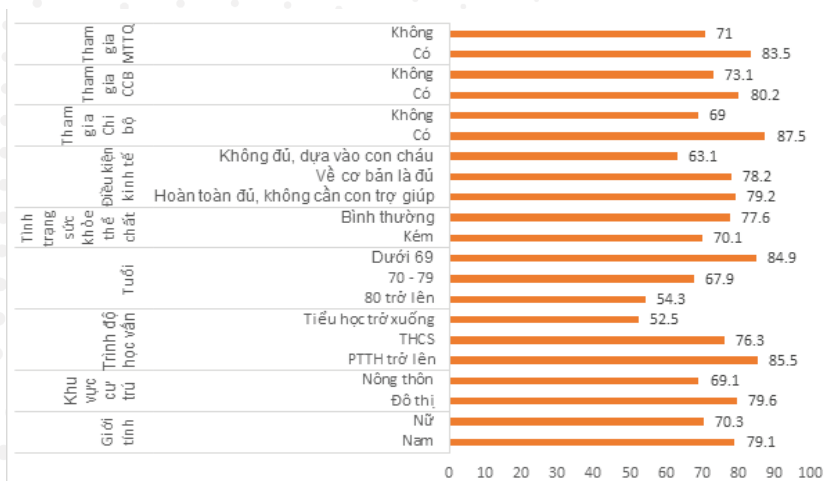
Trong những năm qua, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” đã trở thành phong trào rộng khắp, có sức lan tỏa trong toàn quốc và có ý nghĩa quan trọng đặc biệt trong đời sống nhân dân. Nhằm

nâng cao chất lượng của phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, các chương trình nhằm phát huy vai trò tự quản của cộng đồng thông qua thực hiện quy ước, hương ước để nâng cao chất lượng xây dựng nếp sống văn hóa, nông thôn mới, đô thị văn minh và chú trọng phát triển cách làm hay, gương điển hình để kịp thời biểu dương, nhân rộng trong cả nước.

Người cao tuổi với vai trò và trách nhiệm với cộng đồng cùng với Hội Người cao tuổi đã tham gia tích cực vào phong trào xây dựng đời sống văn hóa được phát động ở địa phương. Người cao tuổi ở đô thị và NCT có trình độ học vấn cao tham gia vào phong trào này nhiều hơn so với NCT ở nông thôn và NCT có trình độ học vấn thấp. Cũng như các hoạt động cộng đồng khác, nam giới cao tuổi tham gia tích cực phong trào này hơn so với nữ giới cao tuổi. Ở nhóm tuổi từ 80 trở lên, NCT ít tham gia hơn so với nhóm NCT ở nhóm từ 70 - 79 tuổi và dưới 69 tuổi. NCT tham gia các tổ chức chính trị xã hội như Chi bộ, Cựu chiến binh, Mặt trận tổ quốc cũng tham gia nhiều hơn vào phong trào đời sống văn hóa khu dân cư do đây cũng là một trong những hoạt động triển khai thường niên của các tổ chức chính trị xã hội (Biểu đồ 2).

Sự tham gia của NCT được thể hiện qua nhiều khía cạnh (54,0% NCT đóng góp ý kiến trong quá trình tham gia xây dựng phong trào; 40,7% đi dự khi các hoạt động được tổ chức; 29,2% đóng góp tiền, hiện vật; 16,8% tham gia tổ chức các hoạt động). Qua đó, NCT không chỉ khẳng định được sự đóng góp mà còn thể hiện được vai trò của các cá nhân và Hội Người cao tuổi đối với các hoạt động cộng đồng ở địa phương.

Biểu đồ 2. Người cao tuổi tham gia phong trào đời sống văn hóa khu dân cư theo các nhóm yếu tố (%)



6. Tham gia phổ biến, hướng dẫn các phong tục tập quán, hương ước

Hương ước, quy ước là những quy tắc, chuẩn mực về đạo đức, xã hội do cộng đồng lập ra nhằm điều chỉnh các hành vi, ứng xử của tập thể và các thành viên trong cộng đồng cũng như gìn giữ và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Hương ước, quy ước là một trong những thiết chế quan trọng trong việc gìn giữ và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Theo đó, giáo dục truyền thống, gìn giữ thuần phong, mỹ tục được xác định là một trong những mục đích quan trọng trong xây dựng hương ước, quy ước ở các cơ sở. Quy định về việc “Tổ chức thực hiện và sửa đổi, bổ sung hương ước” tại cấp xã, (Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT/BTP-BVHTT-BTTUBTUMTTQVN, ngày 31-3-2000) về việc hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư đã nêu rõ: Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chuyển hương ước đã được phê duyệt để Trưởng thôn niêm yết, tuyên truyền, phổ biến đến từng thành viên trong cộng đồng dân cư và tổ chức thực hiện hương ước. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội ở cơ sở chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung của hương ước; kiểm tra, phát hiện và kịp thời chấn chỉnh những sai trái, lệch lạc, tiêu cực trong việc thực hiện hương ước, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên và Hội đồng nhân dân cùng cấp việc thực hiện hương ước ở địa phương.

Một bộ phận không nhỏ NCT nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình nên đã chủ động truyền thụ và phổ biến cho con cháu, người thân và cộng đồng về phong tục tập quán, hương ước tại nơi mình sinh sống. Đặc biệt, nam giới cao tuổi tham gia hoạt động này nhiều hơn so với nữ giới cao tuổi. NCT có trình độ học vấn càng cao càng có lợi thế hơn trong hoạt động này. Truyền thụ, phổ biến về phong tục tập quán, hương ước cho các thành viên trong cộng đồng chủ yếu ở NCT trong độ tuổi dưới 79. Những người từ 80 tuổi trở lên ít tham gia các hoạt động này. Bên cạnh đó, NCT sống một mình rất hạn chế trong hoạt động này so với NCT sống cùng vợ/ chồng hoặc sống cùng con cháu. Đặc biệt, sự tham gia vào các tổ chức chính trị xã hội như Chi bộ, Mặt trận Tổ quốc, Cựu chiến binh có ảnh hưởng sâu sắc đến sự tham gia vào hoạt động này của NCT ở địa phương. Thực chất, các hoạt động cộng đồng gắn liền với các hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội tại địa phương.

7. Thúc đẩy công tác khuyến học, khuyến tài và hỗ trợ giáo dục tại địa phương

Đại hội Đảng lần thứ IX đã đề ra mục tiêu: “Xây dựng cả nước trở thành một xã hội học tập” và “Đẩy mạnh việc xây dựng các tổ chức khuyến học”. Một trong những nhiệm vụ của Hội Khuyến học Việt Nam là “Tập hợp, đoàn kết hội viên và các lực lượng xã hội đẩy mạnh các hoạt động khuyến học, khuyến tài, thực hiện công bằng xã hội và tạo cơ hội cho mọi công dân được học tập thường xuyên, học tập suốt đời nâng cao trình độ chuyên môn, nghề nghiệp góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước” (Mục 3, Điều 7, Điều lệ Hội Khuyến học Việt Nam).

37,8% NCT cho biết có tham gia các hoạt động của Hội Khuyến học ở địa phương. Các hoạt động của Hội Khuyến học tại địa phương gồm tham dự họp, phát biểu ý kiến, đóng góp ủng hộ tiền và tham gia quyết định các hoạt động của Hội. Hội Khuyến học là tổ chức xã hội thu hút NCT tham gia nhiều nhất. Tham gia Hội Khuyến học không có sự khác biệt giữa NCT sống ở thành thị hay nông thôn, tuy nhiên, tỷ lệ tham gia Hội Khuyến học cao hơn ở nhóm nam giới (46,4%), nhóm có trình độ học vấn trung học phổ thông trở lên (50,5%), ở nhóm NCT có tham gia vào các tổ chức chính trị xã hội như Cựu chiến binh (53,0%), Mặt trận Tổ quốc (57,6%), Chi bộ (55,6%).

Không dừng lại ở đó, một số NCT có vai trò nòng cốt trong các tổ chức chính trị xã hội còn tham gia trong công tác vận động các thành viên trong gia đình, cư dân cũng như các cá nhân tập thể, các doanh nghiệp trên địa bàn trong công tác đóng góp và xây dựng quỹ khuyến học.

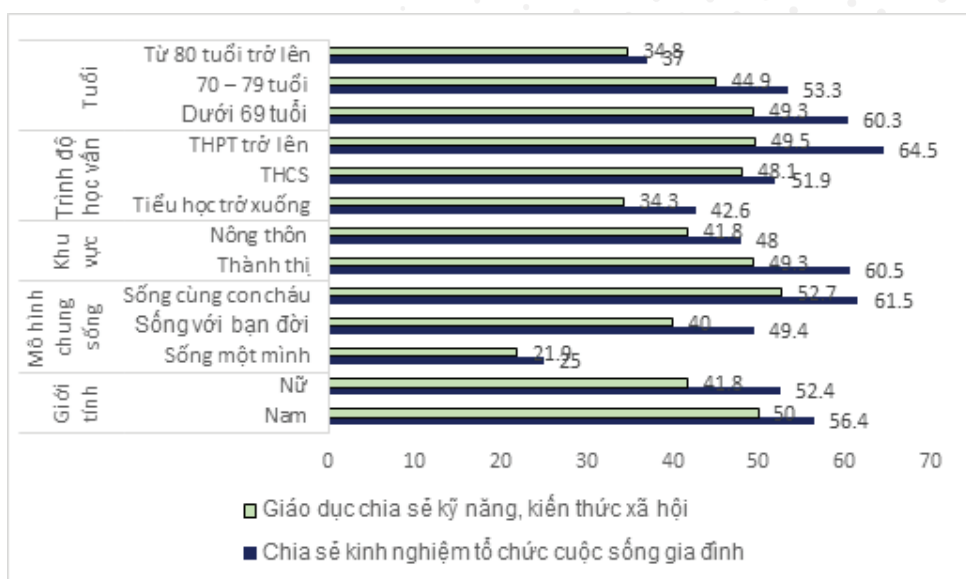
8. Truyền thụ kỹ năng, kinh nghiệm, kiến thức kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ cho thế hệ trẻ

Người cao tuổi có vị trí quan trọng trong gia đình và xã hội, gương mẫu, giáo dục, dẫn dắt, định hướng cho thế hệ trẻ và có nhiều đóng góp cho quá trình phát triển đất nước. Người cao tuổi có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, có tích lũy tri thức, kinh nghiệm, có bản lĩnh, trách nhiệm và tâm huyết, có tiếng nói có uy tín trong cộng đồng.

Người cao tuổi có trình độ học vấn càng cao và sống ở khu vực đô thị có tỷ lệ chia sẻ kinh nghiệm tổ chức cuộc sống và giáo dục kỹ năng kiến thức xã hội cho con cháu ở mức độ thường xuyên càng nhiều. Ở nhóm tuổi trẻ hơn, NCT cũng

có xu hướng chia sẻ với con cháu các kiến thức này nhiều hơn (Biểu đồ 3). Qua những kinh nghiệm đúc kết từ cuộc sống, NCT cũng thường chia sẻ những kinh nghiệm tổ chức cuộc sống trong gia đình cho con mình để có thể lựa chọn được các cách thức phù hợp từ học tập, lựa chọn nghề nghiệp, lấy vợ lấy chồng, nuôi dạy con cái, đối nhân xử thế với ông bà nội ngoại...

Biểu đồ 3. Người cao tuổi thường xuyên chia sẻ kinh nghiệm tổ chức cuộc sống và giáo dục kỹ năng kiến thức xã hội theo các nhóm yếu tố (%)



9. Kết luận

Già hóa dân số được cho là có nhiều thách thức đối với xã hội. Quá trình già hóa dân số có thể làm phá vỡ cấu trúc và giá trị gia đình truyền thống và giảm khả năng các thành viên gia đình có thể chăm sóc NCT. Xã hội đối mặt với việc thiếu sự chăm sóc lâu dài cho NCT tại cộng đồng và tại gia đình, do những thay đổi về quy mô, cấu trúc và quan hệ gia đình,... Nhiều xã hội khó có môi trường tạo điều kiện cho “già hóa tại chỗ”, mặc dù nhiều người cao tuổi mong muốn được sống trong môi trường quen thuộc ở nhà mình khi già đi. Một số xã hội có dân số già đối mặt với thách thức gia tăng các hộ gia đình cao tuổi, nơi một người lớn tuổi chăm sóc vợ / chồng già của mình, hoặc một người vợ góa chồng/ góa vợ lớn tuổi sống một mình hoặc một người con cao tuổi chăm sóc cha/mẹ cũng cao tuổi. Người cao tuổi cũng có thể chịu sự cô lập về mặt xã hội đối với NCT, bao gồm cả việc NCT không có cơ hội tham gia vào xã hội và kinh tế, bị phân biệt tuổi tác,... Về mặt y tế, tình trạng NCT có thể bị con cái hoặc các cơ sở chăm sóc bỏ rơi, lạm dụng và bạo lực (về thể chất, tâm lý, tình cảm, tài chính),

nhất là khác biệt xã hội trong tiếp cận dịch vụ và điều kiện sống. Các gánh nặng chăm sóc về nguồn lực con người và tài chính đều tăng cao khi số NCT tăng cao. Với các xã hội chưa hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội, NCT có thể đối mặt với nguy cơ bị nghèo đói, dễ bị tổn thương, đồng thời các xã hội cũng sẽ có những áp lực về cung cấp các biện pháp bảo trợ xã hội, bao gồm bảo hiểm y tế và hệ thống hưu trí bền vững, toàn dân. Khi NCT tăng lên, các xã hội phải cân nhắc chính sách thị trường lao động, bao gồm cách tận dụng kiến thức, kỹ năng và năng suất của mọi người khi về già.

Những thách thức của quá trình già hóa là một động lực để các xã hội xem xét việc nhìn nhận vai trò của dân số NCT. Với tuổi thọ cao hơn, chất lượng cuộc sống cao hơn, ngày càng có nhiều NCT khỏe mạnh và vẫn có nhu cầu cống hiến, đóng góp, làm việc, không đơn thuần vì mục đích kinh tế, mà cả duy trì sự minh mẫn, khỏe mạnh. NCT đã và đang có những đóng góp về xã hội, văn hóa, kinh tế và chính trị cho xã hội bằng nhiều cách, với tư cách là người chăm sóc và giáo dục thế hệ trẻ, người gìn giữ truyền thống, người lãnh đạo cộng đồng, hình mẫu,...

Người cao tuổi có vai trò, vị trí quan trọng trong việc giáo dục, gìn giữ và truyền thụ những giá trị đạo đức, hình ảnh nhân cách cho các thành viên gia đình, chuẩn mực ứng xử, truyền thống văn hóa của gia đình, dòng họ và dân tộc. Những NCT có nguồn lực kinh tế, văn hóa xã hội tốt hơn thì đóng vai trò trụ cột tinh thần tốt hơn trong gia đình, thể hiện qua các hoạt động như giáo dục, truyền thụ các giá trị đạo đức, lối sống, chuẩn mực, kỹ năng, kinh nghiệm, kiến thức kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ cho con cháu cao hơn. □

PHÁT HUY VAI TRÒ NGƯỜI CAO TUỔI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN CHÍNH

*Ủy viên Ban Thường vụ,
Trưởng Ban Phát huy vai trò người cao tuổi, Hội Người cao tuổi Việt Nam*

LỜI hiệu triệu của Bác Hồ tại Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt năm 1941 có nêu: “Trách nhiệm của các vị phụ lão chúng ta đối với nhiệm vụ đất nước thật là trọng đại. Đất nước hưng thịnh do phụ lão gây dựng. Đất nước tồn tại do phụ lão góp sức. Nước bị mất phụ lão cứu. Nước suy sụp, phụ lão phù trì. Nước nhà hưng, suy, tồn vong, phụ lão đều gánh vác, trách nhiệm rất nặng nề... Nước nhà lo, các cụ cũng phải lo, đất nước vui, các cụ đều cùng được vui...”.

Trong các báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng trong các nhiệm kỳ Đại hội đều nhấn mạnh vai trò của người cao tuổi (NCT) trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII nêu rõ: “Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội, cộng đồng và gia đình. Tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu “ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau”.

Tại buổi gặp mặt đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Người cao tuổi (NCT) Việt Nam lần thứ VI, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: Dưới sự lãnh đạo của Đảng, NCT đã và đang có nhiều đóng góp quan trọng, đúng như lời Bác Hồ đã nói “Tuổi cao, ý chí càng cao”. Người cao tuổi nước ta thực sự là “vốn quý của dân tộc, là lực lượng quan trọng của đất nước, là rường cột của gia đình và xã hội Việt Nam”.

Hiện nay, Việt Nam có gần 17 triệu NCT, độ tuổi 60-69 chiếm khoảng 60% là độ tuổi còn sức khỏe, trí tuệ, đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước

giao; nhiều người có trình độ đại học, trên đại học, nhiệt huyết, tích cực tham gia công tác xã hội, có kinh nghiệm trong chỉ đạo điều hành, tuyên truyền, vận động quần chúng, trong xây dựng, giám sát và phản biện các chính sách về phát triển kinh tế. Đây thực sự là những tiềm năng, thế mạnh của NCT, nếu được quan tâm đúng mức, họ sẽ trở thành nguồn lực lớn, tiếp tục đóng góp công sức vào sự phát triển chung của đất nước.

Để phát huy hiệu quả vai trò của NCT, trong những năm qua, Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam đã cùng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký kết Chương trình phối hợp số 218/CTPH-BNN&PTNT-HNCT, ngày 14-7-2011 giai đoạn 2010 - 2015, Chương trình phối hợp số 446/CTPH-BNN-HNCT giai đoạn 2017 - 2020 về việc thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới”, Chương trình phối hợp số 138/CTPH-BTNMT-HNCT, ngày 30-3-2022 giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường và Hội Người cao tuổi Việt Nam về thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường giai đoạn 2022 - 2026. Chương trình phối hợp số 03/CTPH-BNN-HNCT, ngày 14-7-2023 giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Hội Người cao tuổi Việt Nam về việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2023 - 2028. Chương trình phối hợp với Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng số 2700/CTPH-BTLBP-HNCT, ngày 11-8-2016 về “Quản lý, bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn an ninh trật tự khu vực biên giới, vùng biển” giai đoạn 2016 - 2021. Chương trình phối hợp với Bộ Công an số 105/CTPH-HNCT-BCA, ngày 08-4-2016 về “Phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2020”. Chương trình phối hợp số 10/CTPH-HKHVN-HNCTVN, ngày 17-01-2018 giữa Hội Khuyến học Việt Nam và Hội Người cao tuổi Việt Nam về việc đẩy mạnh học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng giai đoạn 2018-2021...

Ngay sau khi các chương trình phối hợp được ký kết, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Hội Người cao tuổi Việt Nam đã có công văn hướng dẫn các tỉnh, thành phố triển khai tại các cấp. Vì vậy, hai chương trình nhanh chóng được triển khai và có sức lan tỏa rộng khắp các cấp Hội Người cao tuổi, đặc biệt là ở cơ sở. Tính đến nay, toàn quốc đã có 63 tỉnh/thành phố tiến hành ký kết chương trình phối hợp giữa Hội Người cao tuổi tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về NCT tham gia xây dựng nông thôn mới. 58 tỉnh/thành phố ký kết chương trình phối hợp giữa Hội NCT tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường về NCT tham gia bảo vệ môi trường.

Hàng năm, Hội cùng các đơn vị phối hợp triển khai kế hoạch, chỉ đạo các cấp Hội thực hiện có hiệu quả, tiến hành sơ kết, tổng kết; đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho các năm tiếp theo.

Bên cạnh đó, Hội tổ chức triển khai đồng bộ, tuyên truyền sâu rộng các nội dung về xây dựng nông thôn mới, “Chương trình hành động người cao tuổi tham gia bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 - 2020 đến 100% tổ chức Hội và trên 90% hội viên. Đồng thời, biên soạn và phát hành hơn 2.000 cuốn sách “Hỏi đáp về người cao tuổi tham gia xây dựng nông thôn mới” và “Tập thể, cá nhân người cao tuổi tiêu biểu trong xây dựng nông thôn mới”. Biên soạn, nhân bản phát hành hàng chục nghìn trang tài liệu, pa-nô, áp phích, tờ rơi v.v...; phối hợp tổ chức hàng trăm giờ phát sóng phát thanh và truyền hình tuyên truyền về quản lý, bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn an ninh trật tự khu vực biên giới, vùng biển giai đoạn 2016 - 2021, về “Phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2020”... và phục vụ các lớp tập huấn, các sự kiện môi trường, nêu gương “Tuổi cao - Gương sáng” và các mô hình tốt để nhân rộng.

Tổ chức các lớp tập huấn, các sự kiện về môi trường, hội thảo tại khu vực Nam bộ, Nam Trung Bộ, Tây Bắc với sự tham gia đông đảo của cán bộ Hội các cấp. Tính từ năm 2010 đến nay, Trung ương Hội đã triển khai tập huấn đến 63 tỉnh, thành phố cho gần 10.000 cán bộ Hội các cấp, chủ yếu ở cơ sở.

Phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tổ chức cuộc thi “Người cao tuổi sáng tác thơ về xây dựng nông thôn mới năm 2018”. Ban Tổ chức đã nhận được hơn 10.000 tác phẩm của hơn 5.000 tác giả của 33/63 tỉnh, thành phố dự thi. Cuộc thi thực sự đã phản ánh sinh động những điểm nổi bật, những hạn chế và khó khăn trong phong trào NCT tham gia xây dựng nông thôn mới của cả nước, mang lại kết quả tốt đẹp.

Cùng với đó, Hội đã phối hợp tổ chức các hội nghị biểu dương, như Hội nghị “Người cao tuổi tiêu biểu khu vực Tây Bắc” tại tỉnh Tuyên Quang; “Mười năm thực hiện Quyết tâm thư” của già làng các tỉnh khu vực Tây Nguyên, các hội nghị chuyên đề về NCT làm kinh tế giỏi; NCT tham gia xây dựng hệ thống chính trị tại cơ sở; NCT tham gia quản lý, bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn an ninh trật tự khu vực biên giới, vùng biển, đảo; NCT tham gia phòng, chống tội phạm... Kết quả, trong 5 năm (2018-2023), NCT đã đóng góp hơn 10,6 triệu ngày công, hơn 30 nghìn tỷ đồng, 24,4 triệu m² đất xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; tích cực hiến hàng trăm ngàn kế hay, sáng tạo trong xây dựng nông

thôn mới và bảo vệ môi trường nông thôn, được cấp ủy, chính quyền ghi nhận và đánh giá cao.

Người cao tuổi tích cực tham gia phát triển kinh tế, trong 5 năm 2018-2023), cả nước có trên 7 triệu NCT trực tiếp tham gia lao động, sản xuất; 455.267 NCT đạt tiêu chí kinh tế giỏi các cấp, trong đó cấp cơ sở: 373.318 người, cấp huyện: 65.605 người, cấp tỉnh/thành phố: 15.297 người, cấp Trung ương: 1.047 người. Hoạt động theo lĩnh vực sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp: 247.980 người; công nghiệp xây dựng: 50.993 người; tiểu thủ công nghiệp: 55.542 người; thương nghiệp dịch vụ: 75.119 người và loại hình kinh doanh khác: 25.633 người. Các phong trào đã thu hút, tạo việc làm cho hơn 9 triệu lao động, nộp ngân sách Nhà nước, làm công tác từ thiện hàng trăm nghìn tỷ đồng; phong trào có 321.718/455.267 NCT làm kinh tế giỏi là chủ trang trại, chủ doanh nghiệp đã tham gia tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế của đất nước.

Người cao tuổi đã tích cực tham gia xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở, thực hiện và vận động thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, từ thiện, nhân đạo; các hoạt động phòng, chống dịch bệnh ở địa phương...

Hội Người cao tuổi và Hội Khuyến học Việt Nam đã ký và triển khai Chương trình phối hợp “Đẩy mạnh học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng”. Hiện đã có 64% hội viên Hội Khuyến học là NCT, 72% cán bộ Hội Khuyến học các cấp là NCT với vai trò là hạt nhân của phong trào khuyến học, khuyến tài; tích cực xây dựng quỹ khuyến học để biểu dương, khen thưởng con cháu có thành tích học tập, tu dưỡng tốt. Nhiều NCT có điều kiện đã tiếp tục tham gia quản lý, giảng dạy ở các trường tư thục mầm non, phổ thông, đại học. Nhiều NCT là nhà khoa học, nghệ nhân văn hóa vẫn tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật để tạo ra những sản phẩm có giá trị cao, góp phần giữ gìn truyền thống văn hóa, trao nghề truyền nghiệp cho thế hệ trẻ.

Bên cạnh đó, Hội Người cao tuổi phối hợp với Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng tổ chức cho hơn 300 nghìn NCT tham gia giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương; tổ chức tuyên truyền, tập huấn được 110.537 buổi cho 7.359.268 lượt cán bộ, hội viên và NCT về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh biên giới và biển, đảo, góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các địa phương.

Trong công tác tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, Hội NCT đã phát huy vai trò NCT trong các đợt sinh hoạt chính trị do cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc tổ chức; các đợt tiếp xúc đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân, NCT luôn trách nhiệm thẳng thắn, phản ánh tâm tư nguyện vọng của nhân dân, kiến nghị nhiều giải pháp tham gia chống tham nhũng, tiêu cực, phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều NCT có kinh nghiệm, uy tín xã hội, sẵn sàng đảm nhận các công việc của địa phương, góp phần tích cực trong việc xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, góp phần giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Qua thực tiễn, vai trò, vị trí của NCT được thể hiện rõ qua các nội dung sau:

Một là, NCT có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước; là những người chuẩn mực về đạo đức và lối sống, gương mẫu đi đầu, tích cực vận động nhân dân, con cháu, dòng họ trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các quy ước, hương ước của địa phương.

Hai là, bằng trí tuệ, vốn sống và kinh nghiệm được tích lũy qua thực tiễn lao động và công tác, NCT luôn là chỗ dựa tin cậy của cấp ủy, chính quyền trong việc tham gia xây dựng hệ thống chính trị; bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh. Nhiều NCT được tin nhiệm cao, đảm nhận trọng trách tham gia cấp ủy và chính quyền ở cơ sở.

Ba là, thường xuyên tham gia thực hiện việc giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên; xây dựng tổ chức đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Trong những năm tới, để thực hiện tốt chủ trương của Đảng về phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của NCT trong xã hội, cộng đồng và gia đình; tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu “ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau”, Hội Người cao tuổi Việt Nam chỉ đạo Hội Người cao tuổi các cấp tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, phát huy vai trò người cao tuổi tham gia xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở.

- Làm nòng cốt trong cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư”.

- Vận động người cao tuổi thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tích cực tham gia công tác Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, thanh tra nhân dân, hoà giải cơ sở.

- Thực hiện giám sát và phản biện xã hội thông qua các đợt tiếp xúc cử tri với đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp; đóng góp những ý kiến sát, đúng, tâm huyết, thẳng thắn, trách nhiệm về sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý điều hành của chính quyền.

- Vận động người cao tuổi tham gia xây dựng và thực hiện tốt các quy ước, hương ước, xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở; giáo dục, dạy dỗ con cháu về truyền thống yêu nước, nêu gương sáng cho con cháu học tập.

- Tham gia phòng chống các tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội và hòa giải tranh chấp mâu thuẫn trong gia đình, họ tộc, cộng đồng dân cư địa phương.

- Tổ chức hội nghị NCT tham gia xây dựng hệ thống chính trị giai đoạn 2019-2024.

2. Phát huy vai trò người cao tuổi trong phát triển kinh tế, tích cực giúp nhau giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vươn lên làm giàu chính đáng gắn với phong trào “Tuổi cao - Gương sáng”.

- Tuyên truyền, vận động NCT xây dựng ý chí quyết không cam chịu đói nghèo vươn lên làm giàu cho chính mình; cho con cháu và cho cộng đồng.

- Phát huy vai trò người cao tuổi tham gia các dự án kinh tế, nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất.

- Truyền thụ những kiến thức văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, kỹ năng nghề nghiệp cho con cháu và thế hệ trẻ.

- Tổ chức thực hiện thắng lợi phong trào “Người cao tuổi làm kinh tế giỏi lần thứ 5”, giai đoạn 2023-2028.

3. Phát huy vai trò người cao tuổi trong tham gia bảo vệ ANTK, chủ quyền biên giới, biển đảo.

- Vận động NCT xây dựng ý chí cách mạng tham gia bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia.

- Các cấp hội vận động hội viên tích cực tham gia bảo vệ an ninh quốc phòng thông qua nội dung các chương trình phối hợp.

- Tham gia thực hiện tốt chương trình phối hợp giữa Trung ương MTTQ VN và các thành viên ký kết với Bộ Công an.

- Ký và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình phối hợp giữa Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng và Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam “Quản lý bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn an ninh trật tự khu vực biên giới, vùng biên” giai đoạn 2024-2029.

4. Phát huy vai trò người cao tuổi trong khuyến học, khuyến tài nêu gương sáng trong gia đình và xã hội.

- Vận động người cao tuổi tham gia xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng gia đình văn hóa, tham gia khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, đóng góp trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc. Triển khai có hiệu quả Chương trình phối hợp “*Đẩy mạnh học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng*”

- Phát huy vai trò người cao tuổi trong tham gia thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

- Vận động người cao tuổi là trí thức tham gia nghiên cứu khoa học, dạy nghề, hướng dẫn nghiên cứu khoa học...

- Trong gia đình thực hiện ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền. Thực hiện gia đình hiếu học và xây dựng quỹ khuyến học gia đình.

5. Thực hiện Chương trình “Người cao tuổi tham gia bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”.

5.1. Nội dung người cao tuổi tham gia bảo vệ môi trường.

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI về nội dung phát huy vai trò người cao tuổi và nội dung ký kết chương trình với Bộ Tài nguyên Môi trường giai đoạn 2022-2026.

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức nhằm trang bị các kiến thức về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, vận động hội viên Hội người cao tuổi Việt Nam và gia đình gương mẫu chấp hành đúng chính sách pháp luật về

bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên.

- Trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, cung cấp các kiến thức, kỹ năng cho cán bộ Hội và Hội viên đối với các hoạt động quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia liên quan đến biến đổi khí hậu.

- Tổ chức phát động các phong trào người cao tuổi tham gia quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường tổ chức diễn đàn chính sách và khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình, cách làm có hiệu quả mang lại lợi ích thiết thực cho người cao tuổi và cộng đồng.

- Tổng kết, nhân rộng các điển hình tiên tiến và khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích trong việc thực hiện quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên đề. Tiến hành sơ kết, tổng kết Chương trình phối hợp giữa Sở TNMT và Hội/Ban đại diện Hội NCT các tỉnh/thành phố.

5.2. Người cao tuổi tham gia chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Đây là một trong nội dung các cấp Hội và người cao tuổi hưởng ứng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” do UBND MTTQVN chủ trì phát động, cần tuyên truyền sâu, rộng để NCT và cộng đồng hiểu xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh nhằm mục đích làm cho đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng tốt đẹp hơn.

5.2.1. Tham gia xây dựng Nông thôn mới

Mục đích của xây dựng nông thôn mới là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân vùng nông thôn ngày càng cao, góp phần xây dựng xã hội ổn định, phồn vinh.

Theo bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Quyết định 318/QĐ-TTg, ngày 08/3/2022, gồm 19 tiêu chí.

Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 là những xã đạt chuẩn nông thôn mới theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, song yêu cầu ở mức độ cao hơn.

Theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, chọn những nội dung phù hợp với NCT, theo tình hình thực tế của từng địa phương. Đây là một trong nội dung chính các cấp Hội và người cao tuổi hưởng ứng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Người cao tuổi tham gia các nội dung sau:

- Đóng góp ý kiến về quy hoạch tổng thể thực hiện quy hoạch và giám sát thực hiện quy hoạch, chỉnh trang khu dân cư.

- Hiến đất, góp công xây dựng cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn.

- Vận động người cao tuổi giúp nhau phát triển kinh tế thoát nghèo bền vững, vươn lên làm giàu.

- Vận động người cao tuổi tham gia phát triển kinh tế trang trại, phát huy ngành nghề truyền thống của địa phương, tích cực chuyển đổi cơ cấu sản xuất để không ngừng nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế.

- Vận động người cao tuổi tích cực thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, thực hiện ứng xử văn minh, xây dựng gia đình hạnh phúc, góp phần xây dựng khu dân cư lành mạnh, an toàn. Vận động người cao tuổi tham gia cùng hệ thống chính trị ở địa phương từng bước củng cố, xây dựng và hình thành các trung tâm hoạt động cộng đồng.

- Động viên con cháu đến trường, tích cực xây dựng xã hội học tập, tham gia khuyến học, khuyến tài.

- Tham gia luyện tập thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe và tham gia các hoạt động vì sức khỏe cộng đồng.

- Vận động người cao tuổi và gia đình tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn vệ sinh bảo vệ môi trường, xử lý rác thải sản xuất và sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường. Trồng cây xanh; xây dựng các mô hình công nhà sân vườn, đường làng ngõ xóm xanh, sạch, đẹp.

- Hướng dẫn người cao tuổi biết cách ứng phó với biến đổi khí hậu và tham gia giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Vận động người cao tuổi và gia đình thực hiện tốt hương ước của cộng đồng, sống và làm việc theo pháp luật tích cực phòng chống tội phạm, các tệ nạn xã hội giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội không vi phạm quy định của pháp luật về an toàn giao thông, về an toàn thực phẩm.

Phát huy vai trò của tổ hòa giải, giải quyết có hiệu quả những mâu thuẫn bất hòa trong nội bộ gia đình, khu dân cư tạo nên không khí hòa thuận.

- Đoàn kết phát huy dân chủ, tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, góp phần xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch vững mạnh. Vận động người cao tuổi phát huy vai trò làm chủ, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư xây dựng cộng đồng đạt hiệu quả cao.

- Tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền tại cơ sở; góp ý với cán bộ Đảng viên, với Chi bộ và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội.

- Tham gia giám sát chính quyền xã, phường trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tổ chức thực hiện các quy hoạch, phát triển kinh tế địa phương.

- Tích cực tham gia bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới biển, đảo.

5.2.2. Người cao tuổi tham gia xây dựng đô thị văn minh

Người cao tuổi tham gia xây dựng đô thị văn minh với một số nội dung sau:

- Vận động người cao tuổi thực hiện nghiêm các quy định về quy hoạch đô thị, phát triển đa dạng hóa ngành nghề truyền thống, thực hiện văn minh và đạo đức trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ, không bán hàng không có xuất xứ theo quy định của pháp luật, chống hàng giả, hàng kém chất lượng.

- Xây dựng nếp sống văn hóa trong kinh doanh, ứng xử, không lấn chiếm lòng đường, vỉa hè trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Vận động người cao tuổi và gia đình tham gia giữ gìn cảnh quan, sạch đẹp, phân loại thu gom rác thải đúng quy định, bảo vệ công viên, khu vực vui chơi, điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng.

- Tham gia quy hoạch và chỉnh trang đô thị, xây dựng đời sống văn hóa ở khu vực đô thị, xây dựng khu dân cư, tuyến đường, tuyến phố văn hóa; xây dựng các mô hình tự quản về trật tự đô thị, vệ sinh môi trường;

6. Chương trình NCT xây dựng gia đình văn hóa, gia đình kiểu mẫu.

Xây dựng gia đình văn hóa theo các tiêu chí do Bộ Văn hóa-TT-DL

- Gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng; pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương nơi cư trú, gồm các tiêu chí sau:

- Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ; tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng;

- Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả;

7. Vận động NCT tham gia Chương trình quốc gia về khởi nghiệp

- Tổ chức tuyên truyền thay đổi nhận thức của xã hội về lao động, việc làm cho NCT, coi NCT là một nguồn lực tham gia tích cực vào phát triển KTXH. Khuyến nghị NCT cần phải được lao động phù hợp để tăng cường thể trạng, trí tuệ và có thêm thu nhập.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn để hướng nghiệp, đào tạo chuyển đổi nghề, dạy nghề phù hợp cho người cao tuổi tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở trợ giúp xã hội, trung tâm dịch vụ việc làm.

- Phối hợp nhằm phát triển các dịch vụ giới thiệu việc làm cho NCT.

- Đề xuất các biện pháp tạo việc làm phù hợp với người cao tuổi.

- Phối hợp với cơ quan chức năng để các hộ gia đình có NCT có nhu cầu, đủ điều kiện, được vay vốn, hỗ trợ đất cho khởi nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Phối hợp xây dựng các chính sách khuyến khích sử dụng lao động sau khi nghỉ hưu, và NCT có nhu cầu lao động, sản xuất, kinh doanh.

- Thực hiện xã hội hóa để hỗ trợ NCT khởi nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Trung ương Hội NCT Việt Nam xây dựng Đề án Hỗ trợ NCT việc làm, khởi nghiệp trong bối cảnh già hóa dân số nhanh ở Việt Nam theo phương châm: tích cực tham gia chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Để phát huy hơn nữa vai trò NCT tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xin có một số kiến nghị:

1. Các cấp ủy Đảng, Chính quyền thường xuyên tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về công tác vận động quần chúng, cung cấp kịp thời thông tin về tình hình phát triển kinh tế - xã hội; hỗ trợ NCT cập nhật kịp thời Chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ hội viên NCT, tạo điều kiện cho NCT được góp ý xây dựng và tham gia các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; giải quyết tốt những vấn đề bức thiết của nhân dân nhằm giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

2. Nhà nước có chính sách hỗ trợ NCT có đủ điều kiện phát huy vai trò của mình vào quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Luôn quan tâm, chăm sóc NCT để NCT luôn sống vui, sống khỏe, sống có ích cho xã hội.

3. Thực hiện đúng, có hiệu quả Luật Người Cao tuổi; Bổ xung, sửa đổi Luật Người Cao tuổi phù hợp với thực tiễn.□

PHÁT HUY THỂ MẠNH CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TRONG GIÁO DỤC VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA GIA ĐÌNH

CHU THÁI THÀNH

*TS, nguyên Tổng Biên tập
Tạp chí Tài nguyên và Môi trường*

GIA đình là môi trường quan trọng để hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người. Trong đó, người cao tuổi là “cây cao bóng cả”, giữ kỷ cương, nếp sống trong gia đình nên có một vị trí hết sức đặc biệt. Khi một người bước vào tuổi 60 là bắt đầu già. Từ sự giảm sút về thể chất dẫn đến những bệnh mà không ai mong muốn. Thời trẻ sắc bén, linh hoạt bao nhiêu thì ngoài 60 dần chậm chạp bấy nhiêu.

Theo nhiều tài liệu nghiên cứu về già hóa dân số, thì tốc độ già hóa dân số nước ta thuộc nước nhanh nhất thế giới. Những người từ 60 tuổi trở lên chiếm gần 12% tổng dân số vào năm 2019 và dự kiến đến năm 2050, con số này sẽ tăng lên hơn 25%. Đến năm 2036, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội “già hóa” sang “xã hội già”. Và theo cơ sở dữ liệu dân cư do Bộ Công an cung cấp, đến ngày 9-2-2023 cả nước có 16.179.824 công dân từ 60 tuổi trở lên, chiếm gần 17% số dân nước ra. Điều đáng lưu ý là, quá trình quá độ từ già hóa dân số đến dân số già của Việt Nam chỉ trong vòng 20 năm.

Xét về ba phương diện thể chất, tâm lý và tâm linh, mối liên hệ tuổi tác qua sự so sánh với cái nhìn tâm lý, có những điều tương đồng và những điểm này thực sự cần thiết cho những ai đang có ông, bà, cha, mẹ già, hoặc cô, chú, bác, anh chị lớn tuổi cần chăm sóc và phụng dưỡng. Ngoài việc sống với kỷ niệm đã qua, thì trí nhớ của người cao tuổi cũng quay về với quá khứ và khó chấp nhận những tư liệu, hình ảnh, suy tư mới. Vì thế, những gì họ mới nghe, mới thấy

và mới nói đây chỉ mấy phút sau là quên mất. Ngược lại, họ nhớ rất kỹ những kỷ niệm, những chuyện đã xảy ra trong quá khứ. Tâm lý người cao tuổi cũng cần nhấn mạnh ở mặc cảm tự ti và tự tôn. Người già thích đóng góp ý kiến, muốn truyền thụ kinh nghiệm và hiểu biết cho con cháu. Bởi vì đối với họ, đây là những kho tàng rất quý giá.

Phát huy vai trò người cao tuổi trong xây dựng hạnh phúc gia đình

Trong cuộc sống hiện nay, đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao nhưng những giá trị truyền thống của gia đình có dấu hiệu ngày càng mai một; tình trạng ly hôn, bạo lực gia đình và tệ nạn xã hội... có dấu hiệu gia tăng. Tính bền vững của gia đình truyền thống suy giảm, sự gắn bó giữa cha mẹ, ông bà, con cái có chiều hướng ngày càng xa cách. Vậy nên, các giá trị truyền thống trong văn hóa gia đình hiện nay càng cần được phát huy.

Trong một gia đình nhiều thế hệ, thường lớp thế hệ sau và thế hệ trước có những quan điểm khác biệt. Những người lớn tuổi không chỉ có góc nhìn khác biệt hơn nhiều so với người trẻ mà họ còn có rất nhiều câu chuyện trải nghiệm khác nhau, lớn lên trong những hoàn cảnh và văn hóa khác nhau. Đây đều là những kinh nghiệm quý giá để truyền lại cho thế hệ tiếp nối sau này.

Người cao tuổi trong gia đình có vai trò quan trọng trong chăm sóc con cháu. Ông bà có thể sẽ giúp chăm sóc cho các cháu nhỏ để bố mẹ yên tâm tập trung trở lại công việc sau thời gian thai sản. Hoặc thậm chí ngay cả khi bố hoặc mẹ nghỉ hẳn công việc để tập trung chăm con thì họ vẫn sẽ cần đến sự giúp đỡ của ông bà hoặc những người thân khác. Bên cạnh đó, việc để ông bà chăm sóc cháu cũng sẽ giúp cho các thành viên trong gia đình gắn kết và hiểu nhau hơn. Ông bà thường có nhiều thời gian nên việc chơi đùa với các đứa trẻ cũng sẽ thoải mái, thú vị, vui vẻ và bớt cô đơn hơn.

Với những kinh nghiệm sống dày dặn của mình, bố mẹ hoàn toàn có thể học kinh nghiệm để chăm sóc và nuôi dạy con từ ông bà. Không có một cuốn sách nào có thể bao quát hết mọi kiến thức cho bố mẹ. Việc tham khảo thêm kinh nghiệm từ ông bà sẽ là sự lựa chọn thông minh để giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, bố mẹ cũng cần phải trang bị cho mình những kiến thức nhất định để tránh việc áp dụng những phương pháp mê tín dị đoan, không có cơ sở khoa học.

Ở nước ta hiện nay, người cao tuổi đều đã trải qua chiến tranh hoặc những thời kỳ khó khăn nhất về kinh tế - kỹ thuật này của ông bà sẽ là nguồn cảm hứng

cho các thành viên khác trong gia đình. Những câu chuyện chia sẻ về việc vượt qua hoàn cảnh khó khăn sẽ giúp cho các thế hệ sau nhận ra được rằng, họ đã nỗ lực vượt qua những khó khăn đó và thay đổi cuộc sống nhờ vào sự chăm chỉ, quyết tâm và nỗ lực của mình. Bên cạnh đó, một trong những vai trò quan trọng của người lớn tuổi trong gia đình đó là luôn khuyến khích, đưa ra những lời khuyên hữu ích, tạo động lực cho những thế hệ sau theo đuổi ước mơ. Ngoài ra, ông bà còn đảm nhiệm việc đứng ra hòa giải hiểu nhầm mỗi khi bố mẹ và con cái có xích mích với nhau.

Phát huy vai trò người cao tuổi trong giáo dục văn hóa, đạo đức truyền thống tốt đẹp trong gia đình

Gia đình Việt Nam từ ngàn xưa đến nay đều giữ gìn được những giá trị truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Những giá trị truyền thống tiêu biểu đó là: hiếu đễ (hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; yêu thương nhường nhịn với anh chị em) thủy chung, hòa thuận (trong quan hệ vợ chồng). Những giá trị ấy luôn luôn được đề cao trong việc xây dựng nên nếp gia phong, giáo dục đạo đức cho con cháu... đã trở thành nếp sống văn hóa, đạo lý, là sức mạnh tinh thần cố kết để duy trì và phát triển bền vững truyền thống gia đình Việt Nam.

Trong việc xây dựng, duy trì và phát triển những giá trị truyền thống của gia đình, người cao tuổi với vị trí là ông bà, cha mẹ được xem là trụ cột của gia đình giữ vai trò vô cùng quan trọng. Họ là những tấm gương sáng về đạo đức, lối sống, kinh nghiệm, công lao trong xây dựng tổ ấm hạnh phúc gia đình. Có biết bao người cha, người mẹ tần tảo chịu đựng bao gian khổ nhọc nhằn để nuôi con khôn lớn nên người. Có biết bao người ông, người bà trong những gia đình có nhiều thế hệ con, cháu chung sống đã lấy đức độ, tình yêu thương máu thịt của mình để làm tấm gương sáng cho con cháu noi theo... để xây dựng nên những gia đình “tam đại đồng đường”, “tứ đại đồng đường” - những bằng chứng sống về những gia đình mẫu mực Việt Nam.

Người cao tuổi đã trải qua những giai đoạn lịch sử, xã hội đầy khó khăn, gian khổ, như chiến tranh giải phóng dân tộc, vật lộn với cuộc sống kinh tế khó khăn để vượt qua nhiều thử thách, cam go, góp sức xây dựng nên cuộc sống tươi đẹp hôm nay. Lớp người cao tuổi cũng là những người tích lũy được rất nhiều vốn quý về văn hóa, truyền thống dân tộc, kinh nghiệm sản xuất, đạo đức, lối sống để truyền lại cho các thế hệ con cháu. Họ trở thành trụ cột tinh thần vững chãi trong gia đình hiện tại, với việc nêu gương sáng về đạo

đức, lối sống để giáo dục cho con cháu những giá trị gia đình truyền thống từ những thế hệ trước để lại.

Người cao tuổi còn có ưu thế về kỹ năng thuyết phục con cháu mà trong việc chọn lọc và tạo sức đề kháng đối với những tác động từ bên ngoài để hình thành nhân cách cho con cháu theo hướng tích cực. Người cao tuổi còn có khả năng và kinh nghiệm trong việc điều hòa các mối quan hệ giữa các thành viên để tạo nên không khí gia đình “trong ấm, ngoài êm”. Người cao tuổi có điều kiện dành nhiều thời gian gần gũi với các cháu, trông nom, dạy dỗ các cháu khi bố mẹ bận rộn công việc xã hội.

Từ những việc làm cụ thể đó, người cao tuổi vừa phát huy được những giá trị của gia đình truyền thống vừa nắm bắt được “mạch chuyển động” của cuộc sống hiện đại để chọn lọc những giá trị tốt đẹp, tiến bộ nhằm vun đắp gia đình mình phát triển bền vững, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội hiện đại. Đây là việc làm có ý nghĩa thiết thực của người cao tuổi với vai trò trụ cột trong xây dựng gia đình hạnh phúc. Đồng thời việc làm này còn giúp người cao tuổi được “sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc và sống có ích cho bản thân, gia đình và xã hội”.

Thực tế cho thấy, vai trò quan trọng của người cao tuổi trong việc nuôi dưỡng, hình thành nên các giá trị đạo đức tốt đẹp, giúp con cháu trưởng thành về nhân cách, đạo đức, lối sống. Người cao tuổi luôn giữ kỷ cương, nếp sống trong nhà, chỗ dựa tinh thần cho con cháu. Nhờ ông bà, cha mẹ mà con cháu được giáo dục toàn diện hơn về văn hóa, lối sống, đạo đức, truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ và xã hội.

Nhiều kết quả nghiên cứu cho thấy, trong gia đình, người cao tuổi thể hiện vai trò trong hoạt động kinh tế; tham gia, quyết định công việc gia đình; giáo dục, truyền thụ kỹ năng, kinh nghiệm, truyền thống văn hóa, đạo đức cho con cháu; chia sẻ tâm tư, tình cảm với con cháu, gìn giữ nền nếp gia đình. Trong cộng đồng, vai trò của người cao tuổi thể hiện thông qua việc truyền thụ kỹ năng, kinh nghiệm, giá trị văn hóa truyền thống; đóng góp ý kiến, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội; hòa giải mâu thuẫn, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; tham gia công việc của họ hàng, dòng họ. Thông qua các vai trò này, người cao tuổi thể hiện được vị thế của mình. Các vai trò có mối quan hệ mật thiết với nhau. Dù đứng ở vị thế nào, người cao tuổi cũng luôn là chỗ dựa vững chắc, là động lực góp phần xây dựng hạnh phúc gia đình và bảo đảm trật tự xã hội tại địa phương.

Một số vấn đề đặt ra để phát huy vai trò người cao tuổi trong gia đình trong tình hình mới hiện nay

Chúng ta đều đã biết, văn hóa và đạo đức của người Việt Nam ta từ xưa đến nay là “Kính già, yêu trẻ”, “Kính lão đắc thọ”,... Người già luôn luôn được đề cao, được tôn trọng. Vì sao? Vì người già là người có nhiều tuổi, đã từng trải, tích lũy được nhiều kinh nghiệm phong phú trong cuộc sống, trong thực tiễn sản xuất, chiến đấu, am hiểu sâu sắc về văn hóa, ứng xử trong cộng đồng, dòng họ, gia đình. Trong lịch sử phát triển của dân tộc ta, người cao tuổi có nhiều đóng góp to lớn cả trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Hội nghị Diên Hồng là một biểu tượng của ý chí sắt đá, tinh thần quyết tâm, đồng lòng bảo vệ đất nước của các bậc phụ lão.

Trong tình hình mới hiện nay, cần đẩy mạnh xây dựng gia đình kiểu mẫu “ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau”. Kính trọng, bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi. Bảo trợ, giúp đỡ những người cao tuổi gặp khó khăn, “cô đơn không nơi nương tựa”. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, đa dạng nội dung, phương thức, loại hình chăm sóc người cao tuổi.

Trong thời gian tới, Chính phủ cần có cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho người cao tuổi tham gia các khóa học tập huấn phù hợp để họ có cơ hội phát huy những tiềm năng trí tuệ, kinh nghiệm, từ đó tạo thêm việc làm, thu nhập, góp phần cải thiện cuộc sống cho người cao tuổi. Động viên và khuyến khích người cao tuổi tiếp tục phát huy truyền thống và vai trò của mình trong giáo dục gia đình.

Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, các tầng lớp nhân dân đối với vai trò của người cao tuổi trong giai đoạn hiện nay. Tuyên truyền, giáo dục ý thức kính trọng, biết ơn công lao, đóng góp của người cao tuổi đối với đất nước, nhất là trong triển khai thực hiện các cuộc vận động thiết thực, hiệu quả, như Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, người cao tuổi tham gia bảo vệ môi trường, công tác khuyến học, khuyến tài; truyền lại tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm và giáo dục đạo đức cho các thế hệ kế tiếp và trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đất nước.

Cần có các chính sách phù hợp nhằm tạo điều kiện cho người cao tuổi phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập trong xã hội, cộng đồng và gia

đình, phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tạo cơ hội việc làm và phát triển kỹ năng cho người cao tuổi, bảo đảm an toàn thu nhập bên cạnh các chính sách trợ cấp xã hội và lương hưu, phúc lợi tổng thể. Người cao tuổi có quyền được hưởng đời sống thể chất và tinh thần có chất lượng cao, do đó, cần chú trọng các chính sách y tế, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Tạo điều kiện cho người cao tuổi tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao.

Tổ chức tuyên truyền, vận động gia đình và cộng đồng nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và đóng góp của người cao tuổi trong giáo dục hệ giá trị của gia đình, giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ trong gia đình. Tổ chức các lớp tập huấn cho già làng, trưởng bản, người có uy tín trong xã hội về phát huy vai trò của người cao tuổi trong xây dựng gia đình hạnh phúc, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống của người dân tộc thiểu số. Hỗ trợ, khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, các hoạt động trong lĩnh vực du lịch.

Tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu “ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau”. Kính trọng, bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi. Bảo trợ, giúp đỡ những người cao tuổi gặp khó khăn, “cô đơn không nơi nương tựa”. Nâng cao hiệu quả hoạt động các mô hình phòng, chống bạo lực gia đình, câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, địa chỉ tin cậy ở cộng đồng, tạo điều kiện để người cao tuổi được sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc và đóng góp ngày càng nhiều cho gia đình và xã hội.□

VỀ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ĐỖ MINH HÙNG - ĐỖ THỊ THUY VŨ

Tạp chí Cộng sản

Vị thế của người cao tuổi trong xã hội Việt Nam

Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê-nin về con người

Trong điều kiện thời đại của mình, chủ nghĩa Mác - Lê-nin chưa hình thành hệ thống quan điểm, tư tưởng về vị trí, vai trò của người cao tuổi trong xã hội. Tuy nhiên, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về con người cung cấp thế giới quan, phương pháp luận, nền tảng lý luận cho các đảng cộng sản nói chung, Đảng Cộng sản Việt Nam và cách mạng nước ta nói riêng, khi phân tích, đánh giá, đề ra quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách,... về phát triển mỗi giai tầng, nhóm xã hội. Chỉ có thể xuất phát từ nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin mới có thể nhận định được vị thế của người cao tuổi trong xã hội Việt Nam.

Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê-nin về con người có thể nhận diện khái quát cơ bản trên những nội dung sau:

Trước hết, tiếp thu có chọn lọc quan điểm của các nhà tư tưởng trước C.Mác về con người; bằng thế giới quan duy vật biện chứng, chủ nghĩa mác-xít khẳng định: con người (hiện thực) là sự thống nhất giữa *yếu tố sinh học* và *yếu tố xã hội*. Con người vừa là sản phẩm của giới tự nhiên, chịu tác động của các quy luật phát triển của thế giới tự nhiên, quy luật sinh học vừa là thực thể xã hội được quy định, tác động bởi các yếu tố xã hội.

Con người tự nhiên là con người mang tất cả bản tính sinh học, tính loài, với nhu cầu sinh học cơ bản, như ăn, mặc, ở (những nhu cầu chung, xuyên suốt),...

Sự phát triển sinh học của cơ thể con người, bao gồm cả thể chất, tâm sinh lý phát triển qua các giai đoạn sinh học mang tính quy luật. Tuy nhiên, phần “con”, dù rất quan trọng, không phải là cái đặc trưng, quyết định vị thế con người. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin khẳng định: Con người là *sản phẩm của lịch sử xã hội; lao động là nhân tố quyết định* sự phát triển con người. Tính xã hội của con người biểu hiện tập trung thông qua lao động; bằng lao động, con người sáng tạo, sản xuất ra vật chất phục vụ nhu cầu sinh học, nhu cầu tinh thần, cải biến giới tự nhiên (theo quy luật); cũng thông qua lao động mà con người ngôn ngữ, tư duy, quan hệ xã hội...

Là sự thống nhất giữa yếu tố sinh học và yếu tố xã hội, con người đồng thời phải phát triển tuân thủ ba hệ thống quy luật: 1- Hệ thống quy luật tự nhiên, như quy luật môi trường, quy luật trao đổi chất, quy luật tiến hóa,...; 2- Hệ thống quy luật tâm lý, ý thức, như quy luật hình thành tình cảm, niềm tin, nhận thức,...; 3- Hệ thống quy luật xã hội, đặc biệt là các quy luật quy định quan hệ xã hội.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đưa ra luận đề nổi tiếng, mang tính bước ngoặt trong tư tưởng nhân loại, đó là: “Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội”. Điều kiện lịch sử, bối cảnh xã hội, các mối quan hệ xã hội như giữa liên cá nhân, gia đình, giai tầng, dân tộc... tác động vào quá trình lao động và tồn tại của con người, quy định đặc điểm, tính chất từ mỗi cá nhân cho tới giai tầng, cộng đồng. Đồng thời, quan điểm chủ nghĩa mác-xít nhất quán khẳng định: *Con người là chủ thể và là sản phẩm của lịch sử*. Con người tác động vào giới tự nhiên hay tạo dựng, thiết lập, xóa bỏ các quan hệ xã hội để phục vụ sự phát triển của chính mình về vật chất, tinh thần.

Từ quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê-nin, khi nhận định về sự phát triển của người cao tuổi ở Việt Nam, cần phải căn cứ vào tính chất, đặc điểm của người cao tuổi, xem xét vị thế là một lớp người với những nhu cầu, khả năng lao động, hưởng thụ riêng; có những giá trị to lớn mà các lứa tuổi xã hội khác không sánh kịp; họ cũng luôn có nhu cầu và khả năng là chủ thể đáp ứng sự phát triển của chính mình; người cao tuổi ở Việt Nam có những đặc trưng, đặc điểm khác với người cao tuổi trên thế giới, nhất là được thụ hưởng những chính sách ưu việt của chế độ ta; người cao tuổi giai đoạn hiện nay ở Việt Nam cũng có những nét khác với người cao tuổi các thời kỳ trước, kể cả các thời kỳ gần đây của Nhà nước Việt Nam hiện đại hay trong các thời kỳ lịch sử... Từ đó, mới có thể có quan

điểm, chủ trương, đường lối, chính sách đúng đắn về phát triển người cao tuổi ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về người cao tuổi

Trên cơ sở vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào cách mạng Việt Nam; từ thái độ lịch sử dân tộc trên nhiều lĩnh vực, trong đó có sự tôn vinh, coi trọng giá trị của người cao tuổi trong gia đình, cộng đồng, quốc gia - dân tộc (trẻ cậy cha, già cậy con; đi xa hỏi già, về nhà hỏi trẻ; người già là biểu tượng, trụ cột để duy trì văn hóa gia đình lớn trên cơ sở liên kết các gia đình nhỏ - tam, tứ đại đồng đường; đỉnh cao biểu tượng vị thế của người già trong xã hội Việt Nam là Hội nghị Diên Hồng,...), Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên nhấn mạnh, khẳng định, nêu cao vị thế của người cao tuổi trong cộng đồng, trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Ngay khi về nước lãnh đạo cách mạng, một trong những việc đầu tiên của Bác là ra “Lời hiệu triệu đoàn kết tất cả các bậc phụ lão” với yêu cầu khẩn thiết: “Trách nhiệm của các vị phụ lão với trách nhiệm đất nước thật là trọng đại. Đất nước hưng thịnh do phụ lão xây dựng, đất nước tồn tại do phụ lão giúp sức. Nước mất, phụ lão cứu, nước suy sụp, phụ lão phù trì, nước nhà hưng, suy, tồn, vong phụ lão đều gánh trách nhiệm rất nặng nề... Nước nhà lo các cụ cùng phải lo. Nước nhà vui các cụ đều cùng vui”. Ngày 6-6-1941 - ngày bức thư - lời hiệu triệu sâu sắc, có giá trị lớn lao của Người đã trở thành Ngày truyền thống người cao tuổi Việt Nam (theo Luật Người cao tuổi, tại Điều 6 ghi rõ: Ngày 6-6 hàng năm là Ngày người cao tuổi Việt Nam”; Quyết định số 772/QĐ-TTg, ngày 26-5-2006, của Thủ tướng Chính phủ lấy ngày 6-6 là Ngày truyền thống người cao tuổi Việt Nam).

Nhìn nhận người cao tuổi có giá trị rất lớn là kinh nghiệm, khả năng hội tụ,... thì hầu như trên thế giới, ở đâu cũng khẳng định; đặc biệt ở một nước có nền văn hóa gia đình rất cao như Việt Nam thì giá trị càng to lớn. Giá trị này không thể đong đếm bằng kinh tế hay quy thành các đóng góp vật chất cụ thể nhưng là vô giá và không được phép để mất đi, trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Chủ tịch Hồ Chí Minh phân tích, chỉ rõ: Một lời nói của phụ lão có thể ảnh hưởng đến hưng bang; Phụ lão hô, quần chúng nhân dân hưởng ứng; phụ lão làm, nhân dân sẽ học tập làm theo làm theo. Do đó, phụ lão cũng phải hô điều nên hô, làm việc nên làm (thực chất là nói và làm theo các quy luật tự nhiên, vì lợi ích cộng đồng, cách mạng). Người cũng mong muốn truyền thống Diên Hồng

phải trở thành truyền thống cho toàn bộ lịch sử Việt Nam, của chung cả dân tộc Việt Nam: “Truyền thống “Điện Biên Hồng” là truyền thống yêu nước vẻ vang chung của dân tộc ta và riêng của các cụ phụ lão ta”. Người khẳng định: “Tuổi cao chí khí càng cao/ Chông Mỹ - cứu nước già nào kém ai; Tuổi già nhưng chí không già/ Góp phần xây dựng nước nhà phồn vinh”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích rõ vị thế của người cao tuổi, dựa trên những đặc trưng, đặc điểm của họ, để thấy đóng góp của người cao tuổi cần dựa trên những tiêu chí riêng so với các thế hệ khác, thậm chí là “lợi thế so sánh”: “Các đồng chí già là rất quý, là tấm gương bên bỉ đấu tranh, diu dặt, bồi dưỡng, đào tạo thêm đồng chí trẻ. Đồng chí già phải giúp đồng chí trẻ tiến bộ. Như thế đòi hỏi đồng chí già phải có thái độ độ lượng, diu dặt đồng chí trẻ”; “Người già không làm được công việc nặng nề thì khoa gậy đi trước, động viên khuyến khích thanh niên và san sẻ kinh nghiệm của chúng ta cho họ”... Người căn dặn: Muốn làm cách mạng thành công phải có lực lượng lớn mạnh. Muốn có lực lượng lớn mạnh phải có đoàn kết. Để đoàn kết rộng rãi, phải kính già, yêu trẻ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng yêu cầu người cao tuổi không được vì tư tưởng tuổi cao sức yếu, đến giai đoạn cần nghỉ ngơi, cần sự chăm sóc,... Lòng yêu nước tiếp tục được Người vận dụng như sợi chỉ đỏ để liên kết, phát triển sức mạnh quốc gia, dân tộc: “Xưa nay, những người yêu nước không vì tên tuổi già mà chịu ngồi không. Nước ta có những người như Lý Thường Kiệt, càng già càng quá thước, càng già càng anh hùng”. Bản thân Chủ tịch Hồ Chí Minh là một điển hình tiêu biểu về vai trò của người cao tuổi trong xã hội Việt Nam. Điều đó thể hiện tập trung qua những lời thơ: “Bảy mươi tám tuổi, chưa già lắm/ Vẫn giữ hai vai việc nước nhà/Kháng chiến dân ta đang thắng lớn/Tiến bước! Ta cùng con em ta”.

Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về người cao tuổi

Với nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xuyên suốt các thời kỳ cách mạng, Đảng ta rất coi trọng vai trò, vị trí và phát huy tối đa sức mạnh của người cao tuổi. Giai đoạn hiện nay, công tác người cao tuổi là một công tác quan trọng cả của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và của bản thân Hội Người cao tuổi Việt Nam cũng như cả hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân. Điển hình như: Ngày 27-9-1995, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII ban hành Chỉ thị số 59/CT-TW, “Về chăm sóc người cao tuổi”. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa IX, ngày 12-3-2003, “Về phát huy sức mạnh đại đoàn

kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” định hướng: “Xây dựng chính sách chăm sóc sức khỏe, quan tâm hơn đến người cao tuổi về y tế, hưởng thụ văn hóa, nhu cầu được thông tin, phát huy khả năng tham gia đời sống chính trị của đất nước và các hoạt động xã hội, nêu gương tốt, giáo dục lý tưởng và truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công với nước. Xây dựng Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi. Phát huy vai trò Hội Người cao tuổi Việt Nam”. Quyết định số 772/QĐ-TTg, ngày 26-5-2006, của Thủ tướng Chính phủ lấy ngày 6-6 hàng năm là “Ngày truyền thống người cao tuổi Việt Nam”. Hiến pháp năm 2013 quy định rõ: Người cao tuổi được Nhà nước, gia đình và xã hội tôn trọng, chăm sóc và phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định quan điểm: “Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, chiến đấu của người cao tuổi trong xã hội, cộng đồng và gia đình. Tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu, “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hoà thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau”. Kính trọng, bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi. Bảo trợ, giúp đỡ người cao tuổi gặp khó khăn, cô đơn không nơi nương tựa”. Ngày 23-6-2023, của Ban Bí thư ban hành Kết luận số 58-KL/TW, “Về tổ chức và hoạt động của Hội Người cao tuổi Việt Nam”.

Như vậy, Đảng ta thể hiện tư duy chiến lược về phát triển người cao tuổi ở các khía cạnh: 1- Người cao tuổi có thế mạnh về trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, chiến đấu; 2- Những thế mạnh này cần gìn giữ, tạo điều kiện phát huy cả ở trong gia đình, cộng đồng và xã hội; 3- Người cao tuổi là trụ cột, là biểu tượng, với uy tín và khả năng hội tụ của mình, duy trì văn hóa gia đình bản sắc Việt Nam - “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hoà thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau”; góp phần xây dựng xã hội phồn vinh, hạnh phúc; 4- Kính trọng, tôn trọng, bảo vệ, chăm sóc người cao tuổi là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, của toàn Đảng, toàn dân; đó không chỉ là vì người cao tuổi mà chính vì sự phát triển của đất nước rất cần có sự đóng góp to lớn của người cao tuổi; 5- Bảo trợ, giúp đỡ người cao tuổi gặp khó khăn, cô đơn, không nơi nương tựa không chỉ là trách nhiệm xã hội, đạo đức xã hội, mà còn thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc và bản chất tốt đẹp của chế độ nước ta.

Phát huy vị trí, vai trò của người cao tuổi giai đoạn hiện nay

Từ nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng; thực tiễn phát triển của đất nước, có thể khẳng định: Cần

coi người cao tuổi trước hết là một lớp người, tương đương, bình đẳng với các lứa tuổi khác, kể cả người trong tuổi lao động; không những vậy, họ còn có những phẩm chất, đặc điểm nổi trội, rất đáng quý. Người cao tuổi vẫn luôn có nhu cầu, khả năng lao động - đây cần được xem là vấn đề quan trọng hàng đầu; bên cạnh đó, nhu cầu được bảo vệ, chăm sóc cũng là điều kiện cần thực hiện. Tùy lĩnh vực, có thể coi người cao tuổi là lực lượng hay đối tượng thụ hưởng, hoặc là khu vực tiềm năng của phát triển kinh tế,... nhưng dù theo hướng tiếp cận nào thì người cao tuổi luôn cần đóng vai trò là chủ thể.

Trên thực tế, những đóng góp của người cao tuổi Việt Nam là rất lớn. Theo báo cáo tổng kết của Hội Người cao tuổi Việt Nam, khái quát những đóng góp của người cao tuổi trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam thể hiện như sau: *Từ năm 1941 - 1945*: Hưởng ứng hiệu triệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hàng chục vạn người cao tuổi tham gia Hội Phụ lão cứu quốc, tuyên truyền ủng hộ Mặt trận Việt Minh, xây dựng căn cứ địa cách mạng, xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang, nuôi giấu, làm giao thông liên lạc cho cán bộ, làm công tác binh vận, giữ bí mật các cơ sở hoạt động của Đảng, tích cực xây dựng lực lượng tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền. *Từ năm 1945 - 1954* (kháng chiến chống Pháp): Người cao tuổi gương mẫu thực hiện và vận động con cháu tham gia diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Động viên thanh niên đi bộ đội, đi thanh niên xung phong mở đường chiến dịch. Các “Hội mẹ chiến sĩ” tích cực vận động tiết kiệm, xây dựng “Hũ gạo nuôi quân”. *Từ năm 1954 - 1975* (kháng chiến chống Mỹ, cứu nước): Ở miền Bắc, nhiều hội viên phụ lão tích cực tham gia xây dựng “cánh đồng 5 - 10 tấn thắng Mỹ”, với tinh thần “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, “tất cả vì miền Nam ruột thịt”, giành danh hiệu “Phụ lão 3 giỏi”. Nhiều cụ mạnh khỏe còn tham gia các đội “Bạch đầu quân”. Ở chiến trường miền Nam, nhiều cụ đã ngày đêm đào hầm nuôi giấu cán bộ, giúp đỡ quân giải phóng, tham gia đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị; các bà má miền Nam tay không, dũng cảm đi đầu trong các đoàn biểu tình, đòi con đang bị giam cầm; kêu gọi anh em binh lính ngụy quay súng trở về với Tổ quốc, với đồng bào. *Từ năm 1975 - 2023*: Người cao tuổi có nhiều đóng góp cho công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và thời kỳ đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Có nhiều người cao tuổi có trình độ giáo sư, tiến sĩ, nhà khoa học, chuyên gia vẫn nhiệt huyết, phát huy kinh nghiệm, trí tuệ để tiếp tục đóng góp xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Người cao tuổi khẳng định được vị trí là hạt nhân nòng cốt của các phong trào thi đua yêu nước.

Theo báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa IX, ngày 12-3-2003, “Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”: Hiện nay cả nước có trên 12,5 triệu người cao tuổi; hơn 6,5 triệu người cao tuổi đang trực tiếp tham gia lao động, sản xuất; trong đó có 400.000 người cao tuổi đạt danh hiệu làm kinh tế giỏi. Người cao tuổi đóng góp hơn 11 triệu ngày công, gần 3.500 tỷ đồng, hiến 25 triệu mét vuông đất hạ tầng... góp phần xây dựng nông thôn mới. 660.000 người cao tuổi tham gia công tác đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, tổ hòa giải ở cơ sở; người cao tuổi chiếm 64% hội khuyến học; trên 300.000 người cao tuổi tham gia các tổ an ninh nhân dân, phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự ở cơ sở, cung cấp cho lực lượng công an 200.000 nguồn tin có giá trị; giúp đỡ 90.000 người tái hòa nhập cộng đồng. Người cao tuổi phối hợp giải quyết hiệu quả hàng chục nghìn vụ mâu thuẫn, khiếu kiện trong nội bộ nhân dân. Cả nước có trên 77.000 câu lạc bộ của người cao tuổi ở cơ sở với nhiều loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, thu hút trên 2,5 triệu người cao tuổi tham gia. Hội Người cao tuổi đã thành lập 5.500 câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau, thu hút trên 275.000 người cao tuổi tham gia...

Rõ ràng là, những đóng góp của người cao tuổi, nhằm phát huy giá trị con người, với vai trò là một trong những chủ thể phát triển đất nước là rất lớn. Người cao tuổi không chỉ đóng vai là người gương mẫu, dẫn đường mà thực tế đã trực tiếp đóng góp công sức vào sự phát triển của đất nước. Do đó, cần loại bỏ nhận thức nhắc tới người cao tuổi là chỉ nhắc đến những đối tượng cần thụ hưởng, cần được chăm sóc bảo vệ mà không đề cao giá trị thực tế của họ - những giá trị được tích lũy từ quá trình lao động và đặt trong các mối quan hệ xã hội. Người cao tuổi không chỉ là lực lượng lao động, mà xét về mặt văn hóa - xã hội, họ là chủ thể quan trọng để phát triển văn hóa đậm đà bản sắc Việt Nam, trực tiếp trong các yếu tố như trọng người già, trọng văn hóa gia đình mà người già vừa là trụ cột vừa mang tính biểu tượng. Người cao tuổi cần tiếp tục thể hiện và được tạo đầy đủ mọi điều kiện thể hiện vai trò, vị trí rất quan trọng trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa,...

Hiện nay, nước ta cũng đang dần chuyển sang giai đoạn già hóa dân số. Theo thống kê, Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa nhanh trên thế giới. Dự báo, đến năm 2038, người cao tuổi chiếm khoảng 20% dân số Việt Nam; đến năm 2050, người cao tuổi Việt Nam tương đương với các nước có dân số già nhất thế giới hiện nay như Nhật Bản, Hàn Quốc. Khoảng 70% người cao tuổi ở Việt Nam sống tại khu vực nông thôn, là nông dân và làm nông nghiệp;

trên 70% người cao tuổi không có tích lũy vật chất và chỉ có chưa đầy 30% người cao tuổi có lương hưu hay trợ cấp. Tỷ lệ người cao tuổi thuộc hộ nghèo ở Việt Nam cao (khoảng hơn 20%). Điều đó đặt ra vấn đề, *một mặt* phải tiếp tục phát huy sức lao động của người cao tuổi; *mặt khác*, cần đặt vấn đề bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi lên tầm cao mới, vừa mang tính chất thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc, sự ưu việt của chế độ vừa là bài toán đối với một đất nước mà có khả năng “chưa giàu đã già”, chưa trở thành nước phát triển nhưng đã chuyển sang giai đoạn già hóa dân số. Nhưng cũng cần nhìn nhận rằng, già hóa dân số vừa là khó khăn, thách thức nhưng sẽ mở ra cơ hội nếu biết giải quyết, khắc phục và tận dụng thời cơ. Chẳng hạn, hiện nay, khái niệm “kinh tế bạc” đã dần trở lên phổ biến, có những quốc gia thành công bước đầu như Trung Quốc, Xin-ga-po (thực tế có những nước phát triển đã thực hiện rất tốt dù họ không đưa ra định nghĩa kinh tế bạc).

Về cơ bản, khái niệm nền kinh tế bạc (silver economy) là để chỉ hệ thống các ngành sản xuất, phân phối và tiêu dùng những sản phẩm hàng hóa và dịch vụ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người già. Hoặc theo quan điểm của Trung Quốc, nền kinh tế bạc là tổng hòa của một loạt các hoạt động kinh tế như cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ cho người cao tuổi và chuẩn bị cho giai đoạn già hóa dân số. Đặc biệt, với các quốc gia bước vào giai đoạn già hóa dân số thì khu vực kinh tế dành cho người già càng có cơ hội phát triển mạnh mẽ.

Tuy nhiên, ngay từ trong những bước chuẩn bị chính sách phát triển kinh tế bạc, chúng ta không được phép dựa trên quan điểm phát triển thuần kinh tế; cũng không chỉ đặt người cao tuổi như đối tượng khách hàng, thị trường tiềm năng. Cần xác định về mặt quan điểm rằng, người cao tuổi là chủ thể của kinh tế bạc; là chủ thể thụ hưởng đồng thời là chủ thể tham gia phát triển nền kinh tế bạc. Bên cạnh đó, kinh tế bạc hướng tới đối tượng người cao tuổi để trước hết phục vụ họ về vật chất và tinh thần, thông qua đó tạo ra một thị trường có lợi nhuận, nhiều nguồn thu để phát triển kinh tế nói chung. Nói cách khác, phát triển nền kinh tế bạc ở Việt Nam thì phải tuân thủ những quy luật kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nền kinh tế bạc không chỉ bao gồm lao động nhằm tạo ra của cải, vật chất, tinh thần mà nó bao gồm cả những lao động phi lợi nhuận, bảo vệ, chăm sóc người cao tuổi neo đơn, không nơi nương tựa. □

BẢO ĐẢM AN NINH THU NHẬP CHO NGƯỜI CAO TUỔI - CƠ SỞ BỀN VỮNG ĐỂ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI

TS. BUI TON HIEN

Viện trưởng Viện Khoa học Lao động và Xã hội

VIỆC bảo đảm an ninh thu nhập cho người cao tuổi (ANTNNCT) có vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo đảm an sinh xã hội cho NCT Việt Nam. Do hoàn cảnh lịch sử, đặc trưng nhân khẩu học, đặc điểm kinh tế xã hội, đặc điểm việc làm và hệ thống an sinh xã hội của Việt Nam, tỷ lệ lớn NCT hiện đã, đang và sẽ không được bảo đảm thu nhập, đời sống gặp nhiều khó khăn. Tình trạng một bộ phận không nhỏ NCT không có lương hưu hoặc trợ cấp hằng tháng, nhiều NCT đang bươn chải mưu sinh, thu nhập thấp và không ổn định, hay phải sống dựa vào các hỗ trợ của con cháu và người thân, một bộ phận NCT thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, gây ra nguy cơ bất ổn định đời sống của bộ phận dân cư này nói riêng và bất ổn định xã hội nói chung

Khái quát về bảo đảm an ninh thu nhập cho người cao tuổi

Theo Tổ chức Lao động Quốc tế⁽¹⁾ (ILO, 2000), an ninh thu nhập liên quan đến mức thu nhập (tuyệt đối và tương đối so với nhu cầu) bảo đảm được nhận, bao gồm mức thu nhập đầy đủ ở hiện tại và những dự báo thu nhập trong tương lai, trong suốt quá trình làm việc đến khi nghỉ hưu hoặc trước các rủi ro bệnh tật. An sinh xã hội, lương hưu, tiết kiệm, việc làm và sức khỏe là những trụ cột chủ yếu, quan trọng để giúp một người tích lũy, tạo được thu nhập ổn định khi về già.

Theo AgeAction⁽²⁾, *an ninh thu nhập không chỉ bao gồm mức thu nhập phù hợp mà còn liên quan đến sự bảo đảm và kỳ vọng về thu nhập nhận được hiện*

(1) ILO (2021), Old age work and income security in middle income countries: Comparing the cases, <https://www.ilo.org/static/english/intserv/working-papers/wp034/index.html>

(2) AgeAction, Income Security: why it matters for older people everywhere

tại và tương lai, lúc đang làm việc, lúc ốm đau và khi về già. An ninh thu nhập quan trọng đối với cả xã hội và nền kinh tế. Nếu mọi người có thu nhập ổn định sẽ giúp ngăn chặn rơi vào tình trạng nghèo đói cũng như ít có nguy cơ bị đối xử bất bình đẳng. Ngoài ra, thu nhập ổn định còn tạo điều kiện cho người dân đóng góp cho nền kinh tế. Ở cấp độ cá nhân, an ninh thu nhập nâng cao đáng kể khả năng của mọi người để sống một cuộc sống có phẩm giá.

Theo nghiên cứu của Viện Khoa học Lao động và Xã hội,⁽³⁾ ANTNNCT được hiểu là *sự bảo đảm an toàn thu nhập ở mức tối thiểu* thông qua hệ thống các chính sách can thiệp nhằm quản lý rủi ro tốt hơn, bao gồm các rủi ro liên quan đến nhu cầu cơ bản nhất của con người, như ốm đau, thiếu hoặc mất việc làm, tuổi già, trẻ em, tàn tật... dẫn đến không có thu nhập tạm thời hoặc vĩnh viễn so với mức tối thiểu đủ sống.

Theo HelpAge⁽⁴⁾, bảo đảm ANTNNCT được tiếp cận dựa trên việc thực hiện quyền con người đối với an sinh xã hội. Theo đó, bảo đảm ANTNNCT bằng cách lồng ghép quyền của NCT vào các quyền lợi và chính sách cấp quốc gia. An ninh thu nhập của NCT được coi như một phần của quá trình giảm nghèo một cách có hệ thống và giảm sự bất bình đẳng trong suốt cuộc đời. Các trụ cột quan trọng bảo đảm thu nhập cho NCT được xác định trên hai cặp chính sách: bảo trợ xã hội với lương hưu/hưu trí và công việc/việc làm với sức khỏe/chăm sóc sức khỏe.

Trong bài viết này, chúng tôi quan niệm an ninh thu nhập của NCT, như sau:

(i) An ninh thu nhập là mức thu nhập ổn định hiện tại, có thể ước đoán được trong tương lai, bảo đảm nhu cầu cuộc sống hằng ngày, có thể ứng phó với các rủi ro/bệnh tật. Các trụ cột chính của an ninh thu nhập, bao gồm: An sinh xã hội, việc làm, tiết kiệm và chăm sóc sức khỏe.

(ii) Bảo đảm ANTNNCT là việc bảo đảm an toàn, ổn định các khoản thu nhập nhằm đáp ứng nhu cầu cuộc sống hằng ngày của NCT và các chi phí y tế. Các nguồn thu nhập chính của NCT bao gồm lương hưu và phúc lợi xã hội; nguồn thu nhập bổ sung từ việc làm, tiết kiệm và khoản thu nhập vô hình do không phải chi trả các chi phí y tế và chăm sóc sức khỏe.

Để đảm bảo ANTNNCT, Nhà nước sử dụng các công cụ luật pháp, chính sách can thiệp nhằm bảo đảm cuộc sống cho NCT và ngăn ngừa họ rơi vào tình trạng

(3) Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2022, *Nhận diện các vấn đề xã hội mới, vấn đề cần ưu tiên trong chính sách xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*

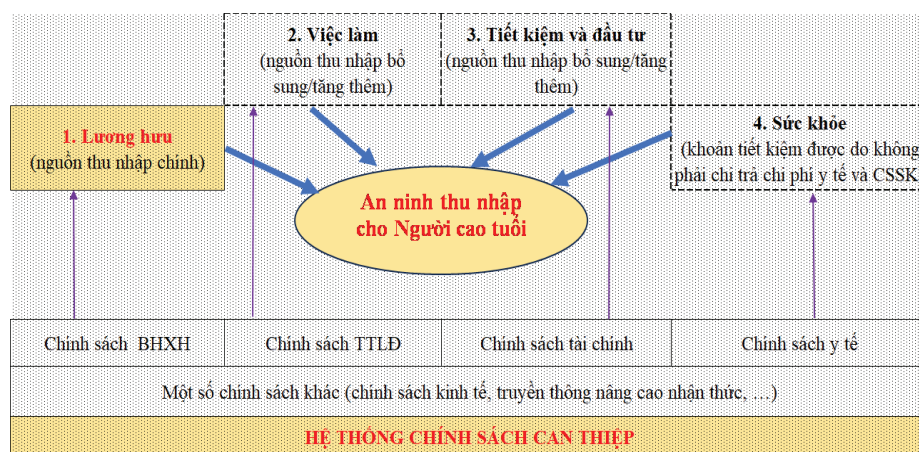
(4) HelpAge International (2012), *Achieving income security in old age: Taking stock and pushing the boundaries*, <https://www.humanitarianlibrary.org/sites/default/files/2019/12/Achieving%20income%20security%20in%20older%20age.pdf>

đói nghèo và bị đối xử bất bình đẳng. Bốn nhóm chính sách chủ yếu để bảo đảm thu nhập của NCT bao gồm chính sách an sinh xã hội (BHXH, TGXH), chính sách thị trường lao động (chính sách việc làm, tín dụng tạo việc làm, thông tin thị trường lao động), chính sách tài chính (thuế/lãi suất tiết kiệm/lợi tức vốn...), chính sách chăm sóc sức khỏe (chi phí khám, chữa bệnh/chăm sóc dưỡng lão).

- *Về an sinh xã hội:* Lương hưu là khoản thu nhập được BHXH hoặc các quỹ hưu trí chi trả cho người lao động khi đủ các điều kiện được nghỉ hưu hưởng lương hưu, hoặc các khoản trợ cấp mất sức. Các chính sách trợ giúp xã hội khác (còn gọi là lương hưu xã hội nhưng bản chất đây là khoản trợ cấp xã hội vì nguồn chi trả từ ngân sách Nhà nước) thường là mức tối thiểu, rất thấp. Ngoài ra còn các khoản trợ cấp xã hội khác liên quan chi phí sinh hoạt, như trợ giá tiền điện, nước, nhà ở (nếu có)... Tuy nhiên, cơ bản nhất trong cấu phần thu nhập từ an sinh xã hội là lương hưu.

Trong xã hội, tỷ lệ NCT được hưởng lương hưu sẽ phản ánh mức độ bảo đảm ANTN NCT. Tỷ lệ này càng cao thì mức độ bảo đảm an sinh cho NCT trên khía cạnh thu nhập càng lớn. Với các quốc gia phát triển có hệ thống an sinh xã hội tốt, tỷ lệ này lên đến 90-100% (bao gồm cả trợ cấp xã hội cho NCT/lương hưu xã hội). Nhìn chung các nền kinh tế và xã hội phát triển đều hướng tới mục tiêu quan trọng này, chính sách bảo hiểm xã hội là trụ cột để bảo đảm an ninh thu nhập cho người dân khi về già; các chính sách trợ giúp xã hội nhằm hỗ trợ, bù đắp vào khoảng trống cho các đối tượng vì các lý do khác nhau không tham gia, không có các khoản thu nhập từ lương hưu bảo hiểm xã hội hoặc các quỹ hưu trí khác và không có các nguồn thu nhập bảo đảm khác.

Sơ đồ 1. Mô hình bảo đảm an ninh thu nhập cho người cao tuổi



Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

- *Về việc làm:* Việc làm là hoạt động tạo thu nhập không bị pháp luật ngăn cấm. Đối với NCT, tham gia hoạt động kinh tế, tạo thu nhập được khuyến khích và tạo điều kiện. Việc làm của NCT tạo ra thu nhập, đóng góp quan trọng trong bảo đảm an ninh thu nhập cho NCT, gia đình và đóng góp cho xã hội.

Việc làm của NCT có thể xem xét trên giác độ lao động (tuổi, giới tính, trình độ), đặc điểm việc làm (ngành nghề, lĩnh vực, điều kiện lao động, thu nhập, tiền lương tiền công,...). Dưới góc nhìn vai trò của thu nhập và bảo đảm an ninh thu nhập, có thể chia thành hai nhóm việc làm NCT.

Nhóm thứ nhất, việc làm là nguồn thu nhập thứ yếu bổ trợ, tăng thêm đóng góp vào thu nhập từ nguồn lương hưu, hay từ các nguồn tiết kiệm và đầu tư khác. Đối với nhiều NCT, làm việc là sự ham thích, mong muốn cống hiến, đóng góp cho xã hội, giúp đỡ, hỗ trợ con cháu, hay thuần chỉ vì sở thích và đam mê. Đối với họ, thu nhập từ việc làm không quan trọng đối với an ninh thu nhập. Một bộ phận khác, trong nhóm thứ nhất này làm việc để tăng thêm thu nhập cùng với khoản lương hưu khiêm tốn, bảo đảm trang trải cuộc sống hiện tại, hay phòng bắt trắc lúc ốm đau.

Nhóm thứ hai, việc làm là sinh kế, nguồn sống chính đối với NCT và gia đình họ. Nhiều NCT, do nhiều hoàn cảnh, điều kiện khác nhau, họ không có lương hưu, trợ giúp xã hội (không thuộc đối tượng), không có tích lũy và các nguồn thu nhập hỗ trợ từ gia đình khác. Thu nhập từ việc làm là nguồn sống duy nhất, đặc biệt quan trọng đối với họ. Trong trường hợp này, các chính sách can thiệp là rất cần thiết để hỗ trợ các nhóm lao động NCT có cơ hội có việc làm.

Trong xu hướng tuổi thọ bình quân của người dân ngày càng được nâng cao (Việt Nam đạt 74 tuổi năm 2022), số năm sống khỏe mạnh bình quân cũng tăng lên, nhiều quốc gia đã kéo dài tuổi nghỉ hưu lên 65-67 tuổi, làm tăng lực lượng lao động trong bối cảnh thiếu hụt nhân lực do già hoá dân số. Sau độ tuổi nghỉ hưu, người lao động cao tuổi tham gia hoạt động kinh tế là nguồn nhân lực quý, có tri thức, trình độ, kinh nghiệm và vai trò xã hội quan trọng đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- *Về tiết kiệm và đầu tư:* Theo quy luật thu nhập của vòng đời, người lao động nào cũng có thời kỳ thu nhập dương và có khả năng tích lũy cho tuổi già. Đại bộ phận người dân đều có tích lũy nhất định, nhưng rất khác nhau giữa các nhóm thu nhập, người giàu, khá giả và nhóm dân cư thu nhập thấp,

người nghèo. Tỷ lệ người có tích lũy và đầu tư, sống được dựa vào các khoản này ngày càng tăng lên trong xã hội. Đây là dấu hiệu tích cực của việc bảo đảm ANTNNCT.

Về các chính sách kinh tế quan trọng phải kể đến các chính sách về lợi tức, lãi suất tiền gửi tiết kiệm, chính sách bảo đảm ổn định sức mua (kiểm soát lạm phát), các chính sách và sự phát triển của thị trường vốn (chứng khoán, cổ phiếu,... lợi tức góp vốn), và đặc biệt một số chính sách thuế ảnh hưởng đến động cơ và khả năng tích lũy của người dân. Ngoài ra, những vấn đề về lối sống, tiêu dùng và văn hoá (tiết kiệm, tiêu dùng) của dân cư, xã hội ảnh hưởng không nhỏ đến tích lũy tiêu dùng và đầu tư của giới trẻ, người trung niên là những NCT tương lai.

- *Về sức khoẻ*: Bản thân sức khoẻ không phải là yếu tố đóng góp trực tiếp cho tạo thu nhập của NCT, nhưng là yếu tố quan trọng trong tiêu hao, tổn thất thu nhập của họ. Dân cư có số năm sống khoẻ mạnh cao (Việt Nam đang phấn đấu đến năm 2030 đạt bình quân 68 năm sống khoẻ mạnh trong 74 năm tuổi thọ bình quân), thì số năm bệnh tật thấp, chi phí khám, chữa bệnh, điều trị sẽ giảm bớt, giảm rủi ro và gánh nặng trong thu nhập của NCT, góp phần bảo đảm hơn ANTNNCT. Ngoài ra, NCT khoẻ mạnh, có ít gánh nặng kinh tế nên thường có quyền tự do hơn để lựa chọn các hoạt động mà họ quan tâm tùy theo tình trạng sức khỏe của họ.⁽⁵⁾ Chi phí cơ hội, chi phí vô hình do không phải chi trả chi phí y tế được xem là phần đóng góp cho bảo đảm ANTNNCT, như một khoản tính lợi ích nhờ kiểm soát rủi ro không xảy ra, nếu xảy ra coi như tổn thất.

Có thể khẳng định, an ninh thu nhập có vai trò quan trọng đối với phát huy vai trò của NCT, là cơ sở, nền tảng, điều kiện để NCT yên tâm tham gia những hoạt động yêu thích và đóng góp cho sự phát triển kinh tế và xã hội. Ngược lại, nếu thu nhập không đáp ứng đủ nhu cầu cuộc sống, trong khi không có tài sản/tiết kiệm, các hỗ trợ từ con cái cũng có xu hướng giảm đi do con cái ngày càng không cảm thấy cần thiết hỗ trợ tài chính đối với cha mẹ⁽⁶⁾, đồng nghĩa với việc NCT phải tiếp tục dành thời gian làm việc sau khi nghỉ hưu để mưu sinh, sẽ khó có thời gian và sức khỏe để làm những việc mà họ quan tâm và mong muốn. Do đó, hoạt động phát huy vai trò của NCT sẽ thiếu bền vững.

(5) Vũ Công Nguyên, Trần Thị Mai, Đặng Thùy Linh, Chei Choy-Lye, Saito Yasuhiko: *Người cao tuổi và sức khỏe tại Việt Nam*, 2021, Nxb. Lao động, tr. 130

(6) Ogawa, Mason, Maliki, Matsukura và Nemoto: 2007, trích dẫn từ báo cáo *Người cao tuổi và Sức khỏe tại Việt Nam*, 2020, Nxb. Lao động, tr. 230

Đồng thời, an ninh thu nhập cho NCT đóng vai trò rất quan trọng đối với phát huy vai trò của NCT, không chỉ giúp nâng cao chất lượng cuộc sống cho NCT thông qua các hoạt động họ yêu thích, mà còn tận dụng được các lợi thế từ kiến thức, kinh nghiệm quý báu của NCT để đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh già hóa dân số.

Một số đặc điểm thu nhập, bảo đảm an ninh thu nhập của người cao tuổi Việt Nam

Đến cuối năm 2023, Việt Nam có khoảng 16,1 triệu người NCT (chiếm khoảng gần 17% dân số). Dự báo đến năm 2030, chúng ta sẽ có khoảng 20 triệu NCT. Việt Nam còn khoảng 12 năm để chính thức bước vào thời kỳ dân số già (2024-2036). Đây là khoảng thời gian rất ngắn so với các quốc gia phát triển.⁽⁷⁾

Thu nhập và đời sống của NCT Việt Nam đã không ngừng tăng trong những năm gần đây nhưng tỷ lệ NCT có lương hưu còn khiêm tốn. Năm 2023, có 2,7 triệu NCT được hưởng lương hưu từ quỹ bảo hiểm xã hội, chiếm khoảng 16,77% NCT⁽⁸⁾. Mức lương hưu bình quân của NCT là 4,75 triệu đồng/tháng⁽⁹⁾. Mặc dù Việt Nam đã nỗ lực cải cách chính sách bảo hiểm xã hội⁽¹⁰⁾ trong những năm qua, nhưng độ bao phủ hưu trí vẫn tăng rất chậm trong vòng hai đến ba thập kỷ qua⁽¹¹⁾.

Độ bao phủ của các khoản trợ giúp và ưu đãi xã hội (bao gồm trợ cấp hưu trí xã hội/lương hưu xã hội, trợ cấp cho người có công) tương đối thấp. Năm 2023⁽¹²⁾, nước ta có 9,32% NCT (1,5 triệu người) nhận lương hưu xã hội (trợ cấp hàng tháng) và 7,45% NCT (1,2 triệu người) nhận trợ cấp ưu đãi người có công. Mặc dù chính sách đã bổ sung trợ cấp hàng tháng đối với nhóm NCT từ 75-80

(7) Các nước phát triển phải trải qua nhiều thập kỷ thì mới bước từ giai đoạn dân số già hóa sang dân số già, như Pháp 115 năm; Thụy Điển 85 năm; Hoa Kỳ 70 năm; Nhật Bản 26 năm

(8) Ủy ban Quốc gia về Người cao tuổi (2023), Báo cáo Kết quả công tác người cao tuổi năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024

(9) Báo cáo tình hình thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội năm 2022

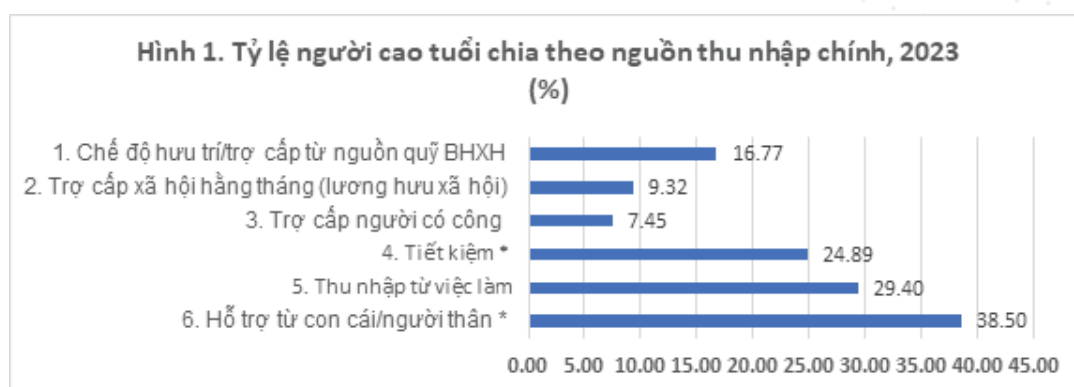
(10) Trước năm 1986, mô hình kinh tế Việt Nam mang tính bao cấp với 3 thành phần kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và Nhà nước, nhưng chỉ lao động làm việc trong khu vực Nhà nước mới được tham gia BHXH. Với tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực Nhà nước thấp cùng với mức đóng thấp dẫn tới tỷ lệ NCT có lương hưu và mức lương hưu hiện nay rất thấp. Năm 1992, Hiến pháp nhà nước quy định chế độ BHXH đối với công chức, người làm công ăn lương và khuyến khích các hình thức BHXH khác; Năm 2006: mở rộng đối tượng tham gia BHXHBB đối với lao động có HĐLĐ từ 12 tháng trở lên, cho phép tham gia BHXH tự nguyện, tăng dần mức đóng; Năm 2014: mở rộng đối tượng tham gia BHXHBB đối với lao động có HĐLĐ từ 01 tháng trở lên...

(11) WB (2021), Việt Nam: *Thích ứng với xã hội già hóa*, tr. 131

(12) Ủy ban Quốc gia về Người cao tuổi (2023), Báo cáo Kết quả công tác người cao tuổi năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024.

tuổi trong hộ nghèo, hộ cận nghèo ở các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn⁽¹³⁾, nhưng vẫn còn rất nhiều người ở độ tuổi từ 60-79 chưa nằm trong diện bao phủ của chính sách, nhất là nhóm từ 65 tuổi trở lên, không đủ khả năng tiếp tục làm việc tạo thu nhập, không có lương hưu, phải phụ thuộc vào con cháu⁽¹⁴⁾.

Về mức chuẩn trợ cấp, dù đã được điều chỉnh tăng lên 360.000 đồng/tháng, nhưng thực sự đang rất thấp và cũng chỉ đóng một vai trò nhỏ trong thu nhập của NCT. Mức chuẩn hiện nay chỉ tương đương 51,4% so với chuẩn nghèo nông thôn và 40% mức chuẩn nghèo thành thị. So với nhiều quốc gia tương đồng khác đang có mức hỗ trợ trên 15% GDP đầu người, mức chuẩn trợ cấp của Việt Nam hiện thấp nhất, tương đương 6,7% GDP đầu người.⁽¹⁵⁾ Tuy nhiên, nếu mở rộng đối tượng và tăng mức chuẩn trợ cấp sẽ khiến hệ thống an sinh xã hội của chúng ta đối mặt với thách thức về tính bền vững tài chính⁽¹⁶⁾.



Nguồn: Tính toán và tổng hợp từ các nguồn số liệu khác nhau (Điều tra lao động việc làm năm 2023 của Tổng cục Thống kê; các báo cáo của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Hội Người cao tuổi năm 2023; báo cáo của UNFPA năm 2021); () là số liệu năm 2021*

Tính đến quý 2 năm 2023, Việt Nam có khoảng 4,74 triệu NCT đang tham gia các hoạt động kinh tế, chiếm 29,4% tổng số NCT. Mức lương bình quân của

(13) Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, ngày 15-3-2021 của Chính phủ về Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

(14) Theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, ngày 15-3-2021 của Chính phủ, mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01-7-2021 là 360.000 đồng/tháng, chỉ tương đương 18% chuẩn nghèo khu vực thành thị (2 triệu đồng/tháng) và 24% khu vực nông thôn (1,5 triệu đồng/tháng) giai đoạn 2022-2025

(15) Ngân hàng phát triển Á Châu, Asia's fiscal challenge 2018 financing the Social Protection agenda of the Sustainable development goals, 10/2018.

(16) WB (2021), *Thích ứng với xã hội già hóa*, tr. 131

NCT năm 2023 khoảng 4,49 triệu đồng/tháng, bằng 70% so với mức lương bình quân của lao động nói chung trên thị trường.⁽¹⁷⁾

Hầu hết NCT làm các công việc có tính chất dễ bị tổn thương với 78,91% là lao động tự làm và lao động hộ gia đình; 54,63% lao động cao tuổi làm việc ngành nông - lâm - thủy sản có năng suất thấp và phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên; 40,47% lao động cao tuổi là lao động giản đơn và 22,75% lao động NCT là lao động có kỹ thuật trong nông nghiệp, hầu hết trong số này là NCT ở khu vực nông thôn. Không tính tỷ lệ nhỏ NCT mong muốn tiếp tục làm việc để được cống hiến cho xã hội, có thể thấy, sự bất cập của hệ thống lương hưu và phúc lợi xã hội⁽¹⁸⁾ là một trong những yếu tố chính đẩy NCT quay trở lại thị trường lao động.

Tiết kiệm và đầu tư có thể là một nguồn thu nhập bổ sung/tăng thêm giúp NCT an tâm tài chính khi về già để ứng phó với chi phí sinh hoạt và y tế ngày càng tăng. Tuy nhiên, thống kê của UNFPA (năm 2021) cho thấy chỉ khoảng 24,89%⁽¹⁹⁾ NCT có tiền tiết kiệm.

Chi phí y tế ngày càng tăng do NCT Việt Nam có xu hướng mắc các bệnh mãn tính ngày càng nhiều (ung thư, bệnh tim, đột quỵ, tiểu đường, thoái hóa khớp...), thời gian điều trị và chăm sóc kéo dài. Theo PHAD⁽²⁰⁾, năm 2018, Việt Nam có khoảng 50,3% NCT phải sử dụng các dịch vụ chăm sóc nội trú và ngoại trú; 20,4% NCT đang cần chăm sóc dài hạn. Trong đó, 1/3 số người được hỏi phải tự chi trả các chi phí y tế hoặc do con cái chi trả. Thiếu tiền, nhiều NCT không dám điều trị bệnh, khiến họ gặp rất nhiều khó khăn và suy giảm chất lượng cuộc sống. Theo WB (năm 2021), khoảng 52,5% NCT không tìm cách điều trị bệnh của mình do thiếu tiền, 11,5% NCT không có người đưa đến các cơ sở điều trị⁽²¹⁾.

Hỗ trợ từ con cái, người thân. Một số nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng, niềm tin và thái độ truyền thống về trách nhiệm hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ đang có sự thay đổi trong bối cảnh môi trường xã hội thay đổi nhanh chóng⁽²²⁾.

(17) Tính toán từ số liệu Điều tra Lao động - Việc làm quý 2/2023, Tổng cục Thống kê

(18) Jin-Yeong Kim, Nguyễn Thị Ngọc Lan và Nguyễn Thu Dung: 2021, *Chính sách an sinh xã hội của Hàn Quốc giải quyết vấn đề già hóa dân số*, Nxb. Thống kê

(19) Tính toán từ báo cáo Báo cáo nghiên cứu thị trường các sản phẩm, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi ở Việt Nam, UNFPA, VCCI (2021).

(20) Trần Thị Mai, Đặng Thùy Linh và Vũ Công Nguyên: *Người cao tuổi và sức khỏe tại Việt Nam 2020*, Chương 7, tr. 89-90, Nxb. Lao động

(21) WB (2021): *Thích ứng với xã hội già hóa*, tr. 165

(22) Trần Thị Mai, Đặng Thùy Linh và Vũ Công Nguyên: *Người cao tuổi và sức khỏe tại Việt Nam 2020*, Chương 7, tr. 114, Nxb. Lao động

Theo đó, hỗ trợ (bao gồm hỗ trợ tài chính và chăm sóc) từ con cái và người thân đối với NCT đang có xu hướng giảm dần; NCT có xu hướng độc lập hơn về tài chính và có nhu cầu sử dụng dịch vụ chăm sóc nhiều hơn thay vì nhờ hỗ trợ từ con cháu và người thân.

Giải pháp bảo đảm an ninh thu nhập cho người cao tuổi nhằm phát huy bền vững vai trò của người cao tuổi Việt Nam

Bảo đảm ANTN NCT là việc làm rất quan trọng nhằm giúp NCT chủ động cuộc sống, nâng cao chất lượng cuộc sống cũng như hỗ trợ họ tự tin phát huy vai trò, lợi thế của mình nhằm đóng góp cho sự phát triển của gia đình và cộng đồng. Trong bối cảnh già hóa dân số và bước vào thời kỳ dân số già, Chính phủ có vai trò rất quan trọng trong bảo đảm an ninh thu nhập cho NCT ở cả khía cạnh bảo đảm an sinh xã hội (mà trước hết là lương hưu và phúc lợi xã hội) cũng như xây dựng và thực thi các chính sách phát huy vai trò của NCT. Một số giải pháp hướng tới giải quyết các vấn đề liên quan đến bảo đảm an ninh thu nhập cho NCT dưới đây cần được quan tâm.

Một là, phát triển hệ thống an sinh xã hội theo hướng thích ứng với già hóa dân số nhanh.

Trước hết, tiếp tục duy trì lộ trình tăng lương hưu cho những người hưởng lương hưu từ ngân sách Nhà nước, bảo đảm mức tăng lương phù hợp với tốc độ lạm phát và đáp ứng được nhu cầu sống cơ bản của người hưởng lương hưu.

Luật Bảo hiểm Xã hội sửa đổi đang trong quá trình hoàn thiện và chuẩn bị trình Quốc hội thông qua vào kỳ họp tháng 5/2024 đã có nhiều nỗ lực để mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bổ sung trợ cấp hưu trí xã hội để hình thành hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng, giảm điều kiện về số năm đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu để được hưởng lương hưu hàng tháng từ 20 năm xuống 15 năm... Những đề xuất cải cách theo hướng tăng tính khuyến khích và hấp dẫn của chính sách bảo hiểm xã hội thông qua tăng cường lợi ích cho người tham gia nhằm thích ứng với bối cảnh mới, trong đó có vấn đề già hóa dân số. Tuy nhiên, cần phải tiếp tục được cân nhắc và xem xét thêm về quyền lợi của những người nghỉ hưu sớm; cần có chính sách hỗ trợ tài chính mạnh mẽ hơn đối với khu vực phi chính thức để người lao động tham gia đóng góp vào quỹ hưu trí của mình. Đồng thời, tạo điều kiện cho người lao động phi chính thức tương tác thuận tiện với hệ thống trong quá trình đăng ký, thu tiền đóng góp và chuyển lương hưu.

Cần phải có chương trình cải cách hưu trí một cách toàn diện, thu hút sự tham gia của người lao động trong các khu vực kinh tế, sự tuân thủ luật pháp, chính sách về bảo hiểm xã hội của người sử dụng lao động nói chung, doanh nghiệp nói riêng.

Hai là, hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách liên quan đến việc làm và phát triển việc làm cho người cao tuổi

Rà soát, sửa đổi Luật Việc làm theo hướng bổ sung nhóm NCT là một trong những nhóm lao động được ưu tiên ngang hàng với các nhóm đối tượng khác, như lao động nữ, lao động khuyết tật, lao động dân tộc thiểu số trong các quy định về chính sách của Nhà nước về việc làm, chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm hay chính sách việc làm công. Cụ thể hóa một số nội dung liên quan đến phát triển việc làm cho NCT thuộc “Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021-2030” bằng việc xây dựng và thực thi *Đề án* “Hỗ trợ người cao tuổi khởi nghiệp, việc làm đến năm 2030”. Đơn giản hóa các thủ tục và tạo điều kiện cho NCT tiếp cận các nguồn lực đất đai, vốn, khoa học - công nghệ, thông tin, thị trường để khởi nghiệp; bổ sung chức năng tư vấn, giới thiệu việc làm cho NCT đối với các trung tâm dịch vụ việc làm nhằm tăng cường khả năng tiếp cận của NCT đối với việc làm.

Rà soát, sửa đổi Luật NCT theo hướng bổ sung thêm những quy định liên quan đến NCT tham gia hoạt động kinh tế (việc làm chính thức, có thu nhập chính thức...), cũng như các quy định hỗ trợ NCT tham gia hoạt động kinh tế, như hỗ trợ đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng... nhằm phát huy vai trò của NCT.

Xây dựng chương trình việc làm cho NCT Việt Nam theo hướng⁽²³⁾: (i) Bảo đảm việc làm cho NCT thông qua việc cung cấp, hỗ trợ cho doanh nghiệp sử dụng NCT và cho chính NCT để họ tiếp tục duy trì việc làm khi đến độ tuổi nghỉ hưu; (ii) Đối với người đã nghỉ hưu, cung cấp các công việc tại địa phương nhằm sử dụng các kỹ năng của họ. Dịch vụ này do trung tâm dịch vụ việc làm đảm nhận; (iii) Thúc đẩy việc làm cho NCT là chuyên gia, có trình độ cao, tạo cơ hội để họ có thể sử dụng hết khả năng của mình, cũng như giúp giữ được giá trị của mình thông qua các đóng góp cho xã hội.

Ngoài ra, tiếp tục nâng cao năng suất, chất lượng việc làm trên thị trường lao động thông qua cải cách các chính sách phát triển ngành, doanh nghiệp, thu

(23) Kinh nghiệm của Hàn Quốc

hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); lồng ghép các mục tiêu phát triển việc làm trong thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng hợp lý, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại (nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả gắn với đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế), kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn...; đổi mới cơ chế quản lý, sử dụng hiệu quả đội ngũ nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao.

Ba là, chú trọng phát triển các chính sách tài chính có tính khuyến khích tích lũy trong dân cư; tuyên truyền, khuyến khích người dân, nhất là thanh niên, trung niên thực hành chuẩn bị tài chính độc lập cho tuổi già.

Trước hết, sớm quan tâm tuyên truyền, giáo dục thế hệ trẻ có nhận thức đầy đủ, trang bị kiến thức tài chính cá nhân; xây dựng và ban hành chiến lược giáo dục tài chính quốc gia, bao gồm các nội dung về giáo dục tài chính cá nhân và hộ gia đình, giúp mỗi các nhân có các giải pháp chi tiêu, tiết kiệm và đầu tư phù hợp không chỉ trong quá trình vận hành cuộc sống mà còn lo cho tuổi già trong tương lai.

Bên cạnh đó, lồng ghép vấn đề già hóa dân số trong tất cả các chính sách kinh tế quan trọng, như chính sách về lợi tức, lãi suất tiền gửi tiết kiệm, chính sách bảo đảm ổn định sức mua (kiểm soát lạm phát), các chính sách và sự phát triển của thị trường vốn (chứng khoán, cổ phiếu, lợi tức góp vốn) và đặc biệt một số chính sách thuế vì những chính sách này sẽ ảnh hưởng đến động cơ và khả năng tích lũy của người dân.

Ngoài ra, những vấn đề về lối sống, tiêu dùng và văn hoá (tiết kiệm, tiêu dùng) của dân cư, xã hội ảnh hưởng không nhỏ đến tích lũy tiêu dùng và đầu tư của giới trẻ, người trung niên là những NCT tương lai. *Bên cạnh việc xây dựng chiến lược giáo dục tài chính quốc gia, cần tập trung vào tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hiểu biết của người dân về một cuộc sống độc lập khi về già.*

Bốn là, chính sách chăm sóc y tế cho người cao tuổi

Tiếp tục phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và chăm sóc dài hạn bằng cách ưu đãi về thuế, đất đai, thủ tục hành chính...; phát triển mạng lưới cơ sở chăm sóc theo phương thức đối tác công - tư nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của NCT; hiện đại hóa hệ thống dịch vụ thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại; nghiên cứu xây dựng và phát triển mô hình bảo hiểm chăm sóc dài hạn cho NCT theo lộ trình.

Về chính sách và biện pháp để bảo đảm ANTNNCT trên khía cạnh chăm sóc sức khỏe, y tế, trực tiếp là vấn đề phòng bệnh, chữa bệnh cho NCT, hệ thống y tế chăm sóc sức khỏe NCT phải được phát triển mạnh mẽ, dịch vụ chăm sóc tốt và công bằng trong tiếp cận và thụ hưởng cho các đối tượng, thành phần NCT khác nhau. Để bảo đảm việc khám, chữa bệnh, chăm sóc y tế, giảm thiểu tổn thất đối với thu nhập NCT, trước hết NCT cần phải có và được tham gia, hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế. Đặc biệt, chi phí khám, chữa bệnh, điều trị các bệnh mãn tính và chi phí chăm sóc y tế (các cơ sở điều dưỡng, chăm sóc NCT) phải thấp, phù hợp với đại bộ phận NCT, nhất là NCT cô đơn, có hoàn cảnh khó khăn.□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. AgeAction, Income Security: why it matters for older people everywhere
2. Báo cáo nghiên cứu thị trường các sản phẩm, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi ở Việt Nam, UNFPA, VCCI (2021).
3. HelpAge International (2012), Achieving income security in old age: Taking stock an pushing the boundaries, <https://www.humanitarianlibrary.org/sites/default/files/2019/12/Achieving%20income%20security%20in%20older%20age.pdf>
4. ILO (2021), Old age work and income security in middle income countries: Comparing the cases, <https://www.ilo.org/static/english/intserv/working-papers/wp034/index.html#ID0EUD>
5. ILO (2014a), “Social Protection for Older Persons: Key Policy Trends and Statistic”, Social Protection Policy Paper No.11
6. ILO (2014b), Wolrd of Work Report 2014: Developing with Jobs
7. Ngân hàng phát triển Á Châu, Asia’s fiscal challenge 2018 financing the Social Protection agenda of the Sustainable development goals, 10/2018.
8. NĐ 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
9. Nhà xuất bản thống kê (2021), Chính sách an sinh xã hội của Hàn Quốc giải quyết vấn đề già hóa dân số.

10. OECD (2017), Preventing Ageing Unequality, <https://doi.org/10.1787/9789264279087-en>.
11. PGS, TS Đặng Thị Ánh Nguyệt (2023), Đảm bảo an sinh thu nhập cho người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số, https://dangcongsan.org.vn/hoidonglyluan/Lists/XayDungDang/View_Detail.aspx?ItemID=188
12. Sang-Hyop Lee, Đại học Hawaii ở Manoa, Thay đổi dân số và chính sách xã hội: Tiếp cận từ tài khoản chuyển nhượng quốc gia (NTA), Hội thảo công bố báo cáo Tổng quan về Tài khoản chuyển nhượng quốc gia (NTA) của Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế trong việc áp dụng NTA để xây dựng chính sách, UNFPA & GSO 6/12/2023
13. Tổng Cục thống kê (2021), Chính sách An sinh xã hội của Hàn Quốc giải quyết vấn đề già hóa dân số
14. TS. Nguyễn Quốc Anh (2022), NCT và sự tham gia hoạt động kinh tế: Thực trạng, vấn đề đặt ra và khuyến nghị
15. Ủy ban Quốc gia về Người cao tuổi (2023), Báo cáo Kết quả công tác người cao tuổi năm 202 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024
16. Viện Khoa học Lao động và Xã hội (2023), Nghiên cứu “Nhận diện các vấn đề xã hội mới, vấn đề cần ưu tiên trong chính sách xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.
17. Vũ Công Nguyên, Trần Thị Mai, Đặng Thùy Linh, Chei Choy-Lye, Saito Yasuhiko (2020), Người cao tuổi và sức khỏe tại Việt Nam, Nhà xuất bản Lao động.
18. Worldbank (2021), Việt Nam: Thích ứng với xã hội già hóa

BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI CHO NGƯỜI CAO TUỔI TRONG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ HIỆN NAY

VŨ THÙY LINH

Tạp chí Cộng sản

VIỆT NAM là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Những người từ 60 tuổi trở lên chiếm 11,9% tổng dân số vào năm 2019 và đến năm 2050, con số này sẽ tăng lên hơn 25%. Đến năm 2036, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội “già hóa” sang xã hội “già”⁽¹⁾. Điều này đang đặt ra những cơ hội và thách thức về mặt kinh tế - xã hội, đồng thời đặt ra những vấn đề cần phải giải quyết để bảo đảm an sinh xã hội cho người cao tuổi ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam hiện nay

Theo thống kê, năm 2023, quy mô dân số Việt Nam là khoảng 100,3 triệu người, với hơn 16 triệu người cao tuổi. Bộ Y tế nước ta đã đưa ra dự báo đến năm 2038, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già với hơn 21 triệu người cao tuổi, chiếm gần 20% tổng dân số. Tuổi thọ trung bình ở Việt Nam đã tăng từ 68,6 tuổi (năm 1999) lên 73,2 tuổi (năm 2014), tăng dần lên 74,5 tuổi (năm 2019), dự báo tăng lên 78 tuổi (năm 2030) và đạt 80,4 tuổi (năm 2050). Chỉ số già hóa năm 2019 là 48,8%, tăng 13,3 điểm phần trăm so với năm 2009 và tăng hơn hai lần so với năm 1999⁽²⁾. Cụ thể, năm 2009, chỉ số già hóa 35,5; năm 2014 chỉ số già hóa 43,3; năm 2019 chỉ số già hóa 48,8; năm 2021 chỉ số già hóa 53,1. Như vậy từ năm 2009 đến năm 2021, chỉ số già hóa của chúng ta đã tăng từ 35,5 đến 53,1.

(1) Số liệu già hóa dân số từ Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), <https://vietnam.unfpa.org/vi/topics/gi%C3%A0-h%C3%B3a-d%C3%A2n-s%E1%BB%91>

(2) Nguyễn Quốc Anh: Từ xu hướng già hóa dân số nhanh ở Việt Nam cơ hội và thách thức, Tạp chí Tuyên giáo điện tử, ngày 12-3-2020, <https://tuyengiao.vn/tu-xu-huong-gia-hoa-dan-so-nhanh-o-viet-nam-co-hoi-va-thach-thuc-132367>

Những năm 70 - 80 của thế kỷ XX, phụ nữ Việt Nam sinh nhiều con và nhiều hơn tỷ suất sinh thay thế cần thiết (5 - 6 con/phụ nữ). Tuy nhiên, từ những năm 80 trở lại đây, xu hướng này ngày càng giảm và thấp nhất vào năm 2005. Đến nay, mặc dù tỷ suất sinh trung bình có sự cải thiện nhưng vẫn chưa đạt tỷ suất sinh cần thiết là 2,1 con/phụ nữ⁽³⁾. Theo các chuyên gia nhận định, việc tuổi thọ của người dân được cải thiện và tăng cao, nhưng tỷ suất sinh ngày càng thấp đã khiến quá trình quá độ từ già hóa dân số đến dân số già của Việt Nam diễn ra nhanh chóng, chỉ trong vòng khoảng 20 năm, trong khi các nước phát triển mất nhiều thời gian hơn, thậm chí gần một thế kỷ.

Với dân số ngày càng già hóa và lượng người lao động trẻ giảm sút, sự thiếu hụt lao động đang càng trở thành vấn đề đáng lo ngại, gây khó khăn cho các ngành công nghiệp và dịch vụ. Việc không đủ nguồn nhân lực để duy trì, phát triển các ngành, nghề, có thể dẫn đến tình trạng giảm hiệu suất lao động và cạnh tranh, gây ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Thêm vào đó, theo thống kê chung, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam là trên 73 tuổi, nhưng số năm khỏe mạnh chỉ được đến năm 63 tuổi, nghĩa là khoảng 10 năm cuối đời, người cao tuổi ở Việt Nam sống không khỏe, sống chung với nhiều loại bệnh tật. Điều đó có nghĩa là khi tỷ lệ người cao tuổi tăng lên, nhu cầu chăm sóc sức khỏe với đối tượng này ngày càng gia tăng, đòi hỏi chi tiêu y tế quốc gia và gia đình cho người cao tuổi rất lớn. Đây là thách thức đối với hệ thống y tế và các gia đình Việt Nam trong thời gian tới, nếu như chất lượng sức khỏe người cao tuổi không được cải thiện ngay từ bây giờ. Bên cạnh đó, đối với hệ thống y tế, vấn đề không chỉ là gia tăng chi phí khám, chữa bệnh thuần túy mà còn gia tăng các chi phí đào tạo nhân lực, chi phí đầu tư trang thiết bị, chi phí đầu tư các kết cấu hạ tầng (cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở điều dưỡng, nuôi dưỡng người cao tuổi...). Trong khi theo thống kê của Bộ Y tế, nguồn nhân lực của hệ thống y tế nước ta hiện nay đang ngày càng trầm trọng. Tình trạng thiếu bác sĩ chuyên lão khoa, điều dưỡng có kinh nghiệm, hệ thống viện dưỡng lão có hoặc không có chăm sóc y tế ngày một tăng. Nguồn nhân lực chăm sóc người già chủ yếu dựa vào người nhà. Thêm vào đó, với xu hướng thu nhỏ quy mô gia đình theo thế hệ (từ nhiều thế hệ xuống chỉ còn một thế hệ trong gia đình), tỷ lệ người cao tuổi sống một mình tăng lên theo thời gian (từ 9,68% năm 2009 lên 13,74% năm 2019). Mặc dù người cao tuổi có xu hướng sống ít lệ thuộc vào con cái, nhưng điều đó không có nghĩa là các thành viên trong gia đình không có trách nhiệm chăm lo cho họ. Đặc biệt, tỷ lệ người cao tuổi được hưởng lương hưu hoặc nhận được các

(3) Nhân dân: Hệ lụy từ việc giảm mức sinh thay thế, đăng trên báo Nhân dân điện tử, ngày 13-4-2023, <https://nhandan.vn/he-luy-tu-viec-giam-muc-sinh-thay-the-post747454.html>

trợ cấp xã hội thấp (khoảng 20%, nếu tính cả các loại trợ cấp xã hội khác thì tỷ lệ này cũng chỉ khoảng 36%), nên đa số người cao tuổi vẫn phải lo tạo sinh kế. Trong bối cảnh các thế hệ trẻ đang phải vật lộn mưu sinh để tránh “vết xe đổ” già nhưng chưa giàu của các thế hệ đi trước, thì các chi phí chăm sóc người cao tuổi đã và đang gia tăng, gây ảnh hưởng không nhỏ tới chi tiêu của các hộ gia đình. Các gia đình có người cao tuổi không chỉ gia tăng các chi phí khám, chữa bệnh mà còn gia tăng các chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi nếu như không có sự hỗ trợ từ hệ thống an sinh xã hội của Nhà nước.

Chính sách an sinh xã hội cho người cao tuổi ở nước ta hiện nay

Với chính sách an sinh xã hội cơ bản dựa trên 4 trụ cột chính là: (1) việc làm và thu nhập tối thiểu; (2) bảo hiểm xã hội (bao gồm bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp); (3) trợ giúp xã hội; và (4) tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin) và có sự bổ sung, điều chỉnh các chính sách cụ thể để phù hợp với bối cảnh phát triển và yêu cầu mới đặt ra, những năm qua, hệ thống an sinh xã hội cho người cao tuổi ở Việt Nam đã được mở rộng. Đến nay đã có nhiều chính sách, chương trình dành cho người cao tuổi theo các nhóm đối tượng khác nhau, trong đó tập trung vào các nhóm chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và trợ cấp xã hội. Điển hình như Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23-5-2018, của Ban Chấp hành Trung ương, “Về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội”, trong đó nêu rõ, phấn đấu số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hàng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội đạt khoảng 55% vào năm 2025 và khoảng 60% vào năm 2030, nhiều giải pháp đã được tính đến trong quá trình xây dựng Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi). Theo đó, một giải pháp căn cơ được tính đến là mở rộng diện bao phủ thông qua việc mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và tự nguyện; giảm điều kiện thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu để được hưởng chế độ hưu trí; điều chỉnh quy định điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội một lần để hạn chế số người rời khỏi “lưới an sinh”; giảm độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội (trợ cấp xã hội hàng tháng dành cho người cao tuổi) phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ. Phương án điều chỉnh tuổi nghỉ hưu theo lộ trình đã được quyết định nhằm xây dựng hệ thống bảo hiểm hưu trí bền vững, giải quyết thách thức về nhân khẩu học do dân số già hóa nhanh, bảo đảm bình đẳng giới. Đây cũng không phải là lựa chọn riêng của Việt Nam mà nhiều nước trên thế giới cũng đã và đang phải điều chỉnh tăng tuổi hưu. Hiện nay, người lao động ở Anh hưởng lương hưu từ năm 66 tuổi nhưng sẽ tăng lên 67 tuổi từ năm 2026 và 68 tuổi từ năm 2044. Trung tâm Tuổi thọ quốc tế của

Anh dự báo độ tuổi nghỉ hưu có thể tăng lên 71 tuổi kể từ năm 2050. Mặc dù có một bộ phận người lao động mong muốn nghỉ hưu sớm, nhưng cũng không thể không lưu ý một thực tế đã được Tổng cục Thống kê công bố là có khoảng 35% người cao tuổi (từ 60 trở lên) ở nước ta vẫn đang làm việc. Trong số này đa phần là những người không có lương hưu và trợ cấp xã hội. Điều đó không chỉ khẳng định vai trò quan trọng của lương hưu trong việc bảo đảm an sinh đối với người cao tuổi, mà còn cho thấy đâu mới là giải pháp đúng cho vấn đề này.

Để hiện thực hóa Nghị quyết số 28-NQ/TW của Trung ương, dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi (năm 2023) bổ sung một chương về trợ cấp hưu trí xã hội. Cụ thể, công dân Việt Nam từ đủ 75 tuổi trở lên mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng và trợ cấp xã hội hàng tháng khác thì sẽ được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội do ngân sách nhà nước bảo đảm. Thêm vào đó, dự thảo mới nhất Chính phủ trình Quốc hội cũng đã đề nghị giảm độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội từ 80 tuổi xuống còn 75 tuổi. Điều này sẽ giúp mở rộng đối tượng thụ hưởng trợ cấp hưu trí xã hội thêm khoảng 800 nghìn đến 1 triệu người cao tuổi được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội và bảo hiểm y tế. Tờ trình của Chính phủ nêu rõ, người lao động khi đến tuổi nghỉ hưu có thời gian đóng bảo hiểm xã hội (bao gồm cả bắt buộc và tự nguyện) mà chưa đủ điều kiện hưởng lương hưu (chưa đủ 15 năm đóng) và cũng chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội (chưa đủ 75 tuổi) thì được lựa chọn hưởng trợ cấp hàng tháng cho thời gian trước khi đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, tùy thuộc vào thời gian đóng, tiền lương, thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội của người lao động; đồng thời trong thời gian hưởng trợ cấp hàng tháng thì được hưởng bảo hiểm y tế do ngân sách nhà nước bảo đảm. Như vậy, quy định này giúp gia tăng thêm đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng, mà ngân sách nhà nước không phát sinh tăng nhiều (ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ bảo hiểm xã hội, còn trợ cấp hàng tháng do quỹ bảo hiểm xã hội bảo đảm từ thời gian đóng bảo hiểm xã hội của người lao động). Theo tính toán, người lao động có thời gian đóng bảo hiểm xã hội là 5 năm với mức tiền lương tháng đóng bình quân như hiện nay, nếu người lao động không hưởng bảo hiểm xã hội một lần mà lựa chọn hưởng trợ cấp hàng tháng thì có thể được hưởng trợ cấp hàng tháng (với mức thấp nhất bằng mức trợ cấp hưu trí xã hội) ngay từ khi đủ tuổi nghỉ hưu thay vì phải chờ đến 75 tuổi.

Theo số liệu từ Hội Người cao tuổi Việt Nam, hiện cả nước có hơn 11,4 triệu người cao tuổi, bằng gần 12% tổng dân số cả nước. Đây là nhóm đối tượng được ưu tiên thụ hưởng các chính sách an sinh, sử dụng các dịch vụ xã hội. Trung

bình mỗi năm, các cơ quan chức năng lập hồ sơ chăm sóc sức khỏe cho khoảng 3 triệu người, khám sức khỏe định kỳ cho gần 4 triệu người; hơn 95% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế để được hỗ trợ khám, chữa bệnh. Những trường hợp có hoàn cảnh đặc biệt, người từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu được trợ cấp xã hội hằng tháng. Riêng năm 2021, nước ta có hơn 1,8 triệu người cao tuổi hưởng trợ cấp xã hội, chiếm 51,4% tổng số người hưởng trợ cấp xã hội ngoài cộng đồng. Tuy nhiên, trụ cột chính của an sinh xã hội là bảo hiểm xã hội mới chỉ bao phủ một phần nhóm dân số là người cao tuổi. Nhiều chính sách an sinh xã hội hiện hành, trong đó có chính sách bảo hiểm xã hội được thiết kế tập trung chủ yếu vào khu vực kinh tế chính thức (những người có hợp đồng lao động, quan hệ lao động), khiến nhiều người lao động ở khu vực kinh tế phi chính thức khó tiếp cận, dẫn đến họ không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho tuổi già. Hiện tại, cả nước có hơn 3,2 triệu người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, bằng hơn 36% dân số là người cao tuổi. Như vậy là trong nhóm hơn 60% người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, nhiều người không có khoản tích lũy cho tuổi già, nên cuộc sống còn khó khăn.

Công tác khám chữa bệnh cho người cao tuổi ở nước ta tuy đã được chú trọng và cơ hội tiếp cận các cơ sở y tế của người cao tuổi tăng lên khi có đến 91% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế và có thể khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế công lập từ trạm y tế xã đến các bệnh viện trung ương, kể cả tại một số cơ sở y tế ngoài công lập. Mặc dù ngay từ năm 2018, Bộ Y tế nước ta đã yêu cầu tất cả các bệnh viện đa khoa cấp tỉnh phải thành lập khoa Lão nhưng không phải tất cả các bệnh viện tỉnh đều có đội ngũ y tế chuyên sâu về lão khoa. Hiện tại trên cả nước có rất ít cơ sở y tế ở Việt Nam có ngành lão khoa phát triển nên dù có bảo hiểm y tế chi trả một phần, thì 36,9% người cao tuổi vẫn phải tự trả và 32,9% con cái họ trả cho các khoản chi phí khá lớn ngoài bảo hiểm y tế khi khám chữa bệnh, nhất là khám chữa bệnh nội trú.

Mức trợ cấp xã hội dù đã tăng từ 270.000 đồng/tháng lên 360.000 đồng/tháng (khoảng 15 USD) theo khoản 2, Điều 4 Nghị định số 20/2021 NĐ-CP, ngày 1-7-2021, của Thủ tướng Chính phủ, “Về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội”, áp dụng cho những người từ 80 tuổi trở lên và không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, nhưng mức trợ cấp xã hội hằng tháng này là rất thấp, không đủ chi tiêu cho cuộc sống của người cao tuổi. Các chương trình an

sinh xã hội cũng đã được mở rộng trong những năm gần đây, nhưng vẫn còn khoảng cách đáng kể trong phạm vi bao phủ, đặc biệt là đối với những người sống ở khu vực nông thôn. Hầu hết người cao tuổi hiện nay vẫn dựa vào nguồn lực tài chính của mình và sự giúp đỡ của con cháu. Với những người lớn tuổi không có con hoặc có con sống ở xa, họ sẽ cảm thấy cô đơn và bị cô lập với xã hội. Hơn nữa, dù các chính sách an sinh xã hội có nhắm đến nhóm dân số là những người cao tuổi nghèo, người cao tuổi là dân tộc thiểu số, người cao tuổi ở các khu vực khó khăn, thì vẫn còn rất nhiều thách thức đặt ra đối với an sinh xã hội của các nhóm yếu thế và dễ bị tổn thương này do các nguồn lực tự thân và nguồn lực hỗ trợ từ Nhà nước còn hạn chế dẫn đến việc nhiều người cao tuổi đáng nhẽ phải là đối tượng được thụ hưởng trợ cấp lại bị loại bỏ khỏi danh sách...

Một vài khuyến nghị nhằm bảo đảm an sinh xã hội cho người cao tuổi trong thời gian tới

Hiện nay, chính sách an sinh xã hội cho người cao tuổi ở Việt Nam, bao gồm nhiều biện pháp hỗ trợ về mặt kinh tế và y tế, nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống và sức khỏe cho người cao tuổi. Trong đó, có chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách y tế, chính sách y tế, hỗ trợ văn hóa và thể thao, chính sách chúc thọ và tang lễ... Ngoài ra, Việt Nam đang phải đối mặt với vấn đề già hóa dân số nhanh chóng, đặt ra những thách thức mới trong việc bảo đảm an sinh xã hội cho người cao tuổi. Chính vì vậy, nhằm tạo điểm tựa an sinh xã hội vững chắc cho người cao tuổi, các cơ quan chức năng cần tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách an sinh xã hội đối với người cao tuổi đồng bộ với các chính sách xã hội khác, hài hòa, phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế, lấy yếu tố con người làm trung tâm. Trong đó, chính sách bảo hiểm xã hội cần được thiết kế theo hướng linh hoạt, đa tầng, tạo điều kiện để đông đảo người dân tham gia. Chính sách bảo hiểm y tế cần tăng tính hấp dẫn. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội để được hưởng lương hưu nên được rút ngắn. Cùng với đó là nguồn lực để trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi cần được bổ sung; hệ thống dịch vụ xã hội cần mở rộng... Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cần phối hợp với các bộ, ngành chức năng nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung nhiều chính sách an sinh quan trọng, góp phần tạo lưới an sinh xã hội bao trùm, bền vững, từng bước hiện thực hóa mục tiêu có khoảng 55% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hàng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế trong tương lai không xa.

Trong Báo cáo “Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam: Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách” của Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), 5 đặc trưng nổi bật của quá trình già hóa dân số, sức khỏe, đời sống gia đình, lao động, việc làm và an sinh xã hội của người cao tuổi ở Việt Nam được UNFPA đưa ra gồm:

Thứ nhất, dân số cao tuổi Việt Nam tăng nhanh cả về số tương đối và tuyệt đối, và tăng nhanh hơn các nhóm dân số khác. Chỉ số già hóa tăng lên nhanh chóng. So với các nước trong khu vực và trên thế giới, thời gian để Việt Nam chuẩn bị đón nhận già hóa dân số ngắn hơn rất nhiều. Bên cạnh đó, dân số cao tuổi Việt Nam có xu hướng “già ở nhóm già nhất”, tức là tỷ lệ người cao tuổi ở nhóm lớn tuổi nhất (từ 80 trở lên) đã và đang tăng lên nhanh chóng.

Thứ hai, đời sống gia đình, đời sống tinh thần và văn hóa của người cao tuổi thay đổi nhanh chóng. Tỷ lệ người cao tuổi sống với con cái đã giảm nhanh, trong khi tỷ lệ hộ gia đình người cao tuổi sống cô đơn hoặc chỉ có vợ chồng người cao tuổi tăng lên đáng kể. Phần lớn người cao tuổi sống ở khu vực nông thôn. Dân số cao tuổi phân bố không đồng đều và rất khác biệt giữa các vùng và tỉnh. Di cư từ nông thôn ra thành thị là một nguyên nhân của tình trạng này và cũng là nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng của tỷ lệ hộ gia đình người cao tuổi bị “khuyết thế hệ”.

Thứ ba, mô hình và nguyên nhân bệnh tật của người cao tuổi đang thay đổi nhanh chóng, từ bệnh lây nhiễm sang những bệnh không lây nhiễm theo mô hình bệnh tật của một xã hội hiện đại. Chi phí trung bình cho việc khám chữa bệnh của người cao tuổi cao gấp 7 - 8 lần chi phí tương ứng của một trẻ em. Mức độ tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế giữa các nhóm dân số cao tuổi rất khác nhau, trong đó dân số cao tuổi ở nông thôn, miền núi hoặc là dân tộc thiểu số có mức độ tiếp cận với các dịch vụ y tế có chất lượng còn thấp. Số lượng người cao tuổi ngày càng lớn nhưng hệ thống chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi chưa thực sự được coi trọng và đầu tư phát triển tương xứng. Bản thân người cao tuổi cũng chưa ý thức được những nguy cơ bệnh tật. Tuổi thọ của người cao tuổi tăng lên, nhưng tuổi thọ khỏe mạnh lại cải thiện chậm.

Thứ tư, về lao động, việc làm và thu nhập. Theo số liệu điều tra mức sống hộ gia đình năm 2008, khoảng 43% người cao tuổi vẫn đang làm việc với các công việc khác nhau, nhưng hầu hết là trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp với mức thu nhập còn thấp và bấp bênh. Tỷ lệ hoạt động kinh tế giảm theo độ tuổi. Người cao tuổi ở nông thôn tham gia hoạt động kinh tế nhiều hơn đáng kể so với người cao tuổi ở thành thị.

Thứ năm, tỷ lệ người cao tuổi đang tham gia hệ thống hưu trí và trợ cấp xã hội còn thấp, mức hưởng cũng thấp và chiếm tỷ lệ nhỏ so với tổng thu nhập của hộ gia đình cao tuổi. Tuy nhiên, hệ thống an sinh xã hội cho người cao tuổi hiện nay lại không có tính hỗ trợ đối với phần lớn người cao tuổi, đặc biệt là nhóm người cao tuổi dễ tổn thương, vì họ không thể tham gia hệ thống hưu trí do các quy định hiện hành hoặc nhận được mức trợ cấp xã hội quá thấp.

Từ những đặc trưng trên, để đạt được quá trình “già hóa thành công”, có thể tham góp một số khuyến nghị chính sách:

Một là, nâng cao ý thức và hiểu biết của các nhà quản lý, hoạch định chính sách cũng như của toàn bộ cộng đồng về những thách thức của già hóa dân số và đời sống của người cao tuổi. Giải quyết đồng bộ các chính sách tăng trưởng, phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội nhằm cải thiện thu nhập của người cao tuổi từ lao động và hưu trí; thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế bằng việc tận dụng “cơ hội dân số vàng” đang có để có được một dân số già có thu nhập cao và sức khỏe tốt trong tương lai. Các loại hình bảo hiểm cũng cần được đa dạng nhằm tăng cường khả năng tiếp cận của các nhóm dân số, đặc biệt chú trọng đến mở rộng hệ thống bảo hiểm tự nguyện với thiết kế linh hoạt, phù hợp với khả năng đóng góp và chi trả của đối tượng và có khả năng liên thông với các loại hình bảo hiểm khác.

Hai là, thúc đẩy người cao tuổi tham gia hoạt động kinh tế, đặc biệt với các ngành sản xuất mà đào tạo thông qua thực hành là chủ yếu nhằm tiết kiệm được một nguồn lực lớn cho đào tạo. Trợ cấp xã hội cho nhóm người cao tuổi dễ tổn thương cần được mở rộng và tiến tới một hệ thống phổ cập cho mọi người cao tuổi, đặc biệt chú trọng hỗ trợ người cao tuổi ở nông thôn và phụ nữ cao tuổi. Mức hưởng và cách thức trợ cấp cần được xem xét cho phù hợp với điều kiện sống và sức khỏe của người cao tuổi. Việc xác định đối tượng cần phải cải cách để tránh sai sót trong việc chấp nhận hoặc loại trừ đối tượng.

Ba là, tăng cường chăm sóc sức khỏe, xây dựng và mở rộng các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi với sự tham gia tích cực, chủ động của mọi thành phần xã hội và nâng cao năng lực quốc gia về chăm sóc người cao tuổi. Trong đó chú trọng đến công tác truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao nhận thức, ý thức về sức khỏe cho mọi lứa tuổi để chuẩn bị cho một tuổi già khỏe mạnh, tránh bệnh tật, thương tật và tàn phế. Chú trọng đến việc quản lý và kiểm soát các bệnh mãn tính (đặc biệt như tim mạch, tăng huyết áp, thoái khớp, tiểu đường, ung

thư...) cùng với việc ứng dụng các kỹ thuật mới trong chẩn đoán và điều trị sớm, điều trị lâu dài các bệnh mãn tính.

Bốn là, tạo ra môi trường sống thân thiện cho người cao tuổi. Đặc biệt, cần phải có một chương trình mục tiêu quốc gia toàn diện về chăm sóc người cao tuổi trong đó cần xác định một số mục tiêu lượng hóa được và có tính đặc trưng giới để cải thiện tình trạng sức khỏe người cao tuổi, giảm thiểu các bệnh mạn tính, tàn phế và tử vong khi bước vào tuổi già. Xây dựng và củng cố mạng lưới y tế chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, đặc biệt là mạng lưới kiểm soát các bệnh mãn tính. Mạng lưới y tế này cần bảo đảm được sự tiếp cận thuận lợi cho các nhóm người cao tuổi thiệt thòi hoặc bất lợi như người cao tuổi ở nông thôn, phụ nữ cao tuổi hoặc người cao tuổi dân tộc ít người. Nhà nước cần đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ cụ thể cho các trung tâm bảo trợ xã hội và các trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi do tư nhân cung cấp.

Năm là, kết hợp hình thức chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội với việc khuyến khích chăm sóc người cao tuổi dựa vào cộng đồng và từng bước nâng cao và mở rộng dịch vụ chăm sóc người cao tuổi tại nhà. Cần xây dựng hệ thống bệnh viện và tổ chức nghiên cứu lão khoa trên phạm vi cả nước. Từng bước xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo điều dưỡng lão khoa phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế của từng địa phương. Các nội dung về nguyên tắc, cách tiếp cận trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cần được đưa vào chương trình đào tạo y khoa cũng như các chương trình tập huấn cho nhân viên dịch vụ dân số, y tế, xã hội và truyền thông. Về dài hạn, với nguồn nhân lực dồi dào và có chất lượng, Việt Nam có thể cung cấp nhân lực điều dưỡng lão khoa cho khu vực và quốc tế. Các chương trình đào tạo Người chăm sóc không chính thức như các thành viên gia đình, bạn bè đồng niên... của người cao tuổi cũng cần được xây dựng và phát triển từ cộng đồng.

Sáu là, tăng cường vai trò của các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp trong việc xây dựng, vận động và thực hiện chính sách cho già hóa dân số và người cao tuổi. Các hoạt động vận động gia đình, cộng đồng và toàn xã hội tham gia chăm sóc người cao tuổi cần được thúc đẩy và nhân rộng. Cần kết hợp với các cơ quan chuyên môn trong nghiên cứu và đề xuất việc đa dạng hóa cách thức, mô hình tổ chức cuộc sống cho người cao tuổi như sống cùng con cháu, sống tại nhà dưỡng lão hoặc tại các cơ sở chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng... Tổ chức các hoạt động cộng đồng cho người cao tuổi một cách thường xuyên nhằm nâng cao

hiểu biết và đóng góp ý kiến của người cao tuổi với các chính sách của nhà nước cũng như đời sống của cộng đồng.

Bấy là, cần xây dựng được cơ sở dữ liệu có tính đại diện quốc gia và thực hiện các nghiên cứu toàn diện về dân số cao tuổi. Đây sẽ là những đầu vào quan trọng cho việc đề xuất các chính sách, chương trình can thiệp thiết thực, có trọng tâm và hiệu quả. Cần khắc phục sự kết nối lỏng lẻo giữa nghiên cứu và chính sách vì đây là điểm yếu nhất khi bàn đến già hóa dân số và dân số cao tuổi ở Việt Nam và là một nguyên nhân khiến cho việc bàn luận các chính sách cho người cao tuổi vẫn còn hời hợt và hầu hết người cao tuổi được xem là gánh nặng cần phải giải quyết thay vì coi họ là những người có đóng góp lớn cho nền kinh tế và gia đình thông qua các hoạt động kinh tế - xã hội. Hiện nay, việc chưa có số liệu mang tính đại diện quốc gia về thực trạng người cao tuổi đang gây khó khăn không nhỏ cho việc khai thác, nghiên cứu chuyên sâu về người cao tuổi để có thể đề xuất chính sách can thiệp phù hợp. □

VẤN ĐỀ GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM: THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN THỊ THU THANH

Tạp chí Cộng sản

TRONG lộ trình phát triển kinh tế - xã hội, Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều vấn đề xã hội, một trong những vấn đề nổi bật nhất là tình trạng già hóa dân số. Thực trạng này ảnh hưởng nhiều đến quá trình phát triển kinh tế trong dài hạn, làm giảm lực lượng và năng suất lao động, đòi hỏi đầu tư, chi tiêu xã hội nhiều hơn cho nhu cầu chăm sóc sức khỏe, cơ sở hạ tầng và những vấn đề về xã hội cho người cao tuổi. Bài viết tham góp những giải pháp vào giải quyết vấn đề già hóa dân số, đặc biệt là việc điều chỉnh chính sách dân số của Việt Nam là sự thay đổi mang tính chiến lược toàn diện để phát triển bền vững đất nước.

Thực trạng già hóa dân số tại Việt Nam

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, chất lượng cuộc sống được cải thiện, hệ thống y tế tốt hơn với nhiều công nghệ hiện đại đã góp phần kéo dài tuổi thọ của con người. Tỷ lệ sinh có xu hướng giảm trên thế giới đã làm cho số người cao tuổi ngày càng cao, dẫn đến hiện tượng già hóa dân số. Vấn đề già hóa dân số gây ra nhiều ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế trong dài hạn, làm giảm lực lượng và năng suất lao động, đòi hỏi đầu tư, chi tiêu xã hội nhiều hơn cho nhu cầu chăm sóc sức khỏe, cơ sở hạ tầng và những vấn đề về xã hội cho người cao tuổi.

Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Những người từ 60 tuổi trở lên chiếm khoảng 17% vào năm 2030 và 25% vào năm 2050. Đến năm 2036, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội “già hóa” sang xã hội “già”.

Sự thay đổi nhân khẩu học này sẽ mở ra những cơ hội nhưng cũng không ít thách thức đối với kinh tế - xã hội, đòi hỏi Việt Nam phải có những thay đổi chính sách để giải quyết tình trạng thiếu lao động trong tương lai, nguồn lực tài chính để đáp ứng nhu cầu an sinh xã hội của người cao tuổi ngày càng tăng, cung cấp các dịch vụ xã hội tương thích đối với người cao tuổi,... đồng thời vẫn phải duy trì động lực tăng trưởng kinh tế. Mặc dù vấn đề già hóa dân số đặt ra thách thức cho xã hội và nền kinh tế, song một hệ thống chính sách phù hợp sẽ cho phép cá nhân, gia đình và xã hội giải quyết được những thách thức này và đem lại lợi ích kinh tế phù hợp. Căn cứ để đưa ra các chính sách phù hợp là phải đánh giá đầy đủ, toàn diện các tác động của xu hướng già hóa dân số đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam.

Già hóa dân số là quá trình tỷ suất sinh của dân số giảm và tuổi thọ trung bình tăng lên dẫn đến tỷ lệ người cao tuổi trong cơ cấu dân số tăng lên. Đây là xu hướng toàn cầu, nhưng đặc biệt rõ ràng ở các nước đang phát triển. Việc mức sống được cải thiện và sự tiến bộ của công nghệ y tế kéo dài tuổi thọ của người dân Việt Nam. Tuy nhiên, điều này cũng nảy sinh nhiều vấn đề như an ninh lương thực, chăm sóc y tế và phúc lợi xã hội.

Ngày 4-1-2024, dân số Việt Nam đã vượt 100 triệu người, đưa Việt Nam trở thành quốc gia thứ 15 trên thế giới và là quốc gia thứ ba ở Đông Nam Á có dân số 100 triệu người. Tuy nhiên, đằng sau đó là một vấn đề rất đáng lo ngại là tình trạng già hóa dân số đang gia tăng nhanh chóng.

Theo trang web chính thức của Văn phòng đại diện Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) tại Việt Nam, tỷ lệ thanh niên trong dân số Việt Nam hiện cao nhất trong lịch sử, với độ tuổi từ 10 đến 24 chiếm 21,1 % tổng dân số. Lợi tức dân số dự kiến sẽ tiếp tục cho đến năm 2039. Nhưng điều đáng chú ý hơn trong số liệu chính thức của Việt Nam là tổng tỷ suất sinh là 1,96. Thông thường, tổng tỷ suất sinh thấp hơn 2,1 trong một thời gian dài, tức là không có sự thay thế thế hệ.

Số liệu của UNFPA cho thấy, tổng tỷ suất sinh của Việt Nam đạt mức 6 vào đầu những năm 1960. Số lần sinh con trong đời, từ 6 đến 7 con trước đầu những năm 1960, đã giảm xuống còn 4,8 vào năm 1979 và 2 vào năm 2006.

Thực tế, dân số Việt Nam đang già đi nhanh chóng. Khi tỷ lệ sinh giảm và tuổi thọ tăng lên, tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động của Việt Nam trong

độ tuổi 15 - 64 đã đạt mức cao nhất vào năm 2013. Tính đến năm 2021, người Việt Nam trong độ tuổi lao động chiếm 69 % tổng dân số, không xa mức 70 % vào năm 2013.

Việt Nam là một trong những nước có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới: dân số cao tuổi chiếm 11,86 % tổng dân số cả nước và dự kiến sẽ tăng lên 16,66 % vào năm 2029 và đạt 26,10 % vào năm 2049.

Các chuyên gia chỉ ra rằng, Việt Nam bắt đầu có xu hướng già hóa từ năm 2011 và sẽ hoàn toàn bước vào thời kỳ già hóa dân số vào năm 2036. So với các nước châu Âu, Mỹ, dân số Việt Nam đang già đi nhanh chóng. Vì vậy, điều quan trọng hơn là Việt Nam phải tận dụng thời kỳ cơ hội của dân số để phát triển kinh tế, xã hội, nếu không sẽ phải đối mặt với tình thế tiến thoái lưỡng nan “già trước khi giàu”.

Theo quy hoạch, GDP bình quân đầu người của Việt Nam sẽ đạt 15.000 USD/năm vào năm 2040, vẫn thấp hơn so với mức 30.000 USD/năm ở các nước tiên tiến. Tuy nhiên, dân số Việt Nam đang già đi, điều này chắc chắn sẽ tác động tới sự phát triển kinh tế.

Nhìn lại năm 2023, tổng tỷ suất sinh của Việt Nam đã giảm xuống còn 1,95, cách xa mức 2,1 duy trì dân số thay thế. Đặc biệt là tình trạng giảm tỷ lệ sinh ở các thành phố lớn như: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. Để giải quyết vấn đề này, ngày 28-4-2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 588/QĐ-TTg, Quyết định số 588/QĐ-TTg, phê duyệt “Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030”. Theo đó, mục tiêu chung là duy trì vững chắc mức sinh thay thế trên toàn quốc, phấn đấu tăng mức sinh ở những địa phương đang có mức sinh thấp, giảm mức sinh ở những địa phương đang có mức sinh cao góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến 2030, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững đất nước. Để hoàn thành mục tiêu chung, Quyết định số 588/QĐ-TTg, của Thủ tướng Chính phủ cũng đề ra mục tiêu cụ thể đến năm 2030 tăng 10% tổng tỷ suất sinh ở các tỉnh, thành phố có mức sinh thấp (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có dưới 2,0 con); giảm 10% tổng tỷ suất sinh ở các tỉnh, thành phố có mức sinh cao (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có trên 2,2 con); duy trì kết quả ở những tỉnh, thành phố đã đạt mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có từ 2,0 con đến 2,2 con).

Những thách thức của vấn đề già hóa dân số

Đối với Việt Nam, những vấn đề do dân số già gây ra không chỉ ảnh hưởng đến đời sống cá nhân mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển của toàn xã hội. Già hóa dân số có tác động ngày càng mạnh đối với phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta cả trong cả ngắn hạn và dài hạn. Trong ngắn hạn, già hóa dân số ảnh hưởng đến cơ cấu lực lượng lao động, và từ đó, ảnh hưởng đến tăng trưởng và phát triển kinh tế. Trong dài hạn, già hóa dân số tạo ra các tác động đa chiều, nhiều lĩnh vực từ kinh tế đến an sinh xã hội và văn hóa.

Khi dân số già tăng lên, gánh nặng về an ninh lương hưu cũng ngày càng tăng. Nhiều người cao tuổi không có đủ lương hưu trang trải cuộc sống, gây áp lực lớn cho xã hội. Dân số già tăng lên, kéo theo đó là nhu cầu chăm sóc y tế. Tuy nhiên, nguồn lực y tế của Việt Nam còn hạn chế và không thể đáp ứng nhu cầu của tất cả người cao tuổi. Sự già đi của dân số cũng kéo theo vấn đề thiếu hụt lao động trong xã hội...

Quá trình già hóa và suy giảm nguồn cung lao động

Quá trình già hóa dân số ở Việt Nam bắt đầu trong bối cảnh khi đất nước chưa hoàn thành quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, do đó đang đặt ra nhiều thách thức đối với phát triển kinh tế - xã hội. Quá trình già hóa dân số từng bước dẫn tới tình trạng thiếu hụt lao động cho phát triển kinh tế, đặc biệt đối với phát triển công nghiệp và dịch vụ và đây là thách thức khi đất nước chưa hoàn thành mục tiêu trở thành một nước công nghiệp phát triển.

Tiềm năng tăng trưởng của một nền kinh tế phụ thuộc vào mức tăng năng suất lao động và tỷ lệ tăng trưởng nguồn nhân lực. Nguồn nhân lực ở đây có thể được hiểu là quy mô nhóm dân số trong độ tuổi lao động. Khi một quốc gia có cơ cấu dân số trẻ, số người bước vào độ tuổi lao động thường lớn hơn nhiều so với số người bước ra khỏi độ tuổi lao động. Mức chênh lệch giữa hai nhóm này sẽ giảm dần khi các quốc gia bước vào thời kỳ già hóa dân số. Tỷ lệ giữa số lao động tăng thêm hàng năm so với quy mô dân số trong độ tuổi lao động là tỷ lệ tăng trưởng nguồn nhân lực. Khi tỷ lệ này xuống quá thấp hay dao động ở mức trên dưới 0,5% thì nó sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

Một trong những điều kiện tốt nhất cho tăng trưởng của một nền kinh tế là khi tăng trưởng nguồn nhân lực hàng năm ở mức 2,0%. Con số này cũng có

ý nghĩa là những quốc gia đang ở thời kỳ có tỷ lệ này ở mức 2,0% là các quốc gia ở thời điểm tốt nhất của thời kỳ có cơ cấu dân số “vàng”. Tại thời điểm này, tỷ trọng nhóm dân số trong độ tuổi lao động (15 - 64) đạt tới 67 - 70%, và tỷ trọng nhóm dân số trong độ tuổi phụ thuộc chỉ khoảng 30 - 33%.

Kết quả phân tích các số liệu thống kê về biến đổi cấu trúc tuổi của dân số Việt Nam trong giai đoạn từ 2009 - 2039 cho thấy, với phương án tuổi lao động từ 15 - 64, tỷ lệ tăng trưởng nguồn nhân lực ở nước ta có xu hướng giảm nhanh. Tỷ lệ này sẽ giảm xuống ở mức khoảng 0,5% trong giai đoạn 2034 - 2039. Nếu như lấy mốc tuổi nghỉ hưu là 60 thì ngay từ năm 2029, tỷ lệ này có thể bắt đầu xuống dưới mức 0,5%. Từ năm 2040, khi nước ta sẽ có cấu trúc dân số già, yếu tố tăng trưởng nguồn nhân lực sẽ tác động tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế. Thời kỳ từ sau năm 2040 cũng là thời kỳ mà Việt Nam không còn cơ hội dân số “vàng”. Việc thực hiện lộ trình từng bước tăng tuổi nghỉ hưu của cả lao động nam và lao động nữ (từ năm 2021) là một giải pháp chính sách quan trọng nhằm có thể bù đắp tình trạng thiếu hụt lao động, đặc biệt trong giai đoạn từ sau năm 2030.

Quá trình già hóa và thách thức với hệ thống an sinh xã hội

Quá trình già hóa dân số hiện nay đang dẫn tới một thực tế xã hội là tỷ trọng và quy mô số lượng người già ngày càng lớn. Chỉ số già hóa của Việt Nam cho thấy quá trình già hóa ở nước ta đang diễn ra với nhịp độ ngày càng nhanh hơn. Bên cạnh tác động làm suy giảm nguồn cung lao động, quá trình già hóa dân số cũng đang đặt ra đồng thời những thách thức to lớn về phát triển và cơ cấu lại hệ thống an sinh xã hội để thích ứng với cơ cấu dân số già từ sau năm 2040. Thách thức lớn nhất đặt ra đối với hệ thống an sinh xã hội trong giai đoạn từ sau năm 2040 là làm thế nào để thực hiện chăm sóc sức khỏe và bảo đảm sinh kế cho 15 - 20 triệu người cao tuổi.

Trong bối cảnh tỷ trọng cũng như số lượng người cao tuổi tăng lên nhanh trong quá trình già hóa dân số hiện nay, vấn đề sinh kế của người già hay hộ gia đình của họ cần được quan tâm một cách thỏa đáng.

Những kết quả phân tích số liệu từ các cuộc điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam cho thấy, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp và từ tiền công lao động là thu nhập chủ yếu của hộ gia đình người cao tuổi. Những khoản thu nhập có tính bảo đảm cuộc sống cho người cao tuổi khi không còn đủ sức lao động như tiết kiệm, hưu trí và các khoản bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội khác chỉ chiếm

tỷ trọng rất nhỏ trong tổng thu nhập của hộ gia đình người cao tuổi. Khi tuổi càng tăng lên thì nguồn thu nhập từ sản xuất, kinh doanh của người cao tuổi càng giảm do khả năng lao động ngày càng suy giảm theo. Khi các nguồn thu nhập có tính dự phòng như hưu trí hoặc trợ cấp xã hội quá thấp sẽ ảnh hưởng tới việc bảo đảm mức sống của nhóm dân số này.

Ước tính hiện nay mới có khoảng 25% số người cao tuổi tham gia bảo hiểm xã hội và có lương hưu trí. Như vậy, nếu không nhanh chóng mở rộng độ bao phủ của bảo hiểm xã hội đối với nhóm dân số đang trong độ tuổi lao động, trong vòng 20 năm tới có khoảng gần 10 triệu người cao tuổi (từ 65 tuổi trở lên) nằm ngoài bảo hiểm xã hội.

So sánh với các quốc gia khác trên thế giới, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam mới chỉ đạt ngưỡng mức trung bình thấp. Do đó, cần có các chính sách khuyến khích người cao tuổi tham gia thị trường lao động phù hợp, tạo việc làm có thu nhập cao cho nhóm dân số trong tuổi lao động nhằm chuẩn bị cho cuộc sống về già. Trong bối cảnh già hóa dân số, khi tỷ trọng và số lượng người cao tuổi tăng lên nhanh chóng, nhu cầu chăm sóc y tế cho người cao tuổi trở thành một nhu cầu lớn của xã hội. Ước tính chi phí chữa bệnh trung bình cho một người cao tuổi cao hơn từ 7-8 lần so với trẻ em. Trong bối cảnh “*chưa giàu đã già*”, hàng triệu người cao tuổi ở nước ta trong tương lai gần sẽ đối mặt với thách thức về chi phí khám chữa bệnh cao trong khi chỉ có thu nhập thấp. Đây là một yếu tố tiềm tàng có thể dẫn tới mất ổn định xã hội.

Quá trình già hóa dân số đang đặt ra những thách thức to lớn đối với hệ thống an sinh xã hội cũng như với hệ thống y tế ở nước ta. Quá trình già hóa dân số đang đặt ra một thách thức đặc biệt đối với Việt Nam khi quá trình này chỉ kéo dài khoảng 30 năm, một khoảng thời gian tương đối ngắn để đất nước có thể kịp chuyển đổi các cơ cấu về an sinh xã hội cũng như hệ thống y tế.

Việc chuyển đổi kịp thời mục tiêu của chính sách dân số từ dân số - kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển là hết sức cần thiết nhằm có thể làm chậm lại quá trình giảm sinh, dẫn tới làm chậm lại quá trình già hóa dân số, từ đó quốc gia có thêm quỹ thời gian và nguồn lực giải quyết những vấn đề đang đặt ra.

Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, số người bình quân một hộ có xu hướng giảm từ mức 4,6 người/hộ năm 1999 xuống còn 3,6 người/hộ năm 2019. Trung bình 10 hộ dân cư thì có 1 hộ độc thân. Những số liệu này phản

ánh xu hướng giảm tỷ trọng số hộ gia đình sống chung nhiều thế hệ, tăng tỷ trọng số hộ gia đình hạt nhân (chỉ bao gồm cha mẹ và con cái). Từ góc độ cấu trúc hộ gia đình, có thể thấy rõ một bức tranh xã hội là ngày càng có nhiều hộ gia đình chỉ có ông/bà sống chung với nhau hay ông/bà sống một mình. Trong số 10% số hộ gia đình độc thân như nêu trên, không khó để suy đoán rằng phần lớn các hộ gia đình này là người cao tuổi, đặc biệt là phụ nữ. Từ bức tranh xã hội về quy mô và cơ cấu hộ gia đình như vậy, có thể thấy số người tiềm năng có thể trực tiếp chăm sóc người cao tuổi sẽ ngày càng giảm, số người tiềm năng có thể trực tiếp chăm sóc người cao tuổi sẽ thấp hơn nhiều so với số người hỗ trợ tiềm năng.

Một yếu tố nữa có tác động làm giảm số người tiềm năng có thể trực tiếp chăm sóc người cao tuổi là yếu tố di cư lao động. Quy mô số người di cư lao động tới các đô thị ngày càng tăng lên là một hiện tượng xã hội mang tính quy luật trong các xã hội hiện đại. Kết quả phân tích so liệu các cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở, cũng như các cuộc khảo sát di cư nội địa quốc gia đều cho thấy, phần lớn người di cư tập trung ở nhóm tuổi trẻ. Ở độ tuổi càng trẻ, người di cư càng có xu hướng đi xa để thay đổi môi trường sống cũng như tìm kiếm cơ hội học tập và việc làm.

Một bức tranh xã hội quen thuộc ở nhiều vùng nông thôn hiện nay là nhóm dân số trẻ có sức khỏe di cư ra các đô thị, còn người già ở lại nông thôn. Như vậy, yếu tố di cư đã và đang tác động góp phần làm giảm số người tiềm năng có thể trực tiếp chăm sóc người cao tuổi, đặc biệt là ở các vùng nông thôn.

Giải pháp giải quyết các vấn đề do tình trạng già hóa dân số

Trước những thách thức của vấn đề già hóa dân số thiết nghĩ chúng ta cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần nhìn nhận người cao tuổi, nhóm dân số già có vai trò, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, là chỗ dựa cho các thế hệ trẻ, thay vì nhìn nhận là đối tượng phải chăm lo, hưởng trợ cấp xã hội. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, vấn đề già hóa dân số cần phải có vai trò tương xứng với những ảnh hưởng của vấn đề này đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Già hóa dân số đang trở thành xu hướng chung không chỉ tại Việt Nam mà còn trên toàn cầu. Do vậy, trong phát triển kinh tế - xã hội cần tính đến cả thời cơ và thách thức mà già hóa dân số mang lại.

Thứ hai, tăng cường xây dựng hệ thống an ninh lương hưu và cải thiện các tiêu chuẩn chi trả lương hưu. Ngày 10-11-2023, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 104/2023/QH15, về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024. Theo đó, từ ngày 1-7-2024, thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW, ngày 21-5-2018, của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. Đồng thời, thực hiện điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công và một số chính sách an sinh xã hội đang gắn với lương cơ sở. Điều này đánh dấu sự khởi đầu của việc cải cách toàn diện chính sách tiền lương ở nước ta, không chỉ mang lại luồng gió mới cho hệ thống lương hưu, mà còn cả tới các loại trợ cấp bảo hiểm xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác, tất cả đều được điều chỉnh tăng lên. Những thay đổi này không chỉ phản ánh sự thích ứng với xu hướng già hóa dân số ở nước ta mà còn cho thấy nỗ lực của Chính phủ trong việc cải thiện chất lượng cuộc sống cho người lao động sau khi họ hoàn thành quãng thời gian lao động, đóng góp cho xã hội.

Cần nghiên cứu, sửa đổi, đồng bộ hóa các quy định giữa Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bình đẳng giới, Luật Người cao tuổi..., xây dựng và thông qua Luật Công tác xã hội. Đưa chỉ tiêu ứng phó với già hóa dân số là chỉ tiêu trong nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và tăng cường giám sát quá trình triển khai thực hiện. Giải quyết đồng bộ các chính sách tăng trưởng, phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội nhằm bảo đảm và cải thiện thu nhập của người cao tuổi từ lao động và hưu trí.

Thứ ba, tăng cường đầu tư vào chăm sóc y tế và cải thiện tiêu chuẩn y tế. Xây dựng đồng bộ Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trong tổng thể của Chiến lược dân số Việt Nam và Chiến lược gia đình Việt Nam. Trong suốt chặng đường phát triển, ngành Y tế luôn quán triệt đầy đủ vai trò, ý nghĩa của ngành Y tế, lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng một nền y học theo nguyên tắc khoa học, dân tộc, đại chúng; Nghị quyết số 20/NQ-TW, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới với mục tiêu tổng quát là nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam, song song với công tác chữa bệnh cứu người.

Công tác y tế cơ sở đã đạt được những kết quả quan trọng. Mạng lưới y tế cơ sở rộng khắp cả nước, từng bước được củng cố về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực; công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu được tăng cường, nhiều dịch bệnh

nguy hiểm được khống chế và đẩy lùi, phòng chống và quản lý bệnh không lây nhiễm, quản lý sức khỏe người dân bước đầu được triển khai tại tuyến xã; chất lượng dịch vụ y tế tuyến cơ sở từng bước được nâng cao góp phần quan trọng trong việc cải thiện tình trạng sức khỏe của nhân dân.

Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng nhanh từ 16,5% năm 2002, lên 92,04% năm 2022, chi cho y tế cơ sở khoảng 32% tổng số chi khám chữa bệnh BHYT. Gói dịch vụ y tế cơ bản cho y tế cơ sở đã được ban hành năm 2017 với 76 dịch vụ, 241 thuốc và hiện đang được nghiên cứu tiếp tục mở rộng; Số lượt khám chữa bệnh bảo hiểm y tế tại y tế cơ sở đạt 75% của cả hệ thống y tế (huyện 58%, xã 17%); cùng đó số lượng dịch vụ ngày càng tăng khám chữa bệnh y học cổ truyền, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi... Bước đầu quản lý bệnh không lây nhiễm, quản lý sức khỏe người dân tại y tế xã. Chỉ số bao phủ dịch vụ y tế thiết yếu của y tế cơ sở đạt 70/100 điểm, cao hơn mức trung bình Đông Nam Á (61 điểm), toàn cầu (67 điểm); chất lượng dịch vụ từng bước được cải thiện. Theo báo cáo PAPI năm 2021 có 54,04% người trả lời hài lòng với dịch vụ của bệnh viện công tuyến huyện.

Tuy nhiên, trước thực trạng già hóa dân số ở nước ta hiện nay, cần hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, mở rộng, nâng cao năng lực chăm sóc, khám chữa bệnh cho người cao tuổi, xây dựng môi trường sống thân thiện với người cao tuổi. Cần bảo đảm môi trường phát triển để quá trình già hóa dân số diễn ra một cách năng động, với sự bảo đảm sức khỏe. Đồng thời, tăng cường đào tạo cán bộ chăm sóc và cán bộ chuyên môn y tế trong công tác chăm sóc người cao tuổi và có sự hỗ trợ hơn nữa cho những người chăm sóc người cao tuổi bao gồm các thành viên trong gia đình, các cán bộ cộng đồng.

Đồng thời cần xã hội hóa, huy động các nguồn lực đa dạng để đáp ứng nhu cầu của sự già hóa dân số, đáp ứng các nhu cầu về y tế, văn hóa ngày càng cao của nhóm người cao tuổi. Đặc biệt trong việc tham gia vào xây dựng, hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội, hạ tầng y tế, văn hóa, xã hội cho người cao tuổi.

Thứ tư, khuyến khích thanh niên tham gia xây dựng xã hội và cải thiện tính linh hoạt của thị trường lao động. Cần hướng đến chiến lược chuẩn bị đầy đủ tài chính và sức khỏe cho tuổi già “từ xa, từ sớm”. Cần tăng cường vận động nhóm dân số trẻ đang hoạt động kinh tế tham gia bảo hiểm xã hội để chuẩn bị cho tuổi già đầy đủ hơn vì sẽ có lương hưu, không phải tất bật kiếm tiền và hài lòng với cuộc sống hơn.

Cần có nhiều biện pháp để cải thiện cuộc sống cho cả người trong độ tuổi và hết tuổi lao động, đặc biệt là những người thuộc diện khó khăn, giúp họ có cuộc sống tốt hơn nhằm chuẩn bị cho tuổi già tích cực trong bối cảnh cấu trúc tuổi dân số của Việt Nam đã và đang diễn ra theo xu hướng già hóa ngày càng nhanh ở hiện tại và tương lai. Tuyên truyền giáo dục cho thế hệ trẻ cần có lối sống lành mạnh, quan tâm nhiều đến sức khỏe để chuẩn bị cho tuổi già khỏe mạnh.

Khuyến khích người cao tuổi tham gia hoạt động kinh tế, đặc biệt là những người có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao; giảm thiểu thất nghiệp, góp phần giảm tỷ số phụ thuộc chung bao gồm cả phụ thuộc già; đổi mới trong xây dựng cơ chế, chính sách để thu hút hiệu quả lực lượng lao động trong độ tuổi nghỉ hưu... chú trọng phát triển các chính sách tạo việc làm phù hợp, cải thiện thu nhập cho người cao tuổi. Thực tế, có nhiều trường hợp người cao tuổi, đặc biệt là trong độ tuổi từ 60 đến 75 tuổi, vẫn có sức khỏe, năng lực làm việc tốt, có kinh nghiệm, có nhiều khả năng đóng góp, cống hiến cho cộng đồng và xã hội.

Các chính sách tạo việc làm, thu nhập cho người cao tuổi cần được thiết kế có tính đặc thù, tận dụng được tiềm năng, thế mạnh của họ, bao quát được nhiều đối tượng thụ hưởng. Nhà nước cần có những chương trình hỗ trợ sinh kế phù hợp với nhu cầu, sức khỏe, tuổi tác của người cao tuổi để giúp họ vừa làm chủ được tài chính, vừa giảm được thời gian nghỉ ngơi ít vận động, từ đó làm tăng sự hài lòng của họ đối với cuộc sống.

Nhìn chung, vấn đề già hóa dân số của Việt Nam là một vấn đề phức tạp, đòi hỏi sự nỗ lực chung của cả hệ thống chính trị và mọi thành phần xã hội để giải quyết. Chỉ có sự nỗ lực của toàn xã hội thì vấn đề già hóa dân số ở Việt Nam mới được giải quyết một cách hiệu quả. Việc điều chỉnh chính sách dân số của Việt Nam là sự thay đổi mang tính chiến lược toàn diện. Đây không chỉ là vấn đề sinh sản mà còn liên quan đến kế hoạch phát triển chung của đất nước. Việt Nam cần tìm ra những giải pháp hữu hiệu để giải quyết vấn đề già hóa dân số và bảo đảm sự phát triển bền vững của nền kinh tế. □

GIÀ HÓA DÂN SỐ VIỆT NAM - THỰC TRẠNG, XU HƯỚNG VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

PGS, TS. LÊ THỊ THANH HÀ

*Phó Viện trưởng Viện Xã hội học và Phát triển,
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh*

VIỆT NAM là một trong số ít các quốc gia được đánh giá có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất hiện nay. Điều đó đang đặt ra cho xã hội Việt Nam nhiều vấn đề cần giải quyết như thiếu nguồn nhân lực phát triển đất nước và phát sinh những vấn đề an sinh xã hội. Từ thực trạng già hóa dân số ở Việt Nam hiện nay, bài viết chỉ ra xu hướng già hóa dân số và khuyến nghị chính sách.

1. Quan niệm về già hóa dân số, thực trạng và vấn đề đặt ra đối với già hóa dân số ở Việt Nam hiện nay

Dân số có mối liên hệ mật thiết đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Dưới góc nhìn của các nhà kinh tế học, dân số vừa là lực lượng sản xuất, vừa là lực lượng tiêu dùng. Dưới góc nhìn của các nhà xã hội học, dân số được xem xét ở cơ cấu dân số và chất lượng dân số. Vì vậy quy mô, cơ cấu, chất lượng cũng như tốc độ tăng dân số đều có ảnh hưởng lớn đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Để điều tiết được sản xuất, hoặc nâng cao chất lượng dân số vì mục tiêu phát triển bền vững của xã hội thì không thể không điều tiết về quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số. Đó là lý do tất cả các quốc gia trên thế giới đều phải nghiên cứu về dân số, xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách dân số thiết thực và hiệu quả.

Ở Việt Nam hiện nay, bên cạnh những thành tựu, cơ hội do những biến đổi này mang lại như: mức sinh giảm thấp, “cơ cấu dân số vàng” hay dư lợi dân số, sự gia tăng của các luồng di dân lao động, mức tử vong giảm làm tăng tuổi thọ...

Việt Nam cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức về mặt dân số. Đó là các vấn đề như: mất cân bằng cơ cấu giới tính của trẻ em khi sinh; già hóa dân số, chất lượng dân số hạn chế. Không chỉ dừng lại ở đó, tác động của các yếu tố dân số như một “yếu tố đầu vào” tối phát triển bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường còn đa dạng, phức tạp và mạnh mẽ hơn nhiều. Nó mang cả những yếu tố tích cực lẫn tiêu cực, cả cơ hội lẫn thách thức.

Quá trình già hóa dân số của một quốc gia/vùng lãnh thổ bắt đầu khi tỷ trọng dân số 60+ trở lên đạt ngưỡng 10% hoặc khi tỷ trọng dân số 65+ trở lên đạt ngưỡng 7%. Dân số già hóa khi tỷ trọng số người 65+ từ 7-14%; Dân số già khi tỷ trọng số người 65+ từ >14 - 21%; Dân số siêu già khi số người 65+ nhiều hơn 21%. Theo ý kiến nhiều chuyên gia trong nước và quốc tế, Việt Nam đã bước vào giai đoạn già hóa dân số khoảng năm 2011 - 2012. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, chỉ số già hóa năm 2019 của Việt Nam là 48,8%, tăng 13,3% so với năm 2009 và tăng hơn hai lần so với năm 1999. Các chuyên gia đánh giá, chỉ số này còn có xu hướng tiếp tục tăng lên trong những năm sắp tới. Dự báo, nước ta sẽ mất khoảng 20 năm để tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên tăng từ 7% lên 14% tổng dân số, tức là chuyển từ giai đoạn “đang già” sang “già” - một tốc độ thuộc hàng cao nhất thế giới (Úc: 73 năm; Hoa Kỳ: 69 năm. Canada: 65 năm. Còn Việt Nam chỉ mất 20 năm). Hiện nay, với quy mô dân số trên 96,2 triệu người, tăng 10,4 triệu người trong vòng một thập kỷ qua, tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên tăng nhanh nhất (chiếm 7,7%)⁽¹⁾. Những con số trên cho thấy, đây là thành tựu của công tác chăm sóc sức khỏe người dân và sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tỷ lệ số người tuổi 65+ đã chạm ngưỡng 7% và tiếp tục tăng lên đáng kể hàng năm; Khoảng năm 2039 - 2040, đất nước sẽ vào giai đoạn dân số “già”. Những con số trên cho thấy, đây là thành tựu của công tác chăm sóc sức khỏe người dân và sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, tốc độ già hóa dân số có xu hướng tăng nhanh cũng đang đặt ra cho Việt Nam một số vấn đề cần giải quyết. Cụ thể:

Chi phí chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tăng

Theo Báo cáo của Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Bộ Y tế, dù tuổi thọ trung bình của người dân Việt Nam tăng nhanh (hiện đạt 73,6 tuổi) nhưng lại sống không khỏe. Khoảng 95% người cao tuổi có bệnh và mắc cùng lúc nhiều bệnh như cao huyết áp, tim mạch, đái tháo đường, các bệnh hô hấp

(1) Các số liệu về dân số trong bài viết này được trích từ báo cáo của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, <http://tongdieutradaso.vn/thong-cao-bao-chi-ket-qua-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019.html>, ngày 19-12-2019

mãn tính, ung thư, biến chứng, căng thẳng và trầm cảm về tâm thần. Đây gọi là tình trạng “bệnh tật kép”, trong đó có sự thay đổi từ bệnh lây nhiễm sang các bệnh không lây nhiễm và các bệnh mãn tính. Bên cạnh đó, tỉ lệ phụ nữ cao tuổi ở Việt Nam đông hơn nam giới, trong khi phụ nữ lớn tuổi đa phần bị các bệnh do thay đổi hóc-môn, bệnh loãng xương, bệnh sản khoa ác tính, ung thư vú, cổ tử cung và nhiều rối loạn sinh dục niệu. Kết quả khảo sát của Viện Dân số, Sức khỏe và Phát triển về sức khỏe người cao tuổi Việt Nam cho thấy, 62,3% người cao tuổi Việt Nam mắc bệnh tăng huyết áp và 86,3% trong số đó có điều trị; 12,2% cụ bà được chẩn đoán loãng xương, tỉ lệ này ở cụ ông là 5,5%; với bệnh thiếu máu/nhồi máu cơ tim có 13,2% cụ bà từng được bác sĩ chẩn đoán mắc và 10,8% cụ ông được chẩn đoán mắc... Năm 2019 ước tính có khoảng 79% ca tử vong do các bệnh này⁽²⁾.

Vấn đề đặt ra ở đây là, số năm sống với bệnh tật của người cao tuổi ở Việt Nam cao, trung bình từ 8-11 năm (tức 10% của tuổi thọ), cao hơn nhiều nước khác⁽³⁾. Nếu năm 2019, có khoảng 4 triệu người cao tuổi có nhu cầu hỗ trợ về sức khỏe, thì đến năm 2049 với 32 triệu người cao tuổi sẽ có khoảng 10 triệu người cao tuổi có nhu cầu hỗ trợ về sức khỏe. Điều này dẫn tới, Việt Nam sẽ phải chi phí một khoản lớn ngân sách để chữa bệnh cho người cao tuổi. Bởi chi phí điều trị trung bình cho một người cao tuổi cao gấp 7 - 8 lần chi phí điều trị cho một đứa trẻ. Độ tuổi càng cao, chi phí chăm sóc sức khỏe càng lớn do phải điều trị bệnh tật kép và số ngày nằm trên giường bệnh nhiều. Đó là nguyên nhân chính ảnh hưởng lớn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội của nước ta trong tương lai.

Chi phí an sinh xã hội chăm sóc người cao tuổi tăng

Số lượng người cao tuổi ở Việt Nam đang tăng nhanh, kéo theo việc gia tăng chi phí để giải quyết vấn đề an sinh xã hội cho đối tượng này. Chẳng hạn, theo một nghiên cứu, năm 2019, trong số 13,4 triệu người cao tuổi thì chỉ có 23,5% được hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng từ nguồn ngân sách Nhà nước và quỹ bảo hiểm xã hội. Trong khi đó, 64,4% người cao tuổi không có lương hưu và trợ cấp⁽⁴⁾, nghĩa là những người này khi còn sức khỏe phải tiếp

(2) Xem Thanh Hằng, *Già hóa dân số và bài toán chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ở Việt Nam*, <http://baobaohiemxahoi.vn/vi/tin-chi-tiet-gia-hoa-dan-so-va-bai-toan-cham-soc-suc-khoe-nguoi-cao-tuoi-o-viet-nam-a6dcc6c5.aspx>, ngày 12-12-2019

(3) Xem Hoàng Lan, *Dân số Việt Nam đang già nhanh: “Chưa giàu thì đã già”*, <https://plo.vn/suc-khoe/dan-so-viet-nam-dang-gia-nhanh-chua-giau-thi-da-gia-977668.html>, ngày 08-4-2021

(4) Xem: Nguyễn Tuấn Anh/ Nguyễn Thị Kim Nhung: *Báo cáo quốc gia về một Việt Nam đang già hóa, Người cao tuổi và lương hưu ở Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội. 2021, tr. 163

tục lao động để mưu sinh, nhưng đến tuổi trên 80, sẽ sống dựa vào bảo trợ xã hội. Điều này cũng đang đặt ra những thách thức và sức ép lớn tới các vấn đề an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Nếu tốc độ già hóa tăng nhanh như hiện nay, đến năm 2050, tức là khoảng 30 năm nữa, quỹ lương hưu dự kiến sẽ đẩy chi tiêu chính phủ lên mức 8% GDP, một con số cao khủng khiếp. Theo tính toán, mỗi cá nhân có 31 năm đóng bảo hiểm xã hội thì chỉ đủ để quỹ bảo hiểm trả lương hưu trong vòng gần 13 năm. Nhưng trong thực tế hiện nay, số lượng người cao tuổi ở Việt Nam tăng cao, quỹ bảo hiểm sẽ phải chi trả lương hưu lâu hơn 13 năm. Đây là gánh nặng cho tăng trưởng kinh tế trong tương lai.

Ngoài ra, với những chính sách rất tiến bộ của Việt Nam trong thời gian qua như: Nghị định số 67/2007/NĐ-CP; Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ đã điều chỉnh mức chuẩn trợ cấp, trợ giúp xã hội lên 270.000 đồng đối với nhóm người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hay trợ cấp hằng tháng từ 85 tuổi xuống 80 tuổi cho thấy tính ưu việt của xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, trong tương lai, nếu số lượng người cao tuổi tăng cao, đây cũng là một gánh nặng cho nền kinh tế, trong khi Việt Nam chưa phải là nước phát triển. Người cao tuổi vốn là nhóm người dễ bị tổn thương trong xã hội, khi càng có nhiều người thuộc nhóm tuổi này trong đất nước, thì nhu cầu phúc lợi xã hội sẽ ngày một tăng cao, trong khi đó, tăng trưởng kinh tế chưa tương đương sẽ là áp lực lớn lên nền kinh tế và rất có thể đây là lực cản cho sự phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai.

2. Xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam

Trong 10 năm gần đây, Việt Nam đã đạt mức sinh thay thế và liên tục giữ vững tổng tỷ suất sinh (số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ) ở mức dưới 2,1 con. Theo các chuyên gia, với mức độ sinh ổn định, bền vững như vậy, Việt Nam không cần tiếp tục kiểm soát tỷ lệ sinh. Nhưng Liên hợp quốc dự báo, trong thời gian tới, mức sinh của nước ta còn biến động khó lường: hoặc là tăng trở lại hoặc là tiếp tục giảm xuống mức rất thấp như một số nước đã gặp phải. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2009 - 2019, tỷ lệ tăng bình quân đạt 1,14% là giảm nhẹ so với tốc độ tăng 1,18%⁽⁵⁾ của thập kỷ trước, thì trong những năm tới hoặc mức sinh của Việt Nam tiếp tục giữ ở mức sinh thay thế như hiện nay, hoặc mức sinh thay thế của Việt Nam sẽ giảm trong những năm tới. Bởi những lý do sau:

(5) Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, <http://tongdieutradaso.vn/thong-cao-bao-chi-ket-qua-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019.html>, ngày 19-12-2019

(1) Trong 30 năm qua, mức sinh của Việt Nam đã giảm gần một nửa. Tổng tỷ suất sinh (TFR) giảm từ 3,8 con/phụ nữ vào năm 1989 xuống còn 2,1 con/phụ nữ vào năm 2019. Hiện nay, mức sinh của khu vực nông thôn cao hơn của khu vực thành thị và cao hơn mức sinh thay thế, TFR tương ứng là 2,26 con/phụ nữ và 1,83 con/phụ nữ. Khu vực trung du, miền núi phía bắc và Tây Nguyên là các vùng có mức sinh cao nhất cả nước, với TFR mỗi vùng là 2,43 con/phụ nữ. Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long là hai vùng có mức sinh thấp nhất cả nước, TFR tương ứng là 1,56 con/phụ nữ và 1,8 con/phụ nữ⁽⁶⁾. Nhưng xu hướng trong những năm tới của Việt Nam, khu vực thành thị sẽ tăng nhanh và theo xu hướng tăng dân số trong những năm qua (ở thành phố lớn, kinh tế phát triển thì mức sinh thay thế thấp trong khi đó một số vùng khó khăn thì mức sinh lại cao) thì mức sinh thay thế của Việt Nam sẽ tiếp tục giảm do tốc độ đô thị hóa tăng nhanh.

(2) Trong số các dân tộc có quy mô dân số trên 1 triệu người (Kinh, Tày, Thái, Khmer, Mường, Mông, Nùng), dân tộc Mông có mức sinh cao nhất. Nhưng trải qua ba thập kỷ vừa qua, mức sinh của các dân tộc này liên tục giảm, trong đó dân tộc Mông có mức sinh giảm nhiều nhất (năm 1989: 9,3 con/phụ nữ; năm 2009: 4,96 con/phụ nữ; năm 2019: 3,59 con/phụ nữ)⁽⁷⁾. Hiện nay, chênh lệch về mức sinh giữa các nhóm dân tộc đang có xu hướng tiếp tục giảm dần. Điều đó cho thấy, trong thời gian tới, xu hướng giảm dần mức sinh của các dân tộc này là tất yếu sẽ kéo theo mức sinh cả nước giảm theo.

(3) Kinh nghiệm của các nước trên thế giới cho thấy, xã hội càng phát triển thì xu hướng giảm dân số càng tăng. Hơn nữa, khi tốc độ giảm dân số sâu thì chưa có nước nào thành công trong việc đưa mức sinh trở lại với tỉ lệ sinh thay thế. Và với Việt Nam hiện nay, tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh, tỷ lệ người có trình độ đại học trở lên ngày càng nhiều, tầng lớp trung lưu phát triển, chiếm tỷ trọng cao dần trong xã hội,... là những yếu tố cho thấy, tốc độ tăng tỷ lệ sinh của Việt Nam sẽ còn giảm trong thời gian tới.

Những dẫn chứng trên cho thấy, với mức sinh như hiện nay, thì theo dự báo đến năm 2030, người cao tuổi ở Việt Nam sẽ chiếm 17% dân số, đến năm 2039, người cao tuổi sẽ chiếm 20% tổng dân số và tỷ lệ này tăng lên 25% vào năm 2049. Nếu mức sinh tiếp tục giảm thì đến năm 2049, Việt Nam không chỉ có 25% người cao tuổi mà có thể còn cao hơn.

(6) Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, <http://tongdieutradaso.vn/thong-cao-bao-chi-ket-qua-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019.html>, ngày 19-12-2019

(7) Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, <http://tongdieutradaso.vn/thong-cao-bao-chi-ket-qua-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019.html>, ngày 19-12-2019

3. Khuyến nghị chính sách

Con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Do đó, sự thay đổi về cơ cấu dân số (tuổi, giới tính, sức khỏe,...) sẽ tác động và ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Đảng và Nhà nước luôn quan tâm tới chính sách dân số và phát triển của nước ta. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng dự báo nước ta đang có, “Xu hướng già hoá dân số nhanh”⁽⁸⁾⁽⁸⁾. Theo đó, trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, Đảng ta khẳng định cần: “Xây dựng và thực thi có hiệu quả chính sách dân số và phát triển, tận dụng và phát huy lợi thế thời kỳ dân số vàng, đồng thời chuẩn bị điều kiện thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số, gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm mức tăng dân số hợp lý và cân bằng giới tính khi sinh”⁽⁹⁾⁽⁹⁾. Trên cơ sở quan điểm chỉ đạo của Đảng và xuất phát từ những vấn đề đặt ra từ một Việt Nam đang già hóa dân số nhanh, thời gian tới chính sách thích ứng với già hóa dân số cần tập trung vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, gắn chiến lược phát triển kinh tế - xã hội với vấn đề già hóa dân số và giải quyết vấn đề già hóa dân số trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Vấn đề già hóa dân số đang đặt ra một số thách thức đối với tăng trưởng kinh tế, ổn định, phát triển xã hội như đã phân tích ở trên. Vì vậy, trong thời gian tới, các chính sách về dân số ở Việt Nam phải được quan tâm, ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cũng phải dựa trên điều kiện dân số, cơ cấu dân số và chủ động: “thích ứng với quá trình già hóa dân số”⁽¹⁰⁾⁽¹⁰⁾ của nước ta. Việc quan tâm, chăm sóc, xây dựng chính sách đối với người cao tuổi là việc làm cần thiết, đó không chỉ là trách nhiệm của từng cá nhân, từng gia đình mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội, trong đó Đảng, Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc chỉ đạo, điều tiết các nguồn lực nhằm hỗ trợ tốt nhất cho người cao tuổi thực hiện các chức năng xã hội của mình. Theo đó, trước mắt, cần tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề dân số và già hóa dân số. Nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp; các chức sắc tôn giáo; những người có uy tín trong cộng đồng về thách thức

(8) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021, t. I, tr. 108

(9) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021, t. I, tr. 151

(10) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021, t. I, tr. 266

của quá trình già hóa dân số đối với phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong tương lai. Đồng thời, Nhà nước cần sớm ban hành những chính sách phù hợp với quá trình Việt Nam đang già hóa dân số trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.

Để các chính sách “thích ứng với quá trình già hóa dân số” sớm đi vào cuộc sống, cần thực hiện tốt công tác truyền thông, giáo dục để mọi người dân nhận thức được già hóa dân số vừa là kết quả của phát triển kinh tế - xã hội vừa là thách thức trong tương lai; Tuyên truyền về các chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; Khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Đặc biệt, cần tập trung tuyên truyền các giải pháp phát huy vai trò và lợi thế của người cao tuổi, qua đó tăng cơ hội việc làm cho người cao tuổi theo nhu cầu thị trường lao động. Truyền thông nâng cao nhận thức cho cộng đồng về những khó khăn, thách thức do già hóa dân số. Thực hiện Chương trình Hành động Quốc gia về người cao tuổi, Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản, Chiến lược Quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân... Cần thiết có thể xây dựng các chuyên trang, chuyên mục trên các phương tiện thông tin, báo, đài để tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về nghề người cao tuổi trong bối cảnh thích ứng với già hóa dân số.

Thứ hai, thực hiện tốt chính sách giữ vững mức sinh thay thế, đồng thời hoàn thiện hệ thống chính sách khuyến khích người cao tuổi còn sức khỏe tiếp tục tham gia lao động. Việt Nam đã đạt mức sinh thay thế và liên tục giữ vững tổng tỷ suất sinh trong hơn 10 năm qua. Tuy nhiên, trước thực tế mức sinh không đồng đều theo từng vùng, nhưng có xu hướng giảm trên cả nước và vấn đề già hóa dân số đang tăng nhanh. Vì thế, cần có chính sách can thiệp ngay, để giữ vững mức sinh thay thế như hiện nay, nhằm ổn định dân số, làm chậm quá trình già hóa. Đây là giải pháp hữu hiệu nhất đáp ứng nguồn lao động trong tương lai. Hơn nữa, việc giữ mức sinh hợp lý sẽ giúp cải thiện chất lượng dân số, tăng nguồn lao động chất lượng cao trong điều kiện cách mạng công nghiệp lần thứ tư, góp phần vào sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Đây cũng là mục tiêu quan trọng được nêu trong Nghị quyết số 21-NQ/TW, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Về công tác dân số trong tình hình mới”.

Bên cạnh đó, cần thực hiện tốt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 và Quyết định số 588/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Bởi trong bối cảnh mức

sinh giữa các vùng ở nước ta có sự chênh lệch lớn, thì việc thực hiện *Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030* là cần thiết. Chương trình đã đưa ra mục tiêu cụ thể với từng vùng có mức sinh khác nhau như: phấn đấu tăng mức sinh ở những địa phương đang có mức sinh thấp; giảm sinh ở nơi có mức sinh cao, duy trì mức sinh ở những nơi đã đạt mức sinh thay thế, sinh đủ 2 con ở những nơi có mức sinh thấp; nếu để mức sinh xuống quá thấp, chúng ta sẽ không có được cơ cấu dân số hợp lý, làm cho quá trình già hóa dân số của Việt Nam diễn ra nhanh hơn, thời kỳ cơ cấu dân số vàng cũng ngắn hơn. Đó là điều bất lợi trong việc đáp ứng nguồn lao động nhằm phát triển đất nước ở tương lai.

Ngoài ra cần thực hiện tốt một số chính sách như: (1) tăng tuổi nghỉ hưu để ứng phó với già hóa trong tương lai. Đây là chủ trương phù hợp với điều kiện của nước ta trong thời kỳ “dân số vàng”. Hơn nữa, tuổi thọ của người Việt Nam hiện đã được cải thiện tốt hơn, trong khi điều kiện lao động cũng được cải thiện đáng kể, người lao động cũng có xu hướng muốn kéo dài thời gian làm việc để tăng thu nhập và cải thiện lương hưu khi về già; (2) điều chỉnh mức đóng bảo hiểm xã hội. Có quy định rõ ràng về điều kiện thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tối thiểu để hưởng chế độ hưu trí theo hướng linh hoạt đồng thời với việc điều chỉnh cách tính lương hưu theo nguyên tắc đóng - hưởng, công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững. Có chính sách huy động các nguồn lực xã hội đóng thêm để các đối tượng người cao tuổi được hưởng mức trợ cấp xã hội cao hơn; điều chỉnh giảm dần độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội phù hợp với khả năng của ngân sách; (3) Phát huy vai trò của người cao tuổi theo hướng tạo điều kiện để người cao tuổi còn khả năng lao động được tham gia làm việc. Theo Báo cáo của Ủy ban Quốc gia Người cao tuổi, hiện Việt Nam có 44% người sau nghỉ hưu vẫn tiếp tục tham gia lao động, trong đó 80 tuổi có 10%. Đây cũng là nhu cầu chính đáng của người cao tuổi. Vì vậy, cần có chính sách khuyến khích người cao tuổi, đặc biệt là những người mới nghỉ hưu, họ là nguồn nhân lực quan trọng, giàu kinh nghiệm và vẫn có thể đóng góp vào sự phát triển của đất nước. Tìm kiếm việc làm mang lại thu nhập là điều không hề đơn giản đối với người cao tuổi. Vì vậy, thiết lập các trung tâm giới thiệu việc làm cho lao động cao tuổi để họ tiếp cận và nhận được sự hỗ trợ tìm việc làm; Đảm bảo môi trường làm việc thuận lợi và bình đẳng cho người cao tuổi; Tạo thuận lợi cho người cao tuổi tiếp cận vốn tín dụng để phục vụ kinh doanh.

Thứ ba, quan tâm nhiều hơn đến các chính sách y tế nhằm bảo vệ sức khỏe và an sinh xã hội cho người cao tuổi. Phát triển kinh tế - xã hội tạo tiền đề vững

chắc cho chăm sóc sức khỏe cộng đồng, ngược lại, chăm sóc sức khỏe cộng đồng tốt lại góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Vì vậy, đầu tư cho chăm sóc sức khỏe phải là một nhiệm vụ cơ bản, là động lực của quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Sức khỏe là vốn quý của mỗi con người và toàn xã hội, do đó, dịch vụ y tế công do Nhà nước cung cấp là dịch vụ xã hội đặc biệt, không vì mục tiêu lợi nhuận, đầu tư cho y tế là đầu tư cho phát triển. Theo đó, cần có một chương trình mục tiêu quốc gia toàn diện về chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội cho người cao tuổi. Đồng thời, thực hiện tốt chính sách y tế, an sinh xã hội cho người cao tuổi góp phần nâng cao chất lượng sức khỏe cho đối tượng này, giúp họ sống tốt hơn, khỏe mạnh hơn, ít bị bệnh tật, đời sống tinh thần của họ cũng được cải thiện, họ sẽ chủ động làm giảm đi những khó khăn về đời sống của mình, trên cơ sở đó làm giảm áp lực cho phát triển nền kinh tế trong tương lai, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam.□

BẢO VỆ NGƯỜI CAO TUỔI

THS, CVCC. NGUYỄN XUÂN LẬP

UVBTV Trưởng Ban Chăm sóc NCT

NGUỜI cao tuổi là nguyên khí quốc gia, là tấm gương cho gia đình, thôn bản, dòng họ và thế hệ trẻ noi theo. Chính vì vậy, việc bảo vệ chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi nhằm đoàn kết, tập hợp rộng rãi người cao tuổi, con cháu họ; sự chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp và tham gia tích cực của người dân càng khẳng định tuyên thống riêng có của dân tộc Việt Nam. Trong xu thế hội nhập và phát triển của toàn xã hội hiện nay, công tác bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi cần có những chuyển biến mạnh mẽ tích cực và thu được những kết quả ngày càng tốt hơn, góp thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về chính sách an sinh xã hội, đảm bảo không để ai bị bỏ lại phía sau.

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Già hóa dân số

Dân số thế giới hiện nay có gần 8 tỷ người, trong đó dân số Việt Nam gần 100 triệu người⁽¹⁾. Thế giới trong bối cảnh già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng. Ở Châu Á, các nước Đông nam Á như Việt Nam, Thái Lan có tốc độ già hóa rất nhanh chỉ từ 20 đến 25 năm. Các quốc gia trên thế giới đa số quy ước người cao tuổi là người có độ tuổi từ 65 trở lên. Tại Điều 2 Luật Người cao tuổi: “Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên”. Theo Quỹ dân số Liên hợp quốc (UNFPA), một nước sẽ bước vào giai đoạn “bắt đầu già” khi dân số người cao tuổi chiếm 10% tổng số dân và giai đoạn “già” khi người cao tuổi chiếm 20% tổng số dân, dân số siêu già trên 30%.

(1) Theo báo cáo của Bộ Công an, đến ngày 07-3-2023 Việt Nam có 16.179.824 người từ 60 tuổi trở lên.

Theo các báo cáo nghiên cứu, người cao tuổi Việt Nam đang trong bối cảnh già hóa nhanh, tỷ lệ người cao tuổi sẽ còn tiếp tục tăng nhanh về số lượng và tỷ trọng, đến năm 2030, tỷ lệ dân số trên 60 tuổi sẽ tăng lên khoảng 20% và đến năm 2050 là hơn 30%; tỷ lệ người cao tuổi trên 80 tuổi cũng sẽ tăng và đến 2050 chiếm khoảng 8% dân số. Điều này đặt ra thách thức lớn về an sinh xã hội, chăm sóc, bảo vệ người cao tuổi.

2. Quyền và nhân quyền về người cao tuổi

Người cao tuổi cần được hưởng các quyền và tự do căn bản của con người, bao gồm cả việc tôn trọng đầy đủ nhân phẩm, niềm tin, nhu cầu và cuộc sống riêng tư của họ, cũng như tôn trọng quyền được quyết định về việc chăm sóc và chất lượng cuộc sống của họ khi sống trong mọi môi trường nhà ở, cơ sở chăm sóc hay điều trị.

Với số lượng ngày càng đông đảo, người cao tuổi đã, đang và sẽ khẳng định vị trí, tầm quan trọng và ảnh hưởng của mình trong các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội của thế giới. Bảo vệ, chăm sóc người cao tuổi là một trong những việc làm thiết yếu để hướng tới xây dựng tương lai bền vững cho tất cả mọi người.

Tại Nghị quyết 45/106, ngày 14-12-1990, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã quyết định lấy ngày 1-10 hàng năm để kỷ niệm Ngày quốc tế Người cao tuổi. Việc công bố ngày kỷ niệm này theo đúng như Kế hoạch hành động quốc tế Vienna về người cao tuổi, được Đại hội thế giới về người cao tuổi thông qua năm 1982, Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua cùng trong năm này. Ngày quốc tế Người cao tuổi được kỷ niệm hàng năm nhằm nâng cao nhận thức về các vấn đề ảnh hưởng đến người cao tuổi, như quá trình lão hóa và việc lạm dụng người cao tuổi. Đây cũng đồng thời là dịp để đánh giá cao những đóng góp của người cao tuổi cho xã hội.

Đại Hội đồng Liên hợp quốc thông qua theo Nghị quyết 46/91, ngày 16-12-1991, đánh giá cao sự đóng góp của người cao tuổi cho xã hội, đồng thời khuyến nghị:

Ghi nhớ các chuẩn mực được nêu trong Kế hoạch hành động quốc tế về người cao tuổi và các công ước, khuyến nghị và nghị quyết của Tổ chức Lao động quốc tế, Tổ chức Y tế thế giới và các cơ quan khác của Liên hợp quốc; *Khuyến khích* các chính phủ lồng ghép những nguyên tắc dưới đây vào các chương trình quốc gia của mình trong điều kiện cho phép về 18 nội dung sau:

1. Người cao tuổi cần có đầy đủ lương thực, nước sạch, nhà ở, quần áo và dịch vụ chăm sóc sức khỏe thông qua việc chu cấp thu nhập, sự hỗ trợ của gia đình và cộng đồng và tự thân chăm sóc.
2. Người cao tuổi cần có cơ hội được làm việc và được tiếp cận các cơ hội tạo thu nhập khác.
3. Người cao tuổi cần có điều kiện tham gia quyết định về thời điểm và thời hạn rút khỏi lực lượng lao động.
4. Người cao tuổi cần được tiếp cận các chương trình giáo dục và đào tạo thích hợp.
5. Người cao tuổi cần có điều kiện được sống trong những môi trường an toàn và có thể thích ứng với những sở thích cá nhân và năng lực luôn thay đổi.
6. Người cao tuổi cần có điều kiện sống tại gia đình trong thời gian lâu nhất có thể được.
7. Người cao tuổi vẫn cần được hòa nhập vào xã hội, tích cực tham gia vào việc xây dựng và thực hiện các chính sách mà ảnh hưởng trực tiếp đến phúc lợi của họ và chia sẻ kiến thức cũng như kỹ năng với các thế hệ trẻ.
8. Người cao tuổi cần được tìm kiếm và tận dụng các cơ hội để phục vụ cộng đồng và làm tình nguyện viên trong các cương vị phù hợp với lợi ích và năng lực của họ.
9. Người cao tuổi cần được tạo dựng các phong trào hay lập hội người cao tuổi
10. Người cao tuổi cần được chăm sóc và bảo vệ từ gia đình và cộng đồng, phù hợp với hệ giá trị văn hóa của từng xã hội.
11. Người cao tuổi cần được chăm sóc sức khỏe để giúp họ duy trì và lấy lại mức độ tối đa về điều kiện thể chất, tinh thần và tình cảm, và để dự phòng hoặc làm chậm lại thời kỳ đi vào ốm đau.
12. Người cao tuổi cần được tiếp cận các dịch vụ xã hội và pháp lý để làm tăng tính tự chủ, việc bảo vệ và chăm sóc cho họ.
13. Người cao tuổi cần được sử dụng các mức độ chăm sóc phù hợp của các cơ sở nhằm đảm bảo việc bảo vệ, phục hồi, kích lệ về mặt xã hội và tinh thần trong một môi trường nhân văn và an ninh.

14. Người cao tuổi cần được hưởng các quyền và tự do căn bản của con người, bao gồm cả việc tôn trọng đầy đủ nhân phẩm, niềm tin, nhu cầu và cuộc sống riêng tư của họ, cũng như tôn trọng quyền được quyết định về việc chăm sóc và chất lượng cuộc sống của họ khi sống trong mọi môi trường nhà ở, cơ sở chăm sóc hay điều trị.

15. Người cao tuổi cần được theo đuổi các cơ hội để phát triển toàn diện tiềm năng của họ.

16. Người cao tuổi cần được tiếp cận các nguồn giáo dục, văn hóa, tinh thần và giải trí của xã hội.

17. Người cao tuổi cần được sống trong nhân phẩm và an ninh, không bị bóc lột, bị xâm hại về thể chất hoặc tinh thần.

18. Người cao tuổi cần được đối xử công bằng bất kể tuổi tác, giới tính, nguồn gốc chủng tộc hay tộc người, mức độ khuyết tật hay địa vị khác, và được trân trọng sự đóng góp độc lập về kinh tế của họ.

3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về người cao tuổi

Nhận thức rõ vai trò, vị thế và tầm quan trọng của người cao tuổi trong xã hội, thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và tạo điều kiện tốt nhất để người cao tuổi sống vui, sống khỏe, tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với quan điểm “toàn xã hội chăm sóc và phát huy vai trò của Người cao tuổi”. Đảng, Chính phủ đã ban hành chính sách, pháp luật liên quan đến người cao tuổi như:

3.1. Chính sách, pháp luật

a) *Chỉ đạo của Đảng về bảo vệ, chăm sóc người cao tuổi*- Chỉ thị số 59-CT/TU, Luật Người cao tuổi, các nghị định, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng về trợ giúp xã hội với người cao tuổi; các chương trình hành động quốc gia và Đề án nhân rộng Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau ...; Các bộ, ban, ngành đã ban hành nhiều thông tư, quyết định và chỉ đạo và hướng dẫn về việc thực hiện chính sách trợ cấp trợ giúp và phát huy vai trò người cao tuổi. Tại các địa phương với việc triển khai nghiêm túc, đồng bộ chính sách về người cao tuổi với các mục tiêu, chỉ tiêu và nội dung hoạt động cụ thể về người cao tuổi do đó vai trò, vị trí và đời sống vật chất, tinh thần của người cao tuổi càng được cải thiện.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng dự báo: “Xu hướng già hoá dân số nhanh” là một trong những thách thức lớn mà Việt Nam phải giải quyết; trong thời gian tới cần “chuẩn bị điều kiện thích ứng với già hoá dân số”.

Trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước không thể không chú trọng đến người cao tuổi và việc thích ứng với dân số già. An ninh con người là trung tâm để đảm bảo phát triển chính trị, xã hội, do đó, những chuẩn bị, điều chỉnh về chính sách, luật pháp, nhận thức, tâm lý xã hội và các điều kiện vật chất, kỹ thuật là cần thiết và quan trọng mà trước tiên là nâng cao nhận thức, nhìn nhận đúng vai trò và đóng góp của Người cao tuổi là một chủ thể tham gia tích cực vào sự phát triển xã hội, bảo vệ và xây dựng đất nước trong giai đoạn hiện nay

- Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, tập I, trang 271: “Bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế, tích cực chủ động xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi; bảo đảm 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm Y tế, được quản lý sức khỏe, khám, chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung. Đến năm 2030, khoảng 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội”.

b) Luật pháp

- Hiến Pháp năm 2013:

+ Khoản 3, Điều 37: “Người cao tuổi được Nhà nước, gia đình và xã hội tôn trọng, chăm sóc và phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

+ Khoản 2, Điều 59: “Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác”.

- Luật Người cao tuổi, các luật pháp liên quan: Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm, Luật Khám bệnh, chữa bệnh....

- Các nghị định, nghị quyết, quyết định, chỉ thị... của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Các thông tư, quyết định, chỉ thị... của các bộ, Bộ trưởng.

- Các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc và trực thuộc trung ương.

II. BẢO VỆ NGƯỜI CAO TUỔI

1. Chính sách, pháp luật cơ bản về bảo vệ người cao tuổi.

a) Luật Người cao tuổi

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của người cao tuổi

1. Người cao tuổi có các quyền sau đây:

- a) Được bảo đảm các nhu cầu cơ bản về ăn, mặc, ở, đi lại, chăm sóc sức khỏe;
- b) Quyết định sống chung với con, cháu hoặc sống riêng theo ý muốn;
- c) Được ưu tiên khi sử dụng các dịch vụ theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- d) Được tạo điều kiện tham gia hoạt động văn hoá, giáo dục, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch và nghỉ ngơi;
- đ) Được tạo điều kiện làm việc phù hợp với sức khỏe, nghề nghiệp và các điều kiện khác để phát huy vai trò người cao tuổi;
- e) Được miễn các khoản đóng góp cho các hoạt động xã hội, trừ trường hợp tự nguyện đóng góp;
- g) Được ưu tiên nhận tiền, hiện vật cứu trợ, chăm sóc sức khỏe và chỗ ở nhằm khắc phục khó khăn ban đầu khi gặp khó khăn do hậu quả thiên tai hoặc rủi ro bất khả kháng khác;
- h) Được tham gia Hội Người cao tuổi Việt Nam theo quy định của Điều lệ Hội;
- i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Luật Người cao tuổi

1. Lăng mạ, ngược đãi, xúc phạm, hành hạ, phân biệt đối xử đối với người cao tuổi.
2. Xâm phạm, cản trở người cao tuổi thực hiện quyền về hôn nhân, quyền về sở hữu tài sản và các quyền hợp pháp khác.

3. Không thực hiện nghĩa vụ phụng dưỡng người cao tuổi.
4. Lợi dụng việc chăm sóc, phụng dưỡng người cao tuổi để vụ lợi.
5. Ép buộc người cao tuổi lao động hoặc làm những việc trái với quy định của pháp luật.
6. Ép buộc, kích động, xúi giục, giúp người khác thực hiện hành vi vi phạm pháp luật đối với người cao tuổi.
7. Trả thù, đe dọa người giúp đỡ người cao tuổi, người phát hiện, báo tin ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật đối với người cao tuổi.

b). Luật Hình sự

Điều 185. Luật Hình sự: Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình:

1. Người nào đối xử tồi tệ hoặc có hành vi bạo lực xâm phạm thân thể ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Thường xuyên làm cho nạn nhân bị đau đớn về thể xác, tinh thần;

b) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu;

b) Đối với người khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng hoặc người mắc bệnh hiểm nghèo.”

c) Luật Hôn nhân và gia đình

Điều 71. Nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng

2. Con có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, đặc biệt khi cha mẹ mất năng lực hành vi dân sự, ốm đau, già yếu, khuyết tật; trường hợp gia đình có nhiều con thì các con phải cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ.

Điều 104. Quyền, nghĩa vụ của ông bà nội, ông bà ngoại và cháu

2. Cháu có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà nội, ông bà ngoại; trường hợp ông bà nội, ông bà ngoại không có con để nuôi dưỡng mình thì cháu đã thành niên có nghĩa vụ nuôi dưỡng.

d) Các chính sách pháp luật liên quan

- Bộ luật Lao động;
- Luật Bảo hiểm xã hội;
- Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
- Luật Phòng chống bạo lực gia đình;
- Luật Việc làm;
- Luật Bình đẳng giới...

đ) Khuyến nghị quốc tế về bảo vệ người cao tuổi

Ngày 15-6 hàng năm là Ngày thế giới phòng chống ngược đãi người cao tuổi hay là ngày thế giới nhận thức về ngược đãi người cao tuổi (World Elder Abuse Awareness Day), ngày này được mạng lưới quốc tế về phòng chống ngược đãi người cao tuổi và Tổ chức Y tế Thế giới thuộc Liên hợp quốc khởi xướng vào năm 2006. Từ đó hàng năm, các quốc gia thành viên của các tổ chức về người cao tuổi đều có các hoạt động tuyên truyền để nâng cao nhận thức của xã hội và cộng đồng về phòng chống ngược đãi người cao tuổi.

2. Bảo vệ người cao tuổi bằng thực hiện tốt chăm sóc người cao tuổi

Gồm 06 nội dung chăm sóc như sau:

2.1. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 2.2. Chăm sóc tinh thần cho người cao tuổi (văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, du lịch,...)

2.3. Chúc thọ, mừng thọ, tang lễ cho người cao tuổi 2.4. Trợ giúp xã hội với người cao tuổi 2.5. Quỹ Chăm sóc người cao tuổi 2.6. Tổ chức Tháng hành động vì người cao tuổi.

3. Bảo vệ người cao tuổi thông qua phát huy vai trò người cao tuổi

- Người cao tuổi tham gia xây dựng hệ thống chính trị;
- Người cao tuổi tham gia phong trào xây dựng bảo vệ an ninh Tổ quốc;
- Người cao tuổi tham gia xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng nông thôn mới;

- Người cao tuổi tham gia phong trào khuyến học, khuyến tài;
- Người cao tuổi tham gia chống biến đổi khí hậu, xử lý rác thải bảo vệ môi trường...

4. Công tác trợ giúp pháp lý bảo vệ người cao tuổi.

4.1. Công tác tuyên truyền, phổ biến trợ giúp pháp lý bảo vệ người cao tuổi.

Các cơ quan thông tin đại chúng: phát sóng thông điệp về trợ giúp pháp lý, xây dựng, phát sóng phóng sự về công tác trợ giúp pháp lý, truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý... Các hoạt động truyền thông về trợ giúp pháp lý thu hút được sự quan tâm, phản hồi rất tích cực từ phía người dân và các cơ quan chức năng.

4.2. Hoạt động trợ giúp pháp lý bảo vệ người cao tuổi.

Thực hiện Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC, ngày 29-6-2018, liên ngành Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành tổ chức phiên tòa trực tuyến (Thông tư liên tịch số 05);

Chương trình phối hợp số 1603/CTPH-BTP-TANDTC, ngày 19-5-2022, giữa Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao về người thực hiện trợ giúp pháp lý trực tại Tòa án nhân dân... Các văn bản này giúp cho các tổ chức trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý kịp thời cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí, quyền, lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý kịp thời được bảo vệ, đồng thời, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật. Đồng thời cần phối hợp đồng bộ với: Hội Người cao tuổi Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam... Để huy động tổng lực các các nguồn lực xã hội tham gia trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý nói chung và người cao tuổi nói riêng.

5. Đánh giá về công tác bảo vệ người cao tuổi thời gian qua.

5.1. Thuận lợi

- Người cao tuổi, trong đó người cao tuổi Việt Nam ngày càng được quan tâm, tạo điều kiện tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý của nhà nước, kể cả các trợ giúp pháp lý miễn phí.

- Công tác trợ giúp pháp lý bảo vệ người cao tuổi đã được hệ thống tổ chức trợ giúp pháp lý từ trung ương đến địa phương, các cơ quan có liên quan, đặc biệt là cơ quan tiến hành tố tụng quan tâm, triển khai thực hiện.

- Quan hệ phối hợp công tác giữa các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý ở địa phương và các cấp Hội Người cao tuổi, Ban đại diện Hội Người cao tuổi tiếp tục được tăng cường và phát huy hiệu quả trên nguyên tắc tạo điều kiện thuận lợi để cùng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

5.2. Hạn chế

- Xu thế già hóa tăng nhanh; kinh tế xã hội phát triển phát sinh nhiều thay đổi trong quan hệ truyền thống; cư xử về đạo đức, lợi ích... ảnh hưởng đến việc triển khai các hoạt động truyền thông, thực hiện trợ giúp pháp lý,... cho các đối tượng được trợ giúp pháp lý nói chung, cho người cao tuổi nói riêng.

- Công tác truyền thông trợ giúp pháp lý người cao tuổi ở các địa phương chưa đồng đều; vẫn còn trường hợp người dân, đặc biệt là người cao tuổi chưa biết đến quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí khi có vướng mắc pháp luật.

- Vẫn còn thực tế là một số cán bộ, người thực hiện trợ giúp pháp lý chưa có nhiều kỹ năng và kinh nghiệm về giải quyết các vụ việc trợ giúp pháp lý liên quan đến người cao tuổi.

- Sự quan tâm, phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành về trợ giúp pháp lý đề bảo vệ người cao tuổi hiệu quả chưa cao còn hình thức; các cấp Hội người cao tuổi chưa thật sự chủ động đổi mới phương thức hoạt động, đề xuất, kiến nghị các biện pháp, chính sách hỗ trợ cho hoạt động trợ giúp pháp lý; chưa phát huy tối đa vai trò là cầu nối giữa các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý với người cao tuổi.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong công tác người cao tuổi nói chung và công tác bảo vệ chăm sóc người cao tuổi nói riêng, cũng phải chỉ ra rằng, một số cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ sở chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, vị trí của người cao tuổi trong xu thế già hóa dân số và trách nhiệm của mình trong thực hiện các quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với người cao tuổi. Thời gian tới, đối với công tác người cao tuổi cần thiết phải nâng cao nhận thức, nhìn nhận đúng vai trò, vị trí và đóng góp của người cao tuổi là một chủ thể tích cực tham gia vào sự phát triển xã hội, bảo vệ và xây dựng đất nước; từ đó có những điều chỉnh hợp lý, hoàn thiện kịp thời về chính sách, pháp luật trong bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi như sau:

Một là, tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về người cao tuổi; qui định cụ thể về chính sách an sinh xã hội nói chung và chính sách trợ giúp pháp lý, trợ cấp xã hội đối với Người cao, Đặc biệt là bảo vệ người cao tuổi trong phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp; có chế tài xử lý nghiêm các hành vi vi phạm các quyền của người cao tuổi; Chính sách, pháp luật được tiến hành theo tinh thần xã hội hoá, đề cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong hoạt động bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò Người cao tuổi với định hướng: “Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển... Thực hiện các chính sách xã hội là hướng vào phát triển và lành mạnh hoá xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội”.

Hai là, đổi mới về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các cơ sở trợ giúp xã hội (Trung tâm công tác xã hội, cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc Người cao tuổi, cơ sở trợ giúp pháp lý, cơ sở dưỡng lão, Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau, câu lạc bộ dưỡng sinh, các hoạt động văn hóa thể thao đối với người cao tuổi... theo hướng phát triển dịch vụ công tác xã hội chuyên nghiệp và xã hội hóa chăm sóc người cao tuổi.

Ba là, tăng cường hợp tác quốc tế song phương, đa phương với các quốc gia, tổ chức phi chính phủ trên cả 3 lĩnh vực: kỹ thuật, chuyên gia và tài chính, qua đó nhằm tạo ra ngày càng nhiều phương pháp tiếp cận mới, kinh nghiệm hay, nguồn lực và các chuyên gia giỏi phục vụ cho công tác nghiên cứu xây dựng, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống chính sách và các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi; tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách người cao tuổi. □

TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI CAO TUỔI - HƯỚNG ĐI CHO VẤN ĐỀ GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM

PHẠM VIỆT DŨNG

Vụ trưởng, Trưởng Ban Kinh tế, Tạp chí Cộng sản

VẤN đề hướng nghiệp, đào tạo nghề, tạo việc làm cho người cao tuổi, đặc biệt là trong bối cảnh Việt Nam bước vào giai đoạn già hóa dân số hiện nay, được đặt ra như một nhiệm vụ cấp bách, vừa bảo đảm quyền làm việc, đóng góp cho xã hội của người cao tuổi, vừa tận dụng được kinh nghiệm và chất xám của lực lượng lao động đặc biệt này, góp phần bảo đảm mục tiêu an sinh xã hội của đất nước.

Kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới

Trong một báo cáo công bố vào đầu năm 2023, Ủy ban các vấn đề kinh tế và xã hội của Liên hợp quốc xác định, “già hóa dân số” là một xu hướng mang tính toàn cầu. Con người sống lâu hơn nhờ những bước tiến vượt bậc về y tế, điều trị y khoa, tiếp cận giáo dục và giảm tỷ lệ sinh. Ước tính thế giới hiện có trên 761 triệu người từ 65 tuổi trở lên, con số này dự kiến tăng lên 1,6 tỷ người vào năm 2050. Số người từ 80 tuổi trở lên trên thế giới cũng tăng nhanh chóng.

Về nhu cầu làm việc, các chuyên gia kinh tế lao động cho rằng, khi nói đến khởi nghiệp nhiều người chỉ nghĩ đến thanh niên hoặc người trung tuổi. Thực tế, tại nhiều quốc gia, như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc..., vấn đề người cao tuổi (NCT) khởi nghiệp là lĩnh vực luôn được quan tâm, khi cho rằng nhóm NCT là nguồn lực của quốc gia. Thực tế có rất nhiều NCT còn sức khỏe, nhất là từ tuổi 60 đến 75, họ vẫn mong muốn tiếp tục cống hiến, được tạo điều kiện, nhưng chưa được đáp ứng. Vì vậy, cần nhận thức người cao tuổi là nguồn lực cho sự phát triển, cần quan tâm tạo cơ chế, chính sách để thu hút, khai thác nguồn lực NCT một cách hiệu quả.

Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc là những quốc gia đang đối mặt với những thách thức rất lớn từ già hóa dân số. Các nước này đã triển khai nhiều giải pháp để đối phó với thách thức này, trong đó có giải quyết việc làm cho NCT.

- Nhật Bản

Ở Nhật Bản, tình trạng già hóa dân số được ví như “con sóng thần màu xám”. Hơn lúc nào hết, Nhật Bản đang cảm nhận rõ tác động của già hóa dân số đối với vị thế của nước này trên bản đồ kinh tế thế giới. Cảm nhận nguy cơ này, từ hơn 40 năm trước, quốc gia này đã xây dựng một hệ thống giới thiệu việc làm cho NCT từ cấp thôn, xã cho tới thành phố. Từ năm 1986, chính phủ Nhật Bản đã thiết lập 1.300 trung tâm giới thiệu việc làm trên cả nước và chỉ thu một khoản phí rất nhỏ từ những người đăng ký tìm việc. Nhiệm vụ của các trung tâm này là giới thiệu những công việc đơn giản, giờ làm việc ngắn cho những NCT sống trong khu vực và có trách nhiệm đóng tiền bảo hiểm cho các hội viên. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương cũng sẽ thuê lao động cao tuổi làm các công việc phù hợp, như: điều tiết giao thông, bảo đảm an toàn cho học sinh trong khung giờ đi và về, dọn vườn, cắt cỏ, trồng cây... với thu nhập trung bình mỗi người khoảng 400USD/tháng.

Quốc hội Nhật Bản thông qua bộ luật ổn định việc làm cho NCT vào năm 2013. Luật này yêu cầu mọi doanh nghiệp áp dụng tuổi về hưu không trẻ hơn 60, đồng thời phải thực hiện một trong 3 biện pháp: (1) xây dựng chế độ tuổi về hưu là 65; (2) có biện pháp duy trì việc làm đến 65 tuổi và (3) bãi bỏ chế độ về hưu. Bên cạnh đó, chính phủ trợ cấp cho các doanh nghiệp tuyển dụng NCT thông qua các trung tâm nhà nước về ổn định việc làm, cũng như cho những doanh nghiệp có chế độ bảo đảm việc làm cho nhân viên tuổi 65. Đến nay, phần lớn doanh nghiệp Nhật Bản đều đã xây dựng chế độ làm việc đến 65 tuổi.

Đến nay, số lượng các công ty thay đổi chính sách cho phép tuyển dụng người trên 70 tuổi đã đạt mức 50.000 công ty vào năm 2020. Theo ước tính, hiện có khoảng 675.000 người trên 70 tuổi đang có việc làm, gấp đôi so với 4 năm trước. Theo Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản, tỷ lệ các công ty có chính sách sử dụng người lao động từ 70 tuổi trở lên đã tăng hơn gấp đôi trong 10 năm, tính đến năm 2022, lên mức 39%.

- Hàn Quốc

Hàn Quốc bắt đầu bước vào giai đoạn già hóa dân số vào năm 2000, tuổi thọ của dân số tăng lên kéo theo độ tuổi làm việc cũng tăng lên, có nhiều cơ quan

thực hiện chương trình đối với vấn đề này. Tuy nhiên, một thực tế là, NCT chuyển chỗ làm việc hoặc tìm việc làm mới rất khó khăn vì khả năng thích nghi công việc mới cùng với các kỹ năng mới kém hơn người trẻ tuổi. Do đó, Quỹ lao động Hàn Quốc có “Văn phòng hy vọng” ở 12 tỉnh với 130 người và 90 tư vấn tìm việc làm sẵn sàng giúp đỡ NCT.

Chương trình “Màn hai cuộc đời” để dành cho NCT ngay từ khi sắp nghỉ hưu và thôi việc giúp họ tìm việc làm, thực hiện các hoạt động về tư vấn, hỗ trợ để họ giảm căng thẳng, bất an khi nghỉ việc; thiết kế kế hoạch khi về già, giúp họ nhận thức đúng những vấn đề cần phải chuẩn bị, đánh giá chính xác khả năng của mình, mỗi học viên phải tự xây dựng hoạt động và kế hoạch cho mình. Chương trình còn hỗ trợ về sức khỏe và các quan hệ cần thiết. Chương trình thực hiện các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, sàn giao dịch việc làm và ngày hội việc làm cho người cao tuổi. Chương trình vận động các doanh nghiệp để nhận người già tham gia làm việc và doanh nghiệp được hỗ trợ kinh phí 5.000 USD nếu nhận một người già vào làm việc.

Đồng thời, Quỹ Lao động Hàn Quốc còn có Chương trình “Đứng lên trở lại” để hỗ trợ cho người nghỉ việc trên 40 tuổi, giúp họ kỹ năng tìm việc và thích ứng việc làm mới, tập huấn cho họ từ 3-4 hoặc 5 ngày (vì họ có thời gian dài hơn) với nhiều hình thức tập thể, nhóm, cá nhân. Quỹ hình thành các câu lạc bộ tìm việc ở từng lĩnh vực để họ giúp nhau chia sẻ thông tin, hỗ trợ nhau tìm việc làm... Quỹ cũng hỗ trợ kinh phí và phát hành các tài liệu chia sẻ kinh nghiệm các hoạt động thành công.

- Trung Quốc

Theo kết quả tổng điều tra dân số gần đây, Trung Quốc có tới 264 triệu người từ 60 tuổi trở lên, chiếm 18,7% tổng dân số; trong đó có 190 triệu người từ 65 tuổi trở lên, chiếm 13,5% tổng dân số. Dự kiến trong giai đoạn 5 năm tới, số NCT ở Trung Quốc sẽ vượt 300 triệu. Liên hợp quốc từng dự báo, với đà này, đến năm 2050, hơn một nửa dân số Trung Quốc sẽ ở độ tuổi từ 50 trở lên, già hóa dân số trở thành vấn đề hết sức cấp bách đối với xã hội Trung Quốc.

Trung Quốc, giống như nhiều quốc gia khác, đang phải đối mặt với một dự đoán gia tăng NCT trong dân số. Điều này đặt ra một loạt thách thức và cơ hội trong việc tạo việc làm cho NCT. Dưới đây là một số kinh nghiệm và các biện pháp Trung Quốc đã áp dụng:

Trung Quốc thúc đẩy các chương trình đào tạo và tái đào tạo cho NCT nhằm giúp họ cập nhật và phát triển kỹ năng mới. Điều này giúp họ dễ dàng hơn trong việc tham gia vào lực lượng lao động hoặc tìm kiếm công việc phù hợp. Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện các chính sách ưu đãi thuế và tài chính để khuyến khích doanh nghiệp tuyển dụng NCT. Các doanh nghiệp có thể được hỗ trợ tài chính để tạo ra cơ hội việc làm cho những người này.

Ngoài ra, Trung Quốc thúc đẩy các mô hình công việc linh hoạt như làm việc bán thời gian hoặc làm việc từ xa. Điều này giúp NCT có thể duy trì tính linh hoạt trong lực lượng lao động.

Bên cạnh đó, Trung Quốc đã đầu tư vào các chương trình xã hội như chăm sóc sức khỏe và phúc lợi cho NCT để đảm bảo họ có sự hỗ trợ cần thiết. Trung Quốc cũng khuyến khích NCT kết hợp công việc với học tập, cho phép họ tiếp tục phát triển kiến thức và kỹ năng mới.

Bài học rút ra cho Việt Nam

Tạo việc làm cho NCT là một thách thức lớn, quan trọng, nhiều quốc gia trên khắp thế giới đã phát triển các chương trình và chính sách nhằm hỗ trợ NCT trong việc tìm kiếm công việc hoặc khám phá các cơ hội làm việc mới. Qua khảo sát 3 quốc gia Đông Bắc Á trên có thể rút ra một số kinh nghiệm liên quan đến việc tạo việc làm cho NCT ở Việt Nam:

Chương trình đào tạo và tái đào tạo: Nhiều quốc gia đã đầu tư vào chương trình đào tạo và tái đào tạo dành riêng cho NCT. Điều này giúp họ học các kỹ năng mới để phù hợp với các công việc hiện đại và thách thức của thị trường lao động.

Khuyến khích các doanh nghiệp tuyển dụng người cao tuổi: Các chính phủ và tổ chức xã hội thường khuyến khích doanh nghiệp tuyển dụng NCT thông qua các chính sách ưu đãi thuế hoặc hỗ trợ tài chính.

Sáng tạo trong công việc: Một số NCT có thể thúc đẩy sáng tạo trong việc tạo dựng công việc của riêng họ bằng cách bắt đầu kinh doanh nhỏ hoặc cung cấp dịch vụ tư vấn dựa trên kinh nghiệm của họ. Một số người cao tuổi có thể tìm kiếm cơ hội làm việc tự do nghề nghiệp, như viết lách, nghệ thuật, hoặc tư vấn. Internet đã mở ra nhiều cơ hội trong lĩnh vực này. Đồng thời, các tổ chức phi chính phủ và phi lợi nhuận cũng có thể đóng vai trò quan trọng trong việc tạo việc làm cho NCT bằng cách tạo ra các chương trình và dự án đặc biệt dành cho họ.

Chính sách bảo vệ và quyền lợi: Chính phủ thường cần có chính sách bảo vệ quyền lợi của người lao động cao tuổi, bao gồm cả chính sách về nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội, và các quyền khác liên quan đến sức khỏe, công việc. Cho phép NCT làm việc bán thời gian hoặc linh hoạt có thể giúp họ duy trì sự linh hoạt và tích cực tham gia vào lực lượng lao động.

Hỗ trợ tâm lý và tư duy: Tìm hiểu cách quản lý stress và tạo môi trường tinh thần tích cực để giúp NCT tự tin hơn trong việc tìm kiếm và giữ lại công việc.

Việc tạo việc làm cho NCT cần phải xem xét các yếu tố địa phương, văn hóa, và pháp luật. Hỗ trợ NCT trong tìm kiếm công việc không chỉ là một vấn đề xã hội quan trọng mà còn có thể tạo ra lợi ích kinh tế và xã hội rất lớn cho một quốc gia.

Thực trạng ở Việt Nam và một số khuyến nghị chính sách

Hiện Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa nhanh trên thế giới. Dự báo, đến năm 2038, nhóm NCT ở Việt Nam chiếm khoảng 20% dân số. Đến năm 2050, Việt Nam sẽ tương đương với các nước có dân số già nhất, như Nhật Bản, Hàn Quốc.

Trong khi đó, theo báo cáo của Diễn đàn sinh kế và khởi nghiệp đối với Người cao tuổi năm 2020, phần lớn NCT nước ta có cuộc sống khó khăn, thu nhập thấp, không ổn định hoặc không có thu nhập, sống phụ thuộc vào con cháu. Trong đó, khoảng 70% NCT ở Việt Nam sống tại khu vực nông thôn là nông dân và làm nông nghiệp; trên 70% NCT không có tích lũy vật chất và chỉ có chưa đầy 30% NCT sống bằng lương hưu hay trợ cấp. Tỷ lệ NCT thuộc hộ nghèo cao (khoảng hơn 20%).

Thực trạng việc làm của người cao tuổi ở Việt Nam có những đặc điểm và thách thức riêng biệt. Dưới đây là một số điểm chính về thực trạng này:

Tỷ lệ người cao tuổi tại Việt Nam đang gia tăng: Dân số Việt Nam đang trải qua quá trình già hóa, với một tỷ lệ NCT ngày càng tăng. Điều này tạo ra nhu cầu tạo việc làm và cung cấp các dịch vụ xã hội cho NCT.

Người cao tuổi thường gặp khó khăn trong tìm việc làm mới: Người cao tuổi thường gặp khó khăn khi tìm kiếm việc làm mới vì họ thường không cập nhật được kỹ năng và kiến thức mới nhất. Nhiều công ty ưu tiên tuyển dụng những người trẻ hơn vì họ coi độ tuổi là một yếu tố quan trọng trong việc phát triển sự nghiệp.

Lao động người cao tuổi thường làm việc trong ngành, nghề truyền thống: Nhiều NCT tiếp tục làm việc trong các ngành, nghề truyền thống như nông nghiệp hoặc thủ công, với thu nhập thấp và điều kiện làm việc không bảo đảm.

Nhiều người cao tuổi phải tiếp tục làm việc vì tài chính không bảo đảm: Một số NCT không thể nghỉ hưu vì họ không có đủ tiền tiết kiệm hoặc hưởng lương hưu đủ để duy trì cuộc sống hàng ngày.

Sự thiếu hiểu biết về quyền lợi của người cao tuổi: Một số NCT không biết về các quyền lợi mà họ có thể được hưởng, chẳng hạn như bảo hiểm xã hội hoặc các chính sách hỗ trợ xã hội.

Chính sách hỗ trợ cần cải thiện: Mặc dù có các chính sách về hỗ trợ NCT, nhưng cần cải thiện để bảo đảm rằng họ nhận được các quyền lợi và dịch vụ cần thiết.

Sự cần thiết của công việc linh hoạt: Người cao tuổi thường có nhu cầu về công việc linh hoạt, như làm việc bán thời gian hoặc làm việc từ xa để có thể quản lý thời gian và sức khỏe cá nhân.

Tâm nhìn xã hội về người cao tuổi cần thay đổi: Có sự cần thiết trong việc thay đổi tâm nhìn xã hội về NCT và thúc đẩy sự đóng góp của họ vào xã hội và nền kinh tế.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng dự báo “Xu hướng già hoá dân số nhanh”⁽¹⁾ là một trong những thách thức lớn mà Việt Nam phải giải quyết; trong thời gian tới cần “chuẩn bị điều kiện thích ứng với già hoá dân số”⁽²⁾.

Quán triệt quan điểm và định hướng trong Văn kiện Đại hội XIII, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của nước ta trong thời gian tới cần phải tính đến những nhiệm vụ, giải pháp, điều kiện thích ứng với dân số già, chuẩn bị cho một xã hội có dân số già, cả về phương diện chính sách, luật pháp, cơ sở vật chất, kỹ thuật và tâm lý xã hội.

Về quan điểm, cần nhận thức rằng, không phải tất cả NCT đều gắn với suy giảm thể chất, tinh thần và năng lực, mà trong thực tế, có nhiều NCT - đặc biệt là trong độ tuổi 60 đến 75 tuổi - vẫn có sức khỏe dồi dào, năng lực làm việc tốt,

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, t. 1, Hà Nội, 2021, tr. 108

(2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. I, tr. 151

có kinh nghiệm, có nhiều khả năng đóng góp, cống hiến cho cộng đồng và xã hội. Do đó, cần quan tâm tạo dựng cho họ môi trường làm việc phù hợp, từ đó phát huy khả năng đóng góp của NCT cho xã hội. Các chính sách tạo việc làm, thu nhập cho NCT cần được thiết kế có tính đặc thù, tận dụng được tiềm năng, thể mạnh của họ và bao quát được nhiều đối tượng thụ hưởng.

Trên cơ sở quan điểm trên và kinh nghiệm rút ra từ những quốc gia đi trước, xin đề xuất một số khuyến nghị sau:

Thứ nhất, cần thay đổi nhận thức về việc NCT tham gia lao động để tạo điều kiện cho họ tham gia thị trường lao động, vừa đem lại niềm vui, sức khỏe và đóng góp vào cho xã hội; thay đổi nhận thức của xã hội về việc NCT có thể tham gia vào thị trường lao động ở những công việc phù hợp với thể trạng và sức khỏe; thay đổi nhận thức của doanh nghiệp về sự tham gia của lực lượng NCT vào thị trường lao động.

Thứ hai, triển khai các mô hình đào tạo tại chỗ, bảo đảm các lao động có đủ khả năng và nhu cầu được tham gia đào tạo nghề, các chương trình đào tạo phù hợp với điều kiện, khả năng tiếp thu của từng nhóm lao động cao tuổi; xây dựng chương trình, dự án đào tạo hỗ trợ về chuyển đổi nghề hoặc nâng cao năng lực cho lao động NCT; tổ chức đào tạo kỹ năng cơ bản về sử dụng máy tính, các phần mềm ứng dụng trong các nhóm nghề đặc thù để người cao tuổi có thể tìm và đảm nhiệm được công việc trong bối cảnh chuyển đổi số...

Thứ ba, có chương trình hỗ trợ lao động cao tuổi phát triển kinh tế hộ gia đình, khởi nghiệp sản xuất - kinh doanh, tự tạo việc làm cho bản thân và những người cao tuổi khác; có cơ chế cho vay với lãi suất ưu đãi đối với các dự án có khả năng tạo việc làm cho người cao tuổi.

Việc tạo cơ hội việc làm và cải thiện quyền lợi của NCT là một thách thức quan trọng đối với chính phủ và xã hội Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh dân số ngày càng già hóa. Cần có sự hợp tác giữa chính phủ, doanh nghiệp và tổ chức xã hội để giải quyết các vấn đề này và tạo một môi trường thuận lợi cho NCT tham gia vào lực lượng lao động và cuộc sống xã hội. □

ĐÀO TẠO NGHỀ, TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI CAO TUỔI TRONG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ

THS. ĐÀO TRỌNG ĐỘ

*Vụ trưởng Vụ Đào tạo thường xuyên,
Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp*

VIỆT NAM là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa nhanh trên thế giới. Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách để phát huy vai trò người cao tuổi, trong đó có chính sách về đào tạo nghề, tạo việc làm. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác đào tạo nghề, tạo việc làm cho người cao tuổi còn không ít hạn chế, đòi hỏi cần có những giải pháp phù hợp hơn để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo nghề cho người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số hiện nay.

Đặt vấn đề

Việt Nam là một trong số những quốc gia có tốc độ già hóa nhanh trên thế giới. Dự báo, nước ta sẽ chỉ mất khoảng 20 năm để tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên tăng từ 7% lên 14% tổng dân số, thậm chí, đến năm 2038, nhóm cao tuổi ở Việt Nam sẽ chiếm đến 20% tổng dân số. Dự báo, người từ 75 tuổi trở lên sẽ tăng gấp đôi, đạt 5 triệu người vào năm 2035. Đến năm 2050, Việt Nam sẽ tương đương với các nước có dân số già nhất như Nhật Bản, Hàn Quốc.

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019: Tại Việt Nam, sự biến đổi về cơ cấu tuổi của dân số theo xu hướng tỷ trọng của trẻ em dưới 15 tuổi giảm và tỷ trọng của dân số từ 60 tuổi trở lên tăng đã làm cho chỉ số già hóa có xu hướng tăng lên nhanh chóng trong hai thập niên qua. Chỉ số già hóa năm 2019 là 48,8%, tăng 13,3 điểm phần trăm so với năm 2009 và tăng hơn hai lần so với năm 1999. Theo dự báo tỷ lệ người cao tuổi sẽ tăng lên 16,66% vào năm 2029 và lên 26,10% vào năm 2049.

Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam là 73,6 tuổi. Người cao tuổi hiện đã sống thọ, khỏe mạnh hơn. Rất nhiều người được đào tạo bài bản nên có trình độ cao, có nhu cầu làm việc, cống hiến, sáng tạo; đồng thời, cũng có một nhóm người cao tuổi có nhu cầu lao động để có thêm thu nhập, ổn định cuộc sống và chứng tỏ mình vẫn còn có thể làm việc có ích cho xã hội. Do đó, chính sách đào tạo nghề và chính sách việc làm có vai trò rất quan trọng trong việc phát huy vai trò của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số hiện nay.

Chính sách đào tạo nghề, việc làm cho người cao tuổi

Để phát huy vai trò của người cao tuổi, những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về đào tạo nghề, tạo việc làm cho người cao tuổi. Nhờ đó, người cao tuổi đã và đang từng bước phát huy khả năng, thể mạnh, tích cực lao động, sản xuất, tạo ra của cải vật chất, cải thiện đời sống gia đình và tham gia đóng góp cho quê hương, đất nước.

Hiến pháp năm 2013 có quy định: “Người cao tuổi được Nhà nước, gia đình và xã hội tôn trọng, chăm sóc và phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Luật Lao động năm 2019 quy định: “Người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao và một số trường hợp đặc biệt có thể nghỉ hưu ở tuổi cao hơn nhưng không quá 5 tuổi so với quy định tại khoản 2 Điều này tại thời điểm nghỉ hưu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”. Luật Lao động cũng có những điều, khoản quy định người lao động sử dụng lao động cao tuổi, như khuyến khích sử dụng người lao động cao tuổi làm việc phù hợp với sức khỏe để bảo đảm quyền lao động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực.

Luật Người cao tuổi có những điều khoản cụ thể quy định về việc làm, vay ưu đãi vốn tín dụng đối với người cao tuổi: Được tạo điều kiện làm việc phù hợp với sức khỏe, nghề nghiệp và các điều kiện khác để phát huy vai trò người cao tuổi; được miễn các khoản đóng góp cho các hoạt động xã hội, trừ trường hợp tự nguyện đóng góp; Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để người cao tuổi phát huy trí tuệ kinh nghiệm quý và phẩm chất tốt đẹp trong phát triển kinh tế, giảm nghèo, làm giàu hợp pháp; tạo điều kiện để người cao tuổi là nhà khoa học, nghệ nhân và những người cao tuổi khác có kỹ năng, kinh nghiệm đặc biệt, có nguyện vọng được tiếp tục cống hiến; ưu đãi về vốn tín dụng đối với người cao tuổi trực tiếp sản xuất, kinh doanh tăng thu nhập, giảm nghèo.

Thực hiện Luật Người cao tuổi, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì soạn thảo và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 06/2011/NĐ-CP, ngày

14-1-2011, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật người cao tuổi; Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, Nghị định số 13/2010/NĐ-CP và Nghị định số 136/2013/NĐ-CP quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1781/QĐ-TTg, ngày 22-11-2012 phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về NCT Việt Nam giai đoạn 2012 - 2020, Quyết định số 197/QĐ-TTg, ngày 25-1-2014 về kiện toàn Ủy ban quốc gia về người cao tuổi. Ngoài ra, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ ban hành các thông tư hướng dẫn thực hiện các chính sách, chế độ đối với người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi.

Các văn bản đã quy định chi tiết và hướng dẫn trợ giúp người cao tuổi, chăm sóc sức khỏe, chăm sóc văn hóa tinh thần, chúc thọ, mừng thọ, trợ giúp xã hội, phụng dưỡng người cao tuổi, phát huy vai trò người cao tuổi và quản lý hoạt động của các cơ sở chăm sóc người cao tuổi. Văn bản ban hành bảo đảm tính thống nhất và phù hợp theo quy định của luật, đồng thời cũng đã đáp ứng tiến độ, chất lượng, quy trình, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đối với người cao tuổi.

Thực hiện Quyết định số 1781/QĐ-TTg, ngày 22-11-2012 phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2012- 2020, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ động phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Người cao tuổi, Ủy ban quốc gia về người cao tuổi Việt Nam... thực hiện các hoạt động phát huy vai trò người cao tuổi. Trong đó tập trung bảo đảm các điều kiện để người cao tuổi phát huy trí tuệ, kinh nghiệm quý báu và phẩm chất tốt đẹp trong các lĩnh vực giáo dục truyền thống đoàn kết, yêu nước, yêu con người và thiên nhiên, kỹ năng, kinh nghiệm, kiến thức kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ và nghề truyền thống cho thế hệ trẻ, phát triển kinh tế, giảm nghèo, làm giàu, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp tại cộng đồng.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 971/QĐ-TTg, ngày 1-7-2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg, ngày 27-11-2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” và Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg, trong đó bổ sung quy định giao ủy ban nhân dân các tỉnh,

thành phố, tùy vào điều kiện, khả năng ngân sách địa phương, bố trí và huy động thêm các nguồn kinh phí hợp pháp khác để hỗ trợ thêm cho các đối tượng khác có nhu cầu học nghề, trong đó có đối tượng là người cao tuổi.

Để hỗ trợ người cao tuổi trong các lĩnh vực, năm 2021, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2156/QĐ-TTg, ngày 21-12-2021 phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021 - 2030. Trên cơ sở đó, ngày 23/6/2023, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 799/QĐ-LĐTBXH phê duyệt kế hoạch tổng thể triển khai chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021 - 2030, trong đó có nội dung về hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho người cao tuổi cụ thể:

Giai đoạn 2022 - 2025: Ít nhất 50% người cao tuổi có nhu cầu và khả năng lao động có việc làm; ít nhất 20.000 người cao tuổi được hỗ trợ hướng nghiệp, đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở trợ giúp xã hội, trung tâm dịch vụ việc làm; ít nhất 10.000 hộ gia đình có người cao tuổi có nhu cầu và đủ điều kiện được vay vốn khởi nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh với lãi suất ưu đãi;

Giai đoạn 2026 - 2030: Ít nhất 70% người cao tuổi có nhu cầu, khả năng lao động có việc làm; ít nhất 30.000 người cao tuổi được hỗ trợ hướng nghiệp, đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở trợ giúp xã hội, trung tâm dịch vụ việc làm; ít nhất 20.000 hộ gia đình có người cao tuổi có nhu cầu và đủ điều kiện được vay vốn khởi nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh với lãi suất ưu đãi.

Thực trạng về đào tạo nghề, tạo việc làm cho người cao tuổi

Khi bước vào giai đoạn tuổi cao, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được nghỉ hưu; những người làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp,... tuy đã giảm sút về thể lực, nhưng nhiều người còn đủ sức khỏe, có trí tuệ, kinh nghiệm, có nhu cầu khởi nghiệp, học nghề để chuyển đổi sang việc làm mới phù hợp hơn.

Tuy nhiên, theo thống kê hiện nay, số người cao tuổi được hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm rất ít, do các địa phương không bố trí được ngân sách. Các chương trình, đề án chưa có nội dung cụ thể về hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm cho người cao tuổi mà chỉ tập trung vào việc chăm sóc sức khỏe cho người

cao tuổi, phát huy kinh nghiệm của người cao tuổi, không có quy định cụ thể về các chính sách hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ việc làm. Do đó, việc lồng ghép trong các chương trình, đề án rất hạn chế (ví dụ khi xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đưa nội dung hỗ trợ người cao tuổi vào trong các dự thảo khi thẩm định đều không được chấp thuận vì không có căn cứ pháp lý), vì thế chỉ khuyến khích hoặc giao các địa phương tùy điều kiện, khả năng ngân sách để hỗ trợ cho người cao tuổi tham gia đào tạo.

Thực tế hiện nay, trên cả nước hầu như không có trường chuyên nghiệp nào thực hiện các hoạt động đào tạo, đào tạo lại cho người cao tuổi. Rất ít doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị tiến hành đào tạo nghề cho đối tượng là người cao tuổi. Người cao tuổi muốn học nghề, chuyển đổi nghề phải tự học hoặc nhờ người thân, quen là chính.

Kết quả điều tra về người cao tuổi Việt Nam cho thấy, 20% người cao tuổi có nguồn thu quan trọng nhất là thu nhập qua làm việc. Tuy nhiên, để tìm kiếm việc làm mang lại thu nhập là điều không đơn giản đối với họ. Người cao tuổi đang gặp phải rất nhiều rào cản trong quá trình tìm kiếm việc làm, để bảo đảm sinh kế và nâng cao thu nhập. Để người cao tuổi tìm được công việc phù hợp lại không phải dễ dàng trong khi các quy định về lao động lớn tuổi ở nước ta vẫn khá hạn chế và thị trường lao động dành riêng cho đối tượng này chưa được hình thành. Đa số người cao tuổi có nhu cầu làm việc nhưng không biết tìm việc làm ở đâu, chỉ qua giới thiệu của người quen, bạn bè nên cơ hội tìm kiếm việc làm phù hợp với sức khỏe không nhiều. Trên các website tuyển dụng, chủ sử dụng thường yêu cầu độ tuổi ứng viên từ 18 - 35 tuổi; nhóm từ 50 tuổi trở lên hầu như không có việc làm cần đến họ.

Tuy nhiên, lao động là người cao tuổi chủ yếu làm việc trong khu vực phi chính thức (81,4%) và trong ngành nông - lâm - thủy sản (90%); chất lượng việc làm của người cao tuổi thấp, 58,8% lao động cao tuổi là lao động giản đơn; thu nhập của người cao tuổi làm công hưởng lương chỉ bằng 38,5% mức lương bình quân trên thị trường. Phần lớn người cao tuổi hiện nay đang tham gia lao động với vị thế của lao động dễ tổn thương, trong đó người cao tuổi phụ nữ và người cao tuổi nông thôn có tỷ lệ cao hơn các nhóm còn lại.

Với người lao động từ 60 tuổi trở lên, công việc họ tìm được chủ yếu là bảo vệ, giúp việc gia đình, chăm sóc người già... Nhiều người cao tuổi có khả năng, kinh nghiệm, muốn đầu tư sản xuất, kinh doanh nhưng lại thiếu vốn.

Lao động cao tuổi đang làm việc trong nền kinh tế chủ yếu thuộc khu vực tự làm và lao động gia đình. Tuy nhiên có xu hướng tăng khá nhanh đối với nhóm

lao động làm công hưởng lương trong giai đoạn 2010 - 2020 (11,6%/năm). Người cao tuổi càng lớn tuổi thì tham gia vào các công việc trên thị trường lao động càng giảm, người cao tuổi ở độ tuổi 60 - 64 chiếm khoảng 54% trong tổng số.

Một số khó khăn, vướng mắc về đào tạo nghề, tạo việc làm cho người cao tuổi

Một là, nhiều cơ sở đào tạo cũng như nhiều doanh nghiệp chưa mặn mà với việc đào tạo cũng như tiếp nhận người lao động là người cao tuổi. Họ cho rằng, người cao tuổi nên giành thời gian để nghỉ ngơi, chứ không phải là đi học và tham gia thị trường lao động.

Hai là, một trong những vấn đề mà người cao tuổi phải đối diện đó là vấn đề về sức khỏe. Do đó, để người cao tuổi có thể giành thời gian, trí tuệ để đầu tư cho học nghề và tìm kiếm việc làm cũng là một vấn đề khó khăn.

Ba là, việc thiếu các dịch vụ để hỗ trợ tư vấn tìm kiếm ngành nghề và nơi tổ chức đào tạo phù hợp cũng gây khó khăn cho người cao tuổi.

Bốn là, trong một số ngành nghề mới, người cao tuổi có trình độ khoa học và công nghệ thấp hơn so với người trẻ, đặc biệt là các kỹ năng về sử dụng máy tính, truy cập mạng internet và một số kỹ năng mềm khác. Điều này đặc biệt gây khó khăn cho người cao tuổi trong học tập và làm việc.

Năm là, bằng cấp/ chứng chỉ của người cao tuổi trong bối cảnh hiện tại cũng không còn phù hợp hoặc đáp ứng các tiêu chuẩn hiện tại cho vị trí công việc trong một lĩnh vực cụ thể. Trong một số trường hợp, người lao động cao tuổi gặp phải khó khăn do mức độ đáp ứng yêu cầu công việc mới buộc họ phải có bằng cấp/chứng chỉ trong khi họ không còn đi học và không đảm bảo được thời gian và sức khỏe để tiếp tục đi học.

Sáu là, phần lớn người cao tuổi tìm được việc là do mối quan hệ quen biết, người thân giới thiệu, hiện nay chưa có kênh thông tin tuyển dụng cho nhóm lao động này. Trên các website tuyển dụng hiện nay, giới hạn tuổi mà nhà tuyển dụng yêu cầu thường từ 18 tuổi - 35 tuổi. Người lao động trong nhóm từ 50 tuổi trở lên có rất ít lựa chọn việc làm, còn nhóm từ 60 tuổi trở lên hầu như không có việc làm cần đến họ qua các kênh tuyển dụng chính thức. Với người lao động từ 60 tuổi trở lên, công việc họ tìm được chủ yếu tập trung vào các công việc giản đơn như: bảo vệ, giúp việc gia đình, chăm sóc người già... Đối với lao động cao tuổi có nhu cầu làm việc và tìm được việc làm đã khó, tìm được công

việc phù hợp lại không phải dễ dàng khi các quy định về lao động lớn tuổi ở Việt Nam còn khá hạn chế và thị trường lao động đặc thù cho nhóm đối tượng này chưa được hình thành.

Một số giải pháp về đào tạo nghề, tạo việc làm cho người cao tuổi

Thứ nhất, triển khai các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò của người cao tuổi. Người cao tuổi vẫn có thể học tập, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm để tham gia thị trường lao động nếu vẫn đáp ứng được yêu cầu về sức khỏe.

Thứ hai, xây dựng các chương trình, dự án đào tạo hỗ trợ về chuyển đổi nghề hoặc nâng cao năng lực cho lao động cao tuổi đáp ứng theo nhu cầu của thị trường lao động tại địa phương, cộng đồng nơi ở người cao tuổi; triển khai các mô hình đào tạo tại chỗ, đào tạo tại cộng đồng, bảo đảm người cao tuổi có đủ khả năng và nhu cầu được tham gia đào tạo một cách thực chất và có hiệu quả.

Thứ ba, nghiên cứu, xây dựng các chương trình đào tạo linh hoạt phù hợp với điều kiện, khả năng tiếp thu của từng nhóm lao động cao tuổi (tập trung cho nhóm lao động phổ thông và đào tạo các nhóm nghề trong khu vực dịch vụ không có yêu cầu cao về sức lực đồng thời linh hoạt về thời gian làm việc). Tổ chức đào tạo kỹ năng cơ bản về sử dụng máy tính, các phần mềm ứng dụng trong các nhóm nghề đặc thù để người cao tuổi có thể tìm và đảm nhiệm được công việc trong bối cảnh chuyển đổi số.

Thứ tư, xây dựng chính sách, quy định và cung cấp nguồn tài chính để khuyến khích người sử dụng lao động giữ lại và thuê những người lao động cao tuổi, cụ thể cơ chế hỗ trợ tài chính (miễn giảm tiền đóng bảo hiểm xã hội, y tế đối với lao động cao tuổi chưa có đủ thời gian đóng bảo hiểm), ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động cao tuổi (ví dụ nghiên cứu đưa ra các mức hỗ trợ tăng theo tỷ lệ lao động cao tuổi trong tổng số lao động của doanh nghiệp)

Thứ năm, nghiên cứu, xây dựng danh mục các công việc ưu tiên, khuyến khích tuyển dụng lao động cao tuổi và các qui định, ưu đãi để khuyến khích người sử dụng lao động thuê người lao động cao tuổi làm các công việc như hỗ trợ một phần tiền lương, tiền thưởng cho người lao động...

Thứ sáu, giám sát, quản lý việc thực hiện tiếp cận cân bằng trong tuyển dụng và sử dụng, bảo vệ quyền lợi làm việc đối với người cao tuổi bằng cách bảo đảm rằng tuổi tác không phải là một tiêu chí để đánh giá năng lực làm việc. □

TIẾP CẬN CHÍNH SÁCH CHỦ ĐỘNG VÀ LINH HOẠT ĐỂ THÍCH ỨNG VỚI XU THẾ GIÀ HOÁ DÂN SỐ NHANH HIỆN NAY

THS. NGUYỄN ĐỨC KHA

Nguyên Phó Ban Kinh tế, Tạp chí Cộng sản

GÌA hoá dân số là một quá trình khách quan, diễn ra ở các nước, tuy tốc độ già hoá nhanh chậm ở mỗi nước khác nhau. Ở Việt Nam, do những đặc thù nhân khẩu học và kết quả tích cực của quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã cải thiện đời sống nhân dân thời gian qua, nên xu thế già hoá dân số đang diễn ra nhanh chóng. Xu thế già hoá dân số, chuyển từ xã hội già hoá sang xã hội già, đặt ra những vấn đề, thách thức đối với xã hội trong việc bảo đảm an sinh, chăm sóc sức khoẻ và các dịch vụ xã hội khác cho người cao tuổi. Trong bối cảnh đó, cần có cách tiếp cận chính sách hệ thống, chủ động và linh hoạt để thích ứng.

Nhận diện các đặc điểm của nhóm xã hội đặc thù - người cao tuổi

Tuỳ theo các yêu cầu nghiên cứu, có thể có nhiều cách phân nhóm dân số. Theo độ tuổi, có thể phân thành 3 nhóm dân số, trong đó, nhóm trẻ em, từ 0 đến 14 tuổi; nhóm trong độ tuổi lao động, từ 15 đến 60 tuổi (hiện nay ở Việt Nam đang được kéo dài tới 62 tuổi) và nhóm người cao tuổi, từ trên 60 tuổi. Theo Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA, 2010), thời kỳ dân số vàng của một quốc gia là khi có ít nhất hai người trong độ tuổi lao động mới có một người phụ thuộc (dưới 15 tuổi và trên 60 tuổi). Việt Nam bước vào thời kỳ dân số vàng bắt đầu từ năm 2007 (tỷ lệ người trong độ tuổi lao động chiếm 67,31%). Cũng theo UNFPA, dân số một nước sẽ bước vào giai đoạn “bắt đầu già” khi người cao tuổi chiếm 10% tổng số dân và giai đoạn “già” khi người cao tuổi chiếm 20% tổng số dân(1).

Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Theo cơ sở dữ liệu dân cư do Bộ Công an cung cấp, đến ngày 9-2-2023 cả nước có 16.179.824 công dân từ 60 tuổi trở lên, chiếm gần 17% số dân, trong đó từ 60 đến dưới 70 tuổi là 9.417.924 người, từ 70 đến dưới 80 tuổi là 4.189.640 người, từ 80 đến dưới 90 tuổi là 1.907.991 người, từ 90 đến dưới 100 tuổi là 623.221 người, từ 100 tuổi trở lên là 41.048 người (2). Dự báo, đến năm 2036, Việt Nam sẽ bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội “già hóa” sang xã hội “già”. Những người từ 60 tuổi trở lên dự báo đến năm 2050 sẽ tăng lên hơn 25%. Nhóm người cao tuổi chiếm tỷ lệ ngày càng lớn trong cơ cấu dân số đặt ra yêu cầu nghiên cứu, nhận biết một cách toàn diện các đặc điểm của nhóm xã hội này, thấy rõ các vấn đề, thách thức đặt ra cũng như tiềm năng có thể khai thác, phát huy, từ đó, có các phản ứng chính sách chủ động, linh hoạt phù hợp.

Trước hết, trên phương diện đạo đức truyền thống cũng như xét đến những đóng góp cho gia đình và xã hội, *người cao tuổi là những người đáng kính trọng, là “vốn quý” của xã hội.* Ở phạm vi gia đình, người cao tuổi là những người đã trực tiếp gây dựng nên gia đình, nuôi dạy con cháu đến lúc trưởng thành. Đối với xã hội, người cao tuổi, mỗi người tuy ở mỗi vị trí công việc khác nhau nhưng bằng lao động của mình đã đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Nay, đến lúc hết tuổi lao động, họ xứng đáng được nghỉ ngơi, vui chơi bên người thân, con cháu. Trong mỗi gia đình, người cao tuổi luôn là chỗ dựa vững chắc về tinh thần cho con cháu. Họ không chỉ nuôi dạy, truyền đạt những kinh nghiệm sống quý báu, mà còn là người giữ gìn gia phong, nét đẹp truyền thống mà tổ tiên để lại. Như vậy, người cao tuổi nước ta thực sự là vốn quý của dân tộc, là lực lượng quan trọng của đất nước, là rường cột của gia đình và xã hội. Vì vậy, mỗi người, mỗi gia đình và xã hội cần có thái độ tôn trọng đúng mức đối với người cao tuổi, xác định chăm sóc, giúp đỡ người cao tuổi là nghĩa vụ, là trách nhiệm theo đúng truyền thống đôn ơn đáp nghĩa của dân tộc.

Người cao tuổi là nhóm xã hội yếu thế về sức khỏe và thu nhập. Đây là đặc điểm dễ nhận biết của nhóm người cao tuổi. Những kết quả phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện đời sống làm cho tuổi thọ trung bình của người Việt Nam ngày càng tăng. Tuy nhiên, chất lượng sống của người cao tuổi còn nhiều hạn chế. Người cao tuổi đang phải chịu nhiều bệnh tật phối hợp trong giai đoạn cuối cuộc đời. Trung bình mỗi người sau 60 tuổi mắc từ 3 đến 4 bệnh và sau 80 tuổi mắc tới 7 bệnh. Các bệnh thường gặp ở người cao tuổi là: mạch vành, tăng huyết áp, đột quy, đái tháo đường, ung thư, phổi tắc nghẽn mãn tính, thoái hoá khớp, loãng xương, suy giảm trí tuệ... Hầu hết những bệnh này đều phải điều

trị suốt đời, thậm chí nhiều bệnh cần phải được chăm sóc đặc biệt. Sức khỏe suy giảm, gánh nặng bệnh tật và chậm thích nghi với các tiện ích mới của đời sống là đặc điểm chung của người cao tuổi. Ước tính, khoảng 28% người cao tuổi cần trợ giúp trong các hoạt động cơ bản như vệ sinh cá nhân, mặc quần áo, đi vệ sinh, di chuyển, đại tiểu tiện không tự chủ, ăn uống; 90% số người cao tuổi cần trợ giúp sử dụng điện thoại, mua bán, nấu ăn, dọn dẹp nhà cửa, giặt giũ quần áo, sử dụng phương tiện giao thông.

Bệnh tật làm cho chi phí y tế và gánh nặng chăm sóc cho người cao tuổi cao hơn nhiều lần người trẻ, trong khi thu nhập trung bình của người cao tuổi rất thấp và không ổn định. Theo một nghiên cứu của Tổng cục Thống kê và Quỹ dân số Liên hợp quốc, nguồn thu nhập chính của người cao tuổi ở Việt Nam (từ 60 tuổi trở lên) chủ yếu đến từ hỗ trợ của con cái, chiếm khoảng 38%. Trong khi đó, các nguồn thu nhập mà người cao tuổi có được từ lương hưu chỉ khoảng 15% và từ nguồn trợ cấp xã hội khoảng 10% (3). Như vậy, phần lớn người cao tuổi tồn tại trong tình trạng không lương hưu, không bảo hiểm y tế, phụ thuộc tài chính hoàn toàn vào con cái hay trợ giúp xã hội.

Bệnh tật gắn liền với người cao tuổi, tuy nhiên, hiện khả năng cung cấp dịch vụ y tế cho người cao tuổi còn hạn chế, còn thiếu các cơ sở y tế, đặc biệt là các cơ sở y tế chuyên sâu (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế...) cho người cao tuổi. Nguồn nhân lực chăm sóc người cao tuổi (bác sĩ, điều dưỡng lão khoa, người chăm sóc...) cũng còn thiếu hụt trong khi số lượng người cao tuổi cần chăm sóc y tế, chăm sóc sức khỏe chuyên biệt ngày càng lớn.

Tuy sức khỏe đã suy giảm cộng với gánh nặng bệnh tật nhưng người cao tuổi vẫn là *nguồn lực quan trọng trong gia đình và xã hội, cần được khai thác, phát huy*. Dù đã hết tuổi lao động nhưng nhiều người cao tuổi vẫn đang trực tiếp lao động sản xuất, phát triển kinh tế. Không ít người cao tuổi là giảng viên, cán bộ nghiên cứu, chuyên gia trong các lĩnh vực. Đây là một nguồn lực rất quan trọng và không thể thiếu. Họ là người có trình độ, kiến thức, kỹ năng chuyên môn và bề dày kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực khác nhau, luôn có tinh thần cống hiến, góp sức hết mình cho sự phát triển của đất nước. Tiếp tục lao động sản xuất, cống hiến cho gia đình và xã hội không chỉ là tiềm năng, mà còn là nguyện vọng chính đáng của người cao tuổi. Nếu vẫn được tham gia vào lực lượng lao động một cách phù hợp với lứa tuổi và sức khỏe, người cao tuổi sẽ nâng cao được tính độc lập, giảm phụ thuộc kinh tế vào con cháu. Theo số liệu thống kê, cả nước hiện có hơn 6,5 triệu người cao tuổi đang trực tiếp tham gia

lao động, sản xuất, trong đó có hơn 300 nghìn người cao tuổi làm kinh tế giỏi do các cơ quan chức năng và địa phương chứng nhận; người cao tuổi đóng góp hơn 11 triệu ngày công, gần 3.500 tỷ đồng, hiến 25 triệu m² đất để xây dựng đường giao thông, kênh mương, nhà văn hóa, trường học, cơ sở y tế... trong phong trào xây dựng nông thôn mới; 733.846 người cao tuổi tham gia công tác đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, tổ hòa giải ở cơ sở; trên 1.100.000 người cao tuổi tham gia phòng chống tội phạm, trật tự an ninh ở địa bàn, khu dân cư. Hơn 95 nghìn người cao tuổi làm chủ trang trại, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;... Ở cơ sở, người cao tuổi phối hợp giải quyết có hiệu quả hàng chục nghìn vụ mâu thuẫn, khiếu kiện trong nội bộ nhân dân. Cả nước có trên 77.000 câu lạc bộ của người cao tuổi ở cơ sở với nhiều loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, thu hút trên 2,5 triệu người cao tuổi tham gia (4).

Không chỉ là những người lao động cần cù, sáng tạo, người cao tuổi còn là những tấm gương sáng trong gia đình và xã hội, là hạt nhân đoàn kết gây dựng nên các phong trào ở cơ sở, góp phần xây dựng hệ giá trị quốc gia, văn hóa, gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam.

Một số khuyến nghị tiếp cận chính sách chủ động và linh hoạt để thích ứng với xu thế già hoá dân số nhanh hiện nay

Như đã phân tích, xu thế già hoá dân số nhanh tạo nên những áp lực cho việc bảo đảm an sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Tuy nhiên, người cao tuổi cũng là một nguồn lực to lớn, cần biết khai thác, phát huy. Vì vậy, cần có quan điểm toàn diện khi tiếp cận vấn đề người cao tuổi, không chỉ thấy khó khăn, thách thức, mà còn thấy cả tiềm năng, cơ hội. Ví dụ, khi số lượng người cao tuổi tăng cao, tạo ra các áp lực, thách thức về bảo đảm an sinh, chăm sóc sức khỏe, nhưng đồng thời cũng mở ra cơ hội, thị trường cho phát triển các loại hình dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, vui chơi, giải trí,... cho người cao tuổi. Chính sách cho người cao tuổi cũng phải toàn diện, không chỉ là các chính sách bảo đảm an sinh, chăm sóc sức khỏe, mà phải cả các chính sách khai thác, phát huy tiềm năng, trí tuệ, sức sáng tạo của người cao tuổi trong gia đình và xã hội. Sau đây là một số khuyến nghị tiếp cận chính sách chủ động và linh hoạt để thích ứng với xu thế già hoá dân số nhanh hiện nay.

Trước hết, cần tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an sinh, chăm sóc sức khỏe và phát huy vai trò người cao tuổi. Công tác người cao tuổi đã được Đảng ta quan tâm, thể hiện qua việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể như: Chỉ thị số 59/CT-TW, ngày 27-9-1995, của Ban

Bí thư Trung ương Đảng khóa VII, “Về chăm sóc người cao tuổi”; Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12-3-2003, của Hội nghị Trung ương 7 khóa IX, “Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; Kết luận số 58-KL/TW, ngày 23-6-2023 của Ban Bí thư về tổ chức và hoạt động của Hội Người cao tuổi Việt Nam;... Tuy nhiên, trong tình hình mới, trước xu thế già hoá dân số nhanh chóng và tính cấp thiết của vấn đề người cao tuổi, cần có một nghị quyết chuyên đề của Trung ương, hay ít nhất là của Bộ Chính trị về công tác người cao tuổi, trong đó, đặt vấn đề một cách tổng thể, từ bảo đảm an sinh, chăm sóc sức khỏe đến khai thác, phát huy vai trò của người cao tuổi đối với sự phát triển đất nước. Trên cơ sở đó, cơ chế, chính sách đối với người cao tuổi mới đồng bộ, nhất quán và thống nhất trong phạm vi cả nước. Nghị quyết của Đảng yêu cầu mỗi cấp, mỗi ngành và mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò người cao tuổi trong đời sống xã hội; đồng thời ý thức được nghĩa vụ, trách nhiệm của mình cũng như có các hoạt động cụ thể theo hướng bảo đảm an sinh, chăm sóc sức khỏe và phát huy vai trò người cao tuổi.

Thứ hai, hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách đối với người cao tuổi để chủ động và linh hoạt thích ứng với xu thế già hoá dân số nhanh hiện nay, bao gồm từ Luật Người cao tuổi, đến các văn bản luật khác và cơ chế, chính sách liên quan. Cụ thể:

- Xây dựng cơ chế trân trọng, tôn vinh những tấm gương người cao tuổi trong gia đình và xã hội. Các hình thức tôn vinh có thể rất đa dạng, do các chủ thể khác nhau thực hiện, từ Nhà nước đến các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng. Huy động rộng rãi các nguồn lực xã hội hoá cho công tác này. Bên cạnh việc tôn vinh, cần có biện pháp phê phán, lên án, răn đe các hành vi xúc phạm nhân phẩm, uy tín, ngược đãi, ép buộc người cao tuổi cả trong gia đình và xã hội.

- Bảo đảm an sinh cho người cao tuổi. Trên con đường hướng tới phát triển bao trùm, không để ai bị bỏ lại phía sau, cần đặc biệt quan tâm bảo đảm an sinh cho người cao tuổi, nhất là các đối tượng khó khăn, không có lương hưu và thu nhập ổn định. Tăng cường các hình thức trợ cấp xã hội, mở rộng phạm vi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người cao tuổi, bao gồm cả hình thức đóng góp và không đóng góp thông qua hệ thống bảo trợ xã hội đa tầng; xem xét mức trợ cấp lương hưu xã hội để hỗ trợ người cao tuổi đạt mức sống tối thiểu, cũng như bảo đảm hệ thống an sinh xã hội đáp ứng với cú sốc rủi ro. Ở tầm vĩ mô,

cần tăng chi cho an sinh xã hội bằng cách tăng sự đóng góp từ ngân sách nhà nước, người làm công ăn lương cũng như người sử dụng lao động để có độ bao phủ an sinh xã hội rộng hơn. Công tác bảo đảm an sinh xã hội cần xác định lấy con người làm trung tâm của sự phát triển, bảo đảm chính sách xã hội phải được xây dựng và triển khai thực hiện hài hòa, đồng bộ với phát triển kinh tế.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi cho người cao tuổi, bao gồm cả tinh thần và vật chất. Cần xây dựng văn hoá ưu tiên người cao tuổi trong các không gian công cộng (không phải xếp hàng nơi công cộng, ghế ưu tiên trên các phương tiện giao thông công cộng,...). Có chính sách miễn giảm phí, lệ phí giao thông công cộng, các điểm du lịch, văn hoá, vui chơi, giải trí,... Chính sách ưu đãi người cao tuổi cần thực hiện thống nhất trong toàn quốc để bảo đảm công bằng cho người cao tuổi khi tiếp cận dịch vụ.

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi các tổ chức, cá nhân để khuyến khích phát triển các dịch vụ cho người cao tuổi như bệnh viện, nhà dưỡng lão, các điểm văn hoá, thể thao, vui chơi, giải trí,... nhằm hạ giá thành dịch vụ, bảo đảm cho người cao tuổi dễ dàng tiếp cận. Chính sách ưu đãi có thể bao gồm các lĩnh vực như miễn giảm thuế, tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh, tín dụng ưu đãi,...

- Có chính sách động viên, khuyến khích người cao tuổi tham gia công tác xã hội nơi địa bàn sinh sống, tham gia các hình thức lao động phù hợp với năng lực, trình độ và sức khỏe. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân sử dụng lao động người cao tuổi. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Bộ luật Lao động để có thêm các hình thức hợp đồng lao động linh hoạt, phù hợp với người cao tuổi như làm việc theo giờ, làm việc không trọn thời gian, các hình thức thuê, khoán, chuyên gia,... Pháp luật cũng cần có các biện pháp bảo vệ người lao động cao tuổi trong các hình thức giao kết hợp đồng cũng như trong các tranh chấp lao động nếu phát sinh.

- Có các hình thức tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp bảo đảm an sinh, chăm sóc sức khỏe và phát huy vai trò của người cao tuổi Việt Nam.

Thứ ba, kiện toàn tổ chức, đổi mới hoạt động của Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi để phối hợp, điều tiết chính sách, pháp luật và hệ thống văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện đầy đủ, toàn diện chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với người cao tuổi. Sớm ban hành và thực hiện Chiến lược quốc gia về người

cao tuổi Việt Nam. củng cố tổ chức và đổi mới hoạt động của Hội Người cao tuổi Việt Nam.

Là tổ chức xã hội, đại diện nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp của người cao tuổi Việt Nam, Hội Người cao tuổi Việt Nam thời gian qua đã tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; xây dựng hội vững mạnh toàn diện, làm tốt vai trò đại diện quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên - người cao tuổi; tích cực phát triển hội viên và củng cố tổ chức hội, nhất là ở cơ sở; thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; giúp đỡ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn; khích lệ người cao tuổi phát huy trí tuệ, kinh nghiệm góp phần phát triển mọi mặt của địa phương, đất nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; làm cầu nối vững chắc giữa Đảng, Nhà nước với người cao tuổi. Tuy nhiên, tổ chức bộ máy, năng lực công tác của một bộ phận cán bộ hội còn hạn chế; chưa thực sự làm tốt vai trò đại diện, tham mưu với cấp uỷ, chính quyền, chưa phát huy vai trò tích cực của người cao tuổi và tổ chức hội trong đời sống xã hội. Tổ chức hội cấp tỉnh, cấp huyện mới chỉ được thành lập thí điểm ở 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đã đến lúc xây dựng tổ chức hội người cao tuổi cấp tỉnh, cấp huyện ở những nơi có đủ điều kiện theo tinh thần Kết luận số 58-KL/TW, ngày 23-6-2023 của Ban Bí thư về tổ chức và hoạt động của Hội Người cao tuổi Việt Nam. Cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc về công tác người cao tuổi; quan tâm đúng mức việc xây dựng tổ chức hội và đội ngũ cán bộ hội; dành nguồn kinh phí thoả đáng hỗ trợ cho hoạt động của Hội Người cao tuổi, nhất là ở địa phương, cơ sở. □

NÂNG CAO CƠ HỘI TIẾP CẬN VIỆC LÀM PHÙ HỢP CHO NGƯỜI CAO TUỔI ĐỂ THÍCH ỨNG VỚI BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ

THS. ĐINH THỊ HƯƠNG GIANG

Tạp chí Cộng sản

VẤN đề bảo đảm an ninh thu nhập, giảm nhẹ gánh nặng tài chính và chi phí hỗ trợ của xã hội dành cho người cao tuổi là một trong những thách thức đặt ra đối với Việt Nam khi quá trình già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng. Trong bối cảnh “chưa giàu đã già”, việc nâng cao cơ hội tiếp cận việc làm phù hợp để cải thiện chất lượng cuộc sống cho người cao tuổi là yêu cầu cấp thiết được đặt ra hiện nay ở nước ta.

1- Sau gần 40 năm đổi mới, cùng với những thành tựu trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, đời sống người dân của nước ta ngày càng được nâng lên, hệ thống an sinh xã hội được cải thiện hơn, tuổi thọ tăng, dẫn tới số người cao tuổi trong cơ cấu xã hội ngày càng chiếm tỷ lệ lớn hơn. Đây là một thành tựu song cũng đặt ra không ít thách thức trong quá trình phát triển bền vững nếu tốc độ già hóa dân số quá nhanh so với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội.

Theo phân tích của Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới với chỉ số già hóa tăng từ 31,5% (năm 2011) lên 34,3% (năm 2021). Theo dự báo, đến năm 2039 (tức là chỉ còn khoảng 16 năm nữa), số người cao tuổi của Việt Nam tăng lên 16,8 triệu người và đạt 25,2 triệu người vào năm 2069⁽¹⁾. Theo đó, Việt Nam sẽ chuyển từ thời kỳ già hóa dân số sang thời kỳ dân số già khi tỷ lệ dân từ

(1) Xem: Thái Bình: “Trung bình người cao tuổi ở Việt Nam mắc nhiều bệnh kết hợp, chi phí điều trị cao gấp 8-10 lần người trẻ”, *Báo Sức khỏe và đời sống điện tử*, ngày 01-10-2023, <https://suckhoedoisong.vn/trung-binh-nguoi-cao-tuoi-o-viet-nam-mac-3-4-benh-chi-phi-dieu-tri-cao-hon-nguoi-tre-169231001080128529.htm>

60 tuổi trở lên đạt 20% hay tỷ lệ dân từ 65 tuổi trở lên đạt hơn 14% tổng số dân. Đây là khoảng thời gian rất ngắn so với các quốc gia có trình độ phát triển cao.

Tốc độ già hóa dân số vượt quá nhanh so với tốc độ và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đã và đang đặt ra nhiều thách thức cùng các vấn đề khó giải quyết đối với nước ta. Hiện nay, tốc độ tăng của lực lượng lao động đang chậm lại so với giai đoạn trước (ở nước ta, mức tăng bình quân của lực lượng lao động là trên 628.000 người/năm giai đoạn 2011 - 2015 và chỉ còn 455.000 người/năm trong giai đoạn 2016 - 2020). Điều này dẫn tới nguy cơ suy giảm và thiếu hụt lực lượng lao động trong tương lai không xa, suy giảm năng suất lao động, ảnh hưởng đến chất lượng và sự tăng trưởng kinh tế, cũng như ảnh hưởng đến các hoạt động tiết kiệm - đầu tư, tạo sức ép cho hệ thống an sinh xã hội...; từ đó, chất lượng cuộc sống người dân, nhất là người cao tuổi chịu nhiều tác động bởi nguy cơ “chưa giàu đã già”.

Trong gần 40 năm đổi mới, trên cơ sở nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của người cao tuổi với sự phát triển của đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã dành nhiều sự quan tâm cho người cao tuổi, ban hành các chính sách, chương trình lớn dành cho người cao tuổi trên cơ sở phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và có tính khả thi để bảo đảm thu nhập cho người cao tuổi. Tuy nhiên, các chương trình, đề án về người cao tuổi mới chỉ tập trung vào việc chăm sóc sức khỏe, phát huy kinh nghiệm của người cao tuổi. Các chính sách khuyến khích người cao tuổi có khả năng, có nhu cầu tiếp tục làm việc mới chỉ được thực hiện ở một số đối tượng. Các chính sách lao động việc làm chưa bao quát, thiếu chính sách cho nhóm lao động cao tuổi tham gia vào thị trường lao động. Các chính sách về phát huy vai trò của người cao tuổi cũng như tạo công ăn việc làm cho người cao tuổi chỉ chủ yếu tập trung vào lực lượng lao động cao tuổi trình độ cao. Một số chính sách, như tín dụng ưu đãi, đào tạo cho người cao tuổi có nhu cầu phát triển việc làm còn chưa khả thi, thiếu các hướng dẫn cụ thể, còn tồn tại sự phân biệt đối xử về tuổi trong tuyển dụng, các dịch vụ kết nối việc làm cho người cao tuổi chưa được hình thành. Chưa có chính sách đào tạo, đào tạo lại cho lao động trung niên, lao động cao tuổi để chuyển đổi nghề nghiệp hay đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động. Chưa có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp sử dụng lao động là người cao tuổi.

Có thể thấy, phần lớn người cao tuổi là lao động dễ tổn thương khi sức khỏe thể chất càng kém đi, tỷ lệ có việc làm ngày càng thấp (trong đó tỷ lệ người cao tuổi là nữ có việc làm thấp hơn nam, tỷ lệ người cao tuổi ở nông thôn có việc làm

công ăn lương thấp hơn người cao tuổi ở thành thị). Hiện nay, người cao tuổi ở nước ta chiếm tỷ lệ trên 11% số dân (trong số đó có khoảng 65,7% người cao tuổi sống ở nông thôn) nhưng phần lớn trong số họ (khoảng 73%) chỉ có thu nhập thấp hoặc không ổn định, thậm chí không có thu nhập, cuộc sống khó khăn, phụ thuộc vào con, cháu, người thân. Số người cao tuổi được hưởng lương hưu, trợ cấp xã hội rất thấp. Hệ thống lương hưu của Việt Nam còn khoảng trống rất lớn giữa những người tham gia bảo hiểm xã hội với nhóm lao động phi chính thức. Độ bao phủ đối với lương hưu cho người cao tuổi tính đến năm 2021 trên cơ sở đóng góp mới chỉ có hơn 2 triệu người. Số người cao tuổi không nhận được lương hưu đã chiếm khoảng 76%⁽²⁾. Kết quả hai cuộc tổng điều tra dân số năm 2009 và năm 2019 cũng cho thấy khi tỷ lệ người cao tuổi ngày càng cao thì tỷ lệ người cao tuổi sống ở nông thôn càng cao, đồng nghĩa với việc người cao tuổi tỷ lệ sống ở thành thị ngày càng giảm. Với tỷ lệ đất nông nghiệp ngày càng thu hẹp, sản xuất khó khăn do thiên tai... dẫn đến thu nhập của người nông dân nói chung, người cao tuổi ở nông thôn nói riêng còn thấp. Có tới 70% người cao tuổi không có tích lũy vật chất; 62,3% thuộc diện khó khăn, thiếu thốn, chủ yếu ở khu vực nông thôn...

Bên cạnh đó, thực tế vẫn còn những khoảng trống về an ninh thu nhập cho người cao tuổi. Hiện nay, mức trợ cấp xã hội cho người cao tuổi chỉ cao hơn một chút so với chuẩn nghèo. Về việc điều chỉnh giảm dần độ tuổi trợ cấp hưu trí xã hội trước mắt, Chính phủ đang đề xuất với Quốc hội giảm từ 80 tuổi xuống 75 tuổi và với phương án sẽ tiếp tục giảm dần, tiến tới tiệm cận tuổi nghỉ hưu. Việc điều chỉnh này sẽ tùy theo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, khả năng ngân sách của Nhà nước. Ngoài ra, việc nhiều ngày càng nhiều người rút bảo hiểm xã hội một lần đang đặt ra nguy cơ rất lớn và ảnh hưởng đến chính sách an sinh xã hội. Tỷ lệ người cao tuổi có lương hưu, trợ cấp xã hội đã thấp, sẽ càng thấp hơn trong thời gian tới. Theo số liệu thống kê, giai đoạn 2016 - 2022, cả nước có 4.850.000 người lao động rút bảo hiểm xã hội một lần (mỗi năm bình quân có tới hơn 800.000 người rút bảo hiểm xã hội một lần); 6 tháng đầu năm 2023, cả nước có 665.000 người rút bảo hiểm xã hội một lần. Thực tế hiện nay cũng cho thấy, các nguồn thu nhập chủ yếu của người cao tuổi vẫn chủ yếu đến từ nguồn hỗ trợ của con cái và công việc họ tự tạo ra, còn các nguồn từ lương hưu, trợ giúp xã hội, tiết kiệm hay các nguồn trợ giúp khác còn rất hạn chế. Theo nghiên cứu, nguồn thu nhập chính của người cao tuổi ở Việt Nam (từ 60 tuổi trở lên) từ hỗ trợ của con cái, chiếm khoảng 38%. Trong khi đó, các nguồn

(2) Xem: Anh Thư: “Tỷ lệ người cao tuổi có lương hưu khá thấp”, *Báo Lao động điện tử*, ngày 21-4-2022, <https://laodong.vn/cong-doan/ti-le-nguoi-cao-tuoi-co-luong-huu-kha-thap-1036242.ldo>

thu nhập mà người cao tuổi có được từ lương hưu chỉ khoảng 15% và từ nguồn trợ cấp xã hội khoảng 10%. Vì vậy, nếu không có con cái hỗ trợ và không còn đủ sức khỏe để làm việc thì sẽ có rất nhiều người cao tuổi rơi vào tình trạng nghèo. Tỷ lệ người cao tuổi thuộc hộ nghèo 3,6%, cận nghèo 11,6% (cao hơn bình quân chung của cả nước). Song sự hỗ trợ từ gia đình, con cái cho người cao tuổi cũng sẽ gặp nhiều thách thức khi nước ta phải đối mặt với những khó khăn về kinh tế bởi đại dịch COVID-19, tốc độ đô thị hóa quá nhanh so với sự phát triển của các dịch vụ xã hội cùng nhiều thách thức an ninh phi truyền thống khác.

Vì những lý do trên nên hiện vẫn còn nhiều người cao tuổi cần và phải lao động để mưu sinh, rất có nhu cầu tìm kiếm việc làm. Số liệu tổng hợp từ các địa phương trên cả nước cho thấy, đến năm 2023, nước ta có hơn 7 triệu người cao tuổi đang trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh (không kể người cao tuổi làm các công việc gia đình, như chăm sóc cháu nhỏ, làm vườn, công tác xã hội, tình nguyện,...). 50,4% người cao tuổi trong độ tuổi từ 60 - 69; 19,4% người từ 70 - 79 tuổi vẫn đang lao động, tạo ra thu nhập... Cả nước hiện có 221.000 người cao tuổi đang làm chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh làm ra những sản phẩm có giá trị, góp phần xây dựng quê hương, đất nước. Song, thực tế cho thấy phần lớn người cao tuổi tìm được việc chủ yếu do mối quan hệ cá nhân chứ chưa có kênh thông tin tuyển dụng chính thức phổ biến rộng rãi. Do đó, để đáp ứng nhu cầu chuyển đổi sinh kế, khởi nghiệp cho người cao tuổi đang đặt ra cấp bách trong bối cảnh già hóa dân số hiện nay, rất cần những kênh thông tin chính thức để kết nối và xây dựng thị trường lao động dành cho người cao tuổi.

Trong khi đó, hệ thống an sinh xã hội hiện nay chưa đáp ứng được các nhu cầu của người cao tuổi, nhất là chưa có hệ thống cung ứng việc làm hay cung cấp thông tin về thị trường lao động đến người cao tuổi, hệ thống chăm sóc sức khỏe và chăm sóc sức khỏe dài hạn cho người cao tuổi còn hạn chế. Các quy định về lao động cao tuổi hiện vẫn khá hạn chế và thị trường lao động dành riêng cho đối tượng này chưa được hình thành nên người cao tuổi gặp nhiều khó khăn khi tìm việc phù hợp và có ít lựa chọn việc làm. Ngoài ra, vấn đề sức khỏe người cao tuổi ở nước ta hiện nay cũng còn một số vấn đề, như số năm sống khỏe mạnh của người cao tuổi còn thấp so với nhiều nước (tuy tuổi thọ trung bình cao - 73,5 tuổi), nhiều người cao tuổi có gánh nặng bệnh tật kép, đòi hỏi điều trị và chăm sóc lâu dài... Thực trạng này đặt ra yêu cầu phải có các giải pháp phù hợp để bảo đảm thu nhập, chăm sóc sức khỏe, an sinh xã hội, hỗ trợ pháp lý cho người cao tuổi.

2- Lịch sử đã chứng minh, người cao tuổi luôn được xem là nguồn lực quan trọng của dân tộc, là rường cột của gia đình và xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Nước nhà hưng, suy, tồn, vong; phụ lão đều gánh trách nhiệm rất nặng nề”⁽³⁾. Ngày nay, người cao tuổi có thể mang những kỹ năng, kinh nghiệm, tri thức, hay các giá trị văn hóa tinh thần để truyền lại cho các thế hệ sau. Đây là một nguồn lực rất quý cần được phát huy trong quá trình xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Bởi vậy, người cao tuổi rất cần sự quan tâm, chăm sóc của gia đình, xã hội về vật chất, tinh thần, dịch vụ y tế, trong đó có cả việc quan tâm hỗ trợ, nâng cao cơ hội tiếp cận việc làm phù hợp...

Thời gian tới, để thực hiện mục tiêu phát huy tối đa tiềm năng, vai trò, kinh nghiệm, tri thức của người cao tuổi trong các hoạt động văn hóa, xã hội, giáo dục, việc làm, kinh tế, chính trị của đất nước, phù hợp với nguyện vọng, nhu cầu, khả năng, qua đó nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người cao tuổi, ít nhất 50% số người cao tuổi có nhu cầu và khả năng lao động có việc làm, ít nhất 20.000 người cao tuổi được hỗ trợ khởi nghiệp, đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp giai đoạn 2022 - 2025, ít nhất 70% số người cao tuổi có nhu cầu, khả năng lao động có việc làm, ít nhất 30.000 người cao tuổi được hỗ trợ khởi nghiệp, đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp giai đoạn 2026 - 2030 (được đề ra tại “Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi, giai đoạn 2021 - 2030”), cần có hệ thống giải pháp căn cơ, đồng bộ để nâng cao cơ hội tiếp cận việc làm phù hợp cho người cao tuổi, cụ thể là:

Thứ nhất, tăng cường các hoạt động thông tin và truyền thông về những tấm gương người tốt việc tốt là người cao tuổi, những mô hình hình hay, tiêu biểu của người cao tuổi trong việc nỗ lực vươn lên tự an sinh và đóng góp cho cộng đồng, cho xã hội; qua đó nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vị trí, vai trò của người cao tuổi - nguồn lực quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội với tri thức, kinh nghiệm, các giá trị văn hóa tinh thần quý giá cần được lan tỏa và truyền lại cho các thế hệ sau. Tôn trọng, nhìn nhận khách quan những thế mạnh, tiềm năng của người cao tuổi để họ có điều kiện phát triển bản thân, phát huy đầy đủ năng lực và xây dựng hình ảnh toàn diện, tích cực trong gia đình và trong các hoạt động xã hội, thực sự trở thành “tài sản” của gia đình và xã hội chứ không phải “gánh nặng”. Từ đó, có thể phát huy hiệu quả nguồn lực người cao tuổi, biến thách thức của bối cảnh già hóa dân số thành cơ hội để phát triển bền vững đất nước. Cùng với việc tuyên truyền, giáo dục, cần

(3) Hồ Chí Minh: *Tàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 3, tr. 232

có chế tài, xử lý nghiêm, có tính răn đe đối với các hành vi vi phạm pháp luật hoặc hành vi xâm phạm quyền của người cao tuổi.

Thứ hai, nâng cao nhận thức của xã hội về việc đào tạo nghề, tạo việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp cho người lao động cao tuổi. Đồng thời, cần thay đổi nhận thức của toàn xã hội về vai trò việc làm của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số hiện nay. Đó là việc mở rộng cơ hội tiếp cận việc làm, giải quyết và hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động cao tuổi không chỉ để giải quyết nhu cầu nâng cao thu nhập, bảo đảm đời sống vật chất của chính họ mà còn góp phần tạo ra những giá trị bền vững cho xã hội, hướng tới giải quyết các mục tiêu kinh tế - xã hội rộng lớn hơn, như toàn dụng nguồn lao động, góp phần bảo đảm an ninh con người, trật tự an toàn xã hội, đồng thời giúp lan tỏa và tiếp nối những giá trị vật chất và tinh thần quý giá từ những người cao tuổi tới lớp trẻ, các thế hệ tương lai của đất nước.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế, chính sách dành cho người cao tuổi nói chung và chính sách việc làm nói riêng, hướng đến bảo đảm thu nhập cho người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số, nhất là đối với người cao tuổi không được hưởng chế độ hưu trí. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi một số bất cập trong các văn bản pháp luật về người cao tuổi, trong đó có hướng dẫn về các quy định liên quan đến việc phát huy vai trò của người cao tuổi trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thực hiện các chương trình nghiên cứu đầy đủ, toàn diện về người cao tuổi và tác động của các chính sách hiện hành đến đời sống của người cao tuổi để có cơ sở cho việc điều chỉnh, bổ sung và thực thi chính sách phù hợp với thực tiễn, trong đó có chính sách về việc làm. Tiếp tục triển khai hiệu quả chính sách dân số và phát triển để phát huy hiệu quả nguồn lực từ người cao tuổi trong quá trình phát triển đất nước. Tiếp tục xem xét tăng tuổi làm việc đến 70 tuổi đối với một số nhóm người lao động trình độ chuyên môn cao và đặc thù, những người có kinh nghiệm và kỹ năng (như những người có học hàm/học vị giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ; các nhà nghiên cứu khoa học...) nhằm tận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng cũng như góp phần nâng cao đời sống của người cao tuổi. Cần tập trung vào các ưu tiên chính sách để bảo đảm chế độ hưu trí, mức sống thỏa đáng cho người cao tuổi; kết hợp hiệu quả giữa lương hưu bảo hiểm xã hội, khía cạnh có đóng góp và trợ cấp hưu trí xã hội, không đóng góp. Thu hút nhiều nhóm đối tượng người lao động tham gia bảo hiểm xã hội trong bối cảnh thị trường lao động có những hình thức việc làm mới. Tăng diện bao phủ bảo hiểm xã hội với sự hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn xã hội hóa.

Thứ tư, hỗ trợ thí điểm mô hình khởi nghiệp phù hợp với người cao tuổi; hỗ trợ các cơ sở của người cao tuổi phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phù hợp quy mô, trình độ quản lý. Bên cạnh đó cũng cần đẩy mạnh việc hỗ trợ thí điểm mô hình sinh kế đối với gia đình có người cao tuổi, tạo điều kiện cho họ được ưu tiên vay vốn với lãi suất ưu đãi để tạo việc làm, tăng thu nhập. Có chính sách ưu đãi về thuế, thủ tục, miễn giảm thuế doanh thu... để khuyến khích các doanh nghiệp tuyển dụng lao động là người cao tuổi, đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp tổ chức các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn, đào tạo và đào tạo lại cho các lao động là người cao tuổi để đáp ứng được thực tế công việc. Xây dựng và thực thi có hiệu quả các cơ chế hỗ trợ, các dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm và kết nối việc làm phù hợp cho người cao tuổi có nhu cầu tìm việc làm thông qua các trung tâm dịch vụ việc làm công hay ủy thác cho dịch vụ việc làm tư nhân. Hệ thống hỗ trợ việc làm cần được xây dựng theo hướng mở, linh hoạt, sẵn sàng phục vụ nhu cầu đa dạng liên quan đến đào tạo nghề, tạo việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp cho người cao tuổi; dự báo sát thực về nhu cầu đào tạo nghề, ngành, nghề phù hợp... Việc làm cho người cao tuổi cần phù hợp với nhu cầu, sức khỏe, năng lực, sở thích, hoàn cảnh của mỗi người, ví dụ như một số việc làm trong lĩnh vực chuyên môn cao (giảng viên, bác sĩ, chuyên gia,...), việc làm liên quan đến giao tiếp xã hội (giáo viên ngôn ngữ, nhân viên dịch vụ khách hàng, hướng dẫn du lịch, bán hàng ...), việc làm liên quan đến hỗ trợ, giúp đỡ mọi người (trợ giảng/hướng dẫn, hỗ trợ chăm sóc cá nhân và chăm sóc sức khỏe tại nhà, trông trẻ,...), kinh doanh... Thực hiện tốt việc bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp phù hợp cho người cao tuổi; xây dựng cơ chế ưu đãi cho lao động là người cao tuổi, tạo điều kiện và hỗ trợ cho người cao tuổi cải thiện chất lượng việc làm. Thiết kế các hệ thống đào tạo nghề, việc làm mang tính mở, linh hoạt, thích ứng với những yêu cầu của bối cảnh mới với sự phát triển vượt bậc của khoa học và công nghệ; mở rộng cơ hội học tập suốt đời để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho lực lượng lao động nói chung và người cao tuổi nói riêng.

Thứ năm, phát huy nguồn lực người cao tuổi, thúc đẩy các tiềm năng kinh tế của lao động cao tuổi bằng cách xây dựng môi trường thể chế hỗ trợ phù hợp, giảm thiểu sự phân biệt đối xử với người cao tuổi trong tuyển dụng, cung cấp cơ hội việc làm bình đẳng cũng như cơ hội đào tạo lại và đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho các lao động nói chung, trong đó có lao động cao tuổi. Cần có quy định trong luật để phòng chống sự phân biệt đối xử dựa trên tuổi tác và giới tính, tạo môi trường làm việc thân thiện với người cao tuổi. Đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đóng góp các nguồn lực dành cho người cao tuổi. Bên cạnh đó, cần có chính sách phát triển ngành lão

khoa trong y học. Nâng cao chất lượng hệ thống dịch vụ chăm sóc xã hội người cao tuổi, chú trọng người cao tuổi khuyết tật, người cao tuổi thuộc diện nghèo không có người phụng dưỡng, người cao tuổi dân tộc thiểu số; huy động khu vực tư nhân vào tham gia cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi. Phối hợp giữa mạng lưới y tế cộng đồng với các nguồn vốn hỗ trợ tư nhân trong công việc giúp đỡ, chăm sóc người cao tuổi; qua đó góp phần bảo đảm sức khỏe thể chất và tinh thần của người cao tuổi để mỗi người cao tuổi thực sự phát huy hiệu quả vốn quý về tri thức, kinh nghiệm, bản lĩnh, ý chí, nhiệt huyết..., lan tỏa những giá trị văn hóa tốt đẹp tới thế hệ trẻ, đóng góp ngày càng nhiều công sức cho công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc.□

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG NGƯỜI CAO TUỔI VIỆT NAM - TIẾP CẬN TỪ GÓC ĐỘ HOẠT ĐỘNG GIẢI TRÍ

THS. HÀ ĐO QUYÊN

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

NÂNG cao chất lượng cuộc sống là nội dung chủ yếu trong chiến lược phát triển con người, đã trở thành mục tiêu hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mọi quốc gia, là vấn đề được nhiều nước trên thế giới cũng như Việt Nam hết sức quan tâm, nỗ lực thực hiện. Theo dự báo, đến năm 2036, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già⁽¹⁾. Già hóa dân số đặt ra những cơ hội và thách thức về mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, đồng thời đòi hỏi mỗi quốc gia thực hiện những thay đổi trong chính sách an sinh cho người cao tuổi. Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận về mối quan hệ giữa hoạt động giải trí và chất lượng cuộc sống của người cao tuổi, bài viết chỉ ra những vấn đề về hoạt động giải trí của người cao tuổi Việt Nam hiện nay, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng sống của người cao tuổi thông qua hoạt động giải trí.

Về chất lượng cuộc sống và mối quan hệ giữa hoạt động giải trí và chất lượng cuộc sống người cao tuổi

Chất lượng cuộc sống là một khái niệm ngày càng nhận được sự quan tâm ở nhiều cấp độ cả cá nhân và cộng đồng. Từ những năm 1970, chất lượng cuộc sống là một khái niệm rộng, đã xuất hiện khá phổ biến trong các nghiên cứu xã hội của Mỹ về sự hài lòng trong cuộc sống ở các nhóm xã hội. Năm 1993, Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đưa ra khái niệm về chất lượng cuộc sống (Quality of

(1) Quỹ Dân số Liên hợp quốc, Già hóa dân số, <https://vietnam.unfpa.org/vi/topics/gi%C3%A0-h%C3%B3a-d%C3%A2n-s%E1%BB%91#:~:text=Vi%E1%BB%87t%20Nam%20l%C3%A0%20m%E1%BB%99t%20trong,sang%20x%C3%A3%20h%E1%BB%99i%20%E2%80%9Cgi%C3%A0-%E2%80%9D>

life - QoL)⁽²⁾. Khái niệm chất lượng cuộc sống của WHO liên quan tới sự hạnh phúc nói chung trong xã hội, khi mọi người đạt được mục tiêu của mình nhiều nhất có thể và lựa chọn được lối sống lý tưởng của mình.

Tại châu Âu, khái niệm chất lượng cuộc sống đặc biệt được quan tâm từ khoảng năm 2009. Qua kết quả khảo sát, điểm nổi bật trong khái niệm chất lượng cuộc sống đã thực sự vượt ra ngoài cách tiếp cận điều kiện sống vốn có xu hướng tập trung vào các nguồn lực vật chất có sẵn cho các cá nhân để hướng đến một khái niệm rộng hơn, thể hiện ở ba đặc điểm chính: Chất lượng cuộc sống gắn với hoàn cảnh sống của cá nhân; chất lượng cuộc sống là một khái niệm đa chiều; chất lượng cuộc sống được đo lường bằng các chỉ số khách quan và chủ quan.

Tiếp cận ở góc độ khác, các nhà triết học cho rằng con người sinh ra để được hạnh phúc và mưu cầu hạnh phúc. Aristotle - nhà triết học Hy Lạp cổ đại đã xác định hạnh phúc là điều mong muốn nhất và ông đã viết 9 cuốn sách để tìm hiểu bản chất hạnh phúc của con người. Theo Jeremy Bentham - nhà triết gia, luật gia, nhà cải cách pháp luật và xã hội Anh, mục đích quan trọng nhất của các chính phủ là bảo đảm mang lại hạnh phúc lớn nhất cho nhiều người nhất. Các nhà triết học và tư tưởng cho rằng hạnh phúc tạo nên chất lượng cuộc sống cao nhất⁽³⁾. Hạnh phúc thường được dùng để mô tả chất lượng cuộc sống của con người, trong đó tất cả các mục tiêu của con người mang lại sự thỏa mãn. Và do đó, cảm giác hạnh phúc của con người là sự đánh giá cao nhất về cuộc sống.

Tại Vương quốc Anh, các nhà nghiên cứu sử dụng 15 chỉ tiêu và nhóm chỉ tiêu để đo lường chất lượng cuộc sống (bao gồm 3 chỉ tiêu kinh tế, 5 chỉ tiêu xã hội, 7 chỉ tiêu môi trường). Hãng Tư vấn nhân lực Mercer và Cơ quan thông tin Tạp chí Nhà kinh tế dựa trên 39 chỉ số chất lượng sống chủ yếu và được chia thành 10 nhóm (môi trường chính trị và xã hội; môi trường kinh tế; môi trường văn hóa, xã hội; những điều kiện y tế và chăm sóc sức khỏe; trường học và giáo dục; dịch vụ và vận tải công cộng; điều kiện vui chơi giải trí; tình trạng cung cấp các mặt hàng tiêu dùng; điều kiện nhà ở và môi trường thiên nhiên). Tạp chí The International Living hàng năm tiến hành điều tra chất lượng cuộc sống ở 194 nước dựa trên 9 chỉ số (chi phí sinh hoạt; văn hóa và giải trí; kinh tế; môi trường; quyền tự do; chăm sóc y tế; cơ sở hạ tầng; sự an toàn và mức độ

(2) WHO Quality of Life group (1993), *Study protocol for the World Health Organization project to develop a quality of life assessment instrument (WHOQOL)*, Quality of Life Research, Vol.2, pp.153-159

(3) Doh Chull Shin (2009), *Chất lượng cuộc sống của người dân châu Á theo Nho giáo: Quan niệm về hạnh phúc*, Tạp chí Nghiên cứu con người, số 6 (45), tr. 3

rủi ro; khí hậu)⁽⁴⁾. Dựa trên kết quả khảo sát tại 7 quốc gia châu Á, tiến sĩ Doh Chull Shin cho rằng 3 yếu tố bao gồm sự thích thú, sự thỏa mãn và sự thành đạt tạo nên hạnh phúc/cuộc sống chất lượng⁽⁵⁾. Theo quan điểm của chúng tôi, *chất lượng cuộc sống là một khái niệm rộng, bao gồm nhiều chiều cạnh, thể hiện mức độ đáp ứng các nhu cầu chính đáng trong cuộc sống của mỗi cá nhân, cộng đồng và xã hội nhằm hướng tới sự phát triển hoàn thiện con người. Mức độ đáp ứng càng cao thì cuộc sống của cá nhân, cộng đồng đó càng có chất lượng.*

Lý thuyết về nhu cầu của A.Maslow - nhà tâm lý học người Mỹ cho rằng nhu cầu của con người gồm nhiều loại khác nhau được sắp xếp theo thứ tự từ thấp đến cao, gồm 5 dạng cơ bản, bao gồm sinh học; an toàn, an ninh; xã hội; được đánh giá, tôn trọng và nhu cầu về sự hoàn thiện⁽⁶⁾. Tuy nhiên, ngoài những nhu cầu chung trong thang nhu cầu của A.Maslow, người cao tuổi Việt Nam còn có những nhu cầu đặc trưng sau:

Thứ nhất, nhu cầu được sống khỏe mạnh. Trong văn hóa Việt Nam, “Thọ” (sống lâu, sống khỏe mạnh) là một trong năm giá trị cốt lõi mà mọi người dân đều mong cầu và hướng tới, đặc biệt là người cao tuổi⁽⁷⁾. Sức khỏe tốt cho phép người cao tuổi tiếp tục tham gia vào các hoạt động xã hội, tận hưởng cuộc sống và đóng góp cho cộng đồng.

Thứ hai, nhu cầu chăm sóc sức khỏe. Đây là nhu cầu phái sinh từ nhu cầu thứ nhất bởi người cao tuổi thường bị suy giảm khả năng miễn dịch và dễ mắc các bệnh lý và triệu chứng liên quan đến tuổi tác, như tim mạch, huyết áp, tiểu đường, xương khớp, suy giảm thị lực, thính lực, các vấn đề liên quan đến trí nhớ và chức năng tư duy... Nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi thường tập trung vào việc kiểm soát và điều trị các bệnh lý này cũng như chăm sóc sức khỏe tinh thần nhằm cải thiện sức khỏe thể chất, giảm căng thẳng và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Thứ ba, nhu cầu giao tiếp xã hội. Giao tiếp xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc tạo mối quan hệ và kết nối giữa người cao tuổi với cộng đồng, xã hội. Người cao tuổi có nhu cầu tương tác với gia đình, bạn bè, cộng đồng xung quanh

(4) PGS, TS. Lưu Ngọc Trinh (2010), *Cải thiện chất lượng cuộc sống ở châu Á*, Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và chính trị thế giới, số 9 (173), tr.27 - 28

(5) Doh Chull Shin (2009), *Chất lượng cuộc sống của người dân châu Á theo Nho giáo: Quan niệm về hạnh phúc*, Tạp chí Nghiên cứu con người, số 6 (45), 2009, tr. 7

(6) McLeod, Saul (2007), Maslow's Hierachy of needs, Simply Psychology, <https://www.simplypsychology.org/maslow.html>

(7) Năm giá trị đó bao gồm: Phú, Quý, Thọ, Khang, Ninh

để chia sẻ, trao đổi thông tin, kinh nghiệm, giúp họ được kết nối, gắn bó với cộng đồng, không cảm thấy cô đơn, đem lại sự tự tin và tăng cường trạng thái tinh thần tích cực.

Thứ tư, nhu cầu truyền thụ kinh nghiệm, kiến thức. Người cao tuổi thường có trải nghiệm, vốn sống phong phú, kiến thức sâu, rộng hơn so với các lứa tuổi khác. Họ muốn truyền đạt những kiến thức, kinh nghiệm về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán... cho các thế hệ sau nhằm gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa lâu đời của gia đình, dòng họ, quốc gia, dân tộc. Việc truyền thụ kiến thức, kinh nghiệm sống không chỉ thể hiện mong muốn được tiếp tục đóng góp nhiều hơn cho xã hội mà còn giúp người cao tuổi duy trì hoạt động trí óc, phát triển năng lực tư duy và nhận thức, bắt kịp các xu hướng, thay đổi trong xã hội.

Thứ năm, nhu cầu giải trí. Đối với người cao tuổi, nhu cầu giải trí là một trong những nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống và ngày càng được thể hiện rõ nét hơn so với các lứa tuổi khác bởi họ có nhiều thời gian rảnh rỗi hơn, kinh tế ổn định hơn, ít bị ràng buộc bởi các nghĩa vụ xã hội, đồng thời đáp ứng nhu cầu được giao lưu, tâm lý muốn khẳng định và được ghi nhận sự hữu ích của bản thân người cao tuổi trong cộng đồng. Nhu cầu giải trí là tiền đề để con người nói chung, người cao tuổi nói riêng thực hiện các hoạt động giải trí. *Hoạt động giải trí chính là các hoạt động do con người lựa chọn và tự nguyện thực hiện trong thời gian rảnh, bao gồm các hoạt động thể chất và tinh thần nhằm đem lại sự thư giãn, phục hồi thể lực và trí lực, thỏa mãn nhu cầu, sở thích của con người, thể hiện bản thân, phát huy tính sáng tạo, góp phần phát triển toàn diện con người.* Hoạt động giải trí có thể chia thành 3 dạng cơ bản là giải trí thể chất, giải trí tinh thần và giải trí sáng tạo⁽⁸⁾. Theo kết quả khảo sát 350 hộ gia đình có người cao tuổi sinh sống từ 12 tháng trở lên tại Hà Nội năm 2021, 52,2% số hộ được khảo sát có nhu cầu tham gia và sẵn sàng chi trả cho các hoạt động vui chơi, giải trí, giao lưu tại các trung tâm chăm sóc ban ngày cho người cao tuổi; tỷ lệ không đồng ý là 11% và phân vân là 36,8%⁽⁹⁾.

Hoạt động giải trí và chất lượng cuộc sống có mối liên hệ mật thiết, thể hiện ở chức năng của hoạt động giải trí đối với đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội

(8) Ba loại hình giải trí trên được phân loại theo tính chất của hoạt động giải trí. Ngoài ra còn có nhiều tiêu chí để phân loại hoạt động giải trí, như địa điểm tổ chức, quy mô của chủ thể tham dự, hình thức tham gia của chủ thể...

(9) Bùi Thị Ngọc Minh và cộng sự (2021), *Nhu cầu và khả năng chi trả của người dân với các dịch vụ chăm sóc ban ngày cho người cao tuổi tại một khu đô thị ở Hà Nội năm 2021 và một số yếu tố liên quan*, *Tạp chí Y học Việt Nam*, số 2, tháng 4-2021, tr. 179

của mỗi cá nhân cũng như của cộng đồng. Đối với người cao tuổi, chức năng của hoạt động giải trí được thể hiện, cụ thể:

Một là, cải thiện sức khỏe thể chất. Hoạt động thể chất thường xuyên giúp người cao tuổi duy trì lối sống tích cực, tăng cường sức khỏe, phòng ngừa các bệnh mạn tính và kéo dài tuổi thọ⁽¹⁰⁾; từ đó giảm chi phí khám, chữa bệnh ở người cao tuổi, tập trung nguồn lực tài chính cho các lĩnh vực khác để nâng cao chất lượng cuộc sống của họ.

Hai là, cải thiện sức khỏe tinh thần. Các hoạt động giải trí như xem phim, nghe nhạc, đọc sách, tập luyện thể dục thể thao... giúp người cao tuổi giảm căng thẳng và giải tỏa những cảm xúc tiêu cực hữu hiệu⁽¹¹⁾, kích thích não bộ sản sinh các morphin nội sinh, trong đó có hormone dopamine giúp giải tỏa căng thẳng và mang đến sự hưng phấn. Nhờ đó, cải thiện tâm trạng và tăng cường trạng thái tinh thần tích cực, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người cao tuổi.

Bên cạnh đó, quá trình thực hành hoạt động giải trí giúp người cao tuổi tăng cường các mối quan hệ. Sự giao tiếp và kết nối xã hội giúp họ cảm thấy được hòa nhập, giảm cảm giác cô đơn; đồng thời, giúp họ được phát triển bản thân, nhận được sự tôn trọng của những người xung quanh và trao truyền lại vốn kiến thức, kinh nghiệm của mình cho thế hệ sau, đóng góp cho xã hội⁽¹²⁾.

Ba là, tăng cường tư duy và trí tuệ. Tham gia vào các hoạt động giải trí, đặc biệt là hoạt động giải trí sáng tạo, kích thích não bộ và duy trì trí nhớ, tăng cường sự tập trung và khả năng tư duy linh hoạt cho người cao tuổi, giúp cải thiện tình trạng bệnh Alzheimer ở người cao tuổi⁽¹³⁾.

(10) Carinn Lennartsson, Merril Silverstein (2001), *Does Engagement With Life Enhance Survival of Elderly People in Sweden? The Role of Social and Leisure Activities*, The Journals of Gerontology: Series B, Volume 56, Issue 6, 1 November 2001, pp.335 - 342, <https://doi.org/10.1093/geronb/56.6.S335>

(11) Giovanni Sala and partners (2019), *The impact of leisure activities on older adults' cognitive function, physical function, and mental health*, November 8, 2019, <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0225006>

(12) Theo kết quả khảo sát đối với 200 người cao tuổi tại Hà Nội từ tháng 7 đến tháng 8-2023, mục đích của người cao tuổi khi thực hiện các hoạt động giải trí tập trung chủ yếu vào: Gặp gỡ, giao lưu, tiếp xúc với mọi người (36,67%); giữ gìn, nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần (31,67%); được tìm hiểu, học hỏi thêm các kiến thức mới, bổ ích trong các lĩnh vực khác nhau (16,67%); được phát triển bản thân, nhận được sự tôn trọng của những người xung quanh (10%) và trao truyền lại vốn kiến thức, kinh nghiệm của mình cho thế hệ sau, đóng góp cho xã hội (5%)

(13) Forbes D, Forbes SC, Blake CM, Thiessen EJ, Forbes S, *Exercise programs for people with dementia*, The Cochrane Database of Systematic Reviews (Submitted manuscript). 132 (4), Apr 2015, CD006489. doi:10.1002/14651858.CD006489.pub4. PMID 25874613

Bốn là, hoạt động giải trí mở ra cơ hội để người cao tuổi khám phá sở thích và thể hiện sự sáng tạo của mình. Nhiều người cao tuổi đã phát huy năng lực của mình trong các lĩnh vực văn học, nghệ thuật thông qua các hoạt động giải trí⁽¹⁴⁾. Người cao tuổi sử dụng văn học, nghệ thuật như phương tiện thích hợp để thể hiện mình, thể hiện lý tưởng của một lớp người từng trực tiếp trải nghiệm nhiều năm trong cuộc sống. Đối với văn học, nghệ thuật, người cao tuổi có hai phương diện tự biểu hiện: (1) Người sáng tạo, đóng góp cho văn hóa nghệ thuật và (2) Người tiếp nhận, hưởng thụ các sản phẩm văn hóa nghệ thuật.

Năm là, chức năng kinh tế. Trên phương diện vĩ mô, hoạt động giải trí giúp tái tạo sức lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từ đó góp phần nâng cao năng suất lao động, kích thích sự phát triển kinh tế. Đồng thời, hoạt động giải trí còn tạo ra thu nhập, tạo việc làm và thúc đẩy sự phát triển kinh tế thông qua ngành công nghiệp giải trí, đóng góp vào sự phát triển. Trên phương diện vi mô, hoạt động giải trí giúp nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần của con người, giúp giảm bệnh tật, đặc biệt là với người cao tuổi; từ đó giúp tiết kiệm chi phí chăm sóc sức khỏe, chi phí khám, chữa bệnh; góp phần không nhỏ trong việc giảm áp lực đối với quỹ tiêu dùng của cá nhân người cao tuổi, gia đình và ngân sách của nhà nước.

Như vậy, có thể thấy giải trí vừa là nhu cầu, vừa là hoạt động mang tính văn hóa - xã hội, đáp ứng nhu cầu thể chất và tinh thần, phát huy tính sáng tạo, góp phần phát triển toàn diện con người nói chung, người cao tuổi Việt Nam nói riêng. Việc tổ chức thực hành tốt các hoạt động giải trí cho người cao tuổi là góp phần đáp ứng các nhu cầu cơ bản và chính đáng của người cao tuổi, hướng tới nâng cao chất lượng cuộc sống người cao tuổi tại Việt Nam hiện nay theo tinh thần Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng: "... thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam"⁽¹⁵⁾.

(14) Nhóm vẽ "So you can paint" gồm 12 họa sĩ nghiệp dư tuổi từ 60-75 tuổi, là những kỹ sư, những nhà khoa học, những nhà quản lý đã về hưu. Chưa một ai trong số họ từng theo học hội họa. Tình yêu hội họa, sự kiên trì đã thức tỉnh trong họ những tư chất vốn có (tài năng) vì suốt tuổi thơ và tuổi tráng niên không có điều kiện theo học. - Dẫn theo: Hương Thu, Triển lãm tranh "Đi qua mùa thu" của 12 họa sĩ nghiệp dư cao tuổi, <https://tuoitrethudo.com.vn/trien-lam-tranh-di-qua-mua-thu-cua-12-hoa-sy-nghiep-du-cao-tuoi-181448.html>, đăng ngày 28-10-2021

(15) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. 2, tr. 336

VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢI TRÍ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG NGƯỜI CAO TUỔI VIỆT NAM HIỆN NAY

Tính đến ngày 9-2-2023, dân số Việt Nam đạt 104,065 triệu người, trong đó có 16,179 triệu người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên, chiếm 15,54% dân số⁽¹⁶⁾. Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Dự báo đến năm 2050, con số này sẽ tăng lên hơn 25%; đến năm 2036, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội “già hóa” sang xã hội “già”⁽¹⁷⁾.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm sâu sắc đến người cao tuổi. Năm 1941, trong “Lời hiệu triệu đoàn kết tất cả các bậc phụ lão”, Người viết: “Đất nước hưng thịnh do phụ lão giúp sức. Đất nước bị mất phụ lão cứu. Đất nước suy sụp phụ lão phù trì. Nước nhà hưng, suy, tồn, vong phụ lão đều gánh trách nhiệm rất nặng nề”⁽¹⁸⁾. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, người cao tuổi Việt Nam đã và đang có nhiều đóng góp quan trọng, đúng như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: Người cao tuổi thực sự là “vốn quý của dân tộc, là lực lượng quan trọng của đất nước, là rường cột của gia đình và xã hội Việt Nam”⁽¹⁹⁾.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của nước ta thời kỳ tới, trong đó có: “Bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi; khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội; tích cực, chủ động xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi...”⁽²⁰⁾. Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII, nhiều chương trình, kế hoạch chăm lo đời sống cho người cao tuổi đã được ban hành và triển khai tích cực trên khắp cả nước. Đến nay, người cao tuổi Việt Nam được chăm sóc ngày càng tốt hơn, hằng năm có 1,1 triệu người được chúc thọ, mừng thọ; 3 triệu người cao tuổi được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, 4 triệu người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ; trên 95% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế; cả nước có trên 77 nghìn câu lạc bộ với nhiều loại hình văn

(16) Bộ Công an (2023), Công văn số 644/BCA-C06 về việc phân tích dữ liệu người cao tuổi, ngày 7-3-2023

(17) Nguyễn Thanh Bình (2023), Già hóa dân số nhanh ở Việt Nam và khuyến nghị chính sách, <https://nhandan.vn/gia-hoa-dan-so-nhanh-o-viet-nam-va-khuyen-nghi-chinh-sach-post756305.html>

(18) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 3, tr. 233

(19) Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại buổi gặp mặt các đại biểu dự Đại hội Hội Người cao tuổi Việt Nam lần thứ VI, nhiệm kỳ 2016 - 2021. Dẫn theo: Hội Người cao tuổi Việt Nam (2021), *Kỹ yếu Đại hội và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VI Hội Người cao tuổi Việt Nam, nhiệm kỳ 2016 - 2021*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 16

(20) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 271

hóa, văn nghệ, thể thao thu hút trên 2,5 triệu người cao tuổi tham gia. Trên 3.500 câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau, thu hút trên 170.000 người cao tuổi tham gia trong cả nước. Mô hình Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau được các tổ chức, cộng đồng trong và ngoài nước đánh giá cao; đạt giải nhất “Sáng kiến vì một châu Á khỏe mạnh”⁽²¹⁾. Năm 2023, Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam đã tổ chức thành công Liên hoan Tiếng hát người cao tuổi Việt Nam thu hút sự tham gia của 54 đoàn nghệ thuật và hơn 1.000 diễn viên người cao tuổi từ mọi miền đất nước⁽²²⁾. Cũng trong năm 2023, Hội nghị Biểu dương Người cao tuổi làm kinh tế giỏi lần thứ IV đã được tổ chức, tôn vinh 455.267 người cao tuổi làm kinh tế giỏi, đại diện cho hơn 7 triệu người cao tuổi làm kinh tế trên toàn quốc⁽²³⁾... Những hoạt động cụ thể, thiết thực đó đã góp phần tích cực nâng cao chất lượng cuộc sống của người cao tuổi, đồng thời phát huy vai trò của người cao tuổi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, hoạt động chăm lo, nâng cao chất lượng cuộc sống người cao tuổi Việt Nam hiện chủ yếu tập trung vào việc chăm sóc sức khỏe, bảo đảm thu nhập, chỗ ở... cho người cao tuổi. Hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giải trí cho người cao tuổi ở nước ta còn hạn chế, chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức. Trong Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, mục tiêu cụ thể đối với giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030 chỉ có 2/13 và 3/13 nội dung liên quan tới đời sống văn hóa, nghệ thuật, giải trí cho người cao tuổi⁽²⁴⁾. Do vậy, hoạt động văn hóa, giải trí của người cao tuổi ở nước ta thời gian qua dù có những nét khởi sắc, song vẫn còn tồn tại một số vấn đề sau:

Thứ nhất, nhận thức của phần lớn người dân và các cơ quan, tổ chức về người cao tuổi, nhu cầu và hoạt động giải trí của người cao tuổi còn hạn chế. Trong xã hội, vẫn còn định kiến về người cao tuổi, cho rằng họ là gánh nặng của xã hội, cần được chăm sóc nên phản ứng chính sách chủ yếu tập trung vào

(21) Hội Người cao tuổi Việt Nam, *Kỹ yếu Đại hội và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VI Hội Người cao tuổi Việt Nam nhiệm kỳ 2021 - 2026*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2021, tr. 13

(22) Nguồn: *Bài phát biểu tổng kết, bế mạc Liên hoan Tiếng hát người cao tuổi toàn quốc năm 2023* của đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Chủ tịch Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam tại Lễ tổng kết, trao giải Liên hoan tiếng hát Người cao tuổi toàn quốc năm 2023 tại Nhà hát lớn, Hà Nội, ngày 28-10-2023

(23) Nguồn: *Bài phát biểu khai mạc của đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Chủ tịch Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam tại Hội nghị toàn quốc biểu dương người cao tuổi làm kinh tế giỏi lần thứ IV, giai đoạn 2018 - 2023*, ngày 16-11-2023 tại Hội trường Bộ Quốc phòng, Hà Nội

(24) Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2156/QĐ-TTg, ngày 21-12-2021 phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpg/2021/12/2156.signed_01.pdf

chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội. Bản thân người cao tuổi vẫn còn những mặc cảm, cho rằng mình đã “hết thời”, sống phụ thuộc vào sự chăm sóc của gia đình, người thân nên chưa chủ động trong việc đáp ứng, thỏa mãn nhu cầu giải trí chính đáng của bản thân. Do đó, dễ dàng nhận thấy nhu cầu giải trí của người cao tuổi chưa được quan tâm đúng mức; chưa đầu tư vào các chương trình, kế hoạch hành động, các sản phẩm, dịch vụ giải trí dành riêng cho nhóm đối tượng này.

Thứ hai, thiếu không gian dành riêng cho hoạt động giải trí của người cao tuổi. Chưa có các thiết chế văn hóa, giải trí dành riêng cho người cao tuổi; thiếu các quy định, quy chế về phân bổ kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng, tổ chức hoạt động vui chơi giải trí cho người cao tuổi.

Thứ ba, các dịch vụ giải trí phục vụ người cao tuổi chưa đa dạng, còn đơn điệu, nghèo nàn, chủ yếu là các chương trình miễn phí trên sóng phát thanh, truyền hình, tập trung chủ yếu vào các chương trình của các đài truyền hình lớn, như chương trình Cây cao bóng cả, Vui - Khỏe - Có ích, Tiếng hát mãi xanh, Vũ điệu vàng... (Đài Truyền hình Việt Nam), Tình trăm năm (Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh) với tần suất xuất hiện rất hạn chế. Ngoài ra, trong cả nước, chỉ có Trung tâm Văn hóa người cao tuổi là đơn vị trực thuộc Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam được cấp kinh phí tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Tuy nhiên, quy mô hoạt động của Trung tâm mới chỉ dừng lại ở tổ chức luyện tập, biểu diễn phục vụ các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của đất nước; của Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam, Hội Người cao tuổi các địa phương nói riêng chứ chưa tiếp cận được đến đông đảo người cao tuổi trong cả nước⁽²⁵⁾. Về phía tư nhân, nhiều trung tâm dưỡng lão, trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đã được thành lập và đưa vào hoạt động, như Trung tâm dưỡng lão Diên hồng, Viện dưỡng lão ALH, Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Nhân Ái, Viện dưỡng lão Thiên Đức... Tuy vậy, dịch vụ do các trung tâm này cung cấp chủ yếu tập trung vào chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, các hoạt động văn hóa, giải trí chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ trong chương trình hoạt động.

(25) Trung tâm Văn hóa người cao tuổi được thành lập ngày 9-11-2001, hiện có 19 câu lạc bộ và 6 đoàn nghệ thuật quần chúng với hơn 300 người tham gia, hoạt động trên nhiều lĩnh vực văn hóa nghệ thuật: Ca nhạc, múa, khiêu vũ, hát chèo, xẩm, châu văn, diễn xướng hầu đồng... Ngoài ra, Trung tâm còn có 14 câu lạc bộ Thi đàn Việt gồm hơn 3.000 thành viên tại các tỉnh, thành phố trên cả nước - Dẫn theo: Thanh Hà (2023), *Trung tâm Văn hóa người cao tuổi Việt Nam: 20 năm một chặng đường*, <http://vanhoanghethuat.vn/trung-tam-van-hoa-nguoi-cao-tuoi-viet-nam-20-nam-mot-chang-duong.htm>

Ở nước ta hiện nay vẫn thiếu các chương trình, hoạt động giải trí phát huy vai trò của người cao tuổi trong bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống thông qua các hoạt động giải trí của người cao tuổi. Người cao tuổi là vốn quý của xã hội, là người gìn giữ, trao truyền tri thức, giá trị văn hóa của ông cha để lại cho thế hệ sau. Việc thiếu các chương trình, hoạt động phát huy vai trò của người cao tuổi trong bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống vừa không đáp ứng được nhu cầu giải trí của người cao tuổi, vừa gây lãng phí nguồn lực người cao tuổi, dẫn đến sự đứt gãy về văn hóa giữa các thế hệ, ảnh hưởng không nhỏ tới việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Thứ tư, sự chênh lệch trong đầu tư dịch vụ văn hóa giữa các vùng, miền khác nhau trong cả nước đã dẫn đến sự chênh lệch trong khả năng tiếp cận dịch vụ văn hóa giữa vùng núi, nông thôn và đô thị; làm ảnh hưởng tới quyền thụ hưởng văn hóa của người dân nói chung, người cao tuổi nói riêng, cũng như sự phát triển thị trường dịch vụ văn hóa tại các vùng, miền. Sự chênh lệch này cũng thể hiện sự thiếu đồng bộ trong quy hoạch phát triển văn hóa giữa các khu vực, sự bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ văn hóa của người dân giữa các khu vực khác nhau. Bên cạnh đó, khoảng cách giàu - nghèo trong xã hội cũng góp phần “kéo giãn” khả năng tiếp cận các dịch vụ giải trí của một bộ phận người cao tuổi có thu nhập thấp so với nhóm người cao tuổi có thu nhập tốt hơn ở nước ta.

Để nâng cao chất lượng hoạt động giải trí, hướng tới nâng cao chất lượng cuộc sống của người cao tuổi, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững cho đất nước, trong thời gian tới cần thực hiện đồng bộ một số nhóm giải pháp sau:

Một là, nhóm giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức. Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xóa bỏ định kiến xã hội về người cao tuổi và hoạt động giải trí của người cao tuổi; nâng cao nhận thức của chính quyền, xã hội, gia đình và người dân về vị thế, vai trò của người cao tuổi và nguồn lực người cao tuổi tại Việt Nam. Trong giáo dục, tuyên truyền, cần hạn chế tình trạng mô tả người cao tuổi gắn với hình ảnh “ốm đau”, “bệnh tật”, “lưng còng”, “tóc bạc”; tránh định kiến rằng người cao tuổi là những người già yếu, hết thời, sống phụ thuộc vào sự chăm sóc, trợ giúp của gia đình và xã hội. Bản thân người cao tuổi cũng cần thay đổi nhận thức về vị thế, vai trò của mình trong gia đình, cộng đồng, xã hội; tích cực phát huy vai trò trong công cuộc phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội; chủ động xây dựng, nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân. Đồng thời, cần nhìn nhận nhu cầu giải trí của người cao tuổi là nhu cầu chính đáng, không phải “sống gấp, sống vội” hay “trẻ không chơi, già đổ đốn” như

quan niệm của một bộ phận trong xã hội hiện nay. Cần nhận rõ hoạt động giải trí là hoạt động cơ bản, cần thiết trong cuộc sống và là quyền lợi chính đáng của người cao tuổi đã được luật định. Khuyến khích, tăng cường các nghiên cứu về người cao tuổi từ các hướng tiếp cận đa dạng thay vì chủ yếu tiếp cận từ góc độ chăm sóc sức khỏe như hiện nay, qua đó, góp phần xây dựng “bức tranh” về người cao tuổi Việt Nam sát với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội đất nước thời gian qua.

Hai là, nhóm giải pháp về chính sách. Trên cơ sở thay đổi nhận thức về người cao tuổi trong giai đoạn phát triển mới - thời kỳ già hóa dân số, Nhà nước cần sửa đổi, bổ sung, ban hành các chính sách phù hợp, đề cao và phát huy vai trò nguồn lực người cao tuổi trong phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội cũng như ban hành các chính sách về đáp ứng nhu cầu giải trí, nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, giải trí của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số. Cần quan tâm hơn nữa nội dung “Nhà nước đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở văn hóa, giáo dục, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần và rèn luyện sức khỏe của người cao tuổi” trong Luật Người cao tuổi (năm 2009)⁽²⁶⁾; cần thể chế mức đầu tư từ ngân sách của Nhà nước cho lĩnh vực này cũng như mức ưu đãi mà các tổ chức, cá nhân nhận được và tạo lập các cơ chế, chính sách hỗ trợ tối đa các tổ chức, cá nhân khi chung tay cùng Nhà nước trong nâng cao chất lượng cuộc sống người cao tuổi. Nhà nước cần bảo đảm các chính sách hỗ trợ xã hội và dịch vụ công cộng đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người cao tuổi, bao gồm chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần cũng như tạo ra cơ hội tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội; bảo đảm độ bao phủ của chính sách đối với người cao tuổi ở các vùng, miền khác nhau trên cả nước. Khuyến khích, phát triển, mở rộng các tổ chức xã hội, như câu lạc bộ, hội nhóm, hoạt động tình nguyện và các sự kiện văn hóa, thể thao, giải trí dành riêng cho người cao tuổi.

Bên cạnh đó, Nhà nước cần coi trọng và bố trí nguồn lực để xây dựng các thiết chế văn hóa nói chung, thiết chế giải trí dành riêng cho người cao tuổi Việt Nam. Tập trung đầu tư và phát triển các trung tâm văn hóa, nghệ thuật và thể dục thể thao dành cho người cao tuổi; xây dựng các chương trình, hoạt động gắn với đáp ứng nhu cầu văn hóa, giải trí của nhóm đối tượng này; bố trí không gian phù hợp, có mức giá ưu đãi tiến tới miễn phí các dịch vụ văn hóa,

(26) Quốc hội (2009), *Luật Người cao tuổi Việt Nam*, Luật số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Luat-nguoi-cao-tuoi-nam-2009-98672.aspx>

giải trí cho người cao tuổi tại các thiết chế văn hóa công cộng. Đầu tư đồng bộ về thiết chế văn hóa nói chung và thiết chế, dịch vụ văn hóa phục vụ người cao tuổi nói riêng, giữa các vùng, miền; bảo đảm công bằng trong tiếp cận dịch vụ văn hóa, giải trí cho người cao tuổi ở các khu vực.

Đồng thời, cần nhìn nhận người cao tuổi là một nguồn lực, đối tượng quan trọng thông qua việc phát huy vai trò của người cao tuổi trong phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội cũng như phát triển các sản phẩm, dịch vụ dành cho người cao tuổi, hướng tới hình thành “*ngành kinh tế dành cho người cao tuổi*” (kinh tế bạc). Trong công nghiệp văn hóa, cần coi người cao tuổi là một nhóm “khách hàng” tiềm năng, có thời gian rảnh và điều kiện kinh tế đáng để khai thác bên cạnh các nhóm khách hàng trẻ tuổi như hiện nay. Trong xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Nhà nước cần tạo điều kiện, hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu, tạo ra các sản phẩm công nghệ, các phần mềm ứng dụng giải trí thân thiện với người cao tuổi để họ có thể tiếp cận nhanh chóng, thuận tiện với các dịch vụ cũng như các xu hướng giải trí tiên tiến trong nước và trên thế giới, đáp ứng nhu cầu giải trí chính đáng, không ngừng cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống người cao tuổi.

Ba là, tăng cường giao lưu, trao đổi, hợp tác quốc tế với các quốc gia đã thực hiện thành công quá trình già hóa dân số tích cực trên thế giới. Quá trình già hóa dân số ở Việt Nam diễn ra sau các quốc gia châu Âu, Bắc Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... nhưng tốc độ già hóa lại nhanh hơn, diễn biến phức tạp hơn do nước ta vẫn là nước đang phát triển. Do vậy, việc nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của các quốc gia đi trước sẽ giúp Việt Nam có sự chuẩn bị cần thiết để “già hóa chủ động, tích cực”, phát huy tối đa tiềm năng, giảm thiểu các hạn chế, tác động của xu hướng này đến công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của nước ta trong thời kỳ già hóa dân số. Cần chủ động tích cực nghiên cứu các mô hình, sản phẩm chăm sóc sức khỏe, viện dưỡng lão, các trung tâm giải trí dành cho người cao tuổi của các quốc gia phát triển để xây dựng các dịch vụ, sản phẩm văn hóa, giải trí đa dạng, hiện đại, đáp ứng tối đa các nhu cầu của người cao tuổi Việt Nam, đồng thời phù hợp với văn hóa và truyền thống Việt Nam.

Bốn là, phát huy tốt hơn nữa vai trò của Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam, các cấp Hội Người cao tuổi địa phương, các Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau trong việc phát huy vai trò, nguồn lực người cao tuổi, đáp ứng tốt hơn nhu cầu chính đáng của người cao tuổi; nhân rộng Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau đối với các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân

tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; hướng tới giải quyết các nhu cầu an sinh xã hội tại cơ sở, góp phần làm tốt công tác chăm sóc người cao tuổi đã được luật định, hướng tới một xã hội già hóa khỏe mạnh, hạnh phúc.

Tại buổi gặp mặt các đại biểu về dự Đại hội Hội Người cao tuổi Việt Nam lần thứ VI (năm 2021), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: “Trong tình hình mới hiện nay, quá trình già hoá của dân số nước ta đang diễn ra nhanh chóng, cùng với tuổi thọ bình quân ngày càng cao; lực lượng người cao tuổi ngày càng nhiều hơn, đông hơn; đó là phúc lớn cho Dân tộc”⁽²⁷⁾. Chăm lo, đáp ứng tốt các nhu cầu, trong đó có nhu cầu và hoạt động giải trí của người cao tuổi, là nội dung quan trọng để nâng cao chất lượng cuộc sống người cao tuổi, hướng tới già hóa chủ động, bảo đảm cho người cao tuổi Việt Nam “sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc”, tiếp tục phát huy truyền thống Diên Hồng, đồng hành cùng dân tộc Việt Nam phấn đấu vì một Việt Nam phồn vinh, hùng cường và thịnh vượng.□

(27) Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại buổi gặp mặt các đại biểu dự Đại hội Hội Người cao tuổi Việt Nam lần thứ VI, nhiệm kỳ 2016 - 2021. Dẫn theo: Hội Người cao tuổi Việt Nam (2021), *Kỷ yếu Đại hội và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VI Hội Người cao tuổi Việt Nam, nhiệm kỳ 2016 - 2021*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 16

GIÀ HÓA DÂN SỐ VÀ VẤN ĐỀ CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI Ở CỘNG ĐỒNG TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

THS. PHẠM THỊ HẠNH

Tạp chí Cộng sản

Thực trạng già hóa dân số ở Việt Nam

Thế kỷ XXI được Liên hợp quốc gọi là thế kỷ của già hóa dân số. Năm 2019, tổng dân số cao tuổi (65+) trên toàn cầu là 703 triệu (chiếm 9,1% tổng dân số thế giới). Trong 3 thập kỷ tới, các con số này sẽ tăng lên 1,5 tỷ và 15,5% vào năm 2050, lần đầu tiên số người cao tuổi (NCT) nhiều hơn số trẻ em dưới 15 tuổi.

Dân số NCT ở Việt Nam đang tăng nhanh cả về số lượng và tỷ trọng. Năm 2011, Việt Nam bước vào giai đoạn già hóa dân số với tỷ trọng dân số cao tuổi (60+) chiếm 10%. Dự báo đến năm 2029, số lượng NCT sẽ đạt 17,28 triệu người (chiếm 16,53% tổng dân số); 22,29 triệu người (chiếm 20,21% tổng dân số) vào năm 2038; 28,61 triệu người (chiếm 24,88% tổng dân số) vào năm 2049 và 31,69 triệu người (chiếm 27,11% tổng dân số) vào năm 2069. Dự báo thời kỳ dân số già sẽ bắt đầu vào năm 2038 và dân số siêu già sẽ xuất hiện vào năm 2056. Tốc độ già hóa nhanh khiến thời gian quá độ từ “già hóa dân số” sang “dân số già” chỉ khoảng 25 năm, ngắn hơn nhiều so với các quốc gia phát triển như Pháp 115 năm; Thụy Điển 85 năm; Australia 73 năm; Mỹ 68 năm.

Trong giai đoạn 2009 - 2019, dân số cao tuổi tăng từ 7,45 triệu lên 11,41 triệu, tương ứng với tăng từ 8,68% lên 11,86% tổng dân số. Dân số cao tuổi tăng thêm chiếm gần 40% tổng dân số tăng thêm. Cũng trong giai đoạn này, tổng dân số tăng trung bình 1,14%/năm thì dân số cao tuổi tăng tới 4,35%/năm. Trong số NCT tăng thêm, nhóm NCT sơ lão (60 - 69) có tốc độ tăng cao nhất, tiếp đó là nhóm NCT đại lão (từ 80 tuổi trở lên).

Xét theo giới tính, số lượng tăng thêm của phụ nữ cao tuổi lớn hơn nam giới cao tuổi. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2009 - 2019, tốc độ tăng dân số hàng năm của nhóm phụ nữ cao tuổi cao hơn so với nhóm nam giới cao tuổi, tương ứng là 4,09% và 4,72%. Tỷ số giới tính - tỷ số cho biết cứ 100 nam giới cao tuổi thì có bao nhiêu phụ nữ cao tuổi ở trong cùng nhóm tuổi - có xu hướng giảm ở tất cả các nhóm tuổi, nhưng sự khác biệt giữa nhóm đại lão còn cao.

Tỷ lệ NCT sống ở thành thị tăng lên do quá trình đô thị hóa. Tuy nhiên, càng cao tuổi thì tỷ lệ NCT sống ở nông thôn lại tăng lên.

Chỉ số già hóa của dân số Việt Nam, được đo bằng số người cao tuổi (từ 60 trở lên) trên 100 trẻ em (từ 0 đến 14 tuổi) có quan hệ khá chặt chẽ (có ý nghĩa thống kê) với tổng tỷ suất sinh và tỷ lệ di cư thuần ở các tỉnh. Các tỉnh có tổng tỷ suất sinh thấp hơn và tỷ lệ di cư thuần thấp hơn (người di cư đi nhiều hơn người di cư đến) thì có xu hướng có chỉ số già hóa cao hơn, và ngược lại.

Dự báo dân số tới năm 2069 theo giả định mức sinh trung bình cho thấy, số lượng NCT sẽ đạt 17,28 triệu người (chiếm 16,5% tổng dân số) vào năm 2029; 22,29 triệu người (chiếm 20,21% tổng dân số) vào năm 2038; 28,61 triệu người (chiếm 24,88% tổng dân số) vào năm 2049 và 31,69 triệu người (chiếm 27,11% tổng dân số) vào năm 2069. Sự gia tăng của dân số cao tuổi chủ yếu do sự gia tăng của nhóm trung lão và đại lão.

Dự báo dân số theo giả định mức sinh trung bình cho thấy tỷ lệ người 65 tuổi trở lên sẽ đạt 14,17% tổng dân số vào năm 2036. Khi đó Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn dân số già.

Dự báo dân số theo giả định mức sinh trung bình cho thấy, số lượng phụ nữ cao tuổi tăng nhanh hơn số lượng nam giới cao tuổi, nhưng tỷ số giới tính có xu hướng giảm xuống do những giả định về tỷ số giới tính khi sinh giảm và khác biệt về tỷ suất chết của nam giới và phụ nữ cao tuổi giảm xuống. Dự báo dân số theo giả định mức sinh trung bình cũng cho thấy xu hướng NCT sống ở đô thị ngày càng nhiều. Tuy nhiên, càng tuổi cao hơn, NCT lại có xu hướng sống ở nông thôn nhiều hơn.

Việt Nam bắt đầu giai đoạn già hóa dân số từ năm 2011 với số người cao tuổi trên 65 tuổi chiếm 7% tổng dân số. Sau 10 năm, số người cao tuổi chiếm 8,3% tổng dân số, tức 8,16 triệu người. Dự báo, số này tăng lên 16,8 triệu vào năm 2039; 25,2 triệu vào năm 2069. Như vậy, nước ta sẽ bước vào thời kỳ dân

số già từ năm 2036, khi tỷ trọng nhóm dân số từ trên 65 tuổi đạt 14% tổng dân số.

Già hóa dân số mang đến cả cơ hội và thách thức. Về cơ hội, già hóa dân số có thể thúc đẩy sự phát triển các lĩnh vực, như bảo hiểm, ngân hàng, dinh dưỡng, du lịch, đổi mới công nghệ và ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất hoặc quản lý trong bối cảnh thiếu lực lượng lao động.

Tuy nhiên, già hóa dân số cũng đặt ra *những thách thức nghiêm trọng* về tăng trưởng kinh tế, an sinh xã hội, lao động, thiết kế cơ sở hạ tầng, đặc biệt trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Người cao tuổi thường mắc nhiều bệnh không lây nhiễm cần điều trị suốt đời, như huyết áp, tim mạch, đái tháo đường, sa sút trí tuệ.

Hiện nay, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam đã tăng từ 73,3 tuổi lên 73,7 tuổi. Tuy nhiên, năm 2021, tuổi thọ trung bình đã giảm nhẹ xuống còn 73,6 tuổi do ảnh hưởng của dịch Covid. Người dân nước ta có tuổi thọ tương đối cao nếu so với các quốc gia có cùng mức sống, nhưng lại có số năm sống với bệnh tật nhiều. Mỗi người Việt Nam trung bình có 10 năm phải sống với bệnh tật, vì vậy ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng sống và làm giảm số năm sống khỏe mạnh.

Tại Việt Nam, có khoảng 22% người cao tuổi phải nằm viện trong vòng một năm qua. Số lần điều trị nội trú trung bình là 2,3 lần/năm. Chi phí điều trị mỗi năm dành cho người cao tuổi cao gấp 8-10 lần người trẻ.

Đặc biệt, 73% người già Việt Nam không có lương hưu, phải sống phụ thuộc vào con cái, theo số liệu từ Tổng cục Dân số. Trong đó, 65,7% người cao tuổi sống ở nông thôn, là nông dân và làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định.

Trước những thách thức trên, một trong những biện pháp quan trọng là cần mở rộng các mô hình chăm sóc, điều trị người cao tuổi có sự tham gia của tư nhân như các trung tâm, câu lạc bộ... trước bối cảnh các cơ sở y tế công còn hạn chế về lão khoa.

Các vấn đề sức khỏe của người cao tuổi Việt Nam

Tuổi thọ trung bình và tuổi thọ khỏe mạnh

Tình trạng sức khỏe của NCT phụ thuộc rất nhiều vào tuổi tác, theo đó tuổi càng tăng thì tỷ lệ NCT có sức khỏe yếu càng cao, số bệnh mắc phải nhiều hơn và thời gian nằm bệnh dài hơn.

Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh của người Việt Nam năm 2021 là 73,6 tuổi (71,1 ở nam và 76,4 ở nữ), trong khi tuổi thọ khỏe mạnh (HALE) năm 2019 của Việt Nam là 65,3 tuổi (62,4 tuổi ở nam và 68,3 tuổi ở nữ). Số năm trung bình sống không khỏe mạnh của người Việt Nam là 9 năm, cao hơn một số nước ở khu vực Đông Nam Á (7 - 8 năm).

Bệnh mãn tính ở người cao tuổi

Người cao tuổi Việt Nam đang đối diện với gánh nặng “bệnh tật kép” do xu hướng chuyển từ bệnh lây nhiễm sang bệnh không lây nhiễm và thường mắc các bệnh mãn tính. Người cao tuổi nước ta mắc nhiều bệnh cùng một lúc, trung bình mỗi người mắc 3 bệnh, đối diện với nguy cơ tàn phế do quá trình lão hóa, chi phí điều trị lớn. Tình trạng bệnh tật đã ảnh hưởng lớn đến đời sống tâm lý, các hoạt động sinh hoạt hằng ngày và sự hòa nhập cộng đồng của người cao tuổi. Các bệnh mãn tính NCT thường gặp là: bệnh mạch vành, tăng huyết áp, đái tháo đường, ung thư, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD), thoái hóa khớp, loãng xương, sa sút trí tuệ,... phải điều trị suốt đời và có nguy cơ tàn phế. Chỉ gần một nửa (47,7%) NCT cho biết sức khỏe của họ ở mức trung bình. Các bệnh phổ biến nhất ở NCT là: đau khớp, đau thần kinh hoặc thấp khớp (45,8%), tăng huyết áp (40,9%), đau lưng mãn tính (30,3%) và tiêu hóa (18,6%).

Phụ nữ cao tuổi có tỷ lệ mắc các bệnh tăng huyết áp, viêm khớp và bệnh tim cao hơn nam giới cao tuổi. Người cao tuổi ở nông thôn có tỷ lệ mắc các bệnh viêm phế quản, bệnh phổi mãn tính cao hơn NCT ở thành thị.

Suy giảm các chức năng

15,0% NCT có ít nhất một hoạt động hằng ngày cơ bản (ADL) gặp khó khăn, phổ biến nhất là đi ra khỏi nhà (nam: 9,7%; nữ: 13,1%). Khó khăn ít gặp nhất là ăn uống (nam: 3,0%; nữ: 4,0%). Khoảng 8% NCT đã bị trượt, ngã trong một năm.

Suy giảm chức năng ghi nhớ cũng phổ biến ở NCT. 47,9% NCT cho rằng họ có trí nhớ kém/rất kém; 36,6% có trí nhớ bình thường; chỉ có 15,5% có trí nhớ tốt. Tỷ lệ gặp khó khăn trong ghi nhớ hoặc tập trung và tự chăm sóc của NCT tăng đáng kể theo độ tuổi.

Nguy cơ khuyết tật của NCT Việt Nam khá cao, phổ biến là mất thị lực và thính lực. Phụ nữ có xác suất bị khuyết tật và tàn tật cao hơn nam giới.

Các mô hình chăm sóc người cao tuổi ở cộng đồng tại Việt Nam

Chăm sóc NCT ở cộng đồng đang là một giải pháp được nhiều nước khuyến khích và triển khai hiệu quả. Một số mô hình chăm sóc NCT phổ biến ở Việt Nam hiện nay như:

* Câu lạc bộ NCT: Là một mô hình chăm sóc NCT rất phổ biến tại tất cả các địa phương trong cả nước, nhằm giúp NCT có cuộc sống khỏe mạnh, hạnh phúc và tham gia vào các sinh hoạt cộng đồng để NCT “sống vui, sống khỏe, sống có ích”. Phương châm chủ yếu là tương trợ, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, động viên nhau về tinh thần, tăng cường tình đoàn kết, sống có trách nhiệm với nhau và phát huy vai trò của NCT.

* Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau: Là một tổ chức xã hội tại cộng đồng (cấp thôn, bản, tổ dân phố). Mỗi câu lạc bộ có khoảng 50-70 thành viên, từ nhiều lứa tuổi, trong đó phần lớn (khoảng 70%) là NCT, phụ nữ, người có hoàn cảnh khó khăn về xã hội hoặc kinh tế với tinh thần tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống.

* Mô hình tư vấn và chăm sóc sức khỏe NCT tại cộng đồng: Với các hoạt động chính: Khám, tư vấn và cấp thuốc miễn phí; sinh hoạt tại các câu lạc bộ, phổ biến chính sách về chăm sóc sức khỏe; nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao, vui chơi giải trí; cung cấp kiến thức chăm sóc sức khỏe, tâm, sinh lý NCT; luyện tập dưỡng sinh phục hồi sức khỏe.

* Trung tâm tư vấn và hỗ trợ chăm sóc sức khỏe NCT: Trung tâm thực hiện hoạt động truyền thông, tư vấn trực tiếp, tư vấn tại Tổng đài 1088 và xuất bản Đặc san Sức khỏe NCT. Nội dung truyền thông, tư vấn tập trung vào các bệnh thường gặp về mắt, xương khớp, tiểu đường, huyết áp, dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, dưỡng sinh...

* Mô hình tư vấn, chăm sóc NCT dựa vào tình nguyện viên và thầy thuốc tại cộng đồng: Phương thức tư vấn là lồng ghép hoặc trực tiếp cho NCT tại gia đình. Nội dung tư vấn tập trung vào việc hướng dẫn NCT và người thân cách phát hiện, điều trị những bệnh người già thường gặp và cách chăm sóc sức khỏe NCT.

* Trung tâm chăm sóc NCT tại nhà: Chăm sóc NCT tại nhà bao gồm tất cả các hoạt động từ ăn uống, ngủ nghỉ, sử dụng thuốc, đi lại, sinh hoạt. Dịch vụ này thích hợp với những NCT ốm đau, bệnh tật và khó khăn trong di chuyển

và sinh hoạt hằng ngày. Trung tâm này giúp NCT vẫn sống cùng người thân và được chăm sóc tại ngôi nhà của họ, duy trì các mối quan hệ xã hội, giúp người thân trong gia đình giảm bớt áp lực chăm sóc.

* Trung tâm chăm sóc ban ngày: Trung tâm được thiết kế nhằm đáp ứng nhu cầu của những người già có suy giảm về chức năng (vận động, nghe, nhìn, nhận thức...); tăng cường sức khỏe, năng lực và khả năng độc lập của người bệnh; giúp NCT hòa nhập và tham gia vào các hoạt động trong một môi trường an toàn.

Một số kiến nghị giải pháp tăng cường chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng

Mô hình gia đình ở Việt Nam hiện nay tiếp tục có những thay đổi với xu hướng chuyển từ gia đình truyền thống sang gia đình hạt nhân và ngày càng có nhiều NCT không sống chung với con cháu nhưng vẫn thích sống tại cộng đồng. Vì thế, chăm sóc dựa vào cộng đồng là lựa chọn của đa số NCT. Để có được mô hình phù hợp với từng địa phương trong việc chăm sóc NCT tại cộng đồng, cũng như có sự đa dạng về các mô hình nhằm tăng cường sự lựa chọn cho NCT, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, về xây dựng, bổ sung, hoàn thiện khung pháp lý của các mô hình chăm sóc NCT và các dịch vụ chăm sóc NCT tại cộng đồng.

Bổ sung và hoàn thiện khung pháp lý hướng tới già hóa khỏe mạnh; xây dựng chính sách bảo hiểm về chăm sóc dài hạn để hỗ trợ chăm sóc tại cộng đồng. Đẩy mạnh sự tham gia của khu vực tư nhân, phi chính phủ; tăng cường hợp tác công - tư trong lĩnh vực chăm sóc NCT nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe (như miễn, giảm thuế, thuê đất, mặt bằng cơ sở chăm sóc,...); giải quyết đồng bộ các chính sách phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội.

Hai là, về đối tượng hưởng thụ.

Hiện tại, hầu hết NCT được chăm sóc tại cộng đồng (câu lạc bộ, trung tâm tư vấn, trung tâm chăm sóc ban ngày) là những NCT tương đối khỏe mạnh (có khả năng tự phục vụ, sống độc lập). Các cơ sở chăm sóc tại cộng đồng, đặc biệt là trung tâm chăm sóc ban ngày cần mở rộng đối tượng chăm sóc, bao gồm cả NCT có các khó khăn về chức năng (vận động, suy giảm trí nhớ, khuyết tật,...).

Ba là, về huy động và đào tạo nguồn nhân lực.

Đội ngũ nhân viên y tế, nhân viên xã hội được đào tạo về chăm sóc, điều dưỡng, tư vấn, trong đó chú trọng đào tạo, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp. Tình nguyện viên, cán bộ nghỉ hưu có chuyên môn chăm sóc y tế, sinh viên. Tập huấn cho tình nguyện viên, hỗ trợ viên về chăm sóc/điều dưỡng NCT (kiến thức, kỹ năng chăm sóc, tư vấn), hướng dẫn chăm sóc cho người thân, gia đình.

Bốn là, về một số quy định khác.

Về cơ sở vật chất: cần có các quy định cụ thể về quy mô, diện tích cơ sở, thời gian chăm sóc, các dịch vụ cung cấp, trang thiết bị cần thiết đối với từng mô hình chăm sóc.

Về hình thức chi trả: Thực hiện đồng thời nhiều hình thức chi trả: xã hội hóa, bảo hiểm, cá nhân, quyên góp từ thiện...

Về hợp tác, liên kết: Cơ sở chăm sóc NCT tại cộng đồng cần kết nối với: các cơ sở y tế, đặc biệt trong chuyên môn lão khoa; các dịch vụ chăm sóc sức khỏe trong nước và quốc tế; các khu nghỉ mát, nghỉ dưỡng; các trường đại học, cao đẳng, trung cấp cung cấp dịch vụ đào tạo, thực hành (hệ thống các trường đào tạo về y, dược, y tế cộng đồng).

Chăm sóc NCT tại cộng đồng là hình thức chăm sóc được đa số NCT lựa chọn. Việc đa dạng các mô hình chăm sóc tại cộng đồng góp phần tăng sự tiếp cận của NCT với các dịch vụ chăm sóc và cải thiện sức khỏe cho NCT. Đồng thời, chất lượng chăm sóc sẽ được nâng cao với việc áp dụng các công nghệ mới và hiệu quả.□

THỰC TRẠNG GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

TS. MAI VIỆT BÁCH

Tạp chí Cộng sản

GÌA hóa dân số là phản ánh quá trình chuyển đổi cơ cấu dân số theo hướng tăng tỷ trọng dân số già, được thể hiện qua chỉ số già hóa. Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh và điều này đã tạo ra những thách thức to lớn trong ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, đặt ra yêu cầu đổi mới trong các chính sách xã hội. Trên cơ sở phân tích thực trạng và nguyên nhân gia tăng dân số già ở Việt Nam, bài viết đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp thích ứng với già hóa dân số kịp thời, toàn diện.

Thực trạng già hóa dân số ở Việt Nam

Theo quan niệm hiện nay, thời kỳ dân số vàng là thời kỳ tỷ lệ nhóm dân số trong độ tuổi lao động chiếm ít nhất 66%, nghĩa là chiếm 2/3 tổng dân số trở lên thì được coi là quốc gia có “cơ cấu dân số vàng” hay đơn giản là “dân số vàng”, hoặc theo Quỹ Dân số Liên hiệp quốc (UNFPA, 2010), thì “dân số vàng được hiểu là có ít nhất hai người trong độ tuổi lao động (từ 15 đến 60 tuổi) có một người phụ thuộc (dưới 15 và trên 60 tuổi)”. Với quan niệm trên, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số vàng bắt đầu từ năm 2007 (tỷ lệ người trong độ tuổi lao động chiếm 67,31%).

Từ năm 2009 đến nay, cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Việt Nam đã thay đổi theo hướng tỷ lệ trẻ em (từ 0 tuổi - 14 tuổi) ngày càng giảm, trong khi tỷ lệ dân số trong độ tuổi 15 tuổi - 64 tuổi tăng nhanh và tỷ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên cũng tăng không ngừng. Năm 2019, tỷ lệ này lần lượt là 23,6% ở lứa tuổi (từ 0 tuổi -14 tuổi), 68,7% ở lứa tuổi từ 15 tuổi - 64 tuổi và 7,7% ở tuổi 65 trở lên. Còn theo Luật Người cao tuổi năm 2009: “Người cao tuổi là công dân Việt

Nam từ đủ 60 tuổi trở lên”⁽¹⁾, với quan niệm đó, ở Việt Nam, dân số cao tuổi được hiểu là dân số từ 60 tuổi trở lên. Dân số cao tuổi là một bộ phận cấu thành quan trọng không thể thiếu trong tổng thể dân số. Dân số cao tuổi cùng với bộ phận dân số trẻ (từ 0 tuổi - 14 tuổi) và bộ phận dân số trong độ tuổi lao động (15 - 59 tuổi), cho thấy sự biến động của cơ cấu dân số theo nhóm tuổi trong giai đoạn từ năm 1980 đến năm 2021.

Thực tế cho thấy, tỷ lệ nhóm tuổi từ 0 tuổi - 14 tuổi ở Việt Nam có xu hướng giảm dần, theo đó, năm 1980 tỷ lệ nhóm tuổi này chiếm 42,55%, đến năm 2021 tỷ lệ này giảm còn 24,1%. Những số liệu này cho thấy có nguyên nhân từ chủ trương kế hoạch hóa dân số; đồng thời, phản ánh tỷ lệ sinh ngày càng giảm, tỷ lệ gia nhập lực lượng lao động (từ 15 tuổi - 59 tuổi) có xu hướng tăng (từ mức 50,49%) lên mức 63,1% (năm 2021). Tuy nhiên, tỷ lệ số người gia nhập nhóm tuổi 60 trở lên ngày càng tăng, năm 1980 chỉ chiếm 6,96%, đến năm 2019 tỷ lệ nhóm này là 11,9%, năm 2021 chiếm 12,8% và số liệu mới nhất từ cơ sở dữ liệu dân cư của Bộ Công an, đến ngày 9-2-2023, cả nước có 16.179.824 công dân từ 60 tuổi trở lên, chiếm gần 17% số dân ((cao hơn 10% tổng số dân). Tình hình này cho thấy, thành tựu rất to lớn của công cuộc “đổi mới” đất nước trong những năm qua, người dân có điều kiện tốt hơn, dẫn đến tuổi thọ tăng nhờ các điều kiện tốt hơn về chế độ dinh dưỡng, vệ sinh, tiến bộ y học, chăm sóc y tế, giáo dục và đời sống kinh tế. Tuổi thọ của người dân ở nước ta liên tục được cải thiện năm 1999 là 68,6 tuổi, năm 2021 là 73,6 tuổi. Tuy nhiên, số liệu trên cũng cho thấy Việt Nam đã chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số.

Năm 2009, cứ 100 trẻ em dưới 15 tuổi thì có khoảng 35 người từ 60 tuổi trở lên, đến năm 2014, số người 60 tuổi tăng lên là 43 người. Năm 2021, chỉ số này là 53,1 (tăng so với năm 2009 là 17,6%), có nghĩa là cứ 100 trẻ dưới 15 tuổi thì năm 2021, có tới 53 người có độ tuổi từ 60 trở lên, điều đó cho thấy xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam đang diễn ra nhanh chóng. Với tốc độ già hóa dân số như trên, dự báo đến năm 2050, con số này sẽ tăng lên hơn 25%. Đến năm 2036, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội “già hóa” sang xã hội “già”⁽²⁾. Theo Cựu Tổng Thư ký Liên hợp quốc Ban Ki-moon: “Ảnh hưởng về kinh tế và xã hội của hiện tượng già hóa dân số có ý nghĩa vô cùng quan trọng, không chỉ tác động tới cá nhân người cao tuổi và gia đình họ, mà còn có tác động rộng hơn tới toàn xã hội và cộng đồng toàn cầu theo những cách thức chưa từng có”⁽³⁾.

(1) Điều 2, Luật Người cao tuổi năm 2009

(2) Tổng cục Thống kê (www.gso.gov.vn)

(3) UNFPA (2012): Báo cáo tóm tắt “Già hóa trong Thế kỷ 21: Thành tựu và thách thức”

Quá trình già hóa dân số ở Việt Nam đang diễn ra rất nhanh chóng như những phân tích ở trên sẽ mang lại cơ hội và không ít những thách thức đối với kinh tế - xã hội của nước ta, cụ thể: 1- Với xã hội có xu hướng tăng số người cao tuổi, nếu tận dụng tốt sẽ phát huy được kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý, sản xuất,... của người cao tuổi, điều đó sẽ mang lại những giá trị phát triển bền vững cả về kinh tế - xã hội của đất nước. Theo đó, ở Việt Nam: “Trong tình hình mới hiện nay, quá trình già hóa dân số nước ta đang diễn ra nhanh chóng, cùng với tuổi thọ bình quân ngày càng cao; lực lượng người cao tuổi ngày càng nhiều hơn, đông hơn; đó là phúc lớn cho dân tộc”⁽⁴⁾; 2- Quá trình già hóa dân số sẽ mang đến nhiều cơ hội kinh doanh trong nền kinh tế về các sản phẩm, dịch vụ cho người già như: chăm sóc sức khỏe, dịch vụ giải trí, cơ sở dưỡng lão ngoài công lập, ứng dụng công nghệ số trong chăm sóc người cao tuổi; 3- Đối với người cao tuổi, nếu vẫn được tham gia vào lực lượng lao động một cách phù hợp với lứa tuổi và sức khỏe, người cao tuổi sẽ nâng cao được tính độc lập, giảm phụ thuộc kinh tế vào con cháu. Ngoài ra, quá trình này cũng sẽ giúp tăng thêm sự gắn kết giữa các thế hệ trong gia đình.

Tuy nhiên, già hóa dân số ảnh hưởng còn là thách thức rất lớn đến sự phát triển của xã hội, cụ thể: 1- Già hóa dân số tác động tiêu cực đến lực lượng lao động, theo đó làm cho sự tăng trưởng của lực lượng lao động giảm, dẫn đến tác động đến tăng trưởng kinh tế; 2- Làm cho tốc độ già hóa dân số nhanh chóng sẽ tạo sức ép lên quản lý kinh tế - xã hội của đất nước, từ việc bảo đảm thu nhập cho người cao tuổi, giảm sự bất bình đẳng và phân biệt trong xã hội; 3- Già hóa dân số cũng gây nên sức ép đối với nguồn lực tài chính của Nhà nước trong việc bảo đảm nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi; 4- Già hóa dân số cũng tạo ra thách thức về điều chỉnh thị trường lao động, việc làm, giải quyết xung đột, mâu thuẫn giữa các thế hệ trong thời kỳ dân số già; 5- Là thách thức đối với hệ thống chăm sóc y tế và dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người già.

Một quốc gia được coi là già hóa dân số khi số dân có độ tuổi từ 60 tuổi trở lên đạt 10% hoặc số dân có độ tuổi từ 65 trở lên đạt 7% tổng dân số. Việt Nam là một trong những quốc gia đang có tốc độ già hóa nhanh nhất thế giới: Việt Nam chỉ có 20 năm chuyển từ giai đoạn già hóa sang già, trong khi đó Nhật Bản là 26 năm, Mỹ là 65 năm, Thụy Điển có tới 85 năm. Theo dự báo của Tổng cục Thống kê, đến năm 2038, nhóm dân số từ 60 tuổi trở lên sẽ chiếm khoảng

(4) Thông tấn xã Việt Nam (2022): Phát biểu của Tổng Bí thư tại buổi gặp mặt các đại biểu về dự Đại hội VI Hội Người cao tuổi Việt Nam, Truy cập tại: <https://baotintuc.vn/thoi-su/phat-bieu-cua-tong-bi-thu-tai-buoi-gap-mat-cac-dai-bieu-ve-du-dai-hoi-vi-hoi-nguoi-cao-tuoi-viet-nam-20220113183441572.htm>

20% tổng dân số. Già hóa dân số nhanh sẽ tác động đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội, như thị trường lao động, tài chính, nhu cầu về các hàng hóa, dịch vụ, giáo dục, an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi... Theo kết quả Tổng điều tra Dân số và nhà ở năm 2019, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam là 73,6 tuổi; trong đó, tuổi thọ của nam giới là 71 tuổi, của nữ giới là 76,3 tuổi. Từ năm 1989 đến nay, tuổi thọ trung bình của Việt Nam liên tục tăng, từ 65,2 tuổi (1989) lên 73,6 tuổi (2019).

Nhận rõ những tác động của già hóa dân số tới phát triển kinh tế - xã hội, Đại hội XIII của Đảng xác định, chuẩn bị điều kiện thích ứng với già hóa dân số. Trước đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31-12-2017, “Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới”; Quyết định số 1679/QĐ-TTg, ngày 22-11-2019, của Thủ tướng Chính phủ, “Phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030”; Quyết định số 1579/QĐ-TTg, ngày 13-10-2020, của Thủ tướng Chính phủ, “Phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030”, với mục tiêu chung là chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi, thích ứng với già hóa dân số, như: 1- Có ít nhất 50% số xã, phường đạt tiêu chí môi trường thân thiện với người cao tuổi; 2- Có khoảng 70% người cao tuổi trực tiếp sản xuất, kinh doanh tăng thu nhập, giảm nghèo có nhu cầu hỗ trợ được hướng dẫn về sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ phương tiện sản xuất, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm, vay vốn phát triển sản xuất; 3- 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, khám, chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

Việc già hóa dân số nhanh, tạo ra những thách thức to lớn đối với Việt Nam, dẫn đến cấu trúc gia đình truyền thống thay đổi mạnh. Phần lớn người cao tuổi ở Việt Nam vẫn sống nương tựa vào con cháu trong khi tuổi thọ ngày càng cao, sinh ít con hơn và cũng ít quyền được lựa chọn chăm sóc và chỗ ở. Già hóa dân số khiến thời gian sống sau nghỉ hưu tăng lên, làm gia tăng áp lực lên hệ thống an sinh xã hội, nhất là về y tế và hệ thống trợ cấp lương hưu. Già hóa dân số tạo ra những thách thức trong phát triển kinh tế, nhất là về cơ cấu dân số trong độ tuổi lao động giảm đi, cơ cấu nghề nghiệp sẽ thay đổi, gánh nặng kinh tế cho người lao động trẻ cũng cao hơn,... Theo đó, mô hình bệnh tật ở người cao tuổi thay đổi nhanh chóng, từ bệnh lây nhiễm sang bệnh không lây nhiễm với tính chất của một xã hội hiện đại; dân số già đến sớm

trong khi nền kinh tế của đất nước đang trong thời kỳ thoát nghèo, người cao tuổi phải chịu nhiều gánh nặng bệnh tật, với chi phí y tế lớn và gây ra áp lực lớn đối với hệ thống y tế. Do đó, các chế độ, chính sách, nhằm bảo đảm cho người cao tuổi sống vui, sống khỏe, sống có ích, được chăm sóc chu đáo còn có khoảng cách khá lớn so với nhu cầu. Tình trạng bệnh tật đã ảnh hưởng lớn đến đời sống tâm lý, các hoạt động sinh hoạt hàng ngày và sự hòa nhập cộng đồng của người cao tuổi. Đa số người cao tuổi nước ta chưa có thói quen khám bệnh định kỳ, vì vậy khi phát hiện bệnh thường ở giai đoạn muộn khiến việc chữa trị rất khó khăn. Già hóa dân số đang đặt ra yêu cầu thay đổi trong chính sách về tuổi nghỉ hưu, chính sách dành cho lao động cao tuổi,... để thu hút sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động này đối với phát triển kinh tế - xã hội thực sự là những thách thức không nhỏ với Việt Nam trong bối cảnh “già hóa dân số” nhanh chóng như hiện nay.

Một số nhiệm vụ, giải pháp thích ứng với già hóa dân số nhanh ở Việt Nam hiện nay

Một là, thống nhất cách tiếp cận về già hóa dân số trong các nghiên cứu và xây dựng, quy hoạch chính sách dân số, như đổi mới trong tư duy về giáo dục và đào tạo kỹ năng để thúc đẩy việc học tập suốt đời; trong việc quy định về độ tuổi nghỉ hưu, cũng như cách nhìn nhận về “tuổi già”; khuyến khích người cao tuổi tham gia hoạt động kinh tế, đặc biệt là những người có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao; giảm thiểu thất nghiệp, góp phần giảm tỷ số phụ thuộc chung bao gồm cả phụ thuộc già; đổi mới trong xây dựng cơ chế, chính sách để thu hút hiệu quả lực lượng lao động trong độ tuổi nghỉ hưu; thay đổi quan niệm và thái độ xã hội về già hóa và người cao tuổi, nhìn nhận người cao tuổi không phải từ góc độ những người nhận trợ cấp xã hội, mà là những thành viên có đóng góp tích cực trong xã hội; chuyển hướng tiếp cận trong nghiên cứu gắn với việc giúp tuổi già vui vẻ và hạnh phúc; chấm dứt sự phân biệt dựa vào tuổi tác, nhằm bảo đảm hòa nhập xã hội đối với người cao tuổi.

Hai là, nghiên cứu, sửa đổi, đồng bộ hóa các quy định giữa Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bình đẳng giới, Luật Người cao tuổi,... xây dựng và thông qua Luật Công tác xã hội. Đưa chỉ tiêu ứng phó với già hóa dân số là chỉ tiêu trong nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và tăng cường giám sát quá trình triển khai thực hiện. Xây dựng đồng bộ Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trong tổng thể của Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 và Chiến lược gia đình Việt Nam đến năm 2030. Điều chỉnh và kết nối Đề án

“Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2017 - 2025” với Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản, Chiến lược quốc gia về Bảo vệ, Chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Trong đó, cần tập trung thực hiện Đề án ở các tỉnh, thành phố có tỷ lệ người cao tuổi cao; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn.

Ba là, tăng cường truyền thông giáo dục thay đổi hành vi, nâng cao nhận thức, tạo môi trường xã hội đồng thuận tham gia chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; xây dựng, phát triển phong trào chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Nâng cao ý thức và hiểu biết của các nhà quản lý, hoạch định chính sách, cũng như của toàn bộ cộng đồng về những thách thức của già hóa dân số với đời sống của người cao tuổi nói riêng và toàn xã hội nói chung. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi người dân, gia đình và toàn xã hội trong việc phát huy vai trò, kinh nghiệm của người cao tuổi, thực hiện chăm sóc người cao tuổi, xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi, thích ứng với già hóa dân số. Những tác động của già hóa dân số cần được lồng ghép vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội do bộ, ngành, địa phương chủ trì xây dựng và thực hiện, nhằm giải quyết đồng bộ các chính sách tăng trưởng, phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội.

Bốn là, giải quyết đồng bộ các chính sách tăng trưởng, phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội, nhằm bảo đảm và cải thiện thu nhập của người cao tuổi từ lao động và hưu trí. Việt Nam có thể thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế bằng việc tận dụng “cơ hội dân số vàng” đang có để có được một dân số già có thu nhập cao và sức khỏe tốt trong tương lai.

Năm là, tăng cường chăm sóc sức khỏe, xây dựng và mở rộng các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi với sự tham gia tích cực, chủ động của mọi thành phần xã hội và nâng cao năng lực quốc gia về chăm sóc người cao tuổi. Bảo đảm tất cả người cao tuổi được tiếp cận đến đầy đủ các dịch vụ xã hội và y tế thiết yếu, có thu nhập tối thiểu thông qua hệ thống an sinh xã hội quốc gia và các đầu tư xã hội khác. Các hoạt động này, cần được dựa trên một tầm nhìn dài hạn, được hỗ trợ bởi các cam kết chính trị mạnh mẽ và một nguồn có ngân sách bảo đảm.

Sáu là, tăng cường vai trò và năng lực của các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp trong việc xây dựng, vận động và thực hiện chính sách cho già hóa dân số và người cao tuổi. Các hoạt động vận động gia

đình, cộng đồng và toàn xã hội tham gia chăm sóc người cao tuổi cần được thúc đẩy và nhân rộng; cần kết hợp với các cơ quan chuyên môn trong nghiên cứu và đề xuất việc đa dạng hóa cách thức, mô hình tổ chức cuộc sống cho người cao tuổi như sống cùng con cháu, sống tại nhà dưỡng lão hoặc tại các cơ sở chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng... Tổ chức các hoạt động cộng đồng cho người cao tuổi một cách thường xuyên nhằm nâng cao hiểu biết và đóng góp ý kiến của người cao tuổi với các chính sách của Nhà nước cũng như đời sống của cộng đồng.

Bảy là, nhân rộng mô hình câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau trên quy mô cả nước, góp phần chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi, trong gia đình và xã hội. Các chương trình đào tạo người chăm sóc cho người cao tuổi (thành viên gia đình, bạn bè đồng niên) cần được xây dựng và phát triển từ cộng đồng. Hỗ trợ và tạo điều kiện thành lập Hội Người cao tuổi và Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau ở các địa phương để cung cấp cho người cao tuổi các dịch vụ miễn phí. Thúc đẩy văn hóa “người cao tuổi giúp người cao tuổi”, theo đó, người cao tuổi có thể giúp đỡ nhau làm tăng sự tham gia vào các hoạt động của hội, câu lạc bộ, như hỗ trợ đi lại, thiết lập một cơ chế liên lạc giữa các hội, câu lạc bộ với cơ quan chính phủ có liên quan để người cao tuổi nhận ra tầm quan trọng của việc tham gia các hoạt động.

Tám là, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia cho các nghiên cứu toàn diện về dân số cao tuổi. Đây là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng các chính sách, chương trình can thiệp thiết thực, có trọng tâm và hiệu quả; khắc phục những hạn chế trong sự kết nối chặt chẽ cần thiết của nghiên cứu và xây dựng, quy hoạch và thực thi chính sách dân số ở Việt Nam; đồng thời, cần thúc đẩy hỗ trợ các nỗ lực quốc tế và trong nước để tiến hành nghiên cứu so sánh về già hóa, nhằm bảo đảm cung cấp các số liệu và bằng chứng có tính nhạy cảm về giới và văn hóa cho quá trình xây dựng chính sách.

Chín là, tăng cường thay đổi trong nhận thức và các quy định về kết hôn và sinh con trong nhóm dân số trẻ để bảo đảm mức sinh thay thế trong dân số quốc gia; đồng thời, cần đẩy mạnh những thói quen sức khỏe lành mạnh, bảo đảm các cơ hội về giáo dục và việc làm, tiếp cận các dịch vụ y tế và bao phủ an sinh xã hội cho tất cả những người lao động để từng bước cải thiện cuộc sống của họ khi về già bằng việc thực hiện đa dạng các giải pháp, nhất là về truyền thông, giải quyết vấn đề việc làm và nhà ở,... từ đó, góp phần bảo đảm thực hiện thành công mục tiêu trung bình mỗi cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ

(từ 15 tuổi - 49 tuổi) sinh đủ hai con, bảo đảm mức sinh thay thế bền vững của đất nước. Với quy mô là mỗi gia đình có 2 con phải trở thành chuẩn mực, giá trị hướng đến của toàn xã hội.

Mười là, tăng cường nghiên cứu phát triển và ứng dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong việc thích ứng với già hóa dân số. Nâng cao công cụ tự động hóa thay thế cho con người trong lao động sản xuất, sinh hoạt cá nhân và y tế. Công nghệ tự động hóa được ứng dụng, vừa nâng cao năng suất lao động, vừa giảm được sự ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động trong môi trường độc hại, vừa giảm nhân công khi Việt Nam bước vào giai đoạn hết “dân số vàng”, thời kỳ già hóa dân số.□

CẢNH GIÁC TRƯỚC NHỮNG CHIÊU TRÒ XUYÊN TẠC VỀ CHÍNH SÁCH ỨNG PHÓ VỚI THỜI KỲ GIÀ HÓA DÂN SỐ NHANH CỦA VIỆT NAM

ĐỖ PHÚ THỌ

Đại tá, chuyên gia Ban Chỉ đạo 35 Quân ủy Trung ương

DÂN số là mục tiêu, động lực của phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là yếu tố quan trọng trong chiến lược quốc phòng - an ninh của các quốc gia, vì vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến chính sách dân số. Trong từng giai đoạn lịch sử đã đưa ra những quyết sách hợp lý để quản lý phát triển xã hội phù hợp với quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số,... tạo cơ sở pháp lý để phát triển quốc gia bền vững. Đặc biệt khi đất nước bước vào thời kỳ già hóa dân số nhanh, cần các chính sách thích ứng thì bên cạnh việc ban hành chính sách, việc cảnh giác với những chiêu trò xuyên tạc chính sách đối với những người cao tuổi là hết sức cần thiết, nhằm tránh hiện tượng các đối tượng thù địch và cơ hội chính trị xuyên tạc thực tế, “nhào nặn”, “bóp méo” thông tin, đưa ra những “con số”, “sự kiện” mang tính áp đặt, không đúng sự thật để nói xấu Đảng, nói xấu chế độ, kích động người cao tuổi không tin vào chính sách ứng phó với thời kỳ già hóa dân số nhanh nói riêng và đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước nói chung.

Từ thuở xa xưa, người Việt ta đã có quan niệm “trời sinh voi, trời sinh cỏ” với mong muốn “con đàn cháu đống”. Chính vì lý do đó, tình trạng sinh nhiều con, kết hôn sớm, tảo hôn, con bị còi cọc, thiếu dinh dưỡng... diễn ra triền miên, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của giống nòi. Để khắc phục tình trạng này, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách về dân số, gia đình và trẻ em. Trong bối cảnh già hóa dân số nhanh, Đảng, Nhà nước tiếp tục ban hành các chính sách phù hợp, trong đó đặc biệt quan tâm, chú trọng việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đối tượng người cao tuổi; đặc biệt

chú trọng chính sách trọng dụng, phát huy vai trò, sự đóng góp của lực lượng lao động tuy đã cao tuổi nhưng vẫn có nhu cầu cống hiến.

Khẳng định tính đúng đắn và hiệu quả của chính sách dân số qua các thời kỳ

Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (Hiến pháp năm 1946) đã có những điều, khoản quy định về chính sách dân số, gia đình và trẻ em, như Điều thứ 9: “Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện”; Điều thứ 14 “Trẻ con được săn sóc về mặt giáo dưỡng”... Ngày 16-7-1947, trả lời một nhà báo nước ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: “Chính sách đối nội của Việt Nam là dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc”. Trong Lời kêu gọi thi đua ái quốc (11-6-1948), Người đưa ra việc thực hiện “Dân tộc độc lập, Dân quyền tự do, Dân sinh hạnh phúc”. Ngày 26-12-1961, Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ban hành Quyết định số 216/CP về việc sinh đẻ có hướng dẫn với mục đích: “Vì sức khỏe của người mẹ, vì hạnh phúc và hòa thuận của gia đình, vì để cho việc nuôi dạy con cái được chu đáo...”. Thực hiện quyết định này, các cặp vợ chồng ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã được tiếp cận cách tránh thai ngoài ý muốn, được phổ cập cách giáo dục con, các cơ sở y tế được trang bị các thiết bị tiên tiến để bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh... Sau khi nước nhà thống nhất, trước nguy cơ “bùng nổ dân số”, Đảng và Nhà nước ta đã có những quyết sách hợp lý để bảo đảm cơ cấu, chất lượng dân số, *chính sách sinh đẻ có kế hoạch là hoàn toàn vì mục tiêu nhân văn, vì chất lượng cuộc sống người mẹ và chất lượng giáo dục ở các bậc học, chứ không phải như các thế lực thù địch lại xuyên tạc, cho là các văn bản này đã phủ nhận quyền sinh sản của phụ nữ.*

Văn kiện của tất cả các kỳ đại hội Đảng (từ Đại hội IV đến Đại hội XIII) đều có nội dung liên quan đến công tác dân số. Đặc biệt, đến nay đã có 2 nghị quyết của Trung ương về vấn đề này. Đó là Nghị quyết số 04-NQ/HNTW, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (Nghị quyết số 04-NQ/HNTW) và Nghị quyết số 21-NQ/TW, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới (Nghị quyết số 21-NQ/TW). Nghị quyết số 04-NQ/HNTW xác định: “Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình là một bộ phận quan trọng của chiến lược phát triển đất nước, là một trong những vấn đề kinh tế - xã hội hàng đầu của nước ta, là một yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình và của toàn xã hội”. Ngoài đánh

giá cao vị trí của công tác dân số đối với sự phát triển bền vững của đất nước, các nghị quyết nói trên của Đảng đều chỉ rõ mục tiêu, phương hướng giải quyết các vấn đề dân số, nguồn lực dành cho công tác này và vai trò của Đảng, chính quyền các cấp. Nghị quyết của Đảng đã truyền năng lượng lớn cho công tác dân số đi vào cuộc sống thông qua việc cụ thể hóa, chi tiết hóa bằng các chiến lược, chương trình, đề án, dự án dân số. Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25-10-2017 *xác định*: Dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác dân số là nhiệm vụ chiến lược, vừa cấp thiết, vừa lâu dài; là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Đầu tư cho công tác dân số là đầu tư cho phát triển. Nhà nước ưu tiên bố trí ngân sách, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa; tranh thủ sự hỗ trợ của quốc tế để bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số. Nghị quyết đề ra chủ trương chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Công tác dân số phải chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các yếu tố kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo đảm phát triển nhanh, bền vững. Thể chế hóa đường lối của Đảng, nhiều văn bản quy phạm pháp luật về công tác dân số cũng đã được xây dựng và ban hành, tạo cơ sở pháp lý cho công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Hiến pháp 1992, tại Điều 40 quy định: “Nhà nước, xã hội, gia đình và công dân có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc bà mẹ và trẻ em; thực hiện chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình”. Hiến pháp 2013 (hiện hành), tại Điều 36 quy định: Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em. Tại Khoản 1, Điều 37: Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em. Năm 2003, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh Dân số. Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm đều có những chỉ tiêu về dân số.

Triển khai đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đến nay, Chính phủ đã ban hành và thực hiện 4 chiến lược dân số thích ứng với từng giai đoạn 10 năm. Đó là “Chiến lược dân số và kế hoạch hóa gia đình đến năm 2000”; Chiến lược Dân số Việt Nam, giai đoạn 2001 - 2010; Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam, giai đoạn 2011 - 2020 và gần đây là “Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030”.

Sau nhiều năm kiên trì và đẩy mạnh kế hoạch hóa gia đình, lĩnh vực sinh sản ở nước ta đã có sự thay đổi căn bản. Số con trung bình của một bà mẹ tính đến hết tuổi sinh đẻ, giảm từ 6,4 con giai đoạn (1960 - 1965) xuống còn 2,09 con (mức sinh thay thế) vào năm 2006. Với thành tích xuất sắc về kế hoạch hóa gia đình, ngay năm 1999, Liên hợp quốc đã tặng Giải thưởng Dân số cho Việt Nam. Việc giảm số con trong một gia đình đã tháo gỡ áp lực dân số lên ngành giáo dục, tạo điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục. Mặt khác, do ít con nên các gia đình có khả năng cho cả con trai và con gái đi học, vì vậy, tỷ lệ nữ sinh khá cao, ở bậc tiểu học và trung học cơ sở hiện đã ngang bằng với nam sinh. Ở các bậc học cao hơn, tỷ lệ nữ sinh còn cao hơn nam sinh. Năm học 2020 - 2021, tỷ lệ nữ sinh trong các trường trung học phổ thông là 55%, còn ở các trường đại học là 53,3%. Nâng cao học vấn là cơ sở vững chắc để phụ nữ nâng cao năng lực, vị thế, thực hiện bình đẳng giới. Ngoài những tác động nói trên, số liệu thực tế cho thấy mức sinh giảm tác động tích cực đến nhiều mặt khác của đời sống xã hội, như: Làm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng, tử vong trẻ em, nâng cao chất lượng dân số, ngăn chặn đà giảm sâu một số chỉ báo về tài nguyên thiên nhiên bình quân đầu người,... Như vậy, mức sinh giảm, dân số dần ổn định đã tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường, góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc, xã hội phát triển bền vững. *Vì thế, khẩu hiệu “Mỗi gia đình chỉ có từ 1 đến 2 con” vào thập kỷ 70, 80 của thế kỷ trước là hợp lý, không phải là “nguyên nhân dẫn đến dân số già” và “chính sách hà khắc về dân số”, “bóp nghẹt quyền tự do”... như các thế lực thù địch xuyên tạc.*

Chủ động bảo vệ chính sách ứng phó với xu hướng già hóa dân số nhanh trong thời gian tới

Trong bối cảnh mới hiện nay, khi mức sinh giảm - vốn là kết quả của chính sách dân số thời kỳ trước, cộng với xu hướng giới trẻ sinh con muộn, thậm chí không muốn sinh con; đồng thời với tuổi thọ người dân được nâng lên - vốn là kết quả của những chính sách của Đảng, Nhà nước chăm lo cho đời sống nhân dân,... Tỷ lệ người cao tuổi ngày càng nhiều trong tổng dân số, tạo ra xu hướng già hóa. Do đó, cần khẳng định, *già hóa dân số là một thành tựu trong phát triển của đất nước. Một đất nước đứng trước câu chuyện già hóa dân số hay dân số già có nghĩa đời sống người dân được nâng cao về chất lượng (cuộc sống vật chất sung túc hơn; đời sống và tinh thần phong phú hơn; khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế chất lượng được nâng cao hơn,...), chỉ khi chất lượng cuộc sống tốt lên thì tuổi thọ được nâng lên. Đây là thực tế đã được thế giới công nhận, không một thế lực thù địch nào có thể xuyên tạc được. Đồng thời cũng là minh chứng cho*

những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của toàn Đảng, toàn dân ta sau gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới.

Trong thời kỳ mới hiện nay, chúng ta cần phải thay đổi chính sách về dân số, đồng thời thay đổi phương thức đấu tranh với các thế lực thù địch. Theo đó, cần có các hành động chủ động sau:

Một là, hoàn thiện thể chế về công tác dân số, trong đó xây dựng Luật Dân số để thay thế Pháp lệnh dân số, tạo khung khổ pháp lý để giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về dân số và phát triển. Và tổ chức truyền thông rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân về một bộ phận vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển đất nước, đó là lực lượng những người cao tuổi - lực lượng đang càng chiếm tỷ lệ cao trong tổng dân số.

Hai là, xây dựng xã hội thích ứng với già hóa dân số. Đề xuất tiếp tục tăng tuổi nghỉ hưu, tạo thêm việc làm cho người già, người nghỉ hưu (như một số quốc gia đã làm). Tăng cường đấu tranh với thủ đoạn xuyên tạc, cho rằng người cao tuổi vẫn phải lao động kiếm sống; khẳng định chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho người cao tuổi đến tuổi nghỉ hưu nhưng còn sức khỏe, vẫn có mong muốn cống hiến cho gia đình, cộng đồng và xã hội thì vẫn có cơ hội việc làm, cơ hội có thu nhập.

Ba là, thực hiện lồng ghép các chính sách dân số trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội từ trung ương đến cơ sở; nâng cao ý thức trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong xây dựng, thực hiện lồng ghép các yếu tố dân số vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội,... , góp phần tạo nên tảng nhận thức và hành động thống nhất từ cơ sở, không để các thế lực thù địch xuyên tạc, bóp méo.

Bốn là, chủ động cung cấp thông tin chính thống cho các cơ quan báo chí, công khai trên các trang thông tin điện tử về chính sách ứng phó với già hóa dân số nhanh ở nước ta, trong đó đặc biệt chú trọng thông tin chính sách chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và chính sách phát huy vai trò, sự đóng góp và cống hiến của người cao tuổi, để ngăn chặn các thông tin trái chiều, xuyên tạc của các đối tượng thù địch.□

MỘT SỐ KINH NGHIỆM PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở HÀ NỘI

NGUYỄN THẾ TOÀN

Trưởng Ban Đại diện

Hội Người cao tuổi thành phố Hà Nội

TRONG bối cảnh già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng, trên cơ sở nhận thức đúng về vai trò và đóng góp của người cao tuổi - là một chủ thể tích cực tham gia vào sự phát triển xã hội, xây dựng và bảo vệ đất nước trong giai đoạn hiện nay, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu rõ: “Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của NCT trong xã hội, cộng đồng và gia đình. Tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau”. Đặt nhiệm vụ phát huy vai trò người cao tuổi ngang bằng với nhiệm vụ chăm sóc người cao tuổi, hai nhiệm vụ này có tác động tương hỗ nhau, và cần phải quan tâm thực hiện tốt. Đây là nhận thức mới, tư duy mới của Đảng về người cao tuổi.

1. Tình hình người cao tuổi thành phố Hà Nội hiện nay và những đóng góp thiết thực vào nhiệm vụ chính trị thành phố

Những năm qua, công tác phát huy vai trò người cao tuổi trong hoạt động của các cấp Hội Người cao tuổi thành phố Hà Nội tiếp tục có sự tăng cường, đổi mới phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ; người cao tuổi đã phát huy vai trò trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần xây dựng Thủ đô giàu đẹp, hiện đại, văn minh, văn hiến. Thực sự là biểu tượng chính trị quan trọng trong xây dựng và phát triển Thành phố.

Hà Nội là một trong 17 thủ đô có diện tích lớn nhất thế giới với dân số khoảng 8,4 triệu người (chiếm gần 10% dân số cả nước), trong đó số người cao tuổi là 1.069.278 người chiếm trên 12,7% dân số thành phố (tại thời điểm năm 2023). Theo Liên hợp quốc, để có cuộc sống thuận lợi, bình quân trên 01 km² chỉ nên có từ 35 - 40 người. Tuy nhiên, mật độ dân số Hà Nội là 2.398 người/km² (thống kê năm 2019). Theo con số này, mật độ dân số trung bình của Hà Nội cao gấp khoảng 8,2 lần so với mật độ dân số trên cả nước, và hiện nay tiếp tục tăng với tần suất 2,1%/năm.

Nếu như vào năm 2010, ở Hà Nội số người từ 60 tuổi trở lên là 10,4%, thì hiện nay cơ cấu tuổi của dân số Hà Nội đang có xu hướng già hóa, số người già ngày càng tăng lên là 12,7% dân số thành phố. Đây vừa là một lợi thế đối với việc phát triển kinh tế xã hội ở thành phố, vừa là một trở ngại lớn trong việc sắp xếp việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trong đó có lớp người cao tuổi.

Kế thừa thành quả của những năm đổi mới với nhiều bài học kinh nghiệm quý giá; 5 năm qua (2018-2023), mặc dù còn nhiều khó khăn sau ảnh hưởng của 2 năm dịch bệnh Covid-19, các cấp Hội Người cao tuổi thành phố đã bám sát sự chỉ đạo của Thành ủy, UBND Thành phố, tham mưu, triển khai có hiệu quả công tác tuyên truyền phong trào thi đua “Tuổi cao - Gương sáng”, “Người cao tuổi nêu gương sáng xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng” đi vào chiều sâu, phát triển mới về chất lượng. Hoàn toàn có cơ sở thực tiễn để khẳng định người cao tuổi đã tích cực tham gia, gương mẫu đi đầu trong hầu hết các phong trào vận động của quần chúng nhất là ở cơ sở, tổ dân phố và công đồng cư dân.

Hội Người cao tuổi các cấp đã động viên người cao tuổi thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đặc biệt là việc thực hiện phong trào thi đua “Tuổi cao - Gương sáng”, “Nêu gương sáng xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng” do Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam phát động và các phong trào quần chúng khác do các cấp phát động từ Trung ương đến cơ sở đã được đông đảo cán bộ, hội viên NCT thành phố tham gia thực hiện đạt kết quả cao, phát huy tốt vai trò NCT góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII, Nghị quyết Đại hội VI Hội Người cao tuổi Việt Nam đề ra.

Trên lĩnh vực công tác xây dựng Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị: Chỉ tính trong giai đoạn 2014-2019 đã có 7.927 người cao tuổi đã đảm nhận trực tiếp tham gia công tác Đảng, gần 10.000 người cao tuổi trực tiếp tham gia công

tác chính quyền, 8.358 người cao tuổi trực tiếp tham gia công tác Mặt trận Tổ quốc, 15.335 người cao tuổi trực tiếp tham gia công tác các đoàn thể chính trị-xã hội, trong đó hơn 5.350 người cao tuổi trực tiếp tham gia công tác Hội Người cao tuổi ở cơ sở. Đặc biệt trong giai đoạn 2016-2021, có 126.388 người cao tuổi là Đảng viên, chiếm tỷ lệ 27,7% tổng số Đảng viên của Đảng bộ Thành phố.

Tham gia phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”: Từ năm 2016 đến năm 2021, trên địa bàn toàn thành phố, tổ chức Hội Người cao tuổi các cấp đã phối hợp với Công an cùng cấp và các tổ chức đoàn thể xây dựng và duy trì hoạt động 2.744 lượt mô hình tự quản về an ninh trật tự trong phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” ở cấp cơ sở. Hội Người cao tuổi các cấp đã cử cán bộ, hội viên tích cực tham gia các tổ hoà giải ở cơ sở, tổ dân phố, khu dân cư với trên 55.192 lượt hội viên người cao tuổi tham gia. 5 năm (2016-2021) đã tiến hành hoà giải 25.587 vụ việc và hoà giải thành công 17.674 vụ, đạt tỷ lệ 69,07%, góp phần quan trọng trong việc giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

Trên lĩnh vực xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh: Chỉ tính riêng trong năm 2022, các cấp Hội Người cao tuổi thành phố đã tích cực vận động hội viên và người cao tuổi đóng góp ngày công, tiền và hiến đất để xây dựng đường làng ngõ xóm, nhà văn hóa, trường học, cơ sở y tế, góp phần xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu. Hưởng ứng Tết trồng cây Xuân Quý Mão 2023, với 75.624 người tham gia đã trồng được 230.631 cây các loại; người cao tuổi các huyện, thị xã đã hiến 335.894 m² đất, đóng góp 99.939 ngày công, ủng hộ trên 17 tỷ đồng, có tới 181.568 lượt người cao tuổi được tập huấn về công tác xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Ngày 14-6-2022, Ban Đại diện Hội Người cao tuổi Thành phố Hà Nội phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức tọa đàm “Phát huy vai trò Hội Người cao tuổi, người cao tuổi tham gia xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu” với sự tham gia của Ban Đại diện Hội Người cao tuổi 18 huyện, thị xã.

Người cao tuổi tham gia công tác bảo tồn, phát triển văn hóa, xây dựng gia đình văn hóa, khuyến học, khuyến tài: Hội viên người cao tuổi đã tích cực tham gia cuộc vận động “Đoàn kết toàn dân xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, góp phần xây dựng làng văn hóa, khu dân cư văn hóa, thực hiện tốt quy tắc ứng xử nơi công cộng, gương mẫu thực hiện nếp sống văn minh, tiến bộ, tiết kiệm trong việc cưới, việc tang, lễ hội... Đồng thời, tích cực tham gia phong trào khuyến học, xây dựng xã hội học tập, gia đình và dòng họ khuyến học, có nhiều

tấm gương sáng cho thế hệ trẻ học tập, có 63.430 người cao tuổi tham gia các hoạt động văn hoá, khuyến học; 12.539 người cao tuổi là cán bộ khuyến học...

Trên lĩnh vực tham gia phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng 5 năm qua (2018-2023), Hội Người cao tuổi các cấp thành phố đã tập trung tuyên truyền các nội dung: Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII, 10 chương trình công tác lớn của Thành ủy Hà Nội, Nghị quyết Đại hội VI Hội Người cao tuổi Việt Nam, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Luật Người cao tuổi, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm (2020-2025) của thành phố... Cấp thành phố đã tổ chức 18 lớp tập huấn, 26 cuộc hội thảo, tọa đàm về các nội dung trên. Cấp quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn đã tổ chức 1.972 cuộc tuyên truyền, lớp tập huấn, tọa đàm giới thiệu mô hình và phổ biến, tư vấn pháp luật, xây dựng nông thôn mới, chính sách thuế, quản lý kinh tế, kinh nghiệm mô hình làm kinh tế giỏi... Kết quả đã tạo được sự chuyển biến về nhận thức, củng cố niềm tin của người cao tuổi về các quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tạo động lực để người cao tuổi phát huy truyền thống, kinh nghiệm trong lao động sản xuất vươn lên làm giàu chính đáng, tham gia giúp đỡ hội viên có hoàn cảnh khó khăn thoát nghèo.

Từ năm 2018 đến nay, thành phố có hàng nghìn người cao tuổi tham gia hoạt động kinh tế, tổng doanh thu đạt trên 307.249 tỷ đồng, tạo việc làm cho 76.803 người; bao gồm: 9.938 người cao tuổi tham gia trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp (trong đó: 9.178 người cao tuổi làm chủ trang trại, chủ doanh nghiệp); 3.221 người cao tuổi tham gia lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng; 2.784 người cao tuổi lĩnh vực thương mại, dịch vụ khác đang trực tiếp tham gia phát triển kinh tế, góp phần làm giàu chính đáng, giảm bớt áp lực việc làm cho xã hội đồng thời tích cực tham gia công tác từ thiện, nhân đạo, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh ở địa phương và đóng góp “Quỹ Chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi” ở cơ sở với tổng giá trị đóng góp là 61 tỷ 402 triệu đồng. Đã có 16.040 người cao tuổi làm kinh tế giỏi tiêu biểu được các cấp Hội Người cao tuổi ở thành phố biểu dương, khen thưởng.

Điểm nổi bật của những người cao tuổi làm kinh tế giỏi Thủ đô là sự thể hiện ý chí, nguyện vọng, nghị lực, tâm huyết. Đa số người cao tuổi làm kinh tế giỏi đều từ khó khăn vươn lên, không cam chịu đói nghèo. Người cao tuổi làm giàu

không giới hạn về tuổi tác, còn sức khỏe, còn lao động, còn trí tuệ, còn cống hiến, khai thác tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, gia đình, bản thân để phát triển kinh tế, đầu tư khá toàn diện trên các lĩnh vực công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp, thương mại, dịch vụ... phù hợp với quy mô, hình thức tổ chức và khả năng quản lý, điều hành. Có không ít điển hình người cao tuổi đã trở thành doanh nhân thành đạt có tổng doanh thu hàng năm hàng trăm tỷ đồng, tham gia tích cực, có trách nhiệm vào các hoạt động xã hội.

Người cao tuổi làm kinh tế giỏi Thủ đô đã đóng góp phần đáng kể vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người cao tuổi; góp phần bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; đồng thời làm phong phú sâu sắc hơn nội dung phong trào thi đua “Nêu gương sáng xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng”. Từ đó vai trò, vị thế của tổ chức Hội Người cao tuổi ngày càng được khẳng định và phát huy trong cộng đồng và xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII, Nghị quyết Đại hội VI Hội Người cao tuổi Việt Nam đề ra.

2. Giải pháp phát huy vai trò người cao tuổi đóng góp phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội trong giai đoạn mới

Trong thời gian tới, trước thực trạng già hóa dân số và những vấn đề cấp thiết trong công tác người cao tuổi; nhằm tiếp tục thực hiện Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết Đại hội VI của Hội Người cao tuổi Việt Nam, Kế hoạch số 30/KH-UBND, ngày 26-01-2022, của UBND Thành phố Hà Nội về thực hiện Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi đến năm 2030 trên địa bàn thành phố; Theo đó, thành phố đề ra mục tiêu quan trọng là “Phát huy tối đa vai trò, kinh nghiệm của Người cao tuổi tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, giáo dục, việc làm, kinh tế, chính trị của đất nước phù hợp với nguyện vọng, nhu cầu, khả năng; thực hiện đầy đủ các quyền lợi và nghĩa vụ của Người cao tuổi”.

Để hiện thực hóa những mục tiêu trên, các cấp Hội Người cao tuổi thành phố đề ra một số giải pháp, biện pháp chủ yếu sau:

1. Chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp thành phố quan tâm hơn nữa công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với phong trào thi đua “Nêu gương sáng xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng”, thực hiện tốt Đề án công tác người cao tuổi giai đoạn 2021-2030, tranh thủ mọi nguồn lực hỗ trợ để người cao tuổi

tích cực sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả trong phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và thành phố.

2. Tuyên truyền sâu rộng tới các hội viên người cao tuổi thành phố hiểu rõ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thành phố có liên quan đến phát triển kinh tế, nhất là những chủ trương chính sách có liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn để tạo sự đồng thuận của hội viên người cao tuổi trong tham gia thực hiện các nhiệm vụ. Làm tốt công tác tuyên truyền với nhiều hình thức, đa dạng, phong phú về nội dung nhằm làm chuyển biến tư duy trong sản xuất, kinh doanh của người cao tuổi, vừa coi trọng về số lượng vừa đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm có giá trị, lợi nhuận cao. Đề cao trách nhiệm với cộng đồng; sản xuất gắn với bảo vệ môi trường và đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn đối với sản phẩm nông nghiệp.

3. Vận động hội viên người cao tuổi chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng khoa học-công nghệ trong sản xuất. Chú trọng hướng dẫn hội viên người cao tuổi duy trì và phát triển nghề truyền thống, nghề phụ để giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống gia đình, nhất là trong việc tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao khoa học-kỹ thuật, quản lý, thông tin thị trường sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và tổ chức tham quan giao lưu trao đổi học tập lẫn nhau.

4. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho hội viên người cao tuổi có kiến thức, kỹ năng, phương pháp trong sản xuất, kinh doanh, quản lý kinh tế. Vận động người cao tuổi sản xuất, kinh doanh giỏi chia sẻ cùng cộng đồng địa phương về cách thức, kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh đem lại hiệu quả kinh tế cao để cùng nhau làm giàu chính đáng.

5. Kịp thời đánh giá, tổng kết, khen thưởng, biểu dương những cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh tế, tuyên truyền nhân rộng các mô hình điển hình mới, rút ra bài học kinh nghiệm để triển khai trên diện rộng trong việc giúp đỡ người cao tuổi khởi nghiệp, dạy nghề, thu hút lao động, giải quyết việc làm cho người cao tuổi thành phố. □

ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO BÓNG CHUYỀN HƠI, GÓP PHẦN RÈN LUYỆN THỂ DỤC, THỂ THAO Ở NGƯỜI CAO TUỔI TỈNH BẮC GIANG

HỘI NGƯỜI CAO TUỔI TỈNH BẮC GIANG

Đặt vấn đề

Người cao tuổi là lớp người có vị trí, vai trò quan trọng đối với gia đình và xã hội, là nguồn nội sinh quý giá của sự phát triển. Đây là lớp người có công sinh thành, nuôi dạy, giáo dục con cháu, giáo dục thế hệ trẻ về nhân cách, phẩm chất đạo đức và lòng yêu nước, giữ gìn, truyền thụ, lan tỏa các giá trị truyền thống, văn hóa; có những đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh, bảo vệ Tổ quốc, xây dựng, phát triển đất nước qua nhiều giai đoạn lịch sử. Trong giai đoạn hiện nay, vai trò của người cao tuổi vẫn đang được phát huy, nhiều người vẫn tiếp tục đem tài năng, trí tuệ, kinh nghiệm, công sức đóng góp cho sự nghiệp đổi mới, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, tham gia xây dựng hệ thống chính trị và ổn định tình hình ở địa phương. Vì vậy, người cao tuổi cần được chăm sóc và phát huy trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hệ thống Hội Người cao tuổi từ tỉnh đến cơ sở ở tỉnh Bắc Giang đồng bộ, thống nhất, việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuận lợi, kịp thời và có chất lượng, hiệu quả cao hơn. Tính đến tháng 6-2023, tổng số hội viên là trên 300 nghìn người, trong đó có trên 252 nghìn người cao tuổi sinh hoạt ở 209 hội cơ sở, 2.128 chi hội, 2.946 tổ hội; tỷ lệ tập hợp người cao tuổi vào hội đạt 98,5%. Trong những năm qua, chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần đối với người cao tuổi luôn được các cấp ủy, chính quyền, Hội Người cao tuổi trong tỉnh quan tâm, tổ chức thực hiện đạt hiệu quả. Một trong các nhiệm vụ chủ yếu mà Hội Người cao tuổi tỉnh Bắc Giang xác định là “làm nòng cốt trong phong trào

và nâng cao chất lượng các hoạt động chăm sóc, phụng dưỡng, phát huy vai trò người cao tuổi” thông qua các giải pháp, trong đó có đa dạng hóa các hình thức tập hợp người cao tuổi trên địa bàn các xã, phường, thị trấn; mở rộng, phát triển và tổ chức tốt các hoạt động của người cao tuổi ở các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao... với sự hướng dẫn, chỉ đạo và giúp đỡ của các cấp Hội Người cao tuổi trên địa bàn.

Từ nhiệm vụ của Hội và thực tế ở địa phương, cơ sở, việc xây dựng, phát triển và tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thể thao của người cao tuổi thông qua các loại hình câu lạc bộ người cao tuổi là một vấn đề quan trọng và cần thiết.

Hội Người cao tuổi tỉnh Bắc Giang triển khai phát triển phong trào văn hóa, thể thao người cao tuổi

Xác định xây dựng và phát triển các loại hình câu lạc bộ là hình thức phù hợp để phát triển phong trào văn hóa, thể thao của người cao tuổi, qua đó tập hợp, đoàn kết người cao tuổi, thu hút người cao tuổi vào tổ chức Hội, phát triển hội viên. Ngày 24-12-2012, Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi tỉnh Bắc Giang đã có Quyết định số 38/QĐ-NCT ban hành “Đề án xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động các loại hình câu lạc bộ người cao tuổi ở cơ sở” với mục tiêu “phấn đấu 100% các chi hội có ít nhất 1 câu lạc bộ người cao tuổi; các xã, phường, thị trấn có ít nhất 1 câu lạc bộ người cao tuổi cấp cơ sở hoạt động thường xuyên”. Qua hơn 10 năm triển khai, tổ chức thực hiện, các loại hình câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao người cao tuổi ở cơ sở phát triển mạnh mẽ, phong phú, đa dạng với nhiều nội dung, như văn nghệ, thơ ca, cờ tướng, bóng bàn, thể dục dưỡng sinh, khiêu vũ thể thao, dân vũ, cầu lông và đặc biệt là bóng chuyền hơi... Các câu lạc bộ hoạt động sôi nổi, đạt hiệu quả, thu hút đông đảo hội viên người cao tuổi tham gia; qua đó góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Người cao tuổi trên toàn tỉnh, tạo sân chơi bổ ích giúp người cao tuổi sống vui, sống khỏe, sống có ích cho gia đình và xã hội. Tính đến tháng 6-2023, toàn tỉnh có 6.588 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao với 164.944 hội viên tham gia; có 2.199 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ với 52.349 thành viên; có 4.374 câu lạc bộ thể dục, thể thao với 111.771 thành viên. Các câu lạc bộ duy trì đều đặn nền nếp sinh hoạt, tập luyện.

Có thể nói, hoạt động thể thao của người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thời gian qua sôi nổi nhất là môn bóng chuyền hơi - bộ môn được Hội Người cao tuổi tỉnh tập huấn chuyên môn, phổ biến luật và phát động tập luyện từ năm 2012. Bóng chuyền hơi là môn thể thao được cải tiến từ bóng chuyền truyền

thống, không yêu cầu cao về tốc độ và sức mạnh, rất thích hợp với người chơi độ tuổi khoảng từ 45 đến 75. Các động tác trong môn bóng chuyền hơi gần giống như môn bóng chuyền da nhưng nhẹ nhàng, tạo cho người chơi có được sự uyển chuyển, linh hoạt hơn. Bóng chuyền hơi có những đặc điểm cơ bản, như chất bóng mềm, có tính chất đàn hồi, cảm giác khi tiếp xúc bóng dễ chịu, không gây tổn thương cho người chơi; bóng có chu vi lớn, trọng lượng nhẹ, tốc độ bay chậm, dễ khống chế, phù hợp với nhịp điệu vận động của tay, chân và mắt của người cao tuổi; lưới bóng thấp (nam cao 2,2m, nữ cao 2,0m), qua đó giảm thiểu động tác nhảy, an toàn cao cho người tập; sân bóng nhỏ (12m x 6m), đơn giản, tiện lợi, có thể tập luyện thi đấu trong nhà, ngoài trời đều được; lượng vận động thích hợp, thông qua các động tác di chuyển, nhảy, ngồi xổm, xoay người...; các bộ phận như não, mắt, tay, lưng, chân đều được sử dụng và phát huy, qua đó cải thiện được chức năng của các cơ quan trong cơ thể, tăng cường sức mạnh từng phần của cơ bắp, nâng cao tính linh hoạt, hài hòa khi co duỗi các khớp xương khi vận động, có lợi cho sức khỏe. Tham gia bộ môn này, người cao tuổi có thể giảm đau xương khớp hiệu quả, đẩy lùi các bệnh về tim mạch, cải thiện trí nhớ, giảm thiểu các vấn đề của bệnh tiểu đường...; đồng thời người tập luôn thể hiện văn minh, tao nhã, tính hứng thú cao, tràn đầy bầu không khí và tiếng cười vui vẻ, đoàn kết trên sân tập; qua đó tạo cho người tập có tinh thần tập thể, phối hợp hài hòa, đoàn kết phấn đấu vì tập thể và tinh thần thể thao chân chính, cao thượng. Chơi bóng chuyền hơi giúp gắn kết những người cao tuổi ở các làng, xóm, khu dân cư lại với nhau, củng cố và thắt chặt hơn mối quan hệ đoàn kết giữa các thành viên ở làng xóm, tổ dân phố, khu dân cư.

Thời gian đầu sau khi tập huấn chuyên môn cho đại diện người cao tuổi các huyện, thành phố, việc vận động các hội viên ở các địa phương trên địa bàn tỉnh đến sân để tham gia tập luyện còn khó khăn, bởi đa phần đều quan niệm bóng chuyền là môn thể thao dành cho giới trẻ, đòi hỏi chiều cao, sức khỏe và năng khiếu. Tuy nhiên, sau một thời gian làm quen và tập luyện với trái bóng, đến nay, bóng chuyền hơi đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hằng ngày của nhiều người cao tuổi trên địa bàn tỉnh, nhanh chóng lan tỏa và phát triển rộng khắp các thôn, bản, tổ dân phố. Toàn tỉnh hiện có hàng nghìn câu lạc bộ bóng chuyền hơi thu hút hàng chục nghìn người cao tuổi tham gia.

Phong trào bóng chuyền hơi tại tỉnh Bắc Giang

Chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc hoạt động của câu lạc bộ bóng chuyền hơi người cao tuổi ở cơ sở

Chức năng: Tuyên truyền, vận động những người cao tuổi có cùng sở thích tập luyện bóng chày chuyên hơi để tự nguyện tổ chức, phổ biến, hướng dẫn hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu rèn luyện thân thể, nâng cao sức khỏe, vui chơi, giải trí, cải thiện đời sống văn hóa, tinh thần và nâng cao hiệu quả hoạt động cho người cao tuổi.

Nhiệm vụ: Tổ chức hoạt động thường xuyên; tăng cường sự hợp tác, giao lưu, nâng cao sự hiểu biết về bộ môn bóng chày chuyên hơi. Tổ chức tham gia các hoạt động (thi đấu, giao lưu...) của địa phương, Hội Người cao tuổi cấp trên. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động để các thành viên chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Quản lý và phát triển thành viên. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân theo quy định. Xây dựng, thông qua quy chế hoạt động và trình cấp ra quyết định thành lập phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Nguyên tắc hoạt động: Câu lạc bộ hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự quản, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật với phương châm xã hội hóa, phát huy nội lực là chính, thành viên chung tay góp sức tự tạo phương tiện, điều kiện để hoạt động. Hội Người cao tuổi cơ sở hướng dẫn, kiểm tra, động viên thi đua, vận động các tổ chức, cá nhân, những người hảo tâm, các doanh nghiệp ủng hộ, giúp đỡ; tranh thủ sự chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cơ sở hỗ trợ, giúp đỡ về địa điểm, cho phép vận động ủng hộ. Tài chính của câu lạc bộ thu từ đóng góp của thành viên, tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân. Hội phí và mức hội phí do tập thể câu lạc bộ quyết định. Chi cho các hoạt động của câu lạc bộ được các thành viên thống nhất và công khai.

Tập luyện thường xuyên của các câu lạc bộ

Được sự quan tâm của các cấp ủy, chính quyền, phong trào bóng chày chuyên hơi người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang phát triển mạnh mẽ, lan tỏa tới các thôn, bản, tổ dân phố; trở thành môn thể thao yêu thích, để rèn luyện sức khỏe mỗi ngày của người cao tuổi và của người dân ở các khu dân cư. Các câu lạc bộ, đội bóng chày chuyên hơi người cao tuổi trên địa bàn tỉnh luôn được địa phương tạo điều kiện về địa điểm để duy trì luyện tập, thường xuyên quan tâm hỗ trợ để tổ chức giao lưu, thi đấu vào các ngày hội, ngày kỷ niệm của địa phương, của tỉnh, của đất nước.

Hàng ngày, tại các điểm tập luyện bóng chày chuyên hơi ở các thôn, tổ dân phố, khu dân cư trên địa bàn tỉnh, hàng chục nghìn lượt hội viên người cao tuổi ở

các câu lạc bộ đều đặn tập trung tập luyện, giao lưu trên các sân bóng. Mặc dù tuổi đã cao, song các hội viên người cao tuổi chơi bóng rất nhiệt tình, hăng say, tạo nên những tình huống hấp dẫn, những pha bóng đẹp, những tiếng cười vui động viên nhau trên khắp các sân. Trước và sau các buổi tập luyện, các thành viên ở các sân tập hỏi thăm, động viên nhau về cuộc sống, chia sẻ những kinh nghiệm về nuôi dạy con cháu, về giữ gìn sức khỏe...

Tổ chức giao lưu giữa các câu lạc bộ bóng chuyên hơi

Vào các dịp tết Nguyên đán, lễ hội, các ngày lễ lớn của tỉnh, của đất nước, ngày Người cao tuổi Việt Nam 6-6, ngày Quốc tế người cao tuổi 1-10 hàng năm..., các câu lạc bộ, đội bóng chuyên hơi ở các địa phương trong toàn tỉnh tổ chức hoặc tham gia hàng nghìn cuộc giao lưu với các câu lạc bộ, các đội trong và ngoài xã, ngoài huyện, ngoài tỉnh; tham gia các giải đấu của xã, cụm xã, huyện, thành phố, tỉnh để được giao lưu, thi đấu, tăng cường đoàn kết, chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao trình độ, kỹ năng chơi bóng chuyên hơi và đẩy mạnh phong trào chung.

Hình thức, phương pháp nhằm thúc đẩy phong trào bóng chuyên hơi phát triển ở cơ sở

Để thúc đẩy phong trào bóng chuyên hơi trong người cao tuổi, ngoài sự quan tâm về cơ sở vật chất, sân tập, hàng năm, hàng trăm giải đấu được các cấp quan tâm tổ chức từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm quy mô, chất lượng, khen thưởng, động viên kịp thời, được đông đảo quần chúng nhân dân trong tỉnh ủng hộ.

Bóng chuyên hơi là một trong 4 môn thi đấu của hội khỏe truyền thống người cao tuổi tỉnh. Vì vậy, hàng năm, Hội Người cao tuổi các xã, phường, thị trấn, các cụm xã tổ chức giải bóng chuyên hơi cho các chi hội người cao tuổi theo cụm thi đua; 100% Hội Người cao tuổi các huyện, thành phố tổ chức vòng chung kết, lựa chọn đội đại diện về thi đấu giải của tỉnh.

Bắt đầu từ năm 2013, hàng năm, Hội Người cao tuổi tỉnh Bắc Giang phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức giải bóng chuyên hơi người cao tuổi toàn tỉnh, thu hút trên 200 vận động viên là người cao tuổi và đông đảo cổ động viên từ 10 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh về tham gia thi đấu ở 2 nội dung, đội nam và đội nữ. Phong trào và chất lượng của các đội bóng ngày càng nâng cao, kỹ thuật ngày càng tốt hơn. Hàng năm, Hội Người cao tuổi tỉnh phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cử 1 đội nam (độ tuổi 66 tuổi - 70

tuổi) tham dự giải bóng chuyền hơi trung cao tuổi toàn quốc. Kết quả, qua 7 lần tham dự, tỉnh Bắc Giang đã đoạt 2 huy chương vàng, 3 huy chương bạc; 1 huy chương đồng, nhiều năm được Ban Tổ chức và nhà tài trợ tặng cờ đơn vị xuất sắc.

Có thể nói, trong những năm qua, nhờ sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền và tổ chức Hội, việc tổ chức, duy trì hoạt động phong trào thể dục, thể thao và các câu lạc bộ của người cao tuổi trong tỉnh tiếp tục phát triển, phong trào thể dục, thể thao nói chung, đặc biệt là phong trào tập luyện bóng chuyền hơi của người cao tuổi tỉnh Bắc Giang sôi nổi và phát triển mạnh, góp phần tập hợp, thu hút đông đảo người cao tuổi vào Hội, nâng cao chất lượng sinh hoạt và sức khỏe cho hội viên người cao tuổi, khích lệ hội viên sống vui, sống khỏe, thực hiện tốt các phong trào thi đua yêu nước, tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho con, cháu, cho gia đình và xã hội.

Phong trào bóng chuyền hơi trên địa bàn tỉnh phát triển mạnh mẽ, có sức lan tỏa rộng thúc đẩy các môn thể thao khác, như dưỡng sinh, dân vũ, khiêu vũ thể thao cầu lông bóng bàn... phát triển; không chỉ là môn thể thao chủ yếu dành cho người cao tuổi mà còn thu hút nhiều đối tượng khác tham gia, như phụ nữ, thanh niên, cán bộ, công chức, viên chức... ở nhiều lứa tuổi khác trong khu dân cư, trong khối các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học... Hiện nay, môn bóng chuyền hơi luôn được tổ chức giao hữu trong cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị và thường xuyên được tổ chức thông qua giải đấu từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh và các giải mở rộng, qua đó khuyến khích, động viên và thúc đẩy phong trào tiếp tục phát triển.□

VAI TRÒ, HIỆU QUẢ CỦA QUỸ CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI TRONG CÔNG TÁC NGƯỜI CAO TUỔI Ở TỈNH HÒA BÌNH

BÙI TUẤN HẢI

Chủ tịch Hội Người cao tuổi tỉnh Hòa Bình

Về công tác tổ chức của Quỹ chăm sóc người cao tuổi

Căn cứ Nghị định số 148/2007/NĐ-CP, ngày 25-9-2007, của Chính phủ “Về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện” và Quyết định số 1256/QĐ-TTg, ngày 21-9-2006, của Thủ tướng Chính phủ “Về việc thành lập quỹ chăm sóc người cao tuổi Việt Nam”, Hội Người cao tuổi tỉnh Hòa Bình đã tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ký quyết định thành lập Quỹ chăm sóc người cao tuổi cấp huyện, thành phố và cấp xã, phường, thị trấn. Đến hết năm 2009, Quỹ chăm sóc người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đã được thành lập ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã, đạt tỷ lệ 100%.

Quỹ chăm sóc người cao tuổi 3 cấp tỉnh, huyện, xã hoạt động độc lập dưới sự quản lý và điều hành của Hội đồng quản lý quỹ từng cấp.

Hội đồng quản lý Quỹ cấp tỉnh gồm có Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ; Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi tỉnh làm Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ kiêm Giám đốc quỹ. Các ủy viên là Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Phó Giám đốc Sở Tài chính và Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Kế toán Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm.

Hội đồng quản lý quỹ cấp huyện, thành phố gồm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố làm Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Trưởng Ban đại diện Hội Người cao tuổi làm Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ kiêm Giám đốc Quỹ.

Các ủy viên là lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, Phòng Nội vụ hoặc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. Kế toán đặt trong kế toán Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Hội đồng quản lý quỹ cấp xã gồm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn làm Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ. Chủ tịch Hội Người cao tuổi xã, phường, thị trấn làm Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ kiêm Giám đốc Quỹ. Các ủy viên là một số ban, ngành của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Kế toán quỹ đặt trong kế toán Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Công tác triển khai kế hoạch vận động Quỹ chăm sóc người cao tuổi

Thực hiện Chỉ thị số 44-CT/TU, ngày 23-3-2015, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đối với cuộc vận động nhân dân quyên góp ủng hộ các quỹ xã hội, từ thiện, hằng năm Hội đồng quản lý quỹ đều xây dựng văn bản xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy cho phép vận động quỹ và xây dựng kế hoạch và phát động cuộc vận động sâu, rộng trong toàn tỉnh, vận động các tầng lớp nhân dân, các nhà hảo tâm trong tỉnh đóng góp ủng hộ quỹ chăm sóc người cao tuổi ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã. Để cuộc vận động đạt kết quả cao, Hội đồng quản lý quỹ đã lấy dịp kỷ niệm Ngày truyền thống Người cao tuổi Việt Nam 6-6 và dịp kỷ niệm Ngày Quốc tế Người cao tuổi 1-10 là đợt cao điểm vận động quỹ hằng năm. Tháng 10 cũng là tháng cao điểm triển khai các hoạt động chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi nhân “Tháng hành động vì người cao tuổi”.

Bám sát kế hoạch vận động, Hội đồng quản lý Quỹ đã chỉ đạo chặt chẽ; các cấp hội người cao tuổi hoạt động tích cực, vận động bằng nhiều hình thức để tạo được nguồn quỹ thực hiện các hoạt động chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi trong tỉnh. Hằng năm, gắn với sơ kết, tổng kết công tác Hội Người cao tuổi, Hội đồng quản lý quỹ tiến hành đánh giá kết quả vận động, quản lý và sử dụng quỹ các cấp, trên cơ sở đó để định hướng cho công tác vận động quỹ các năm tiếp theo. Số tiền quỹ vận động được hằng năm ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã trung bình khoảng trên 3 tỷ đồng/năm.

Công tác quản lý sử dụng Quỹ chăm sóc người cao tuổi

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động quỹ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, hội đồng quản lý quỹ chăm sóc người cao tuổi các cấp xây dựng quy chế quản lý thu chi quỹ; tổ chức thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng nguồn thu, các định mức chi tiêu của quỹ.

Để làm tốt công tác theo dõi về tổ chức và quản lý sử dụng Quỹ bảo đảm theo Điều lệ và Quy chế quản lý Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ tỉnh hàng năm xây dựng kế hoạch kiểm tra và tổ chức đi thực tế đối với quỹ cấp huyện, quỹ cơ sở; phản ánh hoạt động quỹ bằng báo cáo chuyên đề, định kỳ hằng quý, hằng năm.

Nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý quỹ, hàng năm Hội đồng quản lý quỹ tỉnh và Hội Người cao tuổi tỉnh tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về công tác quản lý quỹ cho cán bộ Hội và cán bộ làm công tác quản lý quỹ các cấp.

Kết quả hoạt động của Quỹ chăm sóc người cao tuổi

Từ kết quả vận động quỹ, căn cứ điều kiện thực tế, bám sát quy chế quản lý sử dụng quỹ, hội đồng quản lý quỹ các cấp đã tổ chức các hoạt động chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi trong tỉnh, cụ thể như sau:

Về chăm sóc người cao tuổi: Bằng nguồn quỹ vận động được trong năm, các cấp hội đã triển khai nhiều hoạt động chăm sóc với các hoạt động cụ thể, thiết thực, như tặng quà dịp Tết Nguyên đán cho người cao tuổi; chi thăm hỏi người cao tuổi đau yếu; phúng viếng người cao tuổi qua đời; các hoạt động chăm sóc sức khỏe, mừng thọ, học tập kinh nghiệm cho người cao tuổi; hỗ trợ người cao tuổi gặp rủi ro do thiên tai, dịch bệnh; hỗ trợ xóa nhà tạm; xây dựng nhà đại đoàn kết cho người cao tuổi nghèo, người cao tuổi đặc biệt khó khăn; hỗ trợ hoạt động câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau. Cụ thể năm 2022, dịp Tết Nguyên đán, Quỹ chăm sóc người cao tuổi tỉnh Hòa Bình trao tặng là 135 suất quà trị giá 40.500.000 đồng; quà Quỹ chăm sóc người cao tuổi cấp xã là 12.499 suất trị giá 4.885.703.000 đồng. Trong năm, tỉnh đã tổ chức chúc thọ, mừng thọ cho 11.738 người cao tuổi; hội người cao tuổi các cấp phối hợp với các ngành đã hỗ trợ xóa được 59 nhà tạm cho người cao tuổi; tạo điều kiện cho 35.366 lượt người cao tuổi được đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại các địa phương trên cả nước. Trong Tháng hành động vì người cao tuổi, các cấp hội người cao tuổi đã trao tặng 5.087 suất quà cho người cao tuổi khó khăn, người cao tuổi nghèo, cô đơn, trị giá 1.045.245.000 đồng. Trong thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao về xây dựng Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau, quỹ chăm sóc người cao tuổi các cấp tại Hòa Bình đã có những đóng góp không nhỏ trong việc góp phần thành lập những câu lạc bộ bằng nguồn vốn của địa phương. Thông qua các hoạt động hỗ trợ tập huấn, mua thiết bị hoạt động cho câu lạc bộ, ủng hộ 1 phần kinh phí hình thành vốn tăng thu nhập của câu lạc bộ... Những nội dung này đều được Hội tham mưu với Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể trong quy chế thu, chi của Quỹ từ năm 2019.

Về phát huy vai trò người cao tuổi: Hiện nay, tổng số hội viên người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Hòa Bình là 117.147 hội viên, trong đó có trên 40 nghìn người cao tuổi trực tiếp tham gia lao động sản xuất, phát triển kinh tế gia đình; 6.043 người cao tuổi tham gia công tác Đảng, chính quyền, đoàn thể như bí thư chi bộ, trưởng thôn, bản, khu dân cư; 15.268 người cao tuổi tham gia bảo vệ trật tự xã hội và an ninh Tổ quốc.

Với phương châm hoạt động của Hội là phát huy để chăm sóc và chăm sóc tốt để phát huy nhiều hơn nữa nên các hoạt động chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi trên địa bàn tỉnh luôn được lồng ghép để thực hiện. Từ nguồn Quỹ chăm sóc người cao tuổi vận động được, hằng năm các cấp Hội thường xuyên tổ chức các hoạt động liên hoan tiếng hát người cao tuổi, giải bóng chuyền hơi, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, hội nghị, nói chuyện chuyên đề nhân các ngày kỷ niệm của Hội để tạo điều kiện cho hội viên người cao tuổi có điều kiện được giao lưu, học tập kinh nghiệm. Đồng thời một phần kinh phí cũng được trích ra để thực hiện công tác khen thưởng người cao tuổi có thành tích xuất sắc trong thực hiện các phong trào của Hội; phong trào “Tuổi cao - gương sáng” ... Tổ chức các hoạt động tập huấn, tham quan học tập kinh nghiệm cho người cao tuổi.

Quỹ chăm sóc người cao tuổi các cấp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình là một trong những quỹ có đầy đủ tính chất pháp lý; đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, công tác quản lý sử dụng quỹ được tổ chức hiệu quả, chặt chẽ trên cơ sở thực hiện tốt quy định của điều lệ và quy chế quản lý quỹ đã tăng cường niềm tin trong mọi tầng lớp nhân dân và nâng cao ý nghĩa cuộc vận động hằng năm.

Công tác phát triển Quỹ chăm sóc người cao tuổi tỉnh Hòa Bình các cấp tiếp tục là nguồn lực quan trọng và tích cực trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi trong tỉnh đã được tiến hành thường xuyên hơn và được đẩy mạnh vào dịp cao điểm Ngày truyền thống Người cao tuổi Việt Nam 6-6 và Ngày Quốc tế Người cao tuổi 1-10, Tháng hành động vì người cao tuổi hằng năm. Trong quá trình vận động đã xuất hiện các tập thể, cá nhân tích cực, thường xuyên đóng góp ủng hộ Quỹ là những điển hình cần được nhân rộng.

Hội đồng quản lý Quỹ và các cấp hội người cao tuổi đã thực hiện tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong kế hoạch vận động quỹ hằng năm, trong đó có nhiều cơ sở đã bằng nhiều biện pháp vận dụng sáng tạo vào điều kiện địa phương để tạo được nguồn quỹ góp phần thực hiện hiệu quả công tác chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi.

Xác định việc quản lý sử dụng Quỹ chặt chẽ theo quy định của Nhà nước và pháp luật là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác quỹ, hằng năm, Hội đồng quản lý Quỹ và Hội Người cao tuổi tỉnh đã tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng giúp nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ Hội về quản lý quỹ.

Những tồn tại, hạn chế

Một bộ phận xã hội chưa thực sự quan tâm đến Quỹ chăm sóc người cao tuổi. Công tác vận động Quỹ chăm sóc người cao tuổi các cấp còn chậm, số thu quỹ thấp (đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa), nên việc hỗ trợ cho các hoạt động chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi còn hạn chế. Trong quá trình triển khai thực hiện Quỹ còn một số khó khăn, vướng mắc khó thực hiện.

Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị tiếp tục được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong việc tạo điều kiện cho Quỹ chăm sóc người cao tuổi tỉnh Hòa Bình hoạt động và vận động được đông đảo các đối tượng tham gia ủng hộ, đặc biệt là chỉ đạo các ngành chức năng có hướng dẫn cụ thể để thực hiện được Điều 7, Luật Người cao tuổi quy định về việc ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho quỹ hoạt động.

Như vậy, có thể thấy, Quỹ chăm sóc người cao tuổi được thành lập là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta; thể hiện được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với người cao tuổi cũng như hoạt động của Hội Người cao tuổi trong cả nước. Cho đến nay, nguồn quỹ vận động được vẫn luôn thể hiện được vai trò là một nguồn lực quan trọng để các cấp hội tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi tại các địa phương. □

KINH NGHIỆM PHÁT HUY VAI TRÒ NGƯỜI CAO TUỔI TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TỈNH THANH HÓA

HỘI NGƯỜI CAO TUỔI TỈNH THANH HÓA

Khái quát chung

Tỉnh Thanh Hóa có 533.000 người cao tuổi, chiếm 14% dân số toàn tỉnh. Hội Người cao tuổi tỉnh được thành lập ngày 5-10-2011. Tỉnh có 27/27 huyện, thị xã, thành phố thành lập Hội Người cao tuổi, có 559/559 xã, phường, thị trấn thành lập Hội Người cao tuổi. Tại các thôn, bản, tổ dân phố, đã thành lập được 4.393 chi hội người cao tuổi, 4.184 tổ hội. Tổng số hội viên toàn tỉnh là 489.000, chiếm 91,4% người cao tuổi trong tỉnh, trong đó có 378.350 người đang trực tiếp lao động sản xuất, chiếm 65%.

Nhìn chung, Hội Người cao tuổi các cấp trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định, hiệu quả, nổi bật, như liên tục 12 năm đạt vững mạnh xuất sắc, được Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam xếp vào tốp đầu của cả nước, được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba, Thủ tướng Chính phủ tặng 2 bằng khen, các bộ, ngành, Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành Trung ương tặng nhiều bằng khen. Đối với cấp huyện và cơ sở, qua bình xét thi đua hằng năm có 92,6% Hội Người cao tuổi cấp huyện và 89% Hội Người cao tuổi cấp cơ sở đạt danh hiệu đơn vị vững mạnh.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, phối hợp của các cơ quan đối với công tác người cao tuổi và công tác Hội Người cao tuổi

Cấp ủy, chính quyền trên địa bàn tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác và hoạt động của Hội Người cao tuổi. Từ năm 2011 đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành 2 chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

đối với công tác người cao tuổi và Hội Người cao tuổi trong tình hình mới; Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 1 nghị quyết; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 46 văn bản chỉ đạo, điều hành công tác tổ chức, quản lý hoạt động của Hội Người cao tuổi theo Luật Người cao tuổi và các quy định của Nhà nước. Công tác quản lý nhà nước đối với Hội Người cao tuổi bảo đảm hoạt động theo quy định của pháp luật. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành với Hội Người cao tuổi được quan tâm thực hiện. Sau mỗi kỳ đại hội, Ban Thường vụ Hội Người cao tuổi tỉnh đã đăng ký làm việc với 27/27 cấp ủy huyện, thị xã, thành phố và các bn, ngành, đoàn thể liên quan về công tác phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo công tác Hội và phong trào người cao tuổi; đã ký kết Chương trình phối hợp với nhiều đơn vị trong tỉnh. Các chương trình phối hợp đang được tổ chức thực hiện có hiệu quả, góp phần tích cực xây dựng tổ chức Hội vững mạnh và làm tốt nhiệm vụ chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi, nhất là trên lĩnh vực phát huy vai trò người cao tuổi trong phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Phát huy vai trò người cao tuổi trong phát triển kinh tế - xã hội

Những năm qua, hưởng ứng phong trào thi đua “Người cao tuổi làm kinh tế giỏi” do Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam phát động, các cấp Hội Người cao tuổi trên địa bàn tỉnh đã tích cực tuyên truyền, vận động hội viên tham gia và đạt được những kết quả tích cực các phong trào sau:

Phong trào sản xuất, kinh doanh, xóa đói, giảm nghèo

Phát huy tinh thần “Tuổi cao, gương sáng” tích cực tham gia phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm cho nhiều lao động ở địa phương. Phong trào thi đua phát triển kinh tế đã xuất hiện nhiều tấm gương người cao tuổi sản xuất giỏi, xây dựng các mô hình sản xuất, kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao. Các tổ chức Hội đã động viên, khích lệ hội viên đăng ký vay vốn, tiếp thu khoa học, kỹ thuật sản xuất, kinh doanh, phát huy tinh thần tương thân, tương ái, giúp nhau về cây, con giống, kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất, tìm kiếm thị trường. Đặc biệt là trên 1.150 câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau trên địa bàn toàn tỉnh, đã giải quyết cho hàng chục ngàn thành viên câu lạc bộ được vay vốn, với trên 85 tỷ đồng từ nguồn vốn tăng thu nhập của câu lạc bộ để phát triển kinh tế, cải thiện đời sống, góp phần xóa đói, giảm nghèo bền vững trên địa bàn dân cư.

Toàn tỉnh 378.350 người cao tuổi đang trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh, có 7.776 người cao tuổi làm chủ trang trại, chủ doanh nghiệp, 18.876

người làm kinh tế giỏi, thu nhập ổn định, đóng góp đáng kể cho ngân sách Nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nhiều người cao tuổi đã đầu tư hàng chục ngàn tỷ đồng, thu hút, giải quyết trên 10 nghìn lao động có việc làm, thu nhập ổn định. Phong trào xóa đói, giảm nghèo, Hội Người cao tuổi các cấp, phối hợp với địa phương vận động nguồn lực xây dựng 150 nhà đại đoàn kết, sửa chữa gần 2 nghìn căn nhà cho người cao tuổi nghèo và hàng nghìn hộ người cao tuổi đã nỗ lực vươn lên thoát nghèo bền vững.

Phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh

Ban Thường vụ Hội Người cao tuổi tỉnh đã tập trung hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức Hội các cấp tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên tham gia phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Hằng năm, Hội đã có văn bản chỉ đạo, tổ chức tập huấn xây dựng mô hình, sơ kết, tổng kết, gắn với nhiệm vụ công tác Hội. Đồng thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp tuyên truyền, vận động người cao tuổi tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, bảo vệ môi trường thời gian tới. Đã tổ chức 268 lớp về Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; hơn 6.300 cuộc họp từ tỉnh đến các chi hội quán triệt các nội dung về Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; tổ chức 68 lớp về nâng cao kiến thức bảo vệ môi trường; 22 lớp về vệ sinh, an toàn thực phẩm; làm 16 phóng sự về người cao tuổi chung tay xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường, hàng trăm bài viết về các điển hình tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng nông thôn mới; phát động Cuộc sáng tác thơ về đề tài “xây dựng nông thôn mới trên quê hương Thanh Hóa” đã có trên 7.000 người cao tuổi gia tham gia, in ấn 1.000 cuốn tặng Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Thông qua các cuộc hội nghị, các lớp tập huấn để vận động người cao tuổi tham gia phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Công tác tuyên truyền, tập huấn đã nâng cao một bước nhận thức của cán bộ, hội viên về lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của người cao tuổi tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Hội Người cao tuổi cơ sở đã tích cực động viên người cao tuổi tham gia phong trào “hiến kế, hiến đất”, góp công, góp của làm đường giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, các công trình văn hóa, xã hội, giúp chính quyền địa phương tháo gỡ các khó khăn trong giải phóng mặt bằng, huy động nguồn lực cho thực hiện các tiêu chí nông thôn mới. Đã có 271.500 người cao tuổi được tiếp cận thông tin; vận động con cháu học tập nâng cao kiến thức khoa học - kỹ thuật sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu, cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế trang trại, nâng cao thu nhập, góp phần giảm nghèo bền vững. Người cao tuổi tình

nguyện hiến 2.755.707m² đất, 295.000 cây ăn quả lâu năm, đóng góp 2.936.079 ngày công, 579,8 tỷ đồng xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội ở địa phương, đóng góp tích cực, hiệu quả phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn mới trên quê hương Thanh Hóa.

Phong trào bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu

Hội Người cao tuổi tỉnh đã vận động trên 345.150 hội viên thường xuyên tham gia quét dọn vệ sinh đường làng, ngõ xóm, khu dân cư; nạo vét trên 5.920 km cống rãnh, kênh mương, khơi thông dòng chảy. Hội Người cao tuổi cơ sở phối hợp với ủy ban nhân dân xã quy hoạch, đầu tư, nâng cấp xây dựng khu nghĩa trang nhân dân với giá trị hàng trăm triệu đồng; chỉ đạo xây dựng mô hình người cao tuổi tham gia bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới ở các địa phương. Thực hiện tốt công tác thu gom, xử lý rác thải, nhất là rác thải nhựa trong từng gia đình hội viên; tham gia trồng mới trên 6 triệu cây xanh trên đất trống đồi núi trọc, góp phần tích cực bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”

Hội Người cao tuổi tỉnh đã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tổng kết phong trào “Người cao tuổi tiêu biểu xây dựng đời sống văn hóa cơ sở” và phong trào “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo”. Tuyên truyền vận động người cao tuổi thực hiện nghiêm túc các quy định về nếp sống văn minh theo Chỉ thị 27 CT/TW của Bộ Chính trị Trung ương Đảng. Trong thực hiện “việc cưới, việc tang, lễ hội; Hội Người cao tuổi các cấp đã tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện nếp sống mới, không ăn uống linh đình, gây tốn kém, lãng phí, Hội Người cao tuổi đã xây dựng Đề án Người cao tuổi tham gia quản lý, khai thác, sử dụng nghĩa trang nhân dân, tuyên truyền vận động cộng đồng thực hiện việc hỏa táng người qua đời, bảo đảm vệ sinh môi trường; trong Lễ hội, nhiều Hội Người cao tuổi cơ sở được cấp ủy, chính quyền địa phương tin tưởng giao chủ trì trong tuyên truyền, vận động thực hiện các quy định về tổ chức, quản lý lễ hội theo hướng dẫn của cơ quan chức năng; chống biểu hiện mê tín dị đoan, buôn thần, bán thánh; bảo đảm các hoạt động văn hóa vui tươi, lành mạnh, bổ ích được nhân dân đồng tình, chính quyền ghi nhận.

Tỉnh Thanh Hóa cũng triển khai Đề án xây dựng “Chi hội Người cao tuổi hạnh phúc”; xây dựng tổ hội, chi hội Người cao tuổi tự quản, phát huy vai trò của cá nhân tiêu biểu, già làng, trưởng bản, người có uy tín vận động nhân dân xây dựng

nếp sống văn hóa, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Ở các địa phương, người cao tuổi luôn phát huy, giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp; giữ gìn thuần phong, mỹ tục; bảo tồn các công trình kiến trúc văn hóa, đặc biệt là đóng góp công sức, kinh phí cho trùng tu, tôn tạo các di tích, lịch sử, văn hóa, danh lam, thắng cảnh ở các địa phương. Qua bình xét đã có 85% hộ người cao tuổi đạt gia đình văn hóa, 80% hộ đạt danh hiệu “ Gia đình ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo”, toàn tỉnh đã biểu dương trên 12.976 người người cao tuổi tiêu biểu tại hội nghị tổng kết ở các cấp Hội.

Phong trào truyền nghề, khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập

Hiện nay, toàn tỉnh có trên 60.000 người cao tuổi tham gia công tác khuyến học, khuyến tài từ cơ sở đến tỉnh. Các trung tâm giáo dục cộng đồng, phần lớn là người cao tuổi đảm nhận; nhiều người cao tuổi đã tích cực tuyên truyền, vận động người cao tuổi và người dân tham gia đóng góp xây dựng quỹ khuyến học ở các cấp; nhiều gia đình, dòng họ xây dựng được quỹ khuyến học, khuyến tài; nhiều người cao tuổi đã ủng hộ hàng tỷ đồng vào quỹ khuyến học của tỉnh, của huyện; xây dựng các công trình trường học, phòng thư viện, phòng máy vi tính... Sự tham gia tích cực của Hội Người cao tuổi các cấp đã góp phần thúc đẩy phong trào học tập, truyền thụ nghề truyền thống và các giá trị văn hóa cho các thế hệ trẻ, với mong muốn khôi phục các làng nghề truyền thống đã bị mai một. Nhiều người cao tuổi đã đứng ra tổ chức các lớp học nghề, khôi phục làng nghề, các làn điệu dân ca, dân vũ, như khôi phục và phát triển làng nghề chè lam, Phủ Quảng, Vĩnh Lộc; làng nghề dệt thổ cẩm Cẩm Lương, làng nghề mây tre đan Hoàng Thịnh, làng nghề dệt chiếu Nga Sơn, làng nghề làm bánh gai Tứ Trụ, làng nghề dệt nhiễu Hồng Đô, làng hương truyền thống Đông Khê, Đông Sơn, làng nghề đúc đồng truyền thống chè Đông, Thiệu Hóa, chế tác đá mỹ nghệ Nhồi, Đông Sơn, bảo tồn các làng nghề thủ công truyền thống dệt thổ cẩm, các lễ hội truyền thống; phục dựng, duy trì tổ chức các hoạt động văn hóa đặc sắc, như dân ca Đông Anh, nháy sạp, ném còn, đánh cù, bắn nỏ, đẩy gậy các huyện miền núi... từ đó, tạo sân chơi lành mạnh, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, vật chất trong các tầng lớp nhân dân.

Phong trào xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

Phát huy tinh thần “Tuổi cao, gương sáng”, những năm qua, các cấp Hội Người cao tuổi tỉnh đã tích cực tham gia công tác xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; thường xuyên đóng góp những ý kiến tâm huyết, trách nhiệm cùng cấp ủy, chính quyền, góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong

sạch, vững mạnh. Nhiều người cao tuổi đảm nhận, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ do Đảng, chính quyền và nhân dân tín nhiệm giao phó. Đồng thời, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc chỉ đạo hội viên chú trọng tuyên truyền, vận động nhân dân, con cháu trong gia đình gương mẫu thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đóng góp ý kiến vào các văn kiện Đại hội Đảng bộ các cấp... Qua báo cáo, có trên 36.170 người cao tuổi tham gia công tác xã hội, trong đó trên 10.100 người cao tuổi tham gia công tác Đảng, chính quyền, các đoàn thể thôn, xóm; 15.500 người cao tuổi tham gia tổ an ninh, tổ hòa giải, giải quyết thành công hàng nghìn vụ việc mâu thuẫn, phức tạp, tranh chấp nhất là đất đai; vận động nhân dân tham gia phòng chống tội phạm, tai, tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh trật tự làng, bản, biên giới; chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Các cuộc vận động gia đình không có tội phạm, gia đình văn hóa, người cao tuổi là lực lượng nòng cốt, trực tiếp tham gia cảm hóa, giáo dục 13.870 người lầm lỗi tái hòa nhập cộng đồng, hòa giải thành công 6.513 vụ việc mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn dân cư.

Phong trào bảo vệ chủ quyền biên giới, biển, đảo quốc gia

Ban Thường vụ Hội Người cao tuổi tỉnh đã ký Chương trình phối hợp về “Người cao tuổi tham gia bảo vệ biên giới, hải đảo”. Hội Người cao tuổi các cấp đã phối hợp với Bộ đội Biên phòng tuyên truyền về đường biên, mốc giới, chủ quyền biển đảo, góp phần tham gia phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào biên giới, hải đảo; tổ chức 1.684 buổi sinh hoạt, thu hút 14.200 lượt hội viên người cao tuổi tham gia học tập các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước. Đặc biệt, trong phong trào bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn an ninh trật tự khu vực biên giới, vùng biển, đấu tranh tố giác tội phạm, các chi hội vận động được 96 già làng, trưởng bản và hàng nghìn người cao tuổi mẫu mực đăng ký tham gia bảo vệ đường biên, cột mốc; tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, thành lập 366 tổ tàu thuyền tự quản; 3.257 tổ an ninh trật tự; 476 tổ hòa giải ở thôn, bản, đã giải quyết có hiệu quả các vấn đề nổi cộm, phức tạp; phát hiện, tố giác nhiều đối tượng có hành vi phạm tội và cung cấp các nguồn tin có giá trị cho các cơ quan chức năng xử lý. Vận động nhân dân định canh, định cư, ra khơi bám biển, ổn định sản xuất, phát triển kinh tế; tích cực tham gia chương trình xây dựng nông thôn mới; phòng chống mua, bán chất ma túy, mua, bán người, sang nước ngoài lao động làm thuê bất hợp pháp, phụ nữ lấy

chông nước ngoài trái pháp luật; ngư dân khai thác thủy sản bất hợp pháp tại vùng biển nước ngoài. Qua đó, góp phần xây dựng biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển; xây dựng và đẩy mạnh phong trào “Quần chúng tham gia tự quản đường biên, cột mốc và giữ gìn an ninh, trật tự thôn, bản khu vực biên giới”. Đặc biệt trong đại dịch Covid-19 bùng phát toàn cầu, vai trò đội ngũ cán bộ Hội và hội viên người cao tuổi trong tỉnh đã tích cực phòng bệnh, vận động con cháu, cộng đồng dân cư và trực tiếp ủng hộ vật chất và tinh thần cho công tác phòng, chống dịch, tạo sự lan tỏa rộng lớn trong cộng đồng, xã hội.

Thực hiện các chương trình, đề án người cao tuổi

Thực hiện Chương trình chăm sóc và Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam

Ban Thường vụ Hội Người cao tuổi tỉnh luôn bám sát kế hoạch thực hiện Tháng hành động vì người cao tuổi do Ủy ban nhân dân tỉnh đề triển khai; tập trung tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, hội viên, trong cộng đồng, hướng xã hội quan tâm bảo vệ, chăm sóc, phụng dưỡng và phát huy vai trò người cao tuổi. Triển khai nhiều hoạt động thiết thực, như phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hội thi, hội diễn, thành lập các loại hình câu lạc bộ người cao tuổi; vận động quà, làm “nhà tình thương” cho người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Hơn 10 năm qua, các cấp Hội đã vận động trên 200.000 xuất quà, trị giá hàng trăm tỷ đồng, làm trên 150 “nhà tình thương” trị giá trên 15 tỷ đồng; 40.000 thẻ BHYT, trên 20.000 người cao tuổi ốm đau dài ngày được các tình nguyện viên đến chăm sóc tại nhà; trên 6.200 máy đo huyết áp, 1.200 cân đo trọng lượng được cấp đến các chi hội trong tỉnh. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nâng cao đời sống tinh thần của người cao tuổi được đẩy mạnh ở khắp các cơ sở, toàn tỉnh có gần 5.000 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục dưỡng sinh, bóng chuyền hơi... thu hút 210.430 người cao tuổi tham gia.

Nhân rộng mô hình Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau

Đến nay, toàn tỉnh đã thành lập được 1.150 Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau⁽¹⁾ trên địa bàn 27/27 huyện, thị, thành phố, 477 xã, phường, thị trấn,

(1) Tỉnh Thanh Hóa đã thành lập 1.150 Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau, Câu lạc bộ đã thành lập được 1.468 tổ dưỡng sinh; 1.150 đội văn nghệ, 1.206 đội bóng chuyền hơi, tổ chức trên 6.570 buổi giao lưu trong và ngoài xã; giúp đỡ 15.372 lượt thành viên trong Câu lạc bộ và ngoài cộng đồng có hoàn cảnh khó khăn về tiền, ngày công; 16.552 người cao tuổi ốm đau dài ngày, tàn tật, cô đơn được các tình nguyện viên đến chăm sóc sức khỏe tại nhà...

chiếm 85,3% xã, phường, thị trấn có CLB LTHTGN, với trên 66.200 thành viên tham gia sinh hoạt. Có 11/27 huyện, thị xã, thành phố đã phủ kín CLB LTHTGN ở cấp xã; có 12 xã phủ kín CLB LTHTGN trên địa bàn thôn, khối phố (có xã thành lập 10 CLB). Tổng nguồn vốn của các CLB đang quản lý trên 86 tỷ đồng, với 76.910 lượt thành viên được vay vốn, phát triển kinh tế, giúp cho 6.735 hộ thoát nghèo, nhiều hộ đã vươn lên khá giả.

Quỹ Chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi

Để có nguồn lực xây dựng Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau, Ban Thường vụ Hội Người cao tuổi tỉnh đã đề nghị và được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập Quỹ Chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi tỉnh Thanh Hóa. Việc thành lập Quỹ nhằm huy động nguồn lực xã hội cho việc thành lập mô hình Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau và chăm sóc người cao tuổi nghèo, cận nghèo, khó khăn, ốm đau dài ngày, Thành viên Câu lạc bộ được vay vốn để phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững dưới sự hướng dẫn, chỉ đạo của Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ. Hằng năm, các cấp Hội đã vận động được 3 tỷ - 4 tỷ đồng; Quỹ giành 60% cho xây dựng Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau, 40% cho chăm sóc người cao tuổi và các hoạt động lớn của Hội. Công tác quản lý Quỹ bảo đảm chặt chẽ, minh bạch, đúng nguyên tắc tài chính của Nhà nước.

Xây dựng mô hình Chi hội Người cao tuổi hạnh phúc

Mô hình Chi hội Người cao tuổi hạnh phúc là mô hình mới được ban Thường vụ Hội Người cao tuổi tỉnh Thanh Hóa nghiên cứu triển khai xây dựng lần đầu tiên trên địa bàn tỉnh. Sau 2 năm triển khai đã có trên 200 chi hội đăng ký và đã có 50 chi hội được Ban Thường vụ Hội Người cao tuổi tỉnh thẩm định công nhận đạt chuẩn chi hội người cao tuổi hạnh phúc. Là mô hình mới nhưng đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, đã được cán bộ, hội viên người cao tuổi đón nhận tích cực, cấp ủy, chính quyền, các tầng lớp nhân dân ghi nhận, đánh giá cao.

Triển khai cuộc vận động xây dựng hình ảnh Người cao tuổi Thanh Hóa “mẫu mực, uy tín, đẹp và khỏe mạnh”

Đây là mô hình mới của Hội Người cao tuổi tỉnh Thanh Hóa. Cuộc vận động xây dựng hình ảnh người cao tuổi Thanh Hóa nhằm đáp ứng tốt hơn với thời kỳ hội nhập, phát triển, phong trào đã lan tỏa sâu rộng trong người cao tuổi, đóng góp tích cực vào sự phát triển trên quê hương Thanh Hóa.

Một số kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn phát huy vai trò người cao tuổi tỉnh Thanh Hóa

Một là, quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về người cao tuổi, phát huy truyền thống yêu nước, cách mạng và sức mạnh to lớn của người cao tuổi; bám sát nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương, xây dựng các chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn, tạo sự đồng thuận trong tổ chức Hội về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung và lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội nói riêng, bảo đảm cho các hoạt động của Hội đạt kết quả cao.

Hai là, tập trung xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, chủ động tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền những chủ trương, chính sách, giải pháp về công tác người cao tuổi ở địa phương; xác định đúng trọng tâm, trọng điểm, quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện; thúc đẩy các hoạt động chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi, gắn kết phong trào thi đua yêu nước “Tuổi cao - gương sáng” với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; từ đó huy động đông đảo người cao tuổi tham gia phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần xây dựng quê hương giàu mạnh, văn minh.

Ba là, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo; tập trung giải quyết những vấn đề mới, khó, những vấn đề vướng mắc trong triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế và tham gia các hoạt động của người cao tuổi ở địa phương.

Bốn là, quan tâm xây dựng các mô hình phát triển kinh tế - xã hội của người cao tuổi, thường xuyên sơ kết, tổng kết, nhân rộng mô hình; tổ chức tuyên truyền tham quan, trao đổi kinh nghiệm, tạo sự lan tỏa trong cộng đồng.

Năm là, kiến nghị với cấp ủy, chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, các cơ sở dịch vụ, tạo môi trường thuận lợi cho người cao tuổi được tiếp cận về đào tạo, bồi dưỡng nghề, vay vốn, hướng dẫn kỹ thuật, cung ứng cây, con giống, nguyên vật liệu, tìm kiếm thị trường, giúp cho người cao tuổi sản xuất, kinh doanh hiệu quả. Tập trung tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, tạo sự lan tỏa trong người cao tuổi và cộng đồng.

Một số đề xuất, kiến nghị

Thứ nhất, bổ sung, sửa đổi Luật Người cao tuổi năm 2009, Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, ngày 21-4-2010, của Chính phủ “Quy định về tổ chức, hoạt

động và quản lý hội”, phù hợp với điều kiện thực tiễn hiện nay. Ban hành các chủ trương, chính sách hỗ trợ, giúp đỡ người cao tuổi khởi nghiệp, vay vốn, hỗ trợ kỹ thuật, tìm kiếm thị trường, giúp cho người cao tuổi có cơ hội tham gia phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Thứ hai, có cơ chế, chính sách tạo việc làm phù hợp cho người cao tuổi. Đối với những người cao tuổi có nghề nghiệp đặc biệt, cần có chính sách thu hút, khuyến khích người cao tuổi tiếp tục tham gia làm việc, truyền nghề cho cộng đồng, để phát triển nghề, phát huy kinh nghiệm, kỹ năng cho các thế hệ trẻ.

Thứ ba, với người cao tuổi ở khu vực nông thôn, những nơi Nhà nước, doanh nghiệp thu hồi đất đai, tài nguyên phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, Nhà nước cần có chính sách đào tạo nghề, ưu đãi vốn vay, kỹ thuật, thuế sản xuất, kinh doanh phù hợp, khuyến khích các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh của người cao tuổi, tạo việc làm cho người cao tuổi.

Thứ tư, đề nghị Chính phủ tiếp tục phê duyệt Đề án nhân rộng mô hình Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau, giai đoạn 2025 - 2030 và những năm tiếp theo; có cơ chế, chính sách hỗ trợ từ ngân sách vốn vay cho Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau; thông qua hoạt động của Câu lạc bộ để hướng dẫn, giúp đỡ các thành viên phát triển kinh tế, tăng thu nhập xóa đói, giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của người cao tuổi.

Thứ năm, tăng cường dịch vụ y tế và mở rộng các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, với sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành. Kết hợp chăm sóc người già tại cộng đồng và chăm sóc tại nhà với chăm sóc tại cơ sở theo yêu cầu. Đẩy mạnh truyền thông để nâng cao nhận thức và kiến thức về tuổi già khỏe mạnh. Tăng cường quản lý và kiểm soát các bệnh mãn tính lão hóa với mục tiêu tăng số năm sống mạnh khỏe cho người cao tuổi, duy trì nguồn lực lao động, người có kinh nghiệm, kỹ năng phát huy trong các lĩnh vực, nhất là tham gia tích cực, hiệu quả phong trào phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương.

Già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng ở nước ta nói chung và tỉnh Thanh Hoá nói riêng, làm cho số người cao tuổi ngày càng đông, chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu dân số. Vì vậy, việc phát huy vai trò người cao tuổi trong đời sống xã hội là nhiệm vụ quan trọng, đòi hỏi các cấp, các ngành cần có chính sách sử dụng phù hợp lực lượng lao động cao tuổi cũng như phát huy vai trò người cao tuổi, tạo điều kiện để họ ngày càng tham gia tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.□

CHĂM LO ĐỜI SỐNG TINH THẦN (VĂN HÓA, TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG) ĐỐI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI Ở NINH BÌNH

ĐINH NGỌC HÀ

*Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam,
Trưởng ban Đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh Ninh Bình*

Một số nét khái quát về người cao tuổi và các loại hình văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng ở tỉnh Ninh Bình

Khái quát chung: Tỉnh Ninh Bình nằm ở cực Nam đồng bằng sông Hồng, cách thủ đô Hà Nội 93 km về phía Nam; có 02 thành phố và 06 huyện; có 143 xã, phường, thị trấn (gồm có 119 xã, 17 phường, 7 thị trấn); có 1.680 thôn, xóm, tổ dân phố. Diện tích tự nhiên gần 1.411,7 km², dân số 1.120.000 người. Theo báo cáo của Sở Y tế Ninh Bình ngày 10-01-2024 về kết quả thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi năm 2023 thì hiện nay trên địa bàn tỉnh có 182.264 người cao tuổi, chiếm 16,2% dân số; trong đó có 145.354 người cao tuổi đã tham gia là hội viên Hội Người cao tuổi. Toàn tỉnh có 39.733 người cao tuổi sống ở thành thị, chiếm 21,8% và có 142.531 người cao tuổi sống ở nông thôn, chiếm 78,2%. Có khoảng 37% số người cao tuổi được cấp lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng. Số người cao tuổi được khám, chữa bệnh hàng năm đạt tỷ lệ 76,1% và có tới 99,14% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế. Như vậy, đa số người cao tuổi của tỉnh Ninh Bình được các cơ sở y tế quan tâm, chú trọng đến việc chăm sóc sức khỏe và được hưởng chế độ bảo hiểm y tế. Tuy nhiên, phần lớn người cao tuổi của tỉnh sống ở khu vực nông thôn, là nông dân và làm nông nghiệp, không có thu nhập ổn định, phải phụ thuộc vào con, cháu, nên đời sống vật chất còn gặp nhiều khó khăn.

- *Về độ tuổi và giới tính:* Hiện nay, số người cao tuổi từ 85 tuổi trở lên ngày càng tăng, chiếm 10,99% trong tổng số người cao tuổi trong toàn tỉnh. Số người

cao tuổi là nữ chiếm tỷ lệ cao hơn ở nhóm tuổi từ 60 tuổi trở lên, có đến 57,5% người cao tuổi là nữ (nam chiếm 42,5%); trong nhóm từ 85 tuổi trở lên thì người cao tuổi là nữ là chiếm 69,9%.

- *Về tuổi thọ trung bình*: Tuổi thọ trung bình của tỉnh đã tăng từ 72,8 tuổi (năm 2011) lên 73,8 tuổi (năm 2019); 74,3 tuổi (năm 2021) và 74,4 tuổi (năm 2023).

Hiện nay, do sự biến đổi về cơ cấu tuổi của dân số theo xu hướng dân số từ 60 tuổi trở lên tăng đã làm cho chỉ số già hóa có xu hướng tăng lên nhanh: Chỉ số già hóa của tỉnh Ninh Bình năm 2019 là 60,28%, tăng 10,52% so với năm 2009, cao hơn toàn quốc là 11,48 điểm phần trăm và cao hơn vùng đồng bằng sông Hồng 2,88 điểm phần trăm, trong đó chỉ số già hóa khu vực thành thị năm 2019 là 59,21%, tăng so với năm 2009 là 10,56 điểm phần trăm; khu vực nông thôn là 60,57%, tăng so với năm 2009 là 10,59 điểm phần trăm (*theo Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở tỉnh Ninh Bình năm 2019*).

- *Công tác chăm lo đời sống tinh thần cho người cao tuổi* luôn được các cấp ủy, chính quyền, các cấp hội thường xuyên quan tâm thực hiện. Thể hiện:

Đối với Trung ương: Quốc hội khóa 12 ban hành Luật Người cao tuổi, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2156/QĐ-TTg, ngày 21-12-2021, phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về Người cao tuổi giai đoạn 2021 - 2030 và gần đây nhất, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Kết luận số 58-KL/TW, ngày 23-6-2023, về tổ chức và hoạt động của Hội Người cao tuổi Việt Nam.

Đối với tỉnh Ninh Bình: Ngày 27-10-2022, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 61/2022/NQ-HĐND, về việc quy định hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm y tế đối với 1 số nhóm đối tượng có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, trong đó có người cao tuổi từ 70 đến dưới 75 tuổi, có hiệu lực từ ngày 8-11-2022; Nghị quyết số 43/2023/NQ-HĐND, ngày 10-3-2023, quy định chính sách hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo với mức hỗ trợ 100 triệu đồng/01 nhà xây mới và 50 triệu đồng/01 nhà sửa chữa. Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 130/2021/NQ-HĐND, trong đó quy định: “Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo đang sống tại cộng đồng, không có chồng (vợ), không có con, không có cháu gọi bằng ông bà nội, ông bà ngoại hoặc có nhưng những người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng” thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo chính sách đặc thù của tỉnh; nâng mức trợ cấp cho người cao tuổi cô đơn thuộc hộ nghèo vượt mức chuẩn nghèo.

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đã ban hành: Kế hoạch số 37/KH-UBND, ngày 30-3-2017, về việc thực hiện Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2017 - 2025; Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025, thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; Kế hoạch số 22/KH-UBND, ngày 05-02-2021, về việc triển khai Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Các văn bản trên đã đề cập đến việc chăm lo đời sống sức khỏe tinh thần, bảo đảm điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo...

- *Về tín ngưỡng, tôn giáo:* Tỉnh Ninh Bình hiện có 2 tôn giáo là Công giáo và Phật giáo, với 934 chức sắc, chức việc, nhà tu hành, 234.204 tín đồ, chiếm 23,65% dân số toàn tỉnh (trong đó người cao tuổi chiếm đa số). Có hơn 1.800 di tích lịch sử văn hóa (gồm đền, đình, miếu, phủ, chùa, nhà thờ...), trong đó có 694 cơ sở thờ tự của các tôn giáo, có 27 cơ sở được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia. Đặc biệt, Ninh Bình có Quần thể di tích Cố đô Hoa Lư là hệ thống các di tích về kinh đô Hoa Lư của nước Đại Cồ Việt trong lịch sử Việt Nam, là một trong những di tích quốc gia đặc biệt quan trọng của Việt Nam và cũng là một trong ba vùng lõi của quần thể di sản thế giới Tràng An đã được Tổ chức Giáo dục - Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận. Hệ thống di tích ở Hoa Lư liên quan đến sự nghiệp của các nhân vật lịch sử thuộc ba triều đại nhà Đinh, nhà Tiền Lê và khởi đầu nhà Lý, tính từ Đinh Tiên Hoàng đến Lý Thái Tổ trong lịch sử. Hoa Lư là kinh đô đầu tiên của nhà nước phong kiến trung ương tập quyền ở Việt Nam với các dấu ấn lịch sử: thống nhất giang sơn, phá Tống - bình Chiêm và phát tích quá trình định đô Hà Nội. Năm 1010, vua Lý Thái Tổ dời kinh đô từ Hoa Lư về Thăng Long, từ đó Hoa Lư trở thành cố đô. Các triều vua Lý, Trần, Lê, Nguyễn sau đó dù không đóng đô ở Hoa Lư nữa nhưng vẫn cho tu bổ và xây dựng thêm ở đây nhiều công trình kiến trúc, như đền, lăng, đình, chùa, phủ... Trung tâm khu di tích lịch sử Cố đô Hoa Lư thuộc xã Trường Yên, huyện Hoa Lư nhưng vẫn có nhiều di tích khác nằm ở các huyện Hoa Lư, Gia Viễn, Nho Quan, Yên Khánh và thành phố Ninh Bình thuộc tỉnh Ninh Bình. Với bề dày thời gian hơn 1000 năm, Cố đô Hoa Lư là nơi lưu trữ các di tích lịch sử quý báu qua nhiều thời đại.

Những năm qua, các cấp ủy, chính quyền trên địa bàn tỉnh luôn quan tâm đến công tác tôn giáo, trong đó quan tâm tạo điều kiện cho các chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo tổ chức, thực hiện các hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật (trong đó có người cao tuổi), qua đó góp phần nâng cao chất lượng đời

sống văn hóa tinh thần, giúp người cao tuổi đóng góp nhiều hơn vào đời sống xã hội, vừa tạo niềm vui cho tuổi già, vừa đem lại lợi ích chung cho cộng đồng.

Công tác chăm lo đời sống tinh thần đối với người cao tuổi ở Ninh Bình

- Về hoạt động chăm lo đời sống tinh thần của Hội Người cao tuổi các cấp:

Việc chăm lo đời sống tinh thần cho người cao tuổi tỉnh Ninh Bình luôn được cấp ủy chính quyền địa phương đặc biệt quan tâm, chỉ đạo, nhất là từ khi tỉnh tập trung cao độ cho thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Các nhà văn hóa thôn/xóm/phố được chỉnh trang, sửa chữa, xây mới trên toàn tỉnh. Nhà văn hóa thôn thực sự là nơi sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân, là nơi tổ chức hội họp, học tập cộng đồng và các sinh hoạt khác ở thôn, xóm, góp phần tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức khoa học, kỹ thuật; giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa lành mạnh trên địa bàn, trong đó người thụ hưởng các giá trị nhiều nhất là người cao tuổi.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được các cấp Hội Người cao tuổi phối hợp với ngành văn hóa và thể thao từ tỉnh đến cơ sở tập trung chỉ đạo thông qua Chương trình phối hợp giữa các ngành. Các câu lạc bộ thức vũ kinh, tâm năng dưỡng sinh, cầu lông, bóng bàn, đi bộ, xe đạp, đọc báo, nghe đài, thơ ca... , giao lưu giữa các câu lạc bộ liên thể hệ tự giúp nhau trên địa bàn được tổ chức vào các ngày kỷ niệm lớn của đất nước, của Đảng, của Hội Người cao tuổi vào những dịp tết đến, xuân về, dịp chúc thọ, mừng thọ, những ngày lễ, kỷ niệm lớn trong năm như ngày thành lập Đảng 3-2, ngày sinh nhật Chủ tịch Hồ Chí Minh 19-5, ngày Quốc khánh 2-9, ngày Quốc tế Người cao tuổi 1-10, ngày đại đoàn kết toàn dân 18-11,... đã tạo không khí sôi nổi, vui tươi, phấn khởi trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt đối với người cao tuổi. Đến nay, toàn tỉnh đã có 975 câu lạc bộ của người cao tuổi với các loại hình khác nhau, với tổng số 46.556 người tham gia, trong đó có 114 câu lạc bộ liên thể hệ tự giúp nhau, được thành lập theo các quyết định của UBND tỉnh Ninh Bình, với gần 7.000 người tham gia; trong đó có gần 5.000 người là người cao tuổi, đã góp phần từng bước nâng cao mọi mặt đời sống, tinh thần cho người cao tuổi, để người cao tuổi được sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc.

Phong trào thi đua “Tuổi cao - Gương sáng” do Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam phát động đã được các cấp hội trong tỉnh tập trung chỉ đạo và được cán bộ, hội viên Hội Người cao tuổi trong tỉnh tích cực hưởng ứng. Các cấp hội đã tổ chức nhiều hội nghị biểu dương, tôn vinh những người cao tuổi có

nhiều đóng góp cho xã hội trên các lĩnh vực, như: Người cao tuổi tiêu biểu làm kinh tế giỏi, Người cao tuổi tiêu biểu tham gia xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, Người cao tuổi xây dựng gia đình hạnh phúc... Mỗi lĩnh vực đã có hàng ngàn đến hàng vạn người cao tuổi đạt tiêu chí phong trào thi đua. Phong trào đã góp phần không nhỏ vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho con cháu.

- Về chăm lo hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo đối với người cao tuổi ở Ninh Bình:

+ Tác động của hoạt động tín ngưỡng tôn giáo đối với người cao tuổi nói chung: Hiện nay đang hiện hữu xu hướng người cao tuổi tích cực hơn trong tham gia các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo (có thể lúc trẻ họ không quan tâm nhưng khi đã lớn tuổi họ thường tham gia tích cực hơn). Người cao tuổi thường xuyên đi chùa, đi nhà thờ, đến thăm viếng, cúng lễ ở các đền, miếu, phủ bởi các giá trị đạo đức, văn hóa của các tôn giáo có nhiều điều phù hợp với các giá trị đạo đức xã hội, đời sống, phong tục, tập quán của địa phương, họ tìm thấy sự bình yên, sự thanh tịnh và phần nào có được niềm tin vào thần thánh, đức Phật, Đức Chúa,... giúp họ vượt qua áp lực của cuộc sống, của tuổi già, bệnh tật. Họ ý thức rõ hơn về mục đích cuộc sống, về luật nhân quả và từ đó điều chỉnh hành vi của bản thân, làm điều thiện, tránh điều ác, giúp xã hội ngày một văn minh, tiến bộ hơn. Tham gia hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo đúng mức giúp người cao tuổi giảm bớt trầm cảm, lo lắng, hài lòng hơn với cuộc sống và các mối quan hệ xã hội.

+ Người cao tuổi ở Ninh Bình chiếm một phần lớn trong số tín đồ tôn giáo (nhất là Phật giáo). Những năm qua, cấp ủy, chính quyền, hội người cao tuổi các cấp trên địa bàn tỉnh luôn xác định: việc tham gia các hoạt động văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng là một phần quan trọng trong đời sống tinh thần của người cao tuổi, do đó, luôn tạo điều kiện để họ được tham gia các hoạt động văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng phù hợp với phong tục, tập quán, truyền thống địa phương. Các nghi lễ tôn giáo đã góp phần tạo lập và đoàn kết cộng đồng tín đồ, giúp mọi người đến gần với nhau hơn, được giao lưu, trao đổi thường xuyên hơn, góp phần tạo sự đoàn kết và đồng thuận xã hội. Niềm tin tôn giáo tích cực đã tác động đến hành vi, đạo đức ứng xử của mỗi tín đồ và cộng đồng tôn giáo. Sự gắn kết chặt chẽ những người cùng đức tin luôn có sức sống bền vững và lan tỏa ra cộng đồng, tạo nên những mối tương quan trong quan hệ xã hội, góp phần tạo ra sự đồng thuận, tiến bộ xã hội.

Mặt khác, cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh luôn quan tâm, tạo điều kiện cấp đất, xây dựng, sửa chữa các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện cho các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng tổ chức các hoạt động

tôn giáo, lễ hội theo giáo luật, hiến chương, qua đó giúp người cao tuổi có điều kiện tham gia nhiều hơn vào các hoạt động tôn giáo.

Đối với Ninh Bình, phần lớn chức sắc, chức việc, người tham gia các tổ chức hội, đoàn trong tôn giáo là người cao tuổi. Người cao tuổi có vai trò, vị trí quan trọng trong tổ chức, hoạt động của các tổ chức, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, và đã thể hiện vai trò, vị thế quan trọng trong hoạt động tín ngưỡng tôn giáo.

Người cao tuổi tham gia các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, ngoài việc thực hiện các nghi lễ tôn giáo còn tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, nhân đạo của các tổ chức tôn giáo. Việc tham gia các hoạt động tôn giáo giúp Người cao tuổi tìm được sự an ủi tinh thần, nguồn hy vọng và niềm tin trong cuộc sống lúc tuổi già, đặc biệt là ở khu vực nông thôn và vùng sâu, vùng xa - những nơi có ít sự lựa chọn về giải trí hay các hoạt động đáp ứng nhu cầu tinh thần.

Một số tồn tại, hạn chế và các kiến nghị, đề xuất

- Nhận thức của xã hội, của số ít cấp ủy, chính quyền các cấp về nhu cầu tinh thần của người cao tuổi vẫn còn hạn chế, chưa được quan tâm, tạo điều kiện đúng mức.

- Công tác quản lý nhà nước về người cao tuổi còn hạn chế, chưa có thống kê số lượng người cao tuổi là tín đồ tôn giáo..., chưa có chính sách đặc thù, phù hợp đối với người cao tuổi tham gia sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo.

- Một số người cao tuổi có nhận thức còn hạn chế, dễ bị lợi dụng khi tham gia các hoạt động tôn giáo hoặc dễ bị lôi kéo tham gia các hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật (đạo lạ).

- Đối với hội người cao tuổi các cấp: số lượng cán bộ rất ít so với số lượng hội viên tham gia sinh hoạt, trong khi kinh phí hoạt động khó khăn nên ảnh hưởng tới chất lượng, hiệu quả công tác.

Từ một số tồn tại như trên, đặt ra một số kiến nghị, đề xuất như sau:

- Đối với tín ngưỡng tôn giáo:

+ Đề nghị Trung ương, Tỉnh ủy Ninh Bình và cấp ủy, chính quyền các cấp tiếp tục nghiên cứu, cụ thể hóa các chính sách nhằm nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, tín ngưỡng, tôn giáo cho người cao tuổi.

+ Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, không để người cao tuổi bị lợi dụng khi tham gia các hoạt động tôn giáo.

+ Tạo điều kiện cho các cơ sở tôn giáo phục vụ tốt hơn nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của người cao tuổi. Bảo đảm các địa điểm tôn giáo có đủ điều kiện vệ sinh, an toàn, thuận tiện cho người cao tuổi khi đến sinh hoạt (khuyến khích các chùa, nhà thờ có bộ phận y tế, nhân viên y tế để chăm sóc người cao tuổi...).

+ Khuyến khích các tổ chức tôn giáo tăng cường các chương trình từ thiện, nhân đạo hỗ trợ người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Đối với Hội Người cao tuổi các cấp: Đề nghị Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam đề xuất với các bộ, ngành, trình Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Luật Người cao tuổi, sửa đổi các quyết định, quy định về chế độ, chính sách cho cán bộ Hội Người cao tuổi các cấp, cho hoạt động Hội Người cao tuổi phù hợp với tình hình hiện nay sau khi thống nhất mô hình tổ chức Hội 4 cấp theo KL số 58/TW, nhất là việc thực hiện Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg, ngày 01-6-2011 của Thủ tướng Chính phủ, về chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội. Quyết định này tính đến nay đã 13 năm, nên không còn phù hợp với giai đoạn hiện nay; đề nghị có chính sách hỗ trợ phụ cấp cho Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi cơ sở và các chi hội trưởng vì mọi công việc trong thôn, xóm, phố đa số đều do người cao tuổi phải gánh vác rất nặng nề (từ hội họp đến các hoạt động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh,...) nhưng hiện nay chế độ phụ cấp không có.

- Đối với Tỉnh ủy Ninh Bình: Tỉnh đã có chủ trương và được Chính phủ phê duyệt quy hoạch đến năm 2035 Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, với đặc trưng đô thị di sản thiên niên kỷ, thành phố sáng tạo; một trung tâm lớn, có giá trị thương hiệu cao về du lịch, công nghiệp văn hóa, kinh tế di sản của cả nước và khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đề nghị tỉnh cần rất cụ thể trong việc tôn tạo di tích, phục dựng lễ hội truyền thống văn hóa,... giúp cho người cao tuổi được hưởng thụ, nâng cao chất lượng cuộc sống về vật chất và tinh thần. Đề nghị tỉnh tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện hơn nữa về chính sách cho cán bộ Hội Người cao tuổi, hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động của Hội Người cao tuổi để Hội có điều kiện thực hiện nhiệm vụ phát huy và chăm sóc người cao tuổi, làm cho người cao tuổi có cuộc sống tốt hơn về vật chất và tinh thần, từ đó tham gia tích cực hơn nữa vào mọi mặt của đời sống xã hội ở địa bàn khu dân cư, xứng đáng là “Tuổi cao - Gương sáng” trong mọi lĩnh vực. □

MÔ HÌNH XÃ HỘI HÓA TRONG XÂY DỰNG CƠ SỞ DƯỠNG LÃO, GÓP PHẦN ĐÁP ỨNG NHU CẦU CHĂM SÓC NGƯỜI GIÀ THÍCH ỨNG VỚI GIÀ HÓA DÂN SỐ NHANH

NGUYỄN THỊ KIM THANH

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần quốc tế Nhân ái - Hà Nội

Bối cảnh già hóa dân số và thực trạng chăm sóc người cao tuổi tại Việt Nam

Già hóa dân số là một hiện tượng mang tính toàn cầu và là một trong những biến đổi nhân khẩu lớn nhất trên thế giới hiện nay. Các quốc gia trên thế giới đều đang có sự gia tăng cả về quy mô và tỷ lệ người cao tuổi (NCT) trong dân số, đặc biệt là đối với các nước phát triển và đang phát triển. Việt Nam bắt đầu bước vào giai đoạn già hóa dân số từ năm 2011 với số NCT từ 65 tuổi trở lên chiếm 7% tổng dân số. Theo báo cáo Điều tra biến động Dân số - Kế hoạch hóa Gia đình vào năm 2021, số người cao tuổi Việt Nam tăng lên 8,3% tổng dân số, tức là 8,16 triệu NCT. Theo dự báo, số NCT của Việt Nam sẽ tăng lên 16,8 triệu người vào năm 2039 và đạt đến 25,2 triệu người vào năm 2069. Việt Nam sẽ chính thức bước vào thời kỳ dân số già từ năm 2036, khi đó tỷ trọng NCT từ 65 tuổi trở lên đạt 14,2% tổng dân số và sau 20 năm, đến 2056 trở đi, Việt Nam sẽ bước vào thời kỳ dân số siêu già, tỷ trọng NCT sẽ chiếm trên 21% tổng dân số. Nếu tính theo mốc 60 tuổi trở lên thì tình hình đó còn sớm hơn nữa. Hiện tại, tỷ lệ NCT từ 60 tuổi trở lên có khoảng 11,9 triệu người, chiếm 12% tổng dân số, dự báo sẽ tăng lên 17,5% vào năm 2030 và 25% vào năm 2050. Hiện nay, Việt Nam đang nằm trong top 10 nước có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới.

Già hóa dân số mang đến cả cơ hội và thách thức cho sự phát triển kinh tế xã hội. Về cơ hội, già hóa dân số có thể thúc đẩy sự phát triển các lĩnh vực như bảo hiểm, ngân hàng, dinh dưỡng, du lịch, đổi mới công nghệ và ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất hoặc quản lý trong bối cảnh thiếu lực lượng lao động... Tuy nhiên, già hóa dân số cũng đặt ra những thách thức nghiêm trọng về tăng trưởng kinh tế, an sinh xã hội, lao động, thiết kế cơ sở hạ tầng... đặc biệt là trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Theo Tổng cục Dân số, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam là 73,6 tuổi, tuổi thọ của NCT nữ cao hơn nam giới (76,1 so với 71,1). Tuổi thọ người Việt Nam cao nhưng không khỏe mạnh, tuổi thọ bình quân là 73,6 tuổi nhưng tuổi thọ khỏe mạnh chỉ là 63,2 tuổi ở nam và 70 tuổi ở nữ. Bình quân NCT ở Việt Nam mắc 3 đến 4 bệnh không lây nhiễm nhưng cần điều trị suốt đời như huyết áp, tim mạch, đái tháo đường, sa sút trí tuệ, cơ xương khớp, rối loạn giấc ngủ...

Hiện tại có 36,7% NCT sống tại thành thị và 63,3% NCT sống ở nông thôn, phần lớn NCT sống gần con cái, chiếm khoảng 70%. Theo báo cáo nghiên cứu về “Người cao tuổi và sức khỏe tại Việt Nam” năm 2018 của Viện Dân số, Sức khỏe và Phát triển (PHAD) cho biết, tình trạng kinh tế của NCT Việt Nam ở mức trung bình. Tính tỷ lệ theo mẫu điều tra thì 31,9% NCT cho biết gia đình họ có đủ tiền chi trả sinh hoạt phí hàng tháng và tiết kiệm được một khoản; 49,9% cho biết thu nhập hộ gia đình của họ chỉ đủ để chi trả sinh hoạt mà không gặp khó khăn gì, 10,3% gặp một số khó khăn trong việc chi trả các chi phí gia đình, trong đó 4,4% cho biết họ gặp khó khăn đáng kể. Hơn một nửa số NCT lớn lên trong các gia đình có thu nhập trung bình (54%) và các gia đình khá giả (2,8%), trong khi 42,1 % lớn lên trong các gia đình nghèo. Cũng theo báo cáo nghiên cứu cho thấy, phần lớn NCT lựa chọn cơ sở y tế công (94%) hơn là các cơ sở tư nhân (5%) cho chăm sóc nội trú. Có 21,9% NCT sử dụng dịch vụ chăm sóc nội trú trong 12 tháng, số lần điều trị bình quân 2-3 lần/năm. Chi phí y tế của họ chủ yếu được trả bởi con cái là 42%, tự chi trả 37% và do vợ/chồng của họ là 14%. Hầu hết NCT nhập viện (92%) được bảo hiểm y tế chi trả. Mô hình sử dụng dịch vụ chăm sóc ngoại trú cũng tương tự như nội trú, các cơ sở y tế công được NCT sử dụng nhiều hơn (87%) so với các cơ sở tư nhân (13%). NCT ở Việt Nam không tìm kiếm sự chăm sóc y tế thường xuyên và định kỳ là do họ không có đủ tiền (35,7%). Điều này cho thấy nhu cầu chăm sóc y tế chưa được đáp ứng do những hạn chế về tài chính. Hệ thống chăm sóc sức khỏe chưa đáp ứng những nhu cầu ngày càng tăng của NCT. Bệnh viện, các chuyên khoa về lão khoa và hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu ở các cấp chưa bắt kịp với nhu cầu của NCT, cả nước mới có duy nhất một Bệnh viện lão khoa Trung ương với

quy mô 300 giường nội trú, các bệnh viện khác cũng được khuyến khích thành lập khoa lão khoa với quy mô 50 giường/bệnh viện...

Người chăm sóc cho NCT khi bị ốm phổ biến nhất là vợ hoặc chồng của họ (40,8%), tiếp theo là con trai (30,7), con gái (13,1%). NCT nam (61,1%) có xu hướng có người chăm sóc là vợ của họ, trong khi nữ (36,1%) báo cáo con trai họ là người chăm sóc chính. Tỷ lệ NCT được chăm sóc bởi vợ hoặc chồng giảm dần theo tuổi và tỷ lệ con trai là người chăm sóc tăng theo tuổi. Báo cáo cũng cho thấy mức độ hiểu biết còn hạn chế của NCT ở Việt Nam về các đặc quyền mà chính phủ cung cấp cho họ. Các quyền lợi NCT thường sử dụng nhiều nhất là dịch vụ y tế (43%), giảm giá phương tiện công cộng (42,5%), trợ giúp pháp lý cho NCT (27,1%), hỗ trợ cho người nghèo, neo đơn (26,5%), giảm trừ thuế thu nhập (25,5%) và tổ chức lễ mừng thọ 90 tuổi (23%). Theo truyền thống văn hóa, nhiều thế hệ sống trong một hộ gia đình và con cháu có trách nhiệm chăm sóc NCT, tuy nhiên, với áp lực gia tăng của nền kinh tế thị trường, con cháu bận rộn lo toan cuộc sống, phần lớn NCT tuy không muốn xa gia đình nhưng đều nghĩ rằng sống trong nhà dưỡng lão là tốt nhất cho những người già không có ai chăm sóc, điều này sẽ làm giảm gánh nặng cho gia đình, sức khỏe được chăm sóc tốt hơn và sẽ có cơ hội được gặp gỡ, giao lưu với những người bạn đồng niên.

Mô hình dưỡng lão quốc tế và sự phát triển của hệ thống dưỡng lão tại Việt Nam

Viện dưỡng lão không còn là một khái niệm xa lạ ở nước ngoài, các mô hình dưỡng lão đã được ra đời trên 60 năm trước đối với các nước phương Tây, gần 40 năm đối với các nước phát triển tại châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan, 20 năm gần đây đối với các nước đang phát triển. Xuất phát từ nhu cầu chăm sóc khi về già và tác động của sự phát triển kinh tế lên xã hội, dịch vụ chăm sóc NCT đã được hình thành, phát triển và ngày càng hoàn thiện ở nhiều loại hình, tập trung ở 6 mô hình chính: Chăm sóc tại nhà (Home care), chăm sóc bán trú (Daycare), nhà sinh hoạt cộng đồng (Group Home), nhà dưỡng lão chăm sóc dài hạn (Long term-care), nhà dưỡng lão có chăm sóc y tế (Nursing home), chung cư người già (Apartment for the elderly)... Mỗi mô hình có một cách thức triển khai khác nhau và hướng đến các đối tượng và nhu cầu khác nhau trong cộng đồng.

Chăm sóc tại nhà (Home care) dành cho NCT sống tại gia đình nhưng cần sự trợ giúp trong sinh hoạt hàng ngày theo giờ. Nhân viên chăm sóc đến tận nhà để dọn dẹp nhà cửa, hỗ trợ các sinh hoạt cơ bản trong cuộc sống hàng ngày và

chăm sóc theo giờ. Chăm sóc bán trú (Daycare) dành cho NCT có nhu cầu luyện tập, giao lưu, theo dõi sức khỏe hàng ngày khi con cháu đi làm, NCT được đưa đón hàng ngày hoặc cách ngày đến sinh hoạt tại các trung tâm dưỡng lão ban ngày với các hoạt động luyện tập phục hồi chức năng và vui chơi giải trí, tối vẫn quay quần bên con cháu. Nhà sinh hoạt cộng đồng (Group Home) dành cho NCT bị sa sút trí tuệ. Tại một số nước phát triển, tình trạng sa sút trí tuệ đang ngày càng phổ biến, NCT sức khỏe bình thường vẫn tự sinh hoạt được nhưng do sa sút trí tuệ nên cần có sự hỗ trợ và quản lý hàng ngày. Việc thành lập các nhà sinh hoạt cộng đồng giúp cho một nhóm NCT bị sa sút trí tuệ có thể tập trung sống cùng nhau trong một nhà tại cộng đồng và có sự trợ giúp của các nhân viên chăm sóc. Nhà dưỡng lão chăm sóc dài hạn (Longterm-care), đây là mô hình phổ biến trong dịch vụ chăm sóc, NCT đến sống tại các trung tâm dưỡng lão và gắn bó đến tận cuối đời như ngôi nhà của mình, tại đó, họ được chăm sóc toàn diện cả về thể chất và tinh thần. Nhà dưỡng lão có chăm sóc y tế (Nursing home), là cơ sở dưỡng lão dành cho NCT đau ốm nằm liệt giường không tự chăm sóc được và cần sự hỗ trợ, chăm sóc cả về y tế để duy trì cuộc sống. Chung cư người già (Apartment for the elderly) dành cho NCT khỏe mạnh tự chăm sóc được bản thân nhưng muốn vào một môi trường sống dành riêng cho NCT, tại đây, NCT có thể tự do sinh hoạt theo ý mình như tại gia đình và sử dụng các dịch vụ hỗ trợ khi cần. Tùy theo đặc thù và chính sách từng nước mà cách thức triển khai sự hỗ trợ cho NCT khi sử dụng dịch vụ chăm sóc dài hạn cũng có sự khác biệt.

Tại Việt Nam, cùng với xu thế già hóa dân số và nhu cầu chăm sóc cho NCT dần được gia tăng, hệ thống nhà dưỡng lão tư nhân ở Việt Nam được ra đời từ năm 2001. Trong 10 năm đầu tiên, sự phát triển còn rất hạn chế do vấp phải quan niệm truyền thống về chữ Hiếu trong xã hội. Việc đưa bố mẹ vào nhà dưỡng lão không được sự đồng thuận trong gia đình và sự ủng hộ của xã hội nhưng cùng với thời gian và sự minh chứng trong hiệu quả của việc chăm sóc tại các trung tâm dưỡng lão, quan niệm này dần dần được cải thiện và sự thay đổi không chỉ dừng lại ở suy nghĩ của những người con mà còn cả chính những NCT, họ đã chủ động trong việc đi tìm hiểu và lựa chọn nhà dưỡng lão phù hợp với mình để sinh sống sau khi về già. Hiện nay, toàn quốc đã có khoảng gần 60 cơ sở chăm sóc tư nhân, riêng Hà Nội đã có gần 20 cơ sở, trong đó, Trung tâm chăm sóc NCT Nhân Ái là một trong những cơ sở dưỡng lão tư nhân đầu tiên tại Việt Nam. Nhận thức được xu thế già hóa dân số và học hỏi kinh nghiệm từ các nước phát triển, Nhân Ái đã xây dựng mô hình dưỡng lão chăm sóc toàn diện cả về thể chất và tinh thần dành cho NCT và đáp ứng mọi nhu cầu chăm

sóc của NCT ở các tình trạng sức khỏe khác nhau. Trung tâm chăm sóc NCT Nhân Ái đầu tiên ra đời năm 2007 với quy mô 30 giường nay đã mở rộng lên 180 giường với 3 khu chăm sóc riêng biệt dành cho người cao tuổi mạnh khỏe, người cao tuổi cần được hỗ trợ một phần và NCT ốm yếu cần hỗ trợ toàn phần trong cuộc sống. Hoạt động chăm sóc toàn diện được thực hiện thông qua 5 hoạt động: Chăm sóc về sinh hoạt hàng ngày, dinh dưỡng và vệ sinh cá nhân, chăm sóc theo dõi về sức khỏe, luyện tập phục hồi chức năng, vui chơi giải trí và tham vấn tâm lý dành cho NCT. Trong mọi hoạt động chăm sóc, NCT được đặt vào vị trí trung tâm để lên những kế hoạch, chiến lược và biện pháp cụ thể nhằm đáp ứng được sự mong mỏi và tin cậy của gia đình. Trong chăm sóc sinh hoạt hàng ngày, Nhân Ái rất coi trọng đến chế độ dinh dưỡng cho NCT, được chuyên gia dinh dưỡng của Viện dinh dưỡng quốc gia tư vấn và thẩm duyệt, bảo đảm NCT có một chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý và đặc thù ăn uống của từng người. Thực đơn phong phú, thực phẩm tươi sạch, khẩu phần có định lượng phù hợp đã giúp cho NCT được bảo đảm về sức khỏe và tăng cường đề kháng cho cơ thể. Người cao tuổi sống tại Trung tâm đa phần đều có từ 2 bệnh nền trở lên, việc theo dõi, kiểm tra sức khỏe hàng ngày và xử lý kịp thời các diễn biến phát sinh đã hỗ trợ rất nhiều cho NCT trong việc kiểm soát được bệnh lý và chuyển viện điều trị kịp thời khi cần. Trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19 hoành hành vừa qua, 100% NCT tại Trung tâm đều bình an và không có bất kỳ sự cố nào xảy ra. Nắm bắt được sự thay đổi và suy giảm chức năng khi về già của NCT cộng với những tác động của bệnh lý làm NCT đã gặp phải khó khăn trong tự sinh hoạt hàng ngày, đội ngũ kỹ thuật viên phục hồi chức năng và y sỹ đông y của Trung tâm đã xây dựng những bài tập luyện phù hợp, kết hợp giữa phục hồi chức năng và y học cổ truyền, giúp cho NCT cải thiện được tình trạng suy giảm và có nhiều chuyển biến tích cực trong hồi phục. Nhiều NCT khi vào phải nằm liệt giường sau một thời gian luyện tập đã tự sinh hoạt, tự đi lại và cải thiện được thể chất ban đầu. Người cao tuổi sống tại Nhân Ái được tham gia đều đặn các hoạt động vui chơi giải trí hàng tuần, sự kiện hằng tháng, hằng năm. Có thể nói, bên ngoài xã hội có những hoạt động văn hóa gì thì bên trong nhà dưỡng lão cũng sẽ có, từ hoạt động văn hóa nghệ thuật, hoạt động thể thao, thăm quan dã ngoại đến các hoạt động lễ hội, tâm linh... Nhân Ái luôn coi trọng đến việc chăm sóc sức khỏe tinh thần cho NCT, tạo điều kiện để NCT phát huy được sở thích, sở trường của mình và tìm được niềm vui trong cuộc sống, đã có nhiều tập thơ, bài viết hay được ra đời từ đây dưới cảm xúc của NCT. Kế hoạch hoạt động văn hóa tinh thần hàng tháng đều được lên kế hoạch từ ngày 20 tháng trước để bố trí công tác chuẩn

bị, huy động nhân sự và triển khai. Bên cạnh hoạt động văn hóa tinh thần, Nhân Ái rất chú trọng đến việc tìm hiểu và giải tỏa tâm lý cho NCT. Mỗi NCT là một câu chuyện riêng, một tâm sự riêng, hiểu được điều đó Nhân Ái đã xây dựng đội ngũ nhân viên CTXH để lắng nghe chia sẻ và tham vấn tâm lý cho NCT giúp NCT giải tỏa được những tâm tư của mình, buông bỏ những muộn phiền và sống vui sống khỏe hơn. Đối với những người cao tuổi bị ốm đau bệnh tật phải nằm liệt giường, Nhân Ái cũng đã thực hiện một quy trình chăm sóc chuyên nghiệp để giúp cho NCT có được sự chăm sóc ân cần chu đáo, xoa dịu những nỗi đau trên cơ thể và thanh thản trong những năm tháng cuối đời. Có những NCT được trả về từ bệnh viện nhưng đã được Trung tâm chăm sóc tích cực và kéo dài được tuổi thọ, cụ cao tuổi nhất tại Trung tâm là 105 tuổi, trải qua hai đợt dịch bệnh COVID-19 vẫn bình an và khỏe mạnh. Trải qua 16 năm hoạt động, Trung tâm chăm sóc NCT Nhân Ái thực sự đã trở thành một địa chỉ tin cậy và là nơi gửi gắm của NCT và các gia đình trên địa bàn Thủ đô, đồng thời cũng đã góp phần tiên phong trong việc tạo nên một mô hình dưỡng lão toàn diện, chuẩn mực trong cơ cấu tổ chức và hoạt động để phục vụ cho nhu cầu xã hội. Đội ngũ cán bộ chuyên môn được quy tụ đầy đủ, bao gồm bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên phục hồi chức năng, y sĩ đông y, nhân viên công tác xã hội..., quy trình chăm sóc được chuẩn hóa, cơ sở vật chất được trang bị chuyên dụng và đồng bộ, bảo đảm sự an toàn và phù hợp trong môi trường sinh hoạt đối với NCT. Nhân Ái cũng đã được ghi nhận những đóng góp bằng các bằng khen của Trung ương Hội Người cao tuổi Việt nam, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội, và các đoàn thể khác. Nhằm đa dạng hóa mô hình chăm sóc và đáp ứng nhu cầu đa dạng của NCT, tháng 10-2021, Nhân Ái đã đầu tư xây dựng mô hình chăm sóc NCT ban ngày đầu tiên tại Việt Nam, đây là mô hình cao cấp theo tiêu chuẩn Nhật Bản nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ trong hoạt động chăm sóc cho NCT. Ra đời trong lúc dịch bệnh COVID-19 vẫn đang hoành hành, nhưng Trung tâm chăm sóc Người cao tuổi ban ngày (Nhân Ái Daycare) vẫn luôn bền bỉ, kiên trì vượt qua khó khăn để duy trì mô hình, khẳng định được giá trị và hiệu quả thiết thực đối với NCT. Nhân Ái Daycare đã trở thành một câu lạc bộ sinh hoạt rèn luyện cả thể chất và tinh thần dành cho NCT, giúp cho sức khỏe thể chất và tinh thần của NCT được cải thiện, duy trì được quan niệm truyền thống, đáp ứng được nguyện vọng sống gần con cháu của NCT. Bên cạnh đó, mô hình Nhân Ái Daycare ra đời góp phần nâng cao vị thế hoạt động chăm sóc NCT trong dịch vụ xã hội, thể hiện sự văn minh, hiện đại, tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế trong hoạt động chăm sóc NCT. Nhân

Ái Daycare đã nhận được sự đánh giá cao của bạn bè quốc tế đến từ các nước Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Đức và Mỹ.

Trải qua 17 năm trên hành trình gắn bó với NCT, Công ty cổ phần quốc tế Nhân Ái luôn ý thức được trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Chăm sóc NCT là một dịch vụ xã hội cần được thực hiện một cách tận tâm, chu đáo nhưng phải chuyên nghiệp. Hiểu được điều đó, Công ty luôn không ngừng học hỏi, cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng sự mong mỏi của NCT và gia đình nói riêng, cộng đồng và xã hội nói chung, đồng thời khẳng định được vị thế của đơn vị trong hoạt động chăm sóc NCT tại Việt Nam. Mong muốn cũng như khát vọng của Công ty là tiếp tục nỗ lực để nhân rộng những mô hình dưỡng lão tiêu chuẩn phục vụ xã hội, tuy nhiên, Công ty cũng rất trăn trở khi gặp phải những khó khăn trong suốt hành trình phát triển của mình, đại bộ phận NCT tại Việt Nam đều có mức thu nhập trung bình khi về già, khả năng tự chi trả có hạn, bên cạnh đó, chi phí đầu tư xây dựng (bao gồm đất đai, kết cấu hạ tầng, chi phí vận hành) không phải là một con số nhỏ, có thể lên đến hàng trăm tỉ đồng. Do vậy, xây dựng một mô hình dưỡng lão chuẩn mực nhưng phải với mức phí hợp lý để giúp NCT dù ở bất kỳ điều kiện kinh tế nào cũng đều có được sự chăm sóc toàn diện. Để làm được điều đó thì rất cần sự chung tay của cộng đồng và hỗ trợ chính sách từ phía Nhà nước.

Khuyến nghị về chính sách

Việc phát triển hệ thống dưỡng lão và dịch vụ chăm sóc NCT là tất yếu để ứng phó với xu thế già hóa dân số nhằm bảo đảm an sinh xã hội. Nhà nước cũng đã đưa hoạt động này vào trong nhóm những lĩnh vực chính sách khuyến khích xã hội hóa tại Nghị định số 68/2008/NĐ-CP2008 của Chính phủ. Khoản 4, Điều 20 Luật Người cao tuổi Việt Nam cũng quy định rất rõ về việc xác định đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi về lĩnh vực này. Tuy nhiên, trên thực tế, chính sách ưu đãi vẫn chưa đi vào đời sống cụ thể, do đó, muốn phát triển được hệ thống dưỡng lão của Nhân Ái nói riêng hay tất cả các doanh nghiệp tham gia vào nói chung, cần được hỗ trợ vào 3 nội dung chính.

Về đất đai: Cần có quy hoạch riêng cho việc đầu tư xây dựng các cơ sở dưỡng lão, như trường học, bệnh viện và nhà trẻ theo địa bàn dân cư để tạo điều kiện cho doanh nghiệp được thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai. Điều 5 của Nghị định số 68/2008/NĐ-CP2008 quy định về việc cho thuê cơ sở vật chất: Ủy ban nhân dân tỉnh sử dụng quỹ nhà, kết cấu hạ tầng hiện có, hoặc xây dựng nhà cửa, kết cấu hạ tầng để cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê dài hạn với giá ưu đãi.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ lĩnh vực xã hội hóa... Điều 6 của Nghị định số 68/2008/NĐ-CP2008 quy định về việc giao đất, cho thuê đất: Cơ sở xã hội hóa được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội theo các hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất; cho thuê và miễn tiền cho thuê đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất... Tuy nhiên, trên thực tế, việc tiếp cận đất đai đối với doanh nghiệp làm nhà dưỡng lão là rất khó khăn, Nhân Ái đã hoạt động được gần 10 năm nhưng vẫn phải thuê đất ngắn hạn với chi phí cao và không ổn định, không có quỹ đất riêng, đất xây dựng nhà dưỡng lão được gộp vào trong nhóm đất dịch vụ hỗn hợp, bao gồm các trung tâm thương mại, cây xăng, khu dịch vụ vui chơi, giải trí... những hoạt động đầu tư có hiệu quả kinh tế cao hơn nhà dưỡng lão rất nhiều nên nhà dưỡng lão không đủ sức cạnh tranh. Bên cạnh đó, một thực tế bất cập là, tại các khu đô thị còn tồn đọng các quỹ đất phục vụ cho việc xây nhà trẻ, trường học do yêu cầu quy hoạch nhưng bị thừa so với nhu cầu tại địa phương. Do vậy, cần nhắc cho phép việc chuyển đổi mục đích sử dụng trong cùng đối tượng thuộc nhóm xã hội hóa để tạo sự linh hoạt, đáp ứng với tình hình thực tế tại địa phương đồng thời phù hợp với quy hoạch hạ tầng phục vụ xã hội.

Về tín dụng: cần có sự ưu đãi trong tín dụng để giảm bớt áp lực tài chính của doanh nghiệp, đồng thời cũng tác động trực tiếp đến giá dịch vụ, hỗ trợ cho NCT được sử dụng dịch vụ tốt nhưng chi phí thấp. Điều 9 của Nghị định 68/2008/NĐ-CP2008, quy định chính sách ưu đãi về tín dụng: Cơ sở đầu tư xã hội hóa được vay vốn tín dụng đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư theo quy định về tín dụng đầu tư của Nhà nước..., tuy nhiên, trên thực tế, lĩnh vực chăm sóc NCT không nằm trong danh sách được hưởng ưu đãi về tín dụng. Doanh nghiệp hiện tại vẫn phải chịu mức tín dụng như các doanh nghiệp thương mại khác theo các quy định của các ngân hàng thương mại. Điều đó làm tăng chi phí trong vận hành và đội giá dịch vụ lên cao.

Về nhân lực: Hiện nay, nhu cầu sử dụng nhân lực trong hoạt động chăm sóc NCT ngày càng gia tăng, nhân lực là yếu tố then chốt và quyết định sự thành bại trong việc vận hành hoạt động dịch vụ, tuy nhiên, không có trường đào tạo nghề chuyên nghiệp, doanh nghiệp phải trực tiếp tuyển dụng và tự đào tạo, do vậy chưa có sự đồng nhất và chuẩn mực, nguồn nhân lực không dồi dào, cần khuyến khích tạo điều kiện mở mã ngành đào tạo chăm sóc ở trình độ trung cấp, cao đẳng như các nước phát triển. Xây dựng chương trình đào tạo nguồn

nhân lực chăm sóc với các trình độ khác nhau kèm theo các chế độ về hệ số cấp bậc lương, thưởng như các ngành, nghề khác để tạo thành một nghề nghiệp chuyên môn trong xã hội nhằm khuyến khích và thu hút người lao động tham gia vào lĩnh vực chăm sóc NCT.

Người cao tuổi là vốn quý của xã hội, là “cây cao bóng cả” trong gia đình, chăm sóc NCT không chỉ là nhiệm vụ của mỗi gia đình mà còn của cả xã hội. Để ứng phó kịp thời với xu thế già hóa dân số, hoạt động chăm sóc NCT cũng cần được đầu tư cả về chiều rộng lẫn chiều sâu để đáp ứng được nhu cầu của người cao tuổi, vừa bảo đảm an sinh xã hội, thể hiện tính ưu việt của chế độ và vừa để duy trì được truyền thống kính lão, uống nước nhớ nguồn của dân tộc. Với sự vào cuộc và hỗ trợ chính sách thiết thực của Nhà nước, hoạt động chăm sóc NCT sẽ được đẩy mạnh và phát triển, các doanh nghiệp sẽ tích cực tham gia để phát triển chuỗi cung ứng dịch vụ xã hội chuẩn mực, người cao tuổi sẽ được thụ hưởng chính sách phúc lợi xã hội tốt nhất và có một cuộc sống an vui trong vòng tay chăm sóc của gia đình và xã hội, giảm tải áp lực cho gia đình và xã hội, góp phần thành công trong việc thích ứng xu thế già hóa dân số đang cận kề. □

MÔ HÌNH XÃ HỘI HÓA TRONG SẢN XUẤT, CUNG ỨNG SẢN PHẨM PHÙ HỢP, GÓP PHẦN CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI

NGO XUÂN THỊNH

Giám đốc Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Quốc tế Việt - Mỹ

Già hóa dân số trên thế giới hiện nay

“Già hóa dân số (hay còn gọi lão hóa dân số) là sự gia tăng độ tuổi trung vị của dân số một vùng do tỷ suất sinh giảm đi và/hoặc tuổi thọ trung bình tăng lên”. Đây là khái niệm cô đọng nhất về “Già hóa dân số”.

Qua khái niệm trên ta thấy được nguyên nhân dẫn đến việc “Già hóa dân số” chính là hệ quả của hai tác nhân nhân khẩu học, đó là: Gia tăng tuổi thọ và Giảm thiểu năng lực sinh sản.

Tuổi thọ của con người tăng lên sẽ làm cho độ tuổi trung bình tăng theo do số lượng người cao tuổi tăng lên. Trong khi đó thì năng lực sinh sản giảm đi sẽ làm giảm thiểu số lượng trẻ em được sinh ra, và dẫn đến tình trạng tổng số người trẻ ngày càng ít đi. Trong hai nguyên nhân trên thì việc giảm thiểu năng lực sinh sản chính là nguyên nhân cơ bản dẫn đến hiện tượng “Già hóa dân số” trên thế giới hiện nay.

Cụ thể hơn nữa, có thể hiểu thêm là: “Già hóa dân số” còn được biểu hiện qua các giai đoạn như: “Dân số đang già”; “Dân số đã già”; và “Dân số siêu già”.

- Giai đoạn “Dân số đang già” là tình trạng dân số có tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 7% tổng dân số trở lên; hoặc khi tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên chiếm từ 10% tổng dân số trở lên.

- Giai đoạn “Dân số già” hay gọi là giai đoạn “Dân số đã già” là giai đoạn dân số có tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên chiếm tỷ lệ từ 14% tổng dân số trở lên.

- Còn giai đoạn “Dân số siêu già” là tình trạng dân số có tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 21% tổng dân số trở lên. Tại châu Á hiện nay, Nhật Bản đang là quốc gia trong giai đoạn “Dân số siêu già”, có trên 30% dân số từ 60 tuổi trở lên. Dự báo đến năm 2050, trên thế giới sẽ có 64 quốc gia thuộc giai đoạn “Dân số siêu già”.

Theo thống kê và đánh giá của Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) thì: “Già hóa dân số” đang là một xu thế mang tính toàn cầu, được coi là một trong những xu hướng nổi bật của thế kỷ XXI đang diễn ra trên khắp thế giới với mức độ khác nhau ở mỗi quốc gia, mỗi khu vực. Đây là một vấn đề xã hội có tác động rất lớn đến quá trình phát triển chung của mọi quốc gia trên nhiều lĩnh vực như: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa... Xu hướng này biểu hiện qua một vài con số sau:

Dân số thế giới tính đến cuối năm 2022 đang ở mức khoảng 8 tỉ người; dự báo đến năm 2030 đạt mốc khoảng 8,5 tỉ người; đến năm 2050 sẽ tăng thêm khoảng 1,2 tỉ người, đưa dân số thế giới ở mức khoảng 9,7 tỉ người.

Trong khi đó số người trên 65 tuổi đã nhiều hơn số trẻ em dưới 5 tuổi và sẽ tăng gấp hai vào năm 2050. Xu hướng tuổi thọ trung bình dân số thế giới ngày càng tăng cao (năm 1950 có 214 triệu người từ 60 tuổi trở lên, tuổi thọ trung bình khi đó là 46,7 tuổi; năm 1975 có 336 triệu người từ 60 tuổi trở lên; năm 2020 có 600 triệu người từ 60 tuổi trở lên, tuổi thọ trung bình là 71 tuổi; năm 2022, tuổi thọ trung bình là 73 tuổi; dự báo đến năm 2025 sẽ có gần 2 tỉ người cao tuổi; đến năm 2050, tuổi thọ trung bình tăng lên 77,1 tuổi).

Những số liệu trên đây phần nào đã cho chúng ta thấy được tình hình gia tăng dân số, và tốc độ gia tăng số người cao tuổi trên thế giới thì hiện tại cũng như trong tương lai gần; đây chính là bức tranh toàn cảnh về xu hướng “Già hóa dân số” toàn cầu.

Tuy nhiên, mỗi quốc gia trên thế giới, trong cơ cấu dân số đều có bước chuyển hóa từ giai đoạn “dân số vàng” (tức là giai đoạn mà cơ cấu dân số trong đó cứ 02 người ở độ tuổi lao động từ 15 đến 60 tuổi, thì có 01 người phụ thuộc, tức là người dưới 15 tuổi hoặc trên 60 tuổi) sang giai đoạn “dân số già” (từ 60 tuổi trở lên). Thời gian chuyển đổi giữa hai giai đoạn này ở mỗi quốc gia sẽ khác nhau tùy thuộc vào tốc độ già hóa dân số ở quốc gia đó.

Về già hóa dân số ở Việt Nam và định hướng của Đảng, Nhà nước ứng phó với xu hướng già hóa dân số

Ngược lại dòng thời gian, theo kết quả điều tra dân số năm 1989, Việt Nam có 4,6 triệu người từ 60 tuổi trở lên (chiếm 7,15% tổng dân số cả nước); 10 năm sau (năm 1999) cả nước có khoảng 6,2 triệu người từ 60 tuổi trở lên (chiếm 8,12% tổng dân số); sau 10 năm tiếp theo (năm 2009), cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 cho biết, tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên của nước ta là 6,4% tổng dân số; từ ngày 01/4/2011 thì tỉ lệ người từ 60 tuổi trở lên là 10,1% tổng dân số, và tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên là 7,2% tổng dân số.

Theo số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở gần nhất (01-4-2021) thì: dân số của nước ta đạt 98,2 triệu người; trong đó có 12,5 triệu người từ 60 tuổi trở lên (chiếm 12,8% tổng dân số) và 8,1 triệu người từ 65 tuổi trở lên (chiếm 8,3% tổng dân số). Trong giai đoạn 2009 - 2019, dân số tăng bình quân là 1,14%/năm, trong khi đó số người cao tuổi tăng bình quân là 4,35%/năm (bình quân tăng 400 nghìn người cao tuổi/năm); trong 3 năm (2019 - 2021), bình quân tăng 600 nghìn người cao tuổi/năm; tuổi thọ trung bình của nước ta hiện nay đang ở mức 73,6 tuổi, trong đó nam giới có tuổi trung bình thấp hơn nữ giới (nam: 71,1 tuổi; nữ: 76,4 tuổi).

Dự báo đến năm 2029, Việt Nam sẽ có 17,2 triệu người cao tuổi (chiếm 16,5% tổng dân số); đến năm 2036 sẽ có khoảng 15,46 triệu người từ 65 tuổi trở lên (chiếm 14,17% tổng dân số cả nước); khi đó Việt Nam chúng ta sẽ bước vào giai đoạn “Dân số già”. Điều này chứng tỏ số người cao tuổi của nước ta tăng rất nhanh so với tốc độ gia tăng dân số chung.

Theo quy ước chuẩn của Quỹ Dân số Liên hợp quốc thì hiện tượng “Già hóa dân số” được xem xét qua tỉ trọng của nhóm dân số già (người từ 60 tuổi trở lên chiếm 10% tổng dân số; người từ 65 tuổi trở lên chiếm 7% tổng dân số). Như vậy, Việt Nam chúng ta chính thức bước vào giai đoạn “Già hóa dân số” kể từ năm 2011; trong khi đó giai đoạn có cơ cấu dân số vàng của nước ta được tính từ năm 2007.

Hiện nay, nước ta đang tồn tại song hành hai thực trạng về cơ cấu dân số: vừa đang trong thời kỳ dân số vàng, vừa trong giai đoạn già hóa dân số, song tốc độ già hóa dân số ở nước ta lại diễn ra rất nhanh, mạnh. Với mức gia tăng dân số người cao tuổi nhanh, mạnh như vậy, trong vòng 10, 15 năm tới đây, vấn đề “Già hóa dân số” ở nước ta vốn đã là một thách thức về kinh tế, xã hội, văn hóa... kể từ năm 2011 đến nay, sẽ tiếp tục là một thách thức lớn hơn về phát

triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn mới, trong đó có việc đáp ứng nhu cầu chăm sóc người cao tuổi. Đây cũng chính là một yêu cầu khách quan để Đảng, Nhà nước tiếp tục ban hành chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật, nhất là việc xây dựng chính sách an sinh xã hội, tạo lập hệ thống trợ giúp xã hội, thực hiện xã hội hóa công tác chăm sóc người cao tuổi nhằm ứng phó tốt nhất xu hướng “Già hóa dân số” ở nước ta theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã đề ra.

Thực tiễn cho thấy, xu hướng “Già hóa dân số” ở nước ta đã sớm được Đảng, Nhà nước nhìn nhận, đánh giá coi đây là một xu hướng tất yếu, nên rất quan tâm, chú trọng, kịp thời đề ra những quyết sách phù hợp thích ứng với xu hướng này, đặt xu hướng “Già hóa dân số” trở thành một vấn đề được ưu tiên chú trọng, biểu hiện rõ trong Chiến lược quốc gia về an sinh xã hội giai đoạn 2011 - 2020 đã được Chính phủ chú ý nhấn mạnh đến nhu cầu chăm sóc sức khỏe và trợ giúp xã hội đối với nhân dân nói chung và người cao tuổi nói riêng. Chiến lược này cho thấy Việt Nam hết sức coi trọng đến vấn đề bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội nhằm bảo vệ quyền của mỗi người dân đúng với quy định tại Điều 25 *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người* đã được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 1948, đó là: “*Mọi người dân và hộ gia đình đều có quyền có mức sống tối thiểu về sức khỏe và các phúc lợi xã hội bao gồm ăn, mặc, chăm sóc y tế, dịch vụ xã hội thiết yếu và có quyền được an sinh khi có các biến cố về việc làm, ốm đau, tàn tật, góa phụ, tuổi già... hoặc các trường hợp bất khả kháng khác*”.

Thực hiện việc bảo đảm ngày càng tốt hơn chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội là một nội dung chủ yếu trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia giai đoạn 2011 - 2020. Điều này chính là vừa thể hiện rõ quan điểm, chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước trong việc ứng phó với xu hướng “Già hóa dân số” ở nước ta, vừa là một yêu cầu bức thiết của quá trình phát triển đất nước nhanh và bền vững trong những năm tới.

Mô hình xã hội hóa trong sản xuất, cung ứng sản phẩm phù hợp, góp phần chăm sóc người cao tuổi

Về vai trò, vị trí của người cao tuổi và chủ trương, chính sách chăm sóc người cao tuổi ở nước ta

Đánh giá đến vai trò của người cao tuổi ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “*Người cao tuổi là của quý vô giá của dân tộc, của nước nhà*”. Rồi

người còn nói: “*Một lời nói của phụ lão có ảnh hưởng lớn đến hưng bang... Đối với gia đình, đối với Tổ quốc, phụ lão đã có trọng trách là bậc tôn trưởng, đối với làng xóm, đối với bà con, phụ lão có sự tín nhiệm lớn lao. Phụ lão hô, nhân dân hưởng ứng; phụ lão làm, nhân dân làm theo*”.

Trong suốt chặng đường đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam từng bước phát triển thành quốc gia hùng cường, người cao tuổi Việt Nam được coi là rường cột của nước nhà, là một nhân tố trong khối đại đoàn kết dân tộc, và trở thành lực lượng quan trọng góp phần không nhỏ trong việc xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Quán triệt tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vai trò, vị thế của người cao tuổi; suốt nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước cùng cả hệ thống chính trị các cấp luôn có nhận thức sâu sắc về vai trò, vị trí cùng với sự đóng góp quan trọng của người cao tuổi trong sự nghiệp kiến quốc; qua đó đã dành sự quan tâm lớn, đề ra nhiều chủ trương, chính sách thiết thực ngay ở tầm vĩ mô nhằm bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi; khuyến khích động viên người cao tuổi tiếp tục đem trí tuệ, tài năng, bề dày kinh nghiệm để tiếp tục cống hiến vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sự quan tâm chăm sóc người cao tuổi đã được thể hiện rõ từ rất sớm trong hệ thống pháp luật của nước ta như: Hiến pháp các năm (1946, 1959, 1980, 1992, 2013); Bộ luật Lao động năm 2019; Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân năm 1989; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật Người cao tuổi năm 2009; Luật Khám chữa bệnh năm 2009; Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017... Trong các văn bản luật trên đều có những điều khoản cụ thể về chính sách đối với người cao tuổi. Chẳng hạn như:

- Điều 14, Hiến pháp năm 1946 quy định: “*Những công dân già cả hoặc tàn tật không làm được việc thì giúp đỡ*”;

- Điều 37, Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Người cao tuổi được Nhà nước, gia đình và xã hội tôn trọng, chăm sóc và phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”;

- Khoản 1, Điều 41, Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân năm 1989 quy định: “*Người cao tuổi, thương binh, bệnh binh và người tàn tật được ưu tiên trong khám*

bệnh, chữa bệnh, được tạo điều kiện thuận lợi để đóng góp cho xã hội phù hợp với sức khỏe của mình”;

- Khoản 4, Điều 149, Bộ Luật Lao động năm 2019 quy định: “*Người sử dụng lao động có trách nhiệm quan tâm chăm sóc sức khỏe của người lao động cao tuổi tại nơi làm việc*”. Khoản 3 Điều này còn quy định việc không được sử dụng lao động người cao tuổi trong môi trường độc hại, nguy hiểm...

- Luật Người cao tuổi năm 2009 thì thể hiện rất rõ nét tính ưu việt, tính nhân văn sâu sắc cũng như truyền thống, đạo lý “*Uống nước nhớ nguồn*” của dân tộc ta. Luật này quy định cụ thể 5 nhóm chính sách đối với người cao tuổi, đó là: Phụng dưỡng người cao tuổi; Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; Chăm sóc người cao tuổi trong hoạt động văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao, giải trí, du lịch, sử dụng công trình công cộng và tham gia giao thông công cộng; Bảo trợ xã hội đối với người cao tuổi; Chúc thọ, mừng thọ và tổ chức tang lễ. Ngoài ra Luật này còn dành hẳn một chương quy định về việc Phát huy vai trò người cao tuổi.

Bên cạnh đó, sự nghiệp chăm sóc người cao tuổi còn được Đảng ta đặc biệt quan tâm, coi trọng thông qua nhiều văn kiện của Đảng. Ngay sau khi Hội Người cao tuổi Việt Nam được thành lập (ngày 10-2-1995), Ban Bí thư Trung ương (khóa VII) đã kịp thời ban hành Chỉ thị số 59/CT-TW, ngày 27-9-1995 về chăm sóc người cao tuổi, xác định rõ: “*Việc chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của người cao tuổi là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội*”. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc các khóa trong nhiều năm qua đều đề cập nội dung chăm sóc, phụng dưỡng và phát huy vai trò người cao tuổi; chẳng hạn như gần đây nhất, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã chỉ rõ: “*Phải thực hiện tốt việc bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi, khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội, xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi*”; Nghị quyết còn tiếp tục nhấn mạnh: “*Kính trọng, bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi. Bảo trợ, giúp đỡ người cao tuổi gặp khó khăn, cô đơn không nơi nương tựa*”.

Cụ thể hóa thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về việc chăm sóc người cao tuổi, nhất là khi nước ta bước vào giai đoạn “Già hóa dân số” diễn ra với cường độ rất nhanh so với các nước trên thế giới, Chính phủ đã xây dựng Chiến lược quốc gia về an sinh xã hội giai đoạn 2011 - 2020. Trong đó chú ý đến nội dung cần thực hiện tốt chính sách ưu đãi đối với người có công và chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội; mở rộng đối tượng và điều kiện hưởng thụ trợ giúp xã hội đến toàn bộ các nhóm dân cư dễ bị tổn thương (bao

gồm cả người cao tuổi) với mức trợ giúp phù hợp; huy động sự tham gia của toàn xã hội để thực hiện tốt an sinh xã hội và phúc lợi xã hội đa tầng; thực hiện chủ trương “*Các chính sách xã hội được thực hiện theo tinh thần xã hội hóa*” mà Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã có định hướng.

Riêng đối với người cao tuổi, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1579/QĐ-TTg, ngày 13-10-2020, phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030. Mục tiêu chung của Chương trình này là “*Chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi (người từ 60 tuổi trở lên) bảo đảm thích ứng với già hóa dân số, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030*”. Chương trình đã quy định rõ nhiều nội dung về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, như: mục tiêu cụ thể; phạm vi, đối tượng thụ hưởng; nhiệm vụ, giải pháp; kinh phí thực hiện; thời gian thực hiện; trách nhiệm thực hiện. Trong các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình, vấn đề bảo đảm nguồn lực được nhấn mạnh đến việc đa dạng hóa nguồn lực tài chính đầu tư cho công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, từng bước tăng mức đầu tư; huy động sự đóng góp của tư nhân, doanh nghiệp, cộng đồng...; huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư, cá nhân, tổ chức tham gia Chương trình; đầu tư cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi phù hợp.

Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 là một Chương trình thể hiện tính ưu việt, mang tính nhân văn sâu sắc và có ý nghĩa rất lớn đối với người cao tuổi ở nước ta. Đây là dấu mốc quan trọng trong việc triển khai chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trong những năm tới nhằm tiếp tục khơi dậy lòng tự hào, khuyến khích động viên lớp người cao tuổi tiếp tục phát huy vai trò của mình đối với gia đình và xã hội.

Về xã hội hóa công tác chăm sóc người cao tuổi ở nước ta và mô hình xã hội hóa trong sản xuất, cung ứng sản phẩm phù hợp, góp phần chăm sóc người cao tuổi của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Việt Mỹ

Trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nước ta gặt hái nhiều thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, nhiều vấn đề xã hội như: văn hóa, giáo dục, y tế, môi trường... lại phát sinh, đặt ra những bức xúc cần giải quyết. Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách lớn từng bước giải quyết hiệu quả; một trong những chủ trương đó chính là thực hiện xã hội hóa các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thực hiện xã hội hóa lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân nói chung và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi nói riêng là một chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước.

Từ rất sớm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã ra Nghị quyết số 04-NQ/HNTW, ngày 14-01-1993, chính thức đề xuất chủ trương “*Chăm sóc sức khỏe người dân là trách nhiệm của toàn xã hội và phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, đa dạng hóa các hình thức tổ chức chăm sóc sức khỏe trong đó y tế nhà nước là chủ đạo...*”. Đây chính là bước khởi nguồn thực hiện chủ trương xã hội hóa của Đảng.

Trên cơ sở quan điểm của Đảng, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 90/CP, ngày 21-8-1997, về phương hướng và chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa. Theo đó, “*xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa là vận động tổ chức và tham gia rộng rãi của nhân dân, của toàn xã hội vào sự phát triển các sự nghiệp đó... Xã hội hóa là xây dựng cộng đồng trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân đối với việc tạo lập và cải thiện môi trường kinh tế, xã hội lành mạnh và thuận lợi cho các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa ở mỗi địa phương, đây là cộng đồng trách nhiệm của Đảng bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp đóng tại đại phương và của từng người dân*”.

Nhiều năm qua, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, cá nhân đã chung tay tạo sức mạnh tổng hợp từng bước đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các lĩnh vực xã hội nói chung (văn hóa, giáo dục, y tế...), cũng như thực hiện xã hội hóa công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi nói riêng, nhất là từ khi Luật Người cao tuổi được ban hành và sau đó đi vào cuộc sống, đã xuất hiện đa dạng các kênh và hình thức trợ giúp xã hội tự nguyện, nhân đạo dựa vào cộng đồng với sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp, cá nhân..., đạt được nhiều kết quả rất đáng trân trọng.

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, đồng thời bám sát vào 05 nhóm chính sách chăm sóc người cao tuổi được Luật Người cao tuổi quy định, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Quốc tế Việt Mỹ đã nhận thức sâu sắc được trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với việc phụng dưỡng, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe lớp người cao tuổi, coi người cao tuổi trong xã hội như ông, bà, cha, mẹ của chính mình. Từ nhận thức đó, tập thể lãnh đạo Công ty đã hoạch định chiến lược và xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm gắn liền với công tác thiện nguyện, nhân đạo, phối hợp chặt chẽ cùng với các cấp hội người cao tuổi chung tay thực hiện chính sách chăm sóc người cao tuổi theo mô hình xã hội hóa. Một quyết sách quan trọng, thực chất nhất để thực hiện mô hình này mang tính ổn định,

thường xuyên và lâu dài, đó là Ban Giám đốc Công ty đã quyết định trích 10% lợi nhuận hàng năm của Công ty để tạo lập nguồn thực hiện xã hội hóa chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trong cả nước.

Với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng chất lượng cao, cùng với việc quy tụ đội ngũ chuyên gia về dinh dưỡng, chất lượng sản phẩm, sản xuất, kinh doanh và quản lý nhân sự, Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Quốc tế Việt Mỹ luôn chú trọng áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất thông qua hợp tác chuyển giao công nghệ với nước ngoài nhằm đa dạng hóa sản phẩm dinh dưỡng tốt nhất từ nguyên liệu tự nhiên, không chứa chất bảo quản và theo quy trình sản xuất khép kín tiên tiến nhất.

Lấy slogan “*Chăm sóc từ tâm - Nâng tầm giá trị*” làm kim chỉ nam trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty coi đây không chỉ là khẩu hiệu sản xuất, kinh doanh thuần túy, mà chính là xuất phát từ đạo đức, trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng xã hội, đặc biệt là đối với việc phục vụ chăm sóc, nâng cao sức khỏe của nhân dân nói chung và của người cao tuổi nói riêng; coi sứ mệnh phục vụ, chăm sóc sức khỏe con người là mục tiêu cao nhất và cũng chính là thành công của Công ty. Cùng với tiêu chí nhất quán đó, Công ty chúng tôi không chỉ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cần thiết cho người sử dụng mà còn luôn chú trọng thực hiện nâng cao giá trị cuộc sống của họ thông qua việc đa dạng hóa các sản phẩm dinh dưỡng có chất lượng tốt nhất.

Với định hướng chiến lược đó, Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Việt Mỹ đã có bước phát triển toàn diện, nhanh chóng trở thành một trong những doanh nghiệp trẻ tiêu biểu, có thứ hạng trong hệ thống phân phối các sản phẩm dinh dưỡng ở trong nước; bộ sản phẩm dinh dưỡng của Công ty luôn được người sử dụng tin tưởng và ưa chuộng, nhất là đối với người cao tuổi; bởi vì trong những sản phẩm này còn có sự kết tinh, lắng đọng tình cảm chân thành và tấm lòng yêu thương, nhân ái của tập thể lãnh đạo, nhân viên Công ty muốn được lan tỏa rộng khắp và mong người cao tuổi ngày càng tin yêu hơn sản phẩm của Công ty để chăm sóc sức khỏe cho chính bản thân mình.

Bộ sản phẩm của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Việt Mỹ trước khi cung ứng ra thị trường đều được sản xuất theo phương thức độc quyền với hệ thống quản lý chất lượng về an toàn thực phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 22000:2018, thực hành sản xuất theo quy chuẩn GMP và phòng kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017. Sản phẩm của Công ty hiện nay gồm có: Thực phẩm chế độ ăn đặc biệt Canxi Nano MK7 Gold; sản phẩm dinh dưỡng Sữa hạt Vimy Canxi Nano,

Sữa hạt Vimy Lux, Sữa hạt Vimy Curcumin, Sữa hạt Vimy Diabet; thực phẩm bảo vệ sức khỏe tinh dầu thông đỏ Red Pineone; thực phẩm bảo vệ sức khỏe viên uống Q- Fucoidan; thực phẩm bổ sung dinh dưỡng Philatop sâm ngọc linh, đông trùng hạ thảo, sữa non tổ yến; thực phẩm bảo vệ sức khỏe Omega 369 điệp lục, cần tây, tinh dầu thông đỏ; các loại yến sào thiên nhiên; sâm nhung bổ thận... Đây là những sản phẩm có giá trị dinh dưỡng tốt, rất phù hợp với nhu cầu sức khỏe người cao tuổi; đáp ứng tốt việc hỗ trợ việc điều trị các “chứng bệnh kép”, bệnh mãn tính, bệnh đặc trưng của người cao tuổi như: tiểu đường, tim mạch, cao huyết áp, xương khớp... Đây chính là việc Công ty chúng tôi luôn quan tâm đến đa dạng hóa sản phẩm để cung ứng các sản phẩm phù hợp phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

Song hành với hoạt động sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả tốt, Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Việt Mỹ hết sức vui mừng vì đã tạo được một số dấu ấn tốt đẹp trong việc thực hiện xã hội hóa công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi bởi được sự trợ giúp quý báu của Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam; hoạt động này chính là việc thực hiện ước nguyện được lan tỏa tấm lòng yêu thương, nhân ái của Công ty đến người cao tuổi, góp phần nhỏ bé chung tay cùng các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân để chăm lo sức khỏe người cao tuổi và các đối tượng yếu thế khác trong xã hội, chia sẻ bớt gánh nặng của công tác an sinh và bảo trợ xã hội mà cả hệ thống chính trị đang thực hiện nhằm ứng phó tốt xu hướng “Già hóa dân số” ở nước ta.

Hoạt động nổi bật là trong 2 năm qua là: Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Quốc tế Việt Mỹ đã thực hiện chương trình trao tặng sản phẩm dinh dưỡng cho người cao tuổi đang hoạt động trong các cấp hội từ tỉnh đến cơ sở thôn, làng, tổ dân phố tại 21 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, mỗi địa phương 1.000 hộp sữa Canxi Nano MK7 Gold, trọng lượng 900 gram/hộp, tổng trị giá hơn 5 tỉ đồng. Chương trình trao tặng quà này tiếp tục thực hiện đến năm 2025 với số lượng 60.000 hộp sữa với tổng giá trị đến 15 tỉ đồng. Tại Hội nghị Biểu dương người cao tuổi tiêu biểu trong Phong trào Bảo vệ an ninh Tổ quốc do Bộ Công an phối hợp với Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam tổ chức tại Thủ đô Hà Nội, Công ty đã hỗ trợ 500 hộp sữa làm quà tặng các đại biểu; hỗ trợ Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam hàng trăm sản phẩm dinh dưỡng làm quà tặng người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn, cô đơn, gia đình chính sách ở cơ sở nhân Tháng hành động Vì người cao tuổi Việt Nam và 40 người cao tuổi nhất tham gia Liên hoan Tiếng hát người cao tuổi toàn quốc năm 2023...

Từ sự nỗ lực vươn lên trong sản xuất, kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm phù hợp nhu cầu sức khỏe của người cao tuổi, được ưa chuộng tin dùng, Công ty cổ phần dinh dưỡng Việt Mỹ vinh dự và tự hào bởi nhận được những phần quà tinh thần rất trân quý do các tổ chức xã hội trao tặng: Năm 2021, Công ty được vinh danh là “*Thương hiệu tiêu biểu của Việt Nam - Asean*” do có nhiều hoạt động vì cộng đồng an sinh xã hội; Năm 2022, Công ty đã được vinh danh trong danh sách “*Top 10 thương hiệu tin cậy, sản phẩm chất lượng, dịch vụ tận tâm, uy tín*”; và tiếp tục đạt được danh hiệu “*Sản phẩm uy tín chất lượng, dịch vụ uy tín*”. Đặc biệt, tại Lễ phát động Tháng hành động Vì người cao tuổi Việt Nam ngày 30/9/2023, Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Quốc tế Việt Mỹ đã được Chủ tịch Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam vinh danh do có nhiều đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi Việt Nam.

Những món quà tinh thần trên đã nói lên tất cả những điều mà Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Việt Mỹ cần làm, đã làm, đang làm và tiếp tục làm vì sức khỏe cộng đồng, vì sức khỏe của người cao tuổi, góp phần nhỏ bé của mình chung tay cùng với xã hội thực hiện tốt chính sách xã hội hóa chăm sóc người cao tuổi theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước.□

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hiến pháp năm 1946 và năm 2013;
2. Luật Người cao tuổi năm 2009; Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân năm 1989; Bộ Luật Lao động năm 2019;
3. Nghị quyết số 04-NQ/HNTW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII;
4. Chỉ thị số 59/CT-TW, ngày 27-9-1995, của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII, về Chăm sóc người cao tuổi;
5. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ 13;
6. Nghị quyết số 90/CP, ngày 21-8-1997 của Chính phủ về Phương hướng và chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa;
7. Nguyễn Tấn Dũng: “*Bảo đảm ngày càng tốt hơn an sinh xã hội và phúc lợi xã hội là một nội dung chủ yếu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020*”, Cổng thông tin điện tử Chính phủ ngày 24-8-2010

8. Nguyễn Thanh Bình: “*Người cao tuổi là lực lượng quan trọng góp phần phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*”, Báo nhân dân ngày 28-02-2023

9. Nguyễn Thanh Bình: “*Già hóa dân số nhanh ở Việt Nam và khuyến nghị chính sách*”, Báo Nhân dân điện tử ngày 06-6-2023

10. Phát biểu của Chủ tịch Hội Người cao tuổi Việt Nam Nguyễn Thanh Bình tại Lễ Phát động Hưởng ứng Tháng hành động Vì người cao tuổi Việt Nam ngày 30-9-2023 tại tỉnh Hà Tĩnh;

11. Phát biểu của ông Đỗ Văn Chiến, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại Lễ Phát động Hưởng ứng Tháng hành động Vì người cao tuổi Việt Nam ngày 30-9-2023 tại tỉnh Hà Tĩnh;

12. Tạp chí Người cao tuổi Việt Nam ngày 30-9-2023;

13. Nguyễn Thế Huệ, Đề tài khoa học và công nghệ cấp Quốc gia năm 2015, *Chăm sóc người cao tuổi - Thực trạng và giải pháp*;

14. Nguyễn Hoàng Long, Luận văn Thạc sĩ *Công tác xã hội* năm 2018;

15. Bách khoa thư mở Wikipedia.

“TUỔI CAO - GƯƠNG SÁNG” LÀM KINH TẾ GIỎI

GIANG GIANG

BỐI cảnh già hóa dân số đã và đang đặt ra nhiều thách thức đối với nước ta, trong đó có sự thiếu hụt về lực lượng lao động. Trước thực tế đó, hiện nay ở nước ta ngày càng có nhiều người cao tuổi vẫn tiếp tục lao động và cống hiến sức mình cho gia đình và đất nước. Họ không chỉ là nguồn nhân lực bổ sung với tri thức, kinh nghiệm phong phú và các giá trị văn hóa quý báu mà còn là những tấm gương “tuổi cao mà chí càng cao” đáng trân trọng và cần được lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

1- Hiện nay, Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới với chỉ số già hóa tăng từ 31,5% (năm 2011) lên 34,3% (năm 2021). Đồng thời, đến năm 2039, Việt Nam sẽ chuyển từ thời kỳ già hóa dân số sang thời kỳ dân số già khi tỷ lệ dân từ 60 tuổi trở lên đạt 20% (tỷ lệ dân từ 65 tuổi trở lên đạt hơn 14% tổng số dân). Như vậy, tốc độ già hóa dân số ở nước ta là vấn đề đáng báo động khi chúng ta phải đối mặt với nguy cơ “chưa giàu đã già”. Điều này đặt ra nhiều thách thức đối với sự phát triển bền vững đất nước, mà vấn đề bù đắp sự thiếu hụt nguồn lao động cũng như yêu cầu bảo đảm an ninh lương thực, an ninh thu nhập và các nhu cầu đời sống của các tầng lớp nhân dân, trong đó có người cao tuổi (nhất là người cao tuổi ở nông thôn) là một thách thức lớn. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu cấp bách cần đổi mới mô hình quản trị, mô hình tăng trưởng của nền kinh tế, cải cách hệ thống cơ chế, chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội đối với người dân nói chung và người cao tuổi nói riêng; đặc biệt là cần phát huy vai trò của người lao động cao tuổi để khai thác hiệu quả lực lượng lao động quan trọng này trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Thực tế cho thấy, hiện nay có nhiều người cao tuổi vẫn có đủ sức khỏe, có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm và **đầy** nhiệt huyết đóng góp công sức,

trí tuệ cho xã hội. Tính đến năm 2023, nước ta có hơn 7 triệu người cao tuổi đang tiếp tục tham gia nhiều công việc thuộc các lĩnh vực kinh tế, đối ngoại, công tác xã hội, khoa học, kỹ thuật, công nghệ khác nhau, trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh, tạo ra thu nhập, trong đó có hàng trăm nghìn người cao tuổi đang làm chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh làm ra những sản phẩm có giá trị, đóng góp thiết thực và hiệu quả vào sự xây dựng và phát triển đất nước. Nhiều tấm gương tiêu biểu về người cao tuổi làm kinh tế giỏi đã được tuyên dương và đang lan tỏa những giá trị tích cực trong cộng đồng, trong đó có ông Huỳnh Văn Thôn - đến nay dù đã ở độ tuổi gần “thất thập cổ lai hy” vẫn đảm nhận trọng trách vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Lộc Trời - nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm và dịch vụ nông nghiệp hàng đầu Việt Nam hiện nay.

2- Sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo tại tỉnh An Giang có ba mẹ đều tham gia hoạt động cách mạng, từ rất sớm, ông Huỳnh Văn Thôn đã trở thành chiến sĩ liên lạc, rồi làm nhân viên báo vụ ở Ban Tuyên huấn Khu ủy Khu 8. Sau khi ra miền Bắc học Trường Học sinh miền Nam, ông trở lại vào học tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp) với mong muốn trở thành một kỹ sư nông nghiệp giúp ích cho bà con nông dân.

Trong quá trình làm việc tại quê nhà An Giang, trước thực trạng nhiều bà con nông dân sử dụng các thuốc bảo vệ thực vật (thuốc trừ sâu) kém chất lượng, không rõ nguồn gốc xuất xứ, không đúng cách..., gây ô nhiễm môi trường và gây hại cho người sử dụng, ông Huỳnh Văn Thôn là một trong số những người đã đề xuất để Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quyết định thành lập Công ty Dịch vụ Bảo vệ thực vật An Giang (năm 1993) thuộc Chi cục Bảo vệ thực vật của tỉnh - tiền thân của Công ty cổ phần Tập đoàn Lộc Trời hiện nay (gọi tắt là Tập đoàn Lộc Trời). Sau khi được bổ nhiệm vị trí Giám đốc của Công ty Dịch vụ Bảo vệ thực vật An Giang, ông Huỳnh Văn Thôn cùng công ty đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và đạt được mức doanh thu 600 tỷ đồng, nộp ngân sách lên đến 110 tỷ đồng trong vòng vài năm kể từ mức 13 tỷ đồng doanh thu lúc đầu. Chính nhờ thành quả này mà công ty đã được Nhà nước trao tặng danh hiệu đơn vị “Anh hùng Lao động” vào năm 2000 và cá nhân ông Huỳnh Văn Thôn cũng được trao tặng danh hiệu cao quý “Anh hùng Lao động” vào năm 2002.

Năm 2004, Công ty Dịch vụ Bảo vệ thực vật An Giang chuyển đổi mô hình sang cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật An Giang

với vốn điều lệ 150 tỷ đồng, ông **Huỳnh Văn Thòn** được trao trọng trách là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Hai năm sau, ông quyết định thành lập lực lượng “3 cùng” (cùng ăn, cùng ở, cùng làm) là những kỹ sư nông nghiệp chuyên hỗ trợ kỹ thuật và thực hành phương pháp trồng trọt hiện đại, ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ mới cho người nông dân trên đồng ruộng một cách thường xuyên nhằm nâng cao năng suất và tăng giá trị đầu ra của sản phẩm. Từ đội ngũ ban đầu chỉ có 12 kỹ sư nông nghiệp, qua quá trình hơn 30 năm, tính đến ngày 31-3-2023, Tập đoàn Lộc Trời đã có sự phát triển vượt bậc với 3.407 cán bộ, nhân viên và người lao động (không tính gần 1.000 lao động công nhật và thời vụ) làm việc tại các đơn vị, chi nhánh, phòng, ban chức năng và 22 công ty thành viên trực thuộc Tập đoàn; trong đó, có 62 cán bộ có trình độ sau đại học (3 tiến sĩ và 59 thạc sĩ, chiếm tỷ lệ 1,82% tổng số cán bộ, nhân viên), 1.217 cán bộ có trình độ đại học (35,72%), 267 người có trình độ cao đẳng (7,84%). Từng tham gia quân đội, nên ông Thòn luôn quán triệt các cán bộ, nhân viên và người lao động phải có tính kỷ luật, sự tự giác, biết lắng nghe, chia sẻ tâm tư của bà con nông dân. Ông cùng với ban lãnh đạo và người lao động đã tâm huyết, đồng lòng xây dựng nên “5 tố chất người Lộc Trời” là: 1- Vì nông nghiệp; 2- Vì nông dân; 3- Chịu trách nhiệm cá nhân; 4- Luôn đứng trong đội ngũ; 5- Cải tiến liên tục. Cùng với đó, 5 giá trị cốt lõi được Tập đoàn Lộc Trời hướng tới là: 1- Có tri thức nông nghiệp; 2- Biết xử lý mùa vụ; 3- Tổ chức sản xuất lớn; 4- Được nông dân tin yêu; 5- Là đối tác uy tín. Với việc chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp, xác định rõ tầm nhìn(1), sứ mệnh(2) của doanh nghiệp, trong hơn 30 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và ông Huỳnh Văn Thòn luôn kiên trì, tích cực thực hiện mục tiêu chiến lược là hoàn thiện chuỗi giá trị, sản phẩm và dịch vụ nông nghiệp, xây dựng chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững, góp phần nâng cao vị thế và chất lượng cuộc sống của người nông dân. Bởi với một đất nước có nhiều thế mạnh về nông nghiệp, đi lên từ nông nghiệp và nông nghiệp giữ vai trò quan trọng không thể thay thế trong cơ cấu nền kinh tế như Việt Nam thì việc xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị là yêu cầu tất yếu được đặt ra. Đây cũng chính là hướng đi đúng đắn để phát triển nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, đủ sức cạnh tranh, qua đó góp phần bảo

(1) Tầm nhìn: trở thành tập đoàn hàng đầu khu vực về dịch vụ nông nghiệp với chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững và các thương hiệu nông sản dẫn đầu; là người phụng sự được nông dân và người tiêu dùng tin yêu hàng đầu; tiên phong trong việc ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ tiên tiến hướng tới hiệu quả; mang lại cuộc sống sung túc cho nhân viên, đem lại lợi nhuận cao cho nhà đầu tư dài hạn

(2) Sứ mệnh: Hiện thực hóa những ước vọng của nông dân, nâng cao vị thế và chất lượng cuộc sống của người nông dân, góp phần xây dựng những vùng nông thôn đáng sống

đảm an ninh lương thực và bảo đảm đời sống người nông dân trong bối cảnh già hóa dân số hiện nay.

Trong quá trình phát triển, Tập đoàn Lộc Trời chú trọng đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp (vật tư nông nghiệp, nông dược, nghiên cứu và kinh doanh hạt giống); khởi xướng xây dựng “cánh đồng mẫu lớn”, thực hiện “chuỗi giá trị lúa gạo”; chủ động tham gia thành lập hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới và liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản; chú trọng công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp, qua đó giúp tiết giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất và chất lượng nông sản, bảo đảm hiệu quả mùa vụ và hướng tới nâng cao đời sống cho bà con nông dân liên kết với Lộc Trời.

Sau hơn 30 năm hoạt động, Tập đoàn Lộc Trời đã dần khẳng định vị trí một tập đoàn lớn về dịch vụ nông nghiệp với chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp bền vững từ khâu nghiên cứu đến khâu sản xuất, tiêu thụ nhiều mặt hàng nông sản chiến lược của Việt Nam, như lúa gạo, cà phê, cây ăn trái, cây rau màu và chế biến các sản phẩm giá trị gia tăng sau lúa gạo. Đặc biệt, Tập đoàn đã từng bước đưa lúa gạo trở thành mặt hàng quan trọng cốt lõi, bên cạnh các ngành truyền thống là giống cây trồng, sản phẩm dinh dưỡng cho cây trồng và thuốc bảo vệ thực vật. Với 4 ngành trụ cột (vật tư nông nghiệp, nông sản, giống cây trồng, dịch vụ nông nghiệp) và 22 công ty thành viên trực thuộc Tập đoàn (công ty con và công ty liên kết) quản lý 27 nhà máy (sở hữu và liên kết) sản xuất các loại hạt giống cây lương thực, cây ăn quả, rau màu và sản xuất, chế biến lúa gạo, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, bao bì, Tập đoàn Lộc Trời đã và đang đưa chuỗi giá trị nông nghiệp ngày càng phát triển lên tầm cao mới, góp phần mang lại giá trị bền vững cho nền nông nghiệp Việt Nam. Từ vốn điều lệ ban đầu là 750 triệu đồng (năm 1993), đến năm 2023, vốn điều lệ của Tập đoàn Lộc Trời đã tăng lên 1.007 tỷ đồng. Năm 2022, lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp là 412 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 200,8 tỷ đồng. Năm 2017, Tập đoàn Lộc Trời vinh dự được trao tặng danh hiệu “Thương hiệu quốc gia” và là một trong 12 doanh nghiệp tiêu biểu trong cả nước được vinh danh trong Chương trình “Vinh quang Việt Nam - Dấu ấn 30 năm đổi mới”. Năm 2022, Tập đoàn lần đầu tiên xuất khẩu gạo thương hiệu CÔM VIỆT NAM RICE vào các hệ thống siêu thị châu Âu. Năm 2022, Tập đoàn Lộc Trời đã được vinh danh ở hai hạng mục: “Doanh nghiệp xuất sắc” và “Thương hiệu truyền cảm hứng”, “Top 10 Thương hiệu mạnh Việt Nam 2022 - Ngành hàng nông nghiệp, thực phẩm”, lần thứ 4 liên tiếp được vinh danh “Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2022”,

một thương hiệu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí “Chất lượng - Đổi mới - Sáng tạo - Năng lực tiên phong”. Liên tiếp trong 3 năm 2020, 2021, 2022, Tập đoàn Lộc Trời đã được tổ chức Global Gap công bố đạt 100 điểm tuyệt đối của SRP (Sustainable Rice Platform) - mô hình canh tác lúa bền vững. Đây là thành tích nổi bật mà chưa có một doanh nghiệp nào trên thế giới đạt được.

3- Không chỉ chú trọng xây dựng chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững, trên nền tảng văn hóa doanh nghiệp đã và đang được xây dựng, phát triển, bồi đắp hàng ngày, hàng giờ, Tập đoàn Lộc Trời và ông Huỳnh Văn Thòn luôn nỗ lực thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Lộc Trời là doanh nghiệp thực hiện có hiệu quả các chương trình về nông nghiệp, nông dân và nông thôn ở Việt Nam, như Chương trình “Cùng nông dân vui chơi giải trí” (với các “Giải xe đạp về nông thôn An Giang”, “Giải bóng đá, bóng chuyền nông dân tỉnh An Giang” với nhiều vận động viên giành được nhiều thành tích xuất sắc ở các giải trong nước và quốc tế); Chương trình “Cùng nông dân ra đồng” (tạo nên chuyển biến nhảy vọt trong việc tiếp cận kỹ thuật canh tác hiện đại cho nông dân cả nước với đội ngũ “3 cùng”); Chương trình “Cùng nông dân chăm sóc sức khỏe” và “Quỹ chăm sóc sức khỏe nông dân” với nhiều hoạt động ý nghĩa. Thông qua đó, Tập đoàn Lộc Trời mong muốn xây dựng những vùng nông thôn đáng sống, để những người nông dân không phải “tha phương cầu thực” và để những người ở thành thị ngày càng tìm thấy sức hấp dẫn, sự thú vị, cảm giác yên bình và những năng lượng tích cực khi có dịp về những miền quê.

Đặc biệt, Tập đoàn Lộc Trời luôn tích cực tham gia các hoạt động từ thiện có ích cho xã hội. Với phương châm “góp phần chăm lo cho lợi ích xã hội ngày hôm nay chính là vì sự phát triển của công ty trong tương lai” và triết lý kinh doanh “phân phối và phân phối lại lợi nhuận một cách hợp lý và đạo lý”, hàng năm, Tập đoàn Lộc Trời đã trích quỹ phúc lợi để làm công tác xã hội từ thiện, như ủng hộ quỹ khuyến học - khuyến tài, xây dựng nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, tình thương; xây cầu và làm đường nông thôn, xây đình, chùa, tặng học bổng, cặp sách và dụng cụ học tập cho học sinh nghèo vượt khó, tổ chức Tết Trung thu và Ngày Quốc tế thiếu nhi 1-6 cho các cháu thiếu nhi sống ở nông thôn. Vào dịp Tết Nguyên đán và trong dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, Tập đoàn đều tặng quà các Bà Mẹ Việt Nam anh hùng trên địa bàn tỉnh An Giang, gửi quà tặng bà con nông dân tham gia “Chương trình Cùng nông dân ra đồng” và “Chuỗi giá trị lúa gạo”; tổ chức nhiều hoạt động tặng quà, giúp đỡ các gia đình chính sách, các hộ gia đình nghèo tại nhiều địa phương trong và ngoài tỉnh. Từ năm 2018 đến năm 2022, Tập đoàn Lộc Trời đã

đóng góp trên 79,5 tỷ đồng để làm công tác xã hội - từ thiện. Riêng trong hai năm 2020 và 2021, cán bộ, nhân viên, người lao động Tập đoàn Lộc Trời đã ủng hộ hơn 20,8 tỷ đồng tặng các địa phương trong cả nước để phòng, chống dịch COVID-19 và có nhiều biện pháp để hỗ trợ thu mua lúa của bà con nông dân gặp nhiều khó khăn trong thu hoạch, tiêu thụ lúa hè thu năm 2021.

Cùng với việc chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương, Tập đoàn Lộc Trời luôn thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với người lao động. Từ năm 2021, Tập đoàn Lộc Trời đã lập “Quỹ dự phòng rủi ro do thiên tai dịch bệnh” và “Quỹ dự phòng rủi ro cho nông dân” cho cán bộ, nhân viên, người lao động trong Tập đoàn và người nông dân tham gia chuỗi liên kết (mỗi quỹ có quy mô 360 tỷ đồng). Hai quỹ nêu trên là “thuyền cứu sinh” cho nông dân và cán bộ, nhân viên, người lao động của Tập đoàn khi có biến động lớn về thiên tai, dịch bệnh. Bên cạnh đó, chính sách khen thưởng của Tập đoàn được thực hiện trên nguyên tắc khách quan, công bằng, dân chủ, kịp thời theo những quy định thống nhất, kết hợp khen thưởng về vật chất và tinh thần. Ngoài tiền lương và các khoản phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại, Tập đoàn còn hỗ trợ cán bộ, nhân viên, người lao động các khoản phụ cấp khác và thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, hội thi, hội diễn nhân các dịp lễ, hội để nâng cao sức khỏe, thể chất và đời sống văn hóa tinh thần cho cán bộ, nhân viên và người lao động.

Như vậy, có thể thấy, Tập đoàn Lộc Trời đã và đang cùng người nông dân Việt Nam kiến tạo một nền nông nghiệp quy mô lớn, chất lượng cao, góp phần bảo đảm an ninh lương thực cho quốc gia trong bối cảnh già hóa dân số, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, cùng chung sức xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho người nông dân, trong đó có người cao tuổi ở các vùng nông thôn trên cả nước, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước. □

PHẦN THỨ BA

VẤN ĐỀ GIÀ HÓA DÂN SỐ VÀ KINH NGHIỆM
ỨNG PHÓ CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

GIÀ HÓA DÂN SỐ TRÊN THẾ GIỚI HIỆN NAY - MỘT SỐ GỢI MỞ, HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

PGS, TS. TRẦN THỌ QUANG

*Vụ trưởng, Trưởng Cơ quan Thường trực
tại miền Trung - Tây Nguyên, Tạp chí Cộng sản*

TS. TRẦN TĂNG KHÔI

*Nguyên Trưởng khoa Lịch sử Đảng,
Học viện Chính trị khu vực III*

GÌA hóa dân số là xu hướng mang tính toàn cầu, xuất phát từ việc tuổi thọ con người tăng lên nhờ vào bước tiến vượt bậc trong các lĩnh vực như y tế, điều trị y khoa, tiếp cận giáo dục và giảm tỷ lệ sinh (thành tựu của quá trình phát triển). Tuy nhiên, ở góc độ khác, già hóa dân số có tác động mạnh mẽ đến sự tình hình ổn định kinh tế - xã hội, trở thành một trong những vấn đề nan giải theo cách thức chưa từng thấy tại nhiều quốc gia trên thế giới. Theo đó, việc nhận diện, nghiên cứu nguyên nhân, tác động, đồng thời tiếp thu, học hỏi kinh nghiệm từ những nước đi trước nhằm xây dựng các kế hoạch, nhiệm vụ phù hợp, toàn diện để đối phó với nguy cơ già hóa dân số là nhiệm vụ cấp thiết, đặc biệt đối với những đất nước đang phát triển hiện nay, trong đó có Việt Nam.

1. Nguyên nhân, thực trạng quá trình già hóa dân số trên thế giới

1.1. Tình hình già hóa dân số hiện nay

Về cơ bản, già hóa dân số là hiện tượng gia tăng tỷ lệ người cao tuổi (NCT) trong tổng thể dân số của một quốc gia hoặc khu vực; là một trong những xu hướng nổi bật, đáng quan tâm của thế kỷ XXI; có tác động sâu rộng tới mọi mặt

của đời sống kinh tế - xã hội của nhân loại. Đây cũng là kết quả tất yếu của quá trình chuyển đổi nhân khẩu học (xu hướng hướng tới cuộc sống lâu dài và nhiều gia đình hơn) đang diễn ra phổ biến (ngay cả ở những nước có dân số tương đối trẻ), biểu hiện ở việc tầng lớp người cao tuổi (NCT) gia tăng mạnh mẽ do tỷ suất sinh giảm và tuổi thọ trung bình tăng lên. Ngược về quá khứ, năm 1950 mới có hơn khoảng 200 triệu người trên 60 tuổi, đến năm 2020, có đến 727 triệu người từ 65 tuổi trở lên và con số này có thể sẽ tiếp tục tăng gấp đôi vào năm 2050 (khoảng 1,5 tỷ người)⁽¹⁾. Theo dự báo, ở các vùng ít phát triển hơn, độ tuổi trung vị sẽ tăng từ 26 tuổi năm 2010 lên 35 tuổi năm 2050⁽²⁾.

Về phân loại già hóa dân số, các nhà nghiên cứu Cowgill và Holmes chia mức độ già hóa tương ứng với các nội dung: Khi dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm 7% - 9,9% tổng dân số sẽ được coi là “già hóa”; từ 10% - 19,9% gọi là dân số “già”; từ 20% - 29,9% gọi là dân số “rất già” và từ 30% trở lên gọi là dân số “siêu già”⁽³⁾. Ở từng đất nước khác nhau, mức độ và tốc độ lão hóa dân số sẽ khác nhau, những nơi có quá trình lão hóa diễn ra muộn sẽ có ít thời gian hơn để đối phó với các tác động so với các nước khác⁽⁴⁾. Trong ba thập kỷ tới, tỷ lệ dân số là NCT tăng lên, tuy nhiên, chỉ có một số ít quốc gia đủ khả năng xác định nhóm dân cư cao tuổi nào sẽ sinh sống trong điều kiện sức khỏe tốt hay xấu (thường kéo dài tuổi thọ phần nào đồng nghĩa với kéo dài tình trạng sức khỏe kém trong giai đoạn suy kiệt)⁽⁵⁾.

Cùng với đó, sự gia tăng tỷ lệ người già trong dân số sẽ gây áp lực đầu tiên lên các hoạt động, kế hoạch chi tiêu công thông qua quỹ lương hưu dài hạn, bởi chính quyền các quốc gia phải chi trả lương hưu nhiều hơn, trong thời gian dài hơn⁽⁶⁾. Mặt khác, với đặc điểm về thể chất, sức khỏe của NCT, nhu cầu chăm sóc

(1) United Nations: *World Population Ageing 2020 Highlights: Living arrangements of older persons, 2020*, https://www.un.org/development/desa/pd/sites/www.un.org.development.desa.pd/files/undesa_pd-2020_world_population_ageing_highlights.pdf

(2) Xem: United Nations: *World Ageing Population 2013*, New York, 2013, <https://digitallibrary.un.org/record/826632?v=pdf>

(3) Xem: Trương Thị Ngọc Lan - Phạm Thị Giang: “Thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, ngày 26-11-2020, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/11/26/thich-ung-voi-gia-hoa-dan-so-oviet-nam>

(4) United Nations Population Division: *World Population Ageing: 1950 - 2050*, New York, 2002, https://www.un.org/development/desa/pd/sites/www.un.org.development.desa.pd/files/files/documents/2021/Nov/undesa_pd_2002_wpa_1950-2050_web.pdf

(5) Fries, J. F. (17 tháng 7 năm 1980): “Aging, Natural Death, and the Compression of Morbidity”, *The New England Journal of Medicine*, ngày 17-7-1980, 303 (3): 130-5. doi:10.1056/NEJM198007173030304. PMID 7383070.

(6) Xem: Verbi, M. (2008): *The ageing population and the associated challenges of the Slovenian pension system*, *Financial theory and practice*, 32, 321-338.

y tế và bảo trợ xã hội cũng tăng lên⁽⁷⁾. Nhìn ở góc độ khác, già hóa dân số đi kèm với sự sụt giảm tỷ lệ trẻ em sẽ khiến quỹ chi tiêu cho giáo dục của nhà nước bị giảm xuống⁽⁸⁾,... Như vậy, vấn đề già hóa dân số yêu cầu chính quyền các quốc gia phải có kế hoạch, chính sách phản ứng toàn diện, bảo đảm ổn định, đáp ứng yêu cầu về sức khỏe cộng đồng cũng như phát triển bền vững kinh tế - xã hội⁽⁹⁾.

1.2. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến quá trình già hóa dân số

Thứ nhất, già hoá dân số là kết quả tất yếu của xu hướng giảm sinh, đặc biệt khi điều kiện sống ngày càng được cải thiện, khiến tỷ lệ NCT cao hơn hẳn so với tầng lớp trẻ em (một phần là kết quả của chương trình sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hóa gia đình). Có nhiều yếu tố tác động tới quá trình già hóa dân số, như tâm lý xã hội, trình độ công nghệ, kinh tế, chính sách dân số, hôn nhân đồng tính, quyền phá thai,... Theo dự báo, trong vòng 45 năm tới, số người từ 60 tuổi trở lên trên thế giới sẽ gấp khoảng 3 lần hiện nay (tăng từ 672 triệu người năm 2005 lên gần 1,9 tỷ người vào năm 2050); hiện có khoảng 60% NCT sống ở các nước đang phát triển và đến năm 2050 tỷ lệ này sẽ là 80%⁽¹⁰⁾. Trong khi đó, tổng tỷ suất sinh trung bình của một phụ nữ trên toàn cầu đã giảm từ 4,9 (năm 1950) xuống 2,6 (năm 2010) và dự kiến sẽ giảm xuống còn 2,0 (năm 2050).

Thứ hai, tuổi thọ trung bình tăng trên toàn cầu. Có thể nói, thời điểm hiện nay là lần đầu tiên trong lịch sử, hầu hết mọi người đều mong muốn và ý nghĩ nâng cao tuổi thọ (từ 60 tuổi trở lên)⁽¹¹⁾, dẫn đến sự già đi nhanh chóng của dân số toàn thế giới, điều này gây ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc sống các cộng đồng dân tộc. Ví dụ: Một đứa trẻ sinh ra ở đất nước Brazil hoặc Myanmar vào năm 2015 có thể sống lâu hơn 20 năm so với một đứa trẻ chỉ sinh ra cách đây 50

(7) Xem: Bussolo, M., Koettl, J. & Sinnott, E. (2015): *Golden aging: Prospects for healthy, active, and prosperous aging in Europe and Central Asia*, The World Bank, Working Paper; Gray, A. (2019): *Population Ageing and Health Care Expenditure*, Ageing Horizons, 15-20.

(8) Nordin, N., Ismail, N. W. & Nordin, N.: *The Effects of Young and Ageing Population on Education Expenditure: The Case of China and India*, International Journal for Innovation Education and Research, 2, 86-105, 2014

(9) Lloyd-Sherlock P, McKee M, Ebrahim S, Gorman M, Greengross S, Prince M, et al: *Population ageing and health*, *Lancet*, 2012 Apr 7;379(9823):1295-6. doi: [http://dx.doi.org/10.1016/S01406736\(12\)60519-4](http://dx.doi.org/10.1016/S01406736(12)60519-4) PMID: 22480756

(10) Xem: Tạ Trần Trọng: *Già hóa dân số ở một số nước và kinh nghiệm vận dụng vào Việt Nam*, in trong Kỷ yếu Hội thảo: *Già hóa dân số ở một nước và kinh nghiệm vận dụng vào Việt Nam*, 2021, <http://dansohcm.gov.vn/tin-tuc/737/dan-s%E1%BB%91-th%E1%BA%BFgi%E1%BB%9Bi-ngay-cang-gia-di/>

(11) United Nations: *World economic and social survey 2007: development in an ageing world*, New York, 2007, http://www.un.org/en/development/desa/policy/wess/wess_archive/2007wess.pdf

năm; hay tại Cộng hòa Hồi giáo Iran vào năm 2015, chỉ có khoảng 1/10 dân số trên 60 tuổi và theo dự báo, tỷ lệ này sẽ là 1/3 trong sau 35 năm tới⁽¹²⁾.

1.3. Thực trạng già hóa dân số tại một số quốc gia, khu vực đang phát triển trên thế giới

Hiện tượng già hóa dân số diễn ra sớm nhất ở các nước có trình độ phát triển cao nhất, nhưng tăng nhanh hơn ở các vùng ít phát triển hơn⁽¹³⁾, như vậy, quá trình lão hóa dân số có xu hướng giảm đáng kể ở châu Âu và tác động lớn nhất vào các nước châu Á. Hiện châu Âu và Bắc Mỹ là hai khu vực có tỷ lệ NCT cao nhất; trong khi đó, Bắc Phi, Tây Á và châu Phi (vùng cận Sahara) dự kiến có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất về số lượng NCT trong ba thập kỷ tới⁽¹⁴⁾. Theo dự báo, tuổi thọ trung bình toàn cầu dự kiến sẽ đạt 77,2 vào năm 2050 nhờ các tiến bộ y học, điều kiện vệ sinh, sinh hoạt và dinh dưỡng được cải thiện. Cụ thể, châu Á sẽ đạt 78 tuổi; khu vực Bắc Mỹ, châu Mỹ La-tinh, châu Âu và châu Đại Dương sẽ đạt khoảng từ 81 đến 84 tuổi; mặc dù châu Phi vẫn có tuổi thọ trung bình thấp hơn mức trung bình của thế giới nhưng sẽ tăng mạnh lên 66 tuổi (năm 2030) và gần 70 tuổi (năm 2050)⁽¹⁵⁾.

Ở châu Á - Thái Bình Dương, tỷ lệ người già đang gia tăng nhanh chóng trong khi tỷ lệ sinh giảm ở nhiều nước. Ví dụ, dân số Nhật Bản được dự đoán sẽ tiếp tục giảm trong bốn thập kỷ tới⁽¹⁶⁾; năm 2023, số người trên 75 tuổi lần đầu tiên vượt mốc 20 triệu người, số người từ 80 tuổi trở lên khoảng 12,59 triệu người, chiếm hơn 10% trong tổng dân số. Theo đó, nhiều quốc gia đang phải “căng mình” để xử lý những hệ lụy do tác động của quá trình già hóa dân số đem lại, cụ thể:

Tại Nhật Bản: Đây là quốc gia có tỷ lệ dân số ở mức siêu già, nhóm dân số cao tuổi đạt khoảng 36,2 triệu người, chiếm 29% tổng dân số (năm 2022). Dự

(12) United Nations: World economic and social survey 2007: development in an ageing world, *Sđđ*

(13) United Nations. “World Population Ageing 2013”, *Sđđ*

(14) United Nation: World social report 2023: *Leaving no one behind in an ageing world*, United Nations Department of Economic and Social Affairs, January 2023, <https://www.un-ilibrary.org/content/books/9789210019682#:~:text=Leaving%20No%20One%20Behind%20in%20an%20Ageing%20World&text=The%20report%20looks%20at%20the,promoting%20equitable%20and%20inclusive%20ageing>

(15) Shogo Kudo, Emmanuel Mutisya và Masafumi Nagao: *Population Aging: An Emerging Research Agenda for Sustainable Development*, <https://www.mdpi.com/2076-0760/4/4/940>

(16) Xem: Phí Vĩnh Tường: “Ứng phó với già hoá dân số: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam”, Tạp chí Tuyên giáo điện tử, ngày 15-12-2022, <https://tuyengiao.vn/ung-pho-voi-gia-hoa-dan-so-kinh-nghiem-quoc-te-va-bai-hoc-cho-viet-nam-147116>

báo đến năm 2030, nhóm dân số cao tuổi sẽ tăng lên khoảng 37,3 triệu người, nhưng chiếm tới 31% tổng dân số (dự báo chiếm khoảng 40% tổng dân số vào năm 2060)⁽¹⁷⁾,... do đó, hệ thống dịch vụ tích hợp dựa vào cộng đồng là giải pháp chăm sóc sức khỏe NCT hiệu quả. Đáng chú ý, tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên vẫn đang làm việc đã lên tới 8,62 triệu người, trong đó có 3,5 triệu phụ nữ, nhưng dự báo Nhật Bản vẫn thiếu 6,44 triệu lao động vào năm 2030⁽¹⁸⁾.

Tại Thái Lan: Thái Lan là quốc gia có tỷ lệ dân số già đứng thứ 2 trong khu vực Đông Nam Á (sau Singapore) với tốc độ già hóa dân số nhanh (dưới 1%/năm), tốc độ gia tăng nhóm dân số cao tuổi là khoảng 3%/năm; mặt khác, tỷ lệ dân số từ 60 tuổi trở lên được dự đoán tăng gấp đôi từ 15,7% (năm 2015) lên tới 35,8% (năm 2050). Theo đó, tỷ lệ NCT từ 80 tuổi trở lên có nhu cầu chăm sóc dài hạn sẽ tăng gấp năm lần, từ 2,2% (năm 2015) lên 10,7% (năm 2050)⁽¹⁹⁾.

Tại Trung Quốc, năm 2020, dân số của Trung Quốc đạt mốc 1,411 tỷ người (tăng 72 triệu người so với năm 2010); dân số trong độ tuổi lao động (từ 15 - 59 tuổi) giảm xuống còn 894 triệu người; số lượng người từ 60 tuổi trở lên tăng đến 264 triệu người (chiếm 18,7% dân số), trong đó, số người từ 65 tuổi trở lên đạt 190 triệu người (chiếm 13,5% dân số), từ 80 tuổi trở lên đạt 35,8 triệu người (chiếm 2,54% tổng dân số)⁽²⁰⁾,... Như vậy, lần đầu tiên sau hơn 60 năm, quốc gia từng đông dân nhất thế giới chứng kiến sự sụt giảm dân số, khởi đầu giai đoạn khủng hoảng dân số. Trong khi đó, Hàn Quốc là một trong những xã hội có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới, dự kiến sẽ trở thành một xã hội “siêu già” vào năm 2025 khi tỷ lệ người già (trên 65 tuổi) chiếm 20% tổng dân số, so với mức 14% năm 2017⁽²¹⁾. Theo báo cáo, tổng tỷ lệ sinh của Hàn Quốc đã giảm từ 4,53 trẻ năm 1970 xuống 0,98 trẻ năm 2018, mức giảm trung bình 3,1%/

(17) Xem: “Việt Nam và Nhật Bản trao đổi kinh nghiệm chăm sóc người cao tuổi”, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, ngày 29-8-2023, <https://dangcongsan.vn/thoi-su/viet-nam-va-nhat-ban-trao-doi-kinh-nghiem-cham-soc-nguoi-cao-tuoi-645280.html>

(18) Bùi Nghĩa, Nguyễn Hữu Hoàng, Nguyễn Thị Hoa: *Chính sách đối với người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2020

(19) Xem: Nguyễn Thị Hoài Thu: “Chính sách phát triển hệ thống chăm sóc người cao tuổi tại Thái Lan”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, ngày 8-7-2022, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/4326-chinh-sach-phat-trien-he-thong-cham-soc-nguoi-cao-tuoi-tai-thai-lan.html>

(20) Gia Linh: “Già hóa dân số ở một số nước châu Á”, *Tạp chí Con số Sự kiện điện tử*, ngày 21-1-2022, <https://consosukien.vn/gia-ho-a-dan-so-o-mo-t-so-nuo-c-chau-a.htm>

(21) Xem: Trần Phương: “Già hóa dân số ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc”, *Thông tấn Xã Việt Nam*, ngày 20-10-2018, <https://www.vietnamplus.vn/gia-hoa-dan-so-anh-huong-den-tang-truong-kinh-te-cua-han-quoc-post531159.vnp>

năm, tốc độ giảm nhanh nhất trong số các nước thành viên Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD).

Ở khu vực châu Âu

Châu Âu là khu vực phải đối mặt với tình trạng lão hoá dân số từ nhiều thập niên trước, đến nay, dân số châu Âu đang già đi nhanh chóng do tỷ lệ sinh thấp trong khi tuổi thọ trung bình ngày càng tăng; khoảng 50% dân số Liên minh châu Âu (EU) có độ tuổi từ 65 tuổi trở lên cho biết họ bị hạn chế các hoạt động hàng ngày do có các vấn đề về chức năng thể chất hoặc giác quan. Theo dự kiến đến năm 2050, khoảng 30% dân số châu Âu sẽ là người cao tuổi⁽²²⁾, đặt ra nhiều vấn đề trong hoạch định chính sách, chương trình hỗ trợ bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội.

2. Những tác động, ảnh hưởng của quá trình già hóa dân số

Già hóa dân số là xu hướng đang diễn ra trong nhiều quốc gia trên thế giới, có tác động, ảnh hưởng không nhỏ tới công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể:

Thứ nhất, cơ cấu dân số thay đổi khiến quá trình phân phối quyền lực và lựa chọn ứng viên, đại biểu đại diện cho nhân dân ở các khu vực hành chính trong hệ thống chính trị bị ảnh hưởng, nên có tác động trực tiếp đến các quyết sách mỗi chính quyền. Bên cạnh đó, tạo ra sức ép đối với thị trường lao động và kế hoạch trong chi tiêu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ quản lý kinh tế - xã hội của nhà nước. Theo đó, khi tỷ lệ NCT tăng, tỷ lệ sinh giảm dẫn đến thiếu hụt nguồn lao động trầm trọng ở các quốc gia; gây nên thách thức về điều chỉnh thị trường lao động, việc làm, giải quyết xung đột, mâu thuẫn giữa các thế hệ trong thời kỳ dân số già; kìm hãm tốc độ tăng trưởng kinh tế, năng suất sản xuất và đổi mới, suy giảm năng lực cạnh tranh. Ví dụ, tại Pháp, theo dự báo, đến năm 2030, trung bình mỗi năm nước này chỉ có 640.000 thanh niên gia nhập thị trường lao động, trong khi có đến 760.000 vị trí tuyển dụng⁽²³⁾. Tại Nhật Bản, tỷ lệ lao động lớn tuổi hiện ở mức cao trong các ngành đối mặt tình trạng thiếu nhân lực trầm trọng, như ngành xây dựng và điều dưỡng (15%), ngành vận tải (hơn 10%) (tài xế ta-xi, xe bus hơn 65 tuổi, chiếm tới 30%)⁽²⁴⁾.

(22) Xem: “Caring for older people in age-friendly communities”, *The Red Cross EU Office*, ngày 7-9-2022, https://redcross.eu/latest-news/caring-for-older-people-in-age-friendly-communities#_ftn1

(23) Xem: Lâm Anh: “Nỗi lo dân số già của EU”, *Báo Quân đội nhân dân điện tử*, ngày 11-11-2023, <https://www.qdnd.vn/quoc-te/doi-song/noi-lo-dan-so-gia-cua-eu-750847>

(24) () Xem: Đức Trung: “Gần 40% công ty ở Nhật Bản thuê lao động trên 70 tuổi”, *Báo điện tử VNExpress*, ngày 26-8-2023, <https://vnexpress.net/gan-40-cong-ty-o-nhat-ban-thue-lao-dong-tren-70-tuoi-4642437.html>

Thứ hai, già hóa dân số là yếu tố kích thích nhu cầu bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội đối với NCT, từ đó, tạo sức ép lớn đối với hệ thống y tế và ngân sách mỗi quốc gia ở mọi cấp hành chính. Ở các nước phát triển, vào năm 2010 có tỷ lệ cứ 4 người trong độ tuổi lao động (15 tuổi - 64 tuổi) sẽ hỗ trợ 1 người cao tuổi (65 tuổi trở lên); tuy nhiên, tỷ lệ này được dự đoán giảm xuống còn 3 người trong độ tuổi lao động/1 người lớn tuổi vào năm 2025⁽²⁵⁾. Ví dụ, tại Nhật Bản, nơi dân số trên 65 tuổi chiếm 25,1% dân số, tỷ trọng chi tiêu an sinh xã hội trong tổng thu nhập quốc dân của nước này đã tăng từ 5,8% (năm 1970) lên 29,6% (năm 2010) ở mức 70,5 nghìn tỷ yên (tương đương 68,1% tổng chi tiêu an sinh xã hội).

Thứ ba, xu hướng đô thị hóa mạnh mẽ tại các nước phát triển và đang phát triển khiến nguồn dân số trẻ có xu hướng dịch chuyển mạnh mẽ về các đô thị, NCT và trẻ nhỏ bị bỏ lại tại các vùng nông thôn; nhiều cơ sở vật chất, hạ tầng bị bỏ hoang, gây lãng phí nguồn lực; khoét sâu thêm khoảng cách về phát triển giữa khu vực đô thị và nông thôn. Năm 2019, 13,6% số ngôi nhà ở nông thôn Nhật Bản bị bỏ trống và con số này đã tăng lên tới 20% ở một số tỉnh và được dự báo còn tiếp tục gia tăng; hơn 25% số người từ 65 tuổi trở lên sống một mình; ước tính mỗi năm có khoảng 30.000 trường hợp qua đời một mình tại nhà, không được phát hiện trong vài ngày hoặc nhiều tuần⁽²⁶⁾.

Thứ tư, tuổi cao khiến sức khỏe thể chất, tinh thần suy giảm, khó khăn trong giao tiếp, di chuyển khiến NCT bị cô lập về mặt xã hội, khó tiếp cận các dịch vụ an sinh, đồng thời dễ trở thành nạn nhân của các vụ lừa đảo, nhất là lừa đảo sử dụng công nghệ cao. Theo những thống kê gần đây, người dân Mỹ đã mất hơn 1 tỷ USD vì lừa đảo qua mạng, trong đó phần lớn nạn nhân là phụ nữ trên 40 tuổi góa chồng hoặc ly dị và người già yếu, tàn tật. Ở Đông Nam Á, gần một nửa người dùng từng là nạn nhân của các cuộc lừa đảo qua mạng, trong đó tỷ lệ nạn nhân tập trung vào 2 nhóm lớn tuổi nhất, chiếm 33%⁽²⁷⁾.

Thứ năm, già hóa dân số gây ra tình trạng suy giảm khả năng tự điều tiết của cộng đồng trong duy trì, ổn định cuộc sống thường nhật của các thành viên trong tương lai cũng như tạo cơ hội cho người dân theo đuổi mục tiêu sống của cá nhân. Bên cạnh đó, ở cấp độ quốc gia, già hóa dân số gây ra sự thiếu hụt nguồn nhân lực lao động khiến nhiều nước phải điều chỉnh chính sách nhập cư,

(25) National Intelligence Council: *Global Trends 2025: A Transformed World*, 2008, <http://www.aicpa.org/research/cpahorizons2025/globalforces/downloadabledocuments/globaltrends.pdf>

(26) Xem: Ngọc Ly: “Nhật Bản đối mặt thực tế già hóa dân số”, *Báo Tuổi trẻ Thủ đô điện tử*, ngày 26-8-2023, <https://tuoitrethudo.com.vn/nhat-ban-doi-mat-thuc-te-gia-hoa-dan-so-232248.html>

(27) Hà Linh: “Người già dễ bị lừa đảo qua mạng”, *Báo Tuổi trẻ Thủ đô điện tử*, ngày 4-10-2023, <https://tuoitrethudo.com.vn/nguoi-gia-de-bi-lua-dao-qua-mang-235188.html>

thuê lao động nước ngoài dẫn tới việc hình thành các nhóm lao động có sự khác biệt về văn hóa; nguy cơ xảy ra tình trạng văn hóa ngoại lai xâm nhập, áp đảo, chế ngự văn hóa bản địa. Mặt khác, số lượng NCT tăng, tỷ lệ sinh giảm sẽ gây khó khăn trong việc truyền tiếp, kế thừa các giá trị văn hóa truyền thống, tiềm ẩn vấn đề “đứt gãy” về mặt văn hóa, ảnh hưởng nghiêm trọng tới bản sắc và sự phát triển bền vững của mỗi cộng đồng, quốc gia, dân tộc.

Bên cạnh đó, già hóa dân số còn ảnh hưởng lớn đối với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng - an ninh tại các quốc gia; quá trình tuyển quân và tuyển dụng nhân lực vào quân đội, lực lượng vũ trang sẽ bị giảm sút, hao hụt, khó khăn. Ví dụ: giai đoạn 2002 - 2022, quy mô quân đội Hàn Quốc đã giảm 27,6% khiến quốc gia này phải áp dụng phương án kéo dài thời gian tại ngũ của quân nhân (nam giới Hàn Quốc phải hoàn thành nghĩa vụ quân sự bắt buộc từ 18 - 21 tháng và trở thành lính dự bị trong vòng 8 năm sau đó), đồng thời chính phủ Hàn Quốc cũng tính toán phương án tuyển nữ giới vào quân đội cùng với đầu tư, áp dụng công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh⁽²⁸⁾.

3. Một số gợi mở, hàm ý chính sách cho Việt Nam

Tại Việt Nam, già hóa dân số đã và đang có nhiều tác động đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội, như làm giảm 0,5 điểm phần trăm GDP trong giai đoạn 2011 - 2021 (dự báo sẽ làm giảm 2,6 điểm phần trăm GDP vào năm 2030 và 5,4 điểm phần trăm GDP vào năm 2045)⁽²⁹⁾. Bên cạnh đó, chi phí trung bình để chăm sóc sức khỏe cho một NCT gấp 7 - 8 lần cho một người trẻ tuổi. Do vậy, với số lượng người già tăng lên, hệ thống lương hưu và an sinh xã hội sẽ phải đối mặt với một áp lực lớn; tăng chi phí xã hội, suy giảm nguồn lực đầu tư phát triển đối với các lĩnh vực khác, thậm chí gây biến đổi cơ cấu kinh tế của quốc gia,... Theo đó, để chuẩn bị và xử lý những vấn đề liên quan đến quá trình già hóa dân số, cần chú trọng nghiên cứu một số nội dung sau:

Thứ nhất, thực hiện hiệu quả chủ trương, chính sách nhằm hiện thực hóa mục tiêu bảo đảm quyền được thụ hưởng sự chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần và nâng cao tuổi thọ đối với đối tượng là NCT⁽³⁰⁾. Ở Việt Nam, đối tượng

(28) Cẩm Bình: ““Kẻ thù mới” của quân đội Hàn Quốc”, ngày 31-12-2023, <https://baomoi.com/ke-thu-moi-cua-quan-doi-han-quoc-c47956845.epi>,

(29) Dương Hoàng Linh: *Đánh giá tác động của già hóa dân số đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Viện Chiến lược và chính sách tài chính, Hà Nội, 2022

(30) Chỉ thị số 59-CT/TW, ngày 27-9-1995, của Ban Bí thư, “Về chăm sóc người cao tuổi” xác định chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội; Luật Người cao tuổi năm 2009; Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25-10-2017, của Hội nghị Trung

NCT luôn được Đảng, Nhà nước và nhân dân quan tâm đặc biệt; được tạo điều kiện để phát huy vai trò, kinh nghiệm trong công cuộc phát triển đất nước theo tinh thần không ngừng “Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội, cộng đồng và gia đình”⁽³¹⁾. Đặc biệt, trước mắt cần đẩy mạnh thực hiện đạt và vượt mục tiêu đến năm 2030 “bảo đảm 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế; được quản lý sức khỏe, khám, chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung”⁽³²⁾.

Bên cạnh đó, chú trọng phát huy mạnh mẽ vai trò của NCT trong tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; nâng cao chất lượng, hiệu quả chương trình phối hợp giữa Hội Người cao tuổi với các ban, bộ, ngành. Tạo cơ hội, điều kiện cho NCT tiếp tục làm việc lâu hơn cũng như tham gia vào các hoạt động tình nguyện, chăm sóc và nghệ thuật, giữ gìn truyền thống, văn hóa, chia sẻ kinh nghiệm sống,... hướng tới cả lợi ích kinh tế và xã hội. Đáng lưu ý, các chính sách cần hướng đến việc công nhận năng lực, giá trị và quyền tự chủ của những cá nhân lớn tuổi thay vì giao cho họ những nhiệm vụ vô nghĩa, hình thức chỉ để khiến họ bận rộn hơn.

Thứ hai, tích cực, chủ động giao lưu, học tập kinh nghiệm từ các nước trên thế giới trong việc đối mặt, xử lý các vấn đề liên quan đến quá trình già hóa dân số. Việt Nam là nước đi sau và có tốc độ nhanh hơn trong quá trình già hóa, diễn biến cũng có những mặt phức tạp hơn do nước ta vẫn là nước đang phát triển. Bởi vậy, việc nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của các quốc gia đi trước sẽ giúp Việt Nam có sự chuẩn bị cần thiết, phát huy tối đa tiềm năng, giảm thiểu các hạn chế, tác động của xu hướng này đến công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng của nước ta trong thời kỳ già hóa dân số.

Thứ ba, chú trọng đúng mức nhiệm vụ phát triển lực lượng lao động cần thiết cho lĩnh vực chăm sóc NCT; cần có chiến lược quan trọng bảo đảm rằng những người chăm sóc được trả lương, nhận được địa vị và sự ghi nhận xứng đáng đối với những đóng góp của họ. Theo đó, xây dựng các chương trình đào tạo để bồi dưỡng

ương 6 khóa XII, “Về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới” xác định, nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là quyền lợi, nghĩa vụ của mọi người, gia đình, cộng đồng, xã hội, dân tộc, quốc gia; Quyết định số 1125/QĐ-TTg, ngày 31-7-2017, của Thủ tướng Chính phủ, “Phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020”; Quyết định số 544/QĐ-TTg, ngày 25-4-2015, của Thủ tướng Chính phủ, “Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam”, đây là dịp kêu gọi sự hưởng ứng tích cực của toàn xã hội cùng tham gia chăm sóc người cao tuổi,...

(31) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. 1, tr. 170

(32) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđđ, t. 1, tr. 271

đội ngũ chăm sóc sức khỏe cho NCT, đồng thời giúp họ giảm bớt căng thẳng phát sinh do không được thông tin đầy đủ về cách giải quyết các tình huống khó khăn. Mặt khác, cải thiện mức lương và điều kiện làm việc của những người chăm sóc dài hạn, trả lương và tạo ra con đường sự nghiệp cho phép họ thăng tiến lên các vị trí có trách nhiệm và thù lao cao hơn; ban hành các quy định hỗ trợ sắp xếp công việc linh hoạt hoặc nghỉ phép cho người chăm sóc gia đình.

Thứ tư, chú trọng phát triển bền vững các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là ổn định giá đất, giá nhà ở, từ đó sẽ đáp ứng nhu cầu gia tăng của hộ gia đình về nguồn tài chính dài hạn; khuyến khích những người chuẩn bị về hưu sở hữu tài sản tài chính hơn là sở hữu đất. Bên cạnh đó, tạo điều kiện, hỗ trợ tốt hơn để phụ nữ đi làm sau khi sinh, như tăng thời gian nghỉ sau sinh (hiện phụ nữ thời kỳ sinh nghỉ 6 tháng, như vậy sau 6 tháng em bé sẽ không còn được bú sữa mẹ, trong khi đây là dinh dưỡng tốt nhất cho trẻ, tiền đề để tối ưu sự phát triển trí tuệ và thể lực của các thế hệ tương lai); tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản dễ dàng nhằm thoát nghèo, gián tiếp đủ khả năng nuôi dưỡng khi sinh con; tăng cường giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của nam giới và phụ nữ về mang thai và tránh thai để họ có thể đưa ra những lựa chọn sáng suốt⁽³³⁾. Phải đặc biệt chú ý đến vấn đề, có nhiều trẻ em hơn cũng có nghĩa là có nhiều người hơn để nuôi sống và chăm sóc; cần nghiên cứu, ban hành các chính sách ưu đãi về thuế cho các gia đình có ít con và hỗ trợ chương trình y tế nhằm giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em.

Thứ năm, đẩy mạnh đầu tư khoa học công nghệ trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là y tế; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng của các ngành ít cách biệt về năng suất lao động giữa các nhóm tuổi; giảm tỷ trọng của các ngành có sự chênh lệch lớn về năng suất lao động giữa các nhóm tuổi; khuyến khích phát triển các ngành phục vụ, chăm sóc cũng như các ngành kinh tế liên quan, có nhu cầu lực lượng lao động lớn, kể cả với NCT; ban hành các chính sách đối với công tác dân số và duy trì tỷ lệ sinh đẻ hợp lý. Bên cạnh đó, cần nhắc, mở rộng nghiên cứu về các chính sách lương hưu, cung cấp bảo hiểm cho mọi đối tượng lao động để họ có thể tiếp cận tốt hơn các nguồn lực an sinh xã hội, là cơ sở để lập kế hoạch cho giai đoạn nghỉ hưu⁽³⁴⁾. Nhìn chung, mọi công dân hiện nay ngày càng phải có trách nhiệm hơn trong chủ động tạo nguồn tài chính phục vụ cho cuộc sống sau khi về già của cá nhân. □

(33) Xem: Positive News: “5 possible solutions to overpopulation”, ngày 10-7-2017, <https://www.positive.news/society/5-possible-solutions-overpopulation/>

(34) Theo đó, mọi người cần xác định rõ kế hoạch chi tiêu và phương thức dự định tích lũy tài sản đến tuổi nghỉ hưu để tạo nguồn tài chính đáp ứng các nhu cầu cuộc sống, tránh lạm dụng sự hỗ trợ từ Nhà nước. Bên cạnh đó, Nhà nước cần tiếp tục nghiên cứu đối tượng được hỗ trợ cần thiết, như những người không may gặp vấn đề về sức khỏe, hoàn cảnh khó khăn,... thay vì cung cấp chung những khoản chi tiêu dành cho NCT dưới mọi hình thức

TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC VÀ HỌC HỎI KINH NGHIỆM QUỐC TẾ ỨNG PHÓ VỚI XU HƯỚNG GIÀ HÓA DÂN SỐ

THS. NGUYỄN THỊ TU

*Ủy viên Ban Thường vụ
Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương Hội NCT Việt Nam*

ĐÀNG và Nhà nước ta luôn xác định “Già hóa dân số” vừa là cơ hội và vừa là thách thức đồng thời khẳng định người cao tuổi là nguồn lực lao động giàu kinh nghiệm, có uy tín và có trách nhiệm. Bởi vậy, khi già hóa dân số diễn ra đòi hỏi mỗi quốc gia cần thực hiện những thay đổi về chính sách, tập trung vào các chính sách hỗ trợ an sinh xã hội, việc làm và tham gia hoạt động xã hội, thực hiện tái cấu trúc hệ thống y tế, chăm sóc lão khoa, xây dựng và quản trị cơ sở chăm sóc người cao tuổi, đặc biệt chú trọng phát triển các mô hình chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng, các chính sách đồng bộ sẽ tạo cơ hội, điều kiện hướng tới mục tiêu: “Người cao tuổi được hưởng tuổi già trong tôn trọng và an sinh xã hội”.

1. Già hóa dân số xu hướng trên thế giới

Già hóa dân số đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu với tốc độ ngày càng nhanh và tác động lên mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội của tất cả các quốc gia trên thế giới. Hầu như mọi quốc gia trên thế giới đều đang có sự tăng trưởng về số lượng và tỷ lệ người cao tuổi trong dân số. Nhân khẩu học tác động đến già hóa dân số. Quy mô và cơ cấu tuổi của dân số được xác định đồng thời qua ba quá trình nhân khẩu học: mức sinh, mức tử và di cư. Tuổi thọ của con người được gia tăng trên thế giới kể từ năm 1950, những thành tựu trong y học và cải thiện đời sống đã và đang kéo dài tuổi thọ của nhân loại; đồng thời tỷ lệ sinh nhiều quốc gia suy giảm, khiến cho dân số của thế giới của chúng ta đang già đi, số người trên 60 tuổi ngày càng nhiều hơn số người

dưới 5 tuổi. Một số quốc gia đã có tỷ lệ người trên 60 tuổi chiếm gần 40% dân số. Giảm tỷ lệ sinh, ít con, gia đình nhỏ, di cư đang làm trầm trọng thêm quá trình già hóa dân số của một số quốc gia, vùng lãnh thổ. Bên cạnh đó phân bố dân số, di cư cũng góp phần làm thay đổi cơ cấu tuổi dân số ở một số quốc gia và khu vực. Ở những quốc gia đang có dòng người nhập cư lớn, di cư quốc tế có thể làm chậm quá trình già hóa vì người di cư có xu hướng ở độ tuổi lao động trẻ. Tuy nhiên, những người di cư ở lại đất nước cuối cùng sẽ thành nhóm dân số già tại nước đó.

Già hóa dân số đã, đang và có thể trở thành một trong những biến đổi xã hội quan trọng nhất của thế kỷ XXI, tác động đến hầu hết các lĩnh vực của xã hội, bao gồm thị trường lao động và tài chính, nhu cầu về hàng hóa và dịch vụ như nhà ở, giao thông và bảo trợ xã hội cũng như cấu trúc gia đình và mối quan hệ giữa các thế hệ.

Theo dự báo của Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), trong những thập kỷ tới, nhiều quốc gia có thể phải đối mặt với áp lực tài chính và chính trị liên quan đến hệ thống chăm sóc sức khỏe, lương hưu và bảo trợ xã hội công dành cho người cao tuổi khi già hóa dân số già ngày càng tăng.

Trên toàn cầu, dân số từ 65 tuổi trở lên đang tăng nhanh hơn tất cả các nhóm tuổi khác. Theo nguồn dữ liệu từ Triển vọng dân số thế giới thì đến năm 2050, cứ sáu người trên thế giới sẽ có một người trên 65 tuổi chiếm (16%). Đến năm 2050, cứ bốn người sống ở châu Âu và Bắc Mỹ thì có một người ở độ tuổi 65 trở lên. Hiện nay, Theo số liệu thống kê dự báo người cao tuổi ở các nước đang phát triển sẽ tăng nhanh và nhiều nhất, người cao tuổi châu Á chiếm 60% tổng số người cao tuổi trên toàn thế giới, như vậy, châu Á được dự báo sẽ trở thành khu vực có số người cao tuổi lớn nhất và tiếp đó đến châu Phi.

Năm 2018, lần đầu tiên trong lịch sử, số người từ 65 tuổi trở lên đông hơn trẻ em dưới 5 tuổi trên toàn cầu. Số người từ 80 tuổi trở lên dự kiến sẽ tăng gấp ba, từ 143 triệu vào năm 2019 lên 426 triệu vào năm 2050.

2. Các hội nghị quốc tế quan trọng về già hóa dân số

Để bắt đầu giải quyết những vấn đề này, Liên hợp quốc đã tổ chức họp Đại hội đồng thế giới vào năm 1982, đưa ra Kế hoạch hành động quốc tế về người cao tuổi ở Vienna gồm 62 điểm. Kế hoạch kêu gọi hành động cụ thể về các vấn đề như sức khỏe và dinh dưỡng, bảo vệ người tiêu dùng cho người cao tuổi, nhà ở và môi

trường, gia đình, phúc lợi xã hội, an ninh thu nhập và việc làm, giáo dục cũng như thu thập và phân tích dữ liệu nghiên cứu.

Năm 1991, Đại hội đồng đã thông qua Nguyên tắc của Liên hợp quốc dành cho người cao tuổi, liệt kê 18 quyền lợi dành cho người cao tuổi - liên quan đến sự tự chủ, tham gia, chăm sóc, tự hoàn thiện và nhân phẩm. Năm 1992, Hội nghị Quốc tế về Người cao tuổi đã họp để tiếp tục Kế hoạch Hành động, thông qua Tuyên bố về người cao tuổi. Hành động ủng hộ người cao tuổi vẫn tiếp tục diễn ra, Đại hội đồng thế giới lần thứ 2 được tổ chức tại thành phố Madrid, Tây Ban Nha năm 2002. Nhằm thiết kế chính sách quốc tế về người cao tuổi cho thế kỷ XXI, Ủy ban đã thông qua Kế hoạch hành động quốc tế Madrid về người cao tuổi. Kế hoạch Hành động kêu gọi thay đổi thái độ, chính sách và thực tiễn ở mọi cấp độ để giải quyết các vấn đề, tình trạng già hóa dân số trong thế kỷ XXI. Các khuyến nghị hành động cụ thể của nó ưu tiên cho người cao tuổi và sự phát triển, nâng cao sức khỏe và hạnh phúc cho người già, đồng thời đảm bảo môi trường thuận lợi và hỗ trợ cho người cao tuổi.

3. Thông tin một số quốc gia trên thế giới về chính sách, chương trình cho người cao tuổi

a. Nhật Bản

Hiện nay Nhật Bản trở thành một xã hội siêu già: người cao tuổi 65+ chiếm hơn 27% dân số; Tuổi thọ trung bình sau tuổi 60: 26,1, trong đó số năm sống khỏe mạnh sau tuổi 60: 20,3; Xã hội Nhật Bản đã có nhiều nỗ lực không chỉ đảm bảo sức khỏe người cao tuổi mà còn giúp họ là những người cao tuổi tích cực. Xã hội Nhật Bản quan điểm người cao tuổi là tài sản xã hội đồng thời giải quyết các vấn đề xã hội dựa vào 3 cách: dựa vào cộng đồng; dựa vào thị trường và dựa vào chính phủ.

Chính sách an sinh xã hội ở Nhật Bản được xây dựng linh hoạt và là động lực cho tăng trưởng kinh tế cũng như tiến bộ xã hội, tạo thành đặc trưng của mô hình nhà nước phúc lợi riêng biệt. Về cơ bản đây là mô hình an sinh xã hội có tính phổ cập, dựa vào nguyên tắc phân phối lại thu nhập trong đó mọi người dân đều được hưởng trợ giúp tối thiểu nhằm nâng cao mức sống và giảm phân hoá giàu nghèo. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong cung cấp an sinh xã hội thông qua hệ thống bảo hiểm và trợ cấp xã hội.

Chính phủ Nhật Bản quy định các chế độ bảo hiểm bắt buộc nhằm cung cấp tài chính cho người tham gia khi họ bị ốm đau, thương tật, tàn tật, sinh con,

chết, tuổi già, thất nghiệp và các sự kiện được bảo hiểm khác. Hiện nay, bảo hiểm hưu trí là chế độ quan trọng nhất trong chính sách bảo hiểm xã hội của Nhật Bản, bảo đảm quyền lợi cho người cao tuổi. Chính phủ Nhật Bản xây dựng chế độ đảm bảo chăm sóc để người cao tuổi có thể sử dụng được dịch vụ chăm sóc khi về già ở bất kỳ hình thức nào.

Chính phủ yêu cầu người dân tham gia một trong 2 loại hình bảo hiểm: Bảo hiểm chăm sóc người trên 65 tuổi: Phí bảo hiểm của đối tượng này tùy theo thu nhập của cá nhân, gia đình; Bảo hiểm chăm sóc người từ 40 - 64 tuổi: Phí bảo hiểm được thu chung với bảo hiểm y tế. Phí bảo hiểm được tính dựa vào mức lương và việc chi trả chế độ phải căn cứ vào từng loại hình bảo hiểm. Mức chi trả cho chính sách sức khỏe bình quân bằng khoảng 22% lương trung bình tháng. Hệ thống bảo hiểm chăm sóc dài hạn tại Nhật Bản được thực hiện từ những năm 2000 nhằm mục đích hỗ trợ toàn xã hội chăm sóc người cao tuổi ứng phó với xã hội già hóa dân số nhanh chóng.

Song song với chính sách xã hội nói trên, Chính sách tuyển dụng người cao tuổi ở Nhật Bản của các doanh nghiệp là một trong những hình thức tối ưu để tạo điều kiện cho người cao tuổi được làm việc khi có nhu cầu: Năm 2000, sau khi điều chỉnh Luật người cao tuổi (năm 2000), Chính phủ Nhật Bản yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ tạo việc làm cho nhóm người 60-64 tuổi thì tỷ lệ việc làm ở nhóm này đã tăng lên. Tỷ lệ tuyển dụng người từ 60-64 tuổi (66,2%); người trên 70 tuổi (17,2%). Lý do tiếp tục đi làm của người cao tuổi cơ bản là lý do kinh tế và tiếp theo là mong muốn tham gia, đóng góp cho xã hội. Nhằm khuyến khích nâng cao tuổi nghỉ hưu, kéo dài tuyển dụng, xây dựng môi trường làm việc để nhân viên dưới 64 tuổi tại công ty an tâm làm việc lâu dài. Các cơ quan giới thiệu việc làm tại các thành phố đều thành lập Ban hỗ trợ người lao động cao tuổi nhằm cung cấp thông tin, tư vấn tái kiến thiết sự nghiệp cho người cao tuổi sau khi nghỉ hưu có nhu cầu đi làm hoặc cống hiến cho xã hội; cung cấp thông tin tuyển dụng (chủ yếu là làm việc ngắn giờ cho người trên 65 tuổi), liên kết với cơ quan địa phương để hỗ trợ người cao tuổi.

Một số chính sách cụ thể hỗ trợ người cao tuổi của Nhật Bản

Chính phủ chú trọng xây dựng thành phố, khu đô thị phát triển bền vững dành cho người cao tuổi. Khu đô thị này được vận hành này với mô hình các ngôi nhà dịch vụ dành cho người cao tuổi sa sút trí tuệ và chăm sóc trẻ sau giờ học. Bằng cách tạo môi trường nơi trẻ em và người cao tuổi có thể tương tác với

thiên nhiên và trở thành điểm đến cho những người đang làm việc và người cao tuổi sau nghỉ hưu.

Khi bước vào giai đoạn già hóa dân số, Nhật Bản đã tập trung vào các chương trình xây dựng bệnh viện, các cơ sở với mục tiêu chăm sóc người cao tuổi. Trong những năm gần đây, Nhật Bản đã thay đổi chính sách về người cao tuổi để xã hội thích ứng với già hóa dân số như khuyến khích phát triển mô hình chăm sóc người cao tuổi dựa vào cộng đồng, hệ thống chăm sóc tích hợp người cao tuổi tại cộng đồng, tạo điều kiện để người cao tuổi tham gia hoạt động cộng đồng, thị trường lao động, có tích lũy vật chất cho bản thân, tăng thêm ý nghĩa và chất lượng cuộc sống, kéo dài thời gian khỏe mạnh.

Xây dựng mô hình giao lưu người cao tuổi là nơi giao lưu cho người cao tuổi tại những địa điểm như ở tại nhà dân, nhà chùa hoặc các sảnh chung cư, nhằm mục đích hỗ trợ người già sống khỏe mạnh. Mô hình này, ban đầu do người dân tự lập, do hoạt động hiệu quả nên đã được Chính phủ nhân rộng ra toàn quốc. Nội dung hoạt động: Giao lưu, trò chuyện, luyện tập thể thao, tổ chức các bữa ăn cho người cao tuổi suy dinh dưỡng, phòng chống bệnh sa sút trí tuệ. Kinh phí vận hành mô hình giao lưu người cao tuổi: Chính phủ hỗ trợ 25%; tỉnh/thành hỗ trợ 12,5%; Chính quyền cấp cơ sở hỗ trợ 12,5%; Bảo hiểm chi trả 23%.

b. Thái Lan

Quan điểm: “Tuổi cao là quyền năng...Tuổi càng cao, càng có nhiều kinh nghiệm. Nếu được chăm sóc và phát huy tốt, sẽ là tài sản vô giá, không kém gì lớp người trẻ. Nếu một quốc gia biết cách phát huy vai trò và sự đóng góp của người cao tuổi, thì quốc gia đó sẽ phát triển....” (Phát ngôn của Hoàng Gia Thái Lan, 2006).

Luật về người cao tuổi (2003, sửa đổi 2010): Quy định Quỹ người cao tuổi: có nội dung chi cho đào tạo nghề, cho vay vốn, hỗ trợ việc làm cho người cao tuổi.

Kế hoạch Quốc gia về người cao tuổi lần 2 (2002-2021, sửa đổi 2009): Giải pháp: thúc đẩy việc làm và thu nhập bền vững cho người cao tuổi (Bộ Lao động chịu trách nhiệm)

Kế hoạch Phát triển Kinh tế và Xã hội Quốc gia lần thứ 12 (2017-2021): khuyến khích người cao tuổi tham gia lực lượng lao động và phát triển chất lượng của xã hội già hóa.

Chiến lược Quốc gia 20 năm (2018-2036): Nhằm đạt tầm nhìn” An ninh, Thịnh vượng, Bền vững”: 1 trong các mục tiêu: Phát triển và cải thiện năng lực của người cao tuổi trẻ để giúp họ tăng cơ hội việc làm

Đạo luật Bảo vệ Lao động (có hiệu lực 2017): không ngăn cản chủ lao động tuyển người cao tuổi

Luật Thuế: quy định miễn thuế cho chủ lao động thuê Lao động cao tuổi (60+) (Tiền công trả cho người cao tuổi được tính là khoản chi, số lượng người cao tuổi được tuyển dụng được quy định là không quá 10% của tổng số lao động của đơn vị đó.) Chính phủ cũng áp dụng chính sách thuế nhằm khích lệ việc tuyển dụng người cao tuổi. Yêu cầu về người cao tuổi được đơn vị tuyển dụng sử dụng vì mục đích giảm thuế là: là người từ 60 tuổi trở lên, chỉ áp dụng cho người có quốc tịch Thái Lan; người cao tuổi phải đi làm - phải là người lao động của đơn vị mà họ đã làm trước đây hoặc người cao tuổi đã từng đăng ký việc làm với Cục việc làm. Người cao tuổi muốn tìm việc làm có thể đăng ký qua website www.doe.go.th/elderly. Bên cạnh đó, nếu có câu hỏi gì thì người cao tuổi có thể liên lạc tại Đường Dây Nóng 1694 của Cục việc làm.

Chính sách về già hóa ở các nước ASEAN

Cambodia	Chính sách quốc gia với người cao tuổi (2003) Chính sách quốc gia về già hóa dân số 2017-2035 (2017)
Indonesia	Kế hoạch hành động quốc gia về định hướng phúc lợi xã hội với người cao tuổi 2003 Kế hoạch hành động quốc gia với người cao tuổi 2009-2014 Kế hoạch hành động quốc gia với người cao tuổi 2016-2019
Lào	Chính sách quốc gia với người cao tuổi (2004)
Malaysia	Chính sách quốc gia với người cao tuổi (1995-2005) (2010-2015)
Myanmar	Kế hoạch hành động quốc gia về già hóa dân số 2014
Philippines	Kế hoạch hành động quốc gia về người cao tuổi (1999-2004) Kế hoạch hành động quốc gia về công dân cao tuổi (2006-2010) Kế hoạch hành động quốc gia về công dân cao tuổi (2011-2016)
Thái Lan	Kế hoạch quốc gia thứ nhất về người cao tuổi (1982-2001) Kế hoạch quốc gia thứ 2 về chăm sóc dài hạn với người cao tuổi (2002-2021)

** Trích dẫn nguồn của Ủy Ban quốc gia về người cao tuổi Việt Nam và Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA).*

4. Ứng phó già hóa dân số tại Việt Nam

Già hóa dân số ở Việt Nam đã ở mức độ có tác động lớn đến tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế. Thực tế này yêu cầu Chính phủ chỉ đạo và tạo điều kiện để toàn bộ người dân Việt Nam có cuộc sống khỏe mạnh, năng động và đầy đủ suốt cuộc đời. Mặc dù, mối quan tâm chính là người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên, nhưng già hóa dân số đã có ảnh hưởng đến tất cả các nhóm dân số khác. Do đó, việc thích ứng với già hóa dân số không chỉ là đáp ứng mong đợi và nhu cầu của người cao tuổi mà còn đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện hơn để giải quyết các tác động của già hóa dân số đến toàn bộ các nhóm dân số khác. Tuy nhiên trên thực tế, các chính sách hiện tại của Việt Nam mới tập trung vào hỗ trợ và giải quyết các vấn đề của người cao tuổi, và chưa tính đến các tác động sâu xa của già hóa tới toàn bộ xã hội và các nhóm trẻ hơn. Vì vậy, một chính sách tiếp cận toàn diện hơn về già hóa dân số, vừa giải quyết các vấn đề hiện tại do tác động của già hóa dân số tới cả người cao tuổi và người trẻ tuổi và người cao tuổi, vừa phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội chuẩn bị cho xã hội già trong tương lai sẽ giúp Chính phủ đạt được những tiến bộ và kết quả tích cực. Chính phủ cũng đã nhận thấy tầm quan trọng của già hóa dân số và ban hành Nghị quyết số 137/NQCP ngày 31 - 12 - 2017 về Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ để thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 - 10 - 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng XII về Công tác dân số trong tình hình mới.

Giống như việc gia tăng dân số, dân số già hóa cũng gây ra nhiều thách thức cho tăng trưởng kinh tế cũng như hạ tầng cơ sở và các dịch vụ an sinh xã hội. Để ứng phó với già hóa dân số, Việt Nam đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, chương trình, dự án nhằm phát huy, chăm sóc, bảo vệ, đặc biệt phát huy vai trò người cao tuổi như: Luật Người cao tuổi; Quyết định số 2156/QĐ-TTg, ngày 21 -12-2021, của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động Quốc gia về Người cao tuổi giai đoạn 2021 . 2030; Đề án Nhân rộng mô hình hình Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau giai đoạn đến năm 2025 (Quyết định số 1336/QĐ-TTg, ngày 31-8-2020, của Thủ tướng Chính phủ). Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, phát triển Quỹ chăm sóc và Phát huy vai trò người cao tuổi ở cơ sở để hỗ trợ người cao tuổi khởi nghiệp và thực hiện tốt Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg, ngày 13/10/2020, của Thủ tướng Chính phủ). Các chính sách đồng bộ sẽ tạo cơ hội, điều kiện hướng tới mục tiêu: “Người cao tuổi được hưởng tuổi già trong tôn trọng và an sinh xã hội”, góp phần thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi để không ai bị bỏ lại phía sau ở Việt Nam.

Để ứng phó với già hóa dân số, Việt Nam đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, chương trình, dự án nhằm phát huy, chăm sóc, bảo vệ, đặc biệt phát huy vai trò người cao tuổi. Một trong những chủ trương, chính sách, nhiệm vụ quan tâm đến người cao tuổi thể hiện tại Quyết định 1336/QĐ-TTg, ngày 31-8-2020, được Thủ tướng Chính phủ giao cho Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam là đầu mối chủ trì triển khai mô hình Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau là một mô hình nhân văn, đa dạng hoạt động, phát huy được cách tiếp cận Liên thế hệ (là sự thể hiện xuyên suốt các thế hệ như theo thông điệp của Liên hợp quốc), phù hợp với văn hóa, truyền thống, đạo lý của Việt Nam và rất bền vững, vừa chăm sóc cả về thể chất và tinh thần người cao tuổi, vừa giúp người cao tuổi có an ninh thu nhập, vừa phát huy nội lực và sự đóng góp rất tích cực của người cao tuổi ở cộng đồng. Hiện nay, cả nước (63/63 tỉnh/thành phố) có 6.335 Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau.

Mô hình Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau đã được Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế và một số tổ chức trong nước và quốc tế giới thiệu tại các diễn đàn khu vực ASEAN, Châu Á và quốc tế như một sáng kiến tốt của Chính phủ Việt Nam; “Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau là trường hợp điển hình tốt góp phần thực hiện Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên hợp quốc” (theo Ban Kinh tế - Xã hội của Liên hợp quốc), được tổ chức Y tế Thế giới đưa vào Kế hoạch Hành động Khu vực về Già hóa khỏe mạnh như một điển hình tốt của Chính phủ Việt Nam. Đặc biệt, mô hình Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau đã đạt giải Nhất “Sáng kiến Vì một Châu Á Già hóa Khỏe mạnh” lần thứ nhất vào tháng 7-2020, do Viện Nghiên cứu kinh tế ASEAN và Đông Nam Á (ERIA) và Trung tâm Giao lưu Quốc tế Nhật Bản (JCIE) thực hiện dưới sự bảo trợ của Sáng kiến Sức khỏe và Hạnh phúc Châu Á (AHWIN) của chính phủ Nhật Bản (Hội đồng giám khảo độc lập, từ nhiều quốc gia, xét duyệt trên nhiều tiêu chí: vì cộng đồng, tổng số 130 bài dự thi từ 12 nước).

Đảng và Nhà nước ta luôn xác định “Già hóa dân số” vừa là cơ hội và vừa là thách thức đồng thời khẳng định người cao tuổi là nguồn lực lao động giàu kinh nghiệm, có uy tín và có trách nhiệm. Bởi vậy, khi già hóa dân số diễn ra đòi hỏi mỗi quốc gia cần thực hiện những thay đổi về chính sách, tập trung vào các chính sách hỗ trợ an sinh xã hội, việc làm và tham gia hoạt động xã hội, thực hiện tái cấu trúc hệ thống y tế, chăm sóc lão khoa, xây dựng và quản trị cơ sở chăm sóc người cao tuổi, đặc biệt chú trọng phát triển các mô hình chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng, các chính sách đồng bộ sẽ tạo cơ hội,

điều kiện hướng tới mục tiêu: “Người cao tuổi được hưởng tuổi già trong tôn trọng và an sinh xã hội”.

Để hiện thực hóa mục tiêu trên, tác giả bài viết này cho rằng ngay bây giờ chúng ta cần hành động tích cực hơn nữa để có được sự thay đổi nhận thức: Người cao tuổi không phải là gánh nặng, mà là nguồn vốn xã hội, có vai trò quan trọng. Nếu biết khai thác vốn xã hội của người cao tuổi sẽ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và phát triển cộng đồng. Đồng thời, cần nhấn mạnh: Già hoá là một quá trình sinh trưởng, phát triển bình thường, tất yếu của con người và là thành tựu của nhân loại. Quá trình lão hoá diễn ra ngay từ khi mọi người còn trẻ. Vì thế, cần chuẩn bị già hoá thành công cho mọi lứa tuổi khi còn trẻ cần phải tạo ra nhiều công việc làm có thu nhập, có tích lũy kinh tế, bảo hiểm, để chuẩn bị cho tuổi già khoẻ mạnh, giảm bớt gánh nặng cho gia đình và xã hội. Để thực hiện được lộ trình già hóa khoẻ mạnh, ngoài sự quan tâm, chính sách của Đảng, Nhà nước rất cần có sự tham gia của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ cũng như khu vực tư nhân, các nhà khoa học, cộng đồng, gia đình và cá nhân mỗi công dân trong xã hội và sự nỗ lực của mỗi người cao tuổi Việt Nam.□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Thống kê - Chuyên khảo: “Người cao tuổi Việt Nam: Phân tích từ Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình năm 2021.
2. Tổng cục Thống kê(2021): Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019: Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam. Hà Nội: Tổng cục Thống kê.
3. Tổng cục Thống kê, Quỹ Dân số Liên hợp quốc(2021): Già hóa dân số và Người cao tuổi ở Việt Nam: Phân tích từ Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2009 và 2019. Hà Nội.
4. Tổng cục Thống kê(2020): Dự báo Dân số Việt Nam giai đoạn 2019-2069
5. Vũ Công Nguyên, Trần Thị Mai, Đặng Thùy Linh, Chei Choy-Lye, và Saito Yasuhiko (eds.)(2020): Người cao tuổi và Sức khỏe tại Việt Nam. Jakarta: ERIA và Hà Nội: PHAD. Nxb. Lao động.
6. Văn phòng Chính phủ(2021): Thông báo số: 19/TB-VPCP, ngày 26-01-2021, Thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về Người cao tuổi Việt Nam tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2020, nhiệm vụ trọng tâm năm 2021 của Ủy ban Quốc gia.

7. Khảo sát quốc gia về người cao tuổi lần 2 (VNAS 2).

8. “Nữ hóa” và những vấn đề cần quan tâm hiện nay ở Việt Nam (*Trần Bích Thủy, Giám đốc Quốc gia, tổ chức HelpAge International (HAI) tại Việt Nam.*

9. Các chính sách việc làm cho người cao tuổi tại Thái lan (Worksak Kanok-Nukulchai. <https://www.bangkokpost.com/opinion/opinion/2473977/in-thailand-70-is-the-new-51>.

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ HOA

Quyên Vụ trưởng, Tạp chí Cộng sản

HIỆN nay trên thế giới, xu hướng già hóa ngày càng trở nên phổ biến. Nghiên cứu chính sách đối với người cao tuổi qua thực tiễn của các nước trên thế giới gợi nhiều hàm ý về mặt chính sách đối với Việt Nam trong các giai đoạn tiếp theo.

Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về chăm sóc người cao tuổi

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), người cao tuổi phải từ 70 tuổi trở lên. Một số nước phát triển như Mỹ, Đức... quy định người cao tuổi là từ 65 tuổi. Ở Việt Nam, Luật Người cao tuổi năm 2009 quy định người cao tuổi là công dân Việt Nam từ 60 tuổi trở lên. Như vậy, có thể thấy, tùy thuộc vào đặc thù, điều kiện của mỗi quốc gia, khu vực, quy định về người cao tuổi khác nhau, phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế, chất lượng sống, mức sống, cũng như truyền thống văn hóa...

Tiến trình già hóa trên thế giới cũng diễn ra không đồng đều. Dân số các nước châu Âu được coi là già nhanh nhất so với các nước khác. Ở các quốc gia trên thế giới, vai trò của người cao tuổi trong gia đình cũng khác nhau. Ở nhiều nước châu Á, truyền thống tôn trọng người cao tuổi là một trong những giá trị căn bản để xây dựng một xã hội trật tự, ổn định.

Thụy Điển là quốc gia có tỷ lệ người cao tuổi sống thọ nhất thế giới, 81,5 tuổi đối với nam và gần 84,9 tuổi đối với nữ. Hơn 5% dân số Thụy Điển ở độ tuổi

từ 80 trở lên. Điều đó cho thấy chính sách chăm sóc người cao tuổi và an sinh xã hội ở Thụy Điển luôn được Chính phủ nước này quan tâm. An sinh xã hội Thụy Điển được phân bổ rộng rãi, mọi người dân, nhất là người cao tuổi, đều được hưởng các lợi ích và dịch vụ cơ bản với mức giá hợp lý và miễn phí. Một trong những mục đích của việc chăm sóc người cao tuổi ở Thụy Điển là giúp họ có cuộc sống bình thường, độc lập, không phụ thuộc. Việc chăm sóc người cao tuổi từ nguồn thuế và sự trợ cấp của Chính phủ.

Một điều cần thấy rõ, Thụy Điển là quốc gia đầu tiên trên thế giới thông qua Đạo luật tiền lương hưu quốc gia từ năm 1913 bảo đảm cho mọi công dân từ 67 tuổi trở lên, và cũng là một trong số các quốc gia tiên phong về cải cách hệ thống hưu trí công cộng dưới tác động của biến đổi nhân khẩu học. Năm 1994, Quốc hội Thụy Điển đã thông qua hệ thống cải cách lương hưu, lựa chọn phương thức tư nhân hóa một phần để áp dụng vào năm 1999.

Đức là quốc gia “siêu già” khác, nơi có 1/5 dân số cao tuổi. Cũng như các nước khác, dân số già đang đặt ra những thách thức rất lớn đối với kinh tế - xã hội Đức, nhất là hệ thống an sinh xã hội.

Đối mặt với tình trạng dân số ngày càng già đi và nhiều người sống một mình, các báo cáo định kỳ cung cấp thông tin về hoàn cảnh sống của người cao tuổi. Trong đó, báo cáo của Chính phủ về tình hình người cao tuổi được đặc biệt chú ý. Đây là căn cứ để từ đó Chính phủ có những chính sách cụ thể đối với người cao tuổi ở Đức.

Đức dựa vào công nghệ sử dụng tự động hóa ở những ngành nghề đòi hỏi nhiều sức lực, lao động nặng nhọc, như rô bốt, để bảo đảm điều kiện làm việc an toàn cho người cao tuổi. Những người già không còn khả năng lao động, sống một mình, sẽ được hỗ trợ thông qua phát triển các thiết bị thông minh, hệ thống chăm sóc sức khỏe từ xa, ô tô không người lái... Nên tăng công nghệ thông minh tích hợp các chức năng hỗ trợ từ xa, như y tế điện tử, nhà thông minh, hệ thống gọi khẩn cấp, dịch vụ điều dưỡng... góp phần giảm gánh nặng do sự thiếu hụt người chăm sóc tại nhà của Đức; đồng thời giảm căng thẳng cho đội ngũ chăm sóc kể cả về tiền lương, áp lực thời gian cũng như tâm lý.

Ở **Nhật Bản**, già hóa dân số không phải là vấn đề mới, tuy nhiên đất nước này đang đối mặt với tình trạng già hóa ngày càng trầm trọng do tuổi thọ của người dân tăng và tỷ lệ sinh giảm. Tuổi thọ trung bình của phụ nữ ở nước này là 87,45 năm, còn của đàn ông Nhật là 81,41 tuổi. Số liệu gần đây của Bộ Y tế,

Lao động và Phúc lợi Nhật Bản cho biết, số người từ 100 tuổi trở lên ở Nhật Bản lần đầu tiên vượt ngưỡng 80.000 người. Dân số Nhật bản không chỉ già đi mà còn giảm xuống. Theo Báo cáo của Bộ Y tế Nhật Bản, số trẻ em nước này chào đời trong năm 2023 giảm xuống mức kỷ lục, 758.631 trẻ. Đây là mức thấp nhất trong năm thứ tám liên tiếp. Sự chênh lệch giữa tuổi thọ cao và tỷ lệ sinh thấp khiến cơ cấu dân số ở Nhật Bản mất cân bằng. Tốc độ già hóa nhanh chóng khiến Nhật Bản rơi vào tình trạng thiếu hụt lao động nghiêm trọng. Có một thực trạng nữa là, đồng yên suy yếu khiến Nhật Bản khó có thể thu hút lao động nước ngoài; bên cạnh đó, một bộ phận giới trẻ tìm kiếm công việc trả lương cao đã ra nước ngoài làm việc, khiến khủng hoảng lao động ở Nhật Bản thêm trầm trọng. Theo một nghiên cứu, đến năm 2030, Nhật Bản sẽ thiếu hơn 6 triệu lực lượng lao động. Thực tế nghiệt ngã của dân số già khiến chi phí chăm sóc sức khỏe leo thang, tạo gánh nặng cho nền kinh tế; cùng với đó là những rạn nứt xã hội gia tăng...

Với tình hình dân số người già chiếm đến 30% dân số Nhật Bản và vẫn còn tiếp tục tăng mạnh trong thời gian tới, nhất là khi những người mắc các bệnh tật hiểm nghèo, cần được chăm sóc sức khỏe cũng gia tăng nhanh chóng. Tuy nhiên, trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa gia tăng nhanh chóng, cùng sự suy giảm tỉ lệ sinh, nên việc chăm sóc người cao tuổi vốn là trách nhiệm thuộc về gia đình, dần được chuyển giao cho mạng lưới hỗ trợ xã hội từ những thập niên 1980 - 1990. Theo thời gian, mạng lưới hỗ trợ xã hội cũng gặp nhiều khó khăn do thiếu nhân lực, thiếu nguồn tài chính.

Để tháo gỡ vấn đề nan giải này, Chính phủ Nhật Bản đã có những cách tiếp cận đa hướng trong việc ban hành các chính sách đối với người cao tuổi, trong đó coi việc nâng tuổi nghỉ hưu là một trong những giải pháp tối ưu. Từ năm 2013, Chính phủ Nhật Bản đã linh hoạt điều chỉnh giới hạn nghỉ hưu lên 65 tuổi, nếu họ đủ sức khỏe và sẵn sàng tiếp tục làm việc. Ngoài ra, Chính phủ trợ cấp cho các doanh nghiệp tuyển dụng người lao động thông qua các trung tâm nhà nước về ổn định việc làm cũng như cho những doanh nghiệp có chế độ bảo đảm việc làm việc làm cho nhân viên tuổi 65.

Một số doanh nghiệp Nhật Bản có chế độ tuyển dụng lại công nhân với các hợp đồng mới, với mức lương và điều kiện làm việc thấp hơn, khoảng 40% - 60% mức lương, sau khi họ bước sang tuổi 60. Thậm chí, một số doanh nghiệp cho phép công nhân được ở lại làm việc đến 80 tuổi, với quan điểm “không tận dụng người già là một sự lãng phí”.

Hiện Chính phủ Nhật Bản đã thông qua dự luật kêu gọi các doanh nghiệp cho phép người lao động làm việc đến 70 tuổi. Dự luật này có hiệu lực từ tháng 4-2021. Ngoài ra, thu hút lao động nước ngoài cũng là một biện pháp giúp Nhật Bản giải quyết tình trạng khan hiếm lao động ở một số ngành nghề cần nhiều sức khỏe mà người cao tuổi không đáp ứng được.

Như vậy, việc khuyến khích người cao tuổi tham gia lao động góp phần giải quyết những khó khăn về phát triển kinh tế, chế độ an sinh xã hội, tạo ra “chất xúc tác” để kích thích nguồn lực tài nguyên giá trị này một cách bền vững, hiệu quả. Và về góc độ xã hội, điều này cũng tạo sự ổn định nhất định trong đời sống xã hội Nhật Bản.

Bên cạnh đó, Chính phủ Nhật Bản còn triển khai chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện, dài hạn, qua đó người cao tuổi có thể lựa chọn các mô hình, chương trình bảo hiểm thích hợp khác nhau, như chăm sóc phòng ngừa và chăm sóc dài hạn. Một trong những bí quyết giúp Nhật Bản đối phó với các vấn đề phát sinh từ việc già hóa dân số, đó là thúc đẩy ngành công nghiệp rô bốt chăm sóc người già - lĩnh vực đã trở thành một ngành xuất khẩu mới của Nhật Bản. Thiết bị kỹ thuật số phục vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giúp họ cải thiện chất lượng cuộc sống, giảm chi phí và tăng hiệu suất chăm sóc sức khỏe. Tuy nhiên, một số nhà phân tích cho rằng, việc tạo ra rô-bốt thay thế công việc chăm sóc người già chỉ là công việc đơn thuần mang tính máy móc. Điều mà người cao tuổi Nhật Bản mong muốn đó là được giao tiếp giữa con người với con người, điều mà rô bốt không thể làm được.

Ở **Singapore**, tuổi thọ trung bình của người dân ngày càng tăng. Các số liệu cũng cho thấy, lực lượng lao động Singapore cũng già đi nhanh chóng. Năm 2010, cứ 10 người Singapore thì có khoảng 1 người từ 65 tuổi trở lên. Một thập niên sau, vào năm 2020, tỷ lệ này đã tăng lên khoảng 1 trên 6. Dự báo đến năm 2030, tỷ lệ này sẽ là gần 1 trên 4 người Singapore trên 65 tuổi. Việc gia tăng số người cao tuổi sẽ tác động đến nền kinh tế, hệ thống chăm sóc sức khỏe,...

Singapore cũng khuyến khích người lao động làm việc đến độ tuổi 60 - 70 không chỉ để giải quyết vấn đề kinh tế mà còn đáp ứng được sức khỏe tinh thần, bảo đảm sự hòa nhập của người cao tuổi đối với xã hội, tận dụng được kỹ năng, tiềm năng, kinh nghiệm của họ, để họ có thể duy trì hoạt động tích cực và khỏe mạnh, tiếp tục đóng góp hữu ích cho xã hội.

Trong bài phát biểu tại buổi lễ ra mắt cuốn sách “Lão hóa Singapore: Những vấn đề và thách thức phía trước”, vào ngày 11-4-2023, Thủ tướng Singapore

Lý Hiển Long nhấn mạnh ba lĩnh vực chính mà Chính phủ nước này cần giải quyết:

Thứ nhất, tăng độ tuổi nghỉ hưu và tái làm việc phù hợp với những thay đổi về nhân khẩu học. Nhiều người Singapore lớn tuổi muốn tiếp tục hoạt động và tiếp tục làm việc và đóng góp. Singapore đã nâng tuổi nghỉ hưu lên 63 và tuổi tái tuyển dụng lên 68. Đến năm 2030, dự kiến sẽ tăng thêm 65 tuổi nghỉ hưu, tái làm việc cho đến khi 70 tuổi. Điều này sẽ bảo đảm cho người cao tuổi có thể tiếp tục làm việc trong những năm hoàng kim của cuộc đời miễn là họ có khả năng và mong muốn được cống hiến phần đời còn lại.

Thứ hai, bảo đảm đủ chế độ lương hưu. Singapore thường xuyên cập nhật các chương trình Quỹ Phòng xa Trung ương để bảo đảm luôn phù hợp với mục đích, phù hợp với tuổi thọ ngày càng tăng và nhu cầu thay đổi, bảo đảm cho các thành viên thu nhập hằng tháng suốt đời. Chương trình này hiện đang hoạt động và mọi người bắt đầu nhận được khoản thanh toán từ Quỹ. Đồng thời, Chính phủ Singapore cũng bổ sung cho Quỹ Phòng xa Trung ương các chương trình như Workfare để hỗ trợ bổ sung cho những người lao động có mức lương thấp và hỗ trợ cung cấp các khoản thanh toán bằng tiền mặt cho người cao tuổi có thu nhập thấp hoặc không có thu nhập trong những năm làm việc của họ.

Thứ ba, Singapore đang củng cố hệ thống chăm sóc sức khỏe của mình để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của dân số già. Với sáng kiến Healthier SG⁽¹⁾, Singapore đang chuyển hướng sang chăm sóc phòng ngừa nhằm giảm gánh nặng bệnh tật cho người dân Singapore, giúp giảm bớt gánh nặng cho hệ thống chăm sóc sức khỏe của đất nước này.

Một vài hàm ý chính sách đối với người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay

Ở Việt Nam, chính sách và hoạt động chăm sóc người cao tuổi là nghĩa vụ, trách nhiệm của gia đình, cộng đồng và nhà nước, là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta từ ngàn xưa, thể hiện những giá trị tốt đẹp trong quan hệ, ứng xử với người cao tuổi. Xuyên suốt quá trình phát triển của đất nước, chính sách đối với người cao tuổi ở Việt Nam thể hiện sự quan tâm, tầm nhìn và nỗ lực của Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị. Kể từ khi Luật Người cao tuổi năm 2010 chính thức có hiệu lực, chính sách đối với người cao tuổi đã đạt được nhiều thành tựu

(1) Sáng kiến quốc gia của Bộ Y tế Singapore nhằm giúp tất cả người dân nước này thực hiện chăm sóc phòng ngừa, phát hiện và quản lý sớm các vấn đề sức khỏe để nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống tốt hơn

nổi bật, trên nhiều lĩnh vực, thể hiện sự đổi mới tư duy trong xây dựng chính sách đối với người cao tuổi. Tuy nhiên, chính sách đối với người cao tuổi cũng có một số hạn chế, bất cập cần tiếp tục được cải thiện, nhất là ngân sách dành cho phúc lợi xã hội, trong đó có phúc lợi cho người cao tuổi có tăng hàng năm nhưng chưa bảo đảm.

Trong thời gian tới, để thích ứng với xu thế già hóa, hiện thực hóa mục tiêu “già hóa chủ động”, tiếp tục hoàn thiện chính sách đối với người cao tuổi, cần quan tâm một số vấn đề sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của người cao tuổi trong gia đình và xã hội. Người cao tuổi là trụ cột quan trọng của xã hội bởi họ là nguồn tài nguyên của cải, nguồn lực vô giá, với nhiều kinh nghiệm sống, nguồn tri thức vô tận được chất lọc, chùng cất qua thời gian, để có thể trao truyền lại cho các thế hệ mai sau, đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội. Bảo đảm quyền lợi và phẩm giá của người cao tuổi không chỉ là mệnh lệnh của đạo đức mà còn là trách nhiệm và nghĩa vụ của xã hội. Ở các nước châu Á, vị trí, vai trò của người cao tuổi được coi như rường cột đối với gia đình và xã hội. Người cao tuổi không chỉ được tôn trọng mà còn được tôn vinh, ngưỡng mộ, bởi trí tuệ và kinh nghiệm sống của họ được con cháu noi theo. Chẳng hạn như ở Hàn Quốc, lễ mừng sinh nhật của người cao tuổi được ghi nhận như một sự kiện đặc biệt trong cuộc đời, được kỷ niệm bằng những lễ tiệc lớn của gia đình. Nghĩa vụ của người con khi chăm sóc cha mẹ già là nghĩa vụ đáng trân trọng. Người Nhật coi trọng lòng hiếu thảo nên việc phụng dưỡng cha mẹ không chỉ là nghĩa vụ mà còn là tình cảm thiêng liêng, gắn bó.

Truyền thống và đạo lý Việt Nam luôn đề cao vai trò của người cao tuổi. Trong gia đình, người cao tuổi là mẫu mực nêu gương, hướng dẫn, động viên, dạy dỗ, chỉ bảo con cháu. Trong xã hội, người cao tuổi có những đóng góp lớn vào phát triển kinh tế - xã hội. Mặc dù vai trò của người cao tuổi được khẳng định trong các văn bản của Đảng và của Nhà nước, song trên thực tế hiện nay, ở nhiều nơi, vẫn còn tình trạng xem nhẹ vai trò của người cao tuổi, coi họ như một “căn bệnh”, “gánh nặng” của gia đình và xã hội. Trong đời sống hiện đại ngày nay, do tác động ảnh hưởng của lối sống, văn hóa mang màu sắc thực dụng phương Tây nên có nhiều khác biệt ngày càng lớn về suy nghĩ, quan niệm, nhận thức giữa các thế hệ về vị trí, vai trò của người cao tuổi. Trong một số trường hợp, người cao tuổi chỉ có thể có vị trí trong gia đình và xã hội nếu họ có điều kiện tài chính, có khả năng chăm sóc trẻ thì thường được con cái ứng xử tốt; ngược

lại, họ sẽ bị khinh thường, hoặc bị từ chối chăm sóc khi bị bệnh, phải sống trong cảnh già cô đơn... Do vậy, cần thay đổi định kiến về người cao tuổi, từ đó điều chỉnh các chính sách cho phù hợp, đặc biệt là về tuổi nghỉ hưu bắt buộc.

Thứ hai, hoàn thiện chính sách chăm sóc đời sống thể chất và tinh thần cho người cao tuổi. Hiện nay, chính sách đối với người cao tuổi chưa đề cập đầy đủ những khía cạnh liên quan đến thể chất và đời sống tinh thần của người cao tuổi, đã gây khó khăn cho việc thực hiện chính sách. Đảng và Nhà nước Việt Nam đã luôn quan tâm và ban hành nhiều chủ trương, chính sách đối với người cao tuổi để bảo đảm đời sống vật chất cũng như tinh thần của họ. Các chính sách này đã tạo ra các khuôn khổ pháp lý để cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của người cao tuổi, song việc thực hiện chính sách ở các địa phương, cơ sở còn nhiều bất cập.

Thứ ba, bảo đảm an sinh xã hội cho người cao tuổi nhằm bảo đảm và cải thiện thu nhập của người cao tuổi có được từ lao động và hưu trí. Hiện Việt Nam có khoảng 14,4 triệu người sau độ tuổi nghỉ hưu. Tuy nhiên, chỉ có hơn 6,1 triệu người cao tuổi đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp người có công, trợ giúp xã hội... Như vậy, vẫn còn hơn 8 triệu người sau độ tuổi nghỉ hưu không có lương hưu, trợ cấp hàng tháng⁽²⁾.

Thứ tư, cải thiện chính sách chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi. Hiện nay, chính sách này còn nhiều tồn tại nhất định. Đối với người cao tuổi, việc chủ động chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh “từ sớm, từ xa” là vô cùng quan trọng, song thực tế cho thấy, nhiều người sức khỏe yếu, thu nhập thấp, bấp bênh, không ổn định, đa phần sống ở nông thôn, mải lo kiếm sống hàng ngày nên không có khả năng, điều kiện chăm lo cho sức khỏe bản thân. Và chính điều này càng làm cho họ không thể thoát khỏi vòng vây quẩn quanh của nghèo khó và bệnh tật, gây gánh nặng, sức ép cho gia đình và xã hội. Do vậy, việc đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức về sức khỏe cho mọi lứa tuổi để chuẩn bị hành trang cho một tuổi già khỏe mạnh cả về thể xác lẫn tinh thần, chất lượng sống và thái độ sống an nhiên, độc lập, tích cực... là điều quan trọng. Bên cạnh đó, cần có tầm nhìn dài hạn, như các chương trình nghị sự quốc gia về chăm sóc người cao tuổi, coi đó là nhiệm vụ của cả xã hội và hệ thống chính trị, trong đó vai trò của các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp có ý nghĩa quan trọng. □

(2) <https://dantri.com.vn/an-sinh/tro-cap-cho-nguoi-cao-tuoi-trong-nam-2024-20240208073028030.htm>

CHÍNH SÁCH XÃ HỘI CHO NGƯỜI CAO TUỔI Ở TRUNG QUỐC TRONG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ VÀ MỘT SỐ THAM CHIẾU VỚI VIỆT NAM

TRƯƠNG ĐÌNH

Học viện Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc

TRẦN VĂN KIÊN

TS, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

NĂM 2000, Trung Quốc bắt đầu bước vào giai đoạn già hóa dân số với tỷ lệ người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên chiếm 10,2% tổng số dân. Năm 2020 nhân khẩu Trung Quốc chạm ngưỡng dân số già. Với số dân trên 1,425 tỷ, hiện là quốc gia đông dân số thứ 2 trên thế giới, Trung Quốc đang phải đối mặt với các thách thức lớn. Nhận thức rõ tính quy luật của sự thay đổi nhân khẩu trong thế kỷ 21, những phản ứng mạnh mẽ của Trung Quốc đã đưa đến các chính sách lớn. Do có sự tương đồng, các chính sách kinh tế - xã hội cho người cao tuổi của Trung Quốc cung cấp những kinh nghiệm quý giá cho việc đề xuất các giải pháp, chính sách thích ứng với tình trạng già hóa dân số của Việt Nam.

1. Vấn đề già hóa dân số và ứng phó của Trung Quốc

Trung Quốc đang ở thời kỳ thứ 3 của chính sách dân số, kể từ năm 1949 đến nay. Chính sách kiểm soát quyết liệt sự gia tăng dân số từ năm 1979 đã đạt được chỉ số mục tiêu từ năm 1991. Năm 1998, lần đầu tiên tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của quốc gia này giảm xuống dưới 10%. Từ năm 2000, với mức tăng dân số ròng hàng năm dưới 10 triệu người, dân số Trung Quốc đã bước vào giai đoạn tăng trưởng ổn định song bắt đầu thay đổi trạng thái theo xu hướng già hóa⁽¹⁾. Quá trình thay đổi nhân khẩu của Trung Quốc từ đầu thế kỷ XXI cho thấy xu

(1) Theo Báo cáo “中国人口现状” (Tình hình hiện tại của dân số Trung Quốc) trên Cổng thông tin Chính phủ Trung ương Trung Quốc, https://www.gov.cn/test/2005-07/26/content_17363.htm

thế và diễn biến của quá trình già hóa. Dữ liệu thống kê về phát triển kinh tế và xã hội quốc gia hàng năm cho biết tỷ lệ người cao tuổi ở Trung Quốc liên tục tăng. Theo luật pháp Trung Quốc, người già là người trên 60 tuổi. Số dân trên 60 tuổi của quốc gia này đã tăng từ 126 triệu năm 2000 lên 167,14 triệu năm 2009, đạt 249 triệu vào năm 2018 và nhiều hơn 280 triệu vào năm 2022. Tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên tăng từ 10,2% năm 2000 lên 12,5% năm 2009, 17,9% năm 2018 và tiếp tục tăng lên 19,8% vào năm 2022. Ủy ban Y tế quốc gia ước tính, Trung Quốc sẽ có 402 triệu người trên 60 tuổi vào năm 2040.

Ở tiêu chí thứ 2, chỉ số nhân khẩu từ 65 tuổi trở lên được sử dụng đánh giá tình trạng già hóa và mức độ dân số già. Theo đó, số liệu về người cao tuổi từ 65 tuổi trở lên trong 3 chu kỳ Tổng điều tra dân số vào các năm 2000, 2010 và 2020 cũng cho ra tình trạng dân số tương tự. Ở khung tiêu chí này, Trung Quốc cũng chính thức bước vào xã hội già hóa vào năm 2000 khi dân số từ 65 tuổi trở lên đạt tỷ lệ 7%. Năm 2009, số người từ 65 tuổi trở lên là 113,09 triệu, chiếm 8,5%. Các con số tương ứng năm 2020 là 167 triệu người, chiếm khoảng 24% trong tổng số 698 triệu người cao tuổi trên thế giới⁽²⁾. Với thực trạng ấy, Trung Quốc bước vào giai đoạn dân số già vừa phải. Theo dự báo của Liên hợp quốc trong “Triển vọng dân số thế giới 2022”, Trung Quốc sẽ bước vào giai đoạn già nghiêm trọng (rất già) trước năm 2035 (số dân trên 65 tuổi vượt 21%) và sẽ bước vào giai đoạn già cực độ (siêu già) trước năm 2050 (khi số dân trên 65 tuổi vượt 28%)⁽³⁾. Dự báo quy mô người cao tuổi của nước này đạt đỉnh vào khoảng năm 2054 với 520 triệu người trên 60 tuổi và 430 triệu người trên 65 tuổi vào năm 2057, tăng thêm 254 triệu so với con số 176 triệu năm 2019⁽⁴⁾.

Các nhà nhân khẩu học cho rằng, mức độ già hóa dân số của Trung Quốc đã đảo ngược từ một sự tiến triển tương đối chậm chạp trong những năm gần đây sang một “làn đường nhanh” của tăng trưởng⁽⁵⁾. Quốc gia này sẽ có mức độ già hóa dân số tiếp tục sâu sắc trong 30 năm tiếp theo với đặc điểm là quy mô dân số lớn, tốc độ phát triển nhanh, phát triển không cân bằng, già đi trước khi giàu. Sự già đi nhanh chóng của dân số với những kịch bản dân số đến giữa thế kỷ 21 đã đặt nền kinh tế lớn thứ 2 trên thế giới trước những dự báo về sự

(2) Xem 浅议我国《老年人权益保障法》(Thảo luận về Luật Bảo vệ quyền và lợi ích của người cao tuổi của Trung Quốc), 人权杂志 (Tạp chí Nhân quyền)

(3) Department of Economic and Social Affairs Population Division, *World Population Prospects 2022: Summary of Results*, New York, United Nations Publication 2022

(4) Dẫn theo Hoàng Dương, Người cao tuổi Trung Quốc chiếm gần 20% dân số, (ngày 19-12-2023, 07:32) <https://tapchibaohiemxahoi.gov.vn/nguoi-cao-tuoi-trung-quoc-chiem-gan-20-dan-so-128970.html>

(5) “中国人口现状” (Tình hình hiện tại của dân số Trung Quốc), *Sdd*

thiếu hụt lao động thay thế, tạo ra áp lực lớn và thách thức nghiêm trọng đối với sự phát triển kinh tế và xã hội. Ren Zeping⁽⁶⁾ đã phân tích rõ những tác động này và nhấn mạnh các giải pháp mục tiêu của Chính phủ Trung Quốc trong việc giải quyết kịp thời các vấn đề về dân số (population problem)⁽⁷⁾. Dưới góc độ kinh tế, Ren Zeping dùng khái niệm “cổ tức nhân khẩu học” với hàm ý giải pháp dân số phải luôn gắn với các giải pháp kinh tế và an sinh xã hội. Từ năm 2001, những ý niệm về thay đổi chính sách sinh nhằm tái cơ cấu lại dân số mới được đặt ra nhưng bắt đầu được thực thi vào các năm 2014, 2015, 2021 nhằm tăng tỷ lệ sinh (khắc phục nguyên nhân trực tiếp của già hóa dân số). Sự thay đổi trong chính sách kế hoạch hóa gia đình là nỗ lực ngăn chặn một cuộc khủng hoảng do già hóa đang rình rập⁽⁸⁾. Chính sách cải thiện tỷ lệ sinh sản đồng thời với việc cổ vũ duy trì và trao truyền các giá trị văn hóa truyền thống, đặc biệt là các giá trị về gia đình truyền thống. Song lựa chọn tăng tỷ lệ sinh sẽ khiến dân số luôn tăng với tốc độ cao là giải pháp nhân khẩu nhiều rủi ro. Nó cũng khiến cho các nền kinh tế có nguy cơ rơi vào “bẫy thu nhập trung bình” và khó có khả năng thành công nhanh chóng do nhu cầu sinh đẻ đã suy giảm mạnh về mức dưới 1%. Ước tính dân số của Trung Quốc sẽ đạt mức đỉnh điểm 1,442 tỷ người trong năm 2029 và sau đó sẽ giảm dần. Việc ban hành chính sách, thậm chí luật hóa chỉ có tác dụng trong việc hạn chế sinh đẻ mà ít có tác dụng đối với kích thích sinh đẻ. Nó chỉ có thể hiệu quả khi được gắn với các ưu đãi về việc làm, tài chính và các chính sách xã hội khác, như bảo hiểm, y tế, chỗ ở, cơ hội làm việc.

Chính sách người cao tuổi đề xuất nhiều giải pháp ứng phó với hệ quả của già hóa dân số. Tháng 10-2017, quan điểm thực hiện một Trung Quốc khỏe mạnh của ông Tập Cận Bình được toàn hệ thống chính trị ủng hộ. Nhà chức trách lạc quan rằng già hóa dân số là quy luật khách quan, không phụ thuộc vào ý chí của con người và là biểu hiện của tiến bộ xã hội. Do vậy, các mục tiêu kỳ vọng của Chính phủ nước này là xây dựng hệ thống chính sách và môi trường xã hội cho người cao tuổi, yêu cầu về sự hiếu thảo và tôn trọng người cao tuổi, thúc đẩy tích hợp chăm sóc y tế dành cho người cao tuổi, đẩy nhanh sự phát triển

(6) Theo thông báo từ Đại học Thanh Hoa, Trung Quốc: Ren Zeping là Nhà kinh tế và Người sáng lập Zeping Macro. Ông là cựu Nhà kinh tế của Trung tâm Nghiên cứu Phát triển của Hội đồng Nhà nước, <http://www.accept.tsinghua.edu.cn/accepten/2024/0116/c94a5565/page.htm>

(7) Xem “经济学家任泽平：人口结构变动带来六大机遇” (Nhà kinh tế học Ren Zeping: Thay đổi nhân khẩu học mang lại sáu cơ hội), <https://new.qq.com/rain/a/20240309A006KD00>

(8) Tham khảo Hoàng Trang, “Từ 1 con đến 3 con: Trung Quốc đã thay đổi chính sách kế hoạch hóa gia đình ra sao?”, <https://baotintuc.vn/the-gioi/tu-1-con-den-3-con-trung-quoc-da-thay-doi-chinh-sach-ke-hoach-hoa-gia-dinh-ra-sao-20210601110948872.htm>, truy cập thứ Ba, ngày 01-06-2021

của ngành công nghiệp cho người cao tuổi⁽⁹⁾. Trên thực tế, việc hiểu già hóa dân số nghiêng về biểu hiện tăng tỷ lệ người cao tuổi⁽¹⁰⁾ đã dẫn đến sự tập trung vào các chính sách đối với nhóm dân số này. Giới chuyên môn cho rằng cần xây dựng khung pháp lý và chính sách để bảo vệ quyền của các cá nhân khi về già, trao quyền và giúp người cao tuổi hòa nhập xã hội trong các môi trường phát triển, đặc biệt liên quan đến khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực gia đình, cơ hội việc làm và bảo đảm tài chính.

2. Các chính sách đối với người cao tuổi ở Trung Quốc

Hệ thống chính sách đối với người cao tuổi ở Trung Quốc được xây dựng dựa trên các quy định của Hiến pháp và các bộ luật. Bộ Luật của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về bảo vệ quyền và lợi ích của người cao tuổi năm 2012 là một căn cứ quan trọng. Bộ luật này được hoàn thiện sau 3 lần sửa đổi vào các năm 1996⁽¹¹⁾, 2009 và 2012⁽¹²⁾. Với cấu trúc 9 chương, 85 điều, bộ luật có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 bao gồm các quy định bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trên 60 tuổi. Một số quan điểm đáng lưu ý trong bảo vệ người cao tuổi là “*giáo dục thực trạng già hóa dân số của đất nước*” (Điều 8); “*hệ thống bảo hiểm hưu trí cơ bản*” (Điều 28), “*hệ thống bảo hiểm y tế cơ bản*”, “*trợ cấp cho người cao tuổi được hưởng mức sống tối thiểu*” (Điều 29)⁽¹³⁾. Người cao tuổi được tạo điều kiện và khuyến khích tham gia phát triển xã hội, nhất là 8 nhóm hoạt động phù hợp với nhu cầu và khả năng xã hội. Nhà nước có chính sách ưu đãi đối với các cơ sở chăm sóc người cao tuổi về mặt đất đai, tạo điều kiện để cung cấp đất đai và vật liệu cần thiết để xây dựng cơ sở dịch vụ chăm sóc người cao tuổi (Điều 40)⁽¹⁴⁾.

(9) ⁽⁹⁾ “中国人口现状” (Tình hình hiện tại của dân số Trung Quốc), *Sđđ*

(10) Theo Báo cáo phát triển con người năm 2005 của Chương trình phát triển Liên hợp Quốc (UNDP) Già hóa dân số hay lão hóa dân số (Population ageing) đã được hiểu ở 3 khía cạnh: một là gia tăng tuổi trung vị của dân số; hai là tuổi thọ trung bình tăng; ba là tỷ lệ người cao tuổi tăng. Cho đến nay, khái niệm “già hóa - lão hóa dân số” được quy về cách hiểu thứ 3 và thường chỉ lấy các chỉ số của sự tăng tỷ lệ người già/người cao tuổi làm thước đo

(11) 浅议我国《老年人权益保障法》(Thảo luận về Luật Bảo vệ quyền và lợi ích của Người cao tuổi của Trung Quốc), *Sđđ*

(12) Bộ luật được thông qua tại Kỳ họp thứ 30 Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa XIII ngày 28-12-2012

(13) 中华人民共和国老年人权益保障法 (Luật của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về bảo vệ quyền và lợi ích của người cao tuổi) [https://www.gov.cn/guoqing/2021-10/29/content_5647622.htm]

(14) 中华人民共和国老年人权益保障法 (Luật của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về bảo vệ quyền và lợi ích của người cao tuổi), *Sđđ*

Tháng 11 năm 2019, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Hội đồng Nhà nước ban hành “Kế hoạch trung và dài hạn quốc gia nhằm tích cực ứng phó với tình trạng già hóa dân số”⁽¹⁵⁾. Kế hoạch bao gồm ngắn hạn đến năm 2022, trung hạn đến năm 2035 và tầm nhìn dài hạn đến năm 2050. Đây là văn bản chiến lược, toàn diện và có tính định hướng để tích cực ứng phó với tình trạng già hóa dân số. Các chủ trương được đề cập như thúc đẩy hợp tác quốc tế và thúc đẩy đối thoại chính sách và kết nối dự án với các nước; lựa chọn các vùng đặc trưng, tiêu biểu để thực hiện các dự án thí điểm đổi mới toàn diện nhằm ứng phó với già hóa dân số; thiết lập và hoàn thiện cơ chế làm việc, triển khai hệ thống trách nhiệm giám sát, đánh giá, tăng cường giám sát thực hiện quy hoạch, bảo đảm thực hiện quy hoạch. Có ít nhất 5 giải pháp chiến lược được xác định nhằm hiện thực hóa kế hoạch này⁽¹⁶⁾.

Tháng 12 năm 2021, Hội đồng Nhà nước Trung Quốc ban hành *Dự án Lão hóa quốc gia* thuộc Kế hoạch phát triển hệ thống dịch vụ chăm sóc người cao tuổi quốc gia trong “Kế hoạch 5 năm lần thứ 14”. Bản dự án tiếp tục phát triển những kết quả đạt được từ chương trình kế hoạch 5 năm lần thứ 13 nhấn mạnh vào 9 nhóm giải pháp lớn và 39 giải pháp cụ thể⁽¹⁷⁾. Bản kế hoạch này đã bao quát các chính sách hỗ trợ và cải thiện đời sống cho người cao tuổi, bảo đảm an ninh tài chính và cơ hội sức khỏe tốt hơn.

Để thực hiện chiến lược quốc gia tích cực ứng phó với tình trạng già hóa dân số, Trung Quốc chủ trương thúc đẩy sự phát triển đồng bộ của các doanh nghiệp và ngành công nghiệp dành cho người già, xây dựng và cải thiện hệ thống dịch vụ chăm sóc người cao tuổi toàn diện và đa dạng, đồng thời liên tục đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người cao tuổi. Các giá trị mục tiêu cần đạt được vào năm 2025 được cụ thể hóa theo 8 nhóm tiêu chí, tập trung vào các hạ tầng dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, viện dưỡng lão, khoa lão khoa thuộc bệnh viện đa khoa cấp 2 trở lên, nguồn nhân lực nhân viên xã hội. Trên cơ sở

(15) 《国家积极应对人口老龄化中长期规划》(Kế hoạch trung và dài hạn quốc gia nhằm tích cực ứng phó với tình trạng già hóa dân số), www.gov.cn

(16) 1. Củng cố nguồn dự trữ của cải xã hội để ứng phó với tình trạng già hóa dân số; 2. Cải thiện nguồn cung lao động hiệu quả trong bối cảnh dân số già đi; 3. Tạo dựng hệ thống cung cấp sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao cho người cao tuổi; 4. Tăng cường năng lực đổi mới khoa học và công nghệ để ứng phó với tình trạng già hóa dân số; 5. Xây dựng môi trường xã hội chăm sóc, hiếu thảo và kính trọng người cao tuổi

(17) Tham khảo “十四五”国家老龄事业发展和养老服务体系规划的通知 [“Kế hoạch năm năm lần thứ 14” để phát triển các cam kết già hóa quốc gia và hệ thống dịch vụ hưu trí], https://www.gov.cn/zhengce/content/2022-02/21/content_5674844.htm

ứng dụng 7 nguyên tắc⁽¹⁸⁾, các dịch vụ y tế tại nhà như giường gia đình, khám tận nhà được tích cực triển khai. Các dịch vụ như giáo dục và đào tạo cho người cao tuổi, du lịch văn hóa, thể dục, giải trí và hỗ trợ tài chính không ngừng được phong phú, các sản phẩm và dịch vụ thông minh đã mang lại lợi ích cho nhiều người cao tuổi hơn. Môi trường kinh doanh tiếp tục được tối ưu hóa, các chính sách hỗ trợ như quy hoạch, đất đai, nhà ở, tài chính, đầu tư, tài chính, nhân lực ngày càng mạnh mẽ. Người cao tuổi từ 65 tuổi trở lên được cung cấp dịch vụ quản lý sức khỏe miễn phí tại các cơ sở y tế.

Tháng 5 năm 2023, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Hội đồng Nhà nước ban hành “Ý kiến về tăng cường việc làm cho người già trong kỷ nguyên mới”. Họ chủ trương cải thiện việc làm, phát triển dịch vụ tình nguyện, quản trị cộng đồng và đưa ra các chính sách, biện pháp khác nhằm phát huy đầy đủ vai trò của người cao tuổi, tìm kiếm các mô hình việc làm linh hoạt phù hợp với người cao tuổi⁽¹⁹⁾. Đây là hành động cụ thể hóa chiến lược quốc gia chủ động ứng phó với tình trạng già hóa dân số và thúc đẩy quá trình chuyển đổi từ lợi tức dân số sang lợi tức nhân tài⁽²⁰⁾. Chương trình chú ý đến việc làm cho người cao tuổi, giúp kéo dài thời kỳ lợi tức dân số và khai thác lợi tức dân số thứ cấp, từ đó giảm thiểu rủi ro và tác động do thay đổi cơ cấu dân số. Điều này góp phần tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế bởi tuổi thọ trung bình của người cao tuổi Trung Quốc đã tăng lên khiến cho hệ số phụ thuộc của người già có thể tiếp tục tăng. Chính sách này nhằm tiếp tục phát huy khả năng của người cao tuổi. Mục tiêu trước mắt của chính sách nhằm không chỉ giúp tăng thu nhập kinh tế của chính người cao tuổi, nâng cao khả năng tự nuôi sống bản thân và giảm bớt áp lực lương hưu của gia đình mà còn giảm bớt gánh nặng xã hội và áp lực tài chính quốc gia ở các mức độ khác nhau⁽²¹⁾.

(18) 1. Thực hiện triết lý phát triển lấy con người làm trung tâm; 2. Tập trung vào các vấn đề “khẩn cấp, khó khăn và lo lắng” mà người cao tuổi phải đối mặt; 3. Thúc đẩy xây dựng hệ thống dịch vụ chăm sóc người cao tuổi; 4. Đi sâu cải cách phân quyền, phân quyền, tối ưu hóa quy định và tối ưu hóa môi trường kinh doanh; 5. Phát triển mạnh mẽ nền kinh tế bạc; 6. Tuân thủ sự tham gia chung của chính phủ, xã hội, gia đình và cá nhân, phát huy những đức tính truyền thống hiếu thảo và kính trọng người cao tuổi của dân tộc Trung Quốc; 7. Hướng dẫn người cao tuổi hình thành quan niệm về sức khỏe tích cực và phát triển suốt đời, khuyến khích người cao tuổi tích cực đối mặt với cuộc sống tuổi già, phát huy đầy đủ vai trò trong phát triển kinh tế và xã hội

(19) Theo 老年人再就业释放人口红利 (Việc làm lại của người cao tuổi giải phóng cổ tức nhân khẩu học), https://www.ndrc.gov.cn/fggz/jyysr/jysrsbxf/202305/t20230530_1356850.html

(20) Theo quan điểm của 陆杰华, 北京大学社会学系教授、中国老年学和老年医学学会副会长 (Lu Jiehua, Giáo sư Khoa Xã hội học, Đại học Bắc Kinh, Phó Chủ tịch Hiệp hội Lão khoa Trung Quốc)

(21) Dựa trên “Báo cáo Toàn cầu về Lão hóa và Sức khỏe” của Tổ chức Y tế Thế giới, những người ủng hộ chính sách việc làm cho người cao tuổi lập luận rằng những cơ sở khoa học về sức khỏe con người theo chu kỳ vòng đời sẽ đạt được 2 mục tiêu: 1. Phát huy được những lợi

Trong sự tham chiếu các kinh nghiệm quốc tế, chính sách này nhấn mạnh đến một số yếu tố mới, như giáo dục, đào tạo nghề tạo điều kiện thuận lợi cho người cao tuổi tìm việc làm và nâng cao kỹ năng lao động đồng thời bảo vệ quyền làm việc và kinh doanh của họ. Các chính sách chỉ đạo đã dần hiện thực hóa ở các địa phương có điều kiện kinh tế và đặc điểm nhân khẩu học khác nhau. Trường hợp thành phố Vô Tích, tỉnh Giang Tô là một trong những thành phố có mức độ già hóa sâu nhất ở Trung Quốc đã phải nhanh chóng kích hoạt các chương trình ứng phó khẩn cấp với tình trạng già hóa dân số khi mà tỷ lệ người cao tuổi sắp đạt đến mức 30% vào năm 2025. Các kế hoạch hành động của chính quyền tập trung vào 10 điểm mấu chốt⁽²²⁾.

Các chủ trương lớn đã đề cập ở trên được hiện thực hóa trong nhiều lĩnh vực, trong đó có việc xây dựng hệ thống lương hưu và dịch vụ hưu trí. Từ năm 2005, các chính sách liên quan đến bảo lãnh quỹ hưu trí của Trung Quốc đã triển khai nhiều giải pháp, đầu tiên là “Quyết định cải thiện hệ thống bảo hiểm hưu trí cơ bản cho nhân viên doanh nghiệp” đưa ra 11 biện pháp cải thiện trên cơ sở hệ thống bảo hiểm hưu trí cơ bản cho người lao động doanh nghiệp có từ năm 1997. Năm 2009, “Ý kiến hướng dẫn thực hiện Dự án thí điểm bảo hiểm hưu trí xã hội nông thôn mới” hỗ trợ tìm hiểu việc thiết lập một hệ thống bảo hiểm nông thôn mới kết hợp đóng góp cá nhân, trợ cấp tập thể và trợ cấp của chính phủ để bảo đảm cuộc sống cơ bản của cư dân nông thôn ở người cao tuổi. Năm 2011, “Ý kiến hướng dẫn thực hiện Chương trình thí điểm bảo hiểm hưu trí xã hội cho cư dân đô thị” đã thiết lập hệ thống bảo hiểm tuổi già cho cư dân đô thị kết hợp thanh toán cá nhân và trợ cấp của chính phủ để bảo đảm sinh kế cơ bản của cư dân đô thị ở người cao tuổi. Năm 2014, sau khi có “Ý kiến của Hội đồng Nhà nước về việc thiết lập một hệ thống bảo hiểm tuổi già cơ bản thống nhất cho cư dân thành thị và nông thôn”, Trung Quốc đã thực hiện sáp nhập Bảo hiểm nông thôn mới và Bảo hiểm dân cư đô thị thành một hệ thống bảo hiểm tuổi già cơ bản quốc gia thống nhất cho cư dân thành thị và nông thôn. Họ cũng thành lập hệ thống điều chỉnh trung tâm bảo hiểm hưu trí cơ bản cho nhân viên doanh nghiệp trên cơ sở quy hoạch tổng thể hiện hành của tỉnh về bảo hiểm hưu trí cơ bản cho người lao động doanh nghiệp.

thể riêng về kỹ năng, kinh nghiệm; 2. Nâng cao hơn nữa cảm giác được lợi, hạnh phúc và an toàn. Xem toàn văn báo cáo 《关于老龄化与健康的全球报告》 tại https://iris.who.int/bitstream/handle/10665/186463/9789245565048_chi.pdf

(22) Tham khảo 无锡推进“十大行动” 全力构建养老服务“幸福圈”(Vô Tích thúc đẩy “Mười hành động” để xây dựng “vòng tròn hạnh phúc” cho các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi), ngày phát hành: 2023-10-30 14:24, http://mzt.jiangsu.gov.cn/art/2023/10/30/art_54981_11057567.html

Năm 2018, trong “Ý kiến hướng dẫn về việc thiết lập cơ chế xác định mức hưởng bảo hiểm hưu trí cơ bản và điều chỉnh bình thường lương hưu cơ bản cho cư dân thành thị và nông thôn” đã tập trung hoàn thiện và thiết lập bốn cơ chế trên cơ sở hệ thống bảo hiểm hưu trí của cư dân thành thị và nông thôn năm 2014. Năm 2022 với “Ý kiến về thúc đẩy phát triển lương hưu cá nhân”, hệ thống lương hưu cá nhân chính thức được thành lập, và hệ thống lương hưu tiết kiệm cá nhân, với tư cách là trụ cột thứ ba, được cải thiện hơn nữa. Cũng trong năm 2022 “Thông báo về việc thực hiện thí điểm kinh doanh hưu trí thương mại của các công ty bảo hiểm hưu trí” cho phép các hoạt động kinh doanh hưu trí thương mại, theo định hướng thị trường và dựa trên luật.

Chính sách dịch vụ hưu trí từ năm 2006 đã có nhiều sự chuyển biến mới. Năm 2006, “Ý kiến về việc thúc đẩy sự phát triển của ngành dịch vụ hưu trí” có ý định đẩy nhanh sự phát triển của ngành dịch vụ hưu trí và bắt đầu chú ý đến sự cần thiết của ngành dịch vụ hưu trí. Năm 2011 “Thông báo về in ấn và phân phối kế hoạch xây dựng hệ thống dịch vụ hưu trí xã hội” đưa ra “Kế hoạch 5 năm” trong lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi. Năm 2013, “Một số ý kiến về việc thúc đẩy sự phát triển của ngành dịch vụ hưu trí” nhấn mạnh sự tin tưởng của các lực lượng xã hội và vốn tư nhân vào ngành dịch vụ hưu trí. Năm 2015, trong “Ý kiến hướng dẫn về thúc đẩy sự kết hợp giữa y tế và chăm sóc sức khỏe và dịch vụ”, Trung Quốc ủng hộ sự kết hợp giữa y tế và chăm sóc sức khỏe và các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, và khuyến khích sự phát triển tích hợp của các tổ chức y tế và các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi. Năm 2016, theo “Một số ý kiến về tự do hóa toàn diện thị trường dịch vụ hưu trí và nâng cao chất lượng dịch vụ hưu trí”, Trung Quốc quyết định mở cửa hoàn toàn thị trường dịch vụ hưu trí và cải thiện mạnh mẽ chất lượng cuộc sống của người cao tuổi trong cộng đồng và gia đình.

Với kế hoạch hành động phát triển ngành hưu trí y tế thông minh 2017 (2017 - 2020), Chính phủ Trung Quốc muốn kích thích mạnh mẽ sức sống thị trường và tiềm năng vốn tư nhân, đồng thời khuyến khích các lực lượng xã hội tham gia vào ngành dịch vụ hưu trí. Năm 2020, thực hiện “Các biện pháp quản lý các cơ sở chăm sóc người cao tuổi”, “Ý kiến về thúc đẩy phát triển các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi cộng đồng tại nhà của các doanh nghiệp dịch vụ bất động sản” và “Thông báo về việc thực hiện việc tạo ra các cộng đồng quốc gia thân thiện với người cao tuổi”, Trung Quốc tiến hành cải cách phân cấp, quản lý và dịch vụ trong ngành dịch vụ chăm sóc người cao tuổi và đã thúc đẩy toàn diện sự cởi mở của các vấn đề chính phủ trong lĩnh vực trợ giúp

xã hội và dịch vụ chăm sóc người cao tuổi. Thông báo năm 2021 về việc thực hiện *Dự án hành động năm 2021* nhằm cải thiện các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi cơ bản, Trung Quốc bắt đầu khám phá việc thiết lập một cơ chế thể chế để phát triển chất lượng cao các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi cơ bản tại nhà và trong cộng đồng.

Như vậy, có thể khái quát hệ thống chính sách của Trung Quốc đối với người cao tuổi thành 5 nhóm chính sách tiêu biểu: chính sách bảo hiểm xã hội; chính sách an ninh tài chính; chính sách y tế; chính sách dịch vụ xã hội; chính sách kinh tế. Ngoài ra, Trung Quốc còn có nhiều chính sách hỗ trợ và cải thiện đời sống cho người già như chính sách giáo dục, chính sách văn hóa, chính sách giải trí và chính sách giảm thuế cho người già. Các chính sách trên nhằm tập trung đến việc hỗ trợ và hỗ trợ gia đình, cải thiện an sinh xã hội, tiếp tục phát triển dịch vụ xã hội, xây dựng quy tắc đối xử ưu đãi xã hội, xây dựng môi trường sống thuận lợi và động viên khuyến khích người cao tuổi tham gia phát triển xã hội.

3. Một số tham chiếu đối với việc xây dựng chính sách thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam

Việt Nam và Trung Quốc có nhiều điểm tương đồng về văn hóa, thể chế, cơ cấu dân cư. Năm 2011, Việt Nam bắt đầu giai đoạn già hóa dân số khi và tỷ lệ người cao tuổi từ 65 tuổi trở lên là 7,2%⁽²³⁾. Năm 2021, Việt Nam có 8,16 triệu người trên 65 tuổi, chiếm 8,3% tổng dân số⁽²⁴⁾. Theo dự báo, số người từ 65 tuổi trở lên của Việt Nam sẽ tăng lên 16,8 triệu người vào năm 2039 và đạt 25,2 triệu người vào năm 2069. Việt Nam sẽ bước vào thời kỳ dân số già từ năm 2036, khi đó, tỷ trọng nhóm dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm 14,2% tổng dân số. Đến năm 2055, Việt Nam sẽ bước vào thời kỳ dân số siêu già. So với Trung Quốc nói riêng, các nước trong khu vực và trên thế giới nói chung, thời gian để Việt Nam chuẩn bị đón nhận già hóa dân số ngắn hơn rất nhiều với các đặc điểm nhân khẩu học: dân số cao tuổi tăng nhanh nhất so với tất cả các nhóm dân số khác trong giai đoạn này; “già ở nhóm già nhất”; xu hướng “nữ hóa” dân số cao tuổi⁽²⁵⁾. Sự thay đổi nhân khẩu học ở các nước đang phát triển nói chung trong

(23) Theo Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), kết quả điều tra dân số đã đưa ra một số mốc chỉ báo ngưỡng già hóa dân số ở Việt Nam, Báo cáo “Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam: Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách” năm 2011

(24) Dữ liệu thông báo cáo báo chí của Tổng cục Thống kê 2023

(25) Xem Báo cáo “Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam: Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách”, *Sdd*

thế kỷ XXI là một xã hội già hóa không thể đảo ngược. Chính sách của Trung Quốc đem lại một số kinh nghiệm đối với việc xây dựng chính sách người cao tuổi ở Việt Nam.

Thứ nhất, về chính sách chăm sóc người cao tuổi. Việc chăm lo cho đến đời sống cho người cao tuổi không chỉ về sức khỏe, miếng ăn mà còn tạo nên môi trường sống đem lại niềm vui, hạnh phúc cho người cao tuổi. Các quy định pháp luật cần phân định rõ nghĩa vụ quyền lợi của gia đình, xã hội trong việc chăm sóc người cao tuổi, cũng như có các hình thức khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia vào lĩnh vực này. Nguồn lực dành cho các cơ sở y tế tập trung và dịch vụ y tế chăm sóc tại nhà, các viện dưỡng lão,... cho người cao tuổi còn nhiều hạn chế, cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện và phát triển rộng khắp trong cả nước.

Thứ hai, về chính sách phát triển kinh tế liên quan đến người cao tuổi. Phát triển “nền kinh tế tóc bạc” là một gợi ý thiết thực đối với việc định hình các giải pháp thích ứng với tình trạng già hóa dân số ở Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam còn nhiều dư địa cho phát triển. Để hình thành và phát triển “nền kinh tế tóc bạc”, không chỉ đơn thuần hướng đến sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp mà cần có chính sách điều hướng quốc gia cùng các giải pháp tổng thể có tính chiến lược, nhất là trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu hướng phát triển các thỏa thuận thương mại tự do.

Thứ ba, về chính sách kéo dài thời gian làm việc cho người cao tuổi. Đây là vấn đề lớn và khó bởi luôn nảy sinh những yêu cầu, xung đột cần giải quyết về khung pháp lý, tính chất công việc, môi trường làm việc và cách ứng xử với người kéo dài thời gian lao động. Trước hết, kinh nghiệm được và chưa được ở Trung Quốc cho thấy rằng cần sớm chuẩn bị khung pháp lý nhằm hỗ trợ và thực thi hiệu quả các chính sách an sinh xã hội cho người cao tuổi Việt Nam, nhất là quy định pháp luật về lao động và việc làm. Trong thực tiễn, việc xây dựng hệ thống pháp luật và quy định liên quan đến việc làm của người cao tuổi cần được cải thiện hơn nữa, không chỉ dừng ở lồng ghép việc bảo vệ quyền làm việc của người cao tuổi vào việc xây dựng hệ thống pháp luật và quản lý mà cơ bản là bảo đảm tính liên thông và hiện đại của các quy định pháp luật mới với hệ thống pháp luật nói chung.

Hơn nữa, cần có những giải pháp phù hợp trong giải quyết việc làm đối với người cao tuổi, trong khi xem xét việc phát triển và xây dựng nguồn nhân lực cho người cao tuổi, khuyến khích tái tạo việc làm cho người cao tuổi về hưu và

chính sách trì hoãn nghỉ hưu. Những hiểu biết về chu kỳ vòng đời sẽ là căn cứ quan trọng để xác định các vị trí, loại hình công việc phù hợp với người cao tuổi đáp ứng 1 trong 3 nhu cầu việc làm “bù đắp”, “điều chỉnh” hay “dựa trên giá trị” nhằm tận dụng kinh nghiệm, phát huy tri thức và giảm bớt áp lực an sinh xã hội. Trong trường hợp này có thể tham khảo 3 nguyên tắc lớn sau để làm rõ địa vị pháp lý của người nghỉ hưu và tái tuyển dụng, bảo vệ quyền và lợi ích bình đẳng trong việc làm của người cao tuổi⁽²⁶⁾.

Mặt khác, trong xây dựng chính sách cải thiện sự hỗ trợ của các dịch vụ việc làm công cho người cao tuổi, có thể đề xuất xây dựng các chính sách giảm thuế và ưu đãi khác cho các doanh nghiệp để khuyến khích họ thuê người lớn tuổi. Các tổ chức xã hội, cộng đồng, gia đình và các lực lượng khác đưa ra các chính sách, biện pháp hỗ trợ nhằm tạo môi trường việc làm, bầu không khí xã hội phù hợp với người cao tuổi, tạo điều kiện cho người cao tuổi hòa nhập xã hội và kích thích sự sẵn sàng làm việc của họ. Cần tăng cường xây dựng các tổ chức xã hội liên quan đến người cao tuổi và cung cấp các dịch vụ như thu thập thông tin, truyền thông quản lý lao động, tư vấn việc làm cho người cao tuổi đang tìm việc.

Cuối cùng, cần hình thành hệ thống giáo dục suốt đời và hệ thống phát triển năng lực nghề nghiệp cho người cao tuổi. Các cơ quan quản lý nhà nước và pháp luật cần tăng cường bảo vệ quyền, lợi ích lao động của người cao tuổi về nhiều mặt, tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn tôn trọng giá trị nguồn nhân lực đối với người cao tuổi, tích cực thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm tạo bầu không khí dư luận tốt nhằm thúc đẩy việc làm cho người cao tuổi.

Kết luận

Xây dựng hệ thống chính sách đối với người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số và thời kỳ dân số già là việc làm thường xuyên, liên tục nhằm bảo đảm mục tiêu xây dựng xã hội phồn vinh, hạnh phúc. Trách nhiệm này phù hợp với truyền thống văn hóa của Việt Nam theo đúng tinh thần Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 16-7-1998, của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương

(26) 1. Làm rõ người nghỉ hưu, tái sử dụng lao động có thuộc phạm vi bảo vệ của pháp luật lao động hay không còn là người lao động theo nghĩa pháp luật lao động nhưng vẫn có các quyền, lợi ích đặc biệt về lao động và được hưởng các chế độ liên quan đến công việc. quyền bảo hiểm thương tích... 2. Xây dựng và thực hiện các luật và chính sách chống phân biệt tuổi tác để bảo vệ quyền bình đẳng về việc làm của người cao tuổi. 3. Tăng cường công tác tuyên truyền chống phân biệt đối xử về tuổi tác để nâng cao nhận thức cộng đồng và tôn trọng việc làm của người cao tuổi và giảm thiểu sự phân biệt đối xử về tuổi tác

5 (khóa VIII) “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” và Kết luận số 58-KL/TW, ngày 23-6-2023, của Ban Bí thư “Về tổ chức và hoạt động của Hội Người cao tuổi Việt Nam”. Sự chăm lo này không chỉ bảo đảm cho người cao tuổi tiếp tục được sống trong tuổi già hạnh phúc mà còn tiếp tục phát huy những ưu thế của người cao tuổi Việt Nam trong xây dựng đất nước, giáo dục thế hệ trẻ và còn tạo ra những lợi ích kinh tế trong tương lai.□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Rapport mondial sur ledéveloppement humain 2005*, Publié pour le Programme des Nations Unies pour le développement (PNUD) (Báo cáo phát triển con người năm 2005 của Chương trình phát triển Liên hợp Quốc (UNDP))
2. Department of Economic and Social Affairs Population Division, *World Population Prospects 2022: Summary of Results*, New York, United Nations Publication 2022
3. Dữ liệu dân số Tổng cục Thống kê
4. Hoàng Dương, Người cao tuổi Trung Quốc chiếm gần 20% dân số, (ngày 19-12-2023 07:32) <https://tapchibaohiemxahoi.gov.vn/nguoi-cao-tuoi-trung-quoc-chiem-gan-20-dan-so-128970.html>
5. Hoàng Trang, “Từ 1 con đến 3 con: Trung Quốc đã thay đổi chính sách kế hoạch hóa gia đình ra sao?”, <https://baotintuc.vn/the-gioi/tu-1-con-den-3-con-trung-quoc-da-thay-doi-chinh-sach-ke-hoach-hoa-gia-dinh-ra-sao-20210601110948872.htm> (thứ Ba, ngày 01-06-2021 11:59)
6. Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), Báo cáo “Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam: Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách” năm 2011
7. “中国人口现状” (Tình hình hiện tại của dân số Trung Quốc) trên Cổng thông tin Chính phủ Trung ương Trung Quốc, https://www.gov.cn/test/2005-07/26/content_17363.htm
8. “十四五”国家老龄事业发展和养老服务体系规划的通知 [“Kế hoạch năm năm lần thứ 14” để phát triển các cam kết già hóa quốc gia và hệ thống dịch vụ hưu trí], https://www.gov.cn/zhengce/content/2022-02/21/content_5674844.htm.

9. “经济学家任泽平：人口结构变动带来六大机遇” (Nhà kinh tế học Ren Zeping: Thay đổi nhân khẩu học mang lại sáu cơ hội), <https://new.qq.com/rain/a/20240309A006KD00>

10. 《关于老龄化与健康的全球报告》 (“Báo cáo Toàn cầu về Lão hóa và Sức khỏe” của Tổ chức Y tế Thế giới), https://iris.who.int/bitstream/handle/10665/186463/9789245565048_chi.pdf

11. 《国家积极应对人口老龄化中长期规》 (Kế hoạch trung và dài hạn quốc gia nhằm tích cực ứng phó với tình trạng già hóa dân số), www.gov.cn.

12. 中华人民共和国老年人权益保障法 (Luật của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về bảo vệ quyền và lợi ích của người cao tuổi) [https://www.gov.cn/guoqing/2021-10/29/content_5647622.htm]

13. 无锡推进“十大行动” 全力构建养老服务“幸福圈”(Vô Tích thúc đẩy “Mười hành động” để xây dựng “vòng tròn hạnh phúc” cho các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi), Ngày phát hành: 2023-10-30 14:24, http://mzt.jiangsu.gov.cn/art/2023/10/30/art_54981_11057567.html.

14. 浅议我国《老年人权益保障法》 (Thảo luận về Luật Bảo vệ quyền và lợi ích của người cao tuổi của Trung Quốc), 人权杂志 (Tập chí Nhân quyền).

15. 老年人再就业释放人口红利 (Việc làm lại của người cao tuổi giải phóng cổ tức nhân khẩu học), https://www.ndrc.gov.cn/fggz/jyysr/jysrsbxf/202305/t20230530_1356850.html

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI: KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ BÀI HỌC THAM CHIẾU CHO VIỆT NAM

PGS, TS. ĐẶNG THỊ ANH TUYẾT

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

KHI quá trình già hóa dân số diễn biến nhanh tại một quốc gia, việc chăm sóc người cao tuổi (NCT) ngày càng được quan tâm. Quá trình này cần sự chung tay, hỗ trợ, góp sức của toàn xã hội trong công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Nghiên cứu, tiếp thu, vận dụng kinh nghiệm chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng tại một số quốc gia trên thế giới là cần thiết để góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác này ở nước ta.

Chăm sóc người cao tuổi cần dựa vào cộng đồng

Chăm sóc cộng đồng (CSCĐ) tích hợp cung cấp cách tiếp cận toàn diện để chăm sóc NCT, ưu tiên sức khỏe thể chất, tinh thần và cảm xúc của họ. CSCĐ tích hợp đề cập đến cách tiếp cận hợp tác và phối hợp trong chăm sóc sức khỏe, trong đó có sự tham gia của nhiều chuyên gia khác nhau để cung cấp hỗ trợ toàn diện NCT. Cách tiếp cận này tập trung vào việc giải quyết các nhu cầu đa dạng của NCT bằng cách kết hợp các dịch vụ y tế, xã hội và dựa vào cộng đồng. Do đó, NCT nhận được sự chăm sóc cá nhân hóa hơn nhằm nâng cao sức khỏe tổng thể⁽¹⁾. CSCĐ thúc đẩy sức khỏe và ngăn ngừa bệnh tật trong khi cung cấp dịch vụ chăm sóc phục hồi chức năng cho người cao tuổi. Mục đích của việc chăm sóc cộng đồng tại nhà để duy trì sức khỏe

(1) Xem: How Integrated Community Care Enhances the Well-being of Seniors. <https://icarecommunities.com/how-integrated-community-care-enhances-the-well-being-of-seniors-2/>

và hạnh phúc của NCT, ngăn ngừa bệnh tật, giúp họ chăm sóc sức khỏe và đảm bảo họ hồi phục sau hi bị bệnh, giảm thiểu nguy cơ nhập viện⁽²⁾.

Các nhóm CSCĐ đóng vai trò quan trọng giúp NCT duy trì cuộc sống độc lập trong cộng đồng càng lâu càng tốt. Cách tiếp cận chăm sóc này nhấn mạnh y học lão khoa phòng ngừa, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ, chăm sóc và đảm bảo hỗ trợ tinh thần và thể chất cho NCT. Mỗi thành viên của nhóm chăm sóc sức khỏe cộng đồng đóng một vai trò quan trọng trong cung cấp các dịch vụ phù hợp với các nhu cầu đa dạng của người cao tuổi trong cộng đồng.

Có nhiều lý thuyết kinh tế khác nhau giải thích quyết định cung cấp dịch vụ chăm sóc không chính thức xuất phát từ gánh nặng mà người chăm sóc phải gánh chịu do công việc tốn nhiều thời gian và căng thẳng⁽³⁾. Những nghiên cứu khác cũng nhận thấy kết quả tích cực của việc cung cấp dịch vụ chăm sóc không chính thức, chẳng hạn như tăng cường lòng tự trọng⁽⁴⁾. Trong mô hình hành vi vị tha, điều quan trọng là lợi ích hoặc tiện ích của việc chăm sóc cần phải lớn hơn chi phí và gánh nặng để đảm bảo quyết định cung cấp dịch vụ chăm sóc không chính thức. Nói cách khác, chăm sóc cộng đồng vừa đa dạng, hiệu quả, giúp NCT cảm thấy gần gũi, gắn bó và giảm gánh nặng cho gia đình, cơ sở y tế khi bị quá tải bệnh nhân cao tuổi.

Chăm sóc người cao tuổi dựa vào cộng đồng tại một số quốc gia châu Á

Tại Singapore, các dịch vụ y tế cộng đồng dành cho người cao tuổi chủ yếu được cung cấp bởi Quỹ Chăm sóc tại nhà. Các dịch vụ được cung cấp bao gồm các dịch vụ chăm sóc tại nhà, phục hồi chức năng và chăm sóc ban ngày được thực hiện tại các trung tâm chăm sóc sức khỏe dành cho NCT và các chương trình phục hồi chức năng tại nhà được thực hiện bởi các y tá đã qua đào tạo. *Kết nối với Khoa Lão khoa tại các bệnh viện để nhận được sự hỗ trợ về chuyên môn và có phản ứng kịp thời trong trường hợp khẩn cấp. Các nhóm hỗ trợ* hiện bao gồm câu lạc bộ phòng chống đột quỵ và nhóm chăm sóc tình nguyện. Dịch vụ chăm sóc thay thế hiện được cung cấp bởi một số nhà tình nguyện. Mục tiêu

(2) Xem: Taking care of older people in our communities. <https://www.westerncape.gov.za/general-publication/taking-care-older-people-our-communities>

(3) Hajek A, Brettschneider C, Ernst A, et al.. Longitudinal predictors of informal and formal caregiving time in community-dwelling dementia patients. Soc Psychiatry Psychiatr Epidemiol 2016;51:607-16. 10.1007/s00127-015-1138-7

(4) Haley WE. Family caregivers of elderly patients with cancer: understanding and minimizing the burden of care. J Support Oncol 2003;1(4 Suppl 2):25-9.

của việc chăm sóc người cao tuổi hiệu quả dựa vào cộng đồng là *cung cấp đầy đủ các dịch vụ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực*⁽⁵⁾.

Dịch vụ chăm sóc NCT tại cộng đồng đã trở thành trọng tâm phát triển của ngành dịch vụ chăm sóc NCT ở Trung Quốc. Dịch vụ này tích hợp các nguồn lực y tế cũng như các nguồn lực tài trợ, đồng thời cung cấp các dịch vụ liên tục và tích hợp như nhập viện, chăm sóc phục hồi chức năng và chăm sóc cuộc sống ổn định cho người cao tuổi mắc bệnh mãn tính thông qua các dịch vụ thuận tiện và chuyên nghiệp⁽⁶⁾. Đối với NCT mắc bệnh mãn tính, các dịch vụ bác sĩ gia đình và chăm sóc y tế phù hợp như chăm sóc tại nhà và chăm sóc ban ngày, có thể được cung cấp cho NCT. Các dịch vụ y tế có thể được cung cấp thông qua chăm sóc ban đầu tại cộng đồng⁽⁷⁾. Là một loại hình chăm sóc tổng hợp, tích hợp dịch vụ chăm sóc NCT tại cộng đồng là một mô hình dịch vụ được ủng hộ ở Trung Quốc. Dịch vụ này kết nối các sở dịch vụ y tế trong cộng đồng, đồng thời tích hợp phục hồi chức năng và dịch vụ điều dưỡng tại cộng đồng thành một nền tảng quản lý tích hợp, đáp ứng mong muốn của người cao tuổi mắc bệnh mãn tính, đồng thời tính đến nhu cầu già hóa khỏe mạnh của người cao tuổi.

Tại Nhật Bản, nước có tỷ lệ NCT cao, hệ thống chăm sóc tích hợp dựa vào cộng đồng là giải pháp chăm sóc NCT hiệu quả. Thông qua nghiên cứu thực địa bao gồm quan sát và phỏng vấn người tham gia, các tác giả kiểm tra quy trình và các dịch vụ được thiết lập tại cộng đồng, được gọi là “phương pháp Nagayama”. Sự tham gia của các bên liên quan từ chính quyền địa phương, các tổ chức phi lợi nhuận và doanh nghiệp đã cho thấy nỗ lực phối hợp trong việc chăm sóc và hỗ trợ người cao tuổi, góp phần tạo ra một môi trường thuận lợi cho NCT có được sự an toàn và cuộc sống có ý nghĩa. Tại các khu dân cư thưa thớt, người ta thực hiện tái tạo khu vực lân cận để tăng kết nối cộng đồng, thừa nhận tầm quan trọng của các điều kiện địa phương và khả năng hiện có trong việc góp phần áp dụng thành công hệ thống có tính nền tảng. Nghiên cứu thu hút sự chú ý đến sự đa dạng của môi trường già hóa thông qua nỗ lực của nhiều bên liên quan nhằm thay đổi cuộc sống hàng ngày của người cao

(5) Lee KS, Owen RE, Choo PW, Jayaratnam FJ. The role of community health care team in the care of the elderly. Singapore Med J. 1991 Aug;32(4):262-4. PMID: 1776008.

(6) Xu L, Zhang Y. Grading nursing care study in integrated medical and nursing care institution based on two-stage gray synthetic clustering model under social network context. Int J Environ Res Public Health. (2022) 19:10863. doi: 10.3390/ijerph191710863

(7) Smith SM, Soubhi H, Fortin M, Hudon C, O'Dowd T. Managing patients with multimorbidity: systematic review of interventions in primary care and community settings. BMJ. (2012) 345:e5205. doi: 10.1136/bmj.e5205

tuổi trong cộng đồng địa phương, tập trung vào các cộng đồng đô thị có dân số giảm, cũng như tác động đến các chính sách và thực tiễn của Sáng kiến Thập kỷ già hóa khỏe mạnh⁽⁸⁾.

Tại Thái Lan, tổ chức hành chính địa phương (Local administrative organization - LAO) chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý hệ thống chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng. LAO được phân quyền chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi. Có bốn vấn đề thách thức mà LAO phải vượt qua bao gồm 1) phát triển sức mạnh gia đình và cộng đồng bằng cách thúc đẩy và hỗ trợ của *vốn xã hội về con người, thể chế* (gia đình, cộng đồng, tôn giáo), *văn hóa và trí tuệ*, 2) áp dụng các nguyên tắc quản trị tốt trong quản lý hệ thống chăm sóc người cao tuổi bằng cách *lập kế hoạch và ngân sách rõ ràng*, 3) quản lý nguồn nhân lực cả về khía cạnh y tế và xã hội, đồng thời tăng cường **đào tạo người chăm sóc tại cộng đồng**, đặc biệt là những người chăm sóc không chính thức để có đủ người chăm sóc cho mọi cộng đồng, và 4) phát triển mô hình dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dài hạn dựa vào cộng đồng, bao trùm tất cả các bên liên quan, tập trung vào chất lượng, kết nối và tích hợp mọi lĩnh vực nhằm cung cấp chất lượng chăm sóc cho tất cả các nhóm người cao tuổi. Sự chuẩn bị sẵn sàng của LAO sẽ dẫn đến sự sẵn sàng và năng lực của LAO trong việc quản lý thành công hệ thống chăm sóc người cao tuổi trước thách thức trong xã hội có dân số già hóa⁽⁹⁾.

Chăm sóc người cao tuổi dựa vào cộng đồng tại một số quốc gia châu Âu

Dân số châu Âu đang già đi nhanh chóng do tỷ lệ sinh thấp và tuổi thọ cao hơn. Gần 50% số người ở EU từ 65 tuổi trở lên cho biết họ bị hạn chế trong các hoạt động hàng ngày và hơn 2/3 cho biết họ bị hạn chế về chức năng thể chất hoặc giác quan⁽¹⁰⁾. Khi tỷ lệ và số người cao tuổi tăng lên, hệ thống y tế và chăm sóc cần phải thích nghi với các bệnh tuổi già và thúc đẩy sự phát triển và duy trì sức khỏe NCT để cuộc sống khỏe mạnh được kéo dài. Mette Petersen, Giám

(8) Leng Leng Thang, Yoshimichi Yui, Yoshiki Wakabayashi, Hitoshi Miyazawa (2023). Promoting age-friendly community of support and care in Japan's aging neighborhood: The Nagayama model. *Aging and Health Research Volume 3, Issue 1*. <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2667032122000579>

(9) Amavasee Ampansirirat và cộng sự (2020). The Management of Elderly Care System in Community: The Challenging Roles of Local Administrative Organization. *JOURNAL OF NURSING AND HEALTH SCIENCES*. VOL. 14 NO. 3 (2020).

(10) Eurostat: Population statistics at regional level [website]. Brussels: European Commission; 2019 (<https://ec.europa.eu/eurostat>, accessed 12 November 2019). https://redcross.eu/latest-news/caring-for-older-people-in-age-friendly-communities#_ftn1

đốc Văn phòng Hội Chữ thập đỏ châu Âu nhấn mạnh “cần thay đổi mô hình trong cách chăm sóc người cao tuổi và đổi mới cách chăm sóc bằng cách hiểu rõ hơn nhu cầu của NCT và cách đảm bảo sự độc lập, trao quyền và hòa nhập của họ⁽¹¹⁾”.

Phương pháp tiếp cận của Hội Chữ thập đỏ Châu Âu là thúc đẩy các cộng đồng thân thiện với NCT nhằm tăng cường quá trình lão hóa năng động và khỏe mạnh bằng cách cải thiện các dịch vụ y tế và thúc đẩy sự tham gia của mọi người, ở mọi lứa tuổi trong việc hình thành các cấu trúc cộng đồng và các dịch vụ được cung cấp. Hội Chữ thập đỏ cũng nỗ lực tạo ra môi trường thân thiện với NCT với các nhu cầu và năng lực khác nhau, đồng thời giải quyết các vấn đề về sự cô lập và cô đơn trong xã hội, hướng đến lão hóa khỏe mạnh và các dịch vụ chăm sóc lâu dài. Cách Hội Chữ thập đỏ các quốc gia Châu Âu thiết kế, thực hiện, phối hợp và theo dõi các hoạt động, chương trình để liên tục cải thiện dịch vụ cho người cao tuổi và cung cấp các giải pháp để giúp họ sống trong môi trường thân thuộc. Các yếu tố chính để chăm sóc người cao tuổi được xác định trong các hội thảo chuyên đề: vai trò của hoạt động tình nguyện trong việc xác định và đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi; cơ hội tạo ra các cộng đồng thân thiện với lứa tuổi góp phần vào cuộc sống độc lập và hòa nhập xã hội của người cao tuổi; và cung cấp các dịch vụ tại nhà. Trong bối cảnh tham vấn mở của Ủy ban châu Âu về Chiến lược chăm sóc châu Âu sắp tới, ấn phẩm cũng bao gồm các khuyến nghị chính. Các hướng dẫn này tập trung vào việc xác định các tiêu chuẩn chất lượng cho các dịch vụ chăm sóc, cũng như sự công nhận và hỗ trợ cho lực lượng lao động và người chăm sóc không chính thức, có tính đến phần lớn sự chăm sóc mà phụ nữ cung cấp. Trên toàn châu Âu, Hiệp hội Chữ thập đỏ quốc gia hoạt động để cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ xúc tiến, phòng ngừa, chẩn đoán, điều trị, phục hồi chức năng và chăm sóc giảm nhẹ. Công việc của họ cũng tập trung vào hỗ trợ tâm lý và sự hòa nhập xã hội của NCT bằng cách phát triển các hoạt động giải trí, đánh giá cao kinh nghiệm và kỹ năng của NCT, đồng thời hướng dẫn các kỹ năng số có thể khuyến khích NCT trao đổi nhiều hơn với gia đình và bạn bè. Điều này được thực hiện bằng cách đảm bảo cung cấp các biện pháp can thiệp lấy con người làm trung tâm, lấy cộng đồng làm trung tâm, có tính đến các yếu tố xã hội, kinh tế và môi trường quyết định sức khỏe trong suốt cuộc đời của một người.

(11) Eurostat: Population statistics at regional level [website]. Brussels: European Commission; 2019 (<https://ec.europa.eu/eurostat>, accessed 12 November 2019). https://redcross.eu/latest-news/caring-for-older-people-in-age-friendly-communities#_ftn1

Ở Đức, số người cao tuổi cần được chăm sóc dự kiến sẽ tăng từ 2,4 triệu năm 2015 lên 3,2 triệu vào năm 2030. Sự gia tăng nhu cầu về các cơ sở chăm sóc dài hạn khó có thể được đáp ứng bởi cơ cấu chăm sóc hiện tại và khả năng nhân viên sẵn có. Ngoài ra, nhiều người Đức vẫn thích được chăm sóc tại nhà càng lâu càng tốt. Trước những thay đổi gần đây, chẳng hạn như tỷ lệ phụ nữ có việc làm và khoảng cách địa lý của các thành viên trong gia đình ngày càng tăng, việc chăm sóc không chính thức trở nên khó khăn hơn trong tương lai. Các báo cáo cho rằng phần lớn những người cần được chăm sóc thích ở trong môi trường quen thuộc của họ càng lâu càng tốt để duy trì mức độ tự chủ cao và các mối quan hệ xã hội của họ⁽¹²⁾. Chăm sóc tại nhà cũng và cộng đồng được khuyến khích vì nó ít tốn kém hơn cho nhà nước và hệ thống an sinh xã hội⁽¹³⁾.

Hàng xóm, bạn bè và tình nguyện viên có thể giúp những người cần hỗ trợ và chăm sóc điều dưỡng có tại cộng đồng. NCT có thể giúp đỡ lẫn nhau. Sự kết hợp giữa hỗ trợ không chính thức và hoạt động tình nguyện với dịch vụ chăm sóc điều dưỡng gia đình và các dịch vụ chuyên nghiệp giúp có thể cung cấp nhiều hình thức hỗ trợ (hỗ trợ) khác nhau. *Các thành phố có trách nhiệm lớn trong việc định hình các cơ cấu chăm sóc và hỗ trợ.* Họ có nhiệm vụ tạo điều kiện và định hình sự tương tác giữa các nguồn lực gia đình, khu phố và cộng đồng xã hội với các dịch vụ chuyên nghiệp. Phạm vi hành động của đô thị phụ thuộc rất nhiều vào tình hình kinh tế địa phương. Nhiều cộng đồng đang bị hạn chế các nguồn lực cho chăm sóc NCT do nguồn thu từ thuế giảm và chi tiêu xã hội tăng. Tỷ lệ già hóa gia tăng tình trạng di cư trong nước và cơ cấu gia đình thay đổi cũng tạo ra những thách thức mới cho nhiều cộng đồng trong việc định hình điều kiện sống của người cao tuổi. Do đó, Ủy ban về người cao tuổi đã được Chính phủ Liên bang yêu cầu xác định trong báo cáo những điều kiện tiên quyết của địa phương đối với sự tham gia xã hội và chất lượng cuộc sống ở tuổi già cũng như cách thức và điều kiện mà các cộng đồng thành phố và chính quyền địa phương có thể thiết lập và định hình cơ cấu chăm sóc và chia sẻ trách nhiệm.

Khái niệm chăm sóc được đưa ra trong Báo cáo người cao tuổi rất coi trọng tính hỗ trợ: các nhu cầu hỗ trợ và chăm sóc cần được đáp ứng khi phát sinh,

(12) Heuchert M, König HH, Lehnert T. The role of preferences in the German long-term care insurance - results from expert interviews. *Gesundheitswesen* 2017;79:1052-7. 10.1055/s-0041-111839

(13) Hajek A, Lehnert T, Wegener A, et al.. Factors associated with preferences for long-term care settings in old age: evidence from a population-based survey in Germany. *BMC Health Serv Res* 2017;17:1-9. 10.1186/s12913-017-2101

việc chăm sóc NCT hướng tới nhu cầu của cá nhân tốt hơn. Do đó, *các cơ cấu chăm sóc hỗn hợp phải được thiết lập gần nơi người dân sinh sống và phù hợp với điều kiện địa phương*. Báo cáo về người cao tuổi chỉ ra cách thức các chính quyền địa phương có thể được tăng cường về vai trò trong việc chăm sóc điều dưỡng và những hoàn cảnh mà họ có thể giúp thiết lập các cơ cấu chăm sóc tại địa phương. Bằng cách này, Báo cáo cũng góp phần tăng cường hoạt động chăm sóc điều dưỡng NCT. Chính quyền thành phố nên là cơ quan chủ trì trong việc điều phối việc chăm sóc và quản lý ca bệnh, thiết lập các cơ cấu tư vấn và quản lý trường hợp ở địa phương. Do đó, Ủy ban khuyến nghị rằng, trách nhiệm chăm sóc và quản lý hồ sơ nên được chuyển giao cho các thành phố trực thuộc trung ương từ quỹ bảo hiểm chăm sóc dài hạn. Ủy ban nhấn mạnh sự cần thiết và tiềm năng của các cơ cấu chăm sóc hỗn hợp tại địa phương, không chỉ trường hợp ‘cộng đồng chăm sóc’ thành một mục tiêu ràng buộc hoặc nâng nó lên thành một chương trình của tiểu bang. Tuy nhiên, nó coi “cộng đồng quan tâm” như một biểu hiện của ý tưởng về “*cộng đồng dựa trên sự đoàn kết*”. Ủy ban cho rằng việc *phát triển tiếp theo của bảo hiểm chăm sóc dài hạn* theo luật định bao gồm cả việc bổ sung các phúc lợi và dịch vụ được cung cấp sẽ cần có nguồn tài trợ bổ sung. Điều này cũng phải mang lại lợi ích cho trách nhiệm của thành phố trong lĩnh vực chăm sóc điều dưỡng và thúc đẩy sự tham gia của gia đình và người dân trong việc hỗ trợ chăm sóc. Vì lý do này và vì lợi ích tài trợ công bằng, Ủy ban khuyến nghị đánh giá nhanh chóng và khách quan ý tưởng ‘bảo hiểm chăm sóc dài hạn cho tất cả mọi người’.

3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Phát huy vai trò của cộng đồng trong chăm sóc NCT là một hướng đi phù hợp với điều kiện nước ta, với văn hóa cộng đồng, tôn trọng NCT, đồng thời giảm gánh nặng cho gia đình và các cơ sở y tế các cấp. Từ kinh nghiệm của các quốc gia đi trước, chúng ta có thể rút ra một số bài học sau:

Thứ nhất, cần hình thành các dịch vụ chăm sóc cộng đồng tại các xã/phường với các dịch vụ chăm sóc tại nhà, phục hồi chức năng và chăm sóc ban ngày với các nhân viên y tế qua đào tạo và kết nối với các cơ sở y tế để nhận được sự hỗ trợ về chuyên môn và có phản ứng kịp thời trong trường hợp khẩn cấp. Hình thành các nhóm hỗ trợ và nhóm chăm sóc tình nguyện.

Thứ hai, phát triển các dịch vụ chăm sóc NCT tích hợp các nguồn lực y tế, các nguồn lực tài trợ, đồng thời cung cấp các dịch vụ liên tục và tích hợp như nhập viện, chăm sóc phục hồi chức năng và chăm sóc cuộc sống ổn định

cho người cao tuổi mắc bệnh mãn tính thông qua các dịch vụ thuận tiện và chuyên nghiệp.

Thứ ba, chăm sóc NCT cần có sự tham gia của các bên liên quan từ chính quyền địa phương, các tổ chức phi lợi nhuận và doanh nghiệp phối hợp trong việc chăm sóc và hỗ trợ người cao tuổi, góp phần tạo ra một môi trường thuận lợi cho NCT có được sự an toàn và cuộc sống có ý nghĩa. Xây dựng môi trường thân thiện với NCT.

Thứ tư, xây dựng phát triển vốn xã hội về con người, thể chế (gia đình, cộng đồng, tôn giáo), văn hóa và trí tuệ; áp dụng các nguyên tắc quản trị tốt trong quản lý hệ thống chăm sóc người cao tuổi bằng cách lập kế hoạch và ngân sách rõ ràng; quản lý nguồn nhân lực cả về khía cạnh y tế và xã hội, đồng thời tăng cường đào tạo người chăm sóc tại cộng đồng, đặc biệt là những người chăm sóc không chính thức để có đủ người chăm sóc cho mọi cộng đồng; và phát triển mô hình dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dài hạn dựa vào cộng đồng, bao trùm tất cả các bên liên quan, tập trung vào chất lượng, kết nối và tích hợp mọi lĩnh vực nhằm cung cấp chất lượng chăm sóc cho tất cả các nhóm người cao tuổi.

Thứ năm, xác định các tiêu chuẩn chất lượng cho các dịch vụ chăm sóc, cũng như sự công nhận và hỗ trợ cho lực lượng lao động và người chăm sóc không chính thức; đồng thời hướng dẫn các kỹ năng số có thể khuyến khích NCT trao đổi nhiều hơn với gia đình và bạn bè.

Thứ sáu, chính quyền các xã/phường cần có trách nhiệm định hình các cơ cấu chăm sóc và hỗ trợ NCT phù hợp với điều kiện địa phương. Xây dựng “cộng đồng dựa trên sự đoàn kết” và phát triển bảo hiểm chăm sóc dài hạn.□

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ BẠC TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU Á: BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

TRẦN THỊ NGỌC QUYÊN - NGÔ HÀ PHƯƠNG - PHẠM VĂN NHI

Viện Nghiên cứu sáng tạo, Trường Đại học Ngoại thương

NGÀY nay, các nguồn lực trong xã hội đều cần được huy động và phân bổ hiệu quả hướng đến phát triển kinh tế bền vững. Trong giai đoạn tới, nền kinh tế bạc chính là một hướng tiếp cận khá bao trùm hướng đến nhóm khách hàng cao tuổi, đồng thời phát triển nguồn lao động cao cấp, nhóm nhân lực cao tuổi tài năng với những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm và thái độ làm việc nghiêm túc nhằm phát triển một số ngành kinh tế thông minh không chỉ đóng góp tăng trưởng của nền kinh tế mà hướng đến phát triển bền vững. Việt Nam đang hội nhập trong khu vực và thế giới với những chính sách linh hoạt phát triển một số ngành, lĩnh vực đặc thù và thu hút nhiều nhân lực. Hệ thống luật pháp và chính sách cần ngày càng hoàn thiện để tạo động lực phát triển bền vững nền kinh tế trong bối cảnh mới.

Kinh tế bạc (silver economy) là nền kinh tế, trong đó các chính sách phát triển của quốc gia, của các tổ chức, của doanh nghiệp tập trung vào đối tượng là người cao tuổi. Nền kinh tế bạc phản ánh sự gia tăng về số lượng người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên và đồng thời là sự giảm thiểu dân số trẻ em (National Library of Medicine, National Center for Biotechnology Information). Đối với cách tiếp cận của Trung Quốc, khái niệm nền kinh tế bạc được mở rộng. Đây là nền kinh tế tích hợp tất cả các hoạt động phục vụ người cao tuổi hoặc chuẩn bị cho nhóm cư dân bước vào độ tuổi này (Liu Ming, NCRD, 2022). Nó tập trung vào 2 lĩnh vực của nền kinh tế: (i) những người cao tuổi hiện tại và (ii) hướng đến những người trong độ tuổi lao động chuẩn bị bước vào độ tuổi này, kết hợp những sản

phẩm và dịch vụ quan trọng phục vụ nhóm dân cư này thể hiện chiến lược quan trọng của quốc gia hướng đến trọng tâm người cao tuổi. Hơn nữa điều quan trọng cần tạo nền tảng chuẩn bị cho giai đoạn tiếp theo của những người trẻ, trung niên để chuẩn bị bước vào nhóm người cao tuổi theo hướng bền vững.

Khi một quốc gia phát triển thì nhu cầu của người cao tuổi sinh vào những năm 1960 thường gia tăng. Nhóm dân cư này tập trung vào chất lượng cuộc sống với những sở thích đa dạng từ dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đến những phong cách sống của người cao tuổi với nhiều nhu cầu từ các hoạt động thư giãn như thể thao, nghệ thuật, giải trí. Đồng thời, họ cũng mong muốn và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động của nền kinh tế. Đây chính là cơ hội cho sự phát triển nền kinh tế bạc.

Nền kinh tế bạc có một số đặc điểm nổi bật. *Thứ nhất, có tính đặc thù.* Trong lịch sử loài người, chưa xuất hiện tiền lệ khi người cao tuổi ngày càng đóng vai trò quan trọng, chưa từng xuất hiện tình trạng già hóa dân số. Nhưng đến năm 2050, quy mô người cao tuổi được dự đoán sẽ lần đầu vượt quá số người trẻ tuổi. *Thứ hai, tính phổ biến.* Trong nền kinh tế bạc, già hóa dân số là một hiện tượng phổ biến trên toàn cầu ảnh hưởng đến mọi người dân trong xã hội, đặc biệt là mối quan hệ giữa các thế hệ trong cùng một gia đình. *Thứ ba, tác động sâu rộng đến các lĩnh vực của xã hội.* Sự già hóa dân số có những tác động và hậu quả nặng nề đến các lĩnh vực, từ kinh tế, xã hội đến chính trị. *Thứ tư, tính bền vững.* Tỷ lệ người cao tuổi có xu hướng tăng bền vững trong những năm gần đây (World Population Ageing 2015-2020). Do đó, phát triển kinh tế bạc sẽ có cách tiếp cận liên ngành khi nhìn nhận người cao tuổi là nguồn lực phát triển dài hạn của nền kinh tế.

1. Tổng quan nghiên cứu nền kinh tế bạc

Cùng với nhiều nghiên cứu triển khai tập trung phân tích tổng thể các nền kinh tế thế giới, thực tiễn các nghiên cứu về thực trạng và các chính sách đối với người cao tuổi đã được đề cập ngày càng nhiều và nhóm dân cư này đã tham gia ngày càng sâu rộng vào lực lượng sản xuất của nền kinh tế. Thời gian qua, các quốc gia tại Châu Âu đã triển khai nhiều chính sách đối với nền kinh tế tại khu vực này. Bên cạnh là thị trường tiêu dùng lớn, người dân châu Âu cao tuổi đã trở thành lực lượng lao động khá đông đảo góp phần thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế. Nếu như trước đây, thuật ngữ “già hóa dân số” ban đầu được quan tâm nhiều ở các nước phát triển và các quốc gia này cũng đã xây dựng hệ thống luật pháp, chính sách, thì hiện nay đang trở thành một vấn đề quan trọng ở các nước đang phát triển.

Thực tế, người cao tuổi cũng đã đóng vai trò quan trọng tạo nên sự phát triển cho nền kinh tế bậc tại quốc gia phát triển tại Châu Á. Các nghiên cứu hiện nay tập trung phân tích chính sách đặc thù của một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam liên quan đến người cao tuổi như chính sách phúc lợi xã hội như tuổi lao động, bảo hiểm, y tế, các hoạt động cộng đồng. Các chính sách này được triển khai ở rất nhiều các quốc gia khá đa dạng, linh hoạt.

Tại Nhật Bản có nhiều nghiên cứu liên quan đến chính sách phát triển nền kinh tế. Thực tế, một số nghiên cứu trên thế giới liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển nguồn lao động cao tuổi, cũng như phát triển kinh tế bậc. Nghiên cứu “Sự tham gia lao động của người cao tuổi ở Nhật Bản” (Labor Force Participation of the Elderly in Japan., Takashi Oshio Emiko Usui Satoshi Shimizutani, 2018) đã nhận định sự gia tăng tuổi thọ, cải thiện về sức khỏe, trình độ học vấn và sự chuyển dịch sang các công việc ít yêu cầu về thể chất là những yếu tố chính thúc đẩy nhóm cư dân này tiếp tục tham gia vào lực lượng lao động. Đặc biệt, những đổi mới trong chính sách ưu đãi an sinh xã hội của chính phủ, bao gồm việc nâng độ tuổi đủ điều kiện nhận trợ cấp lương hưu, cũng đã có ảnh hưởng đáng kể thu hút nguồn lao động người cao tuổi tại quốc gia này. Còn Sara E.Rix với “Chính sách công và lực lượng lao động già hóa ở Hoa Kỳ” (*Public Policy and the Ageing Workforce in the United States, 2004*) cũng đã đề xuất một số giải pháp kéo dài thời gian làm việc của người lao động, thu hút sự tham gia của lao động cao tuổi, bao gồm cải thiện cơ hội việc làm, điều chỉnh hệ thống an sinh xã hội, hưu trí, giải quyết các trở ngại về pháp lý và quy định cản trở việc tiếp tục làm việc của nhóm dân cư này (chính sách bảo hiểm xã hội, các quy định về thuế,...), từ đó phát triển nguồn lao động cao tuổi chất lượng cao.

Tiếp đến, tại Trung Quốc, nhóm dân cư cao tuổi cũng chiếm tỷ trọng lớn của nền kinh tế và Chính phủ đã chủ động triển khai tổng thể nhiều chính sách tích cực liên quan đến nhân lực cao tuổi tại nước này. Tính đến năm 2023, người dân cao tuổi từ 60 tuổi trở lên ở quốc gia Châu Á này chiếm khoảng 21,1% tổng dân số của quốc gia này, tương đương 297 triệu người và tạo thành xã hội siêu người cao tuổi - “super-aged society” và đến 2050 quy mô người cao tuổi sẽ đạt gần tỷ người (WB, 2024). Khi Trung Quốc có quy mô dân số lớn trên thế giới, tỷ lệ sinh ngày càng giảm và tương ứng là tỷ lệ người cao tuổi ngày càng gia tăng. Chính phủ nước này có những chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân hoạt động cung cấp các sản phẩm và dịch vụ phục vụ người dân cao tuổi. Chính phủ đã thông báo kế hoạch phát triển 10 công viện công

nghiệp (industrial park), tăng đầu tư công, đầu tư tư nhân và hoạt động đổi mới để phát triển các sản phẩm và dịch vụ phục vụ cho người cao tuổi. Nền kinh tế bạc của nước này hiện nay chiếm khoảng 6% GDP của Trung Quốc và dự kiến đến năm 2035 chiếm khoảng 10% GDP (National Radio, 2024). Bên cạnh đó, các quốc gia Đông Nam Á cũng đã từng bước triển khai nhiều chính sách hướng đến nhóm lao động người cao tuổi. Đồng thời, các chính sách phát triển kinh tế cũng tập trung đặc biệt đến nhóm khách hàng nhiều tiềm năng này.

2. Thực tiễn chính sách tại một số quốc gia châu Á

Đối với các nền kinh tế trên thế giới, khi già hoá dân số là một thách thức đối với nguồn lực đầu vào nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng bền vững thì các quốc gia cần huy động các nguồn nhân lực trẻ, thông minh đóng góp vào lực lượng lao động của xã hội. Tuy nhiên, ở cách tiếp cận khác, thì đây là đối tượng /thị trường tiềm năng của các quốc gia trên thế giới. Đây có thể coi là nguồn lực quan trọng cho mục tiêu tăng trưởng bền vững của nền kinh tế.

Phát triển chất lượng cuộc sống người cao tuổi: Quy mô người cao tuổi gia tăng và chất lượng/sức khoẻ/ năng lực ngày càng được cải thiện, vai trò ngày càng trở nên quan trọng đối với nền kinh tế. *Nhóm nguồn lực có chất lượng cao:* người cao tuổi có thể tiếp tục và sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động chất lượng cao trong một số ngành đặc thù trên cơ sở đó có thể thu hút nguồn lực bền vững và tăng được lương hưu cho người già trong một số lĩnh vực đặc thù. *Nhóm người tiêu dùng của tương lai:* Đây là thế hệ có mức tiêu dùng khá lớn, thu nhập ổn định và không chịu sức nặng tìm kiếm việc làm trong nền kinh tế. Tại Châu Âu, việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ cho người cao tuổi vẫn còn nhiều dư địa. Tại Nhật Bản, người cao tuổi có thu nhập ổn định và chi tiêu cao cho tiêu dùng so với mức chung của nền kinh tế. Tại Trung Quốc, sức mua của người cao tuổi cũng gia tăng, đặc biệt với các giao dịch online cho thấy tiềm năng rất lớn từ thị trường này. Nhiều doanh nghiệp lớn đã tập trung sản xuất và cung ứng các sản phẩm chất lượng cho nhóm khách hàng này. Chính phủ nước này đã bắt đầu có quy chế hướng dẫn để phát triển nền kinh tế bạc nhằm phát triển các ngành công nghiệp cung cấp sản phẩm cho người cao tuổi và các quy định liên quan đến nguồn cung ứng sản phẩm và dịch vụ cho nhóm người này. Cùng với đó, chính phủ cũng có kế hoạch xây dựng một số khu công nghiệp bạc cao cấp với việc cung cấp các dịch vụ thông minh cho người dân. Đồng thời, chính phủ các nước có thể thiết lập cơ chế phát triển một số ngành dịch vụ chất lượng cao và lương hưu chất lượng cao cho đối tượng này.

Xu hướng người cao tuổi ngày càng gia tăng trong quy mô dân số từng quốc gia và toàn cầu từ các nước phát triển tại EU, Nhật Bản, đến các quốc gia đang phát triển như Trung Quốc, Việt Nam và nhiều quốc gia khác. Điều này đòi hỏi chính phủ các quốc gia cần huy động nguồn lực để phát triển kinh tế, trong đó người dân cao tuổi vừa là động lực tăng trưởng và vừa là thị trường khách hàng tiềm năng cho các doanh nghiệp. Kinh nghiệm từ các quốc gia trong khu vực sẽ là những bài học cho các quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

2.1 Trung Quốc

Tại Trung Quốc, nền kinh tế bậc lần đầu tiên được đề cập năm 2022 nhằm thúc đẩy các chính sách huy động nguồn lực xã hội nhằm thích ứng với nền kinh tế già hoá dân số. Dân số nước này đang già nhanh hơn rất nhiều so với các nước đang phát triển khác. Đồng thời, quy mô dân số cũng có xu hướng giảm, cụ thể năm 2023 giảm 9,08 triệu người. Hiện nay, Trung Quốc có số người cao tuổi lớn nhất thế giới, cụ thể là hơn 280 triệu người trên 60 tuổi. Vì vậy mà các doanh nghiệp dù lớn hay nhỏ đều đang chuyển hướng tập trung đối tượng người cao tuổi. Bên cạnh đó, nền kinh tế bậc chính là đóng góp mới vào tăng trưởng chất lượng cao của nền kinh tế. Quy mô của nền kinh tế bậc đóng góp khoảng 6% GDP của Trung Quốc và đến năm 2030 dự kiến sẽ là 10%. Trung Quốc tăng cường phát triển nền kinh tế bậc với nỗ lực tập trung chiến lược hướng đến người cao tuổi nhằm cải thiện cuộc sống và tăng cường các ngành công nghiệp hướng đến phát triển kinh tế và xã hội chất lượng ngày càng cao. Sự hiện đại hoá của Trung Quốc chính là sức sống cho nền kinh tế bậc.

Hướng dẫn, quy định phục vụ cho người cao tuổi

Chính phủ cũng có kế hoạch xây dựng nền kinh tế bậc đối với đối tượng dân số cao tuổi. Chính phủ nước này đã công khai kế hoạch tăng cường đối với nền kinh tế bậc nhằm thích ứng với thực tế già hoá dân số. Quốc gia này đã giới thiệu chính sách tập trung cho tương lai khi nhu cầu của người nhiều tuổi gia tăng ở cấp độ quốc gia. Quốc gia này nhấn mạnh đến ngày càng tăng cường vai trò của người cao tuổi trong lực lượng lao động của mỗi quốc gia. Ở nhiều quốc gia khác nguồn lực ngày càng hạn chế mà vẫn cần đóng góp vào duy trì năng suất quốc gia. Chính phủ đã đưa ra 26 hướng dẫn tập trung vào 4 nhóm lĩnh vực trọng điểm đảm bảo những nhu cầu cần thiết của dân số thuộc độ tuổi này, đó chính là dịch vụ y tế thông minh đến kế hoạch tài chính đối với người cao tuổi, hay xúc tiến phát triển thuốc và mỹ phẩm đến việc đối mặt với các bệnh tuổi già.

Các chính sách liên quan

Văn phòng thống kê của Hội đồng nhà nước đã nhấn mạnh các nhóm chính sách tập trung vào các biện pháp mở rộng, tiêu chuẩn hoá, phát triển các cụm công nghiệp, tăng cường thương hiệu “nền kinh tế bạc”. Chính sách ưu tiên cho các công dân xuất sắc, chính phủ cần cải thiện dịch vụ thực phẩm và chăm sóc y tế, phát triển các viện dưỡng lão, kích thích tiêu dùng đối với các dân cư có thu nhập cao.

Quy định độ tuổi thuộc nghỉ hưu: Quốc gia này cũng đang cần xem xét lại quy định độ tuổi nghỉ đối với lao động, khi mà hiện nay, tuổi đối với nam là 60, nữ là 55, còn đối với nữ đang làm việc tại các cơ sở sản xuất/nhà máy là 50.

Phát triển mô hình kinh doanh mới và phát triển công nghệ: Trung Quốc phát triển công nghệ số để thúc đẩy nền kinh tế bạc và tạo tiện lợi cho người tiêu dùng cao tuổi. Để tiếp tục đổi mới và cải thiện các tiện ích số để làm cầu nối khoảng cách về công nghệ đối với người cao tuổi. Tập trung nghiên cứu các mô hình kinh doanh mới dành cho người cao tuổi đối với chăm sóc sức khoẻ thông minh với phát triển hệ thống robot phục vụ và hỗ trợ công việc gia đình, cùng với công nghệ sinh học để ứng phó với các loại bệnh.

Phát triển khu công nghiệp đặc thù phục vụ người dân cao tuổi. Kế hoạch thành lập 10 “khu công nghiệp kinh tế bạc cấp cao” ở các khu vực như Bắc Kinh - Thiên Tân - Hà Bắc, đồng bằng sông Dương Tử và khu vực vịnh lớn Quảng Đông - HongKong - Macao, phát triển các công viên dành cho người cao tuổi.

Phát triển nhiều ngành/lĩnh vực mới: Phát triển ngành công nghiệp với những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao phục vụ người cao tuổi. Quốc gia này phát triển các dịch vụ chăm sóc khách hàng cao tuổi mới và nuôi dưỡng phát triển các nguồn nhân lực tài năng phục vụ cho nền kinh tế bạc.

Phát triển các nhóm sản phẩm mới: Hỗ trợ cho các tập đoàn lớn, các doanh nghiệp, khuyến khích các công ty văn hóa và công ty du lịch tập trung phát triển những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao phục vụ người cao tuổi.

Chính sách tài chính: Hỗ trợ tài chính nhiều hơn cho phát triển công nghiệp, bao gồm tối ưu hóa ngân sách chính phủ trung ương nhằm nâng cấp các cơ sở dịch vụ chăm sóc người cao tuổi mới đủ tiêu chuẩn và thúc đẩy việc sử dụng thiết bị thông minh. Cùng với đó là các chương trình tài chính hỗ trợ người tiêu dùng cao cấp và tăng cường hỗ trợ các chương trình và các thiết bị chăm sóc

người già. Như vậy, nền kinh tế bạc thiết kế các sản phẩm và dịch vụ phục vụ người cao tuổi cao cấp nhằm thích ứng với bối cảnh mới.

2.2 Singapore

Ở Singapore, thực trạng già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng, với tỷ lệ người cao tuổi tăng nhanh đáng kể. Tỷ lệ dân số người cao tuổi (từ 65 tuổi trở lên) trong tổng dân số đã tăng từ 11.7% (năm 2013) lên 19.1% vào năm 2023. Đặc biệt, số lượng công dân Singapore ở độ tuổi 80 trở lên đã đạt đến con số 136,000 người vào năm 2023. Điều này cho thấy xu hướng già hoá dân số đang diễn ra mạnh mẽ tại quốc đảo này và dự kiến vào năm 2030, cứ khoảng 04 công dân (24.1%) sẽ có 01 công dân ở độ tuổi 65 trở lên (*Singapore Demographics: Population Brief, 2023*).

Nhằm đối mặt với sự thay đổi lớn trong cấu trúc dân số với tốc độ lão hóa dân số nhanh chóng, Singapore đã và đang phát triển mạnh mẽ nền kinh tế bạc với các loại hình doanh nghiệp đa dạng. Các doanh nghiệp từ khởi nghiệp đến các công ty lớn, đều đang nắm bắt cơ hội này để phát triển các giải pháp sáng tạo nhằm phục vụ nhu cầu của người già, từ y tế, dinh dưỡng đến giải trí và công nghệ. Singapore đặt mục tiêu không chỉ cải thiện chất lượng cuộc sống cho người cao tuổi mà còn tạo ra động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế.

Nền kinh tế bạc tại Singapore được dự đoán sẽ đạt giá trị lên đến 72,4 tỷ USD vào năm 2025, thúc đẩy sự đổi mới và tạo ra cơ hội cho doanh nghiệp trong và ngoài nước (*Aging Asia*). Các khoản đầu tư vào công nghệ và dịch vụ hướng đến người cao tuổi không chỉ giúp đáp ứng nhu cầu của một phần dân số đang ngày càng tăng mà còn góp phần vào việc duy trì sự năng động và tích cực của phần dân số này trong xã hội.

Các chính sách:

Chính sách an sinh xã hội: Quốc gia này chủ trương xây dựng một hệ thống an sinh xã hội tiên tiến và toàn diện, đồng thời xây dựng một mạng lưới chặt chẽ tận dụng phát triển các ngành công nghiệp sản xuất và dịch vụ trong thời kỳ hiện đại.

Quy định tuổi nghỉ hưu: Chính phủ đã nâng tuổi nghỉ hưu từ 62 lên 63 tuổi và tuổi tiếp tục tham gia thị trường lao động của người dân tăng từ 67 lên 68 tuổi, đồng thời đặt mục tiêu đẩy mạnh hơn nữa với kế hoạch nâng tuổi nghỉ hưu lên 65 và tuổi làm việc lại lên 70 vào năm 2030; xây dựng khoản trợ cấp và chương trình tín dụng cho người cao niên từ năm 2023 - 2025 nhằm khuyến khích sự tham gia tích cực của người lao động lớn tuổi trong thị trường lao

động, đồng thời mở ra cơ hội phát triển nền kinh tế bạc trong nước. (*Retirement and Re-Employment Amendment Bill 2021 and CPF Amendment Bill 2021*)

Chăm sóc sức khoẻ: Với nhu cầu chăm sóc y tế đặc biệt ngày càng cao của người cao tuổi, Singapore tập trung đổi mới trong lĩnh vực y tế, phát triển thương mại điện tử, áp dụng công nghệ tiên tiến cung cấp giải pháp chăm sóc sức khoẻ cá nhân hoá đa dạng nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của phần dân số này; tận dụng thị trường phần dân số đang tăng trưởng mở ra các cơ hội kinh doanh cho nhiều ngành công nghiệp trong nền kinh tế bạc.

Nhà ở: Xây dựng chiến lược quy hoạch đô thị và nhà ở nhằm đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi với dự án thí điểm chính phủ tiêu biểu - chung cư Kampung Admiralty. Được thiết kế như một mô hình “khu phức hợp dành cho người già” với đa dạng chức năng, dự án nhấn mạnh sự cần thiết của việc tạo ra một môi trường sống lý tưởng phục vụ người cao tuổi nước này.

Sản xuất sản phẩm và dịch vụ: Chính phủ hỗ trợ, khuyến khích đa dạng doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ chất lượng phục vụ đời sống người cao tuổi bằng cách thông qua các dự án đa dạng lĩnh vực, chất lượng cao như The Golden Concepts, Tetsuyu Healthcare.

2.3 Malaysia

Được dự báo sẽ trở thành một đất nước với dân số già vào năm 2044, khi phần dân số trên 65 tuổi chiếm 14% (*World Bank, 2020*), Malaysia cũng là một trong những quốc gia đứng trước tình trạng già hoá dân số, mở ra nhiều cơ hội và thách thức đối với sự phát triển của nền kinh tế bạc.

Đối mặt với thực trạng này, chính phủ Malaysia chủ trương xây dựng và thực hiện những chính sách, biện pháp cụ thể nhằm tận dụng tối ưu nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm. Đồng thời, quốc gia này cũng triển khai khai thác tiềm năng tiêu dùng và đầu tư liên quan đến người cao tuổi, từ việc chăm sóc sức khoẻ đến du lịch và giải trí, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua việc tận dụng đáp ứng nhu cầu của phần dân số đang ngày càng tăng cao.

Các chính sách:

Chính sách hỗ trợ người lao động: Triển khai các chương trình hỗ trợ người lao động lớn tuổi, bao gồm cả cải thiện cơ hội đào tạo nghề và việc làm linh hoạt, để khuyến khích phần dân số này tiếp tục đóng góp vào nền kinh tế.

Chính sách bảo hiểm xã hội: Mở rộng phạm vi, bổ sung điều chỉnh đầy đủ bảo hiểm xã hội bao gồm Quỹ lương hưu cho người lao động (EPF), xem xét một hệ thống hưu trí xã hội được áp dụng rộng rãi.

Phát triển hệ thống dịch vụ chăm sóc sức khỏe: Chủ trương xây dựng một hệ thống chăm sóc người cao tuổi toàn diện, hỗ trợ cung cấp dịch vụ từ các doanh nghiệp tư nhân, tổ chức phi lợi nhuận.

2.4 Thái Lan

Trong thời đại đô thị hóa với sự phát triển vượt bậc của công nghệ cũng như dịch vụ chăm sóc sức khỏe, tuổi thọ dân số Thái Lan ngày càng tăng lên đáng kể. Khi đó, họ tiêu dùng nhiều hơn và tạo ra vô số cơ hội kinh doanh, không chỉ trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe mà còn trong các lĩnh vực công nghệ, di động, giải trí và du lịch, bất động sản và nhà ở.

Nhu cầu về các sản phẩm và dịch vụ trong thị trường “kinh tế bạc” đang bùng nổ ở Thái Lan và các nước ASEAN khác. Trong những năm gần đây, ASEAN đã chứng kiến sự gia tăng đáng kể về chi tiêu cho y tế, đặc biệt là chi tiêu chăm sóc sức khỏe ở Thái Lan chiếm 3,71% GDP vào năm 2016 (Thailand Board of Investment 2019).

Các ngành kinh doanh có tiềm năng tăng trưởng cao trong bối cảnh dân số già hóa bao gồm du lịch y tế, chăm sóc người cao tuổi, giáo dục, giao thông vận tải, dịch vụ tài chính, nhà ở và công nghệ thông minh. Các doanh nghiệp này không chỉ phục vụ người cao tuổi Thái Lan mà còn cả người cao tuổi nước ngoài nhập cư vào Thái Lan hoặc nghỉ dưỡng ở quốc gia này. Đứng trước xu hướng già hóa, Thái Lan đã áp dụng một loạt các chính sách và biện pháp để thúc đẩy nền kinh tế chuyển hóa từ người tiêu dùng trẻ sang người tiêu dùng cao tuổi.

Các chính sách áp dụng:

Hệ thống chăm sóc sức khỏe: Mở rộng quyền lợi chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi thông qua các chương trình như hệ thống bảo hiểm y tế quốc gia, cung cấp dịch vụ y tế và chăm sóc lâu dài ở cấp độ cộng đồng.

Chính sách chế độ nghỉ hưu: Tạo điều kiện cho người cao tuổi tiếp tục làm việc quá tuổi hưu thông qua việc thiết lập chính sách linh hoạt về tuổi hưu và khuyến khích các doanh nghiệp tuyển dụng người cao tuổi.

Chính sách đào tạo: Thúc đẩy các chương trình giáo dục và đào tạo suốt đời để tăng cường kỹ năng và kiến thức cho người cao tuổi, nhằm giúp họ có thêm cơ hội phát triển cá nhân lẫn chuyên môn.

Chính sách phúc lợi xã hội: Triển khai các chương trình bảo hiểm xã hội nhằm bảo vệ người cao tuổi khỏi rủi ro tài chính và đề xuất các sản phẩm tiết kiệm hưu trí phù hợp với nhu cầu của họ.

3. Thực tiễn tại Việt Nam

Tại Việt Nam, nền kinh tế bạc đang bắt đầu nhận được sự quan tâm nhiều hơn do thực tiễn từ quá trình già hóa dân số nhanh chóng. Cụ thể, 12% dân số nằm trong nhóm có độ tuổi trên 60, bao gồm 1,9 triệu người trên 80 tuổi (*Công thông tin Điện tử Bộ Tài chính*). Đối với Việt Nam, đây vẫn được coi là một giai đoạn đầu và mới nên đất nước ta đang phải đứng trước những thách thức và cơ hội mà xu hướng này mang lại. Nhận thức được xu hướng già hóa dân số là tất yếu, Đảng và Nhà nước đã tập trung xây dựng các chủ trương cũng như chính sách liên quan đến hệ thống trợ giúp xã hội để đối mặt với xu hướng này. Vì vậy, xu hướng già hóa dân số được coi là vấn đề ưu tiên trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam và Chiến lược quốc gia về an sinh xã hội.

Thực tiễn các chính sách hiện đang được áp dụng đối với nền kinh tế bạc và xu hướng già hoá tại Việt Nam:

Chính sách về tuổi nghỉ hưu: Nữ từ 55 lên 60, nam từ 60 lên ... Một số ngành, lĩnh vực có nhu cầu và phát triển tuyển dụng người cao tuổi ở những vị trí việc làm phù hợp như quản lý, nhà nghiên cứu, giảng viên, bác sĩ, chuyên gia tư vấn,...

Hệ thống luật pháp liên quan và chính sách phúc lợi xã hội: Việt Nam triển khai các chính sách liên quan như y tế, chăm sóc sức khoẻ, trợ cấp xã hội.

Chính sách hỗ trợ ưu đãi: Nhà nước chủ trương đẩy mạnh ưu đãi thuế và hỗ trợ tài chính cho các tổ chức cung cấp dịch vụ cho người cao tuổi, nhằm mục tiêu tạo điều kiện cho người cao tuổi có cuộc sống an toàn và đầy đủ hơn; đồng thời xã hội hoá hoạt động của các lĩnh vực. Tuy nhiên thực tế cho thấy các chính sách, chủ trương này vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và cơ chế phù hợp, dẫn đến những hạn chế trong việc triển khai tiềm năng sẵn có của các doanh nghiệp tư nhân và các tổ chức xã hội. Nhà nước đã có chính sách hỗ trợ người cao tuổi vay vốn ưu đãi để tiến hành các hoạt động sản xuất và kinh doanh (theo Thông tư

số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú). Nhờ vậy, người cao tuổi cũng có thể vay vốn từ hai nguồn vốn thông qua Ngân hàng chính sách xã hội và Quỹ quốc gia về việc làm.

Nhìn chung, Chính phủ Việt Nam đã có những chủ trương, chính sách, đường lối ứng phó với xu hướng già hoá dân số, và tối ưu hoá phát triển kinh tế bậc. Dù vậy, các chính sách này chưa thực sự được áp dụng rộng rãi và đem lại hiệu quả; cần phải tiếp tục cải thiện và điều chỉnh đường lối, tăng cường đầu tư tài chính, nâng cao nhận thức xã hội, từ đó xây dựng một xã hội phát triển và bền vững.

4. Một số bài học cho Việt Nam

Khi phân tích thực tiễn một số quốc gia tại Châu Á có thể nhận thấy các quốc gia này đều mới ở giai đoạn đầu của phát triển kinh tế bậc với những quy định, chính sách khởi đầu của phục vụ các nhu cầu của người cao tuổi và thu hút nguồn nhân lực cao tuổi.

Về tổng quan, khi phát triển nền kinh tế bậc cần có quan điểm tiếp cận tổng thể hệ thống quy định, chính sách. Cụ thể như cách tiếp cận của các nhà nghiên cứu Trung Quốc. Giai đoạn đầu cần tìm hiểu và đáp ứng những nhu cầu cần thiết của người tiêu dùng. Giai đoạn tiếp theo sẽ tập trung đổi mới các sản phẩm và dịch vụ phục vụ nhóm khách hàng này. Cụ thể là chính sách phát triển hoạt động nghiên cứu và triển khai các sản phẩm thân thiện với người tiêu dùng, bao gồm từ các đồ thời trang đặc biệt đến môi trường chăm sóc đa dạng cho người già. Quốc gia này cũng tập trung cung cấp các sản phẩm thông minh cho người cao tuổi. Các chính sách tập trung cho nền kinh tế cần hướng đến 2 mục tiêu: hướng đến tăng trưởng kinh tế bền vững và giải quyết được những vấn đề già hoá nền kinh tế. Điều này đòi hỏi cần có những chính sách tổng thể và khá đặc thù tùy thuộc vào đặc trưng của từng nền kinh tế.

Về các hướng tiếp cận cụ thể, chính phủ cần tập trung vào một số điểm chính sau đây:

Một là, cần có kế hoạch xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý định hướng chung cho nền kinh tế, cũng như phát triển một số nhóm ngành đặc thù phục vụ người cao tuổi.

Hai là, tập trung triển khai một số chính sách: hỗ trợ tài chính để phát triển các nhóm ngành công nghiệp đặc thù; đổi mới, sáng tạo đối với những ngành, lĩnh vực áp dụng công nghệ cao.

Ba là, tập trung phát triển các mô hình kinh doanh mới với một số ngành kinh tế đặc thù phục vụ người cao tuổi cũng như cho nền kinh tế. Những lĩnh vực đặc thù tạo ra những sản phẩm cao phục vụ cho nền kinh tế, cụ thể một số lĩnh vực trong ngành công nghiệp văn hoá như du lịch, ẩm thực, thủ công mỹ nghệ.

Bốn là, hỗ trợ các lĩnh vực, các doanh nghiệp tiên phong và có những đóng góp phát triển các ngành đặc thù phục vụ cho đối tượng khách hàng người cao tuổi. Các lĩnh vực này là những lĩnh vực mới, thu hút nhiều khách hàng là người tiêu dùng chất lượng cao. Ví dụ Trung Quốc tập trung phát triển ngành công nghiệp chăm sóc thông minh dành cho người cao tuổi, bao gồm công nghệ kết nối thông minh như các sản phẩm không dây, dịch vụ robot, các máy móc thông minh phục vụ cho môi trường chăm sóc người cao tuổi.

Năm là, đổi mới, hoàn thiện và bổ sung một số chính sách phúc lợi xã hội đặc thù y tế, giáo dục, các dịch vụ hỗ trợ,... để phát triển “nền kinh tế bạc” như chính sách phát triển môi trường sống thân thiện (khu công nghiệp, các công viên công nghiệp, hệ thống nhà thông minh,...), chính sách cải thiện lương hưu phù hợp đối với người lao động cao tuổi chất lượng cao, phát triển các dịch vụ điều dưỡng chất lượng cao phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng, tạo dựng môi trường làm việc tích cực dài lâu cho người cao tuổi như các khu công nghiệp đặc thù, các văn phòng làm việc tiện ích, logistics trong một số nhóm ngành thu hút lao động cao tuổi.□

“TUỔI GIÀ KHỎE MẠNH VÀ NĂNG ĐỘNG” MÔ HÌNH CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI Ở THỤY ĐIỂN

TS. NGUYỄN THU PHƯƠNG

Phó trưởng Ban Quốc tế, Tạp chí Cộng sản

CHĂM sóc sức khỏe cho người cao tuổi là một trong những mục tiêu quan trọng trong chính sách phúc lợi xã hội của Thụy Điển. Quốc gia này được biết đến mô hình chăm sóc người cao tuổi điển hình với phương châm sống “vui, khỏe, có ích”, để mọi người dân đều có thể già đi một cách an toàn và có được cuộc sống “độc lập” lâu nhất có thể. Người cao tuổi được đối xử tôn trọng và có thể kiểm soát cuộc sống hàng ngày, được tiếp cận với dịch vụ, cũng như sự chăm sóc mà họ mong muốn.

Một nền y tế vì người dân

Đối với hệ thống y tế quốc gia, Chính phủ Thụy Điển dành một khoản chi phí tương đối lớn trong kế hoạch sử dụng ngân sách quốc gia của nước này, khoản chi trên được duy trì tương đối đều đặn qua các năm (năm 2018 chiếm 10,9% GDP; năm 2019 là 10,8% GDP; năm 2020: 11,3% GDP; năm 2021: 11,28% GDP; năm 2022 là 10,7% GDP)⁽¹⁾.

Theo hệ thống bản đồ địa chính, Thụy Điển được chia thành 21 hạt và 290 đô thị, do vậy trách nhiệm quản lý, duy trì hệ thống chăm sóc y tế thuộc về các hội đồng khu vực và chính quyền địa phương. Điều này được quy định trong Đạo luật Y tế và Dịch vụ y tế của nước này. Vai trò của chính quyền trung ương là thiết lập các nguyên tắc, hướng dẫn, cũng như các chương trình nghị sự về y tế. Cụ thể, pháp luật của Thụy Điển quy định chính quyền các khu vực, địa

(1) The World Bank: “Current health expenditure (% of GDP) - Sweden” (Tạm dịch: Chi tiêu y tế hiện nay của Thụy Điển (tính theo tỷ trọng % GDP)), ngày 7-4-2023, <https://data.worldbank.org/indicator/SH.XPD.CHEX.GD.ZS?Locations=SE>

phương trên toàn lãnh thổ cung cấp đầy đủ dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe với chất lượng tốt cho người dân, đồng thời tăng cường các giải pháp giúp người dân bảo vệ sức khỏe tốt hơn.

Bên cạnh đó, Chính phủ Thụy Điển khuyến khích sự tham gia của khối tư nhân nhằm duy trì các chi phí y tế ở mức giá phải chăng nhất cho người dân. Đơn cử, chi phí nằm viện tối đa một ngày không quá 100 SEK (khoảng 9,42 USD). Các chi phí chăm sóc ban đầu thường dao động ở mức miễn phí đến 300 SEK (khoảng 28,25 USD) tùy theo từng thành phố, đô thị. Phí khám bác sĩ chuyên khoa hoặc cấp cứu thường có mức cao nhất là 400 SEK (khoảng 37,67 USD).

Về dịch vụ tư vấn y tế, một bệnh nhân thường không phải chi trả quá nhiều, 1.150 SEK (khoảng 103,59 USD) cho các cuộc tư vấn y tế trong thời gian 12 tháng. Mọi cuộc tư vấn phát sinh thêm trong cùng thời hạn nêu trên sẽ được miễn phí. Với việc chi trả hóa đơn tiền thuốc, một người dân thường không phải trả nhiều hơn 2.350 SEK/năm (khoảng 211,89 USD)⁽²⁾.

Là một trong những lĩnh vực được Chính phủ quan tâm hàng đầu, hệ thống y tế của Thụy Điển mang đến khả năng tiếp cận tốt nhất cho người dân về chất lượng dịch vụ, hiệu quả và kinh phí. Với một nền y tế mang tính cộng đồng cao, Chính phủ Thụy Điển ban hành quy định về cam kết bảo đảm chăm sóc sức khỏe cho mọi người dân. Theo đó, tất cả các trung tâm y tế địa phương phải bảo đảm tất cả bệnh nhân liên hệ đặt lịch khám hoặc tìm kiếm sự hỗ trợ sẽ được đánh giá y tế trong vòng ba ngày. Sau khi khám lần đầu, không bệnh nhân nào phải đợi hơn 90 ngày để gặp bác sĩ chuyên khoa và không quá 90 ngày sau đó, bệnh nhân sẽ được điều trị hoặc phẫu thuật khi đã xác định được căn bệnh và dịch vụ y tế cần được áp dụng. Nếu vượt quá thời gian chờ đợi nêu trên, bệnh nhân sẽ được cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe mà không cần mất thêm chi phí, kể cả chi phí đi lại hay ở các cơ sở y tế địa phương khác.

Đáng nói, chất lượng dịch vụ y tế của Thụy Điển được người dân đánh giá, phản hồi trực tiếp qua các ứng dụng công nghệ và các cuộc khảo sát quốc gia. Điều này được quy định trong Đạo luật An toàn cho người bệnh được ban hành vào năm 2011. Theo đó, bệnh nhân, người tiêu dùng dịch vụ y tế và các thành viên trong gia đình của bệnh nhân có thể báo cáo các sai phạm trong quá trình chăm sóc y tế đến chính quyền địa phương. Đặc quyền này cho phép người dân có tiếng nói hơn trong việc quy định chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe mà

(2) European Commission: “Sweden - Healthcare” (Tạm dịch; hệ thống chăm sóc sức khỏe của Thụy Điển), 2023, <https://ec.europa.eu/social/main.jsp?catId=1130&intPageId=4809&langId=en>

họ được hưởng. Cụ thể, khảo sát bệnh nhân quốc gia là “thước đo” về chất lượng y tế nước này theo đánh giá của toàn dân. Trong khảo sát này sẽ có các câu hỏi liên quan đến quá trình điều trị, sự phối hợp của bệnh nhân, sự tin tưởng vào dịch vụ chăm sóc và thông tin y tế. Các kết quả được tổng hợp bởi hội đồng khu vực, thành phố, đô thị để góp phần cải thiện và phát triển hệ thống y tế⁽³⁾.

Ngoài ra, Thụy Điển cũng là đất nước luôn tiên phong trong việc áp dụng công nghệ vào đổi mới nền y tế. Đơn cử, hầu hết bệnh nhân và bác sĩ tương tác với nhau qua các ứng dụng kỹ thuật số. Chính phủ nước này khẳng định, đến năm 2025, Thụy Điển sẽ là quốc gia đi đầu thế giới về việc sử dụng công nghệ số hóa trong chăm sóc y tế, thiết lập các “bản đồ sức khỏe điện tử” để giúp mọi người dân theo dõi sức khỏe của mình, bảo vệ và phòng tránh các nguy cơ bệnh tật, cũng như được hưởng phúc lợi y tế tốt nhất một cách bình đẳng.

Chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi: Mục tiêu quan trọng trong chính sách phúc lợi xã hội của Thụy Điển

Thụy Điển được biết đến là một mô hình chăm sóc người già yếu, người cao tuổi điển hình, thông qua các công cụ góp phần thực hiện mục tiêu cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt nhất cho mọi công dân, như các hướng dẫn của Chính phủ, giám sát chất lượng và đánh giá hiệu suất công khai của các cơ quan y tế.

Là một trong những quốc gia có nhiều người cao tuổi nhất châu Âu, người dân ở Thụy Điển ngày càng sống thọ hơn, do các số ca tử vong vì đột quy giảm mạnh. Với khoảng 1/5 dân số từ 65 tuổi trở lên, tuổi thọ ở Thụy Điển thuộc hàng cao nhất thế giới: 81 tuổi đối với nam và gần 84 tuổi đối với nữ. Tuy nhiên, Chính phủ nước này luôn chú trọng tối công tác chăm sóc người cao tuổi với sự *quản trị phi tập trung*, trong đó bao gồm khuôn khổ pháp lý quốc gia, Đạo luật Y tế và Dịch vụ y tế (năm 1982) và Dự luật cải cách về người cao tuổi (Adelreformen, năm 1992). Trong đó, một trong mục tiêu chính của Adelreformen là khuyến khích các thành phố phát triển mô hình chăm sóc người cao tuổi tại nhà. Bởi trên thực tế, trong khi số giường chăm sóc người cao tuổi của Thụy Điển vẫn cao hơn nhiều so với mức trung bình của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), song nước này đã từng phải chứng kiến một trong những đợt cắt giảm lớn nhất về số giường chăm sóc dành cho người cao tuổi từ năm 2007 đến năm 2017, với mức giảm 15

(3) Đỗ Trang: “Thụy Điển nâng cao chất lượng y tế để người dân vẫn hạnh phúc khi bị bệnh tật”, Báo Pháp luật Việt Nam điện tử, ngày 19-5-2021, <https://baophapluat.vn/thuy-dien-nang-cao-chat-luong-y-te-de-nguoi-dan-van-hanh-phuc-khi-bi-benh-tat-post394192.html>

giường/1.000 người từ 65 tuổi trở lên. Trong khi đó, gia tăng rõ rệt tỷ lệ chăm sóc người cao tuổi tại nhà và số giờ được phân bổ cho dịch vụ tại nhà.

Như vậy, ở Thụy Điển, trách nhiệm chăm sóc người già thuộc về ba cơ quan có thẩm quyền với mức độ khác nhau. Ở cấp quốc gia, Chính phủ Thụy Điển, Quốc hội Thụy Điển, các cơ quan trung ương ban hành chính sách, quy định, giám sát và kiểm soát tài chính. Ở cấp khu vực, 21 hội đồng quận chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ y tế và y tế. Ở cấp địa phương, 290 đô thị của Thụy Điển có nghĩa vụ theo luật định đáp ứng dịch vụ xã hội và nhu cầu nhà ở cho người cao tuổi. Tất cả các thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm chăm sóc điều dưỡng người cao tuổi sống tại nhà riêng, cũng như tại viện dưỡng lão, bảo đảm những người cần được chăm sóc hoặc các dịch vụ xã hội nhận được sự hỗ trợ có chất lượng tốt. Thụy Điển có truyền thống lâu đời về quyền tự quyết của địa phương, do vậy chính quyền địa phương là cơ quan độc lập, được quyền đưa ra quyết định trong những giới hạn nhất định. Pháp luật về dịch vụ xã hội, Đạo luật Dịch vụ xã hội và chăm sóc sức khỏe, Đạo luật Dịch vụ Y tế và Sức khỏe, cho phép các thành phố và hội đồng quận có quyền tự quyết trong việc lập kế hoạch và các dịch vụ của riêng mình. Ủy ban Y tế và Phúc lợi quốc gia chịu trách nhiệm giám sát, theo dõi và đánh giá các dịch vụ chăm sóc của hội đồng thành phố và quận. Chính quyền địa phương chịu trách nhiệm về các dịch vụ chăm sóc tại nhà cho người cao tuổi theo Đạo luật Dịch vụ xã hội Thụy Điển. Theo đó, Đạo luật quy định việc chăm sóc phải được phổ cập, phân bổ đều, không dựa trên thu nhập mà dựa trên nhu cầu cụ thể của người cao tuổi. Chính quyền địa phương có thể cung cấp dịch vụ thông qua các nhà cung cấp tư nhân và người cao tuổi có thể lựa chọn từ các nhà cung cấp sẵn có. Ví dụ, hầu hết thành phố ở Thụy Điển đều cung cấp bữa ăn nấu sẵn đủ dinh dưỡng, giao tận nhà cho người cao tuổi. Năm 2020, dịch vụ người giúp việc theo giờ đã hỗ trợ khoảng 236.000 người từ 65 tuổi trở lên.

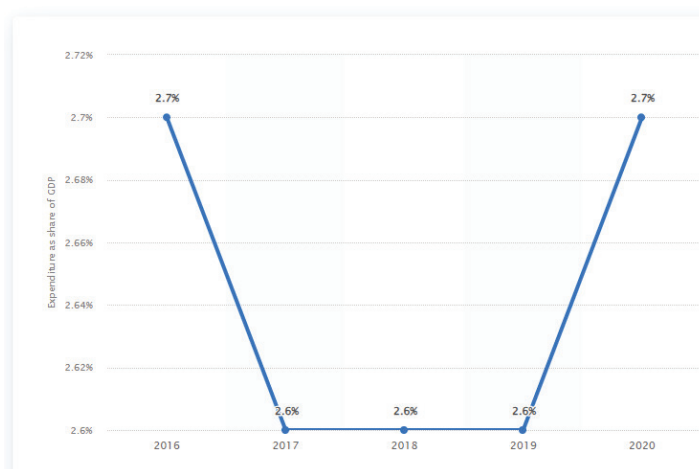
Không chỉ vậy, trong những năm qua, các thành phố và địa phương đã ký kết Thỏa thuận chuyển giao trách nhiệm chăm sóc sức khỏe tại nhà từ các vùng, miền đến các đô thị. Điều này mang lại hiệu quả quản lý chặt chẽ hơn. Trách nhiệm chăm sóc y tế và việc phục hồi chức năng cho người cao tuổi tại nhà đặt ra yêu cầu cao về sự phối hợp, chia sẻ giữa các đô thị và các vùng, bởi nếu thiếu sự phối hợp có thể dẫn tới việc sử dụng không hiệu quả nguồn lực, thiếu tính liên tục, cũng như nỗ lực của các khu vực và thành phố về trách nhiệm và tài chính. Theo đó, từ ngày 1-1-2010, chính quyền địa phương phải lập kế hoạch chăm sóc cá nhân cho mỗi người dân. Kế hoạch chăm sóc nêu rõ từng bước của

dịch vụ và điều trị cần thiết. Kế hoạch cũng chỉ định rõ trách nhiệm của người phụ trách, cơ quan quản lý, cung cấp dịch vụ và chăm sóc.

Về *ngân sách*, theo quy định của pháp luật, các thành phố và địa phương có thể quyết định mức độ ưu tiên cho người già so với các nhóm tuổi khác. Thực tế việc chăm sóc người cao tuổi chủ yếu được tài trợ bởi thuế địa phương, do vậy nhấn mạnh tính độc lập của chính quyền địa phương đối với chính quyền quốc gia. Mỗi đô thị tự quyết định mức giá chăm sóc người cao tuổi riêng của mình. Chi phí phụ thuộc vào các yếu tố như mức độ hoặc loại hình chăm sóc và thu nhập của người được chăm sóc. Trong giai đoạn 2013 - 2017, chi tiêu chăm sóc người cao tuổi của các địa phương tăng nhẹ ở mức trung bình hàng năm là 0,2%. Trong khoảng thời gian này, chi tiêu cho viện dưỡng lão giảm 0,4% hàng năm, trong khi chi tiêu cho các dịch vụ chăm sóc tại nhà tăng 1,9%. Năm 2017, chi phí viện dưỡng lão và chăm sóc tại nhà chiếm tỷ lệ lần lượt là 56,9% và 33,6% trong tổng số chi tiêu cho người cao tuổi. Trong giai đoạn 2017 - 2020, tỷ trọng chi tiêu cho chăm sóc người cao tuổi trong GDP ở Thụy Điển ổn định ở mức 2,6% hoặc 2,7%.

Ngân sách chi tiêu cho chăm sóc người cao tuổi ở Thụy Điển (giai đoạn 2016 - 2020)

Đơn vị tính: % GDP



Nguồn: Statista⁽⁴⁾

(4) Jenny Yang: “Expenditure on elderly care as a proportion of gross domestic product (GDP) in Sweden from 2016 to 2020” (Tạm dịch: Tỷ lệ chi tiêu cho việc chăm sóc người cao tuổi trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ở Thụy Điển từ năm 2016 đến năm 2020), ngày 30-11-2023, <https://www.statista.com/statistics/531121/sweden-expenditure-on-elderly-as-a-proportion-of-gdp/>

Trong giai đoạn chịu ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 (2021 - 2023), Chính phủ Thụy Điển đề xuất khoản ngân sách 4 tỷ SEK (khoảng 376 triệu USD) để cải thiện dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, thu hút nhân viên mới và có tay nghề cao trong chăm sóc người cao tuổi, nâng tổng phân bổ cho lĩnh vực này lên 7,4 tỷ SEK (khoảng 697 triệu USD) vào năm 2021. Giai đoạn 2024 - 2026, con số này là 1,6 tỷ SEK/năm (khoảng 153 triệu USD) để đầu tư nâng cao kỹ năng chăm sóc người cao tuổi⁽⁵⁾.

Đối với việc phân bổ ngân sách dành cho công tác chăm sóc người cao tuổi, bắt đầu từ năm 2010, hằng năm, một khoản ngân sách được chuyển từ chính quyền trung ương đến các đô thị nhằm cải thiện môi trường chăm sóc người cao tuổi. Bên cạnh đó, Chính phủ Thụy Điển khuyến khích các nhà cung cấp dịch vụ công và tư đưa ra những cơ hội lựa chọn dịch vụ tối ưu nhất. Sự cạnh tranh này phải bảo đảm tất cả hình thức chăm sóc người cao tuổi được thực hiện theo Đạo luật An sinh xã hội (năm 2001), theo đó người cao tuổi có “quyền yêu cầu dịch vụ công cộng và giúp đỡ để hỗ trợ cuộc sống hàng ngày của họ nếu nhu cầu của họ không thể được đáp ứng bằng bất kỳ hình thức nào khác”. Dịch vụ được đưa ra bao gồm: 1- Hỗ trợ về môi trường sinh sống, như tại nhà riêng hay viện dưỡng lão, khu điều dưỡng; 2- Cá nhân chăm sóc, chẳng hạn như giúp vệ sinh cá nhân, ăn uống hay giúp đỡ việc mua sắm, nấu nướng, dọn dẹp, giặt ủi, hỗ trợ các hoạt động xã hội. Ngoài ra, cung cấp dịch vụ cho người già có nhu cầu về các thiết bị hỗ trợ, vận chuyển, sửa chữa nhà ở.

Về mô hình nhà ở chăm sóc cho người cao tuổi, hiện nay, Chính phủ Thụy Điển đang áp dụng hai loại hình nhà ở nhằm lựa chọn dịch vụ hỗ trợ phù hợp đi kèm, đó là nhà riêng và viện dưỡng lão.

Đối với mô hình hỗ trợ tại nhà riêng có nghĩa là người cao tuổi sinh sống tại nhà của mình với việc được bảo đảm về an ninh, an toàn và có quyền truy cập một số dịch vụ nhất định. Nhóm người này có thể tiếp cận với y tá, nhân viên y tế, nhà trị liệu và nhà vật lý trị liệu. Khi một người cao tuổi không còn khả năng đáp ứng nhu cầu của cuộc sống hàng ngày, họ có thể nộp đơn xin trợ giúp từ các dịch vụ giúp việc tại nhà, đồng thời với việc có thể lựa chọn nhà cung

(5) Anna Ringstrom: “Sweden to spend \$153mln annually in 2024 - 2026 on boosting elderly care skills” (Tạm dịch: Thụy Điển chi 153 triệu USD hàng năm trong giai đoạn 2024 - 2026 để nâng cao kỹ năng chăm sóc người già), Reuters News, ngày 8-9-2023, <https://www.zawya.com/en/world/uk-and-europe/sweden-to-spend-153mln-annually-in-2024-2026-on-boosting-elderly-care-skills-t9h3tbpt>

cấp dịch vụ giúp việc nhà cho mình. Để được nhận sự hỗ trợ tại nhà, người cao tuổi phải nhận được quyết định phê duyệt về trợ giúp xã hội từ chính quyền địa phương. Quyết định này dựa trên tổng thể đánh giá nhu cầu chăm sóc của người cao tuổi, như cảm giác bất an và tuổi tác...

Đây là mô hình đang được nước này khuyến khích triển khai bởi với truyền thống lâu đời về các dịch vụ hỗ trợ tại nhà cho người cao tuổi, Thụy Điển là quốc gia đi đầu trong việc giúp người cao tuổi sống lâu hơn tại chính ngôi nhà của mình. Muốn vậy, những người cao tuổi cần nhận được nhiều hình thức hỗ trợ để cuộc sống trở nên dễ dàng hơn. “Di chuyển, giao tiếp, an toàn và tương tác xã hội” là chính sách mà Chính phủ Thụy Điển mong muốn mang đến cho người cao tuổi, đó là cơ hội tiếp cận xã hội dễ dàng, nhà ở tốt, dịch vụ đi lại và dịch vụ giúp việc tại nhà. Đây là những sáng kiến được triển khai nhằm bảo đảm người cao tuổi có thể tiếp tục sống một cuộc sống năng động tại chính ngôi nhà của mình lâu nhất có thể. Để thực hiện được mục tiêu này, Chính phủ Thụy Điển luôn khuyến khích đổi mới sáng tạo trong trợ giúp người cao tuổi, phát triển các giải pháp nhà ở tiên tiến, thiết bị hỗ trợ di chuyển, cũng như các thiết bị kỹ thuật và công nghệ thông tin khác. Do đó, 94% số người cao tuổi của nước này sống tại nhà riêng của họ, ngay cả sau khi phát sinh nhu cầu chăm sóc và điều trị y tế.

Mô hình thứ hai là viện dưỡng lão - nơi cư trú của người cao tuổi với các dịch vụ và chăm sóc tại chỗ. Đối với Thụy Điển, chăm sóc tại viện dưỡng lão luôn là lựa chọn cuối cùng, vì lợi ích của việc sống tại nhà riêng càng lâu càng tốt đem lại hiệu quả vượt trội hơn so với các lựa chọn thay thế. Sống tại nhà mang lại những lợi ích xã hội đồng thời với việc tiết kiệm chi phí ngay cả khi nhu cầu chăm sóc là rất lớn. Chăm sóc tại viện dưỡng lão thường dành cho người cao tuổi ít khả năng tự chủ trong sinh hoạt hàng ngày hoặc những người có nhu cầu sống độc lập.

Cư trú tại viện dưỡng lão cung cấp sự hỗ trợ cho mọi nhu cầu mà người cao tuổi cần, bao gồm cả y tá và khả năng tiếp cận bác sĩ, nhà trị liệu, nhà vật lý trị liệu, nhằm chẩn đoán hay điều trị một số bệnh lý, ví dụ bệnh Parkinson hoặc bệnh lý về thể chất. Bên cạnh đó, ở viện dưỡng lão cũng có các khu vực sinh hoạt cộng đồng chung để tăng cường không gian giao lưu cho người già. Người cao tuổi có thể sống trong một viện dưỡng lão trong suốt quãng đời còn lại và được lựa chọn viện dưỡng lão cho riêng mình.

Ngoài việc cung cấp trợ giúp đối với mô hình nhà ở, *mô hình cung cấp dịch vụ vận chuyển* dành cho những người cao tuổi không thể sử dụng phương tiện

giao thông công cộng cũng được Chính phủ Thụy Điển tính đến. Khi người già không thể di chuyển bằng phương tiện giao thông công cộng thông thường thì họ sẽ được hưởng mức giá ưu đãi do chính phủ hỗ trợ đối với việc sử dụng dịch vụ vận chuyển bằng taxi hoặc các phương tiện chuyên dụng.

Nâng cao chất lượng chăm sóc người cao tuổi

Hiện nay, trong tổng số 10,6 triệu dân Thụy Điển, 20% đã qua tuổi nghỉ hưu tiêu chuẩn là 65 tuổi. Theo dự báo về dân số Thụy Điển cho thấy đến năm 2040, nhóm người cao tuổi dự kiến sẽ tăng lên 23%; đến năm 2050, con số này tăng lên 25%. Từ nay đến năm 2060, số người trên 80 tuổi được dự đoán sẽ tăng gần gấp đôi. Việc này đặt ra thách thức đối với việc chăm sóc người cao tuổi của Thụy Điển, nhất là khi đây là nhóm đối tượng được đánh giá yếu đuối nhất, mắc nhiều bệnh cùng lúc cần được chăm sóc y tế chuyên biệt, cũng như các dịch vụ xã hội. Chính vì vậy, chi phí chăm sóc cho người cao tuổi trong nhóm dân số già dự kiến sẽ tăng khoảng 70%, chi phí chăm sóc sức khỏe sẽ tăng thêm gần 30% từ nay đến năm 2050. Nhu cầu nhân viên sẽ tăng khoảng 50%, hầu hết trong lĩnh vực chăm sóc cho người cao tuổi và dự kiến sẽ thiếu khoảng 65.000 nhân viên làm việc toàn thời gian vào năm 2030.

Đáng chú ý, sự bùng phát của đại dịch COVID-19 vừa qua đã gây hệ quả nghiêm trọng đối với việc chăm sóc người cao tuổi, bộc lộ lỗ hổng trong hệ thống chăm sóc người cao tuổi của nước này. Do vậy, cần phải bổ sung kế hoạch chăm sóc sức khỏe quốc gia, tăng cường khả năng tiếp cận y tế trong những tình huống khẩn cấp đặc biệt như đại dịch, nhằm bảo vệ cao nhất sức khỏe của nhóm người cao tuổi yếu thế... Cụ thể:

Một là, về đội ngũ nhân viên chăm sóc. Theo quy định do Ủy ban Y tế và Phúc lợi quốc gia, nhân viên tham gia các hoạt động chăm sóc liên quan đến người cao tuổi, phải có bằng đại học về xã hội học hoặc chăm sóc xã hội; cần nắm vững kiến thức về quy định pháp luật hiện hành, về sự lão hóa và sức khỏe người già, về các mối quan hệ và thái độ phục vụ, sự hợp tác và phối hợp. Hiện nay, nước này đang thiếu đội ngũ nhân viên có trình độ, bác sĩ có năng lực về lão khoa, cũng như các bác sĩ gia đình, người chăm sóc và trợ lý điều dưỡng mặc dù số lượng nhân viên có kiến thức cơ bản vẫn tăng lên trong những năm qua. Chính phủ Thụy Điển giao Ủy ban Y tế và Phúc lợi quốc gia phát triển hệ thống kiến thức cơ bản, cũng như kiến thức chuyên sâu cho đội ngũ chăm sóc người cao tuổi tại nhà.

Hai là, tăng cường hệ thống y tế quốc gia, trong đó năm lĩnh vực trọng tâm trong công tác chăm sóc người cao tuổi cần tiếp tục được chú trọng: 1- Chăm sóc y tế chuyên biệt dành cho những người bị bệnh hiếm nghèo. Loại hình chăm sóc này tập trung vào việc giúp giảm bớt các triệu chứng và căng thẳng của bệnh tật. Mục tiêu là cải thiện chất lượng cuộc sống cho người cao tuổi; 2- Chăm sóc sức khỏe định kỳ bao gồm sàng lọc, kiểm tra sức khỏe và tư vấn cho người cao tuổi để ngăn ngừa bệnh tật hoặc các vấn đề sức khỏe khác; 3- Chăm sóc chứng sa sút trí tuệ, suy giảm khả năng giao tiếp và vận động, như bệnh Alzheimer, chứng mất trí nhớ thể Lewy, chứng mất trí nhớ mạch máu và bệnh kết hợp; bao gồm việc chăm sóc những tình trạng này ở tất cả các giai đoạn; 4- Theo dõi, hướng dẫn sử dụng thuốc; 5- Chăm sóc phối hợp.

Bên cạnh đó, tích cực triển khai Chương trình cảnh báo người cao tuổi nhằm bảo đảm phòng ngừa những nguy cơ rủi ro có thể xảy ra đối với người cao tuổi, như: 1- Chấn thương do té ngã; 2- Loét tỳ đờ do nằm bất động hay nằm lâu ngày; 3- Suy dinh dưỡng; 4- Sức khỏe răng miệng; 5- Rối loạn chức năng bàng quang/tiểu không tự chủ. Ngoài ra, một số hình thức chăm sóc sức khỏe phòng ngừa hiệu quả cho người cao tuổi cần được tiếp tục thực hiện. Chẳng hạn như hoạt động thể chất theo chỉ định của bác sĩ với mục đích phòng ngừa diễn biến tăng lên của bệnh, đồng thời được coi như một hình thức điều trị. Người cao tuổi được chỉ định không chỉ tập thể dục nói chung, mà còn một loại hình hoạt động thể chất đặc thù, đôi khi kết hợp với việc dùng thuốc, với sự theo dõi kết quả của bác sĩ. Đồng thời, khuyến khích các hoạt động tăng cường đời sống tinh thần cho người cao tuổi, như thông qua âm nhạc, phim ảnh, đọc sách, hội họa và các hoạt động văn hóa khác đóng vai trò quan trọng trong việc mang lại giá trị cuộc sống hạnh phúc. Điều này ngày càng được công nhận và lan tỏa ở các viện dưỡng lão, nơi có nhiều người tham gia ít nhất một hoạt động như vậy mỗi ngày.

Ba là, huy động ngân sách tài chính. Nhiều chính quyền địa phương đang ưu tiên tư nhân hóa các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, “mở cửa” cho nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc tư nhân, để giảm tải cho khu vực công. Người cao tuổi có thể lựa chọn hỗ trợ bởi thân nhân hoặc hỗ trợ bởi dịch vụ chăm sóc chuyên nghiệp do dịch vụ công hay nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc tư nhân cung cấp. Chính phủ yêu cầu các chính quyền tỉnh, thành phố lập kế hoạch xây dựng nhà ở và các khu dân cư để bảo đảm đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi.

Tựu trung, mục tiêu của công tác chăm sóc người cao tuổi tại Thụy Điển là giúp họ sống “vui, khỏe, có ích”, có thể tự lo cho bản thân càng lâu càng tốt.

Vì vậy, người cao tuổi Thụy Điển có xu hướng thích tiếp tục sống tại nhà hơn là viện dưỡng lão và họ có thể nhận được nhiều hình thức hỗ trợ khác nhau từ Chính phủ và chính quyền thành phố để giúp cuộc sống dễ dàng hơn. Đây là những kinh nghiệm quý có thể tham khảo, nhất là với những quốc gia đang đối mặt với tốc độ già hóa dân số nhanh, trong đó có Việt Nam.□

GIẢI QUYẾT NHỮNG THÁCH THỨC TRONG GIÀ HÓA DÂN SỐ: KINH NGHIỆM SINGAPORE VÀ NHỮNG GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

TS. NGUYỄN THỊ NHƯ

Phó trưởng Ban Chuyên đề và Chuyên san, Tạp chí Cộng sản

THS. PHẠM NGỌC SƠN

Ban Chuyên đề và Chuyên san, Tạp chí Cộng sản

Là một trong những quốc gia có tuổi thọ cao nhất thế giới, Singapore cũng là một trong những quốc gia có dân số già nhanh nhất thế giới. Đặc biệt, khi kết hợp với tỷ lệ sinh và tốc độ tăng trưởng dân số giảm, vấn đề dân số già gây ra những thách thức không nhỏ, tác động đến nhiều khía cạnh khác nhau của xã hội và của nền kinh tế. Được mệnh danh là “cơn sóng thần bạc”, dân số già đi nhanh chóng của Singapore được mô tả là “quả bom hẹn giờ về nhân khẩu học”, buộc Chính phủ Singapore phải nắm rõ và không thể bỏ qua những tác động tiềm tàng, nhất là những ảnh hưởng đến các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Những thách thức không nhỏ, tác động đến nhiều khía cạnh khác nhau

Dân số Singapore đang già đi với tốc độ chưa từng có. Năm 2010, cứ 10 người Singapore thì có khoảng 1 người từ 65 tuổi trở lên. Một thập kỷ sau, vào năm 2020, tỷ lệ này đã tăng lên khoảng 6 trên 1⁽¹⁾. Tuổi thọ trung bình khi sinh của Singapore tăng từ 81,9 tuổi năm 2011 lên 83,7 tuổi năm 2019, cao hơn nhiều

(1) Xem: Speech by Prime Minister Lee Hsien Loong at the book launch of ‘Singapore Ageing: Issues and Challenges Ahead’ on 11 April 2023, <https://www.pmo.gov.sg/Newsroom/PM-Lee-Hsien-Loong-at-the-Singapore-Ageing-Issues-and-Challenges-Ahead-Book-Launch>, truy cập ngày 10-3-2024

so với mức tuổi thọ trung bình toàn cầu là 73,4 tuổi vào năm 2019⁽²⁾. Singapore đang trải qua một sự thay đổi nhân khẩu học đáng kể với dân số già đi nhanh chóng. Theo báo cáo dân số năm 2023 của Chính phủ Singapore, tính đến năm 2023, công dân từ 65 tuổi trở lên chiếm gần 1/5 dân số. Tỷ lệ này dự kiến sẽ còn tăng hơn nữa, với ước tính đến năm 2030, khoảng 1/4 công dân sẽ ở trong độ tuổi này⁽³⁾. Kết hợp với tỷ lệ sinh và tốc độ tăng trưởng dân số giảm của Singapore, vấn đề dân số già gây ra những thách thức không nhỏ, tác động đến nhiều khía cạnh khác nhau của xã hội và của nền kinh tế.

Một là, tạo ra những áp lực căng thẳng đến hệ thống chăm sóc sức khỏe.

Người già có nhiều khả năng mắc các bệnh mãn tính như tiểu đường và mất trí nhớ hơn so với những người trẻ tuổi có thể tìm kiếm sự chăm sóc khi bị thương và các tình trạng cấp tính khác. Hiện có 28.000 người từ 60 tuổi trở lên mắc chứng mất trí nhớ. Đến năm 2050, sẽ có hơn 187.000 người mắc bệnh này. Chứng mất trí nhớ ảnh hưởng đến 5,2% số người dân Singapore và là nguyên nhân gây khuyết tật đứng hàng thứ năm ở Singapore. Với tuổi thọ tăng lên và dân số già đi nhanh chóng, số người mắc chứng mất trí nhớ dự kiến sẽ tăng lên. Singapore này được xếp hạng thứ 16 về đối mới chứng mất trí nhớ theo “Chỉ số sẵn sàng đối mới chứng mất trí nhớ năm 2020”, khảo sát 30 thành phố trên toàn cầu để học hỏi lẫn nhau và cùng nhau chống lại chứng mất trí nhớ. Căn bệnh này được xác định là một trong những thách thức lớn nhất đối với sức khỏe và chăm sóc xã hội trong thế kỷ 21⁽⁴⁾. Đối mặt với tình trạng khuyết tật mãn tính do khó khăn trong vận động và nhận thức, khiến việc tự chăm sóc bản thân của người già trở nên khó khăn hơn, do đó cần các dịch vụ chăm sóc và phục hồi chức năng tốt hơn. Kết cấu hạ tầng chăm sóc sức khỏe theo đó sẽ phải đối mặt với căng thẳng ngày càng tăng trong việc đáp ứng các nhu cầu chăm sóc sức khỏe, khi thời gian chờ đợi tại các phòng khám và khoa cấp cứu tăng lên, tỷ lệ sử dụng giường bệnh tăng cao và số chỗ trống dành cho dịch vụ chăm sóc giảm nhẹ giảm xuống. Nhân viên y tế cũng sẽ phải vật lộn với khối lượng công việc và căng thẳng cao hơn, kèm theo nguy cơ mệt mỏi, kiệt sức và suy nhược. Ngược lại, điều này sẽ nhân lên khối lượng công việc của những

(2) Societal aging and its impact on Singapore (2023), <https://www.nber.org/system/files/chapters/c14917/c14917.pdf>

(3) Xem: Audrey Wan, As Singapore's aging population grows, businesses are courting older consumers, <https://www.cnbc.com/2023/10/30/as-singapores-aging-population-grows-businesses-court-older-spenders.html>

(4) Xem: Singapore's aging population (2022), <https://www.trade.gov/market-intelligence/singapores-aging-population>, truy cập ngày 10-3-2024

người lao động còn lại, kéo dài một vòng luẩn quẩn căng thẳng đối với lực lượng lao động chăm sóc sức khỏe.

Hai là, ảnh hưởng đến nền kinh tế.

Dân số già có thể ảnh hưởng đến nguồn cung lao động khi dân số trong độ tuổi lao động giảm dần. Điều này có thể làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, những người Singapore cao tuổi với nguồn lực hạn chế sẽ khó nâng cao tình trạng tài chính của mình so với những người trẻ hơn do cơ hội việc làm ít hơn. Điều này cũng dẫn đến một thách thức khác cho người già là thiếu an ninh tài chính; và tác động đến chính phủ là thiếu tính bền vững tài chính bởi số lượng người già không nhỏ trong tổng dân số, bên cạnh đó là tác động chi phí chăm sóc sức khỏe và dịch vụ xã hội cho người cao tuổi cũng tăng. Khi bước vào tuổi nghỉ hưu, nhiều người cao tuổi Singapore sống bằng nguồn thu nhập cố định, không phải lúc nào cũng đủ để trang trải các hóa đơn y tế và lối sống mà họ đã quen. Đặc biệt, trong khi ngày càng nhiều gia đình trở nên xa cách và mọi người chọn sống một mình, cha mẹ lớn tuổi có thể không còn lựa chọn nào khác ngoài việc sống một mình và tự lo chi phí. Để bảo đảm sự bền vững về tài chính, Chính phủ Singapore thừa nhận sự cần thiết phải tăng thuế và hợp lý hóa chi tiêu để tài trợ cho việc chăm sóc sức khỏe mà không tạo gánh nặng cho thế hệ tương lai.

Ba là, thách thức về hỗ trợ xã hội và cộng đồng.

Các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc gia đình và cộng đồng truyền thống có thể phải đối mặt với những thách thức trong việc đáp ứng nhu cầu của người già. Phần lớn người lớn tuổi đều do dự khi phải từ bỏ sự độc lập của mình. Tuy nhiên, điều đó vẫn không thay đổi được thực tế là khả năng vận động, nhận thức và thể chất của họ suy giảm theo thời gian. Càng lớn tuổi, khả năng khéo léo tự nhiên của con người càng suy giảm, khiến ngay cả những công việc đơn giản nhất cũng trở nên khó khăn hơn nhiều, tạo ra những rào cản cho bản thân khi muốn sống cuộc sống như trước đây. Thêm vào đó, người lớn tuổi thường suy giảm về địa vị kinh tế - xã hội và khả năng hòa nhập xã hội, tất cả có thể dẫn đến suy sụp tinh thần và cần được chăm sóc chuyên nghiệp. Ở người lớn tuổi, sức khỏe thể chất cuối cùng sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần và ngược lại. Do đó, họ cần được hỗ trợ thường xuyên.

Bốn là, nhu cầu phát triển kết cấu hạ tầng và nhà ở thân thiện với người cao tuổi không ngừng tăng lên.

Singapore đang ở thời điểm chuyển biến về dân số, tăng trưởng kinh tế và phát triển đô thị. Tính khó ổn định của dân số ngày càng tăng, công dân già đi, tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm hơn cùng với các điều kiện chu kỳ yếu, tạo ra những tác động lâu dài. Điều này đòi hỏi sự linh hoạt cao hơn, mang lại sự ổn định về kinh tế, xã hội, giải quyết các tác động đô thị, như về nhà ở, chăm sóc sức khỏe,..., cho phân khúc dân số này.

Tiếp cận, xây dựng, triển khai chính sách già hóa toàn diện

Vào những năm 80 của thế kỉ XX, Singapore bắt đầu nhận ra dân số quốc gia đang già đi nhanh chóng. Vì vậy, Ủy ban về các vấn đề của người cao tuổi do Bộ trưởng Bộ Y tế chủ trì, được thành lập để nghiên cứu tác động của dân số già đi và đề xuất giải pháp cho những thách thức. Ngay từ thời điểm đó, Singapore đã xác định, Chính phủ sẽ đi đầu trong giải quyết các vấn đề già hóa dân số, bảo đảm mọi việc đi đúng hướng. Các chính sách và sáng kiến mới nhất liên quan đến già hóa dân số của Singapore được trình bày chi tiết trong Kế hoạch hành động vì già hóa thành công tiếp tục được ban hành vào năm 2023. Kế hoạch tập trung vào 3 chủ đề chính: chăm sóc, đóng góp và kết nối. Kế hoạch này nhấn mạnh đến sức khỏe phòng ngừa, “Trung tâm già hóa tích cực” dựa vào cộng đồng, việc học tập của người lớn tuổi, cơ hội việc làm, tương tác giữa các thế hệ và kết nối kỹ thuật số. Việc hoạch định chính sách của Singapore bắt nguồn sâu sắc từ các phương pháp tiếp cận dựa trên bằng chứng, sử dụng dữ liệu từ các cuộc khảo sát quốc gia, đánh giá các chương trình dựa vào cộng đồng, nghiên cứu định tính và phân tích chi phí. Kế hoạch hành động được phát triển bằng cách sử dụng quy trình tham vấn cho phép công chúng đóng góp ý kiến, bao gồm cả người lớn tuổi và các bên liên quan chính khác. Chính phủ cũng hỗ trợ việc thu thập dữ liệu về người lớn tuổi để giúp đáp ứng nhu cầu đa dạng của họ⁽⁵⁾. Các kế hoạch, chính sách giải quyết vấn đề già hóa dân số ở Singapore thể hiện ở những điểm chính sau đây.

Thứ nhất, củng cố hệ thống chăm sóc sức khỏe với giá cả hợp lý đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của dân số già.

Chính sách chăm sóc sức khỏe của Singapore nhấn mạnh đến việc nâng cao sức khỏe và phòng, chống bệnh tật, đề cao trách nhiệm cá nhân và khuyến khích người cao tuổi duy trì sức khỏe và hoạt động tích cực trong cộng đồng lâu nhất có thể; điều chỉnh hệ thống chăm sóc từ hệ thống chủ yếu giải quyết

(5) Xem: Singapore's aging population, <https://www.trade.gov/market-intelligence/singapores-aging-population>

các nhu cầu chăm sóc cấp tính sang hệ thống tập trung bổ sung vào chăm sóc phòng ngừa, quản lý bệnh mãn tính, chăm sóc dài hạn và chăm sóc giảm nhẹ. Chiến lược Healthier SG là một ví dụ. Chiến lược này nhằm tập trung vào chăm sóc phòng ngừa và trao quyền cho các cá nhân thực hiện các bước hướng dẫn chăm sóc sức khỏe tốt hơn với sự hỗ trợ của phòng khám gia đình cùng các đối tác cộng đồng. Với Healthier SG, Bộ Y tế Singapore đặt mục tiêu chuyển trọng tâm từ “chăm sóc bệnh tật” sang “chăm lo sức khỏe dự phòng”⁽⁶⁾. Để củng cố hệ thống chăm sóc sức khỏe, Singapore tiếp tục đầu tư mạnh vào việc xây dựng kết cấu hạ tầng chăm sóc sức khỏe mới và nâng cấp những cơ sở hiện có - bệnh viện, bệnh viện cộng đồng, cơ sở chăm sóc người cao tuổi, bảo đảm dịch vụ chăm sóc chất lượng cao nhưng giá cả phải chăng cho tất cả mọi người, đặc biệt là người cao tuổi. Bộ Y tế Singapore gần đây đã công bố gói thầu xây dựng một viện dưỡng lão mới vào năm 2027, với 458 giường, sẽ được xây dựng trong khuôn viên Cơ sở Y tế Alexandra, một di tích lịch sử và là khu y tế đầu tiên của Singapore. “Ngôi nhà” này được thiết kế dành cho những cư dân mắc chứng mất trí nhớ từ mức độ trung bình đến nặng và sẽ kết hợp một không gian xanh và “thân thiện với chứng mất trí nhớ”. Trong một báo cáo trước đó, Bộ Y tế cũng công bố kế hoạch tăng số lượng giường viện dưỡng lão lên hơn 31.000 trong 10 năm tới để phục vụ cho dân số già của đất nước. Bệnh viện Alexandra hiện tại đang trong quá trình tái phát triển, dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2030, trong bệnh viện có một viện dưỡng lão tồn tại như một phần của cơ sở y tế này, từ đó mang lại lợi ích cho những người cao tuổi cần nhiều loại hình chăm sóc lâm sàng hoặc phục hồi chức năng khác nhau một cách thường xuyên, phù hợp với việc tạo ra các cơ sở chăm sóc sức khỏe và cuộc sống bền vững. Chính phủ Singapore hy vọng điều này sẽ cho phép bệnh viện thí điểm các phương pháp tiếp cận sáng tạo trong việc cung cấp dịch vụ chăm sóc, đồng thời có khả năng giảm nhu cầu về giường bệnh cấp tính⁽⁷⁾. Bên cạnh đó, Chính phủ tích cực thúc đẩy lối sống lành mạnh và khám sức khỏe định kỳ để phát hiện sớm bệnh tật nhằm giảm thiểu nguy cơ mắc các bệnh hiểm nghèo. Đồng thời phát triển một mạng lưới mạnh mẽ các dịch vụ chăm sóc bậc thang, dựa vào cộng đồng để hỗ trợ gia đình trong vai trò chăm sóc. Việc triển khai kế hoạch tổng thể chăm sóc người cao tuổi dẫn đến việc có thêm nhiều nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc tại nhà, tại trung tâm cho người cao tuổi.

(6) Xem: Singapore mở rộng hệ thống chăm sóc sức khỏe dự phòng, <https://www.vietnam.vn/singapore-mo-rong-he-thong-cham-soc-suc-khoe-du-phong/>

(7) Xem: Singapore’s aging population, <https://www.trade.gov/market-intelligence/singapores-aging-population>

Thứ hai, bảo đảm an ninh tài chính với kế hoạch tài chính trọn đời.

Khả năng chi trả cho việc chăm sóc sức khỏe là mối quan tâm đặc biệt của nhiều người Singapore lớn tuổi, những người cũng đang vật lộn với việc đủ điều kiện nghỉ hưu. Singapore giải quyết vấn đề này với khuôn khổ tài chính phù hợp nhằm tìm cách đạt được sự cân bằng giữa trách nhiệm cá nhân và tập thể, đồng thời giữ cho dịch vụ chăm sóc sức khỏe có giá cả phải chăng và bền vững. Trợ cấp của chính phủ chiếm phần lớn trong tài chính chăm sóc sức khỏe. Đây là những phương tiện được thử nghiệm để tập trung hỗ trợ cho những cá nhân có thu nhập thấp và trung bình, những người có thể cần hỗ trợ nhiều hơn. MediShield Life là chương trình bảo hiểm y tế quốc gia trọn đời chi phí chăm sóc sức khỏe hiểm nghèo cho tất cả công dân và thường trú nhân, bao gồm cả những người mắc bệnh nền từ trước. Tương tự, CareShield Life, một công ty bảo hiểm khuyết tật dành cho người Singapore, cung cấp khoản thanh toán bằng tiền mặt hàng tháng cho người bị khuyết tật nặng. Cả phí bảo hiểm MediShield Life và CareShield Life đều có thể được thanh toán thông qua tài khoản MediSave của một người, một tài khoản tiết kiệm sức khỏe bắt buộc. Các cá nhân dành một phần thu nhập hàng tháng của mình vào tài khoản MediSave. Những khoản đóng góp này được bổ sung bởi các khoản bổ sung của Chính phủ để giúp người dân Singapore tiết kiệm cho nhu cầu chăm sóc sức khỏe trong tương lai của họ. MediSave có thể được sử dụng để thanh toán chi phí chăm sóc của một người cũng như phí bảo hiểm cho các chương trình bảo hiểm quốc gia. Những công dân vẫn cần trợ giúp về khả năng chi trả dịch vụ chăm sóc sức khỏe dù đã sử dụng những sự hỗ trợ tài chính trên thì có thể sử dụng MediFund, một mạng lưới an toàn do chính phủ tài trợ nhằm bảo đảm không ai sẽ mất quyền tiếp cận dịch vụ chăm sóc phù hợp do không có khả năng chi trả⁽⁸⁾.

Để làm tốt vấn đề đó, Quỹ Tiết kiệm Trung ương (Central Provident Fund - CPF) được Chính phủ Singapore thành lập năm 1995. Đây là hệ thống an sinh xã hội dành cho tất cả công dân và người lao động thường trú tại Singapore. Theo hệ thống CPF các cá nhân có trách nhiệm lập kế hoạch và tiết kiệm để bảo đảm tài chính khi về già. Các cuộc khảo sát chỉ ra rằng, nhiều người Singapore chủ yếu dựa vào sự hỗ trợ của gia đình và không được chuẩn bị đầy đủ cho nhu cầu tài chính của họ khi về già. Nhận thấy sự hỗ trợ gia đình mang tính không bền vững do xu hướng gia đình nhỏ hơn và tuổi thọ dài hơn, “mô hình CPF nhu cầu

(8) Xem: Ageing Well in Singapore, Lessons for Southeast Asia, <https://theaseanmagazine.asean.org/article/ageing-well-in-singapore-lessons-for-southeast-asia/>

cơ bản” đã được áp dụng sau năm 1999 để đáp ứng các chi phí sinh hoạt cơ bản, nhu cầu y tế và nhà ở khi về già.

Từ nhiều năm nay, Chính phủ Singapore thực hiện các bước tái tập trung hệ thống CPF vào các mục tiêu chính là cung cấp các nhu cầu về hưu trí, nhà ở và y tế. Các khuyến nghị chính sách được đưa ra để bảo đảm có nhiều tiền hơn cho quỹ hưu trí (ví dụ: tăng tỷ lệ đóng góp tài khoản đặc biệt khi tỷ lệ đóng góp CPF được khôi phục lên 40%) và để nâng cao lợi nhuận trên số dư CPF. Một chương trình giáo dục công cộng toàn diện về lập kế hoạch an ninh tài chính cũng được khởi xướng. Kết quả là, nhận thức của công chúng về tầm quan trọng của việc chuẩn bị nghỉ hưu sớm đã tăng lên⁽⁹⁾. Các chương trình CPF thường xuyên được cập nhật để luôn phù hợp với mục đích, phù hợp với tuổi thọ ngày càng tăng và nhu cầu thay đổi. Ví dụ, vào năm 2009, Singapore đã giới thiệu CPF LIFE để bảo đảm cho các thành viên thu nhập hằng tháng suốt đời. Chương trình này hiện đang hoạt động và mọi người bắt đầu nhận được khoản thanh toán CPF LIFE. Năm 2023, Singapore đã công bố những thay đổi nhằm tăng mức trần lương hằng tháng của CPF cho tất cả thành viên và tỷ lệ đóng góp CPF cho người lao động cấp cao⁽¹⁰⁾.

Thứ ba, tăng độ tuổi nghỉ hưu và tái tuyển dụng phù hợp với những thay đổi về nhân khẩu học.

Sau lần tăng tuổi nghỉ hưu và tái tuyển dụng trước đó lên lần lượt là 63 và 68 tuổi vào năm 2022, Singapore đã công bố kế hoạch nâng cao hơn nữa các ngưỡng này lên lần lượt là 64 và 69 tuổi vào năm 2026. Mục tiêu đặt ra: 65 tuổi là ngưỡng cho nghỉ hưu và 70 tuổi cho người có thể tái làm việc vào năm 2030. Biện pháp này thể hiện một bước tiến trong nỗ lực theo đuổi sự hòa nhập ở nơi làm việc rộng rãi hơn của Singapore. Việc tăng tuổi nghỉ hưu và tái tuyển dụng sẽ tạo thêm cơ hội cho người cao tuổi tham gia nhiều hơn và lâu hơn vào thị trường lao động. Điều này cũng cho phép các doanh nghiệp khai thác được lực lượng lao động rộng hơn. Sự điều chỉnh này sẽ ảnh hưởng đến các lĩnh vực như thương mại bán buôn và bán lẻ, dịch vụ hành chính và hỗ trợ, vận tải và kho bãi, dịch vụ lưu trú và ăn uống cũng như sản xuất. Đây là những ngành chính sử dụng các cá nhân từ 65 tuổi trở lên. Để đáp ứng nhu cầu của những

(9) Xem: Successful Ageing - A Review of Singapore's Policy Approaches, <https://knowledge.csc.gov.sg/ethos-issue-01/successful-ageing-a-review-of-singapores-policy-approaches/>

(10) Xem: Lee Hsien Loong (2023), Speech by Prime Minister Lee Hsien Loong at the book launch of “Singapore Ageing: Issues and Challenges Ahead”, <https://www.pmo.gov.sg/Newsroom/PM-Lee-Hsien-Loong-at-the-Singapore-Ageing-Issues-and-Challenges-Ahead-Book-Launch>

người cao tuổi đang tìm kiếm công việc cường độ thấp và linh hoạt, Bộ Nhân lực (MOM) khuyến khích người sử dụng lao động cung cấp các công việc phù hợp với nhu cầu đó⁽¹¹⁾. Việc thuê những người lớn tuổi làm việc càng lâu càng tốt sẽ giúp họ khỏe mạnh hơn về tinh thần và thể chất. Nó cũng giúp họ hòa nhập hiệu quả hơn trong xã hội và tăng cường an ninh tài chính của họ. Singapore cũng cần khai thác lực lượng lao động lớn tuổi để đáp ứng nhu cầu nhân lực khi lực lượng lao động già đi, đồng thời hình thành nhận thức tích cực đối với người lao động lớn tuổi.

Thứ tư, thúc đẩy và nâng cao sự hòa nhập xã hội của người cao tuổi, sự gắn kết giữa các thế hệ.

Tầm quan trọng của việc người cao tuổi duy trì lối sống năng động tiếp tục được nhấn mạnh, với những nỗ lực khuyến khích lối sống lành mạnh, năng động, mạng lưới xã hội, học tập suốt đời và mối quan hệ gia đình bền chặt. Năm 1999, Bộ Cộng đồng, Thanh niên và Thể thao Singapore (MCYS) đã giới thiệu các chương trình giáo dục về già hóa tích cực, nhấn mạnh sự cần thiết phải lập kế hoạch sớm cho tuổi già và duy trì lối sống tích cực, gắn bó của người cao tuổi. Những thông điệp này được bổ sung bởi các chương trình khác từ các cơ quan và tổ chức tình nguyện khác nhau. Những nỗ lực trong các chương trình giáo dục cho cộng đồng đã cố gắng định hình lại các giá trị, thái độ và nhận thức đối với sự lão hóa và người cao tuổi. Mục đích là thúc đẩy một xã hội, nơi người cao tuổi được coi trọng như những thành viên có đóng góp và vẫn tích cực tham gia vào gia đình, cộng đồng, xã hội của họ. Gia đình vững mạnh tiếp tục được coi là tuyến hỗ trợ đầu tiên cho người cao tuổi. Trong khi con cái có trách nhiệm chăm sóc cha mẹ già thì người cao tuổi cũng có thể đóng góp, chia sẻ trong việc nhà và hỗ trợ chăm sóc thế hệ sau. Nhận thấy nhu cầu cân bằng giữa công việc và cuộc sống nhằm hỗ trợ mối quan hệ gia đình bền chặt hơn, Chính phủ đưa ra các sáng kiến ủng hộ gia đình tại nơi làm việc. Một số chính sách cũng tích cực khuyến khích sự gắn kết giữa các thế hệ trong gia đình, bao gồm trợ cấp nhà ở gia đình CPF, ưu tiên cho cha mẹ và con cái đã lập gia đình mua căn hộ của Ủy ban Phát triển Nhà ở (HDB) mới để sống cùng hoặc gần nhau; ưu đãi thuế cho con cái chăm sóc cha mẹ già và các khoản đóng góp CPF giữa các thành viên trong gia đình. Các đối tác cộng đồng điều hành Trung tâm Người cao tuổi đang hoạt động ở Singapore cũng tạo ra nhiều cơ hội đa dạng cho người cao tuổi tham

(11) Xem: Singapore's plan to raise retirement age sparks debate, <https://sbr.com.sg/hr-education/exclusive/singapores-plan-raise-retirement-age-sparks-debate#:~:text=Following%20the%20previous%20hike%20in,for%20re%20Deployment%20by%202030>.

gia vào các hoạt động nâng cao sức khỏe và tăng cường kết nối xã hội cả trong nhóm của họ và giữa các thế hệ.

Thứ năm, chú trọng tăng cường phát triển kết cấu hạ tầng và nhà ở thân thiện với người cao tuổi.

Một môi trường xây dựng thân thiện với người cao tuổi là yếu tố then chốt quyết định mức độ người cao tuổi được tiếp cận dịch vụ và hòa nhập vào cộng đồng. Ví dụ, kết cấu hạ tầng dễ tiếp cận giúp người cao tuổi duy trì mạng lưới xã hội và tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội. Nguyên tắc chính được áp dụng trong các chính sách về nhà ở và sử dụng đất dành cho người cao tuổi là “già tại chỗ” - cho phép người cao tuổi già đi trong nhà, cộng đồng và môi trường mà họ quen thuộc, với ít thay đổi hoặc gián đoạn nhất đối với cuộc sống và hoạt động của họ. Các chính sách sử dụng đất nhằm mục đích cung cấp nhiều lựa chọn nhà ở đa dạng, cùng với các dịch vụ chăm sóc hỗ trợ tốt, hệ thống giao thông công cộng thân thiện hơn với người cao tuổi trong thời gian dài, nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng và kỳ vọng cao hơn của nhóm người cao tuổi ngày càng tăng. Năm 1990, “Quy tắc về khả năng tiếp cận không rào cản trong các tòa nhà” được ban hành để bảo đảm rằng các tòa nhà mới tuân thủ bộ tiêu chuẩn về các điều khoản không có rào cản. Các căn hộ studio của HDB được trang bị nội thất và tính năng thân thiện với người cao tuổi cũng được giới thiệu vào năm 1998 như một lựa chọn nhà ở tùy chỉnh cho người cao tuổi. Năm 2001, Chương trình Nâng cấp thang máy được đưa ra nhằm cho phép cung cấp thang máy ở mọi tầng của khối HDB cao tầng nếu khả thi. Từ năm 2000, Cơ quan Giao thông Đường bộ (LTA) đã trang bị thêm các ga tàu điện ngầm Vận tải nhanh (MRT) hiện có để bảo đảm khả năng tiếp cận của người cao tuổi. Ngoài ra, xe buýt sàn thấp, không có bậc thang và phù hợp cho xe lăn cũng đã được đưa vào sử dụng. Những tính năng này sẽ có sẵn trên tất cả các xe buýt công cộng⁽¹²⁾. Bên cạnh đó, tăng cường thúc đẩy hiểu biết của người cao tuổi về kỹ thuật số và khả năng tiếp cận điện thoại thông minh.

Bài học kinh nghiệm và những gợi mở tham khảo cho Việt Nam

Mặc dù chưa giải quyết được toàn bộ bài toán, nhưng có thể nói Singapore đã có khởi đầu thuận lợi trong việc giải quyết những thách thức của dân số già và đạt được những thành tựu nhất định. Cách tiếp cận và những chính sách, bước đi cụ thể của Singapore có thể đưa ra những gợi mở quan trọng cho các quốc gia khác, trong đó có Việt Nam.

(12) Xem: Successful Ageing - A Review of Singapore's Policy Approaches, <https://knowledge.csc.gov.sg/ethos-issue-01/successful-ageing-a-review-of-singapores-policy-approaches/>

Một là, cách tiếp cận chủ động, toàn diện chuẩn bị cho dân số già. Nền tảng cho những chuẩn bị như đã đề cập trong bài viết bắt nguồn từ những năm 80 của thế kỷ XX khi Ủy ban về các vấn đề của người cao tuổi được thành lập. Singapore đã áp dụng cách tiếp cận “toàn chính phủ” và “toàn xã hội” để giải quyết các thách thức của già hóa dân số một cách toàn diện. Quốc gia này nhận thấy rõ sự cần thiết phải sớm phối hợp lập kế hoạch và hoạch định chính sách, thành lập ủy ban liên bộ đầu tiên về các vấn đề liên quan đến già hóa vào năm 1982, khi chỉ có 5% dân số từ 65 tuổi trở lên. Năm 2007, cách tiếp cận toàn diện này được tiếp tục thông qua Ủy ban Bộ trưởng về Người cao tuổi, bao gồm nhiều bộ, đoàn thể và các bên liên quan trong cộng đồng. Cách tiếp cận toàn diện trong vấn đề già hóa dân số của Singapore cho thấy, việc phát triển xã hội thân thiện với người già sớm sẽ giúp ích thay vì chờ đợi đất nước ở hoàn cảnh dân số già đi đáng kể. Việc hoạch định chính sách, vì vậy nên nhấn mạnh đến tính toàn diện thay vì lập kế hoạch từ trên xuống, có các biện pháp khắc phục dựa trên cơ sở thực tế để giải quyết các nhu cầu thực tiễn, dựa vào dữ liệu chi tiết, thường xuyên về người lớn tuổi.

Hai là, các chính sách của Singapore đối với người cao tuổi được định hướng dựa trên nguyên tắc trách nhiệm cá nhân trong việc bảo đảm hạnh phúc khi về già, với gia đình là trụ cột hỗ trợ chính. Quan điểm của Singapore trong việc thực thi các chính sách dành cho người cao tuổi, dù là về an ninh tài chính hay chăm sóc sức khỏe, là trách nhiệm cá nhân đối với tài chính của họ nhằm chuẩn bị cho những thách thức đến với tuổi già mà không tạo thêm gánh nặng cho các thành viên trong gia đình, cộng đồng và nhà nước. Thật vậy, Ủy ban về các vấn đề của người cao tuổi coi việc chăm sóc tại cơ sở là biện pháp cuối cùng và là “biện pháp cực đoan” nhất. Cộng đồng, gia đình và người cao tuổi phải hợp tác để bảo đảm sức khỏe cho người cao tuổi. Mỗi cá nhân có trách nhiệm lập kế hoạch và chuẩn bị cho tuổi già của mình. Vai trò của gia đình và cộng đồng là cung cấp sự hỗ trợ thứ nhất, thứ hai cho những người cần được chăm sóc và hỗ trợ; vai trò của nhà nước là đặt ra khung chính sách, đồng thời cung cấp kết cấu hạ tầng và nguồn lực cần thiết để các ngành khác phát huy vai trò của mình.

Ba là, áp dụng quan điểm cân bằng hơn, trong đó xem xét các cơ hội tiềm năng mà vấn đề già hóa dân số mang lại. Chiến lược của Singapore đối với dân số già cho phép người cao tuổi phát huy hết tiềm năng của mình, đồng thời đáp ứng nhu cầu trước mắt của họ và giảm tác động của các nhu cầu trong tương lai thông qua chăm sóc phòng ngừa, thúc đẩy sự hòa nhập xã hội của người cao tuổi. Các chính sách, kế hoạch và những bước đi trong triển khai ứng phó với

vấn đề dân số già của Singapore cho thấy, Singapore đặt mục tiêu coi dân số lớn tuổi của chúng ta là những công nhân, người học và tình nguyện viên có giá trị, đóng góp mạnh mẽ kiến thức, kinh nghiệm, trí tuệ của họ theo những cách có ý nghĩa và cũng nhằm đáp ứng mong muốn của chính họ. Chính phủ, người sử dụng lao động và người lao động lớn tuổi đều đóng vai trò quan trọng trong việc hiện thực hóa tầm nhìn này. Từ việc tăng tuổi nghỉ hưu và tái tuyển dụng theo luật định đến xây dựng các hướng dẫn sắp xếp công việc linh hoạt, thiết kế lại công việc, hỗ trợ, tham gia vào việc đào tạo lại kỹ năng và học tập suốt đời, tất cả các bên liên quan ba bên sẽ cùng nhau hợp tác để phát huy toàn bộ tiềm năng của người cao tuổi, hỗ trợ họ để họ có thể làm việc bao lâu tùy theo nguyện vọng. Tương tự như vậy, thông qua tài trợ và cải thiện quản lý tình nguyện, chính phủ và các tổ chức tình nguyện sẽ hỗ trợ những người lớn tuổi mong muốn đóng góp và tự mình tình nguyện giúp đỡ những bộ phận dễ bị tổn thương hơn trong xã hội như người già bị cô lập về mặt xã hội và trẻ em có nguy cơ cao. Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới, do đó, áp dụng các chiến lược của Singapore cho phép người cao tuổi tiếp tục đóng góp có ý nghĩa cho xã hội đồng thời giải quyết các nhu cầu của họ để biến bạc thành vàng và tuổi tác “chỉ là một con số” thực sự là một kinh nghiệm hữu ích.

Bốn là, để các chính sách về già hóa dân số được triển khai thực hiện hiệu quả, Chính phủ phải áp dụng cách tiếp cận tổng hợp và khuyến khích sự phối hợp, hợp tác chặt chẽ hơn giữa các cơ quan liên quan. Với tính chất nhiều mặt của các thách thức được đề cập ở trên, Singapore đã giải quyết vấn đề già hóa dân số bằng cách tiếp cận liên ngành, có tính đến ý kiến đóng góp của công chúng khi cân nhắc chính sách. Điều quan trọng không kém là cộng đồng cần phải đáp ứng với cùng mức độ cam kết và cùng chịu trách nhiệm. Một thái độ tích cực cùng nhận thức đầy đủ, chín chắn đối với người cao tuổi và vấn đề già hóa dân số ở mọi tầng lớp trong xã hội luôn là cần thiết để các chính sách được triển khai, áp dụng thành công. Điều quan trọng nữa là xây dựng niềm tin ở mọi tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là ở những người lớn tuổi.

Năm là, có thể nhấn mạnh thêm, các chính sách, kế hoạch và những bước đi cụ thể của Singapore trong ứng phó, giải quyết những thách thức, tác động tiềm tàng của vấn đề già hóa dân số có thể đưa ra những gợi ý thiết thực trong việc xây dựng kế hoạch hành động cho các quốc gia khác. Trong đó, chủ động hành động, triển khai chính sách sớm, tiếp cận toàn diện đối với vấn đề già hóa dân số chính là những bài học quan trọng mà Việt Nam cần lưu ý. □

VẤN ĐỀ GIÀ HÓA, SỤT GIẢM DÂN SỐ Ở NHẬT BẢN VÀ HÀM Ý THAM CHIẾU ĐỐI VỚI VIỆT NAM

THÚY NGHIÊM

Tap chí Cộng sản

Áp lực kép

Theo số liệu của Cục Thống kê, Bộ Nội vụ Nhật Bản, từ năm 2008 - 2014, tại Nhật Bản diễn ra sự suy giảm dân số ở 40 tỉnh và chỉ có 7 tỉnh tăng dân số. Tuy nhiên, sự gia tăng dân số ở 7 tỉnh này đều là gia tăng mang tính xã hội, do sự dịch chuyển lao động đem lại, mà không phải gia tăng tự nhiên. Trong khi đó, tại 40 tỉnh sụt giảm dân số thì có đến 38 tỉnh suy giảm dân số tự nhiên. Từ năm 2015 - 2020, tại Nhật Bản có 46 tỉnh giảm dân số. Dự báo trong giai đoạn 2020 - 2025, sự suy giảm dân số ở Nhật Bản sẽ diễn ra trên toàn quốc. Trong khi đó, theo dự báo của Viện Nghiên cứu vấn đề dân số và bảo hiểm xã hội quốc gia Nhật Bản, tổng dân số Nhật Bản vào năm 2040 sẽ thấp hơn năm 2010, với tốc độ suy giảm dân số diễn ra nhanh (khoảng 5%/năm) tại 22 tỉnh. Cùng với quy mô dân số thu hẹp, tốc độ giảm dân số ở Nhật Bản cũng diễn ra ngày càng nhanh. Các thị trấn, huyện lỵ có dân số dưới 10.000 người chiếm đến 50%. Dự báo đến năm 2050, các địa phương có dân cư sinh sống chỉ còn khoảng 60% so với hiện tại, 20% sẽ trở thành khu vực hoang hóa, không có người ở. Tính đến ngày 22-3-2024, dân số của Nhật Bản là 122,8 triệu người⁽¹⁾. Tuy nhiên, Viện Nghiên cứu An sinh xã hội và dân số quốc gia Nhật Bản dự báo, tổng dân số Nhật Bản sẽ giảm khoảng 30% xuống còn 87 triệu người vào năm 2070⁽²⁾.

(1) Xem: “Dân số Nhật Bản”, DanSo.Org, ngày 22-3-2024, <https://danso.org/nhat-ban/>

(2) Xem: “Nhu cầu bổ sung lao động nước ngoài của Nhật Bản ngày càng tăng”, TTXVN/Vietnam+, ngày 18-9-2023, <https://www.vietnamplus.vn/nhu-cau-bo-sung-lao-dong-nuoc-ngoai-cua-nhat-ban-ngay-cang-tang-post894873.vnp>

Song hành với sự sụt giảm dân số, tốc độ già hóa dân số ở Nhật Bản cũng diễn ra ngày càng nhanh chóng. Ngày 17-9-2023, Báo cáo thống kê dân số do Bộ Nội vụ và Truyền thông Nhật Bản công bố, tỷ lệ dân số Nhật Bản trên 80 tuổi lần đầu tiên vượt quá 10% tổng dân số, với 12,59 triệu người, tăng 270.000 người so với năm 2022; trong khi, tỷ lệ người dân trên 65 tuổi chiếm 29,1% tổng dân số và là tỷ lệ cao nhất thế giới. Hiện Nhật Bản có khoảng 36,23 triệu người dân trên 65 tuổi, giảm 10.000 người so với năm 2022 và là mức giảm đầu tiên kể từ năm 1950. Trong đó, 15,72 triệu người cao tuổi là nam giới và 20,51 triệu người cao tuổi là nữ giới⁽³⁾. Sự gia tăng ngày càng cao những dữ liệu này cho thấy vấn đề già hóa dân số của Nhật Bản đang trở thành nguy cơ nghiêm trọng đối với nước này.

Dữ liệu nhân khẩu học của Bộ Nội vụ và Truyền thông Nhật Bản năm 2023 cũng cho thấy, Nhật Bản là một trong những quốc gia có tỷ lệ già hóa dân số cao nhất thế giới. Số người trên 65 tuổi vẫn đang làm việc lên tới 9,12 triệu người, tăng liên tục trong vòng 19 năm qua. Trong đó, người dân ở độ tuổi 65 - 69 tuổi chiếm khoảng 1/2 dân số và 70 - 74 tuổi chiếm khoảng 1/3 dân số. Bộ Nội vụ và Truyền thông Nhật Bản cho biết, do các yếu tố, như thiếu hụt lao động, số lượng người cao tuổi đang đi làm ở Nhật Bản dự kiến sẽ tiếp tục có xu hướng tăng lên. Dự báo đến năm 2040, số lượng người già sẽ chiếm 36,1% tổng dân số Nhật Bản và năm 2060 sẽ chiếm 39,9%. Tốc độ già hóa dân số sẽ diễn ra mạnh nhất ở các tỉnh Saitama, Chiba, Thủ đô Tokyo, Kanagawa, Aichi, Shiga và Okinawa.

Nhìn chung, Nhật Bản đang phải đối mặt với áp lực kép là sự sụt giảm dân số nghiêm trọng và già hóa dân số ngày càng gia tăng, tác động sâu sắc đến cơ cấu xã hội và phát triển kinh tế của nước này.

Nguyên nhân và hệ lụy

Thứ nhất, tỷ lệ sinh thấp. Sự suy giảm dân số và già hóa dân số ở Nhật Bản diễn ra là do tỷ lệ sinh thấp. Theo số liệu thống kê của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản, năm 2022, số lượng trẻ sơ sinh ở Nhật Bản đã xuống mức thấp kỷ lục trong vòng 7 năm liên tiếp và lần đầu tiên xuống mức dưới 800.000 trẻ. Năm 2023, số lượng trẻ sơ sinh ở Nhật Bản là 758.631, giảm 5,1% so với năm 2022 và con số này có xu hướng giảm tiếp trong 8 năm tới. Còn số liệu

(3) Xem: Lâm Vũ: “Nạn giải bài toán dân số và thiếu hụt lao động tại Nhật Bản”, *Báo Nhân dân điện tử*, ngày 20-3-2024, <https://nhandan.vn/nan-giai-bai-toan-dan-so-va-thieu-hut-lao-dong-tai-nhat-ban-post777159.html>

của Bộ Nội vụ và Truyền thông Nhật Bản công bố vào tháng 5-2021 cho thấy, số lượng trẻ em từ 14 tuổi trở xuống ở nước này là 14,93 triệu người, trong đó số lượng trẻ từ 0 - 2 tuổi chỉ có 2,65 triệu, tương đối thấp so với các nhóm tuổi khác. Chính phủ Nhật Bản đang hết sức quan ngại về tình trạng này. Theo đó, tỷ lệ trẻ em trong tổng dân số Nhật Bản chỉ chiếm 11,9% và giảm 0,1% (tương đương với khoảng 190 nghìn trẻ) so với cùng kỳ năm 2020. Bộ trưởng phụ trách vấn đề trẻ em Nhật Bản Masanobu Ogura từng đưa ra cảnh báo rằng, vài năm tới đây có thể là “cơ hội cuối cùng” để Nhật Bản đảo ngược tình trạng tỷ lệ sinh giảm. Nếu số ca sinh tiếp tục đi xuống với tốc độ kể từ đầu năm 2000, dân số trẻ vào những năm 2030 của Nhật Bản sẽ giảm gấp 2 lần so với hiện tại. Với tình hình như hiện nay, nếu không có chính sách đột phá nào đó thì tỷ lệ sinh tại Nhật Bản có khả năng tiếp tục giảm.

Tỷ lệ sinh giảm dẫn đến số lượng người lao động có khả năng gánh vác hệ thống bảo hiểm xã hội của Nhật Bản tiếp tục giảm, đồng thời làm cho dân số Nhật Bản già hóa một cách nhanh chóng. Điều này tác động mạnh mẽ đến các mặt đời sống - xã hội, nhất là khi Nhật Bản phải bảo đảm nguồn ngân sách ngày càng nhiều hơn cho các chương trình an sinh xã hội, như lương hưu, hệ thống bảo hiểm xã hội, chăm sóc y tế cho người già...

Thiếu hụt nguồn nhân công lao động cũng là một trong những hệ lụy rõ rệt nhất hiện nay tại Nhật Bản khi tỷ lệ sinh của nước này thấp. Số lượng các doanh nghiệp tại Nhật Bản khá lớn, nhưng những người dân ở trong độ tuổi lao động chiếm tỷ lệ quá thấp. Điều này buộc Nhật Bản phải tuyển nhân công từ nước ngoài, tác động nặng nề đến việc làm và nhiều hệ lụy liên quan. Thậm chí, Nhật Bản phải tính đến các phương án thay thế khác, như máy bán hàng tự động, để duy trì các hoạt động dịch vụ. Trong quá trình tỷ lệ sinh giảm và dân số già đi, tình trạng thiếu hụt lực lượng lao động trong lĩnh vực y tế điều dưỡng và phục hồi chức năng cũng sẽ gây ra những trở ngại nhất định cho việc thực hiện chính sách dịch vụ chăm sóc người cao tuổi của Nhật Bản. Phía sau việc người cao tuổi chậm nghỉ hưu là tình trạng “giảm lương theo độ tuổi”, hơn nữa, trong môi trường xã hội “không nghỉ hưu”, làm sao để bảo vệ quyền và lợi ích của người cao tuổi được hưởng tuổi già và tránh “lao động cưỡng bức” cũng đã trở thành vấn đề lớn. Những điều này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế quốc gia khi ngân sách thu vào không đủ đáp ứng cho những chương trình an sinh xã hội và thiếu hụt ngân sách sẽ khiến nền kinh tế Nhật Bản suy giảm, “lao dốc” nhanh hơn, dần mất đi vị thế cường quốc kinh tế. Theo Viện Nghiên cứu Recruit Works, Nhật Bản có thể thiếu hơn 10 triệu lao động vào năm 2040.

Thứ hai, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, thiếu ổn định. Mặc dù Nhật Bản là một trong những quốc gia có nền kinh tế phát triển hàng đầu, tỷ lệ người dân thất nghiệp khá thấp. Nhưng gần đây, tỷ lệ công việc không ổn định càng nhiều, cộng với áp lực toàn cầu hóa bắt buộc các doanh nghiệp phải cắt giảm bớt nguồn nhân sự. Vì thế, nhiều thanh niên trong độ tuổi lao động rơi vào tình trạng thất nghiệp và không có khả năng nghĩ đến việc lập gia đình với lý do phổ biến nhất là khó khăn tài chính. Theo khảo sát của Viện Nghiên cứu dân số và an sinh xã hội quốc gia Nhật Bản, có tới 17,8% phụ nữ và 29,1% nam giới Nhật Bản độc thân trong độ tuổi từ 25 - 34 tuổi. Nhiều cặp vợ chồng cũng ngại sinh con vì sợ chi phí tăng cao dù Chính phủ Nhật Bản đã đưa ra khá nhiều chính sách trợ cấp, bao gồm miễn học phí đối với giáo dục mầm non từ năm 2019.

Chính phủ Nhật Bản ước tính nước này phải cần thêm 700.000 người vào năm 2040. Các biện pháp khắc phục được đề xuất bao gồm tăng lương, tuyển dụng người về hưu và tình nguyện viên, thậm chí dựa vào robot. Nhưng ngay cả khi như vậy, dân số Nhật Bản được dự báo vẫn cứ tiếp tục già đi. Trong khi đó, chi phí phúc lợi đang leo thang. Chi phí an sinh xã hội, bao gồm chăm sóc sức khỏe cộng đồng, chăm sóc dài hạn và lương hưu cũng đã tăng gấp 3 lần từ năm 1990 đến năm 2022, hoàn toàn do Chính phủ chi trả. Hiện nay, nợ công của Nhật Bản đã chiếm tới 200% tổng sản phẩm nội địa (GDP) và 95% nợ công chủ yếu được chi trả thông qua các khoản tiết kiệm của người dân gửi tại ngân hàng hoặc mua trái phiếu chính phủ. Một số dự báo tiêu cực cho rằng, đến một lúc nào đó, nợ công sẽ phá vỡ hệ thống phúc lợi xã hội của nước này. Theo Trợ lý cấp cao Hirotaka Unami của Thủ tướng Nhật Bản Fumio Kishida: “Hệ thống phúc lợi mà Nhật Bản cung cấp có rất nhiều lợi thế và người dân quen với nó. Để duy trì điều đó, Nhật Bản phải khôi phục lại sự cân bằng giữa lợi ích và gánh nặng. Nếu không, hệ thống phúc lợi của Nhật Bản không bền vững”⁽⁴⁾.

Thứ ba, tỷ lệ phụ nữ kết hôn muộn, không muốn kết hôn và sinh con gia tăng. Trước đây, tỷ lệ kết hôn và sinh con của phụ nữ Nhật Bản trước tuổi 30 khá cao. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tỷ lệ phụ nữ không kết hôn ở Nhật Bản ngày càng gia tăng, đặc biệt tỷ lệ phụ nữ chưa kết hôn ở độ tuổi 30 tăng gấp 4 lần. Hơn nữa, tỷ lệ số người sinh con khi chưa kết hôn chỉ chiếm có 2%. Một phần lý do khiến phụ nữ Nhật Bản ngại kết hôn và sinh con là do sự phát triển của xã hội và thay đổi của thời cuộc mang đến cho họ nhiều cơ hội về tài chính

(4) Thục Linh: “Nhật Bản đối mặt với thách thức già hóa dân số”, *Báo Văn hóa điện tử*, ngày 20-9-2023, <http://baovanhoa.vn/the-gioi/artmid/425/articleid/69190/nhat-ban160doi-mat160voi-thach-thuc-gia-hoa-dan-so>

cũng như có thể độc lập được về mọi thứ. Theo đó, từ cuối những năm 80 của thế kỷ XX, tỷ lệ phụ nữ Nhật Bản theo đuổi học đại học gia tăng nhanh chóng và đạt 51% vào năm 2020, trong khi tỷ lệ phụ nữ trẻ đi làm cũng gia tăng đáng kể. Cụ thể, tỷ lệ phụ nữ từ 25 - 29 tuổi đi làm tại Nhật Bản đã tăng gấp gần 2 lần, từ 45% năm 1970 lên 87% năm 2020. Theo báo cáo về giới năm 2022 của Chính phủ Nhật Bản, 25,4% phụ nữ ở độ tuổi 30 và 26,5% nam giới cùng độ tuổi cho biết không muốn kết hôn. Tương tự, hơn 19% nam giới ở độ tuổi 20 và 14% nữ giới không có kế hoạch kết hôn.

Một nguyên nhân khiến tỷ lệ kết hôn ở Nhật Bản giảm cũng là do gánh nặng công việc gia đình theo quan niệm truyền thống còn đặt lên vai phụ nữ, trong khi sự đóng góp của nam giới trong công việc gia đình còn thấp. Việc phải gánh vác phần lớn vai trò chăm sóc gia đình trong bối cảnh cơ hội kinh tế mở rộng đã khiến khả năng cân bằng giữa công việc và cuộc sống gia đình trở nên khó khăn đối với những phụ nữ đã kết hôn. Thực trạng này cũng làm giảm sự hứng thú trước hôn nhân của nhiều người độc thân ở Nhật Bản. Đây chính là một trong những nguyên nhân khiến cho tỷ lệ trẻ em giảm mạnh và mức độ già hóa dân số ngày càng cao ở Nhật Bản trong những năm gần đây.

Thứ tư, trình độ phát triển kinh tế không ngừng được nâng cao, sự tiến bộ của khoa học - công nghệ, điều kiện y tế được cải thiện giúp tuổi thọ của người Nhật Bản tiếp tục được kéo dài, tỷ lệ tử vong giảm. Tuổi thọ của người dân Nhật Bản gia tăng bởi tốc độ tăng trưởng kinh tế cùng những tiến bộ của khoa học - kỹ thuật và sự nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc chăm sóc sức khỏe cho bản thân, bởi khi kinh tế phát triển, người dân có cuộc sống tốt hơn và có điều kiện chăm sóc sức khỏe tốt hơn, tạo cơ sở để người dân sống lâu hơn. Tuổi thọ con người gia tăng kéo theo sự gia tăng của độ tuổi trung bình do số lượng người cao tuổi tăng lên. Theo Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản, người dân Nhật Bản có tuổi thọ cao nhất thế giới và Nhật Bản trong nhiều năm liên tiếp xếp vị trí “quốc gia có tuổi thọ cao nhất thế giới”. Ước tính trung bình, cứ 100.000 người tại Nhật Bản thì có 73,74 người từ 100 tuổi trở lên. Tính đến ngày 15-9-2023, số lượng người từ 100 tuổi trở lên tại Nhật Bản đạt mức kỷ lục 92.139 người (phụ nữ chiếm 88,5%, với 81.589 người), tăng 1.613 người so với cùng kỳ năm 2022⁽⁵⁾. Điều này có thể làm gia tăng tình trạng phân biệt đối xử theo tuổi tác, đặc biệt là phụ nữ lớn tuổi. Thu nhập của người cao tuổi thấp

(5) Xem: Lê Ánh: “Số người sống thọ trên 100 tuổi tại Nhật Bản tăng cao kỷ lục”, *TTXVN/Vietnam+*, ngày 15-9-2023, <https://www.vietnamplus.vn/so-nguoi-song-tho-tren-100-tuoi-tai-nhat-ban-tang-cao-ky-luc-post894524.vnp>

khuyến nhu cầu chi tiêu mua sắm giảm, gia tăng khoảng cách giàu, nghèo, bất bình đẳng trong xã hội. Bên cạnh đó, già hóa dân số và dân số già đặt ra các thách thức trong việc bảo đảm đời sống văn hóa và tinh thần cho người cao tuổi, điều chỉnh thị trường lao động, việc làm, giải quyết mâu thuẫn và xung đột thể hệ. Điều này đặt ra áp lực phải giải quyết bài toán về “lỗ hổng thế hệ gia tăng” đối với Chính phủ Nhật Bản.

Nỗ lực cải thiện “cơ sóng thân màu xám”

Trước thách thức của vấn đề già hóa và sụt giảm dân số, để giảm thiểu áp lực đối với nền kinh tế quốc gia và hệ thống an sinh phúc lợi xã hội, Nhật Bản đã và đang áp dụng những biện pháp cơ bản sau:

Một là, khuyến khích sinh con với các khoản hỗ trợ phong phú. Đơn cử như, huy động ngân sách và các nguồn lực xã hội để hỗ trợ chi phí chăm sóc toàn diện cho phụ nữ khi mang thai, sinh con, nuôi con nhỏ. Cùng với đó, Nhật Bản cải thiện chế độ nghỉ chăm sóc con nhỏ cho cả nam và nữ, phụ nữ có thể nghỉ trước khi sinh 8 tuần, những cặp vợ chồng sinh con có thể nghỉ phép sau sinh 1 năm và được hưởng 67% lương. Nhật Bản cũng khuyến khích các doanh nghiệp cải thiện môi trường làm việc cho nhân viên, nhất là nhân viên nữ, để họ có thể cân bằng giữa việc chăm sóc con và công việc, vốn là trở ngại đối với nhiều phụ nữ sau sinh. Ngoài ra một động lực lớn để khuyến khích phụ nữ sinh thêm con là đối với các gia đình có con thứ ba trở lên, trẻ em có thể được gửi miễn phí cũng như được ưu tiên nhập học vào các trường mẫu giáo. Đây được xem là động lực rất lớn đối với các gia đình có mong muốn sinh thêm con.

Tháng 4-2023, Chính phủ Nhật Bản còn thành lập một cơ quan chuyên trách riêng - Cơ quan Trẻ em và Gia đình, để giải quyết tập trung các vấn đề liên quan đến dân số, nhất là tăng tỷ lệ sinh, thông qua trợ cấp cho hộ gia đình nuôi con và hỗ trợ tài chính cho người lao động nghỉ thai sản, chú trọng việc mang thai và nuôi dạy con cái, bao gồm chăm sóc sau sinh, trung tâm chăm sóc trẻ em; phân phối trợ cấp nuôi con, hỗ trợ trẻ em và gia đình gặp khó khăn. Chính phủ Nhật Bản cũng cam kết tăng gần 2 lần chi tiêu cho chăm sóc trẻ em và trợ cấp lên 4% GDP. Theo đó, hiện đã có hơn 300 thị trấn nhỏ ở nước này ghi nhận tăng đáng kể tỷ lệ sinh bởi chính sách chi trả “mạnh tay” từ Chính phủ và môi trường thân thiện hơn đối với trẻ em. Trước đó, năm 2021, Quốc hội Nhật Bản đã thông qua dự luật cho phép nam giới Nhật Bản nghỉ chế độ thai sản, cụ thể là hưởng 4 tuần nghỉ phép linh hoạt với mức lương lên tới 80%. Bên cạnh đó,

Chính phủ Nhật Bản đã cải cách thị trường nhằm tăng lương và hỗ trợ kinh tế cho lao động trẻ, cho những người lao động tự do về các khoản trợ cấp bổ sung để hỗ trợ nuôi con, giáo dục và nhà ở. Giới chuyên gia Nhật Bản cho rằng, đây là một biện pháp tốt vì không chỉ cải thiện chính sách gia đình, mà còn tăng cường bình đẳng giới ở “đất nước mặt trời mọc”.

Hai là, ban hành nhiều chính sách khắc phục tình trạng thiếu hụt nguồn lao động. Đứng trước tình trạng già hóa dân số ngày càng gia tăng khiến lực lượng lao động thiếu hụt trầm trọng, Nhật Bản đã ban hành chính sách khuyến khích sự tham gia của phụ nữ trong lực lượng lao động. Nếu như trước đây, phụ nữ ở Nhật sau khi kết hôn chỉ ở nhà làm công việc nội trợ, hiện nay đã có nhiều người tham gia các lĩnh vực khác nhau của đời sống. Những chính sách này đã giúp hơn 1,5 triệu phụ nữ Nhật Bản tham gia lực lượng lao động, tăng tỷ lệ tham gia của nữ giới trong lực lượng lao động từ 46,2% năm 2012 tới 50% năm 2017. Từ đó có thể cân bằng được trách nhiệm của đàn ông và phụ nữ trong việc nuôi dạy con, đồng thời giúp cho cả nam giới và nữ giới đều có thể nghỉ việc chăm sóc con cho đến khi trẻ lên 3 tuổi.

Đối với người cao tuổi, Chính phủ Nhật Bản đã xem xét nâng tuổi nghỉ hưu từ 60 tuổi lên 65 tuổi để kéo dài thời gian lao động và tận dụng tài năng, kinh nghiệm của họ. Bên cạnh đó, Chính phủ Nhật Bản còn cho phép người dân được trì hoãn thời điểm nghỉ hưu tới 70 tuổi và khuyến khích họ tiếp tục làm việc khi đã nghỉ hưu mà sức khỏe cho phép. Hiện nay, độ tuổi nghỉ hưu chính thức ở Nhật là 65 tuổi nhưng thực tế các doanh nghiệp tư nhân cũng như doanh nghiệp nhà nước ở nước này bắt đầu để lao động cao tuổi có quyền được chọn thời điểm nghỉ hưu từ 60 - 70 tuổi. Việc kéo dài tuổi nghỉ hưu không chỉ giảm bớt áp lực cho quỹ lương hưu, mà còn giúp giảm tỷ lệ phụ thuộc của người cao tuổi. Ở một mức độ nhất định, điều này cũng giúp giảm bớt sự thiếu hụt nguồn cung lao động trên thị trường lao động của Nhật Bản do tình trạng già hóa dân số gây ra.

Để đối phó với hàng loạt thách thức liên quan đến tình trạng dân số già khiến thiếu hụt lực lượng lao động, Chính phủ Nhật Bản còn thực hiện một loạt biện pháp, như mở rộng chương trình cấp visa lao động cho người nước ngoài trong một số ngành công nghiệp (xây dựng, chăm sóc người già, nông nghiệp); tập trung vào nghiên cứu và phát triển công nghệ để thay thế lao động nhân công bằng tự động hóa và robot hóa; tăng cường đào tạo - giáo dục nghề nghiệp để đáp ứng nhu cầu lao động của các ngành công nghiệp khác nhau; hỗ trợ giảm giờ làm việc, nghỉ phép linh hoạt...

Ba là, thúc đẩy phát triển nền “kinh tế bạc” (silver economy). “Kinh tế bạc” là nền kinh tế mà các hoạt động sản xuất, phân phối hàng hóa, cung cấp dịch vụ đều nhằm đáp ứng nhu cầu của người già. Do tình trạng già hóa dân số tăng cao trong khi các ngành, nghề phục vụ người già còn thiếu cân đối và không tương xứng với thực tế, buộc Chính phủ Nhật Bản phải đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng, dịch vụ và chăm sóc y tế cho người già. Chính phủ Nhật Bản triển khai thực thi các chính sách hỗ trợ, phát triển ngành công nghiệp và dịch vụ đáp ứng nhu cầu đặc biệt của người già và tăng cường sự giám sát đối với thị trường nhằm bảo vệ quyền lợi của người già.

Theo đó, từ góc độ thể chế quốc gia, Chính phủ Nhật Bản đã ban hành nhiều chính sách, như “Sách trắng về già hóa dân số”, “Sách trắng về chăm sóc người cao tuổi”,... làm tài liệu phục vụ công tác xây dựng chính sách đối với người cao tuổi và các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi. Từ góc độ hệ thống điều dưỡng và bảo hiểm xã hội, các hệ thống an sinh xã hội, Nhật Bản đã thúc đẩy hệ thống bảo hiểm chăm sóc dài hạn từ năm 2000, cung cấp các dịch vụ chăm sóc, bao gồm chăm sóc tại nhà, chăm sóc ban ngày và cơ sở chăm sóc nội trú ngắn hạn, được tài trợ bởi bảo hiểm xã hội và thuế để bảo đảm giảm bớt gánh nặng cho người cao tuổi. Trước đó, năm 2012, Nhật Bản chính thức thực thi Luật Bảo hiểm điều dưỡng, thúc đẩy chính quyền địa phương phát triển hệ thống hợp tác chăm sóc y tế dựa vào cộng đồng dựa trên điều kiện của địa phương. Từ góc độ ưu đãi và trợ cấp thuế, Chính phủ Nhật Bản đã tăng cường chính sách miễn thuế đối với các ngành cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho người cao tuổi, nhất là dịch vụ chăm sóc người già thông minh. Các doanh nghiệp khởi nghiệp có thể xin trợ cấp nghiên cứu và phát triển (R&D) của Chính phủ khi phát triển các thiết bị nhà thông minh, như đèn ngủ, các phương tiện gọi khẩn cấp dành cho người già. Ngoài ra, do người cao tuổi có nhiều thời gian và nguồn lực tài chính hơn, các doanh nghiệp Nhật Bản đã bắt đầu cung cấp các dịch vụ du lịch tùy chỉnh và các sản phẩm tài chính phù hợp với người cao tuổi, chẳng hạn như các tuyến du lịch chậm, “kỳ nghỉ + phục hồi sức khỏe” và các mô hình du lịch khác, hoặc tìm hiểu việc cung cấp dịch vụ cho quỹ hưu trí dịch vụ tư vấn lập kế hoạch và các dự án đầu tư khác cho người cao tuổi.

Hiện tại, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản đang lên kế hoạch xây dựng một hệ thống mang tên “chăm sóc cộng đồng toàn diện”, đặt mục tiêu hoàn thành trong năm 2025. Đây là hệ thống hỗ trợ chăm sóc cuộc sống của người cao tuổi tại chính địa phương nơi họ đang sống. Điều này giúp đưa ra

những tiêu chí phục vụ phù hợp đối với người cao tuổi ở những khu vực khác nhau trên lãnh thổ Nhật Bản.

Bốn là, hướng tới xây dựng “xã hội 5.0”. “Xã hội 5.0” là xã hội lấy con người làm trung tâm, cân bằng được giữa phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội dựa trên một hệ thống tích hợp cao không gian mạng (không gian ảo) và không gian vật lý (không gian thực)⁽⁶⁾. Nền tảng của xã hội 5.0 dựa trên bốn yếu tố kỹ thuật cao, bao gồm: trí tuệ nhân tạo (AI), big data, tự động hóa (robot) và internet kết nối vạn vật (IoT). Hiện nay, xây dựng “xã hội 5.0” cũng được coi là một trong những giải pháp khá toàn diện đối với vấn đề già hóa và sụt giảm dân số ở Nhật Bản, trong bối cảnh người cao tuổi ở Nhật Bản đang nắm giữ 1/2 tài sản của quốc gia, nền kinh tế được chi phối bởi ngành dược phẩm, chăm sóc sức khỏe và trang thiết bị y tế thịnh hành xung quanh họ. Ý tưởng xây dựng “xã hội 5.0” xuất phát từ một thực tế là, trong xã hội thông tin 4.0, lượng tri thức và thông tin đầy ắp nhưng chưa được truyền tải đầy đủ đến mỗi cá nhân; mối liên hệ giữa các lĩnh vực, ngành, nghề cũng chưa được kết nối một cách đầy đủ, chặt chẽ. Năng lực của con người bị giới hạn bởi tuổi tác, sức lao động..., con người khó có thể cùng lúc xử lý và phân tích lượng thông tin ngày càng lớn. Tại Nhật Bản, do tình trạng già hóa dân số, ít trẻ em, nhiều khu vực đang đối mặt với vấn đề giảm dân số nghiêm trọng, việc giải quyết những vấn đề này gặp nhiều khó khăn. Xã hội 5.0 sẽ khắc phục những hạn chế đó bằng cách kết nối vạn vật với công nghệ IoT, cung cấp cho con người lượng tri thức, thông tin đầy đủ và phong phú, sáng tạo ra những giá trị mới chưa từng có trước đây, cũng như giải quyết các vấn đề mà xã hội 4.0 đang phải đối mặt. Trí tuệ nhân tạo (AI) sẽ cung cấp cho con người lượng thông tin cần thiết vào đúng thời điểm mà con người cần tới nó, công nghệ robot và ô-tô không người lái sẽ giúp khắc phục những vấn đề của xã hội già hóa, ít trẻ em, giảm dân số ở các địa phương, cũng như xóa bỏ được khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền... Thông qua cuộc cách mạng về “xã hội 5.0”, một xã hội không còn khoảng cách giữa các thế hệ sẽ dần được xóa bỏ, mỗi người đều có thể tận hưởng cuộc sống thoải mái với chất lượng tốt nhất.

Giống như Nhật Bản, Việt Nam chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số từ năm 2011 với số người cao tuổi trên 65 tuổi chiếm 7% tổng dân số. Sau 10 năm, số người cao tuổi chiếm 8,3% tổng dân số, tương đương 8,16 triệu người. Dự báo đến năm 2030, tỷ lệ người cao tuổi ở Việt Nam sẽ chiếm 18% (gần 19

(6) Xem: “Society 5.0”, Cabinet Office, Government of Japan (Văn phòng Nội các Nhật Bản), https://www8.cao.go.jp/cstp/society5_0/

triệu người) và sẽ nâng lên hơn 30% (28 triệu người) vào năm 2050⁽⁷⁾. Đến năm 2038, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội “già hóa” sang xã hội “già”⁽⁸⁾. Nếu như các nền kinh tế phát triển mất vài thập niên, thậm chí hàng thế kỷ để chuyển từ giai đoạn già hóa dân số (nhóm dân số trên 60 tuổi chiếm 10%) sang giai đoạn dân số già (nhóm dân số trên 60 tuổi chiếm 20%), như Pháp (115 năm), Thụy Điển (85 năm), Australia (73 năm), Mỹ (69 năm), Canada (65 năm),... thì Việt Nam chỉ mất 27 năm. Sự chuyển đổi nhân khẩu học này sẽ tạo ra những tác động to lớn đối với tăng trưởng kinh tế, lao động việc làm, tiết kiệm, đầu tư, chăm sóc y tế, an sinh xã hội, sự chuyển dịch các dòng di cư, kết cấu hạ tầng... Văn kiện Đại hội XIII của Đảng (tháng 1-2021) nhấn mạnh, “xu hướng già hóa dân số nhanh” là một trong những thách thức lớn mà Việt Nam phải giải quyết; trong thời gian tới cần “chuẩn bị điều kiện thích ứng với già hóa dân số”⁽⁹⁾. Vì vậy, việc tham khảo những kinh nghiệm của Nhật Bản trong giải quyết vấn đề già hóa dân số được cho là hữu ích đối với Việt Nam. □

(7) Hà Thị Đoàn Trang: “Xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra đối với chính sách tài chính”, *Cổng thông tin điện tử Viện Phát triển bảo hiểm Việt Nam*, ngày 21-6-2021, https://mof.gov.vn/webcenter/portal/ttnctdbh/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM203331

(8) “Việt Nam chuẩn bị bước vào thời kỳ già hóa dân số từ năm 2038”, *TTXVN/Vietnam+*, ngày 21-3-2024, <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-chuan-bi-buoc-va-oi-thoi-ky-gia-hoa-dan-so-tu-nam-2038-post935720.vnp>

(9) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 108, 151

GIÀ HÓA DÂN SỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRUNG QUỐC VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

TS. VŨ PHƯƠNG DUNG

Tạp chí Cộng sản

Già hóa dân số đã tác động nhiều mặt đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Trung Quốc. Một mặt, già hóa dân số buộc Chính phủ Trung Quốc phải tối ưu hóa quá trình phát triển, tăng cường động lực phát triển kinh tế, mặt khác, phải thúc đẩy tính cạnh tranh của nền kinh tế. Ứng phó với xu hướng già hóa dân số và không ngừng nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế đã trở thành một bài toán mà Trung Quốc cần phải giải quyết hiện nay.

Thực trạng già hóa dân số của Trung Quốc

Theo Cuộc tổng điều tra dân số lần thứ 7 (năm 2021) của Trung Quốc cho thấy, hiện Trung Quốc có dân số đạt 1,4 tỷ người. Trong đó, có 250 triệu người trên 60 tuổi (chiếm 18% tổng dân số); có 180 triệu người từ 65 tuổi trở lên (chiếm 13% tổng dân số). Bộ dữ liệu này vượt xa tỷ lệ tiêu chuẩn do Liên hợp quốc công bố, có thể thấy Trung Quốc đang phải đối mặt với hiện tượng già hóa dân số nghiêm trọng. Số lượng thanh niên giảm đáng kể, tác động rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Trung Quốc.

Hiện tượng già hóa dân số bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, bao gồm điều kiện quốc gia, chính sách, quan niệm,... Trung Quốc là nước đông dân nhất thế giới, vì vậy để giải quyết áp lực về dân số, Chính phủ Trung Quốc bắt đầu thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Vào cuối những năm 1970, Chính phủ Trung Quốc khuyến khích mỗi gia đình chỉ nên sinh một con và vận động mạnh mẽ “chỉ một con là tốt”. Với việc liên tục thực hiện chính sách này, số trẻ sơ sinh ở

Trung Quốc bắt đầu giảm đáng kể, dẫn đến trước xu hướng già hóa ngày càng gia tăng.

Trong những năm gần đây, mặc dù Chính phủ Trung Quốc đã khuyến khích mạnh mẽ các cặp vợ chồng sinh con thứ hai và tự do hóa chính sách ba con bắt đầu từ năm 2021, nhưng nhiều gia đình không muốn sinh con thứ hai (chứ đừng nói đến con thứ ba). Do áp lực kinh tế mà nhiều người trẻ kết hôn muộn, sinh con muộn, hoặc không muốn kết hôn quá sớm đã dẫn đến số trẻ sơ sinh ở Trung Quốc giảm và xu hướng già hóa ngày càng rõ rệt.

Các nhà kinh tế cảnh báo rằng, tham vọng của Trung Quốc trở thành “một quốc gia giàu mạnh” vào năm 2049, kỷ niệm 100 năm ngày thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đang đứng trước khả năng khó trở thành hiện thực. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đã tuyên bố rằng, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới đang “mất cân bằng và động lực tăng trưởng đang suy yếu”. Thêm vào đó, nguồn lực lao động bị thu hẹp, năng suất giảm, cạnh tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc và sự tách rời khỏi nền kinh tế quốc tế đều là những mối đe dọa lâu dài đối với triển vọng tăng trưởng của kinh tế Trung Quốc.

Tác động của già hóa dân số tới phát triển kinh tế - xã hội

Tác động tích cực

Một là, già hóa dân số góp phần chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế. Theo dữ liệu thực nghiệm từ hầu hết các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), người ta nhận thấy rằng, cứ tăng 1 điểm phần trăm trong tỷ lệ người già phụ thuộc sẽ dẫn đến tỷ lệ tiết kiệm quốc gia giảm khoảng 1%. Tỷ lệ tiết kiệm quốc gia giảm quá nhiều cho thấy việc tích lũy vốn cần thiết cho tăng trưởng kinh tế không đủ, không thể thúc đẩy mở rộng đầu tư và sẽ ảnh hưởng đến tiềm năng phát triển kinh tế. Khi tỷ lệ tiêu dùng tăng, cho thấy nhu cầu tiêu dùng trong nước sẽ tiếp tục tăng và có thể thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc. Trước đây, tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc thường dựa vào xuất khẩu và đầu tư, còn đóng góp của tiêu dùng vào tăng trưởng kinh tế không lý tưởng, do đó, việc dựa vào tiêu dùng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đã trở thành một phương thức quan trọng thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế.

Hai là, già hóa dân số giúp thúc đẩy điều chỉnh cơ cấu công nghiệp quốc gia. Theo kinh nghiệm của các nước phát triển, dấu hiệu của cơ cấu công nghiệp

tiên tiến, hợp lý là sự chuyển dịch dần dần cơ cấu công nghiệp từ thâm dụng lao động sang thâm dụng công nghệ hoặc thâm dụng vốn. Trong bối cảnh Trung Quốc đang “già đi”, số lượng lực lượng lao động sẽ tiếp tục giảm, cơ cấu lao động cũng sẽ thay đổi, lực lượng lao động giá rẻ ban đầu sẽ ngày càng biến mất, dẫn đến chi phí lao động ở Trung Quốc ngày càng tăng. Trong bối cảnh này, từ cấp độ doanh nghiệp, an sinh xã hội, tiền lương và các chi phí khác sẽ tăng dần, dẫn đến nhu cầu về công nghệ và vốn cao hơn, công nghệ và vốn sẽ thay thế lực lượng lao động giá rẻ ban đầu. Vì vậy, tối ưu hóa cơ cấu công nghiệp, chuyển đổi từ các ngành sử dụng nhiều lao động sang các ngành công nghiệp vốn, công nghệ, thông tin và các ngành thâm dụng khác, già hóa dân số góp phần thúc đẩy việc tối ưu hóa cơ cấu công nghiệp ở Trung Quốc.

Ba là, già hóa dân số giúp thúc đẩy phát triển thị trường bảo hiểm. Khi về già, con người ta thường có hai mong muốn, một là, có thuốc chữa bệnh và hai là, có thể tự nuôi sống bản thân khi về già. Để hiện thực hóa mong muốn này, một mặt cần hoàn thiện hệ thống bảo hiểm hưu trí xã hội; mặt khác, cá nhân cần điều chỉnh mức tiêu dùng theo mức độ của bản thân, phân bổ tài sản, nguồn thu nhập một cách khoa học để xây dựng kế hoạch bảo hiểm lâu dài. Trong bối cảnh dân số đang già đi, chức năng của bảo hiểm hưu trí gia đình bị suy yếu, rủi ro thanh toán của hệ thống bảo hiểm y tế và hệ thống bảo hiểm hưu trí xã hội ngày càng gia tăng. Vì vậy, người dân bắt đầu tìm kiếm sự hỗ trợ từ bảo hiểm thương mại. Để đối phó với những rủi ro về bệnh tật, rủi ro về thu nhập... do già hóa dân số gây ra, người dân sẽ tăng tỷ trọng bảo hiểm thương mại một cách hợp lý, điều này tạo ra nhu cầu cao hơn về các sản phẩm bảo hiểm thương mại, từ đó thúc đẩy sự phát triển của bảo hiểm y tế thương mại, bảo hiểm hưu trí và các hoạt động kinh doanh khác.

Tác động tiêu cực

Một là, tác động đến vốn con người.

Những năm gần đây, khi nền kinh tế Trung Quốc phát triển và dần bước vào trạng thái bình thường mới, Trung Quốc phải đối mặt với áp lực phát triển kinh tế ngày càng lớn. Để nâng cao trình độ phát triển kinh tế, Trung Quốc đã bắt đầu thực hiện nâng cấp nền công nghiệp, điều chỉnh cơ cấu kinh tế,... Đặc biệt là trong “Kế hoạch 5 năm lần thứ 14” (giai đoạn 2021 - 2025) và dưới ảnh hưởng của Kế hoạch phát triển kinh tế đến năm 2035, Trung Quốc đã bắt đầu chuyển trọng tâm phát triển sang nền kinh tế carbon thấp, nền kinh tế kỹ thuật số và các khía cạnh khác, như nhân tài cấp cao. Điều này cũng cho thấy Trung Quốc

sẽ có nhu cầu lớn hơn về giới trẻ đổi mới sáng tạo, thanh niên có nền tảng tri thức trong tương lai. Tuy nhiên, trong bối cảnh già hóa dân số, dân số trẻ của Trung Quốc ngày càng giảm, vốn nhân lực thay đổi, lợi thế nhân khẩu học thể hiện trong đổi mới và phát triển kinh tế ngày càng giảm sút, chắc chắn sẽ tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc.

Hai là, tác động đến hệ thống an sinh xã hội.

Hệ thống an sinh xã hội là một hệ thống quan trọng trong sự phát triển của Trung Quốc. Việc thiết lập một hệ thống an sinh xã hội lành mạnh có ảnh hưởng trực tiếp đến hạnh phúc và sự hài lòng của người dân. Trong bối cảnh già hóa dân số, vấn đề lương hưu của Trung Quốc ngày càng trở nên nghiêm trọng. Hiện nay hệ thống an sinh xã hội của Trung Quốc chưa thật sự hoàn hảo, số lượng người cao tuổi ngày càng tăng, điều này sẽ khiến Trung Quốc phải đối mặt với tình trạng già hóa dân số, phải chịu áp lực lớn hơn trong việc chi trả lương hưu và cần phải cấp bách cải thiện hệ thống an sinh lương hưu hơn nữa. Ngoài ra, già hóa có thể làm gia tăng gánh nặng cho hệ thống chăm sóc sức khỏe của Trung Quốc. Để đối phó với xu hướng già hóa, Trung Quốc cần cải thiện và tối ưu hóa hệ thống y tế. Mặc dù Chính phủ Trung Quốc đã triển khai “bảo hiểm y tế toàn dân” trong những năm gần đây nhưng tỷ lệ hoàn trả không thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân, nhiều người dân vẫn phải đối mặt với gánh nặng y tế cao. Vì vậy, nhiều vùng, miền vẫn phải đối mặt với hiện tượng điều trị y tế tốn kém và khó khăn.

Ba là, tác động đến hạnh phúc của người dân.

Cuộc đời của một người có thể chia làm ba giai đoạn, *giai đoạn đầu tiên* là thời thơ ấu, ở giai đoạn này con người đang trong giai đoạn tiêu dùng, không thể kiếm tiền, có thể tận hưởng niềm hạnh phúc của tuổi thơ và sống một cuộc sống vô lo vô nghĩ; *giai đoạn thứ hai* là giai đoạn thanh niên hoặc trung niên, con người có nhu cầu tham gia lao động, hỗ trợ trẻ em và người già, áp lực cuộc sống tương đối cao; *giai đoạn thứ ba* là giai đoạn tuổi già, con người đã đến tuổi nghỉ hưu, mọi chức năng cơ thể suy giảm liên tục (nếu con người ở giai đoạn này nhận thức được “có chỗ dựa, có thể ỷ lại khi về già” thì sẽ có cảm giác hạnh phúc hơn). Trong bối cảnh dân số già đi, 1 đôi vợ chồng trẻ sẽ phải nuôi 4 người lớn tuổi. Do đó, họ sẽ thấy gánh nặng, thiếu cảm giác hạnh phúc trong cuộc sống, không thể hết lòng tận hưởng tuổi già, điều này sẽ ảnh hưởng đến hạnh phúc của người cao tuổi nói riêng và hạnh phúc của cả gia đình nói chung.

Các biện pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc trong bối cảnh già hóa dân số

Thứ nhất, điều chỉnh cơ cấu công nghiệp và chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế.

Trong bối cảnh già hóa dân số, để thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế xã hội, Trung Quốc đã điều chỉnh cơ cấu công nghiệp và từng bước thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu công nghiệp theo hướng hợp lý hóa, tối ưu hóa. Do già hóa dân số sẽ làm giảm sự tham gia, đóng góp của lực lượng lao động vào tăng trưởng kinh tế nên cần phải đầu tư nhiều hơn vào công nghệ, vốn, kiến thức và các yếu tố khác, điều này cũng cho thấy cách thức chủ yếu để giải quyết tình trạng tăng trưởng kinh tế yếu trong bối cảnh già hóa là điều chỉnh cơ cấu công nghiệp và tối ưu hóa, không ngừng thúc đẩy nâng cấp cơ cấu công nghiệp từ cấp thấp lên cấp cao, trên cơ sở củng cố các ngành công nghiệp sơ cấp và thứ cấp. Đồng thời, cần kịp thời thay đổi mô hình phát triển kinh tế, từ “theo đuổi tốc độ” trước đây sang “theo đuổi chất lượng cao”, chuyển mô hình phát triển kinh tế chiều rộng sang mô hình chiều sâu, coi trọng cân bằng, chú trọng đến bảo vệ môi trường, chất lượng, hiệu quả,... Trong bối cảnh già hóa dân số, lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tiếp tục bị thu hẹp, việc học các công nghệ mới tốn nhiều thời gian và sức lao động, do đó cần chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế và chuyển đổi dần các ngành thâm dụng lao động trước đây sang các ngành sử dụng nhiều công nghệ và vốn, các ngành công nghiệp truyền thống có mức tiêu thụ cao, năng suất thấp đang chuyển sang các ngành công nghiệp hiện đại, tiêu thụ thấp, năng suất cao. Ngoài ra, phải phát triển mạnh mẽ các ngành, nghề dành cho người cao tuổi. Mặc dù già hóa dân số sẽ dẫn đến những thay đổi trong cơ cấu tiêu dùng xã hội và nhu cầu tiêu dùng, nhưng trong quá trình phát triển kinh tế, nhu cầu tiêu dùng của dân số già đã dần chuyển dịch từ thực phẩm, quần áo sang các dịch vụ cá nhân hóa và những thứ không thiết yếu; trọng tâm tiêu dùng đang dần chuyển dịch từ cấp thấp lên cấp cao, đặc biệt, nhiều người cao tuổi hiện nay có nhu cầu cao hơn đối với các dịch vụ gia đình, dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng... Vì vậy, để thích ứng với những nhu cầu này, Trung Quốc cần phát triển mạnh mẽ các ngành dịch vụ và công nghiệp dành cho người cao tuổi để giải quyết tốt hơn vấn đề già hóa.

Thứ hai, đẩy mạnh đa dạng hóa các mô hình chăm sóc người cao tuổi.

Một là, đa dạng hóa các nguồn để bảo đảm cuộc sống. Hiện nay, nguồn bảo đảm an sinh xã hội cho người cao tuổi ở Trung Quốc còn tương đối đơn lẻ,

thường có hai mô hình là lương hưu xã hội và con cái nuôi dưỡng. Đối với người cao tuổi ở thành thị, bảo hiểm hưu trí cơ bản là nguồn thu nhập chính, chiếm khoảng 45% tổng thu nhập, trong khi người cao tuổi ở nông thôn thường dựa vào thu nhập từ lao động và con cái nuôi dưỡng, trong đó con cái nuôi dưỡng chiếm khoảng 54%, điều này tạo nên gánh nặng lớn hơn cho cuộc sống của giới trẻ. Để giải quyết vấn đề này, cần đẩy mạnh đa dạng hóa các mô hình chăm sóc người cao tuổi, chẳng hạn như thúc đẩy mô hình “nhà ở chăm sóc người già”, trong đó người cao tuổi có thể thế chấp quyền tài sản của mình và nhận lương hưu thường xuyên hoặc các dịch vụ theo kiểu chung cư dành cho người cao tuổi. Sau khi mất, công ty bảo hiểm hoặc ngân hàng sẽ thu hồi quyền sử dụng nhà ở theo quy định của pháp luật. Chúng ta cũng có thể thực hiện chính sách “sống tập trung”, điều chỉnh cách bố trí các làng, thị trấn, xóa bỏ các “làng rỗng”, xây dựng một số viện dưỡng lão, tập hợp những người già trên 60 tuổi ở mỗi làng thành các viện dưỡng lão hỗ trợ lẫn nhau và được hưởng các chế độ an sinh xã hội, trợ cấp sinh hoạt, bảo hiểm y tế cùng các chế độ khác.

Hai là, thúc đẩy sự đa dạng của các cơ sở chăm sóc người cao tuổi. Hiện nay ở Trung Quốc có rất ít cơ sở chăm sóc người già đơn lẻ, khó có thể đáp ứng nhu cầu của dân số già. Về vấn đề này, Trung Quốc thúc đẩy xây dựng nhiều hơn các cơ sở chăm sóc người già, đặc biệt là khuyến khích vốn nước ngoài, vốn tư nhân,... đầu tư vào các cơ sở chăm sóc người cao tuổi để giải quyết tốt hơn vấn đề chăm sóc người cao tuổi.

Thứ ba, mở rộng cơ hội việc làm và phát huy tối đa năng lượng của người cao tuổi.

Do sự già hóa dân số dẫn đến thiếu hụt lao động, vì vậy tuổi nghỉ hưu của người cao tuổi có thể được lùi dần xuống 65 tuổi. Trong bối cảnh quan niệm chăm sóc người cao tuổi và trình độ chăm sóc y tế không ngừng được nâng cao hiện nay, độ tuổi trung bình của người dân Trung Quốc cũng ngày càng tăng lên, dù nhiều người cao tuổi đã nghỉ hưu nhưng họ vẫn tràn đầy nghị lực và hy vọng được tiếp tục cống hiến. Do đó, các vị trí việc làm có thể được sắp xếp hợp lý và thông qua việc tái tuyển dụng. Hình thức này giúp những người cao tuổi năng động và sẵn sàng quay trở lại làm việc, sử dụng năng lượng còn lại của mình và đóng góp cho xã hội. Ngoài ra, một số người cao tuổi sống tại nhà còn có thể được bố trí các công việc công cộng, như dọn dẹp, phủ xanh cộng đồng,... Điều này không chỉ đáp ứng được nhu cầu tinh thần của người cao tuổi mà còn giải quyết được một số vấn đề việc làm liên quan.

Một số vấn đề đặt ra

Có thể thấy, Trung Quốc là một đất nước có số dân đông. Đây là lợi thế đáng kể trong quá trình phát triển kinh tế Trung Quốc. Những năm gần đây, tình trạng già hóa dân số ở Trung Quốc ngày càng nghiêm trọng, số người già ngày càng tăng và số lượng người trẻ ngày càng giảm, gây ra nhiều bất lợi đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở Trung Quốc. Quốc gia này đang phải đối mặt với tình trạng già hóa sâu sắc và quy mô dân số già ngày càng mở rộng, đây là một thực trạng không thể đảo ngược.

Cũng giống như Trung Quốc, Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới mặc dù vẫn đang ở trong thời kỳ cơ cấu “dân số vàng” (2007 - 2039). Dự báo đến năm 2030, tỷ lệ người cao tuổi ở Việt Nam sẽ chiếm 17% (đạt 19 triệu người) và sẽ nâng lên 25% năm 2050 (28 triệu người). Vì vậy, việc tham khảo những chính sách đối với vấn đề già hóa dân số của Trung Quốc là kinh nghiệm hữu ích đối với Việt Nam. Sơ bộ khái quát: Việt Nam cần thống nhất cách tiếp cận về già hóa dân số trong các nghiên cứu và xây dựng, quy hoạch chính sách dân số và phát triển. Thực hiện các chương trình nghiên cứu đầy đủ, toàn diện về người cao tuổi và tác động của các chính sách hiện hành đến đời sống của người cao tuổi để có cơ sở cho việc điều chỉnh, bổ sung và thực thi chính sách được tốt, sát thực tiễn. Khuyến khích người cao tuổi chủ động tham gia vào hoạt động kinh tế trong điều kiện năng lực cho phép, đặc biệt là những người có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao; điều này vừa làm giảm thiểu tỷ lệ thất nghiệp, góp phần giảm tỷ số phụ thuộc chung bao gồm cả phụ thuộc già; đổi mới trong xây dựng cơ chế, chính sách để thu hút hiệu quả lực lượng lao động trong độ tuổi nghỉ hưu... Có chiến lược hướng đến tạo môi trường sống thân thiện với người cao tuổi trong toàn bộ xã hội, bao gồm cả thiết kế kết cấu hạ tầng và nhà ở phù hợp cũng như chi phí nhà ở, đi lại phù hợp với nhu cầu của người cao tuổi, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thể chất và xã hội của người cao tuổi trong quá trình tiếp cận với môi trường thể chất như vui chơi, tiếp cận không gian công cộng bên ngoài. Tăng cường truyền thông giáo dục nâng cao nhận thức, tạo môi trường xã hội đồng thuận, đồng bộ trong chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi. Xây dựng, phát triển phong trào chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Nâng cao ý thức và hiểu biết của các nhà quản lý, hoạch định chính sách cũng như của toàn bộ cộng đồng về những thách thức của già hóa dân số với đời sống của người cao tuổi nói riêng và toàn xã hội nói chung.

Già hóa dân số không chỉ là vấn đề riêng của Trung Quốc mà còn là một chủ đề được nhiều quốc gia quan tâm hiện nay và cần các chính sách ứng phó một cách hợp lý. Để góp phần hướng đến một xã hội “già hóa tích cực”, trong bối cảnh mới hiện nay, Đảng, Nhà nước, cả hệ thống chính trị và toàn xã hội cần đồng hành để chuyển hóa những thách thức thành cơ hội, đưa đất nước ngày càng phát triển bền vững.□

PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ BẠC TRÊN THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ GỢI Ý ĐỐI VỚI VIỆT NAM

LƯU XUÂN TIẾN - NGUYỄN VĂN HỮU

Tạp chí Cộng sản

KHÁI niệm “nền kinh tế bạc” đề cập đến các sản phẩm và dịch vụ được thiết kế để phục vụ những người từ trung niên trở lên, với đặc điểm chung là mái tóc bạc - silver. Tuy đã phát triển khá nhiều năm trên thế giới nhưng hiện nay, với tốc độ già hóa dân số và số lượng người cao tuổi không ngừng tăng ở nhiều nước trên thế giới, khiến nhu cầu tiêu dùng dịch vụ của người già ngày càng tăng, tạo ra lực đẩy mạnh mẽ cho phát triển nền kinh tế bạc; cũng khiến cho khái niệm này ngày càng được quan tâm. Việt Nam cũng bắt đầu bước vào giai đoạn già hóa dân số và có nhiều vấn đề mới phát sinh trong việc chăm sóc, bảo vệ, nâng cao đời sống người cao tuổi.

Nền kinh tế bạc ở một số quốc gia

Theo tổ chức Y tế Thế giới (WHO), già hóa dân số đang diễn ra với tốc độ nhanh chóng trên phạm vi toàn cầu, một số cột mốc như: Năm 2020, số lượng người trên 60 tuổi đã vượt qua số trẻ em dưới 5 tuổi; dự kiến đến năm 2030, cứ 6 người trên thế giới sẽ có 1 người thuộc độ tuổi trên 60. Điều tra của McKinsey, chi tiêu của người cao tuổi dự kiến sẽ tăng gấp ba lần trong thập kỷ tới. Những điều này sẽ dẫn tác động đến các hoạt động của nền kinh tế toàn cầu, cũng như tạo nên một khu vực kinh tế bạc ngày càng phát triển.

Theo số liệu của Cục Thống kê Dân số Mỹ, đến tháng 8-2023, 17,7% dân số Mỹ là những người từ 65 tuổi trở lên. Đặc điểm của nhóm người tiêu dùng cao

tuổi ở Mỹ là: tài chính tương đối vững vàng; ít nhu cầu vay, ít gặp rủi ro hơn các nhóm tiêu dùng khác. Với những chỉ số khả quan như vậy, người già trở thành lực lượng tiêu dùng rất quan trọng. Trên thực tế, họ đã đóng góp 22% tiêu dùng năm 2022 - một con số thực sự rất ấn tượng.

Không chỉ tăng nhanh về số lượng, chất lượng của nhóm người tiêu dùng là người già cũng được xem là đáng kinh ngạc. Theo thống kê, những người được sinh ra trong hoảng từ năm 1946 - 1964 chiếm 70% đến tổng thu nhập khả dụng tại Mỹ; đồng thời, đứng đầu về lực lượng tài chính thống trị thị trường. Họ chi tiêu hàng năm lên đến 548,1 tỷ USD, vượt xa thế hệ mới - gen X (những người sinh từ 1965 - 1980; chỉ 357 tỷ USD). Một điều thú vị nữa là, những khách hàng từ 65 tuổi trở lên lại đang trở thành nhóm mua sắm trực tuyến tăng trưởng nhanh nhất, tăng tới hơn 49% chi tiêu trên internet trong năm 2022.

Tại Nhật Bản, quốc gia có dân số thuộc già nhất thế giới, tỷ lệ người về hưu ở mức cao trong cơ cấu nhân khẩu học, việc khuyến khích người già chi tiêu được xem là một giải pháp vô cùng quan trọng trước những khó khăn chung của nền kinh tế. Theo thống kê, chi tiêu hàng tháng của các hộ gia đình có chủ hộ là người từ 65 tuổi trở lên đạt trung bình là 211.780 yên vào năm 2022, chiếm khoảng 39% tổng chi tiêu toàn quốc. Các cặp vợ chồng trên 65 tuổi đã nghỉ hưu ở Nhật Bản có tài sản tài chính trung bình là 19,15 triệu yên, cao hơn 6,36 triệu yên so với mức trung bình chung các hộ gia đình.

Tại Bỉ, hiện nay có hơn 60 công ty khởi nghiệp nhắm vào việc đưa ra các giải pháp mới để bảo đảm an toàn và quyền tự chủ của người cao tuổi, giữ họ ở nhà và các hoạt động liên quan đến lối sống. Trong số đó, các công ty công nghệ y tế, tự động hóa gia đình và y tế kỹ thuật số chiếm vị trí chủ đạo, với 70% thị phần trong ngành; hơn 1/3 trong số đó đã huy động được tổng số tiền 58 triệu Euro (63,4 triệu USD) trong 5 năm qua.

Theo báo cáo dân số năm 2023 của chính phủ Singapore, công dân từ 65 tuổi trở lên chiếm gần 1/5 dân số nước này, tăng 11,7% so với một thập kỷ trước, kéo theo sự bùng nổ của nền kinh tế bạc, với sự tham gia của rất nhiều doanh nghiệp, từ các công ty khởi nghiệp về chăm sóc sức khỏe ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đến các nền tảng mua sắm. Kênh CNBC cho biết Singapore có tiềm năng thị trường dành cho dân số già thuộc hàng lớn nhất trong 15 quốc gia

châu Á - Thái Bình Dương. Theo Aging Asia, một doanh nghiệp chuyên về phân khúc người cao tuổi ở Singapore, nền kinh tế bạc của nước này dự kiến đạt 72,4 tỉ USD vào năm 2025.

Tại Hàn Quốc, tỉ lệ lao động ở nhóm dân số trong độ tuổi 55 - 79 của quốc gia này đã tăng lên 60%, tương đương hơn 9,3 triệu người. Theo tính toán, với đà tăng hiện tại, con số này dự kiến vượt ngưỡng 10 triệu người vào năm 2024, khi ngày càng nhiều người thuộc thế hệ “baby boomer” (ra đời trong giai đoạn 1955 - 1963) gia nhập nhóm dân số già. Do đó, người lao động lớn tuổi có thể là chìa khóa giải quyết tình trạng thiếu hụt nhân lực của Hàn Quốc. Sức khỏe, tuổi thọ được cải thiện cùng với những nỗi lo liên quan đến kinh tế như chi phí sinh hoạt là các nguyên nhân chính khiến tỉ lệ lao động cao tuổi gia tăng ở Hàn Quốc. Họ chủ yếu làm những công việc đơn giản, yêu cầu ít hoặc không yêu cầu kinh nghiệm. tỉ USD vào năm 2025.

Trung Quốc được xem là quốc gia có chiến lược mạnh mẽ, rõ ràng nhất về phát triển nền kinh tế bạc nhằm sớm khắc phục những khó khăn, hạn chế của nền kinh tế hiện tại. Thậm chí, nền kinh tế bạc dự kiến có thể sẽ mang về 4,2 nghìn tỷ USD cho Trung Quốc.

Hiện nay, Trung Quốc có số người cao tuổi lớn nhất thế giới, với hơn 280 triệu người trên 60 tuổi. Trong khi đó, tỷ lệ sinh của Trung Quốc giảm mạnh, làm giảm tổng dân số xuống còn 1,412 tỷ người vào năm 2022. Theo dự báo, tới năm 2035, cứ 3 người tại Trung Quốc thì sẽ có một người trên 60 tuổi. Trung Quốc sẽ có dân số già lớn nhất thế giới cho đến năm 2067 và dự tính trong giai đoạn từ năm 2024 - 2050 tốc độ gia tăng dân số ở độ tuổi trên 60 có thể ở mức 1,8 lần hiện nay từ khoảng 293 triệu đến 509 triệu người.

Trung Quốc chính sách hóa nền kinh tế bạc, với đối tượng phục vụ là những người cao tuổi đang phát triển rất mạnh mẽ, hứa hẹn sẽ trở thành một trong những động lực tăng trưởng mới, đi kèm chất lượng cao của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Chính phủ Trung Quốc đã ban hành quy chế hướng dẫn nhằm thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế bạc nhằm ứng phó tích cực trước xu hướng già hoá, đồng thời tạo ra những động lực tăng trưởng kinh tế mới. Theo dữ liệu ước tính từ China Media Group, hiện nay quy mô “nền kinh tế bạc” của Trung Quốc ở mức khoảng 7.000 tỷ nhân dân tệ, chiếm khoảng 6% tổng GDP và dự báo quy mô của nền kinh tế này có thể đạt 30.000 nghìn tỷ nhân dân tệ

(tương đương mức gần 4,2 nghìn tỷ USD) vào năm 2035, chiếm khoảng 10% tổng GDP.

Hướng dẫn của Chính phủ Trung Quốc đánh dấu văn bản chính sách đầu tiên dành riêng cho nền kinh tế bạc. Quy chế bao gồm 26 biện pháp cụ thể trong 4 lĩnh vực, gồm giải quyết những thách thức cấp bách mà người cao tuổi phải đối mặt, mở rộng nguồn cung cấp sản phẩm và dịch vụ chăm sóc người cao tuổi cũng như thúc đẩy các ngành công nghiệp có tiềm năng to lớn. Theo đó, các doanh nghiệp nhà nước sẽ được khuyến khích và hướng dẫn tích cực mở rộng kinh doanh liên quan đến kinh tế bạc. Đồng thời các doanh nghiệp tư nhân cũng sẽ được trao toàn bộ vai trò trong nền kinh tế bạc và chính quyền cũng sẽ xoá bỏ những rào cản tiếp cận thị trường chưa hợp lý để mở cửa cho khối này. Ngoài ra, một trong số những nội dung chính là kế hoạch thành lập 10 “khu công nghiệp kinh tế bạc cấp cao” ở các khu vực như khu vực Bắc Kinh - Thiên Tân - Hà Bắc, đồng bằng sông Dương Tử và Khu vực vịnh lớn Quảng Đông - Hồng Kông - Ma-Cao. Hướng dẫn cũng cam kết hỗ trợ tài chính nhiều hơn cho phát triển công nghiệp, bao gồm tối ưu hóa ngân sách chính phủ để hỗ trợ nâng cấp các cơ sở dịch vụ chăm sóc người cao tuổi mới đủ tiêu chuẩn và thúc đẩy việc sử dụng thiết bị thông minh.

Bên cạnh việc kêu gọi cải thiện các dịch vụ trong nước, hướng dẫn còn khuyến khích các công ty du lịch và công ty văn hóa phát triển thêm các sản phẩm phục vụ nhu cầu của người cao tuổi.

Theo phân tích, những người cao tuổi ở Trung Quốc có nhu cầu và năng lực tiêu dùng riêng biệt. Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ và sự phổ cập của xu hướng ngày càng chú trọng nâng cao chất lượng cuộc sống, những người cao tuổi tại Trung Quốc cũng dần thay đổi quan niệm tiêu dùng, từ việc “thắt chặt túi tiền” chuyển sang “mở hầu bao” để tận hưởng sự vui vẻ, hài lòng và thoải mái trong cuộc sống. Theo đó, tổng mức tiêu dùng của nhóm những người cao tuổi tại Trung Quốc được dự báo sẽ tăng từ 4.300 tỷ NDT năm 2020 Năm 2021, những người trên 50 tuổi chiếm hơn 25% dân số Trung Quốc, điều này cho thấy tiềm năng lớn từ “nền kinh tế bạc”. Trung Quốc cũng quốc gia duy nhất trên thế giới có hơn 100 triệu người thuộc bộ phận dân số già.

Phân tích sâu hơn, có thể thấy rằng, những người già thành thị Trung Quốc có cấu trúc thu nhập “hình olive”, với khoảng 71% trong số họ thu nhập từ

trung bình đến cao; 41% thu nhập đến từ các nguồn ngoài lương và lương hưu. Với sự phát triển của Internet, sức mua của mọi nhóm đối tượng, trong đó có người cao tuổi ở Trung Quốc, trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Theo Trung tâm thông tin mạng internet Trung Quốc, tính đến cuối tháng 6-2021, có 28% cư dân mạng Trung Quốc trên 50 tuổi, tương đương 283 triệu người. Con số này chỉ là 9,4% trong 5 năm trước. Ngoài ra, trong năm 2020, những người dân trên 60 tuổi ở Trung Quốc sử dụng thời gian trên mạng nhiều hơn khoảng 16 phút mỗi ngày so với những người trên 40 tuổi. Cũng ngày càng nhiều cư dân mạng tóc bạc này chia sẻ về cuộc sống trên mạng xã hội dưới dạng các bài đăng và video hơn. Internet mở ra tiềm năng tiêu dùng to lớn của nhóm dân số cao tuổi ở Trung Quốc. Hơn 10 triệu người dùng Alipay (một dịch vụ thanh toán online) trên 55 tuổi, trên 30 triệu người dùng Taobao và các nền tảng của T-mall trên 50 tuổi, với mức tiêu dùng hàng năm khoảng 5.000 nhân dân tệ.

Một số gợi ý với Việt Nam

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, năm 2011, nước ta chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số; năm 2019, tỷ lệ người cao tuổi chiếm 11,86% dân số; dự báo tỷ lệ người cao tuổi sẽ tăng lên 16,66% vào năm 2029 và lên 26,10% vào năm 2049. Việt Nam là một trong số những quốc gia có tốc độ già hóa nhanh nhất thế giới. Trong khi các nước phát triển mất nhiều thập kỷ, có nước hàng thế kỷ mới chuyển đổi từ giai đoạn già hóa dân số sang giai đoạn dân số già, như Pháp: 115 năm; Australia: 73 năm (Việt Nam chỉ khoảng 26 năm). Chỉ số già hóa - một trong những chỉ báo quan trọng biểu thị xu hướng “già hóa dân số” đã tăng từ 18,2% năm 1989 lên 38% năm 2010, cao hơn mức trung bình của khu vực Đông Nam Á (30%). Chỉ số già hóa năm 2019 là 48,8%, tăng 13,3 điểm phần trăm so với năm 2009 và tăng hơn hai lần so với năm 1999. Chỉ số già hóa có xu hướng tiếp tục tăng lên trong những năm sắp tới. Như vậy, nếu như năm 2009, cứ khoảng 3 trẻ em dưới 15 tuổi mới có 1 người từ 60 tuổi trở lên thì đến năm 2019 cứ khoảng 2 trẻ em dưới 15 tuổi đã có 1 người 60 tuổi trở lên. Đến năm 2039 chỉ số già hóa là 113, lần đầu tiên trong lịch sử ở nước ta số người sẽ cao hơn số trẻ em.

Dân số già mở ra cả thách thức và cơ hội cho Việt Nam, mà kinh tế bạc có thể là một hướng đi hiệu quả. Khó khăn của chúng ta là phát triển kinh tế bạc trong điều kiện kinh tế đất nước còn khó khăn; đặc điểm người cao tuổi ở Việt

Nam lại thường là nhóm nghèo hơn các nhóm tuổi còn lại - điều khác biệt so với các nước đang chứng kiến những con số phát triển kinh tế bạc ngoạn mục. Bối cảnh của Việt Nam, trong một chừng mực nào đó có thể giống với trường hợp Trung Quốc.

Một là, chúng ta cần xây dựng một chiến lược, định hướng rõ đường lối, quan điểm về phát triển nền kinh tế bạc phù hợp với bối cảnh, điều kiện, đặc điểm người cao tuổi ở Việt Nam. Từ đó, thống nhất nhận thức, hành động về phát triển nền kinh tế bạc với chủ thể là các doanh nghiệp, người cao tuổi; cần có sự điều tiết của Nhà nước, nhất là trong một số dịch vụ công phục vụ người cao tuổi, bởi đây không phải và không thể là vấn đề phát triển kinh tế thuần túy. Nền kinh tế bạc của Việt Nam, một mặt phục vụ phát triển kinh tế, mặt khác nhằm thực hiện chức năng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội cho người cao tuổi. Từ đó, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn xã hội, đặc biệt là của doanh nghiệp về một khu vực kinh tế vừa có tiềm năng đem lại lợi nhuận, người cao tuổi về lợi ích của kinh tế bạc cũng như kích cầu kinh tế bạc.

Hai là, xây dựng chính sách hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp tham gia nền kinh tế bạc. Do điều kiện ở Việt Nam khó phát triển ngay nền kinh tế bạc như các nước phát triển hay như trường hợp Trung Quốc; lĩnh vực lại thuộc an sinh xã hội; người cao tuổi phần lớn là người yếu thế nên cần phải có những cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển, khuyến khích tiêu dùng. Hiện nay, phần lớn doanh nghiệp hướng tới phục vụ người cao tuổi là doanh nghiệp tư nhân, với mục đích chủ yếu là vì lợi nhuận. Thực tế hiện nay nhóm người cao tuổi cũng lại là nhóm người dễ xảy ra các tổn hại về kinh tế, nhất là bị lừa đảo trực lợi. Bởi trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, những khu vực nào mà chủ trương, chính sách còn chậm, thiếu, chưa rõ; doanh nghiệp nhà nước chưa phát huy được vai trò đầu tàu dẫn tới Nhà nước khó có thể kiểm soát hiệu quả thì rất dễ bị xâm chiếm bởi hoạt động chỉ nhằm tận thu nguồn lợi kinh tế từ người cao tuổi.

Ba là, chú trọng phát triển các mô hình kinh doanh mới, khởi nghiệp trên các lĩnh vực phù hợp với nhu cầu, khả năng của người cao tuổi. Chẳng hạn, theo khảo sát, người cao tuổi nói chung, trên phạm vi toàn cầu, thường quan tâm nhiều nhất đến lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, dịch vụ y tế; nhưng ở Việt Nam, với đặc điểm kinh tế riêng, người cao tuổi ít có cơ hội tham gia ở mức tốt nhất,

phần vì thu nhập, phần vì tâm lý tích lũy cho con cháu,... Do đó, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, y tế là những lĩnh vực chủ chốt cần quan tâm đẩy mạnh với những cơ chế, chính sách tốt nhất; đồng thời, cần chú trọng phát triển các ngành công nghệ giúp đỡ người cao tuổi để họ vừa được chăm sóc thuận lợi, vừa không có cảm giác lạc hậu, lạc lõng so với sự phát triển chung của các thế hệ.□

PHẦN THỨ TƯ

DỰ BÁO XU HƯỚNG VÀ KHUYẾN NGHỊ
CHÍNH SÁCH THÍCH ỨNG BỐI CẢNH GIÀ HÓA
DÂN SỐ NHANH Ở VIỆT NAM

NGHIÊN CỨU DỰ BÁO ỨNG PHÓ VỚI GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM

TS. NGUYỄN THẾ HUỆ

Viện trưởng Viện Nghiên cứu người cao tuổi Việt Nam

Đặt vấn đề

Già hóa dân số là đề cập đến tập hợp người cao tuổi, nhóm dân số này ở mọi quốc gia đều chiếm một tỷ trọng khá lớn trong tổng số dân. Do vậy, khi nghiên cứu dự báo về nhóm cao tuổi cũng phải nghiên cứu tổng thể các đặc điểm dân số học trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Hiện nay, Việt Nam là một trong năm quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất trên thế giới. Số người cao tuổi tăng nhanh, từ 8,68% năm 2009 lên 12,8% vào năm 2021. Theo Tổng cục Thống kê dân số Việt Nam, năm 2023 là 100,3 triệu người và có khoảng 13 triệu người cao tuổi, dự báo sẽ đạt gần 17% (17,9 triệu) vào năm 2030. Năm 2036, Việt Nam được dự báo sẽ bước vào giai đoạn dân số già và năm 2038 sẽ có 20% dân số (22,29 triệu) là người cao tuổi - tức cứ 5 người thì có 1 người là người cao tuổi. Nghiên cứu dự báo ứng phó với già hóa dân số là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia.

Một số lĩnh vực nghiên cứu dự báo về ứng phó với già hóa dân số ở Việt Nam

Thu thập thông tin, số liệu

Muốn nghiên cứu điều cơ bản đầu tiên là cần có nguồn thông tin, số liệu đầu vào, phương pháp thu thập thông qua những loại hình điều tra thống kê bao gồm những loại hình chính sau:

Tổng điều tra hay điều tra quốc gia: Các chỉ tiêu về người cao tuổi thường được thu thập trong các cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở thông qua chỉ tiêu về nhóm tuổi và độ tuổi. Ở Việt Nam, điều tra quốc gia về người cao tuổi mới chỉ được chính thức tiến hành duy nhất 1 lần vào năm 2011. Đến năm 2020 mới có cuộc điều tra khảo sát khả năng đáp ứng của chính sách bảo hiểm y tế với vấn đề già hóa tại Việt Nam, thuộc Dự án hỗ trợ tăng cường chính sách bảo hiểm y tế tại Việt Nam của Bộ Y tế, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Nhật Bản và Viện nghiên cứu y - xã hội học. Bài học kinh nghiệm ở một số quốc gia cho thấy điều tra quốc gia về người cao tuổi cần được tiến hành định kỳ 5 năm/lần. Nhìn chung công tác này còn hạn chế ở Việt Nam.

Điều tra chọn mẫu và điều tra xã hội học về người cao tuổi

Điều tra chọn mẫu về Biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình được Ủy ban quốc gia dân số - kế hoạch hóa gia đình và Tổng cục Thống kê tiến hành vào ngày 1-4 hàng năm kể từ lần đầu tiên vào năm 1993 và được duy trì cho đến nay. Những chỉ tiêu về người cao tuổi được tính toán từ chỉ tiêu độ tuổi của cuộc điều tra. Từ năm 2021 điều tra Biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình ngày 1-4-2021 là năm đầu tiên mà cuộc điều tra có thêm một phần dành riêng cho khảo sát về người cao tuổi và nhu cầu, thực trạng chăm sóc người cao tuổi. Tiếp theo chuyên khảo nghiên cứu về tình hình già hóa dân số và người cao tuổi Việt Nam từ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 đã được Tổng cục Thống kê công bố vào tháng 7-2021, vấn đề sức khỏe và nhu cầu chăm sóc của người cao tuổi tiếp tục được phân tích sâu nhằm cung cấp những bằng chứng quan trọng về thực trạng đời sống, sức khỏe và nhu cầu được chăm sóc của người cao tuổi để có những khuyến nghị chính sách phù hợp, đáp ứng những thay đổi nhân khẩu học theo hướng già hóa và xây dựng xã hội phát triển bền vững.

Ngoài ra cũng có những cuộc điều tra chọn mẫu theo các đề án, dự án và theo từng nội dung chuyên biệt liên quan đến người cao tuổi, như điều tra mức sống hộ gia đình, điều tra lao động - việc làm, điều tra sức khỏe...

Thống kê thường xuyên về người cao tuổi

Trong hệ thống đăng ký và thống kê chuyên ngành cũng đã thu thập những chỉ tiêu liên quan đến già hóa dân số và người cao tuổi. Điều đặc biệt ở đây phải kể đến hệ thống đăng ký cấp thẻ căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hệ thống này đã được triển khai cho đến nay là rất tốt, đã bắt đầu tích hợp với các phân hệ thông tin khác, phục vụ công tác quản lý công dân trong

nhiều lĩnh vực trong xã hội. Mặc dù vậy, để cung cấp số liệu chính thức phục vụ quản lý nhà nước thì cũng cần chú trọng đến nguyên lý thống kê số liệu nói chung và chuyên ngành thống kê dân số nói riêng, tránh những sai số trùng, sót theo đặc thù của các chỉ tiêu thống kê dân số nói chung và người cao tuổi nói riêng. Ngoài ra cũng còn một số hệ thống thống kê liên quan khác, như hệ thống đăng ký hộ tịch của Bộ Tư pháp (đăng ký sinh, chết, hôn nhân và con nuôi); hệ thống báo cáo thống kê chuyên ngành dân số - kế hoạch hóa gia đình và cơ sở dữ liệu điện tử của Tổng cục Dân số, Bộ Y tế; hệ thống cơ sở dữ liệu tổng hợp kinh tế - xã hội của Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các hệ thống báo cáo thống kê chuyên ngành khác.

Dự báo già hóa dân số và người cao tuổi

Dự báo xu thế già hóa dân số và người cao tuổi là rất quan trọng, nhưng những dự báo này cũng mang tính chất của dự báo dân số nói chung trong đó có những tiêu chí cho nhóm người cao tuổi. Do vậy, các dự báo thường được lồng ghép trong dự báo dân số và phát triển, trong đó có những phần chuyên biệt cho người cao tuổi và các yếu tố kinh tế - xã hội.

Nghiên cứu về sức khỏe người cao tuổi

Theo khung nghiên cứu già hóa thành công thì lĩnh vực lớn hàng đầu là sức khỏe người cao tuổi và cụ thể là chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Đây là một lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung và chuyên ngành lão khoa nói riêng. Một vấn đề cấp thiết ở Việt Nam hiện nay là cần nghiên cứu, thử nghiệm các mô hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi để đánh giá, tổng kết những mô hình tốt nhằm định hướng phát triển ứng phó với già hóa dân số trong thời gian tới.

Nhu cầu về chăm sóc sức khỏe nói chung và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi nói riêng đang tăng nhanh và ngày càng có nhiều người cao tuổi phụ thuộc vào chăm sóc trong tương lai khi số người cao tuổi và tuổi thọ bình quân ngày càng tăng. Những xu hướng đang thay đổi về lối sống, gia đình nhỏ và sự tham gia lớn hơn của phụ nữ vào thị trường lao động làm giảm khả năng chăm sóc không chính thức (do người thân như vợ/chồng, con, cháu... thực hiện). Nhu cầu đang tăng về chăm sóc dẫn đến việc mở rộng các dịch vụ chăm sóc chính thức và tăng chi phí. Hiện tại, có 2 loại hình phổ biến: *chăm sóc tại các cơ sở tập trung* và *chăm sóc tại cộng đồng*. Một số loại hình đang được thử nghiệm và đã triển khai ở Việt Nam.

Chăm sóc tại các cơ sở tập trung: Các cơ sở chăm sóc tập trung gồm nhà/viện/trung tâm điều dưỡng/dưỡng lão, cơ sở/trung tâm trợ giúp xã hội, nhà chăm sóc, nhà hưu trí... với các dịch vụ chăm sóc dài hạn được cung cấp 24 giờ/ngày. Tại các cơ sở này, dịch vụ chăm sóc và tiện nghi sinh hoạt được cung cấp cho một nhóm người cao tuổi cùng sống trong một nơi, hoặc chia sẻ khu vực sinh sống. Chăm sóc tại các cơ sở này không gồm chăm sóc tạm thời hay chăm sóc ngắn hạn. Tại Việt Nam, các cơ sở chăm sóc tập trung chủ yếu gồm các cơ sở/trung tâm trợ giúp xã hội và viện/trung tâm/nhà dưỡng lão. Cơ sở/trung tâm trợ giúp xã hội được thành lập từ những năm 1980 do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý dành cho người cao tuổi có công thuộc diện gia đình chính sách, người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa. Bên cạnh đối tượng là người cao tuổi, các trung tâm trợ giúp này còn chăm sóc nhiều đối tượng khác như trẻ em mồ côi, trẻ em lang thang cơ nhỡ... Năm 2019, cả nước có 418 cơ sở bảo trợ xã hội. Người già cô đơn chiếm 10,3% số người được chăm sóc tại các cơ sở này. Các dịch vụ trợ giúp chủ yếu gồm tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, phục hồi chức năng, lao động sản xuất, dạy văn hóa, dạy nghề, giáo dục hướng nghiệp và cung cấp các dịch vụ công tác xã hội. Đa số người cao tuổi sống trong các cơ sở bảo trợ xã hội là những người có bệnh tật và khuyết tật nặng, có nhu cầu chăm sóc y tế cũng như chăm sóc cá nhân hằng ngày. Mô hình trung tâm trợ giúp xã hội phù hợp với những đối tượng người cao tuổi cô đơn, không nơi nương tựa, tàn tật... Các cơ sở này đóng góp một phần không nhỏ trong việc chăm sóc người cao tuổi, đặc biệt là những nhóm khó khăn, dễ tổn thương. Một số trung tâm có sự chuyên biệt vào điều trị và tư vấn sức khỏe. Đa số người cao tuổi sống trong các cơ sở này là những người có bệnh tật và khuyết tật nặng, có nhu cầu chăm sóc y tế và chăm sóc cá nhân hằng ngày. Các cơ sở/trung tâm trợ giúp xã hội có một số vấn đề khó khăn, như kết cấu hạ tầng ít được đầu tư sửa chữa và nâng cấp; trang thiết bị thiếu thốn, chất lượng thấp; kinh phí thấp; thiếu đào tạo về chăm sóc người cao tuổi...

Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, sự tham gia của khu vực tư nhân trong tác chăm sóc người cao tuổi với việc xây dựng các viện/trung tâm/nhà dưỡng lão ngày càng tăng nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc của người cao tuổi. Các cơ sở chăm sóc này chủ yếu cung cấp các dịch vụ chăm sóc dài hạn và tiện nghi sinh hoạt cho người cao tuổi, bao gồm: Nuôi dưỡng; phục hồi chức năng; chăm sóc, theo dõi sức khỏe; chăm sóc tai biến; chăm sóc người cao tuổi sa sút trí tuệ, sau tai biến, đột quỵ, sau điều trị bệnh viện - giai đoạn cuối; điều trị tích cực; chăm sóc theo nhu cầu; chăm sóc tinh thần; đào tạo điều dưỡng. Hiện tại các viện/trung tâm dưỡng lão chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn. Các cơ

sở này đều do các cá nhân thành lập, một số thuộc sự bảo trợ của các tổ chức tôn giáo, hoạt động dựa trên cơ sở thiện nguyện và được tài trợ từ các nhà hảo tâm. Chăm sóc người cao tuổi tại các trung tâm/viện dưỡng lão là một mô hình tốt với nhiều tiện ích và các điều kiện chăm sóc đa dạng. Mô hình có những điểm mạnh, như nguồn nhân lực được đào tạo và có kinh nghiệm trong việc chăm sóc, kết cấu hạ tầng tốt, quản lý gọn nhẹ, năng động trong việc thu hút các nguồn lực cộng đồng trong và ngoài nước. Tuy nhiên, giá dịch vụ cao so với thu nhập của người cao tuổi và chưa có sự kết nối với các cơ sở y tế trong việc xử lý các vấn đề bất thường của người cao tuổi, đặc biệt những người bị tàn tật hoặc bệnh nặng.

Chăm sóc tại cộng đồng: Những biến đổi nhân khẩu học hiện nay làm gia tăng những quan tâm về hình thức chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng với các mô hình phổ biến, như chăm sóc tại nhà, câu lạc bộ, chăm sóc ban ngày. Do những vấn đề liên quan tới tâm lý, tình cảm, sở thích, thói quen, tài chính..., chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng đang là một giải pháp được nhiều nước khuyến khích và triển khai rất hiệu quả thông qua hoàn thiện khung pháp lý. Điều này có nghĩa là người cao tuổi vẫn tiếp tục sống với gia đình tại nhà/cộng đồng của họ và với môi trường tự nhiên trong khoảng thời gian họ muốn. Tại Việt Nam, đa số người cao tuổi sống tại nhà với gia đình. Trong thời gian gần đây, có một số mô hình dịch vụ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng phổ biến, như trung tâm chăm sóc ban ngày, trung tâm tư vấn, câu lạc bộ, công ty/trung tâm dịch vụ giúp việc nhà... Các dịch vụ/hoạt động chính của các mô hình chăm sóc này gồm chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần; phục hồi chức năng; hỗ trợ các hoạt động hàng ngày (ăn uống, vệ sinh...); nâng cao nhận thức, tuyên truyền chính sách; sinh kế/tăng thu nhập; học tập kiến thức, kỹ năng mới; chăm sóc tâm linh...

Chăm sóc tại nhà: Bao gồm phục hồi chức năng, hỗ trợ và điều dưỡng, hỗ trợ gia đình người cao tuổi, chăm sóc cá nhân, chăm sóc tinh thần cho người chăm sóc không chính thức. Các dịch vụ chăm sóc tại nhà có thể gồm chăm sóc phòng ngừa, chăm sóc cấp, phục hồi hay chăm sóc giảm nhẹ. Mô hình này không chỉ có hiệu quả về chi phí mà còn được nhiều người cao tuổi ưa thích.

Câu lạc bộ: Là một mô hình chăm sóc người cao tuổi rất phổ biến tại tất cả các địa phương trong cả nước. Đa số các câu lạc bộ này do Hội Người cao tuổi Việt Nam các cấp thành lập và hoạt động với mục đích giúp người cao tuổi có cuộc sống khỏe mạnh, hạnh phúc và tham gia vào các sinh hoạt cộng đồng. Ngoài

các câu lạc bộ trên, các địa phương, cơ quan/tổ chức/đoàn thể cũng thành lập các câu lạc bộ dành cho người cao tuổi với nhiều hình thức sinh hoạt, như Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau, câu lạc bộ người cao tuổi giúp người cao tuổi, câu lạc bộ sức khỏe ngoài trời, câu lạc bộ dưỡng sinh, câu lạc bộ thầy thuốc cao tuổi, câu lạc bộ người cao tuổi giúp nhau chăm sóc sức khỏe... Các câu lạc bộ người cao tuổi thu hút một số lượng lớn người cao tuổi tham gia với nhiều hoạt động phong phú, đa dạng, mang lại niềm vui và sức khỏe cho người cao tuổi. Câu lạc bộ phù hợp với người cao tuổi có sức khỏe tương đối tốt và chưa quá cao tuổi.

Chăm sóc ban ngày: Nhằm hỗ trợ sự độc lập của người cao tuổi cũng như tạo mối quan hệ xã hội, sức khỏe tinh thần và thể chất của họ, cơ sở chăm sóc ban ngày cho người cao tuổi cung cấp các hỗ trợ chuyên môn để đáp ứng các nhu cầu về sức khỏe, dinh dưỡng, xã hội và cuộc sống. Các trung tâm chăm sóc ban ngày chủ yếu chăm sóc người cao tuổi có bệnh mãn tính như bệnh Alzheimer, mất trí nhớ... Các cơ sở này có thể cung cấp các dịch vụ ăn uống, đi lại, chăm sóc cá nhân, các hoạt động xã hội, hỗ trợ người chăm sóc... Chăm sóc ban ngày có thể giúp người cao tuổi không phải nhập viện và trì hoãn chăm sóc dài hạn. Trung tâm chăm sóc ban ngày được thiết kế nhằm đáp ứng nhu cầu của những người mắc bệnh suy giảm trí nhớ, đồng thời giúp tăng cường sức khỏe, năng lực và khả năng độc lập của người bệnh. Các trung tâm chăm sóc ban ngày còn giúp người bệnh suy giảm trí nhớ có cơ hội hòa nhập và tham gia vào các hoạt động trong một môi trường an toàn. Chăm sóc ban ngày cũng là cơ hội tốt để cho người chăm sóc có thì giờ nghỉ ngơi và an tâm khi người thân cao tuổi được chăm sóc chu đáo.

Nghiên cứu về xã hội với người cao tuổi

Nghiên cứu về xã hội với người cao tuổi là vấn đề rất lớn thứ hai trong khung nghiên cứu già hóa thành công. Nhiều quốc gia già hóa dân số từ sớm đã tập trung nghiên cứu lĩnh vực này. Tổ chức Liên hợp quốc cũng đã có những nghiên cứu đánh giá tổng kết và một trong những mô hình đang được khuyến nghị cho các quốc gia là xây dựng “Môi trường thân thiện với người cao tuổi”. Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã đề xuất và hỗ trợ phát triển môi trường thân thiện với người cao tuổi, khuyến khích việc xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi, ưu tiên ở các khu vực có tỷ lệ người cao tuổi và tham gia hoạt động cộng đồng cao.

Môi trường thân thiện với người cao tuổi là hỗ trợ con người sống khỏe và khuyến khích sự tham gia của người cao tuổi. Đó là môi trường dễ tiếp cận,

bình đẳng, không bỏ rơi một ai, an toàn và có tính hỗ trợ. Môi trường cung cấp những dịch vụ lấy con người làm trung tâm, hỗ trợ hồi phục chức năng hoặc giúp đỡ những người cao tuổi bị thoái hóa chức năng để họ có thể tiếp tục thực hiện những việc mình mong muốn.

Những mục tiêu chính: Chương trình Môi trường thân thiện với người cao tuổi là một nỗ lực mang tầm quốc tế nhằm chỉ ra những yếu tố môi trường và xã hội đóng góp cho sự nghiệp già hóa chủ động và khỏe mạnh. Chương trình này hỗ trợ các khu vực nhiều người cao tuổi và cộng đồng trở nên thân thiện hơn với người cao tuổi thông qua các nhu cầu của họ dựa trên 8 khía cạnh: Môi trường hạ tầng cơ sở đã được xây dựng; phương tiện giao thông thân thiện; nhà ở thân thiện với người cao tuổi; mức độ tham gia xã hội; sự tôn trọng và hòa nhập xã hội; tham gia hoạt động dân sự và nghề nghiệp; được cung cấp thông tin, truyền thông, ưu tiên thông tin về chăm sóc sức khỏe và tự chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; hỗ trợ cộng đồng và dịch vụ y tế.

Ý nghĩa và tầm quan trọng của môi trường thân thiện với người cao tuổi: Nếu không có môi trường thân thiện với người cao tuổi, sức khỏe người cao tuổi không thể được cải thiện. Tất cả mọi người đều có quyền được trao cơ hội đạt được sức khỏe ở mức cao nhất, bất kể tuổi tác, giới tính, văn hóa hay dân tộc, địa vị xã hội hay tình trạng sức khỏe. Người cao tuổi có thể gặp thái độ tiêu cực và phân biệt đối xử vì tuổi tác. Việc hình thành môi trường thân thiện với người cao tuổi sẽ giúp chống lại việc phân biệt đối xử do tuổi tác và bảo đảm mọi người đều có cơ hội được phát triển toàn diện, giúp bảo đảm an ninh cho người cao tuổi trong cộng đồng. Việc cung cấp nhà ở thân thiện và giá thành hợp lý, không gian công cộng dễ tiếp cận và phương tiện đi lại thuận lợi giúp người cao tuổi tiếp tục sống độc lập và tham gia hoạt động cộng đồng. Người cao tuổi đóng vai trò vô cùng quan trọng trong cộng đồng. Những đóng góp của họ chỉ có thể được bảo đảm nếu xã hội bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ sự tham gia hoạt động xã hội của người cao tuổi.

Ở Việt Nam, Chính phủ đã giao Bộ Y tế xây dựng bộ tiêu chí xã/phường thân thiện với người cao tuổi để làm cơ sở thực hiện xây dựng xã/phường thân thiện với người cao tuổi trong thực tế thời gian tới. Hiện nay, công tác này đã được triển khai và đang tiến hành thử nghiệm bộ tiêu chí xã/ phường thân thiện với người cao tuổi để đánh giá tính khả thi.

Nghiên cứu về kinh tế với người cao tuổi

Về lĩnh vực này, ở Việt Nam mới thực hiện các chính sách điều chỉnh tuổi nghỉ hưu, chính sách tạo việc làm cho người cao tuổi... Nhìn chung, lĩnh vực này còn chưa tiến hành được nhiều, cần nghiên cứu chuyên sâu để hoạch định các chính sách, kế hoạch dài hạn ứng phó với già hóa dân số trong thời gian tới. Bài học ở một số nước thực hiện tốt như Israel đã phát triển một ngành kinh tế người cao tuổi để ứng phó với dân số già trong phát triển kinh tế - xã hội.

Nghiên cứu về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin cho người cao tuổi

Nghiên cứu về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin cho người cao tuổi là lĩnh vực không thể thiếu trong xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay. Cần thực hiện việc số hóa trong các công tác quản lý cũng như các trang thiết bị trợ giúp cho người cao tuổi. Năm 2023 là năm Dữ liệu số quốc gia, với quan điểm dữ liệu số là tài nguyên quốc gia, là nền tảng của sự phát triển, chúng ta cần nắm bắt, tận dụng cơ hội để khai thác, phát huy giá trị của dữ liệu số trở thành nguồn lực quan trọng cho phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số, công dân số. “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Theo đó, Việt Nam sẽ trở thành quốc gia số, phát triển thịnh vượng, tiên phong ứng dụng các công nghệ mới và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện phương thức quản lý, điều hành của Chính phủ; sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; lối sống, làm việc và học tập của người dân; phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, bao trùm, rộng khắp, không để ai bị bỏ lại phía sau, nhất là đối với người cao tuổi. Do vậy, cần nghiên cứu xây dựng nền tảng số, cơ sở dữ liệu số về người cao tuổi, qua đó góp phần thích ứng với bối cảnh già hóa dân số Việt Nam trong giai đoạn tới.□

XU HƯỚNG ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN “NỀN KINH TẾ BẠC” Ở TRUNG QUỐC, SINGAPORE HIỆN NAY VÀ NHỮNG GỢI MỞ, HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

PGS, TS. NGUYỄN CHÍ HIẾU

Vụ trưởng, Trưởng Ban Xây dựng Đảng, Tạp chí Cộng sản

THEO Tổ chức Y tế thế giới (WHO), tình trạng già hóa dân số trên toàn cầu đang diễn ra với tốc độ nhanh chóng. Năm 2020, số lượng người trên 60 tuổi đã vượt qua số trẻ em dưới 5 tuổi, thể hiện sự chuyển đổi đáng chú ý trong cấu trúc dân số. Dự kiến đến năm 2030, cứ 6 người trên thế giới sẽ có 1 người thuộc độ tuổi trên 60. Điều này cũng sẽ dẫn tác động đến các hoạt động của nền kinh tế toàn cầu, cũng như tạo nên một khu vực “kinh tế bạc” (silver economy) ngày càng mở rộng và phát triển.

Khái niệm “kinh tế bạc” không phải là điều gì đó quá mới mẻ. Tuy nhiên, khi tuổi thọ tăng lên và sự già hóa dân số gia tăng, thì nền kinh tế dành cho người cao tuổi ngày càng trở nên quan trọng. Với mục tiêu kép là cải thiện chất lượng cuộc sống của người cao tuổi và bảo đảm quyền tự chủ của họ, thì “nền kinh tế bạc” tác động đến nhiều lĩnh vực của nền kinh tế, như: giải trí, giao thông, thực phẩm, an ninh, y tế, nhà ở, bảo hiểm, dịch vụ kỹ thuật số... Rất nhiều lĩnh vực của nền kinh tế bạc, ngoài giá trị xã hội, còn tạo ra cơ hội đầu tư, khởi nghiệp và tạo việc làm.

Trung Quốc tập trung xây dựng chiến lược phát triển “nền kinh tế bạc”

Dân số Trung Quốc đang già đi nhanh hơn nhiều so với các nước đang phát triển khác. Nước này hiện có số người cao tuổi lớn nhất thế giới, với hơn 280 triệu người trên 60 tuổi. Theo dự báo của Chính phủ Trung Quốc, tới năm 2035, cứ 3 người tại Trung Quốc thì sẽ có một người trên 60 tuổi. Hiện nay, Trung

Quốc đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng nhân khẩu học, kéo theo những thách thức nghiêm trọng về kinh tế - xã hội. Nhằm ứng phó với tình trạng này, Chính phủ Trung Quốc đang tích cực đẩy mạnh “nền kinh tế bạc” nhằm tận dụng sức tiêu dùng của người cao tuổi để phát triển đất nước.

Nền “kinh tế bạc” là tổng hòa của một loạt các hoạt động kinh tế như cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ cho người cao tuổi và chuẩn bị cho giai đoạn già hóa dân số. Với sự gia tăng của dân số cao tuổi, mức sống được nâng cao, mong muốn luôn được khỏe mạnh, tiềm năng tiêu dùng của dân số cao tuổi ở Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng. Phát triển “nền kinh tế bạc” được xem là một biện pháp quan trọng của Trung Quốc để nước này chủ động đối phó với sự già hóa dân số, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mang lại lợi ích cho cả hiện tại và tương lai. Theo số liệu thống kê mới nhất do Chính phủ Trung Quốc công bố, trong năm 2023, nhóm dân số từ 60 tuổi trở lên chiếm khoảng 21,1% tổng dân số của nước này. Nếu căn cứ theo các tiêu chí của Ngân hàng Thế giới, Trung Quốc đã là “xã hội siêu già”. Nhóm nhân khẩu học này dự kiến tăng lên hơn một nửa tỷ người vào năm 2050⁽¹⁾. Mặt khác, nhóm dân số già tại Trung Quốc có tiền tiết kiệm và lương hưu, sau khi lao động chăm chỉ hàng chục năm; đồng thời, họ cũng nhận được sự hỗ trợ từ con cái. Do đó, đây sẽ là nhóm khách hàng tiềm năng, có nhu cầu tiêu dùng ngày càng lớn. Theo số liệu thống kê, chỉ riêng trên nền tảng mua sắm Taobao và T-mall, có tới 30 triệu người dùng trên 50 tuổi với mức chi tiêu hơn 5.000 nhân dân tệ, tương đương 17 triệu VND mỗi tháng. Dữ liệu từ KAWO, một trong những nền tảng quản lý mạng xã hội của Trung Quốc, cho thấy thời gian trung bình dành cho hoạt động trực tuyến của nhóm nhân khẩu học này đã tăng 8,6% - gấp bốn lần tốc độ tăng trưởng của bất kỳ nhóm tuổi nào khác.

Nhận diện rõ xu hướng này, Chính phủ Trung Quốc mới đây đã công bố quy chế hướng dẫn cụ thể nhằm thúc đẩy sự phát triển của “nền kinh tế bạc” hay ngành chăm sóc người già, nhằm ứng phó tích cực trước xu hướng già hóa, đồng thời góp phần tạo ra những động lực tăng trưởng kinh tế mới.

Hướng dẫn này đánh dấu văn bản chính sách đầu tiên dành riêng cho “nền kinh tế bạc”, khi nước này đang phải đối mặt với xu hướng dân số ngày càng già đi. Quy chế bao gồm 26 biện pháp cụ thể trong 4 lĩnh vực, gồm giải quyết những thách thức cấp bách mà người cao tuổi phải đối mặt, mở rộng nguồn cung cấp sản phẩm và dịch vụ chăm sóc người cao tuổi cũng như thúc đẩy các ngành công

(1) Xem: Ngọc Mai, “Già hóa dân số, Trung Quốc phát triển nền kinh tế bạc”, Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội, <https://hanoionline.vn/gia-hoa-dan-so-trung-quoc-phat-trien-nen-kinh-te-bac-219429.htm>, đăng ngày 12-2-2024

nghiệp có tiềm năng to lớn. Ngoài ra, một trong số những nội dung chính là kế hoạch thành lập 10 “khu công nghiệp kinh tế bạc cấp cao” ở các khu vực như khu vực Bắc Kinh - Thiên Tân - Hà Bắc, đồng bằng sông Dương Tử và Khu vực vịnh lớn Quảng Đông - Hồng Kông - Macao. Hướng dẫn này cũng cam kết hỗ trợ tài chính nhiều hơn cho phát triển công nghiệp, bao gồm tối ưu hóa ngân sách chính phủ trung ương để hỗ trợ nâng cấp các cơ sở dịch vụ chăm sóc người cao tuổi mới đủ tiêu chuẩn và thúc đẩy việc sử dụng thiết bị thông minh. Theo đó, các doanh nghiệp nhà nước sẽ được khuyến khích và hướng dẫn tích cực mở rộng kinh doanh liên quan đến “kinh tế bạc”. Đồng thời, các doanh nghiệp tư nhân cũng sẽ được trao toàn bộ vai trò trong “nền kinh tế bạc” và chính quyền cũng sẽ xóa bỏ những rào cản tiếp cận thị trường để mở cửa cho các doanh nghiệp này.

Hiện tại, Theo dữ liệu ước tính từ China Media Group, quy mô “nền kinh tế bạc” của Trung Quốc ở mức khoảng 7.000 tỷ nhân dân tệ, chiếm khoảng 6% tổng GDP của Trung Quốc và dự báo quy mô của nền kinh tế này có thể đạt 30.000 nghìn tỷ nhân dân tệ (tương đương mức 4,18 nghìn tỷ USD) vào năm 2035, chiếm khoảng 10% tổng GDP⁽²⁾. Trung Quốc là thị trường tiềm năng để phát triển “nền kinh tế bạc” vì dân số già ngày càng tăng. Số liệu cho thấy Trung Quốc sẽ có dân số già lớn nhất thế giới cho đến năm 2067. Và dự tính trong giai đoạn từ năm 2024 đến 2050, tốc độ gia tăng dân số ở độ tuổi trên 60 có thể ở mức gấp 1,8 lần hiện nay, từ khoảng 293 triệu đến 509 triệu người.

Nhận thấy sức mua ngày càng tăng ở nhóm người cao tuổi - lực lượng chiếm 18,9% tổng dân số, các nền tảng thương mại điện tử Trung Quốc đang tích cực phục vụ nhu cầu và sở thích của họ. Dữ liệu bán hàng trong 10 phút đầu tiên sau khi JD.com bắt đầu chiến dịch khuyến mãi ngày 11-11-2023, khối lượng giao dịch của danh mục xe lăn điện đã tăng gấp 10 lần so với cùng kỳ năm ngoái, trong khi danh mục máy trợ thính tăng gấp 5 lần. Còn trên Taobao, khối lượng giao dịch các sản phẩm dành cho người cao tuổi cao gấp 2,6 lần so với năm ngoái⁽³⁾. Trong lĩnh vực công nghệ, WeChat, ứng dụng trò chuyện được sử dụng rộng rãi thuộc sở hữu của công ty Internet khổng lồ Tencent và Taobao, nền tảng mua sắm trực tuyến thuộc sở hữu của Alibaba, cũng có các phiên bản ứng dụng của họ với phông chữ lớn hơn và nút bấm lớn hơn. Người dùng WeChat có thể chọn đọc to tin nhắn văn bản bằng giọng nói. Ứng dụng Douyin

(2) () Xem: Tuệ Mỹ, “Nền kinh tế bạc sẽ đem về 4,2 nghìn tỷ USD cho Trung Quốc”, Tạp chí VnEconomy điện tử, <https://vneconomy.vn/nen-kinh-te-bac-se-mang-ve-4-2-nghin-ty-usd-cho-trung-quoc.htm>, đăng ngày 24-1-2024

(3) () Xem: Minh Nguyệt, “Đón đầu “nền kinh tế bạc” bùng nổ”, Tạp chí VnEconomy điện tử, <https://vneconomy.vn/don-dau-nen-kinh-te-bac-bung-no.htm>, đăng ngày 4-12-2023

của ByteDance (TikTok phiên bản tiếng Trung) đã chủ động thiết kế một “chế độ người cao tuổi”, với phông chữ lớn hơn, nút bấm rõ ràng hơn và độ tương phản màu sắc nét hơn.

Các công ty Nhật Bản, vốn có kinh nghiệm ứng phó với tình trạng dân số già ở nước mình, cũng đang tận dụng các cơ hội tăng trưởng của “nền kinh tế bạc” tại Trung Quốc. Hãng điện tử khổng lồ Panasonic đã phát triển một cộng đồng hưu trí mới với một đối tác Trung Quốc tại một thành phố cách Thượng Hải khoảng 120 dặm về phía Tây.

Cộng đồng có tên Yada Panasonic với 1.170 phòng ở được trang bị các thiết bị gia dụng và điện tử, bao gồm máy đo nhịp tim và thiết bị công nghệ thông minh gửi dữ liệu đến điện thoại di động. Công ty Panasonic có chiến lược đón đầu cụ thể khi Trung Quốc bắt đầu bước vào một xã hội già hóa, nhằm chia sẻ kinh nghiệm đồng thời đẩy nhanh thực hiện các dự án khác tại các thành phố lớn của Trung Quốc.

Theo các nhà phân tích, ngành công nghiệp chăm sóc người cao tuổi hiện nay của Trung Quốc vẫn ở giai đoạn sơ khai và còn nhiều tiềm năng phát triển. *Tiềm năng này có thể giúp phá vỡ tư duy cho rằng dân số già sẽ là gánh nặng cho nền kinh tế và xã hội.* Thay vào đó, mức tiêu dùng tăng lên ở nhóm người già là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế chất lượng cao. Trong khi nhiều cơ quan truyền thông nước ngoài đang thổi phồng những dự báo tiêu cực về tình trạng dân số già của Trung Quốc, thì các chuyên gia lại đưa ra lập luận cho rằng “nền kinh tế bạc” cũng có thể mang lại những điểm tăng trưởng bền vững.

Sự phát triển nhanh chóng của “nền kinh tế bạc” ở Singapore

Dân số Singapore đang già đi nhanh chóng. Theo Báo cáo dân số năm 2023 của Chính phủ Singapore, số công dân từ 65 tuổi trở lên chiếm gần 1/5 dân số, tăng 11,7% so với thập niên trước. Đến năm 2030, tỷ lệ này sẽ là 1/4 dân số. Khi độ tuổi dân số trung bình tăng lên, cơ hội cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho người cao tuổi cũng tăng theo.

Theo Aging Asia - một doanh nghiệp xã hội chuyên về dịch vụ và sản phẩm cho người cao tuổi - “nền kinh tế bạc” của Singapore dự kiến sẽ đạt giá trị 72,4 tỷ USD vào năm 2025⁽⁴⁾. Theo Chỉ số “nền kinh tế bạc” của người cao tuổi ở châu

(4) Xem: Bài viết “Nền kinh tế bạc” lên ngôi?, <https://www.phunuonline.com.vn/nen-kinh-te-bac-len-ngoi-a1505247.html>, đăng ngày 12-11-2023

Á năm 2020, Singapore cho thấy tiềm năng trở thành thị trường hàng đầu về “kinh tế bạc” trong số 15 quốc gia ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Do vậy, từ các công ty khởi nghiệp về chăm sóc sức khỏe, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để điều trị cho bệnh nhân cao tuổi đến các nền tảng quản lý hàng hóa phục vụ lối sống tuổi xế chiều đều muốn đón đầu xu hướng, thỏa mãn nhu cầu người cao tuổi. Ở Singapore hiện nay, người tiêu dùng từ 65 tuổi trở lên có tốc độ tăng trưởng chi tiêu nhanh nhất so với các nhóm tuổi khác. Nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng cũng tạo cơ hội cho các công ty phục vụ phúc lợi của người cao tuổi. Nhìn chung, thế hệ lớn tuổi ngày nay có ý thức cao hơn về nhu cầu duy trì sức khỏe tốt trong thời gian dài hơn thế hệ người cao tuổi trước đây. Có thể thấy, thị trường chăm sóc người cao tuổi đã phát triển ổn định, khi ngày càng có nhiều công ty cung cấp nhiều loại sản phẩm hơn và phát triển chiều sâu trong các lĩnh vực chuyên môn.

Nắm bắt cơ hội và xu hướng này, các công ty kinh doanh các sản phẩm liên quan đến “nền kinh tế bạc” phát triển nhanh chóng. Chẳng hạn như: The Golden Concepts, một cửa hàng thương mại điện tử chuyên tuyển chọn các sản phẩm chăm sóc người cao tuổi - cho rằng sự gia tăng đa dạng như vậy là điều tốt, vì khách hàng cao tuổi có nhiều khả năng tìm thấy giải pháp phù hợp hơn để đáp ứng nhu cầu của họ. Nhiều công ty thiết kế các sản phẩm giúp người cao tuổi sống một cách độc lập. Các thiết bị như bấm móng tay có kính lúp, móc gài dây khóa kéo và muông uốn cong giúp người lớn tuổi tự mặc quần áo và tự ăn... được đánh giá cao. Trong những năm qua, Golden Concepts chứng kiến sự gia tăng đáng kể số lượng khách hàng mua thiết bị hỗ trợ di chuyển giai đoạn đầu (gậy chống, khung tập đi và khung tập đi có bánh xe) thay vì các thiết bị hỗ trợ giai đoạn cuối như xe lăn. Ngay cả ngành công nghiệp thực phẩm cũng đang phát triển sản phẩm phục vụ chế độ ăn cho người già. Trên thị trường Singapore còn có The Gentle Group là một công ty khởi nghiệp chuyên phát triển dòng thực phẩm xay nhuyễn được đúc thành các hình dạng thức ăn quen thuộc dành cho những người khó nuốt. Công ty Kosmode Health tạo ra loại mì không chứa tinh bột cho người lớn tuổi và người mắc bệnh tiểu đường bằng cách sử dụng protein và chất xơ từ hạt lúa mạch.

Từ các startup về chăm sóc sức khỏe ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để điều trị cho bệnh nhân cao tuổi cho đến các nền tảng quản lý hàng hóa phục vụ cho nhu cầu của họ, “nền kinh tế bạc” của Singapore đang bùng nổ và rất nhiều công ty muốn giành lấy thị phần. Các công ty tăng cường sử dụng công nghệ

AI và thiết bị gia dụng thông minh để cung cấp giải pháp chăm sóc sức khỏe cho người lớn tuổi. Một báo cáo của “Research and Markets” ước tính rằng, thị trường toàn cầu về “công nghệ cao cấp dành cho người lớn tuổi” sẽ tăng gấp 3 lần trong 7 năm tới, đạt 82 tỷ USD vào năm 2030.

Các công ty công nghệ y tế có trụ sở tại Singapore như Jaga-Me và Homage giúp kết nối bệnh nhân cao tuổi với người chăm sóc thông qua ứng dụng di động, giúp con cháu an tâm hơn nếu phải để cha mẹ, ông bà ở nhà một mình. Theo Bộ Y tế Singapore, đến năm 2030, khoảng 100.000 người cao tuổi sẽ cần hỗ trợ trong ít nhất một hoạt động sinh hoạt hằng ngày. Các công ty khởi nghiệp của Singapore như SmartPeep và SoundEye sử dụng công nghệ để phát hiện người cao tuổi té ngã, đưa ra cảnh báo yêu cầu trợ giúp khi đối tượng gặp nguy hiểm. Một thương hiệu khác, Tetsuyu, phát triển ứng dụng hỗ trợ AI giúp các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc có thể sử dụng để theo dõi vết thương và dấu hiệu sinh tồn của bệnh nhân cao tuổi từ bất kỳ thiết bị kết nối internet nào.

Tuy nhiên, trong khi một số người lớn tuổi dễ thích nghi với công nghệ mới, thì nhiều người già khác có thể thiếu hiểu biết về công nghệ và cảm thấy khó khăn trước sự thay đổi của ngành y tế, chăm sóc sức khỏe. Ngoài ra, một số người cao tuổi thậm chí có thể cảm thấy rằng, quyền riêng tư của họ bị công nghệ theo dõi sức khỏe xâm phạm. Do đó, các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sẽ cần phải đầu tư nhiều thời gian hơn để thuyết phục người cao niên về lợi ích của việc theo dõi sức khỏe.

Vào năm 2022, Singapore đã nâng tuổi nghỉ hưu của người lao động từ 62 lên 63 tuổi, và tuổi đi làm lại (tiếp tục tham gia thị trường lao động) từ 67 lên 68 tuổi. Chính phủ Singapore còn đặt mục tiêu nâng tuổi nghỉ hưu lên 65 tuổi, và tuổi đi làm lại lên 70 tuổi vào năm 2030. Để hỗ trợ việc làm cho người lao động cao tuổi, Chính phủ Singapore đã xây dựng khoản trợ cấp và chương trình tín dụng, theo đó, Singapore sẽ gia hạn tín dụng việc làm cho người cao niên từ năm 2023 đến năm 2025 để cung cấp các khoản bù đắp tiền lương cho người sử dụng lao động từ 60 tuổi trở lên và khoản tiền này có thể lên tới 4.000 đô-la Singapore/tháng. Trước đó, khi khoản tín dụng việc làm này được triển khai vào năm 2020, người sử dụng lao động thuê nhân công từ 55 tuổi trở lên có thể nhận được khoản hỗ trợ lên tới 8% tiền lương hàng tháng của người lao động. Mục đích là khuyến khích người sử dụng lao động cam kết tạo cơ hội việc làm bán thời gian cho nhân viên cao tuổi. Tính đến tháng 9-2022, Chương trình tín dụng dành cho người lao động cao tuổi đã giải ngân hơn 450 triệu đô-

la Singapore, mang lại lợi ích cho gần 100.000 người sử dụng lao động và hơn 460.000 người lao động cao tuổi. Trong năm 2022, những người già tìm việc làm bao gồm khoảng 58% là nam và 42% là nữ. Năm ngành nghề hàng đầu sử dụng nhiều lao động từ 65 tuổi trở lên nhất ở Singapore là thương mại bán buôn và bán lẻ; dịch vụ hành chính và hỗ trợ; vận tải và kho bãi; lưu trú và ăn uống; sản xuất.

Một số gợi mở, hàm ý chính sách cho Việt Nam

Thực tế cho thấy, Việt Nam không là ngoại lệ, là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Những người từ 60 tuổi trở lên chiếm gần 12% tổng dân số vào năm 2019 và đến năm 2050, con số này sẽ tăng lên hơn 25%. Đến năm 2036, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội “già hóa” sang xã hội “già”. Vì vậy, qua nghiên cứu chiến lược phát triển “nền kinh tế bạc” ở Trung Quốc và Singapore như trên, gợi mở những hàm ý chính sách phát triển nền kinh tế này ở Việt Nam trong thời gian tới, cụ thể như sau:

Một là, phải đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong xây dựng chiến lược, chính sách phát triển “nền kinh tế bạc”, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp (nhà nước và tư nhân) tiếp cận và hoạt động trong sản xuất, kinh doanh các sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người cao tuổi. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn dân hưởng ứng và đồng hành cùng Nhà nước, doanh nghiệp, người dân, nhằm tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho phát triển “nền kinh tế bạc” thông minh ở Việt Nam. Đặc biệt, đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của “nền kinh tế bạc” trong đời sống kinh tế - xã hội.

Hai là, xây dựng chiến lược phát triển “nền kinh tế bạc” gắn với sự phát triển của kinh tế số, thúc đẩy ngành thương mại điện tử Việt Nam hướng tới đối tượng người cao tuổi. Sự phát triển nhanh chóng của thương mại điện tử đã ngày càng tỏ rõ vai trò quan trọng trong tạo việc làm, tăng tính hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho các chủ thể tham gia, trong đó có sự tham gia ngày càng nhiều những người cao tuổi, thúc đẩy lưu thông hàng hóa, dịch vụ, phân bổ các nguồn lực, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh các sản phẩm phục vụ nhu cầu của người già, góp phần thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế, tăng thu nhập cho doanh nghiệp và người dân.

Ba là, tập trung ứng dụng công nghệ số thúc đẩy “nền kinh tế bạc” ở Việt Nam phát triển nhanh và bền vững. Đặc biệt, cần có các chính sách phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực tư nhân đầu tư cung cấp dịch vụ chăm sóc, nhất là các cơ sở dưỡng lão ngoài công lập, cũng như ứng dụng công nghệ số trong chăm sóc người cao tuổi. Sự phát triển của công nghệ số và ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, kinh doanh các sản phẩm phục vụ nhu cầu của người lớn tuổi, sẽ đã tạo ra hàng loạt ngành nghề mới có giá trị gia tăng cao, hướng đến đổi mới sáng tạo, không chỉ đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi mà còn tạo ra những sản phẩm, dịch vụ mới để “dẫn dắt” thị trường, kích thích nhu cầu tiêu dùng của họ. Theo đó, có chính sách, kế hoạch thúc đẩy các mô hình kinh doanh mới trong lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi, tập trung vào các sản phẩm đổi mới, chăm sóc sức khỏe thông minh, sử dụng robot điều dưỡng và dịch vụ chăm sóc tại nhà cũng như mở rộng ngành công nghiệp thiết bị hỗ trợ phục hồi chức năng cho người già.

Bốn là, tăng cường đầu tư cho khoa học và công nghệ, tập trung vào phát triển các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao, chuyên sâu phục vụ thị trường “kinh tế bạc” ở Việt Nam. Đồng thời, có cơ chế, chính sách, chiến lược dài hạn... khuyến khích các doanh nghiệp, các chủ thể sản xuất, kinh doanh đầu tư vào nghiên cứu và triển khai vận dụng các thành tựu đó trong quá trình tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao (cả về vật chất và tinh thần) của người cao tuổi, từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Bên cạnh đó, có cơ chế thu hút nguồn vốn đầu tư từ trong và ngoài nước vào các công ty khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ phát triển “nền kinh tế bạc” ở nước ta phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả hơn trong giai đoạn phát triển mới.

Năm là, xây dựng chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trực tiếp hoạt động trong “nền kinh tế bạc”, như chính sách thuế, tín dụng... Một mặt, có chính sách ưu đãi về thuế dành cho các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho người cao tuổi, vì đây là một trong những bước tạo điều kiện cho người cao tuổi có cuộc sống đầy đủ hơn, an toàn hơn và góp phần phát triển “kinh tế bạc” hiệu quả. Mặt khác, chú trọng hoàn thiện chính sách tín dụng cho người cao tuổi để phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của bản thân họ. Hiện nay, người cao tuổi cũng có thể vay vốn tín dụng ưu đãi từ hai nguồn vốn thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội và Quỹ quốc gia về việc làm để đầu tư phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm, cải thiện đời sống; tuy nhiên, trên thực tế, số lượng người cao tuổi được hưởng chính sách này rất ít so với nhu cầu thực tế tại Việt Nam.□

XU HƯỚNG GIÀ HÓA DÂN SỐ NHANH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

ĐOÀN HIỀN

Tạp chí Cộng sản

VIỆT NAM là một trong những quốc gia đang có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới, đây vừa là minh chứng rõ nét cho việc thực hiện tốt các chính sách, đặc biệt là chính sách an sinh xã hội nước ta trong việc kéo dài tuổi thọ và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, trong đó có người cao tuổi, tuy nhiên, thực trạng này cũng đem lại những thách thức không nhỏ đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và an sinh xã hội, nhất là an sinh xã hội cho người cao tuổi.

Một số vấn đề đặt ra từ xu hướng già hóa dân số nhanh ở Việt Nam hiện nay

Khái niệm “già hóa dân số” được Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế quy ước như sau: Khi một quốc gia có số dân từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 7% - 9,9% tổng dân số thì quốc gia đó được coi là đang trong giai đoạn “già hóa”; số dân từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 10% - 19,9% là quốc gia có dân số “già”; khi người cao tuổi từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 20% - 29,9% là quốc gia có dân số “rất già” và từ 30% trở lên gọi là quốc gia có dân số “siêu già”.

Theo cách phân loại này, Việt Nam chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số với tỷ lệ dân số trên 65 tuổi là 7,7% từ năm 2011, sớm hơn 6 năm so với dự báo. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tỷ lệ dân số trên 60 tuổi ở nước ta là 22%, dự báo đến năm 2029 số lượng người cao tuổi cán mốc 17,28 triệu người (chiếm 16,5% tổng dân số), đến năm 2038 là 22,29 triệu người (chiếm 20,21% tổng dân số). Dự kiến, năm 2049, cả nước ta có 28,61 triệu người cao tuổi (chiếm 24,88% tổng dân số); đến năm 2069, nước ta có thể có 31.69 triệu người cao tuổi (chiếm 27.11% dân số).

Tỷ lệ già hóa dân số ngày một tăng cao đưa Việt Nam đứng trước một số khó khăn như:

Thứ nhất, ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng: Tình trạng già hóa dân số cao sẽ làm cho việc tuyển nghĩa vụ quân sự hao hụt, khó khăn và giảm hẳn. Bên cạnh đó, nếu tỷ lệ người cao tuổi chiếm tỷ lệ cao thì có khả năng phải cho người nước ngoài định cư để bảo đảm nguồn nhân lực lao động, dẫn đến tình trạng người nước ngoài nhiều hơn người dân trong nước. Giảm tỷ lệ dân số lao động và tăng tỷ lệ dân số phụ thuộc. Điều này có thể ảnh hưởng đến năng suất, tăng trưởng và cạnh tranh của nền kinh tế, cũng như đặt gánh nặng về chi tiêu xã hội lên ngân sách nhà nước và các hộ gia đình.

Thứ hai, ảnh hưởng đến an sinh xã hội: Già hóa dân số làm cho số người hưởng lương hưu tăng lên, thời gian sống hưởng lương hưu kéo dài, gây áp lực lên hệ thống an sinh xã hội, nhất là hệ thống y tế và hệ thống trợ cấp lương hưu. Về lĩnh vực y tế, các hội chứng lão khoa thường gặp ở người cao tuổi, phổ biến nhất là: dễ bị ngã, giòn xương, hội chứng dễ bị tổn thương, sa sút trí tuệ, suy dinh dưỡng, tình trạng đa bệnh lý làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống, thúc đẩy và gây suy giảm chức năng và khuyết tật. Đặc biệt, có 67,2% người cao tuổi ở tình trạng sức khỏe yếu và rất yếu, nhiều người mắc bệnh nan y... Khoảng 95% người cao tuổi có bệnh, chủ yếu là bệnh mãn tính không lây truyền, trung bình một người cao tuổi Việt Nam mắc 3 bệnh. Cùng với đó là chi phí y tế tăng cao, khả năng cung cấp dịch vụ y tế cho người cao tuổi còn hạn chế, thiếu nhân lực được đào tạo - thiếu người chăm sóc. Điều này đòi hỏi phải có những chính sách và chương trình thích ứng với xu hướng nhân khẩu học này, bảo đảm người cao tuổi được hưởng các quyền lợi và dịch vụ cần thiết, đồng thời duy trì sự bền vững của hệ thống an sinh xã hội quốc gia.

Về lĩnh vực trợ cấp lương hưu, 73% người cao tuổi Việt Nam không có lương hưu, phải sống phụ thuộc vào con cái, trong số đó có 65% người cao tuổi sống ở nông thôn, là nông dân làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định. Dân số già hóa nhanh chóng nhưng hệ thống hưu trí lại được thiết kế đơn tầng và độ bao phủ hạn chế, ngoài hai chương trình bảo hiểm xã hội bắt buộc (tỷ lệ này vẫn còn thấp, chỉ chiếm 30% số người trong độ tuổi lao động) và bảo hiểm tự nguyện (dựa trên đóng góp của người dân), nước ta chỉ có thêm chương trình trợ cấp cho người già từ trên 80 tuổi không có lương hưu. Mặt khác, tình trạng rút bảo hiểm xã hội một lần tăng mạnh kết hợp với già hóa dân số là hai yếu

tổ gây áp lực rất lớn lên hệ thống hưu trí sau này, (tính từ năm 2016 - 2020 có khoảng 3,7 triệu lao động đã rút bảo hiểm xã hội một lần).

Thứ ba, ảnh hưởng đến nền kinh tế: Già hóa dân số có tác động rất mạnh đến nền kinh tế ở nước ta, trong thời gian ngắn và lâu dài. Trước mắt là già hóa dân số ảnh hưởng đến cơ cấu lực lượng lao động, và từ đó ảnh hưởng đến tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Về tương lai lâu dài, già hóa dân số tạo ra các tác động đa chiều, trên nhiều lĩnh vực từ kinh tế đến an sinh xã hội và cả văn hóa. Già hóa dân số ở nước ta gây ra nhiều thách thức cần phải giải quyết: *một là*, suy giảm năng suất lao động và tăng trưởng kinh tế. Tăng nhanh dân số già đồng nghĩa với suy giảm tăng trưởng lực lượng lao động, dẫn đến giảm tăng trưởng vốn, kìm hãm tăng năng suất lao động, nhất là năng suất các nhân tố tổng hợp; *hai là*, bảo đảm thu nhập cho người cao tuổi, sự gia tăng nghèo và bất bình đẳng trong xã hội; *ba là*, gây sức ép đối với hệ thống chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi và hệ thống y tế; *bốn là*, gây sức ép đối với tài chính công với những áp lực về bảo đảm nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi (chi phí trung bình để chăm sóc sức khỏe cho một người cao tuổi bằng 7-8 lần chi phí trung bình chăm sóc sức khỏe cho một người trẻ tuổi) và lương hưu, trợ cấp cho người cao tuổi, chi tiêu công sẽ buộc phải tăng lên; *năm là*, những thách thức về xã hội như bảo đảm đời sống văn hóa và tinh thần cho người cao tuổi, điều chỉnh thị trường lao động - việc làm, giải quyết mâu thuẫn và xung đột thế hệ trong thời kỳ dân số già...

Già hóa dân số có thể khiến tăng trưởng kinh tế Việt Nam chậm lại, làm tăng chi tiêu công và gia tăng áp lực đối với hệ thống cung cấp dịch vụ công nếu không có các cải cách kịp thời.

Quan niệm truyền thống thường cho rằng, người cao tuổi là “gánh nặng” cho xã hội, song cách nhìn nhận mới coi người cao tuổi là nguồn lực dồi dào về tri thức, kinh nghiệm, kỹ năng, có khả năng tiếp tục đóng góp cho xã hội. Người cao tuổi có thể đóng góp vào sự phát triển của đất nước bằng nhiều cách, tiếp tục làm việc, học tập, chăm sóc gia đình và cộng đồng. Họ có vốn kiến thức, kinh nghiệm được tích lũy theo thời gian, là những người truyền lại các giá trị truyền thống văn hóa cho lớp trẻ. Trong số họ, rất nhiều người là chuyên gia, là người lao động có trình độ cao trong các ngành, lĩnh vực. Người cao tuổi cũng có thể là người từng giữ những vị trí lãnh đạo ở các cơ quan, doanh nghiệp, có vai trò quan trọng trong việc giải quyết các mâu thuẫn trong gia

đình, xã hội. Người cao tuổi cũng là một phần của thị trường tiêu dùng, góp phần tạo ra nhu cầu và cơ hội cho các sản phẩm và dịch vụ.

Nhận thức được xu hướng già hóa dân số là tất yếu, từ nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm xây dựng các chủ trương, đường lối, chính sách, đặc biệt là hệ thống trợ giúp xã hội cho người cao tuổi, nhằm ứng phó với xu hướng này. Các chính sách nói chung và chính sách tài chính nói riêng thể hiện sự cam kết cao trong thực hiện các mục tiêu trợ giúp xã hội của Nhà nước, được thể chế hóa từ hình thức cao nhất là Hiến pháp, đến luật, nghị định và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan nhằm giúp người cao tuổi có quyền được hưởng mức sống tối thiểu và tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản. Do đó, xu hướng già hóa dân số được coi là vấn đề ưu tiên trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, cũng như Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016 - 2020. Đặc biệt, Chiến lược quốc gia về an sinh xã hội giai đoạn 2011 - 2020 đã nhấn mạnh nhu cầu xây dựng các cơ chế an sinh xã hội toàn diện, chăm sóc sức khỏe và trợ giúp xã hội cho người cao tuổi, nhằm giải quyết tốt hơn các khó khăn về kinh tế - xã hội và sức khỏe cho người cao tuổi. Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011 - 2020 được tập trung vào một số ưu tiên, kể cả tăng cường hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi.

Trên tinh thần và chủ trương đó, Việt Nam ngày càng có cách tiếp cận toàn diện nhằm thích ứng với xu hướng già hóa dân số thông qua các chính sách dần phù hợp hơn với cơ cấu người cao tuổi đang gia tăng trong tổng dân số, trong khi tỷ suất sinh có xu hướng giảm. Tuy nhiên, thực tế vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra đối với các chính sách đối với người cao tuổi như sau:

Chính sách việc làm đối với người cao tuổi trên thị trường lao động

Theo số liệu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho thấy, có tới 60% người cao tuổi trong độ tuổi 60 - 69 đang tiếp tục làm việc; tỷ lệ này ở nhóm 70 - 74 tuổi giảm xuống còn khoảng 40% và ở nhóm 80 - 84 tuổi là khoảng 20%⁴.

Trong số những người cao tuổi còn tham gia lao động có đến 3% - 4% hiện đang là chủ các doanh nghiệp, các trang trại trồng trọt, chăn nuôi... đã và đang tạo ra hàng triệu việc làm cho người lao động. Ngoài ra, hàng chục nghìn người cao tuổi tham gia các hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, giảng dạy... Người cao tuổi vẫn là nguồn lực cho sự phát triển, là cơ hội cho các cơ chế, chính sách nhằm thu hút, khai thác nguồn lực đó một cách hiệu quả. Nhà

nước cần có chính sách hỗ trợ về sinh kế cụ thể cho họ và cần có sự ưu tiên, khác biệt giữa các đối tượng khác nhau của người cao tuổi như độ tuổi, giới tính, khu vực sinh sống...

Tuy nhiên ở một góc nhìn khác, trên thị trường lao động hiện nay, phần đông dân số cao tuổi không được bảo đảm thu nhập khi về già. Họ thường phải tham gia những công việc không ổn định và mức thu nhập thấp. Ở Việt Nam, trong số khoảng 60% người cao tuổi vẫn đang làm việc thì hầu hết là trong các hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. Người cao tuổi ở nông thôn tham gia hoạt động kinh tế nhiều hơn đáng kể so với người cao tuổi ở thành thị. Điều này đặt ra thách thức đối với chính sách tài chính dành cho lao động cao tuổi. Trước hết là các chính sách liên quan đến việc hỗ trợ người cao tuổi có thể dễ dàng tiếp cận việc làm phù hợp với sức khỏe và năng lực (thành lập các trung tâm giới thiệu việc làm cho người cao tuổi...). Bên cạnh đó, Nhà nước có thể ưu đãi thuế cho những doanh nghiệp, cơ sở sản xuất - kinh doanh có lao động là người cao tuổi; giảm thuế thu nhập cá nhân cho người cao tuổi, thúc đẩy cơ chế phối hợp công - tư trong cung ứng dịch vụ chăm sóc người cao tuổi. Đồng thời cần gắn kết giữa chăm sóc y tế tại cộng đồng với dịch vụ chăm sóc xã hội chính thức và phi chính thức nhằm khuyến khích dịch vụ này phát triển và tạo nhiều cơ hội cho người cao tuổi có cuộc sống đầy đủ, khỏe mạnh hơn... Ngoài ra cần có sự ưu tiên, khác biệt giữa các đối tượng khác nhau của người cao tuổi như độ tuổi, giới tính, khu vực sinh sống...

Chính sách hưu trí và bảo hiểm xã hội

Hiện nay, Việt Nam có khoảng 3,1 triệu người cao tuổi hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng; trong đó, số người cao tuổi hưởng lương hưu khoảng 1,8 triệu người. Trong khi đó, áp lực đối với vấn đề bảo đảm thu nhập cho người cao tuổi là phải mở rộng hệ thống trợ cấp lương hưu hiện nay, song lại cần phải giảm độ tuổi đủ điều kiện hưởng lương hưu xã hội hiện tại, đồng thời tăng mức trợ cấp. Theo thống kê của cơ quan bảo hiểm, hiện có trên 40% người lao động tham gia bảo hiểm xã hội, mặc dù pháp luật hiện hành đã quy định rõ về trách nhiệm bảo hiểm với người lao động có hợp đồng làm việc từ 1 tháng, 3 tháng trở lên và có chính sách hỗ trợ mức phí cho một số nhóm tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Tuy nhiên, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện vẫn thấp hơn rất nhiều so với tiềm năng.

Số lượng người cao tuổi không có lương hưu càng lớn thì càng tạo nhiều áp lực lên hệ thống an sinh xã hội. Số người về hưu và thời gian hưởng lương hưu

gia tăng, đòi hỏi phải hình thành hệ thống lương hưu dài hạn đủ sống đang trở thành một sức ép đối với cả các nước phát triển và đang phát triển. Do đó, vấn đề đặt ra đối với các chính sách là cần tạo mọi điều kiện kéo dài thời gian lao động cho người cao tuổi, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, thích ứng với xu hướng già hóa dân số.

Giải pháp để hạn chế hệ lụy của già hóa dân số ở nước ta

Để giải quyết được vấn đề già hóa dân số và chuẩn bị cho giai đoạn dân số già trong tương lai, cần có một số chính sách cơ bản sau đây:

Một là, tăng cường chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi. Đối với người cao tuổi, vấn đề chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cần đặt lên hàng đầu, để người cao tuổi có một tuổi già vui vẻ, an nhiên, hạnh phúc, nhiệm vụ này cần được Đảng, Nhà nước, gia đình và xã hội cùng quan tâm thực hiện. Với tính chất đặc trưng về bệnh lý của người cao tuổi (như bị lão hóa các cơ quan, đa bệnh lý), người cao tuổi thường sử dụng nhiều loại thuốc và có tính phụ thuộc vào thuốc, cho nên ngành y tế cần đặc biệt đáp ứng đầy đủ nhu cầu khám, chữa bệnh cho người cao tuổi với chất lượng cao, chi phí hợp lý. Các bệnh viện cần phải thành lập các khoa lão khoa, giúp cho người cao tuổi được chăm sóc một cách toàn diện và chuyên nghiệp.

Cần xóa bỏ định kiến, chấm dứt tình trạng phân biệt dựa vào tuổi tác nhằm bảo đảm sự hòa nhập của người cao tuổi với xã hội, tăng cường truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, giáo dục giới trẻ để xóa bỏ kỳ thị, phân biệt đối xử và bạo lực đối với người cao tuổi. Gia đình và xã hội phải nhận thức đúng đắn về người cao tuổi, xem đây thực sự là nguồn tài nguyên quý giá, là kho tàng về kinh nghiệm sống, làm việc, văn hóa, tuyệt đối không coi người cao tuổi là gánh nặng cho xã hội.

Hai là, sử dụng hợp lý lao động người cao tuổi

Bên cạnh việc tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi thì một việc cũng rất cần nữa là tạo điều kiện cho người cao tuổi lao động trong khả năng, đáp ứng được với việc nhiều người cao tuổi nhưng vẫn còn sức khỏe và nhu cầu được tiếp tục lao động, cống hiến cho xã hội, mục đích là tạo thu nhập cho người cao tuổi, mặt khác cũng không kém phần quan trọng là góp phần giảm tác động bất lợi đến phát triển kinh tế - xã hội do già hóa dân số tăng nhanh. Chính vì vậy, cần phải tạo các cơ hội việc làm, tuổi nghỉ hưu linh hoạt và bình đẳng giữa nam và nữ cho người cao tuổi.

Các chuyên gia về dân số cho rằng, cần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sử dụng lao động là người cao tuổi. Doanh nghiệp cần cung cấp hàng hóa và dịch vụ thích hợp với người cao tuổi, tạo việc làm, sử dụng lao động cao tuổi, hỗ trợ nguồn lực đóng góp cho việc chăm sóc người cao tuổi.

Ba là, cần duy trì vững chắc mức sinh thay thế, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số, như vậy nhóm dân số trẻ cần chuẩn bị tốt hơn để bước vào tuổi già trong tình trạng khỏe mạnh, chủ động hơn về mặt tài chính, tạo điều kiện thuận lợi để giải quyết các vấn đề phát sinh khi già hóa dân số trong tương lai.

Bốn là, các cấp lãnh đạo từ trung ương đến địa phương cần chú ý chăm sóc sức khỏe tinh thần cho người cao tuổi, mở rộng và tăng cường các hoạt động văn hóa, văn nghệ giúp người cao tuổi có đời sống tinh thần khỏe mạnh (tiếp tục mở rộng mô hình hoạt động tập dưỡng sinh, tập dân vũ ở các địa phương...). Cần tổ chức các hoạt động cộng đồng cho người cao tuổi một cách thường xuyên nhằm nâng cao hiểu biết và nhận sự đóng góp ý kiến của người cao tuổi với các chính sách của Nhà nước cũng như với cộng đồng. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi người dân, gia đình và toàn xã hội trong việc phát huy vai trò, kinh nghiệm của người cao tuổi, thực hiện chăm sóc người cao tuổi, xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi, thích ứng già hóa dân số.

Năm là, đặc biệt quan tâm trợ cấp cho người cao tuổi ở nông thôn, vùng xa hẻo lánh và phụ nữ cao tuổi. Phụ nữ có xu hướng sống thọ hơn nam giới, do đó họ có thể phải sống một cuộc sống thiếu thốn, đói nghèo trầm trọng hơn khi họ già đi.□

CƠ HỘI PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH BẢO HIỂM HỮU TRÍ ĐA TẦNG BẢO ĐẢM MỨC SỐNG TỐI THIỂU CHO NGƯỜI HẾT TUỔI LAO ĐỘNG

VIỆN KHOA HỌC BẢO HIỂM XÃ HỘI

Bảo hiểm xã hội (BHXH) là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội (ASXH) trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, đời sống nhân dân, phát triển bền vững đất nước. Trong những năm qua, chính sách BHXH đã từng bước khẳng định và phát huy vai trò là một trụ cột chính của hệ thống ASXH, là sự bảo đảm thay thế, hoặc bù đắp một phần thu nhập cho người lao động khi họ gặp phải những rủi ro trong cuộc sống.

Theo số liệu ngành BHXH⁽¹⁾ Việt Nam, đến hết ngày 31-12-2022 số người tham gia BHXH là 17,5 triệu người; đạt tỷ lệ 38,08% so với lực lượng lao động trong độ tuổi (vượt 1,08% so với chỉ tiêu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP; trong đó: số người tham gia BHXH bắt buộc là 16,038 triệu người, số người tham gia BHXH tự nguyện là 1,462 triệu người). Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) là 14,33 triệu người, đạt tỷ lệ 31,18% so với lực lượng lao động trong độ tuổi (vượt 0,18% so với chỉ tiêu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP). Số người tham gia bảo hiểm y tế (BHYT) là 91,074 triệu người, đạt tỷ lệ 92,04% dân số (vượt 0,04% so với chỉ tiêu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP).

Có được kết quả ấn tượng trên là nhờ chính sách BHXH ở Việt Nam đã dần được bổ sung, điều chỉnh để kịp thời đáp ứng nhu cầu của người dân, người lao động trong từng thời kỳ. Tuy nhiên, hiện nay vấn đề già hóa dân số đang là một

(1) Báo cáo kết quả công tác năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp năm 2023 của BHXH Việt Nam

thách thức, cùng với đó là hệ thống chính sách BHXH vẫn tiếp tục cần hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phù hợp với xu hướng phát triển của khu vực và thế giới; việc mở rộng và phát triển đối tượng tham gia BHXH còn dưới mức tiềm năng; độ bao phủ BHXH tăng chậm; số người hưởng BHXH một lần tăng nhanh... Vì vậy, để BHXH thực sự trở thành trụ cột của hệ thống ASXH với độ bao phủ rộng nhất, hướng tới mục tiêu tất cả người dân đều tham gia và được thụ hưởng chính sách BHXH, góp phần quan trọng thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, đời sống nhân dân và phát triển bền vững đất nước, ngày 23-5-2018, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW “Về cải cách chính sách BHXH” với mục tiêu phát triển hệ thống BHXH linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại và hội nhập quốc tế theo nguyên tắc đóng - hưởng, công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững; nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả, hướng tới mục tiêu BHXH toàn dân...

1. BHXH đa tầng là gì?

“BHXH đa tầng” là khái niệm khá mới, được xem là bước đi căn bản trong cải cách hệ thống BHXH tại Việt Nam. Thực tế, trên thế giới chưa có khái niệm thống nhất về BHXH đa tầng, một số tổ chức quốc tế mới đưa ra các khái niệm, như Sàn ASXH của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), hệ thống hưu trí đa trụ cột của Ngân hàng Thế giới (WB) hoặc hệ thống hưu trí đa tầng của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) để khuyến nghị các quốc gia xây dựng hệ thống chính sách ASXH nói chung và BHXH nói riêng.

Theo ILO, bảo hiểm hưu trí đa tầng phải bảo đảm đạt được 5 mục tiêu: (1) chống đói nghèo khi về già; (2) mở rộng độ bao phủ cho toàn bộ người dân; (3) bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập cho những người gặp rủi ro; (4) điều chỉnh mức hưởng theo lạm phát và trong một chừng mực nào đó là nâng cao mức sống của người dân; (5) tạo ra môi trường để phát triển các chế độ hưu trí bổ sung tự nguyện.

Hệ thống bảo hiểm hưu trí của ILO gồm 4 tầng:

Tầng 0: là tầng sàn, nhằm giảm đói nghèo, được bảo đảm bởi ngân sách nhà nước để hỗ trợ cho những người không có thu nhập;

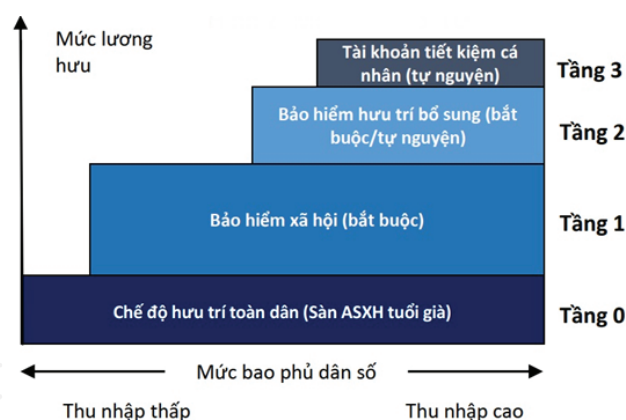
Tầng 1: hoạt động theo cơ chế PAYG ((Pay as You Go): cơ chế thực thu thực chi (hệ thống hưu trí công truyền thống), trong đó nguồn thanh toán lương hưu

được trích từ các khoản đóng góp của những người đang lao động) mức hưởng xác định trước (Defined Benefit). Mọi người lao động bắt buộc phải tham gia; quản lý công khai, mức lương hưu bằng khoảng 40% - 50% mức thu nhập làm căn cứ đóng trung bình cho các năm đóng góp;

Tầng 2: là tầng có thể thiết kế để tham gia bắt buộc hoặc tự nguyện, hoạt động theo nguyên tắc mức đóng xác định trước (Defined Contribution); có qui định mức trần đóng và do tổ chức tư nhân quản lý;

Tầng 3: là tầng tham gia tự nguyện; hoạt động theo nguyên tắc tài khoản tiết kiệm cá nhân; không giới hạn mức trần đóng và do tổ chức tư nhân quản lý.

Hình: Mô hình của ILO⁽²⁾



Bảo hiểm hưu trí đa tầng nhằm đa dạng hóa các chế độ hưu trí, đáp ứng nhu cầu tham gia của người lao động và gia tăng mức lương hưu cho người cao tuổi, góp phần bảo đảm ASXH bền vững đã trở thành xu thế chung trên toàn cầu.

Nhằm thực hiện mục tiêu phát triển hệ thống BHXH linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại và hội nhập quốc tế theo nguyên tắc đóng - hưởng, công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững; một trong những nội dung cải cách tại Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23-5-2018⁽³⁾ đã xác định là xây dựng hệ thống BHXH đa tầng. Theo đó, hệ thống BHXH bao gồm những cấu thành cụ thể như sau:

- *Trợ cấp hưu trí xã hội:* Ngân sách nhà nước cung cấp một khoản trợ cấp cho người cao tuổi không có lương hưu, hoặc BHXH hằng tháng. Có chính sách

(2) ILO, Social Protection for All Issue Brief, The ILO Multi-Pillar pension model: Building equitable and sustainable pension systems

(3) Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23-5-2018, của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Về cải cách chính sách BHXH”

huy động các nguồn lực xã hội đóng thêm để các đối tượng này có mức hưởng cao hơn; điều chỉnh giảm dần độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội phù hợp với khả năng của ngân sách.

- *BHXXH* cơ bản, bao gồm BHXXH bắt buộc và BHXXH tự nguyện: BHXXH bắt buộc (với các chế độ hưu trí, tử tuất, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, ốm đau, thai sản, thất nghiệp) dựa trên đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động. BHXXH tự nguyện (với các chế độ hưu trí, tử tuất hiện nay, từng bước mở rộng sang các chế độ khác) dựa trên đóng góp của người lao động không có quan hệ lao động; có sự hỗ trợ phù hợp từ ngân sách nhà nước cho nông dân, người nghèo, người có thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức để mở rộng diện bao phủ BHXXH; nâng cao ý thức, trách nhiệm của người lao động đối với việc tự bảo đảm an sinh cho bản thân. Mở rộng diện bao phủ BHXXH theo lộ trình điều chỉnh tăng tuổi nghỉ hưu phù hợp từng thời kỳ.

- *Bảo hiểm hưu trí bổ sung* là chế độ hưu trí tự nguyện theo nguyên tắc thị trường, tạo điều kiện cho người sử dụng lao động và người lao động có thêm sự lựa chọn tham gia đóng góp để được hưởng mức lương hưu cao hơn.

Như vậy, với Việt Nam, những nội hàm của BHXXH đa tầng đã được đề cập khá rõ. Theo đó, hệ thống hướng tới bao gồm ba tầng cơ bản là: Trợ cấp hưu trí xã hội; BHXXH cơ bản, bao gồm BHXXH bắt buộc và BHXXH tự nguyện và bảo hiểm hưu trí bổ sung.

2. Thuận lợi và cơ hội

Việt Nam có nhiều thuận lợi để phát triển BHHT theo mô hình đa tầng, đó là:

- Đảng và Nhà nước chủ trương phát triển hệ thống ASXH đa tầng, BHXXH đa tầng. Nghị quyết số 28-NQ/TW “Về cải cách chính sách BHXXH” xác định: “phát triển hệ thống BHXXH linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại và hội nhập quốc tế”.

- Các chính sách BHXXH và trợ giúp xã hội hiện hành mặc dù còn đơn lẻ, phân tán nhưng đã có các chế độ hưu trí khác nhau, là nền tảng để phát triển bảo hiểm hưu trí (BHHT) đa tầng.

- Hệ thống ASXH nói chung và BHXXH nói riêng đang được hiện đại hóa mạnh mẽ, đặc biệt là trong ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và phát triển đối tượng, cải cách thủ tục hành chính.

- Mức sống dân cư được cải thiện, tầng lớp trung lưu ngày càng lớn nên việc thực hiện nhiều sản phẩm hưu trí là phù hợp, đáp ứng nhu cầu tham gia đa dạng của người dân.

- Thị trường tài chính Việt Nam còn non trẻ nhưng phát triển nhanh. Doanh nghiệp và người lao động có nhiều cơ hội lựa chọn các công ty quản lý quỹ đầu tư để tham gia BHHT tự nguyện bổ sung.

3. Những khó khăn, thách thức

- Già hóa dân số nhanh trong khi tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp và phi kết cấu còn lớn, năng suất thấp nên một bộ phận người lao động không có khả năng tài chính để tham gia.

Việt Nam đang đứng trước thời điểm quan trọng về nhân khẩu học khi là quốc gia có tốc độ già hóa dân số thuộc hàng nhanh trên thế giới. Trong chuyên khảo “Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam”, do Tổng cục Thống kê (TCTK) xuất bản (dựa trên dữ liệu điều tra năm 2019), có nêu kết quả đáng chú ý: khoảng 35% người trong độ tuổi 60+ (người trên 60 tuổi) vẫn đang làm việc, tuy nhiên, phần lớn là lao động dễ tổn thương (tự làm hoặc lao động gia đình). Số người trong độ tuổi 60+ đang hưởng lương hưu chỉ chiếm khoảng 10% số người cao tuổi:

Bảng: Số người trên 60 tuổi đang hưởng lương hưu⁽⁴⁾

Năm	2020	2021	2022
Số người trên 60 tuổi đang hưởng lương hưu (người)	1.180.367	1.259.674	1.352.223
Số người trên 60 tuổi ⁽⁵⁾ (người)	11.997.000	12.565.000	13.044.000
Tỷ lệ người cao tuổi đang hưởng lương hưu (%)	9,84%	10,03%	10,37%

Theo dự báo dân số của TCTK tới năm 2069, số lượng người trong độ tuổi 60+ vào năm 2029 là 17,28 triệu người, chiếm 16,5% dân số; tới năm 2038 là 22,29 triệu người, chiếm 20,21% dân số; tới năm 2049 là 28,61 triệu người, chiếm 24,88% dân số; tới năm 2069 là 31,69 triệu người, chiếm 27,11% dân số. Theo

(4) Nguồn: Trung tâm Công nghệ thông tin, BHXH Việt Nam

(5) Nguồn: Dự báo dân số Việt Nam giai đoạn 2019 - 2069 Tổng cục Thống kê

lý giải của ngành, sự gia tăng dân số trong độ tuổi 60+ chủ yếu do sự gia tăng của nhóm 70+ và 80+. Điều này ngược với giai đoạn trước đó (2009 - 2019), sự gia tăng của dân số trong độ tuổi 60+ chủ yếu đến từ nhóm 60 - 69 tuổi.

Cuối năm 2022, số người cao tuổi (*người từ 60 tuổi trở lên*) không lương hưu, không trợ cấp xã hội hàng tháng là 8,7 triệu người, áp đảo số người có lương hưu, trợ cấp xã hội là 3,3 triệu người. Dự kiến, từ nay đến các mốc trong dự báo dân số nói trên (2029, 2038, 2049, 2069), nếu chậm chân bao phủ BHXH với hai phương thức chính (BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện), số người 60+ thuộc diện này sẽ tăng lên nhanh chóng; điều này đặt ra những thách thức lớn đối với hệ thống ASXH nếu hầu hết trong số họ không có BHXH hoặc lương hưu xã hội⁽⁶⁾.

- Trong kỷ nguyên số, tự động hóa được ứng dụng vào sản xuất ngày càng nhiều và cạnh tranh việc làm ngày càng gay gắt nên tính linh hoạt của thị trường lao động ngày càng cao, ảnh hưởng đến khả năng tham gia BHXH một cách liên tục của một bộ phận người lao động.

- Ngân sách nhà nước hạn hẹp, ảnh hưởng đến khả năng tạo lập các đòn bẩy kinh tế để thu hút, khuyến khích người lao động và doanh nghiệp tham gia.

- Hiệu quả truyền thông chưa cao; người lao động thiếu thông tin về BHXH nên khó mở rộng phạm vi bao phủ và phát triển BHXH.

Thực tế, những năm gần đây, Việt Nam luôn chú trọng phát triển hệ thống BHXH đa dạng và linh hoạt thông qua việc mở rộng các hình thức BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện; thực hiện thêm chế độ BHTN. Mặc dù vậy, việc thực hiện chính sách vẫn còn những “khoảng trống” và chưa có sự kết nối chặt chẽ với các chính sách ASXH khác để BHXH thật sự trở thành trụ cột chính của hệ thống ASXH. Bởi vậy, để thúc đẩy việc tham gia BHXH; tạo điều kiện cho người lao động có thu nhập cao chọn hình thức bảo hiểm phù hợp, qua đó chia sẻ một phần tới các đối tượng khó khăn khác; đồng thời hướng tới mục tiêu bảo hiểm hưu trí toàn dân, để mọi người dân khi hết tuổi lao động đều có lương hưu.

4. Dự thảo luật BHXH (sửa đổi) về xây dựng hệ thống BHXH đa tầng

Hệ thống hưu trí Việt Nam hiện được thiết kế đơn tầng, độ bao phủ còn hạn chế với hai chế độ dựa trên đóng góp của người lao động và doanh nghiệp thuộc

(6) Nguồn: Đỗ Bá, *Tạp chí BHXH*, “Nỗi lo người cao tuổi 2 không”, <https://tapchibaohiemxahoi.gov.vn/e-magazine/loi-lo-nguoi-cao-tuoi-2-khong-95549.html>

BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện; không dựa trên đóng góp (hưu trí xã hội, do ngân sách nhà nước chi trả, dành cho người trên 80 tuổi không có lương hưu hoặc trợ cấp BHXH khác và cho người 60 - 79 tuổi dựa trên gia cảnh); ngoài ra xã hội luôn có một nhóm người lao động đến tuổi về hưu mà số năm đóng BHXH không đủ điều kiện để hưởng lương hưu. Lúc này, họ xem xét cho hưởng BHXH một lần. Từ đó, xuất hiện một khoảng trống là từ tuổi nghỉ hưu cho đến độ tuổi được lĩnh trợ cấp hưu trí xã hội, nhóm cao tuổi này không được hưởng chế độ hưu trí, như vậy tồn tại nhóm người không có lương hưu, cũng như không có trợ cấp xã hội.

Dự thảo Luật BHXH (sửa đổi) đã bổ sung chương III về trợ cấp hưu trí xã hội, quy định công dân Việt Nam từ đủ 75 tuổi trở lên mà không có lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng và trợ cấp xã hội hằng tháng khác thì sẽ được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội do ngân sách nhà nước bảo đảm. Mức trợ cấp hưu trí xã hội do Chính phủ quy định phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng của ngân sách nhà nước từng thời kỳ.

Dự thảo Luật cũng giao Chính phủ báo cáo Quốc hội quyết định điều chỉnh giảm dần độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước từng thời kỳ. Việc giảm độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội từ 80 tuổi xuống còn 75 tuổi sẽ giúp mở rộng thêm khoảng trên 800 nghìn người cao tuổi được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội và BHYT.

Người lao động khi đến tuổi nghỉ hưu có thời gian đóng BHXH (bao gồm cả bắt buộc và tự nguyện) mà chưa đủ điều kiện hưởng lương hưu (chưa đủ 15 năm đóng) và cũng chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội (chưa đủ 75 tuổi) thì được lựa chọn hưởng trợ cấp hằng tháng do quỹ BHXH chi trả cho thời gian trước khi đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội tùy thuộc vào thời gian đóng, tiền lương, thu nhập tháng đóng BHXH của người lao động; đồng thời trong thời gian hưởng trợ cấp hằng tháng thì được ngân sách nhà nước đóng BHYT.

Như vậy, ngoài các chế độ về BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện, hưu trí bổ sung tự nguyện, dự thảo luật BHXH (sửa đổi) bổ sung tầng liên kết (trợ cấp hưu trí xã hội) lấp khoảng trống hưu trí. Và nếu đề xuất được thông qua, hệ thống an sinh sẽ hình thành ba tầng: Tầng dưới cùng là BHXH cơ bản dành cho lao động từ khi đi làm, gia nhập hệ thống an sinh đến trước khi đủ tuổi về hưu; tầng này có các chế độ như ốm đau, thai sản, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp thất nghiệp cùng khoản đóng góp để khi đủ điều kiện được hưởng lương hưu. Tầng tiếp theo là lao động đủ tuổi về hưu đến dưới 75 tuổi

như dự luật đề xuất; người đủ điều kiện được hưởng lương hưu hằng tháng; người không đủ điều kiện có thể được nhận trợ cấp xã hội. Tầng an sinh còn lại dành cho người già trên 75 tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

5. Một số đề xuất về Bảo hiểm hưu trí đa tầng

Đối với Tầng 1 - Trợ cấp hưu trí xã hội: Đề xuất mở rộng diện bao phủ gắn liền với cải cách các chế độ không mang tính chất đóng góp, chẳng hạn như, áp dụng các cơ chế hưu trí phổ cập được trích từ nguồn thu thuế thu nhập cá nhân, quy định một khoản lương hưu như nhau được chi trả hằng tháng cho tất cả người dân trên độ tuổi nghỉ hưu mà không đạt tới mức thu nhập tối thiểu. Hệ thống này có lợi thế là hướng tới diện bao phủ toàn dân bằng việc bảo đảm cho mọi người dân có ít nhất một khoản thu nhập tối thiểu khi đến tuổi hưởng hưu trí.

Tầng 2 - BHXH cơ bản: là tầng có đóng góp, chủ yếu hướng tới người lao động khu vực chính thức, nhưng được thiết kế theo hướng bao phủ cho cả người lao động phi chính thức; đề xuất điều chỉnh mức phí đóng BHXH phù hợp với khả năng đóng góp của lao động làm việc trong khu vực phi chính thức để mở rộng đối tượng trong khu vực này. Về mặt dài hạn, việc mở rộng tầng 2 sẽ cần đi đôi với một chiến lược tổng thể và toàn diện về chính thức hóa để nâng số người đủ điều kiện tham gia BHXH theo luật định, bao gồm cả những nỗ lực nâng cao sự tuân thủ pháp luật về BHXH trong khu vực chính thức.

Đối với những người tham gia BHXH đến tuổi nghỉ hưu nhưng chưa đủ số năm đóng BHXH (chưa đủ điều kiện hưởng lương hưu) thì xây dựng chính sách kết nối với tầng hưu trí xã hội để bảo đảm những đối tượng này cũng có lương hưu hằng tháng cao hơn mức trợ cấp hưu trí xã hội (tầng 1).

Tầng 3 - Bảo hiểm hưu trí bổ sung: mở rộng các gói “Bảo hiểm hưu trí bổ sung” với mức đóng và quyền lợi mở rộng, hướng tới những người có thu nhập cao và mong muốn hưởng quyền lợi mức cao hơn. Để khuyến khích người lao động có thu nhập cao tham gia tầng này, cần xây dựng quy định, chính sách tiết kiệm hưu trí, trong đó dùng công cụ thuế (miễn thuế hoặc giảm thuế đối với các khoản đóng góp hưu trí bổ sung). Đồng thời ban hành chính sách điều chỉnh các quỹ hưu trí bổ sung (khu vực Nhà nước, tư nhân) và các quy định cụ thể về đầu tư, quản lý các quỹ này.□

NHỮNG THÁCH THỨC TRONG CÔNG TÁC TẠO SINH KẾ, NÂNG CAO THU NHẬP CHO NGƯỜI CAO TUỔI HIỆN NAY

PHẠM ĐẠI ĐỒNG

*Trưởng phòng Người cao tuổi, Cục Bảo trợ xã hội,
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*

Đặt vấn đề

Bảo đảm sinh kế cho người cao tuổi (NCT) đang là một vấn đề xã hội giành được nhiều sự quan tâm của các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Hướng tiếp cận sinh kế bền vững là một cách để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đang được nhiều quốc gia và tổ chức áp dụng. Đặc biệt, trong bối cảnh quốc tế đang có những nỗ lực trong việc bảo đảm sinh kế cho người dân, bảo đảm thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, thì công tác tạo sinh kế, nâng cao thu nhập đối với NCT hiện nay là một vấn đề cấp bách cần được chú ý và quan tâm. Tạo sinh kế, nâng cao thu nhập bền vững đối với NCT góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, ổn định cuộc sống và chất lượng sống cho NCT hiện nay. Trong Báo cáo Hướng tới chính sách quốc gia toàn diện thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam, Việt Nam sẽ bước vào thời kỳ dân số già vào năm 2035, khi tỷ lệ NCT tăng lên tới 20% với khoảng 21 triệu NCT⁽¹⁾. Đến năm 2049, tỷ lệ NCT sẽ chiếm 25% dân số, tức là cứ 4 người dân sẽ có một NCT. Báo cáo cũng cho thấy, một trong những vấn đề chính mà NCT gặp phải là bảo đảm về sinh kế tài chính. Mặt khác, già hóa dân số là một trong những xu hướng có ảnh hưởng lớn đến tất cả các khía cạnh của đời sống xã hội. Đối với nhiều quốc gia trên thế giới, việc nhận NCT vào làm việc được coi là trách nhiệm xã hội và cấm mọi sự phân biệt, định kiến với NCT về khả năng lao động của họ.

(1) https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/Toward%20a%20comprehensive%20ageing%20policy_VIE.pdf

Tại Việt Nam, với điều kiện là một quốc gia đang phát triển có mức thu nhập trung bình thấp, khả năng bao phủ của hệ thống an sinh xã hội và trợ cấp hưu trí cho NCT đang là thách thức lớn đối với Chính phủ thì việc sử dụng người lao động cao tuổi là rất cần thiết.

Theo kết quả Điều tra quốc gia về dân số, 29% NCT có nguồn thu quan trọng nhất là thu nhập qua làm việc. Năm 2021, có 47,4% NCT nam và 36,5% NCT nữ vẫn làm các công việc có thu nhập (UNFPA, 2021). Như vậy, có khoảng hơn 1/3 NCT hiện đang tham gia vào thị trường lao động và có nhu cầu tiếp tục tham gia vào thị trường lao động. Tuy nhiên, để tìm kiếm việc làm mang lại thu nhập là điều không hề đơn giản đối với NCT. Người cao tuổi đang gặp phải rất nhiều những rào cản trong quá trình tìm kiếm việc làm, bảo đảm sinh kế và nâng cao thu nhập. Những phân tích dưới đây sẽ tập trung vào tìm hiểu và làm rõ những thách thức trong công tác tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho NCT trong giai đoạn hiện nay. Từ đó, bài viết đưa ra một số gợi ý về giải pháp nhằm giúp NCT bảo đảm sinh kế và nâng cao thu nhập.

Chính sách hỗ trợ sinh kế đối với người cao tuổi

Khung khổ pháp lý quốc tế

Trước hết phải kể đến tuyên ngôn về nhân quyền, trong đó khẳng định các quyền của con người, quyền của NCT về chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội. Tiếp đó là Bộ nguyên tắc của Liên hợp quốc về NCT năm 1991 xây dựng 18 nguyên tắc đạo đức đối với NCT được thể hiện tổng quát trong 5 quyền và khuyến nghị các quốc gia phấn đấu thực hiện, đó là:

- + Quyền được sống độc lập không bị phụ thuộc;
- + Quyền được tham gia mọi công việc trong xã hội và cộng đồng;
- + Quyền được chăm sóc vật chất tinh thần;
- + Quyền được phát huy, phát triển cá nhân
- + Quyền được tôn trọng nhân phẩm;

Khung khổ pháp lý trong nước

Hiến pháp 2013; Bộ Luật Lao động năm 2019; Luật Người cao tuổi 2009 đều có các quy định liên quan đến chính sách sinh kế của NCT, như: Mọi người có

quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm; Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc. (Điều 33, 35, Hiến pháp năm 2013). Bộ Luật Lao động có các quy định về lao động là NCT, sử dụng lao động là NCT (Điều 148, 149); Luật Người cao tuổi có các quy định về phát huy vai trò của NCT, trong đó có vấn đề sinh kế (Điều 3, Điều 23).

Luật Người cao tuổi quy định, Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để NCT phát huy trí tuệ, kinh nghiệm quý và phẩm chất tốt đẹp trong các hoạt động: (i) Giáo dục truyền thống đoàn kết, yêu nước, yêu con người và thiên nhiên; (ii) Xây dựng đời sống văn hóa; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ở cơ sở và cộng đồng; tham gia các phong trào khuyến học, khuyến tài, hỗ trợ giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng người có đức, có tài và các cuộc vận động khác tại cộng đồng; (iii) Truyền thụ kỹ năng, kinh nghiệm, kiến thức kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ và nghề truyền thống cho thế hệ trẻ; (iv) Nghiên cứu, giáo dục, đào tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ; tư vấn chuyên môn, kỹ thuật; (v) Phát triển kinh tế, giảm nghèo, làm giàu hợp pháp. (vi) Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp tại cộng đồng; (vii) Thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, quan liêu; phòng, chống HIV/AIDS và tệ nạn xã hội; (viii) Đóng góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật và tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật; (ix) Các hoạt động xã hội khác vì lợi ích của tổ chức và nhân dân.

Chương trình hành động quốc gia về NCT giai đoạn 2021 - 2030 có hợp phần quan trọng về phát huy vai trò NCT, trong đó có mục tiêu: “Ít nhất 50% NCT có nhu cầu và khả năng lao động có việc làm; ít nhất 20.000 NCT được hỗ trợ hướng nghiệp, đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở trợ giúp xã hội, trung tâm dịch vụ việc làm; ít nhất 10.000 hộ gia đình có NCT có nhu cầu và đủ điều kiện được vay vốn khởi nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh với lãi suất ưu đãi”.

Nội dung cụ thể của Chương trình hành động quốc gia đối với hoạt động “Trợ giúp giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế, nhà ở cho NCT” như sau: (i) Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách về việc làm, dạy nghề, đào tạo chuyển đổi nghề phù hợp với NCT; (ii) Thực hiện giới thiệu việc làm, hướng nghiệp cho NCT, ưu tiên hỗ trợ NCT có hoàn cảnh khó khăn; (iii) Hỗ trợ thí điểm mô hình khởi nghiệp phù hợp với NCT; hỗ trợ các cơ sở của NCT phát triển

sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phù hợp quy mô, trình độ quản lý; (iv) Hỗ trợ thí điểm mô hình sinh kế đối với gia đình có NCT; ưu tiên được vay vốn với lãi suất ưu đãi để tạo việc làm, tăng thu nhập; (v) Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội đối với NCT có hoàn cảnh khó khăn theo hướng phổ cập theo độ tuổi, nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội theo khả năng ngân sách, giá tiêu dùng và tương quan chính sách đối với các nhóm đối tượng khác; (vi) Hỗ trợ xây dựng mô hình nhà xã hội chăm sóc NCT độc thân, NCT cô đơn không nơi nương tựa, bảo đảm NCT không phải sống trong nhà dột, nát.

Mặc dù có chính sách hỗ trợ về sinh kế cho NCT nhưng thực tiễn không thu thập được số liệu thống kê về NCT trực tiếp sản xuất, kinh doanh có nhu cầu hỗ trợ tiếp cận được các dịch vụ hỗ trợ đầu vào - đầu ra - và quá trình sản xuất như: hỗ trợ vay vốn, học nghề, khuyến nông - khuyến lâm - khuyến ngư; hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ về tư liệu sản xuất, tiêu thụ sản phẩm đầu ra.

Những NCT tham gia hoạt động kinh tế, tham gia nghiên cứu khoa học, giảng dạy, truyền nghề cũng không được miễn giảm thuế sản xuất, kinh doanh và thuế thu nhập cá nhân.

Thách thức trong công tác tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người cao tuổi hiện nay

Trong phạm vi nội dung bài viết này, tác giả làm rõ một số thách thức trong công tác tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho NCT đang gặp phải hiện nay: Quan niệm về việc làm đối với NCT; số lượng NCT ngày càng tăng nhanh; trình độ NCT có nhiều hạn chế; sự suy giảm về sức khỏe và gia tăng bệnh tật; già hóa NCT; nữ hóa dân số cao tuổi và chính sách việc làm với NCT. Cụ thể:

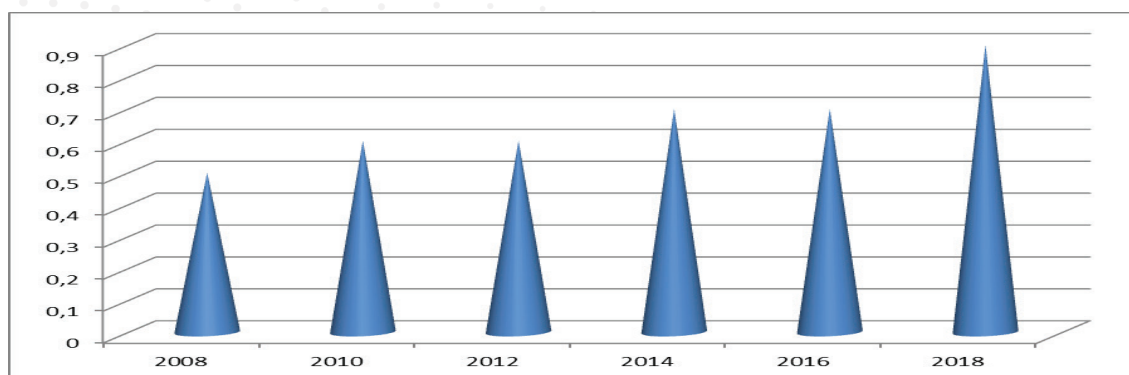
Quan niệm về việc làm đối với người cao tuổi

Trên thế giới cũng như tại Việt Nam, lực lượng lao động cao tuổi đã và đang tiếp tục tham gia các hoạt động kinh tế, mang lại những đóng góp to lớn cho sự phát triển của đất nước. Tuy nhiên, trong xã hội Việt Nam vẫn luôn tồn tại quan niệm cho rằng “*ốm tha, già thả*”, tức là những NCT là những người đã hết độ tuổi lao động. Người cao tuổi cần phải nhường lại thị trường lao động cho những người trẻ hơn, đang trong độ tuổi lao động. Sau khi nghỉ hưu, NCT cần được nghỉ ngơi và dành thời gian cho con cháu. Chính vì thế, khi những người già tham gia lao động sẽ bị cho là do con cái không chăm sóc hoặc bị ép phải làm việc kiếm tiền cho gia đình. Có thể thấy, xã hội Việt Nam đang đặt lên vai mình

gánh nặng về an sinh xã hội đối với NCT trong khi bắt NCT phải nghỉ hưu và không cho họ cơ hội đóng góp trí tuệ, kỹ năng trong các lĩnh vực (Minh Ngọc, 2017). Chính những quan niệm của người dân và xã hội là thách thức trong tạo việc làm, bảo đảm thu nhập cho NCT hiện nay.

Số lượng người cao tuổi ngày càng tăng nhanh

Cùng với xu hướng chung của toàn cầu, dân số Việt Nam đang già hóa nhanh chóng và xu hướng này dự kiến sẽ còn tăng nhanh trong tương lai (UNFPA, 2020). Trong vài thập kỷ gần đây, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ vượt bậc trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cho người dân giúp cho tỷ suất sinh và tỷ suất chết giảm mạnh. Theo Niên giám thống kê năm 2020 của Tổng cục Thống kê, tuổi thọ trung bình của cả nước năm 2020 là 73,6 tuổi, trong đó, nam giới là 71,0 tuổi và nữ giới là 76,3 tuổi. Nhờ đó, tỷ lệ NCT (từ 60 tuổi trở lên) trong tổng dân số tăng ngày càng cao hơn. Năm 2010, dân số từ 60 tuổi trở lên chiếm 8,6% dân số. Sau 2 năm, tỷ lệ NCT đã tăng lên 9,4% vào năm 2012. Đến năm 2014, con số này đã tăng 10,5%. Năm 2018, sau 8 năm tỉ lệ dân số 60 tuổi trở lên đã tăng lên thành 12,9% trong tổng dân số cả nước. Hiện nay, Việt Nam đang trong giai đoạn già hóa dân số. Theo dự báo, già hóa dân số sẽ tiếp tục tăng nhanh. Đến năm 2036, NCT sẽ chiếm 20% tổng dân số và Việt Nam sẽ bắt đầu bước vào giai đoạn “dân số già” (UNFA, 2016). Bên cạnh sự gia tăng số lượng NCT là sự gia tăng tỉ lệ dân số trên 60 tuổi tham gia vào hoạt động kinh tế. Tỷ lệ NCT từ 60 trở lên tiếp tục làm việc vào năm 2008 chiếm 0,5% cơ cấu dân số thì đến năm 2018 dân số từ 60 tuổi trở lên chiếm 0,9% cơ cấu dân số hoạt động kinh tế.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2019

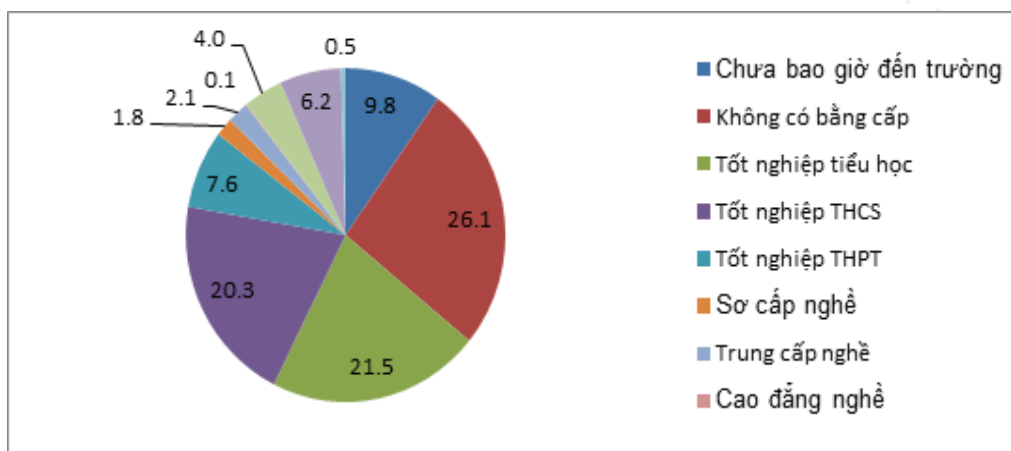
Có thể thấy, sự gia tăng mạnh mẽ số lượng NCT là một dự đoán đã, đang và sẽ chắc chắn xảy ra đối với Việt Nam. Sự gia tăng mạnh mẽ số lượng NCT trong

những năm gần đây là một trong những thách thức lớn trong việc bảo đảm sinh kế cho người lao động. Sự gia tăng về số lượng vừa khiến cho nhu cầu việc làm của NCT tăng cao, đồng thời cũng tạo nên sự cạnh tranh trong chính những NCT với nhau trên thị trường việc làm cho NCT vốn đã ít ỏi do phải cạnh tranh với lực lượng lao động trẻ ngày càng gia tăng. Với một lực lượng NCT ngày càng đông đảo, bài toán việc làm là một thách thức lớn trong công tác tạo sinh kế, bảo đảm thu nhập cho NCT.

Trình độ người cao tuổi có nhiều hạn chế

Đối với lao động Việt Nam nói chung, NCT nói riêng thì trình độ là một trong những rào cản trong quá trình tìm kiếm việc làm và là thách thức lớn trong quá trình bảo đảm sinh kế.

Biểu đồ 2: Bằng cấp cao nhất của dân số từ 60+



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2019

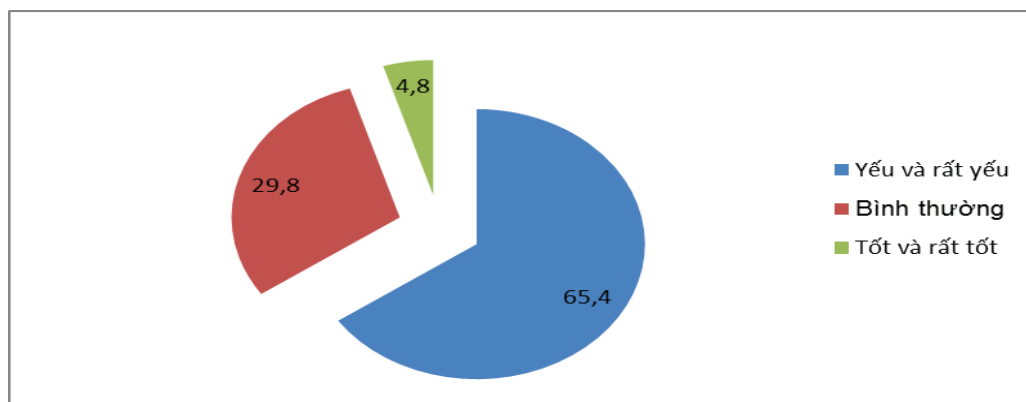
Theo kết quả khảo sát Mức sống dân cư Việt Nam năm 2019 của Tổng cục Thống kê, chỉ có 7,6% NCT có trình độ trung học phổ thông có đến 77,7% NCT chưa đạt đến trình độ trung học phổ thông. Trong đó, có đến 9,8% NCT chưa bao giờ đến trường. Chiếm tỷ lệ cao nhất với 26,1% không có bằng cấp tức là chưa học hết cấp tiểu học. Tiếp đến là 21,5% tốt nghiệp tiểu học và 20,3% tốt nghiệp trung học cơ sở. Chỉ có hơn 10% NCT hiện nay có trình độ sau phổ thông. Trong đó, 4% có trình độ trung học chuyên nghiệp, 6,2% có trình độ cao đẳng, đại học và 0,5% có trình độ sau đại học. Đối với những NCT được đào tạo nghề cũng chiếm một tỷ lệ rất nhỏ. Chỉ có 1,8% NCT được đào tạo và có trình độ sơ cấp nghề; 2,1% NCT có trình độ trung cấp nghề và 0,1% NCT có trình độ cao đẳng nghề.

Thực trạng về trình độ của NCT hiện nay là một điều dễ hiểu bởi lẽ những NCT là những người sinh ra và lớn lên trong thời kỳ đất nước bị đô hộ và có chiến tranh nên cơ hội được tham gia học hành của những NCT hiện nay là rất hạn chế. Trong khi đó, đội ngũ lao động trẻ có trình độ và tay nghề ngày càng gia tăng. Để NCT có thể cạnh tranh được với đội ngũ trẻ này là điều không hề đơn giản. Chính vì thế, trong bối cảnh thị trường lao động ngày càng đòi hỏi người lao động phải có trình độ để đáp ứng được yêu cầu công việc thì trình độ thấp là một trong những thách thức lớn trong công tác tạo sinh kế, bảo đảm thu nhập cho NCT hiện nay.

Sự suy giảm về sức khỏe và gia tăng bệnh tật

Một trong những vấn đề nghiêm trọng nhất mà NCT phải đối diện đó là vấn đề về sức khỏe, sự suy giảm của sức khỏe của bản thân.

Biểu đồ 3: Tình trạng sức khỏe của NCT theo tự đánh giá

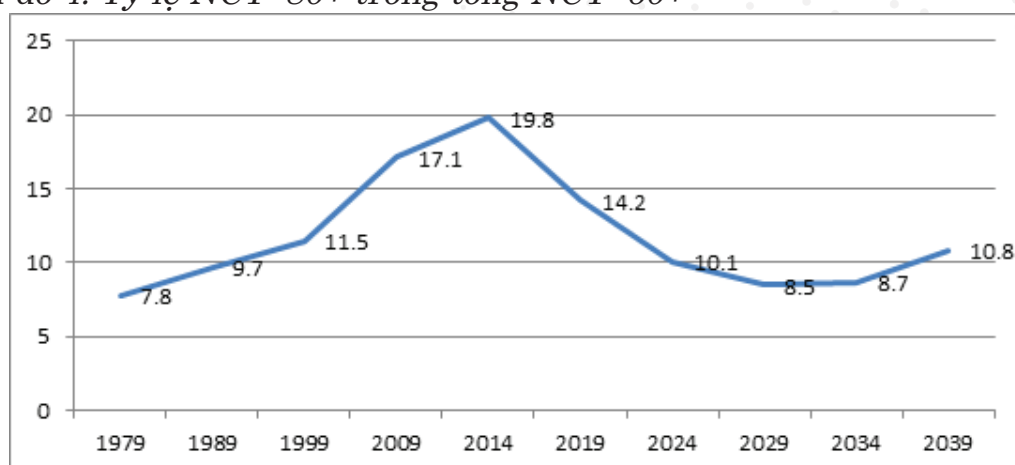


Nguồn: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Theo kết quả nghiên cứu của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2019) cho thấy, có đến 65,4% NCT tự đánh giá tình hình sức khỏe của mình là yếu và rất yếu, chỉ có 29,8% tự đánh giá sức khỏe của mình bình thường và 4,8% cho rằng sức khỏe của mình tốt và rất tốt. Khi con người già đi đồng nghĩa với việc khả năng cơ bản bao gồm khả năng thể lực và trí óc có xu hướng giảm sút. Thay vào đó là tình trạng bệnh tật thường là mạn tính và phức tạp, tình trạng đa bệnh tật (có nhiều bệnh mạn tính cùng một lúc) tăng lên cùng với tuổi. Bệnh tật tăng lên, sức khỏe giảm đi kéo theo sự suy giảm về khả năng lao động của NCT. Chính về thế, bệnh tật và sự suy giảm về sức khỏe chính là một thách thức lớn trong việc tạo sinh kế và tăng thu nhập cho NCT hiện nay.

Già hóa người cao tuổi

Theo Quỹ dân số Liên hợp quốc (UNFPA, 2021), già hóa dân số cao tuổi được định nghĩa là tỷ lệ ngày càng tăng của NCT ở nhóm già nhất là nhóm từ 80 tuổi trở lên (80+). Nhờ những cố gắng của Chính phủ và người dân đã cải thiện toàn diện trong chăm sóc sức khỏe NCT giúp cho NCT có cuộc sống khỏe mạnh hơn và sống lâu hơn. Chính vì thế, tỉ lệ nhóm 80+ cũng tăng lên trong cơ cấu NCT .

Biểu đồ 4: Tỷ lệ NCT 80+ trong tổng NCT 60+

Nguồn: Tổng cục Thống kê, UNFPA, 2021

Theo báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2022, có tới 60% NCT trong độ tuổi 60 - 69 đang làm việc. Đây là nhóm ít tuổi nhất, có sức khỏe nhất và có cơ hội tìm kiếm việc làm nhất trong số những NCT. Tuy nhiên, với xu hướng già hóa NCT như hiện nay thì tỷ lệ những NCT trong nhóm 60 - 69 sẽ giảm đi và gia tăng những người từ 70 tuổi trở lên. Kết quả Tổng điều tra dân số và dự báo dân số 2014 - 2049 của Tổng cục Thống kê cho thấy, nhóm những NCT già nhất trong dân số cao tuổi đã tăng từ 7,8% năm 1979 lên đến 19,8% năm 2014. Giai đoạn từ năm 2014 - 2029 được dự báo là tỷ lệ NCT già nhất sẽ giảm dần do tử vong của nhóm dân số trẻ tuổi trong chiến tranh. Từ sau năm 2020, nhóm NCT già nhất được dự báo sẽ bắt đầu tăng lại và dự kiến đến năm 2049 sẽ chiếm 16% tổng số NCT.

Độ tuổi tăng lên khiến sức khỏe của NCT yếu đi và nguy cơ mắc bệnh tăng lên. Điều này đồng nghĩa với việc khi độ tuổi của NCT tăng lên sẽ dẫn đến suy giảm khả năng tham gia vào thị trường lao động. Trên thực tế, già hóa dân số có xu hướng hạ thấp tỷ lệ NCT tham gia lao động và tỷ lệ NCT tham gia lực lượng lao động giảm theo tuổi. Với tốc độ gia tăng số lượng NCT và sự tăng lên

về độ tuổi của NCT hiện nay là một thách thức lớn trong tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho họ.

Nữ hóa dân số cao tuổi

Trong báo cáo “Dự báo dân số thế giới 2017” của Tổng cục Thống kê, mức độ nữ hóa trong dân số cao tuổi ở Việt Nam là cao nhất trong khu vực ASEAN. Ở Việt Nam cũng như ở hầu hết các quốc gia khác trên thế giới, nữ giới chiếm tỉ lệ nhiều hơn nam giới trong dân số cao tuổi. Tuổi thọ của nữ giới cao hơn so với nam giới, dẫn tới tỷ lệ nữ sống đến tuổi già cao hơn nam giới. Kết quả điều tra của Tổng cục Thống kê (2020) cũng cho thấy rằng, năm 2019 nữ giới chiếm 57,3% còn nam giới chỉ chiếm 42,7% trong số những người từ 60 tuổi trở lên.

Phụ nữ cao tuổi dễ bị tổn thương hơn do phải đối mặt với sự phân biệt giới tính lớn hơn, có tỷ lệ biết chữ và trình độ học vấn thấp hơn, có tỷ lệ mắc bệnh và khuyết tật cao hơn đồng thời phụ thuộc nhiều hơn về tài chính. Nữ hóa dân số cao tuổi đặt ra yêu cầu cần có sự quan tâm đặc biệt cho phụ nữ cao tuổi do họ dễ bị tổn thương hơn và khó có cơ hội tiếp cận thị trường lao động để tạo ra thu nhập hơn so với nam giới. Chính vì thế, tạo sinh kế cho NCT đã khó, tạo sinh kế cho NCT là phụ nữ còn khó hơn rất nhiều trong bối cảnh hiện nay.

Chính sách việc làm với người cao tuổi

Trước những thách thức về già hóa dân số, một số nước trên thế giới có riêng chương trình sử dụng người lao động cao tuổi để hỗ trợ cho NCT tìm việc, hỗ trợ cho chủ lao động là NCT. Thậm chí rất nhiều doanh nghiệp chỉ tuyển NCT. Tại Việt Nam, nhận thức được những xu hướng già hóa dân số và số lượng NCT ngày càng tăng, năm 2000 chính phủ đã ban hành Pháp lệnh NCT. Đến năm 2010, Pháp lệnh NCT đã được thay thế bằng Luật NCT nhằm bảo đảm quyền lợi của NCT và quy định trách nhiệm của Nhà nước cũng như các cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân đối với NCT. Năm 2012, Chính phủ đã phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về NCT Việt Nam 2012 - 2020 với mục tiêu tăng cường vai trò của NCT và nâng cao chất lượng chăm sóc đối với NCT. Trong Hiến pháp (2013) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quy định: “Nhà nước tạo điều kiện bình đẳng cho công dân hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội và có chính sách hỗ trợ NCT, người khuyết tật, người nghèo và những người trong hoàn cảnh khó khăn”. Những quy định này thể hiện sự quan tâm của nhà nước thông qua việc ban hành các chính sách với NCT nhằm tạo cơ sở pháp lý đối với các hoạt động liên quan đến NCT.

Tuy Nhà nước đã có nhiều chính sách nhằm bảo đảm chất lượng sống của NCT nhưng một trong những vấn đề chính mà NCT Việt Nam đang gặp phải là an ninh tài chính. Năm 2016, có 5,72% NCT sống ở mức nghèo đói nghiêm trọng, tức là dưới một nửa thu nhập chuẩn nghèo và 35,91% NCT sống ở mức nghèo. Chính vì thế, có những lao động cao tuổi tiếp tục làm việc xuất phát từ nhu cầu tăng thêm thu nhập phục vụ cho cuộc sống. So với những lao động trẻ thì kỹ năng và kinh nghiệm của lao động cao tuổi rất quý giá, nhưng vấn đề là họ sẽ tìm việc ở đâu và nhà nước có cơ chế nào để giúp cho NCT tìm kiếm việc làm? Mặc dù Nhà nước đã ban hành nhiều các văn bản, chính sách liên quan đến NCT nhưng ở nước ta hiện nay vẫn chưa có chính sách cụ thể nhằm tạo việc làm cho NCT.

Tại Nhật Bản, từ năm 1986, Chính phủ đã có quy định chính thức về việc thiết lập các trung tâm giới thiệu việc làm ở tất cả các đơn vị hành chính cấp thôn, quận và thành phố. Nhiệm vụ của trung tâm là giới thiệu những công việc đơn giản, ít tốn thời gian cho những NCT sống trong khu vực hành chính mình quản lý. Trung tâm còn có trách nhiệm đóng tiền bảo hiểm cho các hội viên (UNFA, 2019).

Tại Việt Nam hiện nay, mặc dù các trung tâm giới thiệu việc làm có ở khắp các tỉnh, thành phố nhưng những trung tâm giới thiệu việc làm dành riêng cho NCT lại chưa có. Để NCT tìm được việc làm là điều không đơn giản. Phần lớn NCT tìm được việc là do mối quan hệ quen biết hoặc do người thân giới thiệu, chứ hiện chưa có kênh thông tin tuyển dụng cho nhóm lao động cao tuổi. Việc thiếu các thông tin tuyển dụng, thiếu các thông tin về việc làm cũng như thiếu các chính sách cụ thể nhằm khuyến khích việc làm cho NCT cũng là một thách thức trong quá trình tạo việc làm, ổn định cuộc sống và tăng thu nhập cho NCT. Bên cạnh đó, các chính sách của Việt Nam cũng chưa có các quy định cụ thể hay các chương trình khuyến khích, cho phép NCT tham gia vào các công việc có trả lương phù hợp với nhu cầu, như giờ làm việc linh động hoặc rút ngắn thời gian làm việc trong ngày. NCT thường làm việc trong khu vực phi chính, các công việc lao động tự do hoặc làm các công việc gia đình không được trả lương (UNFA, 2016). Việc thiếu các quy định đã làm hạn chế cơ hội tham gia vào khu vực chính thức của NCT, đồng nghĩa với việc hạn chế cơ hội tạo việc làm, bảo đảm sinh kế và nâng cao thu nhập cho NCT.

Như vậy, có thể thấy, NCT tại Việt Nam đang phải đứng trước rất nhiều thách thức trong việc tạo sinh kế, nâng cao thu nhập nhằm bảo đảm mức sống.

Ngay từ trong quan niệm của một bộ phận người dân Việt Nam đã không khuyến khích việc NCT tham gia vào thị trường lao động. Bên cạnh đó, NCT cũng phải đối diện với rất nhiều khó khăn như sự gia tăng về số lượng NCT tạo nên sự cạnh tranh trong thị trường lao động giữa chính những NCT với nhau. Tốc độ già hóa NCT khiến cho tỉ lệ dân số ở nhóm cao tuổi nhất gia tăng. Đây là nhóm dân số gặp nhiều vấn đề về sức khỏe nên hạn chế cơ hội tham gia vào thị trường lao động. Cũng giống như những phụ nữ trẻ tuổi, phụ nữ cao tuổi dễ bị tổn thương hơn và khó có cơ hội tiếp cận thị trường lao động để tạo ra thu nhập hơn so với nam giới. Chính vì thế, quá trình nữ hóa NCT cũng là một thách thức trong bảo đảm sinh kế cho NCT. Ngoài ra, việc thiếu các chính sách cụ thể nhằm tạo việc làm cho người lao động cũng gây khó khăn cho người lao động trong quá trình tìm kiếm việc làm.

Khuyến nghị giải pháp trong công tác tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người cao tuổi hiện nay

Không phải tất cả NCT đều cần chính sách hỗ trợ về sinh kế, nhất là những NCT làm chủ doanh nghiệp, có nguồn thu nhập cao, ổn định; nhưng đối với nhóm NCT còn khả năng tham gia hoạt động kinh tế, cần có thu nhập để bảo đảm cuộc sống và thực hiện quyền sống độc lập, như NCT thu nhập thấp, NCT thuộc diện nghèo, sống độc lập, NCT cư trú ở các xã đặc biệt khó khăn... Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ về sinh kế cụ thể cho họ và cần có sự ưu tiên, khác biệt giữa chính sách hỗ trợ về sinh kế đối với NCT với chính sách hỗ trợ sinh kế đối với người dân có độ tuổi thấp hơn độ tuổi của NCT. Chính sách hỗ trợ sinh kế cho NCT ở vùng đặc biệt khó khăn khác với chính sách hỗ trợ sinh kế cho NCT ở vùng đồng bằng và thành thị, các chính sách cụ thể bao gồm:

(1) Chính sách vay vốn với lãi suất ưu đãi, không phải thế chấp tài sản và có sự bảo lãnh của Hội người cao tuổi cấp xã để sản xuất, kinh doanh quy mô vừa và nhỏ.

(2) Chính sách miễn giảm phí học nghề để chuyển đổi nghề nghiệp phù hợp với tình thực tế của địa phương nơi NCT cư trú.

(3) Chính sách miễn giảm phí tham gia các khóa học về khuyến nông - khuyến lâm - khuyến ngư để nâng cao nhận thức - kỹ năng sản xuất, kinh doanh phù hợp với tình thực tế của địa phương nơi NCT cư trú.

(4) Chính sách miễn giảm phí chuyển giao công nghệ, và khuyến khích hỗ

trợ ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ mới trong sản xuất- kinh doanh.

(5) Chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm thông qua việc quảng bá, bao tiêu sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm xanh - sạch - an toàn.

(6) Chính sách bảo hộ sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp trong trường hợp họ gặp rủi ro, đặc biệt là rủi ro do thiên tai, dịch bệnh thông qua chính sách trợ cấp bù đắp thiệt hại.

(7) Chính sách ưu tiên trong giao đất sản xuất nông nghiệp ở những địa điểm thuận lợi, dễ tiếp cận...

(8) Cần phải thiết lập các trung tâm giới thiệu việc làm cho lao động cao tuổi để họ tiếp cận và nhận được sự hỗ trợ tìm việc làm. Bảo đảm môi trường làm việc thuận lợi và bình đẳng cho NCT. Bên cạnh đó, cần phải tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ tạo việc làm thông qua Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội; lồng ghép chính sách việc làm cho NCT trong các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, hướng tới tổ chức các hoạt động giao dịch việc làm phù hợp với NCT tại cơ sở; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dịch vụ việc làm, tạo điều kiện thuận lợi cho NCT sử dụng và tiếp cận.

(9) Tạo thuận lợi cho NCT tiếp cận vốn tín dụng để phục vụ kinh doanh. Triển khai có hiệu quả, chất lượng tín dụng ưu đãi, bảo đảm cho NCT có nhu cầu và đủ điều kiện đều được vay vốn tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội. Đồng thời cần đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Nhà nước đến NCT; hướng dẫn cho NCT sử dụng vốn vay đúng mục đích, bảo đảm sự quản lý, giám sát thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đúng đối tượng NCT.

(10) Cung cấp cơ hội đào tạo lại cho NCT để họ được nâng cao tay nghề và kỹ năng mới giúp họ có khả năng cạnh tranh trong tìm việc làm ở thị trường lao động mới. Bởi lẽ, NCT hiện nay là những người sinh ra, lớn lên trong thời kỳ đất nước có chiến tranh nên cơ hội được học hành, học nghề của họ rất hạn chế. Vì vậy, cần tạo điều kiện để họ được đào tạo nhằm bảo đảm tay nghề và chất lượng lao động cho NCT, từ đó bảo đảm thu nhập cho chính họ.

(11) Thực hiện lộ trình nâng tuổi nghỉ hưu bắt buộc đối với cả nam và nữ. Đây là một giải pháp bắt buộc trong bối cảnh già hóa NCT có xu hướng gia

tăng. Điều này sẽ bảo đảm cơ chế thu nhập và ổn định cuộc sống cho NCT trong giai đoạn hiện nay đặc biệt là NCT nữ.

(12) Thực hiện vận động xã hội ủng hộ việc chống kỳ thị dựa vào tuổi trong việc làm và ban hành quy định pháp lý cụ thể để chống lại sự phân biệt theo tuổi. Từ đó tạo điều kiện cho NCT được tiếp tục tham gia vào thị trường lao động và bảo đảm sinh kế cho bản thân và gia đình, góp phần giảm gánh nặng cho hệ thống an sinh xã hội hiện nay.

(13) Tuyên truyền, nhắc nhở thế hệ trẻ về vai trò của NCT không phải chỉ để chăm sóc trẻ em, làm giúp việc nhà mà họ có thể tham gia vào việc làm kiếm thu nhập nếu họ muốn. Chính vì vậy, bản thân NCT, gia đình NCT, cộng đồng và xã hội cần thay đổi quan niệm về việc làm đối với NCT, tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội để họ bảo đảm sinh kế và thu nhập cho bản thân và gia đình.

(14) Phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe cho NCT, bảo đảm cho NCT được tiếp cận với các dịch vụ về sức khỏe, bảo vệ sức khỏe từ đó tạo nền tảng vững chắc để NCT có thể tiếp tục lao động, bảo đảm sinh kế và nâng cao thu nhập cho bản thân và gia đình.

Chính sách hỗ trợ sinh kế là tiền đề quan trọng giúp NCT tự bảo đảm thu nhập, giảm thiểu mức độ phụ thuộc vào sự giúp đỡ của con cháu và bảo đảm thực hiện quyền sống độc lập cũng như các quyền khác của NCT. Do vậy nhà nước cần có định hướng và lộ trình xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ sinh kế cho NCT phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước và tình hình thực tế của NCT.□

GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

TS. NGUYỄN VĂN TẠO

Học viện Hành chính Quốc gia

TRONG quá trình lãnh đạo, Đảng ta luôn coi dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác dân số là nhiệm vụ chiến lược, vừa cấp thiết vừa lâu dài, là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Trong bối cảnh hiện nay, vấn đề dân số và phát triển ngày càng được Đảng và Nhà nước quan tâm. Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 15-10-2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới đã đề ra quan điểm: “*tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển...*”, đồng thời đặt ra yêu cầu: “*đưa công tác dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số thành nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp*”. Nghị quyết số 21 cũng nhấn mạnh quan điểm chỉ đạo về đầu tư nguồn lực cho công tác dân số: “*Đầu tư cho công tác dân số là đầu tư cho phát triển. Nhà nước ưu tiên bố trí ngân sách, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa; tranh thủ sự hỗ trợ của quốc tế để bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số*”.

Trước bối cảnh già hóa dân số nhanh và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định: “*Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội, cộng đồng và gia đình. Tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu “ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau*”.

Mặc dù, Đảng và Nhà nước rất quan tâm, đầu tư và nỗ lực để kéo dài thời kỳ cơ cấu “dân số vàng” nhưng thực tế tình trạng già hóa dân số nhanh đã đặt ra

nhiều vấn đề cần giải quyết, đòi hỏi phải có những chính sách ứng phó nhanh và kịp thời.

Già hóa dân số ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra

Dân số luôn có sự biến động theo không gian và thời gian. Sự gia tăng dân số ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng dân số và các mặt khác của đời sống xã hội. Dân số tăng quá chậm hoặc quá nhanh đều ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của xã hội. Do đó, giữ được sự gia tăng dân số hợp lý là nhiệm vụ của mỗi quốc gia và của toàn cầu.

Dân số Việt Nam trong những năm vừa qua có nhiều biến động. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, tính đến ngày 01-4-2019, dân số nước ta là 96.208.984 người, trong đó dân số nam là 47.881.061 người (chiếm 49,8%) và dân số nữ là 48.327.923 người (chiếm 50,2%)⁽¹⁾. Trong Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), dân số Việt Nam đứng thứ 3 (sau In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin), trên phạm vi thế giới dân số Việt Nam đứng thứ 15, tụt 2 bậc so với cách đây 10 năm. Với dân số trẻ, tăng nhanh, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2017 của cả nước là 54,8 triệu người, năm 2018 tăng lên 55,4 triệu người. Đây chính là nguồn nhân lực quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế - xã hội nước ta hiện nay.

Cập nhật số liệu của Liên hợp quốc (UN - United Nations), dân số của Việt Nam tính đến ngày 18-9-2022 là 99.115.888 người. Với số dân này, Việt Nam hiện đang chiếm 1,24% dân số toàn thế giới. Mật độ dân số của Việt Nam hiện tại là 320 người/km² với tổng diện tích đất là 310.060 km². Trong đó, có 38,05% dân số sống ở thành thị (37.198.539 người vào năm 2019). Độ tuổi trung bình ở Việt Nam hiện tại là 33,3 tuổi⁽²⁾.

Bắt đầu từ năm 2007, với tỷ số phụ thuộc chung (nhóm dân số 0-14 tuổi và nhóm dân số trên 65 tuổi tính trên nhóm dân số 15-64) dưới 50%, Việt Nam chính thức bước vào thời kỳ cơ cấu “dân số vàng”. Theo các nhà nhân khẩu học, cơ cấu “dân số vàng” thường kéo dài từ 30 - 35 năm, thậm chí là 40 - 50 năm, tùy thuộc vào chính sách dân số của từng quốc gia. Điều đó đồng nghĩa với thời gian đất nước có được lực lượng lao động trẻ hùng hậu, đủ sức làm xoay chuyển nền kinh tế nếu chúng ta biết khai thác tối đa nguồn tài nguyên quý giá này.

(1) Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2019), *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01-4-2019*

(2) <https://danso.org/viet-nam/>

Nhiều quốc gia châu Á đã biết tận dụng triệt để cơ hội **cơ cấu** “dân số vàng” để tạo nên những kỳ tích trong phát triển kinh tế, như Xin-ga-po, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc.

Theo Liên hợp quốc, cơ cấu dân số của một quốc gia được coi là trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng (Demographic window of opportunity) khi nhóm dân số trẻ em (0-14 tuổi) chiếm tỷ trọng nhỏ hơn 30% và nhóm dân số người cao tuổi (từ 65 tuổi trở lên) chiếm tỷ trọng thấp hơn 15%. Nói cách khác, một dân số khi có từ hai người trong độ tuổi có khả năng lao động trở lên gánh một người phụ thuộc thì dân số đó có cơ cấu vàng.

Hiện tượng cơ cấu “dân số vàng” cũng chỉ xuất hiện một lần trong quá trình phát triển của một cộng đồng dân số. Trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng, lực lượng lao động tăng lên làm cho khối lượng sản phẩm tạo ra cũng tăng lên, tài sản xã hội và gia đình được đảm bảo. Trong thời kỳ cơ cấu “dân số vàng”, dân số dưới 15 tuổi giảm đi sẽ tạo điều kiện tốt hơn cho công tác phòng, chống suy dinh dưỡng, khám, chữa bệnh, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, giảm bớt chi phí về y tế và an sinh xã hội.

Quá trình già hóa dân số của Việt Nam được dự báo sẽ đến nhanh hơn dự kiến. Theo Quỹ dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNFPA), Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Đến năm 2036, Việt Nam sẽ bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội “già hóa” sang xã hội “già”. Trong số người cao tuổi tăng thêm, nhóm người cao tuổi sơ lão (từ 60-69 tuổi) có tốc độ tăng cao nhất, tiếp đó là nhóm người cao tuổi đại lão (từ 80 tuổi trở lên).

Theo Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (LĐTBXH), Việt Nam nằm trong số 10 nước có tốc độ già hóa nhanh nhất trên thế giới. Năm 2020, cả nước có hơn 11 triệu người cao tuổi (chiếm 11,86% dân số), dự báo trong 10 năm tới, người cao tuổi sẽ chiếm 17% dân số, đến năm 2038 là 20% và đến năm 2050 sẽ là 25%.

Trong bối cảnh nước ta vẫn là một quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp, vấn đề già hóa dân số nhanh đang đặt ra không ít thách thức về nhiều mặt của đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội. Vì vậy, cần có những chính sách để đảm bảo thích ứng với già hóa dân số như đã nêu trong mục tiêu của Nghị quyết số 21- NQ/TW, ngày 25-10-2017 tại Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác dân số trong tình hình mới.

Khái quát những vấn đề đặt ra trong bối cảnh già hóa dân số nhanh như hiện nay, bao gồm:

Một là, tình trạng chưa giàu đã già trong dân số và sự chuẩn bị hành trang cho tuổi già chưa được quan tâm, chú ý đúng mức.

Thông thường các nước trên thế giới phải mất nhiều thập kỷ mới chuyển từ giai đoạn cơ cấu dân số trẻ sang giai đoạn già hóa dân số. Quá trình già hóa dân số ở Việt Nam lại diễn ra rất nhanh, trong khi nền kinh tế nhỏ, tăng trưởng chậm và không ổn định, đời sống người dân còn nhiều khó khăn, thu nhập thấp, chế độ bảo hiểm xã hội (BHXH) chưa bao phủ được toàn dân. Hiện nay, một bộ phận lớn dân cư sống ở nông thôn (65,7%) là nông dân và làm nông nghiệp. Đời sống nhóm người cao tuổi còn khó khăn, 70% không có tích lũy vật chất, 2,3% gặp khó khăn, thiếu thốn và 18% thuộc hộ nghèo, trên 70% người cao tuổi vẫn tự lao động kiếm sống cùng với sự hỗ trợ của con cháu và gia đình; chỉ có hơn 25,5% số người cao tuổi có lương hưu hay trợ cấp xã hội. Số người cao tuổi sống cùng và dựa vào con, cháu chiếm 72,3%.

Hai là, hệ thống chính sách an sinh xã hội, đặc biệt cho người cao tuổi chưa hoàn thiện và còn nhiều bất cập.

Hiện nay, chỉ có khoảng hơn 20% số người cao tuổi sống bằng lương hưu hoặc trợ cấp xã hội, số người cao tuổi có bảo hiểm xã hội, hưởng chính sách ưu đãi dưới 50%. Mức trợ cấp bảo trợ đối với người cao tuổi còn thấp và bất cập, số tiền hỗ trợ người cao tuổi hiện nay là 270.000 đồng/tháng⁽³⁾, chỉ bằng 38,6% chuẩn nghèo ở nông thôn và 30% chuẩn nghèo ở thành thị. Người cao tuổi đủ điều kiện vào Trung tâm Bảo trợ xã hội được hưởng mức hệ số 2 là 540.000đồng/tháng. Tuy nhiên, nhóm đối tượng đủ điều kiện được vào Trung tâm bảo trợ xã hội rất ít. Hệ thống chính sách an sinh xã hội chưa hoàn thiện và còn nhiều bất cập là vấn đề cần quan tâm và khắc phục để chuẩn bị cho thời kỳ dân số già trong thời gian tới.

Ba là, cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng phục vụ nhu cầu khi dân số già còn thiếu và chưa đảm bảo chất lượng.

Hiện nay, do điều kiện kinh tế của nước ta chưa phát triển, nguồn lực đầu tư cho an sinh xã hội còn hạn hẹp nên cơ sở vật chất phục vụ cho người cao tuổi còn thiếu về số lượng và chưa đáp ứng được nhu cầu. Tỷ lệ người cao tuổi

(3) Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2019), Văn bản hợp nhất số: 762/VBHN-BLĐTBXH, ngày 28-02-2019, Nghị định quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng Bảo trợ xã hội.

không có lương hưu và các khoản thu nhập khác còn cao, điều này đồng nghĩa với việc nhóm người cao tuổi sẽ khó khăn, chật vật lo cho cuộc sống của mình. Cùng với quá trình đô thị hóa, cuộc sống nhiều áp lực và bận rộn hơn, con cháu ngày càng có ít thời gian để chăm lo đời sống vật chất cho người cao tuổi. Xu hướng người cao tuổi có mong muốn vào sống tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội ngày càng tăng. Tuy nhiên, những Trung tâm Bảo trợ xã hội do Nhà nước thành lập và bảo trợ rất ít và chỉ tiếp nhận những đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Trong khi đó, những Trung tâm Bảo trợ xã hội (Trung tâm dưỡng lão) do tư nhân thành lập chưa nhiều, kinh phí để người cao tuổi có thể vào đó sinh sống khá cao, đa số người cao tuổi không có khả năng tài chính. Bên cạnh đó, các dịch vụ tư vấn sức khỏe, vui chơi giải trí cho người cao tuổi chưa nhiều, chưa đa dạng và chi phí còn cao nên rất ít nhóm đối tượng này có thể tham gia vào các dịch vụ đó. Đây là thách thức rất lớn khi số lượng người cao tuổi trong dân số tăng nhanh, nên cần có những chính sách, biện pháp thu hút đầu tư và sự tham gia của tư nhân vào lĩnh vực này.

Bốn là, thời gian sống khỏe của dân số còn thấp và tình trạng nhiều bệnh tật ở người cao tuổi.

Tuổi thọ bình quân của người Việt Nam là 75,6 tuổi, song thời gian sống khỏe mạnh chỉ khoảng 66 tuổi. Hiện nay, trung bình một người cao tuổi ở Việt Nam mắc từ 3 đến 5 loại bệnh mãn tính. Thời gian sống khỏe ngắn không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng giống nòi mà còn là gánh nặng cho hệ thống y tế, tài chính của Nhà nước, xã hội và gia đình, trong khi hệ thống BHXH của chúng ta chưa bao phủ được toàn dân, đối tượng tham gia làm việc ở các khu vực không chính thức còn nhiều, đặc biệt là khu vực nông thôn. Khi về già gánh nặng tài chính cho cuộc sống, đặc biệt cho việc chăm sóc sức khỏe sẽ tăng lên rất nhiều. Do đó, ngay từ sớm cần có những chính sách chiến lược để tăng thời gian sống khỏe của dân số, đồng thời cần có những kịch bản về hệ thống an sinh xã hội khi dân số già.

Những khuyến nghị chính sách về vấn đề già hóa dân số

Thứ nhất, hoàn thiện chính sách dân số, trong đó thực hiện duy trì mức sinh thay thế hợp lý để kéo dài thời kỳ cơ cấu “dân số vàng”, làm chậm quá trình già hóa dân số.

Trong thời gian qua, hệ thống các chính sách dân số đã được điều chỉnh so với trước kia nhằm đảm bảo phù hợp với hoàn cảnh mới, nhưng tình trạng

“tỷ lệ sinh thấp”, “không muốn kết hôn”, “không muốn sinh con”... ngày càng nhiều ở giới trẻ. Điều này làm cho tỷ lệ sinh thay thế thấp, đẩy nhanh quá trình già hóa dân số. Do đó, cần thay đổi các chính sách về dân số theo hướng khuyến khích sinh đủ số lượng theo quy định cũng như cần có những biện pháp hỗ trợ những gia đình đông con, những gia đình nhập cư ở các đô thị để khuyến khích mức sinh, đặc biệt là ở các đô thị lớn.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về dân số gắn với xây dựng gia đình trong thời kỳ mới. rà soát, điều chỉnh hoặc bãi bỏ một số quy định về xử lý vi phạm trong công tác dân số, đề cao tính gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình văn hóa, hạnh phúc. Đưa ra các chính sách mang tính bắt buộc trong việc đảm bảo chất lượng giống nòi, như biện pháp kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân, tăng thời lượng giáo dục thể chất trong các cơ sở giáo dục, thúc đẩy phong trào toàn dân rèn luyện sức khỏe... Cần thực hiện đồng bộ các chính sách để phát triển toàn diện con người Việt Nam bao gồm các yếu tố thể lực, trí lực, tâm lực, nâng cao chất lượng, tăng thời gian sống khỏe của dân số.

Bên cạnh đó, cần thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của người dân để đảm bảo tích lũy và sự chuẩn bị tài chính khi về già. Việc nâng cao chất lượng dân số phải được tiến hành song song với việc phát triển kinh tế. Do đó, các chính sách về phát triển kinh tế và phát triển dân số cần được tiến hành đồng thời trong mối tương quan chặt chẽ.

Thứ hai, phát triển các chính sách phát triển dịch vụ dân số phù hợp với thời kỳ dân số già.

Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số. Phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, hỗ trợ sinh sản, tư vấn kiểm tra sức khỏe sinh sản trước hôn nhân để đảm bảo chất lượng giống nòi. Đổi mới phương thức cung cấp, đưa dịch vụ tới tận người sử dụng, thúc đẩy cung cấp dịch vụ qua mạng.

Ưu tiên đầu tư nguồn lực của Nhà nước, đồng thời huy động nguồn lực xã hội phát triển các cơ sở cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản cho các nhóm dân số đặc thù trong đó có người cao tuổi. Để chuẩn bị cho thời kỳ “dân số già” cần có những chính sách đặc thù, ưu đãi để thu hút sự quan tâm đầu tư của các doanh nghiệp vào lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi, trong đó đặc biệt là xây dựng các

Trung tâm dưỡng lão của tư nhân. Tăng cường kết nối, hợp tác với các cơ sở cung cấp dịch vụ ngoài công lập với những cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi. Nhà nước cần có những chính sách khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư, cung cấp các dịch vụ công với các mức chi phí hợp lý với bối cảnh, điều kiện kinh tế của Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách an sinh xã hội phù hợp với thời kỳ dân số già.

Cần xây dựng các chính sách an sinh xã hội để phù hợp với bối cảnh dân số già. Các chính sách cần tập trung vào các yêu cầu đặt ra như chăm sóc sức khỏe, cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu người cao tuổi, các hoạt động vui chơi giải trí và vấn đề hậu sự cho người cao tuổi... Trong giai đoạn trước mắt cần có những chính sách đặc thù với những chế độ ưu đãi trong chính sách đầu tư. Hiện nay, chính sách an sinh xã hội đã có những quy định trợ cấp kinh phí cho người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt và những người cao tuổi (từ đủ 80 tuổi trở lên nhưng không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm, trợ cấp xã hội hàng tháng) nhưng mức hỗ trợ rất thấp, cần được tăng lên trong thời gian tới. Bên cạnh đó, cần mở rộng đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, đối tượng được chăm sóc tại cộng đồng hoặc tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội.

Hiện nay, số người tham gia BHXH còn thấp, điều này cũng đồng nghĩa số người được hưởng trợ cấp hưu trí chưa nhiều. Do đó, cần có những chính sách phát triển thị trường bảo hiểm, đa dạng hóa các gói bảo hiểm, trong đó có bảo hiểm xã hội tự nguyện, bao gồm bảo hiểm nhà nước, bảo hiểm thương mại với nhiều mệnh giá tương ứng các gói dịch vụ khác nhau để nhanh chóng bảo hiểm xã hội toàn dân.

Thứ tư, xây dựng chính sách việc làm đa dạng và phát triển thị trường lao động phù hợp với thời kỳ dân số già.

Để thích ứng với thời kỳ dân số già về nguồn nhân lực, cần xây dựng những chính sách về việc làm theo hướng sử dụng cả nguồn nhân lực khi hết tuổi lao động. Khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội, xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của người sử dụng lao động và người lao động cao tuổi. Tích cực, chủ động xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi. Người cao tuổi với khả năng, sức khỏe của mình có thể tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội, vừa tận dụng thời gian nhàn rỗi, vừa có thêm thu nhập, giảm bớt các vấn đề xã hội.

Để người cao tuổi có thể thích ứng được với những công việc ngày càng biến động nhanh và nhiều như hiện nay, cần có những chính sách hỗ trợ về học nghề, tư vấn hỗ trợ việc làm, ưu tiên việc làm... phù hợp với tuổi và sức khỏe. Việc tạo sinh kế và những chính sách hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm trong bối cảnh già hóa dân số sẽ bảo đảm quyền làm việc, đóng góp cho xã hội của người cao tuổi, vừa tận dụng được kinh nghiệm và chất xám của lực lượng lao động đặc biệt này, góp phần bảo đảm mục tiêu an sinh xã hội của đất nước, từng bước thích ứng với bối cảnh già hóa dân số.

Nhìn tổng quát, quá trình già hóa dân số dẫn đến dân số già là quy luật tất yếu của mỗi quốc gia trong quá trình vận động và phát triển. Khi dân số già đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết, đòi hỏi Nhà nước phải có những chính sách chiến lược từ sớm để thích nghi. Tuy nhiên, tình trạng dân số già không có nghĩa hoàn toàn là gánh nặng, khó khăn, mà đây còn là cơ hội lớn cho các ngành kinh tế dịch vụ cho người cao tuổi, nhiều cơ hội kinh doanh phục vụ nhóm người cao tuổi sẽ xuất hiện. Dân số già và nhóm người cao tuổi nên được nhìn nhận là một nguồn lực trong quá trình phát triển của đất nước. Tuy nhiên, để biến những thời cơ, nguồn lực của thời kỳ dân số già thành hiện thực rất cần những dự báo từ sớm, từ xa để có những chính sách phù hợp. Khi những chính sách về dân số được ban hành kịp thời, phù hợp và đầy đủ sẽ tăng khả năng thích nghi với tình trạng dân số già và đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước trong thời gian tới. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2017), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới*, ngày 25/10/2017.
2. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2019), *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019*.
3. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2019), *Văn bản hợp nhất số: 762/VBHN-BLĐTBXH, ngày 28/2/2019, Nghị định quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng Bảo trợ xã hội*.
4. Nguyễn Thanh Bình (2023), *Già hóa dân số nhanh ở Việt Nam và những khuyến nghị chính sách*, <https://nhandan.vn/gia-hoa-dan-so-nhanh-o-viet-nam-va-khuyen-nghi-chinh-sach-post756305.html>

5. Phạm Thị Hải Chuyên (2020), *Một số vấn đề đặt ra khi Việt Nam bước vào giai đoạn già hóa dân số nhanh*, <https://ngaymoionline.com.vn/mot-so-van-de-dat-ra-khi-viet-nam-buoc-vao-giai-doan-gia-hoa-dan-so-nhanh-18586.html>
6. Trịnh Duy Luân (2014), *Một số chiều cạnh của hệ thống chính sách trợ giúp xã hội cho người cao tuổi ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Xã hội học (số3), 77-86
7. Thủ tướng Chính phủ (2019), Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 Phê duyệt Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030.
8. Thủ tướng Chính phủ (2020), Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 Phê duyệt Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030
9. Thủ tướng Chính phủ (2021), Quyết định số 2156/QĐ-TTg ngày 21/12/2021 Quyết định Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021-2030.
10. Hoàng Yến (2021), *Nhìn lại 60 công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình*, <http://tapchimattran.vn/van-hoa-xa-hoi/nhin-lai-60-nam-cong-tac-dan-so-va-ke-hoach-hoa-gia-dinh-42826.html>
11. Một số đặc điểm tình hình dân số nước ta hiện nay, <https://vusta.vn/mot-so-dac-diem-tinh-hinh-dan-so-nuoc-ta-hien-nay-p71737.html>
12. <https://danso.org/viet-nam/>

XU HƯỚNG GIÀ HÓA DÂN SỐ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA GIA ĐÌNH, NHÀ NƯỚC VÀ CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI

TS. NGUYỄN THỊ MAI ANH

Vụ trưởng, Tạp chí Cộng sản

GÌA hóa dân số trong bối cảnh kinh tế tri thức, bối cảnh khoa học, công nghệ phát triển đặt ra nhiều thách thức cũng như cơ hội cho các quốc gia. Một chính sách tổng thể để chuẩn bị cho một xã hội đa số là người cao tuổi với các chính sách phù hợp cho một nền kinh tế bậc, các dịch vụ phục vụ các nhu cầu sinh hoạt hằng ngày, nhu cầu đời sống tinh thần thích hợp với người cao tuổi chính là những cơ sở nền tảng vững chắc để các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh phát triển bền vững.

Để có chính sách phù hợp, trước tiên là phải nhận diện rõ các thách thức, đặc biệt là các tác động của già hóa dân số đến sự phát triển ở các khía cạnh, các tầng mức, từ đó có giải pháp chính sách kịp thời, hiệu quả.

Già hóa dân số tác động đến nền kinh tế - xã hội

Một là, già hóa dân số làm biến đổi cơ cấu xã hội

Trước hết phải xem xét tác động của dân số già đến xã hội, và yếu tố đầu tiên là cơ cấu xã hội. Sự thay đổi trong cấu trúc dân số: Già hóa dân số thường dẫn đến sự biến đổi trong cấu trúc dân số, với tỷ lệ người già tăng lên so với tỷ lệ người trẻ. Theo thống kê, Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO): Người cao tuổi là người từ 70 tuổi trở lên. Một số nước (Đức, Mỹ...) quy định người cao tuổi từ 65 tuổi trở lên. Việt Nam quy định người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên. Theo UNFPA (Quỹ dân số Liên hợp quốc), một nước sẽ bước vào giai đoạn “bắt đầu

già” khi dân số cao tuổi chiếm 10% tổng số dân và giai đoạn “già” khi người cao tuổi chiếm 20% tổng số dân. Đến ngày 1-4-2021, dân số Việt Nam đạt 98,2 triệu người, trong đó có 12,5 triệu người từ 60 tuổi trở lên (12,8%); 8,1 triệu người từ 65 tuổi trở lên (8,3%); gần 2 triệu người từ 80 tuổi trở lên (2%). Dự báo, đến năm 2050, những người từ 60 tuổi trở lên chiếm hơn 25%. Đến năm 2036, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội “già hóa” sang xã hội “già”.

Nhìn về khía cạnh cơ cấu xã hội, tỷ lệ người cao tuổi tăng lên, dẫn đến thay đổi cơ cấu lao động, từ đó dễ dẫn đến thay đổi cơ cấu kinh tế. Lực lượng lao động thay đổi theo hướng giảm số lượng lao động so với tổng số dân, ít người tham gia vào lực lượng lao động, dẫn đến sự giảm đáng kể về nguồn lao động sản xuất có thể gây ra sự suy giảm về sản xuất và ảnh hưởng đến năng suất lao động. Khi cung cấp lao động giảm đi, các doanh nghiệp có thể gặp khó khăn trong việc tìm kiếm đủ nguồn lao động để duy trì và phát triển hoạt động sản xuất, trong khi đó mức độ tiếp thu, ứng dụng khoa học kỹ thuật ở Việt Nam lại chưa phát triển để bù đắp lại thiếu hụt này. Ngay trong những trường hợp, có ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại thì lực lượng lao động cao tuổi cũng gặp phải những khó khăn khi có sự suy giảm về sức khỏe, khả năng vận động và khả năng thích ứng với công nghệ mới. Do đó, ít nhiều đều làm giảm năng suất lao động trung bình, gây ra sự giảm năng suất tổng thể của nền kinh tế.

Nhìn về khía cạnh chính sách xã hội, dân số già làm tăng chi phí chăm sóc sức khỏe và trợ cấp hưu trí; đòi hỏi các chính sách và dịch vụ hỗ trợ sức khỏe và kinh tế, bao gồm trợ cấp hưu trí và dịch vụ y tế dành cho người cao tuổi. Điều này có thể tạo ra áp lực tài chính lớn đối với chính phủ và các tổ chức xã hội. Nhưng mặt khác, điều này có thể ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng xã hội và mô hình kinh doanh phổ biến trong xã hội, ví dụ như tăng nhu cầu về sản phẩm và dịch vụ dành cho người già như dược phẩm, dịch vụ chăm sóc sức khỏe và giải trí..., tạo ra một thị trường sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đầy tiềm năng.

Tóm lại, già hóa dân số có thể ảnh hưởng đến năng suất lao động bằng cách giảm sự cung cấp và năng suất của nguồn lao động, đồng thời tạo ra áp lực tài chính và đòi hỏi các điều chỉnh các chính sách và chiến lược kinh tế phù hợp, trong mô hình kinh doanh và công nghệ để thích ứng với những thách thức và tận dụng những cơ hội trong tình hình dân số già.

Hai là, già hóa dân số làm làm biến đổi cơ cấu của nền kinh tế.

Già hóa dân số có thể dẫn đến sự chậm lại trong tốc độ tăng trưởng kinh tế. Sự suy giảm về nguồn lao động và năng suất thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển công nghệ, bao gồm việc sử dụng tự động hóa, robot hóa và công nghệ thông tin để tăng cường năng suất lao động.

Những cơ hội mới và thách thức: Mặc dù già hóa dân số đặt ra những thách thức, nhưng cũng tạo ra cơ hội mới cho các ngành công nghiệp và dịch vụ dành cho người già, như công nghệ y tế, du lịch y tế, và giáo dục đào tạo cho người cao tuổi.

Cần biến đổi dẫn đến cung biến đổi. Già hóa dân số mang đến những nhu cầu tiêu dùng mới và tất yếu hình thành các mô hình kinh doanh mới để đáp ứng. Cần đổi mới các sản phẩm và dịch vụ dành cho người già gia tăng, như sản phẩm y tế, sản phẩm chăm sóc sức khỏe, dịch vụ chăm sóc tại nhà, dịch vụ du lịch, giải trí và hoạt động xã hội phù hợp với người già...

Do nhu cầu tiêu dùng thay đổi, các doanh nghiệp trong ngành bán lẻ và phân phối có thể phải điều chỉnh mô hình kinh doanh của họ để đáp ứng nhu cầu phù hợp với người già cả về danh mục sản phẩm⁽¹⁾ và cải thiện tiện ích, tạo điều kiện tiếp cận tối đa cho người cao tuổi. Những sản phẩm này không chỉ giúp đáp ứng nhu cầu và yêu cầu của người già mà còn mang lại sự thoải mái, tiện lợi và an toàn cho người cao tuổi trong sinh hoạt hàng ngày.

Già hóa dân số đặt áp lực lớn lên hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe, nhưng cũng tạo ra những cơ hội lớn để phát triển, đa dạng hóa các mô hình chăm sóc sức khỏe của các tổ chức y tế, cơ hội để phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ y tế cho người cao tuổi. Những năm gần đây, chăm sóc sức khỏe đã được xã hội hóa, bên cạnh các cơ sở y tế chỉ thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe tại cơ sở y tế, thì dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà và tăng cường chăm sóc đa lớp đã khá phát triển. Các dịch vụ xã hội liên quan và phục vụ trực tiếp người cao

(1) Sản phẩm chăm sóc sức khỏe: thiết bị đo huyết áp và đường huyết tự động, máy đo nhịp tim, dụng cụ hỗ trợ đi lại như găng tay giảm rung và gối nâng cao, các sản phẩm hỗ trợ ngủ như gối chống trượt,... ; sản phẩm phục vụ sinh hoạt hằng ngày: xe lăn tắm, ghế tắm và vòi sen có thể điều chỉnh, dụng cụ chải răng và rửa mặt tự động, dụng cụ cắt móng tay và móng chân dễ sử dụng, giày dép chống trơn trượt và êm, túi xách hoặc cặp đựng đồ dễ sử dụng và nhẹ, bếp điện từ có nút điều chỉnh lớn, đèn có công tắc bấm dễ sử dụng, các sản phẩm làm sạch tự động hoặc có thể điều khiển từ xa; sản phẩm giải trí và thư giãn: máy đọc sách điện tử, thiết bị nghe nhạc dễ sử dụng, trò chơi điện tử có màn hình lớn và nút bấm lớn, các bộ puzzle và trò chơi giúp rèn não; sản phẩm công nghệ thông tin: điện thoại di động có màn hình lớn và phím bấm dễ nhìn và dễ nhấn, máy tính bảng có hệ điều hành dễ sử dụng, máy tính có bàn phím lớn và phím chức năng dễ sử dụng...

tuổi cũng đang hình thành như các dự án cộng đồng sống chung cho người già, giúp họ sống và chia sẻ các dịch vụ và tiện ích chăm sóc sức khỏe, giúp họ cảm thấy an toàn và được chăm sóc... Những mô hình kinh doanh này không chỉ giúp đáp ứng nhu cầu cụ thể của người già mà còn mang lại cơ hội kinh doanh có lợi nhuận trong một thị trường đang phát triển nhanh chóng.

Nhu cầu được hưởng thụ sau cả quá trình cống hiến, lao động của người cao tuổi đã và đang mở ra cơ hội lớn cho ngành du lịch và giải trí. Không chỉ có thời gian, người cao tuổi còn là đối tượng có nguồn lực tài chính để tham gia vào các hoạt động giải trí và du lịch. Do đó, các doanh nghiệp trong ngành du lịch, giải trí có thể phát triển các chương trình và hoạt động dành riêng, phù hợp với sức khỏe, sở thích cho người cao tuổi. Trong bối cảnh ngành du lịch đã và đang được coi là ngành kinh tế mũi nhọn, có đóng góp ngày càng lớn cho nền kinh tế thì du lịch, giải trí cho đối tượng chiếm đa số trong xã hội có vai trò không nhỏ, và các chính sách phù hợp để kích thích thị trường này phát triển là cần thiết, không chỉ bảo đảm các chính sách mang tính xã hội, chăm lo cho người cao tuổi, còn là cách phù hợp phát triển thị trường, tạo ra các giá trị vật chất đóng góp cho sự phát triển kinh tế.

Tóm lại, già hóa dân số ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng và mô hình kinh doanh bằng cách thúc đẩy nhu cầu cho các sản phẩm và dịch vụ phù hợp với người cao tuổi, điều chỉnh trong ngành bán lẻ và phân phối, tăng cường trong ngành y tế và chăm sóc sức khỏe, và tăng cường trong ngành du lịch và giải trí.

Trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và cộng đồng, xã hội

Già hóa dân số đặt ra nhiều thách thức chính sách. Sự cần thiết ban hành các chính sách không chỉ để đối phó mà quan trọng không kém là để tận dụng cơ hội từ sự biến đổi này.

Trách nhiệm từ phía gia đình

Già hóa dân số đặt ra nhiều thách thức cho gia đình, đặc biệt là đối với các thành viên trong gia đình có trách nhiệm chăm sóc và hỗ trợ người già. Một số thách thức chính được khái quát là: 1- **Áp lực tài chính:** Việc chăm sóc và hỗ trợ người già thường đòi hỏi chi phí cao, từ các chi phí y tế cho đến chi phí dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ hàng ngày. Điều này có thể gây ra áp lực tài chính đối với gia đình, đặc biệt là nếu họ phải chịu trách nhiệm về các chi phí này mà không có nguồn tài chính đủ. 2- **Thời gian và năng lượng:** Chăm sóc người già thường đòi hỏi thời gian và năng lượng đáng kể từ các thành viên trong gia đình. Điều

này có thể ảnh hưởng đến sự cân bằng giữa cuộc sống gia đình và công việc cá nhân của họ, từ đó ảnh hưởng đến thu nhập. 3- *Thách thức về tâm lý và tinh thần*: Các thành viên trong gia đình có thể phải đối mặt với các vấn đề tâm lý và tinh thần liên quan đến việc chăm sóc người già, bao gồm cả cảm giác căng thẳng, lo lắng, và sự kiệt sức tinh thần. 4- *Thay đổi trong mối quan hệ gia đình*: Việc chăm sóc người già có thể tạo ra các thay đổi trong mối quan hệ gia đình. Xu hướng sinh con khi còn trẻ sẽ giúp giảm tải gánh nặng hơn khi ông bà có thể chăm cháu. Nhưng xu hướng sinh con muộn lại dễ dẫn đến tình trạng: bố/mẹ vừa phải chăm con nhỏ vừa phải chăm lo ông bà lớn tuổi. Do đó, có thể là sự tăng cường tình cảm, nhưng cũng có thể là sự căng thẳng và xung đột. Điều này đòi hỏi sự linh hoạt và sự thấu hiểu từ các thành viên trong gia đình. 5- *Thách thức về sự độc lập*: Người già thường mong muốn được độc lập trong cuộc sống hàng ngày. Việc bị phụ thuộc người khác trong chăm sóc bản thân có thể làm cho họ cảm thấy mất đi độc lập, thậm chí rơi vào tình trạng tâm lý bất ổn...

Để đối phó với những thách thức này, gia đình cần có sự hỗ trợ từ cộng đồng, các dịch vụ hỗ trợ, và chính phủ để đảm bảo rằng họ có thể cung cấp cho người già một môi trường sống an toàn, thoải mái và chăm sóc tốt nhất có thể.

Trách nhiệm từ phía Nhà nước và cộng đồng, xã hội.

Già hóa dân số đặt ra nhiều thách thức về an sinh cho Nhà nước. Dưới đây là một số thách thức chính mà Nhà nước phải đối mặt khi dân số già tăng lên:

Một là, thách thức về chi phí chăm sóc sức khỏe.

Dân số già thường đòi hỏi chi phí chăm sóc sức khỏe cao hơn do nhu cầu tăng về dịch vụ y tế và chăm sóc cho người cao tuổi. Nhà nước phải đảm bảo có các khoản đầu tư đủ để duy trì và cải thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe đáp ứng nhu cầu của người già.

Hai là, thách thức về trợ cấp hưu trí và an sinh xã hội: Số người già tăng đồng nghĩa với việc tăng chi phí cho các chương trình trợ cấp hưu trí và an sinh xã hội. Nhà nước cần phải đảm bảo tính bền vững của các khoản trợ cấp này mà không làm ảnh hưởng đến tài chính quốc gia.

Ba là, thách thức về thiếu hụt nguồn lao động: Dân số già có thể dẫn đến thiếu hụt nguồn lao động, ảnh hưởng đến năng suất và tăng chi phí lao động. Nhà nước cần phải thúc đẩy các chính sách và chương trình để tăng cường sự tham gia lao động của người già và hỗ trợ việc duy trì và phát triển lực lượng lao động.

Bốn là, thách thức về hạ tầng và dịch vụ công cộng: Dân số già đặt ra thách thức về hạ tầng và dịch vụ công cộng, bao gồm cả hệ thống giao thông công cộng, cơ sở y tế, và các cơ sở văn hóa và giải trí phù hợp với người già. Nhà nước cần phải đảm bảo rằng các dịch vụ này đáp ứng nhu cầu, phù hợp với người già và làm cho cuộc sống của họ thuận tiện hơn.

Năm là, thách thức về chính sách: Nhà nước cần phải thúc đẩy và thực thi các chính sách để bảo vệ quyền lợi và cải thiện điều kiện sống của người già, bao gồm cả chính sách về bảo vệ xã hội, chăm sóc sức khỏe và trợ cấp hưu trí, các chính sách việc làm, thuế cụ thể,... Trong các chính sách này, chính sách việc làm có vai trò quan trọng và cần chú ý một số vấn đề:

Chính sách đào tạo và tái đào tạo: Cung cấp các chương trình đào tạo và tái đào tạo phù hợp với nhu cầu của người già, giúp họ nâng cao kỹ năng và cơ hội việc làm trong các lĩnh vực mới, như công nghệ thông tin, dịch vụ khách hàng, hoặc giáo dục.

Chính sách khuyến khích việc làm linh hoạt: Tạo điều kiện thuận lợi cho việc làm linh hoạt, bao gồm cả việc cung cấp các chính sách làm việc bán thời gian, làm việc từ xa, hoặc có thời gian nghỉ ngơi linh hoạt để phù hợp với nhu cầu và khả năng của người già.

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp xã hội: Khuyến khích và hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp xã hội hoặc các dự án xã hội có mục tiêu hỗ trợ việc làm cho người già, bằng cách cung cấp tài trợ, khuyến khích đầu tư, hoặc cung cấp hỗ trợ hậu cần.

Chính sách khuyến khích doanh nghiệp thân thiện với người già: Khuyến khích các doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyển dụng và duy trì người lao động già, bằng cách cung cấp các chính sách như bảo hiểm y tế đặc biệt, chính sách nghỉ hưu linh hoạt, hoặc các chương trình phát triển nghề nghiệp dành cho người già.

Chính sách giảm thuế cho người già và các cơ sở, doanh nghiệp có sử dụng lao động cao tuổi: Áp dụng các chính sách thuế giảm nhẹ hoặc miễn thuế đặc biệt cho người già, đặc biệt là đối với thu nhập từ việc làm bán thời gian hoặc việc làm từ xa để khuyến khích việc làm và tăng thu nhập cho người già. Áp dụng các chính sách thuế đặc biệt hoặc miễn thuế cho các doanh nghiệp xã hội hoặc các dự án xã hội có mục tiêu hỗ trợ người già, để khuyến khích các hoạt

động kinh doanh liên quan đến người già và cộng đồng. Áp dụng giảm thuế cho doanh nghiệp thân thiện với người già, doanh nghiệp tuyển dụng và duy trì người lao động cao tuổi,...

Sáu là, thách thức về tâm lý và xã hội: Già hóa dân số tức là đa số người dân có thể đối mặt với các vấn đề tâm lý và xã hội, bao gồm cả cảm giác cô đơn, cô lập và mất mát tinh thần. Nhà nước cần phải đảm bảo rằng có các chương trình và dịch vụ hỗ trợ phù hợp để giúp người già vượt qua những thách thức này.

Đối mặt với những thách thức này, Nhà nước cần có các chính sách linh hoạt và chiến lược đa chiều để đảm bảo an sinh và chất lượng cuộc sống tốt nhất cho người già trong xã hội.

Bảy là, thách thức về bảo vệ người cao tuổi không bị đối xử bất công. Một số chính sách và biện pháp gợi mở là:

Thúc đẩy và thực thi luật pháp chống phân biệt đối xử dựa trên tuổi tác: đảm bảo rằng người già được bảo vệ khỏi mọi hình thức kỳ thị và phân biệt đối xử trong các lĩnh vực như việc làm, giáo dục, y tế và xã hội,...

Chính sách bảo vệ quyền lợi: Thiết lập các chính sách bảo vệ quyền lợi của người già, bao gồm quyền lợi về việc làm, tiền lương công bằng, trợ cấp hưu trí, dịch vụ y tế và các dịch vụ cần thiết khác.

Chính sách tạo cơ hội công bằng: Xây dựng các chính sách để tạo ra cơ hội công bằng cho người già tham gia vào các hoạt động kinh tế và xã hội, bao gồm cả việc tăng cường cơ hội việc làm, giáo dục, đào tạo và tham gia cộng đồng.

Chính sách giáo dục và tuyên truyền: Tổ chức các chương trình giáo dục và tuyên truyền nhằm tăng cường nhận thức về quyền lợi và đóng góp của người già vào xã hội, và khuyến khích sự tôn trọng và đối xử công bằng đối với họ.

Chính sách kiểm soát và giám sát: Thực hiện các chính sách và biện pháp kiểm soát và giám sát để đảm bảo tuân thủ luật pháp và chính sách liên quan đến việc đối xử với người già, và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm.

Thực hiện những chính sách này, chính phủ có thể bảo vệ quyền lợi và tôn trọng đối với người cao tuổi, đồng thời đảm bảo rằng họ có một môi trường sống công bằng và tôn trọng trong xã hội, bảo đảm để người cao tuổi có nhu cầu làm việc vẫn được cống hiến công sức, trí tuệ cho gia đình, cộng đồng và xã hội.□

KIẾN TẠO MÔ HÌNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG PHÁT TRIỂN CƠ SỞ CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI ĐỂ THÍCH ỨNG VỚI XU HƯỚNG GIÀ HÓA DÂN SỐ NHANH Ở VIỆT NAM

PGS, TS. NGUYỄN ĐỨC CHIẾN

Tổng Biên tập Tạp chí Xã hội học

TRINH PHƯƠNG THẢO

Đại học Sư phạm Hà Nội

VŨ THỊ MINH THU

NCS, Bệnh viện Việt - Tiệp Hải Phòng

1. Đặt vấn đề

Đến năm 2036, Việt Nam được dự báo sẽ sớm bước vào thời kỳ già hóa dân số với tốc độ già hóa thuộc hàng nhanh nhất trên thế giới. Việt Nam sẽ phải đối mặt với nhiều vấn đề do nhóm người cao tuổi (NCT) ở Việt Nam không chỉ tăng nhanh về số lượng mà còn gặp phải nhiều vấn đề sức khỏe, suy giảm chức năng, khuyết tật cần được chăm sóc đặc biệt. Dự báo đến năm 2036, Việt Nam sẽ bước vào thời kỳ già hóa dân số với tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên vượt 14%; đến năm 2056, Việt Nam sẽ trở thành quốc gia có cơ cấu dân số siêu già (Tổng cục Thống kê, 2020).

Nhóm NCT ở Việt Nam hiện nay cũng phải đối mặt với nhiều vấn đề như: các vấn đề sức khỏe lão khoa, tỷ lệ mắc các bệnh mãn tính, tỷ lệ NCT sống một mình hoặc chỉ có hai vợ chồng có xu hướng tăng lên... Những vấn đề trên càng trở nên nghiêm trọng hơn với nhóm NCT từ 80 tuổi trở lên do tỷ lệ gặp khó khăn, thậm chí không thể tự chăm sóc càng lớn. Bởi vậy, nhu cầu của NCT ở Việt Nam hiện nay vừa bao gồm các nhu cầu xã hội cũng như những nhu cầu

chăm sóc sức khỏe để bảo đảm già hóa khỏe mạnh - quan điểm của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) về già hóa định hướng cho xã hội thích ứng với già hóa hiện nay (VNCA & UNFPA, 2019).

Nhận thức được tình hình này, Chính phủ đã có những chính sách bước đầu đáp ứng nhu cầu của NCT, tạo điều kiện thiết lập hệ thống an sinh đa tầng, bao phủ và đáp ứng nhu cầu đa dạng của toàn bộ nhóm dân số cao tuổi trong một xã hội đang già hóa nhanh chóng. Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là đơn vị quản lý nhà nước nhằm phát triển hệ thống các cơ sở chăm sóc phù hợp, bảo đảm khả năng chi trả và khả năng tiếp cận cho nhóm dân số cao tuổi. Tuy nhiên, quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hiện nay tập trung vào quản lý hành chính mà chưa tập trung vào quản lý chất lượng dịch vụ cung ứng cho NCT. Để bảo đảm quản lý chất lượng dịch vụ toàn diện cho NCT tại các cơ sở chăm sóc, cần thiết phải kiến tạo mô hình quản lý nhà nước có sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành lao động - thương binh và xã hội và ngành y tế cũng như các bên liên quan khác trong việc cấp phép, quản lý dịch vụ đối với các cơ sở này.

Dựa vào nguồn tài liệu thứ cấp và kết quả nghiên cứu định tính tại Hà Nội, bài viết tập trung phân tích nhu cầu của NCT và thực trạng việc quản lý nhà nước đối với các dịch vụ chăm sóc NCT, từ đó đưa ra các đề xuất cơ chế phối hợp liên ngành trong việc cấp phép dịch vụ, quản lý vận hành các cơ sở chăm sóc NCT qua góc nhìn của các bên liên quan tại thành phố Hà Nội - một trong hai khu vực có số lượng cơ sở trợ giúp xã hội (TGXH) chăm sóc NCT lớn nhất cả nước, thích ứng với xu hướng già hóa dân số nhanh.

2. Vai trò quản lý nhà nước trong việc phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi

Các chính sách liên quan tới việc chăm sóc NCT đã được Đảng và nhà nước quan tâm từ rất sớm trong Hiến pháp của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Gần nhất năm 2013, Hiến pháp (Quốc hội, 2013) đã quy định rõ vai trò của Nhà nước là tạo ra bình đẳng trong thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội và có chính sách trợ giúp NCT (Khoản 2, Điều 59 Hiến pháp 2013).

Trong một loạt những định hướng tác động trực tiếp tới đối tượng NCT, để xây dựng một hệ thống an sinh xã hội thích ứng với già hóa dân số phù hợp với bối cảnh Việt Nam và quốc tế, Chính phủ đã có quan điểm khuyến khích các cơ

sở chăm sóc NCT từ Quyết định số 1781/QĐ-TTg và Quyết định số 2156/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2012 - 2020 và 2021 - 2030; Quyết định số 488/QĐ-TTg (ngày 14-4-2017) về việc phát triển cơ sở TGXH chăm sóc NCT trong định hướng đổi mới, phát triển TGXH giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến 2030. Bên cạnh đó, các văn bản khác, bao gồm Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở TGXH giai đoạn 2016 - 2025; Quyết định số 1520/QĐ-LĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về phê duyệt quy hoạch mạng lưới các cơ sở TGXH giai đoạn 2016 - 2025. Gần đây nhất, Quyết định số 542/QĐ-TTg do Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 20-4-2020 đã phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở TGXH thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đều thể hiện rất rõ những quan điểm và định hướng rõ ràng của Chính phủ trong việc quản lý và phát triển các cơ sở TGXH chăm sóc NCT.

Theo Quyết định số 488/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”, Chính phủ xác định mục tiêu phát triển 64 cơ sở TGXH chăm sóc NCT trên phạm vi cả nước đến năm 2025. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được giao chịu trách nhiệm chính trong việc triển khai thực hiện mục tiêu này. Đồng thời, Bộ cũng ban hành các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, nhân sự, quy trình vận hành để quản lý hoạt động của các cơ sở chăm sóc NCT.

Các văn bản chính sách cũng thể hiện quan điểm khuyến khích xã hội hóa nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào hệ thống cơ sở TGXH chăm sóc NCT và có các chính sách ưu đãi về hỗ trợ đầu tư, giao/cho thuê đất, cho thuê/xây dựng cơ sở vật chất cho cơ sở TGXH, miễn/giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước, ưu đãi về tín dụng và huy động vốn, miễn giảm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế đất, giá điện, nước ưu đãi cho cơ sở TGXH, TGXH cho đối tượng bảo trợ.

Việc khuyến khích các cơ sở chăm sóc NCT thực hiện đầu tư hạ tầng, xây dựng hoặc sử dụng quỹ nhà, kết cấu hạ tầng hiện có để xã hội hóa thuê cơ sở trong khoảng thời gian nhất định và được hưởng quyền lợi tương ứng cũng được Nhà nước quan tâm. Các cơ sở có thể được cho thuê đất hoàn thành giải phóng mặt bằng mà không phải trả tiền thuê đất. Cơ sở ở đô thị có thể được miễn giảm thuế theo khu vực, lĩnh vực. Nhà nước hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị để đáp ứng tiêu chuẩn chăm sóc theo quy định và ưu tiên hỗ trợ mua sắm

trang thiết bị cần thiết. Các cơ sở cũng được hỗ trợ tài chính, vay vốn, huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau để tăng cường chất lượng dịch vụ và cơ sở vật chất. Ngoài ra, cơ sở chăm sóc NCT còn có quyền tham gia cung cấp các dịch vụ tài trợ bởi nhà nước, đặt hàng và tham gia hợp đồng dự án phù hợp với chức năng của họ.

Việc quản lý, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cũng được Nhà nước quan tâm thông qua việc quy định rõ việc quản lý nguồn nhân lực trong lĩnh vực chăm sóc người NCT, đặc biệt về tiêu chuẩn định mức và chức danh nghề nghiệp cho nhân viên công tác xã hội và điều dưỡng. Có chính sách đào tạo và đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ TGXH, bao gồm học vừa làm với các trình độ từ sơ cấp đến đại học, cũng như kỹ năng chăm sóc và phục hồi chức năng cho đối tượng. Mã ngành đào tạo cho các lĩnh vực này đã được triển khai và khuyến khích xây dựng chương trình giáo trình thạc sỹ, tiến sỹ phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.

3. Những thách thức trong việc quản lý nhà nước đối với các cơ sở chăm sóc người cao tuổi

Có thể thấy, các chính sách quản lý nhà nước đang cải tiến và tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về khu vực cơ sở chăm sóc NCT công lập và ngoài công lập. Tuy nhiên, các chính sách hiện nay vẫn còn nhiều khoảng trống. Những khó khăn thách thức đó bao gồm:

Việc quản lý nhà nước hiện nay đối với các cơ sở còn thiếu tính chiến lược. Nhận định về tính thiếu sự chiến lược được đưa ra do các chuyên gia nghiên cứu chính sách bởi khi so sánh với mô hình chăm sóc NCT tại các quốc gia khác, các chuyên gia nhận thấy quan điểm cụ thể của chính phủ các nước khi muốn phát triển mô hình chăm sóc NCT tập trung tại cơ sở TGXH cần đáp ứng tỷ lệ khoảng 3 - 5% dân số cao tuổi tại Trung Quốc (Dewen Wang, 2018), và con số khoảng 4 - 6% tại Hoa Kỳ (Lehning & Austin, 2010). Trong khi đó, việc phát triển hệ thống cơ sở TGXH ngoài công lập ở Việt Nam hiện nay chưa thể hiện rõ quan điểm phát triển dựa trên các đặc điểm NCT đặc thù ở Việt Nam.

Việc quản lý nhà nước hiện nay đối với các cơ sở mang tính hành chính nhà nước theo kiểu cào bằng đối tượng được ưu đãi phát triển để gia tăng về tính sẵn có của dịch vụ cho NCT. Các chính sách quản lý hành chính, ưu đãi và đào tạo nhân lực của nhà nước hiện nay chưa thể hiện rõ quan điểm phát triển cơ sở chăm sóc dựa việc khuyến khích các chủ thể cung cấp dịch vụ chăm sóc NCT bao

gồm: từ thiện, tôn giáo, tư nhân phi lợi nhuận, doanh nghiệp xã hội. Hiện nay, ước tính, mức chi phí trung bình đối với một NCT khỏe mạnh không cần sự hỗ trợ về y tế đặc biệt vào một cơ sở TGXH ngoài công lập tại Hà Nội có mức thấp nhất là 5 triệu đồng. Mức phí cho NCT sống tại các cơ sở ngoài công lập dao động từ 5 - 40 triệu/tháng (UNFPA, 2021). Đây là mức phí cao so với mức thu nhập trung bình của NCT và hộ gia đình NCT tại Hà Nội. Nhưng, những cơ sở tư nhân này vẫn nhận được các chính sách ưu đãi của nhà nước, điều này cho thấy bản thân các chính sách chưa xác định được chính xác các đối tượng cần được ưu tiên để cùng chung tay xây dựng hệ thống an sinh xã hội cho NCT ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, tác giả Jane Chan (2002) trong nghiên cứu về dịch vụ chăm sóc NCT tại cơ sở ở Mỹ và Trung Quốc, rút ra kết luận các dịch vụ viện dưỡng lão nên được cung cấp bởi các công ty nhà nước hoặc các công ty phi lợi nhuận. Đồng quan điểm, trong bài báo của mình, hai tác giả Hinton and Chen (2016), đã trích lại ý kiến của tác giả Kuan Khun Eng, dựa trên nghiên cứu thực địa về vai trò của nhà nước Singapore và các tổ chức Phật giáo trong việc cung cấp dịch vụ chăm sóc NCT. Tác giả cho rằng, các tổ chức xã hội có lịch sử lâu dài trong việc cung cấp các dịch vụ phúc lợi tự nguyện cho cộng đồng là một cơ hội quan trọng để mở rộng và củng cố hệ thống phúc lợi xã hội lấy nhà nước làm trung tâm. Tác giả cũng cho rằng, nhà nước cần khuyến khích sự tham gia của tổ chức tôn giáo thông qua chính sách tài khóa và chính sách phụ trợ, hoặc có thể tích hợp hiệu quả các tổ chức phúc lợi tự nguyện tôn giáo vào hệ thống phúc lợi của nhà nước.

Việc quản lý các cơ sở chăm sóc mang tính hành chính mà chưa quản lý chất lượng dịch vụ cung cấp cho đối tượng NCT. Các khách thể nghiên cứu bao gồm các chuyên gia và số ít các chủ cơ sở nhận thấy vướng mắc về việc chăm sóc NCT cần chăm sóc y tế nhưng hiện nay các cơ sở chỉ được cấp phép bởi sở/phòng lao động - thương binh và xã hội và ghi rõ trong giấy phép hoạt động là không bao gồm khám, chữa bệnh (can thiệp y tế). Sự thiếu phối hợp quản lý giữa lao động - thương binh và xã hội và y tế khiến các cơ sở khó khăn trong quá trình vận hành cung cấp dịch vụ chăm sóc. Người cao tuổi trong các cơ sở chăm sóc dài hạn đa phần cần sự chăm sóc cả về dinh dưỡng, tinh thần, can thiệp y tế. Tuy nhiên, theo giấy phép được ngành lao động - thương binh và xã hội cấp, các cơ sở chỉ được cung cấp dịch vụ nuôi dưỡng mà không được phép can thiệp y tế. Mặc dù trong các văn bản chính sách có đề cập rõ cơ quan chủ quản, các đơn vị chịu trách nhiệm phối hợp triển khai. Trong đó, ngành lao động - thương binh và xã hội là cơ quan chủ quản, sở y tế cần phối hợp. Song, không có cơ chế phối

hợp cụ thể, nhất là việc đóng góp nguồn lực, cũng như cơ chế giám sát, đánh giá và giải trình trách nhiệm trong việc cấp phép, quản lý, và giám sát các cơ sở chăm sóc NCT bao gồm cả công lập và ngoài công lập. Điều này xuất phát từ thực tế trong các hoạt động chăm sóc cho NCT, chăm sóc y tế chiếm tới 70 - 80% các dịch vụ chăm sóc nói chung. Việc chăm sóc về mặt y tế tỉ lệ thuận với độ tuổi của NCT. Ngoài ra, các cơ sở chăm sóc NCT thường là nơi thực hiện các hoạt động chăm sóc nối dài sau khi bệnh nhân (NCT) ra viện. Hoặc thậm chí là nơi thực hiện các hoạt động chăm sóc cuối đời cho NCT (Bộ Y tế và nhóm đối tác y tế, 2018). Hiện nay, tại các cơ sở này đều có các cán bộ thực hiện việc chăm sóc y tế cho NCT (bao gồm có y sĩ và y tá), tuy nhiên các cán bộ này không được hưởng các chính sách hỗ trợ liên quan tới việc đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn giống như các cán bộ xã hội khác tại cơ sở. Do đó, việc chăm sóc về mặt y tế cho các đối tượng nói chung và NCT nói riêng còn nhiều hạn chế. Ngay cả các cơ sở TGXH công lập do chỉ có ngành lao động - thương binh và xã hội quản lý, nên khi đào tạo bồi dưỡng cán bộ chỉ tập trung đào tạo bồi dưỡng về công tác xã hội, sức khỏe tâm thần chứ không được đào tạo về y tế.

Điều này đặt ra vấn đề về việc cần phân cấp các cơ sở chăm sóc NCT thành các cấp khác nhau dựa theo mức độ can thiệp y tế để bảo đảm quản lý chất lượng các cơ sở đáp ứng toàn diện nhu cầu của NCT.

Việc quản lý nhà nước hiện tại coi cơ sở chăm sóc NCT là một cá thể độc lập, chưa có chính sách quản lý khuyến khích sự kết nối với hệ thống cộng đồng, gia đình. Mục 2, Luật Người cao tuổi ghi rõ trách nhiệm chăm sóc sức khỏe NCT. Tuy nhiên, việc chăm sóc sức khỏe NCT hiện nay được Bộ Y tế trực tiếp quản lý. Việc chăm sóc sức khỏe NCT dưới quan điểm quản lý nhà nước được Bộ Y tế phụ trách quản lý ở hai khía cạnh: (1) Khám bệnh, chữa bệnh tại các bệnh viện, khoa lão khoa và (2) Chăm sóc sức khỏe ban đầu tại nơi cư trú bao gồm trạm y tế xã, phường, thị trấn. Điều này đặt ra khoảng trống trong việc chăm sóc sức khỏe cho NCT tại các cơ sở TGXH hiện nay.

Trong khi đó, quan điểm của nhà nước khuyến khích sự tham gia của cộng đồng và gia đình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng NCT. Điều này đặt ra vấn đề làm thế nào để cộng đồng và gia đình có thể chăm sóc cả nhu cầu tinh thần, xã hội và nhu cầu sức khỏe cho NCT và tránh tình trạng quá tải ở các cơ sở chăm sóc sức khỏe như phòng khám, bệnh viện,... tuyến trên. Nhất là khi tỷ lệ NCT thuộc nhóm đại lão có nhu cầu chăm sóc chính thức trong các cơ sở để nhận sự hỗ trợ y tế cao hơn các nhóm khác.

Nghiên cứu “Các chính sách quốc gia về già hóa và chăm sóc dài hạn tại khu vực châu Á Thái Bình Dương: Vấn đề và thách thức” của hai tác giả Phillips and Chan (2002) tập trung vào các chính sách quốc gia về già hóa dân số và CSDH ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Nghiên cứu này phân tích các chính sách và kết cấu hạ tầng chăm sóc dài hạn ở nhiều quốc gia trong khu vực, bao gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Úc và Trung Quốc, tập trung vào các khía cạnh như chính sách xã hội, hệ thống chăm sóc y tế và chăm sóc cộng đồng, kết hợp với các vấn đề về tài chính và nguồn nhân lực trong chăm sóc dài hạn cho NCT. Nghiên cứu nhận diện một số thách thức chính trong khu vực, bao gồm sự già hóa dân số nhanh chóng, nhu cầu ngày càng tăng về chăm sóc NCT và sự thiếu hụt nguồn lực trong lực lượng lao động chăm sóc. Từ đó, các chính phủ sở tại đã có những chính sách phát triển hệ thống chăm sóc cho NCT khác nhau. Cụ thể tại Nhật Bản, chính phủ xây dựng một hệ thống chăm sóc đa tầng, bao gồm chăm sóc gia đình, chăm sóc cộng đồng và viện dưỡng lão. Tại Hàn Quốc, chính phủ đã triển khai nhiều chương trình hỗ trợ viện dưỡng lão và chăm sóc NCT, bao gồm hỗ trợ tài chính và chăm sóc tại nhà. Tại Singapore, chính phủ đã đầu tư mạnh vào các dự án chăm sóc NCT, tăng cường chăm sóc tại nhà và phát triển các khu nhà dưỡng lão.

Thay vì việc các cơ sở chăm sóc NCT hiện nay chỉ được phép chăm sóc xã hội, nếu được phép can thiệp y tế, có thể sử dụng các cơ sở chăm sóc NCT trở thành một mắt lưới quan trọng trong việc hỗ trợ gia đình và cộng đồng chăm sóc sức khỏe cho NCT tại chỗ giống như mô hình mà Trung Quốc đang áp dụng rất thành công tại tỉnh An Huy.

4. Thảo luận và khuyến nghị

Thực trạng cho thấy các cơ sở chăm sóc NCT còn thiếu về số lượng và chất lượng dịch vụ cũng như chưa đáp ứng đủ nhu cầu đa dạng của NCT. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do chính sách quản lý nhà nước hiện hành còn nhiều bất cập, thiếu tính chiến lược và chưa đủ mạnh mẽ để thúc đẩy sự phát triển của các cơ sở.

Một trong những vấn đề then chốt là sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước còn hạn chế, đặc biệt là giữa ngành lao động - thương binh và xã hội và ngành y tế. Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì quản lý các cơ sở chăm sóc NCT. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhu cầu chăm sóc y tế chiếm tỷ trọng lớn trong các dịch vụ chăm sóc NCT. Vì vậy, cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa hai ngành trong việc cấp phép thành lập và quy định

các tiêu chuẩn hoạt động đối với các cơ sở chăm sóc NCT, trong đó có các tiêu chí về khả năng đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe, điều trị bệnh cho NCT; Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn quốc gia về chất lượng dịch vụ chăm sóc NCT, trong đó bao gồm cả yếu tố chăm sóc sức khỏe, điều trị bệnh; tăng cường giám sát, thanh tra việc tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của các cơ sở chăm sóc NCT; xây dựng chương trình đào tạo và tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên y tế làm việc tại các cơ sở chăm sóc NCT.

Dựa trên các vấn đề đã nêu, trước xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam nhất là ở các thành phố lớn - nơi có nhiều khu đô thị, công nghiệp và phát triển mạnh cơ sở chăm sóc người cao tuổi, một số khuyến nghị sau đây được đề xuất:

1) Xây dựng chiến lược/kế hoạch quốc gia về phát triển hệ thống cơ sở chăm sóc NCT, trong đó phân định rõ vai trò của các bộ, ngành liên quan.

2) Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ, rõ ràng giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế trong việc quản lý các cơ sở chăm sóc NCT.

3) Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về chất lượng dịch vụ chăm sóc NCT, trong đó có các tiêu chí về chăm sóc y tế.

4) Tăng cường thanh tra, giám sát việc tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ tại các cơ sở.

5) Xây dựng cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức phi lợi nhuận tham gia cung cấp dịch vụ chăm sóc NCT.

Những cải thiện về chính sách quản lý nhà nước nói chung, và tăng cường phối hợp liên ngành nói riêng sẽ góp phần thúc đẩy hiệu quả hơn sự phát triển các cơ sở chăm sóc NCT, đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng tăng cao của NCT trong bối cảnh già hóa dân số tại Việt Nam.□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế và nhóm đối tác y tế. (2018). *Báo cáo chung tổng quan ngành Y tế năm 2016 - Hướng tới mục tiêu già hóa khỏe mạnh ở Việt Nam*. Retrieved from Nxb. Y học

2. Chan, J. P. (2002). *From elderly care institutions to long-term care policy: Evolution of nursing homes in the United States and China*. (Ph.D.). American University, Ann Arbor. Retrieved from <https://www.proquest.com/dissertations->

theses/elderly-care-institutions-long-term-policy/docview/304805588/se-2?accountid=135225 ProQuest Central database. (3048280)

3. Dewen Wang. (2018). Policy Framework, Strategy, and Institutional Arrangements. In E. G. a. Feng (Ed.), *Options for Aged Care in China* World Bank Group

4. Hinton, L., & Chen, H. (2016). Introduction to the Special Section: “Eldercare in Asia: a Call for Policy Development Beyond Traditional Family Care”. *Ageing International*, 41(4), 331-334. doi:10.1007/s12126-016-9273-3

5. Lehning, A. J., & Austin, M. J. (2010). Long-term care in the United States: policy themes and promising practices. *J Gerontol Soc Work*, 53(1), 43-63. doi:10.1080/01634370903361979

6. Phạm Anh Tùng, Nguyễn Thị Châu Anh, Nguyễn Thị Thu, & Tạ Quang Huy. (2020). Một số vấn đề sức khỏe thường gặp ở NCT thành phố Hà Nội năm 2019. *Tạp chí Y học Dự phòng*, 30(7), 140 - 146

7. Phillips, D., & Chan, A. (2002). National Policies on Ageing and Long-term Care in the Asia-Pacific: Issues and Challenges: National Policies in the Asia-Pacific. In (pp. 1-22)

8. Quốc hội. (2013). *Hiến pháp năm 2013*. Hà Nội

9. Sở LĐTĐ&XH Hà Nội. (2020). *Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hành động quốc gia về NCT giai đoạn 2012 - 2020*. Retrieved from UBND Thành phố Hà Nội

10. Sở LĐTĐ&XH Hà Nội. (2022). *Báo cáo tình hình thực hiện chính sách xã hội hóa, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư, xây dựng cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập chăm sóc NCT và người khuyết tật trên địa bàn thành phố Hà Nội*. Hà Nội

11. Sở LĐTĐ&XH Hà Nội. (2022). *Tổng hợp và rà soát số liệu NCT năm 2022*

12. Tổng cục Thống kê. (2020). *Dự báo dân số Việt Nam giai đoạn 2019 - 2069* Hà Nội

13. UNFPA. (2021). *Thị trường các sản phẩm, dịch vụ chăm sóc NCT tại Việt Nam*. Retrieved from TP Hồ Chí Minh

14. VNCA & UNFPA. (2019). *Towards a comprehensive national policy for an ageing in Vietnam*. Retrieved from Hanoi: VNCA & UNFPA

QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM

TS. PHẠM VĂN PHONG

Tạp chí Cộng sản

Quản trị nguồn nhân lực - Điểm mấu chốt trong công tác quản lý, khai thác sức mạnh nguồn lực con người

Quản trị nguồn nhân lực là thuật ngữ được sử dụng rất phổ biến trong bối cảnh hiện nay với đối tượng đặc thù là con người. Để hiểu rõ về quản trị nguồn nhân lực, trước hết cần cần nắm nội hàm của nguồn nhân lực. Nguồn nhân lực về cơ bản được hiểu là toàn bộ các cá nhân đang trong độ tuổi lao động, những người này có khả năng tham gia lao động của một quốc gia, được đánh giá qua các phương diện bao gồm thể lực, trí lực và tài lực. Đại hội XIII của Đảng khẳng định tầm quan trọng của nguồn nhân lực, như một giải pháp mang tính đột phá đối với sự phát triển của đất nước: “Bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ”⁽¹⁾.

Hình 1: Những khía cạnh quan trọng có liên quan đến nguồn nhân lực(2)



(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021, t. I, tr. 110

(2) Đồ họa ảnh tham khảo từ nguồn Học Quản trị nhân lực - Cơ hội “vàng” cho người biết thấu hiểu, <https://donga.edu.vn/tuyensinh/ts-chi-tiet/hoc-quan-tri-nhan-luc---co-hoi-vang-cho-nguoi-biet-thau-hieu-28405>

Quản trị nguồn nhân lực ra đời xuất phát từ chính thực tiễn yêu cầu đặt ra của bối cảnh mới. Từ cuối những năm 1970, sự phát triển của quá trình sản xuất công nghiệp thay thế nông nghiệp truyền thống cũng như quá trình cạnh tranh trong tuyển dụng và sử dụng nhân viên, nhất là những người lao động có chất lượng cao đặt ra vấn đề đối với các doanh nghiệp, tổ chức không còn đơn thuần là vấn đề quản trị hành chính nhân viên mà cần thiết để bố trí nhân sự, đúng người, đúng việc, quản trị rủi ro và thiết lập tầm nhìn tương lai của doanh nghiệp⁽³⁾. Nguồn nhân lực không chỉ là một mảnh ghép, mắt xích trong quá trình sản xuất, kinh doanh mà quan trọng hơn, họ là nguồn tài sản quý báu của tổ chức, doanh nghiệp. Kể từ đó, quản trị nguồn nhân lực được phát triển như một ngành, lĩnh vực trực tiếp phục vụ cho sự phát triển của các cơ quan, tổ chức, không phân biệt là doanh nghiệp tư nhân hay cơ quan công quyền.

Với một nền kinh tế còn đang phát triển mạnh mẽ như ở Việt Nam, các doanh nghiệp trẻ, doanh nghiệp khởi nghiệp và cả những doanh nghiệp có thâm niên hoạt động hay các cơ quan công quyền cũng đã và đang có những chính sách quản trị nguồn nhân lực nhất định. Quản trị nguồn nhân lực được coi là điểm mấu chốt trong công tác quản lý và khai thác sức mạnh nguồn lực con người. Quản trị nguồn nhân lực thực tế có đóng góp vào sự phát triển bền vững của tổ chức, doanh nghiệp; bảo đảm doanh nghiệp, tổ chức đó có đủ con người có chất lượng và khả năng hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu đề ra. Việc đầu tư có bài bản, chiến lược còn có thể tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh giúp tổ chức phát triển; xây dựng vị thế, văn hóa công ty, doanh nghiệp, tổ chức chuyên nghiệp, hiện đại giúp nhân viên tự hào là nhân viên của công ty A, doanh nghiệp B, tổ chức C, qua đó góp phần thu hút nhân sự ứng tuyển, tạo lập nguồn nhân lực dự trữ lớn, giảm tỉ lệ nghỉ việc, “chảy máu chất xám”; không bị động trước những “khoảng trống” nhân sự hay sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp, tổ chức có cùng ngành, lĩnh vực hoạt động.

Quản trị nguồn nhân lực thực tế thường tập trung vào 3 chức năng chính:

- Thu hút nguồn nhân lực: Nếu coi doanh nghiệp là một bộ khung, thì để vận hành bộ khung đó trở thành cỗ máy sẽ cần chi tiết cụ thể, khớp nối chuyển động. Bộ phận trung gian nhưng đóng vai trò quan trọng này chính là nhân sự vận hành công ty, doanh nghiệp. Quản trị nguồn nhân lực trước hết tập trung làm rõ câu trả lời về việc công ty, doanh nghiệp, tổ chức cần nhân lực như thế nào để hoạch định, phân tích, mô tả chi tiết công việc của từng phòng ban, sau

(3) PGS, TS Trần Kim Dung: *Quản trị nguồn nhân lực*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr.7

đó tuyển dụng những cá nhân phù hợp. Đây là bước cơ bản, chức năng nền tảng của quản trị nguồn nhân lực, nó thể hiện tính dự báo, tầm nhìn và khả năng hoạch định chủ động của người đứng đầu.

- Đào tạo và phát triển nhân lực: Sau khi thu hút và tuyển dụng được nhân sự phù hợp; các doanh nghiệp, tổ chức cần tiến hành đào tạo nhằm bảo đảm nhân lực thực hiện tốt công việc. Tuy nhiên, tính tối ưu của quản trị nguồn nhân lực khác so với quản lý nhân sự truyền thống là việc thiết kế đào tạo bài bản. Đơn cử, đối với nhân sự bắt đầu làm việc sẽ được đào tạo về văn hóa tổ chức, về những vấn đề ứng xử hoặc hành vi trong môi trường công sở,... trước khi đi sâu vào vấn đề chuyên môn. Phát triển nhân lực được các công ty, doanh nghiệp, tổ chức tập trung vào định hướng nghề nghiệp, dựa trên sự phân tích ưu, nhược điểm, điểm mạnh, yếu của từng cá nhân để bố trí và có lộ trình thăng tiến phù hợp. Trong bối cảnh mới hiện nay, chúng ta đi làm, đến công sở không chỉ còn duy nhất mục tiêu là kiếm tiền mà hơn thế, đại đa số người lao động đều muốn làm việc trong điều kiện tốt, trong môi trường lành mạnh, có cơ hội thể hiện và phát triển bản thân. Đào tạo và phát triển nhân lực cũng là chức năng có tính chất dự phòng cho tương lai bởi các doanh nghiệp thường có di biến động nhân sự lớn; cần không ngừng bồi dưỡng đội ngũ nhân sự có tính kế thừa.

- Duy trì nguồn nhân lực: Quan hệ lao động là vấn đề có tính phức tạp vì liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người lao động. Do vậy, quản trị nguồn nhân lực cũng đi sâu phân tích và đưa ra những giải pháp đánh giá kết quả công việc thực chất, chính xác; phương pháp trả công xứng đáng; và những vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách khác như bảo hiểm, phụ cấp độc hại, thai sản, các hoạt động thực tế, trải nghiệm để gắn kết...

Già hóa dân số ở Việt Nam - Thách thức và cơ hội đối với nền kinh tế - xã hội

Con người hiện đại có tuổi thọ cao hơn nhờ sự tiến bộ của khoa học, đặc biệt là sự hỗ trợ của công nghệ y tế, chăm sóc sức khỏe. Tuy nhiên, thành tựu này cũng đặt ra những thách thức nhất định. Một trong những thách thức mà thế giới sẽ phải đối mặt trong những thập niên tới chính là sự già hóa dân số. Châu Á là một trong số những khu vực cơ cấu dân số già đi nhanh hơn. Và Việt Nam, theo nhiều thống kê, là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới (theo Luật Người cao tuổi 2009, người cao tuổi Việt Nam là công dân từ đủ 60 tuổi trở lên). Tốc độ gia tăng của tỷ trọng dân số 60 tuổi trở lên của dân số Việt Nam ngày một nhanh. Nếu như trong 10 năm từ 1999 đến

2009, tỷ trọng dân số từ 60 tuổi trở lên chỉ tăng được 0,58 điểm phần trăm (từ 8,10% lên 8,68%), trong 10 năm tiếp theo (2009 - 2019), tỷ trọng này đã tăng 3,18 điểm phần trăm (từ 8,68% lên 11,86%).

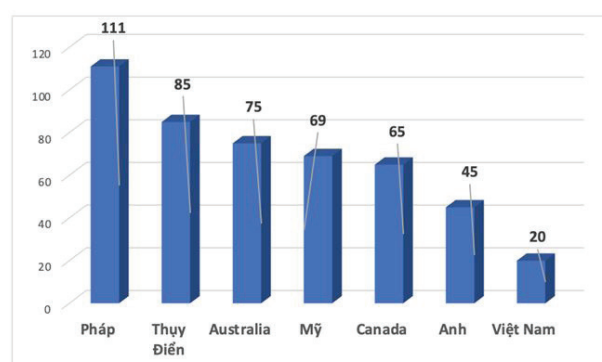
Theo dự báo dân số gần nhất của Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dựa trên kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019, tỷ trọng dân số từ 60 tuổi trở lên sẽ tăng lên 16,53% năm 2029; 20,67% năm 2039; 24,88% năm 2049; 27,01% năm 2059 và tới 27,11% năm 2069⁽⁴⁾.

Bảng 1: Thống kê tỷ trọng dân số trên 60 tuổi của Việt Nam năm 2019 và dự đoán đến năm 2069⁽⁵⁾

Năm	2019	2029	2039	2049	2059	2069
Tỷ lệ % trên tổng số dân	11,86%	16,53%	20,67%	24,88%	27,01%	27,11%

Sau giai đoạn “già hóa” dân số Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn “già” vào khoảng cuối năm 2037 đầu năm 2038. Như vậy, thời gian để dân số Việt Nam quá độ từ giai đoạn “già hóa” sang “già” là khoảng 20 năm.

Hình 2: So sánh thời gian chuyển từ giai đoạn già hóa dân số sang dân số già giữa Việt Nam và một số quốc gia⁽⁶⁾



ĐVT: năm

(4) Nguyễn Văn Phái, Già hóa dân số - Một vấn đề kinh tế - xã hội cần được quan tâm, <https://kinhtedothi.vn/gia-hoa-dan-so-mot-van-de-kinh-te-xa-hoi-can-duoc-quan-tam.html>

(5) Tham khảo từ nguồn: Nguyễn Văn Phái, Già hóa dân số - Một vấn đề kinh tế-xã hội cần được quan tâm, <https://kinhtedothi.vn/gia-hoa-dan-so-mot-van-de-kinh-te-xa-hoi-can-duoc-quan-tam.html>

(6) Nguồn dữ liệu: Bộ Y tế năm 2020 và bài viết Cơ hội, thách thức của già hóa dân số và giải pháp chính sách nhằm thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/co-hoi-thach-thuc-cua-gia-hoa-dan-so-va-giai-phap-chinh-sach-nham-thich-ung-voi-gia-hoa-dan-so-o-viet-nam-112977.htm>

Đối với nền kinh tế và sự phát triển của xã hội, già hóa dân số đặt ra những thách thức lớn như:

- Lực lượng lao động là yếu tố đầu tiên bị ảnh hưởng bởi già hóa dân số, tức là người cao tuổi chiếm số lượng cao. Đặt trong bối cảnh nếu địa phương, khu vực đó có tỷ lệ sinh thấp thì tất yếu trong tương lai sẽ thiếu hụt lực lượng lao động. Thiếu hụt lực lượng lao động sẽ đặt ra bài toán về việc phát triển kinh tế bền vững giống như một số quốc gia đang gặp phải. Các ngành, lĩnh vực đòi hỏi người lao động trong độ tuổi trưởng thành cao như công nghiệp và dịch vụ sẽ gặp khó khăn trong việc tìm kiếm đủ nguồn nhân lực để duy trì, phát triển; không bảo đảm độ tuổi nguồn nhân lực có thể dẫn đến tình trạng giảm hiệu suất lao động, giảm cạnh tranh, ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế.

- Bên cạnh việc không bảo đảm lực lượng lao động trong tương lai, già hóa dân số còn đặt ra bài toán về việc tạo sinh kế, công việc cho người già. Khi điều kiện sống được nâng cao, rất nhiều cá nhân có độ tuổi từ 60 vẫn bảo đảm sức khỏe để thực hiện một số công việc tạo ra thu nhập. Đây là thực tế ở rất nhiều quốc gia và các quốc gia đó đã thiết lập nhiều chính sách để bảo đảm người cao tuổi được lao động. Như vậy, thách thức đặt ra đối với Việt Nam trong tương lai là phải thiết lập và phát triển nền kinh tế, đặc biệt là hệ sinh thái tốt cho người cao tuổi sinh sống, lao động.

- Già hóa dân số cũng có thể là nguyên nhân gây áp lực đối với nguồn lực tài chính quốc gia. Chẳng hạn như các Quỹ Bảo hiểm, Quỹ An sinh xã hội cũng như hoạt động chăm sóc sức khỏe. Số lượng người cao tuổi không có lương hưu càng lớn thì càng tạo nhiều áp lực lên hệ thống an sinh xã hội. Số người về hưu và thời gian hưởng lương hưu gia tăng, đòi hỏi phải hình thành hệ thống lương hưu dài hạn đủ sống đang trở thành một sức ép đối với cả các nước phát triển và đang phát triển. Do đó, vấn đề đặt ra đối với các chính sách là cần tạo mọi điều kiện kéo dài thời gian lao động cho người cao tuổi, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, thích ứng với xu hướng già hóa dân số⁽⁷⁾. Hệ thống y tế cũng phải được đầu tư ở mức lớn hơn do người già là đối tượng có nhu cầu khám, chữa bệnh cao hơn. Đối với Việt Nam, khi đất nước chuyển sang giai đoạn già hóa cũng phải thiết lập hệ thống Trung tâm Dưỡng lão, chăm sóc sức khỏe người già. Đây vốn là những hạng mục còn khá mới mẻ ở Việt Nam.

(7) Xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra đối với chính sách tài chính, https://mof.gov.vn/webcenter/portal/cd/pages_r/l/chi-tiet-tin-cong-doan?dDocName=MOFUCM203331

Tuy nhiên, song hành cùng với thách thức, thì già hóa dân số ở một số khía cạnh cũng có thể mang đến những cơ hội mới cho sự phát triển kinh tế, xã hội Việt Nam trong tương lai, chẳng hạn như:

- Người già là thế hệ đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển, tích lũy được nhiều kinh nghiệm chuyên môn và vốn sống, đây là kho tri thức mà các doanh nghiệp, tổ chức có thể tận dụng để nâng cao trình độ nhân lực. Đối với từng gia đình, người già là điểm tựa, là tấm gương để hình thành nên thế hệ trẻ sống có trách nhiệm, hoài bão, hành xử văn minh, đạo đức. Người già ở Việt Nam trong tương lai về cơ bản vẫn có thể tham gia vào các hoạt động sản xuất phù hợp với thể trạng, lứa tuổi.

- Mở ra nhiều ngành nghề kinh tế mới như sản phẩm, dịch vụ chăm sóc sức khỏe người già, khu nghỉ dưỡng, trại dưỡng lão... Theo dự tính của các chuyên gia dân số, nhu cầu của nhóm dân số già sẽ đem đến những cơ hội như hình thành các thị trường mới và để chuyển hóa các thách thức mà già hóa dân số mang lại, việc xã hội hóa và huy động tối đa các nguồn lực đóng vai trò quan trọng để giải quyết và khai thác hiệu quả vấn đề già hóa dân số. Khuyến khích khu vực tư nhân tham gia vào việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách vào hạ tầng y tế, văn hóa, xã hội cho người cao tuổi. Sử dụng vốn đầu tư công làm vốn đầu tư ban đầu, tạo sức lan tỏa, thu hút đầu tư tư nhân, bao gồm cả đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhằm đáp ứng các nhu cầu về y tế, văn hóa ngày càng cao của người cao tuổi⁽⁸⁾.

Giải pháp quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh già hóa dân số ở Việt Nam

Từ xưa đến nay, tầng lớp người cao tuổi, “các bô lão” luôn được coi là nguồn vốn quý giá của các dân tộc. Đó không chỉ là biểu hiện của tinh thần “uống nước nhớ nguồn”, đạo hiếu lễ nghĩa “kính lão đắc thọ” mà còn là sự trân trọng những kinh nghiệm, tri thức, cống hiến mà người già đóng góp vào sự phát triển của đất nước. Tấm gương của người già là hình mẫu, bộ phóng để các thế hệ con cháu hun đúc, hình thành nhân sinh quan khi trưởng thành. Thậm chí, ở từng hoàn cảnh trong lịch sử, các bậc phụ lão, bô lão còn là nguồn trí tuệ để cùng hiến kế, đánh giặc giữ nước. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Lời hiệu triệu đoàn kết tất cả các bậc phụ lão viết tháng 6-1941 chỉ rõ: “Dẫu

(8) Minh Hà: Biến thách thức từ già hóa dân số thành cơ hội, <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/cac-van-de/bien-thach-thuc-tu-gia-hoa-dan-so-thanh-co-hoi-734023>

ràng tóc đã bạc, mắt đã hoa, tay run, chân mỏi; nhưng một lời nói của phụ lão có ảnh hưởng đến hưng bang, một hành động của phụ lão có ảnh hưởng đến việc giết giặc”⁽⁹⁾.

Trong bối cảnh hiện nay cũng như dự báo tương lai của đất nước, rất cần thiết phải chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực để không bị động trước già hóa dân số. Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh già hóa dân số ở Việt Nam cần tập trung một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực, chủ động đào tạo, kế thừa kinh nghiệm của lao động lớn tuổi cho người trẻ. Việt Nam sẽ bước sang giai đoạn dân số già vào khoảng trước năm 2040, từ nay đến thời điểm đó, nước ta cần phải có sự dự báo chính xác nhu cầu nguồn nhân lực cũng như phân tích bối cảnh nghề nghiệp và sự phát triển nền kinh tế trong tương lai. Một mặt, các tổ chức, doanh nghiệp cần phải xây dựng được đội ngũ chuyên gia ưu tú cũng như thế hệ nhân sự trẻ kế cận. Điều này bảo đảm khi đội ngũ ưu tú hiện tại về hưu sau gần 20 năm nữa thì hoàn toàn chủ động có đội ngũ nhân sự tiếp theo kế thừa. Ngoài ra, cần phải dự báo và có sự chuẩn bị về nguồn nhân lực trong tương lai thông qua việc bảo đảm tỉ lệ sinh, giáo dục đào tạo nguồn nhân lực kế cận có trình độ.

Đơn cử, mức sinh là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng quy mô và cơ cấu dân số tại một quốc gia. Mức sinh vừa là yếu tố tác động, vừa là yếu tố phản ánh mức độ phát triển kinh tế-xã hội của một quốc gia. Ở Việt Nam hiện nay có thực trạng mất cân bằng mức sinh, có địa phương tốc độ phát triển nhanh nhưng tỷ lệ sinh thấp, ngược lại có địa phương lại có mức sinh cao nhưng điều kiện kinh tế - xã hội còn hạn chế. Điều này gây ra hệ lụy, trẻ em sinh ra ở những địa phương có điều kiện hạn chế sẽ không có sự giáo dục, đào tạo và phát triển tốt; trong tương lai, sẽ không thể trở thành nguồn nhân lực có tiềm năng cao. Do vậy, cần bảo đảm tỷ lệ sinh cân bằng ở các vùng, miền; thực hiện hiệu quả hơn nữa chính sách kế hoạch hóa gia đình...

Thứ hai, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Việt Nam hiện có lực lượng lao động dồi dào so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới nhưng chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam đang ở mức thấp trong bậc thang năng lực quốc tế, thiếu lao động có trình độ tay nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao. Tính theo PPP 2017, năng suất lao động của Việt Nam năm 2022 đạt 20,4 nghìn USD, chỉ bằng 11,4% mức năng suất lao động của Singapore;

(9) Hồ Chí Minh: *Tàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 3, tr. 233

35,4% của Malaysia; 64,8% của Thái Lan; 79% của Indonesia và bằng 94,5% của Philippines; tương đương mức năng suất lao động của Lào (20 nghìn USD). Điều này phản ánh, kinh tế Việt Nam đang phải đối mặt với thách thức rất lớn để có thể bắt kịp mức năng suất lao động của các nước trong khu vực và thế giới trong thời gian tới⁽¹⁰⁾. Như vậy, trong tương lai, bước vào thời điểm dân số già, nếu Việt Nam không nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo để tạo ra được thế hệ người lao động hiện đại, có kỹ thuật, chuyên môn bậc cao thì chắc chắn người già trong tương lai sẽ phải đối diện với sự bấp bênh nghề nghiệp, thu nhập; đất nước đối mặt với khủng hoảng nguồn nhân lực, trực tiếp ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế. Thời gian tới, để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, cần chuẩn hóa bằng các bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề hay chuẩn năng lực quốc gia để tạo ra được tầng lớp người lao động có tay nghề cao, được coi là các chuyên gia; tập trung vào chất hơn là lượng người lao động. Chú trọng phát triển giáo dục theo hướng hiện đại, đào tạo kỹ năng, định hướng nghề nghiệp; cân đối nhu cầu ngành, nghề và có chính sách đãi ngộ phù hợp, tránh tình trạng “chảy máu chất xám”.

Thứ ba, duy trì sự phát triển ổn định của nguồn nhân lực thông qua việc khuyến khích, động viên người lao động nên tạo lập chiến lược chuẩn bị đầy đủ tài chính và sức khỏe cho tuổi già “từ xa, từ sớm”. Trong bối cảnh thế giới có những biến động mạnh mẽ, bất ngờ và rủi ro cao, nhất là từ thực tiễn đại dịch Covid-19 cũng như các cuộc khủng hoảng kinh tế lan rộng trên toàn thế giới, việc người lao động và các tổ chức, doanh nghiệp có sự ứng phó, dự phòng bằng cách dự trữ nguồn tài chính cũng như chuẩn bị tốt các điều kiện sức khỏe, tâm, sinh lý là điều hết sức quan trọng. Cần có những chính sách để bảo đảm công tác tham gia bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm xã hội thực chất; các công ty, doanh nghiệp chú trọng xây dựng môi trường làm việc, sinh hoạt lành mạnh cho người lao động.

Thứ tư, trọng dụng, thu hút nhân tài. Quản trị nguồn nhân lực không nằm ngoài mục tiêu tạo ra giá trị của tổ chức để người lao động gắn bó, đồng thời thu hút nhân tài làm việc cho tổ chức, doanh nghiệp đó. Ở tầm vĩ mô, quản trị hiệu quả nguồn nhân lực có thể giúp các quốc gia bồi dưỡng nhân tài trong nước, cũng như thu hút các chuyên gia nước ngoài đến làm việc. Đại hội XIII của Đảng định hướng mục tiêu: “Đến năm 2025: Là nước đang phát triển có công

(10) Dẫn theo nguồn số liệu từ bài viết Người Việt Nam làm việc ra sao so với thế giới <https://vietnamnet.vn/nang-suat-lao-dong-viet-nam-ra-sao-so-voi-the-gioi-2198991.html#:~:text=N%C4%83ng%20su%E1%BA%A5t%20lao%20%C4%91%E1%BB%99ng%20theo,9%20tri%E1%BB%87u%20%C4%91%E1%BB%93ng%2Flao%20%C4%91%E1%BB%99ng>

nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Đến năm 2030: Là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao”⁽¹¹⁾. Để đạt được những mục tiêu nêu trên, đòi hỏi đất nước ta phải chuẩn bị tốt nguồn nhân lực có tính chất dài hạn, có tính kế thừa và chất lượng cao, hiện đại. Trước hết, Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị và doanh nghiệp Việt Nam phải có chính sách để trọng dụng nhân tài trong nước. Muốn trọng dụng thì phải có sự đào tạo, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài từ sớm. Khi phát hiện nhân tài phải bố trí việc làm phù hợp, tạo hệ sinh thái để họ phát triển tốt nhất; có cơ chế đãi ngộ mang tính chất đặc thù. Khi Việt Nam tạo lập được những ngành, lĩnh vực có thế mạnh, giá trị riêng; đồng thời với nền tảng phát triển của đất nước sẽ là mảnh đất hứa để thu hút nhân lực chất lượng cao là người nước ngoài, các công ty tập đoàn lớn đến Việt Nam đầu tư. Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh già hóa dân số, tất yếu phải lưu tâm đến việc phân tích, đánh giá bối cảnh mới và nguồn nhân lực thế giới; cần có phương hướng phát triển phù hợp với thể chất, trình độ, ưu thế của người Việt.□

(11) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr. 36

XÂY DỰNG TỔ CHỨC HỘI, ĐỔI MỚI CÔNG TÁC KIỂM TRA, THI ĐUA, KHEN THƯỞNG TRONG HOẠT ĐỘNG HỘI NGƯỜI CAO TUỔI TRƯỚC XU THẾ GIÀ HÓA DÂN SỐ NHANH

THS. HÀ THỊ MINH TÂM

*Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức - Kiểm tra
Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam*

Về tổ chức Hội Người cao tuổi và số lượng người cao tuổi cả nước

Ngày 23-6-2023, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã Ban hành Kết luận số 58 về tổ chức và hoạt động của Hội Người cao tuổi (NCT) Việt Nam, thống nhất chỉ đạo và nhất trí chủ trương thành lập Hội NCT cấp tỉnh, huyện ở những nơi có điều kiện.

Ngày 29-11-2023, Ban Thường vụ Trung ương Hội đã Ban hành Hướng dẫn số 532/HNCT về việc thành lập Hội Người cao tuổi cấp tỉnh, huyện.

Tính đến nay, cả nước đã có 50/50 tỉnh, thành phố đã được cấp ủy, chính quyền chỉ đạo bằng kế hoạch, công văn thống nhất việc thành lập Hội NCT cấp tỉnh, huyện.

Cả nước hiện có 16,1 triệu NCT (theo số liệu của Bộ Công an năm 2023), tỷ lệ thu hút hội viên trên địa bàn cả nước đạt trên 93%. Nhiều địa phương đạt tỷ lệ khá cao, như các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương đạt từ 98% đến 99%. Tuy nhiên, tại các khu vực vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người,... tỷ lệ NCT tham gia Hội còn thấp, chưa đồng đều. Cả nước đã có trên 90% số tỉnh, thành phố thực hiện việc cấp, đổi thẻ hội viên; công tác quản lý, theo dõi hội viên ngày càng chặt chẽ và đi vào nền nếp.

Đội ngũ cán bộ Hội cơ sở nói chung được bố trí từ cán bộ nghỉ hưu, nhiều người nguyên là cán bộ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, đoàn thể ở địa phương, nên hầu hết có uy tín, có kinh nghiệm, nhiệt tình; số đông hoạt động có hiệu quả, được cấp ủy và chính quyền đánh giá cao.

Chế độ, chính sách đối với cán bộ Hội cơ bản được thực hiện theo quy định của Nhà nước, với mức độ khác nhau, hầu hết Chủ tịch Hội NCT các cấp được hưởng thù lao theo quy định của từng địa phương.

Đội ngũ cán bộ Hội cấp tỉnh, cấp huyện cơ bản được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội hằng năm.

Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ Hội cấp xã, phường, thị trấn hiện nay chủ yếu là kiêm nhiệm, cán bộ là NCT tuổi khá cao, hoạt động gặp nhiều khó khăn, hạn chế.

Chế độ, chính sách đối với cán bộ Hội ở các địa phương còn khác nhau, tùy thuộc vào quy định về ngân sách của địa phương. Một số địa phương chưa thực hiện thù lao theo Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội. Chế độ thù lao đối với phó chủ tịch Hội cấp xã, chi hội ở nhiều địa phương chưa có, ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ, thiếu nhiệt tình, tâm huyết với công tác Hội.

Về hoạt động của các cấp Hội

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI, Hội NCT Việt Nam nhiệm kỳ 2021 - 2026, các cấp Hội đã tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, bám sát chỉ đạo của Trung ương Hội và nhiệm vụ Chính phủ, chính quyền các cấp giao, hướng về cơ sở, cụ thể hoá 3 nhiệm vụ trọng tâm, 3 chương trình công tác lớn và triển khai có hiệu quả phong trào thi đua “Tuổi cao, gương sáng” đạt kết quả cao, tạo sự chuyển biến rõ nét, khẳng định vị trí, vai trò của tổ chức Hội trong thực tiễn, được đông đảo hội viên, người cao tuổi hưởng ứng và tham gia. Tỷ lệ thu hút hội viên tăng từ 90% (năm 2021) lên 93% (năm 2023); công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường thực hiện ngày một chất lượng; công tác thi đua, khen thưởng đã được triển khai chặt chẽ, đúng quy định, đảm bảo chất lượng cả về nội dung phát động phong trào thi đua và công tác đánh giá, bình xét, khen thưởng đảm bảo dân chủ, công khai, chặt chẽ, đã khích lệ được cán bộ, hội viên tích cực tham gia đóng góp cho hoạt động Hội và phong trào thi đua trên địa bàn cả nước.

Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh và nền kinh tế đất nước suy giảm, hoạt động của các cấp Hội trong những năm qua gặp không ít khó khăn và còn hạn chế. Một số địa phương hoạt động chưa thực sự hiệu quả, hoạt động còn đơn điệu, hình thức. Nhiều đơn vị chưa xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, công tác tham mưu, hướng dẫn thực hiện công tác hội chưa tích cực, còn thụ động.

Công tác kiểm tra, giám sát chưa thực hiện thường xuyên, chưa bảo đảm chất lượng; công tác theo dõi, giải quyết đơn, thư còn hạn chế, vẫn còn nhiều địa phương có người cao tuổi gửi đơn, thư vượt cấp lên Trung ương Hội.

Việc tổ chức phát động phong trào thi đua “Tuổi cao gương sáng” có nơi còn hình thức, công tác khen thưởng còn hạn chế do không có ngân sách, việc bình xét còn dàn trải, cào bằng... chưa thực sự khích lệ phong trào tại các địa phương.

Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác Hội trong thời kỳ mới

Bám sát các quy định của Đảng, Nhà nước, Điều lệ Hội và Nghị quyết Đại hội lần thứ VI, Hội NCT Việt Nam và nhiệm vụ chính trị, địa phương, các cấp Hội từ Trung ương đến địa phương tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng công tác Hội trong tình hình mới:

Một là, kiện toàn tổ chức bộ máy hoạt động và công tác cán bộ.

* *Đối với Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam:* Tập trung tham mưu đề xuất với Ban Bí thư chỉ đạo thành lập Đảng đoàn Hội NCT Việt Nam; chỉ đạo, hướng dẫn các Ban đại diện Hội NCT cấp tỉnh, huyện thực hiện việc thành lập Hội NCT cấp tỉnh, huyện theo Hướng dẫn số 532/HNCT, ngày 29-11-2024 của Ban Thường vụ Trung ương Hội; tham mưu, tổ chức đánh giá việc thành lập Hội NCT cấp tỉnh, huyện trong hệ thống Hội, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kết luận số 58/TW của Ban Bí thư gửi bộ, ngành chức năng theo quy định; thực hiện kiện toàn, bổ sung uỷ viên Ban Thường vụ Trung ương Hội NCT Việt Nam; xây dựng Đề án vị trí, việc làm của cơ quan Trung ương Hội, thực hiện kiện toàn, sắp xếp tinh gọn bộ máy tổ chức các ban, Văn phòng, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội; hoàn thiện, bổ sung, xây dựng, ban hành các quy chế, quy định của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành và của các ban, Văn phòng, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội.

** Đối với Hội Người cao tuổi, Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh, huyện:* Tập trung thực hiện các bước về việc thành lập Hội NCT cấp tỉnh, huyện bảo đảm đúng quy định, chất lượng và đúng tiến độ thời gian; nghiên cứu, tham mưu đề xuất việc thành lập tổ chức Đảng của Hội ở cấp tỉnh theo quy định của Đảng đối với địa phương đủ điều kiện; cụ thể hóa thực hiện các quy chế, quy định của Trung ương Hội, ban hành các quy chế, quy định của địa phương và hướng dẫn tổ chức thực hiện có hiệu quả.

** Đối với cấp hội cơ sở:* Tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương kiện toàn ban chấp hành, ban thường vụ, các chức danh lãnh đạo Hội cấp xã, cán bộ chi, tổ hội ở khu dân cư.

Hai là, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Hội các cấp, với trọng tâm là: Tham mưu, đề xuất, giới thiệu cán bộ có kinh nghiệm, năng lực, uy tín, có sức khỏe tham gia lãnh đạo chủ chốt của Hội ở từng cấp; kiện toàn bổ sung đội ngũ cán bộ Hội chuyên trách các cấp bảo đảm chất lượng, phù hợp với điều kiện của từng địa phương; coi trọng đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị cho cán bộ chuyên trách các cấp trong độ tuổi lao động; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng vận động, phương pháp làm việc cho cán bộ hội các cấp; tham mưu, đề xuất chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ hội phù hợp với từng cấp hội và điều kiện thực tiễn của địa phương bảo đảm đúng quy định pháp luật.

Đổi mới phương thức hoạt động, tăng cường tập hợp thu hút, phát triển và quản lý hội viên

Đổi mới phương thức hoạt động, tăng cường tập hợp, thu hút, phát triển và quản lý hội viên NCT là yêu cầu cấp thiết, tất yếu đặt ra hiện nay. Trong đó, hai nội dung cốt lõi của đổi mới phương thức hoạt động các cấp hội là đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và coi trọng phát triển, quản lý hội viên.

Về thực hiện đổi mới nội dung, phương thức hoạt động: Cán bộ Hội cần chủ động, linh hoạt trong tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền và hướng dẫn triển khai các hoạt động của Hội. Tranh thủ khai thác nguồn lực tạo nguồn ngân sách triển khai các hoạt động của Hội. Tăng cường phối hợp với các ngành, địa phương trong tổ chức, thực hiện. Thực hiện đa dạng hóa các mô hình hoạt động của Hội, tổng kết, đánh giá các mô hình, xây dựng và phát triển các mô hình hiệu quả, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của hội viên, người cao tuổi. Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống thông qua

phương tiện thông tin đại chúng và cơ quan tuyên truyền các cấp của Hội đến hội viên và cộng đồng xã hội nhân các sự kiện chính trị của đất nước, kỷ niệm ngày truyền thống NCT Việt Nam 6/6, tháng hành động vì NCT Việt Nam và ngày Quốc tế NCT 1/10 hằng năm. Thường xuyên quan tâm nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của hội viên, kịp thời đề xuất, kiến nghị những chính sách, quyền lợi chính đáng, hợp pháp của hội viên, NCT tại khu dân cư.

Về nội dung coi trọng phát triển và quản lý hội viên: Hằng năm, các cấp Hội cần có kế hoạch phát triển hội viên, phấn đấu kết nạp ít nhất tăng từ 1-2% trở lên/năm. Thực hiện lập sổ theo dõi danh sách hội viên, NCT (bổ sung hội viên mới kết nạp, theo dõi hội viên chuyển đi, đến, từ trần hoặc xóa tên). Phân loại theo danh sách hội viên chính thức, hội viên danh dự. Chủ động rà soát, nắm bắt nhu cầu làm thẻ hội viên của các cấp hội cơ sở. Hội/Ban đại diện cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu của các địa phương đăng ký mua phôi thẻ bằng văn bản gửi Trung ương Hội (qua Ban Tổ chức - Kiểm tra). Thực hiện việc cấp, đổi thẻ và quản lý việc sử dụng, cấp thẻ hội viên tại khu dân cư bảo đảm đúng quy định.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội

Đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các cấp Hội NCT trong cả nước. Trước hết, cần xác định và nắm vững mục đích của công tác kiểm tra, giám sát là nhằm xây dựng và thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; kịp thời phát hiện sai sót, khuyết điểm, yếu kém, đồng thời phát hiện các nhân tố mới, các mặt tích cực để tiếp tục chỉ đạo hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ của Hội, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho phù hợp; phát huy quyền làm chủ của cán bộ, hội viên, NCT, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh và tạo sự đồng thuận trong xã hội.

Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội cần tập trung vào những nội dung trọng tâm, như: Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, thi hành Điều lệ Hội Người cao tuổi Việt Nam, Chương trình công tác năm; kết quả thực hiện 3 nhiệm vụ trọng tâm, 3 chương trình công tác lớn của Hội đề ra trong nhiệm kỳ; kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao: triển khai thực hiện “*Tháng hành động vì NCT Việt Nam*”; triển khai Đề án nhân rộng mô hình Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau. Đánh giá việc thực hiện Luật NCT, việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước tại địa phương với NCT trên

địa bàn. Đồng thời, thông qua kiểm tra, giám sát nêu những khó khăn, hạn chế của Hội NCT địa phương trong nhiệm kỳ qua, đề xuất những kiến nghị cho nhiệm kỳ tới.

Để công tác kiểm tra, giám sát đạt hiệu quả tốt, hằng năm tùy theo tình hình hoạt động, Hội cấp tỉnh chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát; thành lập đoàn hoặc phân công cán bộ trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền. Hướng dẫn Hội/Ban đại diện Hội NCT các quận/huyện/thị xã trực thuộc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo tình hình thực tiễn của địa phương. Ban Đại diện, Hội NCT các tỉnh/thành phố chủ động tiến hành kiểm tra, giám sát (từ 1 đến 2 đơn vị cấp huyện, trong đó có 2 đến 3 cơ sở xã, phường, thị trấn); báo cáo với Ban Công tác NCT tỉnh nội dung kiểm tra, giám sát xin ý kiến chỉ đạo, đề nghị hỗ trợ tạo điều kiện cho công tác kiểm tra, giám sát. Đối với các địa phương có ban chấp hành Hội NCT, sau kiểm tra, giám sát xây dựng báo cáo công tác kiểm tra, giám sát hằng năm, cả nhiệm kỳ của ban kiểm tra trình tại hội nghị ban chấp hành thường kỳ và báo cáo tổng kết vào dịp đại hội, đồng thời chủ động chuẩn bị nhân sự ban kiểm tra khóa mới báo cáo ban chấp hành khóa đương nhiệm trình đại hội. Đối với các địa phương hoạt động mô hình ban đại diện, sau kiểm tra, giám sát, xây dựng báo cáo tổng kết kiểm tra nhiệm kỳ báo cáo hội nghị tổng kết nhiệm kỳ của địa phương hoặc đưa vào một phần trong báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của ban đại diện. Sau mỗi đợt kiểm tra, giám sát, ban kiểm tra, hoặc đoàn kiểm tra, giám sát báo cáo bằng văn bản, tổng hợp ý kiến kết luận của trưởng đoàn, trong đó nêu rõ ưu, nhược điểm và giải pháp khắc phục, gửi cấp có thẩm quyền và đơn vị là đối tượng kiểm tra biết để khắc phục những hạn chế, phát huy những kết quả đạt được vào những năm tiếp theo.

Nhằm bảo đảm chất lượng, hiệu quả của hoạt động kiểm tra, giám sát, một trong những yếu tố quan trọng là cần thực hiện tốt quyền, trách nhiệm của chủ thể kiểm tra, giám sát và tuân thủ đúng quy trình kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành.

Coi trọng công tác thi đua, khen thưởng trong công tác Hội

Đẩy mạnh phong trào thi đua góp phần quan trọng thúc đẩy hoạt động của các cấp Hội NCT. Để công tác thi đua, khen thưởng trong công tác Hội được đẩy mạnh thiết thực, hiệu quả, cần chú trọng thực hiện tốt tất cả các nội dung: phát động thi đua và ký giao ước thi đua; tổ chức các phong trào thi đua thường xuyên và theo chuyên đề; tổ chức xét tặng các danh hiệu thi đua theo luật định,

bảo đảm nguyên tắc *chính xác, công khai, minh bạch, công bằng, kịp thời*, đúng nội dung, đúng đối tượng, tạo động lực khích lệ các tổ chức, cá nhân đóng góp tích cực cho hoạt động của Hội và xây dựng Hội ngày càng vững mạnh, hoạt động có hiệu quả.

Một cách khái quát, trước xu thế già hóa dân số nhanh hiện nay, để tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc, phát huy vai trò NCT, xây dựng Hội Người cao tuổi Việt Nam đáp ứng yêu cầu tình hình mới theo tinh thần Kết luận số 58 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Hội Người cao tuổi Việt Nam cần tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đổi mới công tác kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng; xây dựng các cấp hội vững mạnh, thực hiện tốt vai trò đại diện quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên; đẩy mạnh phát triển hội viên và tổ chức hội ở cơ sở; thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò NCT; động viên NCT phát huy trí tuệ, kinh nghiệm góp phần phát triển địa phương, đất nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; làm cầu nối vững chắc giữa Đảng, Nhà nước với NCT.□

VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI CAO TUỔI

GS, TS. ĐINH XUÂN DŨNG

*Nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận phê bình
văn học nghệ thuật Trung ương*

VẤN đề về người cao tuổi rất rộng nên tham luận chỉ xin dừng lại ở một nội dung cụ thể, song có lẽ cũng rất quan trọng, thiết thực về văn học, nghệ thuật trong đời sống người cao tuổi.

Một thời gian khá dài, văn học, nghệ thuật nước ta được khuyến khích viết về các đề tài để có thể bao quát toàn diện các phạm vi hiện thực rộng lớn của đất nước. Đề tài nông thôn, nông nghiệp, nông dân, đề tài thiếu nhi, đề tài phụ nữ, đề tài miền núi và các dân tộc thiểu số, đề tài lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng... Mỗi đề tài mang những đặc trưng, dấu hiệu riêng có thể khai thác, khám phá bằng văn học, nghệ thuật. Song cũng phải thẳng thắn thừa nhận là từng có thời gian, do quá chú trọng vào hướng viết đó mà các sáng tác văn học, nghệ thuật rơi vào nhạt nhẽo... và đã bị phê phán. Có một sự thật là gần như chưa có khi nào người ta nói đến đề tài người cao tuổi! Đúng là trong đời sống người cao tuổi có những nét riêng, rất riêng về tinh thần, tâm lý, sức lao động, sức khỏe, quan hệ cộng đồng, nhưng nếu nhìn từ đặc trưng văn học, nghệ thuật luôn quan tâm đến toàn bộ hiện thực và số phận, đường đời của con người, thì cái khác biệt lớn nhất của người cao tuổi chỉ là “cao tuổi”, tuổi già, còn họ, trước hết và cuối cùng là con người, và theo đường đời, tất yếu, họ đã là thiếu nhi, thanh niên, phụ nữ/ nam giới, nông dân/ công nhân,/ bộ đội/cán bộ/ nhà khoa học,... Vậy, có nên “cắt đứt” họ khỏi cái “quá khứ tất yếu” đó mà chỉ dừng lại ở quãng đời “cao tuổi” của họ? Vậy, có thể nghĩ rằng, không có văn học, nghệ thuật riêng cho người cao tuổi.

Hiện nay, toàn thế giới đang rộ lên việc sáng tạo trí tuệ nhân tạo (AI). Dù người máy có “thông minh” đến mức nào cũng cần con người điều khiển và phải nạp nhiên liệu. Theo kết quả nghiên cứu khoa học, khác hẳn người máy, bộ óc con người hoạt động kéo dài khoảng 100 năm. Như vậy, bộ óc của người cao tuổi không bị coi là vượt qua giới hạn đó. Năng lực, nhu cầu, nội lực, quy luật hoạt động của nó vẫn như mọi lứa tuổi khác - PGS Đặng Thị Hạnh đã quá tuổi “cổ lai hy” vẫn sáng tác “Cô bé nhìn mưa” vừa được giải thưởng sách quốc gia 2023 vừa qua. Hình như đây là sáng tác gần như “đầu tay” và lại là sáng tác cuối cùng của bà. Rất nhiều câu lạc bộ múa đôi, múa tập thể được tổ chức và hoạt động ở vườn hoa, công viên của những người già. Uyển chuyển, nhẹ nhàng, thanh thản và đầm thắm. Tôi tặng sách viết về văn hóa cho một bác sĩ, anh nói ngay trong niềm vui: “Mẹ tôi đã gần 80 tuổi, nhưng bà rất thích đọc loại sách nghiên cứu về văn hóa này”. Tôi được sự an ủi vì, có lẽ, không thật nhiều những người thích đọc loại sách đó. Tôi có một người anh, tuy đã 83 tuổi, mà bất cứ đề tài nào, con người, “nhân vật” nào mà anh có cảm xúc, anh đều chuyển thành thơ. Hàng trăm và có lẽ, anh đã có hàng nghìn bài thơ chân thành, mộc mạc, giàu cảm xúc. Tôi đã gặp và nghe nhiều người cao tuổi, cả nam và nữ, ở nông thôn, đã đọc lầ lầ Truyện Kiều, thơ Tố Hữu và hát sôi nổi các ca khúc thời chống Pháp, chống Mỹ. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc 11.2021 đã đọc một phần bài thơ “Việt Bắc” của Tố Hữu,...

Mấy dẫn chứng như trên để bày tỏ một suy nghĩ rằng, quan tâm đến nhu cầu văn học, nghệ thuật của người cao tuổi, trước hết là quan tâm đến việc tạo ra được những tác phẩm hay, có giá trị tư tưởng - nghệ thuật sâu sắc, phản ánh và khám phá đúng và trúng những vấn đề lớn của xã hội và con người, chứ hoàn toàn không phải chỉ khuyến khích sáng tác những *tác phẩm giải trí* cho những người đã “đứng bên ngoài lề” cuộc sống, như có người nghĩ như vậy.

Nhận biết đặc điểm chung trên không hề mâu thuẫn hay đối lập với một quan điểm rằng, có những *dấu hiệu đặc thù* trong quan hệ giữa văn học, nghệ thuật và nhu cầu của người cao tuổi. Tất nhiên, do tuổi tác, sức khỏe, tâm lý, ý thích, điều kiện sống và đặc biệt là *nếp quen, thói quen* đã được hình thành, định hình từ lâu trong đời sống, nghề nghiệp trước khi trở thành người cao tuổi. Quan hệ đó cần được lý giải ở hai phương diện: *tiếp nhận, thụ hưởng* và *sáng tạo, truyền bá* văn học, nghệ thuật của người cao tuổi.

Về *mặt tiếp nhận, thụ hưởng*, tính đa dạng là một đặc điểm chung, song nổi bật hơn cả một số khuynh hướng sau:

Một bộ phận không nhỏ, người cao tuổi yêu thích, gắn bó với thiên nhiên xung quanh mình, với vườn cây, ao cá, đồng ruộng... nên họ dành thời gian nhiều cho sự chăm sóc cây, hoa, đáp ứng nhu cầu thanh thản, an nhiên của mình. Tôi đã thấy *vẻ đẹp rất riêng* này của người cao tuổi khi chứng kiến sự say mê, chăm chút của họ đối với thiên nhiên, vườn tược, cây, hoa xung quanh mình. Văn học, nghệ thuật không trở thành nhu cầu lớn trong tuổi già của họ, trừ khi đề cập đến những vấn đề người cao tuổi đang quan tâm.

Trước sự phát triển ồ ạt, xô bồ, lẫn lộn giữa hay và dở, tốt và xấu, dân tộc và ngoại lai của dòng chảy văn học, nghệ thuật hiện nay, một xu hướng nổi lên trong nhu cầu tiếp nhận, thụ hưởng văn học, nghệ thuật của người cao tuổi là hướng tới các sáng tạo mang đậm bản sắc dân tộc, phản ánh đúng mực các vấn đề của cuộc sống, đồng thời người cao tuổi *dị ứng* nặng nề với những gì lai căng, ghê rợn, nhảm nhí, có ý định biến văn học, nghệ thuật thành “trò chơi” cá nhân. (Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng có dùng hai từ “nhố nhăng, phản cảm” trong bài phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc tháng 11-2021. Phải chăng đó là cảm nhận chung khi tiếp nhận một số tác phẩm văn học, nghệ thuật hiện nay?).

Hiện nay, có lẽ, số lượng và thời lượng người cao tuổi ngồi trước màn hình tivi là rất lớn. Vậy họ xem cái gì và thích cái gì trong các chương trình dày đặc suốt ngày đêm trên vài chục kênh truyền hình cả của trong nước và của nước ngoài. Có lẽ, cần một cuộc điều tra xã hội học khoa học và nghiên cứu mới có khả năng *tìm ra câu trả lời, không chỉ vì người cao tuổi mà còn vì sắp xếp, tổ chức lại hệ thống truyền hình và nâng cao chất lượng của nó*. Rất tiếc, nhiều năm nay, hầu như chưa làm công việc đó. Tuy vậy, quan sát và hỏi han người cao tuổi ở những vùng, miền khác nhau, trình độ khác nhau, tôi nghĩ rằng, ngoài chương trình thời sự, người cao tuổi thích xem phim, trong đó, điều đáng mừng là một bộ phận, có lẽ ngày càng đông, thích xem phim Việt Nam để tìm hiểu cuộc sống, con người đất nước và chờ đợi sự xuất hiện những phim ngày một tốt hơn, hay hơn, sát gần cuộc sống hơn. Các kênh phát phim truyện thu hút người cao tuổi vào nhiều giờ khác nhau, trở thành một *nhu cầu mới* đối với người cao tuổi, vì sự phát triển mạnh của truyền thông đại chúng. Tôi đã nhiều lần im lặng, lắng nghe những nhận xét sắc sảo, thẳng thắn và *rất trúng của người cao tuổi về những hạn chế của phim Việt và những cái “khó xem, khó chấp nhận”* của một số phim nước ngoài. Tôi tìm thấy ở đó những chuẩn mực cần tiếp nhận, dù có khi đó là nhận xét của những người tiếp nhận và thụ hưởng bình thường.

Về mặt sáng tạo và truyền bá văn học, nghệ thuật của người cao tuổi, có thể tìm thấy những dấu hiệu rất đặc biệt. Chưa bao giờ trên đất nước ta có nhiều câu lạc bộ thơ của người già như vậy. Có người cao tuổi (khoảng 75 - 76 tuổi) nói với tôi rằng, trong sổ ghi chép của ông có hàng nghìn bài thơ do ông sáng tác. Tôi có chút ngỡ ngàng, nào ngờ, gần đây, thấy trên mạng, bắt đầu xuất hiện các bài thơ của ông. Có những cụ già, “xuất khẩu thành thơ” và thật không ngờ, trong đó có những bài thực sự là thơ. Nhiều tập thơ của tuổi cao niên đã ra đời, chỉ tiếc rằng, dư luận và giới phê bình hầu như chưa chú ý đến giá trị và hầu hết các tập thơ đó phải tự lo về kinh phí xuất bản, con cháu, bạn bè, câu lạc bộ bỏ tiền ra rồi tặng nhau! Tôi đã dự nhiều lần “Ngày Thơ Việt Nam”, vừa cảm động vừa trăn trở khi thấy, có lẽ đến 1/3 hay 1/4 người đến dự là người cao tuổi. Họ vui sướng, hồ hởi, chăm chú và như “trẻ lại” khi được đọc thơ, trao thơ cho nhau và nói với nhau về thơ. Không hiểu, nhận xét sau đây có chính xác không, khi cho rằng, đó là dấu hiệu của tình yêu cuộc sống, con người, là tạo nên niềm vui, *nội lực sống* của người cao tuổi mà người ta vẫn gọi là “xế chiều”. Làm được một vài bài thơ vừa lòng với chính mình, hình như, người cao tuổi không bị ám ảnh vì cái xế chiều đó.

Tôi đã được chứng kiến - cả trực tiếp và gián tiếp - khi trao truyền những sáng tạo văn học, nghệ thuật dân gian ưu tú, được khẳng định là di sản thế giới hay quốc gia, phần lớn là người cao tuổi, cả nam và nữ, cả chuyên nghiệp và nghệ nhân dân gian. Họ đã góp phần làm sống lại các di sản đó trong không gian văn hóa của chính nó. Từ Bắc tới Nam, từ miền núi đến đồng bằng, trong cả nước, chúng ta đều nhận thấy sự đóng góp độc đáo đó của người cao tuổi. Và đó là tài sản quý nhưng có giới hạn khắc nghiệt về thời gian, vì những người trao truyền đó chính là người cao tuổi.

Khi viết đến đây, tôi bỗng nghĩ rằng, vấn đề người cao tuổi với văn học, nghệ thuật không còn chỉ vì *người cao tuổi*, mà trở thành vấn đề của nhà nước, của dân tộc. Không chỉ có văn học, nghệ thuật phục vụ người đã làm xong nhiệm vụ của mình để họ có thể sống tốt hơn, đỡ cô đơn hơn, mà thực sự, qua đó, tạo nên một cuộc sống hài hòa, phong phú, tốt đẹp của các thế hệ, của cả cộng đồng dân tộc, trong đó người cao tuổi vừa được tăng *nội lực sống* vừa góp phần trực tiếp cho chính cuộc sống của đất nước, đặc biệt về mặt tinh thần, trí tuệ và tình yêu con người, cuộc sống. □

QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI HƯỚNG TỚI NGƯỜI CAO TUỔI TRONG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

THS. MAI THỊ HƯƠNG GIANG

Tạp chí Cộng sản

QUẢN lý phát triển xã hội hướng tới người cao tuổi ở Việt Nam là một phần quan trọng của chính sách xã hội. Điều này đang được thực hiện thông qua nhiều chương trình và chính sách, như cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, tạo cơ hội học tập và vui chơi cũng như tạo điều kiện để họ tham gia vào các hoạt động xã hội và kinh doanh, phát triển kinh tế... Quản lý phát triển xã hội hướng tới người cao tuổi cần hướng tới các chính sách bảo vệ quyền lợi và nhu cầu của người cao tuổi, bảo đảm cho họ được hưởng một cuộc sống văn minh, an toàn và đầy đủ ý nghĩa... Điều này cũng thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống và tôn trọng đóng góp của người cao tuổi trong xã hội.

1. Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO): Người cao tuổi (NCT) là người từ 70 tuổi trở lên. Một số nước (như Đức, Mỹ,...) quy định NCT từ 65 tuổi trở lên. Việt Nam quy định NCT từ đủ 60 tuổi trở lên. Theo UNFPA (Quỹ Dân số Liên hợp quốc), một nước sẽ bước vào giai đoạn “bắt đầu già” khi dân số cao tuổi chiếm 10% tổng số dân và giai đoạn “già” khi NCT chiếm 20% tổng số dân. Hiện nay, mặc dù, có nhiều cách tiếp cận khác nhau, nhưng có thể khái quát một số khái niệm về dân số già như sau:

- Dân số già là sự già hóa dân số, thực chất là sự gia tăng độ tuổi trung niên của dân số trong một quốc gia, một vùng lãnh thổ, chủ yếu là do tỷ lệ sinh giảm và tuổi thọ có xu hướng ngày càng tăng cao.

- Dân số già là khi mà tỷ lệ trong quy mô dân số, NCT từ 65 trở lên chiếm từ 10% đến 19,9% (theo Cowgill), hay 14% (theo Dương Quốc Trọng)⁽¹⁾.

- Dựa vào độ tuổi từ 0 - 14 tuổi được gọi là thiếu niên, từ 15 - 64 tuổi là độ tuổi lao động, trên 65 tuổi là NCT. Khi đó, tỷ lệ già hóa là tỷ lệ phần trăm của NCT trong tổng dân số. Người ta dựa theo tỷ lệ này để phân biệt và định nghĩa: tỷ lệ già hóa vượt 7% sẽ được gọi là xã hội già hóa, trên 14% là xã hội già và trên 21% gọi là xã hội siêu già⁽²⁾. Thuật ngữ “xã hội già hóa” được sử dụng trong báo cáo Liên hợp quốc vào năm 1956. Chính phủ Nhật Bản dựa theo tiêu chuẩn các nước phát triển phương Tây bảy giờ để giả định trên 7% là “dân số già hóa”. Bắt nguồn từ đó, tỷ lệ già hóa được cho là thước đo chung cho cộng đồng quốc tế.

Nhật Bản là quốc gia “siêu già”, có hơn 30% số dân từ 60 tuổi trở lên. Đến 2050, có 64 quốc gia siêu già. Trung bình mỗi năm có 58 triệu người tròn 60 tuổi, mỗi giây có hai người đến 60 tuổi. Già hóa dân số đang là một trong những vấn đề trọng tâm của các quốc gia trên thế giới. Nâng cao chất lượng đời sống và gia tăng tuổi thọ trung bình là đánh dấu thành tựu của quá trình phát triển. Tuy nhiên, đồng thời với gia tăng tuổi thọ trong bối cảnh mức sinh thay thế không được duy trì bền vững thì xu thế già hóa dân số nhanh là một tất yếu⁽³⁾.

Ở Việt Nam, tính đến năm 2021, khoảng 8,3% dân số Việt Nam là người từ 65 tuổi trở lên. Dự báo vào năm 2036, tỷ lệ NCT sẽ chiếm 14,17% tổng dân số và Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn dân số già. Đến năm 2050, dự kiến sẽ có hơn 22 triệu NCT, chiếm 20,4% tổng dân số. Xét theo giới tính, số lượng tăng thêm của phụ nữ cao tuổi lớn hơn nam giới cao tuổi. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2009 - 2019, tốc độ tăng dân số hàng năm của nhóm phụ nữ cao tuổi cao hơn so với nhóm nam giới cao tuổi, tương ứng là 4,09% và 4,72%. Tỷ số giới tính - tỷ số cho biết cứ 100 nam giới cao tuổi thì có bao nhiêu phụ nữ cao tuổi ở trong cùng nhóm tuổi - có xu hướng giảm ở tất cả các nhóm tuổi, nhưng sự khác biệt giữa nhóm đại lão còn cao⁽⁴⁾. Như vậy, có thể thấy, Việt Nam là một trong

(1) Học viện Hành chính quốc gia (2002): *Thuật ngữ hành chính*, Nxb. Sự thật, tr. 33

(2) Xem: Mai Hồ: Dân số Việt Nam già hóa nhanh chóng, thách thức mới cho công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, *Báo Sức khỏe và Đời sống điện tử*, <https://suckhoedoisong.vn/dan-so-viet-nam-gia-hoa-nhanh-chong-thach-thuc-moi-cho-cong-tac-cham-soc-suc-khoe-nguoi-cao-tuoi-169221208222339154.htm>

(3) Xem: Báo Nhân Dân điện tử ngày 06-6-2023, <https://nhandan.vn/gia-hoa-dan-so-nhanh-o-viet-nam-va-khuyen-nghi-chinh-sach-post756305.html>

(4) Xem: Chuyên khảo “Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam” - General Statistics Office

những quốc gia có tốc độ tăng dân số dương và già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Tính đến ngày 31-12-2022, dân số Việt Nam ước tính là 99.329.145 người, tăng 784.706 người so với dân số 98.564.407 người năm trước. Năm 2022, tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên là dương vì số người sinh nhiều hơn số người chết đến 879.634 người⁽⁵⁾.

Đây là những thông tin quan trọng giúp chính sách phát triển xã hội có thể hướng tới NCT một cách hiệu quả hơn, bao gồm các chính sách nhằm bảo đảm an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe, tạo điều kiện cho NCT tham gia vào các hoạt động kinh tế và xã hội, hoạt động trong cộng đồng, hỗ trợ thanh niên phát triển, lên kế hoạch và chuẩn bị cho tuổi già để có thể giải quyết vấn đề già hóa dân số một cách chặt chẽ và toàn diện... Già hóa dân số ở Việt Nam mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng mang đến nhiều thách thức:

Về cơ hội:

Một là, tận dụng kinh nghiệm của NCT. Người cao tuổi có kinh nghiệm và kiến thức sâu rộng, có thể đóng góp vào việc giáo dục thế hệ trẻ và tư vấn cho các hoạt động cộng đồng. Qua những câu chuyện và bài học từ cuộc sống của mình, NCT có thể giáo dục thế hệ trẻ về các giá trị, truyền thống và kỹ năng sống. Với kiến thức và chuyên môn hoặc kỹ năng thực tế, NCT có thể tư vấn cho các tổ chức hoặc cá nhân từ việc phát triển kinh tế đến việc cải thiện cuộc sống. Bên cạnh đó, NCT có thể tham gia vào các hội, câu lạc bộ, tổ chức phi lợi nhuận hoặc các nhóm cộng đồng đóng góp ý kiến hoặc giải pháp cho các vấn đề xã hội. Họ có thể trở thành người hướng dẫn cho người trẻ trong nghề nghiệp, giáo dục hoặc phát triển cá nhân. Sự tham gia tích cực của NCT không chỉ giúp họ duy trì sự năng động và tinh thần lạc quan mà còn là nguồn tài nguyên quý giá cho sự phát triển cộng đồng và xã hội.

Hai là, thúc đẩy thị trường lao động. Sự tham gia của NCT trong thị trường lao động có thể giúp giảm bớt áp lực do thiếu hụt nhân lực, đặc biệt trong bối cảnh dân số trẻ giảm sút. NCT mang theo kinh nghiệm và kiến thức sâu rộng có thể chia sẻ và truyền đạt cho thế hệ lao động trẻ. Họ có thể làm việc bán thời gian hoặc cung cấp dịch vụ tư vấn, giúp bổ sung nhân lực và giảm bớt áp lực cho các doanh nghiệp. NCT cũng có thể tham gia vào việc đào tạo và phát

of Vietnam (gso.gov.vn)

(5) Hà Thị Đoàn Trang (2021): Xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra đối với chính sách tài chính, *Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính - Viện Chiến lược và Chính sách tài chính*

triển kỹ năng cho nhân viên mới, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Với sự linh hoạt về thời gian và nơi làm việc, NCT có thể đáp ứng nhu cầu lao động trong các lĩnh vực cần sự linh động cao. Những đóng góp này không chỉ giúp giảm bớt áp lực do thiếu hụt nhân lực mà còn tạo điều kiện cho NCT tiếp tục có một cuộc sống năng động và có ích, đồng thời duy trì sự liên kết và giao lưu cộng đồng.

Ba là, phát triển kinh tế. NCT cũng là một phần của nền kinh tế, với khả năng tiêu dùng và đầu tư, góp phần vào sự phát triển của nền kinh tế. Họ không chỉ là người tiêu dùng có kinh nghiệm mà còn có thể đóng góp vào sự phát triển thông qua việc chuyển giao kiến thức và kỹ năng cho thế hệ trẻ, cũng như thông qua việc tham gia vào các hoạt động kinh tế, như làm việc bán thời gian hoặc làm chuyên gia tư vấn, giám sát... Ngoài ra, NCT cũng có thể góp phần vào nền kinh tế thông qua việc đầu tư vào thị trường chứng khoán, bất động sản và các lĩnh vực khác, cũng như thông qua việc tiết kiệm và chi tiêu cho gia đình, giáo dục và sức khỏe. Sự tham gia này không chỉ giúp họ có một cuộc sống độc lập và tự chủ mà còn kích thích tăng trưởng kinh tế và đổi mới.

Về thách thức:

Một là, áp lực lên hệ thống an sinh xã hội. Việc gia tăng số lượng NCT đòi hỏi hệ thống an sinh xã hội phải mở rộng và cải thiện để đáp ứng nhu cầu về y tế và hỗ trợ xã hội. Về hệ thống bảo hiểm xã hội, số liệu tính đến hết năm 2022 cho thấy, chỉ có khoảng 38% lực lượng lao động tham gia; nghĩa là còn tới 62% lực lượng lao động chưa tham gia trụ cột an sinh xã hội quan trọng này. Đây là thách thức rất lớn của Việt Nam hiện nay và trong thời gian tới. Phần lớn những người chưa tham gia bảo hiểm xã hội là lao động phi chính thức (lao động không có hợp đồng, lao động thỏa thuận miệng...).

Hiện nay mức trợ cấp xã hội cho NCT chỉ cao hơn một chút so với chuẩn nghèo. Phân bổ ngân sách của Chính phủ về trợ cấp xã hội cho NCT năm 2020 là 6,13 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 0,15% GDP. Trong bối cảnh đó, phân bổ ngân sách cho trợ cấp xã hội đối với NCT tại Việt Nam cần tham khảo mức trợ cấp của các quốc gia khác trong khu vực có mức phát triển tương đồng để điều chỉnh cho phù hợp. Một khoảng trống chính sách nữa là độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội. Theo đó, những người 80 tuổi trở lên hiện nay đang được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hoặc hưởng lương hưu bảo hiểm xã hội (theo Nghị quyết số 114/NQ-CP phiên họp Chính phủ tháng 7 năm 2023 về dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), giảm độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội

từ 80 tuổi xuống 75 tuổi). Những NCT, dưới tuổi 75, nhiều người chưa thuộc diện bao phủ chính sách cần được xem xét đầy đủ về hoàn cảnh, nhu cầu và nguyện vọng để đưa vào mạng lưới an sinh xã hội, bảo đảm thu nhập trong thời gian tới. Đây là một khoảng trống cần phải thu hẹp⁽⁶⁾.

Hai là, vấn đề chăm sóc sức khỏe NCT trong bối cảnh dịch bệnh và biến đổi khí hậu. Quá trình già hóa dân số nhanh cũng đang đặt áp lực lớn lên thế hệ lao động trẻ, làm nguy cơ xuất hiện một thế hệ được các chuyên gia Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) gọi là “thế hệ bánh kẹp” - đó là những lao động tuổi trung niên vừa có trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ già, vừa chăm sóc, nuôi nấng con cái và lo cho chính mình. Với Việt Nam, tình trạng “thế hệ bánh kẹp” cũng là một hiện hữu khi tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội còn thấp, không bảo đảm được an sinh xã hội cho mình. Cứ như thế, thế hệ con, cháu sẽ phải “gánh” thay mới có thể bảo đảm mức sống tối thiểu từ trợ cấp xã hội. Với tình trạng già hóa dân số hiện nay, nếu không có quyết sách phù hợp thì vấn đề “thế hệ bánh kẹp” sẽ là thách thức rất lớn ở Việt Nam. Dưới tác động của biến đổi khí hậu NCT có thể chịu ảnh hưởng nặng nề từ các hiện tượng thời tiết cực đoan như nhiệt độ cao và ô nhiễm không khí,... cần có các biện pháp để giảm thiểu tác động này, như cải thiện chất lượng không khí và cung cấp thông tin về cách bảo vệ sức khỏe trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Hệ thống y tế cần được chuẩn bị để đối phó với các dịch bệnh, đặc biệt là bảo vệ NCT, nhóm có nguy cơ cao.

Để giúp NCT “hòa nhập” với xã hội, cần tạo điều kiện để NCT tham gia vào các câu lạc bộ tự giúp nhau đa thế hệ (ISHC). Các câu lạc bộ này cung cấp kiểm tra sức khỏe hàng năm và một số dịch vụ chăm sóc tại nhà cho NCT thông qua mạng lưới tình nguyện viên; Hỗ trợ các dự án cộng đồng như dự án được Ngân hàng Thế giới và Chính phủ Nhật Bản nhằm giảm thiểu sự dễ bị tổn thương về kinh tế và sức khỏe của NCT thông qua mở rộng mô hình chăm sóc cộng đồng; Tham gia vào các hoạt động xã hội, tạo môi trường thân thiện với NCT giúp họ duy trì sự năng động và tinh thần lạc quan; Hỗ trợ về mặt chăm sóc tài chính và y tế. Hiện nhiều NCT Việt Nam phải tự trả chi phí cho thuốc men và điều trị. Hỗ trợ tài chính hoặc thông qua bảo hiểm sức khỏe có thể giúp giảm gánh nặng này cho NCT. Ngoài ra, việc đầu tư vào việc phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe lâu dài và tạo ra môi trường sống thích hợp cho NCT cũng là những cách quan trọng để hỗ trợ họ.

(6) Xem: *Nhiều khoảng trống trong đảm bảo thu nhập cho NCT*, <https://vneconomy.vn/nhieu-khoang-trong-trong-dam-bao-thu-nhap-cho-nguoi-cao-tuoi.htm>

Ở Việt Nam, có một số tổ chức đang hỗ trợ NCT, bao gồm:

Một là, HelpAge International: Tổ chức này đã triển khai nhiều dự án nhằm giảm thiểu sự dễ bị tổn thương về kinh tế và sức khỏe của NCT, với sự hỗ trợ từ Ngân hàng Thế giới và Chính phủ Nhật Bản thông qua Quỹ Phát triển xã hội Nhật Bản.

Hai là, Câu lạc bộ Tự giúp nhau đa thế hệ (ISHC): Đây là mô hình được công nhận bởi Chính phủ và đã được đưa vào chính sách quốc gia, nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của NCT. Các câu lạc bộ này tự quản và chạy nhiều hoạt động đa thế hệ để giúp các thành viên cải thiện thu nhập, sức khỏe, thể chất và tinh thần và biết được quyền của mình.

Ba là, Hiệp hội NCT Việt Nam (VAE): Với hơn 8,3 triệu thành viên trên cả nước, VAE là một tổ chức đại chúng có nhiều chi nhánh ở cấp cộng đồng và làng xã, hỗ trợ NCT trong nhiều lĩnh vực.

Những tổ chức này đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ cho NCT, giúp họ có cuộc sống khỏe mạnh và tích cực.

Từ nay đến năm 2030 và tầm nhìn năm 2045, Việt Nam phấn đấu trở thành nước công nghiệp hiện đại và nước phát triển, có thu nhập cao, với “tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa tăng mạnh”⁽⁷⁾ cũng sẽ dẫn tới thay đổi quy mô dân số, cơ cấu dân số, vấn đề di cư tăng mạnh, yêu cầu phải tăng nhanh chất lượng dân số và ảnh hưởng tới phát triển bền vững. Khi quy mô, cơ cấu kinh tế thay đổi, tất yếu dẫn đến cơ cấu lao động, việc làm cũng thay đổi nhanh chóng (tỷ trọng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp giảm, công nhân và lao động dịch vụ tăng nhanh). Điều này đặt ra cho những người lãnh đạo, quản lý cần dự báo chính xác xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội để xây dựng các chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội bền vững như Văn kiện Đại hội XIII khẳng định: “Trên cơ sở dự báo đúng xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội ở nước ta trong những năm tới, xây dựng các chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội phù hợp”⁽⁸⁾. “Những vấn đề toàn cầu, như: bảo vệ hòa bình, an ninh con người, thiên tai, dịch bệnh, an ninh xã hội và an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường,

(7) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr. 108

(8) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 148

... tiếp tục diễn biến phức tạp”⁽⁹⁾, ảnh hưởng đến chất lượng dân số, mục tiêu dân số và phát triển bền vững của Việt Nam

2. Phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với phát triển và quản lý phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa nhằm tạo nên sự phát triển bền vững. Phát triển xã hội thể hiện ở sự tiến bộ của xã hội, là quá trình con người (cá nhân, cộng đồng, tổ chức, nhà nước) có những hoạt động khác nhau để nâng cao và cải thiện không ngừng chất lượng cuộc sống và môi trường sống cho con người.

Về mặt lý luận, “quản lý phát triển xã hội là hoạt động quản lý của nhà nước với sự phối hợp của các tổ chức ngoài nhà nước nhằm xây dựng chính sách, hoàn thiện thể chế, huy động và phân bổ các nguồn lực để giải quyết các vấn đề xã hội liên quan trực tiếp tới cuộc sống của cá nhân và cộng đồng, bảo đảm an sinh cho con người và cộng đồng xã hội, góp phần thúc đẩy kinh tế và văn hóa phát triển, chính trị ổn định và xã hội đoàn kết - đồng thuận”⁽¹⁰⁾. Nói một cách tổng quát: “Quản lý phát triển xã hội là sự tác động có chủ đích của hệ thống quản lý hay chủ thể quản lý (trực tiếp là Nhà nước hoặc các tổ chức ngoài nhà nước) lên hệ thống bị quản lý hay khách thể quản lý (đời sống xã hội), bằng các nguồn lực trong xã hội và các công cụ, phương thức tác động đa dạng, nhằm hướng sự vận hành và phát triển của đời sống xã hội theo các mục tiêu đặt ra”⁽¹¹⁾. Theo đó, quản lý phát triển xã hội phải bảo đảm công bằng, tiến bộ và bình đẳng xã hội. *Về nội dung*, quản lý phát triển xã hội phải thật sự bảo đảm phát triển chất lượng cuộc sống của nhân dân; coi nhân dân là chủ thể phát triển xã hội. *Về mục tiêu*, quản lý phát triển xã hội phải hướng đến mục tiêu điều tiết các quan hệ xã hội; hoàn thiện các thiết chế xã hội; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; bảo đảm cho con người được phát triển toàn diện; thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã nhấn mạnh: “Tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, chủ động thích ứng với già hóa dân số”⁽¹²⁾. Với mục

(9) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 106 - 107

(10) Hoàng Chí Bảo: *Luận cứ và giải pháp phát triển xã hội ở nước ta thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2010, tr.36

(11) Phạm Ngọc Thanh: *Quản lý phát triển xã hội tại Tây Nguyên trong xóa đói giảm nghèo, bảo trợ xã hội và y tế*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 24

(12) Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t. II, tr. 136

tiêu đảm bảo hệ thống chính sách xã hội và phúc lợi cho nhóm NCT ngày càng được cải thiện bao phủ đối tượng hưởng và tăng mức hưởng. Thời gian qua, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách phù hợp bảo đảm quyền và cơ hội tiếp cận cả về vật chất và tinh thần. Bao trùm chính sách xã hội cho NCT đều nhấn mạnh đến công tác và bảo trợ xã hội và chăm sóc sức khỏe đối với NCT bao hàm cả lĩnh vực sức khỏe, việc làm, văn hóa, thể thao, du lịch; lĩnh vực giao thông cũng như xây dựng và quản lý hiệu quả quỹ chăm sóc và phát huy vai trò NCT. Hiến pháp năm 2013, tại Điều 37 đã ghi rõ: “NCT được Nhà nước, gia đình và xã hội tôn trọng, chăm sóc và phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁽¹³⁾. Năm 2009, Quốc hội ban hành Luật NCT và đã đưa ra tiêu chí NCT gồm những người từ 60 tuổi trở lên (Điều 2). Ngày 14-01-2011, Chính phủ ban hành Nghị định số 06/2011/NĐ-CP “Về phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về NCT Việt Nam giai đoạn 2012 - 2020”. Ngày 13-10-2020, Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe NCT đến năm 2030” với mục tiêu chăm sóc, nâng cao sức khỏe NCT (người từ đủ 60 tuổi trở lên) bảo đảm thích ứng với già hóa dân số, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

3. Để quản lý phát triển xã hội đạt mục tiêu bền vững trong bối cảnh già hóa dân số hiện nay, cần thực hiện hiệu quả quan điểm chỉ đạo của Văn kiện Đại hội XIII: “Xây dựng và thực thi có hiệu quả chính sách dân số và phát triển, tận dụng và phát huy lợi thế thời kỳ dân số vàng, đồng thời, chuẩn bị điều kiện thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số, gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm mức tăng dân số hợp lý và cân bằng giới tính khi sinh”⁽¹⁴⁾. Theo đó, các chính sách và chiến lược cần tập trung vào:

Thứ nhất, bảo đảm tài chính cho các chương trình hỗ trợ NCT, như hưu trí đối với công dân từ 75 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng khác sẽ được trợ cấp hưu trí xã hội do ngân sách nhà nước bảo đảm; trợ cấp xã hội cho NCT thuộc hộ nghèo hoặc không có người phụng dưỡng có thể nhận trợ cấp hàng tháng, mức trợ cấp phụ thuộc vào độ tuổi và điều kiện sống; bảo hiểm y tế miễn phí; các ưu đãi khác như giảm giá vé, dịch vụ và nhận quà chúc thọ trong một số dịp đặc biệt. Những chính sách này bảo đảm an sinh xã hội và giảm bớt gánh nặng tài chính cho NCT, giúp họ có cuộc sống tự cung tự cấp và độc lập hơn. Nhận thức được xu hướng già hóa dân số là tất yếu, từ

(13) Xem: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx>

(14) Nguồn: <https://danso.org/viet-nam/>, ngày đăng 16-3-2023

nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm xây dựng chủ trương, đường lối, chính sách, đặc biệt là hệ thống trợ giúp xã hội, nhằm ứng phó hiệu quả. Cụ thể, Nhà nước đã có chính sách hỗ trợ NCT vay vốn ưu đãi để sản xuất - kinh doanh (Thông tư số 96/2018/TT-BTC). NCT có thể vay vốn tín dụng ưu đãi từ 2 nguồn vốn thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội và Quỹ quốc gia về việc làm để đầu tư phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm, cải thiện đời sống.

Việt Nam hiện nay có 2 cơ chế hỗ trợ tài chính cho NCT là bảo hiểm xã hội (lương hưu đóng góp) và trợ giúp xã hội (lương hưu không đóng góp). Theo tính toán của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, trung bình một người hưu trí nhận lương hưu 24,1 năm. Thời gian hưởng lương hưu của người nghỉ hưu đã kéo dài gần gấp đôi so với năm 1995⁽¹⁵⁾. Như vậy, việc nghỉ hưu sớm khi tuổi thọ ngày càng tăng là một thách thức lớn với quỹ bảo hiểm xã hội. Vì vậy, cần có cơ chế khuyến khích và tạo điều kiện cho NCT tiếp tục cống hiến cho xã hội thông qua các công việc phù hợp với năng lực và điều kiện sức khỏe, giúp họ có thêm thu nhập, đồng thời giảm bớt sự hỗ trợ của Nhà nước. Khi tham gia vào thị trường lao động, NCT có một vị trí đặc biệt bởi họ là những người có kinh nghiệm và kỹ năng để làm việc đã được tích lũy qua thời gian; có ý thức chấp hành, sự am hiểu pháp luật tốt; đồng thời ít bị tai nạn lao động hơn... Vì vậy, khi bước vào giai đoạn già hóa dân số thì việc sử dụng người lao động là NCT là rất cần thiết.

Thứ hai, phát triển hệ thống y tế giải quyết tốt vấn đề khám, chữa bệnh cho NCT, bao gồm cả phòng và điều trị bệnh. Người cao tuổi cần được kiểm tra sức khỏe định kỳ để phát hiện sớm các vấn đề sức khỏe và điều trị kịp thời; có chế độ dinh dưỡng cân đối, đặc biệt là protein, vitamin và khoáng chất; tập thể dục dưỡng sinh, yoga, đi bộ hoặc bơi lội,... giúp cải thiện sức khỏe thể chất và tinh thần; hỗ trợ NCT trong việc giải quyết cảm giác cô đơn, lo âu và trầm cảm; phòng ngừa và quản lý bệnh mãn tính như tăng huyết áp, đái tháo đường và các bệnh tim mạch; giúp NCT duy trì mối quan hệ và cảm giác có ích cho cộng đồng. Khi hoạch định chính sách dân số cần quan tâm tới vấn đề chăm sóc sức khỏe, nhu cầu khám, chữa bệnh của NCT với chất lượng ngày càng cao, chi phí và hình thức phù hợp; thực hiện song song chăm sóc sức khỏe NCT tại cơ sở y tế và dựa vào cộng đồng. Trong đó, việc thành lập các phòng, khoa chức năng, chuyên môn dành riêng cho người già trong các cơ sở khám, chữa bệnh sẽ giúp NCT được chăm sóc một cách chuyên nghiệp, toàn diện và liên tục. Thực tế ở Việt Nam hiện nay, hệ thống y tế chậm đổi mới để thích ứng với quá trình già

(15) Xem: <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=207450>

hóa dân số. Hệ thống bệnh viện và khoa lão khoa luôn trong tình trạng quá tải, NCT thường mất nhiều thời gian chờ đợi để được khám, chữa bệnh.

Thứ ba, chăm sóc xã hội: Bên cạnh nhu cầu đảm bảo tài chính, được chăm sóc sức khỏe, NCT còn có nhu cầu sử dụng các dịch vụ chăm sóc xã hội như hỗ trợ các hoạt động sinh hoạt cơ bản hàng ngày. Đây đang là một khoảng trống trong hệ thống chăm sóc sức khỏe cho NCT ở Việt Nam. Hiện nay, hệ thống dịch vụ chăm sóc xã hội chủ yếu là các trung tâm bảo trợ xã hội, nhà xã hội, chăm sóc tình nguyện tại cộng đồng; hầu hết NCT có nhu cầu hỗ trợ chưa được đáp ứng kịp thời. Vì vậy, xây dựng chính sách dân số cần kết hợp với việc hình thành các trung tâm thực hiện chăm sóc xã hội cho NCT. Tạo điều kiện cho NCT có cuộc sống phù hợp, an toàn và độc lập, đồng thời chú ý đến những người cô đơn, bị lạm dụng hoặc bị bạo hành. Khuyến khích NCT tham gia vào các hoạt động văn hóa, giáo dục, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch và nghỉ ngơi. Tạo việc làm phù hợp với sức khỏe, nghề nghiệp và các điều kiện khác để phát huy vai trò của NCT. Miễn các khoản đóng góp cho các hoạt động xã hội, trừ trường hợp tự nguyện đóng góp. Phát huy vai trò của NCT trong gia đình và cộng đồng, bởi NCT là những người có kinh nghiệm và kiến thức sâu rộng, có thể đóng góp vào việc giáo dục thế hệ trẻ và tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội. Những chính sách và hoạt động này giúp NCT không chỉ duy trì được sự năng động và tinh thần lạc quan mà còn góp phần quan trọng vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

Thứ tư, giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao nhận thức và kiến thức về già hóa dân số trong cộng đồng, cũng như đào tạo nguồn nhân lực chăm sóc NCT là một phần quan trọng trong việc thúc đẩy lão hóa tích cực. Theo đó, cần tăng cường giáo dục về lão hóa tích cực, cung cấp thông tin và kiến thức về các vấn đề sức khỏe liên quan đến tuổi già, cũng như cách thức để duy trì một lối sống năng động và khỏe mạnh. Phát triển chương trình giáo dục cho NCT (OAE), xây dựng và cải thiện hệ thống giáo dục dành riêng cho NCT nhằm tăng cường sự tham gia của họ vào cộng đồng và cải thiện sức khỏe tinh thần. Tổ chức các khóa học và chương trình nhằm nâng cao nhận thức và kiến thức về nguy cơ té ngã, cũng như cách thức phòng tránh, đặc biệt trong môi trường sống của NCT. Nâng cao vai trò của y tế cộng đồng, vì y tế cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục và nâng cao nhận thức về sức khỏe và an toàn cho NCT. Điều này không chỉ giúp NCT có kiến thức và kỹ năng cần thiết để đối phó với các thách thức của tuổi già mà còn giúp cộng đồng hiểu rõ hơn về quá trình lão hóa và cách thức hỗ trợ NCT một cách hiệu quả.

Thứ năm, bình đẳng giới bảo đảm cả nam và nữ NCT đều có quyền tiếp cận các dịch vụ và hỗ trợ cần thiết. Chính sách quốc gia về Bình đẳng giới đã được ban hành và đang thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới cho giai đoạn 2021 - 2023 nhằm bảo đảm quyền lợi và cải thiện chất lượng cuộc sống cho cả nam và nữ NCT. Các chương trình và dự án hỗ trợ NCT không chỉ tập trung vào sức khỏe và an sinh xã hội mà còn chú trọng đến việc giảm thiểu sự phân biệt đối xử dựa trên giới. Việt Nam cũng hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, như UN Women để thúc đẩy bình đẳng giới, bao gồm cả việc hỗ trợ NCT. Những nỗ lực này nhằm mục tiêu tạo ra một xã hội công bằng, nơi mọi người, bất kể giới tính, đều có quyền tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ và hỗ trợ cần thiết để có một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Thứ sáu, an toàn xã hội và an ninh con người nhằm bảo vệ NCT khỏi các rủi ro xã hội và tăng cường an ninh cho họ. Tình trạng NCT bị đối xử tàn tệ bằng nhiều hình thức như bằng lời nói, lạm dụng về thể xác (đánh đập) hoặc lạm dụng tình cảm (bắt nạt, đe dọa, không được quan tâm đến sức khỏe)... còn diễn ra khá phổ biến. Đây là nhóm người yếu thế trong xã hội cần được chăm sóc và bảo vệ đặc biệt. Cần có chính sách linh hoạt và an ninh cho người lao động cao tuổi. Theo đó, các chính sách nhằm tăng cường sự linh hoạt và an ninh thị trường lao động, bao gồm việc nghỉ hưu giai đoạn, giờ làm việc linh hoạt, giáo dục và đào tạo, cũng như sự linh hoạt trong tiền lương. Có chính sách toàn diện quốc gia cho NCT, trong đó đề xuất các nguyên tắc hướng dẫn và mục tiêu cho chính sách lão hóa, bao gồm cả an ninh tài chính, sức khỏe và khuyết tật, chăm sóc xã hội và môi trường sống phù hợp. Cần có luật và các chính sách y tế liên quan đến NCT, theo đó các quy định của pháp luật và chính sách y tế nhằm bảo đảm rằng NCT có quyền tiếp cận các dịch vụ y tế cần thiết và chất lượng. Những chính sách này nhằm mục tiêu tạo ra một môi trường an toàn và bảo vệ NCT, giúp họ sống một cuộc sống độc lập và có phẩm chất, cũng như giảm thiểu sự phụ thuộc và tăng cường sự tham gia của họ vào cộng đồng.

Ngoài ra, việc thích ứng với già hóa dân số cũng cần phải tính đến sự quy định của bối cảnh, bao gồm cả những thách thức như biến đổi khí hậu, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Điều này đòi hỏi sự chú ý đến các chiến lược phức hợp. Theo đó, cần tiến hành đánh giá rủi ro chi tiết để hiểu rõ cách thức mà biến đổi khí hậu có thể ảnh hưởng đến NCT, đặc biệt là trong các sự kiện thời tiết cực đoan. Phát triển chính sách y tế linh hoạt, có khả năng thích ứng với các thách thức do biến đổi khí hậu gây ra, như tăng cường hệ thống chăm sóc sức khỏe để đối phó với nhiệt độ cao và ô nhiễm không khí. Có chế độ hỗ trợ kinh tế và

xã hội bảo đảm rằng NCT có đủ nguồn lực kinh tế và hỗ trợ xã hội để thích ứng với các thay đổi do toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Tăng cường giáo dục và nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và già hóa dân số nhằm khuyến khích sự tham gia và đóng góp của NCT vào cộng đồng. Cải thiện kết cấu hạ tầng để bảo đảm an toàn và tiện ích cho NCT, đặc biệt là việc tiếp cận dịch vụ y tế và xã hội. Những chiến lược này không chỉ giúp NCT thích ứng với các thách thức hiện tại mà còn giúp họ chuẩn bị tốt hơn cho tương lai. Điều này đòi hỏi sự linh hoạt và sáng tạo trong việc phát triển chính sách và chương trình hỗ trợ NCT trong thời gian tới.□

CẦN CÓ NHỮNG CHÍNH SÁCH ĐỂ ỨNG PHÓ KỊP THỜI VỚI GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM

TS. PHÙNG NGỌC BẢO

Vụ trưởng, Tạp chí Cộng sản

GÌA hóa dân số là một trong những vấn đề mang tính toàn cầu, các quốc gia phải không ngừng thay đổi chính sách để ứng phó, thích nghi với vấn đề này nhằm nâng cao chất lượng đời sống người dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Việt Nam được xem là quốc gia đang mất dần thời kỳ dân số vàng, chuyển sang già hóa dân số nhanh nên việc nhận diện thực trạng, tìm ra chính sách ứng phó với già hóa dân số rất cần được quan tâm.

Già hóa dân số đang là xu hướng chung của thế giới, diễn ra nhanh chóng ở nước ta

Theo nhận định của Liên hợp quốc (United Nations), quốc gia được xếp vào “đang già hóa” khi tỷ lệ người dân từ 65 tuổi trở lên của quốc gia đó vượt quá 7% tổng dân số; con số này lần lượt vượt quá mức 14% và 20%, dân số sẽ được xem là “đã già hóa” và “siêu già hóa”. Còn Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) sử dụng mốc 60 tuổi thay vì 65 tuổi với các tỷ lệ 10%, 20% và 30% lần lượt là các mốc cho tình trạng “đang già hóa”, “già hóa”, và “siêu già hóa”⁽¹⁾.

Nhìn chung, dân số trên toàn thế giới đang dần già đi. Theo số liệu của Ngân hàng thế giới (World Bank), nhóm dân số 65 tuổi trở lên trên thế giới đã có sự gia tăng đáng kể từ năm 1960, từ khoảng 5% tổng dân số thế giới, tương đương 151 triệu người, đến năm 2016 tăng lên 8,5%, tương ứng gần 630 triệu người. Như vậy, dân số trên thế giới đã chính thức tiến vào giai đoạn “đang già hóa”.

(1) Xem: Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA): *Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam - Thực trạng, dự báo và các khuyến nghị chính sách*, Hà Nội, .

Một số nhà khoa học cho rằng, thế kỷ XX là thời đại tăng trưởng dân số bền vững, bước sang thế kỷ XXI sẽ là kỷ nguyên của dân số già hóa. Báo cáo Triển vọng Dân số thế giới năm 2019 của Liên hợp quốc cho , dân số thế giới hiện khoảng 7,7 tỷ người và dự báo sẽ tăng thêm khoảng 2 tỷ người vào năm 2050. Tuổi thọ dân số thế giới ngày càng tăng (năm 1950 tuổi thọ trung bình là 46,7 tuổi và tăng lên 71 tuổi vào năm 2020). Hiện số người trên 65 tuổi đã vượt số trẻ em dưới 5 tuổi và sẽ tăng gấp đôi vào năm 2050; số người trên 80 tuổi cũng sẽ tăng gấp 3 lần đạt đến 426 triệu người. Tuổi thọ trung bình toàn cầu được dự báo tăng lên 77,1 tuổi vào năm 2050. Do đó, già hóa dân số là một trong những xu hướng nổi bật của thế kỷ XXI, và đang diễn ra trên khắp thế giới với mức độ khác nhau ở mỗi quốc gia, khu vực. Đến năm 2050, dân số thế giới được dự báo sẽ tiếp tục tiến thêm vào giai đoạn “già hóa”⁽²⁾.

Hiện nay, thế giới có đến 89/189 quốc gia và vùng lãnh thổ có tổng tỷ suất sinh (TFR) dưới mức sinh thay thế (2,1 con/phụ nữ), trong khi cách đây 50 năm chỉ có 8 quốc gia. Trên thực tế, tỷ lệ sinh toàn cầu đã giảm từ 3,2 con/phụ nữ vào năm 1990 xuống còn 2,5 con/phụ nữ vào năm 2019, hiện đang có xu hướng giảm mạnh đối với các nước phát triển và được dự báo còn tiếp tục giảm trong thời gian tới. Tuổi thọ gia tăng, tỷ suất sinh giảm làm cho số người cao tuổi trong cơ cấu dân số ngày càng tăng đã tạo áp lực lên hệ thống an sinh xã hội ở từng quốc gia và trên toàn thế giới.

Quy định của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), người cao tuổi là người từ 70 tuổi trở lên, còn ở Việt Nam quy định người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên. Việt Nam được đánh giá là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Những người từ 60 tuổi trở lên chiếm 11,9% tổng dân số năm 2019 và dự báo đến năm 2050, con số này sẽ tăng lên hơn 25%; Đến năm 2036, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội “già hóa” sang xã hội “già”. Sự thay đổi nhân khẩu học này xảy ra ở Việt Nam không chỉ bởi giảm tỷ lệ tử vong và tăng tuổi thọ, mà phần lớn là do giảm mạnh tỷ lệ sinh trong những thập kỷ qua đã tác động rất lớn tới cơ cấu dân số của Việt Nam, làm đẩy nhanh tốc độ già hóa dân số.

Tuổi thọ trung bình ở Việt Nam đã tăng từ 68,6 tuổi (năm 1999) lên 73,2 tuổi (năm 2014), tăng dần lên 74,5 tuổi (năm 2019), dự báo tăng lên 78 tuổi (năm 2030) và đạt 80,4 tuổi (năm 2050). Chỉ số già hóa năm 2019 là 48,8%, tăng 13,3

(2) Xem: Phương Linh: “Dân số thế giới tăng lên gần 8 tỷ người, ngày càng già hoá”, *Tạp chí Kinh tế Việt Nam*, ngày 12-7-2019, <https://vneconomy.vn/dan-so-the-gioi-tang-len-gan-8-ty-nguoi-ngay-cang-gia-hoa.htm>

điểm phần trăm so với năm 2009 và tăng hơn hai lần so với năm 1999. Đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng là hai vùng có chỉ số già hóa cao nhất cả nước (tương ứng là 58,5% và 57,4%). Tây Nguyên là nơi có chỉ số già hóa thấp nhất cả nước (28,1%)⁽³⁾.

Một thực trạng tác động không nhỏ đến già hóa dân số là thập kỷ 70 - 80 của thế kỷ trước, phụ nữ nước ta sinh nhiều con và nhiều hơn tỷ suất sinh thay thế cần thiết (5 - 6 con/phụ nữ). Tuy nhiên, từ những năm 80 trở lại đây, xu hướng này ngày càng giảm và thấp nhất vào năm 2005. Đến nay, mặc dù tỷ suất sinh trung bình có sự cải thiện, nhưng vẫn chưa đạt tỷ suất sinh cần thiết là 2,1 con/phụ nữ. Theo Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, xét về tổng tỷ suất sinh trung bình 5 năm gần đây, có 33 tỉnh có mức sinh hơn 2,2 con, 21 tỉnh có mức sinh dưới 2 con, và chỉ có 9 tỉnh, thành phố có mức sinh xoay quanh mức sinh thay thế (2 - 2,2 con).

Có thể thấy, Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Theo cơ sở dữ liệu dân cư do Bộ Công an cung cấp, đến ngày 9-2-2023 cả nước có 16.179.824 công dân từ 60 tuổi trở lên, chiếm gần 17% số dân, trong đó từ 60 tuổi đến dưới 70 tuổi là 9.417.924 người, từ 70 tuổi đến dưới 80 tuổi là 4.189.640 người, từ 80 tuổi đến dưới 90 tuổi là 1.907.991 người, từ 90 tuổi đến dưới 100 tuổi là 623.221 người, từ 100 tuổi trở lên là 41.048 người. Đáng lưu ý là, quá trình quá độ từ già hóa dân số đến dân số già của Việt Nam chỉ trong vòng 20 năm, trong khi các quốc gia phát triển mất một thế kỷ hoặc hàng thập kỷ như: Pháp (115 năm), Thụy Điển (85 năm), Australia (73 năm), Mỹ (69 năm), Canada (65 năm), Anh (45 năm)...⁽⁴⁾

Về già hóa, giai đoạn 2009 - 2019, dân số nước ta tăng bình quân 1,14%/năm, trong khi dân số cao tuổi tăng bình quân 4,35%/năm, bình quân tăng 400 nghìn người cao tuổi/năm, nhưng từ giai đoạn 2019 - 2021, bình quân tăng 600 nghìn người cao tuổi/năm. Chỉ số già hóa (số người cao tuổi trên 100 trẻ em dưới 15 tuổi) tăng nhanh từ năm 2009, điều đó cho thấy xu hướng già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng. Năm 2009, chỉ số già hóa là 35,5; năm 2014 chỉ số già hóa đạt 43,3; năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 chỉ số già hóa lần lượt là 47,1; 50,1; 53,4; 56,9; 48,8; 51,0; đến năm 2021 chỉ số già hóa là 53,1.

(3) Xem: Tổng cục Thống kê: *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam*, Hà Nội, tháng 7-2021

(4) Xem: Mai Đình Lâm: “Cơ hội, thách thức của già hóa dân số và giải pháp chính sách nhằm thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam”, *Tạp chí Công thương điện tử*, ngày 5-11-2023, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/co-hoi-thach-thuc-cua-gia-hoa-dan-so-va-giai-phap-chinh-sach-nham-thich-ung-voi-gia-hoa-dan-so-o-viet-nam-112977.htm>

Trong năm 2023, Tổng cục Thống kê phối hợp với Quỹ Dân số Liên hợp quốc nghiên cứu và công bố báo cáo Tổng quan Tài khoản chuyển nhượng quốc gia của Việt Nam, đã mô tả chi tiết nền kinh tế thông qua đặc điểm thu nhập và chi tiêu của dân số và sự tái phân bổ nguồn lực kinh tế giữa các thế hệ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, dân số lao động tạo ra thu nhập để bù đắp các khoản chi tiêu của mình và “gánh đỡ” nhóm dân số phụ thuộc trong nền kinh tế Việt Nam, thực chất là nhóm những người trong độ tuổi từ 22 - 53 mà không thuộc nhóm dân số trong độ tuổi lao động, từ 15 - 64 tuổi. Đây không phải là một lợi thế cho nền kinh tế khi dân số đang trong thời kỳ già hóa nhanh với số người từ 60 tuổi trở lên tăng mạnh qua các năm. Điều này không có nghĩa là chúng ta đã kết thúc “thời kỳ dân số vàng”. Xét về cấu trúc tuổi thuần túy, Việt Nam vẫn đang ở trong thời kỳ dân số vàng với tỷ trọng dân số từ 15 - 64 tuổi của Việt Nam khoảng 67,4%, tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi và từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 32,6%. Tuy nhiên, càng ngày lợi thế do “cơ cấu dân số vàng” đem lại càng giảm đi, đồng thời mức thâm hụt vòng đời kinh tế do tình trạng già hóa dân số ngày càng cao.

Những hệ lụy của việc già hóa dân số

Già hóa dân số gây sức ép đối với nguồn lực tài chính của Nhà nước để bảo đảm nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi. Thực tế hiện nay cho thấy, đa phần người cao tuổi không có, hoặc có rất ít tích lũy vật chất, 70% người cao tuổi vẫn phải làm việc kiếm sống, trong khi người cao tuổi rất dễ bị tổn thương với những rủi ro kinh tế - xã hội khi con cái không có việc làm và cuộc sống ổn định⁽⁵⁾. Vì vậy, Nhà nước đã chi khoản ngân sách nhất định trợ cấp cho người già, dù không cao. Ngoài ra, cơ cấu và mô hình bệnh tật người cao tuổi nước ta hiện nay đang thay đổi theo xu hướng bệnh không lây nhiễm, các bệnh mãn tính như các bệnh về xương khớp, hô hấp, tim mạch, cao huyết áp, đột quỵ, tiểu đường, rối loạn chuyển hóa... tăng nhanh, dẫn đến chi phí chăm sóc y tế rất cao, và tất yếu tạo thêm áp lực quá tải cho các bệnh viện, nhất là các bệnh viện công vốn chưa được giải quyết dứt điểm.

Già hóa dân số tạo ra thách thức về điều chỉnh thị trường lao động, việc làm, giải quyết xung đột, mâu thuẫn giữa các thế hệ trong thời kỳ dân số già. Tốc độ già hóa dân số có xu hướng tăng mạnh cũng đồng thời rút ngắn thời kỳ dân số vàng, đòi hỏi Việt Nam có các chính sách phù hợp về phát triển nguồn nhân

(5) Xem: Trương Thị Ngọc Lan, Phạm Thị Giang: “Thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, ngày 26-11-2020, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/11/26/thich-ung-voi-gia-hoa-dan-so-o-viet-nam/>

lực, đặc biệt là chính sách cho thanh niên, tạo việc làm, chăm sóc sức khỏe sinh sản, đảm bảo quyền bình đẳng giới... Là một quốc gia có mức thu nhập bình quân đầu người chưa cao, Việt Nam đang phải đối mặt với thực trạng nền kinh tế mặc dù đã tận dụng được nguồn lao động dồi dào nhưng chủ yếu dựa vào khai thác lao động giá rẻ và giản đơn, chất lượng công việc nằm trong chuỗi giá trị thấp.

Già hóa dân số tạo ra nguy cơ thiếu hụt lực lượng lao động cho nền kinh tế. Theo nghiên cứu của các tổ chức, cá nhân nghiên cứu về dân số nước ta, tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động ở Việt Nam được dự báo là sẽ sụt giảm xuống còn 64% vào năm 2049, tương đương 69,5 triệu dân. Trong khi đó, tỷ lệ dân số trẻ (dưới 15 tuổi) - nhóm dân số kế cận và là nguồn cung cho lực lượng lao động của Việt Nam trong tương lai cũng được dự báo cũng sụt giảm xuống còn 17,8% trong cùng thời kỳ, tương đương 19,4 triệu dân vào năm 2049. Như vậy, lực lượng lao động của nền kinh tế sẽ sụt giảm trầm trọng trong tương lai. Nếu không giải quyết tốt vấn đề này, tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam sẽ đứng trước nguy cơ bị suy giảm trong trung và dài hạn.

Già hóa dân số kéo theo việc gia tăng chi phí xã hội cho việc chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội. Số lượng người già từ 65 tuổi trở lên ở Việt Nam sẽ gia tăng nhanh, đi kèm với sự gia tăng này chính là gánh nặng về kinh tế cho việc chăm sóc lực lượng dân số già này. Thực tế cho thấy, người cao tuổi vốn là nhóm người dễ tổn thương trong xã hội, khi càng có nhiều người thuộc nhóm tuổi này hơn trong dân số đất nước, nhu cầu phúc lợi và chăm sóc sức khỏe cho nhóm người này sẽ ngày một tăng cao. Trong khi đó, hệ thống y tế và an sinh xã hội ở nước ta vẫn chưa thực sự phát triển. Vì vậy, nếu không có những điều chỉnh về mặt chính sách phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu cho nhóm người cao tuổi này, Nhà nước không thể tập trung toàn lực vào sản xuất và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Tóm lại, già hóa dân số đặt ra những cơ hội và thách thức về mặt kinh tế, xã hội, đồng thời đòi hỏi quốc gia thực hiện những thay đổi trong nền kinh tế. Già hóa dân số nhanh chóng cũng có thể dẫn đến tình trạng thiếu lao động trong tương lai, cũng như nhu cầu an sinh xã hội ngày càng tăng ở người cao tuổi. Khi tỷ lệ người cao tuổi tăng thì nhu cầu về các dịch vụ xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu của họ cũng tăng theo. Như vậy, nếu không có những biện pháp thích hợp, vấn đề già hóa dân số có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế của đất nước trong dài hạn. Bên cạnh đó, cần nhìn nhận già hóa dân

số không phải luôn là vấn đề cản trở sự phát triển kinh tế của đất nước. Thậm chí, nếu thiết kế được các chính sách nhằm giúp giảm bớt gánh nặng của người cao tuổi lên xã hội, đồng thời vừa giúp tối đa hóa những đóng góp của họ trong phát triển kinh tế đất nước thì có thể tận dụng được những lợi ích từ già hóa dân số mang lại, qua đó góp phần duy trì và thúc đẩy tăng trưởng.

Cần có những chính sách phù hợp để ứng phó kịp thời với già hóa dân số

Hiện nay, nước ta tồn tại song song hai vấn đề về dân số, đó là vừa trong giai đoạn dân số vàng, vừa đang trong quá trình già hóa dân số. Đây là thời điểm tốt để Việt Nam có những chính sách hợp lý nhằm kéo dài thực trạng dân số vàng và ứng phó với xu hướng già hóa dân số. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng dự báo “Xu hướng già hoá dân số nhanh”⁽⁶⁾ là một trong những thách thức lớn mà Việt Nam phải giải quyết; trong thời gian tới cần “chuẩn bị điều kiện thích ứng với già hoá dân số”⁽⁷⁾. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Người cao tuổi Việt Nam lần thứ VI (năm 2022), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh, thời gian tới cần tiếp tục “Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội, cộng đồng và gia đình”. Tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu “ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau”. Kính trọng, bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi. Bảo trợ, giúp đỡ người cao tuổi gặp khó khăn, cô đơn không nơi nương tựa”⁽⁸⁾. Để thực hiện tốt các vấn đề trên, chúng ta cần có những chính sách phù hợp để ứng phó kịp thời với già hóa dân số. Đó là:

Một là, về quan điểm, cần nhất quán nhìn nhận người cao tuổi, nhóm dân số già có vai trò, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, là chỗ dựa cho các thế hệ trẻ, thay vì nhìn nhận chỉ như các đối tượng hưởng trợ cấp xã hội. Già hóa dân số chắc chắn là một lĩnh vực cần sự quan tâm sâu sát của các nhà hoạch định chính sách và ra quyết định dựa trên phương pháp tiếp cận theo vòng đời. Mặc dù già hóa dân số đặt ra thách thức cho xã hội và nền kinh tế, song một bộ chính sách phù hợp sẽ cho phép cá nhân, gia đình và xã hội giải quyết những thách thức này và gặt hái những lợi ích mà nó mang lại.

(6) Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.108

(7) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, tr. 151

(8) Xem: “Phấn đấu để người cao tuổi sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc”, Báo điện tử VietnamPlus, ngày 13-1-2022, <https://www.vietnamplus.vn/phan-dau-de-nguoi-cao-tuoi-song-vui-song-khoe-song-hanh-phuc-post768224.vnp>

Hai là, đặt già hóa dân số là một trong những vấn đề cần ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Già hóa dân số đặt ra cả cơ hội và thách thức đối với tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội. Vì vậy, trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, thiết nghĩ vấn đề già hóa dân số cần phải có vai trò tương xứng với những ảnh hưởng của nó với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Cũng từ đó, nhóm dân số già cần được nhìn nhận như các chủ thể đóng góp quan trọng vào tiến trình phát triển kinh tế - xã hội, thay vì chỉ như là các đối tượng hưởng trợ cấp của xã hội.

Ba là, cần có cơ chế chính sách để khuyến khích sự tiếp tục tham gia vào lực lượng lao động của những người cao tuổi. Điều này có thể bù đắp khả năng thiếu hụt nguồn cung lao động trong tương lai cũng như giúp tận dụng thêm những ích lợi từ vấn đề già hóa dân số. Khi bản thân lực lượng lao động đang dần già hóa, thì chính việc khai thác và tận dụng những đóng góp của những người lao động lớn tuổi có thể tạo ra những lợi thế cạnh tranh quan trọng cho nền kinh tế. Cụ thể là tận dụng những kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý, sản xuất... của người cao tuổi để góp phần mang lại giá trị phát triển bền vững về kinh tế - xã hội của đất nước. Nên khuyến khích tạo việc làm phù hợp cho người cao tuổi, để người cao tuổi vừa có thu nhập cải thiện đời sống, vừa được chăm sóc y tế khi bệnh tật, ốm đau, bảo đảm chất lượng sống cho mình. Đối với người cao tuổi, nếu vẫn được tham gia vào lực lượng lao động phù hợp với tuổi, thể lực thì họ sẽ nâng cao tính độc lập, giảm phụ thuộc kinh tế vào con cháu. Quá trình này sẽ giúp tăng sự gắn kết các thế hệ trong gia đình.

Bốn là, quá trình già hóa dân số cũng mang đến nhiều cơ hội kinh doanh về các sản phẩm, dịch vụ cho người già như chăm sóc sức khỏe, dịch vụ giải trí, dưỡng lão, ứng dụng công nghệ số trong chăm sóc người già. Vì vậy, cần mở rộng hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, nâng cao năng lực chăm sóc, khám chữa bệnh cho người cao tuổi, xây dựng môi trường sống thân thiện với người cao tuổi. Cần hướng tới sự phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến để quá trình già hóa dân số diễn ra một cách năng động, với sự bảo đảm sức khỏe và đóng góp tích cực cho xã hội của người cao tuổi. Đồng thời, tăng cường đào tạo cán bộ chăm sóc và chuyên môn y tế trong công tác chăm sóc người cao tuổi.

Năm là, thực hiện xã hội hóa, huy động đa dạng nguồn lực đáp ứng nhu cầu phục vụ già hóa dân số. Nhu cầu của nhóm dân số già sẽ đem đến các cơ hội như hình thành các thị trường mới và để chuyển hóa các thách thức mà già

hóa dân số mang lại, việc xã hội hóa và huy động tối đa các nguồn lực đóng vai trò quan trọng để giải quyết và khai thác hiệu quả vấn đề già hóa dân số. Khuyến khích khu vực tư nhân tham gia vào việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách vào hạ tầng y tế, văn hóa, xã hội cho người cao tuổi. Sử dụng vốn đầu tư công làm vốn đầu tư ban đầu, tạo sức lan tỏa, thu hút đầu tư tư nhân, bao gồm cả đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhằm đáp ứng các nhu cầu về y tế, văn hóa ngày càng cao của nhóm người cao tuổi. □

XU HƯỚNG GIÀ HÓA DÂN SỐ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH

TS. NGUYỄN NHU QUỲNH

Viện trưởng Viện Chiến lược và Chính sách tài chính (Bộ Tài chính)

G IÀ hóa dân số⁽¹⁾ đã trở thành xu thế toàn cầu và là một trong những vấn đề được nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam quan tâm. Già hóa dân số có thể dẫn đến tình trạng khủng hoảng nguồn nhân lực cho thị trường lao động trong tương lai (Nhật Bản, Pháp, Đức...); tăng nhanh tỷ lệ dân số phụ thuộc, gây áp lực với hệ thống lương hưu, y tế và hệ thống bảo trợ xã hội đối với chăm sóc người cao tuổi. Tại Việt Nam, tốc độ già hóa nhanh cũng đặt ra những thách thức lớn cho nền kinh tế, tác động đến thị trường lao động cũng như cung ứng các dịch vụ công, đặt ra các yêu cầu đối với chính sách tài chính nhằm bảo đảm hệ thống an sinh xã hội đa tầng cho người cao tuổi... Bài viết này sẽ phân tích xu hướng già hóa dân số và những vấn đề đặt ra đối với chính sách tài chính tại Việt Nam.

1. Xu hướng già hóa dân số và các chính sách tài chính cho người cao tuổi

Việt Nam chính thức bước vào thời kỳ già hóa dân số từ năm 2011, khi tỷ lệ dân số từ 60 tuổi trở lên tăng khá nhanh từ 10,1% năm 2011 lên 11,4% năm 2019 và 12,8% năm 2021. Năm 2023, dân số trung bình của Việt Nam đạt 100,3 triệu người, trong đó, có hơn 16,1 triệu người cao tuổi, chiếm hơn 16% tổng dân số⁽²⁾. Theo dự báo của Tổng cục Thống kê, Việt Nam sẽ chính thức bước vào giai đoạn “dân số già” năm 2036 với hơn 21 triệu người cao tuổi, chiếm 19,5%

(1) Theo Quỹ dân số Liên hợp quốc (2011), một nước sẽ bước vào giai đoạn “bắt đầu già” khi số người cao tuổi chiếm 10% tổng dân số và giai đoạn “già” khi dân số cao tuổi chiếm 20% tổng dân số

(2) Tổng cục Thống kê, 12/2023, Thông cáo báo chí về tình hình dân số, lao động việc làm quý IV và năm 2023

tổng dân số. Tính toán theo cơ sở dữ liệu dân cư (Bộ Công an), nước ta sẽ chính thức bước vào thời kỳ dân số già vào đầu những năm 2030⁽³⁾. Như vậy, chỉ còn khoảng 10 năm nữa, Việt Nam sẽ chính thức bước vào thời kỳ dân số già.

Bảng 1: Số lượng, tỷ lệ người cao tuổi trong cơ cấu dân số, 2009 - 2023

	2009	2011	2019	2021	2023
Tổng dân số (triệu người)	85,8	88,1	96,2	98,2	100,3
Số lượng NCT (triệu người)	7,45	8,9	11,4	12,5	16,1
Tỷ lệ NCT/tổng dân số (%)	8,68	10,1	11,9	12,8	16,1

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Nhận thức được xu hướng già hóa dân số là tất yếu, từ nhiều năm, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm xây dựng các chủ trương, đường lối, chính sách, đặc biệt là hệ thống trợ giúp xã hội nhằm ứng phó với xu hướng này. Luật Người cao tuổi được ban hành năm 2009 thay thế cho Pháp lệnh người cao tuổi năm 2000 đã tạo hành lang pháp lý và khuôn khổ chính sách khá toàn diện đối với người cao tuổi. Theo đó, người cao tuổi có quyền được bảo đảm các nhu cầu cơ bản về ăn, mặc, ở, đi lại, chăm sóc sức khỏe; được quyết định sống chung với con, cháu hoặc sống riêng theo ý muốn; được ưu tiên khi sử dụng các dịch vụ theo quy định của pháp luật; được tạo điều kiện tham gia hoạt động văn hóa, giáo dục, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch và nghỉ ngơi; được tạo điều kiện làm việc phù hợp với sức khỏe, nghề nghiệp và các điều kiện khác để phát huy vai trò của người cao tuổi; được miễn các khoản đóng góp cho các hoạt động xã hội; được ưu tiên nhận tiền, hiện vật cứu trợ, chăm sóc sức khỏe và chỗ ở...

Để thực hiện các quyền này, hệ thống chính sách về người cao tuổi nói chung và chính sách tài chính nói riêng đã có những điều chỉnh phù hợp, bao gồm nhóm chính sách trợ giúp xã hội; nhóm chính sách về bảo đảm tiếp cận y tế, chăm sóc sức khỏe và nhóm chính sách về tạo việc làm, thu nhập cho người cao tuổi.

(i) Nhóm chính sách về trợ giúp xã hội

Chính sách trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi bao gồm chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng; nhận chăm sóc nuôi dưỡng tại cộng đồng; chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội được quy định chi tiết tại

(3) Trương Thị Mai: *Những vấn đề về người cao tuổi Việt Nam*, Hội nghị trực tuyến toàn quốc người cao tuổi tiêu biểu và cán bộ cốt cán các cấp hội năm 2023

Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, ngày 15-3-2021, với mức chuẩn trợ cấp xã hội là 360.000 đồng/tháng, với hệ số từ 1,0 - 3,0 cho từng nhóm đối tượng cụ thể.

Chính sách trợ giúp đột xuất là các chính sách hỗ trợ những người, hộ gia đình gặp khó khăn do hậu quả của thiên tai, mất mùa (bao gồm cả người cao tuổi). Bên cạnh đó, người cao tuổi còn được hưởng các chính sách chúc thọ, mừng thọ và được hỗ trợ một phần chi phí tổ chức tang lễ và mai táng...

(ii) Nhóm chính sách về hỗ trợ tiếp cận với dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe

Với chủ trương thực hiện bảo hiểm y tế (BHYT) toàn dân, bảo đảm mọi công dân được tiếp cận với dịch vụ y tế, pháp luật về BHYT đã quy định BHYT là hình thức bảo hiểm bắt buộc phải thực hiện đối với mọi đối tượng trong xã hội. Để bảo đảm mọi người dân có thể tham gia BHYT, đặc biệt là người cao tuổi, Luật Bảo hiểm xã hội đã quy định phạm vi, đối tượng được ngân sách nhà nước (NSNN) đóng hoặc hỗ trợ BHYT bao gồm người cao tuổi thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội, người cao tuổi thuộc hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình; người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng. Đồng thời, người cao tuổi được ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập, được miễn hoặc giảm một phần chi phí khám, chữa bệnh từ BHYT.

Bên cạnh đó, Nhà nước cũng tăng cường ưu tiên khuyến khích khu vực tư nhân phát triển các mô hình chăm sóc người cao tuổi ở Việt Nam. Khoản 3, Điều 20, Luật Người cao tuổi quy định: “Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở chăm sóc người cao tuổi; đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ kinh phí hoạt động cho cơ sở chăm sóc người cao tuổi công lập; hỗ trợ kinh phí cho cơ sở chăm sóc người cao tuổi ngoài công lập nuôi dưỡng người cao tuổi quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này”. Điều 16, Nghị định số 06/2011/NĐ-CP, ngày 14-01-2011, của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi: “Tổ chức, cá nhân đóng góp đầu tư xây dựng cơ sở chăm sóc người cao tuổi được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, ngày 30/5/2008, của Chính phủ, về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường”⁽⁴⁾. Điều 3, Nghị định số 103/2017/NĐ-CP, ngày 12-9-2017, của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt

(4) Đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, ngày 16/6/2014, của Chính phủ

động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội, quy định: “Nhà nước khuyến khích các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước thành lập cơ sở trợ giúp xã hội để chăm sóc, trợ giúp đối tượng có nhu cầu trợ giúp xã hội trên lãnh thổ Việt Nam. Cá nhân, tổ chức đầu tư xây dựng cơ sở được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định của pháp luật”. Như vậy, chủ trương khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư xây dựng các cơ sở chăm sóc người cao tuổi đã được thể chế hóa tại các văn bản quy phạm pháp luật về người cao tuổi và được dẫn chiếu đến pháp luật về xã hội hóa (XHH) với các quy định ưu đãi chi tiết về kết cấu hạ tầng, cho thuê đất, ưu đãi thuế (thuế trước bạ, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất, nhập khẩu).

(iii) Chính sách việc làm đối với người cao tuổi

Nhà nước đã có chính sách hỗ trợ người cao tuổi vay vốn ưu đãi để tiến hành các hoạt động sản xuất - kinh doanh (SXKD)⁽⁵⁾, trường hợp người cao tuổi trực tiếp SXKD có nhu cầu vay vốn thuộc đối tượng cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm, được xem xét vay vốn theo chương trình hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm tại Ngân hàng Chính sách xã hội. Nguồn vốn cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm theo kế hoạch hằng năm của địa phương. Nguyên tắc, mức vay, thời hạn vay, lãi suất vay, điều kiện bảo đảm tiền vay; quy trình, thủ tục vay vốn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 74/2019/NĐ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 08-11-2019). Theo đó, mức vay được nâng tối đa đối với cơ sở SXKD lên tới 2 tỷ đồng; đối với người lao động, mức vay tối đa là 100 triệu đồng. Mức vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội và đối tượng vay vốn thỏa thuận căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ SXKD và khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn; thời hạn vay vốn tối đa lên tới 120 tháng. Bên cạnh đó, mức vay cần phải có tài sản bảo đảm tiền vay đã được nâng lên 100 triệu đồng thay vì 50 triệu đồng như trước. Như vậy, người cao tuổi cũng có thể vay vốn tín dụng ưu đãi từ hai nguồn vốn thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội và Quỹ quốc gia về việc làm để đầu tư phát triển kinh tế, tạo việc làm, cải thiện đời sống.

2. Kết quả việc thực hiện chính sách tài chính đối với người cao tuổi

Với những chính sách ưu tiên, đa tầng, đa nấc trong thời gian qua đã góp phần bảo đảm được đời sống của người cao tuổi, đặc biệt là nhu cầu về chăm

(5) Thông tư số 96/2018/TT-BTC, ngày 18-10-2018, của Bộ Tài chính, quy định về quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú

sức khỏe của người cao tuổi hiện nay. Theo Bộ Tài chính⁽⁶⁾, kinh phí hỗ trợ cho đối tượng bảo trợ xã hội (trong đó có người cao tuổi) năm 2023 là hơn 28 nghìn tỷ đồng. Trong đó, có kinh phí mua thẻ BHYT cho đối tượng bảo trợ xã hội là 2,4 tỷ đồng (gồm có hơn 1,5 triệu người cao tuổi). Nhân dịp Tết Nguyên đán 2023, các địa phương vận động 9.500 tỷ đồng, hỗ trợ cho hơn 25 triệu lượt đối tượng khó khăn, tăng hơn 3.612 tỷ đồng so với năm 2022, chủ động bố trí hỗ trợ hơn 1.500 tấn gạo cho các hộ người cao tuổi nghèo và cận nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, có 14 tỉnh, thành phố nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội (thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Khánh Hòa...); 32 tỉnh, thành phố mở rộng đối tượng người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn, sống cô đơn được hưởng chính sách trợ giúp xã hội.

Chính sách hỗ trợ đã đạt nhiều kết quả tích cực. Năm 2023, cả nước có khoảng 16,1 triệu người cao tuổi, trong đó hơn 5,4 triệu người cao tuổi hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng; 15 triệu người cao tuổi có thẻ BHYT; chúc thọ, mừng thọ cho trên 1,2 triệu người cao tuổi; khám sức khỏe định kỳ cho 4,5 triệu người cao tuổi, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho 3,5 triệu người cao tuổi...

Đồng thời, hệ thống cơ sở chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng tư nhân trong những năm gần đây đã bước đầu được thành lập, mở rộng và hoạt động một cách chuyên nghiệp. Tính đến tháng 12/2020, Việt Nam có 80 trung tâm dưỡng lão tư nhân, trong đó, các loại hình dịch vụ cung cấp khá đa dạng đáp ứng các nhu cầu chăm sóc khác nhau của khách hàng, bao gồm chăm sóc dài hạn, chăm sóc ban ngày, chăm sóc sau tai biến, phục hồi chức năng...

Bên cạnh đó, trong năm 2023, cả nước có trên 7 triệu người cao tuổi trực tiếp tham gia lao động, SXKD (không kể người cao tuổi làm các công việc gia đình như chăm sóc cháu nhỏ, làm vườn, công tác xã hội, tình nguyện...), 50,4% người cao tuổi trong độ tuổi từ 60 - 69; 19,4% người từ 70 - 79 tuổi vẫn đang lao động, tạo ra thu nhập; 733.846 người cao tuổi tham gia công tác Đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể...; hơn 95.000 người cao tuổi làm chủ trang trại, cơ sở SXKD, dịch vụ... góp phần xây dựng quê hương, đất nước cũng như tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình, bảo đảm nguồn thu nhập cho chăm sóc sức khỏe dài hạn⁽⁷⁾.

(6) Hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết công tác năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi

(7) Hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết công tác năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi Việt Nam, ngày 12/3/2024

Bên cạnh những kết quả đạt được, một số vấn đề đặt ra đối với chính sách tài chính cho người cao tuổi như sau:

Một là, chính sách trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi còn hạn chế, ở mức thấp. Hiện tại mức trợ cấp xã hội cho người cao tuổi chỉ bằng 24% chuẩn nghèo nông thôn, bằng 18% chuẩn nghèo thành thị; chỉ gần 15% người cao tuổi có tiền gửi tiết kiệm; 24% người cao tuổi cho biết thu nhập của họ chưa đủ chi tiêu hàng ngày⁽⁸⁾. Đa số người cao tuổi chưa được hưởng các chính sách an sinh xã hội, hoặc thu nhập thấp, không đủ trang trải cuộc sống. Tỷ lệ người cao tuổi thuộc hộ nghèo là 3,6%, cận nghèo là 11,6%, cao hơn bình quân chung cả nước⁽⁹⁾. Bên cạnh đó, theo số liệu thống kê năm 2020, có 57% người cao tuổi tại Việt Nam không có lương hưu hoặc bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội.

Hai là, về chính sách khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư vào lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi, trong các văn bản quy định về chính sách xã hội hóa (XHH) thì các cơ sở chăm sóc người cao tuổi lại không thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách. Cụ thể, tại Khoản 1, Điều 1, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, ngày 30-5-2008, của Chính phủ, về chính sách khuyến khích XHH đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa thể thao, môi trường. Sau đó, tại Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, ngày 16-6-2014 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 69/2008/NĐ-CP thì phạm vi lĩnh vực XHH cũng chỉ được mở rộng thêm đối với lĩnh vực giám định tư pháp. Như vậy, hiện nay chưa có chính sách cụ thể để khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư vào lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi. Đây là khoảng trống trong chính sách hiện hành cần phải được sửa đổi nhằm thu hút đầu tư của khu vực tư nhân vào lĩnh vực này.

Theo báo cáo triển vọng thị trường dịch vụ chăm sóc người cao tuổi tại Việt Nam của VCCI (2021), Việt Nam có thị trường tiềm năng cho các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi với 20 triệu khách hàng vào năm 2035. Số liệu này phù hợp với thực tế là khoảng 80% người cao tuổi ở Việt Nam hiện có nhu cầu cần giúp đỡ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày và nhận sự chăm sóc từ người khác. Bên cạnh đó, khoảng 36% người cao tuổi và gia đình họ sẵn sàng chi trả cho các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi. Tuy nhiên, theo Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi, đến năm 2019, cả nước mới chỉ có một bệnh viện chuyên phục vụ người cao tuổi là Bệnh viện Lão khoa Trung ương; chỉ có 49/62 tỉnh có khoa lão khoa tại bệnh

(8) Báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết công tác năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi Việt Nam, ngày 12-3-2024

(9) Năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo chung của cả nước là 2,93%; tỷ lệ hộ cận nghèo là 2,78%

viện tuyến tính. Đối với hoạt động chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, cả nước mới có 102 cơ sở tổng hợp có phân khu chăm sóc người cao tuổi, trong đó chỉ có 32 cơ sở chuyên biệt chăm sóc người già trên cả nước và các viện dưỡng lão này phần lớn thuộc khu vực tư nhân, ước tính số các cơ sở được đưa vào sử dụng đến 2021 là khoảng gần 40 cơ sở. Như vậy, hiện nay, số lượng cơ sở chăm sóc người cao tuổi ở Việt Nam còn rất ít, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế. Mặt khác, các cơ sở còn nhiều phụ thuộc vào Nhà nước, do đó, việc XHH lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi là vấn đề cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Ba là, chưa có cơ chế, chính sách về hợp tác công tư đối với lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi. Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) năm 2020 quy định các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP bao gồm: giao thông vận tải; lưới điện, nhà máy điện; thủy lợi, cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải; y tế; giáo dục - đào tạo; hạ tầng công nghệ thông tin. Đây là một hạn chế cho việc thu hút đầu tư vào lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi vì việc thu hút nhà đầu tư, kể cả thu hút được sự tham gia từ các nhà đầu tư nước ngoài để chuyển giao công nghệ, phát triển công nghệ dịch vụ phù hợp với người cao tuổi và văn hóa Việt Nam là một hướng đi tốt, có thể khắc phục được các khó khăn đối với cả khu vực tư nhân và Nhà nước. Các cơ sở chăm sóc người cao tuổi công lập thường có sẵn địa điểm, cơ sở vật chất rộng rãi nhưng vốn đầu tư, kỹ thuật còn hạn chế. Trong khi đó, khu vực tư nhân thường có vốn đầu tư, kỹ thuật, công nghệ nhưng lại gặp khó khăn trong việc tiếp cận đất đai, hoặc phải bỏ ra một khoản đầu tư lớn cho đất đai, nên đã hạn chế đầu tư tư nhân vào lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi. Nếu có các cơ chế, chính sách để thúc đẩy PPP trong lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi sẽ giúp tháo gỡ các khó khăn cho cả hai phía Nhà nước và tư nhân, đồng thời tạo thêm cơ hội cho người cao tuổi có thêm các lựa chọn trong việc sử dụng dịch vụ chăm sóc người cao tuổi. Nghiên cứu kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy Chính phủ cũng thúc đẩy hợp tác công - tư bằng cách thuê khoán các nhà dưỡng lão công cho tư nhân vận hành.

Bốn là, chính sách hỗ trợ đào tạo việc làm, tạo thu nhập cho người cao tuổi còn hạn chế. Theo báo cáo của Diễn đàn sinh kế và khởi nghiệp đối với người cao tuổi năm 2020, phần lớn người cao tuổi Việt Nam có cuộc sống khó khăn, thu nhập thấp, không ổn định hoặc không có thu nhập, sống phụ thuộc vào con cháu. Chất lượng việc làm của người cao tuổi thấp, 58,8% người cao tuổi là lao động giản đơn. Với người lao động từ 60 tuổi trở lên, công việc họ tìm được chủ yếu là bảo vệ, giúp việc gia đình, chăm sóc người già... Nhiều người cao tuổi

có khả năng, kinh nghiệm, muốn đầu tư SXKD nhưng lại thiếu vốn. Số lượng người cao tuổi được hưởng chính sách vay vốn ưu đãi cho hoạt động SXKD còn ít so với nhu cầu thực tế.

Thực tế thời gian qua, chính sách lao động việc làm còn thiếu chính sách cho nhóm lao động cao tuổi; thiếu chính sách đào tạo, đào tạo lại, chuyển đổi nghề cho lao động trung niên, người cao tuổi; đặc biệt chưa có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp sử dụng lao động là người cao tuổi. Bên cạnh đó, hệ thống thông tin việc làm cho người cao tuổi còn hạn chế.

3. Giải pháp hoàn thiện chính sách tài chính đối với xu hướng già hóa dân số tại Việt Nam thời gian tới.

Quyết định 2156/QĐ-TTg, ngày 21-12-2021, phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021 - 2030 nhấn mạnh: “*Hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội hướng tới bảo đảm mức sống tối thiểu cho người cao tuổi; phát triển, nâng cao chất lượng hệ thống dịch vụ chăm sóc xã hội người cao tuổi; chú trọng người cao tuổi khuyết tật, người cao tuổi thuộc diện nghèo không có người phụng dưỡng, người cao tuổi dân tộc thiểu số; huy động khu vực tư nhân vào tham gia cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi*”. Trên cơ sở thực trạng chính sách thời gian qua, một số giải pháp cần tập trung cho thời gian tới bao gồm:

Một là, trong điều kiện hiện nay, NSNN còn nhiều khó khăn thì việc nâng mức hỗ trợ từ NSNN đối với người cao tuổi của chính sách trợ giúp xã hội cần phải có lộ trình phù hợp. Thực hiện rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo hướng nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội, mở rộng đối tượng trợ giúp xã hội phù hợp với tình hình thực tiễn; đối với người cao tuổi có khả năng và nhu cầu việc làm cần điều chỉnh hướng tới chính sách hỗ trợ đào tạo, tìm việc, tạo thu nhập cho người cao tuổi. Về lâu dài, nghiên cứu xây dựng chính sách trợ giúp xã hội theo cách tiếp cận bảo đảm nhu cầu sống tối thiểu của đối tượng thụ hưởng.

Hai là, cần có những nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung các chính sách liên quan tới bảo hiểm chăm sóc dài hạn nhằm bảo đảm nguồn lực tài chính chi trả các dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, bảo đảm với thích ứng xu hướng già hóa dân số nhanh tại Việt Nam.

Đồng thời, cần xây dựng và đa dạng gói dịch vụ về chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi, bao gồm các chăm sóc về y tế, chăm sóc xã hội và chăm sóc tinh thần cho người cao tuổi nhằm bảo đảm hòa nhập xã hội, cải thiện tình trạng sức khỏe và hỗ trợ người cao tuổi trong chăm sóc cá nhân hàng ngày (ăn uống, vệ sinh cá nhân, tắm rửa, thay quần áo, vận động). Các gói dịch vụ này phải bảo đảm mọi người cao tuổi cần được chăm sóc có thể tiếp cận, có thể chi trả và phù hợp. Đặc biệt, gia đình vẫn là nơi chăm sóc chủ yếu cho người cao tuổi nên cần phải phát triển các dịch vụ và hoạt động chăm sóc tại gia đình người cao tuổi, mà trước hết là tổ chức miễn phí các lớp đào tạo kỹ năng cơ bản cho người chăm sóc người cao tuổi ở gia đình. Tiếp tục mở rộng và phát triển hệ thống bác sĩ gia đình và công tác xã hội để mọi người cao tuổi và gia đình họ cũng có thể có được những dịch vụ khám, chữa bệnh hoặc tư vấn trong chăm sóc sức khỏe. Cùng lúc đó, cần tiếp tục xây dựng và phát triển hình thức chăm sóc dựa vào cộng đồng để có thể hỗ trợ giảm bớt gánh nặng hoặc thay thế việc chăm sóc người cao tuổi cho các thành viên trong các hộ gia đình.

Ba là, đẩy mạnh XHH, thu hút sự tham gia của khu vực tư nhân trong việc phối hợp cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi.

Nghiên cứu sửa đổi Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, ngày 30-5-2008, của Chính phủ, về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường theo hướng bổ sung lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi vào phạm vi áp dụng của Nghị định. Theo đó, cơ sở chăm sóc người cao tuổi tư nhân sẽ được áp dụng các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng...

Rà soát, nghiên cứu sửa đổi Luật Đầu tư, theo hướng mở rộng lĩnh vực đầu tư theo hình thức công tư đối với lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi, tạo cơ sở pháp lý cho việc thu hút vốn đầu tư của khu vực tư nhân vào lĩnh vực này. Cụ thể, bổ sung lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi và một số lĩnh vực khuyến khích XHH khác vào tiết d, khoản 1, Điều 4, Luật Đầu tư theo hình thức PPP. Cho phép các doanh nghiệp tư nhân khai thác, vận hành các cơ sở chăm sóc người cao tuổi công lập sẵn có. Bên cạnh đó, đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các trung tâm bảo trợ xã hội công lập theo hướng tăng tính tự chủ của các cơ sở này, tạo điều kiện để các cơ sở có đủ thẩm quyền và động lực đổi mới, mở rộng hoạt động dịch vụ, khuyến khích các cơ sở liên doanh, liên kết với khu vực tư nhân để mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Đẩy mạnh cơ chế đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các cơ sở chăm sóc người cao tuổi công lập và cơ sở ngoài công lập. Chính phủ có thể áp dụng cơ chế đặt hàng cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi đối với các cơ sở chăm sóc người cao tuổi tư nhân. Đồng thời, đối với các cơ sở chăm sóc người cao tuổi cũng cần có cơ chế tính giá đúng và đầy đủ.

Bốn là, rà soát, xây dựng chính sách hỗ trợ thúc đẩy tạo việc làm cho người cao tuổi, gồm: hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho lao động lớn tuổi, lao động cao tuổi; hỗ trợ tư vấn giới thiệu việc làm cho người cao tuổi; chính sách ưu đãi khi sử dụng người lao động cao tuổi (tín dụng...); chính sách hỗ trợ vốn đối với người cao tuổi tự SXKD. Tuy nhiên, để thực hiện tốt được chính sách tạo việc làm và thu nhập cho người cao tuổi, điều kiện tiên quyết cần xây dựng được các chương trình đào tạo nghề thiết thực, phù hợp với nhu cầu của xã hội và đặc trưng của người cao tuổi, bảo đảm khả năng tìm việc hoặc tự tạo việc của các đối tượng tham gia học nghề.□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, 9/2023, Hội thảo Chia sẻ kinh nghiệm về tư vấn khởi nghiệp, dạy nghề và tạo việc làm cho người cao tuổi
2. Bộ Y tế, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), 8/2023, Hội thảo khởi động dự án TA9928 của Ngân hàng phát triển châu Á và báo cáo kết quả nghiên cứu về nhu cầu chăm sóc người cao tuổi tại Việt Nam
3. Nguyễn Thị Lê Thu, 2021, Chính sách tài chính khuyến khích đầu tư tư nhân tham gia cung ứng dịch vụ chăm sóc cho người cao tuổi
4. Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam, 2024, Hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết công tác năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi Việt Nam ngày 12-3-2024
5. Trương Thị Mai, 2023, Những vấn đề về người cao tuổi Việt Nam, Hội nghị trực tuyến toàn quốc người cao tuổi tiêu biểu và cán bộ cốt cán các cấp Hội năm 2023
6. Quỹ Dân số của Liên hợp quốc (UNFPA), 12/2022, Người cao tuổi Việt Nam: Phân tích từ Điều tra Biến động dân số và Kế hoạch hóa gia đình năm 2021

7. Văn phòng Chính phủ, 2024, Thông báo số 110/TB-VPCP ngày 21-3-2024, Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết công tác năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi Việt Nam

8. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), 2021, Báo cáo nghiên cứu thị trường các sản phẩm, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi ở Việt Nam

CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI ỨNG PHÓ VỚI GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM

TS. BÙI SỸ LỢI

Nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Xã hội của Quốc hội

GÌA hóa dân số là một thành tựu xã hội to lớn của nhân loại và của mỗi quốc gia trong nỗ lực kéo dài tuổi thọ của con người. Tuy nhiên, già hóa dân số sẽ làm cho gánh nặng kinh tế - xã hội trở nên nghiêm trọng nếu quốc gia không có những bước chuẩn bị và thực hiện các chiến lược, chính sách thích ứng. Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn già hóa dân số với tốc độ cao trong khi thời gian chuẩn bị thích ứng không nhiều. Do vậy, Việt Nam rất cần những chính sách an sinh xã hội phù hợp để ứng phó với tốc độ già hóa dân số nhanh trong điều kiện mức thu nhập trung bình như hiện nay.

1. Xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam và vấn đề bảo đảm an sinh xã hội

Về số lượng người cao tuổi (NCT), Việt Nam, đến năm 2021 có 12,58 triệu NCT; trong đó có 4,62 triệu NCT sống ở khu vực thành thị (chiếm 36,72%) và 7,96 triệu NCT sống ở khu vực nông thôn (chiếm 63,28%). Theo giới tính, có 5,30 triệu nam giới (chiếm 42,13%) và 7,28 triệu phụ nữ (chiếm 57,87%). Theo dân tộc, có 11,29 triệu người dân tộc Kinh (chiếm 89,75%) và 1,29 triệu người dân tộc khác (chiếm 10,25%). Theo dự báo của Tổng cục Thống kê, đến năm 2036 nhóm dân số từ 65 tuổi trở lên sẽ chiếm khoảng 14,17% tổng dân số⁽¹⁾. Theo đó, tỷ trọng dân số từ 60 tuổi trở lên sẽ tăng lên 16,53% năm 2029; 20,67% năm 2039; 24,88% năm 2049; 27,01% năm 2059 và tới 27,11% năm 2069⁽²⁾.

(1) Nghiên cứu “Già hóa dân số vào người cao tuổi ở Việt Nam” theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Tổng cục Thống kê, xuất bản năm 2021

(2) Tổng cục Thống kê và UNFPA (2020), *Dự báo dân số Việt Nam 2019 - 2069*

Đặc điểm của già hóa dân số là một quá trình mà tỷ lệ người trưởng thành và NCT tăng lên trong cơ cấu dân số, trong khi tỷ lệ trẻ em và vị thành niên giảm đi, quá trình này dẫn tới tăng tuổi trung vị của dân số. Già hóa dân số là kết quả của quá độ nhân khẩu học trong đó mức chết và mức sinh đều giảm, cùng với tổng tỷ suất sinh giảm dần xuống mức sinh thay thế, tuổi thọ bình quân tăng lên làm tăng số lượng người cao tuổi nói chung và lao động cao tuổi nói riêng, nghĩa là tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi giảm, tỷ lệ NCT tăng⁽³⁾.

Đặc trưng của quá trình già hóa dân số ở Việt Nam:

Thứ nhất, dân số cao tuổi có xu hướng “già ở nhóm già nhất”, tức là tỷ lệ NCT ở nhóm lớn tuổi nhất (từ 80 tuổi trở lên) đã và đang tăng lên nhanh chóng;

Thứ hai, tỷ số giữa phụ nữ cao tuổi và nam giới cao tuổi tăng mạnh khi xét theo từng lứa tuổi⁽⁴⁾. Trong nhân khẩu học, hiện tượng này được gọi là “nữ hóa dân số cao tuổi”.

Thứ ba, “già hóa” dân số không đồng đều giữa các tỉnh và vùng. Một số địa phương có tốc độ già hóa nhanh do tỷ suất sinh thấp hoặc do dân số trẻ di cư, trong khi một số địa phương lại có tốc độ già hóa chậm do tỷ suất sinh và tỷ lệ trẻ em còn cao và rất cao. Nhờ quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, tỷ lệ NCT sinh sống ở khu vực nông thôn đã giảm nhưng vẫn chiếm đa số. Giai đoạn 2012 - 2022, tỷ lệ NCT sống ở nông thôn giảm từ 67,45% xuống 62,12%, đồng nghĩa với tỷ lệ NCT sống ở thành thị tăng từ 32,55% lên 37,88%.

Tốc độ “già hóa dân số” nhanh sẽ tác động tới nhiều lĩnh vực đời sống xã hội như hệ thống dịch vụ chăm sóc sức khỏe, hệ thống an sinh xã hội, việc làm, tuổi nghỉ hưu, quan hệ gia đình, tâm lý, lối sống,... đặt ra yêu cầu, thách thức là cần phải xây dựng một xã hội thích ứng với giai đoạn “già hóa dân số” của đất nước.

Ở nước ta, vấn đề thách thức đang đặt ra là dù chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số từ năm 2014, nhưng tốc độ già hóa nhanh trong bối cảnh vẫn là một nước có mức thu nhập trung bình thấp. Phân tích thực trạng, dự báo về quá trình già hóa dân số và NCT sẽ cung cấp những luận cứ quan trọng cho việc đề xuất các chính sách, chương trình thực hiện mục tiêu “già hóa thành công”, đó là mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội cho toàn dân, đặc biệt là NCT.

(3) UNFPA (2012), *Già hóa trong thế kỷ 21: Thành tựu và thách thức*

(4) Người cao tuổi Việt Nam: *Phân tích từ Điều tra Biến động dân số và Kế hoạch hóa gia đình năm 2021* (Hà Nội tháng 12 năm 2021)

2. Các hệ lụy xã hội do quá trình già hóa dân số

Thứ nhất, tốc độ già hóa dân số diễn ra nhanh sẽ tác động mạnh đến thị trường lao động, dẫn đến khủng hoảng nguồn nhân lực cho thị trường lao động, tỷ lệ lao động trong tuổi tham gia thị trường lao động sẽ có xu hướng giảm đi; gia tăng nhanh tỷ lệ dân số phụ thuộc. Như vậy, cân bằng cung cầu trong thị trường lao động sẽ bị phá vỡ, nếu không có sự điều chỉnh để NCT tham gia nhiều hơn vào thị trường lao động.

Năm 2021, cả nước có khoảng 4,65 triệu NCT đang tham gia các hoạt động kinh tế, chiếm 32,4% tổng số NCT trên cả nước. Tuy vậy, chất lượng việc làm và thu nhập của NCT đều thấp. Hầu hết NCT làm các công việc có tính chất dễ bị tổn thương với 80,79% lao động cao tuổi là lao động tự làm và lao động hộ gia đình; 74,28% lao động cao tuổi làm việc ngành nông-lâm-thủy sản, là khu vực có năng suất thấp và phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên; 38,37% lao động cao tuổi là lao động giản đơn và 26,09% lao động NCT là lao động có kỹ thuật trong nông nghiệp, hầu hết trong số này là NCT ở khu vực nông thôn⁽⁵⁾. Đối với NCT từ 70 tuổi trở lên, phụ nữ và NCT nông thôn có tỷ lệ tham gia lực lượng lao động cao hơn các nhóm còn lại.

Đa số NCT làm các công việc giản đơn trong khu vực phi chính thức với mức lương bình quân dưới 5 triệu đồng/tháng (chiếm khoảng 72% tổng số NCT)⁽⁶⁾, thấp hơn nhiều so với mức lương bình quân chung của lao động làm công hưởng lương trong độ tuổi lao động (6,48 triệu đồng) trong năm 2021.

Trong bối cảnh già hóa dân số nhanh khi nền kinh tế còn nhiều khó khăn, NCT cần được xem là nguồn lực cho phát triển và phát huy nguồn nhân lực cao tuổi là giải pháp cơ bản để bảo đảm nguồn nhân lực của đất nước cho tăng trưởng và phát triển kinh tế trong dài hạn, cũng như để bảo đảm an ninh thu nhập cho NCT và giảm nhẹ gánh nặng tài chính hay chi phí xã hội hỗ trợ cho dân số cao tuổi.

Thứ hai, tốc độ già hóa dân số diễn ra nhanh làm gia tăng chi phí y tế, chăm sóc NCT. Người cao tuổi có nhiều bệnh nền và nhiều loại bệnh mãn tính. Do vậy, chi phí điều trị cho NCT rất cao, thường cao gấp 8 - 10 lần so với người trẻ. Khi tỷ lệ NCT tăng lên, đồng nghĩa với việc nhu cầu chăm sóc sức khỏe với đối tượng này ngày càng gia tăng, đòi hỏi chi tiêu y tế quốc gia và gia đình cho NCT

(5) Tính toán từ số liệu Điều tra Lao động - Việc làm 2021, Tổng cục Thống kê

(6) Tính toán từ số liệu Điều tra Lao động - Việc làm 2021, Tổng cục Thống kê

rất lớn. Đây là thách thức đối với hệ thống y tế và các gia đình Việt Nam trong thời gian tới, nếu như chất lượng sức khỏe NCT không được cải thiện từ bây giờ.

Thứ ba, với xu hướng thu nhỏ quy mô gia đình theo thế hệ (từ nhiều thế hệ xuống chỉ còn một thế hệ trong gia đình), tỷ lệ NCT sống một mình tăng lên theo thời gian (từ 9,68% năm 2009 lên 13,74% năm 2019). Mặc dù NCT có xu hướng sống ít lệ thuộc vào con cái, nhưng điều đó không có nghĩa là các thành viên trong gia đình không có trách nhiệm chăm lo cho NCT. Trong bối cảnh các thế hệ trẻ đang phải vật lộn mưu sinh để tránh “vết xe đổ” già nhưng chưa giàu của các thế hệ đi trước, thì các chi phí chăm sóc NCT gia tăng, ảnh hưởng không nhỏ tới chi tiêu của các hộ gia đình. Các gia đình có NCT không chỉ gia tăng các chi phí khám, chữa bệnh cho NCT mà còn gia tăng các chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng NCT nếu như không có sự hỗ trợ từ hệ thống ASXH của Nhà nước.

Thứ tư, năm 2021, cả nước có khoảng 6,57 triệu người được hưởng chính sách xã hội gồm chế độ hưu trí, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hưu trí xã hội⁽⁷⁾, chiếm 45,78% tổng số NCT nghĩa là vẫn còn hơn 50% NCT hiện chưa được hưởng chính sách xã hội - họ phải sống dựa vào nguồn tiết kiệm hoặc dựa vào con cái, người thân, hoặc tiếp tục làm việc để kiếm sống với mức thu nhập thấp.

3. Một số giải pháp hoàn thiện hệ thống chính sách an sinh xã hội để thích ứng với quá trình già hóa dân số

Việt Nam đang đứng trước cơ hội hiếm hoi để “cắt cánh” và sánh vai các quốc gia trong khu vực với thời kỳ dân số “vàng”. Song, viễn cảnh già hóa dân số sẽ sớm tiếp nối và điều này cũng đặt ra nhiều vấn đề an sinh xã hội, đòi hỏi phải thực hiện ngay một số giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao để tạo đột phá trong phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng và thích ứng với già hóa dân số nhanh.

Xây dựng và thực thi cơ chế, chính sách đào tạo, đào tạo lại, cũng như duy trì và phát triển các phương thức học tập suốt đời. Trong đó, chú trọng phát triển hệ thống giáo dục - đào tạo học tập suốt đời (đào tạo liên tục) thông qua các khóa học dài hạn và ngắn hạn linh hoạt theo nhu cầu và nâng cao trình độ

(7) Ủy ban Quốc gia về Người cao tuổi (2021), *Báo cáo Kết quả công tác người cao tuổi năm 2021, mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022*

cho lực lượng lao động, đồng thời tích hợp các chính sách và chương trình đào tạo cho các nhóm đối tượng đặc thù và yếu thế để tránh chồng chéo hay bỏ sót đối tượng. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích học tập suốt đời cho các nhóm đối tượng cụ thể sau: (i) đào tạo, đào tạo lại cho lao động trung niên (từ 35 tuổi trở lên) và lao động cao tuổi (đặc biệt lao động nữ, lao động di cư) để duy trì hoặc chuyển đổi nghề nghiệp phù hợp; về nguồn quỹ hỗ trợ đào tạo cho các nhóm đối tượng này, có thể sử dụng nguồn từ xã hội hóa và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025⁽⁸⁾; (ii) Làm rõ vai trò trách nhiệm của người sử dụng lao động trong giáo dục và đào tạo cho người lao động trong suốt quá trình làm việc, bảo đảm rằng lao động cao tuổi được cập nhật kiến thức và duy trì việc làm năng suất.

Thứ hai, duy trì và phát triển việc làm thỏa đáng cho NCT để toàn dụng nguồn nhân lực và thúc đẩy tăng năng suất lao động.

Xây dựng và thực thi có hiệu quả các cơ chế hỗ trợ và kênh kết nối việc làm phù hợp cho NCT có nhu cầu tìm việc làm, đặc biệt thông qua các trung tâm dịch vụ việc làm công hay ủy thác cho dịch vụ việc làm tư nhân. Trong đó, cần chú trọng giới thiệu các hình thức việc làm linh hoạt hay bán thời gian để NCT có những lựa chọn tốt hơn; cung cấp các dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm việc làm như kỹ thuật phỏng vấn, các hoạt động như nâng cao kỹ năng và kinh nghiệm làm việc dựa vào cộng đồng.

Chú trọng nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc làm đối với NCT và tạo điều kiện, khuyến khích doanh nghiệp tuyển dụng và sử dụng NCT thông qua các chính sách vay vốn ưu đãi, miễn giảm thuế doanh thu, nghĩa vụ tham gia các chính sách an sinh xã hội hay các ưu đãi khác cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc trợ cấp lương cũng là một biện pháp thúc đẩy tình trạng làm việc trở lại của người lao động cao tuổi và đặc biệt hiệu quả khi nhằm vào những lao động có thu nhập thấp và đang thất nghiệp dài hạn.

Nghiên cứu xây dựng đề án phát triển việc làm thỏa đáng cho NCT đến năm 2030 cùng với việc tiếp tục triển khai có hiệu quả Thông tư số 96/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính “Quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và

(8) Quyết định số 90/QĐ-TTg, ngày 18-01-2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện trên phạm vi cả nước, trọng tâm là các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo. Chương trình có 6 dự án thành phần, trong đó có dự án 4 về “Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững”

biểu dương, khen thưởng người cao tuổi” trực tiếp sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập, giảm nghèo. Cần tạo điều kiện và hỗ trợ cho NCT tiếp tục tham gia thị trường lao động theo mong muốn cùng với các cơ hội việc làm thỏa đáng, cũng như cải thiện chất lượng việc làm.

Cung cấp cơ hội bình đẳng cho lao động cao tuổi để họ được cải thiện kỹ năng trong suốt cuộc đời là rất quan trọng trong việc nâng cao năng lực làm việc của họ và thích ứng với đòi hỏi của kỹ nguyên số.

Thứ ba, nghiên cứu và điều chỉnh chiến lược xuất, nhập khẩu lao động linh hoạt, phù hợp để đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội già hóa dân số nhanh.

Già hóa dân số nhanh đang và sẽ dẫn đến tình trạng suy giảm tăng trưởng lực lượng lao động và nguy cơ thiếu hụt lao động nói chung và nhất là lao động kỹ thuật cao trong một số ngành/khu vực của nền kinh tế do nhu cầu của dân số già hóa. Do đó, việc điều chỉnh chiến lược xuất khẩu lao động và chuẩn bị một chiến lược nhập khẩu lao động có kiểm soát và điều chỉnh phù hợp với thực tiễn là hết sức cần thiết để bảo đảm lực lượng lao động cho phát triển kinh tế - xã hội trong nước.

Thứ tư, hoàn thiện, phát triển hệ thống an sinh xã hội tích hợp, đa tầng và hiện đại, chủ động thích ứng với già hóa dân số nhanh. Theo đó, hoàn thiện thể chế, chính sách an sinh xã hội theo hướng chủ động, tích hợp, có sự điều phối và liên kết giữa các hợp phần bảo hiểm xã hội, bảo trợ xã hội và việc làm, nhằm hướng tới bao phủ toàn dân và “không để ai bị bỏ lại phía sau” và chuẩn bị tốt hơn trong trường hợp xảy ra các cú sốc kinh tế và các cú sốc khác. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa tầng, hiện đại hướng tới bao phủ toàn bộ lực lượng lao động, góp phần bảo đảm an ninh thu nhập cho NCT trong tương lai. Tăng cường trợ giúp xã hội cho đối tượng khó khăn bảo đảm bao phủ hầu hết các nhóm đối tượng, góp phần bảo đảm an ninh thu nhập cho NCT, cụ thể: (1) hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội theo hướng hỗ trợ kịp thời, bảo đảm an sinh xã hội cho NCT, người yếu thế,... bảo đảm mức sống tối thiểu cho tất cả người dân và ứng phó với vấn đề già hóa *dân số*; (2) tăng cường giá đỡ của Nhà nước bảo đảm an ninh thu nhập cho NCT, cụ thể: (i) giảm độ tuổi đủ điều kiện nhận trợ cấp hưu trí xã hội, (ii) Điều chỉnh, nâng dần mức trợ cấp phù hợp với trình độ phát triển của đất nước và mức sống của người dân; (3) phát triển và đa dạng hóa *các dịch vụ* trợ giúp xã hội, dịch vụ công tác xã hội chuyên nghiệp; (4) hiện đại hóa quản lý nhà nước về trợ giúp xã hội và thực hiện chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt, huy động

nguồn lực xã hội, người dân và doanh nghiệp trong thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội.

Tăng cường chăm sóc sức khỏe NCT trong khuôn khổ Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030⁽⁹⁾: (1) hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến chăm sóc sức khỏe NCT; (2) đẩy mạnh tuyên truyền vận động thay đổi hành vi tạo môi trường xã hội ủng hộ và tham gia chăm sóc sức khỏe NCT; (3) củng cố, phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống bệnh không lây nhiễm, khám chữa bệnh cho NCT; từng bước xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe dài hạn cho NCT; (4) xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về dịch vụ chăm sóc xã hội, phát triển đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp cho chăm sóc xã hội và chăm sóc dài hạn cho NCT, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia chăm sóc dài hạn toàn diện cho NCT.

Phát triển mạng lưới các cơ sở chăm sóc xã hội theo phương thức đối tác công - tư nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của NCT, bao gồm các nhà dưỡng lão, các trung tâm bảo trợ xã hội...; nghiên cứu thí điểm mô hình chăm sóc NCT dài hạn theo phương thức đối tác công - tư; đa dạng hóa các loại hình dịch vụ chăm sóc xã hội, chăm sóc dài hạn cho NCT trong các cơ sở chăm sóc, tại gia đình, cộng đồng và trong mô hình trung tâm chăm sóc NCT ban ngày; phát triển và nhân rộng mô hình chăm sóc xã hội cho NCT tại cộng đồng, nhất là loại hình câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau; khuyến khích sự tham gia của những người trẻ tuổi trong công việc tình nguyện giúp đỡ NCT để giúp họ trải nghiệm và có ý thức chuẩn bị cho tuổi già.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc hỗ trợ NCT trong sinh hoạt hằng ngày và duy trì kết nối với xã hội; đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên công tác xã hội, tình nguyện viên chăm sóc, giúp đỡ NCT,... thông qua các hoạt động đào tạo bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số trong ứng dụng các phần mềm công nghệ thông tin hỗ trợ chăm sóc NCT...

Tăng cường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản cho NCT và xây dựng môi trường thân thiện với NCT; bảo đảm NCT được tiếp cận các dịch vụ giáo dục, dạy nghề, giao thông, văn hóa và được trợ giúp pháp lý khi cần thiết. Bảo đảm môi trường và điều kiện sống phù hợp với NCT, cụ thể: phát triển kết cấu hạ tầng, biển báo hiệu, chỉ dẫn dành cho NCT, hệ thống giao thông công cộng (làn đường, lối đi dành riêng, phương tiện thuận tiện...), các tiện ích công cộng (nhà vệ sinh

(9) Quyết định số 1579/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 13-10-2020

công cộng, cây nước...) nhằm phù hợp với NCT góp phần xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện với NCT nhằm tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội, an sinh xã hội và có cuộc sống khoẻ mạnh. Tích hợp các tiêu chí môi trường thân thiện với NCT vào các chương trình thành phố thông minh và các chương trình nông thôn mới; xây dựng bộ tiêu chí xã/phường thân thiện với NCT.

Thứ năm, nâng cao nhận thức của toàn xã hội và đẩy mạnh cam kết chính trị về thích ứng với già hóa dân số trong bối cảnh mới.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức của toàn xã hội về thích ứng với già hóa dân số. Nội dung/thông điệp truyền thông cần tập trung vào: (1) nâng cao nhận thức của các nhà hoạch định chính sách và quản lý các cấp để chuyển đổi quan điểm, tư duy từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển theo tinh thần Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới, ngày 25-10-2017, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII cũng như tầm quan trọng của việc ban hành và thực thi các biện pháp chính sách lao động, việc làm và an sinh xã hội để thích ứng với già hóa dân số trong bối cảnh mới; (2) nâng cao nhận thức của người lao động về chính sách, luật pháp lao động, việc làm, phát triển cơ hội nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe, chuẩn bị sẵn sàng cho tuổi già độc lập (bao gồm cả vấn đề chi tiêu, tiết kiệm...); (3) nâng cao nhận thức của toàn xã hội để có cái nhìn đúng về tầm quan trọng của học tập suốt đời và tăng cường đầu tư, quan tâm thúc đẩy sự nghiệp học tập suốt đời; về vai trò và đóng góp quan trọng của người cao tuổi trong phát triển kinh tế - xã hội, loại bỏ tư tưởng phân biệt đối xử đối với NCT, nhắc nhở thế hệ trẻ về vai trò của NCT trong gia đình và xã hội...; (4) nâng cao nhận thức của dân số cao tuổi về tuổi già khoẻ mạnh và hữu ích.

Đẩy mạnh cam kết chính trị về thích ứng với già hóa dân số trong bối cảnh mới thông qua cam kết và quyết tâm lồng ghép, gắn “biến số” dân số đang trong quá trình già hóa nhanh vào tất cả các lĩnh vực quản lý phát triển của đất nước. Các ngành, các cấp cần chú trọng lồng ghép “biến dân số” và bối cảnh già hóa dân số nhanh trong quá trình xây dựng và thực thi các chiến lược, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam đến 2030, tầm nhìn đến 2050 để thích ứng thành công với già hóa dân số. Đây là yêu cầu cấp thiết và quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trong bối cảnh mới; lồng ghép vấn đề già hóa dân số nhanh vào kế hoạch phát triển, chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu đặc thù của các ngành/lĩnh vực, các địa phương và ban hành Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi đến 2030.□

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA TÔN GIÁO TRONG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM

PGS, TS. NGUYỄN PHÚ LỢI

*Viện Tôn giáo và tín ngưỡng,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

1. Đặt vấn đề

Việt Nam đang trong giai đoạn “dân số vàng”, song xu hướng già hoá đang có chiều hướng gia tăng. Tốc độ gia tăng của tỷ lệ dân số cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên) của dân số Việt Nam ngày càng nhanh⁽¹⁾. Tỷ lệ người cao tuổi từ chiếm 10,43% dân số năm 2011, tăng lên 12% năm đến năm 2022, với 11,99 triệu người cao tuổi. Trong đó, chỉ có 45,78% được hưởng chính sách xã hội gồm chế độ hưu trí và trợ cấp xã hội, còn hơn 50% người cao tuổi hiện chưa được hưởng chính sách xã hội, phải sống dựa vào nguồn tiết kiệm hoặc dựa vào con cái và người thân, hoặc tiếp tục làm việc để kiếm sống với mức thu nhập thấp. Hơn nữa, đa số người cao tuổi ở nước ta ở tình trạng sức khỏe kém, ốm yếu, bệnh tật cần được giúp đỡ. Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, đã có nhiều chính sách về người cao tuổi, chủ trương xã hội hoá công tác chăm sóc người cao nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội, trong đó đặc biệt chú trọng khuyến khích các tổ chức tôn giáo tham gia công tác bảo trợ xã hội, chăm sóc người cao tuổi.

(1) Trong 10 năm từ 1999 đến 2009, tỷ trọng dân số từ 60 tuổi trở lên chỉ tăng được 0,58 điểm phần trăm (từ 8,10% lên 8,68%), trong 10 năm tiếp theo (2009 - 2019), tỷ trọng này đã tăng 3,18 điểm phần trăm (từ 8,68% lên 11,86%), tương ứng với tăng từ 7,45 triệu lên 11,41 triệu người. Theo dự báo, đến năm 2029, số lượng người cao tuổi ở nước ta 17,28 triệu người (chiếm 16,5% tổng dân số) vào năm 2029, vào năm 2038 con số này là 22,29 triệu người (chiếm 20,21% tổng dân số). Năm 2049, cả nước 28,61 triệu người cao tuổi (chiếm 24,88% tổng dân số). Đến năm 2069, nước ta có thể có 31.69 triệu người cao tuổi (chiếm 27.11% dân số).

2. Cơ sở phát huy vai trò của tôn giáo tham gia bảo trợ xã hội, chăm sóc người cao tuổi

Việt Nam là quốc gia có nhiều tôn giáo, tín đồ các tôn giáo chiếm tỷ lệ khá lớn trong dân số. Tính đến năm 2021, nước ta có 41 tổ chức tôn giáo đã được nhà nước công nhận hoặc được cấp đăng ký hoạt động; hơn 3.000 tổ chức tôn giáo trực thuộc; hàng nghìn điểm nhóm sinh hoạt tập trung, trên 26,5 triệu tín đồ, chiếm trên 27% dân số; 54 nghìn chức sắc, 135 nghìn chức việc có mặt ở khắp các tỉnh thành, khu dân cư. Đây là cơ sở quan trọng để phát huy vai trò của tôn giáo trong việc thực hiện chính sách đối với người cao tuổi.

Trước hết, giáo lý của các tôn giáo đề cao tính nhân văn, tinh thần bác ái, yêu thương con người, là điều kiện cơ bản để phát huy vai trò của tôn giáo trong việc thực hiện chính sách đối với người cao tuổi. Giáo lý Phật giáo đề cao lòng từ bi, hỉ xả, nhân ái, được định hướng bởi nguyên lý “Đạo pháp bất ly thế gian giác”, “phụng sự chúng sinh chính là cúng dường chư Phật”. Phật giáo đòi hỏi người Phật thực phải thực hành tinh thần từ bi, hỉ xả bằng hành động thực tiễn, trong đó, quan trọng nhất là hạnh Bố thí. Giáo lý Phật luôn nhắc đến tinh thần vô ngã, vị tha, khuyên con người sống có trách nhiệm với tha nhân, với cộng đồng, thể hiện lòng nhân ái của mình với người khác. Hoạt động từ thiện, xã hội, bảo đảm an sinh, bảo trợ xã hội, chăm sóc người cao tuổi, nhất là những người khó khăn, bệnh tật, neo đơn, không nơi nương tựa, không chỉ là sự thể hiện tinh thần từ bi, cứu khổ, cứu nạn của người Phật tử mà còn là một phương thức thể hiện chức năng hỗ trợ xã hội của Phật giáo. Với phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn là một thành viên tích cực các hoạt động từ thiện, nhân đạo, bảo trợ xã hội, quan tâm chăm sóc người nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi, phần xây dựng hệ thống an sinh xã hội của nước ta, đem lại sự an lành, hạnh phúc cho nhân dân, cho người cao tuổi.

Giáo lý Kitô giáo (Công giáo, Tin lành), đề cao lòng bác ái, tình yêu thương giữa con với người, như Chúa Giêsu dạy: “Người phải yêu người khác như chính mình” (Mt 22: 39), còn Thánh Phaolô dạy: “phải yêu thương đồng loại như chính mình” (Rôma 13: 8-10). Tinh thần bác ái của Kitô giáo không phải bằng những lời nói suông, “đừng yêu thương nơi đầu môi chót lưỡi” (Thư 1 Gioan 3, 18), mà phải bằng hành động, việc làm cụ thể, bởi: “đức tin không hành động là đức tin chết” (Gia-cô-bê 2: 17). Làm việc thiện phải với một thái độ khiêm nhường: “đừng cho tay trái biết việc tay phải làm” (Mt 6: 1, 3). Kinh thánh

khuyên tín đồ phải chăm lo đến người cao tuổi: “Ai đền ơn đáp nghĩa là biết lo xa, lúc sa cơ, người ấy sẽ tìm được nơi nương tựa” (Huấn ca 3: 31). Với đường hướng: “Sống Phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”, Giáo hội Công giáo Việt Nam không những đòi hỏi người Công giáo phải “tìm mọi phương thế bảo vệ và củng cố sự bền vững của gia đình, trong đó bậc cao niên cần được chăm lo” (Thư chung 2001), mà còn xem việc chăm sóc người cao tuổi là một bổn phận, một nét đẹp trong truyền thống văn hoá dân tộc. Thư chúng năm 2017 viết: “cần phải nói đến bổn phận *chăm sóc người cao tuổi*, vốn là nét đẹp truyền thống trong văn hóa dân tộc Việt Nam”⁽²⁾.

Giáo lý các tôn giáo nội sinh đề cao tình bác ái, yêu thương con người cụ thể, lấy học Phật tu nhân làm phương châm sống đạo, thực hành tứ ân (ân tổ tiên cha mẹ; ân đất nước; ân Tam Bảo và ân đồng bào, nhân loại) làm phương châm hành động. Đạo Cao Đài thực hiện đường hướng: “Nước vinh, đạo sáng”, lấy sự thương yêu làm nền tảng, lấy nhân nghĩa làm phương châm, lấy phụng sự chúng sanh làm hành động, lấy sự cứu rỗi các chơn linh làm cứu cánh, phấn đấu cho nền hòa bình và công bằng xã hội nhằm mục đích phục vụ dân tộc, Tổ quốc, nhơn loại và chúng sanh. Phật giáo Hòa Hảo với đường hướng hành đạo “Vì đạo pháp, vì dân tộc” dựa trên tôn chỉ mục đích “Học Phật, tu nhân”, tín đồ lấy việc báo đáp, thực hành “Tứ đại trọng ân” làm căn bản tu hành, tích cực cứu giúp người nguy khó, hoạt động từ thiện hữu ích cho xã hội, cho chúng sinh. Tịnh độ Cư sĩ Phật hội với tôn chỉ: “Phước huệ song tu” theo phương châm “Tu học - Hành thiện - Ích nước - Lợi dân”, hoàng dương Phật pháp, phát triển, tu bổ các chi hội trực thuộc, lấy y đạo làm phương tiện thành lập các phòng thuốc nam phước thiện hốt thuốc chữa bệnh cho đồng bào.

Tinh thần hướng thiện, bác ái, từ bi, yêu thương con người trong giáo lý của các tôn giáo đã định hướng và khích lệ người theo tôn giáo tham gia các hoạt động thiện nguyện xã hội, chăm sóc người cao tuổi.

Hai là, tổ chức tôn giáo được công nhận pháp nhân phi thương mại là điều kiện tiên quyết để phát huy vai trò của tổ chức tôn giáo, chức sắc, nhà tu hành, tín đồ trong việc thực hiện chính sách đối với người cao tuổi. Các tôn giáo ở Việt Nam được nhà nước công nhận tư cách pháp nhân để xây dựng được hướng hướng hành đạo gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, tổ chức, hướng dẫn tín đồ, chức sắc, nhà tu hành tham gia công tác an sinh xã hội, chăm sóc người cao tuổi một các tận tình, tự nguyện và có hiệu quả. Các tổ chức tôn giáo đều lập cơ quan

(2) Trích Thư chung 2001 và 2017 của Hội đồng Giám mục Việt Nam

phụ trách chuyên trách công tác từ thiện xã hội, chăm sóc người cao tuổi⁽³⁾. Dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn của tổ chức giáo hội, công tác từ thiện xã hội nói chung, chăm sóc người cao tuổi nói riêng từng bước đi vào nền nếp, với nhiều hình thức đa dạng, nội dung cụ thể, thiết thực và đem lại hiệu quả. Nhìn chung, hoạt động bảo trợ, chăm sóc người cao tuổi của các tôn giáo theo hai hình thức: thường xuyên (lập các trung tâm, viện hay nhà dưỡng lão) và không thường xuyên (do giáo sĩ, nhà tu hành hoặc tín đồ tổ chức các đợt đi thăm hỏi, chăm sóc người cao tuổi, nhất là với những người bệnh tật hay không có điều kiện vào nhà dưỡng lão). Không chỉ giáo hội trung ương mà nhiều giáo hội cơ sở như họ đạo (Công giáo, Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo), hay các chùa cũng thành lập các cơ sở dưỡng lão. Nhiều chức sắc, nhà tu hành, thậm chí cả tín đồ cũng đứng ra thành lập, điều hành cơ sở dưỡng lão. Lực lượng tham gia phục trách công tác chăm sóc người cao tuổi chủ yếu là chức sắc, nhà tu hành, tín đồ và các tình nguyện viên, hoạt động với một tinh thần thiện nguyện, dấn thân, vô vị lợi, nên được chính quyền các cấp và xã hội đánh giá cao.

Ba là, với lợi thế uy tín của mình, các tổ chức tôn giáo, chức sắc, nhà tu hành có khả năng huy động được các nguồn lực tài chính, nhân lực, vật lực xã hội là điều kiện bảo đảm cho việc phát huy vai trò của tôn giáo trong thực hiện chính sách đối với người cao tuổi. Mỗi năm các tổ chức tôn giáo ở nước ta vận động, khuyến góp được một nguồn kinh phí không nhỏ cho công tác từ thiện, xã hội, chăm sóc người cao tuổi. Từ năm 1992 đến năm 2017, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã quyên góp được hơn 10,52 tỷ đồng; trong nhiệm kỳ 2017-2022, Giáo hội quyên góp được hơn 7,133 tỷ đồng cho công tác từ thiện xã hội. Giáo hội Công giáo hành năm quyên góp được hàng trăm tỉ đồng, từ năm 2010-2018 quyên góp trên 900 tỉ đồng; các hội thánh Cao Đài từ 2010-2018 quyên góp được trên 109 tỉ đồng; từ năm 1999-2019, Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo quyên góp được trên 2.882,2 tỉ đồng, nhiệm kỳ 2019-2024, hơn 1.300 tỉ cho công tác từ thiện, xã hội. Từ 2009-2019, Tịnh độ cư sĩ Phật hội quyên góp được 1.775,4 tỉ đồng cho hoạt động từ thiện, nhân đạo⁽⁴⁾. Ngoài ra, các tổ chức tôn giáo còn quyên góp được một số lượng lớn hiện vật cho công tác từ thiện xã hội. Đồng thời họ cũng vận động được các mạnh thường quân, các tình nguyện viên đóng đảo tham gia công tác chăm sóc người cao tuổi.

(3) Giáo hội Phật giáo Việt Nam lập Ban Từ thiện xã hội từ trung ương đến cấp huyện, thị. Hội đồng Giám mục Việt Nam có Ban bác ái có tổ chức Caritas phụ trách công tác bác ái. Giáo hội các tôn giáo khác cũng lập cơ quan phụ trách công tác từ thiện xã hội, như Ban phước thiện (Cao Đài), Ban từ thiện - xã hội (Phật giáo Hoà Hảo, Tin lành); Ban y tế phước thiện (Tịnh độ Cư sĩ Phật hội), từ trung ương đến cơ sở (hội thánh).

(4) Nguyễn Khắc Đức (chủ biên), *Phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển ở Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2021, tr.143.

Bốn là, đối tượng ưu tiên phục vụ của các tôn giáo bao gồm những người cao tuổi gặp khó khăn, bệnh tật, người già neo đơn, không nơi nương tựa với một tinh thần vô vị lợi là cơ sở thuận lợi để phát huy vai trò của tôn giáo trong thực hiện chính sách đối với người cao tuổi. Đây là những đối tượng rất khó huy động được các nguồn lực xã hội khác tham gia, nhưng là thế mạnh của các tôn giáo. Vì vậy, việc các tôn giáo tham gia bảo trợ, chăm sóc cho các đối tượng là người cao tuổi neo đơn, không nơi nương tựa, bệnh tật,... sẽ góp phần chia sẻ gánh nặng đối với ngân sách nhà nước.

Năm là, chủ trương xã hội hóa công tác an sinh, bảo trợ xã hội, từ thiện nhân đạo của Đảng và Nhà nước là cơ sở căn bản để phát huy vai trò của tôn giáo trong thực hiện chính sách đối với người cao tuổi. Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020 chủ trương: “đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia”, và nhấn mạnh: “Củng cố, nâng cấp hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội, phát triển mô hình chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân vào triển khai các mô hình chăm sóc người cao tuổi, trẻ em mồ côi, người khuyết tật, nhất là mô hình nhà dưỡng lão”. Đó là cơ sở để các tôn giáo tích cực tham gia công tác từ thiện nhân đạo, xã hội và chăm sóc, bảo trợ người cao tuổi.

3. Thực trạng phát huy vai trò của các tôn giáo trong thực hiện chính sách đối với người cao tuổi

Mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội đã được hình thành và phát triển trên phạm vi cả nước⁽⁵⁾. Theo thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, tính

(5) Năm 2017, có 413 cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó có 195 cơ sở công lập và 218 cơ sở ngoài công lập, gồm 32 cơ sở chăm sóc người cao tuổi, 73 cơ sở chăm sóc người khuyết tật, 141 cơ sở chăm sóc trẻ em, 102 cơ sở tổng hợp, 31 cơ sở chăm sóc người tâm thần và 34 trung tâm CTXH. Mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội đã chăm sóc, nuôi dưỡng khoảng 42.000 đối tượng BTXH, cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội cho hàng chục ngàn đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, trong đó số đối tượng là trẻ em, người khuyết tật, người tâm thần chiếm tỷ lệ lớn (46,5%); số đối tượng là trẻ em mồ côi và bị bỏ rơi chiếm tỷ lệ 19,3%; số đối tượng là người già cô đơn chiếm tỷ lệ 10,3% còn lại là trẻ em người bị nhiễm HIV/AIDS, nạn nhân bị bạo lực, bạo hành và đối tượng khác. Bình quân 01 cơ sở xã hội chăm sóc, nuôi dưỡng khoảng 100 đối tượng. Tổng số cán bộ nhân viên làm việc trong mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội khoảng 15.000 người. Các cơ sở trợ giúp xã hội cung cấp các dịch vụ tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng BTXH, tổ chức hoạt động phục hồi, chức năng, lao động sản xuất, dạy văn hóa, dạy nghề, giáo dục hướng nghiệp và cung cấp các dịch vụ CTXH, đáp ứng nhu cầu trợ giúp xã hội cho 30% đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Hàng năm ngân sách nhà nước chi khoảng 1000 tỷ đồng hỗ trợ cho các cơ sở trợ giúp xã hội chăm sóc, nuôi dưỡng và trợ giúp các đối tượng BTXH. Nguyễn Hữu Bắc, *Nhìn lại các hoạt động của mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội...* <https://www.tapchilaodong.vn/nhin-lai-cac-hoat-dong-cua-mang-luoi-cac-co-so-tro-giup-xa-hoi-thuoc-cac-ton-giao-1321299.html>, 12/10/2021

đến năm 2023, cả nước có 601 cơ sở xã hội (282 công lập, 319 ngoài công lập), bao gồm 197 cơ sở/làng trẻ em (33 công lập, 164 ngoài công lập); 130 cơ sở bảo trợ tổng hợp (83 công lập, 47 ngoài công lập); 122 cơ sở cai nghiện ma túy (97 công lập, 25 ngoài công lập); 61 cơ sở dưỡng lão (6 công lập, 55 ngoài công lập); 38 cơ sở người khuyết tật,... Số người đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội khoảng 62.000 người với khoảng 10% là người già cô đơn⁽⁶⁾.

Cơ sở bảo trợ xã hội của các tổ chức tôn giáo tăng lên nhanh chóng. Năm 2017, cả nước có 113 cơ sở trợ giúp xã hội thuộc các tổ chức tôn giáo, chăm sóc, nuôi dưỡng 11.800 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng số 2.600 nhân viên, bình quân 1 cơ sở trợ giúp xã hội thuộc các tổ chức tôn giáo chăm sóc, nuôi dưỡng 104 đối tượng bảo trợ xã hội... Đến năm 2021, cả nước tăng lên gần 800 cơ sở bảo trợ xã hội của các tôn giáo, nuôi dưỡng 12.000 đối tượng⁽⁷⁾. Các cơ sở tôn giáo thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, hỗ trợ chăm lo cho người dân có hoàn cảnh khó khăn.

Tổng hợp chưa đầy từ 60 tỉnh, thành cho thấy, năm 2023, cả nước có 87 cơ sở bảo trợ dưỡng lão, gồm 33 cơ sở ngoài tôn giáo và 54 cơ sở của các tổ chức tôn giáo. Trong 55 cơ sở dưỡng lão của các tôn giáo, có 29 cơ sở Công giáo, 21 cơ sở Phật giáo, 03 cơ sở Cao Đài và 01 cơ sở của Phật giáo Hoà Hảo; có 13 cơ sở tổng hợp (nuôi trẻ mồ côi và người già), 42 cơ sở chuyên trách. Các cơ sở trợ giúp xã hội có nhiệm vụ tiếp nhận, nuôi dưỡng, chăm sóc nhiều loại đối tượng người cao tuổi khác nhau. Các cơ sở này cung cấp nhiều nhóm dịch vụ khác nhau như: chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi; tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí, văn hoá, thể dục, thể thao rèn luyện sức khỏe, lao động sản xuất; cung cấp các dịch vụ công tác xã hội. Các cơ sở trợ giúp người cao tuổi đã phần nào đáp ứng nhu cầu trợ giúp xã hội cho nhiều nhóm đối tượng người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn.

Công giáo là tôn giáo có kinh nghiệm trong hoạt động từ thiện cũng như hoạt động chăm sóc người cao tuổi⁽⁸⁾. Mặt khác, Công giáo là tôn giáo có tổ chức chặt chẽ, thống nhất từ giáo phận, xuống giáo xứ, giáo họ, với 27 giáo phận, trên 3.000 giáo xứ, hơn 6.000 họ đạo phủ khắp các tỉnh thành, 50 giám mục, trên 6.000 linh mục, đặc biệt Công giáo có hệ thống tổ chức tu trì với trên 300 cơ sở và trên 32 nghìn tu sĩ nam nữ, được đào tạo, huấn luyện bài bản hoạt động xã

(6) Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, *Rà soát hiện trạng các cơ sở trợ giúp xã hội năm 2023*, số liệu tổng hợp từ 60 tỉnh, thành, 3 tỉnh chưa thống kê gồm Quảng Ninh, Hải Phòng và Đồng Nai.

(7) Ban Tôn giáo Chính phủ, *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội 2022, tr.94.

(8) Trước năm 1975, Giáo hội Công giáo ở Việt Nam có 1.581 cơ sở xã hội, trong đó có 35 cơ sở dưỡng lão.

hội với tinh thần “tận hiến”, dấn thân phục vụ. Bởi vậy, hoạt động xã hội nói chung, hoạt động bảo trợ người cao tuổi nói riêng của Công giáo khá mạnh, đa dạng, phong phú. Hoạt động này được triển khai ở cả hai tuyến: giáo hội và các dòng tu, vừa với tư cách cá nhân, vừa với tư cách tổ chức. Hoạt động bảo trợ người cao tuổi được sự đôn đốc, định hướng của Hội đồng Giám mục Việt Nam, của các giáo phận, giáo xứ và các tổ chức tu trì. Ở các giáo phận đều thành lập ủy ban bác ái xã hội linh mục phụ trách để tổ chức thực hiện hoạt động từ thiện xã hội của giáo phận. Ở các giáo xứ có ban bác ái xã hội thuộc Hội đồng mục vụ do thành viên trong Hội đồng phụ trách dưới sự chỉ đạo của linh mục chính xứ. Hoạt động bảo trợ người cao tuổi các cấp do tổ chức Caritas (bác ái) làm nòng cốt. Nhờ đó, công bảo trợ người cao tuổi của hệ thống giáo hội được triển khai đến các giáo xứ, giáo họ và giáo dân, vừa với tư cách cá nhân vừa với tư cách tổ chức để đóng góp. Trong đó, hoạt động bảo trợ người cao tuổi chủ yếu do các tu sĩ và tổ chức tu trì đảm nhiệm, bởi họ có lực lượng tu sĩ đông đảo, có chuyên môn được đào luyện bài bản và hoạt động mang tính chuyên nghiệp.

Hoạt động bảo trợ người cao tuổi của Công giáo diễn ra dưới hai hình thức thường xuyên và không thường xuyên, nhưng chủ yếu là lập cơ sở dưỡng lão. Ngoài các giáo phận, các dòng tu, một số giáo xứ cũng lập cơ sở dưỡng lão. Các cơ sở dưỡng lão của Công giáo chủ yếu ở các tỉnh phía Nam, nhiều nhất là ở thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương. Tính đến năm 2016, Giáo hội Công giáo Việt Nam có 211 cơ sở khuyết tật, cô nhi viện, viện dưỡng lão⁽⁹⁾ (Niên giám, tr.483). Trong 29 cơ sở dưỡng lão của Công giáo hiện nay, một số cơ sở có quy mô lớn, cơ sở vật chất khang trang, nuôi dưỡng nhiều người cao tuổi⁽¹⁰⁾.

Hầu hết các giáo phận có nhà hưu dưỡng nuôi dưỡng các giáo sĩ (linh mục), đã nghỉ hưu. Ngoài ra, Công giáo còn có các hoạt động chăm sóc người cao tuổi không thường xuyên, một số dòng tu như Nữ tử Bác ái Thánh Vinh Sơn, Nữ vương Hoà bình, Mến thánh giá, Đa Minh, hằng tháng thường cử tu sĩ đi thăm

(9) Tại Đồng Nai, Dòng Mến Thánh giá Tam Hiệp, cơ sở Viện Dưỡng lão Tình thương; dòng Đa Minh Thánh Tâm chăm sóc người khuyết tật và người già neo đơn. Cơ sở bảo trợ xã hội cô nhi Thiên Bình do ban Caritas giáo phận Xuân Lộc phụ trách (lập 2009), nuôi dưỡng 128 cô nhi (20 khuyết tật, tâm thần), 38 cụ già neo đơn và 5 chị em cơ nhỡ.

(10) Tiêu biểu như Viện Dưỡng lão tình thương Lão Suối Tiên, Viện Dưỡng lão Thiên Đức, Nhà Dưỡng Lão Hòa Xuân (Trảng Bom), Dốc Mơ (Thống Nhất, Đồng Nai); Trung tâm bảo trợ Thiên Ân (Thủ Đức), Cơ sở Nhân Nghĩa, Tân Thông (Củ Chi), Nhà dưỡng lão Vinh Sơn (Bình Thạnh), Nhân Ái (thành phố Hồ Chí Minh); Nhà dưỡng lão Thanh Bình (Chợ Gạo, Tiên Giang); Nhà dưỡng lão Vinh Sơn, Phước Điền (Châu Thành, Tây Ninh); Mái ấm Nhân Hậu (Thủ Dầu Một, Bình Dương); Mái ấm Đức Ái (Đức Hoà, Long An); Nhà dưỡng lão Lộc Phát (Bảo Lộc, Lâm Đồng); Mái ấm Phaolô (An Khê, Gia Lai); Mái ấm tình thương Phaolô (Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng); Trung tâm từ thiện Thiên Ân (Hương Khê, Hà Tĩnh)...

hỏi, chăm sóc người cao tuổi bệnh tật, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tại giáo phận Bùi Chu, dòng nữ tu thừa sai Đức Mẹ Trinh vương Bùi Chu có Mái ấm Hồng Ân, phục vụ các cụ già neo đơn. Dòng Đức Mẹ thăm viếng Bùi Chu có các Nhà tình thương, nuôi dưỡng, chăm sóc người già neo đơn, không nơi nương tựa; thăm viếng người già yếu, khuyết tật tại gia đình. Hoạt động chăm sóc người cao tuổi của giới Công giáo, nhất là các tu sĩ được thực hiện chu đáo, tận tình với một tinh thần vô vị lợi, được dư luận xã hội và chính quyền các địa phương ghi nhận đánh giá tích cực.

Khác với Công giáo hoạt động chăm sóc người cao tuổi do tổ chức giáo hội (giáo phận, giáo xứ), dòng tu tổ chức, có đội ngũ tu sĩ nam nữ chuyên nghiệp phụ trách, Phật giáo chủ yếu do các sư trụ chùa tổ chức thực hiện, cơ sở dưỡng lão thường đặt trong khuôn viên tự viện (chùa, tịnh xá, tịnh thất), cũng có một số nơi xây dựng cơ sở riêng, như Viện dưỡng lão chùa Tịnh Đức (Huế), Mái ấm Mây Ngàn (Tây Ninh). Hoạt động chăm sóc người cao tuổi của Phật giáo diễn ra khá sôi nổi, phong phú. Trong nhiệm kỳ 2012-2017, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 20 cơ sở nhà dưỡng lão, nuôi dưỡng trên 1.000 cụ già(11). Nhiệm kỳ 2017-2022, Giáo hội có 15 trung tâm nuôi dưỡng 527 cụ già, neo đơn(12). Đến năm 2023, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 21 cơ sở nuôi dưỡng, chăm sóc người cao tuổi, một số cơ sở có quy mô lớn, trang thiết bị chăm sóc hiện đại(13). Giáo hội Phật giáo, các tăng, ni còn phối hợp với các bệnh viên, bác sĩ tổ chức về các địa phương thăm khám, chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho người cao tuổi.

Ngoài Công giáo, Phật giáo, các tổ chức tôn giáo khác cũng có hoạt động chăm sóc người cao tuổi dưới những hình thức khác nhau. Các hệ phái Cao Đài

(11) Tại thành phố Hồ Chí Minh, có nhà dưỡng lão chùa Pháp Quang, Pháp Lâm (quận 8), chùa Kỳ Quang 2 (quận Gò Vấp), chùa Diệu Pháp (quận Bình Thạnh), chùa Hoàng Pháp (huyện Hóc Môn) nuôi dưỡng trên 500 cụ già; Thừa Thiên Huế có nhà dưỡng lão Tịnh Đức (60 cụ), Diệu Viên (25 cụ), chùa Bồ Đề (100 cụ); Trà Vinh, chùa Liên Bửu 60 cụ, chùa Long Hoa 18 cụ; chùa Hồng Phúc, thành phố Bắc Giang; chùa Từ Phước, Tây Ninh phụng dưỡng một số cụ già cô đơn. Xem Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII, nhiệm kỳ 2012-2017, Hà Nội ngày 19-22 tháng 11 năm 2017, tr.43-44.

(12) Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2017-2022, Hà Nội ngày 19-22 tháng 11 năm 2022, tr.57.

(13) Ví như Mái ấm Tổ đình chùa Hộ Pháp (Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu) nuôi dưỡng trên 250 cụ già từ 70-90 tuổi; Mái ấm Mây Ngàn, chùa Cẩm Phong (Gò Dầu, Tây Ninh) xây dựng 3 trại (trại liệt nam, trại liệt nữ và trại tâm thần) nuôi dưỡng 66 cụ (bại liệt, có người nằm một chỗ) và 14 người tâm thần; Chùa Phước Lâm (Mỹ Xuyên, Sóc Trăng) nuôi dưỡng 90 cụ già; Mái ấm Long Thành (Long Hồ, Vĩnh Long) từ năm 2006 đến nay cư nuôi dưỡng trên 500 người, hiện có 40 cụ già neo đơn; Chùa Lâm Quang (quận 8, TP. Hồ Chí Minh), chăm sóc cho 137 cụ già không có nơi nương tựa; Viện dưỡng lão chùa Diệu Pháp (Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh), chăm sóc 37 cụ già (16 cụ không thể di chuyển nên phải có người chăm sóc hoàn toàn các sinh hoạt hằng ngày), có 5 nhân viên, 1 y tá và 1 điều dưỡng để chăm sóc cho các cụ; Cơ sở Bảo trợ xã hội Diệu Thắng (Di Linh, Lâm Đồng) chăm sóc, nuôi dưỡng 55 người (51 trẻ em và 4 người cao tuổi)...

lập các nhà dưỡng lão chăm sóc chức sắc, chức việc, tín đồ cao tuổi. Cao Đài Tây Ninh có bốn cơ sở chăm sóc người cao tuổi, gồm Viễn Dưỡng lão Trường An, Dưỡng lão đường trường Tây, Dưỡng lão đường Trí giác cung hay Dưỡng lão đường Quy Thiện (Hòa Thành, Tây Ninh) và Nhà dưỡng lão Vĩnh Bình (Gò Công, Tiền Giang. Riêng nhà dưỡng lão Vĩnh Bình do các đạo hữu của họ đạo thị trấn Vĩnh Bình xây dựng trên diện tích 800m², với 11 phòng, nuôi dưỡng có 20 người già neo đơn.

Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo rất quan tâm đến công tác từ thiện xã hội, chăm sóc người cao tuổi. Năm 1994, các tín đồ tại huyện Cờ Đỏ (Cần Thơ), thành lập Nhà nuôi dưỡng Sao Đỏ, nuôi dưỡng 20 người già neo đơn, không nơi nương tựa. Giáo hội Tịnh độ cư sĩ Phật hội cũng rất coi trọng đến công tác từ thiện, xã hội, chăm sóc người cao tuổi. Hiện nay, tôn giáo này có hơn 1.000 cơ sở khám, chữa bệnh đông, tây y; hơn 100 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người già, người khuyết tật, không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, nạn nhân chất độc da cam, người nhiễm HIV,... ; thành lập được 214 phòng thuốc nam phước thiện ở 210 Chi hội (tổ chức tôn giáo trực thuộc), trên 70 vườn thuốc nam, hơn 80 Huấn viên Y khoa, hơn 700 Y sĩ, Lương y, Bác sĩ và khoảng 1.000 nhân viên công quả lo việc sưu tầm cung ứng thuốc

Nhìn chung, các tôn giáo ngày càng quan tâm tham gia vào các công tác bảo trợ người cao tuổi dưới nhiều hình thức khác nhau. Các cơ sở bảo trợ người cao tuổi tăng nhanh, mở rộng, chiếm tỷ lệ nhiều nhất trong các cơ sở chăm sóc người cao tuổi. Các cơ sở này từng bước đi vào hoạt động có hiệu quả, thiết thực, đã tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng hàng nghìn người cao tuổi chủ yếu vào đối tượng, chủ yếu là người già có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn, không nơi nương tựa. Chất lượng hoạt động, thái độ, tinh thần phục vụ chu đáo, tận tình của đội ngũ quản lý, nhân viên tại các cơ sở bảo trợ người cao tuổi của tôn giáo được các cơ quan chức năng, các cấp chính quyền và dự luận xã hội đánh giá tích cực.

Tuy nhiên, hoạt động bảo trợ người cao tuổi của các tôn giáo cũng còn nhiều hạn chế, bất cập: cơ sở bảo trợ người cao tuổi còn ít hơn nhiều so với các cơ sở xã hội khác của các tôn giáo; mới chỉ tập trung ở hai tôn giáo lớn là Công giáo và Phật giáo; lại phân bố không đều, chủ yếu ở các tỉnh Đông Nam Bộ; quy mô cơ sở chăm sóc người cao tuổi nhỏ bé, cơ sở vật chất thiếu thốn, nhà ở trật trệt, thiếu không gian vui chơi cho người cao tuổi, trang thiết bị nghèo nàn; nguồn kinh phí hoạt động chủ yếu dựa vào lòng hảo tâm của tín đồ, các mạng thường

quân, hạn chế và thiếu ổn định lâu dài; những người quản lý và nhân viên phục vụ còn hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý người cao tuổi; một số cơ sở mặc dù đã đi vào hoạt động, song gặp phải những khó khăn về mặt pháp lý nên chưa được chính quyền cấp giấy hoạt động. Mặt khác, chính sách, pháp luật còn có sự bất cập, thiếu đồng bộ, trong khi ở một số nơi chính quyền địa phương chưa thực sự quan tâm, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo tham gia hoạt động chăm sóc người cao tuổi. Vì vậy, hoạt động bảo trợ chăm sóc người cao tuổi của các tôn giáo còn nhiều hạn chế, chưa khai thác tốt tiềm năng của tôn giáo trong việc phát huy vai trò của thực hiện chính sách đối với người cao tuổi theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

4. Một số giải pháp, kiến nghị

Một là, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện và đồng bộ chính sách tôn giáo trong việc phát huy nguồn lực của tôn giáo tham gia công tác đối với người cao tuổi. Chính phủ cần chỉ đạo cho các bộ, ban ngành cùng các địa phương rà soát lại toàn bộ các chính sách, bỏ những quy định không còn phù hợp với thực tiễn, bổ sung các nội dung, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tôn giáo tham gia công tác xã hội hoá chăm sóc người cao tuổi. Trong đó, cần quan tâm đến chính sách đất đai, tài chính, cơ chế thành lập, hoạt động của các cơ sở bảo trợ người cao tuổi của tổ chức tôn giáo.

Hai là, bảo đảm cơ sở vật chất cho các tôn giáo xây dựng và phát triển cơ sở bảo trợ người cao tuổi. Thực tế cho thấy, các tôn giáo ngày càng quan tâm đến công tác bảo trợ người cao tuổi bằng việc lập các trung tâm, cơ sở dưỡng lão. Tuy nhiên, hoạt động này đang gặp khăn, do thiếu không gian, mặt bằng xây dựng cơ sở. Để công tác bảo trợ chăm sóc người cao tuổi của các tôn giáo đạt được hiệu quả cao hơn nữa, rất cần sự ủng hộ, tạo điều kiện của các cấp chính quyền địa phương về mọi mặt. Trong đó, Nhà nước cần hỗ trợ mặt bằng để các tổ chức tôn giáo có nhu cầu và khả năng thành công cơ sở có quy mô lớn nuôi dưỡng các cụ già neo đơn. Chính phủ, các bộ, ban, ngành, chính quyền địa phương cần phối hợp giải quyết những vướng mắc về pháp lý cho các cơ sở bảo trợ người cao tuổi của các tổ chức tôn giáo đang hoạt động, nhưng chưa được cấp giấy phép hoạt động.

Ba là, chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ những người tham gia công tác bảo trợ chăm sóc người cao tuổi. Thực tế cho thấy, những người quản lý và nhân viên trong các cơ sở chăm sóc người cao tuổi của các tôn giáo chủ yếu là chức sắc, nhà tu hành, tín đồ và các tình nguyện viên, phần lớn chưa được

đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý. Trong khi đó, yêu cầu, đòi hỏi những người tham gia công tác chăm sóc người cao tuổi không chỉ có chuyên môn, nghiệp vụ, mà cần phải có kỹ năng, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng, tâm lý của người cao tuổi, để công tác bảo trợ người cao tuổi không đem lại cho họ những thiếu thốn về vật chất mà còn xoa dịu, động viên họ những nỗi đau về tinh thần. Chỉ có như vậy, công tác bảo trợ chăm sóc người cao tuổi mới có ý nghĩa. Vì vậy, các tổ chức tôn giáo cần chủ động chuẩn bị nguồn nhân lực, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý cho đội ngũ những người tham gia. Nhà nước cũng cần có chính sách hỗ trợ các tôn giáo trong việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý cho đội ngũ những làm công tác bảo trợ người cao tuổi.

Bốn là, cần chủ động nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động bảo trợ, chăm sóc người cao tuổi. Nguồn kinh phí phục vụ cho công tác bảo trợ chăm sóc người cao tuổi chủ yếu do lòng hảo tâm của tín đồ, các mạnh thường quân, nên thường không ổn định, chủ động được. Do đó, các tôn giáo cần có kế hoạch thai thác, sử dụng một các cần trọng, có kế hoạch.

Năm là, nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động bảo trợ, chăm sóc người cao tuổi của các tôn giáo. Các bộ, ngành và chính quyền địa phương cần hướng dẫn, giúp đỡ, kịp thời chủ động tháo gỡ những vướng mắc để tạo điều kiện thuận lợi cho các tôn giáo tham gia thực hiện chính sách đối với người cao tuổi. □

TRỌNG DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO Ở NGƯỜI CAO TUỔI

GS, TS. NGUYỄN TRỌNG CHUẨN

Phó Chủ tịch Hội Triết học Việt Nam

TRONG kỷ nguyên cách mạng công nghiệp hiện đại, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, một đất nước muốn phát triển nhanh, bền vững, tránh tụt hậu thì không thể thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao thuộc nhiều lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, kinh tế - xã hội, chính trị, đối ngoại, trong số đó có một bộ phận là những người cao tuổi.

1- Nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố then chốt thúc đẩy sự phát triển toàn diện và bền vững kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Đó là lý do vì sao không ít những nước phát triển đã tập trung xây dựng những chiến lược dài hơi, được gọi là “chiến lược săn đầu người”, nhằm thu hút các nhân tài thuộc các lĩnh vực khoa học và công nghệ hàng đầu khác nhau từ khắp mọi nơi trên thế giới. Bên cạnh đó, các nước phát triển còn lợi dụng thế mạnh của họ trong việc giúp đào tạo sinh viên cho các nước kém phát triển để tìm cách thu nạp những người giỏi ở lại làm việc cho nước mình, chứ không muốn để họ trở về các nước đã gửi họ đến học tập. Đây là một trong những thách thức khác đối với các nước kém phát triển hoặc đang trên con đường phát triển suốt nhiều năm qua.

Hiện nay, có một thách thức khác không kém phần gay go đối với các nước đang phát triển chính là tốc độ già hóa dân số đang diễn ra rất nhanh. Già hóa dân số thật sự đang là thực trạng, là xu hướng mang tính toàn cầu, không chỉ ở nhiều nước phát triển, những nước có các điều kiện chăm sóc tốt sức khỏe cho toàn dân, mà còn cả ở nhiều nước có trình độ phát triển khác nhau nữa. Bởi vậy, già hóa dân số ở Việt Nam hoàn toàn không phải là ngoại lệ, mặc dù mức sống của chúng ta mới chỉ đang ở trình độ phát triển trung bình.

Tình trạng già hóa dân số đang đặt ra rất nhiều thách thức mới không chỉ cho công tác chăm sóc sức khỏe người lao động cao tuổi, mà còn đặt ra rất nhiều vấn đề khác cho đất nước, trong đó có việc bù đắp sự thiếu hụt nguồn nhân lực trẻ có trình độ cao. Do vậy, việc chăm sóc sức khỏe người lao động cao tuổi không chỉ nhằm vào việc có thể đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của lớp người đáng kính này, mà không kém phần quan trọng là tổ chức khai thác, trọng dụng sao cho tốt nhất khả năng của nhiều người lao động cao tuổi đối với các mặt khác nhau của đời sống xã hội, trong đó có những người lao động cao tuổi ở trình độ cao, thậm chí là tầng lớp tinh hoa trên các lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, công nghệ, chính trị, đối ngoại,... Đồng thời, trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu tạo việc làm phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nghề nghiệp chuyên môn và sức khỏe của người cao tuổi đang được đặt ra cấp bách, để vừa bảo đảm quyền được làm việc, được đóng góp cho xã hội của người cao tuổi, vừa sử dụng được kinh nghiệm và chất xám của lực lượng lao động đặc biệt này, góp phần bảo đảm mục tiêu an sinh xã hội và phát triển đất nước.

Vậy những ai thuộc số những người lao động cao tuổi?

Theo Khoản 1, Điều 148 Bộ luật lao động năm 2019, khái niệm “Người lao động cao tuổi” được xác định như sau:

“Người lao động cao tuổi là người tiếp tục lao động sau độ tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật này”. Theo đó, “Tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035. Kể từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam và 04 tháng đối với lao động nữ”.

Đầu năm 2023, Báo cáo của Ủy ban các vấn đề kinh tế và xã hội của Liên hợp quốc coi tình trạng già hóa dân số là một xu hướng mang tính toàn cầu. Con người sống lâu hơn nhờ những bước tiến vượt bậc về y tế, chữa trị bệnh tật, tiếp cận giáo dục và giảm tỷ lệ sinh ở nhiều nước, nhất là các nước phát triển. Trên thế giới, theo ước tính, hiện có trên 761 triệu người từ 65 tuổi trở lên và dự kiến vào năm 2050 con số ấy sẽ tăng lên 1,6 tỷ người. Số người từ 80 tuổi trở lên trên thế giới cũng tăng lên khá nhanh.

Ở Việt Nam, theo thống kê, số người cao tuổi liên tục tăng nhanh trong mấy năm trở lại đây. Cụ thể, hiện giờ, nước ta có khoảng 11, 4 triệu người, chiếm khoảng 11, 86% dân số thuộc diện người cao tuổi. Tỷ lệ người cao tuổi ở nước ta ngày càng gia tăng trong cơ cấu dân số. Theo dự báo và ước tính của Tổng cục Thống kê, đến năm 2038, nước ta sẽ có hơn 21 triệu người từ 60 tuổi trở lên, chiếm 20% dân số; đến năm 2050 tỷ lệ này là 28%. Cũng theo thống kê, tỷ lệ dân số trên 60 tuổi ở Việt Nam năm 2022 là 12%. Theo thống kê của Bộ Y tế, so sánh với những thống kê các nước trên thế giới, có thể thấy, Việt Nam là một trong 10 quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Chẳng hạn, so sánh với các nước có thể thấy, nước Mỹ, để tăng gấp đôi tỷ lệ người cao tuổi, phải mất 69 năm, nước Úc là 73 năm, nước Thụy Điển phải mất 85 năm, còn nước Pháp mất tới 115 năm. Theo đánh giá của các nhà nghiên cứu dân số thì nước ta đã chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số từ năm 2011, nghĩa là nhanh hơn so với các dự báo trước đó là vào năm 2017. Số người cao tuổi tăng lên đồng nghĩa với số lượng lực lượng lao động trẻ sẽ giảm xuống tương ứng. Điều này đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách tâm vĩ mô của chúng ta phải hết sức quan tâm để có đối sách thích hợp, tránh bị động về nguồn lao động, cản trở sự phát triển của đất nước trong tương lai gần.

Với tốc độ già hóa dân số nhanh như vậy, vấn đề đặt ra cho Đảng và Nhà nước ta là phải có chính sách *phù hợp* nhằm sử dụng hiệu quả, đặc biệt là *trọng dụng* thật sự tri thức, khả năng, tài năng của những người lao động cao tuổi - những người vẫn tiếp tục lao động, làm việc trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nghiên cứu khoa học, đối ngoại,... sau khi đã nghỉ hưu hoặc đã đến độ tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật.

2- Sinh thời, ngay từ năm 1941, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng đánh giá cao khả năng nhiều mặt của người cao tuổi, khi Bác viết: Người cao tuổi là của quý vô giá của dân tộc, của nước nhà; Trách nhiệm của các cụ phụ lão chúng ta đối với nhiệm vụ đất nước thật là trọng đại. Đất nước hưng thịnh do phụ lão gây dựng. Đất nước tồn tại do phụ lão giúp sức. Đất nước bị mất phụ lão cứu. Đất nước suy sụp phụ lão phù trì; Dầu rằng tóc đã bạc, mắt đã hoa, tay run, chân mỏi, nhưng một lời nói của phụ lão có ảnh hưởng đến hưng bang, một hành động của phụ lão có ảnh hưởng đến việc giết giặc. Rút gốc mọc để ném vào đầu bọn bạo ngược, vung gậy trúc để đánh vào chân bọn hung ác. Đối với gia đình, đối với Tổ quốc, phụ lão có trọng trách là bậc tôn trưởng. Đối với làng xóm, đối với bà con, phụ lão có sự tín nhiệm lớn lao. Phụ lão hô, nhân dân hưởng ứng. Phụ lão làm, nhân dân làm theo. Hô điều nên hô, làm việc nên làm. Người có

của giúp của, người có sức dốc sức, góp gió thành bão, tụ hội thành mây, đồng bào cả nước ta đang ngẩng cao đầu mà trông chờ các bậc phụ lão⁽¹⁾. Thật là một đánh giá ngắn gọn nhưng đầy đủ, sâu sắc các mặt vốn là thế mạnh rất đáng quý, khắc phục điểm yếu của các vị cao niên.

Riêng với đội ngũ trí thức, trong đó có những trí thức cao tuổi, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng đến việc bồi dưỡng, tạo điều kiện cho họ, trọng dụng họ, vì đại đa số họ là những người vừa có tài, lại vừa có đức. Ngày nay, lực lượng này có vai trò đặc biệt to lớn trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các trí thức cao tuổi không chỉ có những đóng góp thiết thực vào việc hoạch định chính sách, mà còn trao truyền kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng, góp phần trang bị tri thức, nâng cao trình độ cho thế hệ trẻ.

Ngày nay, lời hiệu triệu và đánh giá đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh về người cao tuổi vẫn được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trân trọng và quán triệt. Cụ thể là năm 2009, Quốc hội đã ban hành Luật Người cao tuổi; Chính phủ đã ban hành các chương trình hành động về người cao tuổi. Ngày 13-10-2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1579/QĐ-TTg, phê duyệt “Chương trình Chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi đến năm 2030”. Ngày 15-3-2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 20/2021/NĐ-CP “Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội”, trong đó có người cao tuổi. Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam đã phát động các phong trào thi đua yêu nước đến tận cơ sở và đến tất cả hội viên. Nhiều phong trào thi đua yêu nước đã được phát động, được thực hiện có hiệu quả cụ thể và rất thiết thực, có sức lan tỏa rộng khắp cả nước. Đảng và Nhà nước ghi nhận và đánh giá cao đóng góp của người lao động cao tuổi trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

Mới đây, phát biểu tại Đại hội lần thứ VI Người cao tuổi Việt Nam, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: Văn hóa và đạo đức của người Việt Nam từ xưa đến nay là “Kính già, yêu trẻ”, “Kính lão đắc thọ”,... người già luôn luôn được đề cao, được tôn trọng. Vì người già là người từng trải, tích lũy được nhiều kinh nghiệm phong phú trong sản xuất, am hiểu sâu sắc về văn hóa, ứng xử trong cộng đồng, dòng họ, gia đình. Trong lịch sử phát triển của dân tộc ta, người cao tuổi có nhiều đóng góp to lớn cả trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Truyền thống vô cùng quý báu của người cao tuổi Việt Nam tiếp tục được Đảng ta và Bác Hồ phát huy. Đặc biệt, dưới sự lãnh đạo của Đảng, người cao

(1) Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 3, tr. 232, 233

tuổi đã và đang có nhiều đóng góp quan trọng, đúng như lời Bác Hồ đã nói “tuổi cao, ý chí càng cao”. Người cao tuổi nước ta thực sự là vốn quý của dân tộc, là lực lượng quan trọng của đất nước, là rường cột của gia đình và xã hội Việt Nam.

3- Hiện nay không ít người trong số những lớn tuổi đã nghỉ hưu theo chế độ là những người có chuyên môn cao, tay nghề vững, tinh thông nghiệp vụ, do vậy, việc sử dụng họ không phải mất nhiều thời gian đào tạo như những người trẻ mới được tuyển dụng. Những người cao tuổi đã nghỉ hưu còn có những mặt mạnh khác, như kinh nghiệm nghề nghiệp, kinh nghiệm làm việc, cách ứng xử linh hoạt, khả năng tổ chức điều hành một tập thể, khả năng xử lý tốt công việc mang tính đa ngành, phức tạp. Những thế mạnh này của những người lao động cao tuổi là những thứ mà nhiều người lao động trẻ tuổi còn phải học hỏi nhiều.

Nhìn một cách tổng thể có thể thấy, ngày nay ở nước ta, người cao tuổi đang từng bước trở thành lực lượng lao động quan trọng trong nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội đòi hỏi kỹ năng cao, tri thức và kinh nghiệm nhiều mặt. Chúng ta đang có rất nhiều người lao động dù đã cao tuổi theo quy định của Bộ Luật Lao động nhưng họ không những vẫn có đủ sức khỏe, trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm, mà điều quan trọng hơn cả là họ vẫn còn nhiệt huyết và có mong muốn đóng góp cho xã hội. Phải thừa nhận rằng, những người lao động cao tuổi không chỉ có *thực lực* mà còn có *tiềm năng* rất lớn trong nhiều lĩnh vực nhưng chưa được khai thác hết và cách thức sử dụng, quy định về thời gian hợp đồng lao động của các cơ quan có trách nhiệm còn *cứng nhắc* và cũng *chưa thật hợp lý*; chưa tạo được môi trường thuận lợi để động viên trí thức cao tuổi chủ động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, truyền thụ kiến thức, tư vấn, phản biện xã hội,...

Cần nhấn mạnh rằng, ngoài các kỹ năng nghề nghiệp sẵn có, đã tích lũy được, đã từng trải suốt nhiều năm, người cao tuổi còn có khối lượng *tri thức phong phú, kinh nghiệm* và *kỹ năng sống*. Nhiều người trẻ tuy rất tài năng nhưng có thể vẫn còn thiếu những điều rất quan trọng này, vì vậy người cao tuổi là nguồn lực bổ sung quan trọng cho sự thiếu hụt ấy.

Cũng giống như nhiều nước trên thế giới, từ thực tế của nước ta hiện nay có thể thấy, số người cao tuổi với trình độ chuyên môn cao, hoặc rất cao, vẫn đang tiếp tục tham gia nhiều công việc thuộc các lĩnh vực kinh tế, đối ngoại, công tác xã hội, khoa học, kỹ thuật, công nghệ khác nhau. Điều đáng mừng là nhiều người cao tuổi vẫn rất nhiệt tình tiếp tục lao động và cống hiến sức mình trên các lĩnh vực vốn là thế mạnh của họ, đóng góp thiết thực vào công cuộc

xây dựng và phát triển đất nước. Phải thừa nhận rằng, những người được coi là “cao tuổi” hoàn toàn không đồng nghĩa với sự suy giảm về mặt thể chất, về khả năng tư duy nhạy bén, về nhiệt tình khám phá cái mới, nhất là tâm lý vững vàng của họ trước những biến động rất khó lường của thời cuộc và các quan hệ xã hội rộng mở, cả với trong nước và cả với nước ngoài. Bản lĩnh, từng trải và nhiều kinh nghiệm là những *thế mạnh* của người cao tuổi.

Hiện nay, theo con số mới nhất, cả nước có trên 7 triệu trong tổng số 17 triệu người cao tuổi vẫn tham gia lao động, sản xuất, kinh doanh, đóng góp nhiều mặt cho xã hội. Trong số 7 triệu người lao động cao tuổi, Trung ương Hội Người cao tuổi vừa tuyên dương 273 tấm gương tiêu biểu làm kinh tế giỏi, khởi nghiệp thành công, xóa đói giảm nghèo trên cả nước. Trong số những người cao tuổi nhưng vẫn đang làm việc ấy không ít những người là lao động giỏi. Trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, văn hóa, văn học, nghệ thuật, một số người cao tuổi được phong anh hùng lao động thời kỳ đổi mới, chiến sĩ thi đua toàn quốc, một số người còn được trao các giải thưởng khoa học rất cao quý, nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú... Ở nông thôn, số người cao tuổi tuy hết tuổi lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động, song nhiều người trong số họ vẫn đang tích cực tham gia các hoạt động kinh tế hợp tác xã, kinh tế hộ gia đình độc lập phù hợp hoặc cùng với con cháu theo điều kiện sức khỏe của họ cho phép. Việc người cao tuổi vẫn tham gia lao động không chỉ mang lại thu nhập cao và giảm bớt khó khăn cho họ do bị giảm lương theo quy định khi nghỉ hưu, mà còn mang lại những lợi ích không nhỏ cho xã hội, như góp phần giải quyết tình trạng thiếu hụt lao động do quá trình già hóa dân số, trao truyền những kinh nghiệm quý báu của người cao tuổi đã tích lũy được cho lớp trẻ, đồng thời góp phần giảm thiểu sự thiếu hụt chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực quan trọng.

Các thế mạnh của người cao tuổi thể hiện rõ nhất trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, trong ngành giáo dục và đào tạo, trong các ngành như: y khoa, đông y, dược khoa, khoa học nông - lâm nghiệp... Cả nước hiện có gần 12.000 giáo sư, phó giáo sư; gần 73.000 giảng viên đại học, trong đó hơn 16.500 tiến sĩ, hơn 43.000 thạc sĩ. Tuy chưa có con số thống kê chính thức, song nhìn vào số lượng giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ (nói chung là trí thức bậc cao) có thể thấy số lượng người cao tuổi không phải là ít. Họ vẫn đang tiếp tục làm công tác khám bệnh và điều trị cho bệnh nhân tại các bệnh viện, các cơ sở y tế, hay nghiên cứu khoa học tại các cơ sở, các viện nghiên cứu, hoặc trực tiếp giảng dạy đại học, hướng dẫn, đào tạo chuyên ngành, làm cố vấn và điều hành cả ở khối các trường đại học... Đây là số những người cao tuổi có trình độ rất cao, có thể gọi

nhiều người trong số họ là tầng lớp tinh hoa cao tuổi của xã hội ta - những người là “của quý vô giá của dân tộc, của nước nhà”, là “bậc tôn trưởng”, “có ảnh hưởng đến hưng bang” như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói.

4- Xuất phát từ những yêu cầu mới của thực tiễn, ngày 24-11-2023, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 45-NQ/TW “Về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới”, trong đó nêu rõ quan điểm phát triển đội ngũ trí thức về số lượng và chất lượng, nhất là đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành trong lĩnh vực then chốt, trọng yếu, lĩnh vực mới đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo đảm khả thi, đồng bộ, tạo cơ hội, điều kiện, động lực cho đội ngũ trí thức phát triển toàn diện, nâng cao năng lực, trình độ và cống hiến cho đất nước. Ưu tiên bảo đảm nguồn lực cho đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ mũi nhọn; quan tâm đầu tư cho nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng lĩnh vực Việt Nam có thế mạnh, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học lý luận chính trị, quản lý, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, văn học, nghệ thuật. Trong thực tế thì có rất nhiều nhà khoa học, giảng viên đang làm việc là người cao tuổi. Những trí thức cao tuổi này đang góp phần thiết thực vào việc củng cố, phát triển hệ giá trị xã hội, giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đồng thời tiếp nhận những giá trị văn hóa tích cực, tiến bộ, phù hợp với giai đoạn phát triển hiện nay của đất nước cũng như gạt bỏ những yếu tố lai căng, lạc hậu, phản văn hóa trong xã hội.

Những trí thức cao tuổi thuộc các ngành trên đây, nếu được đầu tư và được tổ chức tốt, có thể có những đóng góp thiết thực để phát triển các ngành này theo yêu cầu của Đảng và Nhà nước. Thông qua đó, những trí thức cao tuổi hoàn toàn có khả năng tạo ra các sản phẩm cả tinh thần và vật chất chất lượng cao cho xã hội; tạo ra nguồn lực đặc biệt trong phát triển kinh tế tri thức, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; là nhân tố quan trọng trong nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, nâng tầm trí tuệ và sức mạnh dân tộc, đóng góp to lớn cho sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo yêu cầu của Đảng và Nhà nước.

Nước ta đã có luật về người cao tuổi (Luật Người cao tuổi, số 39/2009/ QH 12) khá chi tiết và cụ thể. Tuy nhiên, có những quy định còn cứng nhắc trong Hợp

đồng lao động với những người lao động cao tuổi về thời gian hợp đồng, mà chưa tính đến những ngành đặc thù cần đến trí tuệ cao, điều này dẫn đến sự lãng phí tài năng. Vấn đề đặt ra lúc này, và cả về sau, là việc thu hút, trọng dụng, tôn vinh trí thức, nhất là bộ phận trí thức tinh hoa, các nhà khoa học, nhà văn hóa lớn cả trong độ tuổi lao động và những người cao tuổi cần phải được đặc biệt quan tâm. Do đó, cần triển khai tích cực và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được đề ra tại Nghị quyết số 45-NQ/TW, như kịp thời lắng nghe, nắm bắt, giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng; thường xuyên tổ chức tham vấn, đối thoại bảo đảm khách quan, tôn trọng ý kiến của đội ngũ trí thức; hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách đối với đội ngũ trí thức. Trong đó, nhấn mạnh cần sớm ban hành, tổ chức thực hiện chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; có cơ chế phát huy dân chủ, tôn trọng tự do sáng tạo, đề cao đạo đức, trách nhiệm của trí thức trong hoạt động khoa học, công nghệ, giáo dục và đào tạo, trong văn hóa, văn học, nghệ thuật...

Nói tóm lại, ngày nay, người cao tuổi bằng uy tín, kinh nghiệm, trí tuệ và lòng nhiệt tình của mình *đang tiếp tục đóng góp* cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Trọng dụng được *nguồn nhân lực cao tuổi chất lượng cao* thuộc tất cả các lĩnh vực không những sẽ giúp chúng ta khắc phục được phần nào sự thiếu hụt nhân lực do tình trạng già hóa dân số, mà còn tiếp tục khai thác được kho báu tri thức, vốn sống dồi dào và kinh nghiệm vô cùng phong phú cùng tài năng của lớp người đi trước làm bộ phận cho lớp trẻ hôm nay. Để hoàn thành được nhiệm vụ này thì, một mặt, Nhà nước cần có các chính sách phù hợp, khả thi và công tác tổ chức thật tốt để tránh lãng phí nguồn lực quan trọng và hết sức quý giá này; mặt khác, rất cần chăm sóc sức khỏe và tạo điều kiện để người cao tuổi phát huy hết các khả năng của mình, phục vụ đất nước và nhân dân.□

GIẢI PHÁP NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở NÔNG THÔN TRONG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM

VIỆT NAM đã bước vào giai đoạn già hóa dân số và được đánh giá là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa nhanh so với thế giới. Với tốc độ này, công tác chăm sóc người cao tuổi sẽ là thách thức rất lớn, cả với xã hội và hệ thống y tế. Dự báo số người cao tuổi Việt Nam tăng lên 16,8 triệu người vào năm 2039 và đạt 25,2 triệu người vào năm 2069. Bước vào thời kỳ dân số già, tỷ trọng nhóm dân số từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 14,2% tổng dân số vào năm 2036.

Trên thực tế, tại Việt Nam hiện nay, số người cao tuổi phần lớn sống ở nông thôn, chiếm tới 67%, họ là nông dân và làm nông nghiệp. Có trên 70% người cao tuổi phải tự lao động kiếm sống bên cạnh có sự hỗ trợ rất ít của con cháu và gia đình, chỉ có hơn 25,5% người cao tuổi sống bằng lương hưu hay trợ cấp xã hội. Với tỷ lệ đất nông nghiệp ngày càng thu hẹp, sản xuất khó khăn do thiên tai, dịch họa dẫn đến thu nhập của người nông dân nói chung, người cao tuổi nói riêng còn thấp. Vì vậy, đời sống vật chất của người cao tuổi ở nông thôn Việt Nam hiện nay còn nhiều khó khăn, hầu hết không có điều kiện bảo vệ sức khỏe, tích lũy. Có tới 70% người cao tuổi không có tích lũy vật chất; 62,3% thuộc diện khó khăn, thiếu thốn, chủ yếu ở khu vực nông thôn...

Già hóa dân số đặt ra những cơ hội và thách thức về mặt kinh tế, xã hội, đồng thời đòi hỏi quốc gia thực hiện những thay đổi trong nền kinh tế. Già hóa dân số nhanh chóng dẫn đến tình trạng thiếu lao động trong tương lai cũng như nhu cầu an sinh xã hội ngày càng tăng ở người cao tuổi. Khi tỷ lệ người cao tuổi

tăng thì nhu cầu về các dịch vụ xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu của họ cũng tăng theo. Việt Nam có hệ thống an sinh xã hội tương đối phát triển, tuy nhiên cần tăng cường hơn nữa khả năng tiếp cận hệ thống an sinh xã hội của người cao tuổi, mở rộng phạm vi áp dụng của hệ thống an sinh xã hội quốc gia và chương trình trợ giúp xã hội. Cũng cần phải nhìn nhận rằng nhiều người cao tuổi có khả năng và mong muốn làm việc sau độ tuổi nghỉ hưu, đồng thời cần trao cơ hội hoạt động kinh tế cho người cao tuổi.

Quá trình già hóa dân số diễn ra sẽ ảnh hưởng tới vùng nông thôn Việt Nam nhiều hơn là ở thành thị. Các dịch vụ công như y tế, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ vui chơi giải trí,... ở vùng nông thôn hiện chưa phát triển hoặc phát triển rất chậm và kém hơn so với vùng đô thị... Chính vì vậy, người cao tuổi ở nông thôn không chỉ chưa được hưởng lợi nhiều từ các chính sách xã hội mà họ còn phải lao động kiếm sống hoặc chủ yếu nhờ vào con cái... Đây là những thách thức lớn khi dân số nước ta bước vào giai đoạn già hóa dân số.

Theo đánh giá, người cao tuổi ở nông thôn tham gia hoạt động kinh tế nhiều hơn đáng kể so với người cao tuổi ở thành thị. Tuy nhiên, về tổng thể giá trị kinh tế người cao tuổi ở nông thôn làm ra lại không cao, phần nào trang trải cuộc sống hàng ngày, đa số người cao tuổi không có tích lũy, không làm ra tiền nên tâm lý sống có phần lo lắng khi tuổi ngày một cao. Do vậy, việc có một chính sách lao động, việc làm đối với người cao tuổi ở nông thôn là một vấn đề quan trọng và cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Các hoạt động nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người cao tuổi ở nông thôn trong bối cảnh già hóa dân số ở Việt Nam

Người cao tuổi là nền tảng của gia đình, nguồn lực quan trọng của sự phát triển xã hội, có công lớn đối với gia đình, xã hội và đất nước, có nhiều đóng góp trong sự nghiệp chống ngoại xâm, giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc; người cao tuổi vẫn tiếp tục đem trí tuệ, tài năng, kinh nghiệm cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong bối cảnh già hóa dân số đang diễn ra hiện nay, công tác chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi đang ngày càng được Đảng và Nhà nước quan tâm. Hoạt động bảo vệ, chăm sóc người cao tuổi được lồng ghép trong nhiều chương trình, nhiệm vụ của bộ, ngành, địa phương. Người cao tuổi được tạo điều kiện để tích cực tham gia các phong trào xây dựng nông thôn mới, bảo vệ an ninh Tổ quốc, trật tự an toàn xã hội, văn hóa, thể dục, thể thao tại địa

bàn, khu dân cư, ngoài ra công tác đào tạo nghề phù hợp cho người cao tuổi ở nông thôn Việt Nam cũng đang được chú trọng.

Ở các địa phương thường xuyên duy trì và phát huy hoạt động, thế mạnh của các câu lạc bộ văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, nhằm thu hút hàng triệu người cao tuổi tham gia; nhân rộng câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau. Tổ chức các hoạt động truyền thông về các lĩnh vực để giúp người cao tuổi khu vực nông thôn được tiếp cận kiến thức mới, thay đổi quan niệm để sống vui hơn, có ích hơn, những kiến thức mới về kỹ thuật sản xuất để vận dụng trong trồng trọt, chăn nuôi, tiếp cận nguồn vốn,... để có thể nâng cao đời sống vật chất và tinh thần một cách thiết thực nhất.

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đời sống văn hóa của người cao tuổi ở nông thôn ngày càng phong phú, lối sống ngày càng văn minh, hiện đại. Các lễ hội từ quy mô lớn đến các lễ hội có quy mô nhỏ trong phạm vi làng xã, có nhiều chuyển biến rõ nét. Thể hiện ở nội dung lễ hội phù hợp truyền thống văn hóa, phần lễ được tổ chức trang trọng, thành kính, phần hội phong phú hấp dẫn, bảo tồn có chọn lọc những phong tục tập quán tốt đẹp của nhân dân theo hướng lành mạnh, tiến bộ, tiết kiệm. Bên cạnh đó, những giá trị truyền thống tốt đẹp được phát huy và những giá trị mới trong lối sống, trong quan hệ ứng xử (giữa các thành viên trong gia đình, làng xóm,...) ngày càng được phổ biến. Người cao tuổi nhận thức rõ và làm gương trong việc xây dựng lối sống, nếp sống văn hóa mới: tiết kiệm, văn minh trong thực hiện việc cưới, việc tang (giảm bớt những tục rườm rà, lạc hậu, lãng phí...).

Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế, đô thị hóa mạnh mẽ đã làm một số vùng nông thôn theo chiều hướng “bê tông hóa”, làm ảnh hưởng tới các giá trị truyền thống, bản sắc của vùng quê. Công tác xây dựng gia đình văn hóa cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Sự xung đột giữa các thế hệ về lối sống và việc chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi đang đặt ra những thách thức mới. Các tệ nạn xã hội đã và đang xâm nhập, tác động xấu vào các gia đình⁽¹⁾.

Người cao tuổi là những người có uy tín trong gia đình và cộng đồng, có kinh nghiệm, tri thức thực tiễn được tích lũy cả một đời, có vai trò quan trọng trong giáo dục gia đình để mỗi gia đình là một tế bào tốt của xã hội, góp phần xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại, cũng từ đó nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người cao tuổi.

(1) http://svhttdl.phutho.gov.vn/tin/xay-dung-gia-dinh-van-hoa-gan-voi-xay-dung-nong-thon-moi-hien-nay_58.html

Hội Nông dân Việt Nam với hệ thống tổ chức từ Trung ương xuống cơ sở với hơn 10 triệu hội viên. Trong thời gian qua, Hội Nông dân Việt Nam đã tích cực tổ chức các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, dịch vụ, đào tạo nghề cho nông dân góp phần phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao đời sống, xóa đói, giảm nghèo cho nông dân trong đó có một phần không nhỏ hội viên nông dân là người cao tuổi. Đặc biệt bằng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân toàn hệ thống hội hiện nay đạt trên 4,9 nghìn tỷ đồng; tổng dự nợ ủy thác của Ngân hàng Chính sách xã hội và dư nợ cho vay qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn qua Hội Nông dân Việt Nam đạt trên 183 nghìn tỷ đồng đã giúp cho hội viên nông dân, trong đó có nhiều hội viên nông dân là người cao tuổi vay vốn xây dựng, phát triển hàng nghìn mô hình tổ, nhóm liên kết, hợp tác về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và dịch vụ, góp phần giúp hội viên nông dân đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao đời sống, xóa đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng.

Hàng năm, các cấp hội nông dân Việt Nam tích cực vận động các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm làm công tác thiện nguyện tặng sổ bảo hiểm xã hội tự nguyện, thẻ bảo hiểm y tế cho hội viên nông dân nghèo, hội viên nông dân là người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định để người nông dân cao tuổi được bảo đảm an sinh xã hội lúc tuổi già; tích cực vận động, đóng góp hỗ trợ xây nhà tình thương, nhà đại đoàn kết cho hội viên nghèo là người cao tuổi; tổ chức thăm hỏi, tặng quà nông dân là người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp lễ, tết...

Đẩy mạnh các phong trào thi đua do hội phát động, trọng tâm là phong trào “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững” tạo sức lan tỏa lớn, góp phần vào kết quả thực hiện phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”.

Thông qua các phong trào thi đua đã xuất hiện nhiều cách làm hay, sáng tạo, xuất hiện nhiều mô hình mới mang lại giá trị, hiệu quả kinh tế - xã hội cao, xuất hiện hàng ngàn gương nông dân điển hình tiên tiến trong sản xuất, kinh doanh giỏi, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào sản xuất, kinh doanh; hình thành hàng ngàn mô hình kinh tế hộ, kinh tế trang trại, gia trại, tổ hợp tác liên kết nhau trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, mang lại hiệu quả kinh tế cao, nâng cao thu nhập; xuất hiện nhiều tấm gương đẹp có tinh thần tương thân, tương ái, giúp đỡ nhiều hộ gia đình đói, nghèo vươn lên xóa đói, giảm nghèo.

Thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp các vùng, miền và các dân tộc; bảo vệ môi trường, cải tạo cảnh quan nông thôn. Các cấp hội nông dân đã triển khai sâu rộng các nội dung về xây dựng gia đình văn hóa, tham gia xây dựng thôn, làng, ấp, bản, văn hóa...; thực hiện nếp sống mới trong việc cưới, việc tang, lễ hội; phòng, chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu. Các cấp hội đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, như “Liên hoan tiếng hát đồng quê”, “Nhà nông đua tài”, Hội thi “Tuyên truyền viên giỏi”, các giải cầu lông, giải bóng chuyền, bóng đá gắn với danh hiệu “Bông lúa vàng”, cuộc thi “Nhà nông với pháp luật”, xây dựng các câu lạc bộ, mô hình “Nông dân văn hóa”, “Gia đình nông dân hạnh phúc”, xây dựng Quỹ “Hạt thóc vàng”, Quỹ “Mái ấm nông dân”,... tạo sân chơi bổ ích, thu hút được đông đảo nông dân tham gia, giao lưu rộng rãi giữa các vùng, miền, nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống đoàn kết của dân tộc. Thông qua các hoạt động đã tăng cường tình đoàn kết, gắn bó, tính tự quản trong cộng đồng, nội lực được phát huy, tinh thần tương thân tương ái, hỗ trợ giúp nhau phát triển kinh tế, xã hội, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện tốt nếp sống văn hóa mới, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xây dựng nông thôn mới ngày càng khang trang, điều kiện vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao, trong đó có người cao tuổi.

Thông qua các hoạt động trên đã giúp cho người cao tuổi là hội viên, con em người cao tuổi là nông dân được nâng cao trình độ, học nghề, được sống vui, sống khỏe,... góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người nông dân về mọi mặt.

Bên cạnh những kết quả đạt được còn một số hạn chế, như đời sống của một bộ phận người cao tuổi còn khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo cao so với tỷ lệ hộ nghèo chung của cả nước; chính sách trợ giúp xã hội còn hạn chế; dịch vụ chăm sóc sức khỏe, văn hóa tại cộng đồng, cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập còn nhiều hạn chế... Cụ thể:

Một là, tỷ lệ người cao tuổi trong độ tuổi 60 - 69 hiện nay ở nước ta đang tiếp tục làm việc chiếm khoảng 60%⁽²⁾, trong đó, tồn tại một số tương đồng về tỷ lệ làm việc, tạo nguồn thu nhập của người cao tuổi theo tuổi, giới tính và khu vực,

(2) Xem: Cục Bảo trợ xã hội: Diễn đàn “Sinh kế và khởi nghiệp đối với người cao tuổi”, <http://bt.xh.gov.vn/danh-muc-tin/chinh-sach-btxh/sinh-ke-va-khoi-nghiep-doi-voi-nguoi-caotuoit114c37n1519>, ngày 4-11-2020

nhưng có sự khác biệt trong từng nhóm, cụ thể: Càng cao tuổi thì tỷ lệ làm việc càng thấp; phụ nữ có tỷ lệ làm việc thấp hơn nam giới; người cao tuổi thành thị có tỷ lệ làm việc thấp hơn nông thôn. Phần lớn người cao tuổi là đối tượng lao động tự làm hoặc lao động gia đình không được trả lương, trong khi tỷ lệ lao động làm công ăn lương thấp, họ tham gia lao động với vị thế của lao động dễ tổn thương (lao động tự làm và lao động gia đình)⁽³⁾. Định kiến xã hội về khởi nghiệp đã ngăn cản họ tham gia vào thị trường việc làm (trong khi nhu cầu làm việc của người cao tuổi còn rất lớn), ảnh hưởng đến việc tạo thu nhập và đóng góp sức lực, trí tuệ của người cao tuổi cho sự phát triển xã hội.

Hai là, tuy nước ta có nhiều chính sách về an sinh xã hội cho người cao tuổi (chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và trợ cấp xã hội...), nhưng hệ thống chính sách an sinh xã hội mới chỉ hỗ trợ cho một bộ phận người cao tuổi. Hiện, cả nước mới có khoảng 39% người cao tuổi được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội, chính sách đối với người có công và trợ cấp xã hội; 61% còn lại sống dựa hoàn toàn vào kinh tế của chính mình⁽⁴⁾. Trong tổng số gần 11,4 triệu người cao tuổi thì chỉ có 3,1 triệu người có lương hưu, như vậy, hơn 8 triệu người cao tuổi còn lại không có nguồn thu nhập ổn định và hầu như phụ thuộc vào con cháu cũng như cộng đồng và xã hội; khoảng 6 triệu người không có bất kỳ một khoản thu nhập nào thường xuyên và ổn định⁽⁵⁾. Vì vậy, hiện nay phần đông người cao tuổi nước ta còn khó khăn trong đời sống vật chất và tinh thần. Khi so sánh tương quan với các độ tuổi khác, người cao tuổi chịu nhiều thiệt thòi trong tiếp cận và thụ hưởng chính sách. Hệ thống chính sách chưa có nhiều hiệu quả trong khuyến khích, tạo điều kiện, hỗ trợ người cao tuổi để bảo đảm thu nhập, có việc làm phù hợp, học tập, giải trí, rèn luyện sức khỏe, một môi trường thân thiện... Việc lồng ghép người cao tuổi, chính sách người cao tuổi vào chính sách phát triển kinh tế - xã hội là cần thiết để bảo đảm các quyền, lợi ích chính đáng và phát huy vai trò của người cao tuổi vào sự phát triển của đất nước.

(3) Tổng cục thống kê, “Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 - Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam”, Hà Nội, 2021, <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2021/08/Dan-so-gia-hoaVI.pdf>

(4) Trịnh Thị Thu Hiền: “Xu thế già hóa dân số ở nước ta và vấn đề chăm sóc sức khỏe, sử dụng lao động người cao tuổi”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, <https://tapchicongsan.org.vn/chuong-trinhmuc-tieu-y-te-dan-so-/2018/811402/xu-the-gia-hoa-dan-so-o-nuoc-ta-va-van-de-cham-soc-suckhoe%2C-su-dung-lao-dong-nguoi-cao-tuoi.aspx>, ngày 11-9-2019

(5) Nguyễn Thị Minh Nguyệt: “Chính sách đối với người cao tuổi Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/12/15/chinh-sach-doi-voi-nguoi-cao-tuoi-viet-nam/>, ngày 15-12-2020

Ba là, Luật Người cao tuổi mang lại nhiều quyền lợi, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người cao tuổi, nhưng một số quy định của Luật vẫn chưa thật sự đi vào cuộc sống, bộc lộ nhiều bất cập, cần được điều chỉnh, sửa đổi. Mặc dù cả Pháp lệnh Người cao tuổi trước đây và Luật Người cao tuổi hiện nay đều có một chương quy định về phát huy vai trò của người cao tuổi trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, như kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục, đào tạo, pháp luật,... nhưng các quy định này chưa được cụ thể hóa. Hiện nay, phần đông người cao tuổi ở nước ta còn gặp nhiều khó khăn về đời sống vật chất cũng như đời sống tinh thần⁽⁶⁾, đặt ra yêu cầu phải có các giải pháp phù hợp về chăm sóc sức khỏe, thu nhập, mạng lưới an sinh xã hội và hỗ trợ pháp lý cho người cao tuổi.

Bốn là, mặc dù hệ thống cơ sở chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đã bước đầu hình thành, phát triển khắp các địa phương trong cả nước, tuy nhiên, vẫn chưa bắt kịp với tốc độ chuyển đổi nhân khẩu học. Hiện cả nước chỉ có 49/63 bệnh viện đa khoa tỉnh, thành phố có khoa lão, 3 cơ sở đào tạo bộ môn lão khoa, vừa điều trị bệnh, vừa điều trị phục hồi chức năng cho người cao tuổi. Việc chăm sóc người cao tuổi không chỉ cần thuốc men, trang thiết bị y tế mà cả chế độ dinh dưỡng, luyện tập cũng phải được lưu ý. Còn tình trạng các bác sĩ xử lý một cách “đại khái” đối với tình trạng bệnh tật của người cao tuổi hoặc sử dụng các hướng dẫn chăm sóc dành cho những người trẻ tuổi⁽⁷⁾. Nguyên nhân là do chúng ta chưa có sự chuẩn bị tốt về mặt chính sách cho quá trình già hóa dân số diễn ra nhanh chóng và hệ thống y tế với nguồn lực còn eo hẹp mới chỉ tập trung vào lực lượng dân số trẻ. Mặt khác, quá trình chuyển từ quan niệm “người cao tuổi là gánh nặng” thành “người cao tuổi là tài sản” còn chậm, chưa có các giải pháp để phát huy sức mạnh của cả cộng đồng trong việc chăm sóc người cao tuổi. Người cao tuổi lại là nhóm dễ bị tổn thương, cả về sức khỏe, tinh thần và thu nhập, đặc biệt trong bối cảnh của hậu đại dịch COVID-19 vừa qua.

Già hóa là thành tựu của quá trình phát triển, nhưng cũng đặt ra thách thức về kinh tế, xã hội và văn hóa, lối sống cho các cá nhân, gia đình, xã hội (thiếu hụt lao động, an sinh xã hội, lương hưu, chi tiêu công, y tế và chăm sóc sức khỏe, nhà ở, giao thông; thay đổi cấu trúc gia đình)...

(6) Nguyễn Thị Minh Nguyệt: “Chính sách đối với người cao tuổi Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/12/15/chinh-sach-doi-voi-nguoi-cao-tuoi-viet-nam/>, ngày 15-12-2020

(7) Hà Phương: “Đấu tranh chống phân biệt tuổi tác nâng cao sức khỏe cho người cao tuổi”, *báo Sức khỏe và đời sống*, <https://suckhoedoisong.vn/dau-tranh-chong-phan-biet-tuoi-tac-nang-caosuc-khoe-cho-nguoi-cao-tuoi-169123006.htm>, ngày 28-9-2016

Các giải pháp để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người cao tuổi ở nông thôn trong bối cảnh già hóa dân số ở Việt Nam

Người cao tuổi luôn được xem là nguồn lực quan trọng của dân tộc, là rường cột của gia đình và xã hội Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nước nhà hưng, suy, tồn, vong; phụ lão đều gánh trách nhiệm rất nặng nề”⁽⁸⁾⁽⁸⁾. Từ việc nhìn nhận tiềm năng, lợi thế của người cao tuổi đối với sự phát triển chung của đất nước, sự bền vững của gia đình, bảo đảm quyền của người cao tuổi, Nhà nước và xã hội cần thay đổi quan niệm, cách tiếp cận, góc nhìn đối với vấn đề người cao tuổi, đồng thời, thực hiện một số giải pháp thu hút, khai thác nguồn lực quan trọng này một cách hiệu quả.

Để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người cao tuổi ở nông thôn, đặc biệt trong bối cảnh già hóa dân số ở Việt Nam cần có giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục triển khai Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25-10-2017, của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”; phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu theo Nghị quyết số 21-NQ/TW “Về công tác dân số trong tình hình mới” và Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030. Tăng cường sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đối với công tác dân số và phát triển.

Thứ hai, cần cụ thể hóa, hướng dẫn thực thi Luật Người cao tuổi, điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi một số bất cập, trong đó có hướng dẫn các quy định về phát huy vai trò của người cao tuổi trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ đó mở rộng các quyền lợi được thụ hưởng cũng như sự đóng góp nhiều hơn của Người cao tuổi vào sự phát triển chung của đất nước.

Thứ ba, cần chú trọng quan tâm xây dựng, hoàn thiện và thực thi các chính sách tạo việc làm, cải thiện thu nhập cho người cao tuổi. Hiện nay, không phải tất cả người cao tuổi đều gắn với suy giảm thể chất, tinh thần và năng lực mà trong thực tế, có nhiều người cao tuổi - đặc biệt là trong độ tuổi 60 - 75 tuổi vẫn có sức khỏe, năng lực làm việc tốt, có kinh nghiệm, có nhiều khả năng đóng góp, cống hiến cho cộng đồng và xã hội. Do đó, cần quan tâm tạo dựng cho họ môi trường làm việc phù hợp, từ đó phát huy khả năng đóng góp của người cao tuổi cho xã hội. Các chính sách tạo việc làm, thu nhập cho người cao tuổi cần được thiết kế có tính đặc thù, tận dụng được tiềm năng, thế mạnh của họ và bao quát được nhiều đối tượng thụ hưởng.

(8) Hồ Chí Minh: *Tàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 3, tr. 232

Thứ tư, tăng cường tuyên truyền, vận động, truyền thông, giáo dục nhằm xây dựng môi trường xã hội ủng hộ và tham gia chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.

Trong công tác truyền thông, cần thay đổi hình ảnh xưa cũ về người cao tuổi. Người cao tuổi không chỉ là những người bệnh tật, yếu đuối, mà cần tập trung vào đó là hình ảnh tích cực về người cao tuổi trong gia đình và tham gia các hoạt động xã hội với kinh nghiệm và trí tuệ. Thay đổi nhận thức “người cao tuổi là gánh nặng” bằng “người cao tuổi là tài sản”, chỗ dựa tinh thần của gia đình và xã hội. Cần tuyên truyền, khẳng định các “quyền” của người cao tuổi. Không đồng nhất người có tuổi đời cao với suy giảm thể chất, yếu đuối tâm lý, tinh thần và suy giảm vai trò và mối quan hệ xã hội. Khi người cao tuổi thực sự được tôn trọng, nhìn nhận khách quan, đúng với thế mạnh, tiềm năng, họ sẽ phát huy năng lực, đóng góp cho gia đình và xã hội, đồng thời thay đổi thái độ và hành vi của xã hội đối với người cao tuổi.

Truyền thông về sự cần thiết học tập của người cao tuổi, như học chăm sóc bản thân, chăm sóc người nhà, học về các kiến thức khoa học công nghệ,... thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1373/QĐ-TTg của Chính phủ về phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”. Việc học tập sẽ giúp người cao tuổi tăng khả năng thích ứng với sự biến đổi của xã hội, tăng tính chủ động và đem lại hiệu quả thiết thực về vật chất cũng như tinh thần cho người cao tuổi.

Thường xuyên tổ chức truyền thông giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng với hình thức phong phú, đa dạng, như biên soạn các tài liệu, sách, tờ rơi, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, cảm nang,... cấp phát tới người dân; lồng ghép các hoạt động truyền thông về người cao tuổi với các hoạt động truyền thông khác.

Thứ sáu, đa dạng hóa các nguồn lực cho các hoạt động chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi, đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ về dân số, quan tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, đặc biệt là người cao tuổi sống ở nông thôn. Lồng ghép nguồn lực chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi trong các chương trình mục tiêu quốc gia. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về chăm sóc, phát huy người cao.

Thứ bảy, Hội Nông dân các cấp cần tích cực, chủ động đề xuất chính sách, tham gia giám sát và phản biện việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người cao tuổi đặc biệt là chính sách đào tạo và đào tạo lại nghề cho lao động nông thôn;

đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, hỗ trợ, tư vấn, đào tạo nghề và hỗ trợ việc làm cho nông dân, trong đó có người cao tuổi tại địa phương; phát huy vai trò của người cao tuổi, nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi truyền nghề, đào tạo nghề, hướng dẫn phát triển sản xuất, kinh doanh; tuyên truyền, vận động nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế và vận động các tổ chức, các nhân ủng hộ, hỗ trợ cho người cao tuổi ở nông thôn.

Một số đề xuất, kiến nghị

1. Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, các địa phương cần có phương án hỗ trợ kinh phí, bảo đảm 100% người cao tuổi ở nông thôn có bảo hiểm y tế; có những chính sách hỗ trợ phù hợp với đối tượng nông dân là người cao tuổi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

2. Trong các chương trình mục tiêu quốc gia (giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) cần phân bổ nguồn lực để xóa nhà dột nát, ưu tiên chăm lo cho người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo; xem xét lại độ tuổi và mức hưởng trợ cấp xã hội; khuyến khích xã hội hóa các trung tâm chăm sóc người cao tuổi...

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cần xây dựng chương trình, dự án đào tạo hỗ trợ về chuyển đổi nghề hoặc nâng cao năng lực cho lao động nông thôn cao tuổi; triển khai các mô hình đào tạo tại chỗ, bảo đảm cho lao động nông thôn cao tuổi có đủ khả năng và nhu cầu được tham gia đào tạo nghề.□

KHỞI NGHIỆP, DẠY NGHỀ, TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI CAO TUỔI: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

PHẠM NGỌC HUỆ

Tạp chí Cộng sản

TRẦN LÊ HÀ

ThS, Tạp chí Cộng sản

TRONG những năm qua, để phát huy vai trò người cao tuổi (NCT), Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về khởi nghiệp, dạy nghề, tạo việc làm cho NCT. Nhờ đó, họ đã và đang từng bước phát huy khả năng, thế mạnh, tích cực lao động, sản xuất, tạo ra của cải vật chất, cải thiện đời sống gia đình và tham gia đóng góp vào đời sống kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, trong thời gian tới, để việc khởi nghiệp, dạy nghề cũng như tạo việc làm cho NCT thành công, rất cần có các cơ chế, chính sách, hành lang pháp lý phù hợp, thuận lợi của Đảng và Nhà nước đối với NCT.

Thực trạng khởi nghiệp, dạy nghề, tạo việc làm cho người cao tuổi ở Việt Nam thời gian qua

Theo thống kê, năm 2023, quy mô dân số Việt Nam là khoảng 100,3 triệu người, với hơn 16 triệu NCT. Mặc dù thể lực NCT có thể suy giảm, nhưng trí tuệ, kinh nghiệm sống, kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh rất phong phú. Qua tổng kết phong trào NCT làm kinh tế giỏi tháng 11-2023 cho thấy, cả nước đang có 7 triệu NCT tham gia sản xuất, kinh doanh, trong đó có hơn 455 nghìn người làm kinh tế giỏi, 321 nghìn người làm chủ trang trại, chủ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh. Như vậy, NCT đã và đang tích cực tham gia khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho cộng đồng.

Tại Hội thảo “Chia sẻ kinh nghiệm về tư vấn khởi nghiệp, dạy nghề và tạo việc làm cho người cao tuổi”, ngày 26-9-2023, đại diện Hội Người cao tuổi Việt Nam cho biết, tỷ lệ NCT tham gia làm việc ngày càng tăng trong 20 năm qua. Năm 1999, có 19,40% số NCT là nữ tham gia làm việc, 35% số NCT nam làm việc, đến năm 2020 tăng lên thành 38% và 46,10%.

Giai đoạn 2010 - 2020, bình quân mỗi năm lao động NCT tăng thêm khoảng 160 nghìn người, tương ứng tăng khoảng 4%/năm, cao hơn 2 lần so với mức tăng trưởng việc làm chung của cả nước. Kết quả của các nhà nghiên cứu vào tháng 6 - 8 năm 2020 tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Dương, tỉnh Nghệ An cho thấy, khoảng 40 - 45% số NCT tham gia hoạt động kinh tế. Trong đó có 3 - 4% số NCT là chủ các doanh nghiệp, trang trại trồng trọt, chăn nuôi đã và đang tạo ra hàng triệu việc làm cho người lao động. Hàng vạn NCT tham gia hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, giảng dạy, hoạt động văn hóa, nghệ thuật... Kết quả điều tra về NCT Việt Nam cũng cho thấy, 20% số NCT có nguồn thu quan trọng nhất là thu nhập qua làm việc.

Tuy nhiên, khởi nghiệp đi liền với mạo hiểm, rủi ro. Vì vậy, bên cạnh những người khởi nghiệp thành công, số người thất bại không nhỏ... Theo Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội), NCT chủ yếu làm việc trong khu vực phi chính thức (81,4%) và trong ngành nông, lâm, thủy sản (90%). Chất lượng việc làm của họ còn thấp, 58,8% số lao động cao tuổi là lao động giản đơn. Thu nhập của NCT làm công hưởng lương chỉ bằng 38,5% mức lương bình quân trên thị trường. Thực tế phần lớn NCT là đối tượng lao động tự làm hoặc lao động gia đình không được trả lương, trong khi tỷ lệ lao động làm công ăn lương thấp. Họ tham gia lao động với vị thế của lao động dễ tổn thương. Trong khi hệ thống chính sách an sinh xã hội tại Việt Nam mới chỉ hỗ trợ cho một bộ phận NCT. Hiện, mới có khoảng 39% số NCT được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội, chính sách đối với người có công và trợ cấp xã hội; 61% số còn lại sống dựa hoàn toàn vào kinh tế của chính mình...

Tại Việt Nam, với điều kiện là một quốc gia đang phát triển có mức thu nhập trung bình thấp, khả năng bao phủ của hệ thống an sinh xã hội và trợ cấp hưu trí cho NCT đang là thách thức lớn đối với Chính phủ thì việc sử dụng người lao động là NCT rất cần thiết. Nhằm hỗ trợ khởi nghiệp, đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho NCT, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2156/QĐ-TTg, ngày 21-12-2021, phê duyệt “Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi, giai đoạn 2021 - 2030”.

Chương trình đưa ra mục tiêu cụ thể là: Giai đoạn 2022 - 2025, ít nhất 50% số NCT có nhu cầu và khả năng lao động có việc làm, ít nhất 20.000 người được hỗ trợ khởi nghiệp, đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp. Giai đoạn 2026 - 2030, ít nhất 70% số NCT có nhu cầu, khả năng lao động có việc làm, ít nhất 30.000 người được hỗ trợ khởi nghiệp, đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp... Theo đánh giá, bước đầu Chương trình đã góp phần hỗ trợ giúp NCT khởi nghiệp, tái tạo cuộc sống. Đặc biệt, thông qua Chương trình, nhiều NCT được vay vốn phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, vẫn chưa có nhiều NCT được hưởng lợi từ Chương trình, đặc biệt việc đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp vẫn chưa được như kỳ vọng. Theo số liệu thống kê năm 2020, 57% NCT nước ta không có lương hưu hoặc bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội. Hiện tại, mức trợ cấp xã hội cho NCT chỉ bằng 24% chuẩn nghèo nông thôn; bằng 18% chuẩn nghèo thành thị, chỉ gần 15% số NCT có tiền gửi tiết kiệm; 24% số NCT cho biết thu nhập của họ chưa đủ cho chi tiêu hàng ngày... Trong hoàn cảnh hiện nay, đa số đối tượng này chưa được hưởng các chính sách an sinh xã hội, hoặc thu nhập thấp, không đủ trang trải cuộc sống. Vì vậy, nhu cầu làm việc, tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình của NCT ở nước ta đang là vấn đề lớn và cấp bách...

Theo báo cáo của Diễn đàn sinh kế và khởi nghiệp đối với NCT năm 2020, phần lớn NCT nước ta có cuộc sống khó khăn, thu nhập thấp, không ổn định hoặc không có thu nhập, sống phụ thuộc vào con cháu. Tỷ lệ NCT thuộc hộ nghèo cao (khoảng hơn 20%). Tỷ lệ số NCT sinh sống tại khu vực nông thôn là nông dân và làm nông nghiệp chiếm khoảng 70%; ; trên 70% không có tích lũy vật chất và chỉ có chưa đầy 30% số NCT sống bằng lương hưu hay trợ cấp.

Hiện nay, số NCT được hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm rất ít. Các chính sách mới tập trung chủ yếu vào việc chăm sóc sức khỏe, không có quy định cụ thể về các chính sách hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ việc làm. Báo cáo đánh giá của Cục Bảo trợ xã hội (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội) cũng cho thấy, ước tính số lượng đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương và người có thu nhập thấp ở nước ta hiện có hơn 25% dân số, trong đó, có khoảng 12 triệu NCT; 7,06 triệu người khuyết tật; 10 triệu người có vấn đề sức khỏe tâm thần,... cần trợ giúp xã hội hàng năm.

Thực tế hiện nay, công tác khởi nghiệp, dạy nghề, tạo việc làm cho NCT còn nhiều hạn chế, vướng mắc. Một số chính sách còn dừng ở chủ trương, chưa được các bộ, ngành, địa phương cụ thể hóa và đầu tư nguồn lực thỏa đáng. Nhiều NCT chưa được khởi nghiệp, dạy nghề và thiếu việc làm, đa số họ đang làm việc

trong các khu vực tư nhân, phi chính thức, thu nhập thấp và tiềm ẩn nhiều rủi ro... Do chưa có các chính sách hướng dẫn cụ thể, nên quá trình khởi nghiệp của NCT gặp nhiều khó khăn về đất đai, trụ sở, vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh, về kiến thức, kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp, về tiêu thụ sản phẩm, về quản lý rủi ro, về chính sách thuế,...

Trong bối cảnh dân số nước ta đang già hóa nhanh, tỷ lệ NCT sẽ còn tiếp tục tăng nhanh về số lượng và tỷ trọng. Bộ Y tế đưa ra dự báo đến năm 2038, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội “già hóa” sang xã hội “già” với hơn 21 triệu người cao tuổi, chiếm gần 20% tổng dân số. Theo Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi Việt Nam, đến năm 2030, tỷ lệ dân số trên 60 tuổi sẽ tăng lên 20% và đến năm 2050 là trên 30%. Tỷ lệ NCT trên 80 tuổi cũng sẽ tăng và đến năm 2050 chiếm trên 6% dân số. Điều này đặt ra thách thức lớn về an sinh xã hội, chăm sóc, bảo vệ và phát huy vai trò của NCT.

Việc áp dụng Quyết định số 1956/QĐ-TTg, ngày 27-11-2009, của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”, gặp khó ở cả 3 khâu: chính sách việc làm; hướng nghiệp, đào tạo, tuyển dụng, chuyển đổi nghề nghiệp và vay vốn. Do vậy, cần nhiều giải pháp đồng bộ, tránh viễn cảnh Việt Nam có thể thiếu lao động trong 20 năm tới như một số dự báo.

Thực tế từ nhiều nước trên thế giới cho thấy, việc nâng cao nhận thức của xã hội liên quan đến việc đào tạo nghề, tạo việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp cho người lao động cao tuổi là rất cần thiết. Việc xây dựng hệ thống hỗ trợ mở, linh hoạt, sẵn sàng phục vụ nhu cầu đa dạng, phong phú, liên quan đến đào tạo nghề, tạo việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp cho NCT cũng vậy. Giải quyết việc làm cho NCT như “một mũi tên trúng nhiều đích”, vừa bảo đảm an sinh xã hội, giúp người già duy trì sức khỏe cả thể lực và trí lực, vừa góp phần giảm thiểu thiếu hụt nguồn nhân lực quốc gia. Tuy vậy, chính sách lao động với đối tượng đặc thù này lại chưa được xây dựng đầy đủ, vẫn thiếu thông tin kết nối cung - cầu lao động, chưa có sàn giao dịch việc làm cho NCT... Hiện nay, Việt Nam vẫn chưa có các gói hỗ trợ riêng cho đối tượng này. Các chính sách hỗ trợ về việc làm vẫn là lồng ghép với các chương trình, quy định khác. Đặc biệt, nhận thức về khởi nghiệp cho NCT trong xã hội vẫn chưa được nhận thức thấu đáo. Nhiều người vẫn cho rằng, việc đào tạo và chuyển đổi nghề nghiệp cho NCT là không cần thiết và khó khả thi. Đây cũng là rào cản khiến việc tìm kiếm việc làm của NCT vốn dĩ đã khó khăn lại càng khó khăn hơn.

Một số khuyến nghị

Hiến pháp năm 2013, Bộ Luật lao động năm 2019, Luật Người cao tuổi năm 2009 của nước ta đều có các quy định liên quan đến chính sách sinh kế của NCT, như mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc (Điều 33 và Điều 35, Hiến pháp),... Bộ Luật lao động có các quy định về lao động là NCT, sử dụng lao động là NCT (Điều 148 và Điều 149); Luật Người cao tuổi có các quy định về phát huy vai trò của người cao tuổi, trong đó có vấn đề sinh kế (Điều 3 và Điều 23)...

Tuy nhiên, giai đoạn phát triển mới mang lại cho nước ta những thời cơ, vận hội song cũng tạo ra không ít khó khăn, thách thức, trong đó, quá trình già hóa dân số diễn ra với tốc độ nhanh so với nhiều nước trong khu vực và thế giới. Để tiếp tục bảo vệ, chăm sóc ngày càng tốt hơn, đồng thời ngày càng phát huy vị trí, vai trò, trí tuệ, kinh nghiệm, bản lĩnh của NCT trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh phong trào thi đua “Người cao tuổi làm kinh tế giỏi”, các cấp, các ngành, các địa phương cần tiếp tục quán triệt và triển khai hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về NCT, nhất là trong bối cảnh già hóa dân số nhanh hiện nay. Bên cạnh đó, cần tiếp tục tuyên truyền góp phần nâng cao nhận thức về trách nhiệm của mỗi người trong công tác bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò NCT và xây dựng tổ chức hội vững mạnh. Cần coi NCT là nguồn lực cho phát triển và tạo điều kiện để họ thực sự là lực lượng quan trọng của đất nước, là rường cột của gia đình và xã hội.

Là một quốc gia đang phát triển có mức thu nhập trung bình thấp, khả năng bao phủ của hệ thống an sinh xã hội và trợ cấp hưu trí cho NCT đang là thách thức lớn đối với Chính phủ thì việc sử dụng người lao động là NCT là rất cần thiết. Muốn vậy, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ về sinh kế cụ thể cho NCT cũng như cần có sự ưu tiên, khác biệt giữa chính sách hỗ trợ về sinh kế đối với đối tượng này với chính sách hỗ trợ sinh kế đối với người dân có độ tuổi thấp hơn; chính sách hỗ trợ sinh kế cho NCT ở vùng đặc biệt khó khăn khác với chính sách hỗ trợ sinh kế cho NCT ở vùng đồng bằng và thành thị. Chẳng hạn, vốn vay lãi suất ưu đãi, không phải thế chấp tài sản, có sự bảo lãnh của Hội Người cao tuổi để sản xuất, kinh doanh quy mô vừa và nhỏ; miễn, giảm phí học nghề để chuyển đổi nghề nghiệp; hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm; ưu tiên trong giao đất sản xuất nông nghiệp ở những địa điểm thuận lợi, dễ tiếp cận...

Cần tiếp tục triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đối với NCT nêu tại Nghị quyết số 124/NQ-CP, ngày 7-8-2023, của Chính phủ, về “Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7 năm 2023”, trong đó ưu tiên xóa nhà dột nát, nhà tạm cho hộ gia đình nghèo, cận nghèo có NCT; nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội, hưu trí xã hội; bao phủ bảo hiểm y tế...; sớm hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về NCT trong giai đoạn mới.

Bên cạnh đó, cần có các giải pháp về đào tạo, dạy nghề phù hợp cho NCT. Xây dựng các chương trình, dự án đào tạo hỗ trợ về chuyển đổi nghề hoặc nâng cao năng lực cho lao động cao tuổi đáp ứng theo nhu cầu của thị trường lao động tại địa phương; cộng đồng nơi ở của NCT.

Nghiên cứu, xây dựng các chương trình đào tạo “đặc thù” phù hợp với điều kiện, khả năng tiếp thu của từng nhóm lao động cao tuổi (tập trung cho nhóm lao động phổ thông và đào tạo các nhóm nghề trong khu vực dịch vụ không có yêu cầu cao về sức lực, đồng thời linh hoạt về thời gian làm việc).

Xây dựng các chính sách, quy định và cung cấp nguồn tài chính để khuyến khích người sử dụng lao động giữ lại và thuê những NCT, cụ thể có cơ chế hỗ trợ tài chính (miễn, giảm tiền đóng bảo hiểm xã hội, y tế đối với lao động cao tuổi chưa có thời gian đóng bảo hiểm), ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động cao tuổi...

Hỗ trợ lao động cao tuổi phát triển kinh tế hộ gia đình, khởi nghiệp sản xuất, kinh doanh tự tạo việc làm cho bản thân và những NCT khác; có cơ chế thẩm định và cho vay với lãi suất ưu đãi (tín chấp) đối với các dự án có khả năng tạo việc làm cho NCT...

Để NCT khởi nghiệp thành công, chính sách hỗ trợ việc làm rất cần hướng vào đào tạo kỹ năng giúp họ chuyển đổi nghề nghiệp. Hiện nay, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đang xây dựng dự án Luật Việc làm (sửa đổi) để trình Chính phủ xem xét, trình Quốc hội khóa XV cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8. Trong đó, ở nhóm chính sách thúc đẩy tạo việc làm theo hướng bền vững, Bộ đề xuất bổ sung quy định chính sách hỗ trợ chuyển tiếp việc làm và hỗ trợ việc làm cho NCT, gồm hỗ trợ đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động lớn tuổi (để chuẩn bị bước sang giai đoạn cao tuổi); hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm phù hợp cho lao động cao tuổi; các chính sách ưu tiên khi sử dụng lao động cao tuổi (vay vốn, tham gia chính sách việc làm công...).

Ngoài triển khai Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, một số địa phương hay hiệp hội cũng đã có những đề án đào tạo ngắn hạn, nâng cao kiến thức, kỹ năng, chuyển đổi nghề nghiệp, hay thậm chí khởi nghiệp cho NCT. Để làm tốt việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm cho đối tượng này, *trước mắt*, cần quan tâm đến việc bồi dưỡng kỹ năng phù hợp cho NCT; xây dựng cơ chế ưu đãi cho lao động NCT, doanh nghiệp tuyển dụng nhóm lao động này. *Về lâu dài*, cần thiết kế các hệ thống đào tạo nghề, việc làm, học tập suốt đời mang tính mở, linh hoạt để hỗ trợ các đối tượng yếu thế, trong đó có NCT.

Cần thiết lập các trung tâm giới thiệu việc làm cho lao động cao tuổi để họ tiếp cận và nhận được sự hỗ trợ tìm việc làm; bảo đảm môi trường làm việc thuận lợi và bình đẳng cho NCT; tạo thuận lợi cho họ tiếp cận vốn tín dụng để phục vụ kinh doanh; thực hiện lộ trình nâng tuổi nghỉ hưu bắt buộc đối với cả nam và nữ; phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe cho NCT, bảo đảm cho họ được tiếp cận với các dịch vụ về sức khỏe, bảo vệ sức khỏe, từ đó, tạo nền tảng vững chắc để NCT có thể tiếp tục lao động, bảo đảm sinh kế và nâng cao thu nhập cho bản thân và gia đình...

Người cao tuổi các cấp cần nhanh chóng triển khai, ổn định hệ thống tổ chức theo Kết luận số 58-KL/TW, ngày 23-6-2023, của Ban Bí thư “Về tổ chức và hoạt động của Hội Người cao tuổi Việt Nam”; tiếp tục xây dựng tổ chức Hội ngày càng vững mạnh toàn diện; đẩy mạnh công tác xã hội hóa, đa dạng nội dung, phương thức, loại hình chăm sóc NCT; phát huy vai trò nòng cốt của Hội trong phong trào “Toàn dân chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi”, phấn đấu để NCT có cuộc sống ngày càng tốt hơn, có điều kiện thuận lợi nhất để làm giàu cho gia đình và xã hội.

Bên cạnh đó, tiếp tục tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí trong việc đẩy mạnh truyền thông về phát huy vai trò của NCT cũng như công tác chăm sóc và thực hiện các chính sách đối với NCT trong bối cảnh già hóa dân số. Các cơ quan báo chí cần đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền. Đối tượng truyền thông cần đa dạng, từ các nhà lãnh đạo hoạch định chính sách, cơ quan quản lý đến chính những NCT. Tiếp tục tập trung tuyên truyền về các giải pháp phát huy vai trò và lợi thế của NCT, qua đó tăng cơ hội việc làm cho NCT theo nhu cầu thị trường lao động... Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền cho người dân về các chính sách, pháp luật bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò NCT; khuyến khích đối tượng này tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.

Ngoài ra, cần chú trọng tập huấn, đào tạo đội ngũ phóng viên chuyên về xã hội có kiến thức và kỹ năng cơ bản, nhất là đội ngũ bình luận và phân tích chuyên sâu về NCT để có thể nâng cao chất lượng các tác phẩm truyền truyền về lĩnh vực NCT; tập trung xây dựng các chuyên trang, chuyên mục trên các phương tiện thông tin, báo, đài để tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về nghề NCT trong bối cảnh thích ứng với già hóa dân số. Chú trọng khai thác, phát triển những tiện ích, lợi thế của công nghệ thông tin, truyền thông trên mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác.□

ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH NÂNG CAO ĐỜI SỐNG TINH THẦN CHO NGƯỜI CAO TUỔI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

PGS, TS. PHẠM DUY ĐỨC

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

CHẤT lượng cuộc sống của người cao tuổi không chỉ phụ thuộc vào đời sống vật chất mà còn tùy thuộc vào đời sống tinh thần. Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, nhìn chung đời sống vật chất của người cao tuổi ở nước ta đã được cải thiện cùng với sự tăng trưởng kinh tế và thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Tuy nhiên, các chính sách nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho người cao tuổi vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế. Trong bối cảnh già hóa dân số và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người cao tuổi có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững.

1- Người cao tuổi là nền tảng của gia đình, nguồn lực quan trọng của sự phát triển xã hội, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp chống xâm lược giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, người cao tuổi tiếp tục đem trí tuệ và tài năng, kinh nghiệm cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay, số lượng người cao tuổi trên cả nước là khoảng 13 triệu người (hơn 13% dân số cả nước); 1.970.000 người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên; có hơn 7.500.000 người cao tuổi là nữ; 8.100.000 người cao tuổi sống ở nông thôn. Người cao tuổi là nguồn lực quan trọng đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay, có khoảng 6.500.000 người cao tuổi trực tiếp tham gia lao động sản xuất; 100.000 người cao tuổi làm chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh; hơn 350.000 người cao tuổi đạt danh hiệu làm kinh tế giỏi; 656.000 người cao tuổi tham gia công tác Đảng và hệ thống chính trị.

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng, đề cao vị trí, vai trò của người cao tuổi. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định cần: “Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội, cộng đồng và gia đình, tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu “ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau”. Kính trọng, bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi. Bảo trợ, giúp đỡ người cao tuổi gặp khó khăn, cô đơn không nơi nương tựa”⁽¹⁾.

Thời gian vừa qua, chính sách đối với người cao tuổi ở nước ta đã được thể hiện tập trung ở Luật Người cao tuổi năm 2009. Tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi quy định: Người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ tuổi 60 trở lên. Đặc biệt, Luật này đã quy định lấy ngày 6-6 hằng năm là ngày Người cao tuổi Việt Nam. Đây là dịp để xã hội và gia đình ghi nhận, trân trọng và tôn vinh sự đóng góp của người cao tuổi vào quá trình xây dựng, phát triển xã hội; đồng thời nhấn mạnh vai trò của xã hội và gia đình trong việc quan tâm, chăm sóc, bảo vệ người cao tuổi phù hợp với truyền thống đạo lý dân tộc và xu thế của thời đại.

Luật Người cao tuổi đã quy định hàng loạt các chính sách của Nhà nước đối với người cao tuổi, trong đó nhấn mạnh yêu cầu: “Khuyến khích, tạo điều kiện cho người cao tuổi rèn luyện sức khỏe, tham gia học tập, hoạt động văn hóa tinh thần; sống trong môi trường an toàn và được tôn trọng về nhân phẩm, phát huy vai trò của người cao tuổi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Trước những thách thức đặt ra trong bối cảnh già hóa dân số hiện nay, việc chăm lo, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần của người cao tuổi là vô cùng quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của đội ngũ đáng kính này. Bên cạnh các chính sách chăm lo đời sống vật chất, thì việc nâng cao nhận thức về chính sách nâng cao đời sống tinh thần cho người cao tuổi trong thời gian vừa qua và đề xuất định hướng chính sách về vấn đề này trong thời gian tới có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp bách.

2- Có thể thấy, đời sống tinh thần của người cao tuổi thường chịu sự tác động của các thành tố cơ bản như:

(1) Tình trạng tâm lý (bao gồm tâm trạng, sự biến đổi của tâm trạng bao gồm niềm vui, nỗi buồn, sự lo lắng, niềm hạnh phúc) và sức khỏe tâm thần (mức độ khỏe mạnh của tâm hồn, khả năng đối mặt với các thách thức và khả năng thích nghi);

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 170

(2) Quan hệ xã hội và gia đình: chất lượng của mối quan hệ gia đình và bạn bè, đồng nghiệp và cộng đồng xã hội, mức độ hỗ trợ xã hội từ những người xung quanh;

(3) Sức khỏe vật lý: bao gồm tình trạng sức khỏe, sự khỏe mạnh của cơ thể và khả năng thực hiện các hoạt động hàng ngày; mức độ hoạt động thể chất và tình trạng thể chất;

(4) Phát triển cá nhân: bao gồm khả năng học hỏi và sự phát triển cá nhân qua các trải nghiệm và sự thách thức;

(5) Ý nghĩa cuộc sống: mức độ mà người cao tuổi cảm thấy có ý nghĩa và mục tiêu trong cuộc sống;

(6) Tình cảm với bản thân: bao gồm mức độ tự tin và tự trọng đối với bản thân;

(7) Thời gian rỗi và giải trí: bao gồm các hoạt động giải trí, sở thích và cách sử dụng thời gian rỗi;

(8) Tư duy và trí tuệ: sự linh hoạt trong tư duy gắn liền với khả năng thích nghi và giải quyết vấn đề, khả năng sáng tạo và khám phá.

Các yếu tố này có thể tương tác và ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống tinh thần của người cao tuổi. Mức độ quan trọng và ảnh hưởng của từng yếu tố có thể thay đổi đối với mỗi người tùy thuộc vào hoàn cảnh khác nhau. Nhìn tổng quát như vậy để thấy rằng, quan tâm đến đời sống tinh thần của người cao tuổi là quan tâm tới tổng thể các yếu tố tác động đến chất lượng cuộc sống tinh thần của người cao tuổi, tránh phiến diện, chỉ quan tâm đến một lĩnh vực nào đó.

Theo Trung ương Hội người cao tuổi Việt Nam và các cơ quan chức năng, hàng năm có trên 1,1 triệu người cao tuổi được chúc thọ; 3 triệu người cao tuổi được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe; gần 4 triệu người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ; trên 95% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế. Để nâng cao đời sống tinh thần cho người cao tuổi, hội người cao tuổi các cấp đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, có ý nghĩa. Cả nước có trên 77.000 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, thu hút 2,5 triệu người cao tuổi tham gia⁽²⁾. Đây là những kết

(2) Theo Đỗ Bình: “Chăm lo đời sống tinh thần cho người cao tuổi là mục tiêu lâu dài”, https://www.vietnamplus.vn/cham-lo-doi-song-tinh-than-cho-nguoi-cao-tuoi-la-muc-tieu-lau-dai-post899556.vnp#google_vignette, ngày 1-10-2023

quả rất đáng trân trọng và cần tiếp tục được phát huy trong thời gian tới. Tuy nhiên, bên cạnh đó, chúng ta có thể nhận thấy còn nhiều khoảng trống trong chính sách cần được bổ sung và hoàn thiện để hướng tới mục tiêu nâng cao đời sống tinh thần cho người cao tuổi.

Mặc dù nước ta có nhiều chính sách an sinh dành cho người cao tuổi (chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và trợ cấp xã hội) nhưng các chính sách này mới chỉ hỗ trợ được một bộ phận người cao tuổi. Hiện cả nước mới có khoảng 39% người cao tuổi được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội, chính sách đối với người có công và trợ cấp xã hội; 61% còn lại sống hoàn toàn dựa vào kinh tế của chính mình⁽³⁾. Hiện nay có khoảng hơn 8 triệu người cao tuổi không có nguồn thu nhập ổn định và hầu như phụ thuộc vào con cháu cũng như cộng đồng và xã hội; khoảng 6 triệu người không có bất kỳ nguồn thu nhập nào thường xuyên và ổn định⁽⁴⁾.

Theo dự báo của Tổng cục Thống kê, từ năm 1989 đến năm 2019, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam liên tục tăng, từ 65,2 lên 73, 6 tuổi, dự báo đến năm 2030, số người cao tuổi ở Việt Nam chiếm khoảng 17% và đến năm 2050 là 25%⁽⁵⁾. Với tốc độ già hóa dân số như hiện nay, Việt Nam sẽ nằm trong top 10 quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới.

Đứng trước xu thế già hóa dân số như vậy, cần có cách tiếp cận tổng thể, liên ngành và đa chiều, khắc phục quan niệm truyền thống trước đây chỉ nhìn người cao tuổi như đối tượng yếu thế cần được chăm sóc, bảo vệ mà cần nhìn nhận người cao tuổi như một nguồn lực quan trọng có khả năng đóng góp to lớn về trí tuệ, kinh nghiệm và có nhiều khả năng đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển đất nước. Vì vậy, định hướng chính sách cần chú ý theo hướng tích cực, tạo việc làm, xây dựng môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, phát huy năng lực, tri thức, khát vọng cống hiến của người cao tuổi trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để nâng cao đời sống tinh thần cho người cao tuổi trong bối cảnh mới, chúng ta cần tập trung hoàn thiện các chính sách sau:

(3) Xem: Trịnh Thị Thu Hiền: “Xu hướng già hóa dân số ở nước ta và vấn đề chăm sóc sức khỏe, sử dụng lao động người cao tuổi”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 11-9-2019

(4) Xem: Nguyễn Thị Minh Nguyệt: “Chính sách đối với người cao tuổi Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, ngày 15-12-2020

(5) Xem: Đặng Thị Anh Tuyết, Vũ Thái Hạnh: “Vai trò và thách thức đối với người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số - Một số hàm ý chính sách”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 16-8-2022

Một là, chính sách chăm sóc sức khỏe: Chính sách chăm sóc sức khỏe có thể bao gồm:

- Hỗ trợ y tế miễn phí hoặc giảm giá, bảo đảm cho người cao tuổi có quyền lợi được hỗ trợ y tế và các dịch vụ y tế miễn phí hoặc giảm giá.

- Tăng cường hệ thống chăm sóc sức khỏe cơ sở, đặc biệt là ở vùng nông thôn, miền núi.

- Chăm sóc sức khỏe tại nhà: Phát triển và tăng cường hệ thống chăm sóc sức khỏe tại nhà để hỗ trợ người cao tuổi, đặc biệt là những người có sức khỏe yếu.

- Tổ chức các chiến dịch tăng cường kiến thức về lối sống lành mạnh và chăm sóc sức khỏe dành cho người cao tuổi.

- Phát triển các bệnh viện lão khoa một cách có hệ thống từ Trung ương đến các địa phương đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi.

- Khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng các trung tâm dưỡng lão phù hợp với mức sống trung bình của người cao tuổi tại các địa phương.

Hai là, chính sách giáo dục và đào tạo:

- Khuyến khích học tập suốt đời, tạo điều kiện cho người cao tuổi tham gia các khóa đào tạo, hội thảo và các hoạt động học tập khác để khuyến khích học tập suốt đời, nhất là lĩnh vực mới như công nghệ thông tin, ngoại ngữ, nghệ thuật, ẩm thực...

- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành trong lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi, đặc biệt là ở những vùng sâu, vùng xa.

Ba là, chính sách an sinh xã hội:

- Nâng cao mức hỗ trợ xã hội, bảo đảm các chính sách về lương hưu, bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội. Chú ý tăng lương hưu cho người cao tuổi phải bảo đảm phù hợp với tốc độ tăng lương chung của xã hội.

- Tăng cường hỗ trợ tài chính cho nhóm người cao tuổi yếu thế và cần được sự chăm sóc đặc biệt.

Bốn là, chính sách về nhà ở:

- Dự án về nhà ở cho người cao tuổi: Xây dựng những dự án nhà ở hoặc khu dân cư dành riêng cho người cao tuổi với các tiện ích và các dịch vụ phù hợp.

- Hỗ trợ tài chính cho việc sửa chữa nhà: Cung cấp các dịch vụ tài chính cho người cao tuổi để duy trì và sửa chữa nhà ở của họ.

Năm là, chính sách về văn hóa và giải trí:

- Khuyến khích các hoạt động văn hóa và giải trí: Tổ chức các sự kiện văn hóa, nghệ thuật, thể thao, giải trí dành cho người cao tuổi để tạo cho họ mở rộng cơ hội giao lưu và tham gia vào các hoạt động này.

- Hỗ trợ cho các câu lạc bộ văn hóa và giải trí, tạo điều kiện cho sự giao tiếp xã hội và tương tác thông qua việc hỗ trợ các câu lạc bộ và các nhóm dành cho người cao tuổi. Chú trọng xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao phù hợp với người cao tuổi ở đô thị và nông thôn, tạo cơ hội và điều kiện cho người cao tuổi được tiếp cận thuận lợi các dịch vụ văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí ở cơ sở.

- Bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc: Tăng cường các hoạt động văn hóa truyền thống, tạo cơ hội cho người cao tuổi tham gia vào việc bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc. Bảo đảm chính sách đãi ngộ đối với các nghệ nhân cao tuổi ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Sáu là, chính sách về môi trường sống:

- Bảo môi trường sống của người cao tuổi an toàn và thoải mái, bao gồm cả an ninh cộng đồng và an toàn giao thông.

- Cải thiện hạ tầng giao thông, tạo điều kiện thuận lợi cho người cao tuổi di chuyển đến các khu vực có dịch vụ và tiện ích khác nhau. Phát triển các phương tiện vận chuyển công cộng phù hợp với người cao tuổi, trợ giúp di chuyển tại các sân bay, bến xe công cộng...

Bảy là, chính sách đối với người cao tuổi khuyết tật:

- Hỗ trợ đặc biệt cho người cao tuổi khuyết tật, xây dựng chính sách và dịch vụ đặc biệt hỗ trợ những người cao tuổi gặp khó khăn về sức khỏe và đi lại.

Tám là, chính sách phòng ngừa và chăm sóc sức khỏe tầm soát:

- Tăng cường kiểm tra sức khỏe định kỳ để điều trị sớm các vấn đề sức khỏe của người cao tuổi.

Chín là, chính sách tổ chức cộng đồng và phát triển kinh tế cộng đồng:

- Phát triển các chính sách hỗ trợ kinh tế cộng đồng, tăng cường thu nhập và cơ hội cho người cao tuổi tham gia.

Những chính sách và giải pháp này cần phải được triển khai toàn diện và linh hoạt để bảo đảm cho những người cao tuổi ở mọi vùng, miền được hưởng lợi từ những chính sách này. Trong quá trình xây dựng chính sách cho người cao tuổi, cần chú ý phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, các nhà khoa học và đội ngũ văn nghệ sĩ cao tuổi đang tham gia trong Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội Khuyến học, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam... Đồng thời cần sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh những tấm gương tiêu biểu cho tinh thần cống hiến của người cao tuổi đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.□

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN GIÁO DỤC CHO THẾ HỆ TRẺ VỀ NGƯỜI CAO TUỔI TRONG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ

PGS, TS. TRẦN VIỆT LƯU

Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam

MỞ ĐẦU

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Tuổi già nhưng chí không già/Góp phần xây dựng nước nhà phồn vinh”. Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về người cao tuổi, Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định: “Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, chiến đấu của người cao tuổi trong xã hội, cộng đồng và gia đình. Tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu, “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau”. Kính trọng, bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi. Bảo trợ, giúp đỡ người cao tuổi gặp khó khăn, cô đơn không nơi nương tựa”.

Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng, cấp ủy, chính quyền các cấp cần quan tâm tuyên truyền, giáo dục trong toàn xã hội, nhất là với thế hệ trẻ về người cao tuổi, giúp cho người trẻ tuổi có ý thức, trách nhiệm đối với người cao tuổi, biết chủ động chuẩn bị điều kiện để khi về già có được cuộc sống đúng nghĩa: sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc, góp phần xây dựng xã hội giàu đẹp, phồn vinh, hạnh phúc.

1. Giáo dục thế hệ trẻ về thời cơ, thách thức đối với người cao tuổi và xã hội trong bối cảnh già hóa dân số nhanh ở Việt Nam

Theo quy luật tạo hóa, một vòng đời con người có thời thơ ấu - tuổi trẻ - tuổi già, mỗi thời kỳ có những đặc trưng khác nhau. Thời thơ ấu, con người được cha mẹ, ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để chuẩn bị các điều kiện bước vào cuộc sống với tư cách là người trưởng thành, đóng góp hữu ích cho gia đình,

cộng đồng, xã hội. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội, vì con người đã qua thời thơ ấu, đã được gia đình, xã hội trang bị cho vốn tri thức nền tảng để có thể thích ứng với cuộc sống lao động, sản xuất, học tập, nghiên cứu, xây dựng gia đình, cống hiến cho xã hội. Tuổi già là thời kỳ con người đã hoàn thành những mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược của một đời người, được sống tuổi già với những chính sách an sinh xã hội, tự tạo cho mình đời sống vật chất, tinh thần phù hợp với cảnh “xế chiều”, tiếp tục phát huy truyền thống “tuổi cao chí càng cao”, có những đóng góp hữu ích cho xã hội.

Lịch sử Việt Nam trải qua ngàn năm dựng nước và giữ nước luôn tỏa sáng truyền thống “tuổi cao gương sáng”, “tuổi cao chí càng cao”, đó là vốn quý dân tộc, cần được giáo dục cho thế hệ trẻ. Thế hệ trẻ cần được trao truyền những giá trị văn hóa, đạo lý truyền thống dân tộc, giúp họ biết ứng xử có văn hóa với người cao tuổi, có ý thức tự giác, chủ động, tích cực chuẩn bị hành trang khi bước sang thời kỳ già hóa dân số. Nhất là trong bối cảnh già hóa dân số nhanh vào tốp đầu như Việt Nam, thì việc giáo dục cho thế hệ trẻ biết được thời cơ, thách thức, trách nhiệm đối với xã hội, đối với người cao tuổi sao cho phải đạo, là hết sức cần thiết. Đây là một sự chủ động trong chuẩn bị tâm lý, chuẩn bị kiến thức, kỹ năng, giúp người trẻ tránh được hụt hẫng, lúng túng, mất phương hướng khi gia nhập tầng lớp người cao tuổi. Tính đến nay, số người cao tuổi ở Việt Nam xấp xỉ 17 triệu người (tính từ 60 tuổi trở lên, chiếm gần 12% dân số, dự báo tới năm 2050, tỷ lệ người cao tuổi ở Việt Nam sẽ chiếm 25% dân số). Một bộ phận người trẻ tuổi là nguồn đầu vào của số dân vào giữa thế kỷ này nếu cứ để tự trôi theo dòng đời, thiếu kiến thức, kỹ năng tự lo cho mình khi ở tuổi 60 trở lên, chắc chắn họ phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, chứ chưa nói tới việc tiếp tục phát huy vai trò người cao tuổi vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ở một số nước phát triển trên thế giới, xu hướng chung là độ tuổi được hưu trí đã tăng lên, điều này vừa giải quyết bài toán nguồn nhân lực, vừa giảm tải gánh nặng an sinh xã hội. Ở Việt Nam chắc chắn cũng cần tham khảo và học tập kinh nghiệm nêu trên, muốn vậy, người trẻ tuổi phải vào cuộc tích cực hơn nữa trong tham gia thực hiện chính sách an sinh xã hội.

Thời cơ đối với người cao tuổi và xã hội, vị trí, vai trò người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số nhanh ở Việt Nam

- Tuổi thọ trung bình ngày càng được nâng lên, số người cao tuổi chiếm tỷ lệ nhiều trong xã hội là một tín hiệu vui, nó chứng tỏ đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện, y học phát triển. Xưa kia, con người từng ước vọng,

gửi gắm niềm mơ tưởng vào những câu chuyện hoang đường, tìm kiếm phép nhiệm màu để sống lâu. Nay điều tưởng như chỉ có trong chuyện hoang tưởng đã thành hiện thực. Người cao tuổi có thể sống hơn trăm tuổi, có thể học tập, rèn luyện, lao động, sáng tạo, lập kỷ lục khiến người trẻ tuổi phải thán phục. Như vậy, với thực tế này, người cao tuổi có quyền lạc quan sống tiếp với đời, còn người trẻ tuổi có thêm niềm cảm hứng cống hiến cho hiện tại, khi bước vào thế giới người già không đến nỗi bi quan; mặt khác họ còn được học hỏi kinh nghiệm từ người cao tuổi những kinh nghiệm quý báu để sống lâu, sống khỏe, sống vui, sống hạnh phúc.

- Số người cao tuổi tăng nhanh, ngày càng đông hơn, trở thành một lực lượng đông đảo cần có sự đáp ứng nhu cầu phục vụ xã hội, theo đó sẽ là hệ thống dinh dưỡng cho người cao tuổi, hệ thống y tế chăm lo sức khỏe, khám chữa bệnh cho người cao tuổi, hệ thống cơ sở dưỡng lão, hệ thống làm việc hiếu đũa người cao tuổi về cõi Phật, có nơi an nghỉ vĩnh hằng. Mỗi hệ thống nêu trên đều đòi hỏi có sự ra đời các loại dịch vụ, các loại hình sản xuất, các sản phẩm hữu ích, phục vụ, phụng sự người cao tuổi, góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

- Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng khẳng định người cao tuổi là nguồn lực quan trọng, quý báu, đóng góp vào sự phát triển bền vững đất nước. Theo tinh thần đó, sự phát triển của thế hệ trẻ gắn liền với lực lượng người cao tuổi. Với bề dày truyền thống yêu nước, với vốn tri thức được tích lũy trong học tập, lao động, sản xuất, với vị thế xã hội và những thành tích vẻ vang mà Đảng, Nhà nước trao tặng, được xã hội tôn vinh, người cao tuổi thực sự là rường cột quốc gia, nhất là trên lĩnh vực nghiên cứu khoa học, công nghệ thì người đội ngũ trí thức người cao tuổi sẽ giúp cho trí thức trẻ tuổi trưởng thành vượt bậc, nhờ biết “đứng trên đôi vai” của trí thức người cao tuổi.

- Trong phát triển kinh tế, người cao tuổi hiện có hơn 7 triệu người đang trực tiếp tham gia lao động, sản xuất, kinh doanh, họ không chỉ tham gia vào quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, theo hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn; họ còn là lực lượng mang lại cơ hội tìm kiếm việc làm, đóng góp vào công tác an sinh xã hội của Nhà nước. Do có bề dày kinh nghiệm, mối quan hệ xã hội, nên người cao tuổi ít phiêu lưu, mạo hiểm trong khởi nghiệp, lập nghiệp, có thể tư vấn cho thế hệ trẻ trong nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh.

- Trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng, người cao tuổi Việt Nam có đủ độ chín về lý luận và thực tiễn cách mạng, nên họ là thành trì bảo vệ nền tảng tư tưởng

của Đảng, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, người cao tuổi có tinh thần chiến đấu cao, dám nói, dám làm, dám đối diện với thực tế, phản biện có tính xây dựng với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, lên án cái ác, tố giác tội phạm, nêu gương việc tử tế, cổ vũ điều thiện.

- Trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại, người cao tuổi là một trong những lực lượng quan trọng, tiên phong, gương mẫu thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, làm hạt nhân cho đối ngoại nhân dân. Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Cựu công an nhân dân Việt Nam là những lực lượng hùng hậu, họ đã được rèn luyện, tu dưỡng, trải qua thực tiễn, tích lũy được vốn kiến thức lý luận, kinh nghiệm thực tiễn, nên hoàn toàn đủ khả năng phản biện, tư vấn với Đảng, Nhà nước về chủ trương, đường lối, chính sách quốc phòng, an ninh; họ còn là lực lượng tham gia gìn giữ quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội ngay từ cơ sở. Một bộ phận người cao tuổi từng kinh qua công tác đối ngoại Đảng, đối ngoại nhà nước vẫn có thể tiếp tục phát huy vai trò trong thực hiện đối ngoại nhân dân, góp phần đưa đường lối đối ngoại đúng đắn, mềm dẻo của Việt Nam trở thành chất kết dính hội nhập với bạn bè thế giới.

- Trên mặt trận văn hóa, người cao tuổi chính là lực lượng gìn giữ, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống từ cơ sở, một bộ phận không nhỏ người cao tuổi vẫn miệt mài truyền lại cho con cháu những giá trị văn hóa độc đáo của các vùng, miền, dân tộc. Trong giáo dục, người cao tuổi là lực lượng nòng cốt xây dựng xã hội học tập từ trong gia đình, dòng họ, cộng đồng. Người cao tuổi còn là mẫu mực cho việc giáo dục, xây dựng chuẩn mực văn hóa, đạo đức cho thế hệ trẻ.

Thách thức đối với xã hội, đối với người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số nhanh

- Việc chuẩn bị tâm lý cho người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số nhanh chưa được nghiên cứu, phổ biến kịp thời trong xã hội. Đây là vấn đề bức thiết, vì trong xã hội thường có tâm lý ái ngại khi về già, lúng túng khi đối mặt với tuổi già, nhưng lại chưa chủ động chuẩn bị tâm lý đón nhận tuổi già một cách tự tin. Việc này tự người cao tuổi không làm được, mà cần có các cơ sở nghiên cứu tâm lý người cao tuổi, dự báo xu thế, các vấn đề liên quan tới người cao tuổi nổi lên trong đời sống xã hội, chỉ ra nguyên nhân, hướng khắc phục.

- Thiếu thông tin từ nghiên cứu, dự báo những bệnh tật, rủi ro xã hội đối với người cao tuổi, chưa chỉ ra nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa đúng cách, có hiệu quả thiết thực, để giúp cho người trẻ phòng bị, điều chỉnh chế độ ăn uống, làm việc, sinh hoạt cho phù hợp, giúp cho người cao tuổi giữ gìn sức khỏe, tránh những rủi ro. Vì thế, người cao tuổi thụ động trong ứng phó với những vấn đề, tình huống phát sinh trong cuộc sống đời thường, chẳng những bản thân mình bị thiệt thòi mà còn ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến con cháu.

- Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, xung đột sắc tộc, xung đột văn hóa, thiếu đói lương thực, thực phẩm, khủng hoảng hệ thống chăm sóc sức khỏe, hệ thống an sinh xã hội, mất an toàn mạng... thường tác động trực tiếp đến trẻ em và người già. Do vậy, nếu thiếu các điều kiện cần thiết từ phía nhà nước, xã hội, gia đình và chính bản thân người cao tuổi thì hệ lụy khó lường; có khi còn gây mất ổn định xã hội, phức tạp chính trị.

2. Giáo dục thế hệ trẻ về nêu cao trách nhiệm xã hội, đạo lý “uống nước nhớ nguồn” đối với người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số nhanh

Ngay từ năm 1996, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) nêu 4 trụ cột giáo dục là: “Học để biết; Học để làm; Học để tồn tại; và Học để chung sống”. Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4-11-2013, của Ban Chấp hành Trung ương, về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nêu mục tiêu tổng quát: “Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả”. Như vậy, trong những phẩm chất tốt đẹp mà giáo dục, đào tạo của Việt Nam cần đạt được thì tình yêu gia đình, tình yêu Tổ quốc, tình yêu đồng bào là mối liên hệ máu thịt của con người với con người cùng chung huyết thống, chung nguồn cội, hai tiếng Tổ quốc thiêng liêng được bồi đắp từ tình yêu gia đình, yêu đồng bào. Cho dù xu thế toàn cầu hóa ngày càng mạnh mẽ, thế hệ trẻ có khát vọng chiếm lĩnh tri thức để tham gia vào cung ứng nguồn nhân lực toàn cầu, nhưng không chỉ có tri thức khoa học, công nghệ, kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ, mà còn rất cần phải có tri thức văn hóa, xã hội. Theo đó, vốn tri thức về ứng xử phải đạo với tổ tiên, ông bà, cha mẹ có ý nghĩa như một hành trang văn hóa truyền

thống tốt đẹp của người Việt Nam. Do đó, cần phải chú trọng việc giáo dục cho thế hệ trẻ Việt Nam có được vốn tri thức biết “kính lão” để được “trường thọ”, biết quan tâm, giúp đỡ người cao tuổi. Trong mối quan hệ chung với toàn xã hội, thì người trẻ tuổi cần ý thức được bổn phận của mình đối với người cao tuổi, coi đó là sự gương mẫu để cộng đồng xã hội cùng chung sức, đồng lòng giúp đỡ, tạo điều kiện cho người cao tuổi được sống khỏe, sống vui, sống hạnh phúc. Ngay từ trong gia đình, người trẻ tuổi phải biết sống hiếu đễ, coi người cao tuổi là hồng phúc của gia đình, xã hội, không chỉ dành thời gian, tiền của mà còn phải dành tình cảm thực sự đối với ông bà, cha mẹ. Trong xã hội, người trẻ tuổi có ý thức, trách nhiệm tham gia vào các hoạt động cộng đồng để tận tình giúp đỡ người cao tuổi, nhất là với người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thì cần có sự hỗ trợ về cả vật chất và tinh thần. Trong sản xuất, kinh doanh, người trẻ tuổi có ý thức làm việc tốt có sự lan tỏa sâu rộng tới đời sống tinh thần, làm ra những sản phẩm có giá trị hỗ trợ sức khỏe người cao tuổi. Người trẻ tuổi còn phải có thái độ cổ vũ việc làm đẹp đối với người cao tuổi, phản đối, đấu tranh chống những hành vi xấu đối với người cao tuổi.

Hiện nay, ngay từ bậc giáo dục phổ thông, đã có bộ môn Giáo dục công dân được tích hợp nhiều nội dung giáo dục lối sống có đạo lý kính già, yêu trẻ. Tuy nhiên, từ lý thuyết trong trang sách tới hành vi ứng xử trong đời sống xã hội là một khoảng cách khá xa, nếu như thiếu hệ thống chuẩn mực văn hóa được cả xã hội đồng thuận, nếu như thiếu những sự ràng buộc của luật pháp thì sẽ khó có được một xã hội trọng lão thực sự. Thực tế cho thấy, có không ít vụ việc, vấn đề phức tạp phản ánh sự xuống cấp đạo đức xã hội trong mối quan hệ giữa người trẻ tuổi với người cao tuổi, chẳng hạn con cháu bạo hành, thậm chí giết hại cha mẹ, ông bà chỉ vì lòng tham vật chất. Do đó, nội dung giáo dục cho thế hệ trẻ biết làm người có nhân có nghĩa thì rất cần đưa những nội dung giáo dục chuẩn mực văn hóa, chuẩn mực đạo đức, quy định pháp luật làm cơ sở điều khiển hành vi ứng xử đối với người cao tuổi. Trong xây dựng hương ước làng xã, trong các hoạt động văn hóa ngay từ cơ sở, cần phải chú trọng đề cao giá trị truyền thống “uống nước, nhớ nguồn”.

3. Giáo dục cho thế hệ trẻ ý thức chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết để về già có thể sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc

Có một thực tế, khi còn trẻ tuổi, con người thường theo đuổi những ước mơ cao xa về thành công, thành danh, có địa vị xã hội, có tài sản giàu sang, có cơ nghiệp to lớn, thậm chí lo xây nhà thờ, xây lăng mộ, chuẩn bị “nơi an nghỉ” lúc

về chôn Phậ; nhưng lại không chú tâm đúng mức tới việc chuẩn bị chu toàn các điều kiện lúc sống về già. Thế nên, phần đa số người cao tuổi thường bị động, phải dựa vào sự quan tâm, thái độ ứng xử của con cháu, sự đồng cảm, chia sẻ của xã hội, chính sách an sinh xã hội của Nhà nước. Vì vậy, trong giáo dục cho thế hệ trẻ, cần giáo dục cho họ có được vốn tri thức về người cao tuổi, chẳng hạn như: đặc điểm tâm lý, sinh lý của người cao tuổi, các thách thức, khó khăn về vật chất, về sức khỏe; làm thế nào để người cao tuổi có được cuộc sống an lành lúc tuổi già bên con cháu, trong gia đình, trong cộng đồng, xã hội... Bên cạnh đó, còn phải giáo dục cho người trẻ tuổi có ý thức tự chủ ngay trong quá trình hướng về tuổi già. Chẳng hạn, người trẻ tuổi cần thấu hiểu, muốn về già có vốn tích lũy để có thể tự trang trải cuộc sống, ít lệ thuộc vào con cháu, thì ngay khi trẻ tuổi họ phải nỗ lực học tập, làm ăn có kế hoạch, biết tiết kiệm, có các phương án sống về già. Trong khởi nghiệp, lập nghiệp, người trẻ tuổi cần tích lũy vốn kinh nghiệm để lúc về già còn có thể phát huy, tìm kiếm việc làm cho mình, giúp đỡ, hỗ trợ cho “bạn già” được sống, làm việc có ích cho đời, đó là niềm vui, niềm hạnh phúc chính đáng, không phụ thuộc, trông chờ vào các yếu tố khách quan khác, mà đó là thành quả do người trẻ tuổi chủ động, tích cực chuẩn bị hành trang cho mình lúc xế chiều. Người cao tuổi muốn trường thọ thì trước hết phải tạo cho họ một môi trường sống giàu tính nhân ái, để họ cảm thấy được vui với người cùng thế hệ, được sum vầy bên con cháu. Để có được môi trường như thế, người trẻ tuổi cần phải rèn cho mình lối sống biết kính trọng ông bà, cha mẹ, khi có gia đình, sinh con thì phải biết nuôi dạy con với tình thương ấm áp, hướng đạo cho con biết kính trọng ông bà, biết giúp đỡ ông bà. Trong thực hành tín ngưỡng, tôn giáo, đừng sa vào tham sân si, đừng sống ích kỷ, có âm mưu thủ đoạn chiếm đoạt, tranh giành tài sản của ông bà, cha mẹ. Có một thực tế đáng lưu tâm là người cao tuổi Việt Nam không thực sự khỏe lúc về già, trung bình mỗi người cao tuổi có ít nhất 3 bệnh lý nên, tác động tiêu cực tới sức khỏe người già. Cho nên, trong hành trang chuẩn bị cho bản thân lúc về già, người trẻ tuổi không chỉ chú tâm tới tiền của, mà còn cần tích lũy vốn tri thức liên quan tới vấn đề: làm thế nào để sống khỏe? Để tích lũy vốn tri thức hữu ích đó, người trẻ tuổi cần phải biết những bệnh lý mà người già thường mắc phải, nguyên do từ đâu, từ đó biết điều chỉnh lối sống lúc còn trẻ cho phù hợp, tránh tích bệnh lúc về già. Đó là vốn tri thức gìn giữ, bảo vệ sức khỏe người già ngay từ khi còn trẻ tuổi.

KẾT LUẬN

Người cao tuổi với những ưu thế được tích lũy tri thức, kinh nghiệm sống trong thời trẻ tuổi, nên lúc về già họ luôn là kho báu trong dòng đời, trao truyền

cho đời sau những giá trị sống tốt đẹp, góp phần định hướng, hình thành chuẩn mực văn hóa, đạo đức giàu tính nhân bản, nhân văn. Trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, trong xây dựng văn hóa mới, đòi hỏi các cấp, các ngành, nhất là với vai trò nòng cốt của ngành giáo dục và ngành văn hóa, cần thiết phải có tầm nhìn chiến lược trong giáo dục phẩm chất đạo đức cho thế hệ trẻ nói và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, biết tôn trọng, phát huy vai trò người cao tuổi. Đó là cơ hội tốt, vừa rèn cho thế hệ trẻ có lối sống “trọng lão”, vừa giúp cho thế hệ trẻ biết tự mình chuẩn bị hành trang cần thiết để bước vào tuổi già với sức khỏe, niềm vui, hạnh phúc, góp phần xây dựng xã hội an bình. Có như thế, thì xã hội Việt Nam mới thích ứng được với xu thế già hóa dân số nhanh, thực hiện đúng tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng về đặt người cao tuổi vào vị trí an sinh xã hội đặc biệt, tiếp tục phát huy vai trò người cao tuổi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.□